

**A DI ĐÀ KINH
SỐ SAO DIỄN NGHĨA
HỘI BỒN**

阿彌陀經疏鈔演義

會本

Phần II

Liên Trì đại sư chùa Vân Thê soạn số sao

Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa

Môn nhân Từ Phạm - Trí Nguyên định bản

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

(trang trống)

**A Di Đà Kinh
Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản**

阿彌陀經疏鈔演義會本

**Minh Cổ Hàng Vân Thê Tự sa-môn Châu Hoằng thuật
明古杭雲棲寺沙門祿宏述**

**Minh Vân Thê Tự Cổ Đức pháp sư diễn nghĩa
明雲棲寺古德法師演義**

**Môn nhân Từ Phàm - Trí Nguyên định bản
門人慈帆智願定本**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong**

(Sao) Thuyết pháp giả, Đại Bản vân: “Vi lan hồi lưu, chuyển tương quán chú, bất trì, bất tịnh, an tường từ thệ. Ba dương vô lượng tự nhiên diệu thanh, hoặc văn Phật thanh, hoặc văn Pháp thanh, hoặc văn Tăng thanh, tịch tĩnh thanh, Không Vô Ngã thanh, đại từ bi thanh, Ba La Mật thanh, Thập Lực, Vô Úy, Bất Cộng pháp thanh, chư thông huệ thanh, vô sở tác thanh, bất khởi diệt thanh, vô sanh nhĩn thanh, nãi chí cam lộ quán dẫn, chúng diệu pháp thanh, xứng kỳ sở dục, vô bất văn giả, phát thanh tịnh tâm, thành thực chư căn, vĩnh bất thoái ư Vô Thượng Bồ Đề”. Thị thủy bốn vô tình, thiện năng thuyết chư diệu pháp dã.

(Diễn) Hoặc văn Phật, Pháp, Tăng thanh, Tam Bảo thanh dã. Tịch Tĩnh, Không, Vô Ngã thanh, Nhị Thừa thanh dã. Đại từ bi, Ba La Mật thanh, Bồ Tát thanh dã. Thập lực, vô úy, bất cộng thanh, Phật thanh dã. Chư thông huệ hạ, tế minh Bồ Tát thanh. Thông huệ, thông đồ chỉ huệ, Tam Hiền thanh dã. Vô sở tác, bất khởi diệt, Sơ Địa chí Thất Địa thanh dã. Dĩ thử chư địa, đoạn vô minh, chứng Pháp Tánh. Pháp Tánh bốn vô minh sở tác cập khởi diệt cố. Vô Sanh Nhĩn thanh, Bất Địa thanh dã. Dĩ Bất Địa Bồ Tát đoạn Câu Sanh Ngã Chấp, thân chứng Vô Sanh cố. Cam lộ quán dẫn, Đẳng Giác thanh dã. Đẳng Giác tương thành Phật thời, thập phương chư Phật dĩ trí huệ thủy, nhi quán kỳ dẫn, tức nhập Phật vị. Như Chuyển Luân Vương tương thiệu vương vị, dĩ thủy quán dẫn cố. Thành thực chư căn giả, chư căn tức Thanh Văn, Duyên Giác, cập chư vị Bồ Tát. Thượng, trung,

hạ chur căn, giai đồng quy Nhất Thật đã. Thủy bốn vô tình, thiện năng thuyết pháp giả, thử độ chúng sanh, mê tâm trược cảnh, chur căn ám tắc, duy nhĩ sảo lợi, cố dĩ thanh vi giáo thể, duy văn hữu tình thuyết pháp. Bĩ độ chúng sanh, ký hội cảnh quy tâm, lục căn thông lợi. Cố lục trần giai vi giáo thể, căn căn tận nhập Viên Thông, bất độc hữu tình thuyết pháp, vô tình diệc giai thuyết pháp đã.

(鈔)說法者，大本云：微瀾洄流，轉相灌注，不遲不疾，安詳徐逝。波揚無量自然妙聲，或聞佛聲，或聞法聲，或聞僧聲，寂靜聲，空無我聲，大慈悲聲，波羅蜜聲，十力無畏不共法聲，諸通慧聲，無所作聲，不起滅聲，無生忍聲，乃至甘露灌頂，眾妙法聲，稱其所欲，無不聞者，發清淨心，成熟諸根，永不退於無上菩提。是水本無情，善能說諸妙法也。

(演)或聞佛法僧聲，三寶聲也。寂靜空無我聲，二乘聲也。大慈悲波羅蜜聲，菩薩聲也。十力無畏不共聲，佛聲也。諸通慧下，細明菩薩聲。通慧，通途之慧，三賢聲也。無所作，不起滅，初地至七地聲也。以此諸地，斷無明，證法性。法性本無明所作及起滅故。無生忍聲，八地聲也。以八地菩薩斷俱生我執，親證無生故。甘露灌頂，等覺聲也。等覺將成佛時，十方諸佛以智慧水，而灌其頂，即入佛位。如轉輪王將紹王位，以水灌頂故。成熟諸根者，諸根即聲聞緣覺，及諸位菩薩。上中下諸根，皆同歸一實也。水本無情，善能說法者，此土眾生，迷心逐境，諸根暗塞，唯耳稍利，故以聲為教體，唯聞有情說法。彼土眾生，既會境歸心，六根通利。故六塵皆為教體，根根盡入圓通，不獨有情說法，無情亦皆說法也。

(Sao: “Thuyết pháp”, Đại Bốn nói: “Sóng nhẹ vờn quanh, lần lượt tưới rót lẫn nhau, chẳng chậm, chẳng nhanh, an tường thông thả lan tỏa. Tiếng sóng vỗ, phát ra vô lượng âm thanh màu nhiệm, tự nhiên, hoặc nghe tiếng Phật, hoặc nghe tiếng Pháp, hoặc nghe tiếng Tăng, tiếng tịch tĩnh, tiếng Không Vô Ngã, tiếng đại từ bi, tiếng Ba La Mật, tiếng Thập Lực, Vô Úy, Bát Cộng Pháp, tiếng các thông huệ, tiếng vô sở

tác, tiếng chẳng khởi diệt, tiếng Vô Sanh Nhân, cho đến tiếng cam lộ quán đảnh, tiếng các diệu pháp, xứng hợp lòng mong muốn, không gì chẳng nghe, phát tâm thanh tịnh, thành thực các căn, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề”. Nước ấy vốn vô tình mà khéo có thể nói các diệu pháp.

Diễn: “Hoặc nghe tiếng Phật, Pháp, Tăng”: Tiếng Tam Bảo. “Tiếng Tịch Tĩnh Không Vô Ngã”: Tiếng Nhị Thừa. “Tiếng Đại từ bi Ba La Mật”: Tiếng Bồ Tát. “Tiếng Thập Lực, vô úy, bất cộng”: Tiếng Phật. Từ câu “thông huệ” trở đi, nói căn kế về tiếng Bồ Tát. “Thông huệ”: Huệ theo đường lối thông thường. [Thông huệ thanh] là tiếng của Tam Hiền. “Vô sở tác, chẳng khởi diệt” là tiếng từ Sơ Địa cho đến Thất Địa; do các địa ấy đã đoạn vô minh, chứng Pháp Tánh. Pháp Tánh vốn không có gì để làm, dấy lên, hay diệt mất. “Tiếng Vô Sanh Nhân” là tiếng của Bát Địa. Do Bát Địa Bồ Tát đoạn Câu Sanh Ngã Chấp (ngã chấp bảm sanh), đích thân chứng Vô Sanh. “Cam lộ quán đảnh” là tiếng Đẳng Giác. Khi Đẳng Giác sắp thành Phật, mười phương chư Phật dùng nước trí huệ rưới lên đảnh người ấy, [người ấy] liền dục vào địa vị Phật, giống như Chuyển Luân Vương khi sắp nối ngôi vua, dùng nước rưới đảnh vậy.

“Thành thực các căn”: “Các căn” chính là Thanh Văn, Duyên Giác, và các địa vị Bồ Tát. Các căn thượng, trung, hạ, đều cùng quy vào Nhất Thật. “Nước vốn vô tình mà khéo có thể thuyết pháp”: Chúng sanh trong cõi này mê tâm chạy theo cảnh, các căn tối tăm, tắc nghẽn, chỉ có tai khá nhạy bén. Vì thế, dùng âm thanh làm giáo thể, chỉ nghe hữu tình thuyết pháp. Chúng sanh trong cõi ấy, đã thấu hiểu cảnh gom về tâm, sáu căn thông suốt, nhạy bén. Do đó, sáu trần đều làm giáo thể, căn nào cũng nhập trọn Viên Thông, chẳng riêng hữu tình thuyết pháp, mà vô tình cũng đều thuyết pháp).

(Sao) Dục tất tận nghiệp giả, Đại Bản vân: “Ký giai dục dĩ, hoặc các tọa ư liên hoa chi thượng”. **Hựu vân:** “Hữu tại địa giảng kinh giả, tụng kinh giả, tự thuyết kinh giả, thọ kinh giả, thỉnh kinh giả, niệm kinh giả, tư đạo giả, tọa Thiền nhất tâm giả, kinh hành giả. Hữu tại hư không trung, giảng kinh giả, nãi chí tọa Thiền, kinh hành giả, các tùy kỳ chất, nhi hữu sở đắc. Vị đắc Tứ Quả giả, nhân đắc Tứ Quả. Vị đắc bất thoái chuyển địa Bồ Tát, đắc bất thoái chuyển”. **Thị thủy bất dẫn dĩ khả dục vi công, hựu năng lợi ích ư ký dục chi hậu dã. Dĩ thượng tam chủng thù thắng, giai nhiếp bảo trì đức thủy trung cố.**

Hữu Hậu Xuất Kinh Kệ vân: “**Đản hữu hà thủy lưu, âm hưởng như thuyết kinh**”, thị dã.

(Diễn) **Thị thủy bất đản dĩ khả dục vì công giả, thử độ chúng sanh, mê tâm trược cảnh, tác thủy nãi nghiệp báo chi thủy, đản năng tẩy Tứ Đại cấu uế, bất năng đắc đại lợi ích. Bĩ độ chúng sanh, hội cảnh quy tâm, bát công đức thủy, tức tự tâm trí huệ. Cố năng khai thần duyệt thể, đoạn Hoặc chứng chân, đắc đại lợi ích dã.**

(鈔)浴畢進業者，大本云：既皆浴已，或各坐於蓮華之上。又云：有在地講經者，誦經者，自說經者，授經者，聽經者，念經者，思道者，坐禪一心者，經行者。有在虛空中，講經者，乃至坐禪，經行者，各隨其質，而有所得。未得四果者，因得四果。未得不退轉地菩薩，得不退轉。是水不但以可浴為功，又能利益於既浴之後也。以上三種殊勝，皆攝寶池德水中故。又後出經偈云：但有河水流，音響如說經，是也。

(演)是水不但以可浴為功者，此土眾生，迷心逐境，則水乃業報之水，但能洗四大垢穢，不能得大利益。彼土眾生，會境歸心，八功德水，即自心智慧。故能開神悅體，斷惑證真，得大利益也。

(Sao: “Tắm [nước ấy], ắt đạo nghiệp tăng tấn”: Kinh Đại Bản chép: “Đã tắm xong, hoặc là ai nấy đều ngồi trên hoa sen”. Lại nói: “Trên mặt đất, có người giảng kinh, tụng kinh, tự nói kinh, truyền dạy kinh, nghe kinh, niệm kinh, suy nghĩ về đạo, tọa Thiền nhất tâm, kinh hành. Có người giảng kinh, cho đến tọa Thiền, kinh hành trên hư không. Mỗi vị đều tùy theo tánh chất của mình mà có sở đắc. Người chưa đắc Tứ Quả do đó bèn đắc Tứ Quả. Bồ Tát chưa đạt địa vị Bất Thoái Chuyển liền đắc Bất Thoái Chuyển”. Nước ấy không chỉ có công năng tắm gội, mà còn có thể lợi ích sau khi tắm. Ba thứ thù thắng trên đây đều bao gồm trong nước công đức nơi ao báu. Lại nữa, Hậu Xuất Kinh Kệ có nói: “Chỉ có nước sông chảy, vang tiếng như nói kinh”, chính là [nói về công đức của nước trong cõi Cực Lạc vậy].

Diễn: “Nước ấy không chỉ có công năng tắm gội”: Chúng sanh trong cõi này mê tâm chạy theo cảnh, cho nên nước là nước nghiệp báo, chỉ có thể gội rửa cấu uế nơi Tứ Đại, chẳng thể khiến cho chúng sanh

đạt được lợi ích to lớn. Chúng sanh trong cõi kia gom cảnh về tâm, nước tám công đức chính là trí huệ nơi tự tâm. Vì thế, có thể sáng khoái tinh thần, vui sướng thân thể, đoạn Hoặc, chứng chân, đạt được lợi ích lớn).

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh uông dương xung dung, thị bảo trì nghĩa. Tự tánh tất bị nhất thiết công đức, thị đức thủy nghĩa.

(Sao) Uông dương xung dung giả, uông, thâm mạo. Tự tánh thâm huyền vô tận, như trì để cố. Dương, quảng mạo. Tự tánh quảng viễn vô tế, như trì lượng cố. Xung dung giả, trung hòa mạo. Tự tánh phi chân, phi tục, thuần túy chí thiện, như trì thuần dĩ bảo thành cố.

(Diễn) Tự tánh thâm huyền vô tận giả, thụ cùng tam tế chi để cố. Quảng viễn vô tế giả, hoành cực pháp giới chi biên cố. Phi chân, phi tục, thuần túy chí thiện giả, tuyệt chư đãi đối, ly nhị biên tạp nhữu cố.

(疏)稱理，則自性汪洋沖融，是寶池義。自性悉備一切功德，是德水義。

(鈔)汪洋沖融者，汪，深貌。自性深玄無盡，如池底故。洋，廣貌。自性廣遠無際，如池量故。沖，融者，中和貌。自性非真非俗，純粹至善，如池純以寶成故。

(演)自性深玄無盡者，豎窮三際之底故。廣遠無際者，橫極法界之邊故。非真非俗純粹至善者，絕諸待對，離二邊雜糅故。

(Sớ) Xưng Lý thì tự tánh sâu xa, mênh mông, bình ổn là ý nghĩa của ao báu. Tự tánh luôn trọn đủ hết thấy công đức là ý nghĩa của nước công đức.

Sao: “Uông dương xung dung”, Uông là dáng vẻ sâu thẳm. Tự tánh sâu mầu, vô tận, như đáy ao. Dương là dáng vẻ rộng lớn. Tự tánh rộng xa không ngăn mé, như dung lượng của ao. Xung dung là dáng vẻ hòa hoãn. Tự tánh không phải chân, không phải tục, thuần túy chí thiện, như ao thuần dùng chất báu tạo thành.

Diễn: “Tự tánh sâu mầu, vô tận” vì theo chiều dọc sâu thẳm tốt cùng ba đời. “Rộng xa không ngăn mé” vì theo chiều ngang tốt cùng bờ mé của pháp giới. “Không phải chân, không phải tục, thuần túy chí thiện”: Dứt bất các đối đãi, rời lìa các thứ tạp loạn thuộc hai bên).

(Sao) Bị chư công đức giả, tự tánh vô nhiễm, tức trừng tịnh đức. Tự tánh vô phiền, tức thanh lương đức. Tự tánh vô ác, tức cam mỹ

đức. Tự tánh vô ngã, tức khinh nhuyển đức. Tự tánh vô kiết, tức nhuận trạch đức. Tự tánh vô bạo, tức an hòa đức. Tự tánh vô pháp, tức trừ cơ khát đức. Tự tánh xuất sanh nhất thiết vạn thiện, tức trưởng dưỡng đức. Hựu tự tánh thuận vạn vật nhi vô tình, thượng hành tặc nhập thánh lưu, thánh vô sở tăng. Hạ hành tặc nhập phàm lưu, phàm vô sở giảm, bất biến tùy duyên, châu biến pháp giới. Sở vị: “Lưu chú hoa gian, cập chư lương đồng” giả dã. Vĩnh Minh vân: “Thủy hữu thập đức, đồng chân tánh cố”, ý chánh như thị. Định thủy trạm nhiên mãn, dục thử vô cầu nhân, vô cầu, diệc vô tịnh, thị danh “bát công đức”.

(Diễn) Thuận vạn vật nhi vô tình giả, tình, thật dã. Như huyễn, như hóa, vô chân thật cố. Thượng hành tặc nhập thánh lưu giả, Chân Như tùy tịnh duyên, tặc vi tứ thánh. Tứ thánh ký như huyễn, thánh vô sở tăng. Hạ hành tặc nhập phàm lưu giả, Chân Như tùy nhiễm duyên, tặc vi lục phàm. Lục phàm diệc như huyễn, phàm vô sở giảm. Bất biến tùy duyên châu biến pháp giới giả, Chân Như tự thể bất biến, nhi năng tùy nhiễm tịnh duyên biến thập pháp giới. Định thủy nhị cú, Tịnh Danh vân: “Bát giải chi dục trì, Định thủy trạm nhiên mãn, bố dĩ thất tịnh hoa, dục thử vô cầu nhân”. Cổ thích vân: “Thủy chi vi Dụng, trừ cầu, khử nhiệt, giải thoát chi tánh diệc nhiên. Giải thoát chi trung, Định, Huệ ý tức, trạm nhiên mãn hỹ. Thất tịnh, tự giới tịnh chí Niết Bàn tịnh. Dục thử vô cầu nhân giả, vô cầu nhi dục, trừ nhiệt thủ thích dã. Bồ Tát vô duyên nhi nhập bát giải giả, ngoại vị chúng sanh, nội tự điều thích dã. Kim chi thủ ý, vị tánh định chi thủy, dục thử bất lập nhất trần chi vô cầu nhân. Nhiên vô cầu nhân, do đoạn tịnh dã, phi chân công đức. Cầu tịnh song vong, thị chân công đức hỹ!

(鈔) 備諸功德者，自性無染，即澄淨德。自性無煩，即清涼德。自性無惡，即甘美德。自性無我，即輕軟德。自性無竭，即潤澤德。自性無暴，即安和德。自性無乏，即除飢渴德。自性出生一切萬善，即長養德。又自性順萬物而無情，上行則入聖流，聖無所增。下行則入凡流，凡無所減，不變隨緣，周遍法界。所謂：流注華間，及諸梁棟者也。永明云：水有十德，同真性故，意正如是。定水湛然滿，浴此無垢人，無垢亦無淨，是名八功德。

(演)順萬物而無情者，情，實也。如幻如化，無真實故。上行則入聖流者，真如隨淨緣，則為四聖。四聖既如幻，聖無所增。下行則入凡流者，真如隨染緣，則為六凡。六凡亦如幻，凡無所減。不變隨緣周遍法界者，真如自體不變，而能隨染淨緣遍十法界。定水二句，淨名云：八解之浴池，定水湛然滿，布以七淨花，浴此無垢人。古釋云：水之為用，除垢去熱，解脫之性亦然。解脫之中，定慧意足，湛然滿矣。七淨，自戒淨至涅槃淨。浴此無垢人者，無垢而浴，除熱取適也。菩薩無緣而入八解者，外為眾生，內自調適也。今之取意，謂性定之水，浴此不立一塵之無垢人。然無垢人，猶墮淨也，非真功德。垢淨雙亡，是真功德矣！

(Sao: “Trọn đủ các công đức”: Tự tánh vô nhiễm, tức là phẩm đức lắng sạch. Tự tánh vô phiền, tức là phẩm đức trong mát. Tự tánh vô ác, tức là phẩm đức ngon ngọt. Tự tánh vô ngã, tức là phẩm đức mềm, nhẹ. Tự tánh chẳng cạn kiệt, tức là phẩm đức nhuần thấm. Tự tánh chẳng bạo liệt, tức là phẩm đức an hòa. Tự tánh chẳng thiếu, tức là phẩm đức trừ đói khát. Tự tánh sanh ra hết thảy vạn thiện, tức là phẩm đức trường dưỡng. Lại nữa, tự tánh thuận theo vạn vật nhưng vô tình. “Chảy lên trên” tức là nhập dòng thánh, thánh chẳng hề tăng. “Chảy xuống” là vào dòng phàm, phàm chẳng bị giảm. Bất biến nhưng tùy duyên, trọn khắp pháp giới; điều này được diễn tả là “chảy luôn trong hoa và các kèo cột” vậy! Ngài Vĩnh Minh nói: “Nước có mười đức vì có cùng một tánh với Chân Như”, chính là ý nghĩa này. Nước Định lắng trong, tràn đầy, người tắm nước ấy bèn chẳng có trần cấu, mà cũng chẳng nhơ, chẳng sạch, nên gọi là “tám công đức”.

Diễn: “Thuận theo vạn vật nhưng vô tình”: Tình là thật; như huyền, như hóa thì chẳng chân thật. “Chảy lên trên bèn vào dòng thánh”: Chân Như thuận theo tịnh duyên bèn là tứ thánh. Tứ thánh đã như huyền, nên thánh chẳng tăng. “Chảy xuống dưới là vào dòng phàm”: Chân Như thuận theo nhiễm duyên, bèn là lục phàm. Lục phàm cũng như huyền, cho nên phàm chẳng giảm! “Bất biến tùy duyên, trọn khắp pháp giới”: Tự thể của Chân Như bất biến, mà có thể thuận theo duyên nhiễm hay tịnh để trọn khắp mười pháp giới.

Đối với hai câu “nước Định...”, kinh Tịnh Danh nói: “Ao tắm bát giải thoát, nước Định lắng trong đầy, rải rắc hoa thất tịnh, người vô cầu vào tắm”. Cổ đức giải thích như sau: “Công dụng của nước là trừ nhơ và khử nóng, giải thoát cũng có tánh chất giống như vậy. Trong giải thoát, ý Định Huệ đầy đủ, lắng trong, tràn trề. Thất Tịnh là từ giới tịnh cho đến Niết Bàn tịnh. Người vô cầu tắm trong ấy, không có cầu nhơ mà tắm thì là do muốn trừ nhiệt và hưởng thoải mái”. Bồ Tát không có duyên có mà vào ao nước tắm giải thoát thì ngoài là vì chúng sanh, trong là vì điều hòa, thoải mái. Nay lấy ý nghĩa ấy, tức là nước tánh Định để tắm gội người vô cầu, chẳng lập mảy trần. Nhưng người vô cầu thì vẫn còn vướng trong tịnh, chẳng phải là công đức chân thật. Cầu và tịnh cùng mất, sẽ là công đức chân thật!

Nhị, giai các.

(Kinh) **Tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hợp thành. Thượng hữu lâu các, diệp dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não nhi nghiêm sức chi.**

(Sớ) **Tứ biên giả, trung vi trì thủy, châu vi tứ biên vi giai đạo dã. Kim giả, Phạn ngữ Tô Phạt La. Ngân giả, Phạn ngữ A Lô Ba. Lưu ly giả, thử vân Thanh Sắc Bảo. Pha lê giả, thử vân Thủy Ngọc. Xa cừ giả, thử vân Đại Bối. Xích châu giả, Phạn ngữ Bát Ma La Già. Mã não giả, Phạn ngữ Bát Ma La Già Lệ. Dĩ tư thất bảo trang nghiêm hiệu sức dã.**

(Sao) **Giai đạo giả, ly địa viết Giai, thảo đồ viết Đạo. Lâu các giả, trùng ốc viết Lâu, sâm lâu viết Các. Như Quán Kinh ngôn: “Hoàng kim địa thượng, nhất nhất bảo trung, ngũ bách sắc quang. Kỳ quang như hoa, thành quang minh đài, lâu các thiên vạn, bách bảo hợp thành”. Đại Bối vân: “A Di Đà Phật, giảng đường, tinh xá, cung điện, lâu các, giai dĩ thất bảo, thắng ư thử giới đệ lục thiên thượng Thiên Đế sở cư bách thiên vạn bội. Bồ Tát sở cư, diệp phục như thị. Chư thiên cập nhân, cung vũ, lâu các, xứng kỳ hình sắc cao, hạ, đại, tiểu, hoặc dĩ nhất bảo, nhị bảo, chí vô lượng bảo”. Hựu Phật Địa Luận vân: “Thả thuyết thất bảo, kỳ thật Tịnh Độ vô lượng diệu bảo”. Cổ tri viết “tứ bảo” giả, văn tỉnh tiện dã. Hựu Hoa Nghiêm Nhập Pháp Giới phẩm vân: “Nguy lâu huỳnh đới, các đạo bàng xuất, đồng vũ tương thừa, song thất giao ánh, giai trì hiên hạm, chủng chủng mãn túc, nhất thiết giai dĩ diệu bảo trang nghiêm”, tức tư nghĩa dã. Hựu Đại Bối vân: “Thị chư lâu các, hữu tùy ý cao đại, phù ư không trung,**

nhược vân khí giả. Hữu bất năng tùy ý cao đại, chỉ tại địa thượng giả, dĩ cầu đạo thời, đức hữu hậu bạc sở tri”. Hựu vân: “Lâu quán lan thuần, anh lạc phú thượng, giai tác ngũ âm”. Hựu Quán Kinh vân: “Lâu các lưỡng biên, các hữu hoa tràng, vô lượng nhạc khí, dĩ vi trang nghiêm. Bát chủng thanh phong, cổ thử nhạc khí, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã chi âm”.

(Diễn) “Nhu Quán Kinh ngôn” chỉ “vô ngã chi âm”, tường dẫn kinh luận, dĩ thị thôi chi hạ, thị phán thích dã. Đức hữu hậu giả, nãi diệu đạt duy tâm, nhất pháp bất trước; cổ quả báo lâu các, năng tùy tâm cao hạ, phù tại không trung. Đức bạc giả, nãi tâm ngoại kiến pháp, chấp trước vị không, cổ bất năng tùy tâm, chỉ tại địa thượng. Thế gian bát phong, vi điều phong, minh thứ phong, thanh minh phong, cảnh phong, lương phong, xương hạp phong, bắt châu phong, quảng mạc phong, nhiên bỉ độ vô tứ thời, hoặc ứng bát phương, hoặc tự hữu bát chủng, giai vị khả tri.

二、階閣。

(經)四邊階道，金銀琉璃玻璃合成。上有樓閣，亦以金銀琉璃，玻璃磑磑，赤珠瑪瑙，而嚴飾之。

(疏)四邊者，中為池水，周圍四邊為階道也。金者，梵語蘇伐羅。銀者，梵語阿路巴。琉璃者，此云青色寶。玻璃者，此云水玉。磑磑者，此云大貝。赤珠者，梵語鉢摩羅伽。瑪瑙者，梵語鉢摩羅伽隸。以斯七寶莊嚴較飾也。

(鈔)階道者，離地曰階，坦途曰道。樓閣者，重屋曰樓，岑樓曰閣。如觀經言：黃金地上，一一寶中，五百色光。其光如華，成光明臺，樓閣千萬，百寶合成。大本云：阿彌陀佛，講堂精舍，宮殿樓閣，皆以七寶，勝於此界第六天上天帝所居百千萬倍。菩薩所居，亦復如是。諸天及人，宮宇樓閣，稱其形色高下大小，或以一寶二寶，至無量寶。又佛地論云：且說七寶，其實淨土無量妙寶。故知曰四寶者，文省便也。又華嚴入法界品云：危樓迴帶，閣道傍出，棟宇相承，窗闥交映，階墀軒檻，種種滿

足，一切皆以妙寶莊嚴，即斯義也。又大本云：是諸樓閣，有隨意高大，浮於空中，若雲氣者。有不能隨意高大，止在地上者，以求道時，德有厚薄所致。又云：樓觀欄楯，瓔珞覆上，皆作五音。又觀經云：樓閣兩邊，各有華幢，無量樂器，以為莊嚴。八種清風，鼓此樂器，演說苦空無常無我之音。

(演)如觀經言至無我之音，詳引經論，以是推之下，是判釋也。德有厚者，乃妙達唯心，一法不著；故果報樓閣，能隨心高下，浮在空中。德薄者，乃心外見法，執著未空，故不能隨心，止在地上。世間八風，為條風，明庶風，清明風，景風，涼風，闐闐風，不周風，廣莫風，然彼土無四時，或應八方，或自有八種，皆未可知。

(Hai, thêm bạc, lầu gác.

Kinh: *Bốn bên là bạc lên xuống, đường đi, do vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Phía trên có lầu gác, cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não để trang hoàng.*

Sớ: “Bốn bên”: Chính giữa là nước ao, vây quanh bốn bên là bạc lên, lối đi. Vàng, tiếng Phạn là Tô Phạt La (Suvarṇam). Bạc, tiếng Phạn là A Lô Ba (Rūpyam). Lưu ly (Vaidūrya), côi này dịch là Thanh Sắc Bảo. “Pha lê” (Sphaṭika), côi này dịch là Thủy Ngọc. “Xa cừ” (Musaragava), côi này dịch là Đại Bối. “Xích châu”, tiếng Phạn là Bát Ma La Già (Padmarāgaḥ). “Mã não”, tiếng Phạn là Bát Ma La Già Lệ. Dùng bảy thứ báu ấy để trang hoàng đẹp đẽ.

Sao: “Giai đạo”: Nhô lên khỏi mặt đất là Giai (bạc thêm), đường phẳng gọi là Đạo. “Lâu các”: Nhà nhiều tầng là Lâu, lầu cao ngất là Các. Như Quán Kinh nói: “Vàng ròng phủ đất, trong mỗi thứ báu, có năm trăm tia sáng có màu. Quang minh ấy giống như hoa, hợp thành đài quang minh. Lầu gác số đến ngàn vạn, do trăm thứ báu hợp thành”. Kinh Đại Bốn chép: “Giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu gác của A Di Đà Phật đều bằng bảy báu, vượt xa chỗ ở của Thiên Đế trong tầng trời thứ sáu trăm ngàn vạn lần. Chỗ ở của Bồ Tát cũng giống như thế. Cung điện, lầu gác của chư thiên và nhân loại tương xứng với hình sắc của họ mà cao, thấp, lớn, nhỏ, hoặc do một thứ báu, hai thứ báu, cho đến vô lượng thứ báu [hợp thành]”.

Lại nữa, Phật Địa Luận nói: “Lại nói đến bảy báu thì thật ra, Tịnh Độ có vô lượng diệu bảo”. Do đó biết: Nói “bốn báu” là lời văn giản lược cho thuận tiện vậy. Lại nữa, phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm có nói: “Lầu cao chót vót, hành lang vây quanh, điện tòa san sát, cửa sổ và cửa cái chiếu ngời lẫn nhau, bậc thềm, lan can, các thứ trọn đủ. Hết thấy đều được trang nghiêm bằng diệu bảo”, chính là nói về ý nghĩa này vậy. Lại nữa, kinh Đại Bản nói: “Các lầu gác ấy, có cái cao lớn tùy ý, nổi lơ lửng trên không như hơi mây. Có cái chẳng thể cao lớn tùy ý, chỉ ở trên mặt đất. Đó là do lúc cầu đạo, đức có dày hay mỏng mà ra”. Lại nói: “Lầu, đền, lan can, đều có chuỗi anh lạc phủ lên trên, [những chuỗi anh lạc ấy] đều vang ra [tiếng nhạc] ngũ âm”. Lại nữa, Quán Kinh nói: “Hai bên lầu gác, đều có tràng hoa, vô lượng nhạc khí dùng để trang nghiêm. Tám thứ gió mát tấu các thứ nhạc khí ấy, diễn thuyết các tiếng Khô, Không, Vô Thường, Vô Ngã”.

Diễn: Từ “như Quán Kinh nói” cho đến “tiếng Vô Ngã” dẫn tường tận các kinh luận. Từ “do vậy suy ra” trở đi là lời phán định. kẻ có đức dày bền khéo thông đạt duy tâm, chẳng chấp một pháp nào. Vì thế quả báo là lầu gác có thể tùy tâm cao hay thấp, nổi trong không trung. Kẻ đức mỏng do thấy pháp ngoài tâm, chưa sạch chấp trước, cho nên chẳng thể tùy tâm, chỉ ở trên mặt đất. Tám loại gió của thế gian là điều phong (gió Đông Bắc), minh thứ phong (gió Đông), thanh minh phong (gió Đông Nam), cảnh phong (gió Nam), lương phong (gió Tây Nam), xương hạp phong (gió Tây), bát châu phong (gió Tây Bắc), quảng mạc phong (gió Bắc); nhưng cõi ấy không có bốn mùa, hoặc là ứng với tám phương, hoặc là tự có tám loại, đều chưa thể biết được).

(Sao) Dĩ thị thôi chi, tắc thử chỉ ngôn lâu các, bất phân Phật cập Bồ Tát, thiên, nhân, diệc bất phân tại không, tại địa, diệc bất ngôn nhạc âm diễn pháp, tất văn tinh dã. Kim giả tứ nghĩa: Nhất, sắc vô biến. Nhị, thể vô cấu. Tam, chuyển tác vô ngã. Tứ, năng linh nhân phú. Ngân tứ nghĩa đồng, nhi công sảo liệt. Lưu Ly thanh sắc, thị kỳ chánh dịch. Hựu danh Bát Viễn giả. Bát Viễn, sơn danh, sơn xuất thử bảo, dĩ cận Ba La Nại thành cố. Thủy ngọc giả, kim thủy tinh dã. Xa cừ ngôn đại bồi giả, bồi vi hải trung giới trùng, đại giả danh bảo. Nhất vân phi Phạn ngữ, dĩ kỳ tự xa chi cừ. Cừ giả, vòng dã. Xích châu giả, Phật Địa Luận vân: “Xích trùng sở xuất. Hữu thiên xích châu, danh Nhân Đà La, phi thể sở hữu”. Đại Luận: “Chân châu hoặc xuất ngư phúc, hoặc xuất xà não, hoặc xuất bạng thai, hoặc sanh trúc trung,

tắc sắc phi định xích”. Cổ dĩ tiền dịch vi chánh. Mã não giả, hoặc vân Đan Khâu chi dã, quý huyết sở hóa. Nhất vân như mã não cố. Trang nghiêm giả, hữu chỉnh tề nghĩa. Hiệu sức giả, hữu văn thái nghĩa. Dĩ tư nghiêm sức, tắc như tiền, hoặc dĩ nhất bảo, nhị bảo, nãi chí thất bảo chi loại, thị dã. Hựu thử thất bảo, cô thủ danh đồng thử phương, thật tắc bất loại. Như thiên kim, thiên ngân, dĩ phi nhân thế sở hữu, hà huống bỉ độ!

(Diễn) Nhất, sắc vô biên thị Thường nghĩa. Nhị, thể vô cấu thị Tịnh nghĩa. Tam, chuyển tác vô ngã thị Ngã nghĩa. Tứ, năng linh nhân phú thị Lạc nghĩa.

(鈔)以是推之，則此止言樓閣，不分佛及菩薩天人，亦不分在空在地，亦不言樂音演法，悉文省也。金者四義：一、色無變。二、體無垢。三、轉作無我。四、能令人富。銀四義同，而功稍劣。琉璃青色，是其正譯。又名不遠者。不遠，山名，山出此寶，以近波羅奈城故。水玉者，今水晶也。碑磔言大貝者，貝為海中介蟲，大者名寶。一云非梵語，以其似車之渠。渠者，輞也。赤珠者，佛地論云：赤蟲所出。有天赤珠，名因陀羅，非世所有。大論：真珠或出魚腹，或出蛇腦，或出蚌胎，或生竹中，則色非定赤。故以前譯為正。瑪瑙者，或云丹丘之野，鬼血所化。一云如馬腦故。莊嚴者，有整齊義。較飾者，有文彩義。以斯嚴飾，則如前，或以一寶二寶，乃至七寶之類，是也。又此七寶，姑取名同此方，實則不類。如天金天銀，已非人世所有，何況彼土！

(演)一、色無變是常義。二、體無垢是淨義。三、轉作無我是我義。四、能令人富是樂義。

(Sao: Do vậy, suy ra: Kinh này chỉ nói đến lầu gác, chẳng phân biệt là [lầu gác] của Phật, Bồ Tát, trời, người [to nhỏ khác nhau], cũng chẳng phân biệt là ở trên hư không hay trên mặt đất, cũng chẳng nói tiếng nhạc diễn thuyết pháp, tức là kinh văn đều nói tinh lược vậy.

Vàng có bốn ý nghĩa: Một là màu sắc chẳng biến đổi. Hai là Thể chẳng nhơ. Ba là tuy lần lượt được chế biến thành các thứ khác nhau, vàng vẫn vô ngã. Bốn là có thể khiến cho con người giàu có. Bạc có bốn

nghĩa giống như vậy, nhưng công năng hơi kém hơn. Lưu Ly màu xanh, nên [tiếng Hán dịch là Thanh Sắc Bảo] là chính xác. Lại còn có tên là Bất Viễn. Bất Viễn là tên núi. Núi này sanh ra thứ báu ấy, do núi ấy gần thành Ba La Nại (Vārāṇasī). Thủy ngọc nay được gọi là thủy tinh. “Xa cừ” là một loại sò lớn. Sò là một loài trùng có vỏ trong biển cả; thứ to được gọi là Bảo. Có thuyết nói [xa cừ] không phải là tiếng Phạn, mà là do [vỏ của] nó giống như “vành bánh xe”. “Cừ” là cái vành bánh xe. “Xích châu”, Phật Địa Luận nói: “[Xích châu] do loài xích trùng sanh ra. Có loài xích châu cõi trời tên là Nhân Đà La, trong cõi đời chẳng có”. Theo Đại Luận, chân châu sanh từ bụng cá, hoặc sanh từ óc rắn, hoặc xuất phát từ thai sò, hoặc sanh trong tre, cho nên màu sắc không nhất định là đỏ. Do vậy, [xích châu hiệu] theo cách dịch trước (tức cách giải thích trong Phật Địa Luận) thì đúng hơn. Mãi nào, có người nói là do máu của loài quý ở chốn đồng nội Đan Khâu hóa thành. Có thuyết nói nó trông giống như óc ngựa.

“Trang nghiêm” có nghĩa là chỉnh tề. “Hiệu sức” có nghĩa lộng lẫy; có nghĩa là dùng những thứ ấy để trang hoàng tôn nghiêm, rực rỡ, tức là giống như trong phần trên [đã nói], dùng một thứ báu, hai thứ báu, cho đến bảy thứ báu vân vân. Lại nữa, bảy thứ báu ấy chỉ là gọi tên giống như trong thế giới này, chứ thật ra chúng chẳng tương đồng. Như vàng bạc cõi trời, trong cõi người đã chẳng có, huống gì [các thứ báu] trong cõi kia!

Diễn: [Vàng có bốn đặc tánh]: Một là màu sắc không thay đổi, có ý nghĩa Thường. Hai, thể vô cấu, có ý nghĩa Tịnh. Ba, chế thành các món vật khác nhưng vẫn vô ngã thì là có ý nghĩa Ngã. Bốn, có thể khiến cho con người giàu có thì là ý nghĩa Lạc).

(Sớ) Hựu thất bảo giả, thường dụ thủ quý trọng nghĩa, như Phạm Võng trung thuyết.

(Sao) Quý trọng giả, Phạm Võng kinh Bồ Tát Tâm Địa phẩm ngôn: “Khí xả Đại Thừa kinh luật bất học, nhị học ngoại đạo, Nhị Thừa, tà kiến đẳng giả, như xả thất bảo, phản thủ ngỗ nghịch”. Đối ngỗ nghịch ngôn, cổ tri Bảo giả, thủ “quý trọng” nghĩa. Chánh minh nhị độ tịnh uế bất đồng, linh hân yếm cố. Vấn: “Nghieu xử mao từ, Cơ gián tượng ngọc, thể gian vương thần, thả sùng tổ phác, Tịnh Độ Bồ Tát, hà quý bảo nghiêm?” Đáp: Thủ hữu nhị nghĩa: Nhất giả, thượng trí chi sĩ, tri tâm tịnh tác độ tự tịnh, chánh thẳng tác y tất cường, lý cố hữu nhiên, tâm thật vô trước. Dụ như Thuần tại khuyến

mẫu, cung hà lê sù, nhất thừa Nghiêu thiện, cảnh tất miện lưu, bất kỳ tự biện, Thuần hà nhạo yên? Cổ viết: “Hữu thiên hạ nhi bất dữ dã”. Nhị giả, khúc vị độn căn phàm phu, tu thị khổ lạc, linh sanh hân yếm, tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí. Dụ như chánh ách cơ hàn chi quốc, hốt văn bão noãn chi hương; phương trầm u ám chi nhai, sạ đồ quang minh chi cảnh, khởi bất thân tâm dũng được, xả cố tức tâm? Đản đắc vãng sanh, chung thành giải thoát, phương tiện tiếp dẫn, đương như thị nhĩ.

(Diễn) Văn Nghiêu xử mao từ giả, nhân nhất Quý tự phát văn dã. Đáp trung hữu nhị nghĩa: Nhất, thượng trí vô trước nghĩa. Dĩ thượng trí chi sĩ, ngộ cảnh duy tâm, tâm bất kiến tâm, vô tướng khả đắc. Nhất thiết bảo nghiêm, giai đồng huyễn hóa cố. Nhị, khúc vị độn căn nghĩa, dĩ ngu độn phàm phu, muội tâm trước cảnh, tán bĩ bảo nghiêm, linh sanh hân mộ cố. Cơ gián tượng ngọc giả, Cơ Tử kiến Trụ vi tượng trợ, thán viết: “Bĩ vi tượng trợ, tất vi ngọc bôi, nhi viễn phương trân quái chi vật chí hỹ!” Toại nhập gián. Cảnh tất miện lưu giả, thiên tử xuất, trần cảnh. Nhập, trần tất, thiên tử nghi trượng dã. Miện, quán dã. Thiên tử thập hữu nhị lưu, khủng vị thường hữu thử. Ngôn thử, bất quá hình trạng kỳ phú quý nhĩ.

(疏)又七寶者，常喻取貴重義，如梵網中說。

(鈔)貴重者，梵網經菩薩心地品言：棄捨大乘經律不學，而學外道二乘邪見等者，如捨七寶，反取瓦礫。對瓦礫言，故知寶者，取貴重義。正明二土淨穢不同，令忻厭故。問：堯處茆茨，箕諫象玉，世間王臣，且崇素樸，淨土菩薩，何貴重嚴？答：此有二義：一者，上智之士，知心淨則土自淨，正勝則依必強，理固有然，心實無著。喻如舜在畎畝，躬荷犁鋤，一承堯禪，警蹕冕旒，不期自辦，舜何樂焉？故曰有天下而不與也。二者，曲為鈍根凡夫，須示苦樂，令生忻厭，先以欲鉤牽，後令入佛智。喻如正厄饑寒之國，忽聞飽暖之鄉；方沈幽暗之崖，乍睹光明之境，豈不身心踊躍，舍故即新？但得往生，終成解脫，方便接引，當如是耳。

(演)問堯處茆茨者，因一貴字發問也。答中有二義：

一、上智無著義。以上智之士，悟境惟心，心不見心，無相可得。一切寶嚴，皆同幻化故。二、曲為鈍根義，以愚鈍凡夫，昧心著境，讚彼寶嚴，令生忻慕故。箕諫象王者，箕子見紂為象箸，歎曰：彼為象箸，必為玉杯，而遠方珍怪之物至矣！遂入諫。警蹕冕旒者，天子出，陳警。入，陳蹕，天子儀仗也。冕，冠也。天子十有二旒，恐未嘗有此。言此，不過形狀其富貴耳。

(Sớ: Lại nữa, bảy báu là thường dùng để tỷ dụ ý nghĩa quý trọng, như trong kinh Phạm Võng có nói.

Sao: “Quý trọng”: Phẩm Bồ Tát Tâm Địa trong kinh Phạm Võng có nói: “Vứt bỏ kinh luật Đại Thừa để học ngoại đạo, Nhị Thừa, tà kiến v.v... giống như bỏ bảy báu để ngược ngạo giữ lấy ngôi sạn”. Do so với ngôi sạn để nói, nên biết [kinh nói] “bảo” theo ý nghĩa “quý trọng”. Nêu rõ hai cõi tịnh uế khác nhau, khiến [người nghe] ưa thích và chán nhàm. Hỏi: “Vua Nghiêu sống trong lầu tranh, Cơ Tử can gián [vua Trụ] đừng dùng chén đĩa bằng ngà, bằng ngọc. Vua tôi trong thế gian còn chuộng đơn giản, chất phác, sao Bồ Tát trong cõi Tịnh Độ lại chuộng những thứ trân bảo trang nghiêm?” Đáp: - Ở đây có hai nghĩa:

Một là bậc thượng trí, biết “tâm tịnh thì cõi nước tự tịnh”. Chánh báo thù thắng, ắt y báo mạnh mẽ là lẽ đương nhiên, tâm thật sự chẳng chấp trước. Ví như vua Thuấn ở chốn rầy bãi, đích thân cày cuốc, một khi được vua Nghiêu nhường ngôi, ra vào có kẻ canh gác, dẹp đường, đội mũ miện rủ tua ngọc, chẳng mong mà tự đạt được, vua Thuấn há có ham thích gì! Vì thế nói: “Có thiên hạ mà chẳng màng”.

Hai là thuận theo kẻ độn căn phàm phu, cần phải chỉ ra sự khổ và sự vui, khiến cho họ ưa thích và chán nhàm. Trước hết là dùng dục để lôi kéo, sau đó làm cho họ nhập Phật trí. Ví như nước đang gặp phải nạn đói lạnh, chợt nghe nói có chỗ no ấm; đang chìm đắm dưới vách núi tối tăm, bỗng thấy cảnh quang minh, há chẳng thân tâm hớn hở, bỏ cái cũ, theo cái mới ư? Chỉ cần được vãng sanh, rốt cuộc sẽ thành tựu giải thoát, phương tiện tiếp dẫn phải nên là như vậy.

Diễn: “Hỏi: Vua Nghiêu ở trong lầu tranh”: Do chữ Quý mà nêu ra câu hỏi. Trong lời đáp, có hai nghĩa: Một nghĩa là bậc thượng trí chẳng chấp trước. Bởi lẽ, bậc thượng trí ngộ cảnh duy tâm, tâm chẳng thấy tâm, không có tướng nào để có thể đạt được; vì hết thấy sự trang nghiêm quý báu đều giống như huyễn hóa. Nghĩa thứ hai là thuận theo

phàm phu ngu độn, tâm mê muội, chấp vào cảnh, bèn tán thán sự trang nghiêm quý báu của cõi ấy, khiến cho họ ưa thích, hâm mộ.

“Cư Tử can gián đưa ngà, chén ngọc”: Cư Tử [thấy] Trụ vương dùng đưa ngà, bèn than: “Thứ kia là đưa ngà, ắt phải có chén ngọc [đi kèm]. Nhưng [những món ấy] là những vật quý lạ tột bậc từ phương xa”, vua bèn nghe lời can gián. “Cảnh tất miện lưu”: Thiên tử đi ra vào có người hét dẹp đường, nhường lối, là nghi trượng của thiên tử. Miện là mũ. [Mão đội đầu của hoàng đế sử dụng khi tế trời đất hoặc đại triều] có mười hai tua ngọc [rủ xuống trước mặt], sợ là chẳng thường có (vua chẳng thường sử dụng như vậy). Nói chuyện này bất quá hình dung sự phú quý của họ đấy thôi).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh bình trực, thị giai đạo nghĩa. Tự tánh cao thúy, thị lâu các nghĩa. Tự tánh cụ túc công đức pháp tài, thị thất bảo nghĩa.

(Diễn) Tiên vân ly địa viết gian, thảo đồ viết đạo, cố giai đạo hữu bình trực nghĩa. Hựu trùng các viết lâu, sầm lâu viết các, cố lâu các hữu cao thúy nghĩa.

(疏)稱理，則自性平直，是階道義。自性高邃，是樓閣義。自性具足功德法財，是七寶義。

(演)前云離地曰階，坦途曰道，故階道有平直義。又重屋曰樓，岑樓曰閣，故樓閣有高邃義。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh bình đẳng, chánh trực là ý nghĩa của “bậc thềm, lối đi”. Tự tánh cao chót vót là ý nghĩa của “lầu gác”. Tự tánh trọn đủ công đức pháp tài là ý nghĩa của “bảy báu”).

Diễn: Trong phần trước đã nói “nhô lên là Giai, đường bằng phẳng là Đạo” nên “bậc thềm, lối đi” có ý nghĩa bình đẳng, chánh trực. Lại nữa, nhà nhiều tầng là Lâu, lầu cao là Các, cho nên lầu gác có ý nghĩa cao chót vót).

(Sao) Bình trực giả, tự tánh giải thoát tự tại, ly chư cấu ô, khoáng khoáng thân di, vô hữu thiên pha, thị danh “giai đạo”. Cao thúy giả, tự tánh huýnh siêu trần cảnh, quán chiếu bất di, nang quát hư không, quảng bác vô tận, thị danh “lâu các”. Công đức pháp tài giả, tự tánh Thường nhi bất thiên, Tịnh nhi bất nhiễm, Ngã nhi tùy duyên bất ngại, Lạc nhi phú hữu bất khuỵ, thị danh kim ngân. Tự tánh nội ngoại minh triệt, vô chướng, vô ngại, thị danh lưu ly. Tự tánh bốn thể

kiết bạch, ly quá, tuyệt phi, thị danh xa cừ. Tự tánh quang minh xỉ nhiên, thị danh xích châu. Tự tánh kiên thật bất dịch, thị danh mã não. Chúng mỹ tất cụ, tư thành Pháp Thân, thị danh “nghiêm sức” dã. Thả Thiện Tài biến lịch trọng thành, bác tham quần ngạn, tối hậu u Di Lạc lâu các, đàn chỉ nhi đăng. Kim dẫn trì danh, bất thiệp hồi đồ, tiện cư diệu cảnh. Kỳ như chung nhật bảo giai hành, tự xưng mê lộ hán. Khả vị: “Ỗ môn đàn chỉ, bất tri thân tại ngọc lâu trung” giả dã, tích tai!

(Diễn) Ly chư cấu ô, tức tiền ly địa viết Giai, vô hữu thiên pha, tức tiền thảo đồ viết Đạo. Huýnh thoát trần cảnh, quán chiếu bất di, như lâu các chỉ cao vô bất chiếu, thị Cao nghĩa. Nang quát hư không, quảng bác vô tận, như lâu các chỉ quảng vô bất dung, thị Thúy nghĩa. Thường nhi bất thiên, tức sắc vô biến. Tịnh nhi bất nhiễm, tức thể vô cấu. Ngã nhi tùy duyên bất ngại, tức chuyển tác vô ngã. Lạc nhi phú hữu bất khuỵ, tức năng linh nhân phú. Chúng mỹ tất cụ tư thành Pháp Thân giả, Pháp Thân cụ hàm vạn đức. Hoàn dĩ vạn đức nghiêm thân, nhi thật đức vô sở đức, nghiêm vô sở nghiêm. Thị chân trang nghiêm dã. Thả Thiện Tài hạ, kết khuyến. Kỳ như chung nhật hạ, kết thán.

(鈔)平直者，自性解脫自在，離諸垢汙，曠闊坦夷，無有偏陂，是名階道。高邃者，自性迴超塵境，觀照不遺，囊括虛空，廣博無盡，是名樓閣。功德法財者，自性常而不遷，淨而不染，我而隨緣不礙，樂而富有不虧，是名金銀。自性內外明徹，無障無礙，是名琉璃。自性本體潔白，離過絕非，是名碑礫。自性光明熾然，是名赤珠。自性堅實不易，是名瑪瑙。眾美畢具，資成法身，是名嚴飾也。且善財遍歷重城，博參群彥，最後於彌勒樓閣，彈指而登。今但持名，不涉迴塗，便居妙境。其如終日寶階行，自稱迷路漢。可謂：倚門彈指，不知身在玉樓中者也，惜哉！

(演)離諸垢汙，即前離地曰階，無有偏陂，即前坦途曰道。迴超塵境，觀照不遺，如樓閣之高無不照，是高義。囊括虛空，廣博無盡，如樓閣之廣無不容，是邃義。

常而不遷，即色無變。淨而不染，即體無垢。我而隨緣不礙，即轉作無我。樂而富有不虧，即能令人富。眾美畢具資成法身者，法身具含萬德。還以萬德嚴身，而實德無所德，嚴無所嚴。是真莊嚴也。且善財下，結勸。其如終日下，結歎。

(Sao: “Bình trực”: Tự tánh giải thoát tự tại, là các cầu ô, rộng rãi, bằng phẳng, chẳng nhấp nhô, nên gọi là “thềm bậc, lối đi”. “Cao chót vót”: Tự tánh vượt thoát trần cảnh, quán chiếu chẳng sót, bao quát hư không, bát ngát vô tận, nên gọi là “lầu gác”. “Công đức pháp tài”: Tự tánh thường, chẳng đổi dời; tịnh mà bất nhiễm, ngã (làm chủ thể) mà tùy duyên chẳng ngại, lạc mà giàu có chẳng thiếu thốn, cho nên gọi là “kim ngân”. Tự tánh trong ngoài sáng ngời, trong suốt, chẳng chướng, chẳng ngại, bèn gọi là Lưu Ly. Tự tánh bản thể trắng sạch, là lỗi, dứt sai, nên gọi là Xa Cừ. Tự tánh quang minh chói rực, nên gọi là Xích Châu. Tự tánh cứng chắc, chân thật, chẳng thay đổi, gọi là Mã Nã.

Các thứ đẹp đẽ đều đầy đủ, bồi đắp thành Pháp Thân, nên gọi là “trang hoàng mỹ lệ”. Hơn nữa, Thiện Tài đến khắp các thành thị quan trọng, tham bái rộng rãi các vị thiện tri thức, cuối cùng ở lâu các của ngài Di Lặc, khảy ngón tay để bước lên. Nay chỉ trì danh, chẳng phải bốn ba, liền ngự nơi diệu cảnh. Điều này giống như suốt ngày đi trên thềm bậc, mà tự bảo là kẻ lạc đường. Có thể nói là “dựa cửa khảy ngón tay, chẳng biết thân đã ở trong lầu ngọc”, tiếc thay!

Diễn: “Là các cầu ô”, tức là “nhô cao lên là Giai” trong phần trước. Chẳng nhấp nhô chính là “đường bằng phẳng thì gọi là Đạo” trong phần trước. Vượt xa khỏi trần cảnh, quán chiếu chẳng sót, như lầu gác cao ngất, không gì chẳng thấy rõ rệt; đó là ý nghĩa của Cao. Bao trùm hư không, rộng rãi vô tận, như lầu gác rộng rãi không gì chẳng chứa đựng là ý nghĩa của Thúy (cao chót vót). Thường hằng, chẳng đổi dời, tức là sắc không biến đổi. Tịnh mà chẳng nhiễm, tức là Thể vô cấu. Ngã tùy duyên mà chẳng ngăn ngại, tức là tạo tác thành các món đồ khác mà vô ngã. Vui sướng, giàu có chẳng thiếu hụt, tức là “có thể làm cho người khác giàu có”. “Các thứ đẹp đẽ đều đầy đủ, bồi đắp thành Pháp Thân”: Pháp Thân chứa trọn muôn đức. Lại còn dùng muôn đức để trang nghiêm thân, nhưng thật đức không có gì là đức, tuy trang nghiêm mà không có gì được trang nghiêm. Đó là trang nghiêm thật sự. Từ câu “hơn nữa, Thiện Tài” trở đi là kết lại lời khuyên. Từ câu “điều

này giống như suốt ngày” trở đi nhằm kết lại lời cảm thán).

Tam, liên hoa.

(Kinh) Trì trung liên hoa, đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.

(Sớ) Thượng ngôn trì ngoại, kim biểu trì trung. Liên hoa, Phạn ngữ Phân Đà Lợi, diệc vân Ưu Bát La, diệc vân Bát Đặc Ma, diệc vân Câu Vật Đầu.

(Sao) Phạn ngữ Phân Đà Lợi, thử vân Bạch Liên Hoa, vị khai danh Khuất Ma La, tương lạc danh Ca Ma La. Xử trung chánh khai, danh Phân Đà Lợi. Ưu Bát La giả, thanh liên hoa dã. Bát Đặc Ma giả, hồng liên hoa dã. Câu Vật Đầu giả, hoàng liên hoa dã.

三、蓮華。

(經)池中蓮華，大如車輪，青色青光，黃色黃光，赤色赤光，白色白光，微妙香潔。

(疏)上言池外，今表池中。蓮華，梵語芬陀利，亦云優鉢羅，亦云鉢特摩，亦云拘勿頭。

(鈔)梵語芬陀利，此云白蓮華，未開名屈摩羅，將落名迦摩羅。處中正開，名芬陀利。優鉢羅者，青蓮華也。鉢特摩者，紅蓮華也。拘勿頭者，黃蓮華也。

(Ba là hoa sen.

Kinh: Hoa sen trong ao to như bánh xe, màu xanh, ánh sáng xanh; màu vàng, ánh sáng vàng; màu đỏ, ánh sáng đỏ; màu trắng, ánh sáng trắng; vi diệu thơm sạch.

Sớ: Phần trên nói về [sự trang nghiêm] bên ngoài ao, nay nói đến [những sự trang nghiêm] trong ao. Hoa sen tiếng Phạn là Phân Đà Lợi (Pumdarīkam), còn gọi là Ưu Bát La (Utpala), còn gọi là Bát Đặc Ma (Padma), còn gọi là Câu Vật Đầu (Kumuda).

Sao: Tiếng Phạn là Phân Đà Lợi, cội này dịch là Bạch Liên Hoa, chưa nở gọi là Khuất Ma La (Kuvala), sắp rụng gọi là Ca Ma La (Kamala). Ngay trong lúc hoa sen đang nở thì gọi là Phân Đà Lợi. Ưu Bát La là hoa sen xanh. Bát Đặc Ma là hoa sen đỏ. Câu Vật Đầu là hoa sen vàng).

(Sớ) Xa luân giả, ngôn kỳ hình dã, đại tiểu vô định. Bà Sa đẳng

thuyết, chủng chủng bất đồng, các tùy cơ hiện.

(Sao) Xa luân đại tiểu giả, Bà Sa Luận vân: “Luân Vương thiên bức kim luân, châu viên thập ngũ lý”. Hoa Nghiêm Sao vân: “Kim luân đại nhất do-tuần”. Quán Kinh vân: “Nhất nhất trì trung, hữu lục thập ức thất bảo liên hoa, đoàn viên chánh đẳng thập nhị do-tuần”. Đại Bổn vân: “Tρί trung liên hoa, hoặc nhất do-tuần, nãi chí bách do-tuần, thiên do-tuần”. Nhi nhân thế xa luân, đại bất du trượng, bất khả dĩ thử nhi vi định chuẩn. Hựu vân: “Chúng bảo liên hoa, châu biến thế giới. Nhất nhất bảo hoa, hữu vô lượng bách thiên ức diệp”. Ấn kinh biệt liên hoa thẳng liệt tam chủng, thập diệp, bách diệp, thiên diệp; kim viết: “Vô lượng bách thiên ức diệp”, diệp ký vô lượng, tắc hoa chi đại, diệp vô lượng hỹ! Hựu Như Lai Tạng kinh vân: “Nhĩ thời, Thế Tôn ư Chiên Đàn Trùng Các, chánh tọa đạo tràng, nhi hiện thần biến, hữu thiên diệp liên hoa, đại như xa luân, hoa trung hóa Phật, các phóng vô số bách thiên quang minh”. Cố tri xa luân bất khả tư nghị, ninh đắc cục dĩ nhân thế thường sở ngữ xa nhi vi hạn lượng? Tùy cơ giả, dĩ hoặc tiểu, hoặc đại, điều kỳ nhân địa niệm Phật, công hữu thẳng, liệt, cơ cảm tự trí nhĩ. Nãi hữu dĩ hoa như xa luân, ức thử kinh tán thiện, cái vị khảo ư luân nghị!

(Diễn) Bà Sa Luận, chỉ ngôn thập ngũ lý. Hoa Nghiêm Sao, tắc ngôn nhất do-tuần. Quán Kinh, ngôn thập nhị do-tuần. Đại Bổn, ngôn bách do-tuần, thiên do-tuần. Phục ngôn hoa diệp vô lượng, nhi Như Lai Tạng Kinh hựu ngôn quang trung hóa Phật, quang minh vô số, tắc xa luân hà khả tư nghị dã?

(疏)車輪者，言其形也，大小無定。婆沙等說，種種不同，各隨機現。

(鈔)車輪大小者，婆沙論云：輪王千輻金輪，周圓十五里。華嚴鈔云：金輪大一由旬。觀經云：一一池中，有六十億七寶蓮華，團圓正等十二由旬。大本云：池中蓮華，或一由旬，乃至百由旬，千由旬。而人世車輪，大不逾丈，不可以此而為定準。又云：眾寶蓮華，周遍世界。一一寶華，有無量百千億葉。按經別蓮華勝劣三種，十葉，百葉，千葉；今曰：無量百千億葉，葉既無量，則華之大，亦無量矣！又如來藏經云：爾時，世尊於旃檀重閣，正坐道場，而現神變，有千葉蓮華，大如車輪，華中

化佛，各放無數百千光明。故知車輪不可思議，寧得局以人世常所御車而為限量？隨機者，以或小或大，繇其因地念佛，功有勝劣，機感自致爾。乃有以華如車輪，抑此經散善，蓋未考於輪議！

(演)婆沙論，止言十五里。華嚴鈔，則言一由旬。觀經，言十二由旬。大本，言百由旬，千由旬。復言花葉無量，而如來藏經又言花中化佛，光明無數，則車輪何可思議也？

(Sớ: “Bánh xe” là nói đến hình dáng, [chữ hoa sen] lớn hay nhỏ không nhất định. Các thứ hoa sen khác nhau được nói trong luận Tỳ Bà Sa v.v... đều tùy theo căn cơ mà ứng hiện.

Sao: “Bánh xe lớn hay nhỏ”: Tỳ Bà Sa Luận viết: “Kim luân ngàn cựa của Luân Vương, tròn xoe mười lăm dặm”. Hoa Nghiêm Sao viết: “Kim luân to một do-tuần”. Quán Kinh chép: “Trong mỗi một ao, có sáu mươi ức hoa sen bằng bảy báu, tròn trặn vừa đúng mười hai do-tuần”. Kinh Đại Bản chép: “Hoa sen trong ao, hoặc một do-tuần, cho đến trăm do-tuần, ngàn do-tuần”. Nhưng bánh xe trong cõi đời, to nhất không hơn một trượng, chẳng thể lấy nó làm định chuẩn. Lại nói: “Hoa sen bằng các thứ chất báu trọn khắp thế giới. Mỗi một hoa báu có vô lượng trăm ngàn ức cánh”. Xét ra, kinh phân biệt hoa sen hơn kém thành ba loại: Mười cánh, trăm cánh, ngàn cánh; nay nói “vô lượng trăm ngàn ức cánh”, cánh đã là vô lượng thì hoa cũng phải to vô lượng vậy!

Lại nữa, kinh Như Lai Tạng nói: “Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn ở trong Chiên Đàn Trùng Các, ngồi giữa đạo tràng, hiện thần thông biến hóa, có hoa sen ngàn cánh to như bánh xe. Trong hoa hóa ra chữ Phật, mỗi vị đều phóng vô số trăm ngàn quang minh”. Do vậy, biết “bánh xe” chẳng thể nghĩ bàn, há có nên lấy [kích thước của] bánh xe người đời thường ngồi để làm hạn lượng [đoán định kích thước của hoa sen trong Cực Lạc] ư? “Tùy cơ”: Do [hoa sen] lớn hoặc bé tùy thuộc sự niệm Phật trong lúc tu nhân, công phu có thù thắng hay hèn kém, nên tùy theo căn cơ mà tự cảm vời thành ra như vậy. Có kẻ viện có [kinh này nói] “hoa sen to như bánh xe” để gièm chê kinh này là Tán Thiện, ấy là vì chưa xét đến những lời bàn luận về chữ Luân.

Diễn: Tỳ Bà Sa Luận chỉ nói [hoa sen to] mười lăm dặm. Hoa

Nghiêm Sao thì nói to một do-tuần. Quán Kinh nói to mười hai do-tuần. Đại Bản nói to một trăm do-tuần, hoặc một ngàn do-tuần. Lại nói cánh hoa nhiều vô lượng, nhưng Như Lai Tạng Kinh lại nói trong quang minh có hóa Phật, quang minh vô số, vậy thì [kích thước của] bánh xe làm sao có thể nghĩ bàn cho nổi?]

(Sớ) *Đại như xa luân, thả dụ hình thể, dĩ luân dụ đức, diệc hữu đa nghĩa.*

(Sao) *Hình thể giả, luân thể vi viên, hữu liên tượng dã. Đa nghĩa giả, hựu Luân hữu chuyển nghĩa. Thử liên hoa giả, thác dựng chúng sanh, dịch phàm thành thánh, tức Chuyển nghĩa cổ. Hựu Luân hữu Triển nghĩa; thử liên hoa giả, bất nhiễm ô trước, phá trừ phiền não, tức Triển nghĩa cổ. Hựu Luân hữu phi hành nghĩa; thánh vương kim luân, nhất nhật chi trung, nhiều tứ thiên hạ. Thử liên hoa giả, biến chỉ thập phương, tiếp bị niệm Phật chúng sanh, quy ư Cực Lạc, tức phi hành nghĩa cổ, dư bất phiền cử.*

(疏) *大如車輪，且喻形體，以輪喻德，亦有多義。*

(鈔) *形體者，輪體圍圓，有蓮象也。多義者，又輪有轉義。此蓮華者，托孕眾生，易凡成聖，即轉義故。又輪有輾義；此蓮華者，不染汙濁，破除煩惱，即輾義故。又輪有飛行義；聖王金輪，一日之中，遶四天下。此蓮華者，遍至十方，接彼念佛眾生，歸於極樂，即飛行義故，餘不煩舉。*

(Sớ) *“To như bánh xe” là tỷ dụ hình thể. Dùng bánh xe để tỷ dụ đức, cũng có nhiều nghĩa.*

Sao: *“Hình thể”: Bánh xe tròn xoe, giống như hình dáng của hoa sen. “Nhiều nghĩa”: Lại nữa, Luân có nghĩa là “chuyển động”. Hoa sen này là nơi để chúng sanh gởi thân sanh về, đổi phàm thành thánh, chính là ý nghĩa Chuyển. Luân lại có nghĩa là “nghiên nát”: Hoa sen này chẳng nhiễm ô trước, phá trừ phiền não, tức là ý nghĩa Nghiên Nát. Luân lại có ý nghĩa “bay đi”: Kim luân của thánh vương trong một ngày, [bay] giáp vòng tứ thiên hạ. Hoa sen ấy tới khắp mười phương, tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật trở về Cực Lạc, tức là nghĩa “phi hành”. Những điều khác chẳng phải mất công kể ra).*

(Sớ) *Thanh, hoàng, xích, bạch, ngôn kỳ sắc dã. Bất duy cử sắc,*

nhi ngôn quang giả, thử độ liên hoa, hữu sắc vô quang cố. Dẫn cử tứ sắc giả, tịnh văn dã.

(Sao) Tứ sắc giải kiến tiền sớ. Quang giả, từng sắc nhi phát, như châu oánh khiết, tắc năng phát quang. Bỉ độ liên hoa chí vi thanh tịnh, cố hữu quang dã. Đại Bản vân: “Thanh sắc thanh quang, bạch sắc bạch quang, huyền, hoàng, châu, tử chi sắc, kỳ quang diệc nhiên. Vĩ diệp hoán lạn, minh diệu nhật nguyệt. Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bách thiên ức quang. Nhất nhất quang trung, xuất tam thập lục bách thiên ức Phật. Nhất nhất chư Phật, hựu phóng bách thiên quang minh, phổ vị thập phương chúng sanh, thuyết vi diệu pháp”. Cứ thử, tắc thanh, bạch, huyền, hoàng, châu, tử, dĩ thành lục sắc, nhi Phật Địa Luận phục vân thất bảo. Cố tri tứ sắc, kỳ văn tịnh cố. Kỳ thật, liên hoa cụ vô lượng sắc, cụ vô lượng quang dã. Hựu bất ngôn thuyết pháp giả, diệc văn tịnh cố.

(疏)青黃赤白，言其色也。不唯舉色，而言光者，此土蓮華，有色無光故。但舉四色者，省文也。

(鈔)四色解見前疏。光者，從色而發，如珠瑩潔，則能發光。彼土蓮華至為清淨，故有光也。大本云：青色青光，白色白光，玄黃朱紫之色，其光亦然。煒燁煥爛，明耀日月。一一華中，出三十六百千億光。一一光中，出三十六百千億佛。一一諸佛，又放百千光明，普為十方眾生，說微妙法。據此，則青白玄黃朱紫，已成六色，而佛地論復云七寶。故知四色，其文省故。其實，蓮華具無量色，具無量光也。又不言說法者，亦文省故。

(Sớ: Xanh, vàng, đỏ, trắng là nói đến màu sắc của hoa sen. Không chỉ nói tới màu, mà còn nói tới ánh sáng. Hoa sen trong cõi này (Sa Bà) có màu, nhưng không có ánh sáng. Kinh chỉ nói bốn màu là nói đại lược.

Sao: Xem giải thích về “bốn màu” trong lời Sớ ở trên. Quang minh từ màu phát ra, giống như hạt châu trong ngân, tinh khiết, bèn có thể tỏa ánh sáng. Hoa sen trong cõi ấy thanh tịnh tột bậc, nên có quang minh.

Kinh Đại Bản chép: “Màu xanh ánh sáng xanh, màu trắng ánh sáng trắng, màu đen, vàng, son, tía, ánh sáng cũng giống như thế. Chói tỏa, rực rỡ, sáng ngời che lấp ánh mặt trời, mặt trăng. Trong mỗi hoa,

tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng. Trong mỗi ánh sáng, xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật. Mỗi đức Phật lại phóng trăm ngàn quang minh, khắp vì mười phương chúng sanh nói pháp vi diệu”. Dựa theo điều ấy, xanh, trắng, đen, vàng, son, tím, đã thành sáu màu; nhưng Phật Địa Luận lại nói tới bảy báu, cho nên biết “bốn màu” là nói vắn tắt. Thật ra, hoa sen có đủ vô lượng màu, có đủ vô lượng quang. Lại chẳng nói [hoa sen phóng quang, quang minh hiện Phật, Phật] thuyết pháp, tức là nói vắn tắt vậy).

(Sớ) Vi diệu hương khiết, ngôn kỳ đức dã. Cử tứ đức giả, diệp văn tĩnh cổ.

(Sao) Tứ đức giả, ly cấu thị liên hoa chánh nghĩa. Thôi quảng kỳ nghĩa, lược thuyết vi tứ. Nhất ngôn Vi giả, phục hữu tứ nghĩa, nhị đồng, nhị biệt. Nhất giả, căn tiềm trì để, bất khả khuỵ thị, thị vi “u vi”. Nhị giả, bất sanh cao nguyên, lục địa, dữ phồn hoa lệ nhụy nhị tranh nghiên diễm, thị vi “ẩn vi”. Tam giả, Quán Kinh ngôn: “Nhất nhất diệp thượng, hữu bát vạn tứ thiên mạch, do như thiên họa”, thị vi “tế vi”. Tứ giả, thất bảo sở thành, trân kỳ túy mỹ, thị vi “tinh vi”. Tiền nhị thông ư thử phương, hậu nhị bỉ quốc độc thiện, cố nhị đồng, nhị biệt.

(Diễn) Vi diệu hương khiết, câu khả ước Lý. Vi hữu tứ nghĩa, sự tướng khả tri. Nhược xưng Lý, tắc tự tánh chi hoa, tam trí bất năng thứ, ngũ nhãn bất năng khuỵ, thị u vi nghĩa. Bất dữ chư trần tác đối, bất dữ vạn pháp vi lữ, thị ẩn vi nghĩa. Tùy cử nhất đức, câu hàm chúng đức, như lưu ly bình, thịnh đa giới tử; thị vi tế nghĩa. Nhất thiết công đức diệp bảo vi thể, vô tác vạn hạnh, dĩ vi trang nghiêm, thị tinh vi nghĩa.

(疏)微妙香潔，言其德也。舉四德者，亦文省故。

(鈔)四德者，離垢是蓮華正義。推廣其義，略說為四。一言微者，復有四義，二同二別。一者，根潛池底，不可窺視，是為幽微。二者，不生高原陸地，與繁華麗蕊而爭妍艷，是為隱微。三者，觀經言：一一葉上，有八萬四千脈，猶如天畫，是為細微。四者，七寶所成，珍奇粹美，是為精微。前二通於此方，後二彼國獨擅，故二同二別。

(演)微妙香潔，俱可約理。微有四義，事相可知。若

稱理，則自性之花，三智不能覩，五眼不能窺，是幽微義。不與諸塵作對，不與萬法為侶，是隱微義。隨舉一德，具含眾德，如琉璃瓶，盛多芥子；是細微義。一切功德妙寶為體，無作萬行，以為莊嚴，是精微義。

(Sớ: “Vi diệu hương khiết” là nói về đức. Nêu lên Tứ Đức cũng là nói tinh lược.

Sao: “Bốn đức”: “Lìa nhơ” là ý nghĩa chánh yếu của hoa sen. Do mở rộng ý nghĩa ấy, bèn nói đại lược bốn đức. Một là nói đến ý nghĩa Vi, lại có bốn nghĩa, hai nghĩa đồng, và hai nghĩa biệt. Một là rễ ẩn kín dưới đáy ao, chẳng thể nhìn ngó, đó là “u vi”. Hai là chẳng sanh nơi cao nguyên hay đất liền, chẳng đua tranh sắc vóc đẹp để cùng các loài hoa rực rỡ chốn phồn hoa, đó là “ẩn vi”. Ba là Quán Kinh nói “trên mỗi cánh sen, có tám vạn bốn ngàn đường mạch, giống như nét vẽ cõi trời”, đó là “tế vi”. Bốn là do bảy báu hợp thành, hiếm quý, đẹp để tốt bậc, đó là “tinh vi”. Hai điều đầu giống như phương này, hai điều sau chỉ riêng cõi kia là có, cho nên [nói là] “hai điều đồng, hai điều biệt”.

Diễn: “Vi diệu hương khiết” đều có thể nói theo Lý. “Vi” có bốn nghĩa, về sự tướng thì có thể biết được. Nếu xét theo Lý thì hoa tự tánh, ba trí chẳng thể nhìn, ngũ nhãn chẳng thể liếc, đó là nghĩa “u vi”. Chẳng đối ứng với các trần, chẳng quây quần cùng muôn pháp, đó là nghĩa “ẩn vi”. Nêu ra bất cứ một đức nào, cũng đều bao hàm các đức như bình lưu ly chứa nhiều hạt cải, đó là nghĩa “vi tế”. Hết thấy công đức diệu bảo làm Thể, vô tác vạn hạnh để trang nghiêm, đó là nghĩa “tinh vi”).

(Sao) Nhị ngôn Diệu giả, phục hữu thập nhị nghĩa, tứ đồng, bát biệt. Nhất giả, phương hoa tức quả, bất đãi hoa lạc, thị vi “nhân quả đồng thời diệu”. Nhị giả, nhiễm nhi bất nhiễm, bất nhiễm nhi nhiễm, thị vi “câu tịnh song phi diệu”. Tam giả, nhất hoa biến vi ư tử ngoại, chúng tử la liệt ư hoa trung, thị vi “tổng biệt tề chương diệu”. Tứ giả, trú tắc khai phu, dạ tắc hoàn hợp, thị vi “ẩn hiển tùy nghi diệu”. Ngũ giả, cự liên tại trung, nhị hữu bách thiên vạn ức liên hoa dĩ vi quyền thuộc, thị vi “chủ bạn tương tham diệu”. Lục giả, thượng trung hạ phẩm, các tam thành cứu, cứu cứu vô lượng, tùy kỳ túc tu, bất tương thác mậu, thị vi “thắng liệt phân minh diệu”. Thất giả, đại nhất do-tuần, nãi chí bách thiên vạn ức do-tuần, thị vi “tiểu đại vô định diệu”.

Bát giả, bất dĩ xuân sanh, bất dĩ thu tụy, cắng cổ thường tân, thị vi “hàn thử bất thiên diệu”. Cửu giả, châu, tử, huyền, hoàng, hoặc phục thuần bạch, tạp sắc, tạp quang, diệc phục như thị, thị vi “thái tổ giao huy diệu”. Thập giả, sanh ư bỉ quốc, nhi năng tòng không lai chí thử độ, nghênh thủ đương sanh, thị vi “động tĩnh nhất nguyên diệu”. Thập nhất giả, chư Phật, Bồ Tát, kết già kỳ trung, niệm Phật chúng sanh, thác chất kỳ nội, thị vi “phàm thánh kiêm thành diệu”. Thập nhị giả, thử phương niệm Phật, hoa tức tiêu danh, cần nọa tài phân, vinh khô đồn di, thị vi “cảm ứng minh phù diệu”. Tiền tứ, hậu bát, đồng biệt khả tri.

(Diễn) Diệu hữu thập nhị nghĩa giả, sơ phát tâm thời, tiện thành Chánh Giác, nhân cai quả hải, quả triệt nhân nguyên, thị nhân quả đồng thời nghĩa. Chân Như bất thủ tự tánh, ngũ đạo tùy duyên, tịnh phi tịnh dã. Chánh đương ngũ đạo tùy duyên, tự tánh bất biến, cấu phi cấu dã, thị cấu tịnh song phi nghĩa. Pháp giới nhất tướng, bất ngại thiên sai cạnh khởi. Thiên sai cạnh khởi, bất ngại pháp giới nhất tướng. Thị tổng biệt tề chương nghĩa. Bất ly đương xứ, thường trạm nhiên, mịch tức tri quân bất khả kiến. Thường trạm nhiên, hiển dã. Bất khả kiến, ẩn dã. Thị ẩn hiển tùy nghi nghĩa. Pháp Tánh trùng trùng, vô tận, vô tận, do như thiên đăng, hồ vi chủ bạn. Thị chủ bạn tương tham nghĩa. Tuy phi nhân, phi quả, nhi bất muội nhân quả, vô ngã, vô tác, vô thọ giả, thiện ác chi nghiệp diệc bất vong, thị thắng liệt phân minh nghĩa. Tán khứ phổ châu pháp giới, thâm lai tại nhất vi trần. Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội, thị tiểu đại vô định nghĩa. Hữu vật tiên thiên địa, vô hình bốn tịch liêu, năng vi vạn tượng chủ, bất trực tứ thời điều. Thị hàn thử bất thiên nghĩa. Chúng mỹ tất truong, bất phương thanh tịnh nhất sắc. Thanh tịnh nhất sắc, bất phương vạn đức giao la. Thị thái tổ giao huy nghĩa. Tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông, tùy duyên phó cảm mị bất châu, nhi hằng xử thử Bồ Đề tòa. Thị động tĩnh nhất nguyên nghĩa. Nhất thiết Như Lai quang nghiêm trụ trì, thị chư chúng sanh thanh tịnh giác địa. Thị phàm thánh kiêm thành nghĩa. Như Lai tạng trung, vô pháp bất cụ, tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng, thị cảm ứng minh phù nghĩa.

(鈔) 二言妙者，復有十二義，四同八別。一者，方華即果，不待華落，是為因果同時妙。二者，染而不染，不染而染，是為垢淨雙非妙。三者，一華遍圍於子外，眾子羅列於華中，是為總別齊彰妙。四者，晝則開敷，夜則還

合，是為隱顯隨宜妙。五者，巨蓮在中，而有百千萬億蓮華以為眷屬，是為主伴相參妙。六者，上中下品，各三成九，九九無量，隨其宿修，不相錯謬，是為勝劣分明妙。七者，大一由旬，乃至百千萬億由旬，是為小大無定妙。八者，不以春生，不以秋瘁，亙古常新，是為寒暑不遷妙。九者，朱紫玄黃，或復純白，雜色雜光，亦復如是，是為彩素交輝妙。十者，生於彼國，而能從空來至此土，迎取當生，是為動靜一源妙。十一者，諸佛菩薩，結跏其中，念佛眾生，托質其內，是為凡聖兼成妙。十二者，此方念佛，華即標名，勤惰纔分，榮枯頓異，是為感應冥符妙。前四後八，同別可知。

(演)妙有十二義者，初發心時，便成正覺，因該果海，果徹因源，是因果同時義。真如不守自性，五道隨緣，淨非淨也。正當五道隨緣，自性不變，垢非垢也，是垢淨雙非義。法界一相，不礙千差競起。千差競起，不礙法界一相。是總別齊彰義。不離當處，常湛然，覓即知君不可見。常湛然，顯也。不可見，隱也。是隱顯隨宜義。法性重重，無盡無盡，猶如千鐙，互為主伴。是主伴相參義。雖非因非果，而不昧因果，無我無作無受者，善惡之業亦不亡，是勝劣分明義。散去普周法界，收來在一微塵。其大無外，其小無內，是小大無定義。有物先天地，無形本寂寥，能為萬象主，不逐四時凋。是寒暑不遷義。眾美畢張，不妨清淨一色。清淨一色，不妨萬德交羅。是彩素交輝義。寂然不動，感而遂通，隨緣赴感靡不周，而恒處此菩提座。是動靜一源義。一切如來光嚴住持，是諸眾生清淨覺地。是凡聖兼成義。如來藏中，無法不具，隨眾生心，應所知量，是感應冥符義。

(Sao: Hai là nói đến Diệu thì lại có mười hai nghĩa, bốn nghĩa tương đồng, tám nghĩa khác biệt:

- Một là vừa đơm hoa liền có quả, chẳng đợi đến khi hoa rụng, đó

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bốn - Phần II

là điều màu nhiệm “nhân quả đồng thời”.

- Hai là nhiễm mà chẳng nhiễm, chẳng nhiễm mà nhiễm, đó là điều màu nhiệm “cầu và tịnh đều chẳng có”.

- Ba là một hoa, cánh hoa bọc khắp phía ngoài hạt, các hạt la liệt trong hoa, đó là điều màu nhiệm “tổng và biệt cùng phơi bày”.

- Bốn là ngày ắt xòe nở, đêm ắt khép cánh, đó là sự màu nhiệm “ẩn hiển tùy nghi”.

- Năm là hoa sen lớn ở giữa, có trăm ngàn vạn ức hoa sen [vây quanh] làm quyến thuộc, đó là điều màu nhiệm “chủ và bạn xen lẫn nhau”.

- Sáu là thượng, trung, hạ phẩm, trong mỗi phẩm lại gồm có ba phẩm, [ba nhân với ba] thành chín, chín nhân với chín [tiếp tục như thế mãi] thành vô lượng phẩm, tùy thuộc sự tu tập trước kia [trong lúc tu nhân, mà phẩm vị khác biệt] chẳng hề làm loạn. Đó là điều màu nhiệm “hơn kém phân minh”.

- Bảy là [hoa sen] to bằng một do-tuần, cho đến trăm ngàn vạn ức do-tuần, đó là điều màu nhiệm “lớn nhỏ không nhất định”.

- Tám là chẳng phải là mùa Xuân sanh trưởng, mùa Thu tàn tạ, mà luôn vĩnh viễn tươi mới, đó là điều màu nhiệm “nóng lạnh chẳng thay đổi”.

- Chín là son, tía, đen, vàng, hoặc là thuần trắng, hoa nhiều màu tỏa ánh sáng nhiều màu cũng giống như thế, đó là điều màu nhiệm “trắng và màu chói ngời lẫn nhau”.

- Mười là sanh trong cõi ấy, có thể từ không trung đến cõi này, tiếp đón người sẽ vãng sanh. Đó là điều màu nhiệm “động và tĩnh có cùng một nguồn”.

- Mười một, chư Phật, Bồ Tát, ngôi kết già trong đó, chúng sanh niệm Phật gọi thân trong ấy. Đó là điều màu nhiệm “phàm lẫn thánh đều thành tựu”.

- Mười hai là phương này niệm Phật, hoa [trong cõi Cực Lạc] liền đề tên. Do [niệm Phật] siêng năng hay lười nhác vừa mới sai khác, hoa liền tươi tốt hay héo khô khác biệt. Đó là điều màu nhiệm “cảm ứng phù hợp”.

Có thể biết bốn nghĩa đầu là đồng, tám nghĩa sau là biệt.

Diễn: “Diệu” có mười hai nghĩa:

- Lúc vừa mới phát tâm, liền thành Chánh Giác. Nhân bao trùm biến quả, quả thấu tận nguồn tâm. Đó là nghĩa “nhân quả đồng thời”.

- Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh, năm đường tùy duyên, tịnh mà

chẳng phải tịnh. Ngay trong khi tùy duyên trong năm đường, tự tánh bất biến, như mà chẳng phải như. Đó là nghĩa “tịnh lẫn cầu đều chẳng phải”.

- Pháp giới nhất tướng, chẳng trở ngại ngàn điều sai khác tranh nhau dậy lên. Ngàn điều sai khác tranh nhau dậy lên chẳng trở ngại pháp giới nhất tướng. Đó là nghĩa “tổng và biệt cùng phô bày”.

- Chẳng lìa chỗ này mà thường tĩnh lặng, hề tìm tòi bèn chẳng thể thấy được. Thường tĩnh lặng là hiển. Chẳng thể thấy là ẩn. Đó là nghĩa “ẩn hiển tùy nghi”.

- Pháp Tánh trùng trùng, vô tận, vô tận, giống như ngàn ngọn đèn, lần lượt làm chủ và bạn cho nhau. Đó là nghĩa “chủ và bạn xen lẫn”.

- Tuy chẳng phải là nhân, chẳng phải là quả, nhưng chẳng làm lạc nhân quả, vô ngã, vô tác, vô thọ giả, nghiệp thiện ác cũng chẳng mất. Đó là nghĩa “hơn và kém phân minh”.

- Rải rác thì trọn khắp pháp giới, thâu lại thì trong một vi trần. Nó lớn thì không có gì ra ngoài được, mà nhỏ thì không có gì ở trong. Đó là nghĩa “lớn và nhỏ không nhất định”.

- Có một vật trước khi có trời đất, vô hình, vốn lặng lẽ, có thể làm chủ cho muôn hình tượng, chẳng điều tàn theo bốn mùa. Đó là nghĩa “chẳng đổi dời theo nóng lạnh”.

- Phô trọn các điều tốt đẹp, chẳng trở ngại một sắc thanh tịnh. Một sắc thanh tịnh chẳng trở ngại vạn đức xen bủa. Đó là nghĩa “trắng và màu chói ngời lẫn nhau”.

- Lặng lẽ bất động, hề cảm bèn thông, tùy duyên mà ứng cảm, không gì chẳng trọn khắp, nhưng thường ngự trên tòa Bồ Đề này. Đó là nghĩa “động và tĩnh vốn cùng một nguồn”.

- Hết thấy Như Lai trụ trì trang nghiêm bằng quang minh chính là thanh tịnh giác địa của các chúng sanh. Đó là nghĩa “phàm và thánh cùng thành”.

- Trong Như Lai tạng, không pháp nào chẳng đủ, thuận theo cái tâm của chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ. Đó là nghĩa “cảm ứng ngầm phù hợp”).

(Sao) Tam ngôn hương giả, thử phương bỉ quốc tương giáo thắng liệt, diệt hữu nhị nghĩa. Nhất giả, thử phương tắc xuất ô nê trung, nghi vị sở hốn, nhi thanh hình chiêm nhiên, thị vị “uế trung hương”. Nhị giả, bỉ quốc tắc như Đại Bản ngôn, quang sắc ký dị, hương khí diệt dị, phân phương phức úc, bất khả thắng ngôn. Cố

thanh liên hoa hương, bạch liên hoa hương. Tụng tư kệ giả, thượng trí khẩu xuất liên hoa chi hương, siêu nhất thiết hương, hương vô dũ tỷ, thị vi “hương trung hương”. Tắc tri thử phương chi hương, dĩ thắng dư hoa, bỉ quốc nãi thắng nhi hựu thắng giả dã. Tứ ngôn khiết giả, thử bỉ thắng liệt, diệc hữu nhị nghĩa. Nhất giả, thử phương tắc xuất ô nê trung, nghi vị sở nhiễm; nhi oánh nhiên thanh tịnh. Thị vi “cầu trung khiết”. Nhị giả, bỉ quốc tắc căn tự kim sa, dị trước thổ cổ. Sanh tòng đức thủy, dị thường lưu cổ. Chất thành diệu bảo, dị phạm hủy cổ. Siêu nhất thiết khiết, khiết vô dũ tỷ, thị vi “khiết trung khiết”. Thắng nhi hựu thắng, lệ thượng khả tri. Dĩ thượng tòng kỳ thiết cận, lược biểu tứ đức. Nhược quảng diễn chi, diệc ưng vô lượng.

(Diễn) Hương khiết nhị nghĩa, sự tướng khả tri. Lý tắc tự tánh chi hoa, tuy cư phiền não chi trung, bất vị phiền não sở nhiễm, thị uế trung hương. Vãng sanh chi sĩ, cụ túc ngũ phần Pháp Thân chi hương, cập bát vạn tứ thiên Ba La Mật hương, thị hương trung hương dã. Hựu tự tánh tuy tại tam giới sanh tử chi trung, bất vị sanh tử sở thiên, thị vi cầu trung khiết. Vãng sanh chi sĩ, ký bất vị Phần Đoạn sở thiên, tịnh bất vị Biến Dịch sở động, tánh ly Hoặc nhiễm, tịnh pháp mãn túc, thị khiết trung khiết dã.

(鈔)三言香者，此方彼國相較勝劣，亦有二義。一者，此方則出汙泥中，宜為所溷，而清馨澹然，是為穢中香。二者，彼國則如大本言，光色既異，香氣亦異，芬芳馥郁，不可勝言。故青蓮華香，白蓮華香。誦斯偈者，尚致口出蓮華之香，超一切香，香無與比，是為香中香。則知此方之香，已勝餘華，彼國乃勝而又勝者也。四言潔者，此彼勝劣，亦有二義。一者，此方則出汙泥中，宜為所染；而瑩然清淨。是為垢中潔。二者，彼國則根自金沙，異濁土故。生從德水，異常流故。質成妙寶，異凡卉故。超一切潔，潔無與比，是為潔中潔。勝而又勝，例上可知。以上從其切近，略表四德。若廣演之，亦應無量。

(演)香潔二義，事相可知。理則自性之花，雖居煩惱之中，不為煩惱所染，是穢中香。往生之士，具足五分法身之香，及八萬四千波羅蜜香，是香中香也。又自性雖在

三界生死之中，不為生死所遷，是為垢中潔。往生之士，既不為分段所遷，並不為變易所動，性離惑染，淨法滿足，是潔中潔也。

(Sao: Ba là nói về hương, so sánh sự hơn kém giữa phương này và cõi kia thì cũng có hai nghĩa:

- Một là [hoa sen] nơi cõi này mọc từ bùn nhơ, lẽ ra phải nhuốm bẩn, mà lại ngiễm nhiên thơm sạch. Đó là Hương trong chốn ô ố.

- Hai là nước kia thì như kinh Đại Bồn đã nói: Quang minh và màu sắc đã lạ lùng, hương thơm cũng lạ, thơm tho, ngào ngạt, chẳng thể kể xiết. Vì thế, hương hoa sen xanh, hương hoa sen trắng, người tụng bài kệ ấy còn đến nỗi miệng tỏa mùi thơm hoa sen, vượt hơn hết thấy các thứ hương, chẳng có hương nào sánh bằng. Đó là “hương thơm nhất trong các loại hương”. Vì thế biết hương sen trong cõi này (Sa Bà) đã trội hơn [mùi hương của] các thứ hoa khác, nhưng cõi kia lại còn thù thắng hơn nữa.

Bốn là nói đến Khiết thì so sánh hơn kém giữa phương này và cõi kia, cũng có hai nghĩa:

- Một là phương này, [hoa sen] mọc từ bùn lầy, lẽ ra phải nên dơ bẩn; nhưng lại rạng ngời, thanh tịnh, đó là trong sạch trong dơ bẩn.

- Hai là cõi kia rễ sen mọc từ cát vàng, khác với đất bẩn, sanh từ nước tám công đức, khác với nước thông thường. Thể chất do chất báu nhiệm màu tạo thành, khác với những loài cây cỏ tầm thường. Vượt trội hết thấy các thứ thanh khiết, thanh khiết chẳng thể sánh bằng, là thanh khiết nhất trong các thứ thanh khiết. Đã thù thắng, lại càng thù thắng hơn!

Chuẩn theo những điều trên đây, có thể biết: Những điều vừa nói trên đây chỉ là dựa theo những gì thiết thực, gần gũi, để nêu bày đại lược bốn đức. Nếu giảng rộng thì các đức cũng phải là vô lượng.

Diễn: Hai nghĩa Hương và Khiết, về sự tương thì có thể biết. [Xét theo Lý], hoa tự tánh tuy ở trong phiền não, chẳng bị phiền não nhuốm bẩn, là “hương trong ố”. Người vắng sanh đầy đủ năm phần Pháp Thân hương, và tám vạn bốn ngàn hương Ba La Mật, là “hương trong hương”. Lại nữa, tự tánh tuy ở trong tam giới sanh tử, chẳng bị sanh tử dòi chuyễn, là “khiết trong nhơ”.

Người vắng sanh đã chẳng bị Phần Đoạn sanh tử đổi dời, mà cũng chẳng bị Biến Dịch sanh tử lay động, tánh là Hoặc nhiễm, tịnh pháp trọn đủ, là “khiết trong khiết” vậy).

(Sao) Văn: “Hữu vị hạ phẩm hạ sanh, sanh thiết liên hoa, kỳ thuyết nhiên phủ?” **Đáp:** “Vị kiến Phật thuyết”. Như thượng sở minh, sắc bất chỉ tứ. Hữu thất bảo hoa, tắc tri kim liên hoa giả, hoàng sắc sở nhiếp. Pha lê, xa cừ, cập dữ ngân liên, bạch sắc sở nhiếp. Xích châu, mã não, hồng sắc sở nhiếp, nãi chí lưu ly, diệc hoàng sắc nhiếp. Thôi nhi quảng chi, để thanh liên hoa, thanh sắc sở nhiếp, như chân châu đẳng, diệc bạch sắc nhiếp. Dĩ thị tham hợp, ưng vô thiết liên. Thiết ư ngũ kim, kim sở tiện cố. Thiết ư thất bảo, bảo sở vô cố. Cửu phẩm hạ sanh, do thắng thiên cung; thiên cung giai dĩ bảo thành, bất văn hữu thiết. Huống tại Tây Phương, hà đắc hữu thử?

(鈔)問: 有謂下品下生，生鐵蓮華，其說然否？答：未見佛說。如上所明，色不止四。有七寶華，則知金蓮華者，黃色所攝。玻璃磈磈，及與銀蓮，白色所攝。赤珠瑪瑙，紅色所攝，乃至琉璃，亦黃色攝。推而廣之，帝青蓮華，青色所攝，如真珠等，亦白色攝。以是參合，應無鐵蓮。鐵於五金，金所賤故。鐵於七寶，寶所無故。九品下生，猶勝天宮；天宮皆以寶成，不聞有鐵。況在西方，何得有此？

(Sao: Hỏi: “Có kẻ hỏi hạ phẩm hạ sanh bèn sanh trong hoa sen bằng sắt. Lời ấy đúng hay không?” **Đáp:** Chưa thấy đức Phật nói. Như những điều đã nói trên đây, [hoa sen] không phải chỉ có bốn màu. Có hoa bảy báu, nên biết là hoa sen bằng vàng thuộc vào hoa màu vàng. Hoa sen bằng pha lê, xa cừ, và bạc, thuộc về sắc trắng. Xích châu và mã não, thuộc về màu hồng, cho đến lưu ly cũng thuộc về màu vàng. Mở rộng ra, hoa sen màu để thanh (màu xanh của ngọc Đế Thanh, tức ngọc Indranilamuktā) thuộc về màu xanh, như [các loài hoa bằng] chân châu v.v... cũng thuộc về sắc trắng. Hợp các điều này lại để tham chiếu, ắt là chẳng thể có hoa sen bằng sắt. Trong ngũ kim, sắt hèn tệ hơn vàng. Sắt chẳng thuộc vào bảy báu. Hạ phẩm vãng sanh trong chín phẩm còn vượt xa thiên cung. Cung trời đều do chất báu tạo thành, chưa nghe nói có sắt; huống hồ tại Tây Phương thì làm sao có sắt cho được?)

(Sớ) Hữu liên hoa giả, vãng sanh bỉ quốc thác chất chi sở, niệm Phật chi nhân, đặc nghi tri thử.

(Sao) Thác chất giả, vị chứng Vô Sanh, sanh tất hữu thác. Lục thú chúng sanh, tắc Trung Ấm chi thân, tự cầu phụ mẫu. Vãng sanh

thiện sĩ, tặc nhất đàn chỉ khoảnh, liên hoa hóa sanh. Hạ văn “nhất tâm bất loạn, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ”, tức thị sanh thử liên hoa trung dã. Thị liên hoa giả, nãi tá phàm xác chi huyền cung, an huệ mạng chi thần trạch. Vãng nghệ chi quốc, hiệu viết Liên Bang. Đồng tu chi hữu, hiệu viết “liên hữu”. Ước Thiên tụng chi kỳ, hiệu viết Liên Lộ. Định xu hướng chi cực, hiệu viết Liên Tông. Trọng kỳ sự dã. Tu Tịnh Độ giả, nhược lễ Phật thời, đương tưởng kỷ thân tại liên hoa trung tác lễ, Phật tại liên hoa trung thọ ngã lễ kính. Nhược niệm Phật thời, đương tưởng kỷ thân tại liên hoa trung, kết già phu tọa, Phật tại liên hoa trung, tiếp dẫn ư ngã. Nhiên hậu nhất tâm trì danh. Tích hữu nhị Tăng, tác liên hoa khai hợp tướng, toại đắc vãng sanh. Huống phục gia chi nhất tâm trì danh nhi bất sanh giả!

(Diễn) Trung Âm chi thân, tự cầu phụ mẫu giả, Trung Âm vị Tiền Âm dĩ tạ, Hậu Âm vị thành, nhi trung gian sở thọ chi thân, danh vi Trung Âm Thân. Lục thú chúng sanh duy trừ cực thiện, cực ác, dư giai thông thọ thử thân dã. Tự cầu phụ mẫu, dư thú tặc bất khả tri; dẫn tự nhân thú, tức Lăng Nghiêm sở vị: “Kiến minh sắc phát, minh kiến tướng thành, dị kiến thành tăng, đồng tướng thành ái, lưu ái vi chủng, nạp tướng vi thai”, thị dã. Nhất đàn chỉ khoảnh, liên hoa hóa sanh giả, vị lâm chung tại Định chi tâm, tức Tịnh Độ thọ sanh chi tâm, cử niệm tức thị sanh Tịnh Độ thời dã.

(疏)又蓮華者，往生彼國托質之所，念佛之人，特宜知此。

(鈔)托質者，未證無生，生必有托。六趣眾生，則中陰之身，自求父母。往生善士，則一彈指頃，蓮華化生。下文一心不亂，即得往生阿彌陀佛極樂國土，即是生此蓮華中也。是蓮華者，乃卸凡殼之玄宮，安慧命之神宅。往詣之國，號曰蓮邦。同修之友，號曰蓮友。約禪誦之期，號曰蓮漏。定趨向之極，號曰蓮宗。重其事也。修淨土者，若禮佛時，當想己身在蓮華中作禮，佛在蓮華中受我禮敬。若念佛時，當想己身在蓮華中，結跏趺坐，佛在蓮華中，接引於我。然後一心持名。昔有二僧，作蓮華開合想，遂得往生。況復加之一心持名而不生者！

(演)中陰之身，自求父母者，中陰謂前陰已謝，後陰未成，而中間所受之身，名為中陰身。六趣眾生唯除極善極惡，餘皆通受此身也。自求父母，餘趣則不可知；但就人趣，即楞嚴所謂：見明色發，明見想成，異見成憎，同想成愛，流愛為種，納想為胎，是也。一彈指頃，蓮花化生者，謂臨終在定之心，即淨土受生之心，舉念即是生淨土時也。

(Sớ: Lại nữa, hoa sen là chỗ để người vãng sanh gửi thân trong cõi ấy. Người niệm Phật phải nên đặc biệt biết điều này.

Sao: “Gửi thân”: Chưa chứng vô sanh, hễ sanh thì ắt phải có chỗ để nương gửi. Chúng sanh trong sáu đường thì thân Trung Âm tự tìm cha mẹ. Người lành vãng sanh bèn trong một cái khay ngón tay, hóa sanh trong hoa sen. Trong phần “nhất tâm bất loạn” thuộc phần sau, có nói “liền được sanh sang cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật”, tức là sanh trong hoa sen ấy. Hoa sen ấy là cung điện u huyền để phá vỡ cái vỏ phàm, là nhà thần để an huệ mạng. Nước để tiến về được gọi là Liên Bang. Bạn đồng tu gọi là “liên hữu”. Dụng cụ để ước định thời gian tụng niệm, tĩnh tọa, gọi là Đồng Hồ Sen. Mục tiêu chung cực để quyết định hướng về thì gọi là Liên Tông. [Gọi như vậy là vì] coi trọng chuyện ấy. Người tu Tịnh Độ, nếu lúc lễ Phật, hãy nên tưởng thân mình đang ở trong hoa sen, đức Phật ở trong hoa sen, tiếp nhận sự lễ kính của ta. Nếu là lúc niệm Phật, hãy nên nghĩ mình đang ở trong hoa sen, ngồi xếp bằng, Phật ở trong hoa sen, tiếp dẫn ta. Sau đấy, nhất tâm trì danh. Xưa kia có hai vị Tăng tưởng hoa sen khép nở, liền được vãng sanh. Huống là người còn có thêm nhất tâm trì danh mà chẳng được vãng sanh ư?

Diễn: “Cái thân Trung Âm tự cầu cha mẹ”: Trung Âm là Tiền Âm đã tan, Hậu Âm chưa thành, cái thân lành thọ trong khoảng giữa ấy sẽ được gọi là Trung Âm Thân. Chúng sanh trong sáu đường, chỉ trừ kẻ cực thiện hay cực ác, những kẻ khác đều phải trải qua thân này. “Tự cầu cha mẹ”: Những đường khác không thể biết, chứ nhân loại thì như kinh Lăng Nghiêm nói: “[Trung Âm Thân] thấy nơi [cha mẹ mà mình sẽ đầu thai] có sắc sáng phát ra, khởi vọng tưởng mong đến được chỗ có ánh sáng đó, do vọng tưởng bèn tưởng [cha hay mẹ] thành khác lạ mà sanh lòng ghét, tưởng [mẹ hay cha] là đáng yêu thương, do vọng tưởng ấy lưu xuất, tạo thành chủng tử, nương gá vọng tưởng ấy thành thai” là nói về chuyện này. “Trong một cái khay ngón tay, hóa sanh trong hoa sen”,

nghĩa là lúc lâm chung cái tâm ở trong Định thì chính là cái tâm thọ sanh Tịnh Độ. Vừa đầy niệm thì là lúc sanh vào Tịnh Độ).

(Sao) **Vấn:** Thử kinh bất kiêm sắc tượng, kim hồ nãi nhĩ? **Đáp:** Hữu chuyên chủ cố, kiêm diệc vô ngại. Như Bồ Tát thiên hành Lục Độ thời, dĩ Thí vi chuyên chủ, dư phi bất tu, dẫn tùy lực, tùy phận. Kim niệm Phật diệc nhiên. Chuyên chủ ư quán tưởng giả, thiếu thời trì danh. Chuyên chủ ư trì danh giả, thiếu thời quán tưởng, diệc “tùy lực, tùy phận” chỉ ý dã. Sở vị: “Bất kiêm sắc tượng” giả, cái khủng nhất tâm chấp trì danh hiệu, hựu nhất tâm quán tưởng sắc tượng, bất duy tâm vô nhị dụng, nhị lưỡng sự song hành, khinh trọng bất phân, câu vô thành tựu nhĩ. Cầu minh ư Chánh Trợ chi nghĩa, tắc nhất tâm trì danh dĩ vi kỳ Chánh, thiếu thời chi Trợ, Trợ diệc quy Chánh, như hỏa ích tân, phục hữu hà ngại?

(Diễn) Bất kiêm sắc tượng giả, vị Văn Thù Nhất Hạnh tam-muội, bất thủ tướng mạo, chuyên xưng danh tự cố. Bồ Tát thiên hành Lục Độ giả, vị Thập Địa Bồ Tát, ư Thập Ba La Mật, các hữu chuyên chủ cố. Sở vị: Sơ Địa bố thí, Nhị Địa trì giới, Tam Địa nhẫn nhục, Tứ tinh tấn, Ngũ Thiền, Lục Bát, Thất phương tiện, Bát nguyện, Cửu lực, Thập trí huệ, thị dã. Kim bất ngôn thập, nhị ngôn lục giả, dĩ lục tức năng nhiếp thập cố. Dĩ Thí vi chuyên chủ, dư dẫn tùy lực, tùy phận giả, thị Sơ Địa Bồ Tát cảnh giới. Kinh vân: “Bồ Tát trụ Sơ Địa thời, ư nhất thiết vật, vô sở lận tích, cầu Phật đại trí, tu hành đại xả. Phàm thị sở hữu, nhất thiết năng thí. Thị Bồ Tát Thập Ba La Mật trung Đàn Ba La Mật tăng thượng, dư Ba La Mật phi bất tu hành, dẫn tùy lực, tùy phận dã”.

(鈔)問：此經不兼色像，今胡乃爾？答：有專主故，兼亦無礙。如菩薩偏行六度時，以施為專主，餘非不修，但隨力隨分。今念佛亦然。專主於觀想者，少時持名。專主於持名者，少時觀想，亦隨力隨分之意也。所謂：不兼色像者，蓋恐一心執持名號，又一心觀想色像，不唯心無二用，而兩事雙行，輕重不分，俱無成就耳。苟明於正助之義，則一心持名以為其正，少時之助，助亦歸正，如火益薪，復有何礙？

(演)不兼色像者，謂文殊一行三昧，不取相貌，專稱

名字故。菩薩偏行六度者，謂十地菩薩，於十波羅蜜，各有專主故。所謂：初地布施，二地持戒，三地忍辱，四精進，五禪，六般若，七方便，八願，九力，十智慧，是也。今不言十，而言六者，以六即能攝十故。以施為專主，餘但隨力隨分者，是初地菩薩境界。經云：菩薩住初地時，於一切物，無所吝惜，求佛大智，修行大捨。凡是所有，一切能施。是菩薩十波羅蜜中檀波羅蜜增上，餘波羅蜜非不修行，但隨力隨分也。

(Sao: Hỏi: “Kinh này chẳng kiêm sắc tượng, vì sao là như vậy?”
Đáp: Do vì chuyên chú trọng một môn chủ yếu, nếu tu kèm thêm [các pháp niệm Phật khác] thì cũng chẳng trở ngại. Như Bồ Tát lúc chú trọng tu Lục Độ, lấy Bố Thí làm chủ yếu, chẳng phải là không tu những hạnh khác, chỉ tùy sức, tùy phần [mà tu tập]. Nay niệm Phật cũng thế. Chuyên tu chủ yếu là quán tưởng thì ít dành thời gian để trì danh. Chuyên tu chủ yếu trì danh thì ít dành thời gian để quán tưởng, cũng là ý nghĩa “tùy phần, tùy sức”. Nói “không kiêm sắc tượng” là vì sợ đã nhất tâm chấp trì danh hiệu, lại còn nhất tâm quán tưởng sắc tượng, thì không gì chẳng phải là do “tâm không có hai tác dụng”, hai sự đều cùng hành, chẳng phân nặng, nhẹ, sẽ đều chẳng thành tựu. Nếu hiểu rõ nghĩa Chánh và Trợ, sẽ coi nhất tâm trì danh là Chánh, thời gian tu Trợ Hạnh ít hơn, Trợ cũng quy vào Chánh. Giống như thêm củi vào lửa, há còn trở ngại chi?

Diễn: “Chẳng kiêm sắc tượng”: Nhất Hạnh tam-muội của ngài Văn Thù chẳng giữ lấy tướng mạo, vì chuyên xưng danh tự. “Bồ Tát hành Lục Độ có chỗ thiên trọng”: Ý nói Thập Địa Bồ Tát, đối với Thập Ba La Mật, mỗi địa vị đều có sự chuyên chú riêng. Nghĩa là Sơ Địa chú trọng bố thí, Nhị Địa trì giới, Tam Địa nhẫn nhục, Tứ Địa tinh tấn, Ngũ Địa là Thiền, Lục Địa tu Bát Nhã, Thất Địa là phương tiện, Bát Địa là nguyện, Cửu Địa là lực, Thập Địa là trí huệ. Nay chẳng nói là mười, mà nói là sáu, do sáu có thể nhiếp trọn mười.

“Lấy Thí làm hạnh chủ yếu, những điều khác thì tùy phần, tùy lực”: Đây là cảnh giới của Sơ Địa Bồ Tát. Kinh dạy: “Lúc Bồ Tát trụ Sơ Địa, chẳng keo kiệt hết thấy các vật, cầu Phật đại trí, tu hành đại xả. Phàm là những gì chính mình có, sẽ đều có thể thí hết thấy. Bồ Tát đã tăng thượng Đàn Ba La Mật trong Thập Ba La Mật, chẳng phải là

không tu hành các Ba La Mật khác, mà chỉ tùy sức, tùy phần [tu tập] đấy thôi!”)

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh thanh tịnh quang minh, thị liên hoa nghĩa.

(Sao) Thanh tịnh biểu Sắc, tự tánh tiêm trần bất lập cố. Quang minh biểu quang, tự tánh vạn pháp lãng nhiên cố. Phật Địa Luận vân: “Nhu thị giả thật chi sắc, giai bất ly Phật tịnh tâm, tức thử tịnh tâm, năng hiển giả thật chi sắc”. Cổ kinh vân: “Thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang” đẳng, thị quang sắc bất nhị, Tịch Chiếu song dung dã. Hựu tự tánh tịch, thị hoa hợp nghĩa. Tự tánh chiếu, thị hoa khai nghĩa. Tự tánh cụ túc nhất thiết thiện pháp, thị vi diệu hương khiết nghĩa. Nhiên tắc bất ly trần cảnh, vị dục bảo trì, thường tại liên hoa trung, kinh hành cập tọa ngọa.

(Diễn) Phật Địa hạ, dẫn chứng giả thật chi sắc giả. Trường, đoãn, phương, viên, nãi chí quang ảnh đẳng vi giả sắc. Dĩ đối đoãn vi trường, đối trường vi đoãn, vô nhất định thật thể cố. Thanh, hoàng, xích, bạch đẳng vi thật sắc, dĩ thanh đẳng tích chí cực vi, sắc bất cải cố. Hựu thật sắc thị nhãn thức sở duyên; giả sắc thị ý thức sở duyên, như thủy nguyệt, kính hoa đẳng. Giai bất ly Phật tịnh tâm giả, chư Phật tịnh tâm, phi giả, phi thật. Giả thật chi sắc bất ly thử tâm cố, tức thử tịnh tâm năng hiển giả thật chi sắc giả. Dĩ thử tâm thị giả, thị thật, tắc bất năng hiện giả thật chi sắc cố. Kim phục giải vân: Phật Địa Luận thị minh sắc tâm bất nhị, giả thật chi sắc bất ly Phật tịnh tâm giả, vị chủng chủng chư sắc, bất dị Pháp Thân chân tâm, như ba dũ thủy, bốn lai vô nhị dã. Dĩ vô lượng trang nghiêm, các các sai biệt, giai Chân Như tự tại dụng cố. Thử cú minh sắc tức tâm dã. Tức thử tịnh tâm năng hiển giả thật giả, vị tức thử Pháp Thân thị sắc thể cố, năng hiện ư sắc dã. Dĩ y trí tịnh tướng, năng tác nhất thiết thắng diệu cảnh giới cố. Thử cú minh tâm tức sắc dã. Cổ kinh hạ, kết quy đương kinh, thanh sắc, thanh quang đẳng giả, thanh sắc đẳng thị thật sắc, thanh quang đẳng thị giả sắc. Ký vân giả thật chi sắc giai bất ly Phật tịnh tâm, tắc thử kinh quang sắc bất nhị, tức tự tánh tịch chiếu song dung dã. Hựu giải vân: Quang sắc bất nhị giả, vị thanh sắc hữu thanh quang, bạch sắc hữu bạch quang, quang sắc bất nhị dã. Tịch chiếu song dung giả, dĩ quang hữu chiếu nghĩa, sắc hữu tịch nghĩa. Hoa chi quang sắc bất nhị, tức tánh chi tịch chiếu song dung dã.

(疏)稱理，則自性清淨光明，是蓮華義。

(鈔)清淨表色，自性纖塵不立故。光明表光，自性萬法朗然故。佛地論云：如是假實之色，皆不離佛淨心，即此淨心，能顯假實之色。故經云：青色青光，黃色黃光等，是光色不二，寂照雙融也。又自性寂，是華合義。自性照，是華開義。自性具足一切善法，是微妙香潔義。然則不離塵境，未浴寶池，常在蓮華中，經行及坐臥。

(演)佛地下，引證假實之色者。長短方圓，乃至光影等為假色。以對短為長，對長為短，無一定實體故。青黃赤白等為實色，以青等析至極微，色不改故。又實色是眼識所緣；假色是意識所緣，如水月鏡花等。皆不離佛淨心者，諸佛淨心，非假非實。假實之色不離此心故，即此淨心能顯假實之色者。以此心是假是實，則不能現假實之色故。今復解云：佛地論是明色心不二，假實之色不離佛淨心者，謂種種諸色，不異法身真心，如波與水，本來無二也。以無量莊嚴，各各差別，皆真如自在用故。此句明色即心也。即此淨心能顯假實者，謂即此法身是色體故，能現於色也。以依智淨相，能作一切勝妙境界故。此句明心即色也。故經下，結歸當經，青色青光等者，青色等是實色，青光等是假色。既云假實之色皆不離佛淨心，則此經光色不二，即自性寂照雙融也。又解云：光色不二者，謂青色有青光，白色有白光，光色不二也。寂照雙融者，以光有照義，色有寂義。花之光色不二，即性之寂照雙融也。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh thanh tịnh quang minh là ý nghĩa của hoa sen.

Sao: “Thanh tịnh” biểu thị Sắc, tự tánh chẳng lập mây trần. “Quang minh” biểu thị quang minh, tự tánh vạn pháp rạng ngời. Phật Địa Luận viết: “Sắc giả thật như vậy, đều chẳng là tịnh tâm của Phật. Do chính ngay tịnh tâm ấy mà có thể hiển hiện sắc giả và thật. Vì thế, kinh nói “sắc xanh, ánh sáng xanh; sắc vàng, ánh sáng vàng” v.v...

chính là nói quang minh và màu sắc bất nhị, Tịch và Chiếu cùng viên dung. Lại nữa, tự tánh tịch là ý nghĩa hoa cụp lại. Tự tánh chiếu là ý nghĩa hoa nở. Tự tánh trọn đủ hết thấy các thiện pháp là ý nghĩa “vi diệu hương khiết”. Vậy thì chẳng lìa trần cảnh, chưa tắm trong ao bấu, mà thường kinh hành và ngồi, nằm trong hoa sen.

Diễn: Từ chữ “Phật Địa” trở đi là dẫn chứng về giả sắc và thật sắc. Dài, ngắn, vuông, tròn, cho đến ánh sáng, hình bóng v.v... là giả sắc; do tương phản của ngắn là dài, đối nghịch với dài là ngắn, không có thật thể nhất định. Xanh, vàng, đỏ, trắng v.v... là thật sắc, vì những màu như xanh v.v... chia sẻ đến mức cực vi, sắc chẳng thay đổi. Lại nữa, thật sắc được duyên bởi nhãn thức, giả sắc được duyên bởi ý thức, như trắng trong nước, như hoa trong gương v.v...

“Đều chẳng lìa cái tâm thanh tịnh của Phật”: Tâm thanh tịnh của chư Phật chẳng phải giả, chẳng phải thật. Do giả sắc và thật sắc chẳng lìa cái tâm ấy, từ ngay cái tâm thanh tịnh ấy mà có thể hiển lộ giả sắc và thật sắc. Do cái tâm ấy nếu là giả, hay là thật, sẽ chẳng thể hiện giả sắc hay thật sắc. Nay lại giải thích như sau: Phật Địa Luận nhằm chỉ rõ “sắc và tâm bất nhị, giả sắc và thật sắc chẳng lìa tịnh tâm của Phật”. Tức là đủ mọi thứ sắc, chẳng khác Pháp Thân chân tâm, như sóng và nước, vốn chẳng hai. Do vô lượng trang nghiêm, mà mỗi mỗi sai biệt, đều là tác dụng tự tại của Chân Như. Câu này nhằm chỉ ra “sắc chính là tâm”.

“Từ ngay cái tâm thanh tịnh ấy, có thể hiển lộ giả và thật”, nghĩa là Pháp Thân chính là sắc thể, có thể hiển lộ sắc. Do nương vào tướng thanh tịnh của trí, có thể tạo hết thấy cảnh giới màu nhiệm thù thắng. Câu này chính là nói rõ: “Tâm chính là sắc”.

Từ câu “vì thế, kinh này” trở đi, quy kết các câu “màu xanh, ánh sáng xanh” v.v... trong kinh này, màu xanh v.v... là thật sắc, ánh sáng xanh v.v... là giả sắc. Đã nói “giả sắc và thật sắc đều chẳng lìa cái tâm thanh tịnh của Phật”, vậy thì trong kinh này, quang và sắc chẳng hai, chính là tự tánh Tịch và Chiếu cùng dung thông.

Lại giải thích như sau: “Quang và sắc chẳng hai”, tức màu xanh có ánh sáng xanh, màu trắng có ánh sáng trắng, quang và sắc chẳng hai! “Tịch và Chiếu cùng dung thông”: Do quang có ý nghĩa Chiếu, sắc có ý nghĩa Tịch. Ánh sáng và màu sắc của hoa chẳng hai, tức là Tịch và Chiếu cùng dung thông. Do quang có nghĩa Chiếu, sắc có nghĩa Tịch, quang minh và màu sắc của hoa chẳng hai, tức là tự tánh Tịch và Chiếu cùng dung hội vậy).

Tứ, tổng kết.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Sớ) Như thượng lan, vôong, hàng thụ, trì, các, liên hoa, chủng chủng trang nghiêm, giai thị A Di Đà Phật nhân trung sở phát đại nguyện, cập nguyện hậu sở tu đại hạnh, vô lượng công đức chỉ sở thành tựu dã, như Hoa Nghiêm trung nguyện hạnh, diệc đồng thử ý.

(Sao) Nguyện dĩ khởi hạnh, hạnh dĩ thật nguyện. Bồ Tát nhân địa, mặc bất giai nhiên. Hạnh mãn, nguyện toại, danh vi “thành tựu”. Nhân trung giả, vi Pháp Tạng tỳ-kheo thời dã. Ngôn nguyện giả, sở phát tứ thập bát nguyện dã. Hữu nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, sanh ngã sát giả, giai ư thất bảo thủy trì, liên hoa hóa sanh”. Hựu nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, ngã sát trung tự địa dĩ thượng, chỉ ư hư không, giai hữu cung điện, lâu các, trì lưu, hoa thụ, tất dĩ vô lượng chúng bảo, bách thiên chủng hương nhi cộng hợp thành”. Hựu vân: “Nhiệm ngã thành Phật, châu biến quốc trung chư trang nghiêm cụ, vô hữu chúng sanh năng tổng diễn thuyết”, thị vi đại nguyện. Ngôn Hạnh giả, Đại Bỏ vân: “Pháp Tạng tỳ-kheo, ư Thế Tự Tại Vương Phật sở, nhiếp thủ nhị bách nhất thập ức Phật sát thanh tịnh chỉ hạnh, như bỉ tu trì”. Hựu vân: “Pháp Tạng tỳ-kheo, phát tứ thập bát nguyện dĩ, trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, A-tăng-kỳ kiếp tu Bồ Tát hạnh, hộ thân khẩu ý, tu hành Lục Độ, liễu Không, Vô Tướng, Vô Tác, dĩ hành giáo hóa, trí vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm”, thị vi đại hạnh. Ngôn công đức giả, tức thử hạnh nguyện, danh vi công đức. Đại Bỏ vân: “Như thị tích công lũy đức, vô lượng thiên vạn ức kiếp, công đức viên bị, phương đắc thành tựu tư nguyện, nhi nhập Phật vị”.

(Diễn) Nguyện dĩ khởi Hạnh, Hạnh dĩ thật Nguyện giả, dĩ Nguyện đạo Hạnh, dĩ Hạnh điền Nguyện dã. Hạnh phi Nguyện khởi, tác Hạnh nãi nguy hạnh, phi chân thật hạnh! Nguyện vô Hạnh điền, Nguyện nãi hư nguyện, phi chân thật nguyện. Hạnh mãn, Nguyện toại, danh vi “thành tựu” giả, Di Đà thành tựu công đức trang nghiêm, giai nhân trung quảng đại hạnh nguyện chỉ lực, phi nhất triêu, nhất tịch chỉ cố dã. Nhiếp thủ nhị bách nhất thập ức sát như bỉ tu trì giả, thử xứng tánh chỉ Hạnh dã. Dĩ tánh vô tận cố, Hạnh diệc vô tận. Nhất tu, nhất thiết tu, nhất hành, nhất thiết hành. Ngôn nhị bách nhất thập ức giả, cử tam thất chỉ đa, biểu kỳ vô tận dã. Trụ Chân Thật Huệ giả, tiên ngộ Tỳ Lô pháp giới, dũng mãnh tinh tấn, A-tăng-kỳ

kiếp tu Bồ Tát hạnh giả. Thứ tu Phổ Hiền hạnh môn dã. Nhiên tất phát tứ thập bát nguyện dĩ, nhiên hậu tu giả, sở vị dĩ Nguyên đạo Hạnh, dĩ Hạnh điền Nguyên dã. Hộ thân khẩu ý, thị biệt cử tri giới nhất môn, tu hành Lục Độ, tắc bị cử sở tu chi Hạnh. Thử thượng, nãi tự lợi chi hạnh. Liễu Không, Vô Tướng hạ, nãi lợi tha chi hạnh dã. Liễu Không, Vô Tướng, Vô Tác, thị Pháp Thân Bồ Tát tam giải thoát môn, vị liễu tri vô nhân, vô ngã, vô thọ mạng, tự tánh không, vô tác giả, vô thọ giả, tức danh Không Giải Thoát Môn. Quán nhất thiết pháp giai tự tánh diệt, tất cánh giải thoát. Vô hữu thiểu pháp tướng sanh, tức danh Vô Tướng Giải Thoát Môn. Như thị nhập Không Vô Tướng dĩ, vô hữu nguyện cầu, duy trừ đại bi vi thủ, giáo hóa chúng sanh, tức danh Vô Tác Giải Thoát Môn. Liễu Không, Vô Tướng, Vô Tác, dĩ hành giáo hóa giả, vị bất đồng dư giáo tâm ngoại hữu pháp, thật hữu sanh khả độ, nãi thị chung nhật độ nhi vô độ, chung nhật vô độ nhi độ, sở vị: “Tuy tri chư Phật quốc, cập dữ chúng sanh không, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chư chúng sanh”, thị dã.

四、總結。

(經)舍利弗！極樂國土，成就如是功德莊嚴。

(疏)如上欄網行樹，池閣蓮華，種種莊嚴，皆是阿彌陀佛因中所發大願，及願後所修大行，無量功德之所成就也，如華嚴中願行，亦同此意。

(鈔)願以起行，行以實願，菩薩因地，莫不皆然。行滿願遂，名為成就。因中者，為法藏比丘時也。言願者，所發四十八願也。有願云：我作佛時，生我剎者，皆於七寶水池，蓮華化生。又願云：我作佛時，我剎中自地以上，至於虛空，皆有宮殿樓閣，池流華樹，悉以無量眾寶，百千種香而共合成。又云：若我成佛，周遍國中諸莊嚴具，無有眾生能總演說，是為大願。言行者，大本云：法藏比丘，於世自在王佛所，攝取二百一十億佛剎清淨之行，如彼修持。又云：法藏比丘，發四十八願已，住真實慧，勇猛精進，阿僧祇劫修菩薩行，護身口意，修行六度，了空無相無作，以行教化，致無量眾生發菩提心，是謂大行。言功德者，即此行願，名為功德。大本云：如是

積功累德，無量千萬億劫，功德圓備，方得成就斯願，而入佛位。

(演)願以起行，行以實願者。以願導行，以行填願也。行非願起，則行乃偽行，非真實行！願無行填，願乃虛願，非真實願。行滿，願遂，名為成就者，彌陀成就功德莊嚴，皆因中廣大作願之力，非一朝，一夕之故也。攝取二百一十億剎如彼修持者，此稱性之行也。以性無盡故，行亦無盡。一修一切修，一行一切行。言二百一十億者，舉三七之多，表其無盡也。住真實慧者，先悟毘盧法界，勇猛精進，阿僧祇劫修菩薩行者。次修普賢行門也。然必發四十八願已，然後修者，所謂以願導行，以行填願也。護身口意，是別舉持戒一門，修行六度，則備舉所修之行。此上，乃自利之行。了空無相下，乃利他之行也。了空無相無作，是法身菩薩三解脫門，謂了知無人無我，無壽命自性空，無作者，無受者，即名空解脫門。觀一切法皆自性滅，畢竟解脫。無有少法相生，即名無相解脫門。如是入空無相已，無有願求，唯除大悲為首，教化眾生，即名無作解脫門。了空無相無作，以行教化者，謂不同餘教心外有法，實有生可度，乃是終日度而無度，終日無度而度，所謂：雖知諸佛國，及與眾生空，而常修淨土，教化諸眾生，是也。

(Bốn, tổng kết.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế.*

Sớ: *Các thứ trang nghiêm như lan can, lưì, hàng cây, ao, gác, hoa sen trên đây, đều do A Di Đà Phật trong lúc tu nhân đã phát đại nguyện, và vô lượng công đức của đại hạnh do Ngài đã tu sau khi phát nguyện mà thành tựu. Như các nguyện hạnh trong kinh Hoa Nghiêm cũng có cùng ý nghĩa này.*

Sao: *Nguyện để khởi Hạnh, Hạnh để thực hiện Nguyện; Bồ Tát trong lúc tu nhân, không vị nào chẳng vậy. Hạnh mãi, Nguyện toại, gọi là “thành tựu”.*

“Trong lúc tu nhân” [là nói] lúc Ngài là tỳ-kheo Pháp Tạng. Nói tới nguyện thì Ngài đã phát bốn mươi tám nguyện. Ngài có nguyện như sau: “Khi tôi làm Phật, người sanh về cõi tôi, đều hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu”. Lại nguyện rằng: “Khi tôi làm Phật, trong cõi tôi, từ mặt đất trở lên cho đến hư không, đều có cung điện, lầu gác, ao suối, cây hoa, đều dùng vô lượng các thứ báu, trăm ngàn các thứ hương để cùng hợp thành”. Lại nói: “Nếu tôi thành Phật, các thứ vật trang nghiêm trọn khắp cõi nước, chẳng có chúng sanh nào có thể diễn nói tổng quát”, đại nguyện như thế đó. Nói về Hạnh thì kinh Đại Bản nói tỳ-kheo Pháp Tạng ở chỗ Thế Tự Tại Vương Phật, đã nhiếp thủ các hạnh thanh tịnh trong hai trăm mười ức cõi Phật, tu trì như thế đó.

Lại nói: “Tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát bốn mươi tám nguyện xong, bèn trụ trong Chân Thật Huệ, dùng mãnh tinh tấn. Trong A-tăng-kỳ kiếp tu Bồ Tát hạnh, giữ gìn thân, miệng, ý, tu hành Lục Độ, liễu đạt Không, Vô Tướng, Vô Tác, dùng hạnh giáo hóa, khiến cho vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm”, đó gọi là đại hạnh. Nói tới công đức thì hạnh nguyện ấy được gọi là công đức. Kinh Đại Bản nói: “Tích lũy công đức như thế trong vô lượng ngàn vạn ức kiếp, công đức trọn đủ, nên mới thành tựu nguyện ấy, dựa vào địa vị Phật”.

Diễn: “Nguyện để khởi Hạnh, Hạnh để thực hiện nguyện”: Dùng Nguyện hướng dẫn Hạnh, dùng Hạnh để đền bồi Nguyện. Hạnh chẳng do Nguyện mà khởi thì Hạnh ấy là nguy hạnh, chẳng phải là chân thật hạnh! Nguyện mà chẳng có Hạnh để thực hiện, Nguyện ấy sẽ là Nguyện rỗng tuếch, chẳng phải là chân thật nguyện. “Hạnh mãn, Nguyện toại thì gọi là thành tựu”: Phật Di Đà thành tựu công đức trang nghiêm, đều do sức của hạnh nguyện rộng lớn trong khi tu nhân, chẳng phải là một ngày, một buổi mà có! “Nhiếp thủ hai trăm mười ức cõi nước để tu trì như thế đó”: Đây là Hạnh tương xứng với tánh. Do tánh là vô tận, Hạnh cũng vô tận. Một tu thì hết thấy đều tu, một hành thì hết thấy đều hành. Nói “hai trăm mười ức” là nêu lên số nhiều đến hai mươi mốt, nhằm biểu thị sự vô tận.

“Trụ Chân Thật Huệ”: Trước hết là ngộ Tỳ Lô pháp giới, dùng mãnh tinh tấn, trong A-tăng-kỳ kiếp tu Bồ Tát hạnh. Kế đến, tu Phổ Hiền hạnh môn; nhưng ắt phải phát bốn mươi tám nguyện, rồi sau đây mới tu. Đó gọi là “dùng Nguyện để hướng dẫn Hạnh, dùng Hạnh để đền bồi Nguyện”.

“Giữ gìn thân, miệng, ý” là nêu riêng một môn trì giới, [còn nói] “tu hành Lục Độ” tức là nêu trọn các hạnh đã tu. Trên đây chính là

hạnh tự lợi. Từ “liễu đạt Không, Vô Tướng” trở đi, chính là hạnh lợi tha. “Liễu đạt Không, Vô Tướng, Vô Tác” là ba môn giải thoát của Pháp Thân Bồ Tát, tức là: Liễu tri vô nhân, vô ngã, vô thọ mạng, tự tánh không, không có người làm, không có người nhận, thì gọi là Không Giải Thoát Môn. Quán hết thấy các pháp đều là tự tánh diệt, rốt ráo giải thoát, chẳng có chút pháp tướng nào được sanh ra, thì gọi là Vô Tướng Giải Thoát Môn. Đã nhập Không Vô Tướng, chẳng có nguyên cầu, chỉ trừ đại bi làm đầu, giáo hóa chúng sanh, thì gọi là Vô Tác Giải Thoát Môn.

“Liễu đạt Không, Vô Tướng, Vô Tác, thực hiện chuyện giáo hóa”, ý nói: Chẳng giống các giáo khác “có pháp ngoài tâm, thật sự có chúng sanh để có thể độ”, đây chính là “suốt ngày độ sanh mà không có chúng sanh đắc độ, suốt ngày chẳng độ mà độ chúng sanh. Đây gọi là “tuy biết các cội Phật, và chúng sanh đều không, nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa các chúng sanh” chính là nói về ý này).

(Sao) Hoa Nghiêm nguyện hạnh giả, Hoa Tạng Thế Giới phẩm vân: “Thử Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, thị Tỳ Lô Giá Na vãng tích vi trần số Phật sở, tu vi trần số đại nguyện chi sở nghiêm tịnh”. Hựu hạ vân: “Phổ Hiền trí địa hạnh tất thành, nhất thiết trang nghiêm tòng thử xuất”. Lệ Pháp Tạng nguyện hạnh, diệc do thị dã.

(Diễn) Hoa Tạng thế giới hạ, thị tiên minh Nguyện. Hựu hạ vân hạ, thị thứ minh Hạnh, Phổ Hiền trí địa hạnh tất thành giả, vị Phổ Hiền trí địa để hạnh giai tất thành tựu dã.

(鈔)華嚴願行者，華藏世界品云：此華藏莊嚴世界海，是毗盧遮那往昔微塵數佛所，修微塵數大願之所嚴淨。又下云：普賢智地行悉成，一切莊嚴從此出，例法藏願行，亦猶是也。

(演)華藏世界下，是先明願。又下云下，是次明行，普賢智地行悉成者，謂普賢智地底行皆悉成就也。

(Sao: “Hoa Nghiêm nguyện hạnh”: Phẩm Hoa Tạng Thế Giới [trong kinh Hoa Nghiêm] có nói: “Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải này là do đức Tỳ Lô Giá Na trong quá khứ đã ở chỗ vi trần số Phật, tu vi trần số đại nguyện để nghiêm tịnh”. Sau đó lại nói: “Trí địa của Phổ Hiền đều do Hạnh mà thành, hết thấy sự trang nghiêm từ đây mà ra”. Phỏng theo lệ đó, nguyện hạnh của ngài Pháp Tạng cũng phải

giống như vậy.

Diễn: Từ “*Hoa Tạng thế giới*” trở đi, trước hết là nói đến *Nguyện*. Từ “*sau đó lại nói*” trở đi, kế đó nói về *Hạnh*. “*Trí địa của Phổ Hiền đều do Hạnh mà thành*”, ý nói: *Trí địa của Phổ Hiền đều do hạnh mà được thành tựu*).

(*Sớ*) *Hựu công đức giả, vô lậu tánh công đức dã, phục hữu thắng, liệt, kim thị thắng công đức cố.*

(*Diễn*) *Vô lậu tánh công đức giả, dĩ thử công đức, nãi thị tòng tánh khởi tu, toàn tu tức tánh cố.*

(*疏*) 又功德者，無漏性功德也，復有勝劣，今是勝功德故。

(*演*) 無漏性功德者，以此功德，乃是從性起修，全修即性故。

(*Sớ*: *Lại nữa, “công đức” là công đức có tánh chất vô lậu, lại có thù thắng và kém cỏi. Nay [công đức được nói trong kinh này] là công đức thù thắng.*

Diễn: “*Công đức có tánh chất vô lậu*”: Do công đức này chính từ tánh khởi tu, toàn thể tu chính là tánh).

(*Sao*) *Vô lậu công đức giả, Sơ Tổ dĩ doanh tu thế phước, vi hữu lậu chi nhân, bất danh công đức. Hựu vân công đức tại Pháp Thân trung, tắc thử chi đại hạnh, đại nguyện, giai tự tánh vô lậu công đức, phi sự thượng nhân thiên tiểu quả hữu lậu chi nhân dã. Thắng liệt giả, Thanh Văn, Bồ Tát, nãi chí ư Phật, giai hữu công đức, tiểu đại huyền thù. Kim thị bỉ Phật nhân địa, tu vô lượng nguyện hạnh chi sở thành tựu, sùng công chí đức, bất khả tư nghị, cố vân thắng dã.*

(*Diễn*) *Doanh tu thế phước vi hữu lậu nhân giả, Sơ Tổ thử kiến Lương Vũ Đế, Đế vân viết: “Quả nhân tạo tự, tá kinh, độ Tăng vô lượng, hữu công đức phủ?” Tổ viết: “Thật vô công đức. Thử dẫn nhân thiên tiểu quả! Hữu lậu chi nhân như ảnh tùy hình, tuy hữu, phi thật!” Đế viết: “Như hà thị chân thật công đức?” Đáp viết: “Tịnh trí diệu viên, thể tự không tịch, như thị công đức bất dĩ thế cầu”.*

(*鈔*) 無漏功德者，初祖以營修世福，為有漏之因，不名功德。又云功德在法身中，則此之大行大願，皆自性無漏功德，非事上人天小果有漏之因也。勝劣者，聲聞菩

薩，乃至於佛，皆有功德，小大懸殊。今是彼佛因地，修無量願行之所成就，崇功至德，不可思議，故云勝也。

(演)營修世福為有漏因者，初祖始見梁武帝，帝問曰：寡人造寺寫經，度僧無量，有功德否？祖曰：實無功德。此但人天小果！有漏之因如影隨形，雖有非實！帝曰：如何是真實功德？答曰：淨智妙圓，體自空寂，如是功德不以世求。

(Sao: “Vô lậu công đức”: Sớ Tổ (tổ Bồ Đề Đạt Ma) coi chuyện lo toan tu tập phước thế gian là cái nhân hữu lậu, chẳng đáng gọi là “công đức”. Lại nói, công đức ở nơi Pháp Thân, cho nên đại hạnh đại nguyện này đều là công đức vô lậu của tự tánh, chẳng phải là cái nhân hữu lậu nơi mặt Sự thuộc về tiểu quả trong cõi trời người. “Thù thắng và hơn kém”: Từ Thanh Văn, Bồ Tát cho đến Phật đều có công đức, nhưng nhỏ hay to khác biệt rất xa. Nay đức Phật ấy (A Di Đà Phật) trong lúc tu nhân đã tu vô lượng nguyện hạnh mà thành tựu công đức cao cả tột bậc, chẳng thể nghĩ bàn, cho nên nói là “thù thắng”).

Diễn: “Lo toan tu tập phước thế gian thì là cái nhân hữu lậu”: Sớ Tổ vừa mới gặp Lương Vũ Đế, vua hỏi: “Quả nhân dựng chùa, chép kinh, độ cho tăng sĩ xuất gia vô lượng. Có công đức hay không?” Tổ đáp: “Thật sự không có công đức. [Bối lễ], đấy chỉ là cái quả nhỏ nhoi trong đường nhân thiên. Cái nhân hữu lậu như bóng theo hình, tuy có, nhưng chẳng thật!” Vua hỏi: “Thế nào là công đức chân thật?” Đáp: “Tịnh trí diệu viên, Thế vốn tự không tịch. Công đức như thế chẳng thể dùng [phước đức] thế gian để cầu được”).

(Sớ) Vấn: Kim Cang Bát Nhã vị: “Trang nghiêm Phật độ giả, thật phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm”, kim nãi quảng trăn y chánh, vân hà nhị kinh ý nghĩa tương bội? Đáp: Tánh tướng bất thù, sở tông dị cố.

(Diễn) Kim Cang Bát Nhã chí thị danh trang nghiêm giả, kinh vân: “Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Bồ Tát trang nghiêm Phật độ phủ? Bất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm”. Cổ thích vân: “Dĩ Bồ Tát tuy tu hành nghiêm độ, hành nãi vô tác, độ diệc phi nghiêm. Phi nghiêm nhi nghiêm, cố viết: Tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm”. Kim dẫn thứ dĩ vấn, nãi đoạn chương thủ nghĩa, vị thật vô trang nghiêm,

phương thị chân trang nghiêm dã; nhi kim nãi hữu chủng chủng y chánh trang nghiêm, bất dữ Kim Cang tương vi bội da? Thị phi đản bất tri Tịnh Độ, tịnh bất tri Kim Cang dã. Cố dĩ tánh tướng dung thông, sở tông hữu dị đáp chi.

(疏)問：金剛般若謂：莊嚴佛土者，實非莊嚴，是名莊嚴，今乃廣陳依正，云何二經意義相背？答：性相不殊，所宗異故。

(演)金剛般若至是名莊嚴者，經云：須菩提！於意云何？菩薩莊嚴佛土不？不也，世尊！何以故？莊嚴佛土者，即非莊嚴，是名莊嚴。古釋云：以菩薩雖修行嚴土，行乃無作，土亦非嚴。非嚴而嚴，故曰：即非莊嚴，是名莊嚴。今引此以問，乃斷章取義，謂實無莊嚴，方是真莊嚴也；而今乃有種種依正莊嚴；不與金剛相違背耶？是非但不知淨土，并不知金剛也。故以性相融通，所宗有異答之。

(Sớ: Hỏi: Kinh Kim Cang Bát Nhã nói “trang nghiêm cõi Phật, nhưng thật ra chẳng trang nghiêm, thì mới gọi là trang nghiêm”, nay [kinh này] lại trần thuật rộng rãi y báo và chánh báo, có sao hai kinh có ý nghĩa mâu thuẫn nhau? Đáp: Tánh và Tướng chẳng khác, nhưng mỗi kinh đề cao những điều khác nhau.

Diễn: Từ “Kim Cang Bát Nhã” cho đến “gọi là trang nghiêm”: Kinh nói: “Này Tu Bồ Đề! Ý ông như thế nào? Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật hay không? Thưa không, Thế Tôn! Vì có nào? Trang nghiêm cõi Phật tức chẳng phải trang nghiêm, bèn gọi là trang nghiêm”. Cổ nhân giải thích rằng: “Do Bồ Tát tuy tu hành để trang nghiêm cõi nước, nhưng hành bèn vô tác, cõi nước cũng chẳng được trang nghiêm. Chẳng trang nghiêm mà trang nghiêm; cho nên nói: - Chẳng phải là trang nghiêm thì gọi là trang nghiêm”.

Nay [kẻ cật vấn] dùng ngay chuyện này để hỏi, tức là cắt xén ý nghĩa, cho rằng “phải thật sự không trang nghiêm thì mới là trang nghiêm thật sự”; [từ đó lập luận]: Nay thì [kinh này] có nói đủ mọi thứ y báo và chánh báo trang nghiêm, há chẳng phải là mâu thuẫn với kinh Kim Cang ư? [Bắt bẻ như vậy], đây là không chỉ chẳng biết Tịnh Độ, mà cũng chẳng biết Kim Cang! Do vì tánh và tướng dung thông, tùy thuộc [mỗi kinh] đề cao những điều khác nhau mà trả lời khác nhau).

(Sao) Tánh tướng bất thù giả, toàn tánh khởi tướng, toàn tướng quy tánh, tánh tướng bốn phi nhị vật, nhị đương kinh các hữu sở tông. Bĩ kinh dĩ Vô Tướng vi Tông; cố duy minh Độ Nhất Nghĩa tướng, bất thủ hình tướng, thật tắc thanh tịnh tâm trung, thân độ tự hiện. Dụ như ma kính, trần tận, tượng sanh. Kỳ chuyên ngôn tánh giả, cái tức tướng chỉ tánh, phi khí tướng nhị thủ tánh dã. Kim kinh dĩ khuyến sanh Tịnh Độ vi Tông, cố ư Cực Lạc y chánh, chủng chủng trang nghiêm, phản phúc khai minh, linh khởi hân mộ. Thật tắc tướng bốn tự không, duy tâm, duy thức. Kỳ quảng trần tướng giả, cái tức tánh chỉ tướng, phi ly tánh nhị ngôn tướng dã. Vi môn các biệt, cứu cánh thị đồng. Cố tri nhị kinh, nghĩa bất tương bội.

(Diễn) Bĩ kinh dĩ vô tướng vi tông, cố bất thủ hình tướng giả, như kinh vân: “Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, vô pháp tướng, diệt vô phi pháp tướng” đẳng. Hựu vân: “Nhiệm kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”. Thật tắc thanh tịnh tâm trung, thân độ tự hiện giả, như kinh vân: “Dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai”. Hựu vân: “Ư pháp, bất thuyết đoạn diệt tướng”. Kim kinh dĩ Tịnh Độ vi Tông, cố phản phúc khai minh giả, như kinh trung lan, vông, hàng thụ, trì, các, liên hoa, thiên nhạc, vũ hoa, hóa cầm, phong thụ, nãi chí thọ mạng, quang minh, Thanh Văn, Bồ Tát đẳng. Thật tắc tướng bốn tự không, duy tâm, duy thức giả, tuy hữu chủng chủng trang nghiêm, thật như kính tượng, thủy nguyệt, bất lập tiêm trần, giai hành nhân tâm thức sở biến hiện dã. Hựu thanh tịnh tâm trung, thân độ tự hiện giả, dĩ như thật Không, tức như thật Bất Không, chân thật lý trung, cụ túc vô lượng công đức cố. Hựu phục kiến bốn Pháp Thân, tự nhiên nhị hữu bất tư nghị nghiệp, năng hiện chủng chủng y chánh, cố Niếp Luận vân: “Như ma-ni, thiên cổ, vô tư thành tự sự đẳng”. Hựu tướng bốn tự không, duy tâm, duy thức giả, dĩ bĩ sắc tướng trang nghiêm đẳng sự, vô lai, vô khứ, ly ư phân tế, duy y tâm hiện cố. Hựu phục nhất thiết sắc tướng, tức thị Như Lai diệu tâm, sở vị tòng bốn dĩ lai, sắc tâm bất nhị, sắc tánh tức trí. Cố Niết Bàn vân: “Ngô kim thử thân tức thị Pháp Thân” đẳng.

(鈔)性相不殊者，全性起相，全相歸性，性相本非二物。而當經各有所宗，彼經以無相為宗；故唯明第一義相，不取形相，實則清淨心中，身土自現。喻如磨鏡，塵盡像生。其專言性者，蓋即相之性，非棄相而取性也。今

經以勸生淨土為宗，故於極樂依正，種種莊嚴，反覆開明，令起忻慕。實則相本自空，唯心唯識。其廣陳相者，蓋即性之相，非離性而言相也。為門各別，究竟是同。故知二經，義不相背。

(演)彼經以無相為宗，故不取形相者，如經云：無我相，無人相，無眾生相，無壽者相，無法相，亦無非法相等。又云：若見諸相非相，即見如來。實則清淨心中，身土自現者，如經云：以三十二相見如來。又云：於法，不說斷滅相。今經以淨土為宗，故反覆開明者，如經中欄網行樹，池閣蓮花，天樂雨花，化禽風樹，乃至壽命光明，聲聞菩薩等。實則相本自空，唯心唯識者，雖有種種莊嚴，實如鏡像水月，不立纖塵，皆行人心識所變現也。又清淨心中，身土自現者，以如實空，即如實不空，真實理中，具足無量功德故。又復見本法身，自然而有不思議業，能現種種依正，故攝論云：如摩尼天鼓，無思成自事等。又相本自空，唯心唯識者，以彼色相莊嚴等事，無來無去，離於分齊，唯依心現故。又復一切色相，即是如來妙心，所謂從本以來，色心不二，色性即智。故涅槃云：吾今此身即是法身等。

(Sao: “Tánh và tướng chẳng khác”: Toàn bộ tánh khởi tướng, toàn bộ tướng quy hồi tánh; tánh và tướng vốn chẳng phải là hai vật, nhưng mỗi kinh có điều được đề cao riêng. Kinh kia lấy Vô Tướng làm Tông. Do vậy, chỉ nói về tướng Đệ Nhất Nghĩa, chẳng giữ lấy hình tướng, thật sự là từ trong tâm thanh tịnh, thân và cõi nước tự hiện. Ví như mài gương, bụi hết, hình bóng bèn sanh. Kinh kia (kinh Kim Cang) chuyên nói tới tánh, tức là nói đến tánh của tướng, chẳng phải là vứt bỏ tướng để lấy tánh. Nay kinh này lấy “khuyên sanh Tịnh Độ” làm Tông, nên giảng đi, giảng lại rõ ràng các thứ trang nghiêm nơi y báo và chánh báo trong cõi Cực Lạc, hòng [khiến cho chúng sanh nghe pháp này] sẽ dấy lòng ưa thích, hâm mộ. Thật ra, tướng vốn là Không, duy tâm, duy thức. Trần thuật tướng trạng rộng rãi là vì [tướng ấy] là tướng của tánh, chẳng phải là lìa tánh mà nói đến tướng. Pháp môn khác biệt, nhưng

mục đích cuối cùng giống nhau. Vì thế biết là ý nghĩa của hai kinh chẳng trái nghịch.

Diễn: “Kinh kia lấy vô tướng làm Tông, cho nên chẳng giữ lấy hình tướng”: Như kinh [Kim Cang] nói: “Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, vô pháp tướng, mà cũng chẳng phải là không có pháp tướng” v.v... Lại nói: “Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức là thấy Như Lai”.

“Thật ra thì trong cái tâm thanh tịnh, thân và cõi nước tự hiện”: Như kinh [Kim Cang] nói: “Dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai”. Lại nói: “Ở nơi pháp, chẳng nói đến tướng đoạn diệt”. Kinh này lấy Tịnh Độ làm Tông, vì thế, giảng đi giảng lại rõ ràng” [tức là nói đến các sự tướng] như lan can, lưới, hàng cây, ao, gác, hoa sen, nhạc trời, mưa hoa, chim biến hóa, gió lửa qua cây, cho đến thọ mạng, quang minh, Thanh Văn, Bồ Tát v.v... “Thật ra, tướng vốn là Không, duy tâm, duy thức”: Tuy có các thứ trang nghiêm, thật ra là như hình bóng trong gương, trắng trong nước, chẳng lập mãi trần, đều do tâm thức của hành nhân biến hiện.

Lại nữa, “trong tâm thanh tịnh, thân và cõi nước tự hiện” là do như thật Không chính là như thật Bất Không, trong lý chân thật, trọn đủ vô lượng công đức. Lại thấy Pháp Thân tự nhiên có nghiệp chẳng thể nghĩ bàn, có thể hiện các thứ y báo và chánh báo. Do vậy, Nhiếp Luận nói: “Như ma-ni, hay cái trống cõi trời, [bản thân chúng] không suy nghĩ, mà thành tựu những sự việc như thế đó” v.v... Lại nữa, “tướng vốn tự không, duy tâm, duy thức”: Do các sự có sắc tướng trang nghiêm như thế ấy chẳng đến, chẳng đi, lìa khỏi phân hạn, chỉ do tâm mà hiện. Lại nữa, hết thấy các sắc tướng chính là diệu tâm của Như Lai, tức là từ trước đến nay, sắc và tâm chẳng hai, tánh của sắc tức là trí. Vì thế, kinh Niết Bàn nói: “Thân hiện tại này của ta chính là Pháp Thân” v.v...)

(Sớ) Vấn: “Chư thiên cung điện, viên uyển, diệc dĩ bảo nghiêm, dữ thử hà biệt?” Đáp: **Thô diệu dị cố.**

(Sao) **Thô diệu giả, như thế châu ngọc, tuy quân danh bảo, nhi chất hữu thô diệu, giá hữu trọng khinh. Cố chư thiên tự hạ nhi thượng, y chánh trang nghiêm, từng thô tiêm diệu, thẳng liệt huỳnh thù! Hà hướng Cực Lạc siêu việt tam giới, ninh bất bảo nghiêm chi trung, độc vì tối thắng? Kinh vân: “Luân vương diệc hữu tam thập nhị tướng, nhi bất cập Phật”, tức thử ý dã.**

(疏)問：諸天宮殿園苑，亦以寶嚴，與此何別？答：

粗妙異故。

(鈔)粗妙者，如世珠玉，雖均名寶，而質有粗妙，價有重輕。故諸天自下而上，依正莊嚴，從粗漸妙，勝劣迥殊！何況極樂超越三界，寧不寶嚴之中，獨為最勝？經云：輪王亦有三十二相，而不及佛，即此意也。

(Sớ: Hỏi: “Cung điện và vườn hoa của chư thiên cũng trang nghiêm bằng các báu, có khác gì [y báo trang nghiêm trong cõi Cực Lạc được nói] ở đây hay chăng?” Đáp: [Có sự khác biệt] do thô hay diệu khác biệt.

Sao: “Thô, diệu” là như châu ngọc trong cõi đời, tuy đều gọi là “của báu”, nhưng thể chất có thô hay diệu, giá trị có quý giá hay rẻ mạt. Vì thế, chư thiên từ các tầng trời dưới thấp cho đến trên cao, y báo và chánh báo trang nghiêm từ thô tới diệu, hơn kém khác xa nhau. Huống chi cõi Cực Lạc vượt xa tam giới, lẽ nào chẳng được trang nghiêm bằng các món báu tối thắng mà không cõi nào khác có được! Kinh dạy: “Luân vương cũng có ba mươi hai tướng, nhưng chẳng bằng Phật”, chính là nói đến ý nghĩa này).

(Sớ) Hựu thử công đức, tuy Phật lực thành tựu, diệc kiêm diêu chúng sanh, dĩ tâm tịnh, độ tịnh cố.

(Sao) Kiêm diêu chúng sanh giả, Duy Ma Kinh vân: “Trực tâm thị Bồ Tát tịnh độ. Bồ Tát thành Phật thời, bất siểm chúng sanh, lai sanh kỳ quốc. Thâm tâm thị Bồ Tát tịnh độ, Bồ Tát thành Phật thời, cụ túc công đức chúng sanh, lai sanh kỳ quốc. Nãi chí vạn hạnh, tất diệc như thị”. Thị dĩ, thử phương niệm Phật, bỉ độ liên thành; tắc Cực Lạc chủng chủng thanh tịnh trang nghiêm, tuy bỉ Phật vi Bồ Tát thời chỉ sở thành tựu, nhi vị cần tu tịnh nghiệp chúng sanh, cộng dữ thành tựu, diệc khả dã. Cố viết: “Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh”.

(Diễn) Trực tâm thị Bồ Tát tịnh độ đẳng, Tịnh Độ địa bình như chường, vô chư khanh khảm, khởi siểm khúc chỉ sở năng thành? Thất bảo trang nghiêm, thắng diệu vô tỷ, khởi thiên hạnh chỉ sở năng đắc? Cố tất tam trí u nhất tâm trung tu, trực chí đạo tràng, vô chư ủy khúc. Tam Đế u nhất tâm trung tạo, cùng thâm tận đế, cứu sống Thật Tế, nãi năng như thị; nhi bất siểm chúng sanh, cập cụ túc công đức chúng sanh lai sanh kỳ quốc giả, dĩ hóa duyên tương cập, quả báo tương thông, dĩ nhân khắc quả, ảnh hưởng tương phù, bất sai hào

phát dã. Nãi chí vạn hạnh tất diệc như thị giả, thứ tùng Đại Thừa tâm Lục Độ, Tứ Đăng, Tứ Nhiếp, nãi chí Thập Thiện, thị Bồ Tát Tịnh Độ. Bồ Tát thành Phật thời, cụ hành Thập Thiện chúng sanh lai sanh kỳ quốc dã.

(疏)又此功德，雖佛力成就，亦兼繇眾生，以心淨土淨故。

(鈔)兼繇眾生者，維摩經云：直心是菩薩淨土。菩薩成佛時，不諂眾生，來生其國。深心是菩薩淨土，菩薩成佛時，具足功德眾生，來生其國。乃至萬行，悉亦如是。是以，此方念佛，彼土蓮成；則極樂種種清淨莊嚴，雖彼佛為菩薩時之所成就，而謂勤修淨業眾生，共與成就，亦可也。故曰：隨其心淨，則佛土淨。

(演)直心是菩薩淨土等，淨土地平如掌，無諸坑坎，豈諂曲之所能成？七寶莊嚴，勝妙無比，豈淺行之所能得？故必三智於一心中修，直至道場，無諸委曲。三諦於一心中造，窮深盡底，究暢實際，乃能如是；而不諂眾生，及具足功德眾生來生其國者，以化緣相及，果報相通，以因克果，影響相符，不差毫髮也。乃至萬行悉亦如是者，次從大乘心六度，四等四攝，乃至十善，是菩薩淨土。菩薩成佛時，具行十善眾生來生其國也。

(Sớ: *Lại nữa, công đức ấy tuy do Phật lực thành tựu, nhưng cũng do chúng sanh góp phần, vì tâm tịnh, cõi nước bèn tịnh.*

Sao: “Cũng do chúng sanh góp phần”, kinh Duy Ma dạy: “Trực tâm là tịnh độ của Bồ Tát. Lúc Bồ Tát thành Phật, chúng sanh chẳng siểm nịnh sẽ sanh về nước ấy. Thâm tâm là tịnh độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trọn đủ công đức bèn sanh về cõi Ngài. Cho đến vạn hạnh cũng đều giống như vậy”. Do vì lẽ này, trong cõi này niệm Phật, cõi kia trở hoa sen. Bởi thế, các thứ thanh tịnh trang nghiêm trong cõi Cực Lạc tuy được thành tựu bởi đức Phật ấy khi Ngài còn là Bồ Tát, nhưng nói [các thứ thanh tịnh trang nghiêm ấy] do chúng sanh siêng tu tịnh nghiệp cùng góp sức thành tựu thì cũng được. Vì thế nói là “thuận theo tâm tịnh mà cõi Phật tịnh”.

Diễn: “Trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát v.v...”: Đất trong Tịnh

Độ phẳng như lòng bàn tay, không có hăm hố, há có thể nào là do siểm khúc mà thành ư? Bảy báu trang nghiêm, thù thắng nhiệm màu khôn sánh, há có phải các hạnh nông cạn mà hồng đạt được ư? Vì thế, ắt phải do tu tam trí nơi nhất tâm, thắng đến đạo tràng, không có các thứ cong vạy. Tam Đế được tạo bởi nhất tâm, sâu tốt cùng tận đáy, thông hiểu rõ ràng Thật Tế thì mới có thể như vậy được. “Chúng sanh chẳng siểm khúc và chúng sanh đầy đủ công đức sanh về cõi ấy” là do hóa duyên tương ứng, quả báo tương thông, do nhân [như vậy], mà chắc chắn đạt được quả [như vậy], bóng ứng theo hình, tiếng vang ứng theo âm thanh, chẳng sai sót mảy tóc. “Cho đến vạn hạnh cũng đều giống như thế”: Kể đó là từ Đại Thừa tâm, Lục Độ, Tứ Đăng, Tứ Nhiếp, cho đến Thập Thiện là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh hành trọn đủ Thập Thiện sẽ sanh về cõi ấy).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh năng sanh vạn pháp, thị trang nghiêm nghĩa.

(Diễn) Tự tánh năng sanh vạn pháp thị trang nghiêm nghĩa giả, Kim Cang Kinh vân: “Tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm”. Kim tắc tự tâm xuất sanh vạn pháp, hoàn dĩ vạn pháp nghiêm tâm. Pháp bản tự không, nghiêm diệt hà hữu? Vô năng nghiêm, sở nghiêm, thị chân trang nghiêm.

(疏)稱理，則自性能生萬法，是莊嚴義。

(演)自性能生萬法是莊嚴義者，金剛經云：即非莊嚴，是名莊嚴。今則自心出生萬法，還以萬法嚴心。法本自空，嚴亦何有？無能嚴所嚴，是真莊嚴。

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh có thể sanh vạn pháp là ý nghĩa trang nghiêm.

Diễn: “Tự tánh có thể sanh ra vạn pháp là ý nghĩa trang nghiêm”: Kinh Kim Cang dạy: “Chẳng phải là trang nghiêm thì gọi là trang nghiêm”. Nay do tự tâm sanh ra vạn pháp, lại dùng vạn pháp để trang nghiêm cái tâm. Pháp vốn tự không, trang nghiêm cũng làm sao có được? Chẳng có cái trang nghiêm và cái được trang nghiêm, đó là trang nghiêm thật sự.

(Sao) Lục Tổ vân: “Hà kỳ tự tánh năng sanh vạn pháp?” Hoa Nghiêm kinh vân: “Nhất thiết bảo linh vông, giải nhất thiết pháp như huyễn tâm sở sanh. Nhất thiết bảo lâu các, vô trước thiện căn, vô sanh

thiện căn sở sanh, nãi chí y, cái, tràng, tòa đẳng, mặc bất giai nhiên”. Hựu vân: “Thử Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải trung, nhược sơn, hà, nãi chí thụ lâm, trần, mao đẳng xứ, nhất nhất giai thị xứng Chân Như pháp giới, cụ vô biên đức”. Thị cố, đương tri Tịnh Độ duy tâm, cánh vô ngoại cảnh.

(Diễn) Nhất thiết bảo linh vãng như huyễn tâm sở sanh đẳng giả, vị uế độ y chánh, từng phàm phu hữu lậu thức sanh. Tịnh Độ bảo nghiêm, từng thánh nhân vô lậu trí sanh. Cố linh vãng như huyễn, từng nhân giải pháp như huyễn tâm sanh. Lâu các phù không, từng nhân vô trước vô sanh tâm sanh; nãi chí chủng chủng bảo y, từng nhân nhục sanh. Bảo cái từng từ bi sanh, chủng chủng bảo tràng từng thị thuyết nhất thiết pháp sanh, chủng chủng bảo tòa từng giải nhất thiết pháp Không sanh. Nhất nhất giai thị xứng Chân Như pháp giới cụ vô biên đức giả, Hoa Nghiêm cảnh giới xứng tánh pháp môn, cố pháp pháp toàn chương, trần trần cụ túc. Cố vân: “Hoa Tạng thế giới sở hữu trần, nhất nhất trần trung kiến pháp giới” dã.

(鈔)六祖云：何期自性能生萬法？華嚴經云：一切寶鈴網，解一切法如幻心所生。一切寶樓閣，無著善根，無生善根所生，乃至衣蓋幢座等，莫不皆然。又云：此華藏莊嚴世界海中，若山河，乃至樹林塵毛等處，一一皆是稱真如法界，具無邊德，是故，當知淨土唯心，更無外境。

(演)一切寶鈴網如幻心所生等者，謂穢土依正，從凡夫有漏識生。淨土寶嚴，從聖人無漏智生。故鈴網如幻，從人解法如幻心生。樓閣浮空，從人無著無生心生；乃至種種寶衣，從忍辱生。寶蓋從慈悲生，種種寶幢從示說一切法生，種種寶座從解一切法空生。一一皆是稱真如法界具無邊德者，華嚴境界稱性法門，故法法全彰，塵塵具足。故云：華藏世界所有塵，一一塵中見法界也。

(Sao: Lục Tổ nói: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp?” Kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thấy lưới linh báu, sanh từ cái tâm hiểu hết thấy các pháp như huyễn. Hết thấy lầu gác báu được sanh từ căn lành không chấp trước, sanh từ thiện căn vô sanh, cho đến y phục, lọng, tràng, tòa ngồi v.v... không gì chẳng phải là như vậy”. Lại nói: “Trong Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, dù núi, sông, cho đến những chỗ như

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản - Phần II

rừng cây, hạt bụi, sợi lông v.v... mỗi mỗi đều tương xứng Chân Như pháp giới, đầy đủ vô biên đức”. Vì thế, hãy nên biết Tịnh Độ duy tâm, chẳng có ngoại cảnh

Diễn: “Hết thấy linh và lưới báu do huyền tâm sanh ra”, ý nói: Y báo và chánh báo trong uế độ do hữu lậu thức của phàm phu sanh ra. Cõi Tịnh Độ trang nghiêm bằng các thứ báu do vô lậu trí của thánh nhân sanh ra. Vì thế, linh và lưới như huyền, sanh từ cái tâm hiểu pháp như huyền của con người. Lầu gác nổi trên hư không sanh từ cái tâm không chấp trước và cái tâm vô sanh. Cho đến các thứ y báu là do nhãn nhục sanh ra. Lọng báu sanh từ lòng từ bi. Các thứ tràng báu sanh từ sự chỉ dạy và diễn nói hết thấy các pháp. Các thứ tòa báu sanh từ sự hiểu biết hết thấy các pháp là Không. Mỗi thứ đều xứng với Chân Như pháp giới mà trọn đủ vô biên đức. Cảnh giới Hoa Nghiêm là pháp môn xứng tánh. Vì thế, pháp nào cũng được phô bày trọn vẹn, mỗi trần đều trọn đủ. Do đó nói: “Tất cả vi trần trong thế giới Hoa Tạng, từ trong mỗi trần đều thấy pháp giới”).

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản ***quyển đệ tam***

阿彌陀經疏鈔演義會本 **卷第三**

Tam, thiên nhạc vũ hoa (tứ): Sơ, thiên nhạc. Nhị, kim địa. Tam, vũ hoa. Tứ, tổng kết.

Sơ, thiên nhạc.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, thường tác thiên nhạc.

(Sớ) Thượng tự bảo trì, thử đàm kim địa chi thượng, hoa nhạc giao huy dã. Thiên nhạc giả, dị thế nhạc cổ. “Thường tác” giả, vô gián yết cổ.

(Diễn) Hoa nhạc giao huy, hoa, hữu thiên hoa, thụ hoa; nhạc hữu thiên tác, tự tác.

三、天樂雨華(四)：初、天樂。二、金地。三、雨華。四、總結。

初、天樂。

(經)又舍利弗！彼佛國土，常作天樂。

(疏)上敘寶池，此談金地之上，華樂交輝也。天樂者，異世樂故。常作者，無間歇故。

(演)華樂交輝，華，有天花樹花；樂，有天作自作。

(Ba, nhạc trời, mưa hoa (gồm bốn phần): Một, thiên nhạc. Hai, đất bằng vàng. Ba, mưa hoa. Bốn, tổng kết.

Thứ nhất, nhạc trời.

Kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Cõi Phật ấy thường tấu nhạc trời.

Sớ: Phần trước là trần thuật ao báu, ở đây nói trên đất vàng, hoa và nhạc giao xen rạng ngời. “Thiên nhạc” khác với nhạc thế gian, “thường tấu” là chẳng gián đoạn, chẳng ngưng dứt.

Diễn: “Hoa và nhạc giao xen rạng ngời”: Hoa thì có hoa cõi trời và hoa từ cây cối; nhạc thì có nhạc do chư thiên tấu và nhạc tự trời).

(Sao) Dị thể nhạc giả, Đại Bản vân: “Đệ nhất Tứ Thiên Vương Thiên, cập chư thiên nhân, bách thiên hương, hoa, bách thiên âm nhạc, dĩ cúng dường Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn chỉ chúng. U thị, đệ nhị Đao Lợi Thiên Vương, Dục Giới chư thiên, dĩ chỉ đệ thất Phạm Thiên, nhất thiết chư thiên, hương, hoa, âm nhạc, chuyển tương bội tăng”. Hựu vân: “Diệc hữu tự nhiên vạn chủng kỹ nhạc, vô phi pháp âm, thanh sảng ai lượng, vi diệu hòa nhã, nhất thiết âm thanh, sở bất năng cập”. Quán Kinh vân: “Vô lượng chư thiên, tác thiên kỹ nhạc. Hựu hữu nhạc khí, huyền xử hư không, như thiên bảo tràng, bất cổ tự minh”. Dĩ thị thiên nhân sở tác chi nhạc, phi nhân gian sở hữu, cổ vân: “Dị thể nhạc” dã.

(Diễn) Sơ dẫn Đại Bản, thị chư thiên sở tác. Thứ dẫn, thị hư không tự tác. Tam dẫn Quán Kinh, song cụ thiên tác, tự tác. Dĩ thị hạ, kết quy dị thể nhạc dã. Thanh sảng, thị bất sập. Ai lượng, thị bất trệ. Vi diệu, thị bất thô. Hòa nhã, thị bất tục.

(鈔)異世樂者，大本云：第一四天王天，及諸天人，百千香華，百千音樂，以供養佛，及諸菩薩聲聞之眾。於是，第二忉利天王，欲界諸天，以至第七梵天，一切諸天，香華音樂，轉相倍勝。又云：亦有自然萬種伎樂，無非法音，清暢哀亮，微妙和雅，一切音聲，所不能及。觀經云：無量諸天，作天伎樂。又有樂器，懸處虛空，如天寶幢，不鼓自鳴。以是天人所作之樂，非人間所有，故

云：異世樂也。

(演)初引大本，是諸天所作。次引，是虛空自作。三引觀經，雙具天作自作。以是下，結歸異世樂也。清暢，是不澀。哀亮，是不滯。微妙，是不麤。和雅，是不俗。

(Sao: “Khác với nhạc thế gian”: Kinh Đại Bản nói: “Tầng thứ nhất là trời Tứ Thiên Vương, và các vị trời, dùng trăm ngàn thứ hương, hoa, trăm ngàn loại âm nhạc để cúng dường Phật, và các vị Bồ Tát, Thanh Văn. Kế tiếp là tầng trời thứ hai là Đạo Lợi Thiên Vương, chư thiên trong Dục Giới, cho đến tầng trời thứ bảy là Phạm Thiên, hết thấy chư thiên, càng lên cao thì hương, hoa, âm nhạc càng thù thắng gấp bội”. Lại nói: “Cũng có vạn thứ kỳ nhạc tự nhiên, không gì chẳng phải là pháp âm, trong trời, du dương, êm ái, rẻo rắt, vi diệu hòa nhã, hết thấy các âm thanh khác đều chẳng thể sánh bằng”. Quán Kinh chép: “Vô lượng chư thiên tấu kỳ nhạc cõi trời. Lại có các thứ nhạc khí treo lơ lửng trên không, như tràng báu cõi trời, chẳng ai tấu mà tự phát ra âm thanh”. Do là loại nhạc do chư thiên tấu lên, cho nên trong nhân gian chẳng có. Vì thế nói là “khác với nhạc thế gian”.

Diễn: Trước hết, trích dẫn kinh Đại Bản nói về loại nhạc do chư thiên tấu. Đoạn trích dẫn kế tiếp nói về loại nhạc tự trời trong hư không. Thứ ba là đoạn trích dẫn từ Quán Kinh có đủ cả nhạc do chư thiên hòa tấu và nhạc tự trời. Từ chữ “cho nên” trở đi nhằm quy kết ý nghĩa “khác với thế gian”. “Thanh sớ” là chẳng thô rít. “Ai lương” là chẳng vương mắc. “Vi diệu” là chẳng thô. “Hòa nhã” là chẳng thô tục).

(Sao) Vô gián yết giả, thế nhạc tu nhân, hữu tác, hữu chuyển. Thiên nhạc tự mình, cố vân: “Thường tác” dã. Kim nhân niệm Phật, lâm chung chỉ nhật, thiên nhạc nghênh không, chánh duy Tịnh Độ thường tác thiên nhạc cố.

(鈔)無間歇者，世樂須人，有作有輟。天樂自鳴，故云：常作也。今人念佛，臨終之日，天樂迎空，正唯淨土常作天樂故。

(Sao: “Chẳng gián đoạn, chẳng ngưng dứt”: Nhạc thế gian cần phải có người [tấu nhạc], có lúc tấu, có lúc ngưng. Nhạc trời tự trời, nên nói là “thường tấu”. Nay người niệm Phật, nhằm ngày lâm chung, thiên nhạc vang rền hư không; đó chính là vì Tịnh Độ thường tấu nhạc trời vậy).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vạn đức hòa dung, thị thiên nhạc nghĩa.

(Diễn) Nhạc khả dĩ dưỡng nhân chi tánh tình, nhi đẳng dịch kỳ tà uế, tiêu dung kỳ tra chỉ, thị hữu hòa dung chi nghĩa.

(疏)稱理，則自性萬德和融，是天樂義。

(演)樂可以養人之性情，而蕩滌其邪穢，消融其渣滓，是有和融之義。

(Sớ: Xứng Lý thì vạn đức hòa hợp, dung nhập trong tự tánh chính là ý nghĩa của thiên nhạc.

Diễn: Nhạc có thể di dưỡng tánh tình của con người, gột rửa tà uế, tiêu tan những cặn bã, cho nên có ý nghĩa “hòa hợp, dung nhập”).

(Sao) Tự tánh như thật không, tắc bất lập nhất trần; như thật bất không, tắc giao la vạn đức.

(Diễn) Như thật Không, như thật bất không, tức Khởi Tín Tâm Chân Như Môn, Không Như Lai Tạng, Bất Không Như Lai Tạng. Như, vị Chân Như, Thật, vị Thật Tướng. Như Thật Không giả, vị thử Chân Như Thật Tướng chỉ trung, không vô vọng nhiễm, phi vị như thật tự không, thử tắc Chân Như chỉ không dã. Bất Không hữu nhị nghĩa: Nhất, dị vọng vô thể cố. Nhị, cụ túc vô lậu tánh công đức cố.

(鈔)自性如實空，則不立一塵；如實不空，則交羅萬德。

(演)如實空，如實不空，即起信心真如門，空如來藏，不空如來藏。如，謂真如，實，謂實相。如實空者，謂此真如實相之中，空無妄染，非謂如實自空，此則如實之空也。不空有二義：一、異妄無體故。二、具足無漏性功德故。

(Sao: Tự tánh là Như Thật Không chẳng lập mây trần, tự tánh là Như Thật Bất Không nên muôn đức giao xen.

Diễn: “Như Thật Không, Như Thật Bất Không” tức là Không Như Lai Tạng và Bất Không Như Lai Tạng thuộc Tâm Chân Như Môn trong luận Khởi Tín. “Như” là Chân Như, “Thật” là Thật Tướng. Như Thật Không là trong Chân Như Thật Tướng, rỗng rang, chẳng có vọng nhiễm, chẳng phải là nói “như thật tự không”; đây chính là cái Không trong Chân Như. Bất Không có hai nghĩa: Một là do khác với vọng vì vọng

không có Thể; hai là trọn đủ công đức có tánh chất vô lậu).

(Sao) Điều hòa nhi khắc hài bất bột, dung dịch nhi nhất vị vô quai.

(Diễn) Điều hòa nhi khắc hài bất bột giả, Thuần Diễn vân: “Bát âm khắc hài, vô tương đoạt luân”. Kim tư vạn đức diệc nhiên, thường, lạc, ngã, tịnh, bất bột chân thật thức tri. Biến chiếu pháp giới, bất bột thanh lương bất biến, bất ly, bất đoạn, bất dị, bất tư nghị, tức khắc hài bất bột dã. Dung dịch nhi nhất vị, vô quai giả, thanh, trực, cao, hạ, như ngũ vị chi tương tế nhi hậu hòa. Kim tư vạn đức diệc nhiên, xác thực hữu thử chư công đức nghĩa, nhi vô sai biệt chi tướng, đẳng đồng nhất vị, duy nhất Chân Như dã.

(鈔)調和而克諧不悖，融液而一味無乖。

(演)調和而克諧不悖者，舜典云：八音克諧，無相奪倫。今茲萬德亦然，常樂我淨，不悖真實識知。遍照法界，不悖清涼不變，不離，不斷，不異，不思議，即克諧不悖也。融液而一味，無乖者，清濁高下，如五味之相濟而後和。今茲萬德亦然，確實有此諸功德義，而無差別之相，等同一味，唯一真如也。

(Sao: Điều hòa, nhịp nhàng, chẳng chỗi nhau, một mực hòa hợp chẳng trái nghịch.

Diễn: “Điều hòa, nhịp nhàng, chẳng chỗi nhau”: Thuần Diễn chép: “Tám âm điều hòa, đừng bị rối loạn trật tự”. Nay vạn đức cũng giống như thế, thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng trái nghịch với sự hay biết chân thật, chiếu khắp pháp giới, chẳng trái nghịch thanh lương, bất biến, chẳng lìa, chẳng đoạn, chẳng khác, chẳng nghĩ bàn thì chính là “hài hòa, chẳng chống trái”. “Một mực hòa hợp chẳng trái nghịch”: Trong, đục, cao, thấp như năm vị cùng trộn lẫn, nhưng sau đó hòa hợp. Nay vạn đức cũng giống như thế, xác thực là có các ý nghĩa công đức ấy, nhưng chẳng có tướng sai biệt, cùng là một vị như nhau, chỉ là một Chân Như mà thôi).

(Sao) Nhẫn, Tấn tương dữ đề ngang, tắc huân minh, trì tấu.

(Diễn) Nhẫn, Tấn tương dữ đề ngang giả, Nhẫn, Tấn, Lục Độ chi nhị dã. Nhẫn giả, ác mạ chú ý dã, giai tất năng nhẫn, do như đại địa, do như kiều lương, nhậm nhất thiết tiền đáp, nhi bất khởi nhất

niệm, cổ viết Đê. Tấn giả, hiểu dạ vong bì, tinh tấn bất giải, do như nhất nhân dữ vạn nhân địch, dũng mãnh trực tiền, cổ viết Ngang. Ngôn tương dữ giả, chánh nhãn nhục thời, chánh tinh tấn; dữ tinh tấn thời, dữ nhãn nhục. Huân minh trì tấu giả: Huân, thổ vi chi, Trì, trúc vi chi; nhị khí hỗ tương xướng họa. Thi vân: “Bá thị xuy huân, Trọng thị xuy trì”. Kim thử Nhãn Tấn, đề ngang hỗ tạo, như huân trì chi hỗ vi cao hạ dã.

(鈔)忍進相與低昂，則塤鳴簾奏。

(演)忍進相與低昂者，忍進，六度之二也。忍者，惡罵捶打，皆悉能忍，猶如大地，猶如橋梁，任一切踐踏，而不起一念，故曰低。進者，曉夜忘疲，精進不懈，猶如一人與萬人敵，勇猛直前，故曰昂。言相與者，正忍辱時，正精進；愈精進時，愈忍辱。塤鳴簾奏者，塤，土為之，簾，竹為之；二器互相唱和。詩云：伯氏吹塤，仲氏吹簾。今此忍進，低昂互造，如塤簾之互為高下也。

(Sao: Nhãn và Tấn cao thấp bù đắp cho nhau, tức là huân thôi, địch tấu.

Diễn: “Nhãn và Tấn cao thấp tương ứng”: Nhãn và Tấn là hai độ trong Lục Độ. Nhãn là đối với chữ bới nặng nề, đánh đập, đều có thể nhãn, giống như đại địa, hoặc như cầu bến, mặc cho hết thấy giày xéo, nhưng chẳng khởi một niệm, nên nói là Thấp. Tấn là đêm ngày quên mệt, tinh tấn chẳng lười nhác, giống như một người chống lại vạn người, dũng mãnh tiến thẳng lên phía trước, nên gọi là Cao. Nói đến “bù đắp cho nhau” thì ngay trong lúc nhãn nhục chính là lúc tinh tấn; khi càng tinh tấn thì càng nhãn nhục. “Huân minh, trì tấu”: Huân (sáo đất, ocarina) làm bằng đất, Trì (ống địch) làm bằng tre; hai thứ nhạc khí cùng nhau xướng họa. Kinh Thi có câu: “Anh thổi Huân, em thổi Trì”. Nay Nhãn và Tấn cao thấp nâng đỡ nhau, như tiếng Huân và tiếng Trì cao thấp hỗ trợ nhau).

(Sao) Chỉ Quán song thành Định Huệ, tắc ngọc chấn, kim thanh.

(Diễn) Chỉ Quán song thành Định Huệ giả, Chỉ Quán thị nhân, Định Huệ thị Quả. Chỉ giả, chỉ kỳ tán. Chỉ chi ký cửu, tắc thành Định. Quán giả, quán kỳ hôn. Quán chi ký cửu, tắc thành Huệ. Viết song

thành giả, nhân trung Chỉ Quán song tu, quả thượng Định Huệ bất nhị. Ngọc chấn kim thanh giả: Kim, chung dã. Thanh, tuyên dã. Bát âm vị tác, tác tiên kích bác chung, dĩ tuyên kỳ thanh. Ngọc, khánh dã. Chấn, thu lâu dã. Sĩ kỳ ký khuyết, hậu kích đặc khánh, dĩ thu lâu kỳ vận. Kim tư Thiên Định như bỉ ngọc chấn, kim tư Quán Huệ như bỉ kim thanh, diệt tương thí chung dã.

(鈔)止觀雙成定慧，則玉振金聲。

(演)止觀雙成定慧者，止觀是因，定慧是果。止者，止其散。止之既久，則成定。觀者，觀其昏。觀之既久，則成慧。曰雙成者，因中止觀雙修，果上定慧不二。玉振金聲者：金，鐘也。聲，宣也。八音未作，則先擊鐃鐘，以宣其聲。玉，磬也。振，收也。俟其既闕，後擊特磬，以收其韻。今茲禪定如彼玉振，今茲觀慧如彼金聲，迭相始終也。

(Sao: Chỉ Quán cùng thành tựu Định và Huệ, tức là tiếng ngọc rung, tiếng vàng chạm.

Diễn: “Chỉ Quán cùng thành tựu Định Huệ”: Chỉ Quán là nhân, Định Huệ là Quả. Chỉ là ngưng dirt sự tán loạn. Chỉ đã lâu ngày, sẽ thành Định. Quán là quán sự tối tăm. Quán đã lâu ngày, sẽ thành Huệ. Nói là “cùng thành tựu”: Cùng tu Chỉ và Quán nơi nhân, thì Định và Huệ nơi Quả sẽ là bất nhị. “Ngọc chấn, kim thanh”: Chữ Kim chỉ cái chuông, “thanh” là báo hiệu. Trước khi [tiếng nhạc] bát âm nổi lên, trước hết bèn gõ bác chung (chuông lớn bằng gang có nhiều gai nùm, dùng cho dàn nhạc từ đời Thương) để báo hiệu khởi đầu cho tiếng nhạc. Ngọc là cái khánh. “Chấn” là thu lâu lại. Đợi cho tới khi bài nhạc kết thúc, sau đó gõ đặc khánh (khánh bằng đá hay bằng ngọc, đẹp, mỏng, còn gọi là phương hưởng) để kết thúc âm điệu bài nhạc. Nay Thiên Định giống như tiếng khánh rung, Quán Huệ thì như tiếng chuông, lần lượt mở đầu kết thúc vậy).

(Sao) Từ bi, tác ai hỷ bất thương; hỷ xả, tác lạc nhi bất dật.

(Diễn) Từ bi hỷ xả, tứ vô lượng tâm dã. Từ giả, dữ chúng sanh lạc. Bi giả, bạt chúng sanh khổ. Hỷ giả, hỷ chúng sanh ly khổ đắc lạc dã. Xả giả, nhất pháp bất trước, vạn duyên giai xả dã. Ai nhi bất thương, lạc nhi bất dật giả, thi nhân ngôn Văn Vương vị đắc hậu phi,

tắc ngụ mị phản trắc dĩ cầu chi, thị ai kỳ sở đáng ai, bất hại ư hòa dã. Ký đắc hậu phi, tắc cầm sắt chung cổ dĩ lạc chi. Thị lạc kỳ sở đáng lạc, bất thất kỳ chánh dã. Kim tư từ bi, nãi vô duyên chi từ bi, phi ái kiến chi từ bi. Hỷ xả, nãi Tánh Đức chi hỷ xả, phi tình thức chi hỷ xả, hà thương, hà dật?

(鈔)慈悲，則哀矣不傷；喜捨，則樂而不泐。

(演)慈悲喜捨，四無量心也。慈者，與眾生樂。悲者，拔眾生苦。喜者，喜眾生離苦得樂也。捨者，一法不著，萬緣皆捨也。哀而不傷，樂而不泐者，詩人言文王未得后妃，則寤寐反側以求之，是哀其所當哀，不害於和也。既得后妃，則琴瑟鐘鼓以樂之。是樂其所當樂，不失其正也。今茲慈悲，乃無緣之慈悲，非愛見之慈悲。喜捨，乃性德之喜捨，非情識之喜捨，何傷何泐？

(Sao: Từ bi là xót xa, nhưng chẳng bi thương; hỷ xả là vui vẻ, nhưng chẳng buông lung.

Diễn: Từ, bi, hỷ, xả là tứ vô lượng tâm. Từ là ban vui cho chúng sanh. Bi là dẹp khổ cho chúng sanh. Hỷ là mừng vì chúng sanh lìa khổ được vui. Xả là chẳng chấp một pháp, muôn duyên đều buông. “Xót xa nhưng chẳng bi thương, vui vẻ nhưng chẳng buông lung”: Thi nhân nói Văn Vương trước khi có được hậu phi, ngủ nghê bèn trần trọc mong cầu. Đó là xót xa vì điều đáng xót xa, chẳng có hại cho Hòa. Đã có được hậu phi, bèn là niềm vui đàn sắt, đàn cầm, chuông, trống [hòa hợp]. Đây là vui với điều đáng vui, chẳng đánh mất lẽ chánh. Nay từ bi thì là vô duyên từ bi, chẳng phải là từ bi kiến chấp yêu mến. Hỷ xả là hỷ xả nơi Tánh Đức, chẳng phải là hỷ xả do tình thức, có gì là bi thương, gì là phóng dật ư?)

(Sao) *Như thiên nhạc, phi duy bất cổ, kiêm phục vô thanh, Vũ tịch, Cung trầm, hưởng thiên chân địa.*

(Diễn) *Phi duy bất cổ, kiêm phục vô thanh giả, Quán Kinh vân: “Như thiên bảo tràng, bất cổ tự minh”. Kim nãi phi duy bất cổ tự minh, kiêm phục vô thanh khả thính, tự tánh chi nhạc, phi ngũ nhãn năng khuy, nhị thính sở văn cổ. Vũ tịch, Cung trầm, hưởng thiên chân địa giả, Cung, Vũ, ngũ âm chi nhị. Tuy ngũ âm trầm tịch, hống động càn khôn. Cổ vân: “Trầm trầm tịch tịch tuyệt thi vi, xúc trước vô*

đoan hồng tự lôi”, thị dã.

(鈔)如斯天樂，非唯不鼓，兼復無聲，羽寂宮沉，響天震地。

(演)非唯不鼓，兼復無聲者，觀經云：如天寶幢，不鼓自鳴。今乃非唯不鼓自鳴，兼復無聲可聽，自性之樂，非五眼能窺，二聽所聞故。羽寂，宮沈，響天震地者，宮，羽，五音之二。雖五音沈寂，吼動乾坤。古云：沈沈寂寂絕施為，觸著無端吼似雷，是也。

(Sao: Thiên nhạc như vậy, không chỉ là chẳng tấu, mà còn không có tiếng, tiếng Vũ lặng, tiếng Cung trầm, vang trời, rền đất.

Diễn: “Không chỉ là chẳng tấu, mà còn là không có tiếng”: Quán Kinh nói: “Như tràng báu cõi trời, chẳng đánh mà tự kêu”. Nay không chỉ là chẳng tấu mà tự phát ra tiếng, lại còn là không có âm thanh để có thể nghe được. Nhạc của tự tánh thì ngũ nhãn chẳng thể ngó được, hai thứ nghe chẳng thể nghe được. “Tiếng Vũ lặng, tiếng Cung trầm, vang trời rền đất”: Cung và Vũ là hai âm trong ngũ âm. Tuy ngũ âm trầm lặng, lại vang rền càn khôn. Cổ nhân nói: “Trầm trầm lặng lặng thôi hành động, chạm vào vô có hét như sấm” chính là nói về ý này).

Nhị, kim địa.

(Kinh) Hoàng kim vi địa.

(Sớ) Thử nhiếp tiền khởi hậu, vị Cực Lạc thế giới, thượng tác nhạc tác u thiên, hạ tác kim nghiêm kỳ địa. Nhị cư thử hoàng kim địa thượng, bất độc nhĩ văn thiên nhạc, diệc tả nhãn kiến thiên hoa dã. Hoàng kim giả, vị lưu ly địa thượng, gián dĩ hoàng kim, nhiên diệc chúng bảo vô định.

(Sao) Gián dĩ hoàng kim giả, như Quán Kinh vân: “Kiến lưu ly địa, nội ngoại ánh triệt. Hạ hữu kim cang thất bảo kim tràng, kinh lưu ly địa. Kỳ tràng bát lăng, bách bảo sở thành, nhất nhất bảo châu phóng thiên quang minh. Nhất nhất quang minh bát vạn tứ thiên sắc, ánh lưu ly địa, như ức thiên nhật. Lưu ly địa thượng, dĩ hoàng kim thành, tạp xí gián thác, giới dĩ thất bảo, phân tể phân minh”. Cứ thử, tác địa bốn lưu ly, nhị hoàng kim giả, hữu địa diện chi trang nghiêm dã. Đại Bản vân: “Bỉ sát tự nhiên thất bảo, thể tánh ôn nhu, tương gián vi địa, hoặc thuần nhất bảo, quang sắc hoảng diệu, siêu việt thập phương, khôi khuếch khoáng đấng, bất khả cùng tận. Địa giai bình

chánh, vô hữu Tu Di, cập chư sơn, hải, khanh, khảm, tỉnh, cốc, u ám chi sở”. Cứ thử, tắc diệc khả chuyên dĩ hoàng kim vi địa. Lương điều bỉ quốc quảng đại, phi chỉ nhất ngưng. Hoàng kim, lưu ly, thả dĩ nhất bảo, nhị bảo ngôn chi; chúng bảo vi chi, đương diệc vô tận.

(Diễn) Hạ hữu hoàng kim đẳng, thị minh địa hạ trang nghiêm, lưu ly địa thượng đẳng, thị minh địa thượng trang nghiêm.

二、金地。

(經)黃金為地。

(疏)此躡前起後，謂極樂世界，上則樂作於天，下則金嚴其地。而居此黃金地上，不獨耳聞天樂，亦且眼見天華也。黃金者，謂琉璃地上，間以黃金，然亦眾寶無定。

(鈔)間以黃金者，如觀經云：見琉璃地，內外映徹。下有金剛七寶金幢，擎琉璃地。其幢八棱，百寶所成，一一寶珠放千光明。一一光明八萬四千色，映琉璃地，如億千日。琉璃地上，以黃金繩，雜廁間錯，界以七寶，分齊分明。據此，則地本琉璃，而黃金者，又地面之莊嚴也。大本云：彼剎自然七寶，體性溫柔，相間為地，或純一寶，光色晃耀，超越十方，恢廓曠蕩，不可窮盡。地皆平正，無有須彌，及諸山海，坑坎井谷，幽暗之所。據此，則亦可專以黃金為地。良繇彼國廣大，非止一隅。黃金琉璃，且以一寶，二寶言之；眾寶為之，當亦無盡。

(演)下有金剛等，是明地下莊嚴，琉璃地上等，是明地上莊嚴。

(Hai, đất bằng vàng.

Kinh: Vàng ròng làm đất.

Sớ: Đây là nơi theo phần trước, để khởi đầu phần sau. Ý nói: Trong thế giới Cực Lạc, trên thì nhạc trời hư không, dưới thì vàng trang nghiêm cõi đất. Nhưng ở trên đất vàng ròng ấy, không chỉ là tai nghe thiên nhạc, mà mắt cũng thấy hoa trời. “Hoàng kim” là trên đất lưu ly, xen kẽ vàng ròng, nhưng cũng có các thứ báu [chen lẫn] không nhất định.

Sao: “Vàng ròng xen lẫn” là như trong Quán Kinh có nói: “Thấy đất lưu ly, trong ngoài chiếu thấu suốt. Phía dưới có kim tràng bằng kim

cang thất bảo nâng đỡ đất lưu ly. Tràng ấy có tám cạnh, do trăm thứ báu hợp thành. Mỗi viên bảo châu, tỏa ra một ngàn quang minh. Mỗi quang minh có tám vạn bốn ngàn màu, chói ngời đất lưu ly như ức ngàn mặt trời. Trên đất lưu ly, dùng dây bằng vàng để giăng ngang dọc xen kẽ, dùng bảy báu để phân chia ranh giới phân minh”. Xét theo đó, đất [trong cõi Cực Lạc] vốn là lưu ly, mà vàng ròng lại là thứ để trang nghiêm trên mặt đất. Đại Bản chép: “Bảy báu trong cõi ấy tự nhiên, thể tánh ôn hòa, mềm mại, xen kẽ nhau hợp thành mặt đất, hoặc thuần là một thứ báu, ánh sáng và màu sắc chói ngời, vượt xa mười phương. [Đại địa cõi ấy] to tát, mênh mông chẳng thể cùng tận, cuộc đất phẳng phiu, ngay ngắn, chẳng có núi Tu Di và các núi, biển, hàm, hồ, hang, hốc, các chỗ tối tăm”. Xét theo đó, thì cũng có thể nói là chuyên lấy vàng ròng làm đất. Do vì cõi nước ấy rộng lớn, chẳng phải chỉ là một góc. [Nói đất bằng] vàng ròng hay bằng lưu ly là lấy một thứ báu, hay hai thứ báu để nói, [như vậy] thì các thứ báu [dùng làm đất] cũng phải là vô tận.

Diễn: “Phía dưới có tràng kim cang” là nói đến sự trang nghiêm ở phía dưới mặt đất. “Trên đất lưu ly...” là nói đến sự trang nghiêm ở phía trên mặt đất).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh Chân Như bình đẳng, thị kim địa nghĩa.

(Sao) Chân Như, tắc vô tạp, vô uế, vô biến, vô thiên, lịch vạn kiếp nhi thường tân. Bình đẳng, tắc bất tăng, bất giảm, bất cao, bất hạ, vi thiên thánh sở cộng lý.

(Diễn) Vô tạp, vô uế, thị Chân nghĩa. Vô biến, vô thiên, thị Như nghĩa. Vạn kiếp thường tân, thị Kim nghĩa. Bất tăng, bất giảm, thị Bình nghĩa. Bất cao, bất hạ, thị Đẳng nghĩa. Thiên thánh cộng lý, thị Địa nghĩa.

(疏)稱理，則自性真如平等，是金地義。

(鈔)真如，則無雜無穢，無變無遷，歷萬劫而常新。平等，則不增不減，不高不下，為千聖所共履。

(演)無雜無穢，是真義。無變無遷，是如義。萬劫常新，是金義。不增不減，是平義。不高不下，是等義。千聖共履，是地義。

(Sớ: Xứng Lý, tự tánh Chân Như bình đẳng là ý nghĩa của đất vàng.

Sao: *Chân Như chẳng xen tạp, chẳng nhơ bẩn, chẳng biến đổi, chẳng đổi dời, trải qua muôn kiếp mà vẫn luôn mới mẻ. Bình đẳng bèn chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng cao, chẳng thấp, là chỗ thường đi của ngàn vị thánh.*

Diễn: *Chẳng tạp, chẳng uế là ý nghĩa của Chân. Chẳng biến đổi, chẳng chuyển dời là ý nghĩa của Như. Muôn kiếp thường mới mẻ là ý nghĩa của Vàng. Chẳng tăng, chẳng giảm là ý nghĩa của Bình. Chẳng cao, chẳng thấp là ý nghĩa của Đẳng. Ngàn vị thánh cùng đi là ý nghĩa của Đất).*

(Sao) *Tỳ Xá Như Lai, vị: “Đương bình tâm địa, tắc thế giới bình”. Như Xá Lợi Phất, tâm hữu cao hạ, nãi kiến khâu, lãng, khanh, khảm thị dã. Thị cố, nhân nhân hành xứ thị hoàng kim, hà dĩ Như Lai dĩ túc chỉ án địa.*

(Diễn) *Tỳ Xá hạ, thị dẫn chứng. Lãng Nghiêm vân: “Trì Địa Bồ Tát ư Phổ Quang Phật thời, vi tỳ-kheo, bình điền đạo lộ, chí Tỳ Xá Như Lai thời, nhân quốc đại vương, thiết trai diên Phật. Nhĩ thời, Bồ Tát bình địa dĩ Phật, Phật ma đánh vân: - Đương bình tâm địa, tắc thế giới địa, nhất thiết giai bình”. Duy Ma vân: “Xá Lợi Phất ngôn: ‘Ngã kiến thổ, thạch chư sơn, uế ác sung mãn’. Loa Kế phạm vương ngôn: ‘Nhân giả tâm hữu cao hạ, bất y Phật huệ, cố kiến thử độ vi bất tịnh nhĩ’. Ư thị, Phật dĩ túc chỉ án địa, tức thời đại thiên thế giới trân bảo nghiêm sức”.*

(鈔)毗舍如來，謂：當平心地，則世界平。如舍利弗，心有高下，乃見丘陵坑坎是也。是故，人人行處是黃金，何待如來以足指按地。

(演)毘舍下，是引證。楞嚴云：持地菩薩於普光佛時，為比丘，平填道路，至毘舍如來時，因國大王，設齋延佛。爾時，菩薩平地待佛，佛摩頂云：當平心地，則世界地，一切皆平。維摩云：舍利弗言：我見土石諸山，穢惡充滿。螺髻梵王言：仁者心有高下，不依佛慧，故見此土為不淨耳。於是，佛以足指按地，即時大千世界珍寶嚴飾。

(Sao) *Tỳ Xá Như Lai nói: “Hãy nên bình tâm địa, ắt thế giới bình”. Như tâm ngài Xá Lợi Phất có cao, thấp, bèn thấy [thế giới Sa Bà]*

có gò, núi, hầm, hố, là vì lẽ đó. Vì thế, người nào cũng đều đi nơi đất vắng rỗng, há cần chờ đức Như Lai nhấn ngón chân xuống đất.

Diễn: Từ “Tỳ Xá” trở đi là dẫn chứng. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Trì Địa Bồ Tát trong thời Phổ Quang Phật làm tỳ-kheo, san phẳng, bồi đắp đường sá. Tới thời Tỳ Xá Như Lai, do vua trong nước thiết trai cúng Phật. Lúc đó, Bồ Tát san phẳng đất chờ Phật, Phật xoa đầu Bồ Tát, bảo: - Hãy nên bình tâm địa, ắt đất trong thế giới hết thấy đều bình”. Kinh Duy Ma chép: “Xá Lợi Phất nói: ‘Tôi thấy đất, đá, các núi, dơ xấu đầy đầy’. Loa Kế Phạm Vương bảo: ‘Do tâm nhân giả có cao thấp, chẳng nương theo Phật huệ, nên thấy cõi này bất tịnh’. Ngay khi đó, đức Phật dùng ngón chân nhấn xuống đất, ngay lập tức đại thiên thế giới được trang hoàng trang nghiêm bằng trân bảo”).

Tam, vũ hoa (tam): Sơ, thiên vũ diệu hoa. Nhị, trì dĩ cúng Phật. Tam, cúng dĩ tự thích.

Sơ, thiên vũ diệu hoa.

(Kinh) Trú dạ lục thời, vũ thiên Mạn Đà La hoa.

(Sớ) Ngôn thử hoàng kim địa thượng, thường vũ thiên hoa dã. Bĩ vô Tu Di, nhật, nguyệt, nhị ngôn “lục thời” giả, dĩ hoa diệu vi hậu dã. Lư Sơn liên lậu, cái phổng thử ý.

(Sao) Thử độ nhật nguyệt toàn hoàn, nhiều Tu Di nhị phân trú dạ, như Thiệm Bộ chánh đương Tu Di chi Nam, trú tắc thi Đông châu bán, kinh hồ Nam châu, chung Tây châu bán. Dạ tắc thi Tây châu bán, kinh hồ Bắc châu, chung Đông châu bán. Phối thập nhị chi, lục thời thành trú, lục thời thành dạ, vì nhất nhật dã.

(Diễn) Trú tắc thi Đông châu bán lục cú, ngôn nhật chi toàn hoàn dã. Cổ vân: “Nam Thiệm Bộ Châu nhật đương ngọ, Bắc Câu Lô Châu dã tam cổ. Đông Thắng Thần Châu nhật tương bô, Tây Ngưu Hóa Châu khai môn hộ”, thị dã.

三、雨華(三)：初、天雨妙華。二、持以供佛。三、供已自適。

初、天雨妙華。

(經)晝夜六時，雨天曼陀羅華。

(疏)言此黃金地上，常雨天華也。彼無須彌日月，而言六時者，以華鳥為候也。廬山蓮漏，蓋倣此意。

(鈔)此土日月旋環，遶須彌而分晝夜，如瞻部正當須

彌之南，晝則始東洲半，經乎南洲，終西洲半。夜則始西洲半，經乎北洲，終東洲半。配十二支，六時成晝，六時成夜，為一日也。

(演)晝則始東洲半六句，言日之旋環也。古云：南瞻部洲日當午，北俱盧洲打三鼓。東勝神州日將晡，西牛貨洲開門戶，是也。

(Ba, mưa hoa (gồm ba phần): Một, trời đổ mưa hoa màu nhiệm. Hai, cầm hoa cúng Phật. Ba, cúng xong tự thỏa thích.

Thứ nhất, trời đổ mưa hoa màu nhiệm.

Kinh: Ngày đêm sáu thời, mưa hoa Mạn Đà La cõi trời.

Sớ: Ý nói trên đất vàng ròng ấy, thường mưa hoa cõi trời. Cõi ấy chẳng có núi Tu Di, mặt trời, mặt trăng, mà nói “sáu thời” là do lấy hoa và chim để hạn định thời gian. Đồng hồ sen ở Lư Sơn phỏng theo ý này.

Sao: Trong cõi này, mặt trời, mặt trăng xoay tròn, nhiều quanh núi Tu Di nên chia ra ngày đêm. Như châu Thiệm Bộ nằm ngay phía Nam núi Tu Di, ban ngày vừa mới hừng Đông thì mặt trời đã đi qua một nửa Đông châu, rồi đi qua Nam châu, cuối ngày đã đến phân nửa Tây châu. Ban đêm thì lúc đầu đêm, mặt trời, mặt trăng đã đi hết nửa Tây châu, rồi đi qua Bắc châu, đến cuối đêm nó đi hết nửa Đông châu. [Nhật nguyệt xoay vòng như thế] đem phối hợp với mười hai chi (Địa Chi), sẽ thành sáu thời ban ngày và sáu thời ban đêm, đó là một ngày.

Diễn: Sáu câu rưới từ “ban ngày vừa mới hừng Đông” trở đi nói tới sự xoay chuyển của mặt trời. Cổ nhân nói: “Nam Thiệm Bộ Châu nhằm chính Ngọ, Bắc Câu Lô Châu trống canh ba, Đông Thắng Thần Châu mặt trời mọc, Tây Ngưu Hóa Châu mở cửa nhà” là nói về ý này).

(Sao) Bĩ quốc ký vô Tu Di, hựu vô nhật nguyệt, thường minh, bất hôn, trú dạ vô biện. Duy dĩ “hoa khai, điều minh” nhi vi trú, “hoa hợp, điều thâm” nhi vi dạ dã. Nhiên nhật nguyệt hữu vô, chư bốn bất đồng. Hán dịch vân: “Nhật nguyệt xứ không”. Ngô dịch nhưng Hán. Vương thị phục vân: “Xứ không nhi bất vận chuyển”. Tào Ngụy bất ngôn “hữu, vô”. Nguyên Ngụy cập Tống, trực vân “vô hữu”. Nhược hòa hội chi, đương thị nhật nguyệt tuy tồn; dĩ Phật cập thánh chứng, quang minh yểm ánh, dĩ vô đồng nhĩ. Nhi dĩ lý quý chi, vô giả vi chánh. Hà giả? Đạo Lợi nhi thượng, thượng bất giả nhật nguyệt vi minh, hà hướng Cực Lạc! Hoặc Hán dịch nhật nguyệt thượng, khuyết

“vô hữu” nhị tự, vị khả tri dã, cao minh cánh tường chi. Liên lậu giả, Viễn Tổ ư Lư Sơn, tập chúng niệm Phật, khắc mộc vi liên, cụ thập nhị diệp, dẫn lưu tuyền nhập trì, mỗi độ nhất thời, thủy kích nhất diệp. Trú dạ lục thời, thiền tụng bất chuyết. Dự hội chư hiền, vãng sanh thậm chúng. Kim nhân lục thời tịnh nghiệp, bốn ư Viễn Tổ, Viễn Tổ bốn thử.

(鈔)彼國既無須彌，又無日月，常明不昏，晝夜無辨。唯以華開鳥鳴而為晝，華合鳥棲而為夜也。然日月有無，諸本不同。漢譯云：日月處空。吳譯仍漢。王氏復云：處空而不運轉。曹魏不言有無。元魏及宋，直云無有。若和會之，當是日月雖存；以佛及聖眾，光明掩映，與無同耳。而以理揆之，無者為正。何者？忉利而上，尚不假日月為明，何況極樂！或漢譯日月上，缺無有二字，未可知也，高明更詳之。蓮漏者，遠祖於廬山，集眾念佛，刻木為蓮，具十二葉，引流泉入池，每度一時，水激一葉。晝夜六時，禪誦不輟。與會諸賢，往生甚眾。今人六時淨業，本於遠祖，遠祖本此。

(Sao: Nước ấy đã không có núi Tu Di, lại chẳng có mặt trời, mặt trăng, thường sáng ngời, chẳng tối tăm, ngày đêm chẳng phân biệt. Chỉ coi “hoa nở, chim hót” là ban ngày, “hoa khép, chim đậu” là ban đêm. Nhưng mặt trời, mặt trăng có hay không, các bản chép khác nhau. Bản dịch đời Hán ghi: “Mặt trời, mặt trăng ở giữa hư không”. Bản dịch đời Ngô nói giống bản dịch đời Hán. Bản của ông Vương Long Thư lại nói là “mặt trời, mặt trăng ở trên hư không, nhưng chẳng xoay chuyển”. Bản Tào Ngụy chẳng nói là có hay không. Bản dịch đời Nguyên Ngụy và bản đời Tống nói thẳng là “chẳng có”. Nếu nói dung hòa, sẽ là mặt trời, mặt trăng tuy là có, nhưng do bị quang minh của Phật và thánh chúng che lấp, nên [mặt trời và mặt trăng] tuy có mà cũng như không. Nếu xét theo Lý, không có là đúng. Vì lẽ nào? Từ Đạo Lợi trở lên, còn chẳng cần đến ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, hướng gì cỡi Cự Lạc? Hoặc là trong bản Hán dịch, trước “nhật nguyệt” bị thiếu hai chữ “không có” chưa biết chừng, bậc cao minh sẽ hiểu rõ hơn.

“Đồng hồ sen”: Tổ Huệ Viễn ở Lư Sơn, nhóm họp đại chúng niệm Phật, khắc gỗ thành hoa sen có mười hai cánh, dẫn nước suối vào ao. Cứ qua mỗi một giờ, nước ngập một cánh sen. Ngày đêm sáu thời, thiền

tụng chẳng thiếu sót; các vị hiền nhân dự hội, vãng sanh rất đông. Người thời nay [thực hành] sáu thời tịnh nghiệp vốn là do tổ Huệ Viễn đề xướng, mà tổ Huệ Viễn lại căn cứ trên điều này (tức “trú dạ lục thời”) [để lập ra cách tu trì ấy]).

(Sớ) *Mạn Đà La, thiên hoa danh dã, thử vân Thích Ý. Hựu vân Bạch Hoa. Thiên vũ giả, tán thán đạo đức, như Không Sanh Đế Thích sự.*

(Sao) *Bạch hoa giả, thiên hoa đa chủng, như Mạn Thù Sa, tắc vân Xích Hoa. Kim chỉ bạch hoa, văn tịnh tiệp dã. Diệc khả Tây phương thuộc kim, thử bạch nghiệp nghĩa. Thích Ý giả, thiên hoa diệu hảo, thích duyệt nhân ý dã. Đại Bản vân: “Nhất thiết chư thiên, giai lai thiên thượng bách thiên hoa hương, lai cúng bĩ Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng” thị dã. Tán thán giả, thể nhân hành thiện, chư thiên hoan hỷ, hà huống bĩ quốc! Như Lai, Bồ Tát, hiền thánh thượng thiện chi sở tập hội, tán thán vũ hoa, lý cổ ưng nhĩ.*

(Diễn) *Thế nhân hành thiện chư thiên hoan hỷ giả, dĩ nhân tu giới thiện, tắc thiên đa quyến thuộc. Thiên hỷ quyến thuộc, cố sanh hỷ dã. Hựu chư thiên giai hiếu thiện, nhân tu thiện, tắc thượng hợp thiên tâm, cố hỷ dã.*

(Sớ) *曼陀羅，天華名也，此云適意。又云白華。天兩者，讚歎道德，如空生帝釋事。*

(Sớ) *白華者，天華多種，如曼殊沙，則云赤華。今止白華，文省便也。亦可西方屬金，取白業義。適意者，天華妙好，適悅人意也。大本云：一切諸天，皆賚天上百千華香，來供彼佛。及諸菩薩聲聞之眾是也。讚歎者，世人行善，諸天歡喜，何況彼國！如來菩薩賢聖上善之所集會，讚歎雨華，理固應爾。*

(Diễn) *世人行善諸天歡喜者，以人修戒善，則天多眷屬。天喜眷屬，故生喜也。又諸天皆好善，人修善，則上合天心，故喜也。*

(Sớ) *Mạn Đà La (Māṇḍārava) là tên một loài hoa cõi trời, hoa này dịch là Thích Ý. Còn nói là Bạch Hoa. “Trời tuôn mưa” là ca ngợi đạo đức, như chuyện giữa ngài Không Sanh và vua Đế Thích.*

Sao: “Bạch Hoa”: Hoa trời có nhiều loại, như Mạn Thù Sa

(Mañjusaka) chính là hoa màu đỏ. Nay chỉ nói hoa trắng, tức là kinh vẫn nói giản tiện, mà cũng có thể là do phương Tây thuộc hành Kim, [nói “hoa trắng”] nhầm tới ý nghĩa “nghiệp trắng sạch”. “Thích Ý”: Hoa trời đẹp đẽ tuyệt diệu, khiến cho người ta vui lòng, đẹp ý. Kinh Đại Bản nói: “Hết thấy chư thiên, đều mang trăm ngàn hoa hương đến cúng dường đức Phật ấy, và các vị Bồ Tát, Thanh Văn” là nói về ý này. “Tán thán”: Người đời làm lành, chư thiên hoan hỷ, huống hồ là cõi kia. Chỗ Như Lai, Bồ Tát, hiền thánh và các bậc thượng thiện nhóm hội thì tán thán, mưa hoa là chuyện đúng lẽ.

Diễn: “Người đời làm việc thiện, chư thiên hoan hỷ”: Do người tu giới thiện, ắt chư thiên có nhiều quyền thuộc. Do chư thiên ưa thích quyền thuộc, nên sanh hoan hỷ. Lại nữa, chư thiên đều chuộng điều lành, người tu thiện ắt là trên hợp với lòng trời, nên [chư thiên] hoan hỷ).

(Sao) Như Không Sanh, Đế Thích giả, Tu Bồ Đề yển tọa, Đế Thích tán hoa. Tu Bồ Đề vấn: “Không trung tán hoa, đương thị hà nhân?” Đáp viết: “Ngã nãi Thiên Đế. Dĩ tôn giả thiện thuyết Bát Nhã cổ”. Thị tri Tịnh Độ vãng sanh chi chúng, nhất tâm bất loạn, tắc chư niệm bất sanh, vạn pháp không tịch, tức thị thiện thuyết Bát Nhã, cảm động chư thiên, hựu hà nghi tại!

(鈔)如空生帝釋者，須菩提宴坐，帝釋散華。須菩提問：空中散華，當是何人？答曰：我乃天帝。以尊者善說般若故。是知淨土往生之眾，一心不亂，則諸念不生，萬法空寂，即是善說般若，感動諸天，又何疑哉！

(Sao: “Như Không Sanh và Đế Thích”: Ngài Tu Bồ Đề ngồi yên, Đế Thích rải hoa. Tu Bồ Đề hỏi: “Đang rải hoa trên hư không là người nào vậy?” Bèn đáp: “Tôi là Thiên Đế. Do tôn giả khéo nói Bát Nhã [nên tôi rải hoa]”. Do vậy biết đại chúng vãng sanh Tịnh Độ, nhất tâm bất loạn, cho nên các niệm chẳng sanh, vạn pháp không tịch, chính là khéo nói Bát Nhã, cảm động chư thiên, há còn ngờ ư!)

(Sớ) Hựu hoa hữu nhị chủng: Nhất giả, thiên hoa. Nhị giả, thụ hoa. Kim thị thiên hoa, dĩ thiên nhiếp thụ cổ.

(Sao) Thiên hoa giả, tùng thiên nhi hạ, nghĩa như tiền thích. Thụ hoa giả, Đại Bản vân: “Tứ phương tự nhiên phong khởi, xuất ngũ bách âm thanh, xuy chư thụ hoa, hoa sanh dị hương, tùy phong tứ tán, tán chư Bồ Tát, Thanh Văn đại chúng. Hoa đọa địa giả, tích

hậu tứ thốn, cực mục minh lệ, phương hương vô tỷ, cập chí tiểu ủy, tự nhiên loạn phong xuy khứ”. Thị bĩ độ diệc vũ thụ hoa, cổ viết: “Dĩ thiên nhiếp thụ”.

(Diễn) Cập chí tiểu ủy, loạn phong xuy khứ giả, Pháp Hoa vân: “Hương phong xuy ủy hoa, cánh vũ tân hảo giả”, thị dã. Hoặc nạn viết: “Cực Lạc sở hữu hoa mộc, giai thất bảo thành, bất dĩ xuân sanh, bất dĩ thu tụy, kim nãi ủy giả, hà dã?” Đáp: Thử hữu nhị nghĩa: Nhất giả, tùy thuận thử phương cố. Nhị giả, biểu pháp cố, dĩ hoa biểu Bồ Tát chi nhân hạnh. Sở hữu giải đãi, như hoa chi tiểu ủy, tắc cổ dĩ Bát Nhã chi phong, khứ kỳ giải đãi, trùng gia tinh tấn, như xuy khứ ủy hoa, cánh vũ tân hảo dã.

(疏)又華有二種：一者，天華。二者，樹華。今是天華，以天攝樹故。

(鈔)天華者，從天而下，義如前釋。樹華者，大本云：四方自然風起，出五百音聲，吹諸樹華，華生異香，隨風四散，散諸菩薩聲聞大眾。華墮地者，積厚四寸，極目明麗，芳香無比，及至小萎，自然亂風吹去。是彼土亦雨樹華，故曰：以天攝樹。

(演)及至小萎，亂風吹去者，法華云：香風吹萎花，更雨新好者，是也。或難曰：極樂所有花木，皆七寶成，不以春生，不以秋瘁，今乃萎者，何也？答：此有二義，一者，隨順此方故。二者，表法故，以花表菩薩之因行。稍有懈怠，如花之小萎，則鼓以般若之風，去其懈怠，重加精進，如吹去萎花，更雨新好也。

(Sớ: Lại nữa, hoa có hai thứ, một là thiên hoa, hai là hoa do cây cối sanh ra. Nay ở đây [kinh chỉ nói] là hoa trời, vì [nói] thiên hoa tức là đã bao gồm hoa của cây cối.

Sao: “Hoa trời” là hoa từ trên trời rải xuống, ý nghĩa như trong phần trên đã giải thích. “Hoa từ cây cối”: Kinh Đại Bốn chép: “Bốn phương tự nhiên nổi gió, phát ra năm trăm âm thanh, lùa qua các hoa trên cây [bảy báu], hoa tỏa mùi hương lạ, theo gió bay khắp bốn phương, rải lên các vị Bồ Tát, Thanh Văn, đại chúng. Hoa rơi xuống đất, tích lại dày đến bốn tấc, hết sức chói ngời đẹp đẽ, thơm ngát khôn sánh. Cho đến khi hơi héo, tự nhiên có trận gió mạnh cuốn hết đi”. Vậy là cõi

ấy cũng có mưa hoa từ cây cối, cho nên nói: “Do thiên hoa bao gồm cả hoa từ cây cối”.

Diễn: “Cho đến khi hơi héo, gió mạnh cuốn đi”: Kinh Pháp Hoa nói: “Gió thơm cuốn hoa héo, lại mưa xuống hoa mới”, chính là ý này. Chắc sẽ có kẻ bắt bẻ: “Tất cả hoa cỏ cây cối trong Cực Lạc đều do bảy báu hợp thành, chẳng sanh trưởng vào mùa Xuân, chẳng xơ xác vào mùa Thu, nay lại có hoa héo là như thế nào?” Đáp: Ở đây có hai nghĩa: Một là do tùy thuận phương này. Hai là nhằm biểu thị pháp, dùng hoa để biểu thị nhân hạnh của Bồ Tát. Hễ hơi có giải đãi, như hoa hơi héo, bèn nổi gió Bát Nhã để trừ khử sự giải đãi ấy, lại tăng thêm tinh tấn, như thổi sạch hoa héo, lại mưa hoa mới vậy).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh khai giác, thị hoa nghĩa.

(Diễn) Tự tánh khai giác thị hoa nghĩa giả, dĩ Viên Giác chi tâm, như hoa khai, minh chiếu thập phương sát cố. Phật Địa Luận vân: “Nur đại mộng giác, như liên hoa khai”, thị dã.

(疏)稱理，則自性開覺，是華義。

(演)自性開覺是華義者，以圓覺之心，如花開，明照十方剎故。佛地論云：如大夢覺，如蓮華開，是也。

(Sớ) Xưng Lý thì tự tánh khai giác là ý nghĩa của hoa.

Diễn: “Tự tánh khai giác là ý nghĩa của hoa”: Do cái tâm Viên Giác giống như hoa nở, soi rõ các cõi nước trong mười phương. Phật Địa Luận nói: “Nur tỉnh giác mộng lớn, như hoa sen nở” là nói về điều này).

(Sao) Tự tánh tại mê, như hoa thượng nhụy. Tự tánh hốt ngộ, như hoa chánh khai. Hựu diệu sắc hoán lạn, bất hội nhi thành, diệu hương phức úc, bất hành nhi chí. Hoa vũ tự không, bất chủng nhi sanh, bất thải nhi hạ; tự tánh thần linh thông đạt, diệc phục như thị.

(Diễn) Như hoa thượng nhụy giả, mê tắc nhất vô sở giác cố. Như hoa chánh khai giả, ngộ tắc vạn pháp lãn nhiên cố. Thần linh thông đạt diệc phục như thị giả, dĩ thập pháp giới y, chánh, sắc, tâm, tuần nghiệp phát hiện, vô chủ trì giả, vô tạo tác giả, vô phân tích giả, giai tự tánh nhậm vận, bất tư nghị chi vô tác diệu dụng như thị dã.

(鈔)自性在迷，如華尚蕊。自性忽悟，如華正開。又妙色煥爛，不繪而成，妙香馥郁，不行而至。華雨自空，

不種而生，不採而下；自性神靈通達，亦復如是。

(演)如花尚蕊者，迷則一無所覺故。如花正開者，悟則萬法朗然故。神靈通達亦復如是者，以十法界依正色心，循業發現，無主持者，無造作者，無分析者，皆自性任運，不思議之無作妙用如是也。

(Sao: Tự tánh đang mê, giống như hoa còn búp. Chợt ngộ tự tánh, như hoa nở tung. Lại nữa, màu sắc nhiệm màu rạng ngời, chẳng vẽ vờ mà thành, mùi hương ngào ngạt, chẳng đi mà đến. Mưa hoa từ không trung, chẳng trồng mà sanh, chẳng ngắt mà rơi xuống, [biểu thị] tự tánh thần kỳ, linh diệu, thông đạt cũng giống như vậy đó).

Diễn: “Nhu hoa còn búp”: Hề mê thì chẳng giác một điều nào. “Nhu hoa nở tung”: Ngộ thì vạn pháp rạng ngời. “Thần linh thông đạt cũng giống như thế”: Do y báo, chánh báo, sắc, tâm của mười pháp giới thuận theo nghiệp mà hiện ra, chẳng có kẻ chủ trì, chẳng có kẻ tạo tác, chẳng có kẻ chia chẻ, đều là do diệu dụng tùy ý vô tác chẳng thể nghĩ bàn của tự tánh là như thế đó).

Nhị, trì dĩ cúng Phật.

(Kinh) Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đảo bốn quốc.

(Diễn) Tiền kinh văn vân: “Quá thập vạn ức Phật độ”, kim kinh văn diệt vân: “Cúng dường tha phương thập vạn ức Phật”. Tắc tri thập vạn ức giả, thị biểu số chỉ cực đa, do Hoa Nghiêm chỉ dĩ thập biểu vô tận dã.

二、持以供佛。

(經)其土眾生，常以清旦，各以衣祴，盛眾妙華，供養他方十萬億佛，即以食時，還到本國。

(演)前經文云：過十萬億佛土，今經文亦云：供養他方十萬億佛。則知十萬億者，是表數之極多，猶華嚴之以十表無盡也。

(Hai, cầm hoa cúng Phật.

Kinh: Chúng sanh cõi ấy thường vào sáng sớm, mỗi người dùng lễ dâng đưng hoa, chứa các hoa màu nhiệm, cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác, liền ngay trong khoảng bữa ăn, trở về nước mình.

Diễn: Kinh văn trong phần trước đã nói: “Qua mười vạn ức cõi Phật”. Kinh văn ở đây cũng nói: “Cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác”. Cho nên biết “mười vạn ức” biểu thị số lượng nhiều đến tột cùng, giống như kinh Hoa Nghiêm dùng “mười” để biểu thị vô tận).

(Sớ) Thử ngôn thiên sở vũ hoa, chúng sanh trì thủ cúng Phật dã. Chúng sanh giả, trừ Phật nhi ngôn dã. Thanh đán giả, lục thời chi nhất dã. Y kích giả, thịnh hoa chi khí dã. Cúng tất hoàn quốc, do tại thực thời, dĩ Thần Túc cố.

(Diễn) Chúng sanh trì thủ cúng Phật, diệc khả ước Lý, như Hoa Nghiêm, dĩ vạn hạnh nhân hoa, trang nghiêm Nhất Thừa diệu quả, dĩ chúng sanh thuộc nhân, Phật thuộc quả cố.

(Sớ) 此言天所雨華，眾生持取供佛也。眾生者，除佛而言也。清旦者，六時之一也。衣祴者，盛花之器也。供畢還國，猶在食時，以神足故。

(Diễn) 眾生持取供佛，亦可約理，如華嚴，以萬行因花，莊嚴一乘妙果，以眾生屬因，佛屬果故。

(Sớ) Ở đây là nói hoa mưa xuống từ cõi trời, chúng sanh lấy hoa ấy cúng Phật. “Chúng sanh” là nói tới những người trừ Phật ra. “Sáng sớm” là thời đầu tiên trong sáu thời. “Y kích” là đồ đựng hoa. Cúng xong trở về nước, vẫn thuộc trong thời gian một bữa ăn, là do Thần Túc Thông vậy.

Diễn: “Chúng sanh lấy đem cúng Phật” cũng có thể nói theo Lý, như trong kinh Hoa Nghiêm, dùng vạn hạnh nhân hoa để trang nghiêm diệu quả Nhất Thừa; do chúng sanh thuộc nhân, Phật thuộc quả).

(Sao) Trừ Phật giả, duy Phật nhất nhân, độc xưng Đại Giác. Bồ Tát nhi hạ, dĩ chí vãng sanh bỉ quốc sơ tâm phàm phu, giai danh “chúng sanh” dã, dĩ sanh Phật tương đối cố. Lục thời chi nhất giả, thanh đán, ư trú thời vi tối tiên. Dĩ đán cúng Phật, biểu chí kính dã. Hựu đán thị dạ khí thanh minh chi tế. Thanh đán cúng Phật, thủ tâm tịnh dã. Bỉ quốc chúng sanh, tuy trú dạ nhất tâm, cố vô thanh trực, nhi vị đẳng Phật địa, do hữu vô minh, xúc sự thiệp duyên, bất vô thiếu động. Diệc dĩ bình đán hiệu thanh minh tâm, diệc khả tùy thuận thử phương ngôn thanh đán dã. Thường giả, nhật nhật hằng nhiên, bất bì yếm cố. Các giả, nhân nhân giai nhiên, vô cần nọa cố. “Thịnh hoa

khí” giả, Chân Đế vị y kích vị ngoại quốc thịnh hoa chi khí. Hoặc ngôn y khâm, diệc dĩ khâm thịnh hoa dã. Tha phương, tự bốn quốc nhi tha phương dã. Bất ngôn bốn quốc giả, văn tĩnh dã. Thập vạn ức Phật, nhất Phật nhất đại thiên độ, ngôn quảng viễn dã. Thực thời giả, thần trai thời dã. Thanh đán chỉ ư thần trai, vị thời chí thiểu. Dĩ chí thiểu thời, cúng chỉ đa Phật, minh kỳ tốc dã. Như Đại Bồ tôn ngôn: “Chư đại Bồ Tát, thừa Phật oai thần, nhất thực chi khoảnh, biến chí thập phương vô lượng thế giới, cúng dường chư Phật hoa, hương, kỹ nhạc, y, cái, tràng, phan, vô số cúng cụ. Nhược dục hiển hoa, tắc ư không trung hóa thành hoa cái, châu tứ thập lý, nãi chí lục bách, bát bách lý, các tùy đại tiểu, đình ư không trung, thế giai hạ hướng, dĩ thành cúng dường. Phục dĩ diệu âm, ca tán Phật đức. Thỉnh thọ kinh pháp. Kỳ cúng dường dĩ, hốt nhiên khinh cử, hoàn đáo bốn quốc, do vị thực chi tiền”. Cứ thử, tắc hữu chủng chủng chư cúng dường cụ, hựu hóa hoa thành cái, hựu cúng tất thỉnh pháp. Kim chỉ ngôn dĩ hoa cúng dường, giai văn tĩnh dã. Thần Túc giả, như Đại Bồ, Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, ngã sát trung nhân, giai đắc Thần Túc, như nhất niệm khoảnh, quá bách thiên vạn ức na-do-tha thế giới”. Hựu nguyện vân: “Tức đắc Túc Mạng”, hựu vân: Thiên Nhân, hựu vân: Thiên Nhĩ, hựu vân: Tha Tâm. Tắc sanh bỉ quốc giả, lục thông tự tại, bất chỉ phi hành. Kim bất ngôn giả, diệc văn tĩnh dã.

(鈔)除佛者，唯佛一人，獨稱大覺。菩薩而下，以至往生彼國初心凡夫，皆名眾生也，以生佛相對故。六時之一者，清旦，於晝時為最先。以旦供佛，表至敬也。又旦是夜氣清明之際。清旦供佛，取心淨也。彼國眾生，雖晝夜一心，固無清濁，而未登佛地，猶有無明，觸事涉緣，不無少動。亦以平旦號清明心，亦可隨順此方言清旦也。常者，日日恆然，不疲厭故。各者，人人皆然，無勤惰故。盛花器者，真諦謂衣襪為外國盛華之器。或言衣襟，亦以襟盛花也。他方，自本國而他方也。不言本國者，文省也。十萬億佛，一佛一大千土，言廣遠也。食時者，晨齋時也。清旦至於晨齋，為時至少。以至少時，供至多佛，明其速也。如大本言：諸大菩薩，承佛威神，一食之頃，遍至十方無量世界，供養諸佛，華香伎樂，衣蓋幢

檐，無數供具。若欲獻華，則於空中化成華蓋，周四十里，乃至六百八百里，各隨大小，停於空中，勢皆下向，以成供養。復以妙音，歌歎佛德。聽受經法。既供養已，忽然輕舉，還到本國，猶為未食之前。據此，則有種種諸供養具，又化華成蓋，又供畢聽法。今止言以華供養，皆文省也。神足者，如大本法藏願云：我作佛時，我剎中人，皆得神足，如一念頃，過百千萬億那由他世界。又願云：即得宿命，又云：天眼，又云：天耳，又云：他心。則生彼國者，六通自在，不止飛行。今不言者，亦文省也。

(Sao: “Trừ Phật ra”: Chỉ riêng một mình đức Phật được gọi là Đại Giác; từ Bồ Tát trở xuống cho đến sơ tâm phàm phu vẫn sanh cõi ấy, đều gọi là “chúng sanh”, do đối ứng giữa chúng sanh và Phật. “Thứ nhất trong sáu thời”: Sáng sớm là lúc đầu tiên vào ban ngày. Sáng sớm cúng Phật, biểu thị sự cung kính tột bậc. “Đán” lại có nghĩa là trời đêm tĩnh lặng, trong trẻo. “Sáng sớm cúng Phật”, cốt yếu là tâm tịnh. Chúng sanh trong cõi ấy, tuy ngày hay đêm đều nhất tâm, cố nhiên chẳng có thanh hay trược, nhưng do chưa đạt đến địa vị Phật, vẫn còn có vô minh, gặp sự chạm duyên, chưa thể chẳng có chút động tâm nào; do vậy, cũng dùng chữ “rạng sáng” để mệnh danh cái tâm thanh tịnh, sáng suốt, mà cũng có thể là do tùy thuận phương này mà nói là “sáng sớm”).

“Thường” là mỗi ngày đều như thế, vì chẳng chán mệt. “Các” [có nghĩa là] ai nấy đều như vậy, chẳng có siêng hay lười. “Lãng đưng hoa”: Ngài Chân Đế nói “y kích” là cái lãng đưng hoa của ngoại quốc. Hoặc nói là vật áo, [tức là] cũng dùng vật áo đưng hoa. “Phương khác” là từ nước mình cho đến nước khác. Chẳng nói tới nước mình là vì kinh văn nói gọn vậy.

“Mười vạn ức Phật”: Cõi nước của một vị Phật là một tam thiên đại thiên thế giới, [mười vạn ức [cõi] Phật] ý nói rộng xa. “Thực thời” là lúc thọ trai buổi sáng. Từ sáng sớm cho đến lúc ăn sáng, tức là thời gian ít nhất. Trong thời gian ít nhất, cúng Phật nhiều nhất, tỏ rõ sự nhanh chóng. Như kinh Đại Bản nói: “Các vị đại Bồ Tát nương vào oai thần của Phật, trong khoảng một bữa ăn, đến khắp mười phương vô lượng thế giới, cúng dường chư Phật hoa, hương, kỹ nhạc, y phục, lọng, tràng, phan, vô số vật cúng. Nếu muốn dâng hoa, bèn trong hư không

hóa thành lọng hoa, tròn trặn bốn mươi dăm, cho đến sáu trăm, hoặc tám trăm dăm. Mỗi lọng hoa tùy theo lớn hay nhỏ mà dùng trên không trung, thấy đều hướng xuống dưới, để trở thành vật cúng dường. Lại dùng âm thanh vi diệu, ca ngợi, tán thán Phật đức, nghe, nhận kinh pháp. Đã cúng dường xong, bỗng thân hình nhẹ bốc lên cao, trở về nước mình, vẫn chưa đến giờ ăn”.

Xét theo đó, ắt có các thứ vật cúng dường, lại hóa hoa thành lọng, lại còn cúng xong, nghe pháp. Nay chỉ nói “dùng hoa để cúng dường” thì đều là nói tinh lược. Thần Túc: Như trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, người trong nước ta đều đắc Thần Túc, như trong khoảng một niệm, đi qua trăm ngàn vạn ức na-do-tha thế giới”. Lại nguyện rằng: “Liên đắc Túc Mạng”, lại nói Thiên Nhân, lại nói Thiên Nhĩ, lại nói Tha Tâm. Sanh về cõi đó, lục thông tự tại, không chỉ là phi hành [tự tại]. Nay chẳng nói [đến lục thông], cũng là do kinh văn tinh lược vậy).

(Sớ) Án thủ Thần Túc, Trụ vị, Hạnh vị Bồ Tát sở hữu, như Hoa Nghiêm trung thuyết.

(Sao) Hoa Nghiêm kinh vân: “Bát Trụ Bồ Tát, nhất sát-na khoảnh, du hành vô số thế giới”. Hựu Thập Hạnh tụng vân: “Phật sát vô biên vô hữu số, vô lượng chư Phật tại kỳ trung, Bồ Tát ư bỉ tất hiện tiền, thân cận cúng dường sanh tôn trọng”. Tắc kim chi Thần Túc, khởi dị cập tại! Vân: “Thử ư tam chủng Ý Sanh Thân, đương thuộc hà đẳng?” Đáp: Lăng Già tam chủng, phân thuộc Thanh Văn, Bồ Tát, đại thánh, tắc sanh bỉ quốc giả, tùy kỳ sở tu, các hữu sở chứng, như cứu phẩm lệ.

(Diễn) Tam chủng Ý Sanh Thân giả: Nhất, nhập tam-muội nhạo ý sanh thân, thuộc Thanh Văn. Nhị, giác pháp tự tánh tánh ý sanh thân, thuộc Bồ Tát. Tam, chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân, thuộc Phật. Vị chi Ý Sanh giả, dụ như ý khứ, tốc tất vô ngại dã. Nhập tam-muội nhạo giả, vị từng tam tam-muội trung, phát khởi thần thông chi dụng. Giác pháp tự tánh giả, giác chư pháp tự tánh, từng thử tự tánh, phát khởi diệu dụng, tức danh Ý Sanh Thân. Chủng loại giả, thập pháp giới y, chánh, sắc, tâm, câu tại ngã nhất niệm tâm trung hiển hiện, bốn vô thiên lưu chi hành, diệt vô hữu vi chi tác.

(疏)按此神足，住位，行位菩薩所有，如華嚴中說。

(鈔)華嚴經云：八住菩薩，一剎那頃，遊行無數世界。又十行頌云：佛剎無邊無有數，無量諸佛在其中，菩薩於彼悉現前，親近供養生尊重。則今之神足，豈易及哉！問：此於三種意生身，當屬何等？答：楞伽三種，分屬聲聞菩薩大聖，則生彼國者，隨其所修，各有所證，如九品例。

(演)三種意生身者：一、入三昧樂意生身，屬聲聞。二、覺法自性意生身，屬菩薩。三、種類俱生無行作意生身，屬佛。謂之意生者，喻如意去，速疾無礙也。入三昧樂者，謂從三三昧中，發起神通之用。覺法自性者，覺諸法自性，從此自性，發起妙用，即名意生身。種類者，十法界依正色心，俱在我一念心中顯現，本無遷流之行，亦無有為之作。

(Sớ: Xét ra, hàng Bồ Tát thuộc các địa vị Thập Trụ và Thập Hạnh có loại Thần Túc này, như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói.

Sao: Kinh Hoa Nghiêm chép: “Bát Trụ Bồ Tát trong khoảng một sát-na du hành vô số thế giới”. Lại nữa, phần kệ tụng trong phẩm Thập Hạnh [của kinh Hoa Nghiêm] có nói: “Cõi Phật vô biên, chẳng có số lượng, vô lượng chư Phật ngự trong ấy, Bồ Tát đều hiện trước mặt Phật, thân cận, cúng dường, sanh tôn trọng”. Như vậy thì Thần Túc đang nói ở đây há dễ đạt được ư? Hỏi: “Vậy thì trong ba loại Ý Sanh Thân, sẽ thuộc về loại nào?” Đáp: Ba loại [Ý Sanh Thân] như kinh Lăng Già đã nói, chia ra sẽ [lần lượt] thuộc về Thanh Văn, Bồ Tát, đại thánh (Phật). Vì thế, người sanh về nước ấy, tùy theo những gì đã tu mà ai nấy có sở chứng, giống như trong chín phẩm vãng sanh.

Diễn: Ba thứ Ý Sanh Thân: Một là nhập tam-muội nhạo ý sanh thân, thuộc về Thanh Văn. Hai là giác pháp tự tánh ý sanh thân, thuộc về hàng Bồ Tát. Thứ ba là chủng loại câu sanh vô hành tác ý sanh thân, thuộc địa vị Phật. Nói Ý Sanh là sánh ví “đến nơi tùy ý, nhanh chóng, chẳng bị trở ngại”. “Nhập tam-muội nhạo” là từ trong ba thứ tam-muội, phát khởi tác dụng thân thông. “Giác pháp tự tánh”: Giác tự tánh của các pháp. Từ tự tánh ấy, phát khởi diệu dụng, nên gọi là Ý Sanh Thân. “Chủng loại” là y báo, chánh báo, sắc, tâm trong mười pháp giới, đều hiển hiện trong một niệm tâm của ta, vốn chẳng có đổi

dòi, lưu chuyển, mà cũng chẳng có việc làm hữu vi).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh tự nghiêm, thị thịnh hoa cúng dường nghĩa. Tự tánh tự biến, thị thập vạn ức Phật nghĩa. Tự tánh tự không, thị thực thời hoàn nghĩa. Tự tánh tự trụ, thị bốn quốc nghĩa.

(Diễn) Phật chân Pháp Thân, do nhược hư không, thực thọ cúng dường? Cố tự tánh tự nghiêm, thị thịnh hoa cúng dường nghĩa. Pháp Thân vô vi, bất đoạ chư số, hà vân thập vạn ức? Cố tự tánh tự biến, thị thập vạn ức nghĩa. Tâm thể bất động, bốn tuyệt khứ lai, hà vân thời hoàn? Cố tự tánh tự không, thị thực thời hoàn nghĩa. Tâm thể biến châu, bốn vô đối đãi, hà vân bốn quốc? Cố tự tánh tự trụ, thị bốn quốc nghĩa.

(疏)稱理，則自性自嚴，是盛花供養義。自性自遍，是十萬億佛義。自性自空，是食時還義。自性自住，是本國義。

(演)佛真法身，猶若虛空，孰受供養？故自性自嚴，是盛花供養義。法身無為，不墮諸數，何云十萬億？故自性自遍，是十萬億義。心體不動，本絕去來，何云時還？故自性自空，是食時還義。心體遍周，本無對待。何云本國？故自性自住，是本國義。

(Sớ) Xưng Lý, tự tánh tự trang nghiêm là ý nghĩa “đựng hoa cúng dường”. Tự tánh tự trọn khắp là ý nghĩa “mười vạn ức Phật”. Tự tánh tự không là ý nghĩa “trở về trong khoảng bữa ăn”. Tự tánh tự trụ là ý nghĩa “bốn quốc”.

Diễn: Pháp Thân chân thật của Phật ví như hư không, ai nhận cúng dường? Vì thế, tự tánh tự trang nghiêm là ý nghĩa “đựng hoa cúng dường”. Pháp Thân vô vi, chẳng rớt vào các pháp số, sao lại nói là “mười vạn ức?” Vì thế, tự tánh tự trọn khắp là ý nghĩa “mười vạn ức”. Tâm thể bất động, vốn trọn chẳng có đến, đi, sao lại nói “trở về trong một thời?” Do đó, tự tánh tự Không chính là ý nghĩa “trở về trong khoảng một bữa ăn”. Tâm thể trọn khắp, vốn chẳng có đối đãi, sao lại nói “bốn quốc?” Vì thế, tự tánh tự trụ là ý nghĩa “bốn quốc”).

(Sao) Tự nghiêm giả, tâm bốn cụ hàm vạn đức, hoàn dĩ vạn đức nghiêm tâm, đức vô sở đức, nghiêm vô sở nghiêm, thị chân cúng dường. Tư Ích kinh vân: “Thùy năng cúng dường Phật? Thông đạt

Vô Sanh giả”. Bảo Vũ kinh vân: “Như lý tư duy, tức thị cúng dường Như Lai”, thị dã.

(Diễn) Tâm bốn cụ hàm vạn đức, hoàn dĩ vạn đức nghiêm tâm giả, sở vị tự thể hữu đại trí huệ quang minh nghĩa, biến chiếu pháp giới nghĩa, chân thật thức tri nghĩa, thường, lạc, ngã, tịnh nghĩa đẳng, tức dĩ sở hàm chi vạn đức, nghiêm ngã năng hàm chi nhất tâm. Đức vô sở đức, nghiêm vô sở nghiêm giả, dĩ đối Hằng sa phiền não, hiển Hằng sa Tánh Đức. Tự tánh chi phiền não bốn Không, đức từng hà lập, tắc đức vô sở đức. Kỳ dĩ tức tâm chi đức, nghiêm thử tức đức chi tâm, toàn tâm tức đức, tắc nghiêm vô sở nghiêm. Tâm đức lưỡng vong, Năng Sở bất lập, nhất niệm bất sanh, thị chân cúng dường dã. Phật giả, giác dã. Giác thể vô sanh; bất đạt Vô Sanh, hà xứ mệnh Phật? Cố duy tịch diệt hiện tiền, nãi năng đồng Phật từ lực. Bất nhiên, dĩ sanh diệt tâm, trước tướng mệnh Phật, tùy trục vọng duyên, phi chân cúng dường cố. Như lý tư duy, tức thị cúng dường Như Lai giả, Kim Cang kinh vân: “Như Lai giả, tức chư pháp Như nghĩa”. Bất tư Chân Như chi nghĩa, bất năng cúng dường Như Lai cố. Chân Như phi hữu, bất dĩ hữu tư. Chân Như phi vô, bất dĩ vô tư. Chân Như phi diệt hữu, diệt vô, bất dĩ song diệt tư. Chân Như phi phi hữu phi vô, bất dĩ song phi tư. Ly tứ cú, tuyệt bách phi tư, tư chí vô tư, tư tận hoàn nguyên, phương danh thân cúng dường Như Lai dã.

(鈔)自嚴者，心本具含萬德，還以萬德嚴心，德無所德，嚴無所嚴，是真供養。思益經云：誰能供養佛？通達無生者。寶雨經云：如理思惟，即是供養如來，是也。

(演)心本具含萬德，還以萬德嚴心者，所謂自體有大智慧光明義，遍照法界義，真實識知義，常樂我淨義等，即以所含之萬德，嚴我能含之一心。德無所德，嚴無所嚴者，以對恆沙煩惱，顯恆沙性德。自性之煩惱本空，德從何立，則德無所德。既以即心之德，嚴此即德之心，全心即德，則嚴無所嚴。心德兩忘，能所不立，一念不生，是真供養也。佛者，覺也。覺體無生；不達無生，何處覓佛？故唯寂滅現前，乃能同佛慈力。不然，以生滅心，著相覓佛，隨逐妄緣，非真供養故。如理思惟，即是供養如來者。金剛經云：如來者，即諸法如義。不思真如之義，

不能供養如來故。真如非有，不以有思。真如非無，不以無思。真如非亦有亦無，不以雙亦思。真如非非有非無，不以雙非思。離四句，絕百非思，思至無思，思盡還源，方名親供養如來也。

(Sao: “Tự trang nghiêm”: Tâm vốn sẵn bao hàm vạn đức, lại còn dùng vạn đức để trang nghiêm tâm. Tuy là đức mà chẳng phải là đức; tuy trang nghiêm, nhưng không có gì để trang nghiêm, đó là cúng dường chân thật.

Kinh Tư Ích nói: “Ai có thể cúng dường Phật? Chính là người thông đạt Vô Sanh”. Kinh Bảo Vũ nói: “Tư duy đúng lý chính là cúng dường Như Lai” chính là nói đến ý này.

Diễn: “Tâm vốn sẵn bao hàm vạn đức, lại dùng vạn đức để trang nghiêm tâm”, nghĩa là tự thể đã có các ý nghĩa “đại trí huệ quang minh, chiếu trọi khắp pháp giới, hay biết chân thật, thường, lạc, ngã, tịnh” v.v... tức là dùng vạn đức là những cái được bao hàm để nghiêm tịnh nhất tâm [mà nhất tâm] là chủ thể bao hàm [vạn đức] của ta. “Tuy có đức mà chẳng thấy là đức, tuy trang nghiêm mà chẳng có gì để trang nghiêm”: Do đối ứng với phiền não nhiều như cát sông Hằng mà tỏ lộ Tánh Đức nhiều như cát sông Hằng. Phiền não trong tự tánh vốn là Không, đức do đâu mà lập, cho nên “tuy có đức mà chẳng thấy là đức”. Đã dùng cái đức ngay trong tâm để trang nghiêm cái tâm của đức ấy, toàn thể tâm chính là đức, cho nên “trang nghiêm mà chẳng có gì để trang nghiêm”. Tâm và đức cùng mất, Năng và Sở chẳng lập, một niệm chẳng sanh, đó là cúng dường chân thật.

Phật là giác. Bản thể của Giác là vô sanh. Chẳng thông đạt Vô Sanh, tìm Phật ở chỗ nào? Vì vậy, chỉ có tịch diệt hiện tiền, bèn có thể giống như từ lực của Phật. Nếu không như vậy, dùng cái tâm sanh diệt, chấp tướng để tìm Phật, theo đuổi vọng duyên, sẽ chẳng phải là cúng dường chân thật.

“Tư duy đúng lý chính là cúng dường Như Lai”: Kinh Kim Cang nói: “Như Lai là nghĩa Như của các pháp”. Chẳng nghĩ tới nghĩa Chân Như, chẳng thể cúng dường Như Lai. Chân Như chẳng phải là Có, chẳng nghĩ là Có. Chân Như chẳng phải là Không, chẳng nghĩ là Không. Chân Như chẳng phải là ‘cũng Có, cũng Không’, chẳng nghĩ ‘cả hai cùng có’. Chân Như không phải là “chẳng phải Có, chẳng phải Không”, cho nên chẳng nghĩ “cả hai đều chẳng có”. Mọi suy nghĩ lìa tứ cú, tuyệt

bách phi, suy nghĩ đến mức chẳng còn gì để suy nghĩ. Suy nghĩ đã hết, liền trở về nguồn thì mới gọi là “đích thân cúng dường Như Lai”).

(Sao) Tự biến giả, dĩ tâm biến nhất thiết xứ, tức thị nhất nhất thừa sự, vô không quá giả. Cổ Duy Ma kinh ngôn: “Vô tiền, vô hậu, nhất thời cúng dường”.

(Diễn) Vô tiền vô hậu nhất thời cúng dường giả, Duy Ma kinh, Thiện Đức trưởng giả ngôn: “Ưc niệm ngã tích, tự ư phụ xá, thiết đại thí hội, cúng dường nhất thiết”. Kỳ mãn thất nhật, Duy Ma Cật lai nhập hội trung, vị ngã ngôn: “Trưởng giả tử! Phù đại thí hội, bất đương như nhữ sở thiết, đương vi pháp thí chi hội, hà dụng tài thí hội vi?” Ngã ngôn: “Cư sĩ! Hà vi pháp thí chi hội?” Cật ngôn: “Pháp thí hội giả, vô tiền, vô hậu, nhất thời cúng dường”. Thích viết: Phù dĩ phương hội nhân, bất khả dĩ nhất tức kỳ, dĩ tài tế vật; bất khả dĩ nhất thời châu, thị dĩ hội thông vô ngưng giả, di luân nhi bất lậu. Pháp trạch minh bị giả, bất dịch thời nhi đồng phú, cố năng tức vô cương vi nhất hội, nhi đạo vô bất nhuận dã.

(鈔)自遍者，以心遍一切處，即是一一承事，無空過者。故維摩經言：無前無後，一時供養。

(演)無前無後一時供養者，維摩經，善德長者言：憶念我昔，自於父舍，設大施會，供養一切。期滿七日，維摩詰來入會中，謂我言：長者子！夫大施會，不當如汝所設，當為法施之會，何用財施會為？我言：居士！何為法施之會？詰言：法施會者，無前無後，一時供養。釋曰：夫以方會人，不可以一息期，以財濟物；不可以一時周，是以會通無隅者，彌綸而不漏。法澤冥被者，不易時而同覆，故能即無疆為一會，而道無不潤也。

(Sao: “Tự trọn khắp”: Do tâm trọn khắp hết thấy mọi nơi, nên thừa sự mỗi một [vị Phật] chẳng bỏ sót. Vì thế, kinh Duy Ma nói: “Chẳng trước, chẳng sau, cúng dường cùng lúc”).

Diễn: “Chẳng trước, chẳng sau, cúng dường cùng lúc”: Trong kinh Duy Ma, trưởng giả Thiện Đức nói: - Con nhớ xưa kia, ở nơi nhà cha con, lập hội đại thí, cúng dường hết thấy. Mãn bảy ngày, ngài Duy Ma Cật vào trong hội, bảo con: “Này ông trưởng giả! Phàm là hội đại thí, chớ nên làm như ông, hãy nên làm hội pháp thí. Sao lại dùng tiền tài

để làm hội đại thí?” Con nói: “Thưa cư sĩ! Pháp thí hội nên làm như thế nào?” Ngài Duy Ma Cật nói: “Pháp thí hội là không có trước, chẳng có sau, cùng lúc cùng dường”. Giải thích rằng: Phàm dùng phương tiện để giúp đỡ người khác, không thể là một kỳ hạn rồi thôi. Dùng tiền tài giúp muôn vật, chẳng thể chỉ một lúc là trọn vẹn. Do vậy, bèn viên dung vô ngại, bèn trọn khắp chẳng sót, pháp trạch ngàm gia bị, luôn luôn cùng che chở, cho nên có thể “chẳng có ngăn hạn” là một hội, đạo không gì chẳng nhuần thấm).

(Sao) Tự không giả, tâm thể bốn không, không vô lai vãng. Thị cố, dĩ thực thời hoàn, liêu đối thử phương bát thiệp nhĩ, thật tác bất việt sát-na, hoàn quốc dĩ cánh.

(Diễn) Tâm thể bốn không giả, dĩ tâm vô hình tướng, thập phương cầu chi, chung bất khả đắc cố. Không vô lai vãng giả, tất cánh không trung, vô hình, vô trụ, vô xứ, vô trước, bất động, bất khởi cố.

(鈔)自空者，心體本空，空無來往。是故，以食時還，聊對此方跋涉耳，實則不越剎那，還國已竟。

(演)心體本空者，以心無形相，十方求之，終不可得故。空無來往者，畢竟空中，無形無住，無處無著，不動不起故。

(Sao: “Tự không”: Tâm thể vốn là Không, Không thì chẳng có qua lại. Do vậy, nói “trở về trong bữa ăn” là nói dựa theo hành động trong cõi [Sa Bà] này, chứ thật ra là chẳng đầy một sát-na đã trở về nước [Cực Lạc] xong xuôi.

Diễn: “Tâm thể vốn Không”: Do tâm không có hình tướng, nên mười phương tìm cầu mà trọn chẳng thể đạt được. “[Đã là] Không thì chẳng có qua lại”: Trong cái Không rốt ráo (Tất Cánh Không), chẳng có hình tướng, chẳng có trụ, không có nơi chốn, không chấp trước, chẳng động, chẳng khởi).

(Sao) Tự trụ giả, tâm nguyên trạm tịch, thường trụ bất thiên, thị đương nhân cố hương điền địa, an thân lập mạng xứ. Kim Cang kinh “hoàn chí bốn xứ”, tức thử kinh “hoàn đáo bốn quốc” dã, thử chi vị vụ bốn.

(Diễn) Tâm nguyên trạm tịch, thường trụ bất thiên giả, tâm nguyên, vị nhiệm tâm chi nguyên, tức tánh tịnh dã. Hựu, thô tướng

chỉ nguyên, tức sanh tướng dã. Thử tại Phật địa, phương liễu kỳ nguyên. Nhược Pháp Thân đại sĩ, giác vị chí nguyên, do hữu sanh tướng. Động bĩ tĩnh tâm, nghiệp thức khởi diệt, cố bất vân “thường trụ”. Chí sanh tướng đô tận, vô minh phong chỉ, tánh hải lãng yết, trạm nhiên, thường trụ dã. Nhiên thử thị ước Sanh Diệt Môn thuyết. Nhược ước Chân Như Môn, tắc từng bốn dĩ lai, ly chư danh tướng, vô hữu biến dị, bất khả phá hoại, trạm nhiên thường trụ dã. Kim Cang bốn xứ, tức thử kinh bốn quốc giả, như Khởi Tín ngôn Bốn Giác, Lăng Nghiêm ngôn Bốn Tâm, Phạm Võng ngôn Bốn Nguyên, Viên Giác ngôn Bốn Tế, giai chỉ tự tánh nhi ngôn dã. Bốn xứ, bốn quốc, hà độc bất nhiên? Thử chỉ vị vụ bốn giả, Luận Ngữ vị: “Quân tử vụ bốn”, nhiên bĩ dĩ hiếu dĩ vi bốn, vị chân vụ bốn dã. Tất dã liễu vạn pháp chỉ phi chân, đạt bốn nguyên chỉ nhất trí, đăng sanh diệt chỉ vọng kế, hội thường trụ chỉ chân tâm, phản bốn hoàn nguyên, vi chân vụ bốn dã.

(鈔)自住者，心源湛寂，常住不遷，是當人故鄉田地，安身立命處。金剛經還至本處，即此經還到本國也，此之謂務本。

(演)心源湛寂，常住不遷者，心源，謂染心之源，即性淨也。又，粗相之源，即生相也。此在佛地，方了其源。若法身大士，覺未至源，猶有生相。動彼靜心，業識起滅，故不云常住。至生相都盡，無明風止，性海浪歇，湛然常住也。然此是約生滅門說。若約真如門，則從本以來，離諸名相，無有變異，不可破壞，湛然常住也。金剛本處，即此經本國者，如起信言本覺，楞嚴言本心，梵網言本源，圓覺言本際，皆指自性而言也。本處本國，何獨不然？此之謂務本者，論語謂：君子務本，然彼以孝悌為本，未真務本也。必也了萬法之非真，達本源之一致，蕩生滅之妄計，會常住之真心，返本還源，為真務本也。

(Sao: “Tự trụ”: Nguồn tâm trong lặng, thường trụ, chẳng đổi dời, đó là ruộng đất nơi quê nhà, là chỗ để an thân lập mạng. “Về đến chỗ mình” trong kinh Kim Cang chính là “trở về nước mình” trong kinh này, đó là nói “chú trọng cái gốc”).

Diễn: “Nguồn tâm trong, lặng, thường trụ, chẳng dời”: “Nguồn

tâm” là cội nguồn của cái tâm ô nhiễm, chính là tánh thanh tịnh. Lại nữa, cội nguồn của thô tướng chính là sanh tướng. Đạt đến địa vị Phật, mới hiểu thấu suốt cái nguồn cội ấy. Nếu là Pháp Thân đại sĩ thì do chưa giác đến tột cùng nguồn, cho nên hãy còn có sanh tướng. Do động cái tâm tĩnh lặng ấy, nghiệp thức dậy lên, diệt mất, nên chẳng nói là “thường trụ”. Tới khi sanh tướng đã hết, gió vô minh ngừng thổi, biển tánh sóng lặng, lặng trong, thường trụ. Nhưng đây là nói theo Sanh Diệt Môn. Nếu ước theo Chân Như Môn, ắt từ đầu đến nay, là các danh tướng, chẳng có đổi khác, không thể phá hoại, lặng trong, thường trụ.

“Chỗ của chính mình” trong kinh Kim Cang chính là “nước mình” trong kinh này. Như luận Khởi Tín nói Bốn Giác, Lăng Nghiêm nói Bốn Tâm, Phạm Võng nói Bốn Nguyên, Viên Giác nói Bốn Tế, đều là nói về tự tánh; sao riêng bốn xứ và bốn quốc lại chẳng phải là như vậy? “Đó gọi là chú trọng cái gốc”, Luận Ngữ nói: “Quân tử chú trọng cái gốc”, nhưng họ (Nho gia) coi hiếu để là gốc, chưa phải là chú trọng cái gốc chân chánh. Ất phải là liễu giải vạn pháp chẳng thật, thấu đạt nguồn cội vốn nhất trí, trừ sạch so đo sanh diệt làm lạc, thấu hiểu chân tâm thường trụ, quay trở lại cội nguồn, đó là chú trọng cái gốc chân chánh).

Tam, cúng dĩ tự thích.

(Kinh) Phạn thực kinh hành.

(Sớ) Thừa thượng thực thời, cố thứ ngôn thực. Kinh hành giả, tuần hoàn bất đoạn nghĩa. Phạn dĩ nhi thực, thực dĩ nhi hành, phẳng dương tự thích dã.

(Sao) Phạn thực giả, Đại Bồ vân: “Chư vãng sanh giả, kỳ phạn thực thời, ngân bát, kim bát, chủng chủng bảo bát, tùy ý hiện tiền. Bách vị ẩm thực, sung mãn kỳ trung. Toan, hàm, cam, đạm, các như sở nguyện. Bất dư, bất khuyết; bất dĩ mỹ cố, quá lượng nhi thực. Thực dĩ tự tiêu, nhi vô di chỉ. Hoặc kiến sắc, văn hương, ý dĩ vi thực, tự nhiên bão thích, vô sở vị trước. Thân tâm khinh lợi, thực tất hóa khí. Thời chí phục hiện”. Tuần hoàn giả, như kinh quán vĩ, lạc dịch liên miên, vãng lai vô dĩ dã. Thực dĩ nhi hành, nhất dĩ điều thân, sử vô ngưng trệ. Nhất dĩ điều tâm, sử bất phóng dật dã. Phẳng dương giả, ưu du tự đắc ý. Thế nhân thực dĩ, phi bôn tẩu trần vụ, tắc tăng trưởng thụy miên. Bĩ quốc phạn thực kinh hành, giải thoát chi phong, tiêu dao chi trạng, khả tưởng kiến dã.

三、供已自適。

(經)飯食經行。

(疏)承上食時，故次言食。經行者，循環不斷義。返已而食，食已而行，徜徉自適也。

(鈔)飯食者，大本云：諸往生者，其飯食時，銀鉢金鉢，種種寶鉢，隨意現前。百味飲食，充滿其中。酸鹹甘淡，各如所願。不餘不缺；不以美故，過量而食。食已自消，而無遺滓。或見色聞香，意以為食，自然飽適，無所味著。身心輕利，食畢化去。時至復現。循環者，如經貫緯，絡繹連綿，往來無已也。食已而行，一以調身，使無凝滯。一以調心，使不放逸也。徜徉者，優遊自得意。世人食已，非奔走塵務，則增長睡眠。彼國飯食經行，解脫之風，逍遙之狀，可想見也。

(Ba, cúng dường xong, tự thỏa thích.

Kinh: *Dùng cơm, kinh hành.*

Sớ: Tiếp nối ý “[trở về trong khoảng] bữa ăn” trong phần trước, cho nên tiếp theo đó, nói đến “ăn”. “Kinh hành” nghĩa là tuần hoàn chẳng ngừng. Trở về bèn ăn, ăn xong đi kinh hành, thành thời, thoải mái.

Diễn: “Dùng cơm”, kinh Đại Bản chép: “Những người đã vắng sanh, khi ăn cơm, bát bạc, bát vàng, các thứ bát báu, tùy ý hiện ra trước mặt. Thức ăn trăm vị, đầy ắp trong ấy. Chua, mặn, ngọt, nhạt, mỗi thứ đúng như ý nguyện, chẳng thừa, chẳng thiếu. Chẳng vì ngon lành mà ăn quá mức. Ăn xong tự tiêu, chẳng còn sót lại cặn bã. Hoặc thấy sắc, ngửi hương, bèn nghĩ là đã ăn, tự nhiên no đủ, thỏa thích, chẳng tham đắm mùi vị. Thân tâm nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, ăn xong, [những thức ăn và đồ đựng] bèn biến mất. Đến lúc lại hiện ra”.

“Tuần hoàn” là như từ đường dọc xuyên suốt đường ngang, liên tiếp nối kết, qua lại không ngừng vậy. Ăn xong đi kinh hành thì một là điều hòa thân thể, khiến cho [thân thể] chẳng ngưng trệ; hai là để điều tâm, khiến cho [cái tâm] chẳng buông lung.

“Phảng dương” là thông dong, thích ý. Người đời ăn xong, nếu chẳng bỏn ba việc đời thì cũng ngủ nghỉ nhiều hơn. Người trong cõi kia ăn xong đi kinh hành, có thể hình dung họ có phong thái giải thoát, tiêu dao).

(Sớ) Duy ngôn phạn thực, bất cập y đẳng, duy ngôn kinh hành, bất cập tọa đẳng, diệc văn tĩnh cố.

(Sao) Y giả, Đại Bồ Pháp Tạng nguyện văn: “Ngã tác Phật thời, ngã sát trung nhân, sở dục y phục, tùy niệm tức chí, bất giả tài, phùng, đảo nhiễm, hoán trạc. Hựu phục hữu vô lượng thượng diệu y phục, bảo quan, hoàn, xuyên, nhĩ đang, anh lạc, hoa man, đới tảo, chư bảo trang nghiêm, bách thiên diệu sắc, tự nhiên tại thân”. Hựu văn: “Phục hữu vô lượng như ý diệu hương, đồ hương, mật hương. Kỳ hương phổ huân bị Phật quốc giới”. Cố bất ngôn y, dĩ thực nhiếp y, cập nhất thiết tư sanh chi cụ cố. Bất cập tọa giả, Giáo khai tứ chủng tam-muội: Nhất, viết thường hành. Nhị, viết thường tọa. Tam, viết bán hành, bán tọa. Tứ, viết phi hành, phi tọa. Tự thử văn trung, tắc duy đệ nhất. Nhiên nhị bộ trung, giai ngôn vãng sanh giả, tọa liên hoa trung, Bát Châu tam-muội tác phục ngôn lập; đương tri dĩ hành nhiếp tọa, cập tứ oai nghi cố.

(Diễn) Giáo khai tứ chủng tam-muội: Nhất, viết Thường Hành giả, xuất Bát Châu Tam Muội Kinh, diệc danh Phật Lập tam-muội. Thành thời, kiến thập phương Phật tại không trung lập, dĩ cửu thập nhất vi nhất kỳ. Nhị, viết thường tọa giả, xuất Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, diệc danh Nhất Hạnh tam-muội, duy chuyên niệm pháp giới cố dã, diệc dĩ cửu thập nhất vi nhất kỳ. Tam, viết bán hành bán tọa giả, xuất Pháp Hoa, Phương Đẳng nhị kinh, Pháp Hoa tam thất nhất vi nhất kỳ, Phương Đẳng bất hạn thời tiết. Tứ, phi hành phi tọa giả, diệc danh Tùy Tự Ý, ý khởi tức quán cố dã. Phương pháp xuất Thỉnh Quán Âm đẳng chư Đại Thừa kinh, thông ư tứ nghi, cập chư tác vụ. Công tư hốt cụ, diệc bất ngại tu dã.

(疏)唯言飯食，不及衣等，唯言經行，不及坐等，亦文省故。

(鈔)衣者，大本法藏願云：我作佛時，我剎中人，所欲衣服，隨念即至，不假裁縫擣染浣濯。又復有無量上妙衣服，寶冠環釧，耳璫瓔珞，華鬘帶鎖，諸寶莊嚴，百千妙色，自然在身。又云：復有無量如意妙香，塗香末香。其香普熏彼佛國界。故不言衣，以食攝衣，及一切資生之具故。不及坐者，教開四種三昧：一、曰常行。二、曰常坐。三、曰半行半坐。四、曰非行非坐。就此文中，則唯

第一。然二部中，皆言往生者，坐蓮華中，般舟三昧則復言立；當知以行攝坐，及四威儀故。

(演)教開四種三昧：一、曰常行者，出般舟三昧經，亦名佛立三昧。成時，見十方佛在空中立，以九十日為一期。二、曰常坐者，出文殊師利所說摩訶般若波羅蜜經，亦名一行三昧，唯專念法界故也，亦以九十日為一期。三、曰半行半坐者，出法華方等二經，法華三七日為一期，方等不限時節。四、非行非坐者，亦名隨自意，意起即觀故也。方法出請觀音等諸大乘經，通於四儀，及諸作務。公私忽遽，亦不礙脩也。

(Sớ: “Chỉ nói ăn cơm, chẳng nói đến quần áo v.v... Chỉ nói kinh hành, chẳng nói đến ngồi v.v... là vì kinh văn nói tỉnh lược.

Sao: “Y phục”: Trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, người trong cõi ta, mong muốn y phục, vừa nghĩ bèn hiện tới, chẳng cần phải cắt, may, đập, nhuộm, giặt giũ. Lại có vô lượng y phục đẹp đẽ, quý giá nhất. Mào báu, vòng, xuyên, bông tai, chuỗi ngọc, tràng hoa, đai áo, đeo giắt các thứ vật báu để trang nghiêm, trăm ngàn màu sắc đẹp đẽ tuyệt vời, tự nhiên ở trên thân”. Lại nói: “Lại có vô lượng hương màu nhiệm như ý, hương bôi, hương bột. Hương ấy xông khắp cõi Phật ấy”. Bởi lẽ, chẳng nhắc đến y phục là vì dùng chuyện ăn để bao gồm y phục và hết thấy các vật dụng cần thiết trong cuộc sống.

“Không nói đến ngồi”: Trong Giáo, lập ra bốn loại tam-muội: Một là thường hành. Hai là thường ngồi. Ba là nửa đi, nửa ngồi. Bốn là chẳng đi, chẳng ngồi. Vậy thì trong đoạn văn này, chỉ nêu ra cách thứ nhất. Nhưng trong hai bộ kinh, đều nói người vắng sanh ngồi trong hoa sen. Bát Châu tam-muội lại nói là “đứng”, nên biết [kinh văn chỉ] nói “đi” là đã bao gồm cả ngồi và bốn oai nghi.

Diễn: “Trong Giáo, lập ra bốn thứ tam-muội”: Loại thứ nhất là Thường Hành, phát xuất từ kinh Bát Châu Tam Muội, còn gọi là Phật Lập tam-muội. Khi tu thành, sẽ thấy mười phương Phật đứng trong hư không, [pháp tu này] lấy chín mươi ngày làm một kỳ hạn [tu tập]. Hai là Thường Tọa, phát xuất từ kinh Văn Thù Sư Lợi Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, còn gọi là Nhất Hạnh tam-muội, vì chỉ chuyên niệm pháp giới, cũng lấy chín mươi ngày làm kỳ hạn. Ba là “nửa đi, nửa

ngôi”, xuất phát từ hai kinh Pháp Hoa và Phương Đẳng. Pháp Hoa lấy hai mươi mốt ngày làm hạn, Phương Đẳng chẳng hạn định thời gian. Bốn là chẳng đi, chẳng ngồi, còn gọi là Tùy Tự Ý, vì ý khởi lên liền quán. Phương pháp này phát xuất từ các kinh Đại Thừa như Thỉnh Quán Âm v.v... áp dụng cho khắp bốn oai nghi và các việc làm lụng. Dầu bỗng gặp chuyện công hay việc tư cấp bách, vẫn chẳng trở ngại tu tập).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh thường định, thị phạn thực nghĩa. Tự tánh thường huệ, thị kinh hành nghĩa.

(Diễn) Tự tánh thường định giả, Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời. Hựu vân: “Tâm địa vô tán, tự tánh định”. Tự tánh thường huệ giả, nhất thiết chúng sanh giai cụ Như Lai trí huệ đức tướng, hựu vân: “Tâm địa vô si tự tánh huệ”.

(疏)稱理，則自性常定，是飯食義。自性常慧，是經行義。

(演)自性常定者，那伽常在定，無有不定時。又云：心地無散自性定。自性常慧者，一切眾生皆具如來智慧德相，又云：心地無痴自性慧。

(Sớ: Xưng Lý, tự tánh thường định là ý nghĩa “ăn cơm”. Tự tánh thường trí huệ là ý nghĩa “kinh hành”.

Diễn: “Tự tánh thường định”, Na Già (đức Phật) thường tại Định, chẳng có lúc nào không định. Lại nói: “Tâm địa chẳng tán loạn là tự tánh định”. “Tự tánh thường huệ”: Hết thấy chúng sanh đều có đầy đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Lại nói: “Tâm địa chẳng si là tự tánh huệ”).

(Sao) Thiền duyệt vi thực, cố Định hữu thực nghĩa. Trí năng vận chuyển, cố Huệ hữu hành nghĩa. Như Luận Tụng vân: “Ái nhạo Phật pháp vị, Thiền tam-muội vi thực”. Hựu Phật Địa Luận: “Tịnh độ trung chư Phật, Bồ Tát, năng thuyết, năng thọ Đại Thừa pháp vị. Hựu chánh thể trí thọ Chân Như vị, năng trụ trì thân mạng, sử bất đoạn hoại, trưởng dưỡng vận pháp, cố danh vi Thực”.

(Diễn) Thiền duyệt vi thực, Định hữu thực nghĩa giả, Thiền Định tư thân, khinh an, thích duyệt cố. Trí năng vận chuyển, Huệ hữu hành nghĩa giả, trí thể vô trụ, vận hành hoạt bát cố. “Như luận” chỉ luận, thị Vãng Sanh Luận. Như “luận tụng vân” hạ, thị dẫn chứng,

thực hữu lục đoạn, hành hữu nhất đoạn. Chư Phật, Bồ Tát năng thuyết, năng thọ giả, phi chư Phật bất năng thuyết, dĩ cụ tứ vô ngại biện, đắc đại vô úy cố. Phi Bồ Tát bất năng thọ, dĩ tối cực lợi căn, kham năng đảm hà cố. Hựu chánh thể trí thọ Chân Như vị giả, chánh thể trí, tức Căn Bản Trí, diệt danh Như Lý Trí. Thử trí năng chứng Chân Như, như không hợp không, tự thủy đầu thủy, Lý Trí nhất như. Trưởng vô đoạn tuyệt, từng Thể khởi Dụng, trưởng dưỡng vạn pháp, như thực chỉ năng trì sắc thân, trưởng dưỡng vạn sự dã.

(鈔)禪悅為食，故定有食義。智能運轉，故慧有行義。如論頌云：愛樂佛法味，禪三昧為食。又佛地論：淨土中諸佛菩薩，能說能受大乘法味。又正體智受真如味，能住持身命，使不斷壞，長養萬法，故名為食。

(演)禪悅為食，定有食義者，禪定資神，輕安適悅故。智能運轉，慧有行義者，智體無住，運行活潑故。如論之論，是往生論。如論頌云下，是引證，食有六段，行有一段。諸佛菩薩能說能受者，非諸佛不能說，以具四無礙辯，得大無畏故。非菩薩不能受，以最極利根，堪能擔荷故。又正體智受真如味者，正體智，即根本智，亦名如理智。此智能證真如。如空合空，似水投水，理智一如。長無斷絕，從體起用，長養萬法，如食之能持色身，長養萬事也。

(Sao: Lấy Thiền Duyệt làm thức ăn, nên Định có ý nghĩa “ăn”. Trí có thể vận chuyển, nên Huệ có ý nghĩa “đi”. Như [Vãng Sanh] Luận có bài kệ như sau: “Yêu thích pháp vị của Phật, dùng Thiền tam-muội làm thức ăn”. Phật Địa Luận lại nói: “Chư Phật, Bồ Tát trong Tịnh Độ có thể nói, có thể tiếp nhận pháp vị Đại Thừa”. Lại nữa, chánh thể trí thọ Chân Như vị có thể duy trì thân mạng, khiến cho nó chẳng bị đoạn mất, hư hoại, [lại còn] trưởng dưỡng muôn pháp, cho nên gọi là “ăn”.

Diễn: “Thiền duyệt làm thức ăn, Định có ý nghĩa là Ăn”: Thiền Định có thể bồi bổ tinh thần, nhẹ nhàng, yên vui, thoải mái. “Trí có thể vận chuyển, nên Huệ có nghĩa là Đi”: Do trí thể chẳng trụ, vận hành hoạt bát. Chử Luận trong “như Luận” chỉ Vãng Sanh Luận. Từ câu “luận tụng rằng” trở đi là dẫn chứng, có sáu đoạn nói về ăn, một đoạn nói về đi.

“Chư Phật, Bồ Tát có thể nói, có thể tiếp nhận”: Chẳng phải là chư Phật không thể nói, vì [chư Phật] trọn đủ Tứ Vô Ngại Biện, đặc đại vô úy. Chẳng phải là Bồ Tát sẽ không thể tiếp nhận, vì Bồ Tát lợi căn tột bậc, có thể gánh vác.

“Lại nữa, chánh thể trí tiếp nhận Chân Như vị”: Chánh thể trí là Căn Bản Trí, còn gọi là Như Lý Trí. Trí này có thể chứng Chân Như, dường như hư không hòa lẫn vào hư không, như nước gieo vào trong nước, Lý và Trí như một. “Tăng trưởng chẳng đoạn tuyệt”: Từ Thể khởi Dụng, trưởng dưỡng vạn pháp, như thức ăn có thể duy trì sắc thân, trưởng dưỡng vạn sự).

(Sao) Hựu A Hàm, Duy Thức đẳng, thuyết xuất thế ngũ thực: Nhất, Thiền Duyệt. Nhị, nguyện. Tam, niệm. Tứ, giải thoát. Ngũ, pháp hỷ. Vị Thiền Định tư thần, khinh an, thích duyệt, tức vi Thực nghĩa. Nguyện lực trì pháp, Pháp Thân tăng trưởng, tức vi Thực nghĩa. Niệm lực minh ký, thánh đạo hiện tiền, tức vi Thực nghĩa. Giải thoát trừ chướng, cư nhiên tư ích, tức vi Thực nghĩa. Pháp hỷ nội sung, cực hỷ lạc cố, tức vi Thực nghĩa. Kim chỉ ngôn Định giả, cử nhất kiêm tứ, Thiền Định chi trung, vô bất nhiếp cố.

(Diễn) Thiền Định tư thần hạ, thứ đệ thích tiền ngũ thực. Thực hữu tư duyệt nghĩa, kim Thiền Định trì tâm, viễn ly thô trọng, duyệt thể thư thần, tức vi Thực nghĩa. Thực hữu tăng trưởng nghĩa, kim nguyện lực kiên cường, chấp trì chánh pháp, Pháp Thân tăng trưởng, tức vi Thực nghĩa. Thực năng thành biện chư sự, kim niệm lực năng minh ký bất vong, thành biện thánh đạo, tức vi Thực nghĩa. Thực năng giải trừ cơ khát, kim giải thoát năng đoạn trừ tam chướng, tư ích Pháp Thân, tức vi Thực nghĩa. Thực năng sướng duyệt thân tâm, kim pháp hỷ năng đặc đại hoan hỷ, bảo mãn sung túc, tức vi Thực nghĩa.

(鈔)又阿含唯識等，說出世五食：一、禪悅。二、願。三、念。四、解脫。五、法喜。謂禪定資神，輕安適悅，即為食義。願力持法，法身增長，即為食義。念力明記，聖道現前，即為食義。解脫除障，居然資益，即為食義。法喜內充，極喜樂故，即為食義。今止言定者，舉一兼四，禪定之中，無不攝故。

(演)禪定資神下，次第釋前五食。食有資悅義，今禪

定持心，遠離羸重，悅體舒神，即為食義。食有增長義，今願力堅強，執持正法，法身增長，即為食義。食能成辦諸事，今念力能明記不忘，成辦聖道，即為食義。食能解除飢渴，今解脫能斷除三障，資益法身，即為食義。食能暢悅身心，今法喜能得大歡喜，飽滿充足，即為食義。

(Sao: Lại nữa, A Hàm, Duy Thức v.v... nói đến năm món ăn xuất thế: Một là Thiền duyệt. Hai là nguyện. Ba là niệm. Bốn là giải thoát. Năm là pháp hỷ. Ý nói: Thiền Định bồi bổ tinh thần, nhẹ nhàng, thoải mái, chính là ý nghĩa của Ăn. Nguyện lực gìn giữ pháp, tăng trưởng Pháp Thân, chính là ý nghĩa của Ăn. Niệm lực hiểu rõ ràng, ghi nhớ, thánh đạo hiện tiền, chính là ý nghĩa Ăn. Giải thoát trừ chướng, nghiêm nhiên tăng trưởng, chính là ý nghĩa của Ăn. Pháp hỷ sung mãn trong ấy, vui sướng tốt bậc, chính là ý nghĩa của Ăn. Nay chỉ nói đến Định, nêu lên một điều bao gồm cả bốn điều, trong Thiền Định, không gì chẳng được bao hàm.

Diễn: Từ “Thiền Định bồi bổ tinh thần” trở đi, lần lượt giải thích năm loại ăn trên đây. Ăn có ý nghĩa giúp cho vui sướng, nay Thiền Định gìn giữ cái tâm, xa lìa thô nặng, thân vui sướng, tinh thần thư thái, tức là ý nghĩa Ăn. Ăn có ý nghĩa “tăng trưởng”; nay nguyện lực chắc chắn, mạnh mẽ, chấp trì chánh pháp, tăng trưởng Pháp Thân, tức là ý nghĩa Ăn. Ăn có thể hoàn thành các sự, nay niệm lực có thể nhớ rõ, chẳng quên, hoàn thành thánh đạo, tức là ý nghĩa của Ăn. Ăn có thể trừ khử đói khát, nay giải thoát có thể đoạn trừ ba thứ chướng, tăng cường Pháp Thân, tức là ý nghĩa của Ăn. Ăn có ý nghĩa vui sướng thân tâm, nay do pháp hỷ có thể đạt được đại hoan hỷ, no đủ sung túc, tức là ý nghĩa của Ăn).

(Sao) Duy Ma kinh vân: “Vị phát Đại Thừa ý, thực thử thực giả, chí phát ý nãi tiêu. Dĩ phát ý giả, đắc Vô Sanh Nhân dĩ nãi tiêu. Đắc Nhân giả, chí Nhất Sanh Bồ Xứ nãi tiêu”. Hoa Nghiêm Cự Túc ưu-bà-di vân: “Nhất Sanh Sở Hệ Bồ Tát, thực ngã thực giả, giai ư Bồ Đề thụ hạ thành Đẳng Chánh Giác”, giai tự tánh Chân Như vô tận chi lý nhi vi thực dã.

(Diễn) Vị phát Đại Thừa ý, thị vị nhập Chánh Định Tự chúng sanh, tu hành tín tâm giả. Dĩ phát ý, thị tín thành tựu phát tâm dĩ hậu Tam Hiền Bồ Tát. Đắc nhân giả, thị chứng phát tâm Thập Địa Bồ Tát,

Nhất Sanh Bồ Xứ, tức Đẳng Giác thị. Thực thử thực giả, giai đoàn Chân Như chi lý dĩ vi thực dã. Vấn: “Ký viết Chân Như chi lý vi thực, nhi Chân Như nhất vị bình đẳng, vô tăng, vô giảm, vạn cổ bất ma, nhi văn trung thâm thiển giai vị, lữ thực, lữ tiêu giả, hà dã?” Đáp: Chân Như tuy viết nhất vị, vạn cổ bất ma, nhi nãi tùy trí thiển thâm, dĩ hạ vị vi chứng thượng vị lý thời, tắc nhất tâm duyên thử lý cảnh, danh thực thử thực. Dĩ chứng thử lý thời, tắc thử lý hóa vi ô hữu, danh viết nãi tiêu. Như nhân vị chí Lư Sơn, tắc hữu Lư Sơn khả duyên. Dĩ chí Lư Sơn, tắc Lư Sơn hóa vi ô hữu. Cố viết: “Bất kiến Lư Sơn chân diện mục, chỉ nhân thân tại thử sơn trung” dã.

(鈔)維摩經云：未發大乘意，食此食者，至發意乃消。已發意者，得無生忍已乃消。得忍者，至一生補處乃消。華嚴具足優婆夷云：一生所繫菩薩，食我食者，皆於菩提樹下成等正覺，皆自性真如無盡之理而為食也。

(演)未發大乘意，是未入正定聚眾生，修行信心者。已發意，是信成就發心以後三賢菩薩。得忍者，是證發心十地菩薩，一生補處，即等覺是。食此食者，皆搏真如之理以為食也。問：既曰真如之理為食，而真如一味平等，無增無減，萬古不磨，而文中深淺階位，屢食屢消者，何也？答：真如雖曰一味，萬古不磨，而乃隨智淺深，以下位未證上位理時，則一心緣此理境，名食此食。已證此理時，則此理化為烏有，名曰乃消。如人未至廬山，則有廬山可緣。已至廬山，則廬山化為烏有。故曰：不見廬山真面目，只因身在此山中也。

(Sao: Kinh Duy Ma chép: “Kẻ chưa phát ý Đại Thừa, ăn món ăn này, tới khi phát ý sẽ tiêu. Kẻ đã phát ý, khi đắc Vô Sanh Nhân liền tiêu. Kẻ đắc Nhân, khi đạt tới Nhất Sanh Bồ Xứ liền tiêu”. Trong kinh Hoa Nghiêm, ưu-bà-di Cù Túc bảo: “Nhất Sanh Sở Hệ Bồ Tát ăn thức ăn của ta, đều thành Đẳng Chánh Giác dưới cội Bồ Đề”, đều là dùng lý vô tận nơi Tự Tánh Chân Như để làm thức ăn vậy.

Diễn: “Chưa phát Đại Thừa ý” là chúng sanh chưa nhập Chánh Định Tu, tu hành tín tâm. “Đã phát ý” là bậc Tam Hiền Bồ Tát sau khi tín thành tự bèn phát tâm. “Đắc Nhân” là bậc đã chứng Phát Tâm Thập Địa Bồ Tát. Nhất Sanh Bồ Xứ (Nhất Sanh Sở Hệ) là bậc Đẳng

Giác.

“Ăn thức ăn này” đều là dùng lý Chân Như để làm thức ăn vậy.
Hỏi: Đã nói là “lý Chân Như làm thức ăn”, nhưng Chân Như một vị bình đẳng, chẳng tăng, chẳng giảm, muôn đời chẳng mòn, thế mà trong lời Sao lại nói đến các địa vị cạn hay sâu, nhiều lượt ăn, nhiều lượt tiêu, là vì lẽ nào? Đáp: Chân Như tuy nói là một vị, muôn đời chẳng mòn, nhưng tùy thuộc vào trí cạn hay sâu [bèn có sai khác]. Do khi địa vị dưới chưa chứng được lý của địa vị trên, bèn nhất tâm duyên theo lý cảnh ấy, bèn gọi là “ăn thức ăn ấy”. Khi đã chứng lý ấy, lý ấy hóa thành chẳng còn gì nữa, nên mới nói là “bền tiêu”.

Như người chưa đến Lư Sơn, ắt có Lư Sơn để có thể duyên vào. Đã đến Lư Sơn thì Lư Sơn [trong ý niệm mong tưởng, nghĩ nhớ sẽ] hóa thành chẳng còn nữa. Nên nói: “Chẳng thấy Lư Sơn chân diện mục, chỉ do thân ở tại Lư Sơn”).

(Sao) Kinh hành giả, Trì Thế kinh vân: “Như Lai hành xứ, thị vô hành xứ”. Vô hành xứ giả, chân huệ dã. Cổ tri niệm chủ, phóng trợ, khẩu khẩu bất ly; cử túc, động thân, bộ bộ đạt trước. Hà đắc mai đầu khiết phạm, không quá nhất sanh, ngoạn thủy quán sơn, đồ lao vạn lý!

(Diễn) Như Lai hành xứ thị vô hành xứ giả, Hành giả, tâm hành hồ cảnh dã. Phàm phu hành Hữu, Nhị Thừa hành Không, Đại Thừa Bồ Tát hành Trung Đạo. Như Lai tắc Hữu xứ toàn Không, phi hành Hữu dã. Không xứ toàn Hữu, bất hành Không dã. Trung Đạo tức nhị biên, bất hành Trung dã. Ly tứ cú hành, tuyệt bách phi hành. Oai Âm na bạn hành, Pháp Thân hướng thượng hành, bất khả hành xứ hành dã. Cổ tri hạ, kết khuyến.

(鈔)經行者，持世經云：如來行處，是無行處。無行處者，真慧也。故知拈匙放箸，口口不離；舉足動身，步步踏著。何得埋頭喫飯，空過一生，翫水觀山，徒勞萬里！

(演)如來行處是無行處者，行者，心行乎境也。凡夫行有，二乘行空，大乘菩薩行中道。如來則有處全空，非行有也。空處全有，不行空也。中道即二邊，不行中也。離四句行，絕百非行。威音那畔行，法身向上行，不可行

處行也。故知下，結勸。

(Sao): “Kinh hành”: Kinh Trì Thế nói: “Hành xứ của Như Lai là vô hành xứ”. “Vô hành xứ” là chân huệ. Vì thế biết: Cầm thìa, buông đũa, miệng miệng chẳng lìa; giở chân, động thân, bước bước giẫm đạp. Há nên vui đầu ăn uống, luống uống một đời. Dạo chơi sơn thủy, uống công vạn dặm nhọc nhằn!

Diễn: “Hành xứ của Như Lai là vô hành xứ”: “Hành” là tâm duyên nơi cảnh. Phạm phu hành Hữu, Nhị Thừa hành Không, Đại Thừa Bồ Tát hành Trung Đạo. Như Lai đối với Hữu xứ thì toàn là Không, cho nên chẳng hành Hữu. Do Không xứ toàn là Hữu, cho nên cũng chẳng hành Không.

Trung Đạo chính là Nhị Biên, cho nên chẳng hành Trung. Hành lìa bốn câu, hành dứt bách phi, hành nơi phía Oai Âm Phật, hành nơi Pháp Thân hương thượng, hành nơi chẳng thể hành! Từ chữ “cho nên biết” là kết lại lời khuyên nhủ).

Tứ, tổng kết

(Kinh) Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Sớ) Kết thượng thiên nhạc, thiên hoa đảnh, chủng chủng trang nghiêm, giai bốn Phật nguyện hạnh công đức sở thành tựu đã.

(Sao) Nguyện giả, như Đại Bản, Pháp Tạng nguyện văn: “Ngã tác Phật thời, tự địa dĩ thượng, giai vô lượng tạp bảo, bách thiên chủng hương, nhi cộng hợp thành”. Hựu nguyện văn: “Ngã tác Phật thời, thập phương vô ương số thế giới, chư thiên nhân dân, văn ngã danh hiệu, nhiên đảnh, tán hoa”. Hựu nguyện văn: “Ngã tác Phật thời, sát trung Bồ Tát, dĩ hương hoa đảnh chủng chủng cúng cụ, dục vãng tha phương thế giới cúng dường chư Phật, nhất thời chi khoảnh, tức khả biến chí”. Hựu nguyện văn: “Ngã tác Phật thời, ngã sát trung nhân, dục thực chi thời, bảo bát chi trung, bách vị ẩm thực, hóa hiện tại tiền, thực dĩ tự khứ”. Kim lai thành Phật, nhất nhất sở nguyện, giai tất thành tựu. Hành giả, như Đại Bản văn: “Pháp Tạng tỳ-kheo ký phát nguyện dĩ, thiên vũ diệu hoa, nhi tán kỳ thượng”. Hựu văn: “Hoặc vi tỳ-kheo, hoặc vi thiên vương, hoặc vi luân vương, hoặc vi đại thần, hằng vãng Phật sở, thừa sự cúng dường”. Hựu văn: “Thủ trung thường xuất y phục ẩm thực, tràng phan, bảo cái, nhất thiết âm nhạc”. Kim lai thành Phật, như thượng thiên nhạc, thiên hoa đảnh bảo, tự hợp thành tựu.

四、總結。

(經)舍利弗！極樂國土，成就如是功德莊嚴。

(疏)結上天樂天華等，種種莊嚴，皆本佛願行功德所成就也。

(鈔)願者，如大本法藏願云：我作佛時，自地以上，皆無量雜寶，百千種香，而共合成。又願云：我作佛時，十方無央數世界，諸天人民，聞我名號，然燈散華。又願云：我作佛時，剎中菩薩，以香華等種種供具，欲往他方世界供養諸佛，一時之頃，即可遍至。又願云：我作佛時，我剎中人，欲食之時，寶鉢之中，百味飲食，化現在前，食已自去。今來成佛，一一所願，皆悉成就。行者，如大本云：法藏比丘既發願已，天雨妙華，而散其上。又云：或為比丘，或為天王，或為輪王，或為大臣，恆往佛所，承事供養。又云：手中常出衣服飲食，幢幡寶蓋，一切音樂。今來成佛，如上天樂天華等報，自合成就。

(Bốn, tổng kết.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế.*

Sớ: *Tổng kết những điều như thiên nhạc, thiên hoa v.v... trên đây. Các thứ trang nghiêm vốn đều do nguyện hạnh và công đức của Phật Di Đà thành tựu.*

Sao: “Nguyện” là như trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng đã nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, từ mặt đất trở lên, đều dùng vô lượng các chất báu khác nhau, trăm ngàn loại hương cùng hợp thành”. Lại nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, chư thiên và nhân dân trong vô ương số thế giới, nghe danh hiệu tôi bèn thấp đèn, rải hoa”. Lại nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, Bồ Tát trong cõi nước dùng các thứ vật cúng như hương, hoa... muốn sang các thế giới phương khác để cúng dường chư Phật, trong khoảng phút chốc, liền có thể đến trọn khắp”. Lại nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, người trong cõi tôi, lúc muốn ăn, thức ăn trăm vị ở trong bát báu, hóa hiện trước mặt. Ăn xong biến mất”. Nay đã thành Phật, mỗi một điều nguyện thấy đều thành tựu. “Hạnh” thì như kinh Đại Bản chép: “Tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát nguyện rồi, trời tuôn

hoa màu nhiệm, rải lên thân Ngài”. Lại nói: “Hoặc làm tỳ-kheo, hoặc làm thiên vương, hoặc làm luân vương, hoặc làm quan lớn, luôn đến chỗ Phật, hầu hạ, cúng dường”. Lại nói: “Trong tay thường hiện ra y phục, thức ăn, tràng phan, lọng báu, hết thảy âm nhạc”. Nay đã thành Phật, những quả báo như thiên nhạc, thiên hoa v.v... đều tự thành tựu phù hợp).

Tứ, hóa cầm phong thụ (tam): Sơ, hóa cầm diễn pháp. Nhị, phong thụ tuyên pháp. Tam, tổng kết nhị nghiêm.

Sơ, hóa cầm diễn pháp (nhị): Sơ, chánh thị pháp âm. Nhị, thích vô ác đạo.

Sơ, chánh thị pháp âm (nhị): Sơ, tuyên ngôn. Nhị, hoạch ích.

Sơ, tuyên ngôn.

(Kinh) Phục thứ, Xá Lợi Phất! Bỉ quốc thường hữu chúng chúng kỳ diệu tạp sắc chi diệu: Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng chi diệu. Thị chư chúng diệu, trú dạ lục thời, xuất hòa nhã âm. Kỳ âm diễn sướng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp.

(Sớ) Thượng ngôn chư thiên hiển thụ; thử ngôn cầm thụ thành âm. Hựu thượng ngôn cúng dường chi thắng; kim ngôn văn pháp chi thắng dã. Chúng chúng ngôn phi nhất, kỳ diệu ngôn dị thường. Tạp sắc ngôn mỹ quan. Bạch Hạc đẳng giả, đa chúng trung cử nhất nhị dã. Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, thường kiến khả tri. Xá Lợi giải kiến tiền văn. Ca Lăng Tần Già, thử vân Diệu Âm. Cộng Mạng, nhất vân Mạng Mạng. Như thị chúng chúng, tất giai kỳ diệu, phi phạm diệu tỷ.

(Sao) Diệu kỳ giả, hình thù chúng diệu danh Kỳ, âm năng thuyết pháp danh Diệu. Bạch Hạc giả, thử độ hạc hữu tứ chủng, huyền, hoàng, thương, bạch; dĩ bạch vi thắng. Nhiên hạc tuy bạch, tự vô thuần bạch, phi chân bạch hạc dã. Khổng Tước, Anh Vũ, giai thử độ sở quý, cố độc cử dã. Tần Già, thử vân Diệu Âm, vị xuất xác thời, dĩ hữu âm thanh siêu chúng diệu cố. Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh vân: “Thử diệu âm thanh, nhược nhân, nhược thiên, Khẩn Na La đẳng, vô năng cập giả, duy trừ Như Lai. Cố vân Diệu Âm”. Cộng Mạng, diệt vân Mạng Mạng, diệt vân Sanh Sanh. Phạm ngữ Kỳ Bà Kỳ Bà Ca, nhị thử, nhất thân, báo đồng, thức dị, vị thị Thích Ca Điều Đạt túc nhân. Hựu Tuyết Sơn hữu nhị đầu diệu, nhất viết Ca Lô Trà, nhất viết Ưu Ba Ca Lô Trà, thị dã. Phảng phất như nhị đầu chi xà, cửu

đầu chi điều, thiên đầu chi ngư, kim khắc hội tác nhân thân nhị thủ, khủng phi dã.

(Diễn) Thích Ca Điều Đạt tác nhân giả, Thích Ca Phật dữ Điều Đạt, vãng tích vì Cộng Mạng điều, nhất vì Điều Đạt giả thủy, nhất vì Thích Ca giả tỉnh. Tỉnh giả nhân thủ hương quả nhi thực, hương khí phân nhiên. Thủy giả giác nhi ố viết: “Hà mạn ngã nhi thực dã! Ngô đương dĩ độc quả hại chi”, toại thực độc quả, nhị mạng câu táng.

四、化禽風樹(三)：初、化禽演法。二、風樹演法。
三、總結二嚴。

初、化禽演法(二)：初、正示法音。二、釋無惡道。

初、正示法音(二)：初、宣言。二、獲益。

初、宣言。

(經)復次，舍利弗！彼國常有種種奇妙雜色之鳥：白鶴，孔雀，鸚鵡，舍利，迦陵頻伽，共命之鳥。是諸眾鳥，晝夜六時，出和雅音。其音演暢五根，五力，七菩提分，八聖道分，如是等法。

(疏)上言諸天獻瑞；此言禽樹成音。又上言供養之勝；今言聞法之勝也。種種言非一，奇妙言異常。雜色言美觀。白鶴等者，多種中舉一二也。白鶴，孔雀，鸚鵡，常見可知。舍利解見前文。迦陵頻伽，此云妙音。共命，一云命命。如是種種，悉皆奇妙，非凡鳥比。

(鈔)妙奇者，形殊眾鳥名奇，音能說法名妙。白鶴者，此土鶴有四種，玄黃蒼白；以白為勝。然鶴雖白，自無純白，非真白鶴也。孔雀，鸚鵡，皆此土所貴，故獨舉也。頻伽，此云妙音，未出殼時，已有音聲超眾鳥故。正法念處經云：此鳥音聲，若人若天，緊那羅等，無能及者，唯除如來。故云妙音。共命，亦云命命，亦云生生。梵語耆婆耆婆迦，二首一身，報同識異，謂是釋迦調達宿因。又雪山有二頭鳥，一曰迦婁唎，一曰優波迦婁唎，是也。彷彿如二頭之蛇，九頭之鳥，千頭之魚，今刻繪作人身二首，恐非也。

(演)釋迦調達宿因者，釋迦佛與調達，往昔為共命鳥，一為調達者睡，一為釋迦者醒。醒者因取香果而食，香氣芬然。睡者覺而惡曰：何瞞我而食也！吾當以毒果害之，遂食毒果，二命俱喪。

(Bốn, chim biến hóa, gió thổi qua cây (gồm ba phần): Một là chim biến hóa diễn thuyết pháp. Hai là gió lùa qua cây tuyên diễn pháp âm. Ba là tổng kết hai thứ trang nghiêm.

Một là chim biến hóa diễn thuyết pháp (gồm hai phần): Một là chỉ rõ pháp âm. Hai là giải thích [Cực Lạc] không có ác đạo.

Một là chỉ rõ pháp âm (gồm hai phần): Một là tuyên nói. Hai là đạt được lợi ích.

Trước hết là tuyên nói.

Kinh: *Lại nữa, Xá Lợi Phất! Cõi ấy thường có các loài chim kỳ diệu, đủ màu: Chim Bạch Hạc, chim Công, Vẹt, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng. Các loài chim ấy, ngày đêm sáu thời, tiếng hót hòa nhã. Âm thanh ấy diễn nói lưu loát Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, các pháp như thế.*

Sớ: *Trong phần trước, kinh nói chư thiên dâng hiến những thứ tốt lành. Ở đây, kinh nói chim và cây phát ra âm thanh. Lại nữa, phần trước nói về sự cúng dường thù thắng. Ở đây, nói đến sự nghe pháp thù thắng. “Chủng chủng” ý nói chẳng phải một loại. “Kỳ diệu” ý nói chẳng phải tầm thường. “Tập sắc” ý nói đẹp mắt. Các thứ chim như Bạch Hạc v.v... là trong nhiều loại, nêu lên một, hai loại. Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, do thường thấy nên có thể tự biết, [chẳng cần phải giải thích]. Xem phần giải thích chữ Xá Lợi trong phần trước. Ca Lăng Tần Già cõi này dịch là Diệu Âm. Cộng Mạng còn gọi là Mạng Mạng. Các loài chim như vậy thấy đều kỳ diệu, các loài chim bình phàm chẳng thể sánh bằng.*

Sao: *“Diệu kỳ”: Hình dáng khác với các loài chim thì gọi là Kỳ, âm thanh có thể thuyết pháp là Diệu. “Bạch hạc”: Cõi này thì hạc có bốn loại là đen, vàng, xanh, trắng, loại trắng được coi là quý nhất. Nhưng hạc tuy trắng, chẳng có con nào thuần trắng, chẳng phải là bạch hạc thật sự. Chim công và vẹt đều được cõi này coi là quý, cho nên riêng nêu ra. [Ca Lăng] Tần Già (Kalaviṅka), cõi này dịch là Diệu Âm. Khi nó chưa ra khỏi vỏ trứng, đã có âm thanh vượt xa các loài chim khác. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: “Như âm thanh của loài chim, dù trời hay người, Khẩn Na La v.v... không gì có thể sánh bằng, chỉ trừ Như Lai. Do đó, gọi là Diệu Âm”. Cộng Mạng, cũng dịch là Mạng Mạng, hoặc còn*

dịch là Sanh Sanh, tiếng Phạn là Kỳ Bà Kỳ Bà Ca (Jīvajīvaka), một thân hai đầu, có cùng quả báo, nhưng thân thức [của mỗi đầu] khác nhau, tức là nói tới túc nhân giữa Phật Thích Ca và Điều Đạt. Lại nữa, Tuyết Sơn có chim hai đầu, một là Ca Lôu Trà, loại kia là Ưu Ba Ca Lôu Trà, chính là loài chim này. Tựa tựa như rắn hai đầu, chim chín đầu, cá ngàn đầu. Hiện thời, chạm khắc hoặc vẽ [chim Cộng Mạng] thân người có hai đầu, sợ chẳng trúng vậy!

Diễn: “Túc nhân giữa Phật Thích Ca và Điều Đạt”: Xưa kia, Phật Thích Ca và Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) làm chim Cộng Mạng. Đầu chim là Điều Đạt thì ngủ, còn đầu chim do Phật Thích Ca sanh ra thì thức. Đầu thức do ngắt quả thơm mà ăn, mùi hương sức nức. Đầu chim ngủ thức giấc, tức tôi nói: “Sao mày lừa dối tao mà ăn [một mình], tao sẽ dùng quả độc hại mày”, bèn ăn quả độc, cả hai cùng mất mạng).

(Sao) *Thượng văn số diệu, tứ thông Chấn Đán, nhị cục Tây Càn. Tại thử độ giả, dĩ xưng thân dị. Nhược tại bỉ quốc, hình thể, sắc, âm, chuyển cánh kỳ diệu. Kim cô thủ danh đồng, nhi thật tác dị, lệ như lan, vông, hàng thụ đẳng, giai dĩ bảo thành, phi nhân thể sở hữu dã. Cử nhất nhị giả, đa bất tất trần, như Quán Kinh trung hữu phù, nhận, cập uyên ương đẳng. Kim dĩ thiếu nhiếp đa, diệc văn tỉnh dã.*

(鈔)上文數鳥，四通震旦，二局西乾。在此土者，已稱珍異。若在彼國，形體色音，轉更奇妙。今姑取名同，而實則異，例如欄網行樹等，皆以寶成，非人世所有也。舉一二者，多不悉陳，如觀經中有鳧鴈，及鴛鴦等。今以少攝多，亦文省也。

(Sao: Trong mấy loài chim được kể ra trên đây, bốn loại đầu thì Chấn Đán (Trung Hoa) cũng có, hai loại sau chỉ riêng Tây Càn (Ấn Độ) là có. Ở trong cõi này, chúng đã được gọi là quý lạ. Nếu trong cõi kia (Cục Lạc), hình thể, sắc thái, âm thanh càng kỳ diệu hơn nữa! Nay chỉ dùng danh xưng giống nhau, thật ra khác nhau. Chẳng hạn như lan can, lưới, hàng cây v.v... đều do chất báu tạo thành, nhân gian chẳng thể có. Nêu lên một hai loại, chẳng cần phải nói nhiều, như trong Quán Kinh [có nhắc đến các loài] le, nhận, và uyên ương v.v... Nay dùng ít để bao gồm nhiều, cũng là nói văn tắt vậy).

(Sớ) *Nhiên thử độ chư diệu, duy anh vũ giải tác nhân ngôn, nhi*

diệc cần xưng học ngữ. Bĩ quốc tắc trú dạ xuất âm, thả hòa, thả nhã, vi năng diễn sướng Căn, Lực, Giác, Đạo, nhất thiết đạo phẩm, phi mạn mình dã.

(Sao) Cần xưng học ngữ giả, vị dẫn y nhân ngữ, vị năng tri nghĩa. Lễ Ký viết: “Anh vũ năng ngôn, bất ly phi điều. Tinh tinh năng ngôn, bất ly cầm thú”, tắc nhân đạo vị thông; hà hưởng Phật pháp? Anh vũ thả nhiên, dư khả tri hỹ! Hòa nhã giả, hòa dữ bạo đối. Như si nha đẳng, thị danh bạo âm. Nhã dữ tục đối, như oanh ly đẳng, thị danh tục âm. Ưu nhu bình trung, vô hữu thô lệ, năng linh thính giả thao tâm hữu thích, thị danh hòa âm. Chánh đại cần nghiêm, vô hữu tà mị, năng linh thính giả dục tâm tự bình, thị danh nhã âm. Do chi sát thượng khuyết ư hòa, Trịnh chi thanh đại bối ư nhã. Điều kiêm nhị mỹ, thị Hoàng Chung, Đại Lữ sở bất cập dã.

(Diễn) Hoàng Chung, thị Dương lục luật chi thủ. Đại Lữ, thị Âm lục luật chi thủ.

(疏)然此土諸鳥，唯鸚鵡解作人言，而亦僅稱學語。彼國則晝夜出音，且和且雅，為能演暢根力覺道，一切道品，非漫鳴也。

(鈔)僅稱學語者：謂但依人語，未能知義。禮記曰：鸚鵡能言，不離飛鳥。猩猩能言，不離禽獸，則人道未通；何況佛法？鸚鵡且然，餘可知矣！和雅者，和與暴對。如鷓鴣等，是名暴音。雅與俗對，如鶯鷦等，是名俗音。優柔平中，無有麤厲，能令聽者躁心自釋，是名和音。正大謹嚴，無有邪靡，能令聽者欲心自平，是名雅音。由之瑟尚缺於和，鄭之聲大背於雅。鳥兼二美，是黃鍾大呂所不及也。

(演)黃鍾，是陽六律之首。大呂，是陰六律之首。

(Sớ: Tuy vậy, các loài chim trong cõi này thì chỉ có vẹt biết nói tiếng người, nhưng cũng chỉ được gọi là “học nói”. [Các loài chim trong] cõi kia thì ngày đêm phát ra âm thanh đã hòa lại nhã, có thể diễn tấu lưu loát Căn, Lực, Giác, Đạo, hết thấy đạo phẩm, chẳng phải là hót luân tuông.

Sao: “Chỉ gọi là học nói” tức là chỉ có thể nói theo tiếng người, chẳng biết ý nghĩa. Sách Lễ Ký chép: “Vẹt có thể nói, chẳng ra ngoài

loài chim bay. Đuôi ươi có thể nói, chẳng ra ngoài loài cầm thú”. Tức là chẳng hiểu đạo làm người, hướng hồ Phật pháp? Vẹt đã là như vậy, các loài khác cứ suy ra mà biết! “Hòa nhã”: Hòa là đối lập với bạo (tàn bạo, thô bạo). Như tiếng của các loài cú, quạ v.v... là âm thanh thô bạo. Nhã là tương phản với tục, như tiếng của loài chim vàng anh v.v... là tiếng thô tục. Du dương, mềm mại, êm ả, vừa phải, chẳng thô rít, cộc cằn, có thể khiến cho người nghe trút bỏ nỗi lo toan thì gọi là “hòa âm”. Chánh trực, vang vọng, cân trọng, nghiêm túc, chẳng có tà mị, có thể khiến cho lòng ham muốn của người nghe lắng xuống thì là nhã âm. Do tiếng đàn Sắt còn thiếu hòa, do tiếng nhạc nước Trịnh hết sức trái nghịch sự thanh nhã; tiếng chim [trong cõi Cực Lạc] có trọn cả hai điều (hòa và nhã), Hoàng Chung lẫn Đại Lữ đều chẳng sánh bằng.

Diễn: Hoàng Chung đứng đầu sáu luật về các âm thuộc Dương. Đại Lữ đứng đầu sáu luật của các âm thanh thuộc Âm).

(Sao) *Diễn giả, trương nhi quảng chi, nghĩa vô tận cố. Sướng giả, phu nhi đạt chi, ý vô trệ cố. Như thị diễn sướng Căn, Lực, Giác, Đạo, tam thập hữu thất chư đạo phẩm dã. Đạo phẩm giả, dĩ thị nhập Đạo chi phẩm loại cố.*

(鈔)演者，張而廣之，義無盡故。暢者，敷而達之，意無滯故。如是演暢根力覺道，三十有七諸道品也。道品者，以是入道之品類故。

(Sao: “Diễn” là mở rộng ra, nghĩa lý vô tận. “Sướng” là phô diễn thấu đạt, ý tưởng không bị vướng mắc. Diễn bày lưu loát Căn, Lực, Giác, Đạo, ba mươi bảy đạo phẩm như thế. “Đạo phẩm” là các phẩm loại để nhập đạo).

(Sớ) *Nhiên thử tam thập thất phẩm, thuộc Tiểu Thừa pháp, thật thông Đại Thừa, tùy kỳ tâm hạnh, như chư kinh luận trung thuyết.*

(Sao) *Thông Đại Thừa giả, Du Già tứ thập tứ vân: “Đại Thừa Bồ Đề phần, nãi hữu đa chủng. Tam thập thất phẩm, thị kỳ trung biệt nghĩa, thông ư Đại, Tiểu”. Trí Luận vân: “Tam thập thất phẩm, vô sở bất nhiếp, tức vô lượng đạo phẩm, diệc tại kỳ trung”. Tịnh Danh vân: “Đạo phẩm thị đạo tràng”. Hựu vân: “Đạo phẩm thị Pháp Thân nhân”. Nhiếp Đại Thừa vân: “Đạo phẩm thị Bồ Tát Bảo Cụ Đà La Ni”. Niết Bàn vân: “Nhược nhân năng quán Bát Chánh Đạo, tức kiến Phật tánh, danh đắc Đề Hồ”, giai ước đại thuyết.*

(Diễn) Đại Thừa Bồ Đề phần nãi hữu đa chủng giả, Niết Bàn vân: “Tam thập thất phẩm, vi Niết Bàn nhân, phi Đại Niết Bàn nhân. Vô lượng A-tăng-kỳ đạo phẩm, vi Đại Niết Bàn nhân” cố. Tam thập thất phẩm, vô sở bất nhiếp giả, dĩ pháp tuy đồng, do tâm thành dị cố. Như nhất Tứ Đế, hữu vô lượng tướng, nhi giai nhiếp tại Tứ Đế chi trung. Đạo phẩm diệc nhiên, dẫn tâm hạnh đại tiểu bất đồng, nhi thành dị cố. Đạo tràng giả, đắc đạo chi xứ, tức thị đạo tràng. Đạo phẩm thị Pháp Thân nhân giả, Tịnh Danh vân: “Phật thân giả, tức Pháp Thân dã”, tòng vô lượng công đức sanh, nãi chi tòng tam thập thất đạo phẩm sanh đẳng. Đạo phẩm thị Bảo Cự Đà La Ni giả, Bảo Cự vị đức cự, năng thước phá nhất thiết vô minh hắc ám; cố danh Bảo Cự. Nhiếp nhất thiết pháp, danh Đà La Ni. Nhược nhân năng quán Bát Chánh Đạo giả, Niết Bàn vân: “Thiện nam tử! Chúng sanh Phật tánh, bất dị chư Phật. Nhược hữu năng tu Bát Thánh Đạo giả, đương tri thị nhân tắc đắc minh kiến. Thiện nam tử! Tuyết Sơn hữu thảo, danh viết Nhẫn Nhục. Nguru nhược thực giả, tức thành Đề Hồ. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị”.

(疏)然此三十七品，屬小乘法，實通大乘，隨其心行，如諸經論中說。

(鈔)通大乘者，瑜伽四十四云：大乘菩提分，乃有多種。三十七品，是其中別義，通於大小。智論云：三十七品，無所不攝，即無量道品，亦在其中。淨名云：道品是道場，又云：道品是法身因。攝大乘云：道品是菩薩寶炬陀羅尼。涅槃云：若人能觀八正道，即見佛性，名得醍醐，皆約大說。

(演)大乘菩提分乃有多種者，涅槃云：三十七品，為涅槃因，非大涅槃因。無量阿僧祇道品，為大涅槃因故。三十七品，無所不攝者，以法雖同，由心成異故。如一四諦，有無量相，而皆攝在四諦之中。道品亦然，但心行大小不同，而成異故。道場者，得道之處，即是道場。道品是法身因者，淨名云：佛身者，即法身也，從無量功德生，乃至從三十七道品生等。道品是寶炬陀羅尼者，寶炬謂德炬，能爍破一切無明黑暗；故名寶炬。攝一切法，名

陀羅尼。若人能觀八正道者，涅槃云：善男子！眾生佛性，不異諸佛。若有能修八聖道者，當知是人則得明見。善男子！雪山有草，名曰忍辱。牛若食者，即成醍醐。眾生佛性亦復如是。

(Sớ: Nhưng ba mươi bảy phẩm ấy thuộc về pháp Tiểu Thừa, thật ra là thông với Đại Thừa, tùy thuộc tâm hạnh [của hành nhân mà sẽ là pháp Tiểu Thừa hay Đại Thừa] như trong các kinh luận đã nói.

Sao: “Thông với Đại Thừa” là như luận Du Già Sư Địa quyển bốn mươi bốn nói: “Đại Thừa Bồ Đề phần có nhiều loại. Ba mươi bảy phẩm là ý nghĩa riêng biệt trong số ấy, chung cho cả Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa”. Đại Trí Độ Luận nói: “Ba mươi bảy phẩm không gì chẳng bao gồm, tức là vô lượng đạo phẩm cũng thuộc trong ấy”. Kinh Tịnh Danh nói: “Đạo phẩm là đạo tràng”.

Lại nói: “Đạo phẩm là cái nhân của Pháp Thân”. Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Đạo phẩm là Bảo Cự Đà La Ni của Bồ Tát”. Kinh Niết Bàn nói: “Nếu người nào có thể quán Bát Chánh Đạo, liền thấy Phật Tánh, gọi là được Đề Hồ”, [những câu như vậy] đều là nói theo giáo nghĩa Đại Thừa.

Diễn: “Đại Thừa Bồ Đề phần có nhiều loại”: Kinh Niết Bàn nói: “Ba mươi bảy đạo phẩm là cái nhân của Niết Bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết Bàn. Vô lượng A-tăng-kỳ đạo phẩm là cái nhân của Đại Niết Bàn”. “Ba mươi bảy phẩm không gì chẳng nhiếp”: Do pháp tuy giống nhau, nhưng vì cái tâm [khác nhau] mà thành ra sai khác. Như một pháp Tứ Đế có vô lượng tướng, nhưng đều gộp trong Tứ Đế. Đạo phẩm cũng giống như vậy, chỉ vì tâm hạnh lớn hay nhỏ khác nhau mà thành khác biệt.

“Đạo tràng”: Chỗ đắc đạo chính là đạo tràng. “Đạo phẩm là cái nhân của Pháp Thân”: Kinh Tịnh Danh nói: “Thân Phật chính là Pháp Thân”, sanh từ vô lượng công đức, cho đến sanh từ ba mươi bảy đạo phẩm v.v... “Đạo phẩm là Bảo Cự Đà La Ni”: Bảo Cự là đuốc công đức, có thể soi tan hết thấy tối tăm vô minh; vì thế gọi là Bảo Cự (đuốc báu). Gồm trọn hết thấy các pháp, bèn gọi là Đà La Ni.

“Nếu ai có thể quán Bát Chánh Đạo”: Kinh Niết Bàn dạy: “Thiện nam tử! Phật Tánh của chúng sanh chẳng khác chư Phật. Nếu có ai có thể tu tám thánh đạo, hãy nên biết người ấy sẽ được thấy rõ. Nay thiện nam tử! Tuyết Sơn có loại cỏ tên là Nhẫn Nhục. Nếu bò ăn cỏ ấy, [sửa

của nó] liền trở thành Đề Hồ. Phật Tánh của chúng sanh cũng giống như thế”).

(Sao) Tùy tâm hạnh giả, như Niết Bàn vân: “Trí hữu nhị chủng, nhất giả Trung Trí, nhị giả Thượng Trí. Quán chư Ám khổ, thị danh Trung Trí. Phân biệt chư Ám hữu vô lượng tướng, phi Thanh Văn, Duyên Giác sở tri, thị danh Thượng Trí”, tắc tri đạo phẩm thị nhất, quán trí đại tiểu, cố vô định dã.

(Diễn) Trí hữu nhị chủng, Trí tự thị tam thập thất phẩm trung chi nhất phần. Phân biệt chư Ám hữu vô lượng tướng giả, hữu phạm phu Ngũ Ám, tam thừa Ngũ Ám, chư Phật Ngũ Ám. Phạm phu Ngũ Ám, Phần Đoạn Sanh Tử dã. Tam thừa Ngũ Ám, Biến Dịch Sanh Tử dã. Chư Phật Ngũ Ám, tức chân thường chi thể. Cổ viết: “Nhân diệt thị sắc, hoạch đắc thường sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức, diệc phục như thị”. Hựu phục phân biệt chư Ám, hữu vô lượng tướng, tức thị Biệt Giáo quán Vô Lượng Tứ Đế, nhị diệc khả thông Viên nhân, như tinh la thập môn, nguyệt mãn tam quán, đắc nhất Không tam-muội, tức đắc vô lượng Không tam-muội đẳng.

(鈔)隨心行者，如涅槃云：智有二種：一者，中智。二者，上智。觀諸陰苦，是名中智。分別諸陰有無量相，非聲聞緣覺所知，是名上智。則知道品是一，觀智大小，固無定也。

(演)智有二種，智字是三十七品中之一分。分別諸陰有無量相者，有凡夫五陰，三乘五陰，諸佛五陰。凡夫五陰，分段生死也。三乘五陰，變易生死也。諸佛五陰，即真常之體。故曰：因滅是色，獲得常色。受想行識，亦復如是。又復分別諸陰，有無量相，即是別教觀無量四諦，而亦可通圓人，如星羅十門，月滿三觀，得一空三昧，即得無量空三昧等。

(Sao: “Tùy thuộc tâm hạnh”: Như kinh Niết Bàn nói: “Trí có hai loại, một là Trung Trí, hai là Thượng Trí. Quán các Ám là Khổ, bèn gọi là Trung Trí. Phân biệt các Ám có vô lượng tướng, Thanh Văn và Duyên Giác chẳng thể biết được, bèn gọi là Thượng Trí”, cho nên biết đạo phẩm là một, nhưng do quán trí lớn hay nhỏ mà thành Đại Thừa hay Tiểu Thừa. Vì thế, chẳng nhất định.

Diễn: “Trí có hai loại”: Trí là một phần trong ba mươi bảy phẩm ấy. “Phân biệt các Âm có vô lượng tướng”: Có phàm phu Ngũ Âm, tam thừa Ngũ Âm, và chư Phật Ngũ Âm. Phàm phu Ngũ Âm là Phần Đoạn Sanh Tử. Tam Thừa Ngũ Âm là Biến Dịch Sanh Tử, chư Phật Ngũ Âm chính là cái Thể chân thường. Vì thế nói: “Do diệt sắc ấy mà đạt được thường sắc. Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng giống như thế”. Lại còn phân biệt các Âm có vô lượng tướng, tức là Biệt Giáo quán Vô Lượng Tứ Đế, cũng có thể thông với người thuộc Viên Giáo, như tinh la thập môn, ba phép quán về trống tròn. Hễ đạt được một môn tam-muội, chính là đắc vô lượng Không tam-muội v.v...)

(Sớ) Ngũ Căn giả: Nhất, Tín. Nhị, Tấn. Tam, Niệm. Tứ, Định. Ngũ, Huệ. Năng sanh thánh đạo, cố danh vi Căn. Hựu như Câu Xá, cụ tam nghĩa cổ.

(Diễn) Nhất, Tín. Nhị, Tấn; thị thập nhất thiện tâm sở nhiếp. Tam, Niệm. Tứ, Định. Ngũ, Huệ; thị ngũ Biệt Cảnh tâm sở nhiếp.

(疏)五根者：一、信。二、進。三、念。四、定。五、慧。能生聖道，故名為根。又如俱舍，具三義故。

(演)一、信。二、進；是十一善心所攝。三、念。四、定。五、慧；是五別境心所攝。

(Sớ: Ngũ Căn: Một là Tín. Hai là Tấn. Ba là Niệm. Bốn là Định. Năm là Huệ. Có thể sanh ra thánh đạo, nên gọi là Căn. Lại như luận Câu Xá nói Căn có ba ý nghĩa.

Diễn: Một là Tín. Hai là Tấn, thuộc về mười một món Thiện Tâm Sở. Ba là Niệm. Bốn là Định. Năm là Huệ, thuộc vào năm món Biệt Cảnh Tâm Sở).

(Sao) Căn hữu nhị nghĩa: Nhất giả, năng trì nghĩa, trì kỳ sở dĩ đắc, nhi tự phần bất thất dã. Nhị giả, sanh hậu nghĩa, sanh kỳ sở vị đắc, nhi thắng tấn thượng cầu dã.

(Diễn) Trì kỳ sở dĩ đắc giả, như thảo mộc hữu căn, tắc dĩ đắc chi chi, diệp, hoa, quả, trì nhi bất thất. Hành nhân cụ túc Ngũ Căn, tắc dĩ đắc công đức, diệp trì nhi bất thất dã. Sanh kỳ sở vị đắc giả, vị sanh chi chi, diệp, hoa, quả, tiệm tiệm năng sanh. Hành nhân cụ túc Ngũ Căn, tắc vị sanh công đức, diệp tiệm tiệm năng sanh dã. Nhiên thì nhập Phật pháp, tức hữu tín tâm, vị hữu Định, Huệ, bất đắc danh Căn. Kim do tiền tam khoa, tắc Tín bất khả bạt, cố đắc thành Căn, hạ

tứ diệt nhiên.

(鈔)根有二義：一者，能持義，持其所已得，而自分不失也。二者，生後義，生其所未得，而勝進上求也。

(演)持其所已得者，如草木有根，則已得之枝葉花果，持而不失。行人具足五根，則已得功德，亦持而不失也。生其所未得者，未生之枝葉花果，漸漸能生。行人具足五根，則未生功德，亦漸漸能生也。然始入佛法，即有信心，未有定慧，不得名根。今由前三科，則信不可拔，故得成根，下四亦然。

(Sao: Căn có hai ý nghĩa: Một là có thể Trì, Trì cái đã đạt được, nhưng chính mình chẳng để mất. Nghĩa thứ hai là có thể sanh những điều sau đó, có thể sanh những cái chưa đạt được, lại còn tiến lên cầu cao hơn.

Diễn: “Trì cái đã đạt được”: Như cỏ cây có rễ, ắt có thể duy trì cành, lá, hoa, quả chẳng bị mất đi. Hành nhân trọn đủ Ngũ Căn, cho nên đối với công đức đã đạt được thì cũng gìn giữ sao cho chẳng bị mất đi.

“Sanh ra những cái chưa đạt được”: Cành, lá, hoa, quả chưa sanh, sẽ có thể dần dần sanh ra. Hành nhân trọn đủ Ngũ Căn, ắt công đức chưa sanh sẽ có thể dần dần sanh ra. Nhưng mới nhập Phật pháp, liền có tín tâm, chưa có Định và Huệ, chẳng được gọi là Căn. Nay do ba khoa trước (Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, và Tứ Như Ý Túc), cho nên Tín chẳng bị nhỏ trừ, cho nên thành tựu Căn, bốn món kia [trong Ngũ Căn] cũng giống như vậy).

(Sao) Ngôn Tín Căn giả, vị ư Đế Lý thâm nhân nhạo dục, thị danh Tín Căn. Thử nhất vị Tổng, dư tứ thừa thượng. Tấn Căn giả, ký tín thử lý, cần cầu bất tức, thị danh vị Tấn. Ký cầu thử lý, niệm tư tại tư, minh ký bất vong, thị danh vị Niệm. Định Căn giả, ký niệm thử lý, hệ duyên nhất cảnh, tương ứng bất tán, thị danh vị Định. Huệ Căn giả, ký định tâm tại đạo, phục chánh quán phân minh, quyết trạch thị phi, thị danh vị Huệ.

(Diễn) Đế lý, tức Chân, Tục, Trung, dĩ thông Đại, Tiểu Thừa cổ. Tín đẳng ngũ pháp các hữu Thể, Dụng. Tín giả, ư thật đức năng, thâm nhân nhạo dục, tâm tịnh vì tánh, đối trị bất tín, nhạo thiện vì

nghiệp. Tấn giả, u thiện ác phẩm, tu đoạn sự trung, dùng hân vi tánh, đối trị giải đãi, mãn thiện vi nghiệp. Niệm giả, u tăng tập cảnh, linh tâm minh ký, bất vong vi tánh, Định y vi nghiệp. Định giả, u sở quán cảnh, linh tâm chuyên chú, bất tán vi tánh, trí y vi nghiệp. Huệ giả, u sở quán cảnh, giản trách vi tánh, đoạn nghi vi nghiệp.

(鈔)言信根者，謂於諦理深忍樂欲，是名信根。此一為總，餘四承上。進根者，既信此理，勤求不息，是名為進。既求此理，念茲在茲，明記不忘，是名為念。定根者，既念此理，繫緣一境，相應不散，是名為定。慧根者，既定心在道，復正觀分明，決擇是非，是名為慧。

(演)諦理，即真俗中，以通大小乘故。信等五法各有體用。信者，於實德能，深忍樂欲，心淨為性，對治不信，樂善為業。進者，於善惡品，修斷事中，勇悍為性，對治懈怠，滿善為業。念者，於曾習境，令心明記，不忘為性，定依為業。定者，於所觀境，令心專注，不散為性，智依為業。慧者，於所觀境，揀擇為性，斷疑為業。

(Sao: Nói đến Tín Căn, nghĩa là đối với Đế Lý bền thâm nhẫn, ưa muốn, nên gọi là Tín Căn. Điều này là Tổng, bốn điều kia đều nhằm tiếp nối điều trên đây (tức Tín). Tấn Căn là đã tin lý ấy, siêng cầu chẳng dứt, bền gọi là Tấn. Đã cầu lý ấy, niệm tại đâu, nghĩ tại đó, nhớ rõ chẳng quên, bền gọi là Niệm. Định Căn là đã niệm lý ấy, duyên chắc chắn nơi một cảnh, tương ứng chẳng tán loạn, thì gọi là Định. Huệ Căn là tâm đã định nơi đạo, lại còn chánh quán phân minh, chọn lựa quyết định dứt khoát đúng sai, bền gọi là Huệ.

Diễn: Đế lý chính là Chân, Tục, Trung, chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Năm pháp như Tín v.v... mỗi pháp đều có Thể và Dụng. Tín là đối với thật đức năng, có thể nhẫn thọ lạc dục sâu xa, có tánh chất là tâm tịnh, có tác dụng (nghiệp) là đối trị bất tín và ưa thích điều thiện. Tấn là đối với các điều thiện, ác, tu đoạn, có tánh chất dùng mãnh, hăng hái, có tác dụng đối trị lười nhác, viên mãn điều thiện. Niệm là đối với cảnh đã từng tu tập, có tánh chất giữ cho cái tâm nhớ rõ chẳng quên, và có tác dụng nương cậy cho Định. Định là đối với cảnh đã quán, có tác dụng giữ cho cái tâm chuyên chú, chẳng tán loạn, có tác dụng làm chỗ nương cậy cho Trí. Huệ là đối với cảnh được quán, có tánh chất phân biệt chọn lựa, có tác dụng đoạn nghi).

(Sao) Năng sanh thánh đạo giả, dĩ thử ngũ pháp, điều trị kỳ tâm, Thí như Âm dương hòa thích, nhất thiết chủng tử giai đắc phát sanh cố. Câu Xá tam nghĩa giả, Câu Xá Luận minh tối thắng, tự tại, quang hiển vi Căn. Tối thắng giả, Căn Thể thắng cố. Tự tại giả, Căn Dụng thắng cố. Quang hiển giả, Thể Dụng song chương cố. Ư trung, khai nhị thập nhị căn, hữu Tín đẳng Ngũ Căn cố.

(Diễn) Câu Xá tam nghĩa, tức thượng văn nhị nghĩa. Tối thắng giả, tức thượng trì kỳ sở dĩ đắc, nhi tự phần bất thất dã. Tự tại giả, tức thượng sanh kỳ sở vị đắc, nhi thắng tán thượng cầu dã. Quang hiển Thể Dụng song chương giả, tức thượng “tức Thể khởi Dụng, tức Dụng hiển Thể” dã. Nhị thập nhị căn giả: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, Ưu, Hỷ, Khổ, Lạc, Xả, Nhân, Nhĩ, Ty, Thiệt, Thân, Ý, cộng thập lục căn. Nam Căn, Nữ Căn, Vị Tri Dục Tri Căn, Dĩ Tri Căn, Cụ Tri Căn, Mạng Căn.

(鈔)能生聖道者，以此五法，調治其心，譬如陰陽和適，一切種子皆得發生故。俱舍三義者，俱舍論明最勝自在，光顯為根。最勝者，根體勝故。自在者，根用勝故。光顯者，體用雙彰故。於中，開二十二根，有信等五根故。

(演)俱舍三義，即上文二義。最勝者，即上持其所已得，而自分不失也。自在者，即上生其所未得，而勝進上求也。光顯體用雙彰者，即上即體起用，即用顯體也。二十二根者：信，進，念，定，慧，憂，喜，苦，樂，捨，眼，耳，鼻，舌，身，意，共十六根。男根，女根，未知欲知根，已知根，具知根，命根。

(Sao: “Có thể sanh thánh đạo”: Do năm pháp ấy điều hòa, đối trị cái tâm, ví như Âm và Dương hòa hợp, khiến cho hết thảy hạt giống đều được sanh thành. “Câu Xá Luận nêu ra ba nghĩa”: Câu Xá Luận nói Căn có nghĩa là tối thắng, tự tại và quang hiển. Tối thắng là vì Thể của Căn thù thắng. Tự tại là Dụng của Căn thù thắng. Quang hiển là Thể và Dụng cùng phô bày. Luận ấy lập ra hai mươi hai Căn, trong số đó có Ngũ Căn như Tín v.v...

Diễn: “Ba nghĩa trong luận Câu Xá” chính là hai nghĩa trong đoạn trước. “Tối thắng” là như trong phần trên [đã nói] “giữ gìn những gì đã đắc, chẳng đánh mất chính mình”. “Tự tại” là như trong phần trên

[đã nói] “có thể sanh những điều chưa đạt được, lại còn tiến lên câu cao hơn”. “Quang hiển” là Thể và Dụng cùng phô bày, chính là như trong phần trên đã nói: “Từ ngay nơi Thể mà khởi Dụng, từ ngay nơi Dụng mà hiển lộ Thể”.

Hai mươi hai Căn là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, Ưu (lo), Hỷ (mừng), Khổ, Lạc (sướng), Xả (buông bỏ), Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, tổng cộng mười sáu căn. Nam Căn, Nữ Căn, Căn chưa biết mà muốn biết, Căn đã biết, Căn đã biết trọn vẹn, và Mạng Căn [gộp chung thành hai mươi hai căn].

(Sớ) Ngũ Lực giả, tức tiền Ngũ Căn tăng trưởng, cụ hữu đại lực, cố danh vi Lực.

(Sao) Lực hữu nhị nghĩa: Nhất giả, bất vị tha phục. Nhị giả, hựu năng phục tha. Như Du Già Luận, thử Ngũ Lực giả, năng ư hậu hậu sở chứng xuất thế gian pháp, sanh thâm thắng giải, nan chế phục cố. Hựu cụ đại oai thế, tồi phục nhất thiết chư ma quân cố.

(Diễn) Như Du Già hạ, dẫn chứng Lực hữu nhị nghĩa. Hậu chi sở chứng xuất thế pháp giả, tức Giác Chi, Chánh Đạo, Trụ Hạnh, Hướng, Địa đẳng pháp, nan chế phục, thị bất vị tà ngoại sở phục. Thử thị chứng bất vị tha phục dã. Hạ nhị cú, thị chứng hựu năng phục tha. Nhất thiết chư ma, tức tứ ma, bát ma đẳng.

(疏)五力者，即前五根增長，具有大力，故名為力。

(鈔)力有二義：一者，不為他伏。二者，又能伏他。如瑜伽論，此五力者，能於後後所證出世間法，生深勝解，難制伏故。又具大威勢，摧伏一切諸魔軍故。

(演)如瑜伽下，引證力有二義。後之所證出世法者，即覺支正道，住行向地等法，難制伏，是不為邪外所伏。此是證不為他伏也。下二句，是證又能伏他。一切諸魔，即四魔八魔等。

(Sớ) Ngũ Lực là năm căn trên đây tăng trưởng, có sức mạnh to lớn, nên gọi là Lực.

Sao: Lực có hai nghĩa: Một là chẳng bị kẻ khác khuất phục. Hai là lại có thể khuất phục kẻ khác. Như luận Du Già Sư Địa đã nói: “Năm lực ấy có thể khiến cho [hành nhân] sanh khởi sự lý giải thù thắng sâu xa, khó thể chế phục đối với các pháp xuất thế gian được chứng trong mai sau (như Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần v.v...). Lại còn [do

năm lực ấy mà] trọn đủ oai thế, dẹp tan hết thầy ma quân.

Diễn: Từ “như Du Già” trở đi là dẫn chứng Lực có hai nghĩa. “Các pháp xuất thế gian được chứng trong mai sau” chính là Thất Giác Chi và Bát Chánh Đạo, và các pháp thuộc những địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa v.v... “Khó chế phục” là chẳng bị tà ma ngoại đạo chế phục. Đây chính là chứng có chẳng bị kẻ khác chế phục. Hai câu sau là chứng minh [do Ngũ Lực bền] lại có thể chế phục kẻ khác. “Hết thầy các ma” tức tứ ma, bát ma v.v...)

(Sao) Tín Lực giả, thâm tín Đế Lý, chuyển cánh tăng trưởng, năng giá nghi hoặc, bất vị động dao, năng cự tà ngoại, bất vị mê loạn, năng phá phiền não, bất vị xâm hại cố. Nhất tổng dư thừa, như thượng Căn lệ.

(Diễn) Thâm tín Đế Lý, chuyển cánh tăng trưởng giả, tiền tuy cự Tín Căn, nhược vị hữu lực, tắc nghi hoặc năng dao, tà ngoại năng loạn, phiền não năng xâm. Kim ký hữu lực, tắc nghi bất năng dao, dĩ hữu Tín sư tử, năng chế nghi hủy cố. Tà ngoại bất năng loạn, dĩ hữu Tín châu, năng thanh tà trước cố. Phiền não bất năng xâm, dĩ hữu Tín nhật, năng phá phiền não sưng cố.

(鈔)信力者，深信諦理，轉更增長，能遮疑惑，不為動搖，能拒邪外，不為迷亂，能破煩惱，不為侵害故。一總餘承，如上根例。

(演)深信諦理，轉更增長者，前雖具信根，若未有力，則疑惑能搖，邪外能亂，煩惱能侵。今既有力，則疑不能搖，以有信獅子，能制疑咒故。邪外不能亂，以有信珠，能清邪濁故。煩惱不能侵，以有信日，能破煩惱霜故。

(Sao: Tín Lực: Tín sâu Đế Lý, càng thêm tăng trưởng, có thể ngăn che nghi hoặc, chẳng bị dao động, có thể chống lại tà thuyết, ngoại đạo, chẳng bị mê loạn; có thể phá phiền não, chẳng bị xâm hại. Điều thứ nhất là tổng, những điều còn lại [trong Ngũ Lực] do nó (Tín Lực) sanh ra, giống như trong phần luận định về Căn ở phía trên.

Diễn: “Tín sâu Đế Lý, càng thêm tăng trưởng”: Trên đây, tuy đã có Tín Căn, nhưng nếu chưa có sức, ắt nghi hoặc, sẽ có thể dao động [tín tâm], tà ma ngoại đạo có thể gây rối loạn, phiền não có thể xâm hại. Nay đã có sức thì nghi hoặc chẳng thể dao động, vì đã có sư tử Tín có

thể chế phục con tê giác nghi hoặc. Tà ma, ngoại đạo chẳng thể gây rối, vì đã có viên châu Tín lực, có thể lắng trong tà trước. Phiền não chẳng thể xâm hại vì đã có mặt trời Tín có thể trừ sạch sương phiền não).

(Sao) Tấn Lực giả, Tấn Căn tăng trưởng, năng phá thân tâm chủng chủng giải đãi, thành biện xuất thế chủng chủng sự nghiệp cố.

(Diễn) Tấn Căn tăng trưởng giả, tiền tuy hữu Tấn Căn, nhược vị hữu lực, tắc vô thi lai bất tu Tam Học, Lục Độ, chủng chủng giải đãi chủng tử, do năng phát sanh, đọa xuất thế chủng chủng sự nghiệp. Kim đắc Tấn Lực, tắc tinh tấn mãnh tướng, năng phục giải đãi ma quân, thành biện Tam Học, Lục Độ chư sự nghiệp cố.

(鈔)進力者，進根增長，能破身心種種懈怠，成辦出世種種事業故。

(演)進根增長者，前雖有進根，若未有力，則無始來不修三學六度，種種懈怠種子，猶能發生，墮出世種種事業。今得進力，則精進猛將，能伏懈怠魔軍，成辦三學六度諸事業故。

(Sao: “Tấn Lực”: Tấn Căn tăng trưởng, có thể phá các thứ giải đãi nơi thân tâm, thành tựu các thứ sự nghiệp xuất thế.

Diễn: “Tấn Căn tăng trưởng”: Trước kia, tuy có Tấn Căn, nhưng nếu chưa có Lực, ắt các thứ chủng tử giải đãi [khiến cho hành nhân] chẳng tu Tam Học, Lục Độ từ vô thi đến nay vẫn có thể phát sanh, [khiến cho] các thứ sự nghiệp xuất thế bị thoái đọa. Nay đắc Tấn Lực, ắt mãnh tướng tinh tấn có thể hàng phục ma quân giải đãi, thành tựu các sự nghiệp Tam Học, Lục Độ).

(Sao) Niệm Lực giả, Niệm Căn tăng trưởng, năng phá tà niệm, thành tựu nhất thiết xuất thế chánh niệm cố.

(Diễn) Niệm Căn tăng trưởng giả, tiền tuy hữu Niệm Căn, nhược vị hữu lực, tắc thế gian ngũ dục lạc trần tà niệm do vị tận trừ, xuất thế gian chi Tam Bảo, Thí, Giới đẳng chánh niệm do vị thành tựu. Kim đắc Niệm Lực chi khai, tuy nhập Ngũ Dục trần trung, bất vị sở tổn, năng phá chủng chủng tà niệm ma quân cố.

(鈔)念力者，念根增長，能破邪念，成就一切出世正念故。

(演)念根增長者，前雖有念根，若未有力，則世間五欲六塵邪念猶未盡除，出世之三寶施戒等正念猶未成就。今得念力之鎧，雖入五欲陣中，不為所損，能破種種邪念魔軍故。

(Sao: Niệm Lực là Niệm Căn tăng trưởng, có thể phá tà niệm, thành tựu hết thấy chánh niệm xuất thế.

Diễn: “Niệm Căn tăng trưởng”: Trên đây, tuy đã có Niệm Căn, nhưng nếu chưa có sức thì tà niệm ngũ dục lục trần trong thế gian vẫn chưa trừ sạch, chánh niệm xuất thế gian như Tam Bảo, Thí, Giới v.v... vẫn chưa thành tựu. Nay có được áo giáp Niệm Lực, tuy vào trong trận Ngũ Dục, chẳng bị thương tổn, [mà còn] có thể phá các thứ ma quân tà niệm).

(Sao) Định Lực giả, Định Căn tăng trưởng, năng phá nhất thiết chư tạp loạn tưởng, phát khởi Sự Lý chư Thiền Định cố.

(Diễn) Định Căn tăng trưởng giả, tiền tuy hữu Định Căn, hệ duyên nhất cảnh; nhược vị hữu lực, tắc vi tế tạp niệm do vị đắc trừ. Tứ Thiền Bát Định, Cửu Thứ Đệ Định, Sự Lý chư Thiền, do vị phát khởi. Kim ký đắc lực, tắc Định năng trừ thanh loạn tưởng chi cấu, năng hiện chư Thiền chi châu cố. Hựu bất minh Đế Lý, dẫn đắc thế gian Thiền, danh viết Sự Thiền. Thâm minh Đế Lý, đắc xuất thế gian Thiền, cập xuất thế thượng thượng Thiền, danh viết Lý Thiền. Hựu Tiểu Thừa duyên Không trực nhập, nãi chí viên nhân trực tâm chánh niệm Chân Như, danh viết Lý Thiền. Tiểu Thừa đối sự kiềm tu, nãi chí viên nhân từng hạnh thác sự phụ pháp, tam chủng quán pháp, giai Sự Lý kiềm tu, danh viết Sự Lý Thiền, chủng chủng bất nhất, cố vân “chư” dã.

(鈔)定力者，定根增長，能破一切諸雜亂想，發起事理諸禪定故。

(演)定根增長者，前雖有定根，繫緣一境；若未有力，則微細雜念猶未得除。四禪八定，九次第定，事理諸禪，猶未發起。今既得力，則定能澄清亂想之垢，能現諸禪之珠故。又不明諦理，但得世間禪，名曰事禪。深明諦理，得出世間禪，及出世上上禪，名曰理禪。又小乘緣空

直入，乃至圓人直心正念真如，名曰理禪。小乘帶事兼修，乃至圓人從行託事附法，三種觀法，皆事理兼修，名曰事理禪，種種不一，故云諸也。

(Sao: “Định Lực”: Định Căn tăng trưởng, có thể phá hết thấy các tạp loạn tướng, phát khởi các thứ Thiền Định Sự và Lý.

Diễn: “Định Căn tăng trưởng”: Trên kia, tuy đã có Định Căn, buộc tâm duyên nơi một cảnh; nhưng nếu chưa có sức thì vi tế tạp niệm vẫn chưa trừ, Tứ Thiền Bát Định, Cửu Thứ Đệ Định, các loại Sự Thiền và Lý Thiền còn chưa phát khởi. Nay đã có sức thì Định có thể lắng trong cấu như loạn tướng, có thể hiện hạt châu của các món Thiền. Lại do chẳng hiểu rõ Đế Lý, cho nên chỉ đắc thế gian Thiền, bèn gọi là Sự Thiền. Hiểu sâu Đế Lý, đắc xuất thế gian Thiền và xuất thế thượng thượng Thiền, thì gọi là Lý Thiền. Lại nữa, Tiểu Thừa duyên theo Không để tiến nhập trực tiếp, cho đến người căn cơ viên mãn dùng trực tâm chánh niệm Chân Như thì gọi là Lý Thiền. Tiểu Thừa tu kèm thêm Sự, cho đến người căn cơ viên đốn, từ hạnh nhờ vào Sự để hỗ trợ Phật pháp. Ba thứ quán pháp đều là Lý và Sự cùng tu, cho nên gọi là Sự Lý Thiền. Do có các thứ [Thiền Định] khác nhau, nên nói là “các”).

(Sao) Huệ Lực giả, Huệ Căn tăng trưởng, năng phá nhất thiết tà ngoại đẳng kiến, năng đoạn nhất thiết thiên tiểu đẳng chấp cố.

(Diễn) Huệ Căn tăng trưởng giả, tiền tuy cụ Huệ Căn, Chỉ Quán phân minh, quyết trạch thị phi. Nhược vị hữu lực, tắc cửu thập ngũ chủng tà ngoại chi kiến, thiên thừa Tiểu Giáo, Quyền lý chi chấp, do hoặc hiện tiền. Kim ký hữu lực, tắc huệ kiến đương không, nhất thiết tà ngoại thiên tiểu chi ty, vô bất tận đoạn cố.

(鈔)慧力者，慧根增長，能破一切邪外等見，能斷一切偏小等執故。

(演)慧根增長者，前雖具慧根，止觀分明，決擇是非。若未有力，則九十五種邪外之見，偏乘小教權理之執，猶或現前。今既有力，則慧劍當空，一切邪外偏小之絲，無不盡斷故。

(Sao: Huệ Lực là Huệ Căn tăng trưởng, có thể phá hết thấy các kiến giải tà vạy, ngoại đạo, có thể đoạn hết thấy những chấp trước Thiên, Tiểu v.v...

Diễn: “Huệ Căn tăng trưởng”: Trên đây, tuy đã có Huệ Căn, Chỉ Quán phân minh, phân biệt rạch ròi đúng sai; nhưng nếu chẳng có sức, chín mươi lăm thứ kiến chấp tà vạy, ngoại đạo, Tiểu Giáo chấp trước lệch lạc, chấp vào Quyền Lý sẽ có thể còn hiện tiền. Nay đã có Sức, vung giơ huệ lên không trung, hết thấy các sợi tơ tà vạy, ngoại đạo, lệch lạc, Tiểu Thừa không gì chẳng đứt sạch).

(Sớ) Thất Bồ Đề Phần giả, tức Thất Giác Chi. Diệc điều tiền Căn, Lực, đắc thử Huệ Dụng. Vị: Nhất, Niệm. Nhị, Trạch Pháp. Tam, Tinh Tấn. Tứ, Hỷ. Ngũ, Y. Lục, Định. Thất, Xả. Nhất vân: Nhất, Trạch Pháp. Nhị, Tinh Tấn. Tam, Hỷ. Tứ, Trừ. Ngũ, Xả. Lục, Định. Thất, Niệm. Kim y hậu thích.

(Diễn) Thất Giác tự thể tức trạch pháp đẳng, thử chi vi Dụng, vi đoạn Kiến Đạo chư tà kiến cố.

(疏)七菩提分者，即七覺支。亦繇前根力，得此慧用。謂：一、念，二、擇法，三、精進，四、喜，五、猗，六、定，七、捨。一云：一、擇法，二、精進，三、喜，四、除，五、捨，六、定，七、念。今依後釋。

(演)七覺自體即擇法等，此之為用，為斷見道諸邪見故。

(Sớ: Thất Bồ Đề Phần chính là Thất Giác Chi, cũng do Căn và Lực trên đây mà đạt được tác dụng này của Huệ; nghĩa là: Một là Niệm. Hai là Trạch Pháp. Ba là Tinh Tấn. Bốn là Hỷ. Năm là Y. Sáu là Định. Bảy là Xả. Một thuyết khác là: Một là Trạch Pháp. Hai là Tinh Tấn. Ba là Hỷ. Bốn là Trừ. Năm là Xả. Sáu là Định. Bảy là Niệm. Nay dựa theo thuyết sau để giải thích.

Diễn: Tự Thể của Thất Giác là Trạch Pháp v.v... Những pháp này là Dụng [của Huệ] vì chúng có tác dụng đoạn trừ các tà kiến nơi Kiến Đạo).

(Sao) Giác Chi giả, Giác tức Bồ Đề, Chi tức thị Phần, vị phần phần tùy nghi nhi dụng dã. Điều tiền giả, Du Già vân: “Chư dĩ chứng nhập chánh vị giả, như thật giác huệ”. Dụng thử vi chi, cố tri căn lực ký cố, hậu tu giác huệ. Hợp nghi tác dụng, y hậu thích giả, dĩ Thiên Thai sở thích, ý minh hiển cố. Hựu Hoa Nghiêm Sớ diệc dĩ trạch pháp vi tự thể, dư phần vi phần cố.

(Diễn) *Phần phần tùy nghi nhi dụng giả, vị ưng dụng Trạch Pháp, tắc dụng Trạch Pháp; ưng dụng Tinh Tấn, tắc dụng Tinh Tấn, tùy kỳ sở nghi, vô sai mâu thuẫn! Chư dĩ chứng nhập chánh vị giả, chánh vị tức chánh tánh. Dĩ do tiền Căn Lực, năng phá nhất thiết kiến chấp, bất đoạ đoan thường, giác pháp chánh tánh. Chánh tánh giả, tức Tứ Đế như thật tánh. Tức dụng thử như thật giác huệ, dĩ vì Chi Phần, hợp nghi tắc dụng dã. Tức Tứ Đế như thật tánh giả, tánh tức Khổ vì bức bách tánh, Tập vì chiêu cảm tánh đẳng. Như thật, tức thị Sanh Diệt, Vô Sanh, Vô Lượng, Vô Tác; thử tứ các xưng đương giáo chi lý, danh viết “như thật”.*

(鈔) 覺支者，覺即菩提，支即是分，謂分分隨宜而用也。繇前者，瑜伽云：諸已證入正位者，如實覺慧。用此為支，故知根力既固，後須覺慧。合宜則用，依後釋者，以天台所釋，意明顯故。又華嚴疏亦以擇法為自體，餘分為分故。

(演) 分分隨宜而用者，謂應用擇法，則用擇法；應用精進，則用精進，隨其所宜，無差謬也！諸已證入正位者，正位即正性。以由前根力，能破一切見執，不墮斷常，覺法正性。正性者，即四諦如實性。即用此如實覺慧，以為支分，合宜則用也。即四諦如實性者，性即苦為逼迫性，集為招感性等。如實，即是生滅，無生，無量，無作；此四各稱當教之理，名曰如實。

(Sao: “Giác Chi”: Giác tức là Bồ Đề, Chi tức là Phần, ý nói mỗi phần tùy theo từng trường hợp mà được sử dụng thích đáng. “Do các pháp [Căn và Lực] trên đây”: Luận Du Già chép: “Những người đã chứng nhập chánh vị, giác huệ như thật”. Dùng những điều ấy làm Chi, cho nên biết Căn và Lực đã kiên cố, sau đây cần phải do Giác và Huệ để sử dụng phù hợp thích đáng. “Tuân theo cách sau để giải thích [Thất Giác Chi]” là vì ý nghĩa [của cách giải thích ấy] rõ ràng. Hoa Nghiêm Sớ lại nói: “Cũng lấy Trạch Pháp làm tự thể, các phần khác được phân ra từ đó”.

Diễn: “Mỗi phần tùy theo từng trường hợp mà được sử dụng thích đáng”: Đáng nên dùng Trạch Pháp bèn dùng Trạch Pháp, đáng nên dùng Tinh Tấn bèn dùng Tinh Tấn. Thuận theo sự thích hợp mà sử dụng,

chẳng bị sai lầm. “Những người đã chứng nhập chánh vị”: Chánh vị là chánh tánh. Do các Căn và Lực trên đây có thể phá hết thấy kiến chấp, chẳng đọa trong Đoạn hay Thường, giác pháp chánh tánh. “Chánh tánh” chính là tánh như thật của Tứ Đế; tức là dùng giác huệ như thật ấy để làm Chi Phần, hể thích hợp bèn sử dụng.

“Tức là tánh như thật của Tứ Đế”: Tánh chính là Khổ có tánh chất bức bách, Tập có tánh chất chiêu cảm v.v... “Như thật” tức là Sanh Diệt, Vô Sanh, Vô Lượng, Vô Tác; bốn điều này, mỗi điều đều có thể gọi là Lý của đương giáo (chẳng hạn như Sanh Diệt là Lý của Tiểu giáo Tứ Đế), cho nên gọi là “như thật”).

(Sao) Nhất, Trạch Pháp giả, quán chư pháp thời, thiện năng giác liễu, giản biệt chân ngụy cố.

(Diễn) Quán chư pháp thời, thiện năng giác liễu, giản biệt chân ngụy giả, Tứ Thánh Đế lý vi chân, ngoại đạo tà đế vi ngụy. Thử nhị sai biệt, tại hào ly gian, kim quán pháp thời, thiện năng giác liễu, bất dĩ ngụy vi chân, dĩ chân vi ngụy cố.

(鈔) 一、擇法者，觀諸法時，善能覺了，揀別真偽故。

(演) 觀諸法時，善能覺了，揀別真偽者，四聖諦理為真，外道邪諦為偽。此二差別，在毫釐間，今觀法時，善能覺了，不以偽為真，以真為偽故。

(Sao: Một là Trạch Pháp (chọn lựa pháp), khi quán các pháp, có thể khéo giác ngộ, hiểu rõ, phân biệt chân và ngụy.

Diễn: “Khi quán các pháp, khéo có thể giác ngộ, hiểu rõ, phân biệt chân ngụy”: Lý Tứ Thánh Đế là chân, “chân lý” tà vạy của ngoại đạo là ngụy. Hai thứ ấy sai biệt chỉ trong hào ly. Nay khi quán pháp, có thể khéo nhận biết, hiểu rõ, chẳng coi ngụy là chân, coi chân là ngụy).

(Sao) Nhị, Tinh Tấn giả, tu đạo pháp thời, thiện năng giác liễu, bất mậu hành ư vô ích khổ hạnh cố.

(Diễn) Thiện năng giác liễu, bất mậu hành ư vô ích khổ hạnh giả, dĩ trạch pháp hậu, thứ tức tu đạo. Cố vân: “Tu đạo pháp thời”. Nhiên ngoại đạo cửu thọ cần khổ, tinh tấn tu hành, bất thành thánh quả giả, dĩ bất đạt chân tánh, duy dụng vọng thức tu hành, danh viết Tinh Tấn, thật đồng giải đãi! Kim tu giác liễu thị chánh, thị tà, vật

hành ngoại đạo chi mậu hạnh cố.

(鈔)二、精進者，修道法時，善能覺了，不謬行於無益苦行故。

(演)善能覺了，不謬行於無益苦行者，以擇法後，次即修道。故云：修道法時。然外道久受勤苦，精進修行，不成聖果者，以不達真性，惟用妄識修行，名曰精進，實同懈怠！今須覺了是正是邪，勿行外道之謬行故。

(Sao: Hai là Tinh Tấn, khi tu đạo pháp, khéo có thể giác ngộ, hiểu rõ, chẳng làm lạc hành khổ hạnh vô ích.

Diễn: “Khéo có thể giác ngộ, hiểu rõ, chẳng làm lạc hành khổ hạnh vô ích”: Do sau khi chọn pháp, kế đó, liền tu đạo, cho nên nói “khi tu đạo pháp”. Nhưng ngoại đạo đã siêng khổ tinh tấn tu hành từ lâu, mà chẳng thành thánh quả, do họ chẳng thông đạt chân tánh, chỉ dùng vọng thức để tu hành. Tuy nói là tinh tấn, nhưng thật ra giống như giải đãi. Nay cần phải giác ngộ, hiểu rõ là chánh hay là tà, đừng làm lạc hành theo ngoại đạo).

(Sao) Tam, Hỷ giả, tâm đắc pháp hỷ thời, thiện năng giác liễu, bất tùy điên đảo chi pháp nhi sanh hỷ cố.

(Diễn) Đắc pháp hỷ thời, thiện năng giác liễu đẳng giả, dĩ ký tu đạo pháp, tất đắc pháp hỷ. Nhiên quả kiến chân tánh, nãi xưng pháp hỷ. Nhược nãi nhận nô tác lang, tương bỉ ngư mục đương ngã minh châu, tắc vi đại thác. Cố đắc pháp hỷ thời, thiện tu giác liễu, vật đạo điên đảo chi pháp sanh hỷ cố.

(鈔)三、喜者，心得法喜時，善能覺了，不隨顛倒之法而生喜故。

(演)得法喜時，善能覺了等者，以既修道法，必得法喜。然果見真性，乃稱法喜。若乃認奴作郎，將彼魚目當我明珠，則為大錯。故得法喜時，善須覺了，勿墮顛倒之法生喜故。

(Sao: Ba là Hỷ. Khi tâm đạt được pháp hỷ, bèn khéo có thể giác ngộ, hiểu rõ, chẳng vui theo pháp điên đảo.

Diễn: “Khi đắc pháp hỷ, khéo có thể giác ngộ, hiểu rõ...”: Do đã tu đạo pháp, tất đạt được pháp hỷ. Nhưng nếu thật sự thấy chân tánh bèn

gọi là pháp hỷ. Nếu nhận đây tứ là chủ, coi mắt cá là minh châu của ta, làm lẫn to đùng! Vì thế, khi đắc pháp hỷ, cần phải khéo giác ngộ, hiểu rõ, đừng sanh lòng vui sướng nơi pháp điên đảo).

(Sao) *Tứ, Trừ giả, trừ chư kiến phiền não thời, thiện năng giác liễu, đoạn tuyệt hư ngụy, bất tổn chân chánh thiện căn cố.*

(Diễn) *Trừ chư kiến phiền não thời, thiện tu giác liễu đẳng giả, ký đắc pháp hỷ, tức đoạn chư kiến phiền não. Nhiên tham đẳng hôn phiền chi pháp, Thế thị hư ngụy, cố tu đoạn trừ. Nhược Tín đẳng Ngũ Căn, cập phát túc thể thiện căn, nãi xuất thể chân chánh thiện căn, nhược diệt đoạn trừ, thác mậu phi tiểu. Cố tu giác liễu chân ngụy, vật thác mậu cố.*

(鈔) 四、除者，除諸見煩惱時，善能覺了，斷絕虛偽，不損真正善根故。

(演) 除諸見煩惱時，善須覺了等者，既得法喜，即斷諸見煩惱。然貪等昏煩之法，體是虛偽，故須斷除。若信等五根，及發宿世善根，乃出世真正善根，若亦斷除，錯謬非小。故須覺了真偽，勿錯謬故。

(Sao) *Bốn là Trừ, khi trừ các kiến giải và các phiền não, có thể khéo giác ngộ, hiểu rõ, đoạn dứt hư ngụy, chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh.*

Diễn: “Khi trừ các kiến giải và các phiền não, cần phải khéo có thể giác ngộ, hiểu rõ...”: Đã đắc pháp hỷ, liền đoạn các kiến giải phiền não. Nhưng Thế của các pháp tối tăm, phiền não như tham v.v... là hư ngụy, cho nên cần phải đoạn trừ chúng. [Thế nhưng đối với các pháp] như Ngũ Căn, tức Tín v.v... và các thiện căn đã phát trong đời trước chính là thiện căn xuất thể chân chánh, mà nếu cũng đoạn trừ chúng, thì sai lầm chẳng nhỏ vậy. Vì thế, cần phải giác ngộ, hiểu rõ chân, ngụy, đừng làm lẫn).

(Sao) *Ngũ, Xả giả, xả sở kiến niệm trước chi cảnh thời, thiện năng giác liễu thủ xả hư ngụy, vĩnh bất truy ức cố.*

(Diễn) *Xả sở kiến niệm trước đẳng giả, ký dĩ trừ chư kiến phiền não, tắc danh “xả sở kiến cảnh, xả sở niệm trước cảnh thời”. Nhiên xả, nãi đối thủ nhị ngôn; thủ ký hư ngụy, xả khởi đắc chân? Tịnh xả diệt xả, phát linh truy ức cố.*

(鈔)五、捨者，捨所見念著之境時，善能覺了取捨虛偽，永不追憶故。

(演)捨所見念著等者，既以除諸見煩惱，則名捨所見境，捨所念著境時。然捨，乃對取而言；取既虛偽，捨豈得真？並捨亦捨，弗令追憶故。

(Sao: Năm là khi xả cảnh đã thấy hoặc nghĩ tới, có thể khéo giác ngộ, hiểu rõ lấy và bỏ là hư nguy, vĩnh viễn chẳng nhớ lại).

Diễn: “Xả cảnh đã thấy hoặc nghĩ tới”: Đã trừ các kiến phiền não thì gọi là “khi xả các cảnh đã thấy, xả các cảnh đã nghĩ tới”. Nhưng Xả (bỏ) là nói tương phản với Thủ (lấy). Thủ đã là hư nguy, há Xả là thật được sao? Ngay cả Xả cũng xả luôn, đừng để cho nhớ lại).

(Sao) Lục, Định giả, phát chư Thiền Định thời, thiện năng giác liễu chư Thiền hư giả, bất sanh kiến ái cố.

(Diễn) “Phát chư Thiền Định đẳng” giả, ký xả sở kiến chi cảnh, tắc năng phát chư Thiền Định. Nhiên Thiền duyệt tư thần, năng sanh ái trước. Cố tu giác liễu Thiền Định hư nguy. Dĩ định, đối động nhi hữu; động ký thị vọng, định khởi thị chân? Vật sanh đam nhạo cố.

(鈔)六、定者，發諸禪定時，善能覺了諸禪虛假，不生見愛故。

(演)發諸禪定等者，既捨所見之境，則能發諸禪定。然禪悅資神，能生愛著。故須覺了禪定虛偽。以定，對動而有；動既是妄，定豈是真？勿生耽樂故。

(Sao: Sáu là Định, khi phát khởi các Thiền Định, có thể khéo giác ngộ, hiểu rõ các môn Thiền là hư giả, chẳng sanh lòng yêu thích).

Diễn: “Phát khởi các môn Thiền”: Đã có thể bỏ cảnh trông thấy, sẽ có thể phát sanh các Thiền Định. Nhưng do niềm vui Thiền Định có thể bồi bổ tinh thần, cho nên [hành giả] có thể sanh lòng mê đắm. Vì thế, cần phải giác ngộ, hiểu rõ Thiền Định là hư nguy. Vì Định tương ứng với động mà có; động đã là vọng, há Định là thật? Do đó, chớ sanh ưa đắm).

(Sao) Thất, niệm giả, tu xuất thế đạo thời, thiện năng giác liễu, thường sử Định Huệ quân bình. Nhược tâm trầm một, dương niệm dụng Trạch, Tấn, Hỷ tam chi, sát nhi khởi chi. Nhược tâm phù động,

đương niệm dụng Trừ, Xả, Định tam chi, nhiếp nhĩ phục chi, niệm niệm điều hòa, sử trung thích cố.

(Diễn) Tu xuất thế đạo thời đẳng giả, ký đắc Thiền Định, nãi tu xuất thế chi đạo, tắc hữu nhị bệnh: Định thắng Huệ, tắc Trầm; Huệ thắng Định, tắc Phù. Tất tu Định Huệ quân bình, nãi chứng Tịch Chiếu bất nhị, cố dụng tiền lục chi, hoặc khởi, hoặc phục, câu điều hòa trung thích, vật đạo nhĩ bệnh. Cố thử Giác Chi chi Dụng, năng đoạn tam giới Kiến Hoặc, dĩ vi kỳ quả dã.

(鈔)七、念者，修出世道時，善能覺了，常使定慧均平。若心沈沒，當念用擇進喜三支，察而起之。若心浮動。當念用除捨定三支，攝而伏之，念念調和，使中適故。

(演)修出世道時等者，既得禪定，乃修出世之道，則有二病：定勝慧，則沈；慧勝定，則浮。必須定慧均平，乃證寂照不二，故用前六支，或起或伏，俱調和中適，勿墮二病。故此覺支之用，能斷三界見惑，以為其果也。

(Sao: Bảy là Niệm, khi tu đạo xuất thế, có thể khéo giác ngộ, hiểu rõ, thường khiến cho Định và Huệ quân bình. Nếu tâm chìm đắm, hãy nên nghĩ dùng ba giác chi là Trạch Pháp, Tinh Tấn, và Hỷ để soi xét, khiến cho cái tâm phân chấn. Nếu tâm chao động, hãy nên nghĩ dùng ba giác chi là Trừ, Xả, và Định để nhiếp phục, niệm niệm điều hòa, sao cho vừa phải, thích đáng.

Diễn: “Khi tu đạo xuất thế...”: Đã đắc Thiền Định bèn tu đạo xuất thế, sẽ có hai bệnh: Định thắng Huệ thì Trầm (hôn trầm); Huệ thắng Định thì Phù (phập phều, lao chao, xáo động). Ất cần phải Định và Huệ quân bình thì mới chứng Tịch Chiếu bất nhị. Vì thế, dùng sáu chi trước đó, hoặc nâng lên, hoặc ép xuống, sao cho hai món (Định và Huệ) điều hòa, vừa phải, thích đáng, chẳng rơi vào hai chứng bệnh [vừa nói trên đây]. Do vậy, Dụng của các môn Giác Chi này chính là chúng có thể đoạn trừ Kiến Hoặc trong tam giới; đây là cái quả của chúng vậy).

(Sớ) Bát, Thánh Đạo giả, diệt danh Bát Chánh Đạo. Điều tiên trạch pháp, cố nhập chánh đạo, vị: Nhất, Chánh Kiến. Nhị, Chánh Tư Duy. Tam, Chánh Ngữ. Tứ, Chánh Nghiệp. Ngũ, Chánh Mạng. Lục, Chánh Tinh Tấn. Thất, Chánh Niệm. Bát, Chánh Định.

(Diễn) *Bát Chánh Đạo* giả, do tiền thất chi trạch pháp, nãi đoạn *Kiến Hoặc*, tức nhập thánh đạo. Thánh giả, chứng dã, cố diệc danh *Chánh*. *Bát Thánh tự thể*, tức *Chánh Kiến* đẳng, thử chi vi *Dụng*, vị đoạn tu đạo chư phiền não cố.

(疏) 八、聖道者，亦名八正道。繇前擇法，故入正道。謂：一、正見。二、正思惟。三、正語。四、正業。五、正命。六、正精進。七、正念。八、正定。

(演) 八聖道者，由前七支擇法，乃斷見惑，即入聖道。聖者，證也，故亦名正。八聖自體，即正見等，此之為用，為斷修道諸煩惱故。

(Sớ:) *Bát, Thánh Đạo* còn gọi là *Bát Chánh Đạo*. Do trước đó đã chọn lựa pháp, cho nên nhập *Chánh Đạo*, tức là: Một là *Chánh Kiến*. Hai là *Chánh Tư Duy*. Ba là *Chánh Ngữ*. Bốn là *Chánh Nghiệp*. Năm là *Chánh Mạng*. Sáu là *Chánh Tinh Tấn*. Bảy là *Chánh Niệm*. Tám là *Chánh Định*.

Diễn: “*Bát Chánh Đạo*”: Do *Trạch Pháp* trong *Thất Giác Chi* trước đó mà đoạn *Kiến Hoặc*, bèn nhập thánh đạo. Thánh là chứng, cho nên cũng gọi là *Chánh*. *Tự thể* của tám thánh đạo chính là *Chánh Kiến* v.v... Những điều ấy là *Dụng*, vì nhằm tu đạo, đoạn các phiền não).

(Sao) *Nhất, Chánh Kiến* giả, *Tạp Tập* vân: “*Nhược giác chi thời, sở đắc chân giác, dĩ huệ an lập, để lý phân minh, vô hữu thác mậu cố*”.

(Diễn) *Nhất, Chánh Kiến* giả, *nhược tu Giác Chi*, sở đắc *Chân Giác*, dĩ trí an lập, ngã sở đắc giả, dữ *Tu Đa La hợp da? Bất dữ Tu Đa La hợp da? Tất linh để lý phân minh, vô hữu thác mậu cố*.

(鈔) 一、正見者，雜集云：若覺支時，所得真覺，以慧安立，諦理分明，無有錯謬故。

(演) 一、正見者，若修覺支，所得真覺，以智安立，我所得者，與修多羅合耶？不與修多羅合耶？必令諦理分明，無有錯謬故。

(Sao:) Một là *Chánh Kiến*, luận *Tạp Tập* nói: “*Nếu khi tu giác chi, đã đạt được chân giác, dùng huệ để kiến lập vững vàng, hiểu rành rẽ để lý, chẳng bị sai lầm*”.

Diễn: “*Một là Chánh Kiến*”: Nếu tu *Giác Chi*, đạt được chân giác, dùng trí để an lập, điều ta đạt được phù hợp *Kinh Tạng* ư? Chẳng phù

hợp Kinh Tạng u? Ất hiểu rõ Đế Lý, chẳng lâm lạc).

(Sao) Nhị, Chánh Tư Duy giả, kiến thử lý thời, vô lậu tâm tương ứng, tư duy trừ lượng, vị linh tăng trưởng, nhập Niết Bàn cố.

(Diễn) Nhị, Chánh Tư Duy giả, tuy kiến thử lý, dữ vô lậu trí tương ứng, nhiên lý tánh tuy minh, vị năng cứu cánh. Kim tắc tùng Căn Bản Trí, khởi Hậu Đắc Trí, trùng lự duyên chân, khuếch sung tăng trưởng, nhập Niết Bàn cố.

(鈔)二、正思惟者，見此理時，無漏心相應，思惟籌量，為令增長，入涅槃故。

(演)二、正思惟者，雖見此理，與無漏智相應，然理性雖明，未能究竟。今則從根本智，起後得智，重慮緣真，擴充增長，入涅槃故。

(Sao: Hai là Chánh Tư Duy, khi thấy lý ấy, tương ứng với tâm vô lậu, suy nghĩ, trừ tính, vì để tăng trưởng nhập Niết Bàn.

Diễn: “Hai là Chánh Tư Duy”: Tuy thấy lý ấy tương ứng với trí vô lậu, nhưng tuy đã hiểu rõ lý tánh, vẫn chưa thể [thấu đạt] rốt ráo, Nay từ Căn Bản Trí, khởi lên Hậu Đắc Trí để duyên theo lẽ chân mà tiếp tục suy nghĩ, mở rộng, tăng trưởng cho trọn vẹn, hòng nhập Niết Bàn).

(Sao) Tam, Chánh Ngũ giả, bất duy tâm vô tà tư, dĩ vô lậu trí, nhiếp khẩu tứ nghiệp, trụ tứ thiện ngữ cố.

(Diễn) Tam, Chánh Ngũ giả, sơ kiến đạo nhân, thượng đa tập khí, thân tam, khẩu tứ, vị miễn hiện khởi, cố dĩ Vô Lậu Trí, nhiếp khẩu tứ nghiệp, bất khởi vọng ngôn, ý ngữ, lương thiệt, ác khẩu chi nghiệp, linh trụ chân thật, chánh trực, nhu nhuyển, hòa hợp chi tứ thiện ngữ cố.

(鈔)三、正語者，不惟心無邪思，以無漏智，攝口四業，住四善語故。

(演)三、正語者，初見道人，尚多習氣，身三口四，未免現起，故以無漏智，攝口四業，不起妄言，綺語兩舌，惡口之業，令住真實，正直柔軟，和合之四善語故。

(Sao: Ba là Chánh Ngũ, không chỉ là tâm không suy nghĩ tà vạy, mà còn dùng vô lậu trí để khéo nhiếp bốn nghiệp nơi miệng, khiến chúng trụ trong bốn thiện ngữ.

Diễn: “Ba là Chánh Ngữ”: Người mới kiến đạo, vẫn còn nhiều tập khí, chưa thể tránh khỏi ba nghiệp nơi thân, bốn nghiệp nơi miệng dấy lên hiện hành. Vì thế, dùng Vô Lậu Trí để nhiếp trì bốn nghiệp nơi miệng, chẳng dấy lên các nghiệp nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời thô ác, hòng trụ trong bốn thiện ngữ là chân thật, chánh trực, nhu nhuyến, và hòa hợp).

(Sao) Tứ, Chánh Nghiệp giả, dĩ vô lậu trí, trừ thân tam chủng nhất thiết tà nghiệp, trụ thanh tịnh thân nghiệp cố.

(Diễn) Tứ, Chánh Nghiệp giả, bất duy khẩu vô vọng ngôn, dĩ vô lậu trí, trừ thân sát, đạo, dâm đẳng tam chủng thân nghiệp, sở vị: Phi duy bất sát, bất đạo, bất dâm, tịnh sát, đạo, dâm cơ diệt phục đoạn tận, thân nghiệp thanh tịnh cố.

(鈔)四、正業者，以無漏智，除身三種一切邪業，住清淨身業故。

(演)四、正業者，不惟口無妄言，以無漏智，除身殺盜婬等三種身業，所謂：非惟不殺不盜不婬，并殺盜婬機亦復斷盡，身業清淨故。

(Sao: Bốn là Chánh Nghiệp, dùng vô lậu trí để trừ hết thấy [các nghiệp thuộc về] ba loại tà nghiệp nơi thân, trụ trong thân nghiệp thanh tịnh.

Diễn: “Bốn là Chánh Nghiệp”: Không chỉ là miệng không nói dối, [mà còn] dùng trí vô lậu để trừ ba thứ thân nghiệp giết, trộm, dâm, tức là không chỉ chẳng giết, chẳng trộm, chẳng dâm, mà những ý niệm, mầm móng giết, trộm, dâm cũng đoạn sạch hòng thân nghiệp thanh tịnh).

(Sao) Ngũ, Chánh Mạng giả, dĩ vô lậu trí, thông trừ tam nghiệp trung ngũ chủng tà mạng cố.

(Diễn) Ngũ, Chánh Mạng giả, bất duy thân nghiệp thanh tịnh, dĩ vô lậu trí, thông trừ tam nghiệp trung ngũ chủng tà mạng thực, linh trụ chánh mạng cố. Ngũ chủng tà giả: Nhất, vị lợi dưỡng trá hiện kỳ đặc tướng, thuộc thân nghiệp. Nhị, vị lợi dưỡng tự thuyết công đức. Tam, chiêm tướng cát hung. Tứ, cao thanh hiện oai, linh nhân úy kính. Thử tam thuộc khẩu nghiệp. Ngũ, thuyết đắc cúng dường, dĩ động nhân tâm. Thử thuộc ý nghiệp.

(鈔)五、正命者，以無漏智，通除三業中五種邪命

故。

(演)五、正命者，不惟身業清淨，以無漏智，通除三業中五種邪命食，令住正命故。五種邪者：一、為利養詐現奇特相。屬身業。二、為利養自說功德。三、占相吉凶。四、高聲現威，令人畏敬。此三屬口業。五、說得供養，以動人心。此屬意業。

(Sao: Năm là Chánh Mạng, dùng trí vô lậu để trừ năm thứ tà mạng nơi ba nghiệp).

Diễn: Năm, Chánh Mạng là không chỉ thân nghiệp thanh tịnh, mà còn dùng trí vô lậu trừ hết năm loại kiếm sống tà mạng nơi ba nghiệp để trụ nơi chánh mạng. “Năm thứ tà”: Một là vì lợi dưỡng bèn dối trá hiện tướng đặc biệt, lạ lùng. Điều này thuộc về thân nghiệp. Hai, vì lợi dưỡng mà tự nói công đức. Ba là xem tướng, cát hung. Bốn là lớn tiếng ra oai khiến cho kẻ khác kính sợ. Ba điều ấy thuộc về khẩu nghiệp. Năm, khoe [chính mình] đã được cúng dường, khiến cho người khác động tâm. Điều này thuộc về ý nghiệp).

(Sao) Lục, Chánh Tinh Tấn giả, dĩ vô lậu trí, ưng cần hành tinh tấn, xu Niết Bàn đạo cố.

(Diễn) Lục, Chánh Tinh Tấn giả, tiền ký tam nghiệp thanh tịnh, hựu trừ tam nghiệp trung chủng chủng tà mạng, tác tam nghiệp tinh thuần, nãi kham tấn đạo. Cố niệm niệm tinh cần, thú Niết Bàn đạo cố.

(鈔)六、正精進者，以無漏智，應勤行精進，趨涅槃道故。

(演)六、正精進者，前既三業清淨，又除三業中種種邪命，則三業精純，乃堪進道。故念念精勤，趣涅槃道故。

(Sao: Sáu là Chánh Tinh Tấn, do trí vô lậu, hãy nên siêng hành tinh tấn, nhằm tiến đến đạo Niết Bàn).

Diễn: “Sáu là Chánh Tinh Tấn”: Trước đó, ba nghiệp đã thanh tịnh, lại trừ các thứ tà mạng nơi ba tam nghiệp, cho nên ba nghiệp tinh thuần, có thể kham tăng tấn đạo. Vì thế, trong mỗi niệm đều chuyên ròng, siêng năng hướng đến đạo Niết Bàn).

(Sao) Thất, Chánh Niệm giả, dĩ vô lậu trí, ư ưng niệm chánh

đạo pháp, cập trợ đạo pháp, tâm bất động thất cố.

(Diễn) Thất, Chánh Niệm giả, tiền ký tam nghiệp tinh cần, nhất tâm tấn đạo, cố khùng u chánh Chỉ, chánh Quán chi chánh đạo, Căn, Lực, Giác Chi chi trợ đạo, tâm hữu động thất, tắc vong thất chánh niệm. Kim tắc dĩ vô lậu trí, u chánh, u trợ minh ký bất vong, bất linh động thất cố.

(鈔) 七、正念者，以無漏智，於應念正道法，及助道法，心不動失故。

(演) 七、正念者，前既三業精勤，一心進道，故恐於正止，正觀之正道，根力覺支之助道，心有動失，則忘失正念。今則以無漏智，於正於助明記不忘，不令動失故。

(Sao: Bảy là Chánh Niệm, do vô lậu trí, đối với pháp chánh đạo và pháp trợ đạo đáng nên niệm, tâm bền chẳng lay động, chẳng đánh mất chánh niệm.

Diễn: “Bảy là Chánh Niệm”: Trên đây, ba nghiệp đã siêng năng chuyên ròng, nhất tâm tấn tấn đạo; do vậy, sợ [hành nhân đối với] chánh đạo là chánh Chỉ, chánh Quán, và trợ đạo là Căn, Lực, Giác Chi, tâm bị lay động, mất mát, đến nỗi quên mất chánh niệm; nay dùng trí vô lậu, đối với chánh lẫn trợ, đều nhớ rõ chẳng quên, chẳng để cho [tâm niệm] bị lay động, quên mất).

(Sao) Bát, Chánh Định giả, dĩ vô lậu trí tương ứng, chánh trụ u lý, quyết định bất di cố. Giai ngôn Chánh giả, dĩ bất y thiên tà, danh Chánh, năng chí Niết Bàn, danh Đạo.

(Diễn) Bát, Chánh Định giả, ký chánh niệm bất thất, phục dĩ vô trụ chi chân trí, trụ u vô tướng chi chân lý, quyết định bất di cố, dĩ thượng ước Quyền thừa thích.

(鈔) 八、正定者，以無漏智相應，正住於理，決定不移故。皆言正者，以不依偏邪，名正，能至涅槃，名道。

(演) 八、正定者，既正念不失，復以無住之真智，住於無相之真理，決定不移故，以上約權乘釋。

(Sao: Tám là Chánh Định, do tương ứng với vô lậu trí, nên chánh trụ nơi lý, quyết định chẳng đổi dời. Đầu nói là Chánh, vì chẳng lệch lạc, tà vạy, cho nên gọi là Chánh. Do có thể đạt tới Niết Bàn, nên gọi là Đạo.

Diễn: “Tám là Chánh Định”: Đã chẳng đánh mất chánh niệm, lại còn dùng chân trí vô trụ để trụ nơi chân lý vô tướng, quyết định chẳng dòi. Trên đây là dựa theo Quyền thừa để giải thích).

(Sao) Nhược Hoa Nghiêm Ly Thế Gian phẩm, tặc Bát Chánh câu Bồ Tát đạo. Chánh Kiến giả, viễn ly nhất thiết chư tà kiến cố. Chánh Tư Duy giả, xả vọng phân biệt tâm, tùy thuận Nhất Thiết Trí cố, nãi chí Chánh Định giả, thiện nhập Bồ Tát bất tư nghị giải thoát môn, ư nhất tam-muội trung, xuất nhập chư tam-muội cố. Thích vân: “Cứ thử văn chứng, khởi bất thâm huyền?” Dĩ lệ suy chi, Thất Giác, Căn, Lực, tam thập thất phẩm, giai tùy chúng sanh nhân địa sở tu, cơ kiến bất đồng, chứng Đại, chứng Tiểu, các hữu sở đắc.

(Diễn) Hoa Nghiêm hạ, ước Đại Thừa dã. Viễn ly nhất thiết chư tà kiến giả, bất duy ngoại đạo chi kiến, nãi chí thiên thừa, Tiểu giáo nhất thiết kiến bệnh, tất giai viễn ly cố. Xả vọng phân biệt tâm, tùy thuận Nhất Thiết Trí giả, bất duy phân biệt lục trần vi vọng, nãi chí phân biệt Chân, Tục, cập dữ ly nhị biên chi trung, giai vọng phân biệt. Xả thử phân biệt, tùy thuận Nhất Thiết Chủng Trí cố. Nãi chí giả, siêu lược chi từ. Nhược cụ dẫn giả, Chánh Ngữ, tặc thường hành Chánh Ngữ, ly ngữ tứ quá, thuận thánh ngôn cố. Chánh Nghiệp, tặc hằng tu Chánh Nghiệp, giáo hóa chúng sanh, linh điều phục cố. Chánh Mạng, tặc an trụ Chánh Mạng, Đầu Đà, tri túc, oai nghi thâm chánh, tùy thuận Bồ Đề, hành tứ thánh chủng, nhất thiết quá thất giai viễn ly cố. Chánh Tinh Tấn, tặc cần tu nhất thiết Bồ Tát khổ hạnh, nhập Phật thập lực vô quái ngại cố. Chánh Niệm, tặc tâm thường Chánh Niệm, tất năng ức trì nhất thiết ngôn âm, trừ diệt thế gian tán động tâm cố. Ư nhất tam-muội, nhập chư tam-muội giả, như nhị thập ngũ vương tam-muội, Thủ Lăng Nghiêm bách bát tam-muội đẳng, hồ vi xuất nhập, vô định pháp cố.

(鈔)若華嚴離世間品，則八正俱菩薩道。正見者，遠離一切諸邪見故。正思惟者，捨妄分別心，隨順一切智故，乃至正定者，善入菩薩不思議解脫門，於一三昧中，出入諸三昧故。釋云：據此文證，豈不深玄？以例推之，七覺根力，三十七品，皆隨眾生因地所修，機見不同，證大證小，各有所得。

(演)華嚴下，約大乘也。遠離一切諸邪見者，不唯外

道之見，乃至偏乘，小教一切見病，悉皆遠離故。捨妄分別心，隨順一切智者，不唯分別六塵為妄，乃至分別真俗，及與離二邊之中，皆妄分別。捨此分別，隨順一切種智故。乃至者，超略之詞。若具引者，正語，則常行正語，離語四過，順聖言故。正業，則恆修正業，教化眾生，令調伏故。正命，則安住正命，頭陀知足，威儀審正，隨順菩提，行四聖種，一切過失皆遠離故。正精進，則勤修一切菩薩苦行，入佛十力無罣礙故。正念，則心常正念，悉能憶持一切言音，除滅世間散動心故。於一三昧，入諸三昧者，如二十五王三昧，首楞嚴百八三昧等，互為出入，無定法故。

(Sao: Nếu xét theo phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm thì Bát Chánh Đạo đều là Bồ Tát đạo. Chánh Kiến là xa lìa hết thấy các tà kiến. Chánh Tư Duy là bỏ cái tâm phân biệt hư vọng, tùy thuận Nhất Thiết Trí. Cho đến Chánh Định là khéo nhập môn giải thoát chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát, từ trong một tam-muội mà xuất nhập các tam-muội. Giải rằng: “Lấy đoạn văn ấy làm chứng, há [Bát Chánh Đạo] chẳng sâu mâu ư?” Dựa theo đó để suy ra, Thất Giác, Ngũ Căn, Ngũ Lực, ba mươi bảy phẩm đều là thuận theo căn cơ, kiến giải của chúng sanh khi tu nhân mỗi người mỗi khác mà chứng đại quả hay tiểu quả, nhưng ai nấy đều có sở đắc.

Diễn: Từ chữ Hoa Nghiêm trở đi là luận theo Đại Thừa. “Xa lìa hết thấy các tà kiến”: Không chỉ là [xa lìa] kiến giải của ngoại đạo, mà cho đến hết thấy các kiến chấp của các thừa lệch lạc hay tiểu giáo đều xa lìa hết.

“Bỏ cái tâm phân biệt hư vọng, tùy thuận Nhất Thiết Trí”: Không chỉ phân biệt sáu trần là vọng, mà cho đến phân biệt Chân, Tục, và Trung lìa cả hai bên, đều là phân biệt hư vọng. Bỏ sự phân biệt ấy, tùy thuận Nhất Thiết Chứng Trí.

“Cho đến” là từ ngữ giản lược, nếu dẫn đầy đủ thì: Chánh Ngữ là thường nói lời chánh đáng, lìa bốn lỗi nơi lời nói, thuận theo thánh ngôn. Chánh Nghiệp là luôn tu nghiệp chánh đáng, giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ được điều phục. Chánh Mạng là an trụ trong Chánh Mạng, [hành hạnh] Đầu Đà, biết đủ, oai nghi chánh đáng, tùy thuận Bồ Đề, hành bốn thánh chủng, xa lìa hết thấy lỗi lầm. Chánh Tinh Tấn là

siêng tu hết thấy khổ hạnh của Bồ Tát, nhập Thập Lực của Phật không trở ngại. Chánh Niệm là tâm thường Chánh Niệm, ắt có thể nghĩ nhớ hết thấy ngôn ngữ, âm thanh, trừ diệt cái tâm thể gian tán loạn, dao động.

“Trong một tam-muội, nhập các tam-muội”: Như trong hai mươi lăm môn vương tam-muội, một trăm lẻ tám môn Thủ Lăng Nghiêm tam-muội v.v... xuất nhập lẫn nhau, không có cách thức nhất định).

(Sớ) Ngôn như thị đẳng pháp giả, đẳng Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, thành tam thập thất phẩm, cập đẳng dư nhất thiết pháp cố.

(Sao) Tam thập thất phẩm, thượng duy nhị thập hữu ngũ, cổ đẳng dĩ nhiếp chi. Tứ Niệm Xứ giả, sở vị quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Nhị vân Niệm Xứ giả, dĩ bất tịnh, thị quán thân giả sở đương niệm xứ chi sở dã. Khổ, vô thường đẳng, diệc phục như thị.

(Diễn) Quán thân bất tịnh hữu ngũ: Nhất, chủng tử bất tịnh, vị do phụ mẫu xích bạch nhị trích sở hợp thành cố. Nhị, trụ xứ bất tịnh, vị tại mẫu thai trung, sanh tạng chi hạ, thực tạng chi thượng cố. Tam, tự thể bất tịnh, vị Tứ Đại sở thành. Thiết dĩ hải thủy khuynh tẩy thử thân, chung vô hương khiết cố. Tứ, ngoại tướng bất tịnh, cửu không thường lưu chủng chủng uế ác cố. Ngũ, cửu cánh bất tịnh, nhất tức bất lai, khí quyền trũng gian, như hủ bại mộc cố. Quán Thọ thị khổ giả, Thọ giả, lãnh nạp dã. Hựu lãnh nạp hữu tam: Khổ Thọ, Lạc Thọ, Bất Khổ Bất Lạc Thọ. Quán Khổ Thọ thị Khổ Khổ, Lạc Thọ thị Hoại Khổ, Bất Khổ Bất Lạc Thọ thị Hành Khổ. Quán tâm vô thường giả, quán hiện tại thức tâm, niệm niệm thiên lưu, tâm tâm bất trụ, chuyển biến bất nhất cố. Quán pháp vô ngã giả, quán Hành Tướng nhị ấm chi pháp không, vô chủ thể cố. Thân, thọ, tâm, pháp thị sở quán cảnh, bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã, thị năng quán chi tâm. Năng quán chi tâm, Thể thật thị huệ. Dĩ huệ quán ư cảnh, do niệm đắc trụ, dữ niệm tương lân cận, lân cận cố danh Niệm. Nhiên tất quán tứ giả, đối trị Tứ Đảo cố, vị quán thân bất tịnh, trị ư tịnh đảo; quán thọ thị khổ, trị ư lạc đảo; quán tâm vô thường, trị ư thường đảo; quán pháp vô ngã, trị ư ngã đảo dã. Thử thứ đệ giả, từng thô chi tế, dĩ đối trị cố. Trí Luận vân: “Thử thân ký nhĩ bất tịnh, chúng sanh tham trước giả, dĩ kỳ tình trần, sanh chư thọ cố. Kế chi vi lạc, thùy thọ thử lạc? Cố thứ quán tâm, niệm niệm sanh diệt. Hậu quán nhị ấm, giai bất tự tại. Phá thử Tứ Đảo, hành tứ chánh hạnh, khai Thật Tướng môn”.

(疏)言如是等法者，等四念處，四正勤，四如意足，成三十七品，及等餘一切法故。

(鈔)三十七品，上惟二十有五，故等以攝之。四念處者，所謂觀身不淨，觀受是苦，觀心無常，觀法無我。而云念處者，以不淨，是觀身者所當念處之所也。苦，無常等，亦復如是。

(演)觀身不淨有五：一、種子不淨，謂由父母赤白二滴所合成故。二、住處不淨，謂在母胎中，生藏之下，熟藏之上故。三、自體不淨，謂四大所成。設以海水傾洗此身，終無香潔故。四、外相不淨，九孔常流種種穢惡故。五、究竟不淨，一息不來，棄捐冢間，如朽敗木故。觀受是苦者，受者，領納也。又領納有三：苦受，樂受，不苦不樂受。觀苦受是苦苦，樂受是壞苦，不苦不樂受是行苦。觀心無常者，觀現在識心，念念遷流，心心不住，轉變不一故。觀法無我者，觀行想二陰之法空，無主宰故。身受心法是所觀境，不淨苦無常無我，是能觀之心。能觀之心，體實是慧。以慧觀於境，由念得住，與念相鄰近，鄰近故名念。然必觀四者，對治四倒故，謂觀身不淨，治於淨倒；觀受是苦，治於樂倒；觀心無常，治於常倒；觀法無我，治於我倒也。此次第者，從麤至細，以對治故。智論云：此身既爾不淨，眾生貪著者，以其情塵，生諸受故。計之為樂，誰受此樂？故次觀心，念念生滅。後觀二陰，皆不自在。破此四倒，行四正行，開實相門。

(Sớ: Nói “các pháp giống như vậy” thì “đẳng” là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, thành ba mươi bảy phẩm, và hết thảy các pháp khác.

Sao: [Đạo phẩm gồm] ba mươi bảy phẩm, mà trong phần kinh văn trên đây chỉ có hai mươi lăm phẩm, cho nên dùng chữ Đẳng để bao gồm [những phẩm còn lại]. Tứ Niệm Xứ nghĩa là quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Nhưng nói Niệm Xứ vì “bất tịnh” chính là chỗ hãy nên nghĩ tới để quán cái thân.

Khổ, vô thường v.v... cũng giống như vậy.

Diễn: “Quán thân bất tịnh” có năm điều: Một là chủng tử bất tịnh, tức là do hai giọt trắng và đỏ của cha mẹ hợp thành. Hai, trụ xứ bất tịnh, tức là ở trong thai mẹ bèn ở dưới sanh tạng (dưới bao tử và gan) và trên thực tạng (trên ruột). Ba, tự thể bất tịnh, vì do Tứ Đại hợp thành. Nếu dùng nước biển gột rửa tám thân, trợn chẳng thom sạch được. Bốn, tướng bên ngoài bất tịnh, chín lỗ thường tuôn chảy các thứ nhơ bẩn, kinh tởm. Năm, rốt ráo bất tịnh, một hơi thở ra không hít vào được nữa, [thân xác] sẽ bị vứt bỏ trong chốn mồ mả như gỗ mục nát.

“Quán Thọ là khổ”: Thọ là tiếp nhận. Tiếp nhận lại có ba thứ: Khổ Thọ, Lạc Thọ, và Bất Khổ Bất Lạc Thọ. Quán Khổ Thọ là Khổ Khổ, Lạc Thọ là Hoại Khổ, Bất Khổ Bất Lạc Thọ là Hành Khổ.

“Quán tâm vô thường”: Quán hiện tại thức tâm, chuyển dời trong mỗi niệm, tâm chẳng hề trụ, chuyển biến bất nhất.

“Quán pháp vô ngã”: Quán hai ấm Hành và Tướng rỗng không, chẳng có chủ thể. Thân, thọ, tâm, pháp là “sở quán cảnh” (cái cảnh để quán). Bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã là cái tâm quán sát. Bản thể của cái tâm quán sát là huệ. Dùng huệ để quán cảnh, do niệm mà được an trụ, lân cận với niệm tướng; do lân cận nên gọi là Niệm. Nhưng ắt phải quán cả bốn điều để đối trị Tứ Đảo, tức là quán thân bất tịnh nhằm trị sự điên đảo về tịnh, quán thọ là khổ nhằm trị sự điên đảo về lạc, quán tâm vô thường nhằm trị sự điên đảo về thường, quán pháp vô ngã nhằm trị sự điên đảo về ngã. Thứ tự này từ thô đến tế vì để đối trị. Đại Trí Độ Luận nói: “Thân này đã bất tịnh như thế mà chúng sanh tham đắm là do bị phủ lấp bởi bụi tình chấp, sanh ra các thứ cảm thọ. So đo các thứ lạc, ai sẽ hưởng những thứ lạc ấy? Vì thế, kế tiếp là quán tâm, niệm niệm sanh diệt. Sau đó, quán hai thứ ấm đều chẳng tự tại. Phá bốn thứ điên đảo này, hành bốn chánh hạnh, mở cửa Thật Tướng”).

(Sao) Tứ Chánh Cần giả, giải kiến tiền văn. Dĩ sanh thiện diệt ác, bất giải thi cố, danh chi vi Cần. Cần sở đương cần, hợp ư lý cố, danh Chánh Cần dã.

(Diễn) Tứ Chánh Cần giả, Tứ Niệm Trí hỏa, nhược đắc Cần phong, tắc vô sở bất thiêu; cố thứ biện chi. Thử Tứ Chánh Cần, Tinh Tấn vi Thể, giản phi cửu thập ngũ chủng tương vi chi cần, cố danh vi Chánh.

(鈔)四正勤者，解見前文。以生善滅惡，不懈弛故，

名之為勤。勤所當勤，合於理故，名正勤也。

(演)四正勤者，四念智火，若得勤風，則無所不燒；故次辯之。此四正勤，精進為體，揀非九十五種相違之勤，故名為正。

(Sao: *Tứ Chánh Cần: Xem giải thích trong đoạn văn thuộc phần trước. Do sanh thiện, diệt ác, chẳng lười nhác, buông lung, cho nên gọi là Cần (siêng năng). Siêng năng những chuyện đáng nên siêng năng, do hợp lý, nên gọi là Chánh Cần.*

Diễn: “*Tứ Chánh Cần*”: Lửa Tứ Niệm Trí nếu được gió Cần thổi thì sẽ không gì chẳng đốt sạch. Vì thế, kế tiếp bèn biện định [về Tứ Chánh Cần]. Bốn môn Chánh Cần này lấy Tinh Tấn làm Thể; nhằm phân định chúng khác với chín mươi lăm thứ siêng năng trái nghịch [Bồ Đề đạo], cho nên gọi là Chánh).

(Sao) *Tứ Như Ý giả, diệt danh Tứ Thần Túc. Sở vị Dục Như Ý Túc, Tâm Như Ý Túc, Cần Như Ý Túc, Huệ Như Ý Túc. Lương do Niệm Xứ, Chánh Cần dĩ lai, tinh tấn tăng đa, Định tâm sảo nhược, tu thử tứ chủng Định lực nhiếp tâm, tắc Trí, Định quân đẳng, năng đoạn kết sử, sở nguyện giai toại, danh Như Ý Túc dã. Hợp thử thất loại, tắc vi tam thập thất phẩm.*

(Diễn) *Tứ Như Ý Túc giả, dục cần tâm quán dã. Tự thể tức thị Tam Ma Đề, dục cần tâm quán, giai thị trợ bạn. Dục vị mãnh lợi lạc dục. Cần, vị tinh tấn vô gián. Tâm, tức thị Định, vị chuyên tâm ư cảnh. Quán, tức thị Huệ. Diệt danh Tứ Thần Túc giả, Thần, tức thần thông, Túc, tức thị Định. Du Già vân: “Như hữu túc giả, năng vãng, năng hoàn. Dĩ đẳng dục dũng kiện, năng đắc, năng chứng thế gian thắng pháp, xuất thế gian thù thắng pháp, thuyết danh vi Thần. Bĩ năng đáo thử, cố danh vi Túc”.*

(鈔)四如意者，亦名四神足。所謂欲如意足，心如意足，勤如意足，慧如意足。良由念處正勤以來，精進增多，定心稍弱，修此四種定力攝心，則智定均等，能斷結使，所願皆遂，名如意足也。合此七類，則為三十七品。

(演)四如意足者，欲勤心觀也。自體即是三摩提，欲勤心觀，皆是助伴。欲謂猛利樂欲。勤，謂精進無間。心，即是定，謂專心於境。觀，即是慧。亦名四神足者，

神，即神通。足，即是定。瑜伽云：如有足者，能往能還。以騰躍勇健，能得能證世間勝法，出世間殊勝法，說名為神。彼能到此，故名為足。

(Sao: *Tứ Như Ý* còn gọi là *Tứ Thần Túc*; chính là *Dục Như Ý Túc*, *Tâm Như Ý Túc*, *Cần Như Ý Túc*, *Huệ Như Ý Túc*. Do *Tứ Niệm Xứ* và *Tứ Chánh Cần* mà tinh tấn tăng thêm nhiều, *Định tâm* khá yếu, tu bốn thứ *Định lực* này để nhiếp tâm, ắt *Trí* và *Định* sẽ cân bằng, có thể đoạn kết sử, sở nguyện đều toại, cho nên gọi là *Như Ý Túc*. Hợp bảy loại này sẽ thành ba mươi bảy phẩm.

Diễn: “*Tứ Như Ý Túc*” là [bốn món] *Dục*, *Cần*, *Tâm*, *Quán*. *Từ* thể của chúng chính là *Tam Ma Đề*, còn *Dục*, *Cần*, *Tâm*, *Quán* chính là phụ trợ. *Dục* có nghĩa là vui thích, mong muốn một cách nhanh nhạy. *Cần* là tinh tấn chẳng gián đoạn. *Tâm* chính là *Định*, tức là chuyên tâm nơi cảnh. *Quán* chính là *Huệ*. “Cũng gọi là *Tứ Thần Túc*”: *Thần* tức là thần thông, *Túc* tức là *Định*. *Luận Du Già Sư Địa* nói: “*Như* người có chân có thể đi, có thể trở lại. Do hăm hở, dũng mãnh, mạnh mẽ, có thể đắc, có thể chứng pháp thế gian cao trội và pháp xuất thế gian thù thắng nên gọi là *Thần*. Từ nơi kia mà có thể đến nơi đây nên gọi là *Túc*”).

(Sao) *Bà Sa*, *Trí Luận*, giai dĩ dụ hiển, *Niệm Xứ* như chủng tử, *Chánh Cần* như tài thực, *Thần Túc* như trù nhà, *Ngũ Căn* như sanh căn, *Ngũ Lực* như hành diệp, *Giác Chi* như khai hoa, *Thánh Đạo* như kết quả, cố danh *Đạo Thụ*. Dư nhất thiết pháp giả, như tứ tâm, lục độ, vô lượng pháp môn đẳng.

(Diễn) *Bà Sa Trí Luận*, vị *Bà Sa Luận*, dĩ *Đại Trí Độ Luận*.

(鈔) *婆沙智論*，皆以喻顯，念處如種子，正勤如栽植，神足如抽芽，五根如生根，五力如莖葉，覺支如開華，聖道如結果，故名道樹。餘一切法者，如四心六度，無量法門等。

(演) *婆沙智論*，謂 *婆沙論*，與 *大智度論*。

(Sao: *Luận Tỳ Bà Sa* và *Trí Độ Luận* đều dùng tỷ dụ để giảng rõ: *Niệm Xứ* như hạt giống, *Chánh Cần* như gieo trồng, *Thần Túc* như nảy mầm, *Ngũ Căn* như mọc rễ, *Ngũ Lực* như thân, lá, *Giác Chi* như trở hoa, *Thánh Đạo* như kết quả. Vì thế, gọi là *Đạo Thụ* (cây đạo). “Hết thấy các pháp khác” là như tứ tâm, lục độ, vô lượng pháp môn v.v...

Diễn: “Bà Sa, Trí Luận” tức là Tỳ Bà Sa Luận và Đại Trí Độ Luận)

(Sớ) **Vấn:** “Hà bất tiên tự niệm đẳng, nhi thủ cử căn?” **Đáp:** Dĩ trọng Tín cố, hựu thượng tam khoa chí thủ, thủ hữu Căn, Lực cố.

(Diễn) Hựu thượng tam khoa chí thủ, thủ hữu Căn, Lực giả, Niệm Huệ nhị căn, tức tiên Tứ Niệm Xứ sở thành, dĩ Tứ Niệm Xứ, Niệm Huệ vi Thể cố. Tấn Căn, tức tiên Tứ Chánh Căn sở thành, dĩ Tứ Chánh Căn, Tinh Tấn vi Thể cố. Định Căn, tức tiên Tứ Như Ý sở thành, Như Ý, dĩ Tam Ma vi tự thể cố. Nhược kiêm trợ thể, tức Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ vi Thể, dĩ Tứ Như Ý Túc, dĩ Dục, Căn, Tâm, Quán vi trợ bản cố. Cố, Ngũ Căn, Ngũ Lực phi ly tiền tam khoa biệt hữu thể dã.

(疏)問：何不先敘念等，而首舉根？答：以重信故，又上三科至此，始有根力故。

(演)又上三科至此，始有根力者，念慧二根，即前四念處所成，以四念處，念慧為體故。進根，即前四正勤所成，以四正勤，精進為體故。定根，即前四如意所成，如意，以三摩為自體故。若兼助體，即信進念定慧為體，以四如意足，以欲勤心觀為助伴故。故，五根五力非離前三科別有體也。

(Sớ: Hỏi: “Sao trước hết không thuật bày từ Tứ Niệm Xứ v.v... mà đầu tiên lại nêu ra Ngũ Căn?” **Đáp:** Do coi trọng Tín. Lại nữa, do [đã có] ba khoa trước thì đến đây mới có Căn và Lực.

Diễn: “Lại nữa, do có ba khoa trước nên đến đây mới có Căn và Lực”: Lực là nói tới hai căn Niệm và Huệ, được thành tựu bởi Tứ Niệm Xứ trước đó. Do Tứ Niệm Xứ lấy Niệm và Huệ làm Thể. Tấn Căn được thành tựu bởi Tứ Chánh Căn trong phần trước, vì Tinh Tấn là Thể của Tứ Niệm Xứ. Định Căn được thành tựu bởi Tứ Như Ý trong phần trước, do Như Ý dùng Tam Ma Đề làm tự thể. Nếu kể cả trợ thể thì Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ làm Thể, do Tứ Như Ý Túc dùng Dục, Căn, Tâm, Quán làm trợ bản. Vì thế Ngũ Căn và Ngũ Lực chẳng phải là lìa khỏi ba khoa trước mà có một cái Thể riêng biệt được).

(Sao) Cứ thất loại thứ đệ, văn pháp tiên dương niệm trì, thứ tức cần tu. Căn cố nhiếp tâm điều nhu, nhu cố thành Căn. Căn tăng

thành Lực, nãi Thất Giác phân biệt, Bát Đạo chánh hạnh. Kim trọng Tín giả, thử kinh dĩ Tín vi chủ, nhi Căn Lực nhị câu thủ Tín. Tín trì dư tứ, thị đạo chi nguyên, đức chi mẫu dã. Như ngũ vị chi trung, Tín diệc cư sơ. Thập Tín chi trung, Tín diệc cư sơ. Thập nhất thiện pháp, Tín diệc cư sơ cố.

(Diễn) Nhiếp tâm điều nhu, tức Tứ Như Ý Túc. Đạo chi nguyên, đức chi mẫu giả, đạo thị Phật đạo. Phật đạo vô thượng, nhi Tín vi đạo chi nguyên. Đức vị công đức; Phật đức vô lượng, nhi Tín vi Đức chi mẫu. Ngũ vị, vị: Tín, Trụ, Hạnh, Hướng, Địa. Thập Tín chi trung diệc cư sơ giả, vị Thập Tín vị. Thử tự sơ, Tín Tâm. Nhị, Niệm Tâm. Tam, Tinh Tấn Tâm, nãi chí thập Nguyên Tâm dã. Thập nhất thiện pháp Tín diệc cư sơ giả, Tín, Tàm, Quý, Vô Tham, nãi chí thập nhất Bát Hại dã.

(鈔)據七類次第，聞法先當念持，次即勤修。勤故攝心調柔，柔故成根。根增成力，乃七覺分別，八道正行。今重信者，此經以信為主，而根力二俱首信。信持餘四，是道之元，德之母也。如五位之中，信亦居初。十信之中，信亦居初。十一善法，信亦居初故。

(演)攝心調柔，即四如意足。道之元，德之母者，道是佛道。佛道無上，而信為道之元。德謂功德；佛德無量，而信為德之母。五位，謂：信住行向地。十信之中信亦居初者，謂十信位。始自初、信心。二、念心。三、精進心，乃至十願心也。十一善法信亦居初者，信慚愧無貪，乃至第十一不害也。

(Sao: Xét theo thứ tự của bảy loại, nghe pháp thì trước hết nên niệm trì, kế đến là siêng tu. Do siêng năng, nên nhiếp tâm điều hòa, mềm mỏng. Do mềm mỏng, nên thành Căn. Căn tăng trưởng thành Lực, cho đến Thất Giác phân biệt, Bát Đạo chánh hạnh. Nay vì chú trọng Tín, kinh này lấy Tín làm chủ yếu, mà hai thứ Căn và Lực đều xếp Tín hàng đầu. Tín bao gồm bốn điều còn lại, Tín là nguồn đạo, là mẹ của đức. Như trong Ngũ Vị, Tín cũng đứng đầu. Trong Thập Tín, Tín cũng đứng đầu. Trong mười một thiện pháp, Tín cũng đứng đầu.

Diễn: “Nhiếp tâm điều hòa, mềm mỏng” chính là Như Ý Túc. “Nguồn đạo, mẹ của đức”: Đạo là Phật đạo. Phật đạo vô thượng, mà Tín là nguồn của đạo. Đức là công đức, Phật đức vô lượng, mà Tín là

mẹ của Đức. Ngũ Vị là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hưởng, và Thập Địa. “Trong Thập Tín, Tín cũng đứng đầu”: Ý nói trong các địa vị thuộc Thập Tín, bắt đầu là Tín Tâm, hai là Niệm Tâm, ba là Tinh Tấn Tâm, cho đến mười là Nguyên Tâm. “Mười một thiện pháp, Tín cũng đứng đầu”: Tín, Tàm, Quý, Vô Tham, cho đến điều thứ mười một là Bất Hại).

(Sao) *Thượng tam khoa giả, tụng Niệm Xứ, Chánh Cần, Như Ý, tu vi chí thử, phương đắc Căn Lực kiên cố, năng sử tiền sở đắc pháp vô hữu thoái thất cố. Hựu hậu đương đắc pháp, tất cánh năng đắc, diệt điều hồ Tín, cố thủ cử dã.*

(Diễn) *Tiền sở đắc pháp, tức tiền tam khoa, thử tức tiền văn trì kỳ sở dĩ đắc, nhi tự phần bất thất dã. Hậu đương đắc pháp, tức Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, thử tức tiền văn, sanh kỳ sở vị đắc, nhi thắng tấn thượng cầu dã.*

(鈔) *上三科者，從念處，正勤，如意，修為至此，方得根力堅固，能使前所得法無有退失故。又後當得法，畢竟能得，亦繇乎信，故首舉也。*

(演) *前所得法，即前三科，此即前文持其所已得，而自分不失也。後當得法，即七覺支八正道，此即前文，生其所未得，而勝進上求也。*

(Sao) *Ba khoa trước từ Niệm Xứ, Chánh Cần, Như Ý, tu tập cho đến chỗ này thì mới đạt được Căn và Lực kiên cố, có thể khiến cho những pháp đã đạt được trước đó chẳng bị lui sụt, mất đi. Lại nữa, đối với những pháp sẽ đạt được sau đó, để có thể rốt ráo đạt được thì cũng do cậy vào Tín, cho nên nêu ra Tín đầu tiên.*

Diễn: “Pháp đã đạt được trước đó” chính là ba khoa trước đó, chính là “giữ gìn những gì đã đạt được mà chẳng đánh mất chính mình” như đã nói trong phần trước. “Những pháp sẽ đạt được sau đó” chính là Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo; đây chính là “sanh ra những gì chưa đạt được, lại còn tiến cao hơn, cầu vượt cao hơn” như đã nói trong phần trước).

(Sớ) *Xưng Lý, tác tự tánh biến hóa, thị chúng điều nghĩa. Tự tánh xuất sanh nhất thiết pháp môn, thị Căn Lực Giác Đạo nghĩa.*

(Sao) *Hạ văn ngôn bỉ Phật biến hóa sở tác. Kim vị diệu sắc, nhĩ*

âm, toàn thể thị tự tâm hiển hiện, hà đắc cao thôi thánh cảnh? Hựu tâm địa hàm chư chủng, tắc Ngũ Căn đẳng, toàn thể thị tự tâm bồi thực, hà đắc hướng ngoại trì cầu?

(Diễn) Diệu sắc, nhĩ âm, toàn thể thị tự tâm hiển hiện giả, dĩ tự tâm tức Di Đà, Di Đà tức tự tâm. Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt. Phật biến hóa, tức tâm biến hóa dã. Hựu tự tâm, sắc tâm bất nhị, Cực Lạc y chánh trang nghiêm, bất ly đương nhân nhất niệm cố. Tâm địa hàm chư chủng giả, Lục Tổ truyền pháp kệ vân: “Tâm địa hàm chư chủng, phổ vũ tất giai bị, đốn ngộ hoa tình dĩ, Bồ Đề quả tự thành”. Toàn thể thị tự tâm bồi thực giả, tâm địa vô nghi, tức thị Tín. Tâm địa vô giải, tức thị Tấn, nãi chí tâm địa vô si tức thị Huệ đẳng.

(疏)稱理，則自性變化，是眾鳥義。自性出生一切法門，是根力覺道義。

(鈔)下文言彼佛變化所作。今謂妙色雅音，全體是自心顯現，何得高推聖境？又心地含諸種，則五根等，全體是自心培植，何得向外馳求？

(演)妙色雅音，全體是自心顯現者，以自心即彌陀，彌陀即自心。心佛眾生，三無差別。佛變化，即心變化也。又自心，色心不二，極樂依正莊嚴，不離當人一念故。心地含諸種者，六祖傳法偈云：心地含諸種，普雨悉皆萌，頓悟花情已，菩提果自成。全體是自心培植者，心地無疑，即是信。心地無懈，即是進，乃至心地無痴即是慧等。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh biến hóa là ý nghĩa của các loài chim. Tự tánh xuất sanh hết thấy các pháp môn là ý nghĩa của Căn, Lực, Giác, Đạo.

Sao: Trong phần kinh văn sau đó có nói [các loài chim] do đức Phật ấy biến hóa tạo ra. Nay nói màu sắc đẹp để tuyệt diệu, âm thanh tao nhã, toàn thể do tự tâm hiển hiện, sao lại đề cao thánh cảnh? Lại nữa, tâm địa chứa đựng các hạt giống, thì những pháp như Ngũ Căn hoàn toàn do tự tâm vun bồi, sao lại rong ruổi tìm cầu bên ngoài?

Diễn: “Màu sắc đẹp để tuyệt diệu, âm thanh tao nhã, toàn thể do tự tâm hiển hiện”: Do tự tâm chính là Di Đà, Di Đà chính là tự tâm. Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba chẳng sai biệt. Phật biến hóa, tức là tâm

biến hóa. Hơn nữa, tự tâm và sắc tâm bất nhị, y báo và chánh báo trang nghiêm của Cực Lạc chẳng là khỏi một niệm của đương nhân! “Tâm địa chứa đựng các hạt giống”: Bài kệ truyền pháp của Lục Tổ như sau: “Tâm địa chứa các hạt, mưa khắp đều nảy mầm, hoa tình đã đốn ngộ, tự kết quả Bồ Đề”. Toàn thể do tự tâm vun bồi, tâm địa chẳng nghi chính là Tín; tâm địa chẳng biếng nhác chính là Tấn, cho đến tâm địa chẳng si chính là Huệ v.v...)

(Sao) Cổ tiên đức vị Tín tâm kiên cố, trạch nhược hư không, tức Ngũ Căn Lục. Giác tâm bất khởi, tức Thất Giác Chi. Trục liễu tâm tánh, tà chánh bất can, tức Bát Chánh Đạo. Cổ vân: “Hải sanh vạn vật, vô vật bất hải; tâm sanh vạn pháp, vô pháp bất tâm”.

(Diễn) Tiên đức hạ, dẫn chứng, vị Căn giả, phi chi diệt dã. Lục giả, hữu lực dụng dã. Nhược ly tâm biệt cầu, thị trích diệt tâm chi, phi căn bản dã, thị bàng tha môn hộ, phi kỷ lực dã. Cổ tất tiêu quy tự tâm, dĩ tâm vạn cổ như như, trạch trạch quảng đại. Ngũ Căn, Ngũ Lục, thực quá ư thị. Giác tâm bất khởi, tức Thất Giác Chi giả, vị giác giả, giác liễu chư pháp dã. Nhược khởi tâm giác cảnh, thị hướng ngoại trì cầu, thị mê muội, phi giác liễu dã. Cổ tất giác tâm bất khởi, nhất niệm bất sanh, nãi chân Giác Chi, trục liễu tâm tánh tức Bát Chánh Đạo giả, vị nhược chánh ngoại hữu tà, chánh diệt thành tà. Cổ vân: “Nhược pháp từng đãi sanh, thị pháp hoàn thành đãi”, tất tu tà chánh song vong, phương danh “chánh đạo”.

(鈔)故先德謂信心堅固，湛若虛空，即五根力。覺心不起，即七覺支。直了心性，邪正不干，即八正道。故云：海生萬物，無物不海；心生萬法，無法不心。

(演)先德下，引證，謂根者，非枝葉也。力者，有力用也。若離心別求，是摘葉尋枝，非根本也，是傍他門戶，非己力也。故必消歸自心，以心萬古如如，澄湛廣大。五根五力，孰過於是。覺心不起，即七覺支者，謂覺者，覺了諸法也。若起心覺境，是向外馳求，是迷昧，非覺了也。故必覺心不起，一念不生，乃真覺支，直了心性即八正道者，謂若正外有邪，正亦成邪。故云：若法從待生，是法還成待，必須邪正雙忘，方名正道。

(Sao: Vì thế, tiên đức nói: “Tín tâm kiên cố, tĩnh lặng như hư không, chính là Ngũ Căn, Ngũ Lực. Giác tâm chẳng khởi, tức Thất Giác Chi. Trực tiếp liễu giải tâm tánh, chẳng liên can đến tà hay chánh, chính là Bát Chánh Đạo”. Vì thế nói: “Biến sanh ra muôn vật, không vật nào chẳng thuộc về biến. Tâm sanh vạn pháp, chẳng pháp nào không phải là tâm”).

Diễn: Từ “tiên đức” trở đi là phân dẫn chứng. Gọi là Căn, tức là chẳng phải cành lá. Lực là có sức mạnh, tác dụng. Nếu lìa tâm để cầu riêng thì là vật lá để tìm cành, chẳng phải là căn bản, là ở cạnh môn hộ của kẻ khác, chẳng phải là sức của chính mình. Vì thế, ắt phải tiêu dung, quy vào tự tâm, bởi tâm muôn đời là như như, lắng trong, rộng lớn. Ngũ Căn, Ngũ Lực, không gì vượt khỏi điều này. Giác tâm chẳng dậy lên chính là Thất Giác Chi, vì nói đến giác thì giác là nhận biết rành rẽ các pháp. Nếu dậy tâm nhận biết cảnh, tức là hướng ra ngoài để rong ruổi tìm cầu, là mê muội, chẳng phải là nhận biết rõ ràng. Vì thế, ắt phải là giác tâm chẳng khởi, một niệm chẳng sanh thì là Giác Chi chân thật. “Trực tiếp liễu giải tâm tánh chính là Bát Chánh Đạo”, tức là nếu ngoài chánh mà có tà thì chánh cũng thành tà. Vì thế nói: “Nếu pháp sanh từ đối đãi thì pháp ấy vẫn thành đối đãi”. Ất cần phải là tà lẫn chánh cùng mất thì mới gọi là chánh đạo).

Nhị, hoạch ích.

(Kinh) Kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

(Diễn) Giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, Sớ Sao dẫn phát minh Phật, Pháp, Tăng, bất phát minh như hà niệm. Kim tự Sao trung ước ngũ giáo thuyết Tam Bảo, tắc kim niệm pháp, diệt đương hữu ngũ giáo bất đồng. Như Tiểu Giáo, tức thị Hữu môn. Kỳ niệm Tam Bảo, thật hữu năng niệm, sở niệm dã. Thi, tức Không môn, năng niệm, sở niệm, nhất thiết giai không dã. Chung, tức diệt Hữu diệt Vô môn, niệm nhi bất niệm, bất niệm nhi niệm dã. Đốn, tức phi Không phi Hữu môn, năng sở song tịch, vô niệm bất niệm, ly niệm đốn hiển dã. Viên, tức viên dung vô ngại môn, nhất niệm, nhất thiết niệm, nhất thiết niệm, nhất niệm, nhất thời đốn niệm, phi ẩn hiển, nhất thiết viên thành, vô thắng liệt dã. Tắc tri niệm pháp, thâm thiên bất đồng, tùy cơ vô định! Nhiên ước nhi ngôn chi, bất xuất Sự Lý nhị chủng. Sự, tức niệm Biệt Tướng Tam Bảo. Niệm Phật, tắc thường niệm thân cận, cầu Nhất Thiết Trí. Niệm Pháp, tắc thường niệm tu

hành chư Ba La Mật. Niệm Tăng, tức thường niệm thân cận học, như thật hành dã. Lý, tức niệm Đồng Tướng Tam Bảo, giác tâm bất khởi, thường trụ Đệ Nhất Nghĩa Đế, bất vị nhị biên sở động. Thị vi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tức Thiên Thai đại sư sở vị: “An tâm bất động, xưng chí vi niệm dã”.

二、獲益。

(經)其土眾生，聞是音已，皆悉念佛念法念僧。

(演)皆悉念佛念法念僧，疏鈔但發明佛法僧，不發明如何念。今就鈔中約五教說三寶，則今念法，亦當有五教不同。如小教，即是有門。其念三寶，實有能念，所念也。始，即空門，能念所念，一切皆空也。終，即亦有亦無門，念而不念，不念而念也。頓，即非空非有門，能所雙寂，無念不念，離念頓顯也。圓，即圓融無礙門，一念一切念，一切念一念，一時頓念非隱顯，一切圓成，無勝劣也。則知念法，深淺不同，隨機無定！然約而言之，不出事理二種。事，即念別相三寶。念佛，則常念親近。求一切智。念法，則常念修行諸波羅蜜。念僧，則常念親近學，如實行也。理，即念同相三寶，覺心不起，常住第一義諦，不為二邊所動。是為念佛念法念僧，即天台大師所謂：安心不動，稱之為念也。

(Hai, đạt được lợi ích.

Kinh: Chúng sanh cõi ấy, nghe âm thanh ấy rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Diễn: “Thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng”: Sớ Sao chỉ giảng rõ Phật, Pháp, Tăng, chẳng giảng rõ niệm như thế nào? Nay dựa theo phần Sao đã căn cứ trên ngũ giáo để nói về Tam Bảo, vậy thì cách niệm cũng phải nên thuận theo năm giáo mà khác nhau. Như Tiểu Giáo tức là Hữu môn. Họ niệm Tam Bảo sẽ thật sự có người niệm và Tam Bảo được niệm. Thử Giáo là Không môn, người niệm và Tam Bảo được niệm, hết thấy đều là không. Chung Giáo là môn cũng Có cũng Không, niệm mà chẳng niệm, chẳng niệm mà niệm. Đốn Giáo tức là môn chẳng phải Có chẳng phải Không, chủ thể niệm và đối tượng được niệm đều vắng bật, chẳng phải là niệm hay không niệm, nhanh chóng hiển lộ ly niệm.

Viên Giáo tức là viên dung vô ngại môn, một niệm là hết thấy niệm, hết thấy niệm là một niệm, nhất thời đốn niệm, chẳng phải là ẩn hay hiển, hết thấy đều viên thành, chẳng có thù thắng hay kém cỏi! Do vậy biết cách niệm có cạn hoặc sâu khác nhau, tùy thuộc vào căn cơ, không nhất định!

Nói tóm lại, chẳng ra ngoài hai thứ là Sự và Lý. Sự tức là niệm Biệt Tướng Tam Bảo. Niệm Phật bèn thường nghĩ thân cận, cầu Nhất Thiết Trí. Niệm Pháp bèn thường nghĩ tu hành các Ba La Mật. Niệm Tăng bèn thường nghĩ thân cận học theo, đúng như thật mà hành. Lý là niệm Đồng Tướng Tam Bảo, giác tâm chẳng dấy lên, trụ nơi Đệ Nhất Nghĩa Đế, chẳng bị hai bên (Có và Không) lay động. Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tức là như Thiên Thai đại sư đã bảo: “An tâm bất động thì gọi là niệm”).

(Sớ) Văn âm vô ích, tắc đồng thể âm, chỉ thủ ngu lạc. Kim niệm Tam Bảo, chánh minh ích đã. Tam Bảo giả, lược hữu tam tướng: Nhất, Trụ Trì Tướng. Nhị, Biệt Tướng. Tam, Đồng Tướng. Khả tôn quý cố, danh chi viết Bảo.

(Sao) Trụ Trì Tướng giả, điều, chủ, tổ, họa, danh vi Phật Bảo. Hoàng quyền xích trục, danh vi Pháp Bảo. Tỳ-kheo ngũ chúng, hòa hợp vô tranh, danh vi Tăng Bảo, tức thể gian Tam Bảo đã.

(Diễn) Tỳ-kheo ngũ chúng giả, Luật trung ngũ nhân dĩ thượng, đồng nhất Yết Ma, hòa hợp vô tranh, như thủy nhũ hợp, danh Hòa Hợp Chúng.

(疏)聞音無益，則同世音，祇取娛樂。今念三寶，正明益也。三寶者，略有三相：一、住持相。二、別相。三、同相。可尊貴故，名之曰寶。

(鈔)住持相者，雕鑄塑畫，名為佛寶。黃卷赤軸，名為法寶。比丘五眾，和合無爭，名為僧寶，即世間三寶也。

(演)比丘五眾者，律中五人以上，同一羯磨，和合無爭，如水乳合，名和合眾。

(Sớ: Nghe tiếng mà chẳng có lợi ích gì thì giống như âm thanh trong thế gian, chỉ nhằm thỏa thích. Nay [nói nghe chim hót bèn] niệm Tam Bảo là nói rõ lợi ích [do nghe tiếng chim hót]. Tam Bảo nói đại

lược thì có ba tướng: Một là Trụ Trì Tướng. Hai là Biệt Tướng. Ba là Đồng Tướng. Do đáng tôn quý, nên gọi là Bảo.

Sao: Trụ Trì Tướng: [Hình tượng Phật] điêu khắc, đúc, đắp, vẽ, gọi là Phật Bảo. Quyển vàng trục đồ là Pháp Bảo. Năm chúng tỳ-kheo hòa hợp, chẳng tranh chấp là Tăng Bảo, tức là thể gian Tam Bảo.

Diễn: “Tỳ-kheo ngũ chúng”: Theo Luật, từ năm người trở lên cùng nhau Yết Ma, hòa hợp không tranh cãi, như nước hòa với sữa, thì gọi là Hòa Hợp Chúng).

(Sao) Biệt Tướng giả, lược hữu tam nghĩa: Nhất giả, Tam Bảo tự biệt. Nhị giả, Tam Bảo Đại Tiểu Thừa biệt. Tam giả, Tam Bảo danh tướng các biệt. Quát kỳ đại ý, tắc thường thân tôn đặc, thị hiện bất đồng, danh vi Phật Bảo. Giáo, hành, lý, quả, vi môn bất đồng, danh vi Pháp Bảo. Tam Hiền, Thập Thánh, Tứ Quả, Tứ Hướng, Duyên Giác, Độc Giác, giai vị bất đồng, danh vi Tăng Bảo, tức xuất thể gian Tam Bảo dã.

(Diễn) Tam Bảo Đại Tiểu Thừa biệt giả, Tiểu Thừa, tắc trọng lục ứng thân, tứ A Hàm Kinh, Tứ Quả, Tứ Hướng, vi Tam Bảo. Đại Thừa, tắc viên mãn Báo Thân, Đại Thừa Phương Đẳng, Tam Hiền, Thập Thánh, vi Tam Bảo. Tam Bảo danh tướng các biệt giả, Phật hữu tam thân, tứ giáo, Lục Tức, thập nghĩa đẳng. Pháp hữu Giáo, Hạnh, Lý, Quả đẳng, Tăng hữu phạm phu, hiền thánh đẳng.

(鈔)別相者，略有三義：一者，三寶自別。二者，三寶大小乘別。三者，三寶名相各別。括其大意，則常身尊特，示現不同，名為佛寶。教行理果，為門不同，名為法寶。三賢，十聖，四果，四向，緣覺，獨覺，階位不同，名為僧寶，即出世間三寶也。

(演)三寶大小乘別者，小乘，則丈六應身，四阿含經，四果，四向，為三寶。大乘，則圓滿報身，大乘方等，三賢，十聖，為三寶。三寶名相各別者，佛有三身四教六即十義等。法有教行理果等，僧有凡夫賢聖等。

(Sao: Biệt Tướng: Nói đại lược thì có ba nghĩa: Một là Tam Bảo tự khác biệt. Hai là Tam Bảo Đại Thừa và Tiểu Thừa khác biệt. Ba là Tam Bảo danh và tướng của mỗi ngôi mỗi khác biệt.

Nói tổng quát, thân thường hằng, tôn quý đặc biệt, thị hiện khác

nhau, bèn gọi là Phật Bảo. Giáo, hành, lý, quả, các môn khác nhau, bèn gọi là Pháp Bảo. Tam Hiền, Thập Thánh, Tứ Quả, Tứ Hướng, Duyên Giác, Độc Giác, địa vị khác nhau, bèn gọi là Tăng Bảo. Đó chính là xuất thế gian Tam Bảo.

Diễn: “Tam Bảo thì Đại Thừa và Tiểu Thừa khác biệt”: Tiểu Thừa thì Ứng Thân cao một trượng sáu, bốn bộ kinh A Hàm, Tứ Quả, Tứ Hướng, là Tam Bảo. Đại Thừa thì viên mãn Báo Thân, Đại Thừa, Phương Đẳng, Tam Hiền, Thập Thánh là Tam Bảo. “Danh và tướng của Tam Bảo mỗi ngôi mỗi khác”: Phật có ba thân, bốn giáo, sáu tức, mười nghĩa v.v... Pháp có Giáo, Hạnh, Lý, Quả v.v... Tăng có phàm phu và hiền thánh v.v...)

(Sao) Đồng Tướng giả, nhược ước ngũ giáo, tắc nhất giả, lập sự tựu nghĩa môn.

(Diễn) Nhất, lập sự tựu nghĩa môn giả, tam thập nhị tướng, trượng lục kim thân, sự tướng Phật dã. Lập thử sự tướng, dĩ tựu giác nghĩa. Dĩ Thích Ca khổ hạnh thành đạo, thuyết pháp độ nhân, tự giác, giác tha, cố danh Phật Bảo. Tứ A Hàm đẳng, bất đàm Thật Tướng, duy thuyết Khổ, Không, thử sự tướng pháp dã. Lập thử sự tướng, dĩ tựu quý trì nghĩa. Dĩ Tứ Đế chi pháp, diệt năng quý sanh vật giải, nhậm trì tự tánh, cố danh Pháp Bảo. Thế phát, nhiệm y, Lục Hòa vô tránh, thử sự tướng Tăng dã. Lập thử sự tướng, dĩ tựu hòa hợp nghĩa. Dĩ tuy bất đạt Thật Tướng, dữ Lý hòa hợp, nhi tại chúng vô tranh, hồ tương ái kính, Lục Hòa vi liễu, như thủy nhũ hợp, cố danh Tăng Bảo. Nãi Tiểu Giáo chi Tam Bảo dã.

(鈔)同相者，若約五教，則一者，立事就義門。

(演)一，立事就義門者，三十二相，丈六金身，事相佛也。立此事相，以就覺義。以釋迦苦行成道，說法度人，自覺覺他，故名佛寶。四阿含等，不談實相，唯說苦空，此事相法也。立此事相，以就軌持義。以四諦之法，亦能軌生物解，任持自性，故名法寶。剃髮染衣，六和無諍，此事相僧也。立此事相，以就和合義。以雖不達實相，與理和合，而在眾無爭，互相愛敬，六和為侶，如水乳合，故名僧寶。乃小教之三寶也。

(Sao: Đồng Tướng: Nếu ước theo ngũ giáo, thì môn thứ nhất là

thiết lập sự tướng để dẫn khởi ý nghĩa.

Diễn: “Một là lập sự tướng để dẫn khởi ý nghĩa”: Ba mươi hai tướng, thân vàng trượng sáu, đó là Phật theo phương diện sự tướng. Lập ra những tướng ấy, để dẫn khởi ý nghĩa Giác. Vì đức Phật Thích Ca khổ hạnh thành đạo, thuyết pháp độ người, tự giác, giác tha, cho nên gọi là Phật Bảo. Từ A Hàm v.v... chẳng giảng về Thật Tướng, chỉ nói Khổ, Không, đó là Pháp thuộc về sự tướng. Lập ra sự tướng này, nhằm dẫn khởi ý nghĩa “quỹ trì” (pháp tắc, đường lối để noi theo, vâng giữ). Bởi lẽ, pháp Từ Đế thì cũng có thể dùng làm nguyên tắc hướng dẫn khiến cho chúng sanh lý giải, tự nhiên gìn giữ tự tánh, nên gọi là Pháp Bảo. Xuống tóc, áo nhuộm, Lục Hòa chẳng tranh cãi, đó là Tăng về mặt sự tướng. Lập ra sự tướng này để dẫn khởi ý nghĩa Hòa Hợp, vì tuy chẳng thấu đạt Thật Tướng, hòa hợp cùng Lý, nhưng chẳng tranh chấp với đại chúng, kính yêu lẫn nhau, làm bè bạn Lục Hòa, như nước hòa lẫn với sữa, nên gọi là Tăng Bảo. Đó chính là Tam Bảo của Tiểu Giáo).

(Sao) Nhị giả, hội Sự quy Lý môn.

(Diễn) Nhị, hội Sự quy Lý môn giả, phi tam thập nhị tướng chi Phật vi Phật. Bát Nhã kinh vân: “Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”. **Hựu viết:** “Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”. **Hựu viết:** “Như Lai giả, tức chư pháp Như nghĩa”. **Cổ dĩ như Lý vi Phật Bảo. Pháp giả, phi dĩ văn tự vi Pháp. Kinh vân:** “Hữu pháp khả thuyết, danh vi báng pháp. Vô pháp khả thuyết, thị vi thuyết pháp”. **Sở vị:** “Vô thuyết, vô văn, thị danh chân thuyết Bát Nhã”. **Thử dĩ như Lý danh Pháp Bảo. Tăng giả, phi dĩ thế phát vi Tăng. Kinh vân:** “Tu Đà Hoàn, danh vi Nhập Lưu, nhi vô sở nhập, nãi chí A La Hán, thật vô hữu pháp, danh A La Hán”. **Diệc dĩ như Lý vi Tăng Bảo. Thử Giáo chi Tam Bảo dã.**

(鈔)二者，會事歸理門。

(演)二，會事歸理門者，非三十二相之佛為佛。般若經云：若以色見我，以音聲求我，是人行邪道，不能見如來。又曰：若見諸相非相，即見如來。又曰：如來者，即諸法如義。故以如理為佛寶。法者，非以文字為法。經云：有法可說，名為謗法。無法可說，是為說法。所謂：無說無聞，是名真說般若。此以如理名法寶。僧者，非以

剃髮為僧。經云：須陀洹，名為入流，而無所入。乃至阿羅漢，實無有法，名阿羅漢。亦以如理為僧寶。始教之三寶也。

(Sao: Hai là môn hội quy Sự về Lý.

Diễn: “Hai là hội quy Sự về Lý”: Chẳng phải vị Phật có ba mươi hai tướng là Phật. Kinh Bát Nhã nói: “Nếu dùng Sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người ấy hành tà đạo, chẳng thể thấy Như Lai”. Lại nói: “Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức là thấy Như Lai”. Lại nói: “Như Lai là nghĩa Như của các pháp”. Vì thế, lấy Như Lý làm Phật Bảo. Pháp: Chẳng coi văn tự là Pháp. Kinh dạy: “Có pháp để có thể nói, thì gọi là báng pháp. Không có pháp nào để có thể nói, bèn là thuyết pháp”. Đó gọi là “không nói, không nghe, bèn gọi là thật sự nói Bát Nhã”. Đây là coi Như Lý là Pháp Bảo. Tăng: Chẳng phải coi người cạo tóc bèn là Tăng. Kinh nói: “Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu, nhưng không có gì để nhập. Cho đến A La Hán, thật sự chẳng có pháp, cho nên gọi là A La Hán”. Cũng lấy Như Lý làm Tăng Bảo. Đó là Tam Bảo của Thỉ Giáo).

(Sao) Tam giả, Lý Sự dung hiển môn.

(Diễn) Tam, Lý Sự dung hiển môn giả, tuy vân: “Sắc tướng bất thị Phật, âm thanh diệt phục nhiên”. **Hựu vân:** “Diệt bất ly sắc thanh, kiến Phật thân thông lực”. **Sở vị:** Ư pháp, bất thuyết đoạn diệt tướng, danh viết Phật Bảo. **Tuy viết:** “Văn tự tánh Không, danh tự diệt ly”, hựu bất ly văn tự, thuyết giải thoát tướng. **Dĩ văn tự tánh Không, tức Thật Tướng cố, danh vi Pháp Bảo. Tuy vân:** “Dự Lưu phi Dự Lưu, La Hán phi La Hán”, hựu bất hoại Tăng tướng. “Thiện lai tỳ-kheo”, tu phát tự lạc, tức thành sa-môn, danh vi Tăng Bảo. **Sự bất ngại Lý, Lý bất ngại Sự, Sự Lý vô ngại, nãi Chung Giáo chi Tam Bảo dã.**

(鈔)三者，理事融顯門。

(演)三，理事融顯門者，雖云：色相不是佛，音聲亦復然。又云：亦不離色聲，見佛神通力。所謂：於法，不說斷滅相，名曰佛寶。雖曰：文字性空，名字亦離，又不離文字，說解脫相。以文字性空，即實相故，名為法寶。雖云：預流非預流，羅漢非羅漢，又不壞僧相。善來比丘，鬚髮自落，即成沙門，名為僧寶。事不礙理，理不礙事，事理無礙，乃終教之三寶也。

(Sao: Ba là môn Lý và Sự hiển lộ viên dung.

Diễn: “Ba là môn Lý và Sự hiển lộ viên dung”: Tuy nói “sắc tướng chẳng phải là Phật, âm thanh cũng giống như thế”, lại nói: “Cũng chẳng là sắc, thanh, mà thấy sức thần thông của Phật”. Đó gọi là đối với pháp, chẳng nói đến tướng đoạn diệt, nên gọi là Phật Bảo. Tuy nói “tánh của văn tự là Không, cũng là danh tự”, lại chẳng là văn tự, nói tướng giải thoát. Do tánh của văn tự là Không, tức là Thật Tướng, nên gọi là Pháp Bảo. Tuy nói “Dự Lưu chẳng phải là Dự Lưu, La Hán chẳng phải là La Hán”, lại chẳng hoại Tăng tướng. “Khéo đến tỳ-kheo”, râu tóc tự rụng, liền thành sa-môn thì gọi là Tăng Bảo. Sự chẳng ngại Lý, Lý chẳng ngại Sự, Lý Sự vô ngại, đó chính là Tam Bảo trong Chung Giáo).

(Sao) Tứ giả, tuyệt tướng Lý thật môn.

(Diễn) Tứ, tuyệt tướng Lý thật môn giả, nhất niệm bất sanh, tức danh Phật Bảo. Ngũ pháp tam tự tánh giai không, bát thức nhị vô ngã câu khiển. Sớ vị: “Vô hữu Niết Bàn Phật, vô hữu Phật Niết Bàn”. Nhược hữu, nhược vô, nhị tất giai ly, nãi Đốn Giáo chi Tam Bảo dã.

(鈔)四者，絕相理實門。

(演)四，絕相理實門者，一念不生，即名佛寶。五法三自性皆空，八識二無我俱遣。所謂：無有涅槃佛，無有佛涅槃。若有若無，二悉皆離，乃頓教之三寶也。

(Sao: Bốn là môn tuyệt tướng Lý thật.

Diễn: “Bốn là môn tuyệt tướng Lý thật”: Một niệm chẳng sanh bèn gọi là Phật Bảo. Năm pháp và ba tự tánh đều là Không, tám thức và hai vô ngã đều mất, đó gọi là “chẳng có Phật nơi Niết Bàn, mà cũng chẳng có Niết Bàn [được chứng đắc] bởi Phật”. Dù có hay không, thấy đều là cả hai điều ấy, đó chính là Tam Bảo trong Đốn Giáo).

(Sao) Ngũ giả, dung thông bất ngại môn.

(Diễn) Ngũ, dung thông bất ngại môn giả, dĩ tiền tứ chủng, tiền thiên hậu thân, tiền bất nhiếp hậu, hậu bất nhiếp tiền. Kim tắc cử tiền kiêm hậu, cử hậu kiêm tiền. Niêm nhất hành thảo, tức trọng lục kim thân. Phẫu nhất vi trần, xuất đại thiên kinh quyển. Phổ Hiền thân tướng nhược hư không. Y chân nhị trụ phi quốc độ, nhất tức thị đa, đa tức thị nhất, đầu đầu thiệp nhập, sát sát viên thông, nãi Viên Giáo chi Tam Bảo dã.

(鈔)五者，融通不礙門。

(演)五，融通不礙門者，以前四種，前淺後深，前不攝後，後不攝前。今則舉前兼後，舉後兼前。拈一莖草，即丈六金身。剖一微塵，出大千經卷。普賢身相若虛空。依真而住非國土，一即是多，多即是一，頭頭涉入，剎剎圓通，乃圓教之三寶也。

(Sao: Năm là môn dung thông vô ngại.

Diễn: “Năm là môn dung thông vô ngại”: Do trong bốn loại trước, loại trước cạn, loại sau sâu, nhưng loại trước chẳng nhiếp loại sau, loại sau chẳng nhiếp loại trước; nay nêu lên địa vị trước bèn kiêm địa vị sau, nêu lên địa vị sau sẽ kiêm địa vị trước. Nhón lấy một nhánh cỏ thì chính là thân vàng trọng sáu. Chẻ một vi trần để lấy ra kinh quyển to bằng đại thiên thế giới. Thân tướng của Phổ Hiền dường như hư không. Nương vào Chân mà trụ nơi “chẳng phải là cõi nước”. Một chính là nhiều, nhiều chính là một, pháp nào cũng tiến nhập, cõi nước nào cũng viên thông; đây chính là Tam Bảo trong Viên Giáo vậy).

(Sao) Tuy tiền thiện hậu thâm, nhi đồng quy nhất nguyên. Quát kỳ đại ý, tặc tánh thể linh giác, chiếu liễu chư pháp, danh vi Phật Bảo. Hàng sa Tánh Đức, giai khả quý trì, danh vi Pháp Bảo. Tánh Tướng bất nhị, minh hợp vô vi, danh vi Tăng Bảo. Tức xuất thế gian tối thượng Tam Bảo đã.

(Diễn) Tánh thể linh giác, chiếu liễu chư pháp giả, Phật giả, giác đã. Chân tánh chỉ Thể linh linh bất muội, liễu liễu thường tri, phổ chiếu chư pháp, nhi vô Năng, Sở, tự tánh Phật đã. Nhân phiên bỉ Hàng sa phiên nã, hiển thử Hàng sa Tánh Đức, nhất nhất giai quý sanh vật giải, nhậm trì tự tánh, tự tánh Pháp đã. Tánh tướng bất nhị, minh hợp vô vi giả, linh giác chỉ Thể tức Hàng sa Tánh Đức, Hàng sa Tánh Đức tức linh giác chỉ Thể, nhị nhi bất nhị, tự tánh Tăng đã.

(鈔)雖前淺後深，而同歸一原。括其大意，則性體靈覺，照了諸法，名為佛寶。恆沙性德，皆可軌持，名為法寶。性相不二，冥合無違，名為僧寶。即出世間最上三寶也。

(演)性體靈覺，照了諸法者，佛者，覺也。真性之體

靈靈不昧，了了常知，普照諸法，而無能所，自性佛也。因翻彼恆沙煩惱，顯此恆沙性德，一一皆軌生物解，任持自性，自性法也。性相不二，冥合無違者，靈覺之體即恆沙性德，恆沙性德即靈覺之體，二而不二，自性僧也。

(Sao: Tuy là trước cạn, sau sâu, nhưng cùng quy về một nguồn. Nói đại lược bao quát thì tánh thể linh giác chiếu rõ các pháp, được gọi là Phật Bảo. Hằng sa Tánh Đức, đều có thể giữ đúng nguyên lý, gọi là Pháp Bảo. Tánh Tướng bất nhị, ngầm hợp vô vi, gọi là Tăng Bảo. Đó chính là xuất thế gian tối thượng Tam Bảo.

Diễn: “Tánh thể linh giác, chiếu rõ các pháp”: Phật là giác. Thể của chân tánh linh thông, chẳng mê muội, thường biết rõ ràng rành, chiếu khắp các pháp, nhưng chẳng có Năng và Sở. Đó là Tự Tánh Phật. Do lật đổ Hằng sa phiền não ấy, bèn hiển lộ Hằng sa Tánh Đức này, mỗi mỗi đều khiến cho các chúng sanh có thể thấu hiểu các nguyên lý, tùy ý giữ gìn tự tánh, đó là Tự Tánh Pháp. “Tánh Tướng bất nhị, ngầm hợp vô vi”: Thể của linh giác chính là Hằng sa Tánh Đức, Hằng sa Tánh Đức tức là Thể của linh giác, hai mà chẳng hai, chính là Tự Tánh Tăng vậy).

(Sao) Tôn quý giả, Phật Lương Túc Tôn, Pháp Ly Dục Tôn, Tăng Chúng Trung Tôn. Y chỉ tu hành, tắc xuất tam giới, thế gian trần trọng, vô dử vi ngũ, cố danh vi Bảo. Thông Thư diệc vân: “Chỉ tôn giả đạo, chí quý giả đức”. Huống Tam Bảo đạo đức chi cực, khởi bất xung Bảo?

(Diễn) Pháp xưng Ly Dục Tôn giả, dĩ nhất thiết pháp môn năng linh chúng sanh ly chư Hoặc nhiễm cố. Hựu dĩ tòng lai bất dử nhiễm pháp tương ứng, bất dử chư trần tác đối cố.

(鈔)尊貴者，佛兩足尊，法離欲尊，僧眾中尊。依之修行，則出三界，世間珍重，無與為伍，故名為寶。通書亦云：至尊者道，至貴者德。況三寶道德之極，豈不稱寶？

(演)法稱離欲尊者，以一切法門能令眾生離諸惑染故。又以從來不與染法相應，不與諸塵作對故。

(Sao: “Tôn quý”: Phật là bậc Lương Túc Tôn, Pháp là Ly Dục Tôn, Tăng là Chúng Trung Tôn, nương theo đó tu hành, ắt ra khỏi tam

giới. Thế gian trân trọng, không có gì sánh bằng, cho nên gọi là Bảo. Sách Thông Thư cũng nói: “Chỉ tôn là đạo, quý báu tốt bậc là đức”. Huống hồ Tam Bảo đạo đức tốt bậc, há chẳng đáng gọi là Bảo ư?

Diễn: “Pháp được gọi là Ly Dục Tôn”: Do hết thấy các pháp môn có thể khiến cho chúng sanh lìa các Hoặc nhiễm. Lại do từ trước đến nay, nó chẳng tương ứng với các nhiễm pháp, nó chẳng đối ứng với các trần).

(Sớ) Văn niệm Tam Bảo, tự hữu tứ nghĩa: Nhất giả, điều âm chi trung, tán Tam Bảo cố. Nhị giả, thuyết pháp hữu phương, thiện nhập nhân cố. Tam giả, trú dạ vô gián, thực Nhĩ Căn cố. Tứ giả, điều thượng giải thuyết, kích thắng tâm cố.

(Sao) Tán Tam Bảo giả, tuy thượng Căn, Lực, Giác, Đạo, chủng chủng chư pháp, vi phẩm bất đồng, ước nhị ngôn chi, giai Tam Bảo nhiếp. Diễn sớng thử pháp thời, hoặc minh hàm linh bốn cụ giác tánh, chúng sanh văn giả, đắc tự bốn tâm, nãi tri hữu Phật. Hoặc minh Tín cụ chủng chủng chư tướng, chúng sanh văn giả, giải nhập thâm nghĩa, nãi tri hữu Pháp. Hoặc minh Tánh Tướng hòa hợp bất nhị, chúng sanh văn giả, Sự Lý vô ngại, nãi tri hữu Tăng.

(Diễn) Ước nhị ngôn chi, giai Tam Bảo nhiếp giả, thử tam thập thất trợ đạo phẩm, thông Đại Tiểu Thừa, tức thị Pháp Bảo. Thử trợ đạo pháp, dĩ Chánh Quán vi Thể. Chánh Quán phân minh, tức thị Phật Bảo. Thử trợ đạo phẩm, dĩ tánh tướng vi Dụng. Tánh tướng bất nhị, tức thị Tăng Bảo. Cố vân giai Tam Bảo nhiếp. Hựu điều âm chi trung, hoặc minh thử tam thập thất phẩm, tất giai chân cố, tất đồng Như cố, thị tức Phật nhiếp. Hoặc minh thử đạo phẩm, năng ly niệm cố, năng tùy thuận nhập Chân Như cố, tức thị Pháp nhiếp. Hoặc minh thử đạo phẩm, Sự bất ngại Lý, Lý bất ngại Sự cố, tức thị Tăng nhiếp. Hoặc minh hàm linh bốn cụ giác tánh giả, Thế Tôn thành đạo thời, viết: “Kỳ tai! Kỳ tai! Nhất thiết chúng sanh giai cụ Như Lai trí huệ, đức tướng, dẫn dĩ vọng tưởng, chấp trước, nhị bất chứng đắc dã”. Hoặc minh Tín cụ chủng chủng chư tướng giả, Thai giáo tánh cụ pháp môn, thập pháp giới y, chánh, sắc, tâm, tánh trung bốn tự cụ túc, dẫn tuần nghiệp phát hiện, cố nhất nhất chư tướng, giai thiên chân chi cố vật, phi duyên khởi chi tân thành dã. Hoặc minh tánh tướng hòa hợp bất nhị giả, cố vân: “Tánh khởi vi tướng, nhất đa duyên khởi chi vô biên. Tướng đắc tánh dung, thiên sai thiệp nhập nhi vô ngại”, thị dã.

(疏)聞念三寶，自有四義：一者，鳥音之中，讚三寶故。二者，說法有方，善入人故。三者，晝夜無間，熟耳根故。四者，鳥尚解說，激勝心故。

(鈔)讚三寶者，雖上根力覺道，種種諸法，為品不同，約而言之，皆三寶攝。演暢此法時，或明含靈本具覺性，眾生聞者，得自本心，乃知有佛。或明信具種種諸相，眾生聞者，解入深義，乃知有法。或明性相和合不二，眾生聞者，事理無礙，乃知有僧。

(演)約而言之，皆三寶攝者，此三十七助道品，通大小乘，即是法寶。此助道法，以正觀為體。正觀分明，即是佛寶。此助道品，以性相為用。性相不二，即是僧寶。故云皆三寶攝。又鳥音之中，或明此三十七品，悉皆真故，悉同如故，是即佛攝。或明此道品，能離念故，能隨順入真如故，即是法攝。或明此道品，事不礙理，理不礙事故，即是僧攝。或明含靈本具覺性者，世尊成道時，曰：奇哉！奇哉！一切眾生皆具如來智慧德相，但以妄想執著，而不證得也。或明信具種種諸相者，台教性具法門，十法界依正色心，性中本自具足，但循業發現，故一一諸相，皆天真之故物，非緣起之新成也。或明性相和合不二者，古云：性起為相，一多緣起之無邊。相得性融，千差涉入而無礙，是也。

(Sớ: “Nghe tiếng niệm Tam Bảo”, có bốn nghĩa: Một là trong tiếng chim hót, có tiếng tán thán Tam Bảo. Hai là thuyết pháp có phương tiện thiện xảo, khéo động lòng người. Ba là ngày đêm không gián đoạn, khiến cho Nhĩ Căn thuần thục. Bốn là chim còn có thể giải nói, khích động cái tâm thù thắng [của người nghe].

Sao: “Tán Tam Bảo”: Tuy có các pháp thuộc phẩm loại bất đồng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo như trên đây, nhưng nói chung, các pháp ấy đều được bao gồm trong Tam Bảo. Khi diễn nói lưu loát các pháp ấy, thì hoặc là nói rõ các hàm linh đều vốn sẵn trọn đủ giác tánh. Chúng sanh nghe xong, thấu đạt bốn tâm của chính mình, bèn biết là có Phật. Hoặc nói rõ Tín có đầy đủ các tướng. Chúng sanh nghe

nói liền thông hiểu, tiến nhập nghĩa sâu, bèn biết có Pháp. Hoặc nói rõ Tánh và Tướng hòa hợp chẳng hai, chúng sanh nghe xong Sự Lý vô ngại, bèn biết là có Tăng.

Diễn: “Nói tóm lại, đều được bao gồm trong Tam Bảo”: Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, tức là Pháp Bảo. Pháp trợ đạo này dùng Chánh Quán làm Thể. Chánh Quán phân minh, tức là Phậ Bảo. Các phẩm trợ đạo này dùng tánh và tướng làm Dụng. Tánh và tướng bất nhị, tức là Tăng Bảo. Vì thế nói “đều thuộc vào Tam Bảo”. Trong tiếng chim hót, hoặc là lại nói rõ ba mươi bảy phẩm này thấy đều là thật, đều giống với Như, tức là thuộc về Phật. Hoặc nói rõ các đạo phẩm này do có thể ly niệm, có thể tùy thuận nhập Chân Như, tức là thuộc về Pháp. Hoặc nói rõ các đạo phẩm này Sự chẳng trở ngại Lý, Lý chẳng trở ngại Sự, tức là thuộc về Tăng.

Hoặc là nói rõ “hàm linh vốn sẵn trọn đủ giác tánh”: Khi đức Thế Tôn thành đạo, đã nói: “Lạ thay! lạ thay! Hết thấy chúng sanh đều có đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai, nhưng do vọng tưởng, chấp trước, cho nên chẳng chứng đắc”.

“Hoặc nói rõ Tín có đầy đủ các tướng”: Theo giáo nghĩa của tông Thiên Thai, tánh có trọn đủ các pháp môn. Ý báo và chánh báo trong mười pháp giới, sắc, tâm, vốn tự có trọn đủ trong tánh, chỉ là theo nghiệp mà hiện khởi. Vì thế, mỗi một tướng đều là vật cũ vốn sẵn có, chẳng phải do duyên khởi mà tạo thành một tướng mới mẻ.

“Hoặc nêu rõ tánh và tướng hòa hợp chẳng hai”. Cổ nhân nói: “Tánh khởi tác dụng thành tướng, một và nhiều duyên khởi vô biên. Tướng do tánh mà dung thông, tiếp xúc những tướng muôn vàn sai khác mà vô ngại”, chính là nói về chuyện này).

(Sao) Thiện nhập nhân giả, tuy đàm diệu pháp, bất thiện vi từ, văn tắc hãn cách. Kim duy hòa nhĩ chi âm, ưu nhu điều thích, lý nghĩa duyệt tâm, thính giả sanh hỷ, cố niệm Tam Bảo.

(Diễn) Bất thiện vi từ giả, hoặc thác tạp bất luân, hoặc hãn mạn vô sức, hoặc bất năng phản phúc ức dương, diệt dăng đồn tỏa. Hãn cách giả, Lễ Ký Học Ký thiên: “Hãn cách nhi bất thắng”. Chú: Hãn, cự hãn giả; Cách, độc như đông lạc chi lạc, vị như địa chi đông, kiên cường nhi nan nhập dã.

(鈔)善入人者，雖談妙法，不善為辭，聞則扞格。今惟和雅之音，優柔調適，理義悅心，聽者生喜，故念三

寶。

(演)不善為辭者，或錯雜不倫，或汗漫無飾，或不能反覆抑揚，跌蕩頓挫。扞格者，禮記學記篇：扞格而不勝。註：扞，拒扞也；格，讀如凍洛之洛，謂如地之凍，堅強而難入也。

(Sao: “Khéo động lòng người”: Tuy nói diệu pháp mà chẳng khéo dùng từ ngữ, thì người nghe chẳng lọt tai, nay chỉ có âm thanh hòa nhã, êm ái, mềm mỏng, dịu dàng, nghĩa lý vui đẹp lòng người, khiến cho người nghe vui vẻ, cho nên [họ nghe rồi] sẽ niệm Tam Bảo.

Diễn: “Chẳng khéo dùng từ”: Hoặc là lầm lẫn, xen tạp, rối ren, hoặc ăn nói luông tuồng, không trau chuốt, hoặc chẳng thể lập luận gãy gọn, nhán nhá trong âm điệu, [chẳng thể sử dụng] lời lẽ lưu loát, hùng hồn thì đều là [chẳng khéo dùng từ]). “Hãn cách”: Hãn là “cực hãn” (chống đối), chữ Cách đọc giống như chữ Lạc trong Đổng Lạc, ý nói như băng lạnh đóng trên mặt đất, cứng chắc, khó xuyên qua).

(Sao) Thục Nhĩ Căn giả, tuy thiện thuyết pháp, nhất bực thập hàn, tâm tắc giải phế, kim duy lục thời tương tục, tập thánh úc văn, thiếp tử luân cơ, huân đào thành tánh, cố niệm Tam Bảo. Kịch thắng tâm giả, điều năng thuyết pháp, nhân hồ bất như? Tâm sĩ nhất sanh, tinh tấn tự phát, cố niệm Tam Bảo.

(鈔)熟耳根者，雖善說法，一暴十寒，心則懈廢，今唯六時相續，習聽飫聞，浹髓淪肌，熏陶成性，故念三寶。激勝心者，烏能說法，人胡不如？慚恥一生，精進自發，故念三寶。

(Sao: “Nhĩ Căn thuần thục”: Tuy khéo thuyết pháp, nhưng bữa đực bữa cái, tâm ắt biếng nhác, bỏ quên. Nay sáu thời [nghe tiếng thuyết pháp] liên tục, quen nghe đầy tai, thấm đẫm xương tủy, un đúc thành tánh, cho nên niệm Tam Bảo. “Kịch động, khơi gợi cái tâm thù thắng”: [Do chúng sanh trong cõi Cực Lạc trông thấy] chim có thể thuyết pháp, [bèn tự suy nghĩ] “há người chẳng bằng?” Tâm hồ thẹn vừa nảy sanh, tinh tấn tự phát khởi, cho nên sẽ niệm Tam Bảo).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh chân tâm nhất thể, thị Phật Pháp Tăng nghĩa.

(Sao) Như thượng Đồng Tướng sở trần, tắc tri duy nhất chân tâm, cánh vô biệt thể. Tâm thể bốn tự giác chiếu, tức Phật Bảo. Tâm thể bốn tự tánh ly, tức Pháp Bảo. Tâm thể bốn tự bất nhị, tức Tăng Bảo. Cổ viết: “Tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng”, dẫn linh quy tự, bất thuyết quy tha. Niệm niệm hoàn quy tự tâm, thị danh “chân niệm Tam Bảo”.

(Diễn) Tâm thể bốn tự tánh ly giả, tự tánh bốn ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng, ly nhất thiết thiện pháp sai biệt chi tướng dã.

(疏)稱理，則自性真心一體，是佛法僧義。

(鈔)如上同相所陳，則知唯一真心，更無別體。心體本自覺照，即佛寶。心體本自性離，即法寶。心體本自不二，即僧寶。故曰：自歸依佛，自歸依法，自歸依僧，但令歸自，不說歸他。念念還歸自心，是名真念三寶。

(演)心體本自性離者，自性本離言說相，離名字相，離心緣相，離一切法差別之相也。

(Sớ) Xưng Lý thì tự tánh chân tâm một Thể là ý nghĩa của Phật, Pháp, Tăng.

Sao: Như đã trình bày trong phần Đồng Tướng [Tam Bảo] trên đây, bèn biết chân tâm duy nhất, chẳng có Thể nào khác. Tâm thể vốn tự giác chiếu, đó chính là Phật Bảo. Tâm Thể vốn có đặc tánh xa lìa, đó chính là Pháp Bảo. Tâm Thể vốn là bất nhị, đó chính là Tăng Bảo. Vì thế, nói “tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng”, chỉ dạy quy y tự, chẳng nói quy y tha. Niệm nào cũng đều quy hoàn tự tâm, bèn gọi là thật sự niệm Tam Bảo.

Diễn: “Tâm thể vốn là tự tánh ly”: Tự tánh vốn là tướng nói năng, là tướng danh tự, là tướng tâm duyên, là tướng sai biệt của hết thảy các pháp).

Nhị, thích vô ác đạo.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử điều, thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bĩ Phật quốc độ, vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà hướng hữu thật? Thị chư chúng điều, giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu, biến hóa sở tác.

(Sớ) Khủng nghi “Tịnh Độ hà nhân nhi hữu súc sanh, bất phù

Pháp Tạng bốn nguyện”, cố mình bỉ quốc thật vô ác đạo, dĩ bỉ Phật dục linh pháp biến nhập nhĩ, thần lực biến hóa, phi chân súc sanh cố. Hựu bất đồng thiên điều năng thuyết pháp cố.

(Sao) Hà nhân giả? Ngu si ám tế dĩ vi chi nhân, sanh súc sanh thú. Xan tham, tật đồ dĩ vi chi nhân, sanh nga quỷ thú. Thập Ác, Ngũ Nghịch dĩ vi chi nhân, sanh địa ngục thú; danh tam ác đạo. Dĩ lục đạo trung, thiên vi tối thiện, nhân đạo thứ chi, Tu La giới hồ thiện ác chi trung, cố độc thử tam, tối danh vi ác. Phù nhân ư tịnh tâm, sanh ư Tịnh Độ, hà điều Tịnh Độ nhi hữu ác đạo? Như kỳ hữu giả, thị tạp uế xứ, bất dị Sa Bà, hà danh Cực Lạc? Cố hữu nghi dã. Bốn nguyện giả, Đại Bốn Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, sát trung vô nga quỷ, súc sanh, dĩ chí quyền nhuyễn”. Hựu nguyện vân: “Ngã sát trung nhân, giai bất văn bất thiện chi danh, hà hướng hữu thật. Bất đắc thị nguyện, chung bất tác Phật”. Vân hà Phật đạo dĩ thành, đồn vi túc nguyện? Cố mình bỉ quốc nguyên vô ác đạo, phi duy mục sở vị đồ, diệc phục nhĩ sở bất văn. Lương điều nhĩ chi sở văn, duy thị chư Phật Như Lai vạn đức hồng danh, Bồ Tát, Thanh Văn, cập chư thiên, thiện nhân chủng chủng gia hiệu, tàng vô tam ác danh tự lịch nhĩ căn cố. Biến hóa sở tác giả, phục tự nạn ngôn: “Ký vô súc sanh, kim Bạch Hạc, Khổng Tước đẳng, hà sở tùng lai, nhi tại bỉ quốc?” Nãi xuất kỳ điều, thị Phật hóa tác, phi chân thật hữu. Như Quán Kinh vân: “Như Ý Châu Vương, dũng xuất kim sắc vi diệu quang minh, hóa vi bách bảo sắc điều”, thị dã. Pháp âm tuyên lưu giả, tuyên tắc tuyên bố, tự thượng biến hạ, do như vương ngôn. Lưu tắc lưu thông, tự cận cập viễn, do như thế thủy. Phật dục pháp âm phổ châu vô gián. Cố bất độc dĩ nhân thuyết pháp; sử bỉ điều âm giai thuyết diệu pháp. Vô xứ, vô thời nhi bất văn thính. Thử tắc đại thần thông lực chi sở biến hóa, khởi đồng ngu ám vi nhân, nhi cảm báo súc sanh chi chân điều da? Nhiên thử biến hóa, tự hữu nhị nghĩa: Nhất giả, như Phật khiển hóa nhân, thuyết chủng chủng pháp. Nhị giả, tánh cụ chư pháp, y tánh khởi tu, quả thượng tự năng sắc tâm hồ dung, y chánh bất nhị, giai tất thuyết pháp. Thị tắc điều âm diễn sống, pháp nhĩ tự nhiên, phi Phật hữu tâm, đặc vi biến tác dã.

(Diễn) Tự cận cập viễn, do như thế thủy giả, Mạnh Tử vân: “Nguyên tuyên hôn hôn, bất xả trú dạ, doanh khoa nhi hậu tấn, phóng hồ tứ hải”. “Tánh cụ chư pháp” ngũ cú, Thiên Thai Viên Giáo nghĩa dã. Dĩ Biệt Giáo sở tuyên thanh tịnh Chân Như, không vô nhất pháp, thập giới sắc, tâm, tùng nhiễm tịnh chi duyên sở biến khởi, nhân

trung tất tu đấng tận chư tướng, nãi quy chân tánh, quả thượng hà năng tức sắc, tức tâm, tức ý, tức chánh? Kim Viên Giáo Lý cụ chư pháp, tòng Lý cụ trung nhi hữu Sự tạo. Tuy vân: “Lý cụ, Sự tạo”, thật vô năng cụ, sở cụ, năng tạo, sở tạo, dĩ tức tâm tức pháp, tức pháp tức tâm, năng tạo nhân duyên cập sở tạo pháp, giai tất đương xứ duy thị nhất tâm, giai tất đương xứ, duy thị nhất sắc. Duy tâm, duy sắc, đối đãi tư vong, diệu quán quán chi, vô phi Tam Đế. Cố ý tánh khởi tu thời, nhất tu, nhất thiết tu, nhất chứng, nhất thiết chứng. Cố nhân cùng quả chứng thời, ý, chánh, sắc, tâm, pháp pháp tương tức, nhất thuyết, nhất thiết thuyết dã.

二、釋無惡道。

(經)舍利弗！汝勿謂此鳥，實是罪報所生。所以者何？彼佛國土，無三惡道。舍利弗！其佛國土尚無惡道之名，何況有實？是諸眾鳥，皆是阿彌陀佛欲令法音宣流，變化所作。

(疏)恐疑淨土何因而有畜生，不符法藏本願，故明彼國實無惡道，以彼佛欲令法遍入耳，神力變化，非真畜生故，又不同天鳥能說法故。

(鈔)何因者？愚痴暗蔽以為之因，生畜生趣。慳貪嫉妒以為之因，生餓鬼趣。十惡五逆以為之因，生地獄趣；名三惡道。以六道中，天為最善，人道次之，修羅介乎善惡之中，故獨此三，最名為惡。夫因於淨心，生於淨土，何繇淨土而有惡道？如其有者，是雜穢處，不異娑婆，何名極樂？故有疑也。本願者，大本法藏願云：我作佛時，剎中無餓鬼畜生，以至蜎蠕。又願云：我剎中人，皆不聞不善之名，何況有實。不得是願，終不作佛。云何佛道已成，頓違宿願？故明彼國原無惡道，非唯目所未睹，亦復耳所不聞。良繇耳之所聞，唯是諸佛如來萬德洪名，菩薩聲聞及諸天善人種種嘉號，曾無三惡名字歷耳根故。變化所作者，復自難言：既無畜生，今白鶴孔雀等，何所從來，而在彼國？乃出其繇，是佛化作，非真實有。如觀經

云：如意珠王，涌出金色微妙光明，化為百寶色鳥，是也。法音宣流者，宣則宣布，自上遍下，猶如王言。流則流通，自近及遠，猶如逝水。佛欲法音普周無間。故不獨以人說法；使彼鳥音皆說妙法。無處無時而不聞聽。此則大神通力之所變化，豈同愚暗為因，而感報畜生之真鳥耶？然此變化，自有二義：一者，如佛遣化人，說種種法。二者，性具諸法，依性起修，果上自能色心互融，依正不二，皆悉說法。是則鳥音演暢，法爾自然，非佛有心，特為變作也。

(演)自近及遠，猶如逝水者，孟子云：源泉混混，不舍晝夜，盈科而後進，放乎四海。性具諸法五句，天台圓教義也。以別教所詮清淨真如，空無一法，十界色心，從染淨之緣所變起，因中必須蕩盡諸相，乃歸真性，果上何能即色即心，即依即正？今圓教理具諸法，從理具中而有事造。雖云：理具事造，實無能具所具，能造所造，以即心即法，即法即心，能造因緣及所造法，皆悉當處唯是一心，皆悉當處唯是一色。唯心唯色，對待斯忘，妙觀觀之，無非三諦。故依性起修時，一修一切修，一證一切證。故因窮果證時，依正色心，法法相即，一說一切說也。

(Hai, giải thích “[trong cõi Cực Lạc] không có ác đạo”).

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Ông chớ nói những con chim ấy thật sự sanh từ tội báo. Vì có sao vậy? Cõi đức Phật ấy chẳng có ba ác đạo. Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy còn chẳng có cái tên ác đạo, huống là thật sự có! Các con chim ấy đều do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được tuyên lưu mà biến hóa tạo ra.*

Sớ: *Sợ [người nghe] sẽ nghi “cõi Tịnh Độ do nhân gì mà có súc sanh, chẳng phù hợp với bốn nguyên của ngài Pháp Tạng”, cho nên nói rõ: Cõi ấy thật sự chẳng có ác đạo, mà vì đức Phật muốn cho pháp được nghe trọn khắp, cho nên dùng sức thần thông để biến hóa, chứ chẳng phải [những con chim ấy] là súc sanh thật sự. [Những con chim ấy] lại chẳng giống như chim có thể thuyết pháp trong cõi trời.*

Sao: Do nhân nào? Do bị ngu si tối tăm che lấp làm nhân, nên sanh trong đường súc sanh. Do keo kiệt, tham lam, ganh ghét làm nhân, mà sanh trong đường ngạ quỷ. Thập Ác, Ngũ Nghịch làm nhân, liền sanh trong đường địa ngục. [Ba đường ấy được] gọi là ba ác đạo. Do trong lục đạo, thiên là thiện nhất, nhân đạo kém hơn, Tu La lẫn lộn giữa thiện và ác, cho nên chỉ riêng ba đường ấy (súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục) được gọi là ác nhất. Phàm do cái tâm thanh tịnh mà sanh về Tịnh Độ, vì lẽ nào Tịnh Độ có ác đạo? Nếu cõi ấy có [ác đạo], sẽ là chỗ tạp uế, khác gì Sa Bà, làm sao gọi là Cực Lạc cho được? Vì thế hoài nghi.

“Bốn nguyện”: Trong kinh Đại Bốn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Lúc tôi thành Phật, trong cõi nước chẳng có ngạ quỷ, súc sanh, cho đến các loài trùng bọ”. Lại nguyện rằng: “Trong cõi của tôi, đều chẳng nghe những danh xưng bất thiện, huống là thật có. Chẳng thỏa nguyện ấy, trọn chẳng làm Phật”. [Nay do thấy các loài chim ấy, chắc sẽ thắc mắc]: Vì sao nói là đã thành Phật đạo, mà lại mâu thuẫn với nguyện xưa? Vì thế, nói rõ “cõi ấy vốn chẳng có ác đạo”. Chẳng phải chỉ là mắt không trông thấy, mà còn là tai chưa nghe thấy. Ấy là vì những điều được nghe toàn là vạn đức hồng danh của chư Phật Như Lai và các thứ danh hiệu tốt lành của Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên và các vị thiện nhân, chưa hề nghe tên gọi của ba ác đạo thoảng qua tai.

“Biến hóa tạo ra”: Lại tự đặt vấn rằng: “Đã chẳng có súc sanh, nay Bạch Hạc, chim Công v.v... do đâu mà tồn tại trong cõi nước ấy?” Bèn nêu ra nguồn cội: Chúng nó là do đức Phật hóa ra, chẳng phải là thật sự có. Như Quán Kinh có nói: “Như Ý Châu Vương tuôn ra các quang minh sắc vàng vi diệu, hóa thành các thứ chim có màu sắc như trăm món báu”, chính là ý này.

“Pháp âm tuyên lưu”: Tuyên là tuyên bố, trọn khắp từ cao đến thấp, giống như lời nói của vua. Lưu là lưu thông, từ gần đến xa, giống như nước chảy. Phật muốn cho pháp âm được phổ biến trọn khắp, chẳng gián đoạn, cho nên không chỉ dùng thân người để thuyết pháp, [mà còn] khiến cho những tiếng chim hót đều nói diệu pháp. Không chỗ nào, không lúc nào chẳng nghe thấy, đó là sự biến hóa bởi sức đại thần thông, há giống như những con chim thật sự cảm báo súc sanh do cái nhân ngu ám ư? Nhưng sự biến hóa này, tự nhiên có hai ý nghĩa: Một là như Phật sai hóa nhân nói các thứ pháp. Hai là tánh trọn đủ các pháp, nương theo tánh khởi tu, nơi quả sẽ tự là sắc và tâm dung nhập lẫn nhau, y báo và chánh báo chẳng hai, thấy đều thuyết pháp. Đây là tiếng chim diễn nói lưu loát, pháp vốn tự nhiên như thế đó, chẳng phải là do đức Phật có

tâm đặc biệt biến hóa ra.

Diễn: “Từ gần đến xa, ví như nước chảy”: Sách Mạnh Tử viết: “Nơi nguồn suối, nước tuôn cuộn cuộn, ngày đêm chẳng ngừng, tuôn đầy chỗ trũng rồi dâng lên cao hơn, đổ vào bốn biển”.

Năm câu “tánh trọn đủ các pháp...” chính là giáo nghĩa Viên Giáo của tông Thiên Thai. Dùng Biệt Giáo để nói thì Chân Như thanh tịnh, trống rỗng, chẳng có một pháp nào, sắc và tâm trong mười pháp giới do từ các duyên nhiễm hay tịnh mà biến hóa khởi lên. Ất phải gột sạch các tướng nơi nhân thì mới trở về chân tánh, [vậy thì] nơi quả làm sao có thể là sắc, là tâm, là y báo, hay là chánh báo cho được? Nay theo Viên Giáo, Lý trọn đủ các pháp; do Lý trọn đủ mà có tạo tác về mặt Sự. Tuy nói “Lý trọn đủ, tạo tác về mặt Sự”, thật ra, chẳng có chủ thể trọn đủ, cái được trọn đủ, cái có thể tạo, và cái được tạo. Bởi lẽ, tâm chính là pháp, pháp chính là tâm, nhân duyên có thể tạo và pháp được tạo đều chỉ là nhất tâm ở ngay nơi đây, đều chỉ là một sắc ở ngay nơi đây. Duy tâm, duy sắc, dứt bất đối đãi, dùng diệu quán để quán thì không gì chẳng phải là Tam Đế. Vì thế, khi nương vào tánh để khởi tu, tu một là tu hết thấy, chứng một là chứng hết thấy. Do đó, khi thấu hiểu cùng tột cái nhân, đã chứng cái quả, y báo, chánh báo, sắc, tâm, pháp nào cũng đều chính là lẫn nhau, nói một điều tức là nói hết thấy vậy).

(Sao) Bất đồng thiên điều giả, Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh vân: “Chư thiên du lạc, trì trung phù, nhận đẳng, giai xuất âm thanh, tuyên dương kệ tụng, khai thị ngũ dục, tất cánh vô thường, bất khả đam ngoạn. Chư thiên văn dĩ, hữu thế lệ giả”. Thử tắc thật điều, điều tại thế thời, khẩu thuyết diệu pháp, bất vụ chân tu, báo tác chư điều, xử ư thiên cung. Dĩ kỳ túc tập, do năng thuyết pháp, phi như Tịnh Độ Phật sở biến hóa, cố bất đồng dã.

(鈔)不同天鳥者，正法念處經云：諸天遊樂，池中鳧鴈等，皆出音聲，宣揚偈頌，開示五欲，畢竟無常，不可耽玩。諸天聞已，有涕淚者。此則實鳥，繇在世時，口說妙法，不務真修，報作諸鳥，處於天宮。以其宿習，猶能說法，非如淨土佛所變化，故不同也。

(Sao: “Chẳng giống như chim côi trời”: Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh có nói: “Chư thiên vui chơi, các loài le, nhận v.v... trong ao đều phát ra tiếng tuyên dương kệ tụng, khai thị ‘ngũ dục rốt ráo vô thường,

chớ nên tham đắm'. Chư thiên nghe tiếng, có kẻ ứa lệ". Đó chính là chim thật sự, do lúc tại thế, miệng nói diệu pháp, nhưng chẳng chú trọng tu hành thật sự, cho nên thọ báo làm chim trên cõi trời. Do tập khí từ đời trước, vẫn có thể thuyết pháp, chẳng giống [các loài chim trong] Tịnh Độ do Phật biến hóa tạo ra. Vì thế, khác nhau).

(Sớ) Vấn: Pháp Tạng kệ vân: “Địa ngục, quỷ, súc sanh, giai sanh ngã sát trung”, hà ngôn bỉ vô ác đạo? Đáp: Kệ ý tự mình, bất sĩ nghi biện. Nữ nhân sanh giả, nghĩa diệc như thị.

(Sao) Kệ ý tự mình giả, Pháp Tạng tỳ-kheo nguyện hậu thuyết kệ. Tiên vân: “Địa ngục, quỷ, súc sanh, giai sanh ngã sát trung”, thứ tức vân: “Nhất thiết lai sanh giả, tu tập thanh tịnh hạnh, như Phật kim sắc thân, diệu tướng tất viên mãn”. Tắc tri tất ư Sa Bà dĩ thực tịnh duyên, cố đắc vãng sanh. Kỳ sanh bỉ quốc, thất bốn ác đạo, giai thành thượng thiện, tướng hảo như Phật, thượng hà địa ngục, quỷ, súc, cữ nhật chi hình thể da? Nữ sanh diệc nhiên giả, luận vị “nữ cập căn khuyết, câu bất sanh bỉ”, cố viện thượng lệ. Diệc diệc nữ nhân túc tu tịnh hạnh, nhất sanh bỉ quốc, cụ trượng phu tướng, vô phục nữ hình hỹ. Kim hội cửu phẩm, do tồn nữ nhân, mậu dã! Đương thị Sa Bà niệm Phật thời tướng, bất khả vị thị Cực Lạc đắc sanh thời tướng dã. Ưc hoặc biểu kỳ nhân địa, dĩ minh nhất thiết giai đắc vãng sanh nhĩ, đạt giả thẩm chi.

(疏)問：法藏偈云：地獄鬼畜生，皆生我剎中，何言彼無惡道？答：偈意自明，不俟疑辯。女人生者，義亦如是。

(鈔)偈意自明者，法藏比丘願後說偈。先云：地獄鬼畜生，皆生我剎中，次即云：一切來生者，修習清淨行，如佛金色身，妙相悉圓滿。則知必於娑婆已植淨緣，故得往生。既生彼國，失本惡道，皆成上善，相好如佛，尚何地獄鬼畜舊日之形體耶？女生亦然者，論謂女及根缺，俱不生彼，故援上例。亦繇女人宿修淨行，一生彼國，具丈夫相，無復女形矣。今繪九品，猶存女人，謬也！當是娑婆念佛時相，不可謂是極樂得生時相也。抑或表其因地，以明一切皆得往生耳，達者審之。

(Sớ: Hỏi: Trong bài kệ của ngài Pháp Tạng có nói: “Địa ngục, quỷ, súc sanh, đều sanh trong cõi ta”, có sao nói cõi ấy chẳng có ác đạo? Đáp: Ý nghĩa của bài kệ ấy rất rõ rệt, chẳng cần phải biện nghị. [Đối với chuyện] nữ nhân sanh về đó, ý nghĩa cũng giống như thế.

Sao: “Ý nghĩa của bài kệ ấy rất rõ rệt”: Tỳ-kheo Pháp Tạng nói kệ sau khi phát nguyện. Trước là nói “địa ngục, quỷ, súc sanh, đều sanh trong cõi ta”, tiếp đó liền nói: “Hết thấy kẻ sanh đến, tu tập hạnh thanh tịnh, thân sắc vàng như Phật, diệu tướng thấy viên mãn”. Ất biết là đã gieo tịnh duyên nơi Sa Bà, cho nên được vãng sanh. Đã sanh về cõi ấy thì đã mất cái gốc ác đạo, đều trở thành bậc thượng thiện, tướng hảo như Phật, há còn có hình thể địa ngục, quỷ, súc sanh như thuở trước nữa ư?

“Nữ nhân sanh về Cực Lạc cũng thế”: [Vãng Sanh] Luận nói nữ nhân và kẻ căn khuyết đều chẳng sanh về đó, đều dẫn lệ trên đây [để biện định]. Cũng vì nữ nhân đã tu tịnh hạnh, hễ sanh về cõi ấy, bèn đầy đủ tướng trượng phu, chẳng còn hình dáng nữ. Nay về chín phẩm [vãng sanh] mà vẫn còn có hình tướng nữ là làm, hãy nên coi đó là hình tướng khi đang niệm Phật trong cõi Sa Bà, chẳng thể bảo là hình tướng khi đã sanh về Cực Lạc được. Hoặc có lẽ [vẽ như vậy], nhằm biểu thị lúc tu nhân, hòng nêu rõ “hết thấy đều được vãng sanh”, người thông đạt phải suy xét kỹ [để nhận biết chính xác]).

(Sớ) Xứng Lý, tác tự tánh bốn vô tham, sân, si, đẳng, thị vô tam ác đạo nghĩa. Tự tánh bốn cụ như huyễn pháp môn, thị biến hóa sở tác nghĩa.

(Diễn) Như huyễn pháp môn giả, Phật thuyết nhất thiết pháp, bốn vị nhất thiết tâm. Ngã vô nhất thiết tâm, yên dụng nhất thiết pháp? Cố nhất thiết pháp môn giai tất như huyễn. Hựu Lăng Nghiêm vân: “Như Huyễn Tam Ma Đề, đàn chỉ siêu Vô Học”. Hoa Nghiêm vân: “Hữu vô nhất thiết pháp, liễu đạt tất như huyễn, nhập ư như huyễn tế, ư bỉ vô y trước”, thị tức Như Huyễn pháp môn dã. Tự tánh bốn cụ giả, dĩ nhất thiết pháp môn giai tất như huyễn, nhi như huyễn chi pháp, giai căn bản ư tự tánh. Tự tánh chi trung, vô sở bất cụ. Sở dĩ cổ nhân vân: “Thế gian chủng chủng pháp, vô bất tùng tâm sanh, nhất thiết pháp như huyễn. Cố thuyết tâm như huyễn. Thí như công huyễn sư, phổ hiện chư sắc tượng, viên, lâm, hoa quả đẳng, huyễn sư chi sở thành”, thị dã.

(疏)稱理，則自性本無貪瞋痴等，是無三惡道義。自

性本具如幻法門，是變化所作義。

(演)如幻法門者，佛說一切法，本為一切心。我無一切心，焉用一切法？故一切法門皆悉如幻。又楞嚴云：如幻三摩提，彈指超無學。華嚴云：有無一切法，了達悉如幻，入於如幻際，於彼無依著，是即如幻法門也。自性本具者，以一切法門皆悉如幻，而如幻之法，皆根本於自性。自性之中，無所不具。所以古人云：世間種種法，無不從心生，一切法如幻。故說心如幻。譬如工幻師，普現諸色像，園林花果等，幻師之所成，是也。

(Sớ: Xứng Lý, tự tánh vốn chẳng có tham, sân, si v.v... chính là nghĩa “không có ba ác đạo”. Tự tánh vốn trọn đủ pháp môn như huyễn là nghĩa “biến hóa tạo ra”).

Diễn: “Pháp môn như huyễn”: Đức Phật nói hết thấy các pháp vốn vì hết thấy tâm. Nếu ta chẳng phải là hết thấy tâm, làm sao dùng hết thấy các pháp cho được? Vì thế, hết thấy các pháp môn đều như huyễn. Kinh Lăng Nghiêm lại nói: “Như Huyền Tam Ma Đề, trong khoảng khảy ngón tay, vượt xa bậc Vô Học”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Hết thấy pháp hữu, vô, đều liễu đạt như huyễn, nhập vào trong như huyễn, chẳng nương chấp nơi đó”. Đó chính là pháp môn Như Huyền.

“Tự tánh vốn trọn đủ” vì hết thấy các pháp môn thấy đều như huyễn, nhưng pháp như huyễn đều đặt căn bản trên tự tánh, mà trong tự tánh, không gì chẳng đầy đủ. Vì thế, cổ nhân nói: “Hết thấy pháp thế gian, đều từ tâm sanh ra. Hết thấy pháp như huyễn, nên nói tâm như huyễn. Như huyễn sư khéo léo, hiện khắp các hình tượng, vườn, rừng, hoa quả, thấy do huyễn sư tạo thành”, chính là nói về điều này).

(Sao) Nhược cứ Bất Nhị môn trung, tham, sân, si tức Giới, Định, Huệ, tắc thiện đạo, ác đạo, tất giai như huyễn. Huyền vô tự tánh, duy thị nhất tâm. Nhất tâm bất sanh, vạn pháp câu tức.

(Diễn) Tham, sân, si tức Giới, Định, Huệ giả, dĩ vô thi Pháp Tánh vi vô minh, cố kim vô minh tức Pháp Tánh. Pháp Tánh vi vô minh, cố thành tham, sân, si. Vô minh tức Pháp Tánh, cố tức Giới, Định, Huệ. Như thanh thủy, trước thủy, thấp tánh vô thù; Tam Học, Tam Độc, thể tánh bất nhị dã. Hựu cổ vân: “Vô minh nghiệp tánh tức Pháp Tánh”. Thiên Thai vân: “Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo, đương

thể tức thị Tam Đức bí tạng”. Khởi Tín vân: “Nhược ly giác tánh, tắc vô bất giác. Nhược ly bất giác chỉ tâm, tắc vô chân giác tự tướng khả thuyết”. Thiện đạo, ác đạo, tất giai như huyễn giả, tham đẳng nãi ác đạo chi bản, Giới đẳng vi thiện đạo chi nhân. Tham, sân, si ký tức Giới, Định, Huệ, tắc ác đạo như huyễn. Giới, Định, Huệ bất ly tham, sân, si, tắc thiện đạo diệt như huyễn hỷ. Hựu tham, sân, si, Giới, Định, Huệ, nhân dã. Thiện đạo, ác đạo quả dã. Nhân ký toàn không, quả phục hà hữu? Cố tất như huyễn.

(鈔)若據不二門中，貪瞋痴即戒定慧，則善道惡道，悉皆如幻。幻無自性，唯是一心。一心不生，萬法俱息。

(演)貪瞋痴即戒定慧者，以無始法性為無明，故今無明即法性。法性為無明，故成貪瞋痴。無明即法性，故即戒定慧。如清水濁水，濕性無殊；三學三毒體性不二也。又古云：無明業性即法性。天台云：惑業苦三道，當體即是三德祕藏。起信云：若離覺性，則無不覺。若離不覺之心，則無真覺自相可說。善道惡道，悉皆如幻者，貪等乃惡道之本，戒等為善道之因。貪瞋痴既即戒定慧，則惡道如幻。戒定慧不離貪瞋痴，則善道亦如幻矣。又貪瞋痴戒定慧，因也。善道，惡道果也。因既全空，果復何有？故悉如幻。

(Sao: Nếu xét theo môn Bất Nhị, tham, sân, si chính là Giới, Định, Huệ, vậy thì thiện đạo và ác đạo thấy đều như huyễn. Huyễn chẳng có tự tánh, chỉ là nhất tâm. Do nhất tâm chẳng sanh, nên muôn pháp đều dứt diệt.

Diễn: “Tham, sân, si chính là Giới, Định, Huệ”: Do vô thi Pháp Tánh là vô minh, nên nay vô minh chính là Pháp Tánh. Do Pháp Tánh là vô minh, nên trở thành tham, sân, si. Do vô minh chính là Pháp Tánh, cho nên chính là Giới, Định, Huệ. Như tánh ướt của nước trong và nước đục chẳng khác nhau, thể tánh của Tam Học và Tam Độc chẳng hai. Cổ nhân lại nói: “Vô minh nghiệp tánh chính là Pháp Tánh”. Tông Thiên Thai nói: “Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo, Thể của chúng chính là Tam Đức bí tạng”. Khởi Tín Luận nói: “Nếu lìa giác tánh, sẽ không có bất giác. Nếu lìa cái tâm bất giác, sẽ chẳng có tự tướng chân giác để có thể nói”. Thiện đạo và ác đạo đều như huyễn, tham v.v... là cái gốc của ác

đạo. Giới v.v... là cái nhân của thiện đạo. Tham, sân, si đã chính là Giới, Định, Huệ, cho nên ác đạo như huyễn. Giới, Định, Huệ chẳng là tham, sân, si, cho nên thiện đạo cũng như huyễn. Lại nữa, tham, sân, si, Giới, Định, Huệ là nhân; thiện đạo, ác đạo là quả. Nhân đã hoàn toàn không, làm sao có quả nữa? Vì thế, đều là như huyễn).

Nhị, phong thụ diễn pháp.

(Kinh) *Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, vi phong xuy động, chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm. Thí như bách thiên chủng nhạc, đồng thời câu tác. Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.*

(Sớ) *Tiền ngôn hàng thụ, la võng; kim ngôn thử chư thụ võng, nhân phong xuất âm, như thượng diệu minh, hóa đạo chúng sanh, lợi ích vô tận dã. Phong viết vi giả, phong chỉ mỹ dã. Âm viết vi diệu giả, âm chỉ mỹ dã. Vi diệu tức hòa nhã ý. Bách thiên chủng nhạc giả, dĩ thiếu hưởng đa, tán kỳ chí mỹ, cực nhân thiên nhạc, sở bất năng cập. Kỳ âm diệc tuyên Căn, Lực, Giác, Đạo, chúng chúng Đạo Phẩm, bất ngôn giả, văn tĩnh dã. Hựu Đại Bốn vân: “Vi phong xúc thân”, kim bất ngôn giả, diệc văn tĩnh dã.*

(Diễn) *Dĩ thiếu hưởng đa giả, thiếu vị bách thiên chủng nhạc, đa vị vi diệu âm.*

二、風樹演法。

(經)舍利弗！彼佛國土，微風吹動，諸寶行樹，及寶羅網，出微妙音。譬如百千種樂，同時俱作。聞是音者，自然皆生念佛念法念僧之心。

(疏)前言行樹羅網；今言此諸樹網，因風出音，如上鳥鳴，化導眾生，利益無盡也。風曰微者，風之美也。音曰微妙者，音之美也。微妙即和雅意。百千種樂者，以少況多，讚其至美，極人天樂，所不能及。其音亦宣根力覺道，種種道品，不言者，文省也。又大本云：微風觸身，今不言者，亦文省也。

(演)以少況多者，少謂百千種樂，多謂微妙音。

(Hai, gió và cây diễn pháp.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu, và màn lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm*

ngàn thứ nhạc hòa tấu cùng lúc. Nghe âm thanh ấy, tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Sớ: Trong phần trước, [kinh văn] đã nói lưới mảnh giăng trên các hàng cây, nay nói đến các lưới trên cây do gió thổi qua mà phát ra âm thanh giống như tiếng chim hót trong phần trên, giáo hóa chúng sanh, lợi ích vô tận. Gió nói là Vi, tức là gió dịu; âm thanh mà nói là Vi Diệu, tức là âm thanh rất tuyệt diệu. Vi Diệu có ý nghĩa hòa nhã.

“Trăm ngàn loại nhạc”: Dùng số ít để sánh ví cho số nhiều. Nhằm tán thán [các âm thanh do cây và lưới báu phát ra] hay đẹp tốt cùng, các loại nhạc tuyệt diệu của trời người đều chẳng thể sánh bằng. Âm thanh ấy cũng tuyên nói Căn, Lực, Giác, Đạo, nhưng không nói tới các thứ Đạo Phẩm là do kinh văn nói tỉnh lược. Kinh Đại Bản lại nói “gió nhẹ chạm vào thân”, nay [kinh này] chẳng nói thì cũng là do kinh văn tỉnh lược vậy.

Diễn: “Dùng số ít để sánh ví số nhiều”: “Ít” là trăm ngàn loại nhạc, “nhiều” là âm thanh vi diệu).

(Sao) Vi phong vi mỹ giả, thử độ cụ phong xuy động, tắc xuất khuynh tưu, đảo hạp, khả chiến cụ thanh. Mãnh phong xuy động, tắc xuất hám ốc, bạt mộc, khả yếm ác thanh. Nãi chí Tỳ Lam phong xuy động, tắc xuất tồi sơn, toái nhạc, hoại chư thế giới, vô khả tỵ thanh. Tức linh Minh Thứ, Thanh Minh đẳng phong, tuy diệc xưng mỹ, chi thị phi phát sơn lâm, sanh trưởng bách vật nhi dĩ. Bĩ quốc chi phong, tự hữu, tự vô, phi hàn, phi nhiệt, khinh tế, thuận hòa, bất khả vãn dụ. Quán Kinh vân: “Bát chủng thanh phong”. Thanh tức vi ý, hướng bĩ hàng thụ, cập chư la võng, giai thị thất bảo, bị dĩ vi phong, hồ tương xao khấu, tự nhiên nhi xuất vi diệu âm thanh, như bách thiên nhạc, đồng thời tịnh tác. Tắc lục luật giao sưởng, bát âm khắc hài, hòa chi cực dã, nhĩ chi chí dã. Bĩ phong thụ ký phi tỵ trúc, thụ vi Cung Thương, nhi năng dĩ bách thiên chủng nhạc, đồng thử dương dương, thành vi hy hữu! “Nhân thiên mạc cập” giả, như Đại Bản ngôn: “Thế gian đế vương chi nhạc, bách thiên vạn chủng, bất như Đạo Lợi thiên cung nhất âm chi mỹ. Đạo Lợi thiên cung bách thiên chủng nhạc, bất như Dạ Ma thiên cung nhất âm chi mỹ. Triển chuyển chư thiên, nãi chí bất như Cực Lạc quốc trung, phong xuy thụ lâm, xuất diệu âm thanh chi mỹ”. Thị siêu xuất nhân thiên dã. Diệc tuyên Đạo Phẩm giả, dĩ kinh trung dẫn xưng “diệu âm”, kỳ thật, ý hàm thuyết pháp. Nhược phi pháp âm, hà năng sử nhân ức niệm Tam Bảo? Cố Đại Bản vân:

“Vi phong từ động, xuy chư bảo thụ, hoặc tác âm nhạc, hoặc tác pháp âm”, thị kỳ chứng dã. Dĩ tiên lệ hậu, giai văn tĩnh cố.

(Diễn) Dĩ tiên lệ hậu giả, tiên vị hóa cầm, hậu tức phong thụ.

(鈔)微風為美者，此土颶風吹動，則出傾湫倒峽，可戰懼聲。猛風吹動，則出撼屋拔木，可厭惡聲。乃至毗嵐風吹動，則出摧山碎嶽，壞諸世界，無可避聲。即令明庶清明等風，雖亦稱美，止是披拂山林，生長百物而已。彼國之風，似有似無，非寒非熱，輕細醇和，不可云喻。觀經云：八種清風。清即微意，況彼行樹，及諸羅網，皆是七寶，被以微風，互相敲叩，自然而出微妙音聲，如百千樂，同時並作。則六律交暢，八音克諧，和之極也，雅之至也。彼風樹既非絲竹，誰為宮商，而能與百千種樂，同此洋洋，誠為希有！人天莫及者，如大本言：世間帝王之樂，百千萬種，不如忉利天宮一音之美。忉利天宮百千種樂，不如夜摩天宮一音之美。展轉諸天，乃至不如極樂國中，風吹樹林，出妙音聲之美。是超出人天也。亦宣道品者，以經中但稱妙音，其實，意含說法。若非法音，何能使人憶念三寶？故大本云：微風徐動，吹諸寶樹，或作音樂，或作法音，是其證也。以前例後，皆文省故。

(演)以前例後者，前謂化禽，後即風樹。

(Sao: “Vi phong là gió dịu”: Trong cõi này, gió bão thổi lên, ắt sẽ nghiêng ao, lật khe núi, phát ra âm thanh đáng kinh sợ. Gió dữ thổi lên, ắt phát ra âm thanh rung nhà, tróc cây đáng ghê sợ. Cho đến gió Tỳ Lam thổi lên, ắt phát ra âm thanh vỡ núi, tan non, tan nát các thế giới, chẳng thể tránh né. Ngay như các loại gió như Minh Thứ, Thanh Minh v.v... tuy cũng được khen là gió tốt đẹp, nhưng chỉ là thổi phơ phát trong chốn núi rừng, [có tác dụng] sanh trưởng trăm vật mà thôi. Gió trong cõi kia dường có, dường không, chẳng lạnh, chẳng nóng, nhẹ nhàng, êm dịu, thuận hòa chẳng thể diễn tả, sánh ví được.

Quán Kinh nói “tám loại thanh phong”, Thanh có nghĩa là dịu nhẹ. Huống chi các hàng cây và các lưới màn đều bằng bảy báu, do gió nhẹ luôn qua, bèn khua chạm lẫn nhau, tự nhiên phát ra âm thanh vi diệu, như trăm ngàn thứ nhạc đồng thời hòa tấu. Thế nên lược lượt chen

nhau thánh thót, tám âm hòa hợp. Hòa đến tột cùng, trang nhã đến tột bậc. Tiếng gió luôn qua cây ấy đã chẳng phải là tiếng tơ, tiếng trúc, há do ai tấu khúc Cung, Thương, mà có thể hòa hợp trăm ngàn loại nhạc cùng nhau réo rắt, thật là hy hữu!

“[Các thứ âm nhạc trong cõi] trời người chẳng thể bằng được”: Như kinh Đại Bản chép: “Trăm ngàn vạn thứ nhạc của đế vương trong thế gian, chẳng hay bằng một tiếng nhạc trong cung trời Đao Lợi. Trăm ngàn loại nhạc trong cung trời Đao Lợi chẳng hay đẹp bằng một tiếng nhạc nơi cung trời Dạ Ma. Các cõi trời lần lượt lên cao hơn [như vậy] vẫn chẳng hay đẹp bằng âm thanh màu nhiệm do gió thổi qua rừng cây phát ra trong cõi Cực Lạc. Âm thanh ấy vượt xa trời, người.

“Cũng tuyên nói Đạo Phẩm”: Do trong kinh chỉ nói “âm thanh màu nhiệm”, thật ra cũng bao hàm ý nghĩa thuyết pháp. Nếu chẳng phải là pháp âm, làm sao có thể khiến cho người ta nghĩ nhớ Tam Bảo? Do đó, kinh Đại Bản chép: “Gió nhẹ thông thả thổi, lùa qua các cây báu, hoặc phát ra tiếng nhạc, hoặc phát ra pháp âm”, đó là chứng cứ vậy. Đối chiếu phần trước để suy ra ý nghĩa trong phần sau, đều là do kinh văn tinh lược vậy.

Diễn: “Đối chiếu phần trước để suy ra phần sau”: Phần trước là chìm biến hóa, phần sau là gió và cây).

(Sao) Ngôn xúc thân giả, Đại Bản vân: “Bỉ quốc nhất thiết hữu tình, vị phong xuy thân, an hòa, thích duyệt, do như tỳ-kheo đắc Diệt Tận Định”, tắc diệt bất thuyết pháp chi thuyết pháp dã.

(Diễn) Diệt Tận Định giả, Cửu Thứ Độ Định chi tối hậu Định dã. Thử Định thất thức hằng hành tâm tâm sở, lục thức chi bất hằng hành tâm tâm sở, tất giai diệt tận; độc hữu bát thức, cố viết Diệt Tận. Đắc thử Định giả, lục căn hư tĩnh, vô phục trì dật, nội ngoại trảm minh, nhập vô sở nhập, chân an hòa thích duyệt chi cực. Cố dĩ dụ vị phong xuy thân.

(鈔)言觸身者，大本云：彼國一切有情，為風吹身，安和適悅，猶如比丘得滅盡定，則亦不說法之說法也。

(演)滅盡定者，九次第定之最後定也。此定七識恆行心心所，六識之不恆行心心所，悉皆滅盡；獨有八識，故曰滅盡。得此定者，六根虛靜，無復馳逸，內外湛明，入無所入，真安和適悅之極。故以喻為風吹身。

(Sao: “Nói chạm vào thân”: Kinh Đại Bốn chép: “Hết thấy hữu tình trong cõi ấy được gió thổi vào thân, an hòa, thơ thới, vui sướng, giống như tỳ-kheo đắc Diệt Tận Định”, tức là cũng chẳng thuyết pháp mà thuyết pháp vậy.

Diễn: Diệt Tận Định là môn Định cuối cùng trong Cửu Thứ Đệ Định. Đối với Định này, các tâm và tâm sở hằng hành tương ứng với thức thứ bảy và tâm, tâm sở bất hằng hành tương ứng với thức thứ sáu, thấy đều diệt hết. Chỉ còn lại mình thức thứ tám, nên gọi là Diệt Tận. Người đắc Định này sáu căn rộng rang, vắng lặng, chẳng còn rong ruổi, buông lung, trong ngoài tĩnh lặng, sáng suốt, nhập vào chỗ không có gì để nhập, thật sự an hòa, thoải mái, vui sướng cùng cực, cho nên tỷ dụ như “được gió [êm dịu] thổi vào thân”).

(Sớ) **Hữu thủ bảo thụ đẳng, tam chủng bảo trung, kim thị tối thắng, năng tác Phật sự cố.**

(Sao) **Trí Luận** ngôn: “**Bảo hữu tam chủng: Nhất, nhân bảo giả, Luân Vương chi bảo, năng vũ chư vật. Nhị, thiên bảo giả, chư thiên chi bảo, năng tùy sử lệnh. Tam, Phật Bảo giả, năng ư thập phương nhi tác Phật sự.** Kim năng thuyết pháp, thị vi bảo trung tối thắng, xuất quá nhân thiên cố.

(疏) 又此寶樹等，三種寶中，今是最勝，能作佛事故。

(鈔)智論言：寶有三種：一、人寶者，輪王之寶，能雨諸物。二、天寶者，諸天之寶，能隨使令。三、佛寶者，能於十方而作佛事，今能說法。是為寶中最勝，出過人天故。

(Sớ: Lại nữa, các cây báu ấy, so trong ba thứ báu, bèn là thù thắng nhất, vì có thể làm Phật sự.

Sao: Đại Trí Độ Luận nói: “Có ba thứ báu: Một là vật báu trong nhân gian, tức vật báu của Luân Vương, có thể tuôn ra các vật. Hai là vật báu trong cõi trời, là vật báu của chư thiên, có thể sai khiến tùy ý. Ba là Phật Bảo, có thể làm Phật sự trong mười phương, nay có thể thuyết pháp”. Đây là vật thù thắng nhất trong các món báu, vượt xa trời, người).

(Sớ) **Hữu Phật đạo thụ thuyết pháp, kim bất ngôn giả, diệc văn**

tĩnh cố, lệ tiền trì thủy giai thuyết pháp cố. Hựu Hoa Nghiêm, Bát Nhã đẳng, giai hữu thử nghĩa.

(Sao) Đạo thụ giả, Đại Bản ngôn: “Phật đạo tràng thụ, chúng bảo trang nghiêm, bảo vông phú thượng, vi phong từ động, xuất vô lượng diệu pháp âm thanh, biến chư Phật sát. Chúng sanh văn giả, đắc thâm Pháp Nhân, trụ Bất Thoái Chuyển, dĩ chí thành tựu Vô Thượng Bồ Đề”. Kim bất ngôn giả, như tiền Sớ dẫn, nhiếp hàng thụ trung, vị hàng thụ thượng năng thuyết pháp, Phật thụ ninh độc bất nhiên? Cố viết: “Văn tĩnh”. Hựu lệ thôi chi, như tiền chỉ thuyết bảo trì, Sớ dẫn nhị bộ kinh văn, tắc bảo thủy lưu diễn, giai thuyết diệu pháp cố. Hựu lệ thôi chi, như Đại Bản ngôn: “Kỳ đạo tràng thụ, chúng sanh kiến giả, vô kỳ nhãn bệnh. Văn kỳ hương giả, diệc vô tỵ bệnh. Thực kỳ quả giả, thiết diệc vô bệnh. Thụ quang chiếu giả, thân diệc vô bệnh. Quán tướng thụ giả, tâm đắc thanh tịnh, vô phục tham sân phiền não chi bệnh”. Hựu vân: “Kiến thử thụ giả, đắc tam Pháp Nhân. Tắc tri thụ sắc, hương, vị, giai diệc diễn sưong Căn, Lực, Giác, Đạo, như thị đẳng pháp. Chúng sanh văn giả, hàm niệm Tam Bảo”.

(Diễn) Tam Pháp Nhân giả: Nhất, Âm Hưởng Nhân, nhân văn thánh giáo, đắc ngộ nhập cố. Nhị, Nhu Thuận Nhân, chiết phục phiền não toàn bất khởi cố. Tam, Vô Sanh Pháp Nhân, Vô Sanh chi lý nhãn khả u tâm cố.

(疏)又佛道樹說法，今不言者，亦文省故，例前池水皆說法故。又華嚴，般若等，皆有此義。

(鈔)道樹者，大本言：佛道場樹，眾寶莊嚴，寶網覆上，微風徐動，出無量妙法音聲，遍諸佛剎。眾生聞者，得深法忍，住不退轉，以至成就無上菩提。今不言者，如前疏引，攝行樹中，謂行樹尚能說法，佛樹寧獨不然？故曰：文省。又例推之，如前止說寶池，疏引二部經文，則寶水流衍，皆說妙法故。又例推之，如大本言：其道場樹，眾生見者，無其眼病。聞其香者，亦無鼻病。食其果者，舌亦無病。樹光照者，身亦無病。觀想樹者，心得清淨，無復貪瞋煩惱之病。又云：見此樹者，得三法忍。則知樹色香味，皆亦演暢根力覺道，如是等法。眾生聞者，咸念三寶。

(演)三法忍者：一、音響忍，因聞聖教得悟入故。二、柔順忍，折伏煩惱全不起故。三、無生法忍，無生之理忍可於心故。

(Sớ: Lại nữa, cây đạo tràng của Phật có thể thuyết pháp, nhưng nay kinh chẳng nói, cũng do kinh văn tinh lược. Phỏng theo lệ trên, nước trong các ao đều thuyết pháp. Các kinh như Hoa Nghiêm, Bát Nhã v.v... lại đều có ý nghĩa này.

Sao: “Cây đạo tràng”: Kinh Đại Bốn nói: “Cây đạo tràng của Phật, trang nghiêm bằng các thứ báu, lưới báu phủ lên trên. Gió nhẹ khẽ lay động, phát ra vô lượng âm thanh diệu pháp, vang vọng khắp các cõi Phật. Chúng sanh nghe tiếng, bèn đắc Pháp Nhãn sâu, trụ Bất Thoái Chuyển, cho đến thành tựu Vô Thượng Bồ Đề”.

“Nay chẳng nói”: Như lời Sớ trong phần trước đã nói điều này được gộp trong phần nói về hàng cây, nghĩa là: Hàng cây còn có thể thuyết pháp, lẽ đâu riêng cây của Phật lại chẳng như vậy? Cho nên nói là “kinh văn tinh lược”. “Lại nữa, theo như đó mà suy”: Như trong phần trước chỉ nói đến ao báu, lời Sớ bèn trích dẫn kinh văn từ hai bộ kinh khác, chứng tỏ nước báu tuôn chảy đều có thể nói diệu pháp.

“Lại theo lệ ấy mà suy” thì như kinh Đại Bốn nói: “Cây đạo tràng ấy, chúng sanh hề trông thấy, chẳng bị bệnh mắt. Ngửi mùi hương ấy, cũng chẳng bị bệnh mũi. Ăn quả cây ấy, lưỡi cũng chẳng bệnh. Được ánh sáng từ cây ấy chiếu đến, thân cũng chẳng bệnh. Quán tưởng cây ấy, tâm được thanh tịnh, chẳng còn các bệnh tham, sân, phiền não”. Lại nói: “Người thấy cây ấy, sẽ đắc ba Pháp Nhãn”. Do vậy, biết sắc, hương, vị của cây cũng đều diễn nói lưu loát Căn, Lực, Giác, Đạo, các pháp như vậy. Chúng sanh nghe thấy, đều niệm Tam Bảo.

Diễn: “Ba Pháp Nhãn”: Một là Âm Hưởng Nhãn, do nghe thánh giáo mà được ngộ nhập. Hai là Nhu Thuận Nhãn, do chiết phục phiền não, hoàn toàn chẳng dậy khởi. Ba là Vô Sanh Pháp Nhãn, do tâm có thể chấp nhận, tin hiểu lý Vô Sanh).

(Sao) Hựu lệ thôi chi, bỉ quốc kim sa, bỉ quốc giai đạo, bỉ quốc lâu các, bỉ quốc liên hoa, thiên nhạc, thiên hoa, y kích, thực khí, nhất thiết chư vật, giai diệc diễn sớ Căn, Lực, Giác, Đạo, như thị đẳng pháp, chúng sanh văn giả, hàm niệm Tam Bảo. Như Hoa Nghiêm hương vân, đài, võng, giai xuất tụng ngôn. Hựu Đạo Lợi thiên cổ, diễn mạc trắc chi chân thuyên. Lôi Âm bảo lâm, thuyết Vô Sanh chi

diệu kệ. Hựu Đại Bát Nhã vân: “Tịnh Độ thụ lâm đẳng, nội ngoại vật trung, thường hữu vi phong xung kích, phát vi diệu âm, thuyết nhất thiết pháp giai vô tự tánh” đẳng, đồng thử nghĩa dã.

(Diễn) Dao Lợi thiên cổ giả, Hoa Nghiêm vân: - Dao Lợi chư thiên trước ngũ dục lạc, hành phóng dật thời, thiên cổ chi trung, tự nhiên xuất âm, nhi cáo chi ngôn: “Thử lạc vô thường, mạc hành phóng dật đẳng”. Lôi Âm thị Phật quốc.

(鈔)又例推之，彼國金沙，彼國階道，彼國樓閣，彼國蓮華，天樂天華，衣祴食器，一切諸物，皆亦演暢根力覺道，如是等法，眾生聞者，咸念三寶。如華嚴香雲臺網，皆出頌言。又忉利天鼓，演莫測之真詮。雷音寶林，說無生之妙偈。又大般若云：淨土樹林等，內外物中，常有微風衝擊，發微妙音，說一切法皆無自性等，同此義也。

(演)忉利天鼓者，華嚴云：忉利諸天著五欲樂，行放逸時，天鼓之中，自然出音，而告之言：此樂無常，莫行放逸等。雷音是佛國。

(Sao: Lại theo lệ ấy mà suy: Cát vàng trong côi ấy, bậc thêm, lối đi trong côi ấy, lầu, gác, hoa sen, nhạc trời, hoa trời, lẵng đựng hoa, vật dụng để ăn uống, hết thấy các vật trong côi ấy cũng đều diễn nói lưu loát Căn, Lực, Giác, Đạo, các pháp như thế. Chúng sanh nghe thấy đều niệm Tam Bảo. Như mây hương, đài, lưới trong Hoa Nghiêm đều phát ra tiếng nói kệ. Lại nữa, cái trống trên côi trời Dao Lợi diễn nói lời chân thật không thể suy lường. Rừng báu chốn Lôi Âm nói bài kệ Vô Sanh mẫu nhiệm. Kinh Đại Bát Nhã lại nói: “Các vật trong ngoài rừng cây nơi Tịnh Độ, thường có gió nhẹ thổi lay động, phát ra tiếng vi diệu, nói hết thấy các pháp đều chẳng có tự tánh v.v...”, có cùng ý nghĩa này.

Diễn: “Cái trống trên côi trời Dao Lợi”: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Khi chư thiên côi Dao Lợi tham đắm năm món dục lạc, làm chuyện buông lung, từ cái trống trời, tự nhiên phát ra tiếng bảo: - Lạc này là vô thường, đừng làm những chuyện buông lung” v.v... Lôi Âm là côi Phật).

(Sớ) Thiện hội chi giả, thử độ hữu tình, vô tình, diệc giai thuyết pháp, như văn oanh, kích trúc đẳng, huông phục Tịnh Độ!

(Sao) Thiện hội giả, vi bất dĩ cảnh vi cảnh, nhi hội cảnh tức tâm,

tắc vật vật đầu đầu, giai tổ sư ý. Kim cô cử nhị sự dã. Văn oanh giả, nhất tăng nhân nghi Pháp Hoa vân: “Chư pháp tùng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng”. Cửu tham vị ngộ, hốt văn oanh thanh, toại đắc đại triệt. Tụng văn: “Chư pháp tùng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng, xuân đáo bách hoa hương, hoàng oanh đề liễu thượng”. Kích trúc giả, Hương Nghiêm dĩ bất hội “phụ mẫu vị tiền sanh” cú, phát phần trụ sơn. Nhất nhật trị địa thứ, phao thạch kích trúc, khanh nhiên hữu thanh, hốt nhi đại ngộ, tác tụng: “Hữu nhất kích vong sở tri, cánh bất giả tu tri, động dung dương cổ lộ, bất đạo tiểu nhiên cơ”. Đẳng ngữ, như thị, tắc diêm tiền thước táo, dã ngoại tùng thanh, nhất văn, nhất đẳng, nhất thảo, nhất điệp, mặc bất diên dương diệu pháp, cổ phát đạo tâm, hướng thanh tịnh Phật độ hồ?

(Diễn) Bất hội phụ mẫu vị sanh tiền cú giả, Hương Nghiêm tại Bách Trượng hội trung, cơ phong mẫn tiệp. Hậu tham Quy Sơn, Sơn vẫn viết: “Nhữ tại Bách Trượng, năng vẫn nhất đáp thập, vẫn thập đáp bách, thị phủ?” Hương Nghiêm vân thị. Sơn vân: “Ngã bất yếu nhữ đáp thập, đáp bách, dẫn tương phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục, đạo nhất cú lai!” Nghiêm bất năng đáp, cầu Quy Sơn vị thuyết. Sơn vân: “Ngã nhược vị nhữ thuyết phá, nhữ hậu lai mạ ngã! Thả khứ, bất vị nhữ thuyết!” Nghiêm phát phần, vân: “Ngã bạn nhất sanh, tổ cá thường hành chúc phạn tăng, quyết yếu tham phá”. Hậu nhân trị địa, vẫn kích trúc đắc ngộ, nãi hướng Quy Sơn tác lễ, viết: “Nhược Quy Sơn tảo vị ngã thuyết, yên đắc hữu kim nhật sự!” “Nhất kích vong sở tri”: Sở Tri, tức Sở Tri Chương, tức cửu vẫn nhất đáp thập xứ, đáo thử hốt nhiên hồn hóa, cổ vân vong. “Cánh bất giả tu tri”: Sở vị: “Tu chứng tức bất vô, nhiễm ô tức bất đắc”. Hựu tức sở vị: “Đoạn trừ vọng tưởng trùng tăng bệnh, thủ hướng Chân Như diệt thị tà”. Hựu tức sở vị: “Tùng kim dĩ hậu, bất nghi thiên, bất nghi địa dã”. Động dung dương cổ lộ, động dung, tức động dung châu toàn. Dương cổ lộ, vị phát huy diệu tánh, tức sở vị: “Tả hữu phùng nguyên”, bất tri thủ chi, vũ chi, túc chi, đạo chi dã. “Bất đạo tiểu nhiên cơ”: “Tiểu nhiên cơ”, vị hư vô tịch diệt, trạm nhập hợp trạm đẳng. Kim ư Niết Bàn thiên, dĩ đại minh ngộ, thập phương thế giới, cập dữ thân tâm như Phệ Lưu Ly, nội ngoại minh triệt, cổ bất đạo dã.

(疏)善會之者，此土有情無情，亦皆說法，如聞鶯擊竹等，況復淨土！

(鈔)善會者，謂不以境為境，而會境即心，則物物頭

頭，皆祖師意。今姑舉二事也。聞鶯者，一僧因疑法華云：諸法從本來，常自寂滅相。久參未悟，忽聞鶯聲，遂得大徹。頌云：諸法從本來，常自寂滅相，春到百花香，黃鶯啼柳上。擊竹者，香嚴以不會父母未前生句，發憤住山。一日治地次，拋石擊竹，鏗然有聲，忽而大悟，作頌：有一擊忘所知，更不假修持，動容揚古路，不墮悄然機。等語，如是，則簷前鵲噪，野外松聲，一蚊一蠅，一草一葉，莫不演揚妙法，鼓發道心，況清淨佛土乎？

(演)不會父母未生前句者，香嚴在百丈會中，機鋒敏捷。後參為山，山問曰：汝在百丈，能問一答十，問十答百，是否？香嚴云是。山云：我不要汝答十答百，但將父母未生前本來面目，道一句來！嚴不能答，求為山為說。山云：我若為汝說破，汝後來罵我！且去，不為汝說！嚴發憤，云：我拌一生，做個常行粥飯僧，決要參破。後因治地，聞擊竹得悟，乃向為山作禮，曰：若為山早為我說，焉得有今日事！一擊忘所知：所知，即所知障，即渠問一答十處，到此忽然渾化，故云忘。更不假修持：所謂：修證即不無，染污即不得。又即所謂：斷除妄想重增病，趣向真如亦是邪。又即所謂：從今以後，不疑天，不疑地也。動容揚古路，動容，即動容周旋。揚古路，謂發揮妙性，即所謂：左右逢源，不知手之，舞之，足之，蹈之也。不墮悄然機：悄然機，謂虛無寂滅，湛入合湛等。今於涅槃天，已大明悟，十方世界，及與身心如吠琉璃，內外明徹，故不墮也。

(Sớ: Đối với người khéo hiểu thì hữu tình lẫn vô tình trong cõi này cũng đều thuyết pháp, như nghe tiếng chim oanh hót, tiếng trúc khua v.v... Huống hồ Tịnh Độ!

Sao: “Khéo hiểu” nghĩa là chẳng chấp cảnh là cảnh, mà hiểu cảnh chính là tâm; mọi vật mọi sự đều là ý tổ sư. Nay chỉ nêu ra hai chuyện:

“Nghe tiếng chim oanh”: Một vị Tăng do nghi [hai câu] được nói

trong kinh Pháp Hoa: “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt”. Tham đã lâu, nhưng chưa ngộ, chợt nghe tiếng chim oanh hót, bèn được đại triệt, viết bài kệ như sau: “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự tịch diệt, xuân đến trăm hoa ngát, oanh hót trên cành liễu”.

“Tiếng trúc khua”: Ngài Hương Nghiêm do chẳng hiểu câu “diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra”, nên phát phần trụ trong núi. Một hôm, trong khi cày cuốc đất, Ngài quăng đá trúng cây trúc, vang thành tiếng lạch cạch, bỗng đại ngộ, làm bài tụng như sau: “Vừa đục bèn quên sạch sở tri, chẳng còn nhọc sức phải tu trì, hành vi, vẻ mặt phô đường cũ, chẳng đọa vào trong nẻo tịch vi”.

“Đăng” là [còn nhiều trường hợp giống] như vậy, như chim khách kêu dưới mái hiên, tiếng từng reo ngoài đồng, một con muỗi, một con ruồi, một nhánh cỏ, một chiếc lá, không gì chẳng diễn bày, tuyên dương diệu pháp, cổ vũ phát khởi đạo tâm, hướng hồ côi Phật thanh tịnh ư?

Diễn: “Chẳng hiểu câu [diện mạo vốn có] trước khi được cha mẹ sanh ra”: Trong hội của ngài Bách Trượng, Hương Nghiêm cơ phong nhay bén. Về sau, đến tham yết tổ Quy Sơn. Ngài Quy Sơn hỏi: “Ở chỗ Bách Trượng, ông có thể hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, đúng chẳng?” Hương Nghiêm thưa “phải”. Ngài Quy Sơn nói: “Ta chẳng cần ông đáp mười, đáp trăm, hãy đem diện mạo vốn sẵn có trước khi được cha mẹ sanh ra nói một câu thử xem!” Hương Nghiêm chẳng đáp được, cầu ngài Quy Sơn giảng giải. Ngài Quy Sơn nói: “Nếu ta nói toạc cho ông, mai sau ông sẽ chửi ta. Hãy đi đi, ta không nói cho ông!” Hương Nghiêm phát phần, nói: “Ta loay hoay suốt một đời để làm một ông tăng chỉ biết ăn cơm, húp cháo, nhất quyết phải tham cứu thấu triệt”. Về sau, do cuốc đất, nghe tiếng [đá vang vào trúc] vang ra tiếng, bèn ngộ. Sư hướng về Quy Sơn, làm lễ, nói: “Nếu ngài Quy Sơn nói sớm với ta, làm sao có chuyện ngày hôm nay!”

“Vừa đục bèn quên sạch sở tri”: Sở Tri chính là Sở Tri Chương; tức là khả năng hỏi một đáp mười của Ngài đến lúc ấy bỗng nhiên mất tâm mất tích, cho nên nói là “quên sạch”.

“Chẳng còn nhọc sức phải tu trì”: Đó gọi là: “Chẳng phải là không có tu chứng, nhưng chẳng bị nhiễm ô”. Lại chính là như thường nói: “Đoạn trừ vọng tưởng càng thêm bệnh, tiến đến Chân Như cũng vẫn tà”. Lại chính là nói: “Từ nay trở đi, chẳng ngờ trời, chẳng ngờ đất”.

“Động dung dương cổ lộ”. Động dung là hành động lẫn dung

mạo đều tròn vẹn. “*Dương cổ lộ*” ý nói phát huy diệu tánh, tức là “đâu đâu cũng gặp nguồn”, chẳng biết hề giờ tay lên múa thì chân cũng nhịp bước theo.

“*Bất đoạ tiểu nhiên cơ*”: “*Tiểu nhiên cơ*” là hư vô tịch diệt, lặng trong ứng hợp với lặng trong v.v... Nay đối với bầu trời Niết Bàn đã hiểu rất rõ ràng, mười phương thế giới và thân tâm như ngọc Phệ Lưu Ly, trong ngoài sáng tỏ, thấu suốt, cho nên chẳng đoạ).

(Sao) Ván: “*Giáo trung thánh thuyết pháp, thánh mặc nhiên, nhị bất thiên phế. Kim thủy, diệu, thụ lâm diễn pháp vô dĩ, tắc hữu động vô tĩnh*”. Đáp: Đại Bôn vân: “*Kỳ dục văn giả, triếp độc văn chi. Kỳ bất dục văn giả, triếp độc bất văn dã*”. *Tắc tịch dụng tùy tâm, tức động, tức tĩnh.*

(鈔)問：教中聖說法，聖默然，二不偏廢。今水鳥樹林演法無已，則有動無靜。答：大本云：其欲聞者，輒獨聞之。其不欲聞者，輒獨不聞也。則寂用隨心，即動即靜。

(Sao: Hỏi: Trong giáo, [có khi] thánh nhân (Phật Thích Ca) thuyết pháp, [có lúc] thánh nhân im lặng, đối với cả hai điều ấy (thuyết pháp hoặc im lặng), Ngài chẳng riêng bỏ một điều nào! Nay nước, chim, rừng cây diễn pháp không ngớt, tức là [cõi Cực Lạc] luôn động, chẳng tĩnh.

Đáp: Kinh Đại Bôn nói: “*Người muốn nghe liền lập tức nghe thấy. Kẻ chẳng muốn nghe bèn lập tức chẳng nghe*”. Tức là tịch tĩnh hay động dụng tùy tâm, [do cái tâm của mỗi người] mà là động hay tĩnh).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh lý trí giao dung, thị phong thụ nghĩa.

(Sao) Lý hàm vạn pháp như thụ. Trí châu pháp giới như phong. Trí dữ Lý minh, Lý tùy Trí hiển, nhiên nhị phong thụ các bất tương tri. Lý Trí nguyên vô nhị bản, bách thiên chủng nhạc, bất thị phong tác, bất thị thụ tác, nhân giả tâm tác.

(Diễn) Lý hàm vạn pháp như thụ giả, thụ hữu hàm tàng nghĩa, năng hàm chi diệp hoa quả cố. Lý hàm Hằng sa công đức diệp nhiên, cố vân: “*Đạo thụ*” dã. Trí châu pháp giới như phong giả, phong hữu châu biến nghĩa, vô xứ bất đáo, cố vân: “*Sắc vô biên cố, Bát Nhã diệp vô biên*”. Trí dữ Lý minh giả, Như Trí khế Như Lý, như phong chi xuy thụ nhị vô tích. Lý tùy Trí hiển giả, như như Lý, nhân như như Trí

phương hiển. Như thụ chỉ nhân phong nhi hữu thanh, nhiên nhi phong bất tri thụ, thụ bất tri phong, phong thụ các trụ tự vị, sở vị: “Các các bất tương đảo, các các bất tương tri”. Hoa Nghiêm vân: “Thí như trường phong khởi, ngộ vật hàm cổ phiến, các các bất tương tri, nhất thiết pháp như thị”. Lý Trí diệc nhiên, Lý ngoại vô Trí, Trí ngoại vô Lý, Lý Trí diệc vô nhị bản. Nhiên các bất tương tri, phi thị ngôn kỳ nhị bản, nãi ngôn kỳ tự nhiên giao dung dã, hữu bất giả tạo tác, thiên nhiên dung hội ý. Như thử thuyết, phương dữ hạ cú “nguyên vô nhị bản” hợp, “bách thiên chủng nhạc” hạ, hội quy nhất tâm.

(疏)稱理，則自性理智交融，是風樹義。

(鈔)理含萬法如樹。智周法界如風。智與理冥，理隨智顯，然而風樹各不相知。理智原無二本，百千種樂，不是風作，不是樹作，仁者心作。

(演)理含萬法如樹者，樹有含藏義，能含枝葉花果故。理含恆沙功德亦然，故云：道樹也。智周法界如風者，風有周遍義，無處不到，故云：色無邊故，般若亦無邊。智與理冥者，如智契如理，如風之吹樹而無蹟。理隨智顯者，如如理，因如如智方顯。如樹之因風而有聲，然而風不知樹，樹不知風，風樹各住自位，所謂：各各不相到，各各不相知。華嚴云：譬如長風起，遇物咸鼓扇，各各不相知，一切法如是。理智亦然，理外無智，智外無理，理智亦無二本。然各不相知，非是言其二本，乃言其自然交融也，有不假造作，天然融會意。如此說，方與下句原無二本合，百千種樂下，會歸一心。

(Sớ: Xưng Lý thì Lý và Trí trong tự tánh dung thông lẫn nhau, là ý nghĩa của gió và cây.

Sao: Lý bao hàm vạn pháp như cây, Trí trọn khắp pháp giới như gió. Trí và Lý ngầm hợp, Lý nhờ Trí mà hiển lộ, nhưng gió và cây trọn chẳng biết nhau. Lý và Trí vốn chẳng có hai gốc; trăm ngàn thứ nhạc, chẳng phải do gió tấu lên, chẳng phải do cây phát ra tiếng, mà là do cái tâm của nhân giả tạo tác!

Diễn: “Lý bao hàm vạn pháp như cây”: Cây có ý nghĩa bao hàm, vì nó có thể bao hàm cành, lá, hoa, quả. Lý bao hàm Hằng sa công đức

cũng giống như thế; vì vậy nói là “cây đạo”. Trí tròn khắp pháp giới như gió. Gió có ý nghĩa tròn khắp, không chỗ nào chẳng đến. Vì thế nói: “Do sắc vô biên, nên Bát Nhã cũng vô biên”. Trí và Lý ngậm hợp, Như Trí khế hợp Như Lý, như gió thổi qua cây chẳng có dấu vết. Lý do Trí mà hiển, Lý như như do Trí như như mới hiển lộ. Như cây do gió mà có tiếng, nhưng gió chẳng biết cây, cây chẳng biết gió. Gió và cây mỗi thứ đều trụ trong vị trí của chính mình, tức là mỗi thứ đều chẳng đến với nhau, đều chẳng biết tới nhau. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Ví như gió mạnh thổi, gặp vật đều khu động, mỗi thứ chẳng biết nhau, hết thấy pháp như vậy”. Lý và Trí cũng thế, ngoài Lý chẳng có Trí, ngoài Trí chẳng có Lý. Lý và Trí cũng chẳng có hai gốc; nhưng mỗi pháp đều chẳng biết nhau, chẳng phải là nói chúng có hai gốc [khác biệt], mà là nói chúng tự nhiên dung thông, chẳng cây vào tạo tác, tức là nói theo ý nghĩa tự nhiên dung hội. Nói như vậy thì mới phù hợp với câu “vốn chẳng có hai gốc” trong đoạn sau. Từ câu “trăm ngàn thứ nhạc” trở đi là gom về nhất tâm).

Tam, tổng kết nhị nghiêm.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Sớ) Kết thượng hóa cảm, phong thụ nhị chủng trang nghiêm, giai bỉ Phật nhân địa nguyện hạnh công đức sở thành tựu dã; hựu biến hóa công đức, Đại Thừa công đức đẳng, tứ chủng thành tựu, như Luận trung thuyết tiền hậu công đức, phồn bất các hệ điều hạ.

(Diễn) Tiền hậu công đức phồn bất các hệ điều hạ giả, Thiên Thân tác Vãng Sanh Luận dĩ thích thử kinh. Bỉ Luận tụng trung, hữu thập thất chủng công đức thích thử kinh công đức trang nghiêm. Dĩ tụng đối kinh, tiền hậu giai minh hiển khả tri, cố bất phồn dân. Độc thử kinh hóa cảm, phong thụ nhị chủng trang nghiêm dẫn đối bỉ tụng, biến hóa Đại Thừa đẳng tứ chủng công đức giả, dĩ bỉ tụng trung, khuyết Phật hóa tác cập vô ác đạo nhị nghĩa. Cố kim đặc dẫn dĩ phát minh chi.

三、總結二嚴。

(經)舍利弗！其佛國土，成就如是功德莊嚴。

(疏)結上化禽，風樹二種莊嚴，皆彼佛因地願行功德所成就也；又變化功德，大乘功德等，四種成就，如論中

說前後功德，繁不各係條下。

(演)前後功德繁不各係條下者，天親作往生論以釋此經。彼論頌中，有十七種功德釋此經功德莊嚴。以頌對經，前後皆明顯可知，故不繁引。獨此經化禽，風樹二種莊嚴引對彼頌，變化大乘等四種功德者，以彼頌中，缺佛化作及無惡道二義。故今特引以發明之。

(Ba là tổng kết hai thứ trang nghiêm.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế.*

Sớ: *Tổng kết hai thứ trang nghiêm là chim biến hóa và gió thổi qua cây báu được nói trong phần trước đều được thành tựu bởi công đức nơi nguyện và hạnh của đức Phật ấy khi tu nhân. Lại do công đức biến hóa, công đức Đại Thừa v.v... mà bốn thứ [công đức] thành tựu, còn như trong [Vãng Sanh] Luận đã nói các công đức trước và sau [bốn thứ công đức ấy], do rườm rà nên chẳng nêu rõ điều nào tương ứng với đoạn kinh văn nào.*

Diễn: *“Các công đức trước và sau do rườm rà nên chẳng nêu rõ từng điều”: Ngài Thiên Thân soạn Vãng Sanh Luận để giải thích kinh này. Trong phần Kệ Tụng của bộ Luận ấy, có nói mười bảy thứ công đức để giải thích công đức trang nghiêm của kinh này. Dem kệ tụng đối chiếu với kinh thì trước sau đều rõ ràng dễ biết, cho nên chẳng trích dẫn rườm rà. Chỉ riêng đem hai thứ trang nghiêm là chim biến hóa và gió lùa qua cây trong kinh này để đối chiếu với bốn thứ công đức Đại Thừa về sự biến hóa trong bài tụng ấy, vì trong phần kệ tụng đó thiếu hai nghĩa “Phật biến hóa” và “không có ác đạo”. Do vậy, nay đặc biệt dẫn ra để giảng rõ).*

(Sao) Nguyện sở thành giả, Đại Bản Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, ngã sát trung nhân, tùy kỳ chí nguyện, sở dục văn giả, tự nhiên đắc văn”, cố diếu thụ giai thành diệu pháp âm dã. Hạnh sở thành giả, Đại Bản nguyện hậu tu hành. Như vân: “Thường dĩ hòa nhan ái ngữ, nhiều ích chúng sanh”. Thị dĩ đắc thành phong xuy lâm thụ, giai xuất diệu âm cố. Như vân: “Ư Phật, Pháp, Tăng, tín trọng, cung kính”, thị dĩ đắc thành chúng sanh văn giả, hàm niệm Tam Bảo cố. Biến hóa công đức giả, như Luận tụng vân: “Chủng chủng tạp sắc diếu, các các xuất nhĩ âm, văn giả niệm Tam Bảo, vong tướng nhập

nhất tâm”, thị dã. Đại Thừa công đức giả, như Luận tụng vân: “Đại Thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh”, thị dã. Đẳng giả, đẳng hư không cập tánh dã.

(Diễn) Hư không công đức giả. Tụng vân: “Vô lượng bảo giao lạc, la vông hư không trung, chủng chủng linh phát hưởng, tuyên thổ diệu pháp âm”. Tánh công đức giả, “chánh đạo đại từ bi, xuất sanh thiện căn cố”.

(鈔)願所成者，大本法藏願云：我作佛時，我剎中人，隨其志願，所欲聞者，自然得聞，故鳥樹皆成妙法音也。行所成者，大本願後修行。如云：常以和顏愛語，饒益眾生。是以得成風吹林樹，皆出妙音故。如云：於佛法僧，信重恭敬，是以得成眾生聞者，咸念三寶故。變化功德者，如論頌云：種種雜色鳥，各各出雅音，聞者念三寶，忘相入一心，是也。大乘功德者，如論頌云：大乘善根界，等無譏嫌名，女人及根缺，二乘種不生，是也。等者，等虛空及性也。

(演)虛空功德者。頌云：無量寶交絡，羅網虛空中，種種鈴發響，宣吐妙法音。性功德者，正道大慈悲，出生善根故。

Sao: “Do nguyên mà thành tựu”: Trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng đã nguyện: “Khi tôi thành Phật, người trong cõi tôi, tùy theo chí nguyện muốn được nghe, sẽ tự nhiên được nghe”. Vì thế, chim và cây đều phát ra pháp âm màu nhiệm. “Do hạnh mà thành tựu”: Theo kinh Đại Bản, sau khi phát nguyện, [ngài Pháp Tạng] tu hành. Kinh chép: “Thường dùng vẻ mặt hiền hòa, lời nói mềm mỏng để tạo lợi ích cho chúng sanh”. Do vậy, thành tựu “gió thổi qua rừng cây, đều phát ra âm thanh màu nhiệm”. Như nói: “Đối với Phật, Pháp, Tăng, tin tưởng, tôn trọng, cung kính”. Do vậy, được thành “chúng sanh nghe xong, đều niệm Tam Bảo”.

“Công đức biến hóa” là như bài tụng trong Vãng Sanh Luận đã nói: “Các thứ chim nhiều màu, đều hót tiếng hòa nhã, người nghe niệm Tam Bảo, quên tướng, nhập nhất tâm” là nói tới ý này.

“Công đức Đại Thừa”: Như bài kệ tụng trong Vãng Sanh Luận có

nói: “Giới thiện căn Đại Thừa, bình đẳng, không tên xấu, nữ nhân, và căn thiếu, tánh Nhị Thừa chẳng sanh” là ý này. “Đẳng” nghĩa là tánh như hư không.

Diễn: “Hư không công đức”: Bài kệ [trong Vãng Sanh Luận] có đoạn viết: “Vô lượng báu giảng xen, lưới mảnh phủ hư không, các thứ linh vang tiếng, tuyên nói diệu pháp âm”. “Tánh công đức” là “chánh đạo đại từ bi, xuất sanh các căn lành”).

(Sao) Tiền hậu như thị công đức trang nghiêm hạ, bất các hệ luận tụng, dĩ kim tụng nhất khuyết hóa tác, nhị khuyết ác đạo, cố đặc minh chi. Ngôn chúng diếu xuất âm, nhược phi Phật tác, yên năng thính giả vong tướng nhất tâm dã? Bất vân ác đạo, dĩ nhân trung thượng vô nữ nhân, thánh trung thượng vô tiểu thánh, huống phục hữu ác đạo dã? Tiền hậu minh hiển khả tri, cố bất phồn hệ. Hựu chánh báo nhị công đức, tại “như thị trang nghiêm” điều ngoại, cố diệt bất hệ.

(Diễn) Chánh báo nhị công đức, vị thượng thủ công đức, đại chúng công đức.

(鈔)前後如是功德莊嚴下，不各係論頌，以今頌一缺化作，二缺惡道，故特明之。言眾鳥出音，若非佛作，焉能聽者忘相一心也？不云惡道，以人中尚無女人，聖中尚無小聖。況復有惡道也？前後明顯可知，故不繁係。又正報二功德，在如是莊嚴條外，故亦不係。

(演)正報二功德，謂上首功德，大眾功德。

(Sao: Từ câu “các công đức trước và sau hai thứ trang nghiêm như thế, chẳng đối chiếu với bài tụng trong Vãng Sanh Luận [để trình bày từng điều]” vì bài tụng một là thiếu ý [các loài chim ấy do đức Phật] hóa thành, hai là thiếu ý [chúng không thuộc về] ác đạo, cho nên đặc biệt giảng rõ. Nói các loài chim phát ra âm thanh, nếu chẳng phải là do Phật biến hóa thì làm sao có thể khiến cho người nghe quên tướng, nhất tâm được? Chẳng nói tới ác đạo, vì trong loài người [nơi cõi Cực Lạc] còn không có nữ nhân, trong các vị thánh [bên cõi ấy] còn chẳng có hàng tiểu thánh, huống hồ lại còn có ác đạo ư? Trước sau đều rõ ràng có thể biết, cho nên chẳng rườm lời dẫn chứng. Lại nữa, hai thứ công đức nơi chánh báo do nằm ngoài phạm vi của câu “trang nghiêm như thế” ở đây, cho nên cũng chẳng trích dẫn Vãng Sanh Luận để đối

chiếu, trình bày.

Diễn: Hai thứ công đức nơi chánh báo là công đức của bậc thượng thủ và công đức của đại chúng).

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh Bát Nhã châu biến pháp giới, thị điều thụ thuyết pháp nghĩa.

(Sao) Thủ Lăng Nghiêm Sao vân: “Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai, dĩ tâm ngoại vô vật, vật tức thị tâm, dẫn tâm ly phân biệt, tức thị chánh trí Bát Nhã, châu biến pháp giới, vô hữu chướng ngại”. Thị cố Tây Phương thủy, diễn, thụ lâm, tất giai thuyết pháp. Kim bất kiến điều thụ thuyết pháp, dĩ vị ly niệm cố. Khởi Tín vân: “Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới”. Thị cố, hư không giới trung, phổ giai thuyết pháp.

(Diễn) “Nhược năng chuyển vật” nhị cú, thị Lăng Nghiêm kinh văn. Văn vân: “Nhất thiết chúng sanh, mê kỷ vị vật, vị vật sở chuyển. Thị cố u trung, quán đại, quán tiểu, nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai”. “Dĩ tâm ngoại vô vật” lục cú, thị Sao trung thích từ. Tâm ngoại vô vật, vật tức thị tâm, thị minh sắc tâm bất nhị. Dẫn ly phân biệt, tức thị Bát Nhã. Vô hữu chướng ngại, thị minh ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới. Sao ý vị kinh sở vân “chuyển vật” giả, phi thị hữu vật khả chuyển, cái dĩ tâm ngoại tịnh vô hữu vật, nhất thiết vật giai tức thị tâm, nhi sở dĩ kiến hữu vật giả, dĩ tâm sanh phân biệt cố. Dẫn nhất niệm bất sanh, toàn thể tức tự hiển hiện. Sở dĩ kinh thuyết: “Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai” dã. Dĩ thử quán chi, khả kiến tự tánh Bát Nhã châu biến pháp giới, nhi Tây Phương thủy, diễn, thụ lâm, tự tất giai thuyết pháp dã. Khởi Tín ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới giả, Luận văn vân: “Sở ngôn giác nghĩa giả, vị tâm thể ly niệm. Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới, vô sở bất biến. Pháp giới nhất tướng, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân”.

(疏)稱理，則自性般若周遍法界，是鳥樹說法義。

(鈔)首楞嚴鈔云：若能轉物，即同如來，以心外無物，物即是心，但心離分別，即是正智般若，周遍法界，無有障礙。是故西方水鳥樹林，悉皆說法。今不見鳥樹說法，以未離念故。起信云：離念相者，等虛空界。是故，虛空界中，普皆說法。

(演)若能轉物二句，是楞嚴經文。文云：一切眾生，

迷己為物，為物所轉。是故於中，觀大觀小，若能轉物，即同如來。以心外無物六句，是鈔中釋辭。心外無物，物即是心，是明色心不二。但離分別，即是般若。無有障礙，是明離念相者，等虛空界。鈔意謂經所云轉物者，非是有物可轉，蓋以心外並無有物，一切物皆即是心，而所以見有物者，以心生分別故。但一念不生，全體即自顯現。所以經說：若能轉物，即同如來也。以此觀之，可見自性般若周遍法界，而西方水鳥樹林，自悉皆說法也。起信離念相者，等虛空界者，論文云：所言覺義者，謂心體離念。離念相者，等虛空界，無所不遍。法界一相，即是如來平等法身。

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh Bát Nhã trọn khắp pháp giới là ý nghĩa chim và cây thuyết pháp.

Sao: Thủ Lăng Nghiêm Sao giảng: “Nếu có thể chuyển vật, liền giống như Như Lai, là vì ngoài tâm chẳng có vật, vật chính là tâm, nhưng tâm là phân biệt, chính là chánh trí Bát Nhã, trọn khắp pháp giới, chẳng có chướng ngại”. Vì thế, tại Tây Phương, nước, chim, rừng cây thấy đều thuyết pháp. Nay [trong cõi Sa Bà này] chẳng thấy chim, cây thuyết pháp là do chưa là niệm. Luận Khởi Tín nói: “Tướng ly niệm bằng với hư không giới”. Vì thế, trong hư không giới, đều thuyết pháp trọn khắp.

Diễn: Hai câu “nếu có thể chuyển vật...” chính là kinh văn trong Lăng Nghiêm. Kinh văn như sau: “Hết thấy chúng sanh do mê mất, ngộ chính mình là vật, bị vật xoay chuyển. Do vậy, thấy lớn, thấy nhỏ trong ấy. Nếu có thể chuyển vật, sẽ giống như Như Lai”. Sáu câu “do ngoài tâm chẳng có vật...” là lời giải thích trong [Lăng Nghiêm Kinh] Sao. “Ngoài tâm chẳng có vật, vật chính là tâm”, nói rõ sắc và tâm chẳng hai. “Chỉ là phân biệt” tức là Bát Nhã. “Chẳng có chướng ngại” là nói tướng của ly niệm bằng với hư không giới. Lời Sao có nghĩa là: Kinh nói “chuyển vật”, chẳng phải là có vật để có thể chuyển; bởi lẽ, ngoài tâm trọn chẳng có vật, hết thấy các vật đều chính là tâm. Sở dĩ thấy có vật là do tâm sanh phân biệt. Nhưng một niệm chẳng sanh, toàn thể bèn tự hiển hiện. Do đó, kinh nói: “Nếu có thể chuyển vật, ắt giống như Như Lai”. Xét theo điều này, có thể thấy là tự tánh Bát Nhã trọn khắp pháp giới, mà nước, chim, rừng cây trong Tây Phương đều tự nói pháp.

“Luận Khởi Tín nói: Tướng ly niệm bằng với hư không giới”. Luận [Khởi Tín] có nói: “Nói đến nghĩa Giác là nói tâm thể ly niệm. Tướng ly niệm bằng với hư không giới, không đâu chẳng trọn khắp. Pháp giới một tướng chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai”).

Nhị, chánh báo (nhị): Sơ, hóa chủ. Nhị, hóa bạn.

Sơ, hóa chủ (nhị): Sơ, trưng danh. Nhị, hiển đức.

Sơ, trưng danh.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bĩ Phật hà cố hiệu A Di Đà?

(Sớ) Thượng minh y báo chi thắng, nhi y tùng chánh sanh, cố thứ minh chánh báo. Ư ý vân hà? Thẩm kỳ giải phủ dã. Dĩ tri bĩ Phật hiệu A Di Đà, vị tri kỳ nghĩa. Dĩ bĩ Phật nãi nhất kinh chánh chủ, cố tu thẩm vấn.

(Diễn) Y tùng chánh sanh giả, nhược cứ ngoại giáo, tắc tùng Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, thanh trực diện vị, Tam Tài triệu phân, tắc chánh tùng y sanh. Kim nội giáo tắc y tùng chánh sanh. Nhất niệm vô minh, dẫn sanh tam tế. Cảnh giới vi duyên, dẫn khởi lục thô. Sơn hà đại địa, nhân vô minh nhi hữu, vọng tưởng nhi thành, y tùng chánh sanh dã.

二、正報(二)：初、化主。二、化伴。

初、化主(二)：初、徵名。二、顯德。

初、徵名。

(經)舍利弗！於汝意云何？彼佛何故號阿彌陀？

(疏)上明依報之勝，而依從正生，故次明正報。於意云何？審其解否也。已知彼佛號阿彌陀，未知其義。以彼佛乃一經正主，故須審問。

(演)依從正生者，若據外教，則從太極生兩儀，兩儀生四象，四象生八卦，清濁奠位，三才肇分，則正從依生。今內教則依從正生。一念無明，引生三細。境界為緣，引起六粗。山河大地，因無明而有，妄想而成，依從正生也。

(Hai là chánh báo (gồm hai phần): Một là hóa chủ. Hai là hóa bạn (những người được giáo hóa và giúp Phật giáo hóa).

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bốn - Phần II

Thứ nhất là hóa chủ (gồm hai phần): Một là gạn hỏi danh hiệu. Hai là hiển lộ phẩm đức.

Trước hết là phần gạn hỏi danh hiệu.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật ấy vì sao hiệu là A Di Đà?*

Sớ: *Những phần trên đã nói về sự thù thắng nơi y báo, nhưng y báo sanh từ chánh báo; do vậy, tiếp theo đây, sẽ nói về chánh báo. “Ý ông nghĩ sao?”: Xét coi ngài Xá Lợi Phất có hiểu hay không? Đã biết đức Phật ấy hiệu là A Di Đà, nhưng chưa biết ý nghĩa. Do đức Phật ấy là nhân vật chủ yếu của một bộ kinh, nên cần phải xét hỏi.*

Diễn: *“Y báo sanh từ chánh báo”: Nếu xét theo ngoại giáo, ắt từ Thái Cực sanh ra Luân Ngộ, Luân Ngộ sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, thanh và trọc đã được đặt vững vị trí, Tam Tài mới tách biệt, [hiểu theo cách như vậy] thì chánh báo sanh từ y báo. Nay xét theo nội giáo (Phật giáo) thì y báo sanh từ chánh báo. Một niệm vô minh dẫn khởi sanh ra ba tế tướng. Cảnh giới làm duyên, dẫn khởi sáu thô tướng. Núi, sông, đại địa, do vô minh mà có, do vọng tưởng mà thành, [tức là] y báo sanh từ chánh báo).*

(Sao) *Chánh chủ giả, báo hữu y chánh, Phật cư kỳ chánh cố. Chánh hữu chủ bạn, Phật vi kỳ chủ cố. Nghĩa tu thẩm giả, dĩ Di Đà vạn đức chi hiệu, kỳ nghĩa thâm quảng, ưng vi khai xiển, sử nhân hiểu liễu, sanh hướng mộ cố.*

(鈔) *正主者，報有依正，佛居其正故。正有主伴，佛為其主故。義須審者，以彌陀萬德之號，其義深廣，應為開闡，使人曉了，生向慕故。*

(Sao: *“Chánh, chủ”: Do báo có y và chánh, Phật thuộc về chánh. Trong chánh báo, lại có chủ và bạn, Phật là chủ; cần phải xét rõ ý nghĩa. Do danh hiệu Di Đà vạn đức, ý nghĩa sâu rộng, hãy nên khai thị, xiển dương, khiến cho người khác hiểu rõ, sanh lòng ngưỡng mộ, hướng về).*

(Sớ) *Xưng Lý, tác tự tánh chánh tư duy, thị “ư ý vân hà” nghĩa.*

(Sao) *Trù lượng danh Ý, thể nhân khởi ư ý thức, niệm niệm trực ngoại trừ lượng, thị tà tư duy dã. Toàn kỳ ý thức, khẩu kỷ nhi tham, tư chi hựu tư, tư tận hoàn nguyên, tư vô sở tư, toàn thân tức thọ tức quang, hà luận bỉ Phật, thử Phật?*

(Diễn) Trù lượng danh Ý giả, Tướng Tông vân: “Tập khởi danh Tâm, tập chư chủng tử, khởi chư hiện hành cố. Trù lượng danh Ý, trừ lự tư lượng, tự phân cảnh giới cố. Liễu biệt danh Thức, chiếu liễu phân biệt tiền cảnh giới cố”. Hựu Ý giả, tức đệ thất thức. Trù lượng giả, tư duy trừ lượng, đệ bát Kiến Phân thị Ngã cố dã. Thử chánh thủ đệ thất Tâm Vương tự thể tư lượng danh Ý, diệc kiêm thủ Biến Hành ngũ sở trung Tư dã. Ý thức vị ý chi thức, tức đệ lục thức dã. Luận vân: “Ngôn ý thức giả, tức thử Tương Tục Thức, y chư phàm phu thủ trước chuyển thân, kế ngã, ngã sở, chủng chủng vọng chấp, tùy sự ban duyên, phân biệt lục trần, danh vi Ý Thức, diệc danh Phân Ly Thức, hựu phục thuyết danh Phân Biệt Sự Thức”, thị dã. Niệm niệm trực ngoại trừ lượng giả, niệm niệm tùy trực ngoại trần, tư lượng, trừ độ, tăng bất tam ly, nhất dạ an u mê loạn, nhi bất giác dã, duy sanh, duy tử, tự nhược u phân nhiều chi trung, vô cố, vô kim, tương vong u tán loạn chi nội, khả cụ dã. Toàn kỳ ý thức giả, vị sơ tâm nhân, vị năng cự y nghiệp thức tu hành, chỉ khả tức tự ý thức hồi quang phản chiếu dã. Cố chư tu hành nhân vị đắc định giả, giai tán vị độc đầu ý thức vi quán Thể. Đắc thượng định giả, diệc thị định ý thức Hiện Lượng quán sát dã. Khẩu kỷ nhi tham giả, vị bất trực ngoại trừ lượng, dẫn hướng nhất cú A Di Đà Phật thượng trước đảo, niệm niệm thể sát, niệm niệm cứu thắm, cục kỳ căn nguyên dã. Tư tận hoàn nguyên giả, tức sở vị thể cứu chi cực, u tự bốn tâm, hốt nhiên khế hợp dã. Tư vô sở tư giả, tức niệm nhi vô niệm, thị ly niệm cảnh giới. Sở vị viễn ly vi tế niệm cố, đắc kiến tâm tánh, tâm tức thường trụ dã. Hựu phục thử tức bất tư chi tư, thị nhậm vận thanh tịnh chi ý, cố Phật quả đệ thất, diệc danh vi Ý.

(疏)稱理，則自性正思惟，是於意云何義。

(鈔)籌量名意，世人起於意識，念念逐外籌量，是邪思惟也。旋其意識，扣己而參，思之又思，思盡還源，思無所思，全身即壽即光，何論彼佛，此佛？

(演)籌量名意者，相宗云：集起名心，集諸種子，起諸現行故。籌量名意，籌慮思量，自分境界故。了別名識，照了分別前境界故。又意者，即第七識。籌量者，思惟籌量，第八見分是我故也。此正取第七心王自體思量名意，亦兼取遍行五所中思也。意識謂意之識，即第六識

也。論云：言意識者，即此相續識，依諸凡夫取著轉深，計我我所，種種妄執，隨事扳緣，分別六塵，名為意識，亦名分離識，又復說名分別事識，是也。念念逐外籌量者，念念隨逐外塵，思量籌度，曾不暫離，日夜安於迷亂，而不覺也，唯生唯死，自若於紛擾之中，無古無今，相忘於散亂之內，可懼也。旋其意識者，謂初心人，未能遽依業識修行，只可即就意識回光返照也。故諸修行人未得定者，皆散位獨頭意識為觀體。得上定者，亦是定意識現量觀察也。扣己而參者，謂不逐外籌量，但向一句阿彌陀佛上著倒，念念體察，念念究審，鞫其根源也。思盡還源者，即所謂體究之極，於自本心，忽然契合也。思無所思者，即念而無念，是離念境界。所謂遠離微細念故，得見心性，心即常住也。又復此即不思之思，是任運清淨之意，故佛果第七，亦名為意。

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh chánh tư duy là ý nghĩa của câu “ý ông nghĩ sao”.

Sao: Trừ tính, suy lường thì gọi là Ý. Người đời dấy lên ý thức, niệm niệm trừ tính, suy lường theo [trần cảnh] bên ngoài, đó là tà tư duy. Xoay chuyển ý thức, quay trở lại tham cứu chính mình, suy đi nghĩ lại, suy nghĩ cho đến khi hết hẳn suy nghĩ, sẽ trở về nguồn. Suy nghĩ mà không còn có gì để suy nghĩ nữa, toàn thân chính là thọ, là quang, còn luận định Phật này, Phật kia chi nữa?

Diễn: “Trừ tính, suy lường thì gọi là Ý”: Tương Tông nói: “Tập khởi thì gọi là Tâm, vì [tâm] gom góp các chủng tử, khởi lên các hiện hành. Trừ tính suy lường gọi là Ý, do nó suy tính, lo toan, cân nhắc, thuộc về cảnh giới của chính mình. Thấu hiểu phân biệt rõ ràng thì gọi là Thức, vì nó soi tỏ, phân biệt rõ ràng cảnh giới bên ngoài”. Lại nữa, Ý là thức thứ bảy. “Trừ lường” là suy nghĩ, toan tính, so lường, dùng Kiến Phần [của thức] thứ tám làm Ngã vậy. Đây là chủ yếu dựa trên [đặc tánh] tự thể suy nghĩ, so lường của Tâm Vương thứ bảy mà gọi là Ý, cũng lấy kèm thêm [ý nghĩa của] Tư [Tâm Sớ] trong năm món Tâm Sớ thuộc loại Biến Hành.

Ý Thức là nói thức của ý, tức thức thứ sáu. Luận viết: “Nói đến Ý Thức thì chính là Tương Tục Thức, nương theo sự chấp giữ của phàm

phu mà chuyển thành sâu đậm. So đo ngã và ngã sở, các thứ chấp trước hư vọng, nắm níu theo sự, phân biệt sáu trần, nên gọi là Ý Thức. Còn gọi là Phân Ly Thức, lại còn nói là Phân Biệt Sự Thức” chính là nói về điều này.

“Niệm niệm trừ tính, suy lường theo bên ngoài”: Niệm nào cũng đuổi theo ngoại trần, suy nghĩ, trừ tính, cân nhắc, chưa từng tạm lìa, ngày đêm ở yên trong mê loạn mà chẳng nhận biết. Chỉ sống, chỉ chết, tự đặt mình trong sự nhiễu loạn, chẳng xưa, chẳng nay, quên bẵng trong tán loạn, đáng sợ thay!

“Xoay chuyển ý thức”, ý nói kẻ sơ tâm chẳng thể dựa ngay trên nghiệp thức để tu hành, chỉ có thể từ ngay nơi ý thức mà hồi quang phản chiếu. Vì lẽ đó, người tu hành mà chưa đắc Định đều dùng tán vị độc đầu ý thức làm Quán Thế. Người đã đắc Định bậc thượng cũng là dùng Hiện Lượng ý thức của Định để quán sát.

“Tham cứu chính mình” là chẳng trừ tính, suy lường theo [trần cảnh] bên ngoài, chỉ hướng về một câu A Di Đà Phật mà nghiền ngẫm, niệm niệm nghĩ xét, niệm niệm tham cứu cặn kẽ, tra xét nguồn cội của nó.

“Đã hết suy nghĩ bèn trở về nguồn” chính là nói suy xét, thấu hiểu đến tận cùng, tổng hợp bản tâm của chính mình. “Nghĩ mà không có gì để nghĩ” chính là niệm mà vô niệm, là cảnh giới ly niệm, tức là xa lìa niệm vi tế. Được thấy tâm tánh, tâm chính là thường trụ. Điều này lại còn là chẳng nghĩ mà nghĩ, ý mặc lòng thanh tịnh, cho nên trong Phật quả, thức thứ bảy cũng gọi là Ý).

Nhị, hiển đức (nhị): Sơ, danh hàm đa nghĩa. Nhị, đạo thành viên kiếp.

Sơ, danh hàm đa nghĩa (nhị): Sơ, quang minh vô lượng. Nhị, thọ mạng vô lượng.

Sơ, quang minh vô lượng.

(Kính) Xá Lợi Phất! Bửu Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vì A Di Đà.

(Sớ) Vô lượng dĩ như tiền thích. Nhiên vị tri vô lượng đắc danh chi cố; kim vị thị quang minh, thọ mạng, nhị giai vô lượng dã. Quang minh giả hữu nhị: Nhất giả, trí quang. Nhị giả, thân quang. Phục hữu nhị nghĩa: Nhất giả, thường quang. Nhị giả, phóng quang. Hựu quang sở nhân, phục hữu nhị nghĩa: Nhất, thị vạn đức sở thành. Nhị, thị bốn nguyện sở trí.

(Diễn) *Tiền thích tức chúng đa vô hữu số lượng, quảng đại vô hữu hạn lượng.*

二、顯德(二)：初、名含多義。二、道成遠劫。

初、名含多義(二)：初、光明無量。二、壽命無量。

初、光明無量。

(經)舍利弗！彼佛光明無量，照十方國，無所障礙。是故號為阿彌陀。

(疏)無量已如前釋。然未知無量得名之故；今謂是光明壽命，二皆無量也。光明者有二：一者，智光。二者，身光。復有二義：一者，常光。二者，放光。又光所因，復有二義：一、是萬德所成。二、是本願所致。

(演)前釋即眾多無有數量，廣大無有限量。

(Hai, hiển đức (gồm hai phần): Một là danh hiệu bao hàm nhiều ý nghĩa. Hai là Phật đã thành đạo từ nhiều kiếp lâu xa.

Một, danh hiệu bao hàm nhiều ý nghĩa (gồm hai phần): Một, quang minh vô lượng. Hai, thọ mạng vô lượng.

Trước hết là phần quang minh vô lượng.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi nước chẳng bị chướng ngại. Vì thế, hiệu là A Di Đà.*

Sớ: *Chữ “vô lượng” như trong các phần trước đã giải thích, nhưng chưa biết nguyên nhân vì sao được gọi là vô lượng. Nay nói là do hai thứ quang minh và thọ mạng đều vô lượng. Quang minh có hai thứ, một là trí quang, hai là thân quang. Lại có hai nghĩa, một là thường quang, hai là phóng quang. Nói đến cái nhân của quang minh thì lại có hai nghĩa, một là do muôn đức tạo thành, hai là do bốn nguyện tạo nên như vậy.*

Diễn: *“Phần trước đã giải thích”: Số lượng rất nhiều, rộng lớn chẳng có hạn lượng [thì gọi là “vô lượng”]).*

(Sao) *Tiền thích quang minh đã. Trí quang, thân quang giả, như Lô Xá Na, thủ vân Quang Minh Biến Chiếu. Tự Thọ Dụng Thân, chiếu chân pháp giới, thị danh “trí quang”. Tha Thọ Dụng Thân, biến chiếu đại chúng, thị danh “thân quang”. Hựu Niết Bàn vân: “Lưu Ly Quang Bồ Tát, phóng thân quang minh. Văn Thù ngôn: - Quang minh giả, danh vì trí huệ, tức Sự Lý viên dung, thân trí bất nhị đã”.*

(Diễn) *Tự Thọ Dụng Thân chiếu chân pháp giới giả, nãi vô tướng chỉ thân, dĩ công đức trí huệ vi Thể, cố chiếu Nhất Chân pháp giới. Tha Thọ Dụng Thân biến chiếu đại chúng giả, nãi hữu tướng chỉ thân, dĩ sắc tâm vi Thể, vi Thập Địa Bồ Tát hiện khởi, cố biến chiếu đại chúng. Thử ước thân trí phân thích. Quang minh danh vi trí huệ giả, nhược thân quang bất thị trí huệ, tắc đồng, thổ, thạch, mộc ngẫu vô tình. Nhược trí huệ bất tức thân quang, tắc trí huệ hữu sở bất biến. Cố thân quang chỉ Sự, tức trí huệ chỉ Lý, viên dung bất nhị dã. Thử ước thân trí hợp thích.*

(鈔)先釋光明也。智光，身光者，如盧舍那，此云光明遍照。自受用身，照真法界，是名智光。他受用身，遍照大眾，是名身光。又涅槃云：琉璃光菩薩，放身光明。文殊言：光明者，名為智慧，則事理圓融，身智不二也。

(演)自受用身照真法界者，乃無相之身，以功德智慧為體，故照一真法界。他受用身遍照大眾者，乃有相之身，以色心為體，為十地菩薩現起，故遍照大眾。此約身智分釋。光明名為智慧者，若身光不是智慧，則同土石木偶無情。若智慧不即身光，則智慧有所不遍。故身光之事，即智慧之理，圓融不二也。此約身智合釋。

Sao: Trước hết, giải thích về quang minh. “Trí quang và thân quang”: Như Lô Xá Na, cõi này dịch là “quang minh chiếu trọn khắp”. Tự Thọ Dụng Thân, chiếu chân pháp giới, nên gọi là Trí Quang. Tha Thọ Dụng Thân chiếu khắp đại chúng, được gọi là Thân Quang. Kinh Niết Bàn lại nói: “Lưu Ly Quang Bồ Tát phóng quang minh từ nơi thân. Ngài Văn Thù nói: - Quang minh có tên là trí huệ, tức là Sự Lý viên dung, thân và trí chẳng hai”.

Diễn: “Tự Thọ Dụng Thân chiếu chân pháp giới” chính là thân vô tướng, dùng công đức và trí huệ làm Thể, cho nên chiếu Nhất Chân pháp giới. “Tha Thọ Dụng Thân chiếu khắp đại chúng” chính là thân hữu tướng. [Thân ấy] lấy sắc và tâm làm Thể, do Thập Địa Bồ Tát hiện khởi, cho nên chiếu trọn khắp đại chúng. Đây là tách rời Thân và Trí để giải thích.

“Quang minh gọi là trí huệ”: Nếu thân quang chẳng phải là trí huệ, ắt sẽ giống như đất, đá, tượng gỗ vô tình. Nếu trí huệ chẳng phải là thân quang, ắt trí huệ có chỗ chẳng trọn khắp. Vì thế, Sự nơi thân quang

chính là Lý nơi trí huệ, viên dung, chẳng hai. Đây là gộp chung Thân và Trí để giải thích).

(Sao) Thường quang, phóng quang giả, thường sở hiển quang, vô phóng bất phóng, như viên quang nhất Tâm đẳng, thị dã. Phóng quang giả, hoặc ư mi gian, hoặc ư đảnh thượng, hoặc khẩu, hoặc xỉ, hoặc tễ, hoặc túc chi loại, thị dã. Kim ngôn quang giả, chánh ý tại Thường, nhi diệc kiêm Phóng, cập dữ thân trí. Như Đại Bốn ngôn: “Nhĩ thời, A Di Đà Phật, từng kỳ diện môn, phóng vô lượng quang”. Hựu vân: “Ngã dĩ trí huệ quang, quảng chiếu vô ương giới cố”. Vạn đức sở thành giả, Hoa Nghiêm Hiền Thủ phẩm, khai tứ thập tứ môn quang minh, các xuất kỳ nhân, hoặc quy Tam Bảo, hoặc phát Tứ Hoàng, Tam Học, Lục Độ chỉ sở thành tựu, nhất nhất kết vân: “Thị cố đắc thành thử quang minh”. Hựu Bát Nhã kinh, Phật ngôn: “Ngã ư nhất thiết pháp vô sở chấp, cố đắc thường quang nhất tâm”. Tắc tri kim Phật quang minh, phi nhất đức sở trí dã.

(Diễn) Tứ thập tứ quang giả, từng thí Thiện Hiệן Chiếu Diệu. chung chí Xúc Pháp Thanh Tịnh. Ngã ư nhất thiết vô sở chấp, đắc thường quang giả, chư Phật quang minh từng trí huệ sanh. Phàm phu chấp trọng, trí huệ bất sanh. Trí huệ bất sanh, quang minh hà hữu? Cố đẳng tận nhất thiết chấp giả, nãi năng phát quang minh dã. Hựu, hữu sở chấp giả thức tình, vô sở chấp giả trí huệ. Kỳ hữu trí quang, khởi vô thân quang?

(鈔)常光放光者，常所顯光，無放不放，如圓光一尋等，是也。放光者，或於眉間，或於頂上，或口，或齒，或臍，或足之類，是也。今言光者，正意在常，而亦兼放，及與身智。如大本言：爾時，阿彌陀佛，從其面門，放無量光。又云：我以智慧光，廣照無央界故。萬德所成者，華嚴賢首品，開四十四門光明，各出其因，或歸三寶，或發四弘，三學，六度之所成就，一一結云：是故得成此光明。又般若經，佛言：我於一切法無所執，故得常光一尋。則知今佛光明，非一德所致也。

(演)四十四光者，始從善現照耀。終至觸法清淨。我於一切無所執，得常光者，諸佛光明從智慧生。凡夫執

重，智慧不生。智慧不生，光明何有？故蕩盡一切執者，乃能發光明也。又，有所執者識情，無所執者智慧。既有智光，豈無身光？

(Sao: “Thường quang, phóng quang”: Thường quang là quang minh hiển lộ, chẳng [cần phân biệt] có tỏa ra ngoài hay không, như [kinh nói] viên quang chiếu xa một Tâm v.v... chính là nói về thường quang. Phóng quang là như từ nơi giữa hai mày, hoặc từ trên đỉnh đầu, hoặc từ miệng, hoặc từ răng, hoặc từ rốn, hoặc từ chân v.v... [tỏa ra ánh sáng] là nói về loại này. Nay nói đến quang thì ý nghĩa chánh yếu là nói đến thường quang, mà cũng kèm thêm phóng quang, cùng với thân quang và trí quang. Như kinh Đại Bản nói: “Khi ấy, A Di Đà Phật từ nơi diện môn của Ngài, tỏa ra vô lượng quang minh”. Lại nói: “Ta dùng trí huệ quang chiếu rộng khắp vô ương cõi”.

“Do muôn đức tạo thành”: Phẩm Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm có nói bốn mươi bốn môn quang minh. Đối với mỗi loại quang minh, đều nêu ra cái nhân, hoặc quy vào Tam Bảo, hoặc do phát Tứ Hoảng, Tam Học, Lục Độ thành tựu. Mỗi môn quang minh đều được kết thúc bằng câu: “Do vậy, được thành quang minh này”. Lại nữa, trong kinh Bát Nhã, đức Phật nói: “Đối với hết thấy các pháp, ta chẳng chấp trước, nên đạt được thường quang chiếu xa một Tâm”. Do đó biết quang minh của Phật chẳng phải do một đức tạo nên.

Diễn: “Bốn mươi bốn loại quang minh”: Bắt đầu là [loại quang minh có tên là] Thiện Hiện Chiếu Diệu, cuối cùng là Xúc Pháp Thanh Tịnh. “Đối với hết thấy, ta chẳng chấp trước, nên đắc thường quang”: Quang minh của chư Phật sanh từ trí huệ. Phàm phu chấp trước nặng nề, chẳng sanh trí huệ. Trí huệ chẳng sanh, làm sao có quang minh? Vì thế, gột sạch hết thấy chấp trước thì mới có thể phát sanh quang minh. Lại nữa, có điều gì chấp trước thì là thức tình, chẳng có chấp trước bèn là trí huệ. Đã có trí quang, lẽ nào chẳng có thân quang?)

(Sao) **Bổn nguyện sở trí giả, Đại Bản Pháp Tạng nguyện vân:** “Ngã tác Phật thời, đắc trung quang minh, thắng u nhật nguyệt bách thiên vạn ức bội”. **Hựu nguyện vân:** “Nguyện ngã tác Phật thời, quang minh chiếu vô ương số thiên hạ, u minh chi xứ, giai đương đại minh. Chư thiên nhân dân, dĩ cập quyên nhuyển, kiến ngã quang minh, mạc bất từ tâm, tác thiện, lai sanh ngã quốc”. **Hựu nguyện tiền kệ vân:** “Năng sử vô lượng sát, quang minh tất chiếu diệu”. Cổ kim

thành Phật, đặc như sở nguyện.

(鈔)本願所致者，大本法藏願云：我作佛時，頂中光明，勝於日月百千萬億倍。又願云：願我作佛時，光明照無央數天下，幽冥之處，皆當大明。諸天人民，以及蜎蜎，見我光明，莫不慈心作善，來生我國。又願前偈云：能使無量剎，光明悉照耀。故今成佛，得如所願。

(Sao: “Do bốn nguyện tạo thành”: Trong kinh Đại Bốn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, quang minh nơi đỉnh đầu vượt xa mặt trời, mặt trăng trăm ngàn vạn ức lần”. Lại nguyện rằng: “Nguyện khi tôi thành Phật, quang minh chiếu vô ương số thiên hạ, chỗ tối tăm đều sẽ sáng bừng. Chư thiên nhân dân, cùng với các loài ngọ nguậy, bò trườn, thấy quang minh của tôi, không ai chẳng từ tâm, làm lành, sanh về nước tôi”. Trong bài kệ trước phân phát nguyện lại nói: “Hay khiến vô lượng cõi, quang minh ắt chói ngời”. Do đó, nay Ngài thành Phật, được như sở nguyện).

(Sớ) Vô lượng giả, ngôn sở chiếu chi quảng dã. Thập phương giả, bất đồng tha kinh chiếu nhất phương cố. Vô chương ngại giả, bất đồng nhật quang, do hữu ngại cố.

(Sao) “Bất đồng tha kinh” giả, như Pháp Hoa Đông chiếu, tắc bất thuyết dư phương. Vạn bát thiên, tắc bất cai dư quốc. Nghĩa các hữu thủ cố, kim tắc tứ duy thượng hạ, nhất thiết quốc độ, vô bất chiếu cố.

(Diễn) Nghĩa các hữu thủ giả, Đông phương vi Chấn, Chấn vi quân động chi thủ. Động tức bất động, biểu bất động trí dã. Vạn bát thiên giả, biểu phiên phá thập bát giới vô minh, dĩ nhất giới hữu bách giới thiên như, thành vạn bát thiên cố.

(疏)無量者，言所照之廣也。十方者，不同他經照一方故。無障礙者，不同日光，猶有礙故。

(鈔)不同他經者，如法華東照，則不說餘方。萬八千，則不該餘國。義各有取故，今則四維上下，一切國土，無不照故。

(演)義各有取者，東方為震，震為群動之首。動即不動，表不動智也。萬八千者，表翻破十八界無明，以一界

有百界千如，成萬八千故。

(Sớ: “Vô lượng”: Ý nói chiếu rộng khắp. “Mười phương”: Chẳng giống như các kinh khác chỉ chiếu một phương. “Vô chướng ngại”: Chẳng giống như ánh sáng mặt trời còn bị chướng ngại.

Sao: “Chẳng giống như kinh khác”: Như kinh Pháp Hoa nói [đức Phật phóng quang chiếu các cõi nước] ở phương Đông, tức là chẳng nói đến những phương khác. [Kinh Pháp Hoa chỉ nói quang minh ấy chiếu thấu] một vạn tám ngàn cõi, tức là chẳng bao gồm các nước khác. Xét ra, mỗi kinh có ý nghĩa riêng biệt, nay thì [kinh này nói] bốn phương, trên dưới, hết thấy các cõi nước, không đâu chẳng chiếu.

Diễn: “Mỗi kinh có ý nghĩa riêng biệt”: Phương Đông là quê Chấn, Chấn đứng đầu mọi thứ dao động. Động chính là bất động, biểu thị trí bất động. “Một vạn tám ngàn” biểu thị lật đổ, phá trừ vô minh thuộc mười tám giới. Do mỗi giới lại có bách giới thiên như, thành ra một vạn tám ngàn vậy).

(Sao) **Bất đồng nhật quang giả, nhật tuy hữu quang, Tu La yểm chi tắc ngại, Thiết Vi lưỡng gian tắc ngại, phúc bồn chi hạ tắc ngại. Hựu Diêm Phù minh, tắc Đan Việt ngại; Cù Da minh, tắc Phất Vu ngại. Kim tắc triệt sơn thấu bích, thông u, đạt minh, vô năng giá chướng sử quang ẩn một, vô năng cách ngại sử quang đoạn tuyệt cố. Như Đại Bản vân: “Bỉ Phật quang minh, tối vi viễn trước, chư Phật quang minh sở bất năng cập”. Thập phương chư Phật đánh trung quang minh, hữu chiếu nhất lý giả, nhị lý giả. Như thị tiệm viễn, hữu chiếu nhị bách vạn lý giả. Hữu chiếu nhất thể giới giả, nhị thể giới giả. Như thị tiệm viễn, hữu chiếu nhị bách vạn thể giới giả. Duy A Di Đà Phật quang minh, chiếu thiên vạn thể giới, vô hữu cùng tận. Cổ hiệu Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, nãi chí Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật, giai quang minh vô lượng nghĩa dã. Quán Kinh vân: “Bỉ Phật viên quang, như bách ức tam thiên đại thiên thể giới”. Hựu vân: “Bỉ Phật hữu bát vạn tứ thiên tướng, nhất nhất tướng, hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo. Nhất nhất hảo, hữu bát vạn tứ thiên quang minh, biến chiếu thập phương niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả”. Hựu Đại Bản ngôn: “A Nan đầu nãi trước địa, xưng Phật danh hiệu, lễ vị khởi tể, Phật phóng đại quang minh, biến thập phương thượng hạ”, giai quang minh vô lượng nghĩa dã. Hoặc nạn: “Nhật do hữu ngại, thế sở cộng tri. Phật quang**

vô ngại, đương hữu hà cứ?” Đáp: Tu Đạt lão nữ, bất nguyện kiến Phật, tỵ nhập thâm khuê, Phật quang sở cập, viên bích câu triệt, nội ngoại tứ phương, hằng dữ Phật đối, tức vô ngại chi trung dã.

(Diễn) Bửu Phật quang minh tối vi viễn giả, dĩ dữ chúng sanh duyên thâm, bị cơ phổ biến cố. Hựu kinh kinh tất tự tán, ức đương tùy thời diệt vô ngại. Hoặc nạn: “Phật quang ký viễn, kim hà bất kiến?” Viết: Phật quang bốn biển, chúng sanh tự mê, dĩ phiền não tâm chướng trí huệ nhân cố. Như nhật quang biến chiếu, manh giả bất kiến, thị manh giả quá, phi nhật nguyệt cứu dã. Chư Phật quang minh sở bất năng cập giả, hoặc hữu nạn vân: “Phật Phật đạo đồng, tắc quang minh diệt đồng! Kim Phật quang viễn cận huyền thù giả, hà dã?” Viết: Phật quang thật đồng, nhân cơ hiện dị.

(鈔)不同日光者，日雖有光，修羅掩之則礙，鐵圍兩間則礙，覆盆之下則礙。又閻浮明，則單越礙；瞿耶明，則弗于礙。今則徹山透壁，通幽達冥，無能遮障使光隱沒，無能隔礙使光斷絕故。如大本云：彼佛光明，最為遠著，諸佛光明所不能及。十方諸佛頂中光明，有照一里者，二里者。如是漸遠，有照二百萬里者。有照一世界者，二世界者。如是漸遠，有照二百萬世界者。唯阿彌陀佛光明，照千萬世界，無有窮盡。故號無量光佛，無邊光佛，無礙光佛，乃至超日月光佛，皆光明無量義也。觀經云：彼佛圓光，如百億三千大千世界。又云：彼佛有八萬四千相，一一相，有八萬四千隨形好。一一好，有八萬四千光明，遍照十方念佛眾生，攝取不捨。又大本言：阿難頭腦著地，稱佛名號，禮未起際，佛放大光明，遍十方上下，皆光明無量義也。或難：日猶有礙，世所共知。佛光無礙，當有何據？答：須達老女，不願見佛，避入深閨，佛光所及，垣壁俱徹，內外四方，恆與佛對，即無礙之徵也。

(演)彼佛光明最為遠者，以與眾生緣深，被機普遍故。又經經必自讚，抑揚隨時亦無礙。或難：佛光既遠，今何不見？曰：佛光本遍，眾生自迷，以煩惱心障智慧眼

故。如日光遍照，盲者不見，是盲者過，非日月咎也。諸佛光明所不能及者，或有難云：佛佛道同，則光明亦同！今佛光遠近懸殊者，何也？曰：佛光實同，因機現異。

(Sao: “Chẳng giống như ánh sáng mặt trời”: Mặt trời tuy có quang minh, nhưng bị Tu La che bèn bị trở ngại, giữa hai núi Thiết Vi bèn bị trở ngại, dưới đáy châu úp thì bị trở ngại. Lại nữa, châu Diêm Phù sáng thì châu Đan Việt tối tăm, châu Cù Da sáng thì châu Phất Vu tối tăm. Nay [Phật quang] soi núi, xuyên tường, thông đạt tới chỗ tối tăm, u ám, không gì có thể ngăn che khiến cho quang minh ấy bị ẩn mất; không gì có thể cách ngăn khiến cho quang minh ấy bị đoạn tuyệt.

Như kinh Đại Bản nói: “Quang minh của đức Phật ấy chiếu xa nhất, quang minh của chư Phật chẳng thể sánh bằng”. Quang minh từ trên đỉnh đầu của mười phương chư Phật có vị chiếu xa một dặm, hai dặm. Dần dần xa hơn như thế, có vị chiếu đến hai trăm vạn dặm, có vị chiếu xa một thế giới, hai thế giới. Dần dần xa hơn như thế, có vị chiếu hai trăm vạn thế giới. Chỉ riêng quang minh của A Di Đà Phật là chiếu ngàn vạn thế giới chẳng có cùng tận. Vì thế, Ngài có hiệu là Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, cho đến Siêu Nhứt Nguyệt Quang Phật, đều có nghĩa là quang minh vô lượng.

Quán Kinh nói: “Viên quang của đức Phật ấy như trăm ức tam thiên đại thiên thế giới”. Lại nói: “Đức Phật ấy có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi một tướng có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Mỗi một hảo có tám vạn bốn ngàn quang minh, chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương, nhiếp thủ chẳng bỏ”. Lại nữa, kinh Đại Bản nói: “A Nan gieo đầu xuống đất, xưng danh hiệu Phật, trong lúc lễ bái, chưa đứng dậy, Phật đã phóng quang minh to lớn, trọn khắp mười phương trên dưới”, đều là ý nghĩa quang minh vô lượng vậy.

Chắc là có kẻ cật vấn: “[Ánh sáng của] mặt trời còn bị trở ngại, cỗi đời đều biết. Phật quang chẳng trở ngại, có căn cứ gì chẳng?” Đáp: Người tở gái già của trưởng giả Tu Đạt chẳng muốn thấy Phật, trốn vào trong phòng kín, Phật quang vẫn chiếu tới, tường vây đều xuyên qua, trong, ngoài, bốn phương, [dẫu bà ta chạy trốn đến đâu cũng] đều luôn đối trước Phật. Đây chính là chứng có [Phật quang] vô ngại vậy.

Diễn: “Quang minh của đức Phật ấy xa nhất”: Do có duyên sâu đậm với chúng sanh, thích hợp căn cơ phổ biến nhất. Lại đối với kinh nào cũng ắt tự khen ngợi, tùy thời mà hạ thấp hay đề cao cũng vô ngại. Chắc là có kẻ bắt bẻ: “Phật quang đã chiếu xa như vậy, nay sao chẳng

thấy?” Thưa: Phật quang vốn khắp mọi nơi, nhưng chúng sanh tự mê, do tâm phiền não chướng ngại mắt trí huệ. Như mặt trời soi khắp nơi, kẻ mù chẳng thấy, là do lỗi của kẻ mù, chẳng phải lỗi của mặt trời, mặt trăng.

“Quang minh của chư Phật chẳng thể sánh bằng”: Chắc là có kẻ bắt bẻ: “Phật Phật đạo đồng, vậy thì quang minh cũng giống nhau, nay Phật quang xa hay gần thật khác xa nhau, là do có nào?” Thưa: Phật quang vốn thật sự là như nhau, do căn cơ [của chúng sanh khác nhau] mà hiện [chiếu xa hay gần] khác nhau).

Nhị, thọ mạng vô lượng.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Bĩ Phật thọ mạng, cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cổ danh A Di Đà.

(Sớ) Quang minh vô lượng, thị vô lượng chi nhất nghĩa. Kim ngôn thọ mạng, diệt vô lượng dã. Phật thọ hữu tam, Pháp Thọ, Báo Thọ, Ứng Thọ, như Pháp Hoa cập Quán Kinh Sớ trung thuyết. Nhiên Phật thọ vô lượng, tùy cơ sở kiến; kim chi vô lượng, diệt khả tức vô lượng chi vô lượng.

二、壽命無量。

(經)又舍利弗！彼佛壽命，及其人民，無量無邊阿僧祇劫，故名阿彌陀。

(疏)光明無量，是無量之一義。今言壽命，亦無量也。佛壽有三，法壽，報壽，應壽，如法華及觀經疏中說。然佛壽無量，隨機所見；今之無量，亦可即無量之無量。

(Hai là thọ mạng vô lượng.

Kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Thọ mạng của đức Phật và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên có tên là A Di Đà.

Sớ: Quang minh vô lượng là một nghĩa trong vô lượng nghĩa. Nay nói thọ mạng cũng vô lượng. Phật thọ có ba loại là Pháp Thọ, Báo Thọ, và Ứng Thọ, như kinh Pháp Hoa và Quán Kinh Sớ đã nói. Nhưng Phật thọ vô lượng, tùy theo căn cơ mà thấy [sai khác], vô lượng ở đây cũng có thể chính là vô lượng của vô lượng).

(Sao) Thọ mạng giả, thọ chi sở lịch, hữu đoản, hữu trường. Kim đương giám kiếp, thọ căn bách niên, bĩ tăng kiếp thời, diệt chỉ bát vạn.

Túng Luân Vương, Thiên Đế, chư Phật trụ thế, diệc hữu hạn lượng. Duy dĩ Phật thọ mạng, chí vi cứu viễn, bất cục thường số, vân vô lượng dã. Tam thọ giả, Pháp Hoa Thọ Lượng Phẩm Sớ vân: “Thọ giả, thọ dã. Nhược Pháp Thân, Chân Như bất cách chư pháp, cố danh vi Thọ. Nhược Báo Thân, cảnh trí tương ứng, cố danh vi Thọ. Nhược Ứng Thân, nhất kỳ báo đắc, bách niên bất đoạn, cố danh vi Thọ”. Pháp Thân dĩ Như Lý vi mạng, Báo Thân dĩ trí huệ vi mạng, Ứng Thân dĩ nhân duyên vi mạng.

(Diễn) Tam thọ giả dĩ hạ thập tam cú, Phật hữu tam thân, thọ diệc hữu tam. Pháp Thân dĩ như Lý vi thân, Báo Thân dĩ trí huệ vi thân, Ứng Thân dĩ ứng cơ phó cảm vi thân. Thọ giả, thọ dã, lãnh nạp nghĩa dã. Pháp Thân dĩ Chân Như lãnh thọ chư pháp, cố danh vi Thọ. Tuy vân lãnh thọ, thật vô Năng, Sở. Dĩ Chân Như tức chư pháp, chư pháp tức Chân Như. Ngôn lãnh thọ giả, bất cách nghĩa dã. Chân Như vô thủ, vô chung, chư pháp diệc vô thủ, vô chung, vắng triệt tam tế, vô cùng, vô tận giả, Pháp Thân thọ dã. Báo Thân tắc Thủ Giác chỉ trí, lãnh thọ Bản Giác chỉ Lý, danh Thọ. Tuy vân lãnh thọ, diệc vô Năng, Sở. Dĩ vô hữu Trí ngoại Như vi Trí sở chứng; vô hữu Như ngoại Trí năng chứng ư Như. Như không hợp không, tự thủy đầu thủy. Ngôn lãnh thọ giả, tương ứng nghĩa dã. Thủ Giác hữu thủ vô chung, Bản Giác tuy triệt tam tế, kim thủ xuất triền, diệc hữu thủ vô chung. Tùng kim chỉ đương, vô cùng vô tận giả, Báo Thân Thọ dã. Ứng Thân tắc từ bị lãnh thọ đương cơ; cố danh vi Thọ. Tuy vân lãnh thọ, diệc vô Năng, Sở. Dĩ Phật duy đại bi đại trí, vị chúng sanh tác Tăng Thượng Duyên, linh thiện căn thành thực chúng sanh, tự kỷ tâm trung kiến Phật thuyết pháp. Ngôn lãnh thọ giả, cơ cảm tương ứng nghĩa dã. Chúng sanh cơ thực, ứng tắc tùy hiện. Chúng sanh cơ tức, ứng tắc tùy vong. Hữu thủ, hữu chung, nhất kỳ bất đoạn giả, thử Ứng Thân thọ dã. Hựu Pháp Thân giả, sư quý Pháp Tánh, hoàn dĩ Pháp Tánh vi thân. Thử thân phi sắc chất, diệc phi tâm trí, phi Âm, Giới, Nhập chi sở nhiếp trì, cường chỉ Pháp Tánh vi Pháp Thân nhĩ. Chân Như bất cách giả, dĩ nhất thiết pháp tất giai chân cố, nhất thiết pháp giai đồng như cố. Hựu Báo Thân giả, tu hành sở cảm. Pháp Hoa vân: “Huệ quang chiếu vô lượng, cứu tu nghiệp sở đắc”. Niết Bàn vân: “Đại Bát Niết Bàn tu đạo đắc cố”. Thử thân phi thân, phi bất thân, cường danh thử trí vi Báo Thân nhĩ. Cảnh trí tương ứng giả, như như trí chiếu như như cảnh. Bồ Đề trí huệ, dĩ Pháp Tánh tương ứng, tương minh dã. Tương ứng giả, như hàm cái tương ứng. Tương minh giả, như thủy

nhũ tương minh. Hựu Ứng Thân giả, ứng đồng vạn vật vi thân dã, ứng đồng liên trì vi thọ dã. Trí dữ thể minh, năng khởi đại dụng. Như thủy ngân hòa chân kim, năng đồ chư sắc tượng, công đức hòa Pháp Thân, xú xú ứng hiện vãng. Nhiên thử ứng thân, hữu thắng, hữu liệt. Thắng tức Tha Thọ Dụng, thị nghiệp thức sở kiến giả, thử y Trung Lý nhi trụ. Liệt tức sanh thân, sự thức sở kiến giả, thử y Chân Lý nhi trụ. Nhất kỳ báo đắc, bách niên bất đoạn giả, như ngã Thế Tôn, vương cung xuất gia, khổ hạnh thành đạo, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, thuyết pháp ngũ tuần, trụ thế bát thập, Song Lâm thụ hạ, nãi nhập Niết Bàn. Thử tức Liệt Ứng sanh thân dã. Pháp Thân dĩ như lý tam cú, vị Pháp Thân dĩ Lý vi thân, cố tức như lý vi mạng. Báo Thân dĩ trí huệ vi thân cố, tức trí huệ vi mạng. Ứng Thân dĩ ứng cơ phó cảm vi thân, cố dĩ nhân duyên vi mạng. Nhân tức chúng sanh năng cảm chi nhân, duyên tức chư Phật năng ứng chi duyên. Nhân duyên thời chí, cảm ứng đạo giao. Nhân duyên biệt ly, cảm ứng tư mẫn.

(鈔)壽命者，壽之所歷，有短有長。今當減劫，壽僅百年，彼增劫時，亦止八萬。縱輪王天帝，諸佛住世，亦有限量。唯彼佛壽命，至為久遠，不局常數，云無量也。三壽者，法華壽量品疏云：壽者，受也。若法身，真如不隔諸法，故名為受。若報身，境智相應，故名為受。若應身，一期報得，百年不斷，故名為受。法身以如理為命，報身以智慧為命，應身以因緣為命。

(演)三壽者以下十三句，佛有三身，壽亦有三。法身以如理為身，報身以智慧為身，應身以應機赴感為身。壽者，受也，領納義也。法身以真如領受諸法，故名為受。雖云領受，實無能所。以真如即諸法，諸法即真如。言領受者，不隔義也。真如無始無終，諸法亦無始無終，互徹三際，無窮無盡者，法身壽也。報身則始覺之智，領受本覺之理，名受。雖云領受，亦無能所。以無有智外如為智所證；無有如外智能證於如。如空合空，似水投水。言領受者，相應義也。始覺有始無終，本覺雖徹三際，今始出纏，亦有始無終。從今至當，無窮無盡者，報身壽也。應

身則慈悲領受當機；故名為受。雖云領受，亦無能所。以佛唯大悲大智，為眾生作增上緣，令善根成熟眾生，自己心中見佛說法。言領受者，機感相應義也。眾生機熟，應則隨現。眾生機息，應則隨亡。有始有終，一期不斷者，此應身壽也。又法身者，師軌法性，還以法性為身。此身非色質，亦非心智，非陰界入之所攝持，強指法性為法身耳。真如不隔者，以一切法悉皆真故，一切法皆同如故。又報身者，修行所感。法華云：慧光照無量，久修業所得。涅槃云：大般涅槃修道得故。此身非身，非不身，強名此智為報身耳。境智相應者，如如智照如如境。菩提智慧，與法性相應相冥也。相應者，如函蓋相應。相冥者，如水乳相冥。又應身者，應同萬物為身也，應同連持為壽也。智與體冥，能起大用。如水銀和真金，能塗諸色像，功德和法身，處處應現往。然此應身，有勝有劣。勝即他受用，是業識所見者，此依中理而住。劣即生身，事識所見者，此依真理而住。一期報得，百年不斷者，如我世尊，王宮出家，苦行成道，三十二相，八十種好，說法五旬，住世八十，雙林樹下，乃入涅槃。此即劣應生身也。法身以如理三句，謂法身以理為身，故即如理為命。報身以智慧為身故，即智慧為命。應身以應機赴感為身，故以因緣為命。因即眾生能感之因，緣即諸佛能應之緣。因緣時至，感應道交。因緣別離，感應斯泯。

(Sao: “Thọ mạng” là thời gian sống có dài, hay ngắn. Nay đang trong thời giảm kiếp, chỉ thọ một trăm năm. Trong thời tăng kiếp, cũng chỉ thọ tám vạn năm. Dầu là Luân Vương, Thiên Đế, hay chư Phật trụ thế, cũng đều có hạn lượng; chỉ có thọ mạng của đức Phật ấy lâu xa tột cùng, chẳng hạn cuộc trong lẽ thông thường, nên nói là “vô lượng”).

“Ba loại tuổi thọ”: Lời sớ giải của phẩm Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa có giảng: “Thọ (thọ mạng) là Thọ (hứng chịu). Như Pháp Thân, Chân Như chẳng cách biệt các pháp, nên gọi là Thọ (hứng chịu, lãnh chịu). Nếu là Báo Thân, cảnh và trí tương ứng, nên gọi là Thọ

(hứng chịu). Nếu là Ứng Thân, do quả báo kéo dài một thời gian, nên trăm năm chẳng đoạn, vì thế gọi là Thọ (hứng chịu)". Pháp Thân dùng Như Lý làm mạng, Báo Thân dùng trí huệ làm mạng, Ứng Thân dùng nhân duyên làm mạng.

Diễn: [Đối với] mười ba câu kể từ “ba loại tuổi thọ” trở đi, [nhằm giải thích] do Phật có ba thân, nên thọ mạng cũng có ba loại. Pháp Thân lấy Như Lý làm thân, Báo Thân lấy trí huệ làm thân, Ứng Thân lấy chuyện ứng theo căn cơ để cảm ứng làm thân. Thọ là nhận, có ý nghĩa “nhận lãnh”. Pháp Thân dùng Chân Như để lãnh nhận các pháp, nên gọi là Thọ. Tuy nói là lãnh nhận, nhưng thật ra chẳng có Năng (cái có thể lãnh nhận) và Sở (cái được lãnh nhận). Do Chân Như chính là các pháp, các pháp chính là Chân Như. Nói “lãnh nhận” có nghĩa là “chẳng ngăn cách” vậy. Chân Như chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc, các pháp cũng chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc, trọn khắp thấu triệt ba đời, vô cùng, vô tận. Đó chính là Pháp Thân Thọ. Báo Thân thì trí Thi Giác lãnh nhận Lý Bốn Giác, gọi là Thọ. Tuy nói là “lãnh nhận”, cũng chẳng có Năng và Sở. Do chẳng có Như ở ngoài Trí để được chứng bởi Trí; chẳng có Trí ở ngoài Như để có thể chứng Như. Như hư không hợp với hư không, như nước gieo vào nước. Nói “lãnh nhận” có nghĩa là “tương ứng”.

“Thi Giác có khởi đầu, chẳng có kết thúc”: Bốn Giác tuy thấu suốt ba đời, nhưng nay mới thoát khỏi triền phược, nên cũng có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Từ hiện tại cho tới tương lai, vô cùng, vô tận, đó chính là Báo Thân Thọ. Ứng Thân là từ bị lãnh nhận đương cơ. Vì thế gọi là Thọ (lãnh nhận), tuy nói là “lãnh nhận”, cũng chẳng có Năng và Sở. Do Phật chỉ vì đại bi đại trí làm Tăng Thượng Duyên cho chúng sanh, khiến cho các chúng sanh do có thiện căn đã chín muồi bèn thấy đức Phật thuyết pháp trong tâm của chính mình.

Nói “lãnh nhận” nghĩa là “cơ cảm tương ứng”. Chúng sanh căn cơ đã chín muồi, bèn phải nên ứng hiện. Căn cơ của chúng sanh đã tận hết, ắt phải thuận theo đó mà chấm dứt. [Do đó], có khởi đầu, có kết thúc. [Tồn tại] một thời kỳ chẳng ngưng dứt là thọ mạng của Ứng Thân vậy.

Lại nữa, Pháp Thân noi theo Pháp Tánh, lại còn lấy Pháp Tánh làm thân. Thân ấy chẳng phải là sắc chất, cũng chẳng phải là tâm trí, chẳng bị nhiếp trì bởi Âm, Giới, Nhập, cường gọi Pháp Tánh là Pháp Thân mà thôi. “Chân Như chẳng ngăn cách”: Do hết thấy các pháp đều thật, hết thấy các pháp đều là Như.

Lại nữa, Báo Thân là do tu hành cảm vời. Kinh Pháp Hoa chép: “Huệ quang chiếu vô lượng, nghiệp tu lâu đạt thành”. Kinh Niết Bàn nói: “Đại Bát Niết Bàn là do tu đạo mà đắc”. Thân này chẳng phải là thân, chẳng phải là không phải thân, cưỡng gọi trí ấy là Báo Thân mà thôi. “Cảnh trí tương ứng”: Như như trí chiếu như như cảnh, trí huệ Bồ Đề tương ứng và ngậm khế hợp Pháp Tánh. “Tương ứng” là như hộp và nắp khít khao. “Ngậm khế hợp” là như nước và sữa hòa lẫn.

Lại nữa, Ứng Thân là ứng hiện giống như vạn vật để làm thân, ứng hiện giống như được duy trì liên tục để làm thọ lượng vậy. Trí và Thể ngậm hợp, có thể khởi tác dụng to lớn. Như thủy ngân và vàng ròng [hòa tan vào nhau] có thể dùng để sơn phết các hình tượng, công đức và Pháp Thân ứng hiện khắp nơi, nhưng Ứng Thân ấy có thắng và liệt.

Thắng Ứng Thân chính là Tha Thọ Dụng, được thấy bởi nghiệp thức, thân này nương vào Trung Lý để trụ. Liệt Ứng Thân chính là sanh thân, được thấy bởi sự thức. Thân này nương vào Chân Lý để trụ. Một kỳ hiện báo là trăm năm chẳng đoạn. Như đức Thế Tôn của chúng ta, [lìa khỏi] vương cung xuất gia, khổ hạnh, thành đạo, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, thuyết pháp năm mươi năm; trụ thế tám mươi năm. Dưới cội cây trong rừng Song Lâm, bèn nhập Niết Bàn. Đây chính là sanh thân Liệt Ứng.

Ba câu “Pháp Thân dùng như lý...” ý nói: Pháp Thân lấy Lý làm thân, tức là lấy như lý làm mạng. Do Báo Thân lấy trí huệ làm thân, nên trí huệ chính là mạng. Vì Ứng Thân do cảm ứng thuận theo căn cơ, nên lấy nhân duyên làm mạng. Nhân là chúng sanh có thể cảm, duyên là chư Phật có thể ứng. Khi nhân duyên đã tới, bèn cảm ứng đạo giao. Khi nhân duyên đã tách lìa, sự cảm ứng bèn chấm dứt).

(Sao) Quán Kinh Sớ vân: “Thị đồng sanh diệt, hữu thi, hữu chung giả, Ứng Thân thọ dã. Nhất đắc vĩnh đắc, hữu thi vô chung giả, Báo Thân thọ dã. Phi thọ, phi bất thọ, vô thi vô chung giả, Pháp Thân thọ dã”.

(Diễn) Quán Kinh Sớ vân hạ thập cú, lục đạo hữu sanh diệt, Pháp Thân khởi ứng, diệt thị hữu sanh diệt: Vương cung giáng tịch, Song Lâm Niết Bàn, hữu thi, hữu chung, Ứng Thân thọ dã. Tam kỳ hạnh mãn, vô minh đoạn tận, Bát Nhã hiện tiền, tòng Tự Thọ Dụng, hiện Tha Thọ Dụng, ư Sắc Cứu Cánh Thiên, hiện tối cao đại thân, tận vị lai tế, thuyết pháp giáo hóa, hữu thi vô chung giả, Báo Thân thọ dã. Báo, Ứng tức Pháp, cố phi thọ. Pháp tức Báo, Ứng, cố phi bất thọ.

Thụ cùng tam tế, vô thủ, vô chung giả, Pháp Thân thọ dã. Hựu phi thọ giả, phi Ứng đồng liên trì chi thọ. Phi bất thọ giả, phi Báo trí bất liên trì thọ. Song phi nhị biên, minh trung pháp thể. Hựu thử thọ phi trường lượng, diệt phi đoản lượng, vô diên, vô xúc, vân “phi thọ, phi bất thọ” dã. Nhiên thượng tam thọ, diệt thị tùy nghi cơ giáo, phi viên đốn nghĩa dã. Nhược cứ Viên Giáo “tánh cụ pháp môn, tam thân tánh cụ, tam thân dung tức, từng tánh khởi tu”, Tánh ký tam thân, vô thủ, vô chung, Tu diệt tam thân, vô thủ, vô chung. Tánh ký tam thân dung tức, Tu diệt tam thân dung tức; cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất, bất khả tư nghị giả, Viên Giáo thọ dã.

(鈔)觀經疏云：示同生滅，有始有終者，應身壽也。一得永得，有始無終者，報身壽也。非壽非不壽，無始無終者，法身壽也。

(演)觀經疏云下十句，六道有生滅，法身起應，亦示有生滅：王宮降蹟，雙林涅槃，有始有終，應身壽也。三祇行滿，無明斷盡，般若現前，從自受用，現他受用，於色究竟天，現最高大身，盡未來際，說法教化，有始無終者，報身壽也。報應即法，故非壽。法即報應，故非不壽。豎窮三際，無始無終者，法身壽也。又非壽者，非應同連持之壽。非不壽者，非報智不連持壽。雙非二邊，冥中法體。又此壽非長量，亦非短量，無延無促，云非壽，非不壽也。然上三壽，亦是隨宜機教，非圓頓義也。若據圓教性具法門，三身性具，三身融即，從性起修，性既三身，無始無終，修亦三身，無始無終。性既三身融即，修亦三身融即；舉一即三，言三即一，不可思議者，圓教壽也。

(Sao: Quán Kinh Sớ viết: “Thị hiện cùng sanh diệt [giống như chúng sanh], có khởi đầu, có kết thúc, đó là thọ mạng của Ứng Thân. Hễ đạt được, sẽ vĩnh viễn đạt được, có khởi đầu, chẳng có kết thúc, đó là thọ mạng của Báo Thân. Chẳng phải là thọ, chẳng phải là không thọ, chẳng có khởi đầu, chẳng có kết thúc, đó là thọ mạng của Pháp Thân”.

Diễn: Mười câu kể từ “Quán Kinh Sớ viết” trở đi, [nhằm thể hiện ý] “có sanh diệt trong lục đạo”: Pháp Thân ứng hiện, cũng thị hiện có

sanh diệt. Thị hiện giáng sanh trong cung vua, nhập Niết Bàn chốn Song Lâm, có khởi đầu, có kết thúc, đó là thọ mạng của Ứng Thân. Tu hành trọn ba A-tăng-kỳ, đoạn sạch vô minh, Bát Nhã hiện tiền, từ Tự Thọ Dụng hiện Tha Thọ Dụng, hiện thân to lớn cao tột nhất trong Sắc Cứu Cánh Thiên, thuyết pháp, giáo hóa đến tận đời vị lai, có khởi đầu, chẳng có kết thúc, đó là thọ mạng của Báo Thân. Báo Thân và Ứng Thân chính là Pháp Thân, nên chẳng phải là thọ. Pháp Thân chính là Báo Thân và Ứng Thân, nên chẳng phải là không có thọ lượng. Theo chiều dọc, trọn khắp ba đời, chẳng có khởi đầu, không có kết thúc chính là thọ lượng của Pháp Thân.

Lại nữa, “chẳng phải thọ” là chẳng giống với thọ mạng do tướng duy trì liên tục. “Chẳng phải là không thọ” vì chẳng phải là thọ mạng không có tướng duy trì liên tục của Báo Thân Trí Huệ. Điều chẳng thuộc vào hai loại ấy, ngầm khế hợp pháp thể. Thọ mạng ấy lại chẳng phải là số lượng dài, chẳng phải là số lượng ngắn, không kéo dài, chẳng rút ngắn, nên nói là “chẳng phải là thọ, chẳng phải là không thọ”. Nhưng ba thứ thọ mạng trên đây cũng là giáo nghĩa tùy thuận cơ nghi, chẳng phải là ý nghĩa viên đốn. Nếu xét theo pháp môn “tánh trọn đủ” trong Viên Giáo thì tánh trọn đủ ba thân. Ba thân dung thông, chính là lẫn nhau, từ tánh khởi tu. Tánh đã là ba thân, không có khởi đầu, chẳng có kết thúc, Tu cũng là ba thân, không có khởi đầu, chẳng có kết thúc. Tánh đã là “ba thân dung thông, chính là lẫn nhau”, nên Tu cũng là “ba thân dung thông, chính là lẫn nhau”. Nêu ra một bèn chính là ba, nói đến ba thì chính là một, chẳng thể nghĩ bàn. Đó là thọ mạng theo Viên Giáo).

(Sao) Hựu vị bỉ Phật thọ mạng, thật hữu kỳ hạn, nhân thiên mạc số, thị hữu lượng chi vô lượng dã. Việt Khê giải vân: “Thử kinh tuy vân vô lượng, nãi thị tam thập nhị tướng thường sở kiến thân, phi Quán Kinh Thắng Ứng tôn đặc chi thân”, diệc đồng thượng ý. Kim vị tùy cơ sở kiến giả, thử kinh Phật thân vô định, tiền nghĩa lý trung dĩ biện, hướng kinh văn dẫn ngôn: “A Di Đà Phật hiện tại kỳ tiền”, vị tàng chỉ định hiện hà đẳng thân, Việt Khê an đắc phán thuộc tam thập nhị tướng? Tất vị: “Liệt Ứng, tắc liệt cơ tự kiến”, phi thử kinh chuyên dĩ Liệt Ứng nhi bị liệt cơ dã. Đại Bản Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, giả linh thập phương chúng sanh, giai tác Duyên Giác, Thanh Văn, giai tọa Thiền nhất tâm, dục kế ngã niên thọ kỷ thiên ức vạn kiếp, vô năng tri giả”, khởi diệc thường sở kiến thân chi vô lượng hồ? Thị cố, nhập diệt Song Lâm, hoặc kiến Linh Sơn vị tán, Xá Na

thiên trượng, hoặc kiến trượng lục kim thân, Phật bốn bắt di, cơ tự dị cố. Tắc vị bỉ Phật thọ mạng, tức vô lượng chi vô lượng, diệc hà bất khả?

(Diễn) Thị cố hạ, dẫn Thích Ca lệ Di Đà, nhập diệt Song Lâm, nãi Ứng Thân, bị phạm tiểu cơ. Cơ tâm ký tận, ứng hỏa tắc vong. Linh Sơn vị tán, nãi Báo Thân, bị Bồ Tát cơ. Cơ ký thường thời, Phật diệc thường tại. Xá Na thiên trượng, nãi Bồ Đề tràng sở hiện Báo Thân. Trượng lục kim thân, nãi Lộc Dã Uyển sở hiện Ứng Thân, nhị thí đồng thời, song thù lưỡng tướng dã. Phật bốn bắt di, cơ tự dị giả. Pháp Thân khởi dụng, như không cốc truyền thanh. Minh kính tả ảnh, tùy thanh cao hạ, tùy tướng nghiên xi, động nhược hành vân, chỉ do cốc thần, vân vân tự bỉ, ư ngã hà vi da?

(鈔)又謂彼佛壽命，實有期限，人天莫數，是有量之無量也。越溪解云：此經雖云無量，乃是三十二相常所見身，非觀經勝應尊特之身，亦同上意。今謂隨機所見者，此經佛身無定，前義理中已辯，況經文但言：阿彌陀佛現在其前，未曾指定現何等身，越溪安得判屬三十二相？必謂：劣應，則劣機自見，非此經專以劣應而被劣機也。大本法藏願云：我作佛時，假令十方眾生，皆作緣覺聲聞，皆坐禪一心，欲計我年壽幾千億萬劫，無能知者，豈亦常所見身之無量乎？是故，入滅雙林，或見靈山未散，舍那千丈，或見丈六金身，佛本不移，機自異故。則謂彼佛壽命，即無量之無量，亦何不可？

(演)是故下，引釋迦例彌陀，入滅雙林，乃應身，被凡小機，機薪既盡，應火則亡。靈山未散，乃報身，被菩薩機。機既常時，佛亦常在。舍那千丈，乃菩提場所現報身。丈六金身，乃鹿野苑所現應身，二始同時，雙垂兩相也。佛本不移，機自異者。法身起用，如空谷傳聲。明鏡寫影，隨聲高下，隨相妍媸，動若行雲，止猶谷神，紆紆自彼，於我何為耶？

(Sao: Lại có kẻ nói: “Thật ra thọ mạng của đức Phật ấy thật sự có kỳ hạn, nhưng trời, người chẳng thể tính nổi số lượng. Đó chính là vô

lượng trong hữu lượng”. Ngài Việt Khê giải thích: “Tuy kinh này nói vô lượng, nhưng đó là thân ba mươi hai tướng thường thấy, chẳng phải là Thắng Ứng Thân đặc biệt tôn quý trong Quán Kinh”, cũng có cùng ý nghĩa như trên đây. Nay tôi nói là “tùy theo căn cơ mà thấy [khác biệt]”, [tức là] thân Phật trong kinh này chẳng nhất định. Điều này đã được biện định trong phần nghĩa lý trên đây. Huống chi kinh văn chỉ nói “A Di Đà Phật hiện ra trước mặt” [người sắp vãng sanh], chưa hề nói dứt khoát Phật hiện những thân nào, sao ngài Việt Khê lại phán định [thân Phật trong kinh này] thuộc về ba mươi hai tướng? Ất cứ khẳng khẳng là Liệt Ứng Thân thì đó là thân được thấy bởi kẻ căn cơ kém hèn, chứ không phải là kinh này chuyên dùng thân Liệt Ứng để tiếp độ kẻ căn cơ kém cỏi!

Trong kinh Đại Bốn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, giả sử mười phương chúng sanh đều là Duyên Giác, Thanh Văn, đều tọa Thiền nhất tâm, muốn tính xem ta thọ mấy ngàn ức vạn kiếp đều chẳng thể biết”; há chẳng phải là cái thân thường thấy cũng thọ vô lượng ư? Do vậy, nhập diệt chốn Song Lâm, hoặc thấy hội Linh Sơn chưa giải tán, thân Lô Xá Na Phật cao ngàn trượng, hoặc thấy thân vàng trượng sáu, Phật vốn chẳng dời, nhưng do căn cơ [khác biệt] mà thấy [thân Phật] sai khác. Do vậy, nói thọ mạng của đức Phật ấy chính là vô lượng của vô lượng thì cũng chẳng có gì là không được!

Diễn: Từ chữ “do vậy” trở đi, dẫn Phật Thích Ca để suy diễn Phật Di Đà. “Nhập diệt tại Song Lâm” là Ứng Thân nhằm độ hàng phàm phu tiểu cơ. Củi cơ duyên đã hết, lửa ứng hóa bèn tắt. “Hội Linh Sơn chưa giải tán” là nói về Báo Thân nhằm độ Bồ Tát. Căn cơ đã thường tồn tại, đức Phật cũng thường tồn tại. “Lô Xá Na Phật thân cao ngàn trượng” chính là Báo Thân hiện nơi Bồ Đề đạo tràng. “Thân vàng trượng sáu” chính là Ứng Thân đã hiện tại Lộc Dã Uyển. Hai thân ấy cùng đồng thời khởi đầu, rủ lòng thị hiện hai tướng. Phật vốn chẳng dời, do căn cơ mà tự thấy khác biệt. Pháp Thân khởi tác dụng, như hang trống dội lại tiếng vọng, như gương sáng in hình ảnh, tùy theo âm thanh mà [tiếng vọng] cao hay thấp, tùy theo hình tướng mà [hiện bóng] đẹp hay xấu. Động thì như mây bay, ngưng lặng thì giống như chính giữa hang núi, lừng xăng tự nó, can dự gì đến ta?)

(Sớ) Cập kỳ nhân dân giả, xảo dụng đảo ngữ cổ. Ngôn nhân dân giả, Phật như vương cổ. A-tăng-kỳ, thử vân Vô Số, bội chi danh Vô Lượng, Vô Biên. Nhân thọ hữu nhị: Nhất, Phật bốn nguyện lực cổ.

Nhị, tự công đức lực cố.

(Sao) Đảo ngữ giả, chánh ngữ đương vân: “Phật cập nhân dân, thọ mạng vô lượng”. Như Ba La Mật, vân Bỉ Ngạn Đáo, đương thị Đáo Bỉ Ngạn nhĩ. Dĩ ý hội chi, vô dĩ từ hại. Phật như vương giả, bĩ quốc tuy vô quân thần, phụ tử; nhiên Phật vi pháp vương, hữu quân chủ nghĩa. Sanh bĩ quốc giả, y Phật, học Phật, hữu nhân dân nghĩa. Phi như thử độ, bản tịch sở thống, thật biên manh dã. Tăng Kỳ giả, nhập thập đại số chi thủ. Tùng bách Lạc-xoa, bội bội tích lũy nhi sanh. Hựu Tăng-kỳ Tăng-kỳ vi nhất Vô Lượng. Vô Lượng Vô Lượng vi nhất Vô Biên. Kim hợp ngôn giả, tự hữu nhị nghĩa: Nhất, thị thật minh kỳ số, dĩ tăng kiếp kế chi, hữu vô lượng vô biên Tăng-kỳ dã. Nhị, thị cực tán kỳ đa, vô phục biên lượng, vô phục cùng tận chi Tăng-kỳ dã.

(Diễn) Tăng-kỳ nhập thập đại số chi thủ giả, thử tự A-tăng-kỳ, chung chí Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết Chuyển. Tùng bách lạc-xoa bội bội tích lũy giả, số hữu tam đẳng, vị thượng, trung, hạ, như Hoàng Đế toán pháp, cộng hữu thập tam số, vị thập thập vi bách, thập bách vi thiên, thập thiên vi vạn, ức, triệu, kinh, cai, tỷ, nhưống, câu, giản, chánh, tải dã. Thử tắc thập bội chi hạ số dã. Trung đẳng số giả, bách bội bội chi. Kinh vân: “Nhất bách lạc-xoa vi nhất câu-chi”, thị dã. Thượng đẳng số giả, tắc bội bội bội chi, câu chi câu chi vi nhất A-dữu-đa, thị dã.

(疏)及其人民者，巧用倒語故。言人民者，佛如王故。阿僧祇，此云無數，倍之名無量無邊。人壽有二：一、佛本願力故。二、自功德力故。

(鈔)倒語者，正語當云：佛及人民，壽命無量。如波羅密，云彼岸到，當是到彼岸耳。以意會之，無以辭害。佛如王者，彼國雖無君臣父子；然佛為法王，有君主義。生彼國者，依佛學佛，有人民義。非如此土，版籍所統，實編氓也。僧祇者，入十大數之首。從百洛叉，倍倍積累而生。又僧祇僧祇為一無量。無量無量為一無邊。今合言者，自有二義：一、是實明其數，以僧劫計之，有無量無邊僧祇也。二、是極讚其多，無復邊量，無復窮盡之僧祇也。

(演)僧祇入十大數之首者，始自阿僧祇，終至不可說

不可說轉。從百洛叉倍倍積累者，數有三等，謂下中上，如黃帝算法，共有十三數，謂十十為百，十百為千，十千為萬，億兆京垓秭壤溝澗正載也。此則十倍之下數也。中等數者，百倍倍之。經云：一百洛叉為一俱胝，是也。上等數者，則倍倍倍之，俱胝俱胝為一阿庾多，是也。

(Sớ: “Cùng với nhân dân”: Khéo sử dụng đảo ngữ. Nói “nhân dân” là vì Phật giống như vua. Cõi này dịch A-tăng-kỳ là Vô Số. Những bội số của nó là Vô Lượng và Vô Biên. Tuổi thọ của con người [trong cõi Cực Lạc] có hai [yếu tố]: Một là do bốn nguyên lực của Phật. Hai là do sức công đức của chính mình.

Sao: “Đảo ngữ”: Nói thuận theo cú pháp thì phải là “Phật và nhân dân, thọ mạng vô lượng”. Như Ba La Mật, nghĩa là Bồ Đề Đến, [hiểu theo cách hành văn theo thứ tự thuận thì] phải là Đến Bồ Đề. Phải hiểu theo ý nghĩa, chớ vì từ mà hại ý. “Phật như vua”: Tuy cõi ấy chẳng có vua, tôi, cha, con; nhưng Phật là pháp vương, cho nên có ý nghĩa quân chủ. Người sanh về cõi ấy nương theo Phật, học Phật, cho nên có ý nghĩa “nhân dân”. Chẳng giống như cõi này, có sổ bộ, hộ tịch thống kê, biên chép dân chúng.

Tăng-kỳ thuộc con số đầu tiên trong mười con số lớn. Từ một trăm Lạc-xoa (Lakṣa, một trăm ngàn) tính gấp bội dần dần mà có những số đó. Lại nữa, Tăng-kỳ lẫn Tăng-kỳ là một Vô Lượng. Vô Lượng lẫn Vô Lượng là một Vô Biên. Nay nói gộp lại, tức là có hai ý nghĩa: Một là thật sự nói đến con số ấy, dùng A-tăng-kỳ kiếp để tính toán bèn có Vô Lượng Vô Biên Tăng-kỳ. Hai là tán thán số ấy nhiều đến tột bậc, lại còn là chẳng có bờ mé, hay số lượng, chẳng có cùng tận A Tăng Kỳ vậy.

Diễn: “Tăng-kỳ thuộc con số đầu tiên trong mười con số lớn”: Bắt đầu từ A-tăng-kỳ cho đến cuối cùng là Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết Chuyển. Từ một trăm lạc-xoa gấp bội lên, tích lũy lại, thì các con số có ba loại là thượng, trung, hạ. Như trong cách tính toán của Hoàng Đế, có tất cả mười ba con số, tức là mười lần mười là một trăm, mười lần trăm là một ngàn, mười lần ngàn là một vạn, [cứ gấp mười như thế, lần lượt có các con số] ức, triệu, kinh, cai, tỷ, nhưỡng, câu, giản, chánh, tải. Đây là những con số thuộc bậc hạ do gấp mười lên. Số thuộc bậc trung là số sau bằng một trăm lần số trước; kinh dạy: “Một trăm lần lạc-xoa là một câu-chi” chính là loại này. Số thuộc bậc thượng là gấp lần lên số lần bằng chính nó, [chẳng hạn như] Câu-chi lẫn Câu-chi là

một A-dữu-đa).

(Sao) Phật lực giả, Đại Bốn Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, ngã sát trung nhân, thọ mạng giai vô ương số kiếp, vô hữu năng kế kỳ số giả”, thị thừa Phật nguyện lực, hữu thử thọ cố. Tự lực giả, nhất tâm niệm Phật, tâm thanh tịnh cố. Liên hoa hóa sanh, thanh hư chi thân, bất đồng chất ngại nhục thân, hữu lão bệnh tử. Thị tự tinh tấn lực, hữu thử thọ cố.

(鈔)佛力者，大本法藏願云：我作佛時，我剎中人，壽命皆無央數劫，無有能計其數者，是承佛願力，有此壽故。自力者，一心念佛，心清淨故。蓮華化生，清虛之身，不同質礙肉身，有老病死。是自精進力，有此壽故。

(Sao: “Phật lực”: Trong kinh Đại Bốn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, người trong cõi tôi thọ mạng đều là vô ương số kiếp, chẳng người nào có thể tính được số ấy”. Đó là nhờ vào nguyện lực của Phật mà có tuổi thọ ấy.

“Sức của chính mình” (tự lực): Do nhất tâm niệm Phật, nên tâm thanh tịnh. “Liên hoa hóa sanh”: Cái thân thanh hư, chẳng giống như nhục thân vật chất ngăn ngại, có già, bệnh, chết. Đó là do sức tinh tấn của chính mình mà có thọ lượng ấy).

(Sớ) Văn vân: Thử vô lượng diệt khả tức vô lượng chi vô lượng giả, hoàn hữu chứng phủ? **Đáp:** Lệ như Hoa Nghiêm trung thuyết.

(Sao) Thượng dẫn Quán Sớ vân: “Thử vô lượng thị hữu lượng chi vô lượng, nhi ngôn diệt khả tức vô lượng chi vô lượng giả”, dĩ kim văn chánh tự Hoa Nghiêm cổ. Bỉ kinh Thập Hồi Hướng văn vân: “Vô lượng A-tăng-kỳ”. Thích vân: “Thử phi số trung chi nhất, dẫn thị vô số chi ngôn. Nhược định thị số, tiện đương cục hạn”. Kim kinh diệt vân: “Vô lượng vô biên A-tăng-kỳ”. Nhị kinh văn thế, ý cực tương loại. Cổ ngôn bỉ Phật thọ mạng, diệt khả tức thị cánh vô hạn lượng chi vô lượng dã. Văn: “Hoa Nghiêm Thọ Lượng phẩm, vị Sa Bà thế giới nhất kiếp vị Cực Lạc thế giới nhất trú dạ. Cực Lạc thế giới nhất kiếp vị Ca Sa Tràng thế giới nhất trú dạ, triển chuyển kiếp nhật tương đối, nãi chí bách vạn A-tăng-kỳ thế giới, cực ư Thắng Liên Hoa, tắc Cực Lạc căn thắng Sa Bà, liệt hậu thù thậm, an đắc vị cánh vô hạn lượng chi vô lượng hồ?” **Đáp:** Bỉ sao thích vân, tam thân ký dung, tam thọ

vô ngại. Tức trường năng đoản, tức đoản hằng trường, vô trường, vô đoản, trường đoản tồn yên! Nhất nhất viên dung, ngôn tư tư tuyệt. Kỳ nghĩa tự minh, bất lao cánh biện.

(Diễn) Tức trường năng đoản, tức Báo tức Ứng dã. Tức đoản hằng trường, tức Ứng tức Báo dã. Vô trường, vô đoản, Báo, Ứng tức Pháp dã. Trường đoản tồn yên, Pháp tức Báo, Ứng dã. Nhất nhất viên dung, ngôn tư tư tuyệt giả, tức trường năng đoản, bất khả dĩ Báo ngôn. Tức đoản hằng trường, bất khả dĩ Ứng ngôn, nãi chí trường đoản tồn yên, bất khả dĩ Pháp ngôn. Dĩ ngôn lệ tư, diệc phục như thị.

(疏)問云：此無量亦可即無量之無量者，還有證否？
答：例如華嚴中說。

(鈔)上引觀疏云：此無量是有量之無量，而言亦可即無量之無量者，以今文正似華嚴故。彼經十回向文云：無量阿僧祇。釋云：此非數中之一，但是無數之言。若定是數，便當局限。今經亦云：無量無邊阿僧祇。二經文勢，意極相類。故言彼佛壽命，亦可即是更無限量之無量也。問：華嚴壽量品，謂娑婆世界一劫為極樂世界一晝夜。極樂世界一劫為袈裟幢世界一晝夜，輾轉劫日相對，乃至百萬阿僧祇世界，極於勝蓮華，則極樂僅勝娑婆，劣後殊甚，安得為更無限量之無量乎？答：彼鈔釋云，三身既融，三壽無礙。即長能短，即短恆長，無長無短，長短存焉！一一圓融，言思斯絕。其義自明，不勞更辯。

(演)即長能短，即報即應也。即短恆長，即應即報也。無長無短，報應即法也。長短存焉，法即報應也。一一圓融，言思斯絕者，即長能短，不可以報言。即短恆長，不可以應言，乃至長短存焉，不可以法言。以言例思，亦復如是。

(Sớ: Hỏi: “Vô lượng” ở đây cũng có thể hiểu là vô lượng trong vô lượng, còn có chứng cứ gì chăng? Đáp: Theo như trong kinh Hoa Nghiêm có nói.

Sao: Trong phần trước đã trích dẫn Quán Kinh Sớ: “Vô lượng ở đây là vô lượng trong hữu lượng, mà cũng có thể nói là vô lượng trong

vô lượng”, nay phần kinh văn này thật sự giống như kinh Hoa Nghiêm. Trong phần kinh văn giảng về Thập Hồi Hướng có nói: “Vô lượng A-tăng-kỳ”. [Ngài Thanh Lương] giải thích: “Đây chẳng phải là một con số, chỉ là do không thể tính đếm bèn nói như vậy. Nếu nhất định coi nó là một con số, sẽ trở thành có giới hạn”. Nay kinh này cũng nói “vô lượng vô biên A-tăng-kỳ”; ngữ mạch của lời văn trong hai kinh có ý nghĩa hết sức tương tự. Do vậy, nói “thọ mạng của đức Phật ấy cũng có thể hiểu là vô lượng theo nghĩa chẳng có số lượng”.

Hỏi: Phẩm Thọ Lượng trong kinh Hoa Nghiêm nói một kiếp trong thế giới Sa Bà là một ngày đêm trong thế giới Cực Lạc. Một kiếp trong thế giới Cực Lạc là một ngày đêm trong thế giới Ca Sa Tràng. Lần lượt so sánh giữa kiếp và ngày như vậy, cho đến trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới, tốt bậc là thế giới Thắng Liên Hoa. Như vậy thì Cực Lạc chỉ trội hơn Sa Bà, [so với những thế giới khác bèn] thua kém quá mức, lẽ nào là vô lượng theo ý nghĩa chẳng có số lượng cho được?

Đáp: Trong lời Sao cho kinh ấy, [ngài Thanh Lương] đã giải thích: “Ba thân đã dung thông thì ba loại thọ mạng chẳng ngăn ngại”. Tức là dài mà có thể rút ngắn, chính là ngắn mà luôn dài, chẳng dài, chẳng ngắn, dài và ngắn cùng tồn tại vậy. Mỗi mỗi đều viên dung, ngôn ngữ lẫn tư duy đều dứt bật. Nghĩa này tự rõ, chẳng cần nhọc sức biện định.

Diễn: “Tức là dài mà có thể rút ngắn” : Báo Thân chính là Ứng Thân. “Chính là ngắn mà luôn dài”: Ứng Thân chính là Báo Thân vậy. “Chẳng dài, chẳng ngắn”: Báo Thân và Ứng Thân chính là Pháp Thân. “Dài ngắn cùng tồn tại” thì Pháp Thân chính là Báo Thân và Ứng Thân. “Mỗi mỗi viên dung, ngôn ngữ lẫn tư duy đều dứt bật”: Chính là dài mà có thể rút ngắn thì chẳng thể nói là Báo Thân. Chính là ngắn mà luôn dài, chẳng thể nói là Ứng Thân. Cho đến dài và ngắn cùng tồn tại, chẳng thể nói là Pháp Thân. Dựa theo cách giải thích về “nói năng” mà có thể suy ra ý nghĩa của Tư (suy nghĩ) cũng giống như thế).

(Sớ) Hựu thọ mạng, quang minh giả, ước nhi ngôn chi, thiếu nhiếp đa cố. Nhị bộ danh đề, chỉ viết Vô Lượng Thọ giả, ước chi hựu ước, Thể nhiếp Dụng cố. Nhược cụ thuyết giả, y báo, chánh báo, tất giai vô lượng.

(Sao) Ước ngôn giả, Phật cụ vạn đức, kim chỉ cử thọ mạng, quang minh giả, như Hoa Nghiêm Bát Địa, ngôn thân tướng vô lượng, trí huệ vô lượng, phương tiện vô lượng, quang minh vô lượng, thanh

tịnh âm thanh vô lượng đẳng. Tắc tri cử nhị sự giả, dĩ thiếu nhiếp đa dã. Thễ nhiếp Dung giả, hoặc nạn: “Ký quang thọ song cử, vân hà Đại Bản cập Quán Kinh đề, giai chỉ vân Vô Lượng Thọ, bất ngôn quang giả, phục thị hà nghĩa?” Lương dĩ Nhất Chân Như tâm, vô khứ, vô lai, căng cổ, căng kim, kỳ thọ vô lượng, kỳ quang diệc nhĩ. Kim thể, kim quang, bất tương ly cố. Khởi Tín vân: “Tâm tánh bất khởi, tức thị đại trí huệ quang minh, châu biến pháp giới”. Bất khởi, thọ dã. Trí huệ, quang dã. Ngôn thọ tắc quang tại kỳ trung, cố đơn cử dã. Y chánh vô lượng giả, tự Phật nhất thân sở hữu công đức, cập như hạ văn Thanh Văn, Bồ Tát, nãi chí tiền chi lan, vông, hàng thụ đẳng, chủng chủng trang nghiêm, tất vô lượng cố.

(疏)又壽命，光明者，約而言之，少攝多故。二部名題，止曰無量壽者，約之又約，體攝用故。若具說者，依報正報，悉皆無量。

(鈔)約言者，佛具萬德，今止舉壽命，光明者，如華嚴八地，言身相無量，智慧無量，方便無量，光明無量，清淨音聲無量等。則知舉二事者，以少攝多也。體攝用者，或難：既光壽雙舉，云何大本及觀經題，皆止云無量壽，不言光者，復是何義？良以一真如心，無去無來，互古互今，其壽無量，其光亦爾。金體金光，不相離故。起信云：心性不起，即是大智慧光明，周遍法界。不起，壽也。智慧，光也。言壽則光在其中，故單舉也。依正無量者，自佛一身所有功德，及如下文聲聞菩薩，乃至前之欄網行樹等，種種莊嚴，悉無量故。

(Sớ: Lại nữa, [chỉ nhắc tới] thọ mạng và quang minh là nói ước lược, dùng ít để bao gồm nhiều. Tựa đề của hai bộ kinh chỉ nói là Vô Lượng Thọ, tức là đã ước lược lại còn ước lược hơn, vì dùng Thễ để thâm nhiếp Dung vậy. Nếu nói đầy đủ, [sẽ là] y báo và chánh báo thấy đều vô lượng.

Sao: “Nói ước lược”: Phật có đủ vạn đức, nay chỉ nêu lên thọ mạng và quang minh, như kinh Hoa Nghiêm nói bậc Bát Địa Bồ Tát thân tướng vô lượng, trí huệ vô lượng, phương tiện vô lượng, quang minh vô lượng, âm thanh thanh tịnh vô lượng v.v... Cho nên biết nêu ra hai chuyện chính là dùng ít để thâm nhiếp nhiều.

“Thể nhiếp Dụng”: Chắc là có kẻ bắt bẻ: “Đã là quang lẫn thọ cùng nêu, có sao tựa đề của Đại Bản và Quán Kinh chỉ nói Vô Lượng Thọ, chẳng nói đến quang, lại là ý nghĩa như thế nào?” Ấy là vì cái tâm Chân Như chẳng đi, chẳng đến, suốt xưa, thấu nay, thọ mạng vô lượng, quang minh cũng giống như vậy. Thể của vàng và ánh sáng của vàng chẳng lìa nhau. Luận Khởi Tín chép: “Tâm tánh chẳng khởi, chính là quang minh đại trí huệ, trọn khắp pháp giới”. Chẳng khởi là Thọ. Trí huệ là quang. Nói đến thọ thì quang đã được bao gồm trong ấy, cho nên chỉ nói đến thọ. Y báo và chánh báo vô lượng; từ tất cả các công đức nơi thân của một đức Phật cho đến các vị Thanh Văn, Bồ Tát như sẽ nói trong phần sau, cho đến lan can, lưới màn, hàng cây v.v... trong phần trước, các thứ trang nghiêm thấy đều vô lượng).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh thường chiếu, thị quang minh nghĩa. Tự tánh thường tịch, thị thọ mạng nghĩa. Tự tánh tịch chiếu bất nhị, thị A Di Đà nghĩa.

(Sao) Linh minh đồng triệt, quang tuyệt nhai sĩ, trạm tịch thường hằng, thọ hà trù toán? Thường hằng nhi phục đồng triệt, cố tức thọ nhi quang. Đồng triệt nhi diệt thường hằng, cố tức quang nhi thọ. Như thị, tắc A Di Đà Phật, tuy quá thập vạn ức sát chi ngoại, nhi thật ư thử Sa Bà thế giới chúng sanh tâm trung, kết già phu tọa, nghiêm nhiên bất động. Hà nãi bội trường sanh chi quyết, uổng tự thương vong. Phụ cáo nhật chi minh, phiên thành hắc ám. Tâm bản thị Phật, tự muội tự tâm; Phật bản thị tâm, tự mê tự Phật.

(疏)稱理，則自性常照，是光明義。自性常寂，是壽命義。自性寂照不二，是阿彌陀義。

(鈔)靈明洞徹，光絕涯涘，湛寂常恆，壽何籌算？常恆而復洞徹，故即壽而光。洞徹而亦常恆，故即光而壽。如是，則阿彌陀佛，雖過十萬億剎之外，而實於此娑婆世界眾生心中，結跏趺坐，儼然不動。何乃佩長生之訣，枉自殤亡。負杲日之明，翻成黑暗。心本是佛，自昧自心；佛本是心，自迷自佛。

(Sớ: Xưng Lý, “tự tánh thường chiếu” là ý nghĩa của quang minh. “Tự tánh thường tịch” là ý nghĩa của thọ mạng. Tự tánh tịch và chiếu chẳng hai, đó là ý nghĩa của A Di Đà.

Sao: Linh giác sáng suốt, thấu triệt rỗng rang, sáng ngời chẳng có ngăn mé, trong trẻo, tĩnh lặng, thường hằng, làm sao có thể tính toán thọ lượng cho được? Thường hằng mà lại rỗng rang thấu triệt, cho nên thọ chính là quang. Rỗng rang thấu triệt mà cũng thường hằng, nên quang chính là thọ. Như vậy thì tuy A Di Đà Phật ở ngoài mười ức cõi, mà thật sự ở trong tâm của chúng sanh nơi thế giới Sa Bà này, Ngài ngồi kết già, nghiêm nhiên, bất động. Có sao lại đeo giữ bí quyết trường sanh, mà tự oan uổng chết yểu? Được chiếu bởi ánh sáng mặt trời rạng rỡ, mà lại trở thành tối tăm! Tâm vốn là Phật, tự mê muội tự tâm, Phật vốn là tâm, tự mê muội vị Phật của chính mình).

Nhị, đạo thành viên kiếp.

(Kinh) Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.

(Sớ) Dĩ tri bỉ Phật đắc danh chi nghĩa, vị thẩm bỉ Phật thành Phật chi kim, kinh kỷ hà thời? Kiếp giả, cụ vân Kiếp Ba; thử vân Thời Phần. Thập kiếp giả, nhất vân đại kiếp, nhất vân tiểu kiếp. Kim vị minh viễn, ưng thị đại kiếp. Hựu thập đại kiếp, diệc thị nhất kỳ phó cơ chi thuyết. Cứu cực nhị ngôn, thành Phật dĩ lai, diệc ưng vô lượng, như Pháp Hoa trung thuyết.

(Sao) Nhất đại kiếp giả, Thành, Trụ, Hoại, Không, các nhị thập tiểu kiếp, bát thập kiếp chung, phương thành đại kiếp. Vân thập đại kiếp, thị bát bách tiểu kiếp dã. Kinh ý vị minh thành Phật cứu viễn, nhị viết tiểu kiếp, vị kiến kỳ viễn. Kim y Đường dịch, vân thập đại kiếp. Như Pháp Hoa trung, chúng nghi Thế Tôn thành Phật vị cứu, vân hà khoáng kiếp Bồ Tát thị sở giáo hóa. Phật ngôn: “Ngã thật thành Phật dĩ lai, vô lượng vô biên kiếp”. Tắc A Di Đà Phật, kỳ khả lượng hồ?

二、道成遠劫。

(經)舍利弗！阿彌陀佛成佛以來，於今十劫。

(疏)已知彼佛得名之義，未審彼佛成佛至今，經幾何時。劫者，具云劫波；此云時分。十劫者，一云大劫，一云小劫。今謂明遠，應是大劫。又十大劫，亦是一期赴機之說。究極而言，成佛以來，亦應無量，如法華中說。

(鈔)一大劫者，成住壞空，各二十小劫，八十劫終，方成大劫。云十大劫，是八百小劫也。經意為明成佛久

遠，而曰小劫，未見其遠。今依唐譯，云十大劫。如法華中，眾疑世尊成佛未久，云何曠劫菩薩是所教化。佛言：我實成佛以來，無量無邊劫。則阿彌陀佛，其可量乎？

(Hai, thành đạo từ nhiều kiếp lâu xa.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật từ lúc thành Phật cho đến nay đã là mười kiếp.*

Sớ: *Đã biết ý nghĩa vì sao đức Phật ấy có danh hiệu như thế, chưa rõ đức Phật ấy từ khi thành Phật tới nay đã được bao lâu? Kiếp, nói đầy đủ là Kiếp Ba (Kalpa); cõi này dịch là Thời Phần. “Mười kiếp”: Có thuyết nói là đại kiếp, thuyết khác là tiểu kiếp. Nay nói rõ là lâu xa thì phải nên là đại kiếp. Lại nữa, “mười đại kiếp” cũng là nói theo một khoảng thời gian của sự cảm ứng thuận theo căn cơ. Nói đến mức rất ráo, cũng phải là vô lượng như trong kinh Pháp Hoa đã nói.*

Sao: *Một đại kiếp là các thời kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không, mỗi thời kỳ là hai mươi tiểu kiếp, đã hết tám mươi [tiểu] kiếp mới thành một đại kiếp. Nói “mười đại kiếp” tức là tám trăm tiểu kiếp. Ý kinh nhằm nói rõ Ngài đã thành Phật lâu xa, nếu nói là tiểu kiếp thì chẳng xa xưa cho mấy. Nay dựa theo bản dịch đời Đường, [trong ấy] nói là mười đại kiếp. Như trong kinh Pháp Hoa, đại chúng nghi đức Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu như thế, làm sao Ngài có thể giáo hóa hàng Bồ Tát trong nhiều kiếp lâu xa? Đức Phật nói: “Kể từ khi ta thật sự thành Phật đến nay, đã là vô lượng vô biên kiếp”. Như vậy thì [thọ mạng của] A Di Đà Phật có thể tính lường được sao?)*

(Sớ) Nhược khảo A Di Đà Phật, thành Phật dĩ tiền nhân địa, bất dẫn Pháp Tạng nhất nhân, hữu đa chủng nhân, như chư kinh trung thuyết.

(Sao) Pháp Tạng nhân giả. Đại Bồ vân: Định Quang Phật tiền ngũ thập tam Phật, danh Thế Tự Tại Vương, Pháp Tạng thời vì quốc vương, xả vị xuất gia, phát tứ thập bát nguyện, kim A Di Đà Phật thị Pháp Tạng sở thành chi Phật dã. Đa chủng nhân giả: Nhất, Pháp Hoa kinh, Đại Thông Trí Thắng Như Lai thời, thập lục vương tử, xuất gia tịnh tu phạm hạnh, cầu Vô Thượng Bồ Đề. Phật diệt độ hậu, thường nhạo thuyết thị Diệu Pháp Hoa kinh, hậu tất thành Phật. Đệ cửu vương tử ư Tây Phương thành Phật. Bửu vương tử giả, kim A Di Đà Phật thị. Nhị, Bi Hoa kinh vân: “Vô lượng kiếp tiền, hữu Chuyển Luân Vương, danh Vô Trách Niệm, cúng dường Bảo Tạng Như Lai.

Thời vương phát nguyện, nguyện thành Phật thời, quốc trung chủng chủng thanh tịnh trang nghiêm. Phật dữ thọ ký, quá Hằng hà sa kiếp, Tây Phương thế giới tác Phật, quốc danh An Lạc. Bỉ quốc vương giả, kim A Di Đà Phật thị”. Tam, Đại Thừa Phương Đẳng Tổng Trì Kinh vân: Vô Cấu Diễm Xưng Khởi Vương Như Lai thời, hữu Tịnh Mạng tỳ-kheo, tổng trì chư kinh thập tứ ức bộ, tùy chúng sanh nguyện nhạo, quảng vị thuyết pháp. Bỉ tỳ-kheo giả, kim A Di Đà Phật thị. Tứ, Hiền Kiếp kinh vân: Vân Lô Hống Như Lai thời, hữu vương tử danh Tịnh Phước Báo Chúng Âm, cúng dường bỉ Phật. Bỉ vương tử giả, kim A Di Đà Phật thị. Ngũ, bỉ kinh hựu vân: Kim Long Quyết Quang Phật thời, hữu pháp sư danh Vô Hận Lượng Bảo Âm Hạnh, lực hoằng kinh pháp. Bỉ pháp sư giả, kim A Di Đà Phật thị. Lục, Quán Phật Tam Muội đệ cửu kinh vân: Không Vương Phật thời, hữu tứ tỳ-kheo, phiên não phú tâm, không trung giáo linh quán Phật, toại đắc Niệm Phật tam-muội. Bỉ đệ tam tỳ-kheo, kim A Di Đà Phật thị. Thất, Như Huyền Tam Ma Địa Vô Lượng Ấn Pháp Môn Kinh vân: Sư Tử Du Hý Kim Quang Như Lai thời, hữu quốc vương danh Thắng Oai, tôn trọng cúng dường bỉ Phật, tu Thiền Định hạnh. Bỉ quốc vương giả, kim A Di Đà Phật thị. Bát, Nhất Hướng Xuất Sanh Bồ Tát Kinh vân: A Di Đà Phật, tích vi Thái Tử, văn thử vi diệu pháp môn, phụng trì tinh tấn, thất thiên tuế trung, hiệp bắt chí tịch. Bất niệm ái dục tài bảo, bất vấn tha sự, thường độc xử chí, ý bất khuynh động. Phục giáo hóa bát thiên ức vạn na-do-tha nhân, đắc bất thoái chuyển. Bỉ Thái Tử giả, kim A Di Đà Phật thị. Dĩ thượng lược cử sở đoạn. Nhược kỳ đa kiếp, đa nhân, diệc ưng vô lượng.

(Diễn) Đa chủng nhân giả: Nhất, nhạo thuyết. Nhị, phát nguyện. Tam, tổng trì. Tứ, cúng dường. Ngũ, hoằng kinh. Lục, niệm Phật. Thất, tu Thiền. Bát, hành độ. “A Di Đà Phật tích vi Thái Tử” hạ nhất tiết, cụ túc Lục Độ. Thất thiên tuế trung, hiệp bắt chí tịch, Tinh Tấn Độ. Bất niệm ái dục, Giới Độ. Bất niệm tài bảo, Thí Độ. Bất vấn tha sự, thường độc xử chí, Thiền Độ. Ý bất khuynh động, Nhẫn Độ. Phục giáo hóa tha nhân, Trí Độ. Như thượng sở dẫn chư nhân, hoặc vi quốc vương, vương tử, hoặc vi Luân Vương, hoặc vi tỳ-kheo, hoặc vi pháp sư, hoặc cúng dường Phật, hoặc thuyết pháp lợi nhân, hoặc phát Tứ Hoàng Thệ, hoặc hành Lục Độ, sở vi “căn thâm quả mậu, nguyên viễn lưu trường, đạo bất lãng giai, tùy công thiệp vị nhĩ”. Kim nhân nhất hạnh bất tu, dục hy thắng quả, kỳ do quyền thạch vị biện, dục lũy

thất tăng bảo tháp, kỳ khả đắc hồ? Vì diệu pháp môn giả, vị tâm pháp diệu, Phật pháp diệu, chúng sanh pháp diệu.

(疏)若考阿彌陀佛，成佛以前因地，不但法藏一因，有多種因，如諸經中說。

(鈔)法藏因者。大本云：定光佛前五十三佛，名世自在王，法藏時為國王，捨位出家，發四十八願，今阿彌陀佛是法藏所成之佛也。多種因者：一、法華經，大通智勝如來時，十六王子，出家淨修梵行，求無上菩提。佛滅度後，常樂說是妙法華經，後悉成佛。第九王子於西方成佛。彼王子者，今阿彌陀佛是。二、悲華經云：無量劫前，有轉輪王，名無諍念，供養寶藏如來。時王發願，願成佛時，國中種種清淨莊嚴。佛與授記，過恆河沙劫，西方世界作佛，國名安樂。彼國王者，今阿彌陀佛是。三、大乘方等總持經云：無垢餞稱起王如來時，有淨命比丘，總持諸經十四億部，隨眾生願樂，廣為說法。彼比丘者，今阿彌陀佛是。四、賢劫經云：雲雷吼如來時，有王子名淨福報眾音，供養彼佛。彼王子者，今阿彌陀佛是。五、彼經又云：金龍決光佛時，有法師名無限量寶音行，力弘經法。彼法師者，今阿彌陀佛是。六、觀佛三昧第九經云：空王佛時，有四比丘，煩惱覆心，空中教令觀佛，遂得念佛三昧。彼第三比丘，今阿彌陀佛是。七、如幻三摩地無量印法門經云：獅子遊戲金光如來時，有國王名勝威，尊重供養彼佛，修禪定行。彼國王者，今阿彌陀佛是。八、一向出生菩薩經云：阿彌陀佛，昔為太子，聞此微妙法門，奉持精進，七千歲中，脅不至席。不念愛欲財寶，不問他事，常獨處止，意不傾動。復教化八千億萬那由他人，得不退轉。彼太子者，今阿彌陀佛是。以上略舉數端。若其多劫多因，亦應無量。

(演)多種因者：一、樂說。二、發願。三、總持。四、供養。五、弘經。六、念佛。七、修禪。八、行度。

阿彌陀佛昔為太子下一節，具足六度。七千歲中，脇不至席，精進度。不念愛欲，戒度。不念財寶，施度。不問他事，常獨處止，禪度。意不傾動，忍度。復教化他人，智度。如上所引諸因，或為國王，王子，或為輪王，或為比丘，或為法師，或供養佛，或說法利人，或發四宏誓，或行六度，所謂根深果茂，源遠流長，道不浪階，隨功涉位耳。今人一行不修，欲希勝果，其猶拳石未辦，欲累七層寶塔，其可得乎？微妙法門者，謂心法妙，佛法妙，眾生法妙。

(Sớ: Nếu khảo sát về nhân địa của A Di Đà Phật trước khi Ngài thành Phật thì không chỉ là một thời kỳ tu nhân của tỳ-kheo Pháp Tạng, mà còn có nhiều thứ nhân như trong các kinh đã nói.

Sao: “Cái nhân của ngài Pháp Tạng”: Kinh Đại Bản chép: Trước Định Quang Phật, có vị Phật thứ năm mươi ba tên là Thế Tự Tại Vương. Khi ấy, ngài Pháp Tạng làm quốc vương, bỏ ngôi, xuất gia, phát ra bốn mươi tám nguyện, A Di Đà Phật hiện nay chính là vị Phật do Pháp Tạng tu thành.

“Có nhiều thứ nhân”: Một là như trong kinh Pháp Hoa, vào thời Đại Thông Trí Thắng Như Lai, mười sáu vương tử xuất gia tịnh tu phạm hạnh, cầu Vô Thượng Bồ Đề. Sau khi đức Phật đã diệt độ, họ thường thích nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa; về sau, đều thành Phật. Vương tử thứ chín thành Phật ở phương Tây, vương tử ấy nay là A Di Đà Phật.

Hai là như kinh Bi Hoa chép: Vô lượng kiếp trước, có Chuyển Luân Vương tên là Vô Tránh Niệm, cúng dường Bảo Tạng Như Lai. Khi ấy, nhà vua phát nguyện, nguyện khi thành Phật, trong nước [sẽ có] các thứ thanh tịnh trang nghiêm. Phật bèn thọ ký cho vua: “Sau Hằng hà sa kiếp, sẽ làm Phật trong thế giới Tây Phương, cõi nước tên An Lạc”. Quốc vương ấy chính là A Di Đà Phật hiện thời.

Ba là Đại Thừa Phương Đẳng Tổng Trì Kinh nói: Vào thời Vô Cấu Diễm Xưng Khởi Vương Như Lai, có tỳ-kheo Tịnh Mạng tổng trì các kinh số đến mười bốn ức bộ, tùy theo lòng ưa muốn của chúng sanh mà rộng vì họ thuyết pháp. Vị tỳ-kheo ấy nay là A Di Đà Phật.

Bốn là kinh Hiền Kiếp nói: Vào thời Vân Lô Hống Như Lai, có một vương tử tên là Tịnh Phước Bảo Chúng Âm cúng dường đức Phật ấy. Vị vương tử ấy nay là A Di Đà Phật.

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bốn - Phần II

Năm, kinh ấy lại nói: Vào thời Kim Long Quyết Quang Phật, có pháp sư tên Vô Hạng Lượng Bảo Âm Hạnh, tận lực hoằng dương kinh pháp. Vị pháp sư ấy nay là A Di Đà Phật.

Sáu là quyển chín kinh Quán Phật Tam Muội có nói: Vào thời Không Vương Phật, có bốn vị tỳ-kheo, bị phiền não che lấp tâm, [nghe] trong hư không [có tiếng] truyền dạy hãy nên quán Phật, bèn đắc Niệm Phật tam-muội. Vị tỳ-kheo thứ ba khi ấy nay là A Di Đà Phật.

Bảy là kinh Như Huyền Tam Ma Địa Vô Lượng Ấn Pháp Môn nói: Vào thời Sư Tử Du Hý Kim Quang Như Lai, có quốc vương tên Thắng Oai tôn trọng cúng dường đức Phật ấy, tu Thiền Định hạnh. Vị quốc vương ấy nay là A Di Đà Phật.

Tám là kinh Nhất Hướng Xuất Sanh Bồ Tát nói: A Di Đà Phật xưa kia làm Thái Tử, nghe pháp môn vi diệu này, phụng trì tinh tấn, trong bảy ngàn năm, chẳng ngả lưng xuống chiếu. Chẳng nghĩ tới ái dục, của cải, không hỏi đến chuyện khác, thường ở riêng một chỗ, ý chẳng khuynh động. Lại còn giáo hóa tám ngàn ức vạn na-do-tha người đắc bất thoái chuyển. Vị Thái Tử ấy nay là A Di Đà Phật. Trên đây đã nêu đại lược vài chi tiết. Nếu [A Di Đà Phật] đã nhiều lượt tu nhân trong nhiều kiếp thì [thọ mạng] cũng phải là vô lượng.

Diễn: “Nhiều thứ nhân”: Một là thích nói. Hai là phát nguyện. Ba là tổng trì. Bốn là cúng dường. Năm là hoằng kinh. Sáu là niệm Phật. Bảy là tu Thiền. Tám là hành Lục Độ.

Từ sau đoạn “A Di Đà Phật xưa kia làm Thái Tử” trở đi là [tu hành] trọn đủ Lục Độ. Trong bảy ngàn năm, chẳng ngả lưng xuống chiếu là Tinh Tấn Độ. Chẳng nghĩ tới ái dục là Giới Độ. Chẳng nghĩ tới của cải là Thí Độ. Chẳng hỏi đến chuyện khác, thường ở riêng một mình, chính là Thiền Độ. Ý chẳng khuynh động là Nhẫn Độ. Lại còn giáo hóa người khác là Trí Độ.

“Các nhân đã dẫn như trên đây”: Hoặc làm quốc vương, vương tử, hoặc làm Luân Vương, hoặc làm tỳ-kheo, hoặc làm pháp sư, hoặc cúng dường Phật, hoặc thuyết pháp lợi người, hoặc phát Tứ Hoằng Thệ, hoặc hành Lục Độ. Đó gọi là “rễ sâu, quả xum xuê; do nguồn xa, dòng chảy sẽ dài, đạo chẳng vượt cấp, tùy theo công hạnh mà đạt quả vị” vậy. Người đời nay chẳng tu một hạnh nào cả, cứ mong muốn quả thù thắng, ví như một hòn đá bé tí còn chưa lo liệu mà đã toan dựng tháp báu bảy tầng, há có được chăng?

“Vi diệu pháp môn” là tâm pháp diệu, Phật pháp diệu, và chúng sanh pháp diệu).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh bốn lai thành Phật, thị thập kiếp nghĩa.

(Sao) Hoa Nghiêm cử thập, thị biểu vô tận; tức kim tự tánh thành Phật dĩ lai, hà chỉ Oai Âm na biên cánh na biên, trần sa kiếp hựu trần sa kiếp dã. Nhược định chấp thập kiếp, tích nhân đạo, do thị Vương lão sư nhi tôn.

(Diễn) Hoa Nghiêm cử thập biểu vô tận giả, nhất giả số chỉ thủ, thập giả số chỉ chung. Thiên vi thập bách, vạn vi thập thiên, kinh trung số sự, tất cử thập giả, biểu vô tận dã. Do thị Vương lão sư nhi tôn giả, Nam Tuyền tánh Vương, thường tự xưng Vương lão sư. Hoàng Bá chỉ Nam Tuyền. Nhất nhật trai thời, phùng bát hướng Nam Tuyền vị thượng tọa. Nam Tuyền lai kiến, tiện vấn: “Trưởng lão thậm ma niên trung hành đạo?” Bá vân: “Oai Âm na bạn”. Tuyền vân: “Do thị Vương lão sư nhi tôn”.

(疏)稱理，則自性本來成佛，是十劫義。

(鈔)華嚴舉十，是表無盡；即今自性成佛以來，何止威音那邊更那邊，塵沙劫又塵沙劫也。若定執十劫，昔人道，猶是王老師兒孫。

(演)華嚴舉十表無盡者，一者數之始，十者數之終。千為十百，萬為十千，經中數事，必舉十者，表無盡也。猶是王老師兒孫者，南泉姓王，常自稱王老師。黃蘗至南泉。一日齋時，捧鉢向南泉位上坐。南泉來見，便問：長老什麼年中行道？蘗云：威音那畔。泉云：猶是王老師兒孫。

(Sớ) Xưng Lý, tự tánh vốn sẵn thành Phật là ý nghĩa của “mười kiếp”.

Sao: Kinh Hoa Nghiêm nêu ra “mười” nhằm biểu thị sự vô tận. Tức là [“mười kiếp” trong kinh này phải hiểu là] kể từ khi tự tánh thành Phật đến nay, há có phải chỉ là trước thời Oai Âm Vương Phật, mà lại còn là trước thời đó nữa, là trần sa kiếp trước trần sa kiếp vậy. Nếu chấp khẳng khẳng [thật sự là chỉ đúng] mười kiếp, cổ nhân bảo [kể chấp trước như vậy] vẫn là “con cháu của Vương lão sư”.

Diễn: “Hoa Nghiêm nêu ra Mười nhằm biểu thị vô tận”: Một là con số khởi đầu, mười là con số kết thúc. Ngàn là mười lần một trăm, vạn là mười ngàn; trong kinh hề nói tới nhiều sự, đều dùng Mười để biểu

thị sự vô tận.

“*Vẫn là con cháu của Vương lão sư*”: Ngài Nam Tuyền họ Vương, thường tự xưng là “*Vương lão sư*”. Ngài Hoàng Bá tới chỗ ngài Nam Tuyền. Một hôm, trong lúc thọ trai, [Hoàng Bá] bưng bát tiến đến ngồi ở chỗ của ngài Nam Tuyền. Ngài Nam Tuyền thấy Sư tiến đến, liền hỏi: “*Trưởng lão đã hành đạo bao nhiêu năm?*” Ngài Hoàng Bá đáp: “*Trước thời Oai Âm Vương Phật*”. Ngài Nam Tuyền bảo: “*Vẫn là con cháu của Vương lão sư*”).

Nhị, hóa bạn (nhị): Sơ, kiến tại. Nhị, vãng sanh.

Sơ, kiến tại (tam): Sơ, Thanh Văn. Nhị, Bồ Tát. Tam, tổng kết.

Sơ, Thanh Văn.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri.

(Sớ) Chủ tất hữu bạn, tiên Thanh Văn, thứ Bồ Tát, mình giai hiền thánh chi lữ dã. Kim sơ Thanh Văn. Thanh Văn giả, văn Tứ Đế thanh giáo nhi đắc chứng quả. A La Hán giả, giản phi tiền tam dã. Bất ngôn Duyên Giác, nhiếp Thanh Văn trung cố. Phi toán số giả, thậm ngôn kỳ đa dã.

(Diễn) Tứ Đế thanh giáo giả: Nhất, Khổ Đế, nhị thập ngũ Hữu, y chánh nhị báo thị. Biệt tắc nhị thập ngũ Hữu, tổng tắc lục đạo sanh tử: Nhất, địa ngục đạo, tác thượng phẩm Ngũ Nghịch, Thập Ác giả, cảm thử đạo thân. Nhị, súc sanh đạo, tác trung phẩm Ác Nghịch giả, cảm thử đạo thân. Tam, ngạ quỷ đạo, tác hạ phẩm Ác Nghịch giả, cảm thử đạo thân. Tứ, Tu La đạo, tác hạ phẩm Thập Thiện, cảm thử đạo thân. Ngũ, nhân đạo, tứ châu bất đồng, giai khổ lạc tương gián. Tại nhân chi thời, hành Ngũ Thường, Ngũ Giới, cập trung phẩm Thập Thiện, cảm thử đạo thân. Lục, thiên đạo, nhị thập bát thiên bất đồng, tu thượng phẩm Thập Thiện, cập Thiên Định vì nhân, cảm thử đạo thân. Thượng lai sở thích, từng địa ngục chí Phi Tưởng Thiên, tuy khổ lạc bất đồng, vị miễn tử nhi phục sanh, sanh nhi phục tử. Thử thị Tạng Giáo thật hữu Khổ Đế. Nhị, Tập Đế giả tức Kiến Tư Hoặc, hựu vân Tứ Trụ, hựu vân Chi Mạt Vô Minh, hựu vân Thông Hoặc, hựu vân Giới Nội Hoặc. Tuy danh bất đồng, dẫn Kiến Tư nhi. Kiến Hoặc hữu bát thập bát Sở, dĩ Ngũ Độn, Ngũ Lợi, Thập Sở, lịch tam giới Tứ Đế hạ, tăng giảm bất đồng, thành bát thập bát. Tư Hoặc hữu bát thập nhất phẩm, vị tam giới phân vì cửu địa, Dục Giới hợp vì nhất địa, Tứ Thiên, Tứ Không vì bát, cộng vì cửu địa. Dục Giới nhất địa trung, hữu

cửu phẩm tham, sân, si, mạn, thượng bát địa các hữu cửu phẩm, trừ Sân Sữ, cố thành bát thập nhất dã. Thượng lai Kiến Tư bất đồng, tổng thị Tạng Giáo, thật hữu Tập Đế. Tam, Diệt Đế giả, Diệt tiền Khổ Tập, hiển Thiên Chân lý, nhân Diệt hội Chân, Diệt phi Chân Đế. Tứ, Đạo Đế giả, lược tắc Giới, Định, Huệ, quảng tắc tam thập thất Đạo Phẩm. Thử tam thập thất, hợp vi thất khoa: Nhất, Tứ Niệm Xứ. Nhị, Tứ Chánh Cần. Tam, Tứ Như Ý Túc. Tứ, Ngũ Căn. Ngũ, Ngũ Lực. Lục, Thất Giác Chi. Thất, Bát Chánh Đạo. Dĩ thượng thất khoa, tức thị Tạng Giáo Sanh Diệt Đạo Đế. Nhiên Tứ Đế chỉ trung, phân thể, xuất thể. Tiền nhị Đế vi thể gian nhân quả. Hậu nhị Đế vi xuất thể gian nhân quả, giai tiền quả hậu nhân giả, linh tri Khổ, đoạn Tập, mộ Diệt, tu Đạo dã. A La Hán giản phi tiền tam giả: Nhất, Tu Đà Hoàn, thử vân Dự Lưu. Thử vị đoạn tam giới bát thập bát Sữ Kiến Hoặc, kiến Chân Đế, cố danh vi Kiến Đạo. Nhị, Tư Đà Hàm, thử vân Nhất Lai. Thử vị đoạn Dục Giới cửu phẩm Tư trung, đoạn tiền lục phẩm tận, hậu tam phẩm do tại, cố cánh nhất lai. Tam, A Na Hàm, thử vân Bất Lai. Thử vị đoạn dục tàn Tư tận, tấn đoạn thượng bát địa Tư. Tứ, A La Hán, thử vân Vô Học, hựu vân Vô Sanh, hựu vân Sát Tặc, hựu vân Ứng Cúng. Thử vị đoạn Kiến Tư câu tận. Tử phục dĩ đoạn, quả phục do tôn, danh Hữu Dự Niết Bàn.

二、化伴(二)：初、見在，二、往生。

初、見在(三)：初、聲聞，二、菩薩，三、總結。

初、聲聞。

(經)又舍利弗！彼佛有無量無邊聲聞弟子，皆阿羅漢，非是算數之所能知。

(疏)主必有伴，先聲聞，次菩薩，明皆賢聖之侶也。今初聲聞。聲聞者，聞四諦聲教而得證果。阿羅漢者，揀非前三也。不言緣覺，攝聲聞中故。非算數者，甚言其多也。

(演)四諦聲教者：一、苦諦，二十五有，依正二報是。別則二十五有，總則六道生死：一、地獄道，作上品五逆十惡者，感此道身。二、畜生道，作中品惡逆者，感此道身。三、餓鬼道，作下品惡逆者，感此道身。四、修羅道，作下品十善，感此道身。五、人道，四洲不同，皆

苦樂相間。在因之時，行五常五戒，及中品十善，感此道身。六、天道，二十八天不同，修上品十善，及禪定為因，感此道身。上來所釋，從地獄至非想天，雖苦樂不同，未免死而復生，生而復死。此是藏教實有苦諦。二、集諦者，即見思惑，又云四住，又云枝末無明，又云通惑，又云界內惑。雖名不同，但見思耳。見惑有八十八使，以五鈍五利十使，歷三界四諦下，增減不同，成八十八。思惑有八十一品，謂三界分為九地，欲界合為一地，四禪四空為八，共為九地。欲界一地中，有九品貪瞋痴慢，上八地各有九品，除瞋使，故成八十一也。上來見思不同，總是藏教，實有集諦。三、滅諦者，滅前苦集，顯偏真理，因滅會真，滅非真諦。四、道諦者，略則戒定慧，廣則三十七道品。此三十七，合為七科：一、四念處。二、四正勤。三、四如意足。四、五根。五、五力。六、七覺支。七、八正道。已上七科，即是藏教生滅道諦。然四諦之中，分世出世。前二諦為世間因果。後二諦為出世間因果，皆前果後因者，令知苦斷集，慕滅修道也。阿羅漢揀非前三者：一、須陀洹，此云預流。此位斷三界八十八使見惑，見真諦，故名為見道。二、斯陀含，此云一來。此位斷欲界九品思中，斷前六品盡，後三品猶在，故更一來。三、阿那含，此云不來。此位斷欲殘思盡，進斷上八地思。四、阿羅漢，此云無學，又云無生，又云殺賊，又云應供。此位斷見思俱盡。子縛已斷，果縛猶存，名有餘涅槃。

(Hai là hóa bạn (đại chúng được giáo hóa), gồm hai phần: Một là các đại chúng đang ở bên ấy. Hai là người vãng sanh.

[Tiểu khoa] thứ nhất nói về đại chúng đang ở bên ấy. [Tiểu khoa này được chia thành ba mục nhỏ]: Một là Thanh Văn. Hai là Bồ Tát. Ba là tổng kết.

Trước hết, nói về Thanh Văn.

Kinh: *Lại này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên*

Thanh Văn đệ tử, đều là bậc A La Hán, chẳng thể nào tính toán để biết được.

Sớ: Chủ ắt có bạn, trước là Thanh Văn, sau là Bồ Tát; nói rõ bạn lẫn đều là bậc hiền thánh. Nay trước hết nói về Thanh Văn. Thanh Văn là người nghe thanh giáo Tứ Đế, bèn được chứng quả. [Nói là] A La Hán nhằm chỉ rõ chẳng phải là ba quả vị trước đó. Chẳng nhắc tới Duyên Giác vì đã được gộp trong Thanh Văn. “Chẳng thể tính toán”, ý nói hết sức nhiều.

Diễn: “Thanh giáo Tứ Đế”: Một là Khổ Đế, bao gồm y báo và chánh báo trong hai mươi lăm Hữu. Nói riêng biệt thì có hai mươi lăm Hữu, nói tổng quát thì là sanh tử trong lục đạo: Một là địa ngục đạo, kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác thượng phẩm, sẽ cảm vùi thân trong đường này. Hai là súc sanh đạo; kẻ tạo Ác Nghịch trung phẩm, sẽ cảm vùi thân trong đường này. Ba là ngạ quỷ đạo, kẻ tạo Ác Nghịch hạ phẩm, sẽ cảm vùi thân trong đường này. Bốn là Tu La đạo, tạo hạ phẩm Thập Thiện, cảm thân trong đường này. Năm là nhân đạo, [tuy có] bốn châu khác nhau, đều là khổ và vui chen lẫn. Trong lúc tu nhân, đã hành Ngũ Thường, Ngũ Giới, và trung phẩm Thập Thiện, nên cảm thân trong đường này. Sáu là thiên đạo, có hai mươi tám tầng trời khác nhau. Do tu thượng phẩm Thập Thiện và Thiên Định làm nhân mà cảm thân trong đường này. Đối với những điều đã giải thích trên đây, từ địa ngục cho tới trời Phi Tướng, tuy khổ vui khác nhau, chẳng tránh khỏi tử rồi lại sanh, sanh rồi lại tử. Đây là Tạng Giáo [họ cho rằng đây] thật sự có Khổ Đế.

Hai là Tập Đế, tức là Kiến Tư Hoặc, còn gọi là Tư Trụ, lại gọi là Chi Mạt Vô Minh, lại gọi là Thông Hoặc, lại gọi là Giới Nội Hoặc. Tuy tên gọi khác nhau, nhưng chỉ là Kiến và Tư mà thôi. Kiến Hoặc có tám mươi tám Sở, do mười Sở gồm Ngũ Độn và Ngũ Lợi ứng với Tứ Đế trọn khắp tam giới, do tăng giảm khác nhau mà thành tám mươi tám phẩm. Tư Hoặc có tám mươi một phẩm, tức là tam giới được chia thành chín địa: Dục Giới hợp thành một địa, Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên là tám địa, cộng thành chín địa. Trong một địa của Dục Giới có chín phẩm tham, sân, si, mạn. Đối với tám địa trên đó (tám địa của Tứ Không Thiên và Tứ Thiên Thiên), mỗi địa có chín phẩm, ngoại trừ Sân Sở, nên thành tám mươi một phẩm. Kiến Tư [được phân định] sai khác như trên đây nói chung là Tạng Giáo, [theo như cách nhìn của họ thì] thật sự có Tập Đế.

Ba, Diệt Đế là diệt Khổ và Tập trên đây, hiển lộ lý Thiên Chân, do

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bốn - Phần II

Diệt mà thấu hiểu Chân. Diệt [theo trong Tạng Giáo] chưa phải là Chân Đế.

Bốn là Đạo Đế, đại lược thì là Giới, Định, Huệ, nói rộng thì là ba mươi bảy Đạo Phẩm. Ba mươi bảy phẩm ấy hợp thành bảy khoa: Một là Tứ Niệm Xứ. Hai là Tứ Chánh Cần. Ba là Tứ Như Ý Túc. Bốn là Ngũ Căn. Năm là Ngũ Lực. Sáu là Thất Giác Chi. Bảy là Bát Chánh Đạo.

Bảy khoa trên đây, chính là Sanh Diệt Đạo Đế của Tạng Giáo, nhưng trong Tứ Đế có chia thành thế gian và xuất thế gian. Hai Đế trước (Khổ và Tập) là nhân quả thế gian. Hai Đế sau (Diệt và Đạo) là nhân quả xuất thế gian, đều là quả trước, nhân sau, ngõ hầu [người nghe] sẽ biết Khổ, đoạn Tập, hâm mộ Diệt, tu Đạo.

[Nói] A La Hán nhằm chỉ rõ: Chẳng thuộc về ba quả vị trước. [Ba quả vị trước]: Một là Tu Đà Hoàn, cõi này dịch là Dự Lưu. Địa vị này đoạn tám mươi tám Sứ thuộc Kiến Hoặc trong tam giới, thấy Chân Đế, nên gọi là Kiến Đạo. Hai là Tư Đà Hàm, cõi này dịch là Nhất Lai. Địa vị này đã đoạn sáu phẩm trước trong chín phẩm Tư Hoặc thuộc Dục Giới; do hầy còn ba phẩm sau [chưa đoạn], nên phải trở lại lần nữa. Ba là A Na Hàm, cõi này dịch là Bất Lai. Địa vị này đoạn sạch mọi Tư Hoặc còn sót lại trong Dục Giới; tiến cao hơn là đoạn Tư Hoặc trong tám địa phía trên. Bốn là A La Hán, cõi này dịch là Vô Học; lại dịch là Vô Sanh. Lại còn dịch là Sát Tặc, còn dịch là Ứng Cúng. Địa vị này, Kiến Hoặc và Tư Hoặc đều đoạn hết sạch. Triền phược thô đã đoạn, triền phược vi tế hầy còn, nên gọi là Hữu Dư Niết Bàn).

(Sao) Văn Tứ Đế giả, Thế Tôn vị Kiều Trần Như đẳng ngũ nhân, chuyển Khổ, Tập, Diệt, Đạo pháp luân, sơ thị, nhị khuyến, chí tam tắc chứng. Chư lậu dĩ tận, thành A La Hán. Nhân văn thanh giáo, dĩ đắc khai minh, cố danh Thanh Văn. Thanh Văn chi hiệu, thông tiền tam quả, kim Tứ Quả dã.

(Diễn) Thế Tôn vị Kiều Trần Như đẳng ngũ nhân giả, Phật sơ xuất gia nhập sơn tu đạo, phụ vương tư niệm, mạng Trần Như, Mã Thắng đẳng ngũ nhân tùy thị. Ngũ nhân bất thắng kỳ khổ, thoái cư Lộc Uyển. Phật thành đạo dĩ, quán ngũ nhân nghi tối tiên đắc độ, cố Phật chí Lộc Uyển, thuyết pháp độ chi. Tam chuyển pháp luân giả: Nhất, thị tướng chuyển: Thử thị khổ, bức bách tánh. Thử thị Tập, chiêu cảm tánh. Thử thị Diệt, khả chứng tánh. Thử thị Đạo, khả tu tánh. Nhị, khuyến tu chuyển: Thử thị Khổ, nhữ ưng tri. Thử thị Tập, nhữ ưng đoạn. Thử thị Diệt, nhữ ưng chứng. Thử thị Đạo, nhữ ưng

tu. Tam, tác chứng chuyển: Thử thị Khổ, ngã dĩ tri. Thử thị Tập, ngã dĩ đoạn. Thử thị Diệt, ngã dĩ chứng. Thử thị Đạo, ngã dĩ tu.

(鈔)聞四諦者，世尊為憍陳如等五人，轉苦集滅道法輪，初示，二勸，至三則證。諸漏已盡，成阿羅漢。因聞聲教，以得開明，故名聲聞。聲聞之號，通前三果，今四果也。

(演)世尊為憍陳如等五人者。佛初出家入山修道，父王思念，命陳如馬勝等五人隨侍。五人不勝其苦，退居鹿苑。佛成道已，觀五人宜最先得度，故佛至鹿苑，說法度之。三轉法輪者：一、示相轉：此是苦，逼迫性。此是集，招感性。此是滅，可證性。此是道，可修性。二、勸修轉：此是苦，汝應知。此是集，汝應斷。此是滅，汝應證。此是道，汝應修。三、作證轉：此是苦，我已知。此是集，我已斷。此是滅，我已證。此是道，我已修。

(Sao: “Nghe Tứ Đế”: Đức Thế Tôn vì nhóm năm người của ngài Kiều Trần Như mà chuyển pháp luân Khổ, Tập, Diệt, Đạo; đầu tiên là chỉ bày, hai là khuyên lơn, cho đến điều thứ ba là chứng nhập. Các lậu đã hết, thành A La Hán. Do nghe thanh giáo bèn được khai minh, nên gọi là Thanh Văn. Danh hiệu Thanh Văn bao gồm cả ba quả trước, ở đây là Tứ Quả.

Diễn: “Đức Thế Tôn vì nhóm năm người Kiều Trần Như”: Lúc đức Phật mới xuất gia, vào núi tu đạo, phụ vương lo nghĩ, bèn sai nhóm năm người như Trần Như, Mã Thắng v.v... theo hầu. Năm người không chịu khổ nổi, bèn lui về ở trong Lộc Uyển. Đức Phật đã thành đạo, quán thấy năm người ấy đáng nên đăc độ trước tiên, cho nên đức Phật đến Lộc Uyển thuyết pháp độ họ.

“Tam chuyển pháp luân”:

- Một là chuyển bằng cách chỉ bày các tướng: Đây là Khổ vì có tánh chất bức bách. Đây là Tập, có tánh chất chiêu cảm. Đây là Diệt, tánh có thể chứng. Đây là Đạo, tánh có thể tu.

- Hai là khuyên tu chuyển: Đây là Khổ, người nên biết. Đây là Tập, người nên đoạn. Đây là Diệt, người nên chứng. Đây là Đạo, người nên tu.

- Ba là tác chứng chuyển: Đây là Khổ, ta đã biết. Đây là Tập, ta

đã đoạn. Đây là Diệt, ta đã chứng. Đây là Đạo, ta đã tu).

(Sao) *Duyên Giác nhiếp giả, Duyên Giác quán Thập Nhị Nhân Duyên nhi đắc khai ngộ. Tuy thập nhị chi, nhi thúc chi, bất xuất Tứ Đế. Tuy hữu lợi sanh chi tâm, nhi diệt vi quảng, cố nhiếp Thanh Văn trung dã.*

(Diễn) *Duyên Giác quán Thập Nhị Nhân Duyên giả: Nhất, Vô Minh, vị Phiền Não Chướng, Phiền Não Đạo. Nhị, Hành, nghiệp chướng, nghiệp đạo. Thử nhị chi thuộc quá khứ. Tam, Thức, thác thai nhất phần khí tức. Tứ, Danh Sắc, Danh thị tâm, Sắc thị Chất. Ngũ, Lục Nhập, lục căn thành, thử thai trung. Lục, Xúc, thử xuất thai. Thất, Thọ, lãnh nạp tiền cảnh hảo ác đẳng sự. Tòng Thức chí Thọ, danh hiện tại ngũ quả. Bát, Ái, ái nam, nữ, kim, ngân đẳng sự. Cửu, Thủ, phàm kiến nhất thiết cảnh giới, sanh thử trước tâm. Thử nhị vị lai nhân, giai thuộc phiền não, như quá khứ vô minh. Thập, Hữu, nghiệp dĩ thành tựu, thị vị lai nhân, thuộc nghiệp đạo, như quá khứ Hành. Thập nhất, Sanh, vị lai thọ sanh sự. Thập nhị, lão tử. Thử tức thị Tứ Đế. Sở dĩ trùng khai giả, dĩ Duyên Giác chi nhân, tiên quán Tập Đế. Sở vị Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, nãi chí Sanh duyên Lão Tử, thử tắc sanh khởi. Nhược Diệt quán giả, Vô Minh diệt, tắc Hành diệt, nãi chí Sanh diệt, tắc Lão Tử diệt. Nhân quán Thập Nhị Nhân Duyên, giác Chân Đế lý, cố ngôn Duyên Giác. Thử nhân đoạn tam giới Kiến Tư, dữ Thanh Văn đồng. Cánh xâm tập khí, cố cư Thanh Văn thượng. Thúc chi, bất xuất Tứ Đế giả, nhược Lưu Chuyển Môn, Vô Minh, Ái, Thủ tam chi thị Phiền Não Đạo, Hành, Hữu nhị chi thị Nghiệp Đạo, thử ngũ chi vi Tập Đế, Thức, Danh Sắc đẳng thất chi vi Khổ Đế. Nhược Hoàn Diệt Môn, diệt tiền Thập Nhị Nhân Duyên chi trí vi Đạo Đế, chứng tịch diệt lý vi Diệt Đế.*

(鈔)緣覺攝者，緣覺觀十二因緣而得開悟。雖十二支，而束之，不出四諦。雖有利生之心，而亦未廣，故攝聲聞中也。

(演)緣覺觀十二因緣者：一、無明，謂煩惱障，煩惱道。二、行，業障，業道。此二支屬過去。三、識，托胎一分氣息。四、名色，名是心，色是質。五、六入，六根成，此胎中。六、觸，此出胎。七、受，領納前境好惡等事。從識至受，名現在五果。八、愛，愛男女，金銀等

事。九、取，凡見一切境界，生取著心。此二未來因，皆屬煩惱，如過去無明。十、有，業已成就，是未來因，屬業道，如過去行。十一、生，未來受生事。十二、老死。此即是四諦。所以重開者，以緣覺之人，先觀集諦。所謂無明緣行，行緣識，乃至生緣老死，此則生起。若滅觀者，無明滅，則行滅，乃至生滅，則老死滅。因觀十二因緣，覺真諦理，故言緣覺。此人斷三界見思，與聲聞同。更侵習氣，故居聲聞上。束之，不出四諦者，若流轉門，無明，愛取，三支是煩惱道，行有二支是業道，此五支為集諦，識名色等七支為苦諦。若還滅門，滅前十二因緣之智為道諦，證寂滅理為滅諦。

(Sao: “[Nói Thanh Văn] là đã bao gồm Duyên Giác”: Duyên Giác quán Thập Nhị Nhân Duyên nên được khai ngộ. Tuy gồm mười hai chi, nhưng tóm lại, chẳng ra ngoài Tứ Đế. Tuy có tâm lợi sanh, nhưng vẫn chưa rộng, cho nên gom vào hàng Thanh Văn.

Diễn: “Duyên Giác quán Thập Nhị Nhân Duyên”: Một là Vô Minh, nghĩa là Phiền Não Chướng, Phiền Não Đạo. Hai là Hành, tức nghiệp chướng, nghiệp đạo. Hai chi này thuộc về quá khứ. Ba là Thức, tức là một phần khí tức nương gá nơi thai. Bốn là Danh Sắc, Danh là tâm, Sắc là chất (vật chất). Năm là Lục Nhập, sáu căn hình thành, những giai đoạn này đều ở trong thai. Sáu là Xúc, [tức những cảm nhận] khi lọt lòng mẹ. Bảy là Thọ, lãnh nhận những chuyện ưa ghét thuộc tiền cảnh. Từ Thức đến thọ là năm cái quả thuộc về hiện tại. Tám là Ái, tức yêu mến những thứ như nam, nữ, vàng, bạc v.v... Chín là Thủ, hề trông thấy hết thấy cảnh giới bèn sanh tâm chấp giữ. Hai điều này đều là cái nhân của vị lai, đều thuộc về phiền não, giống như vô minh trong quá khứ. Mười là Hữu, nghiệp đã thành tựu, là cái nhân của vị lai, thuộc về nghiệp đạo, giống như Hành trong quá khứ. Mười một là Sanh, tức là chuyện thọ sanh trong tương lai. Mười hai là già chết.

Đây chính là Tứ Đế, sở dĩ Tứ Đế được mở rộng ra là do hàng Duyên Giác trước hết là quán Tập Đế, thường nói là “Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức”, cho đến “Sanh duyên Lão Tử”. Đây chính là sanh khởi. Nếu quán Diệt thì Vô Minh diệt ắt Hành diệt, cho đến Sanh diệt thì Lão và Tử đều diệt. Do quán Thập Nhị Nhân Duyên, giác ngộ lý Chân Đế; vì thế nói là Duyên Giác. Hạng người này đoạn Kiến Hoặc và

Tư Hoắc trong tam giới, giống như Thanh Văn. Do đã đoạn trừ tập khí, nên cao hơn Thanh Văn.

“Tóm lại, chẳng ra ngoài Tứ Đế”: Nếu xét theo Lưu Chuyển Môn, ba chi Vô Minh, Ái, Thủ là Phiền Nã Đạo, hai chi Hành và Hữu là Nghiệp Đạo. Năm chi này là Tập Đế, bảy chi Thức, Danh Sắc v.v... là Khổ Đế. Nếu là Hoàn Diệt Môn, cái trí diệt mười hai nhân duyên trên đây là Đạo Đế, chứng lý tịch diệt là Diệt Đế).

(Sao) Toán số giả, thể gian toán số, tận ư Cửu Chương. Phật thuyết toán số, như A Tăng Kỳ phẩm, tắc phi thể nhân tâm lực sở kế. Kim vân “toán số”, thông thể xuất thể gian nhi ngôn dã. Dĩ kỳ đa đa vô tận, siêu xuất toán số chi ngoại, tuy Lạc Hoàng, Nhất Hạnh, vô sở thi kỳ xảo giả dã. Thượng ngôn Vô Lượng, Vô Biên, thập đại số trung, đương kỳ nhị tam. Thị hữu toán số, nhi kim ngôn “phi thị toán số sở tri”. Cổ tri vô lượng, nãi tán thán cực đa chi ngữ, vị khả dĩ thường số nệ dã. Như Đại Bồn vân: “Giả sử tỳ-kheo mãn ức na-do-tha bách thiên số lượng, giai như Mục Liên thần thông, dục cộng kế toán bỉ Phật sơ hội Thanh Văn, tận kỳ thần lực, bách phần trung bất năng tri nhất, nãi chí Ổ-ba-nê-sát-dàm phần, diệt bất năng tri nhất”. Hựu vân: “Phật cáo A Nan: ‘Giả sử hữu nhân, xuất nhất thân mao, toái vi vi trần, dĩ nhất nhất trần, đầu hải xuất thủy, mao trần thủy đa? Hải trung thủy đa?’ A Nan đáp ngôn: ‘Mao trần thủy đa, bất cập bán cập, hải thủy vô lượng’. Phật ngôn: - Bỉ Phật sát trung Thanh Văn đệ tử, hữu tri số giả, như mao trần thủy, số vi tận giả, như hải trung thủy”.

(Diễn) Toán số Cửu Chương giả. Nhất, Phương Điền. Nhị, Túc Bồ. Tam, Sai Phân. Tứ, Thiếu Quảng. Ngũ, Thương Công. Lục, Quân Thâu. Thất, Phương Trình. Bát, Doanh Nục. Cửu, Câu Cổ. “Lạc Hoàng, Nhất Hạnh” giả, Lạc Hoàng Hán Vũ Đế thời nhân, tinh ư lịch số, Hán thời cải Chánh Sóc kỳ sở định dã, toán châu thiên số, vân: “Hậu kỷ bách niên, đương hữu sai ngoa, tất hữu thánh nhân xuất nhi chánh chi”. Đường Huyền Tông thời, tặng Nhất Hạnh quả xuất, phục định lịch số. Ổ-ba-nê-sát-dàm, thử vân vi trần.

(鈔)算數者，世間算數，盡於九章。佛說算數，如阿僧祇品，則非世人心力所計。今云算數，通世出世間而言也。以其多多無盡，超出算數之外，雖洛閔一行，無所施其巧者也。上言無量無邊，十大數中，當其二三。是有算

數，而今言非是算數所知。故知無量，乃讚歎極多之語，未可以常數泥也。如大本云：假使比丘滿億那由他百千數量，皆如目連神通，欲共計算彼佛初會聲聞，盡其神力，百分中不能知一，乃至鄔波尼殺曇分，亦不能知一。又云：佛告阿難：假使有人，出一身毛，碎為微塵，以一一塵，投海出水，毛塵水多？海中水多？阿難答言：毛塵水多，不及半合，海水無量。佛言：彼佛剎中聲聞弟子，有知數者，如毛塵水，數未盡者，如海中水。

(演)算數九章者。一、方田。二、粟布。三、差分。四、少廣。五、商功。六、均輸。七、方程。八、盈朒。九、勾股。洛閔一行者，洛閔漢武帝時人，精於曆數，漢時改正朔其所定也，算周天數，云：後幾百年，當有差訛，必有聖人出而正之。唐玄宗時，僧一行果出，復定曆數。鄔波泥殺曇，此云微塵。

(Sao: “Tính toán”: Phép tính toán trong thế gian đều xuất phát từ Cửu Chương. Cách tính toán số lượng như đức Phật đã nói trong phẩm A Tăng Kỳ [của kinh Hoa Nghiêm] thì tâm lực của người đời chẳng thể tính toán được. Nay nói đến “toán số” là nói gồm trọn [các phương pháp tính toán trong] thế gian và xuất thế gian. Do con số ấy nhiều vô tận, vượt ngoài khả năng tính toán, dầu là Lạc Hoảng hoặc Nhất Hạnh, cũng chẳng có cách nào thì thoả tài khéo được.

Vô Lượng và Vô Biên như đã nói trên đây đứng vào hàng thứ hai và thứ ba trong mười con số lớn. [Những con số ấy tuy lớn, nhưng vẫn] là có thể tính toán được, nhưng nay kinh nói “chẳng thể tính toán để biết được”; cho nên biết “vô lượng” chính là từ ngữ tán thán số lượng cực nhiều, chứ nên câu nệ hiểu là những con số thông thường. Như kinh Đại Bản có nói: “Giả sử tỷ-kheo số lượng nhiều đến ức na-do-tha trăm ngàn, đều có thần thông như ngài Mục Liên, muốn cùng nhau tính toán số lượng Thanh Văn trong hội đầu tiên của đức Phật ấy, trọn hết thần lực của họ, vẫn chẳng biết được một phần trăm, cho đến một phần Ô-ba-nê-sát-dàm cũng chẳng biết được”.

Kinh lại chép: “Đức Phật bảo A Nan: ‘Giả sử có người nhổ một sợi lông trên thân, nghiền nát thành vi trần, dùng mỗi một vi trần ấy để nhúng xuống biển lấy nước, thì nước dính trên hạt bụi của sợi lông ấy là

nhiều, hay nước trong biển là nhiều?’ A Nan đáp rằng: ‘Nước dính trên hạt bụi của sợi lông nhiều lắm là chưa đầy nửa lẽ, nước biển vô lượng’. Đức Phật nói: - Số lượng đệ tử Thanh Văn trong cõi Phật ấy được biết đến [chỉ như] bụi bám trên đầu sợi lông, còn số chưa biết đến như nước trong biển”.

Diễn: “Toán số Cửu Chương”: [Cửu Chương bao gồm]: Một là Phương Điền. Hai là Túc Bồ. Ba là Tu Phân. Bốn là Thiếu Quảng. Năm là Thương Công. Sáu là Quân Thâu. Bảy là Phương Trình. Tám là Doanh Nục. Chín là Câu Cồ.

“Lạc Hoằng, Nhất Hạnh”: Lạc Hoằng là người sống vào thời Hán Vũ Đế, tinh thông lịch số. Việc sửa đổi ngày mùng Một tháng Giêng vào thời Hán là do ông ấn định. Khi ông tính toán số châu thiên đã nói: “Mấy trăm năm sau, sẽ bị sai ngoa, ắt có thánh nhân ra đời sửa đổi cho đúng”. Vào thời Đường Huyền Tông, quả nhiên sư Nhất Hạnh xuất hiện, lại ấn định lịch số. Cõi này dịch Ổ-ba-nê-sát-đàm là vi trần).

(Sớ) Luận ngôn: “Nhị Thừa bất sanh”, kim ngôn Thanh Văn giả, dĩ quán tập Tiểu, bất cứu chứng Đại, chung vô Tiểu cố. Như Quán Sớ thuyết: “Nhược cứ biến hóa, Tiểu diệt vô ngại”.

(Sao) Chung vô Tiểu giả, Quán Kinh Sớ vị: “Tập Tiểu chi nhân, bổn bất đắc sanh. Điều bỉ lâm chung, phát Đại Thừa tâm, diệt nãi đắc sanh. Dĩ quán tập Tiểu, tài văn khổ, không, vô thường đẳng pháp, thuận kỳ tiên tập, toại chứng tiểu quả”; nhị hướng Đại chi tâm dĩ thành, huống đắc cận Phật, tự đương bất cứu chứng Đại, an tại kỳ vi Thanh Văn hồ? Thị tắc kinh cử Thanh Văn, dĩ tạm hữu cố. Luận minh Nhị Thừa bất sanh giả, dĩ chung vô cố. Tiểu diệt vô ngại giả. Tịnh Độ thượng dung chúng diệu, Thanh Văn khởi bất diệu như? Diệu ký biến hóa sở thành, Thanh Văn ninh độc thật hữu? Túng sử bỉ quốc cứu hữu Thanh Văn, diệt phục hà ngại?

(疏)論言：二乘不生，今言聲聞者，以慣習小，不久證大，終無小故。如觀疏說：若據變化，小亦無礙。

(鈔)終無小者，觀經疏謂：習小之人，本不得生。繇彼臨終，發大乘心，亦乃得生。以慣習小，纔聞苦空，無常等法，順其先習，遂證小果；而向大之心已成，況得近佛，自當不久證大，安在其為聲聞乎？是則經舉聲聞，以暫有故。論明二乘不生者，以終無故。小亦無礙者。淨土

尚容眾鳥，聲聞豈不鳥如？鳥既變化所成，聲聞寧獨實有？縱使彼國久有聲聞，亦復何礙？

(Sớ: [Vãng Sanh] Luận nói “Nhị Thừa chẳng sanh”, nay [chánh kinh] nói đến Thanh Văn, là do họ đã quen tu pháp Tiểu Thừa, chẳng lâu sau sẽ chứng quả Đại Thừa, trọn chẳng có quả Tiểu Thừa. Như Quán Kinh Sớ đã nói: “Nếu xét theo sự biến hóa thì Tiểu Thừa cũng chẳng trở ngại gì”).

Sao: “Trọn chẳng có Tiểu Thừa”: Quán Kinh Sớ nói “người tu tập pháp Tiểu Thừa vốn chẳng được vãng sanh. Do khi người ấy lâm chung, phát tâm Đại Thừa, cho nên cũng được vãng sanh. Do quen tu tập pháp Tiểu Thừa, họ mới nghe các pháp như khó, không, vô thường v.v... hợp với những gì đã tu tập trước kia, bèn chứng tiểu quả”. Nhưng cái tâm hướng về Đại Thừa đã thành lập, hướng hồ được thân cận Phật, không lâu sau sẽ tự chứng quả Đại Thừa, há thuộc vào địa vị Thanh Văn ư? Do vậy, kinh nêu ra Thanh Văn là vì tạm thời có. Vãng Sanh Luận bảo “Nhị Thừa chẳng thể vãng sanh” là nói “rất cục, chẳng có Thanh Văn”.

“Tiểu Thừa thì cũng chẳng trở ngại”: Tịnh Độ còn dung nạp các loài chim, Thanh Văn há chẳng bằng chim ư? Chim đã là do biến hóa tạo thành, há riêng Thanh Văn là thật sự có? Hơn nữa, dầu cõi ấy có Thanh Văn lâu ngày, cũng có trở ngại gì?)

Nhị, Bồ Tát.

(Kinh) Chư Bồ Tát chúng, diệc phục như thị.

(Sớ) Thừa thượng, bất độc Tiểu Thừa, chư Đại Thừa Bồ Tát vô bất sanh cố. Diệc phục giả, diệc vô lượng vô biên bất khả toán số dã. Hựu phục cụ vô lượng vô biên công đức, như Đại Bản trung thuyết.

(Sao) Bồ Tát giả, tự sơ tâm dĩ chí địa tận, tiền như Giáo Khởi trung biện, hậu như Bồ Xứ văn trung sở dẫn, thậm đa vô lượng, hà khả số kể. Công đức giả, Đại Bản Phật tán bĩ quốc Bồ Tát chúng chủng công đức, vì nhị thập tam dụ. Nhất, kiên cố bất động, như Tu Di sơn. Nhị, trí huệ minh liễu, như minh nhật nguyệt. Tam, quảng đại như hải, xuất công đức bảo cố. Tứ, xí thịnh như hỏa, thiêu phiền não tân cố. Ngũ, nhân nhục như địa, nhất thiết bình đẳng cố. Lục, thanh tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu cố. Nãi chí nhị thập tam, như Tỳ Thụ quán, đẳng pháp giới cố. Mạt phục kết vân: “Kim vị như đẳng cử yếu ngôn chi. Nhược quảng thuyết giả, nhất kiếp bất tận”. Tắc tri Bồ Tát

chi số, vô lượng vô biên, Bồ Tát công đức diệc vô lượng vô biên dã!

(Diễn) “Nhị thập tam dụ” hạ. Nhất, Thiền Định kiên cố, như Tu Di sơn, Định lực trì thân, bất vị cảnh phong sở động cố. Nhị, Thật Trí chiếu Lý, như minh nhật nguyệt, thân chứng Chân Như, viển ly nhất thiết chướng cố. Tam, nguyện lực quảng đại, do như đại hải. Vạn hạnh công đức giai do nguyện lực xuất sanh cố. Tứ, Quyền Trí xí thịnh, đoạn chư phiền não, như hỏa năng thiêu chư tân cố. Ngũ, nhân nhục như địa, bất phân quý, tiện, nhậm kỳ tiền đạp, nhất thiết tất bình đẳng cố. Nãi chí nhị thập tam, từ bi quảng đại, do như Từ Thị, duy tâm thức quán, biến duyên pháp giới chư chúng sanh cố. Hựu đẳng pháp giới giả, Từ Thị tu Duy Tâm Thức Định, quán pháp giới y chánh, giai từng thức tâm lưu xuất, thượng nhi chư Phật bất tăng, hạ nhi quyền nhuyển bất giảm, duy thức sở hiện, cố vân Đẳng dã.

二、菩薩。

(經)諸菩薩眾，亦復如是。

(疏)承上，不獨小乘，諸大乘菩薩無不生故。亦復者，亦無量無邊不可算數也。又復具無量無邊功德，如大本中說。

(鈔)菩薩者，自初心以至地盡，前如教起中辯，後如補處文中所引，甚多無量，何可數計。功德者，大本佛讚彼國菩薩種種功德，為二十三喻。一、堅固不動，如須彌山。二、智慧明了，如明日月。三、廣大如海，出功德寶故。四、熾盛如火，燒煩惱薪故。五、忍辱如地，一切平等故。六、清淨如水，洗諸塵垢故。乃至二十三，如慈氏觀，等法界故。末復結云：今為汝等舉要言之。若廣說者，一劫不盡。則知菩薩之數，無量無邊，菩薩功德亦無量無邊也！

(演)二十三喻下。一、禪定堅固，如須彌山，定力持身，不為境風所動故。二、實智照理，如明日月，親證真如，遠離一切障故。三、願力廣大，猶如大海。萬行功德皆由願力出生故。四、權智熾盛，猶如猛火，斷諸煩惱，

如火能燒諸薪故。五、忍辱如地，不分貴賤，任其踐踏，一切悉平等故。乃至二十三，慈悲廣大，猶如慈氏，唯心識觀，遍緣法界諸眾生故。又等法界者，慈氏修唯心識定，觀法界依正，皆從識心流出，上而諸佛不增，下而蜎蠕不減，唯識所現，故云等也。

(Hai là Bồ Tát.

Kinh: *Các vị Bồ Tát cũng giống như thế.*

Sớ: *Nói tiếp ý kinh văn trong phần trên, không riêng gì Tiểu Thừa, mà các vị Đại Thừa Bồ Tát, không vị nào chẳng vắng sanh. “Cũng lại [giống như thế]”: [Số lượng các vị Bồ Tát trong cõi Cực Lạc] cũng là vô lượng vô biên, chẳng thể tính toán. Lại còn có đủ vô lượng vô biên công đức như trong kinh Đại Bản đã nói.*

Sao: *Bồ Tát là từ sơ tâm cho đến hết các địa vị thuộc Thập Địa, trước thì như trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên đã biện định, sau thì như trong phần kinh văn nói về Nhất Sanh Bồ Xứ sẽ dẫn chứng: Rất nhiều vô lượng, làm sao có thể tính đếm cho được? “Công đức”: Như trong kinh Đại Bản, để tán thán các thứ công đức của hàng Bồ Tát cõi ấy, đức Phật đã dùng hai mươi ba tỷ dụ. Một là kiên cố bất động như núi Tu Di. Hai là trí huệ sáng tỏ, như mặt trời, mặt trăng chiếu sáng. Ba là rộng lớn như biển vì sanh ra của báu công đức. Bốn là hừng hực như lửa đốt sạch củi phiền não. Năm là nhẫn nhục như đất vì hết thấy bình đẳng. Sáu là thanh tịnh như nước, rửa các bụi nhơ. Cho đến tỷ dụ thứ hai mươi ba là như ngài Từ Thị quán tưởng pháp giới bình đẳng. Cuối cùng lại kết luận: “Nay ta vì các ông nói những điều chánh yếu. Nếu nói rộng rãi, thì [nói suốt] một kiếp chẳng hết”. Do vậy biết số lượng của Bồ Tát là vô lượng vô biên, và công đức của Bồ Tát cũng vô lượng vô biên.*

Diễn: *“Hai mươi ba tỷ dụ”: Một là Thiên Định kiên cố, như núi Tu Di, Định lực giữ thân, chẳng bị dao động bởi gió cảnh giới. Hai là Thật Trí chiếu Lý, như mặt trời, mặt trăng sáng ngời, đích thân chứng Chân Như, xa lìa hết thấy các chướng. Ba là nguyện lực rộng lớn ví như biển cả; vạn hạnh công đức đều do nguyện lực xuất sanh. Bốn là Quyền Trí hừng hực, ví như lửa mạnh, đoạn các phiền não, như lửa có thể đốt cháy các thứ củi. Năm là nhẫn nhục như đất, chẳng chia ra sang, hèn, mặc cho kẻ khác giày xéo, hết thấy đều bình đẳng. Cho đến tỷ dụ thứ hai mươi ba là lòng từ bi rộng lớn ví như ngài Di Lặc, Duy Tâm Thức Quán,*

duyên trọn khắp các chúng sanh trong pháp giới.

Lại nữa, “bằng với pháp giới”: Ngài Từ Thị (Di Lặc) tu Duy Tâm Thức Định, quán y báo và chánh báo của pháp giới đều lưu xuất từ thức tâm, trên là chư Phật chẳng tăng, dưới là những loài trùng bọ chẳng giảm, chỉ do Thức hiện. Vì thế nói là “bằng”).

(Sớ) Như Hoa Nghiêm vân: “Như Lai sở độ, chư thanh tịnh chúng, ư trung chỉ trụ”, chánh đồng thử nghĩa (Thập Hồi Hướng phẩm vô tận công đức tạng cập thiện căn hồi hướng sơ phần pháp môn).

(Sao) Hoa Nghiêm nhị thập ngũ kinh vân: “Nhất thiết chư Phật quốc độ trang nghiêm, Như Lai sở độ, bất khả tư nghị, đồng hạnh túc duyên chư thanh tịnh chúng, ư trung chỉ trụ. Vị lai thế trung, đương thành Chánh Giác”. Như Lai sở độ, tức A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ. Thanh tịnh chúng giả, tức chư Bồ Tát. Vị lai thành Phật, tức hạ văn Nhất Sanh Bồ Xứ.

(Diễn) Hoa Nghiêm nhị thập ngũ kinh hạ cứu cú, hữu tam viên mãn, nhất thiết chư Phật quốc độ trang nghiêm, chỉ sở y công đức, y báo viên mãn dã. Như Lai sở độ, chủ viên mãn dã. Bất khả tư nghị, chí đương thành Chánh Giác, phụ dực viên mãn dã.

(疏)如華嚴云：如來所都，諸清淨眾，於中止住，正同此義（十回向品無盡功德藏及善根回向初分法門）。

(鈔)華嚴二十五經云：一切諸佛國土莊嚴，如來所都，不可思議，同行宿緣諸清淨眾，於中止住。未來世中，當成正覺。如來所都，即阿彌陀佛極樂國土。清淨眾者，即諸菩薩。未來成佛，即下文一生補處。

(演)華嚴二十五經下九句，有三圓滿，一切諸佛國土莊嚴，指所依功德，依報圓滿也。如來所都，主圓滿也。不可思議，至當成正覺，輔翼圓滿也。

(Sớ: Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Chỗ trụ của Như Lai, các vị thanh tịnh trụ ở trong đó” chính là có cùng một ý nghĩa này (tức là pháp môn trong phần giảng về Vô Tận Công Đức Tạng và phần đầu của Thiện Căn Hồi Hướng trong phẩm Thập Hồi Hướng của kinh Hoa Nghiêm).

Sao: Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ hai mươi lăm nói: “Các cõi

nước trang nghiêm của hết thấy chư Phật là chỗ trụ chánh yếu của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Đại chúng thanh tịnh cùng hạnh, hữu duyên trong đời trước bèn trụ nơi đó, trong đời vị lai sẽ thành Chánh Giác”. Chỗ chánh yếu để chư Phật ngự chính là cõi Cực Lạc của A Di Đà Phật. “Thanh tịnh chúng” chính là các vị Bồ Tát. “Thành Phật trong đời tương lai”, tức là các vị Nhất Sanh Bồ Xứ [sẽ được nói tới] trong phần kinh văn ở phía sau.

Diễn: Chín câu kể từ “quyển thứ hai mươi lăm của kinh Hoa Nghiêm” nói đến ba thứ viên mãn. “Cõi nước trang nghiêm của hết thấy chư Phật” chính là nói do nương theo công đức mà y báo viên mãn. Chỗ trụ chánh yếu của Như Lai là chủ viên mãn. Từ “chẳng thể nghĩ bàn” cho đến “sẽ thành Chánh Giác” là giúp đỡ sự viên mãn ấy).

(Sớ) Xưng Lý, tức tự tánh tức Không, tức Giả, thị “Phật hữu Thanh Văn, Bồ Tát” nghĩa.

(Diễn) Tự tánh tức Không, tức Giả, thị Phật hữu Bồ Tát nghĩa giả, Thanh Văn đạo Không, Bồ Tát xuất Giả, Phật tức tự tánh Pháp Thân bất đạo nhị biên, nhị song tức nhị biên dã.

(疏)稱理，則自性即空即假，是佛有聲聞菩薩義。

(演)自性即空即假，是佛有菩薩義者，聲聞墮空，菩薩出假，佛即自性法身不墮二邊，而雙即二邊也。

(Sớ: Xưng Lý, tự tánh chính là Không, chính là Giả, đó là ý nghĩa “Phật có Thanh Văn, Bồ Tát”.

Diễn: Tự tánh chính là Không, chính là Giả, đó là ý nghĩa Phật có Bồ Tát”: Thanh Văn đạo Không, Bồ Tát xuất Giả, Phật chính là Tự Tánh Pháp Thân chẳng đạo vào hai bên, mà đồng thời cũng chính là hai bên).

(Sao) Tánh Không, tức Nhất Chân ngưng tịch. Tánh Giả, tức vạn dụng Hằng sa. Ngưng tịch, tức yểu mạc biên nhai. Hằng sa, tức quảng vô tế hạn, tăng hà toán số khả đắc bình lượng giả tại! Thị tắc hiển thánh tam thừa, cộng tông nhất Phật. Chân Tục nhị đế, đồng xuất nhất tâm. Nhất tâm liễu nhiên, phước tức, huệ tức.

(鈔)性空，則一真凝寂。性假，則萬用恆沙。凝寂，則杳莫邊涯。恆沙，則廣無際限，曾何算數可得評量者哉！是則賢聖三乘，共宗一佛。真俗二諦，同出一心。一

心了然，福足慧足。

(Sao: Tánh Không là Nhất Chân ngưng lặng. Tánh Giả chính là muôn vàn diệu dụng nhiều như cát sông Hằng. Ngưng lặng thì mênh mông không bờ bến. “Cát sông Hằng” [ý nói] rộng lớn không ngăn hạn, há có thể tính toán để suy lường được ư?

Do vậy, hiền, thánh, tam thừa cùng tôn sùng một vị Phật; Chân Đế và Tục Đế đều phát xuất từ nhất tâm. Đã liễu đạt nhất tâm, thì phước lẫn huệ đều trọn đủ).

Tam, tổng kết.

(Kinh) **Xá Lợi Phất! Bĩ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.**

(Sớ) Kết thượng Thanh Văn, Bồ Tát đệ tử trang nghiêm, giai bĩ Phật túc nhân, nguyện hạnh, công đức chỉ sở thành tựu dã. Luận vân: “Nhu Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh”, thị dã.

(Diễn) Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh giả, tịnh hoa tức thất tịnh hoa dã. Như Lai nhân trung tu thất tịnh hoa, quả thượng thành Phật. Cổ Chánh Giác hóa sanh. Chánh Giác hoa chỉ tam thừa hiền thánh, dĩ tam thừa hiền thánh, tương lai thành Đẳng Chánh Giác, xưng Chánh Giác chi hoa dã. Kinh vân: “Trực tâm thị Bồ Tát Tịnh Độ. Bồ Tát thành Phật thời, bất siểm chúng sanh lai sanh kỳ quốc” đẳng, chánh thử ý dã.

三、總結。

(經)舍利弗！彼佛國土，成就如是功德莊嚴。

(疏)結上聲聞菩薩弟子莊嚴，皆彼佛宿因願行，功德之所成就也。論云：如來淨華眾，正覺華化生，是也。

(演)如來淨華眾，正覺華化生者，淨華即七淨花也。如來因中修七淨花，果上成佛。故正覺化生。正覺華指三乘賢聖，以三乘賢聖，將來成等正覺，稱正覺之花也。經云：直心是菩薩淨土。菩薩成佛時，不諂眾生來生其國等，正此意也。

(Ba là tổng kết.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.*

Sớ: *Tổng kết sự trang nghiêm của đệ tử Thanh Văn, Bồ Tát như*

đã nói trên đây, đều được thành tựu bởi nguyện hạnh và công đức nơi túc nhân của đức Phật ấy. Vãng Sanh Luận nói: “Các thứ hoa thanh tịnh của Như Lai, hoa Chánh Giác hóa sanh” là nói về điều này.

Diễn: “Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh”: “Tịnh hoa” chính là Thất Tịnh Hoa. Trong khi tu nhân, Như Lai tu bảy loại tịnh hoa, đắc quả là thành Phật. Vì thế, “Chánh Giác hóa sanh”: [Từ ngữ] Hoa Chánh Giác chỉ tam thừa hiền thánh, bởi tam thừa hiền thánh sẽ thành Đẳng Chánh Giác trong tương lai, cho nên gọi là “hoa Chánh Giác”. Kinh nói: “Trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh chẳng siểm nịnh sanh về nước ấy” v.v... chính là ý này).

(Sao) Nguyên giả, Đại Bồ Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, sát trung Bồ Tát, thần thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, oai thần, tất giai như Phật”. Kim lai thành Phật, đắc toại sở nguyện dã. Hạnh giả, Đại Bồ ngôn: “Nhĩ thời, Pháp Tạng giáo hóa chúng sanh, tu hành Lục Độ, quảng hành giáo hóa, trí vô lượng chúng sanh, phát Bồ Đề tâm, hạnh kim thành tựu, hữu tư trang nghiêm dã”. Tịnh hoa chúng giả, như Tịnh Danh kinh thất chủng tịnh hoa: “Nhất giả, giới tịnh, tam nghiệp tịnh cố. Nhị giả, tâm tịnh, phiền não kết lậu tận cố. Tam giả, kiến tịnh, kiến pháp chân tánh, bất khởi vọng tưởng cố. Tứ giả, độ nghi tịnh, kiến thâm nghi đoạn cố. Ngũ giả, phân biệt đạo tịnh, thị đạo nghi hành, phi đạo nghi xả cố. Lục giả, hành đoạn tri kiến tịnh, sở hành sở đoạn thông đạt cố. Thất giả, Niết Bàn tịnh, dĩ Vô Học cố”. Hải Đông vị luận tụng Thanh Văn, kim vị diệc khả kiêm thông Bồ Tát, như Đạo Phẩm diệc thông Đại Tiểu Thừa cố. Tự lan, vông, hàng thụ chí thử, y chánh cộng ngũ phiền trang nghiêm, Cực Lạc chi nghĩa, lược tận ư thị. Hạ văn chúng sanh sanh giả, cập Bồ Xứ đẳng, diệc chánh báo trung nhiếp.

(Diễn) Giới tịnh, vị thân khẩu ý thủ chung thanh tịnh, tức Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng dã. Tâm tịnh, vị tam thừa chế phiền não, đoạn kết lậu tận, tức Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định dã. Kiến tịnh, vị kiến nhất thiết pháp chi chân tánh, bất khởi vọng tưởng, tức Chánh Kiến, Chánh Tư Duy dã. Độ nghi tịnh giả, nhược kiến vị thâm, đương thời tuy liễu, hậu hoặc sanh nghi. Nhược kiến thâm, nghi đoạn, danh độ nghi tịnh. Hành đoạn tri kiến tịnh giả, hành vị khổ nan, khổ dị, lạc nan, lạc dị, tứ hành dã. Đoạn vị đoạn chư kết dã, học địa trung bát trí, vị năng tự tri sở hành, sở đoạn; ký đắc Vô

Học, tận trí, Vô Sanh Trí tất tự tri kiến, sở hành, sở đoạn, thông đạt phân minh, thị danh hành đoạn tri kiến tịnh.

(鈔)願者，大本法藏願云：我作佛時，剎中菩薩，神通智慧辯才，相好威神，悉皆如佛。今來成佛，得遂所願也。行者，大本言：爾時，法藏教化眾生，修行六度，廣行教化，致無量眾生，發菩提心，行今成就，有斯莊嚴也。淨華眾者，如淨名經七種淨華：一者，戒淨，三業淨故。二者，心淨，煩惱結漏盡故。三者，見淨，見法真性，不起妄想故。四者，度疑淨，見深疑斷故。五者，分別道淨，是道宜行，非道宜捨故。六者，行斷知見淨，所行所斷通達故。七者，涅槃淨，以無學故。海東謂論頌聲聞，今謂亦可兼通菩薩，如道品亦通大小乘故。自欄網行樹至此，依正共五番莊嚴，極樂之義，略盡於是。下文眾生生者，及補處等，亦正報中攝。

(演)戒淨，謂身口意始終清淨，即正語正業正命也。心淨，謂三乘制煩惱，斷結漏盡，即正精進正念正定也。見淨，謂見一切法之真性，不起妄想，即正見正思惟也。度疑淨者，若見未深，當時雖了，後或生疑。若見深疑斷，名度疑淨。行斷知見淨者，行謂苦難苦易，樂難樂易，四行也。斷謂斷諸結也，學地中八智，未能自知所行所斷；既得無學，盡智無生智悉自知見，所行所斷，通達分明，是名行斷知見淨。

(Sao: “Nguyện”: Theo kinh Đại Bốn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi tôi thành Phật, thân thông, trí huệ, biện tài, tướng hảo, và oai thần của hàng Bồ Tát trong cõi nước đều giống như Phật”. Nay Ngài đã thành Phật, bèn được toại nguyện. “Hạnh” là như kinh Đại Bốn nói: “Lúc ấy, Pháp Tạng giáo hóa chúng sanh, tu hành Lục Độ, giáo hóa rộng rãi, khiến cho vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm. Nay hạnh thành tựu, cho nên có sự trang nghiêm như vậy”.

“Tịnh hoa chúng” là như kinh Tịnh Danh [đã nói] bảy thứ hoa thanh tịnh: “Một là giới tịnh, do ba nghiệp thanh tịnh. Hai là tâm tịnh, do đã hết phiền não, kết lậu. Ba là kiến tịnh, vì thấy chân tánh của pháp,

chẳng dấy lên vọng tưởng. Bốn là độ nghi tịnh, là kiến giải sâu xa, nghi hoặc đoạn trừ. Năm là phân biệt đạo tịnh: Đúng là đạo thì hãy nên hành; chẳng phải là đạo thì hãy nên bỏ. Sáu là hành đoạn tri kiến tịnh vì đã thông đạt những điều đáng nên hành, nên đoạn. Bảy là Niết Bàn tịnh vì đã thuộc địa vị Vô Học”.

Ngài Hải Đông bảo [hai câu ấy, tức “Nhu Lai tịnh hoa chúng, Chánh Giác hoa hóa sanh” trong] bài kệ tụng của Vãng Sanh Luận nói về Thanh Văn, nay tôi nói: “Cũng có thể là nói đến Bồ Tát, như [ba mươi bảy] Đạo Phẩm [là các đạo phẩm hành] chung cho Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa vậy”. Từ lan can, lưới màn, hàng cây đến đây, tổng cộng là năm tầng trang nghiêm nơi y báo và chánh báo, ý nghĩa Cực Lạc đã được trình bày đại lược trọn hết nơi đây. “Chúng sanh sanh về cõi đó” và “Bồ Xứ v.v...” trong các đoạn văn dưới đây cũng thuộc về chánh báo).

Diễn: “Giới tịnh” có nghĩa là thân, miệng, ý từ đầu tới cuối thanh tịnh, tức là Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, và Chánh Mạng. “Tâm tịnh” nghĩa là tam thừa chế ngự phiền não, đoạn sạch kết lậu, tức là Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, và Chánh Định. “Kiến tịnh” là thấy chân tánh của hết thảy các pháp, chẳng khởi vọng tưởng, tức là Chánh Kiến và Chánh Tư Duy. “Độ nghi tịnh”: Nếu kiến giải chưa sâu, tuy trong lúc ấy đã hiểu, về sau có lẽ sanh nghi. Nếu kiến giải đã sâu, nghi đã đoạn, bèn gọi là “độ nghi tịnh”.

“Hành đoạn tri kiến tịnh”: Hành có nghĩa bốn hạnh khó khó, khó dễ, lạc khó, lạc dễ. “Đoạn” là đoạn các kết (phiền não). Nơi địa vị hữu học, đối với tám trí chưa thể tự biết những điều đã hành, đã đoạn của chính mình. Đã đạt đến Vô Học thì đối với Tận Trí và Vô Sanh Trí đều tự hay biết, thông đạt phân minh những điều đã hành, đã đoạn. Đó gọi là “hành đoạn tri kiến tịnh”).

Nhị, vãng sanh (nhị): Sơ, đại chúng. Nhị, thượng thủ.

Sơ, đại chúng.

(Kính) Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí.

(Sớ) Thừa thượng, bất độc kiến tại bỉ quốc, vô phi hiện thánh, dẫn hữu sanh giả, tất giai Bất Thoái dã. Chúng sanh giả, thống nhiếp nhất thiết. A Bệ Bạt Trí giả, thử vân Bất Thoái Chuyển Địa, như Đại Bồ đề cập luận sở minh. Phục hữu đa chủng nhân duyên, cố đắc Bất Thoái. Như Thập Nghi ngũ chủng, Thông Tán thập thắng, Quán Nghi

tam thập ích đẳng.

(Sao) Sanh giai bất thoái giả, khùng nghi “bỉ quốc cố đa hiền thánh, nhiên thị cửu tu thượng sĩ. Kỳ tân sanh giả, vị tất bất thoái”; cố ngôn: “Bất luận thánh phàm, dẫn vãng sanh giả, tức bất thoái chuyển”, dĩ quyết kỳ chí dã. Đại Bốn sở minh giả, như vân: “Sanh bỉ quốc giả, xử nhân, thiên nghĩa, bất vọng động tác, chung vô dâm nộ chi tâm, ngu si chi thái”. Hựu vân: “Sanh bỉ quốc giả, giai tất cụ túc tam thập nhị tướng, chư căn minh lợi, nãi chí thành Phật, bất thọ ác thú”. Hựu Luận tụng vân: “Thiên nhân bất động chúng, thanh tịnh trí hải sanh”. Bất động tức bất thoái dã, lương điều niệm Phật chi lực, đắc y Như Lai trí hải hàm nhuận nhi sanh, hữu tân vô thoái cố.

(Diễn) Y Như Lai trí hải hàm nhuận nhi sanh giả, Như Lai trí tức trạm viên chân tâm pháp giới hải huệ dã. Niệm Phật chúng sanh đắc thành tam-muội, tuy bất năng du hý Như Lai đại tịch diệt hải, dĩ triêm nhất trích chi nhuận, Bồ Đề chi tiêu nha, Chánh Giác chi khô chủng, nãi đắc hàm nhuận nhi sanh dã.

二、往生(二)：初、大眾。二、上首。

初、大眾。

(經)又舍利弗！極樂國土，眾生生者，皆是阿鞞跋致。

(疏)承上，不獨見在彼國，無非賢聖，但有生者，悉皆不退也。眾生者，統攝一切。阿鞞跋致者，此云不退轉地，如大本及論所明。復有多種因緣，故得不退。如十疑五種，通讚十勝，群疑三十益等。

(鈔)生皆不退者，恐疑彼國固多賢聖，然是久修上士。其新生者，未必不退。故言：不論聖凡，但往生者，即不退轉，以決其志也。大本所明者，如云：生彼國者，處仁遷義，不妄動作，終無淫怒之心，愚痴之態。又云：生彼國者，皆悉具足三十二相，諸根明利，乃至成佛，不受惡趣。又論頌云：天人不動眾，清淨智海生。不動即不退也，良繇念佛之力，得依如來智海含潤而生，有進無退故。

(演)依如來智海含潤而生者，如來智即湛圓真心法界

海慧也。念佛眾生得成三昧，雖不能遊戲如來大寂滅海，已沾一滴之潤，菩提之焦芽，正覺之枯種，乃得含潤而生也。

Hai, vãng sanh, (gồm hai phần): Một, đại chúng. Hai, thượng thủ. Đầu tiên là đại chúng.

Kinh: *Lại này Xá Lợi Phất! Chúng sanh sanh về cõi nước Cực Lạc đều là A Bệ Bát Trí.*

Sớ: *Tiếp nối ý trong phần trên: Không chỉ những người đang ở trong nước ấy, không ai chẳng phải là hiền thánh, mà chỉ cần sanh về cõi ấy, thấy đều là bậc Bất Thoái. Nói “chúng sanh” là gồm chung hết thấy.*

A Bệ Bát Trí (Avaivartika, Avinivartanīya): Cõi này dịch là Bất Thoái Chuyển Địa (địa vị chẳng lui sụt) như kinh Đại Bản và Vãng Sanh Luận đã nói rõ. Lại do có nhiều thứ nhân duyên nên được Bất Thoái; như năm thứ trong sách Thập Nghi Luận, mười điều thù thắng trong sách A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ, ba mươi lợi ích trong sách Thích Tịnh Độ Quán Nghi Luận v.v...

Sao: *“Vãng sanh đều bất thoái” là do sợ nghi rằng: “Cõi ấy có nhiên có nhiều hiền thánh, dĩ nhiên họ là bậc thượng thừa đã tu từ lâu. Chứ người mới sanh về [cõi Cực Lạc], chưa chắc đã bất thoái!” Vì thế nói: “Bất luận thánh hay phàm, chỉ cần là người vãng sanh liền bất thoái chuyển”, nhằm làm cho ý chí của họ được kiên quyết.*

“Đại Bản đã nói rõ”: Như [trong kinh ấy] có nói: “Người sanh về cõi ấy cư xử với nhau bằng nhân nghĩa, chẳng làm chuyện xằng bậy, trợn chẳng có tâm dâm, giận, chẳng có thói ngu si”. Lại nói: “Người sanh về cõi ấy thấy đều trọn đủ ba mươi hai tướng, các căn sáng suốt, nhạy bén, cho đến khi thành Phật, chẳng đọa trong đường ác”.

Lại nữa, trong phần kệ tụng của Vãng Sanh Luận có nói: “Chúng trời, người bất động, biển trí thanh tịnh sanh”. “Bất động” chính là bất thoái. Ấy là do sức niệm Phật bèn được cậy vào biển trí của Như Lai thấm nhuần mà sanh, cho nên [người trong cõi Cực Lạc] có tiến, mà chẳng có thoái vậy.

Diễn: *“Cậy vào biển trí của Như Lai thấm nhuần mà sanh”: Trí Như Lai chính là trí huệ như biển chân tâm pháp giới tĩnh lặng, viên mãn. Chúng sanh niệm Phật thành tựu tam-muội, tuy chẳng thể dạo chơi trong biển đại tịch diệt của Như Lai, nhưng do được nhuần thấm bởi một giọt [nước biển ấy], mầm Bồ Đề đã cháy, hạt giống Chánh Giác đã khô*

queo lại có thể được thâm nhuần tươi tốt mà nảy sanh).

(Sao) Ngũ chủng giả, Thập Nghi Luận vân: “Hữu ngũ nhân duyên, cố đắc Bất Thoái. Nhất giả, Di Đà đại bi nguyện lực nhiếp trì, cố bất thoái”. Kim thích, vị như Đại Bản Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, văn ngã danh hiệu, quy y tinh tấn, tức đắc đệ nhất nhân, đệ nhị nhân, đệ tam nhân, u chư Phật pháp, vĩnh bất thoái chuyển”. Thí như thiệp hải, đắc thừa cự hàng, bất trầm nịch cố. “Nhị giả, Phật quang thường chiếu, cố Bồ Đề tâm tăng tấn bất thoái”. Kim thích, vị như Đại Bản ngôn: “Kiến Phật quang minh, nhi sanh từ tâm”. Hựu “niệm Phật chi nhân, Phật phóng quang minh, nhiếp thọ thử nhân”. Thí như nhật nguyệt, chiếu chúc ám đồ, bất đoạ khanh tiệm cố. “Tam giả, thủy, điểu, thụ lâm, phong thanh, nhạc hưởng, giai thuyết Khổ, Không, văn giả thường khởi niệm Phật, Pháp, Tăng chi tâm, cố bất thoái”. Kim thích, vị như thử kinh, cập nhị bộ trung thuyết. Thí chi vong giả, văn chung khánh thanh, tăng kỳ chánh niệm cố. “Tứ giả, thuần chư Bồ Tát, dĩ vi thắng hữu, ngoại vô ma tà, nội vô phiền não, cố bất thoái”. Kim thích, vị như thử kinh ngôn: “Chư thượng thiện nhân, đồng hội nhất xứ”. Thí chi trí tử Trang Nhạc, bất phục Sở ngữ cố. “Ngũ giả, thọ mạng vĩnh kiếp, dữ Phật tề đẳng, cố bất thoái”. Kim thích, vị như kinh ngôn: “Phật cập nhân dân, thọ mạng vô biên”. Thí chi thiệp vạn lý đồ, giả dĩ thời nhật, chung chí bảo sở cố. Thập thắng, tam thập ích, đại ước đồng thử, khủng phồn bất dẫn.

(Diễn) Kiến Phật quang minh nhi sanh từ tâm giả, thị kiến quang minh tự tấn, Phật phóng quang minh nhiếp thọ thử nhân, thị Phật nhiếp linh tấn. Trang Nhạc Tề nhai lý danh.

(鈔)五種者，十疑論云：有五因緣，故得不退。一者，彌陀大悲願力攝持，故不退。今釋，謂如大本法藏願云：我作佛時，聞我名號，皈依精進，即得第一忍，第二忍，第三忍，於諸佛法，永不退轉。譬如涉海，得乘巨航，不沈溺故。二者，佛光常照，故菩提心增進不退。今釋，謂如大本言：見佛光明，而生慈心。又念佛之人，佛放光明，攝受此人。譬如日月，照燭闇途，不墮坑塹故。三者，水鳥樹林，風聲樂響，皆說苦空，聞者常起念佛法

僧之心，故不退。今釋，謂如此經，及二部中說。譬之亡者，聞鐘磬聲，增其正念故。四者，純諸菩薩，以為勝友，外無魔邪，內無煩惱，故不退。今釋，謂如此經言：諸上善人，同會一處。譬之置子莊嶽，不復楚語故。五者，壽命永劫，與佛齊等，故不退。今釋，謂如經言：佛及人民，壽命無邊。譬之涉萬理途，假以時日，終至寶所故。十勝三十益，大約同此，恐繁不引。

(演)見佛光明而生慈心者，是見光自進，佛放光明攝受此人，是佛攝令進。莊嶽齊街里名。

(Sao: “Năm thứ” là như trong Thập Nghi Luận đã nói “có năm nhân duyên nên được chẳng thoái chuyển”:

- “Một là do đại bị nguyện lực của Phật Di Đà nhiếp trì, nên bất thoái”. Nay giải thích rằng: Như trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi tôi làm Phật, kẻ nghe danh hiệu của tôi, quy y, tinh tấn, liền đạt được nhẫn thứ nhất, nhẫn thứ hai, nhẫn thứ ba, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển trong các Phật pháp”. Ví như vượt biển, được ngồi chiếc thuyền to, chẳng bị chìm đắm.

- “Hai là do Phật quang thường chiếu, nên tâm Bồ Đề tăng tấn bất thoái”. Nay giải thích là như kinh Đại Bản có nói: “Thấy quang minh của Phật bèn sanh từ tâm”. Lại nữa, “người niệm Phật, Phật phóng quang minh nhiếp thọ người ấy”. Ví như mặt trời, mặt trăng soi sáng nẻo tối, [khiến cho người đi đường] chẳng sụp hầm, sa hố.

- “Ba là nước, chim, rừng cây, tiếng gió thổi, tiếng nhạc ngân, đều nói Khổ, Không, người nghe thường khởi tâm niệm Phật, Pháp, Tăng, nên chẳng thoái chuyển”. Nay giải thích: Như trong kinh này và hai bộ kinh kia đã nói, ví như người đã mất nghe tiếng chuông, khánh, tăng thêm chánh niệm.

- “Bốn, thuần là các vị Bồ Tát làm bạn thù thắng, ngoài chẳng có tà ma, trong chẳng có phiền não, cho nên chẳng thoái chuyển”. Nay giải thích: Như kinh này có nói: “Các vị thượng thiện nhân cùng hội họp một chỗ”. Ví như để con ở phố Trang, xóm Nhạc [nơi đất Tề] thì nó chẳng còn nói tiếng nước Sở nữa.

- “Năm là thọ mạng bao kiếp dài lâu, bằng với thọ mạng của Phật, nên chẳng thoái chuyển”. Nay giải thích: Như kinh nói “Phật và nhân dân, thọ mạng vô biên”. Ví như đi đường vạn dặm, do có thời gian lâu

dài, nên rốt cuộc đến được chỗ có của báu. Mười điều thù thắng, ba mươi điều lợi ích, đại lược giống như những điều này, sợ rườm rà nên không trích dẫn.

Diễn: “Thấy quang minh của Phật bèn sanh từ tâm”: Thấy quang minh bèn tự tăng tấn. Phật phóng quang minh nhiếp thọ người ấy, tức là Phật nhiếp thọ khiến cho [người ấy] tăng tấn. “Trang, Nhạc” là tên các phố phường ở đất Tề).

(Sớ) *Hựu Bất Thoái tam nghĩa, Đại Thừa Bất Thoái, dĩ đắc Bất Thoái, vị đắc Bất Thoái, lệ như Di Lặc Văn Kinh thuyết.*

(Sao) *Đại Thừa Bất Thoái giả, vãng sanh bỉ quốc, xu nhập Đại Thừa, cánh bất thoái chuyển, phục tác Nhị Thừa cố. Dĩ đắc Bất Thoái giả, dẫn sanh bỉ quốc, phạm sở dĩ đắc, cánh bất thoái chuyển, táng thất bốn hữu cố. Vị đắc Bất Thoái giả, dẫn sanh bỉ quốc, phạm sở vị đắc, cánh bất thoái chuyển, trở kỳ tiền tấn cố. Hựu Di Lặc Văn Kinh vân: “Tự phần kiên cố danh Bất Thoái, thắng tấn bất hoại, danh bất chuyển”. Kim dĩ “Đại Thừa, dĩ đắc, vị đắc” tam nghĩa tham chi, tắc tiền nhị đồng hồ tự phần, hậu nhất đồng hồ thắng tấn dã.*

(Diễn) *Đại Thừa Bất Thoái đẳng giả, vị kỳ vãng sanh, dĩ thân Đại Thừa nhân, văn Đại Thừa pháp, phát đại tâm, tu đại hạnh, thú đại quả, bất đồng thử độ, lục tâm đạo lạc, trần kiếp Thanh Văn cố. Dĩ đắc Bất Thoái giả, phạm sở dĩ đắc thần thông, tam muội, trí huệ, biện tài, cánh bất táng thất. Bất đồng thử độ, thần tiên tạo khóa hạ, La Hán truy vân đoan, nhất động dục trần, giai táng thất cố. Vị đắc Bất Thoái giả, phạm sở vị đắc chi thần thông, tam-muội đẳng, chủng chủng công đức, cánh vô trở trệ, nhậm vận năng đắc; bất đồng thử độ, ma chướng hiện tiền, bất năng tiền tấn cố.*

(疏) 又 不 退 三 義，大 乘 不 退，已 得 不 退，未 得 不 退，例 如 彌 勒 問 經 說。

(鈔) 大 乘 不 退 者，往 生 彼 國，趨 入 大 乘，更 不 退 轉，復 作 二 乘 故。已 得 不 退 者，但 生 彼 國，凡 所 已 得，更 不 退 轉，喪 失 本 有 故。未 得 不 退 者，但 生 彼 國，凡 所 未 得，更 不 退 轉，阻 其 前 進 故。又 彌 勒 問 經 云：自 分 堅 固 名 不 退，勝 進 不 壞，名 不 轉。今 以 大 乘 已 得，未 得 三 義 參 之，則 前 二 同 乎 自 分，後 一 同 乎 勝 進 也。

(演)大乘不退等者，謂既往生，已親大乘人，聞大乘法，發大心，修大行，趣大果，不同此土，六心墮落，塵劫聲聞故。已得不退者，凡所已得神通，三昧智慧辯才，更不喪失。不同此土，神仙遭跨下，羅漢墜雲端，一動欲塵，皆喪失故。未得不退者，凡所未得之神通三昧等，種種功德，更無阻滯，任運能得；不同此土，魔障現前，不能前進故。

(Sớ: *Bất Thoái lại có ba nghĩa, Đại Thừa Bất Thoái, đã đắc Bất Thoái, và chưa đắc Bất Thoái, ví như kinh Di Lặc Sớ Văn đã nói.*

Sao: “Đại Thừa Bất Thoái” là vãng sanh cõi kia, tiến nhập Đại Thừa, chẳng còn thoái chuyển trở lại làm Nhị Thừa nữa. “Đã đắc Bất Thoái”: Chỉ sanh về cõi ấy, phàm những gì đã đạt được sẽ chẳng bị thoái chuyển, chẳng đánh mất những gì vốn có. “Chưa đắc Bất Thoái” là chỉ sanh về cõi kia, phàm đối với những gì chưa đắc sẽ chẳng thoái chuyển, chẳng ngăn trở người ấy tiến lên.

Lại nữa, kinh Di Lặc Sớ Văn có nói: “Tự phần kiên cố thì gọi là Bất Thoái, thẳng tấn bất hoại gọi là Bất Chuyển”. Nay dùng [đoạn kinh văn trên đây] để xét ba nghĩa “Đại Thừa, đã đắc, chưa đắc” thì hai nghĩa trước giống như tự phần, một nghĩa sau giống như thẳng tấn.

Diễn: “Đại Thừa Bất Thoái...” ý nói người đã vãng sanh, đã thân cận bậc Đại Thừa, nghe pháp Đại Thừa, bèn phát đại tâm, tu đại hạnh, tiến nhập đại quả, chẳng như trong cõi này do cái tâm ý thức mà đọa lạc, làm Thanh Văn trong số kiếp nhiều như vi trần. “Đã đắc Bất Thoái”: Phàm là thần thông, tam-muội, trí huệ, biện tài đã đắc sẽ chẳng bị mất đi; chẳng giống như trong cõi này, thần tiên mắc nạn luôn háng, La Hán té khỏi mây, vừa động dục trần, thấy đều mất đi. “Chưa đắc Bất Thoái”: Phàm là những thứ chưa đắc như thần thông, tam-muội v.v... các thứ công đức chẳng bị ngăn trở, trì trệ, sẽ tùy ý có thể đạt được; chẳng giống như cõi này ma chướng hiện tiền, chẳng thể tiến cao hơn).

(Sớ) *Hựu đồng danh Bất Thoái, nhị hữu thiểu thâm, như Khởi Tín, Diệu Tông, cập Từ Chiếu sở thuyết đẳng.*

(Sao) Khởi Tín Luận vân: “Sanh bỉ quốc giả, thường kiến Phật cố, chung đắc Bất Thoái”. Sớ minh Bất Thoái hữu tam vị: Nhất giả, tín hạnh vị bị, vị đắc Bất Thoái, dĩ vô thoái duyên, danh Bất Thoái. Nhị giả, Tín vị mãn, nhập Thập Trụ, đắc thiểu phần Pháp Thân, danh

Bất Thoái. Tam giả, Hiền vị mãn, nhập Sơ Địa dĩ khứ, chứng biến mãn Pháp Thân, danh Bất Thoái.

(Diễn) Tín hạnh vị bị giả, Thập Tín Bồ Tát như không trung mao, khả thượng, khả hạ. Thượng chỉ tắc nhập thánh lưu; hạ chỉ tắc nhập phàm lưu, vị đắc Bất Thoái Chuyển vị. Dĩ vô thoái duyên giả, như tiền Thập Nghi Luận ngũ chủng bất thoái đẳng. Đắc thiếu phần Pháp Thân giả, kiến tương tự Pháp Thân, nhập Chánh Định Tự đã. Chứng biến mãn Pháp Thân giả, phần đoạn vô minh, phần chứng Pháp Thân đã.

(疏)又同名不退，而有淺深，如起信妙宗，及慈照所說等。

(鈔)起信論云：生彼國者，常見佛故，終得不退。疏明不退有三位：一者，信行未備，未得不退，以無退緣，名不退。二者，信位滿，入十住，得少分法身，名不退。三者，賢位滿，入初地以去，證遍滿法身，名不退。

(演)信行未備者，十信菩薩如空中毛，可上可下。上之則入聖流；下之則入凡流，未得不退轉位。以無退緣者，如前十疑論五種不退等。得少分法身者，見相似法身，入正定聚也。證遍滿法身者，分斷無明，分證法身也。

(Sớ: Lại nữa, tuy cùng gọi là Bất Thoái, nhưng mức độ có cạn hay sâu như các thuyết được nói trong Khởi Tín Luận, Diệu Tông Sao, và thuyết của pháp sư Từ Chiếu.

Sao: Khởi Tín Luận nói: “Người sanh trong cõi ấy, do thường thấy Phật, nên trọn được Bất Thoái”. Sớ giải [Khởi Tín Luận] nói Bất Thoái có ba địa vị: Một là Tín và Hạnh chưa đầy đủ, chưa đạt được Bất Thoái, nhưng do chẳng có duyên thoái chuyển, nên gọi là Bất Thoái. Hai là đã viên mãn địa vị Thập Tín, bước vào Thập Trụ, đắc chút phần Pháp Thân, bèn gọi là Bất Thoái. Ba là viên mãn địa vị Tam Hiền, đã nhập từ Sơ Địa trở lên, chứng Pháp Thân trọn khắp, gọi là Bất Thoái.

Diễn: “Tín và Hạnh chưa đầy đủ”: Thập Tín Bồ Tát như chiếc lông trong không trung, có thể bay lên, hoặc rớt xuống. Bay lên thì dự vào dòng thánh, rớt xuống bèn dự vào dòng phàm, chưa đạt được địa vị Bất Thoái Chuyển.

“Do không có duyên gây thoái chuyển” là như năm thứ bất thoái

đã nói trong Thập Nghi Luận thuộc phần trước chẳng hạn. “Đắc chút phần Pháp Thân”: Thấy tương tự Pháp Thân, nhập Chánh Định Tự. “Chứng Pháp Thân trọn khắp”: Đoạn vô minh một phần, chứng Pháp Thân một phần).

(Sao) Hựu Diệu Tông Sao vân: “Bất Thoái hữu tam. Nhược phá Kiến Tư, danh Vị Bất Thoái, tắc vĩnh bất thất siêu phàm chi vị. Phục đoạn Trần Sa, danh Hạnh Bất Thoái, tắc vĩnh bất thất Bồ Tát chi hạnh. Nhược phá Vô Minh, danh Niệm Bất Thoái, tắc vĩnh bất thất Trung Đạo chánh niệm”.

(Diễn) Diệu Tông tam Bất Thoái giả, Thai giáo vân: “Hoặc hữu tam chủng, Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh. Kiến Tư trở hồ không tịch, Trần Sa chướng hồ hóa đạo, Vô Minh ế hồ Pháp Tánh”. Nhược phá Kiến Tư, chứng không tịch lý, danh Vị Bất Thoái, vĩnh bất thất siêu phàm chi vị. Dĩ Kiến Tư phiền não lục đạo chi nhân, nhân vong, quả táng, bất lai tam giới cố. Nhược đoạn Trần Sa, năng hành hóa đạo, danh Hạnh Bất Thoái, vĩnh bất thất Bồ Tát chi hạnh. Dĩ Nhị Thừa bất đoạn Trần Sa, bất tri chúng sanh chủng chủng cơ, bất tri đối trị chúng sanh pháp, bất năng độ sanh. Thử nhược đoạn giả, tri pháp, tri cơ, nhậm vận độ sanh cố. Nhược phá vô minh, thân chứng Pháp Tánh, danh Niệm Bất Thoái, vĩnh bất thất Trung Đạo chánh niệm, dĩ Tiểu giáo Quyền Thừa, vô minh vị đoạn, đạo Không Hữu nhị biên. Vô minh nhược đoạn, bất đạo nhị biên, thường cư Trung Đạo cố.

(鈔)又妙宗鈔云：不退有三，若破見思，名位不退，則永不失超凡之位。伏斷塵沙，名行不退，則永不失菩薩之行。若破無明，名念不退，則永不失中道正念。

(演)妙宗三不退者，台教云：惑有三種，見思塵沙無明。見思阻乎空寂，塵沙障乎化導，無明翳乎法性。若破見思，證空寂理，名位不退，永不失超凡之位。以見思煩惱六道之因，因亡果喪，不來三界故。若斷塵沙，能行化導，名行不退，永不失菩薩之行。以二乘不斷塵沙，不知眾生種種機，不知對治種種法，不能度生。此若斷者，知法知機，任運度生故。若破無明，親證法性，名念不退，永不失中道正念，以小教權乘，無明未斷，墮空有二邊。

無明若斷，不墮二邊，常居中道故。

(Sao: Sách Diệu Tông Sao lại nói: “Bất thoái có ba loại. Nếu đã phá Kiến Tư thì gọi là Vị Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng đánh mất địa vị vượt thoát phàm phu”. Lại đoạn Trần Sa thì gọi là Hạnh Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng đánh mất Bồ Tát hạnh. Nếu phá Vô Minh thì gọi là Niệm Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng mất chánh niệm Trung Đạo.

Diễn: “Ba thứ Bất Thoái trong Diệu Tông Sao”: Giáo nghĩa Thiên Thai nói: “Hoặc (phiền não) có ba loại là Kiến Tư, Trần Sa, và Vô Minh. Kiến Tư trở ngại không tịch, Trần Sa ngăn chướng sự giáo hóa, hướng dẫn, Vô Minh che lấp Pháp Tánh”. Nếu phá Kiến Tư, chứng lý không tịch, gọi là Vị Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng đánh mất địa vị vượt xa phàm phu. Do Kiến Tư phiền não là cái nhân của lục đạo; nhân đã mất, quả chẳng còn, chẳng sanh vào ba cõi nữa. Nếu đoạn Trần Sa, có thể thực hiện sự giáo hóa, hướng dẫn, gọi là Hạnh Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng đánh mất hạnh Bồ Tát. Do Nhị Thừa chẳng đoạn Trần Sa, chẳng biết các thứ căn cơ của chúng sanh, chẳng biết các thứ pháp đối trị, chẳng thể độ sanh. Nếu đoạn những thứ này, biết pháp, biết căn cơ, sẽ tùy ý độ sanh. Nếu phá vô minh, đích thân chứng Pháp Tánh, gọi là Niệm Bất Thoái, vĩnh viễn chẳng đánh mất chánh niệm Trung Đạo, do Tiểu giáo Quyền Thừa chưa đoạn vô minh, đọa vào hai bên Không và Hữu. Nếu đoạn vô minh, chẳng rơi vào hai bên, sẽ thường ở trong Trung Đạo).

(Sao) Hựu Từ Chiêu Tông Chủ Tứ Độ Đồ Thuyết, dĩ vị đoạn phiền não, sanh Đồng Cư độ, vi Nguyên Bất Thoái. Phá Kiến Tư, sanh Phương Tiện độ, vi Hạnh Bất Thoái. Phá Trần Sa, phần phá Vô Minh, sanh Thật Báo độ, vi Trí Bất Thoái. Phá Tam Hoặc tận, sanh Tịch Quang độ, vi Vị Bất Thoái. Tắc bất thoái danh đồng, nhi thiện thâm tự biệt, như cửu phẩm nghĩa.

(Diễn) Sanh Đồng Cư vi Nguyên Bất Thoái giả, dĩ nhược cứ Tam Hoặc vị đoạn, tự ưng thoái chuyển, dần dần sơ phát đại nguyện, nguyện lực trì tâm, bất trí thoái chuyển cố. Sanh Phương Tiện vi Hạnh Bất Thoái giả, dĩ nhược cứ vị phá Trần Sa, vị năng độ sanh, vị đắc Hạnh Bất Thoái, dĩ thất phương tiện nhân, sanh bỉ độ trung, hữu dư Phật thuyết pháp, tức đoạn Trần Sa, từng Không xuất Giả, tức hành hóa đạo cố. Sanh Thật Báo vi Trí Bất Thoái giả, dĩ chứng Trung Đạo diệu lý, vĩnh bất thất Trung Đạo diệu trí cố. Sanh Tịch Quang vi

Vị Bất Thoái giả, dĩ cứu cánh cùng nguyên, vĩnh bất thoái Diệu Giác quả vị cố.

(鈔)又慈照宗主四土圖說，以未斷煩惱，生同居土，為願不退。破見思，生方便土，為行不退。破塵沙，分破無明，生實報土，為智不退。破三惑盡，生寂光土，為位不退。則不退名同，而淺深自別，如九品義。

(演)生同居為願不退者，以若據三惑未斷，似應退轉，但以初發大願，願力持心，不致退轉故。生方便為行不退者，以若據未破塵沙，未能度生，未得行不退，以七方便人，生彼土中，有餘佛說法，即斷塵沙，從空出假，即行化導故。生實報為智不退者，以證中道妙理，永不失中道妙智故。生寂光為位不退者，以究竟窮源，永不退妙覺果位故。

(Sao: Trong bộ Tứ Độ Đồ Thuyết, Từ Chiếu Tông Chủ lại coi chưa đoạn phiền não, sanh vào cõi Đồng Cư là Nguyên Bất Thoái. Phá Kiến Tư, sanh trong cõi Phương Tiện là Hạnh Bất Thoái. Phá Trần Sa, phá một phần Vô Minh, sanh vào cõi Thật Báo, thì là Trí Bất Thoái. Phá sạch Tam Hoặc, sanh vào cõi Tịch Quang là Vị Bất Thoái. Do vậy, tuy cùng gọi là Bất Thoái, nhưng cạn hay sâu tự sai khác, giống như ý nghĩa chín phẩm vậy.

Diễn: “Sanh vào cõi Đồng Cư là Nguyên Bất Thoái”: Nếu xét ra Tam Hoặc chưa đoạn, đáng lẽ phải thoái chuyển, chỉ vì thoát đầu đã phát đại nguyện, nguyện lực gìn giữ cái tâm, cho nên chẳng đến nỗi bị thoái chuyển. “Sanh vào cõi Phương Tiện là Hạnh Bất Thoái”: Nếu xét ra, do chưa phá Trần Sa, chưa thể độ sanh, chưa đắc Hạnh Bất Thoái, nhưng những người do bảy phương tiện mà sanh vào cõi ấy (cõi Cực Lạc), lúc nào cũng có Phật thuyết pháp, liền đoạn Trần Sa, từ Không xuất Giả, liền thực hiện sự giáo hóa, hướng dẫn. “Sanh vào cõi Thật Báo là Trí Bất Thoái”: Do chứng diệu lý Trung Đạo, vĩnh viễn chẳng đánh mất diệu trí Trung Đạo. “Sanh vào cõi Tịch Quang là Vị Bất Thoái”: Do đã thấu đáo tột cùng nguồn cội, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển quả vị Diệu Giác).

(Sớ) Hựu tứ giáo Bất Thoái, phi kim kinh nghĩa.

(Sao) Tứ giáo các minh Bất Thoái, vị Tạng Giáo Biệt Tướng

Niệm Bất Thoái, Thông Giáo Tánh Địa Bất Thoái, Biệt Giáo Thất Trụ Bất Thoái, Viên Giáo Thất Tín Bất Thoái. Tắc tri tự thử dĩ tiền, tấn thoái vị định. Kim niệm Phật giả, dẫn sanh bỉ quốc, tuy ác nhân, súc sanh, tức đắc Bất Thoái, khởi bất thắng diệu trực tiếp, dị hồ chư giáo?

(Diễn) Tứ giáo các minh Bất Thoái giả, Tạng Giáo hữu thất hiền thánh vị, tự Ngũ Đình Tâm chí Bất Thời Giải Thoát. Biệt Tướng Niệm giả, Thất Hiền chi đệ nhị vị dã. Thử vị năng phục Kiến Tư, cố bất thoái. Hữu Biệt giả, vị các biệt thân thọ tâm pháp bất đồng cố, Tướng vị hành tướng; quán thử tứ pháp, tác bất tịnh đẳng hành tướng cố. Thông Giáo tam thừa cộng hữu thập địa, tự Sơ Càn Huệ dĩ chí Phật Địa. Tánh Địa giả, đệ nhị địa dã. Vị chi Tánh Địa giả, dĩ tương tự đắc pháp tánh thủy cố. Thử vị diệt phục Kiến Tư, cố bất thoái. Biệt Giáo tự Thập Tín chí Diệu Giác, hữu ngũ thập nhị vị. Thất Trụ bất thoái giả, thử vị Bồ Tát đoạn Kiến Tư Hoặc tận, dữ Tạng Thông cực quả tương tề, cố bất thoái. Viên Giáo tự ngũ phẩm chí Diệu Giác, hữu ngũ thập tam vị, Thất Tín Hồi Hướng Tâm dã. Thử vị Bồ Tát kiến giải, dữ Biệt Giáo huỳnh dị, đoạn Hoặc dữ Biệt Giáo Thất Trụ tương tề, cố bất thoái.

(疏)又四教不退，非今經義。

(鈔)四教各明不退，謂藏教別相念不退，通教性地不退，別教七住不退，圓教七信不退。則知自此以前，進退未定。今念佛者，但生彼國，雖惡人畜生，即得不退，豈不勝妙直捷，異乎諸教？

(演)四教各明不退者，藏教有七賢聖位，自五停心至不時解脫。別相念者，七賢之第二位也。此位能伏見思，故不退。又別者，謂各別身受心法不同故，相謂行相；觀此四法，作不淨等行相故。通教三乘共有十地，自初乾慧以至佛地。性地者，第二地也。謂之性地者，以相似得法性水故。此位亦伏見思，故不退。別教自十信至妙覺，有五十二位。七住不退者，此位菩薩斷見思惑盡，與藏通極果相齊，故不退。圓教自五品至妙覺，有五十三位，七信回向心也。此位菩薩見解，與別教迥異，斷惑與別教七住相齊，故不退。

(Sớ: Lại nữa, Bất Thoái hiểu theo tứ giáo chẳng phải là ý nghĩa [của Bất Thoái] trong kinh này.

Sao: Mỗi giáo trong bốn giáo đều nói đến Bất Thoái, nghĩa là: Trong Tạng Giáo, đặc biệt tướng niệm là Bất Thoái; trong Thông Giáo, tánh địa (địa vị đã kiến tánh) là Bất Thoái; trong Biệt Giáo, bậc đã đắc Thất Trụ bèn Bất Thoái; trong Viên Giáo bậc Thất Tín bèn Bất Thoái. Do đó biết, trước khi đạt đến những địa vị ấy, sẽ là tấn thoái không nhất định. Nay người niệm Phật, chỉ cần sanh về cõi kia, dầu là kẻ ác hay súc sanh liền đắc Bất Thoái. Há chẳng phải là thù thắng, nhiệm mầu, thắng thường, nhanh chóng, khác với các giáo ư?

Diễn: “Mỗi giáo trong bốn giáo đều nói đến Bất Thoái”: Tạng Giáo có bảy địa vị thánh hiền, từ Ngũ Đình Tâm đến Bất Thời Giải Thoát. Biệt Tướng Niệm là địa vị thứ hai trong Thất Hiền. Địa vị này có thể chế phục Kiến Tư, cho nên bất thoái. Lại nữa, Biệt là ai nấy thân, thọ, tâm pháp khác nhau; Tướng là hành tướng. Quán bốn pháp ấy là những hành tướng bất tịnh. Ba thừa trong Thông Giáo có tất cả mười địa vị, từ địa vị đầu tiên là Càn Huệ cho đến [địa vị cuối cùng là] Phật Địa. Tánh Địa là địa vị thứ hai [trong Thông Giáo]. Được gọi là Tánh Địa vì đã gần giống như đạt được nước pháp tánh. Địa vị này cũng chế phục Kiến Tư, cho nên chẳng thoái chuyển. Biệt Giáo thì từ Thập Tín cho đến Diệu Giác có năm mươi hai địa vị.

“Thất Trụ thì bất thoái”: Do Bồ Tát thuộc địa vị này đã đoạn hết Kiến Tư Hoặc, bằng với địa vị cực quả của Tạng Giáo và Thông Giáo, cho nên chẳng thoái chuyển. Viên Giáo thì từ ngũ phẩm cho đến Diệu Giác có năm mươi ba địa vị, Thất Tín là Hồi Hướng Tâm. Bồ Tát thuộc địa vị này có kiến giải khác xa Biệt Giáo, đoạn Hoặc thì giống như Thất Trụ của Biệt Giáo, cho nên chẳng thoái chuyển).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh thường trụ, thị bất thoái chuyển nghĩa.

(Sao) Thí như hư không, tự cổ cập kim, bất tăng thoái chuyển. Tung dục thoái chuyển, thoái chí hà sở?

(疏)稱理，則自性常住，是不退轉義。

(鈔)譬如虛空，自古及今，不曾退轉。縱欲退轉，退至何所？

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh thường trụ là ý nghĩa “bất thoái chuyển”.

Sao: Ví như hư không, từ xưa tới nay chưa từng thoái chuyển. Dẫu muốn thoái chuyển thì thoái đến nơi đâu?)

Nhị, thượng thủ.

(Kinh) Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, dẫn khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết.

(Sớ) Thừa thượng ngôn “sanh bỉ quốc giả”, khởi duy bất thoái? Phục hữu Bồ Xứ Bồ Tát bất khả thắng kỷ, thâm khuyến cầu sanh đã. Bồ Xứ giả, chỉ thử nhất sanh, thứ bổ Phật vị, tức Đẳng Giác Bồ Tát đã.

(Sao) Thâm khuyến cầu sanh giả, sanh giai bất thoái, dĩ siêu dư quốc. Phục đa Bồ Xứ, khả vị siêu việt thù thắng, cực kỳ chí đã. Chỉ thử nhất sanh giả, thử độ tu hành, xả thân, thọ thân, thiên sanh, vạn sanh, vị hữu cùng dĩ. Nãi chí chứng Tam Quả giả, do thượng hữu sanh. A La Hán địa, phương đoạn hậu hữu. Tuy đoạn hậu hữu, bất đắc thành Phật. Kim thử duy dư nhất sanh, thứ tức bổ Phật, tiền như Hộ Minh, hậu như Từ Thị, Bồ Tát chi cực vị đã. Hựu Đại Bản vân: “Sanh bỉ quốc giả, giai cụ tam thập nhị tướng, cứu cánh thâm nhập diệu pháp yếu nghĩa, giai đương nhất sanh toại bổ Phật xứ”. Cứ thử, tắc như trừ quân tặc tại Đông Cung, tất thiêu nam diện, phi dư bách quan triển chuyển thăng tấn, chỉ thị vị cực nhân thần chi tỷ đã. Thử đẳng Bồ Tát, hàm giai vãng sanh, bạc liệt Tây Phương, bất sỷ thậm hỹ.

(Diễn) Tiền như Hộ Minh giả, Thích Ca vị giáng vương cung, cư Đâu Suất Thiên, hiệu Hộ Minh Bồ Tát.

二、上首。

(經)其中多有一生補處，其數甚多，非是算數所能知之，但可以無量無邊阿僧祇說。

(疏)承上言生彼國者，豈惟不退？復有補處菩薩不可勝紀，深勸求生也。補處者，止此一生，次補佛位，即等覺菩薩也。

(鈔)深勸求生者，生皆不退，已超餘國。復多補處，可謂超越殊勝，極其至也。止此一生者，此土修行，捨身受身，千生萬生，未有窮已。乃至證三果者，猶尚有生。

阿羅漢地，方斷後有。雖斷後有，不得成佛。今此唯餘一生，次即補佛，前如護明，後如慈氏，菩薩之極位也。又大本云：生彼國者，皆具三十二相，究竟深入妙法要義，皆當一生遂補佛處。據此，則如儲君暫在東宮，必紹南面，非餘百官展轉陞進，止是位極人臣之比也。此等菩薩，咸皆往生，薄劣西方，不揣甚矣。

(演)前如護明者，釋迦未降王宮，居兜率天，號護明菩薩。

(Hai là [nói về bậc] thượng thủ [trong số các vị A Bộ Bạt Trí Bồ Tát].

Kinh: Trong số đó, có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ. Số ấy rất nhiều, chẳng thể do tính toán mà có thể biết được, chỉ có thể nói là “vô lượng vô biên A-tăng-kỳ”.

Sớ: Tiếp nối ý trong phần trên “người sanh về cõi ấy” há chỉ là chẳng thoát chuyển, mà lại còn có hàng Bồ Xứ Bồ Tát không thể kể xiết, nhằm sâu xa khuyên [người nghe] hãy nên cầu vãng sanh. Bồ Xứ là chỉ một đời này, đời sau sẽ bỏ vào địa vị Phật, tức là bậc Đăng Giác Bồ Tát vậy.

Sao: “Sâu xa khuyên hãy nên cầu sanh”: Hễ vãng sanh, sẽ đều bất thoái, [điều này] đã vượt xa các cõi nước khác. “Lại có nhiều vị Bồ Xứ”: Có thể nói là vượt xa thù thắng, đạt tới tột bậc vậy. “Chỉ một đời này”: Tu hành trong cõi này, xả thân, thọ thân, ngàn đời, vạn đời chẳng có cùng tận. Cho đến bậc đã chứng Tam Quả, hãy còn có sanh; địa vị A La Hán mới đoạn hết, chẳng còn thân đời sau. Tuy đã đoạn thân trong đời sau, chẳng được thành Phật. Nay chỉ còn sót lại một đời này, đời kế tiếp liền bỏ xứ làm Phật, trước là như ngài Hộ Minh, sau là như ngài Từ Thị, địa vị tột bậc trong hàng Bồ Tát.

Kinh Đại Bản lại nói: “Người sanh trong cõi ấy đều có đủ ba mươi hai tướng, rốt ráo thâm nhập nghĩa lý trọng yếu của diệu pháp, đều sẽ được bỏ làm Phật trong một đời”.

Dựa theo đó, giống như Thái Tử ở tạm tại Đông Cung, ắt sẽ nối ngôi hoàng đế, chẳng giống như bá quan lần lượt thăng chức, [tối đa là các quan] chỉ đạt tới địa vị tột bậc trong hàng bầy tôi mà hòng sánh bằng được! Các vị Bồ Tát ấy thấy đều vãng sanh. Những kẻ khinh thường Tây Phương sao chẳng xét suy quá đổi!

Diễn: “Trước là như ngài Hộ Minh”: Khi Phật Thích Ca chưa giảng sanh trong vương cung, Ngài ở trên trời Đâu Suất, hiệu là Hộ Minh Bồ Tát).

(Sớ) Vấn: Bỉ xứ Quán Âm, thứ đương bồ Phật, thứ nãi Thế Chí. Thế Chí chi hậu, bất văn bồ giả. Kim ngôn: “Bồ Xứ thậm đa”, hà nhật đương bồ? Hựu Bồ Xứ giả, Bồ Tát địa tận, trụ Đẳng Giác vị, như tinh trung nguyệt, hà đắc thậm đa, nhi tại bỉ quốc? **Đáp:** Bồ Xứ bất tất định bồ Di Đà chi xứ. Thập phương thế giới vô tận, chư Phật Niết Bàn vô tận, Bồ Xứ Bồ Tát diệc vô tận. Trụ bỉ quốc trung, nhi đãi Bồ Xứ, hề vi bất khả! Hựu chư Phật thượng như vi trần, vô hữu cùng tận, hướng phục Bồ Tát, kỳ số thậm đa, vô túc nghĩ dã, như Đại Bản trung thuyết.

(Diễn) Hà nhật đương bồ, thị nghi thời. Hựu bồ xứ giả hạ, thị nghi số.

(疏)問: 彼處觀音，次當補佛，次乃勢至。勢至之後，不聞補者。今言：補處甚多，何日當補？又補處者，菩薩地盡，住等覺位，如星中月，何得甚多，而在彼國？**答:** 補處不必定補彌陀之處。十方世界無盡，諸佛涅槃無盡，補處菩薩亦無盡。住彼國中，而待補處，奚為不可！又諸佛尚如微塵，無有窮盡，況復菩薩，其數甚多，無足疑也，如大本中說。

(演)何日當補，是疑時。又補處者下，是疑數。

(Sớ: Hỏi: Trong cõi ấy, ngài Quán Âm sẽ kế tiếp bồ xứ làm Phật, rồi đến ngài Thế Chí. Sau ngài Thế Chí, chẳng nghe nói có vị Bồ Xứ nào! Nay nói “Bồ Xứ thật nhiều”, đến khi nào sẽ được bồ nhiệm? Lại nữa, Bồ Xứ là trọn hết địa vị Bồ Tát, trụ trong địa vị Đẳng Giác, như vàng trắng giữa các ngôi sao, có sao có thể hiện diện thật nhiều trong nước ấy?

Đáp: Bồ Xứ không nhất định phải bồ làm Phật ở chỗ Phật Di Đà. Mười phương thế giới vô tận, chư Phật nhập Niết Bàn vô tận, Bồ Xứ Bồ Tát cũng vô tận, họ ở trong cõi ấy (cõi Cực Lạc) để đợi Bồ Xứ [trong mười phương], có gì là không thể được? Lại nữa, chư Phật còn nhiều như vi trần, chẳng có cùng tận, hướng là Bồ Tát, số ấy thật nhiều, há đáng nghi ư, như trong kinh Đại Bản đã nói.

Diễn: “Đến khi nào sẽ được bổ nhiệm?” là nghi về thời. Từ câu “lại nữa, Bồ Xứ” trở đi là nghi về số lượng).

(Sao) Đại Bản vân: “**Phật cáo Di Lạc:** - Thử thế giới trung, hữu thất bách nhị thập ức Bồ Tát sanh bỉ, nhất nhất dĩ tăng cúng dường vô ương số Phật. Như Di Lạc giả, chư tiểu Bồ Tát, bất khả thắng kỷ. Tha phương thế giới, đệ nhất Quang Viễn Chiếu Phật sở, hữu bát thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Đệ nhị Bảo Tạng Phật sở, hữu cửu thập ức. Đệ tam Vô Lượng Âm Phật sở, hữu nhị bách nhị thập ức. Triển chuyển chí thập tứ Phật sát, dĩ cập vô lượng Phật sát, vãng sanh giả bất khả phục kể”. Dẫn thuyết Phật danh, cùng kiếp bất tận, hưởng kỳ Bồ Tát đương vãng sanh giả, ngôn “như Di Lạc”, tắc thậm đa Bồ Xứ, ích khả vi chứng.

(鈔)大本云：佛告彌勒：此世界中，有七百二十億菩薩生彼，一一已曾供養無央數佛。如彌勒者，諸小菩薩，不可勝紀。他方世界，第一光遠照佛所，有八十億菩薩，皆當往生。第二寶藏佛所，有九十億。第三無量音佛所，有二百二十億。展轉至十四佛剎，以及無量佛剎，往生者不可復計。但說佛名，窮劫不盡，況其菩薩當往生者，言如彌勒，則甚多補處，益可為證。

(Sao: Kinh Đại Bản nói: “Đức Phật bảo Di Lạc: - Trong thế giới này, có bảy trăm hai mươi ức Bồ Tát sanh về cõi ấy, mỗi vị đã từng cúng dường vô ương số Phật như Di Lạc. Các vị tiểu Bồ Tát chẳng thể kể xiết. Các thế giới phương khác, thứ nhất là ở nơi Quang Viễn Chiếu Phật, có tám mươi ức Bồ Tát sẽ đều vãng sanh. Thứ hai là ở chỗ Bảo Tạng Phật, có chín mươi ức. Thứ ba là ở chỗ Vô Lượng Âm Phật, có hai trăm hai mươi ức. Lần lượt cho tới cõi Phật thứ mười bốn cùng với vô lượng cõi Phật, người vãng sanh không thể tính đếm được”. Chỉ nói danh hiệu Phật mà đã là trọn hết một kiếp vẫn không thể nói hết, huống hồ là [nói tới số lượng] các vị Bồ Tát vãng sanh. “Ví như ngài Di Lạc”: [Trong cõi Cực Lạc] hàng Bồ Xứ Bồ Tát rất đông, [điều này] càng chứng minh [rõ rệt hơn]).

(Sớ) Như thượng y chánh nhị báo, hoặc kinh văn trung hữu, bốn nguyện trung vô. Hoặc bốn nguyện trung hữu, kinh văn trung vô, hồ kiến vô ngại.

(Sao) *Nhược cứ mộ Phật phát nguyện, mãn nguyện thành Phật, tất cả phương chúng chúng sở hữu, giai bị Phật nguyện nguyện sở thành, tất ưng khế hợp. Kim minh hồ vi hữu vô giả, dĩ văn tuy tiểu thù, nhi ý tắc cụ túc dã. Hựu như Pháp Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, sát trung chư thiên, nhân dân, nhất thiết vạn vật, giai nghiêm tịnh quang lệ, hình sắc thù đặc, cùng vi cực diệu, vô năng xưng lượng giả. Tuy đắc Thiên Nhân, bất năng biện kỳ danh số”. Quán thử, tắc chánh báo, y báo, nhiếp vô bất tận, bất khả câu văn nhi hạn nghĩa dã.*

(Diễn) *Hựu như Pháp Tạng nguyện vân hạ, ngôn bất dẫn hồ kiến, nhi diệc thả tổng nhiếp dã.*

(疏)如上依正二報，或經文中有，本願中無。或本願中有，經文中無，互見無礙。

(鈔)若據慕佛發願，滿願成佛，則彼方種種所有，皆彼佛願願所成，悉應契合。今明互為有無者，以文雖小殊，而意則具足也。又如法藏願云：我作佛時，剎中諸天人民，一切萬物，皆嚴淨光麗，形色殊特，窮微極妙，無能稱量者。雖得天眼，不能辨其名數。觀此，則正報依報，攝無不盡，不可拘文而限義也。

(演)又如法藏願云下，言不但互見，而亦且總攝也。

(Sớ:) *Đối với y báo và chánh báo như vừa nói trên đây, hoặc là trong phần kinh văn có, nhưng bốn nguyện không có, hoặc trong bốn nguyện có, nhưng kinh văn chẳng có. Hãy xem đối chiếu lẫn nhau vô ngại.*

Sao: Nếu do ngưỡng mộ Phật mà phát nguyện, nguyện viên mãn thì sẽ thành Phật. Vậy thì tất cả các thứ bên cõi ấy đều do mỗi nguyện của đức Phật ấy tạo thành, cho nên đều phải khế hợp. Nay nói [giữa các bản dịch] lần lượt là có hoặc không, chính là nói “văn tự sai khác đôi chút, nhưng ý nghĩa trọn đủ”. Lại như ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi tôi làm Phật, chư thiên, nhân dân và hết thảy vạn vật trong cõi nước đều trang nghiêm, thanh tịnh, sáng ngời, đẹp đẽ, hình sắc thù thắng đặc biệt, vi diệu tốt cùng, không ai có thể diễn tả, suy lường được. Dẫu đắc Thiên Nhân, cũng chẳng thể biện định tên gọi và số lượng của chúng”. Xét theo đó, chánh báo và y báo bao quát không gì chẳng trọn hết, cho nên câu nệ văn tự để rồi hạn cuộc ý nghĩa vậy.

Diễn: Từ câu “lại như ngài Pháp Tạng nguyện rằng” trở đi, ý nói:

Không chỉ là lần lượt xem đối chiếu với nhau, mà còn là bao gồm lẫn nhau).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh quyết định thành Phật, thị Nhất Sanh Bồ Xứ nghĩa.

(Sao) Khuê Phong vân: “Kim tri tâm thị Phật tâm, định đương tác Phật, nhiên nhi bỗng lai thành Phật, phi tác đắc cố”. Tắc dẫn kiến Thi Giác tâm lai, bất tri Bồn Giác cố hữu, khả vị bổ tắc quyết định bổ, thành tắc thật bất thành!

(疏)稱理，則自性決定成佛，是一生補處義。

(鈔)圭峰云：今知心是佛心，定當作佛，然而本來成佛，非作得故。則但見始覺新來，不知本覺固有，可謂補則決定補，成則實不成！

(Sớ: Xưng Lý thì “tự tánh quyết định thành Phật” chính là ý nghĩa Nhất Sanh Bồ Xứ.

Sao: Ngài Khuê Phong nói: “Nay biết tâm là tâm Phật, nhất định sẽ làm Phật, nhưng là vốn sẵn thành Phật, chẳng phải là do sẽ chứng đắc mà làm Phật”. Tức là chỉ thấy Thi Giác mới đạt được, chẳng biết Bồn Giác vốn sẵn có, có thể nói là “bổ xứ bèn quyết định là bổ xứ, nhưng thành Phật thì thật sự chẳng thành!”)

Nhị, chánh thị nguyện hạnh linh tri tu chứng (tứ): Sơ, phát nguyện. Nhị, khởi hạnh. Tam, cảm quả. Tứ, kết khuyến.

Sơ, phát nguyện (nhị): Sơ, khuyến phát nguyện tâm. Nhị, xuất kỳ sở dĩ.

Sơ, khuyến phát nguyện tâm.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc.

(Sớ) Thượng trần y chánh nhị báo. Kim ngôn chúng sanh đắc văn thử giả, ưng đương phát khởi đại nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Thị vi đệ nhất trùng khuyến, hậu nãi phản phúc thân mình.

(Sao) Đệ nhất trùng khuyến giả, kinh trung phản phúc khuyến văn, khuyến tín, khuyến nguyện, ước hữu tứ trùng. Kim đương tối sơ. Thị văn y chánh trang nghiêm thắng diệu công đức chi thuyết nhi phát nguyện dã. Nhị ngôn văn thị thuyết giả, thị văn nhất tâm trì danh, quyết định vãng sanh chi thuyết, nhi phát nguyện dã. Tam ngôn văn thị kinh giả, thị văn trì danh Phật hộ bất thoái Bồ Đề chi thuyết, nhi

tín thọ dã. Bất ngôn nguyện giả, tín thọ tức nguyện cố. Tứ ngôn “nhược hữu tín giả”, thị tổng kết văn dĩ thâm tín, tín hữu nguyện giả, vô nhất bất sanh chi thuyết, nhi phát nguyện dã. Văn văn chuyển thâm, nguyện nguyện bồi thiết. Ngữ tuy phản phúc, nghĩa bất lôi trùng, mãn vật tình thâm, hồi nhân bất quỵen.

二、正示願行令知修證(四)：初、發願。二、起行。三、感果。四、結勸。

初、發願(二)：初、勸發願心。二、出其所以。

初、勸發願心。

(經)舍利弗！眾生聞者，應當發願，願生彼國。

(疏)上陳依正二報。今言眾生得聞此者，應當發起大願，願生彼國。是為第一重勸，後乃反覆申明。

(鈔)第一重勸者，經中反復勸聞，勸信，勸願，約有四重。今當最初。是聞依正莊嚴勝妙功德之說而發願也。二言聞是說者，是聞一心持名，決定往生之說，而發願也。三言聞是經者，是聞持名佛護不退菩提之說，而信受也。不言願者，信受即願故。四言若有信者，是總結聞已深信，信有願者，無一不生之說，而發願也。聞聞轉深，願願倍切。語雖反覆，義不雷重，憫物情深，誨人不倦。

(Hai, chỉ thẳng vào nguyện hạnh khiến cho [người nghe] biết tu chứng (gồm bốn phần): Một là phát nguyện. Hai là khởi hạnh. Ba là cảm quả. Bốn là tiểu kết nhằm khuyên lớn.

Một là phát nguyện (gồm hai phần): Một là khuyên phát nguyện tâm. Hai là nêu ra nguyên do.

Trước hết là khuyên phát nguyện tâm.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe vậy, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy.*

Sớ: *Trong phần trên đã trần thuật y báo và chánh báo. Nay nói chúng sanh được nghe điều này, hãy nên phát khởi nguyện lớn, [tức là] nguyện sanh về cõi ấy. Đây là khuyên lần thứ nhất; sau đó, lại lặp đi lặp lại vấn đề hòng giảng rõ.*

Sao: *“Khuyến lần thứ nhất”: Trong kinh nhiều lượt nhắc đi nhắc lại khuyên hãy nghe, khuyên hãy tin, khuyên hãy nguyện, có khoảng bốn lần [như vậy]. Nay là lần đầu tiên. Tức là do nghe nói công đức thù*

thắng nhiệm mẫu nơi y báo và chánh báo trang nghiêm mà phát nguyện. Hai là [chánh kinh] nói “người được nghe nói như thế” chính là [nói tới những người] nghe nói “nhất tâm trì danh quyết định vãng sanh” bèn phát nguyện. Ba là nói “kẻ nghe kinh này”, tức là [nói tới những kẻ] nghe nói “trì danh thì đức Phật sẽ hộ trì, khiến cho Bồ Đề chẳng thoái thất” bèn tin nhận. Chẳng nói tới “nguyện”, vì hễ đã tin nhận bèn phát nguyện. Bốn là nói “nếu có kẻ tin tưởng” nhằm tổng kết chuyện nghe nói “đã nghe rồi tin sâu, do đã tin bèn có nguyện, không một ai chẳng vãng sanh” bèn phát nguyện. Mỗi lần nghe lại càng sâu hơn, mỗi lần nguyện càng thiết tha gấp bội. Lời lẽ tuy lặp đi lặp lại, nghĩa chẳng trùng lặp, lòng thương xót chúng sanh sâu xa, dạy bảo người khác chẳng mệt mỏi).

(Sớ) Hựu Văn nhiếp Tín nghĩa, Nguyện nhiếp Hạnh nghĩa, tam sự tư lương, tất bị ư thử.

(Sao) Văn nhiên hậu tín, phỉ văn, tắc tín tự hà sanh? Nguyện nhiên hậu hành. Vô nguyện, tắc hạnh hà điều khởi? Hạ văn tín hạnh, thử vi bổn nguyên. Tín hạnh nguyện tam, Tịnh Độ tư lương, sung túc vô khiếm.

(疏)又聞攝信義，願攝行義，三事資糧，悉備於此。

(鈔)聞然後信，匪聞，則信自何生？願然後行。無願，則行何繇起？下文信行，此為本原。信行願三，淨土資糧，充足無欠。

(Sớ: Lại có nghĩa là “nghe bao gồm tín; nguyện bao gồm hạnh”. Ba sự tư lương thấy đều đầy đủ trong ấy.

Sao: Nghe xong mới tín. Nếu không nghe, tín từ đâu sanh ra? Nguyện rồi sau đó bèn hành. Không có nguyện thì hạnh do đâu mà khởi được? Tín và Hạnh trong phần kinh văn phía sau có cội nguồn từ chỗ này. Ba điều Tín, Hạnh, Nguyện là tư lương Tịnh Độ được trọn đủ chẳng thiếu hụt).

(Sớ) Hựu nguyện chi vi lực, bất khả tư nghị, bỉ Phật Tịnh Độ diệt điều nguyện cố. Lâm chung vãng sanh, duy trượng nguyện cố. Tam giới nhân quả, tất tùy nguyện cố. Chư đại Bồ Tát giai nguyện sanh cố.

(Sao) Bỉ Phật Tịnh Độ giả, Pháp Tạng dĩ nhân trung tứ thập bát nguyện, kim thành Phật đạo, quảng độ chúng sanh, tắc Như Lai vô

tận công đức, giai từng nguyện sanh, cố vân: “Bất khả tư nghị”. Lâm chung vãng sanh giả, Hạnh Nguyên phẩm ngôn: “Thị nhân lâm mạng chung thời, nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại, dĩ chí thân thuộc, oai thể, tượng, mã, trân bảo đẳng, tất giai tán diệt. Duy hữu nguyện vương bất tương xả ly, nhất thiết thời trung, dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na gian, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới”. Cố vân: “Bất khả tư nghị”. Tam giới nhân quả giả, nguyện thọ thiên lạc, tắc bản mẫu thượng sanh; nguyện tác minh vương, tắc ngục thần trị quỷ. Chúng chúng tùy nguyện, mạc vi nhi vi. Cố vân bất khả tư nghị.

(Diễn) Nguyên thọ thiên lạc giả, tích hữu bản nữ, xử ư phần tỵ, dĩ nhân dân sở khí tàn trấp vi thực. Ca Diếp từng khát, dĩ trấp cúng dường. Tôn giả vấn kỳ sở nguyện, vân: “Dục sanh thiên”. Sở nhất mạng chung, sanh Đạo Lợi, phước thắng dư thiên. Nguyên tác minh vương giả, Tỳ Sa quốc vương dĩ Duy Đà Như Sanh vương cộng chiến bất thắng, nhân lập thế nguyện: “Nguyện ngã lai thế vi địa ngục chủ, trị thử tội nhân”. Thập bát đại thần nguyện diệt như thị. Kim địa ngục chủ Tỳ Sa vương thị, thập bát ngục chủ thập bát đại thần thị.

(疏)又願之為力，不可思議，彼佛淨土亦繇願故。臨終往生，惟仗願故。三界因果，悉隨願故。諸大菩薩皆願生故。

(鈔)彼佛淨土者，法藏以因中四十八願，今成佛道，廣度眾生，則如來無盡功德，皆從願生，故云：不可思議。臨終往生者，行願品言：是人臨命終時，一切諸根，悉皆敗壞，以至親屬威勢，象馬珍寶等，悉皆散滅。惟有願王不相捨離，一切時中，引導其前，一剎那間，即得往生極樂世界。故云：不可思議。三界因果者，願受天樂，則貧母上生；願作冥王，則獄神治鬼。種種隨願，莫為而為。故云不可思議。

(演)願受天樂者，昔有貧女，處於糞聚，以人民所棄殘汁為食。迦葉從乞，以汁供養。尊者問其所願，云：欲生天。數日命終，生忉利，福勝餘天。願作冥王者，毘沙國王與維陀如生王共戰不勝，因立誓願：願我來世為地獄主，治此罪人。十八大臣願亦如是。今地獄主毘沙王是，

十八獄主十八大臣是。

(Sớ: Nguyên lại có sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Cõi Tịnh Độ của đức Phật ấy cũng do nguyên mà có. Lâm chung vãng sanh chỉ cậy vào nguyên. Nhân quả trong ba cõi đều tùy thuộc nguyên. Các đại Bồ Tát đều do nguyên mà vãng sanh.

Sao: “Cõi Tịnh Độ của đức Phật ấy” là do ngài Pháp Tạng đã phát ra bốn mươi tám nguyên trong lúc tu nhân, nay thành Phật đạo, độ chúng sanh rộng khắp, vô tận công đức của Như Lai đều sanh từ nguyên, cho nên nói là “chẳng thể nghĩ bàn”. “Lâm chung vãng sanh”: Phẩm Hạnh Nguyên có nói: “Người ấy khi mạng chung, hết thấy các căn đều hư hoại, cho đến thân thuộc, oai thế, voi, ngựa, đồ quý báu v.v... đều tan diệt. Chỉ có nguyên vương chẳng hề lìa bỏ, trong hết thấy các thời, nó luôn dẫn đường đằng trước, trong khoảng sát-na, liền được sanh về thế giới Cực Lạc”. Vì thế nói là “chẳng thể nghĩ bàn”.

“Nhân quả trong ba cõi”: Do nguyên hưởng sự vui trong cõi trời, nên người đàn bà nghèo được sanh lên trời. Kẻ nguyên làm vua trong cõi âm, bèn làm thần cai trị quỷ trong địa ngục. Các thứ thuận theo nguyên, không làm mà làm. Vì thế, nói là “chẳng thể nghĩ bàn”.

Diễn: “Nguyên hưởng sự vui trong cõi trời”: Xưa kia có một người đàn bà nghèo sống nơi chỗ chứa phân, dùng những thứ cơm thừa canh cặn của người khác vớt bỏ để làm thức ăn. Ngài Ca Diếp đến đó khát thực, bà ta bèn cúng dường cơm thừa canh cặn ấy. Tôn giả hỏi bà ta nguyện gì, đáp “muốn sanh lên trời”. Mấy hôm sau, [bà ta] bèn mạng chung, sanh lên trời Đạo Lợi, phước vượt xa các vị trời khác.

“Nguyên làm vua trong cõi âm”: Quốc vương Tỳ Sa đánh nhau với vua Duy Đà Như Sanh chẳng thắng. Do vậy, lập thế nguyên: “Nguyên trong đời sau, tôi sẽ làm chủ địa ngục để trừng trị những tội nhân này”. Mười tám vị đại thần cũng phát nguyện như thế. Nay chủ cõi địa ngục là vua Tỳ Sa, chủ của mười tám ngục là mười tám vị đại thần [thuở ấy]).

(Sao) Bồ Tát nguyện sanh giả, Phổ Hiền tụng vân: “Nguyên ngã lâm mạng chung thời, tận trừ nhất thiết chư chướng ngại, diệt kiến bỉ Phật A Di Đà, tức đắc vãng sanh An Lạc sát”. Nãi chí nguyện mong thọ ký, quảng lợi chúng sanh đẳng, chí như Văn Thù phát nguyện vãng sanh sở thuyết chi kệ, diệc vân: “Nguyên ngã mạng chung thời, diệt trừ chư chướng ngại, diệt kiến Di Đà Phật, vãng

sanh An Lạc sát”, dữ Phổ Hiền nhược hợp phù tiết. Tha như Thiên Thân, Long Thọ đấng, đa nan tất trần, cố vân: “Bất khả tư nghị”.

(Diễn) Nhược hợp phù tiết giả, Mạnh Tử vị: “Thuần dữ Văn Vương đắc chí hành hồ trung quốc, nhược hợp phù tiết”. Chú vân: “Phù tiết dĩ ngọc vi chí, triện khắc văn tự, nhi trung phân chí, bĩ thử các tàng kỳ bán, chí tắc tả hữu tương hợp vi tín dã”. Nhược hợp phù tiết, ngôn kỳ đồng dã.

(鈔)菩薩願生者，普賢頌云：願我臨欲命終時，盡除一切諸障礙，面見彼佛阿彌陀，即得往生安樂剎。乃至願蒙授記，廣利眾生等，至如文殊發願往生所說之偈，亦云：願我命終時，滅除諸障礙，面見彌陀佛，往生安樂剎。與普賢若合符節。他如天親龍樹等，多難悉陳，故云：不可思議。

(演)若合符節者，孟子謂：舜與文王得志行乎中國，若合符節。注云：符節以玉為之，篆刻文字，而中分之，彼此各藏其半，至則左右相合為信也。若合符節，言其同也。

(Sao: “Bồ Tát nguyện sanh”: Bài kệ của ngài Phổ Hiền có đoạn: “Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung, tận trừ hết thảy các chướng ngại, gặp gỡ đức Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc”. Cho đến “nguyện được thọ ký, lợi ích chúng sanh rộng rãi” v.v... Như ngài Văn Thù nói bài kệ phát nguyện vãng sanh, cũng nói: “Nguyện tôi lúc lâm chung, diệt trừ các chướng ngại, gặp gỡ Phật Di Đà, vãng sanh cõi An Lạc”, phù hợp khít khao với ngài Phổ Hiền. Những vị khác như Thiên Thân, Long Thọ v.v... nhiều đến nỗi khó thể kể xiết. Do đó nói là “chẳng thể nghĩ bàn”.

Diễn: “Nhược hợp phù tiết” (phù hợp khít khao như phù với tiết): Mạnh Tử nói: “Vua Thuần và Văn Vương thực hành đạo của thánh nhân tại trung nguyên phù hợp khít khao như phù hợp với tiết”. [Cổ nhân] chú giải như sau: “Phù tiết làm bằng ngọc. [Trên miếng ngọc đó], chạm khắc văn tự, rồi bẻ đôi ra, mỗi bên giữ một nửa (nửa này gọi là Phù, nửa kia gọi là Tiết). Khi hai mảnh ghép lại phù hợp khít khao thì sẽ biết là đúng”. “Nhược hợp phù tiết” có nghĩa là giống hệt nhau).

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh hoàn quy bản thể, thị nguyện sanh bĩ

quốc nghĩa.

(Diễn) *Tự tánh hoàn quy bản thể giả, nhược bất minh bản thể, duy yếm thử Sa Bà, hân Cực Lạc, tắc tùy cảnh thiên di, trục vật lưu chuyển, phi chân sanh bỉ quốc, cổ vân dã. Hựu hoàn quy giả, vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới dã. Tùng nhất tâm trung, lưu xuất tứ thánh lục phàm, tắc tứ thánh lục phàm nhưng cựu hoàn quy nhất tâm. Hựu tự tánh tức thị bản thể, nhi vân hoàn quy giả, dĩ tự tánh nhất hướng bất thủ tự tánh, ngũ đạo tùy duyên, cổ kim ưng đương hoàn quy dã.*

(疏)稱理，則自性還歸本體，是願生彼國義。

(演) 自性還歸本體者，若不明本體，唯厭此娑婆，忻極樂，則隨境遷移，逐物流轉，非真生彼國，故云也。又還歸者，無不從此法界流，無不還歸此法界也。從一心中，流出四聖六凡，則四聖六凡仍舊還歸一心。又自性即是本體，而云還歸者，以自性一向不守自性，五道隨緣，故今應當還歸也。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh trở về bản thể chính là ý nghĩa “nguyện sanh về cõi ấy”.

Diễn: “Tự tánh trở về bản thể”: Nếu không hiểu rõ bản thể, chỉ chán nhàm thế giới Sa Bà này, yêu thích Cực Lạc, sẽ bị chuyển dời theo cảnh, lưu chuyển theo vật, chẳng phải là thật sự sanh về cõi kia, cho nên nói như vậy. Lại nữa, “hoàn quy” là không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng trở về pháp giới này. Từ trong nhất tâm lưu xuất tứ thánh lục phàm, cho nên tứ thánh lục phàm vẫn trở về nhất tâm y như cũ. Tự tánh lại chính là bản thể, nhưng nói “trở về” là do tự tánh một mực chẳng giữ lấy tự tánh, tùy duyên trong năm đường, cho nên [nói] “nay hãy nên trở về” vậy).

(Sao) *Nhược tri bản thể bất ly đương xứ, tắc phi sanh bỉ quốc, nãi sanh thử quốc nhĩ. Tuy vân thập vạn ức trình, hà tăng chỉ xích động bộ. Cổ vị: “Bất lao đàn chỉ đảo Tây Phương” dã. Như kỳ Chân Như bất thủ tự tánh, ngũ đạo tùy duyên, tắc thị cùng tử lữ bạc tha hương, ưng quy cổ lý.*

(Diễn) “Bất ly đương xứ” giả, cổ vân: “Bất ly đương xứ thường trạm nhiên, mịch tức tri quân bất khả kiến”. Hựu vân: “Ấu sanh, âu diệt, vô phi thủy; vân lai, vân khứ, bất ly không”. Nhược năng liễu thử,

tắc sanh bỉ quốc giả, phi sanh bỉ quốc, sanh thử tự tánh An Lạc quốc dã. Hà tăng chỉ xích động bộ giả, tiền vân: “Nãi tri phi lý khuể bộ, bảo trì dũng tứ sắc chi hoa” đẳng. Như kỳ hạ kết khuyến. Nhược quả năng liễu tri bản thể bất ly đương xứ, tắc cao sơn bình địa tổng Tây Phương, hà tu nguyện sanh bỉ quốc? Như cổ vân: “Chánh niệm A Di Đà Phật thời, bảo trì, thụ ảnh, nhật trì trì. Cánh trì tâm niệm sanh Tây độ, hựu thị trùng tài nhân thượng my”, thị dã. Như kỳ Chân Như bất thủ tự tánh, ngũ đạo tùy duyên, tắc thị cùng tử xả phụ đào thệ, lưu lạc tha hương. Tắc ưng yếm thử ngũ trược, hân bỉ Tây Phương, phát nguyện vãng sanh, bất khả hoãn dã!

(鈔)若知本體不離當處，則非生彼國，乃生此國耳。雖云十萬億程，何曾咫尺動步，故謂：不勞彈指到西方也。如其真如不守自性，五道隨緣，則是窮子旅泊他鄉，應歸故里。

(演)不離當處者，古云：不離當處常湛然，覓即知君不可見。又云：漚生漚滅無非水；雲來雲去不離空。若能了此，則生彼國者，非生彼國，生此自性安樂國也。何曾咫尺動步者，前云：乃知匪離跬步，寶池湧四色之花等。如其下結勸。若果能了知本體不離當處，則高山平地總西方，何須願生彼國？如古云：正念阿彌陀佛時，寶池樹影日遲遲。更馳心念生西土，又是重栽眼上眉，是也。如其真如不守自性，五道隨緣，則是窮子捨父逃逝，流落他鄉。則應厭此五濁，欣彼西方，發願往生，不可緩也！

(Sao: Nếu biết bản thể chẳng lìa ngay nơi này, thì chẳng phải là sanh về cõi kia mà là sanh trong cõi này. Tuy nói là đường xa mười vạn ức [cõi nước], mà chưa từng cất bước trong gang tấc, nên nói là “chưa nhọc sức trong khoảng một cái khảy ngón tay, đã đến Tây Phương”. Nếu Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh, tùy duyên trong năm đường, sẽ là đứa con nghèo túng phiêu bạt quê người, hãy nên quay về quê cũ.

Diễn: “Chẳng lìa đương xứ (ngay chỗ này)”: Cổ nhân nói: “Chẳng lìa đương xứ thường tĩnh lặng, tìm tòi liền biết: Chẳng thể thấy”. Lại nói: “Bọt nước sanh diệt vẫn là nước, mây trôi qua lại chẳng lìa trời”. Nếu có thể hiểu điều này thì sanh về cõi kia chẳng phải là sanh trong cõi nước ấy, mà là sanh trong cõi An Lạc nơi tự tánh. “Chưa từng

cất bước trong gang tấc” là như trong phần trước đã nói: “Mới biết chẳng rời chân một bước, ao báu sen phủ đủ bốn màu”.

Từ chữ “như kỳ” trở đi là phần tổng kết lời khuyên: Nếu thật sự có thể biết bản thể chẳng lìa đương xứ, ắt núi cao hay đất bằng đều là Tây Phương, cần gì phải nguyện sanh về cõi ấy? Như cổ nhân nói: “Ngay trong khi niệm A Di Đà Phật, ao báu, bóng cây, ngày ngày cảm nhận. Tâm niệm cứ khăng khăng sanh về cõi trời Tây, chính là trên mắt gắn thêm đôi mày”, chính là ý này vậy. Nếu Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh, tùy duyên trong năm đường, tức là đưa con nghèo túng bỏ cha trốn đi, lưu lạc chốn quê người. Tức là hãy nên chán cõi năm trước này, yêu thích cõi Tây Phương kia, phát nguyện vãng sanh, chớ nên trì hoãn!)

Nhị, xuất kỳ sở dĩ.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Đắc dĩ như thị chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ.

(Sớ) Thử nhiếp tiền trung khởi, hà cổ giáo nhân phát nguyện sanh bỉ? Dĩ bỉ quốc thị chư thượng thiện nhân đồng hội chi xứ; đắc sanh bỉ quốc, tắc nhập như thị thắng hội. Cổ đương cầu sanh.

(Diễn) Nhập như thị thắng hội, cổ đương cầu sanh giả, thượng nãi tường trần y chánh chủng chủng trang nghiêm. Cổ khuyến phát nguyện cầu sanh; kim xuất kỳ sở dĩ trung. Dẫn văn đắc dĩ chư thượng thiện nhân, đồng hội nhất xứ, bất ngôn đắc thọ chủng chủng diệu lạc, duy cử chánh nhị bất cập y giả, dĩ lạc sự phi trần, thiện hữu vi trần. Đại Học vân: “Sở quốc vô dĩ vi bảo, thế nhân thượng bất bảo châu ngọc, nhi bảo thiện nhân”. Hà hướng xuất thế chi giáo? Cổ cử chánh, nhi bất cập y dã.

二、出其所以。

(經)所以者何？得與如是諸上善人，俱會一處。

(疏)此躡前徵起，何故教人發願生彼？以彼國是諸上善人同會之處；得生彼國，則入如是勝會。故當求生。

(演)入如是勝會，故當求生者，上乃詳陳依正種種莊嚴。故勸發願求生；今出其所以中。但云得與諸上善人，同會一處，不言得受種種妙樂，唯舉正而不及依者，以樂事非珍，善友為珍。大學云：楚國無以為寶，世人尚不寶珠玉，而寶善人。何況出世之教？故舉正，而不及依也。

(Hai, là nêu nguyên do.

Kinh: Vì có sao vậy? Được cùng với những vị thượng thiện nhân như vậy ở cùng một chỗ.

Sớ: Đoạn này thâm nhiếp ý trong phần trước để gạn hỏi: Vì sao dạy người khác phát nguyện sanh về cõi ấy? Ấy là vì cõi ấy là nơi các vị thượng thiện nhân cùng tụ hội. Được sanh về cõi ấy, sẽ dự vào hội thù thắng như vậy. Vì thế, hãy nên cầu sanh.

Diễn: “Dự vào hội thù thắng như vậy. Vì thế, hãy nên cầu sanh”: Trên đây đã trình bày cặn kẽ các thứ trang nghiêm nơi y báo và chánh báo, nhằm khuyên hãy phát nguyện cầu vãng sanh. Nay nêu ra lý do, [nhưng trong phần nêu lý do] chỉ nói “được ở cùng một chỗ với các vị chư thượng thiện nhân”, chẳng nói “được hưởng các thứ vui sướng nhiệm mầu”, [tức là] chỉ nêu chánh báo, mà chẳng nhắc tới y báo, vì chuyện vui chẳng quý báu, bạn lành mới là quý báu. Sách Đại Học chép: “Nước Sở chẳng coi thứ gì là quý báu, người đời chẳng quý trọng châu ngọc, mà quý trọng người lành”. Huống hồ giáo pháp xuất thế gian ư? Vì thế, chỉ nói tới chánh báo, chẳng nhắc tới y báo).

(Sao) **Trung hữu nhị nghĩa:** Nhất giả, Sa Bà diệt thị Phật bang, hà tất viễn ly cố quốc? Nhị giả, thập phương vô tận Phật sát, nhược vị thiên hướng Tây Phương? Cố trưng kỳ điều. Kim dung nhi đáp chi, phục hữu tam nghĩa: Nhất giả, hoặc hữu quốc độ, nhân, súc, quỷ, ngục chỉ sở cộng cư, vị tất giai nhân cố. Nhị giả, hoặc hữu quốc độ, tuy thuận nhân sở cư, vị tất giai thiện cố. Tam giả, hoặc hữu quốc độ, tuy thuận thiện nhân sở cư, vị tất giai thượng thiện cố. Kim viết chư thượng thiện nhân, tắc bất độc vị nhân trung chi thiện, diệt phục thiện trung chi thiện dã. Như thượng sở liệt Thanh Văn, Bồ Tát, nãi chí Bồ Xứ, thử đẳng chư thượng thiện nhân, kim đắc vãng sanh, tức dữ câu hội nhất xứ. Sở vị: “Quán Âm, Thế Chí, bả thủ cộng hành, Văn Thù, Phổ Hiền, thân vi thắng hữu”. Dụ như đẳng Long, dự Doanh, thế sở hy cố. Thị dĩ, đại sĩ cầu đẳng liên lục, hướng phục phàm phu. Bốc cư do trạch lý nhân, thân vân học đạo, như tư thắng hội, khả vật nguyện dư?

(Diễn) Đẳng Long giả, Đông Hán Lý Ung, thượng khí tiết cô cao, tuấn bạch, thiếu sở giao du. Nhân bị kỳ dung tiếp giả, dĩ vi đẳng Long Môn vân. Dự Doanh giả, Đường Thái Tông khai Hoàng Văn Quán, dĩ Đỗ Như Hối đẳng, thập bát nhân vi Học Sĩ. Nhân tiện kỳ vinh, dĩ vi Doanh Châu chi tuyển. Đại sĩ cầu đẳng liên lục giả, Trường

Lô Trách thiên sư kiến liên xã. Nhất tịch, mộng nhất nhân ô cân, bạch y, phong mạo thanh mỹ. Ấp nhi viết: “Nguyện nhập liên xã, khát thư nhất danh”. Trách vấn: “Hà danh?” Viết: “Phổ Huệ”. Hựu vân: “Gia huynh Phổ Hiền, diệc khát thư danh”. Giác nhi, tư Hoa Nghiêm hữu nhị Bồ Tát danh, toại dĩ vi liên lục chi thủ. Bốc cư do trạch lý nhân giả, Khổng Tử vân: “Lý nhân vi mỹ, trạch bất xử nhân, yên đắc trí?”

(鈔)徵有二義：一者，娑婆亦是佛邦，何必遠離故國？二者，十方無盡佛刹，若為偏向西方？故徵其繇。今融而答之，復有三義：一者，或有國土，人畜鬼獄之所共居，未必皆人故。二者，或有國土，雖純人所居，未必皆善故。三者，或有國土，雖純善人所居，未必皆上善故。今曰諸上善人，則不獨為人中之善，亦復善中之善也。如上所列聲聞菩薩，乃至補處，此等諸上善人，今得往生，即與俱會一處。所謂：觀音勢至，把手共行，文殊普賢，親為勝友。喻如登龍與瀛，世所希故。是以，大士求登蓮錄，況復凡夫。卜居猶擇里仁，矧云學道，如斯勝會，可勿願歟？

(演)登龍者，東漢李膺，尚氣節孤高峻白，少所交游。人被其容接者，以為登龍門云。與瀛者，唐太宗開宏文館，以杜如晦等，十八人為學士。人羨其榮，以為瀛州之選。大士求登蓮錄者，長蘆蹟禪師建蓮社。一夕，夢一人烏巾白衣，風貌清美。揖而曰：願入蓮社，乞書一名。蹟問：何名？曰：普慧。又云：家兄普賢，亦乞書名。覺而，思華嚴有二菩薩名，遂以為蓮錄之首。卜居猶擇里仁者，孔子云：里仁為美，擇不處仁，焉得智？

(Sao: Gạn hỏi là vì có hai ý nghĩa: “Một là Sa Bà cũng là cõi Phật, có gì cứ phải xa lìa nước cũ? Hai là mười phương cõi Phật vô tận; vì sao thiên trọng Tây Phương?” Vì thế, gạn hỏi nguyên do. Nay dùng hội để đáp thì lại có ba nghĩa:

- Một là hoặc có những cõi nước là nơi người, súc sanh, quỷ, địa ngục cùng ở, [chúng sanh trong ấy] chưa chắc đã đều là người.

- Hai là cũng có quốc độ, tuy thuần là người cư trú, nhưng chưa

chắc đã đều là thiện nhân.

- Ba là hoặc có quốc độ, tuy thuần là người lành cư trụ, nhưng chưa chắc đã đều là bậc thượng thiện.

Nay nói “chư thượng thiện nhân” tức là không chỉ là người lành, mà còn là người lành nhất trong các người lành. Trong phần trên, [kinh văn đã] kể ra những vị Thanh Văn, Bồ Tát, cho đến hàng Bồ Xứ; đối với các bậc thượng thiện nhân như vậy, nay đã được vãng sanh, bèn liền cùng tụ hội một chỗ với họ. Đó gọi là “Quán Âm, Thế Chí nắm tay nhau cùng đi, Văn Thù, Phổ Hiền đích thân làm bạn thù thắng”. Ví như lên Long Môn, dựa vào Doanh Châu, hiếm có trong cõi đời. Do vậy, bậc đại sĩ còn xin ghi tên vào sổ sen, hướng hồ phàm phu! Chọn chỗ ở còn lựa lảng giềng nhân từ, hướng hồ học đạo! Hội thù thắng như thế, há có thể chẳng nguyện [sanh về đó] ư?

Diễn: “Lên Long Môn” là nói tới Lý Ứng thời Đông Hán, khí tiết cao thượng, không xu nịnh, thanh khiết, ít giao du. Người được ông ta chấp nhận, coi như được lên Long Môn (tức là cá vượt Long Môn hóa rồng). “Dựa vào Doanh Châu”: Đường Thái Tông mở Hoàng Văn Quán, chọn mười tám người như ông Đỗ Như Hối v.v... làm Học Sĩ. Người ta hâm mộ vinh dự ấy, coi như họ được tuyển vào Doanh Châu (nơi thần tiên ở).

“Bậc đại sĩ còn xin ghi tên vào sổ sen”: Thiền sư Trường Lô Trách lập liên xã. Một đêm, Sư mộng thấy một người mũ đen, áo trắng, phong thái, dung mạo thanh tú, đẹp đẽ. [Người ấy] vái chào, thưa: “Tôi muốn tham gia liên xã, xin cho ghi danh một chỗ”. Ngài Lô Trách hỏi tên là gì? Thưa là Phổ Huệ. Lại nói: “Gia huynh là Phổ Hiền cũng xin ghi tên”. Tỉnh giấc, nghĩ tới kinh Hoa Nghiêm có tên hai vị Bồ Tát ấy, liền ghi tên hai Ngài đứng đầu sổ liên hữu.

“Chọn chỗ ở còn lựa lảng giềng nhân từ”: Không Tử nói: “Lảng giềng nhân từ là điều tốt đẹp, chẳng chọn ở chung với người nhân từ sao gọi là trí được?”)

(Sớ) Vấn: Sanh Cực Lạc giả, kỳ loại bất nhất, hà đắc khái xưng thượng thiện? Đáp: Dĩ giai đắc bất thoái chuyển cố.

(Sao) Loại bất nhất giả, vị hữu thánh, hữu phàm, hữu đại, hữu tiểu, thượng, trung, hạ phẩm, phận vị trật nhiên. Nãi lược kỳ trung, hạ, khái viết thượng thiện, cố vị thử nạn. Kim minh chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí, tắc cứu cánh giai thành Vô Thượng Chánh Giác, thị Phật cảnh giới, cố vô biệt dã.

(疏)問：生極樂者，其類不一，何得概稱上善？答：以皆得不退轉故。

(鈔)類不一者，謂有聖有凡，有大有小，上中下品，分位秩然。乃略其中下，概曰上善，故為此難。今明眾生生者，皆是阿鞞跋致，則究竟皆成無上正覺，是佛境界，故無別也。

(Sớ: Hỏi: “Người sanh về Cực Lạc thuộc nhiều loại khác nhau, há nên nhất loạt gọi là thượng thiện?” Đáp: Do đều đắc bất thoái chuyển.

Sao: “Chủng loại chẳng phải chỉ có một”, có nghĩa là có thánh, có phàm, có đại căn, có tiểu căn, thượng phẩm, trung phẩm, hạ phẩm, phân chia địa vị theo trật tự rành rành. Do bỏ qua trung căn và hạ căn, cứ nhất loạt nói là thượng thiện, cho nên mới cất vấn chuyện này. Nay nói rõ chúng sanh vãng sanh đều là A Bệ Bạt Trí; vì thế, họ rút ráo đều thành Vô Thượng Chánh Giác, là cảnh giới của Phật. Vì lẽ đó, chẳng khác biệt gì).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vạn thiện đồng quy, thị đồng hội nhất xứ nghĩa.

(Diễn) Vạn thiện đồng quy giả, Hằng sa Tánh Đức bất ly Chân Như, thị tánh thiện đồng quy dã. Tòng tánh khởi tu, toàn tu tức tánh, tắc tu thiện diệc đồng quy hĩ. Bất đạt thử lý, xả thử ác tu, xu bỉ thiện tu, khả vị khí chân trực vọng, Đông Tây trì tảo dã.

(Sao) Bách xuyên hội ư nhất hải, chúng cảnh hội ư nhất không, chư thượng thiện nhân, bất hội thử chi nhất xứ, nhi tương hê hội.

(疏)稱理，則自性萬善同歸，是同會一處義。

(演)萬善同歸者，恆沙性德不離真如，是性善同歸也。從性起修，全修即性，則修善亦同歸矣。不達此理，捨此惡聚，趨彼善聚，可謂棄真逐妄，東西馳走也。

(鈔)百川會於一海，眾景會於一空，諸上善人，不會此之一處，而將奚會。

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh vạn thiện đồng quy là ý nghĩa “ở cùng một chỗ”.

Diễn: “Vạn thiện đồng quy”: Hằng sa tánh đức chẳng lìa Chân Như chính là cùng quy vào các điều thiện nơi tánh. Từ tánh khởi tu, toàn

thể tu chính là tánh, cho nên tu thiện cũng đồng quy vậy. Chẳng thông đạt lý này, bèn bỏ ác tu này, hướng đến thiện tu kia, có thể nói “vứt chân, đuổi theo vọng”, rảo chạy Đông, Tây!

Sao: Trăm sông hội tụ trong một biển, các cảnh hội quy một hư không, các vị thượng thiện nhân chẳng tụ hội trong một chỗ này, sẽ nhóm về chỗ nào đây?)

Nhị, khởi hạnh (nhị): Sơ, giản dư hạnh. Nhị, thị chánh hạnh.

Sơ, giản dư hạnh.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc.

(Sớ) Thừa thượng ngôn “phàm quần dị tợ, thiện tụ nan thân”, hà huống tối thượng thiện nhân chi hội, khởi khả dĩ thiếu thiện, thiếu phước nhi đắc sanh dã? Ư trung, Linh Chi dĩ thiện căn vi chánh hạnh, thuộc chi trì danh, dĩ phước đức vi trợ hạnh, thuộc chi Tịnh nghiệp tam phước. Hải Đông, tắc tổng dĩ đa thiện đa phước vi chánh hạnh, vân thị phát Bồ Đề tâm, dĩ thiếu thiện thiếu phước vi trợ hạnh, vân thị chấp trì danh hiệu. Nhị nghĩa tương vi, kim song vị hòa hội. Vị dục sanh bỉ quốc, tu đa thiện, đa phước. Kim trì danh, nãi thiện trung chi thiện, phước trung chi phước, chánh sở vị phát Bồ Đề tâm, nhi vị sanh bỉ quốc chi đại nhân duyên dã.

(Sao) Tương vi giả, nhất dĩ trì danh thuộc chánh, nhất dĩ trì danh thuộc trợ; nhị thuyết mâu thuẫn, nhi thử kinh đại chỉ, chánh trọng trì danh. Nhược trì danh vi trợ hạnh, tắc hạ văn “văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu”, nghĩa vân hà thông? Trợ hạnh trì danh, đoán vô thứ lý. Hựu Linh Chi dĩ Quán Kinh tam phước phối thử phước đức, tắc đệ tam phước phát Bồ Đề tâm nãi thành trợ hạnh, dữ Hải Đông Bồ Đề tâm vi chánh hạnh, nhị diệc mâu thuẫn. Nhi Quán Kinh dĩ tam phước vi Tịnh nghiệp chánh nhân, tắc trợ hạnh Bồ Đề, diệc vô thứ lý. Kim song vị hòa hội giả, hoàn dĩ trì danh vi chánh hạnh, phục dĩ trì danh vi phát Bồ Đề tâm, tắc song thủ lưỡng gia, nhi hòa hội kỳ nghĩa dã.

(Diễn) Mâu thuẫn giả, Mâu thị sanh qua chi thuộc, Thuần can dã, bài dã. Tích nhân song mại nhị vật, các thán kỳ thắng, vị thuần vân: “Mâu thích bất nhập”, vị: “Mâu năng xuyên thập trùng chi thuẫn”. Trí giả vị viết: “Ngã mĩ nhữ mâu hoàn thích nhữ thuẫn”. Nhập dữ bất nhập, câu vô từ hỹ. Nhi thử kinh đại chỉ hạ, tiên phá Hải Đông hứa Linh Chi; hựu Linh hạ, thử phá Linh Chi dữ Hải Đông.

Quán Kinh tam phước, vì Tịnh nghiệp chánh nhân giả, văn vân: “Dục sanh bỉ quốc giả, đương tu tam phước: Nhất giả, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp. Nhị giả, thọ trì Tam Quy, cù túc chúng giới, bất phạm oai nghi. Tam giả, phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả. Thử tam chủng nghiệp, thị tam thể chư Phật tịnh nghiệp chánh nhân”. Hoàn dĩ trì danh vi chánh hạnh, thị thủ Linh Chi nhất bán. Phục dĩ trì danh vi phát Bồ Đề tâm, thị thủ Hải Đông nhất bán. Đồng quý chấp trì danh hiệu, tắc hòa hội kỳ nghĩa dã.

二、起行 (二)：初、揀餘行。二、示正行。

初、揀餘行。

(經)舍利弗！不可以少善根福德因緣，得生彼國。

(疏)承上言凡群易就，善聚難親，何況最上善人之會，豈可以少善，少福而得生也？於中，靈芝以善根為正行，屬之持名，以福德為助行，屬之淨業三福。海東，則總以多善多福為正行，云是發菩提心，以少善少福為助行，云是執持名號。二義相違，今雙為和會。謂欲生彼國，須多善多福。今持名，乃善中之善，福中之福，正所謂發菩提心，而為生彼國之大因緣也。

(鈔)相違者，一以持名屬正，一以持名屬助；二說矛盾，而此經大旨，正重持名。若持名為助行，則下文聞說阿彌陀佛，執持名號，義云何通？助行持名，斷無此理。又靈芝以觀經三福配此福德，則第三福發菩提心乃成助行，與海東菩提心為正行，二亦矛盾。而觀經以三福為淨業正因，則助行菩提，亦無此理。今雙為和會者，還以持名為正行，復以持名為發菩提心，則雙取兩家，而和會其義也。

(演)矛盾者，矛是鎗戈之屬，盾干也，排也。昔人雙賣二物，各歎其勝，謂盾云：矛刺不入，謂：矛能穿十重之盾。智者謂曰：我買汝矛還刺汝盾。入與不入，俱無詞矣。而此經大旨下，先破海東許靈芝；又靈下，次破靈芝

與海東。觀經三福，為淨業正因者，文云：欲生彼國者，當修三福：一者，孝養父母，奉事師長，慈心不殺，修十善業。二者，受持三皈，具足眾戒，不犯威儀。三者，發菩提心，深信因果，讀誦大乘，勸進行者。此三種業，是三世諸佛淨業正因。還以持名為正行，是取靈芝一半。復以持名為發菩提心，是取海東一半。同歸執持名號，則和會其義也。

(Hai là khởi hạnh (gồm hai phần): Một là phân biệt với các hạnh khác. Hai là chỉ bày chánh hạnh.

Trước tiên là phân biệt với các hạnh khác.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy.*

Sớ: *Nói tiếp ý đã nói trong phần trên: “Lũ phàm dễ nhóm, người lành tụ hội khó thân cận”, hướng hồ là bậc thiện nhân tối thượng tụ họp. há có thể nào do chút thiện, chút phước mà được vãng sanh ư? Trong ấy, ngài Linh Chi coi thiện căn là chánh hạnh thuộc về trì danh, coi phước đức là trợ hạnh, thuộc về ba phước trong Tịnh nghiệp. Ngài Hải Đông gộp chung “nhiều thiện, nhiều phước” thành chánh hạnh, bảo đó là phát Bồ Đề tâm; coi “ít thiện, ít phước” là trợ hạnh, bảo đó là chấp trì danh hiệu. Hai nghĩa trái nghịch! Nay hòa hợp, dung hội hai thuyết ấy; nghĩa là muốn sanh về cõi ấy, cần phải có nhiều thiện, nhiều phước. Nay trì danh chính là điều thiện nhất trong các điều thiện, là điều phước nhất trong các điều phước, chính là “phát Bồ Đề tâm” như [ngài Hải Đông] đã nói, là đại nhân duyên để sanh về cõi ấy.*

Sao: *“Trái nghịch”: Một thuyết coi trì danh là chánh hạnh; thuyết kia coi trì danh là trợ hạnh. Hai thuyết mâu thuẫn, nhưng ý chỉ chánh yếu của kinh này là chuyên chú trọng trì danh. Nếu trì danh là trợ hạnh thì phần kinh văn kể đó nói “nghe nói tới A Di Đà Phật, bèn chấp trì danh hiệu”, giải thích ý nghĩa thế nào cho suông sẽ được? Coi trì danh là trợ hạnh, quyết chẳng có lẽ này!*

Ngài Linh Chi lại coi ba phước trong Quán Kinh là “phước đức” được nói trong kinh [A Di Đà] này, vậy thì “phát Bồ Đề tâm” trong phước thứ ba trở thành trợ hạnh, cũng mâu thuẫn với chuyện ngài Hải Đông coi Bồ Đề tâm là chánh hạnh. Nhưng Quán Kinh coi tam phước là chánh nhân của Tịnh nghiệp, vậy thì nếu coi Bồ Đề là trợ hạnh cũng là vô lý.

Nay nhằm hòa hợp, dung hội cả hai thuyết, vẫn coi trì danh là chánh hạnh, lại coi trì danh là phát Bồ Đề tâm, tức là sử dụng ý kiến của cả hai vị, dung hợp, hòa hội các nghĩa ấy.

Diễn: “Mâu thuẫn”: Mâu [là vũ khí để đâm] thuộc loại giáo, mác. Thuần là [dụng cụ để] ngăn lại, gạt đỡ. Xưa kia, có kẻ bán hai vật là mâu và thuẫn, đối với mỗi món đều ca ngợi sự tuyệt diệu của chúng, bảo cái thuẫn ấy “mâu đâm chẳng thủng”, cái mâu thì “có thể xuyên thủng mười tầng thuẫn”. Người có trí bảo: “Tôi mua cái mâu của ông rồi đâm cái thuẫn của ông, [thì sao]?” Thủng hay chẳng thủng đều không thể nói gì được nữa!

Từ câu “ý chỉ chánh yếu của kinh này” trở đi, nhằm trước hết đả phá cách lập luận của ngài Hải Đông, chấp thuận thuyết của ngài Linh Chi. Từ “ngài Linh Chi lại coi...” trở đi, kể đến là đả phá lập luận của ngài Linh Chi lẫn ngài Hải Đông.

“Quán Kinh tam phước là chánh nhân Tịnh nghiệp”: Kinh văn ghi: “Người muốn sanh về cõi ấy thì hãy nên tu ba phước: Một là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp. Hai là thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi. Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả. Ba nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật”.

“Đã coi trì danh là chánh hạnh” tức là lấy một nửa thuyết của ngài Linh Chi, “lại coi trì danh là phát Bồ Đề tâm”, tức là lấy một nửa thuyết của ngài Hải Đông. “Cùng quy vào chấp trì danh hiệu” là hòa hợp, dung hội các ý nghĩa ấy).

(Sao) Thiện căn giả, Quán Kinh, tặc như thượng đệ tam phước phát Bồ Đề tâm. Đại Bản, tặc tam bối vãng sanh, giai ngôn phát Bồ Đề tâm. Cứ thử, tặc phát phạm phu tâm, thị vị vô thiện căn. Phát Thanh Văn tâm, bất phát Bồ Đề tâm giả, thị vị thiếu thiện căn dã.

(Diễn) Thiện căn giả hạ, thị tiên thích thiện căn, dẫn nhị kinh phát Bồ Đề tâm giả, chứng Bồ Đề tâm vị thiện căn dã. Phát phạm phu tâm giả, tu Ngũ Giới, Thập Thiện, cầu sanh nhân đạo, thiên trung đẳng, thị vị vô thiện căn giả, dĩ Thập Thiện đẳng thị tam giới hữu lậu nhân quả, bất xuất luân hồi cố. Phát Thanh Văn tâm giả, yếm tứ sanh như trất cốc, khí tam giới như lao ngục, cầu xu Niết Bàn đẳng, thị vị thiếu thiện căn giả, dẫn niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác tam-muội, bất khảng trang nghiêm Phật độ, giáo hóa chúng sanh cố.

(鈔)善根者，觀經，則如上第三福發菩提心。大本，則三輩往生，皆言發菩提心。據此，則發凡夫心，是謂無善根。發聲聞心，不發菩提心者，是謂少善根也。

(演)善根者下，是先釋善根，引二經發菩提心者，證菩提心為善根也。發凡夫心者，修五戒十善，求生人道天中等，是謂無善根者，以十善等是三界有漏因果，不出輪迴故。發聲聞心者，厭四生如桎梏，棄三界如牢獄，求趨涅槃等，是謂少善根者，但念空無相無作三昧，不肯莊嚴佛土，教化眾生故。

(Sao: “Thiện căn”: Theo Quán Kinh thì [thiện căn] là “phát Bồ Đề tâm” trong phước thứ ba như đã dẫn trên đây. Theo Đại Bản thì đối với ba bậc vãng sanh, đều nói là “phát Bồ Đề tâm”. Dựa theo đó, hễ phát khởi cái tâm phàm phu, sẽ gọi là “chẳng có thiện căn”. Phát tâm Thanh Văn, chẳng phát tâm Bồ Đề, sẽ được gọi là “ít thiện căn”.

Diễn: Từ chữ “thiện căn” trở đi, trước hết giải thích chữ Thiện Căn. Dẫn hai kinh cùng nói “phát Bồ Đề tâm” để chứng minh Bồ Đề tâm là thiện căn. “Phát phàm phu tâm” là tu Ngũ Giới, Thập Thiện, cầu sanh trong nhân gian hoặc cõi trời, thì sẽ được gọi là “chẳng có thiện căn”, vì Thập Thiện v.v... là nhân quả hữu lậu trong tam giới, chẳng thoát khỏi luân hồi. “Phát Thanh Văn tâm” là chán ngán tứ sanh như gông cùm, vứt bỏ tam giới như lao ngục, cầu hướng đến Niết Bàn v.v... thì gọi là “ít thiện căn”, vì chỉ niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác tam-muội, chẳng chịu trang nghiêm cõi Phật, giáo hóa chúng sanh).

(Sao) Phước đức giả, Quán Kinh, tắc hiệu dưỡng phụ mẫu đẳng; Đại Bản, tắc tu chư công đức đẳng. Cữ thủ, tắc Thí, Giới đẳng, nãi chí lập tự, tạo tượng, thiên tụng, khổ hạnh, nhất thiết phước nghiệp, xả trí bất tác, thị vị vô phước đức. Đản tác thử phước, chủng nhân thiên tiểu quả hữu lậu chi nhân, thị vị thiếu phước đức dã.

(Diễn) Phước đức giả hạ, thị thứ thích phước đức, dẫn nhị kinh, hiệu dưỡng phụ mẫu, tu chư công đức, chứng phước đức dã. Nhất thiết bất tác, thị vị vô phước đức giả, sở vị sanh bất tu phước, tử quy khổ thú dã. Đản tác thử phước, chủng hữu lậu nhân, thị vị thiếu phước đức giả, sở vị “tu phước, bất tu huệ; phước tận, hoàn trầm luân”, thị dã.

(鈔)福德者，觀經，則孝養父母等；大本，則修諸功德等。據此，則施戒等，乃至立寺造像禪誦苦行，一切福業，捨置不作，是謂無福德。但作此福，種人天小果有漏之因，是謂少福德也。

(演)福德者下，是次釋福德，引二經，孝養父母，修諸功德，證福德也。一切不作，是謂無福德者，所謂生不修福，死歸苦趣也。但作此福，種有漏因，是謂少福德者，所謂修福不修慧；福盡還沉淪，是也。

(Sao: “Phước đức”: Xét theo Quán Kinh, bèn là hiếu dưỡng cha mẹ v.v... Xét theo Đại Bản, sẽ là tu các công đức v.v... Xét theo đó, Thí, Giới v.v... cho đến lập chùa, tạc tượng, thiền tập, tụng niệm, khổ hạnh, hết thấy phước nghiệp đều buông bỏ chẳng làm, sẽ gọi là “không có phước đức”. Chỉ làm những phước ấy, sẽ là gieo cái nhân hữu lậu tiểu quả trong cõi trời người, cho nên gọi là “ít phước đức”).

Diễn: Từ chữ “phước đức” trở đi là tiếp theo đó, để giải thích phước đức bèn trích dẫn hai kinh. Dùng “hiếu dưỡng phụ mẫu, tu các công đức” để chứng phước đức. “Hết thấy chẳng làm bèn gọi là không có phước đức”: Ý nói sống chẳng tu phước, chết sẽ trở về đường khổ. Nhưng “chỉ làm các phước ấy, tức là gieo cái nhân hữu lậu, bèn nói là ít phước đức”: Nói “tu phước, chẳng tu huệ; phước hết, vẫn trầm luân” chính là chỉ điều này).

(Sao) **Thiện trung thiện giả, tự hữu ngũ nghĩa, dĩ cụ Trí Luận ngũ Bồ Đề tâm cố.** Nhất, phát tâm Bồ Đề, vị ư vô lượng sanh tử trung, phát đại Bồ Đề tâm dã; nhị trì danh, chánh ư phàm phu sanh tử tâm trung, khởi Đại Giác cố. Nhị, phục tâm Bồ Đề, vị đoạn chư phiền não, hàng phục kỳ tâm dã; nhị trì danh, tặc chánh niệm tài chương, phiền não tự diệt cố. Tam, minh tâm Bồ Đề, vị liễu đạt chư pháp Thật Tướng dã; nhị trì danh, chánh tức thử nhất tâm, minh liễu nhất thiết chư pháp Thật Tướng cố. Tứ, xuất đạo Bồ Đề, vị đắc Vô Sanh Nhãn, xuất tam giới, đạo Tát Bà Nhã dã; nhị trì danh, tức đắc nhất, nhị, tam nhãn, tiếp siêu sanh tử, xu Nhất Thiết Trí cố. Ngũ, Vô Thượng Bồ Đề, vị tọa đạo tràng, thành tối Chánh Giác dã; nhị trì danh, tặc đắc bất thoái chuyển địa, trực chí thành Phật cố.

(Diễn) **Thiện trung thiện hạ, thị thích trì danh, nãi thiện trung**

thiện. Phát tâm Bồ Đề, tức thị Viên Giáo Ngũ Phẩm vị. Thử sở phát chỉ tâm, tức thị tùy hỷ tâm. Diệu tâm thể cụ như Như Ý Châu. Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt. Thử tâm tức Không, tức Giả, tức Trung. Sơ tâm tri thử khánh kỷ, khánh nhân, sở vị: “Ư sanh tử trung, phát Đại Bồ Đề tâm” dã. Phục tâm Bồ Đề, tức thị Viên Giáo Sơ Tín chí Thất Tín vị. Dĩ Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, tòng Nhị Tín chí Thất Tín, đoạn Tư Hoặc tận, sở vị: “Đoạn chư phiền não, hàng phục kỳ tâm” dã. Minh tâm Bồ Đề, tức thị Viên Giáo Thập Tín mãn tâm, nhập Sơ Trụ vị. Thử vị chứng nhất tâm tam trí, dĩ song vong chỉ lực tri tịch diệt tướng, dĩ song chiếu chỉ lực, tri chủng chủng tướng mạo, sở vị: “Liễu đạt chư pháp Thật Tướng” dã. Xuất đạo Bồ Đề, tức thị Viên Giáo Sơ Địa chí Bát Địa vị. Dĩ Sơ Địa thử đắc Pháp Nhân quang minh, chí Bát Địa phương danh “chân đắc Vô Sanh Pháp Nhân”, vị thâm hạnh Bồ Tát. Nan khả tri, vô sai biệt, ly nhất thiết tướng, nhất thiết tướng, nhất thiết chấp trước. Nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật sở bất năng cập. Ly chư huyền tránh, tịch diệt hiện tiền, sở vị: “Xuất tam giới, đạo Tát Bà Nhã” dã. Vô Thượng Bồ Đề, thị Viên Giáo Diệu Giác vị, vĩnh biệt vô minh phụ mẫu, cứu cánh đăng Niết Bàn sơn đỉnh. Dĩ hư không vi tòa, thành thanh tịnh Pháp Thân, cư Thường Tịch Quang độ, vi Viên Giáo Phật tướng; sở vị: “Tọa đạo tràng, thành tối Chánh Giác” dã.

(鈔)善中善者，自有五義，以具智論五菩提心故。一、發心菩提，謂於無量生死中，發大菩提心也；而持名，正於凡夫生死心中，起大覺故。二、伏心菩提，謂斷諸煩惱，降伏其心也；而持名，則正念纔彰，煩惱自滅故。三、明心菩提，謂了達諸法實相也；而持名，正即此一心，明了一切諸法實相故。四、出到菩提，謂得無生忍，出三界，到薩婆若也；而持名，即得一二三忍，捷超生死，趨一切智故。五、無上菩提，謂坐道場，成最正覺也；而持名，則得不退轉地，直至成佛故。

(演)善中善下，是釋持名，乃善中善。發心菩提，即是圓教五品位。此所發之心，即是隨喜心。妙心體具如如意珠。心佛及眾生，是三無差別。此心即空即假即中。初心知此慶己慶人，所謂：於生死中，發大菩提心也。伏心

菩提，即是圓教初信至七信位。以初信斷見惑，從二信至七信，斷思惑盡，所謂：斷諸煩惱，降伏其心也。明心菩提，即是圓教十信滿心，入初住位。此位證一心三智，以雙亡之力知寂滅相，以雙照之力，知種種相貌，所謂：了達諸法實相也。出到菩提，即是圓教初地至八地位。以初地始得法忍光明，至八地方名真得無生法忍，為深行菩薩。難可知，無差別，離一切相，一切想，一切執著。一切聲聞辟支佛所不能及。離諸喧諍，寂滅現前，所謂：出三界，到薩婆若也。無上菩提，是圓教妙覺位，永別無明父母，究竟登涅槃山頂。以虛空為座，成清淨法身，居常寂光土，為圓教佛相；所謂：坐道場，成最正覺也。

(Sao: Điều lành nhất trong các điều lành, tự có năm nghĩa, do đây đủ năm thứ tâm Bồ Đề như Đại Trí Độ Luận đã nói:

- Một là phát tâm Bồ Đề, nghĩa là trong vô lượng sanh tử, phát đại Bồ Đề tâm; mà trì danh chính là từ trong cái tâm sanh tử phàm phu, dấy lên Đại Giác.

- Hai là phục tâm Bồ Đề, nghĩa là đoạn các phiền não, hàng phục cái tâm này; nhưng trì danh thì chánh niệm mới vừa tỏ lộ, phiền não tự diệt.

- Ba là minh tâm Bồ Đề, ý nói “liễu đạt Thật Tướng của các pháp”; nhưng trì danh chính là cái tâm này, do hiểu rõ Thật Tướng của hết thấy các pháp.

- Bốn là xuất đảo Bồ Đề, nghĩa là đắc Vô Sanh Nhân, thoát khỏi thế giới, đạt đến Tát Bà Nhã; nhưng do trì danh bèn đắc một thứ nhân, hai thứ nhân, hoặc ba thứ nhân, nhanh chóng vượt thoát sanh tử, hướng đến Nhất Thiết Trí.

- Năm là Vô Thượng Bồ Đề, nghĩa là ngôi nơi đạo tràng, thành Chánh Giác cao tột; nhưng do trì danh bèn đắc địa vị bất thoái chuyển, tiến thẳng đến thành Phật.

Diễn: Từ “điều lành nhất trong các điều lành” trở đi nhằm giải thích trì danh chính là điều lành nhất trong các điều lành.

Phát tâm Bồ Đề chính là địa vị Ngũ Phẩm trong Viên Giáo. Cái tâm đã phát ấy chính là tâm tùy hỷ. Thể của diệu tâm trọn đủ giống như Như Ý Châu. Tâm, Phật, chúng sanh là ba thứ chẳng sai biệt. Tâm ấy chính là Không, chính là Giả, chính là Trung. Hàng sơ tâm biết điều này

bền mừng cho mình, mừng cho người, đó gọi là “ở trong sanh tử mà phát đại Bồ Đề tâm”.

Phục tâm Bồ Đề chính là địa vị từ Sơ Tín cho tới Thất Tín trong Viên Giáo. Do Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc, từ Nhị Tín cho đến Thất Tín đoạn sạch Tư Hoặc, nên nói là “đoạn các phiền não, hàng phục cái tâm”.

Minh tâm Bồ Đề chính là viên mãn tâm Thập Tín trong Viên Giáo, dự vào địa vị Sơ Trụ. Địa vị này chứng nhất tâm, tam trí, dùng sức song vong để biết tướng tịch diệt, dùng sức song chiếu để biết các thứ tướng mạo. Đó gọi là “liễu đạt Thật Tướng của các pháp”.

Xuất đạo Bồ Đề chính là địa vị từ Sơ Địa cho tới Bát Địa trong Viên Giáo. Do Sơ Địa mới đắc Pháp Nhãn quang minh, đạt đến Bát Địa mới gọi là “thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhãn”, là bậc Bồ Tát hạnh sâu. Khó thể biết, chẳng có sai biệt, lìa hết thấy tướng, hết thấy tướng, và hết thấy chấp trước; hết thấy Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể sánh bằng. Lìa các thứ ồn ào, tranh luận, tịch diệt hiện tiền, đó gọi là “thoát khỏi tam giới, đạt đến Nhất Thiết Chứng Trí”.

Vô Thượng Bồ Đề là địa vị Diệu Giác trong Viên Giáo, vĩnh biệt cha mẹ vô minh, rốt ráo lên đỉnh núi Niết Bàn. Lấy hư không làm tòa, thành tựu thanh tịnh Pháp Thân, ngự trong cõi Thường Tịch Quang. Đây chính là Phật tướng trong Viên Giáo vậy. Đó gọi là “ngôi đạo tràng, thành Chánh Giác cao tột”).

(Sao) Hựu Hải Đông Sớ dẫn Bồ Tát Tâm Địa Phẩm vân: “Chư Bồ Tát sơ phát tâm, năng nhiếp nhất thiết Bồ Đề phần pháp, thù thắng thiện căn”. Du Già đệ tam thập thất vân: “Bồ Tát sở tập thiện căn, dĩ thuần nhất tịnh diệu tín tâm, hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Lương Nhiếp đệ thập vân: “Sở tác thiện căn, tất dĩ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề, tác giai dĩ Bồ Đề vi thiện căn”, nhi kim kinh trì danh, chánh hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề chi thiện căn dã. Dĩ A Di Đà Phật, tức Vô Thượng Bồ Đề cố, thị tác thiện trung chi thiện, danh đa thiện dã.

(Diễn) Hựu Hải Đông Sớ hạ, dẫn chứng Bồ Đề tức thiện căn, A Di Đà tức Vô Thượng Bồ Đề giả, dĩ A Di Đà Phật tức đương nhân giác thể dã.

(鈔) 又海東疏引菩薩心地品云：諸菩薩初發心，能攝一切菩提分法，殊勝善根。瑜伽第三十七云：菩薩所集善

根，以純一淨妙信心，回向無上菩提。梁攝第十云：所作善根，悉以回向無上菩提，則皆以菩提為善根，而今經持名，正回向無上菩提之善根也。以阿彌陀佛，即無上菩提故，是則善中之善，名多善也。

(演)又海東疏下，引證菩提即善根，阿彌陀即無上菩提者，以阿彌陀佛即當人覺體也。

(Sao: Hải Đông Sớ lại dẫn phẩm Bồ Tát Tâm Địa như sau: “Các vị Bồ Tát sơ phát tâm có thể nhiếp hết thấy các pháp thuộc về Bồ Đề, thiện căn thù thắng”. Luận Du Già Sư Địa quyển ba mươi bảy chép: “Thiện căn được tu tập bởi hàng Bồ Tát là dùng tín tâm thuần nhất, tịnh diệu để hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Nhiếp Đại Thừa Luận, bản dịch đời Lương, quyển mười có nói: “Đối với các thiện căn đã làm, đều đem hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề”. Vậy thì đều coi Bồ Đề là thiện căn, nhưng pháp trì danh trong kinh này chính là thiện căn hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề vậy. Do A Di Đà Phật chính là Vô Thượng Bồ Đề, là điều thiện tốt cùng trong các điều thiện, cho nên gọi là “nhiều thiện căn”.

Diễn: Từ “lại nữa, Hải Đông Sớ” trở đi, dẫn chứng Bồ Đề chính là thiện căn, A Di Đà Phật chính là giác thể của mỗi người).

(Sao) Phước trung phước giả, diệc hữu nhị nghĩa: Nhất giả, Di Đà nãi vạn đức danh hiệu, nhất danh tài cử, vạn đức tề viên; bất kỳ u phước, phước dĩ bị cố. Nhị giả, dĩ trì niệm lực, tự nhiên chư ác bất tác, chúng thiện phụng hành, dĩ chi tu phước, phước dĩ tập cố. Thị tắc phước trung chi phước, danh đa phước dã.

(Diễn) Phước trung phước giả hạ, thích trì danh nãi phước trung phước, diệc hữu nhị nghĩa giả: Nhất, wóc trì danh, tức tu phước nghĩa. Nhị, wóc trì danh, dĩ tập phước nghĩa. Nhất danh tài cử, vạn đức tề viên giả, như tiền văn: “Trì danh tức trì thủ nhất tâm”. Nhất tâm chi trung, thường, lạc, ngã, tịnh nghĩa, thanh lương bất biến nghĩa đẳng, hà đức bất cụ da? Dĩ chi tu phước, phước dĩ tập giả, tức nhất tâm trì danh, tắc vạn thiện phổ hội, chúng ác tận tiêu. Dĩ thủ vô ác cụ thiện chi tâm tu phước, tắc chúng phước giai xu, bất lao công dụng cố.

(鈔)福中福者，亦有二義：一者，彌陀乃萬德名號，一名纔舉，萬德齊圓；不期於福，福已備故。二者，以持

念力，自然諸惡不作，眾善奉行，以之修福，福易集故。是則福中之福，名多福也。

(演)福中福者下，釋持名乃福中福。亦有二義者：一、約持名，即修福義。二、約持名，易集福義。一名纔舉，萬德齊圓者，如前云：持名即持此一心。一心之中，常樂我淨義，清涼不變義等，何德不具耶？以之修福，福易集者，即一心持名，則萬善普會，眾惡盡消。以此無惡具善之心修福，則眾福皆趨，不勞功用故。

(Sao: “Phước cao nhất trong các phước” cũng có hai nghĩa: Một, Di Đà chính là danh hiệu vạn đức. Vừa xưng danh một tiếng, vạn đức đều viên mãn; chẳng cầu phước, mà phước đã trọn đủ. Hai là do sức trì niệm, tự nhiên chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, coi đó là tu phước. Do phước dễ gom nhóm, nên là phước cao nhất trong các điều phước. Vì vậy, gọi là “nhiều phước”).

Diễn: Từ “phước cao nhất trong các điều phước” trở đi, giải thích trì danh chính là phước cao nhất trong các phước. “Cũng có hai nghĩa”: Một là xét theo nghĩa trì danh chính là tu phước. Hai là xét theo nghĩa trì danh sẽ dễ gom góp phước. “Vừa xưng danh một tiếng, muôn đức đều viên mãn”: Như trên đã nói, “trì danh là trì nhất tâm này”, trong nhất tâm có các nghĩa “thường, lạc, ngã, tịnh”, nghĩa thanh lương bất biến v.v... có đức nào mà chẳng trọn đủ ư? “Dùng để tu phước thì phước dễ gom nhóm” tức là nhất tâm trì danh thì muôn điều thiện cùng nhóm họp trọn khắp, các điều ác tiêu sạch. Dùng cái tâm “chẳng có ác, trọn đủ điều thiện” ấy để tu phước, ắt các điều phước đều nhóm đến, chẳng phải nhọc sức dụng công).

(Sớ) Nhân duyên giả, Thanh Lương dĩ thân năng phát khởi vi nhân, giả chi trợ phát vi duyên. Kim thử phục hữu nhị nghĩa: Nhất giả, thiện căn vi nhân, phước đức vi duyên. Nhị giả, thiện phước các hữu nhân duyên.

(Diễn) Thân năng phát khởi vi nhân nhị cú, thử ước thân sơ thích nhân duyên dã. Thân năng phát khởi vi nhân, như chủng tử sanh nha, dịch thể sanh khởi, cố viết Thân. Giả chi trợ phát vi duyên, như vũ lộ sanh nha, từng bâng trợ phát, cố viết Sơ.

(疏)因緣者，清涼以親能發起為因，假之助發為緣。

今此復有二義：一者，善根為因，福德為緣。二者，善福各有因緣。

(演)親能發起為因二句，此約親疏釋因緣也。親能發起為因，如種子生芽，觀體生起，故曰親。假之助發為緣，如雨露生芽，從傍助發，故曰疏。

(Sớ: Đối với “nhân duyên”, ngài Thanh Lương coi cái có thể đích thân phát khởi là nhân, cái cây vào để giúp [cho nhân] phát khởi là duyên. Nay điều này lại có hai nghĩa: Một, thiện căn là nhân, phước đức là duyên. Hai là mỗi điều thiện căn và phước đức đều có nhân duyên riêng.

Diễn: Hai câu “đích thân phát khởi là nhân” chính là dựa theo quan hệ thân hay sơ để giải thích Nhân Duyên. “Đích thân có thể phát khởi là Nhân” như hạt giống nảy mầm, do sự sanh khởi gắn liền sát sao với chủ thể, nên gọi là Thân. “Nhờ vào đó để phát khởi là Duyên” là như mưa, sương [giúp cho hạt giống] nảy mầm, do nó ở bên cạnh giúp cho sự phát khởi [được thành tựu], nên gọi là Sơ).

(Sao) Thiện nhân phước duyên giả, Bồ Đề thiện căn, nhập đạo chánh nhân, như chư kinh ngôn: “Bất phát Chánh Giác Bồ Đề chi tâm, tuy hành lục độ, vạn hạnh, kinh Hằng sa kiếp, chung bất thành Phật”. Cố tri vạn thiện chi sở căn bản, thị chi vị Nhân. Nhiên tu nhất thiết phước đức, trợ thành Bồ Đề, dĩ phước tế huệ, dĩ Sự thật Lý, phụ dục nhập đạo, thị chi vị Duyên.

(Diễn) Bất phát Chánh Giác Bồ Đề, nãi chí bất đắc thành Phật giả, như kinh vân: “Dĩ sanh diệt tâm vì bốn tu nhân, dục khế Như Lai bất sanh diệt quả, vô hữu thị xứ”. Hựu kinh vân: “Bất phát Bồ Đề tâm, cần tu chư thiện căn, ma sở nhiếp trì. Thị hữu tác nhi tu, đa kiếp chung thành bại hoại”. Vong tâm thể cực, nhất niệm đốn khế Phật gia. Cố tri Bồ Đề nãi vạn thiện chi căn bản dã. Nhiên tu nhất thiết phước đức trợ thành giả, dĩ hữu huệ, vô phước, như điều nhất dục, như xa nhất luân, bất năng phi không, trí viễn. Cố tu nhất thiết phước dĩ trợ thành chi, như Khởi Tín Luận vân: “Liễu tri tự tánh bốn vô xan tham, tùy thuận tu hành Đàn Ba La Mật, nãi chí liễu tri tự tánh bốn vô ngu si, tùy thuận tu hành Bát Nhã Ba La Mật”. Dĩ phước tế huệ, dĩ Sự thật Lý giả, hữu huệ vô phước, huệ nãi thiên khô. Hữu Lý vô Sự, Lý duy không giải. Khô huệ bất tư diệu tánh, không giải hà ích chân tu? Như

tiền Lý Sự song tu, y Bốn Trí nhi cầu Phật Trí, nhiên hậu danh vi đại trí dã.

(鈔)善因福緣者，菩提善根，入道正因，如諸經言：不發正覺菩提之心，雖行六度萬行，經恆沙劫，終不成佛。故知萬善之所根本，是之謂因。然須一切福德，助成菩提，以福濟慧，以事實理，輔翼入道，是之謂緣。

(演)不發正覺菩提，乃至不得成佛者，如經云：以生滅心為本修因，欲契如來不生滅果，無有是處。又經云：不發菩提心，勤修諸善根，魔所攝持。是有作之修，多劫終成敗壞。忘心體極，一念頓契佛家。故知菩提乃萬善之根本也。然須一切福德助成者，以有慧無福，如鳥一翼，如車一輪，不能飛空致遠。故修一切福以助成之，如起信論云：了知自性本無慳貪，隨順修行檀波羅蜜，乃至了知自性本無愚癡，隨順修行般若波羅蜜。以福濟慧，以事實理者，有慧無福，慧乃偏枯。有理無事，理惟空解，枯慧不資妙性，空解何益真修？如前理事雙修，依本智而求佛智，然後名為大智也。

(Sao: “Thiện nhân phước duyên”: Bồ Đề thiện căn là cái nhân chánh yếu để nhập đạo, như các kinh đã nói: “Chẳng phát tâm Bồ Đề Chánh Giác, tuy hành lục độ vạn hạnh trải kiếp số nhiều như cát sông Hằng, trọn chẳng thành Phật”. Vì thế biết căn bản của muôn điều thiện được gọi là Nhân; nhưng cần phải tu hết thấy phước đức để giúp Bồ Đề thành tựu. Dùng phước giúp cho huệ, dùng Sự để thực hiện Lý, giúp đỡ nhập đạo, những điều này gọi là Duyên.

Diễn: Từ “chẳng phát tâm Chánh Giác Bồ Đề” cho đến “chẳng được thành Phật” là như kinh dạy: “Dùng cái tâm sanh diệt làm gốc để tu nhân, mà muốn khế nhập cái quả chẳng sanh diệt của Như Lai, chẳng có lẽ ấy”. Kinh lại nói: “Chẳng phát Bồ Đề tâm, siêng tu các thiện căn, sẽ bị ma nhiếp trì. Đó là tu hữu tác, tu nhiều kiếp rồi rốt cuộc trở thành bại hoại”. Quên tâm, thấu hiểu đến tột cùng, trong một niệm bèn nhanh chóng khế nhập nhà Phật. Vì thế biết Bồ Đề là căn bản của muôn điều thiện vậy. “Nhưng cần phải có hết thấy phước đức giúp cho thành tựu”: Vì có huệ, không có phước, sẽ như chim một cánh, như xe một bánh,

chẳng thể bay lên không hoặc đi xa được! Vì thế, cần phải có hết thấy phước để giúp thành tựu, như Khởi Tín Luận nói: “Biết rõ tự tánh vốn chẳng có keo kiệt, tham lam, tùy thuận tu hành Đàn Ba La Mật, cho đến biết rõ tự tánh vốn chẳng ngu si, tùy thuận tu hành Bát Nhã Ba La Mật”. “Dùng phước để giúp huệ, dùng Sự để thực hiện Lý”: Có huệ mà không có phước thì huệ sẽ lệch lạc, khô khan. Có Lý mà không có Sự, Lý chỉ là sự hiểu biết suông. Không huệ sẽ chẳng thể giúp đỡ diệu tánh, hiểu biết suông có ích gì cho chân tu? Lý và Sự song tu như đã nói trong phần trước, nương vào Bốn Trí để cầu Phật Trí, sau đây mới gọi là đại trí).

(Sao) Các hữu nhân duyên giả, thiện căn, phước đức, kỳ sở điều lai, từng hà phát tâm, quân danh viết nhân. Nhi thiện căn phát khởi, tất hữu chủng chủng thiện duyên vi trợ; phước đức phát khởi, tất hữu chủng chủng phước duyên vi trợ, thị các hữu kỳ duyên dã.

(鈔) 各有因緣者，善根福德，其所繇來，從何發心，均名曰因。而善根發起，必有種種善緣為助；福德發起，必有種種福緣為助，是各有其緣也。

(Sao: “Mỗi điều đều có nhân duyên”: Nguồn cội của thiện căn và phước đức là do phát những tâm nào, [những tâm ấy] đều gọi là “nhân”. Nhưng để thiện căn phát khởi, ắt phải có các thứ thiện duyên giúp đỡ. Để phước đức phát khởi, ắt phải có các thứ phước duyên giúp đỡ. Vì thế, mỗi điều [thiện căn hay phước đức] đều có duyên riêng của nó).

(Sớ) Vấn: “Hà cố Quán Kinh phát Bồ Đề tâm tại đệ tam phước?” **Đáp:** Dĩ phước hữu Sự, Lý, bất chuyên Sự cố.

(Sao) Quán Kinh Tam Phước: Nhất giả, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp. Nhị giả, thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi. Tam giả, phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.

(Diễn) Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, kính thượng dã. Từ tâm bất sát, tiếp hạ dã. Tu Thập Thiện Nghiệp, thân xả tam tà, khẩu ly tứ quá, ý đoạn tam ác dã. Thử cộng phạm phu hành. Tam Quy giả, Phật, Pháp, Tăng dã. Cụ túc chúng giới giả, đạo tục bị thọ vi tế. Bất phạm oai nghi giả, tam thiên tất giai bất khuyết dã. Thử cộng Nhị Thừa hành. Phát Bồ Đề tâm giả, y vô tác cảnh, khởi vô duyên thế, danh phát Bồ Đề tâm. Thật Tướng bất nhị nhị nhị, lập nhân quả thù,

nhị nhi bất nhị, thử chung lý nhất, tín thử nhân quả, phương danh vi thâm. Độc tụng Đại Thừa, tu tam trí giải, vận viên thừa hạnh. Dĩ thử giải hạnh giáo kỳ hành giả, danh vi khuyến tấn. Thử Đại Thừa bất cộng hạnh nghiệp dã.

(疏)問：何故觀經發菩提心在第三福？答：以福有事理，不專事故。

(鈔)觀經三福：一者，孝養父母，奉事師長，慈心不殺，修十善業。二者，受持三歸，具足眾戒，不犯威儀。三者，發菩提心，深信因果，讀誦大乘，勸進行者。

(演)孝養父母，奉事師長，敬上也。慈心不殺，接下也。修十善業，身捨三邪，口離四過，意斷三惡也。此共凡夫行。三皈者，佛法僧也。具足眾戒者，道俗備受微細。不犯威儀者，三千悉皆不缺也。此共二乘行。發菩提心者，依無作境，起無緣誓，名發菩提心。實相不二而二，立因果殊，二而不二，始終理一，信此因果，方名為深。讀誦大乘，修三智解，運圓乘行。以此解行教其行者，名為勸進。此大乘不共行業也。

(Sớ: Hỏi: “Vì sao Quán Kinh xếp phát Bồ Đề tâm vào phước thứ ba?” Đáp: Do phước có Sự và Lý, do chẳng chuyên nơi Sự.

Sao: Tam Phước theo Quán Kinh: Một là hiếu dưỡng với cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp; hai là thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi; ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả.

Diễn: “Hiếu dưỡng với cha mẹ, phụng sự sư trưởng” là tôn kính bề trên. “Từ tâm chẳng giết” là tiếp độ kẻ dưới. Tu Thập Thiện Nghiệp là thân bỏ ba điều tà, miệng lìa bốn điều lỗi, ý đoạn ba sự ác. Những điều này hành chung với phạm phu. Tam Quy là [quy y] Phật, Pháp, Tăng. “Đầy đủ các giới” là đạo hay tục đều thọ đủ mọi lễ vi tế. “Chẳng phạm oai nghi” là ba ngàn oai nghi đều chẳng thiếu khuyết. Điều này hành chung với Nhị Thừa. Phát Bồ Đề tâm là nương vào cảnh vô tác để khởi lên thệ nguyện vô duyên, gọi là phát Bồ Đề tâm. Thật Tướng chẳng hai mà hai, lập thành nhân và quả khác nhau, tuy hai mà một, từ đầu tới cuối lý là một. Tin tưởng nhân quả này thì mới gọi là sâu. Đọc tụng Đại Thừa, tu ba trí giải, vận dụng hạnh thuộc về Viên Giáo. Dùng giải hạnh

ấy để dạy hành giả thì gọi là “khuyến tấn”. Đây là hạnh nghiệp Đại Thừa chẳng cùng chung [với Nhị Thừa hoặc phàm phu]).

(Sao) Nạn vị: “Vân hà phát Bồ Đề tâm, nhi dữ thượng chi nhị giả đồng danh viết phước?” Kim minh phước hữu Sự, Lý. Thử Bồ Đề tâm, thị Bát Nhã trung “như hư không bất khả tư lượng chi phước”, phi Đạt Ma sở xích nhân thiên hữu lậu chi phước dã. Cổ tiền nhị phước do cộng phạm tiểu, thử độc thiện Đại Thừa nhĩ. Nhiên kim sở bất dĩ phối phước, nhi thuộc chi thiện căn giả hà? Lương dĩ thiện chi dữ phước, Biệt chi tắc nhị, Tổng chi tắc nhất. Biệt nhị ngôn chi, tắc Bồ Đề tâm thiên thuộc thiện căn. Tổng nhị ngôn chi, tắc Bồ Đề tâm diệc khả vân phước. Quán Kinh tổng cử, ngôn phước vô ngại.

(Diễn) Vân hà phát Bồ Đề tâm nhi dữ thượng nhị đồng vi phước giả, vị phát Bồ Đề tâm ký thị thiện căn, tắc Quán Kinh tiền nhị ưng danh vi phước, đệ tam phát tâm hà diệc danh phước da? “Kim minh phước hữu Sự Lý” hạ, dĩ phước hữu nhân, thiên, tiểu quả, hữu lậu, hữu vi chi Sự phước. Hữu xứng tánh vô lậu vô vi chi Lý phước. Kim Bồ Đề tâm, chánh thị Bát Nhã kinh trung “bất trụ tướng, như hư không bất khả tư nghị” chi phước, phi hữu vi sự tướng chi phước, cố vô ngại dã. Nhiên kim sở hạ, hựu vấn vân: “Ký Bồ Đề tâm thị như hư không chi Lý phước, kim kinh bất phán quy phước đức, nhi phán quy thiện căn giả hà dã?” Lương dĩ thiện chi dữ phước, khả phân, khả hợp. Phân tắc Bồ Đề thiên thuộc thiện căn; hợp tắc Bồ Đề diệc khả vân phước cố.

(鈔)難謂：云何發菩提心，而與上之二者同名曰福？今明福有事理。此菩提心，是般若中如虛空不可思量之福，非達摩所斥人天有漏之福也。故前二福猶共凡小，此獨擅大乘耳。然今疏不以配福，而屬之善根者何？良以善之與福，別之則二，總之則一。別而言之，則菩提心偏屬善根。總而言之，則菩提心亦可云福。觀經總舉，言福無礙。

(演)云何發菩提心而與上二同為福者，謂發菩提心既是善根，則觀經前二應名為福，第三發心何亦名福耶？今明福有事理下，以福有人天小果有漏，有為之事福。有稱性無漏無為之理福。今菩提心，正是般若經中不住相，如

虛空不可思議之福，非有為事相之福，故無礙也。然今疏下，又問云：既菩提心是如虛空之理福，今經不判歸福德，而判歸善根者何也？良以善之與福，可分可合。分則菩提偏屬善根；合則菩提亦可云福故。

(Sao: Vãn rằng: “Vì sao phát Bồ Đề tâm lại cùng với hai điều trước đều gọi là phước?” Nay nói rõ phước có Sự và Lý. Tâm Bồ Đề này là phước giống như kinh Bát Nhã đã nói “như hư không chẳng thể suy lường”, chẳng phải là loại phước nhân thiên hữu lậu bị tổ Đạt Ma quở trách. Do vậy, đối với hai thứ phước trước, phàm phu và Tiểu Thừa còn có phần, chỉ riêng phước này dành riêng cho hàng Đại Thừa. Nhưng bộ sớ này lại chẳng coi [Bồ Đề tâm] là phước, mà xếp nó vào thiện căn là vì lẽ gì? Ấy là vì thiện và phước, xét theo Biệt thì là hai, xét theo Tổng bèn là một. Nói theo Biệt, Bồ Đề tâm thiên về thiện căn. Nói theo Tổng, cũng có thể nói Bồ Đề tâm là phước. Quán Kinh nói theo Tổng, nên bảo [Bồ Đề tâm] là phước thì chẳng trở ngại gì.

Diễn: “Vì sao coi phát Bồ Đề tâm cũng là phước giống như hai điều trước”, ý nói: Phát Bồ Đề tâm đã là thiện căn, vậy thì hai điều trước trong Quán Kinh đáng nên gọi là phước, vì sao điều thứ ba là phát [Bồ Đề] tâm mà cũng gọi là phước vậy? Từ câu “nay nói rõ phước có Sự và Lý” trở đi: Do phước xét theo mặt Sự thì có nhân, thiên, tiểu quả, hữu lậu, hữu vi... Xét theo Lý thì có loại phước xứng tánh, vô lậu, vô vi. Nay tâm Bồ Đề đúng như kinh Bát Nhã nói, nó là phước chẳng trụ nơi tướng, như hư không chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là phước thuộc sự tướng hữu vi, cho nên vô ngại.

Từ “nay sớ này” trở đi, lại hỏi: “Bồ Đề tâm đã là phước như hư không thuộc về Lý, kinh này chẳng phán định [Bồ Đề tâm] thuộc về phước đức, mà lại phán định nó thuộc về thiện căn, là do lẽ nào?” Ấy là vì thiện và phước có thể tách ra, hay có thể hợp lại. Tách ra thì Bồ Đề tâm riêng thuộc vào thiện căn; hợp lại thì cũng có thể nói Bồ Đề tâm là phước).

(Sao) Vãn: Bảo Tích Đại Bản vân: “Dục kiến Vô Lượng Thọ Phật giả, ưng phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Phục đương chuyên niệm bỉ quốc, tích tập thiện căn”. Tắc Bồ Đề thiện căn, tự vì nhị sự, kim hà trực dĩ thiện căn thuộc Bồ Đề tâm? Đáp: Bỉ dẫn ngôn thiện căn, thử nãi vân đa thiện căn, “đa” chỉ nhất tự, phi Bồ Đề tâm, hà dĩ đương thử?

(鈔)問：寶積大本云：欲見無量壽佛者，應發無上菩提心。復當專念彼國，積集善根。則菩提善根，似為二事，今何直以善根屬菩提心？答：彼但言善根，此乃云多善根，多之一字，非菩提心，何以當此？

(Sao: Hỏi: Kinh Đại Bản trong bộ Bảo Tích (tức Vô Lượng Thọ Như Lai Hội) có nói: “Muốn thấy Vô Lượng Thọ Phật, hãy nên phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Lại hãy nên chuyên niệm cõi ấy, chứa nhóm, tu tập thiện căn”. Như vậy thì Bồ Đề và thiện căn dường như là hai chuyện, sao nay lại thẳng thừng bảo thiện căn thuộc về Bồ Đề tâm? Đáp: Kinh ấy chỉ nói “thiện căn”, kinh này bèn nói là “nhiều thiện căn”, một chữ “nhiều” ấy, nếu chẳng phải là Bồ Đề tâm thì dùng gì để tương ứng với nó được?)

(Sớ) Vấn: “Tức trì danh vi đa thiện căn, phước đức; thử kinh chỉ ngoại, biệt hữu chứng cứ phủ?” Đáp: Lịch lịch khả chứng, như Đại Bi, Đại Phẩm đẳng thuyết.

(Sao) Chứng thiện căn giả, Đại Bi kinh vân: “Nhất xưng Phật danh, dĩ thị thiện căn, nhập Niết Bàn giới, bất khả cùng tận”. Hựu vân: “Ngã diệt độ hậu, Bắc Thiên Trúc quốc, hữu tỳ-kheo danh Kỳ Bà Già, tu tập vô lượng tối thắng thiện căn, dĩ nhi mạng chung, sanh ở Tây Phương quá bách thiên ức thế giới, Vô Lượng Thọ Phật quốc. Dĩ hậu thành Phật, hiệu Vô Cầu Quang Như Lai”. Hựu Đại Trang Nghiêm Kinh Luận, Phật thế nhất lão nhân lai cầu xuất gia, Xá Lợi Phất đẳng chư đại đệ tử câu bất khả độ, dĩ quán bỉ đa kiếp vô thiện căn cố. Phật tự độ chi, tức chứng đạo quả, nhân cáo đại chúng: “Thử nhân vô lượng kiếp tiền, vì thải tâm nhân, mãnh hổ bức cực, đại bố thượng thụ, xưng Nam-mô Phật. Dĩ thị thiện căn, ngộ ngã đắc độ”. Hoa Nghiêm Đệ Thập Hồi Hướng vân: “Nguyện ức niệm vô lượng vô biên thế giới, khứ, lai, hiện tại nhất thiết chư Phật”. Nhi thứ vân: “Dĩ thử niệm Phật thiện căn”. Phàm thử, giai trì danh vi đa thiện căn chi minh chứng dã.

(Diễn) Dĩ thị thiện căn nhập Niết Bàn giới, bất khả cùng tận giả, dĩ xưng danh thiện căn, bất dữ nhất thiết hữu vi tương ứng, nãi tăng trưởng vô vi, tùy thuận vô vi chi thiện căn dã. Cố nhập Niết Bàn bất khả cùng tận. Thí như hữu nhân, thực thiếu kim cang, chung cánh bất tiêu, yếu đương xuyên cốt nhi xuất. Xưng danh công đức, trực chí Niết Bàn, diệp phục như thị. Tu tập vô lượng tối thắng thiện

căn giả, “vô lượng” ngôn kỳ quảng đại, “tối thắng” ngôn kỳ vi diệu. Dĩ xứng tánh chi tu, nhất tu, nhất thiết tu, quảng vô ngại bạn, diệu bất khả trắc cố. Nguyên ức niệm vô lượng vô biên thế giới, thị hoành biến nhất thiết xứ; khứ, lai, hiện tại nhất thiết chư Phật, thị thụ biến nhất thiết thời. Sở vị: “Nhất niệm, nhất thiết niệm; nhất thiết niệm, nhất niệm” dã.

(疏)問：即持名為多善根福德；此經之外？別有證據否？答：歷歷可證，如大悲大品等說。

(鈔)證善根者，大悲經云：一稱佛名，以是善根，入涅槃界，不可窮盡。又云：我滅度後，北天竺國，有比丘名祈婆伽，修習無量最勝善根，已而命終，生於西方過百千億世界，無量壽佛國。以後成佛，號無垢光如來。又大莊嚴經論。佛世一老人來求出家，舍利弗等諸大弟子俱不肯度，以觀彼多劫無善根故。佛自度之，即證道果，因告大眾：此人無量劫前，為採薪人，猛虎逼極，大怖上樹，稱南無佛。以是善根，遇我得度。華嚴第十回向云：願憶念無量無邊世界，去來現在一切諸佛。而次云：以此念佛善根。凡此，皆持名為多善根之明證也。

(演)以是善根入涅槃界，不可窮盡者，以稱名善根，不與一切有為相應，乃增長無為，隨順無為之善根也。故入涅槃不可窮盡。譬如有人，食少金剛，終竟不消，要當穿骨而出。稱名功德，直至涅槃，亦復如是。修習無量最勝善根者，無量言其廣大，最勝言其微妙。以稱性之修，一修一切修，廣無涯畔，妙不可測故。願憶念無量無邊世界，是橫遍一切處；去來現在一切諸佛，是豎遍一切時。所謂：一念一切念；一切念一念也。

(Sớ: Hỏi: “Nếu trì danh là nhiều thiện căn, nhiều phước đức, ngoài kinh này ra, có chứng cứ nào khác hay không?” Đáp: Rành rành có thể chứng minh, như các kinh Đại Bi, Đại Phẩm v.v... đã nói.

Sao: “Để chứng minh [trì danh là] thiện căn”: Kinh Đại Bi nói: “Xưng danh hiệu Phật, dùng đó làm thiện căn để nhập Niết Bàn giới, chẳng thể cùng tận”. Lại nói: “Sau khi ta diệt độ, tại nước Bắc Thiên

Trúc, có tỳ-kheo tên là Kỳ Bà Già tu tập vô lượng thiện căn thù thắng nhất. Khi đã mạng chung, bèn sanh vào cõi Phật Vô Lượng Thọ ở Tây Phương cách đây trăm ngàn ức thế giới. Về sau, [tỳ-kheo ấy] sẽ thành Phật, hiệu là Vô Cấu Quang Như Lai”.

Lại theo Đại Trang Nghiêm Kinh Luận, thuở đức Phật tại thế, có một cụ già đến xin xuất gia, các vị đại đệ tử như Xá Lợi Phất v.v... đều không chịu thế độ, vì xét thấy ông cụ trong nhiều kiếp chẳng có thiện căn. Đức Phật liền tự độ cụ già ấy, cụ liền chứng đạo quả. Nhân đó, [đức Phật] bảo đại chúng: “Người này trong vô lượng kiếp trước, làm người dẫn củi, do bị hổ dữ bức bách quá đỗi, hết sức kinh hoàng, trèo lên cây, xưng Nam-mô Phật. Do thiện căn ấy, gặp ta đắc độ”. Phần giảng về Độ Thập Hồi Hướng trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “Nguyện ước niệm vô lượng vô biên thế giới, quá khứ, vị lai, hiện tại hết thấy chư Phật”. Kế đó, bèn nói: “Do thiện căn niệm Phật ấy”. Phàm những câu như vậy đều là chứng cứ rành rành [chứng tỏ] trì danh là nhiều thiện căn vậy.

Diễn: “Dùng thiện căn này để nhập Niết Bàn giới chẳng thể cùng tận”: Do thiện căn xưng danh chẳng tương ứng với hết thấy hữu vi, cho nên tăng trưởng vô vi, tùy thuận thiện căn vô vi. Vì thế, nhập Niết Bàn chẳng thể cùng tận. Ví như có người ăn một chút kim cang, rốt cuộc chẳng thể tiêu được, chất kim cang sẽ xuyên qua xương mà lọt ra. Công đức xưng danh đạt thẳng đến Niết Bàn, cũng giống như thế đó.

“Tu tập thiện căn vô lượng tới thắng”: Nói “vô lượng” nghĩa là rộng lớn. “Tới thắng” là vi diệu. Do tu xứng tánh, nên một tu, hết thấy đều tu, rộng rãi không ngăn mé, mẫu nhiệm chẳng thể lường. “Nguyện ước niệm vô lượng vô biên thế giới” tức là theo chiều ngang, trọn khắp hết thấy các chốn. “Quá khứ, vị lai, hiện tại hết thấy chư Phật” là theo chiều dọc trọn khắp hết thấy các thời. Đó gọi là “một niệm, hết thấy niệm; hết thấy niệm là một niệm”).

(Sao) Chứng phước đức giả, Đại Phẩm Bát Nhã kinh vân: “Nhược nhân tán tâm niệm Phật, diệt đắc ly khổ, kỳ phước bất tận, huống định ý niệm”. Xưng Dương Chư Phật Công Đức kinh vân: “Nhược hữu đắc văn Vô Lượng Thọ Như Lai danh giả, nhất tâm tín nhạo, trì phụng, tụng niệm. Thử nhân đương đắc vô lượng chi phước, vĩnh ly tam đồ. Mạng chung chi hậu, vãng sanh bỉ sát”. Trí Luận vân: “Thí như hữu nhân, sơ sanh địa địa, tức năng nhật hành thiên lý, mãn nhất thiên tuế, thất bảo phụng Phật. Bất như hữu nhân, ư hậu ác

thế, nhất thanh xưng niệm A Di Đà Phật, kỳ phước thắng bĩ”. Tăng Nhất A Hàm kinh vân: “Tứ sự cúng dường Diêm Phù Đề nhất thiết chúng sanh, nhược hữu xưng Phật danh hiệu, như cầu nữ khoảnh, công đức quá thượng, bất khả tư nghị”. Phàm thử, giai trì danh vì đa phước đức chi minh chứng dã.

(Diễn) Tán tâm niệm Phật, thị trước thật ức trì, trước thật thế cứu. Vị nhập nhất tâm giả, phi như kim nhân toàn bất trước ý, đồ sự thần thiết dã. Định ý niệm Phật, thị ký đắc Sự nhất tâm, nhi phục ư định tâm trung, niệm niệm ức trì, tâm tâm nghiên cứu giả. Nhược thị Lý nhất tâm, tắc thị ly niệm cảnh giới. Ký dĩ vô ý, kiêm diệc bất chỉ thị Định dã. Nhất tâm tín nhạo, thị Tín Nguyện nhị tư. Trì, phúng, tụng, niệm, thị Hạnh tư. Trì nhi phúng, tụng nhi niệm, chánh dụng tâm chi cực. Sở vị khẩu dữ tâm, thanh thanh tương ứng; tâm dữ Phật, bộ bộ bất ly dã. Thử bất vãng sanh, thù phục vãng sanh? Nhất thanh xưng niệm, kỳ phước thắng bĩ giả, thử nhất thanh nãi thậm thâm chi thanh, thử nhất niệm nãi tối hậu chi niệm. Sở vị tri thanh tướng không, hô hưởng bất thật. Năng xưng, sở xưng, giai bất khả đắc dã. Cổ vân “kỳ phước thắng bĩ”. Xưng Phật danh hiệu, công đức bất khả tư nghị giả, chánh dĩ xưng danh, vô năng xưng, sở xưng, bất khả tư nghị cố. Nhược xưng danh chi tâm thuộc Tạng, Thông, Biệt giả, tiện khả tư thức hỹ. Cầu âm cầu, thủ ngữ ngữ dã.

(鈔)證福德者，大品般若經云：若人散心念佛，亦得離苦，其福不盡，況定意念。稱揚諸佛功德經云：若有得聞無量壽如來名者，一心信樂，持誦誦念。此人當得無量之福，永離三途。命終之後，往生彼剎。智論云：譬如有人，初生墮地，即能日行千里，滿一千歲，七寶奉佛。不如有人，於後惡世，一聲稱念阿彌陀佛，其福勝彼。增一阿含經云：四事供養閻浮提一切眾生，若有稱佛名號，如穀乳頃，功德過上，不可思議。凡此，皆持名為多福德之明證也。

(演)散心念佛，是著實憶持，著實體究。未入一心者，非如今人全不著意，徒事唇舌也。定意念佛，是既得事一心，而復於定心中，念念憶持，心心研究者。若是理一心，則是離念境界。既已無意，兼亦不止是定也。一心

信樂，是信願二資。持諷誦念，是行資。持而諷，誦而念，正用心之極。所謂口與心，聲聲相應；心與佛，步步不離也。此不往生，誰復往生？一聲稱念，其福勝彼者，此一聲乃甚深之聲，此一念乃最後之念。所謂知聲相空，呼響不實。能稱所稱，皆不可得也。故云其福勝彼。稱佛名號，功德不可思議者，正以稱名，無能稱所稱，不可思議故。若稱名之心屬藏通別者，便可思議矣。穀音邁，取牛乳也。

(Sao: “Chứng tỏ [trì danh] là phước đức”: Kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: “Nếu ai tán tâm niệm Phật thì cũng được là khổ, phước ấy bất tận, hướng hồ là ý an định mà niệm”. Kinh Xưng Dương Công Đức Chư Phật nói: “Nếu có kẻ nào được nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Như Lai mà nhất tâm tin ưa, trì, phúng, tụng, niệm, người ấy sẽ được vô lượng phước, vĩnh viễn là khỏi tam đồ. Sau khi mạng chung, bèn vãng sanh cõi kia”. Đại Trí Độ Luận nói: “Ví như có người vừa mới sanh ra, rơi xuống đất liền có thể mỗi ngày đi một ngàn dặm, tròn một ngàn năm, dùng bảy báu dâng lên Phật, chẳng bằng có người khác trong đời ác mai sau, xưng niệm A Di Đà Phật một tiếng. Phước của người sau vượt xa người trước”. Kinh Tăng Nhất A Hàm nói: “Dùng tứ sự cúng dường hết thầy chúng sanh trong Diêm Phù Đề, nếu có người xưng danh hiệu Phật như trong khoảng vắt sữa, công đức vượt xa [người trước] chẳng thể nghĩ bàn”. Phàm những đoạn [kinh luận] như vậy đều là chứng có rõ rệt chứng tỏ trì danh là nhiều phước đức.

Diễn: “Tán tâm niệm Phật” là thật sự nghĩ nhớ, trì niệm, thật sự thấu hiểu, tham cứu; [nói “tán tâm niệm Phật” nghĩa là nói tới] người chưa đắc nhất tâm, chẳng phải là như người hiện thời hoàn toàn chẳng dốc ý, chỉ niệm suông bằng miệng lưỡi mà thôi. “Ý an định niệm Phật” là đã đắc Sự nhất tâm; nhưng lại ở trong cái tâm Định, niệm nào cũng nghĩ nhớ, vâng giữ, niệm tâm nào cũng đều là nghiên cứu. Nếu là Lý nhất tâm thì chính là cảnh giới ly niệm. Đã là vô ý thì cũng không giới hạn trong Định vậy.

“Nhất tâm tin ưa” là hai thứ tư lương Tín và Nguyện. “Trì, phúng, tụng, niệm” là tư lương Hạnh. Trì bằng cách phúng, tụng bằng cách niệm, chính là dụng tâm tột bậc. Đó gọi là miệng và tâm từng tiếng tương ứng, tâm và Phật, từng bước chẳng lìa. Người này chẳng vãng

sanh thì còn ai vãng sanh nữa đây?

“Xưng niệm một tiếng, phước ấy vượt xa người kia”: Một tiếng ấy chính là tiếng rất sâu; niệm ấy là niệm tối hậu. Đó gọi là “biết tướng của thanh là Không, tiếng gọi và tiếng vọng của nó đều chẳng thật. Người xưng niệm và vị Phật được xưng niệm đều chẳng thể được”. Cho nên gọi là “phước người này vượt xa người kia”. “Xưng danh hiệu Phật công đức chẳng thể nghĩ bàn”: Chính vì do xưng danh mà không có người xưng niệm lẫn vị Phật được xưng niệm, cho nên là chẳng thể nghĩ bàn. Chứ nếu cái tâm xưng danh thuộc về Tạng, Thông, Biệt thì sẽ là có thể nghĩ ngợi, nhận biết. Chữ Cầu (穀) đọc là Cầu, có nghĩa là vắt sữa).

(Sao) Hựu Bảo Tích thập cửu kinh vân: “Thời nhất tỳ-kheo, văn Phật tán dương Bất Động Như Lai Phật sát công đức, tâm sanh tham trước, nhi niệm sanh bỉ. Phật ngôn: - Bất dĩ ái luyến chi tâm, toại đắc vãng sanh! Duy hữu thực chư thiện bản, tu chư phạm hạnh, đắc sanh bỉ sát”. Thiện bản tức thiện căn, phạm hạnh tức phước đức. Thử hựu song hiển trì danh, vì đa thiện, đa phước chi minh chứng dã. Chư kinh giao tán, khả phát tín thọ?

(Diễn) Bất dĩ ái luyến chi tâm, toại đắc vãng sanh giả, dĩ ái luyến chi tâm thị tình thức, bất thị trí huệ cố. Thị dẫn tri thủ tướng, bất tri diệu lý cố. Thị đồ sanh hiếu nhạo, vị khởi chân hạnh cố.

(鈔)又寶積十九經云：時一比丘，聞佛讚揚不動如來佛剎功德，心生貪著，而念生彼。佛言：不以愛戀之心，遂得往生！惟有植諸善本，修諸梵行，得生彼剎。善本即善根，梵行即福德。此又雙顯持名，為多善多福之明證也。諸經交讚，可弗信受？

(演)不以愛戀之心，遂得往生者，以愛戀之心是情識，不是智慧故。是但知取相，不知妙理故。是徒生好樂，未起真行故。

(Sao: Lại nữa, kinh Bảo Tích quyển thứ mười chín có nói: “Khi ấy, có một vị tỳ-kheo nghe đức Phật ca ngợi công đức của cõi Phật Bất Động Như Lai, sanh tâm tham đắm, nghĩ muốn sanh về đó. Đức Phật dạy: - Chẳng thể do cái tâm ái luyến mà được vãng sanh, chỉ có gieo các cội lành, tu các phạm hạnh là được sanh về cõi ấy”. “Cội lành” chính là thiện căn, “phạm hạnh” là phước đức. Điều này rõ ràng lại là chứng cớ

minh bạch chứng tỏ cả hai điều: Trì danh vừa là nhiều thiện, vừa là nhiều phước. Các kinh đều xen lẫn tán dương [pháp môn Niệm Phật], há có thể nào chẳng tin nhận ư?

Diễn: “Chẳng thể do cái tâm ái luyến mà được vãng sanh”: Vì cái tâm ái luyến là tình thức, chẳng phải là trí huệ. Do chỉ biết chấp lấy tướng, chẳng biết diệu lý. Do chỉ mong sanh về đó, ham ưa vui sướng, chưa khởi hạnh chân thật).

(Sớ) Vấn: “Thử độ đơn tu viên đốn, bất nguyện vãng sanh giả, ninh khả vị chi thiếu thiện căn da?” **Đáp:** Viên đốn hành nhân, tuy ngộ nhất tâm, thượng dư hậu hữu. Chánh nghi cầu sanh bỉ quốc, thân cận Di Đà. Triết Lão, Thanh Công, kiêu nhiên phúc triệt. Nhược kỳ tự phụ viên nhân, bất nguyện vãng sanh, đương tri diệt thị thiện căn bạc cố, như Hoa Nghiêm trung thuyết.

(Diễn) Đơn tu viên đốn, bất nguyện vãng sanh giả, thị Tông môn sư đức. Trục minh chân tánh, bất dối tiêm trần. Phật lai dã sát, ma lai dã sát; niệm Phật nhất thanh, thấu khẩu tam nhật giả. Ninh khả vị chi thiếu thiện căn giả, vị dĩ trì danh vi đa thiện căn? Tắc thử đẳng sư đức, giai tức cụ Bát Nhã linh căn, nãi năng nhĩ dã, ninh khả vị chi thiếu thiện căn da? Tuy ngộ nhất tâm, thượng dư hậu hữu giả, vị nhược ngộ nhi tức chứng Vô Sanh, thị chân thiện căn thâm hậu. Nhậm cừ hoành thuyết, thụ thuyết, vô sở bất khả, giáo cừ vãng đông, vãng tây, chân như thuyết mộng. Nhược vị đắc Vô Sanh, nhi tự phụ viên nhân, độn trí Tịnh Độ, diệt thị thiện căn thiểu tiền dã. Triết Lão trụ kinh sư tứ thập niên, thường tọa bất ngoạ. Hóa hậu, chỉ áo diệt siêu xuất xá-lợi. Dĩ bát tu Tây Phương, sanh đại phú quý xứ. Thanh Công tức Thanh Thảo Đường. Niên cửu thập dư, cảm Tăng gia nữ nhân tổng cúng, tức vi kỳ tử. Hậu quan chí tể tướng. Phúc triệt giả, Hán Giả Nghị vân: “Tiền xa ký phúc, hậu xa đương giới”.

(疏)問: 此土單修圓頓，不願往生者，寧可謂之少善根耶？**答:** 圓頓行人，雖悟一心，尚餘後有。正宜求生彼國，親近彌陀。詰老青公，皎然覆轍。若其自負圓人，不願往生，當知亦是善根薄故，如華嚴中說。

(演) 單修圓頓，不願往生者，是宗門師德。直明直性，不帶纖塵。佛來也殺，魔來也殺；念佛一聲，漱口三日者。甯可謂之少善根者，謂以持名為多善根？則此等師

德，皆夙具般若靈根，乃能爾也，甯可謂之少善根耶？雖悟一心，尚餘後有者，謂若悟而即證無生，是真善根深厚。任渠橫說豎說，無所不可，教渠往東往西，真如說夢。若未得無生，而自負圓人，鈍置淨土，亦是善根淺尠也。喆老住京師四十年，常坐不臥。化後，紙襖亦燒出舍利。以不修西方，生大富貴處。青公即青草堂。年九十餘，感曾家女人送供，即為其子。後官至宰相。覆轍者，漢賈誼云：前車既覆，後車當戒。

(Sớ: Hỏi: “Đối với người chỉ tu pháp viên đốn trong cõi này, chẳng nguyện vãng sanh, há có thể nói là ít thiện căn ư?” Đáp: Người tu hành viên đốn, tuy đã ngộ nhất tâm, nhưng hãy còn sót lại thân sau; đáng nên cầu sanh cõi ấy, thân cận Phật Di Đà. Cụ Chân Như Triết, ngài Thanh Thảo Đường là những vết xe đổ rành rành. Nếu kẻ nào tự phụ là hạng viên đốn, chẳng muốn vãng sanh, hãy nên biết người ấy cũng là phàm phu thiện căn mỏng manh như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói.

***Diễn:** Người chỉ tu pháp viên đốn, chẳng muốn vãng sanh là bậc thầy, hoặc bậc đại đức trong Tông Môn, trực tiếp minh tâm kiến tánh, chẳng vương mắc mảy trần: “Phật đến cũng giết, ma đến cũng giết, niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày”. Há có nên nói họ là kẻ ít thiện căn, bảo trì danh mới là nhiều thiện căn ư? Các vị tổ sư đại đức ấy đều trọn đủ linh căn Bát Nhã từ xưa, cho nên mới có thể được như thế, há có thể nói họ là phàm phu ít thiện căn ư?*

“Tuy ngộ nhất tâm mà hãy còn sót lại thân sau”: Ý nói, nếu là đã ngộ, liền chứng Vô Sanh, thì đúng là thiện căn sâu dày. Mặc cho người ấy nói ngang, nói dọc, không gì chẳng thể được, mặc cho người ấy sang Đông, sang Tây, đúng là như nói chuyện nằm mộng vậy. Nếu chưa đắc Vô Sanh, mà tự phụ là hạng viên đốn, kẻ căn cơ chậm lụt mà gác bỏ Tịnh Độ thì cũng là kẻ thiện căn nông cạn vậy.

Cụ Chân Như Mật Triết trụ tại kinh đô bốn mươi năm, thường ngồi chẳng nằm. Sau khi hỏa táng, giấy bọc, áo liệm cũng thiêu thành xá-lợi. Do chẳng tu về Tây Phương, nên sanh vào nơi đại phú quý. Thanh Công chính là Thanh Thảo Đường. Tuổi ngoài chín mươi, do cảm kích sự cúng dường, biếu tặng của nữ nhân nhà họ Tăng, liền sanh làm con nhà ấy, làm quan đến chức tể tướng. “Vết xe đổ”: Đời Hán, Giả Nghị nói: “Xe

trước đã đổ, xe sau hãy nên răn dè”).

(Sao) Hậu hữu giả, hậu ảm dã, tức lai sanh dã. Viên nhân kiến địa, tuy dữ Phật tề, nhiên nhi thô tế vô minh do vị tận trừ, Hằng sa Tánh Đức do vị tất bị. Hữu Hoặc nhuận sanh, ninh vô hậu hữu? Ký tồn hậu hữu, tắc hữu sanh phương, bất ly lục đạo. Trừ bỉ dĩ đẳng Thật Báo, dư hoặc vị miễn nhân thiên; nhi thiên thượng đa dục, nhân gian tạp khổ, đọa lạc giả chúng, giải thoát giả hy. Bất sanh Tịnh Độ, nhi tương yên vắng?

(Diễn) Thô tế vô minh do vị tận giả, tế tức căn bản, thô tức chi mạt. Viên nhân kiến dữ Phật tề, Hoặc toàn vị phá. Dĩ Lý tuy đồn ngộ, thừa ngộ tịnh tiêu; Sự tu tiệm trừ, nhân thứ đệ tận cố. Hằng sa Tánh Đức do vị tất bị giả, đức hữu Tánh Đức, Tu Đức. Tánh Đức bốn cụ, Tu Đức tu thành. Kim vân Tánh Đức vị bị, dĩ tánh từng tu dã. Dĩ toàn tánh khởi tu, toàn tu thành tánh, Tu Đức vị viên, Tánh Đức vị bị cố. Trừ bỉ dĩ đẳng Thật Báo, dư Hoặc vị miễn nhân thiên giả, năng đoạn vô minh chứng Pháp Thân, sanh Thật Báo độ, tắc siêu lục đạo. Nhược bất nhiên giả, túng bất đọa ác thú, diệc đọa nhân thiên, yên vô hậu hữu da? Hoặc vấn viết: “Đoạn vô minh, chứng Pháp Thân Bồ Tát, sanh Thật Báo giả, huýnh siêu lục đạo bất tất ngôn hỷ! Sanh Phương Tiện Hữu Dư giả, diệc siêu tam giới, bất thọ luân hồi. Hà dẫn ngôn ‘trừ Thật Báo năng miễn nhân thiên’, bất ngôn ‘trừ Phương Tiện diệc miễn nhân thiên’ da?” Đáp: Thử chương vấn đáp, đơn luận viên nhân. Viên nhân đoạn vô minh giả, tức sanh Thật Báo. Như vị đoạn vô minh, tạo chí Thất Tín, tuy sanh Phương Tiện, sở kiến chỉ cảnh dữ Thật Báo đồng, bất đồng Tạng Thông nhị giáo thể tích chi nhân, thật sanh Phương Tiện, cố lược nhi bất ngôn dã.

(鈔)後有者，後陰也，即來生也。圓人見地，雖與佛齊，然而粗細無明猶未盡除，恆沙性德猶未悉備。有惑潤生，寧無後有？既存後有，則有生方，不離六道。除彼已登實報，餘或未免人天；而天上多欲，人間雜苦，墮落者眾，解脫者希。不生淨土，而將焉往？

(演)粗細無明猷未盡者，細即根本，粗即枝末。圓人見與佛齊，惑全未破。以理雖頓悟，乘悟併消；事須漸除，因次第盡故。恆沙性德猶未悉備者，德有性德修德。

性德本具，修德修成。今云性德未備，以性從修也。以全性起修，全修成性，修德未圓，性德未備故。除彼已登實報，餘或未免人天者，能斷無明證法身，生實報土，則超六道。若不然者，縱不墮惡趣，亦墮人天，焉無後有耶？或問曰：斷無明，證法身菩薩，生實報者，迴超六道不必言矣！生方便有餘者，亦超三界，不受輪迴。何但言除實報能免人天，不言除方便亦免人天耶？答：此章問答，單論圓人。圓人斷無明者，即生實報。如未斷無明，造至七信，雖生方便，所見之境與實報同，不同藏通二教體析之人，實生方便，故略而不言也。

(Sao: “Hậu hữu” là hậu âm, tức là đời sau. Người viên đốn tuy kiến địa bằng với Phật, nhưng vô minh thô hay tế còn chưa trừ hết, Hằng sa Tánh Đức còn chưa trọn hết. Hễ có phiền hoặc trần trề nảy sanh, há lẽ nào chẳng có thân sau cho được? Đã có thân sau thì phải tái sanh, chẳng lìa khỏi lục đạo. Trừ những người đã lên cõi Thật Báo, những trường hợp khác chắc là chưa tránh khỏi cõi trời, người. Nhưng cõi trời lắm dục, nhân gian các khổ xen lẫn. Kẻ đọa lạc đông đảo, người giải thoát ít ỏi. Chẳng sanh về Tịnh Độ, thì sẽ đi về đâu?)

Diễn: “Còn chưa hết sạch vô minh thô và tế”: Tế là căn bản, thô là chi mạt. Người viên đốn kiến giải bằng với chư Phật, nhưng chưa phá trừ toàn thể Hoặc, xét theo Lý thì tuy là do đốn ngộ bèn [có thể] nương vào ngộ để tiêu trừ [phiền não], nhưng xét theo Sự thì cần phải trừ khử dần dần, sẽ lần lượt trừ hết. “Hằng sa Tánh Đức còn chưa trọn đủ”: Đức có Tánh Đức và Tu Đức. Tánh Đức vốn sẵn trọn đủ, Tu Đức là do tu thành. Nay nói Tánh Đức chưa đầy đủ, là vì tánh thuận theo tu; do toàn tánh khỏi tu, toàn tu thành tánh, Tu Đức chưa vẹn, Tánh Đức sẽ chẳng trọn đủ.

“Trừ những người đã lên cõi Thật Báo, những trường hợp khác chắc là chẳng thoát khỏi cõi trời, người”: Có thể đoạn vô minh, chứng Pháp Thân, sanh vào cõi Thật Báo, bèn vượt thoát lục đạo. Nếu chẳng vậy, dầu chẳng đọa trong đường ác, cũng đọa trong cõi trời, người, làm sao chẳng có thân sau cho được?

Hoặc có kẻ hỏi: - Bạc Bỏ Tát đã đoạn vô minh, chứng Pháp Thân thì vượt thoát khỏi lục đạo [là chuyện] chẳng cần phải nói nữa! Kẻ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, cũng vượt thoát tam giới, chẳng bị luân

hồi. Vì sao chỉ nói là “ngoại trừ Thật Báo có thể thoát khỏi nhân thiên”, chẳng nói “ngoại trừ cõi Phương Tiện cũng tránh thoát nhân thiên”?
Đáp: Lời vấn đáp trong chương này chỉ luận định theo phía người căn cơ viên đốn. Người thuộc căn cơ Viên Giáo hễ đoạn vô minh, bèn sanh vào Thật Báo. Nếu chưa đoạn vô minh, đã đạt tới địa vị Thất Tín, tuy sanh trong cõi Phương Tiện, mà thấy cảnh giới giống như trong cõi Thật Báo, chẳng giống như [kiến giải của người tu tập] Thế Không Quán và Tích Không Quán trong Tạng Giáo và Thông Giáo, [người thuộc hai giáo ấy] thật sự sanh trong cõi Phương Tiện. Vì thế, lược đi chẳng nói).

(Sao) Triết Lão, Thanh Công, câu xưng hữu ngộ. Nhi Triết Lão hậu thân, đam luyện phú quý; Thanh Công hậu thân, đa lịch khổ ư. Giai điều bất mộ vãng sanh, tự thất thiện lợi, trí sử yêm trệ đa sanh, khoáng Bồ Đề lộ. Khởi phi thiện căn lương bạc, nãi trí như tư? Ngôn Hoa Nghiêm giả, Nhập Pháp Giới phẩm vân: “Giá Na hội thượng, chư đại Thanh Văn, bất kiến Phật giả, dĩ thiện căn bất đồng cố, bốn bất tu tập kiến Phật tự tại thiện căn cố”. Cổ tri chấp trì danh hiệu, nguyện kiến Di Đà, thành đa thiện căn, đại thiện căn, tối thắng thiện căn, bất khả tư nghị thiện căn dã.

(Diễn) Dĩ thiện căn bất đồng giả, vị chư Thanh Văn tất giác Chân Đế, vị thành tựu Phổ Hiền hạnh nguyện cố. Tu tập kiến Phật tự tại thiện căn giả, tức ức niệm nhất thiết chư Phật cảnh giới, phổ kiến pháp môn. Sở vị ư niệm niệm trung, tất năng cúng dường nhất thiết Như Lai Trí Ba La Mật, niệm niệm trung trì nhất thiết Phật bất khả tư nghị đại thần thông sự Trí Ba La Mật đẳng. Kim chư đại Thanh Văn bốn bất tu tập, cố bất kiến Phật dã.

(鈔) 詰老青公，俱稱有悟。而詰老後身，耽戀富貴；青公後身，多歷苦憂。皆繇不慕往生，自失善利，致使淹滯多生，曠菩提路。豈非善根涼薄，乃至如斯？言華嚴者，入法界品云：遮那會上，諸大聲聞，不見佛者，以善根不同故，本不修習見佛自在善根故。故知執持名號，願見彌陀，誠多善根，大善根，最勝善根，不可思議善根也。

(演) 以善根不同者，謂諸聲聞悉覺真諦，未成就普賢行願故。修習見佛自在善根者，即憶念一切諸佛境界，普

見法門。所謂於念念中，悉能供養一切如來智波羅蜜，念念中知一切佛不可思議大神通事智波羅蜜等。今諸大聲聞本不修習，故不見佛也。

(Sao: Các vị Chân Như Triết và Thanh Thảo Đường đều được gọi là có ngộ; nhưng hậu thân của Chân Như Triết mê đắm phú quý, hậu thân của ngài Thanh Thảo Đường trải lắm nỗi khổ sở, lo âu. Đều là do chẳng hãm mộ vãng sanh, tự đánh mất lợi ích tốt lành, khiến bị chìm đắm, vướng mắc nhiều đời, đường Bồ Đề xa vời vợi. Há chẳng phải là do thiện căn kém mỏng, nên khiến cho đến nỗi như vậy? [Trong lời Sớ đã] nhắc tới kinh Hoa Nghiêm thì như trong phẩm Nhập Pháp Giới có nói: Trong hội Giá Na, các vị đại Thanh Văn chẳng thấy Phật là vì thiện căn khác nhau, vốn là do họ chẳng tu tập thiện căn tự tại thấy Phật. Vì thế biết là chấp trì danh hiệu, nguyện thấy Di Đà, tạo thành nhiều thiện căn, thiện căn to lớn, thiện căn thù thắng nhất, thiện căn chẳng thể nghĩ bàn.

***Diễn:** “Do thiện căn bất đồng”: Các vị Thanh Văn đều giác ngộ Chân Đế, nhưng chưa thành tựu hạnh nguyện Phổ Hiền. “Tu tập thiện căn tự tại thấy Phật” tức là pháp môn phổ kiến (thấy trọn khắp) nghĩ nhớ cảnh giới của chư Phật. Tức là Trí Ba La Mật trong mỗi niệm đều có thể cúng dường hết thấy Như Lai, Trí Ba La Mật trong mỗi niệm biết hết thấy chuyện đại thần thông của hết thấy các đức Phật v.v... Nay chư đại Thanh Văn vốn chẳng tu tập, cho nên chẳng thấy Phật).*

***(Sớ)** Xưng Lý, tác tự tánh xuất sanh nhất thiết pháp, thị thiện căn nghĩa; tự tánh phú hữu nhất thiết pháp, thị phước đức nghĩa.*

***(Diễn)** Tự tánh xuất sanh nhất thiết pháp, thị thiện căn nghĩa giả, Căn hữu xuất sanh nghĩa. Kim tứ thánh, lục phàm, sắc, tâm, y, chánh, từng tự tánh sanh, dĩ từng Lý cụ khởi Sự tạo cố. Tự tánh phú hữu nhất thiết pháp, thị phước đức giả, phước đức hữu phú hữu nghĩa. Kim tứ thánh, lục phàm, y, chánh, sắc, tâm, tự tánh bốn cụ, dĩ bị Sự tạo do Lý cụ cố.*

***(Sao)** Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp; hà kỳ tự tánh, bốn tự cụ túc.*

(疏)稱理，則自性出生一切法，是善根義；自性富有一切法，是福德義。

(演)自性出生一切法，是善根義者，根有出生義。今

四聖六凡，色心依正，從自性生，以從理具起事造故。自性富有一切法，是福德者，福德有富有義。今四聖六凡，依正色心，自性本具，以彼事造由理具故。

(鈔)何期自性，能生萬法；何期自性，本自具足。

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh sanh ra hết thấy các pháp là ý nghĩa của thiện căn; tự tánh phong phú hết thấy các pháp là ý nghĩa của phước đức.

Diễn: “Tự tánh xuất sanh hết thấy các pháp là ý nghĩa của thiện căn”: “Căn” lại có nghĩa là “xuất sanh”. Nay tứ thánh, lục phàm, sắc, tâm, y báo, chánh báo đều sanh từ tự tánh. Vì từ Lý sẵn đủ mà dậy lên sự tạo tác nơi Sự. “Tự tánh giàu có hết thấy các pháp là phước đức”: Phước đức có ý nghĩa “giàu có”. Nay tứ thánh, lục phàm, y báo, chánh báo, sắc, tâm, và tự tánh vốn trọn đủ, tạo tác nơi mặt Sự là do Lý sẵn trọn đủ vậy.

Sao: Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp; nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ).

Nhị, thị chánh hạnh.

(Kinh) **Xá Lợi Phất!** **Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn.**

(Sớ) Thừa thượng “đa thiện, đa phước, nãi sanh bỉ quốc”; nhi thiện căn nan thực, phước đức nan tu, hưởng phúc vân đa, lũy kiếp cù lao, mặc chỉ năng biện, như Bảo Tích thập tâm, Hoa Nghiêm thập nguyện đẳng. Kim hữu nhất pháp, trực tiếp giản dị, tức vì đa thiện, đa phước, cố hiển trì danh công đức thù thắng.

(Sao) Thiện căn nan thực giả, như tiền Thân Tử phát Đại Thừa tâm, nhân Bà-la-môn khát nhân thoái thất đẳng. Phước đức nan tu giả, như Niết Bàn tam thập tứ kinh vân: “Ngũ phẩm tâm tu Thập Thiện, vị hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Các thập thiện nhi thành ngũ thập, thí tu, chung tu, phương thành bách phước”. Tắc phước chi bất dị tu, minh hỹ. Bảo Tích thập tâm giả: Nhất, ư chúng sanh khởi đại từ, vô tổn hại tâm. Nhị, ư chúng sanh khởi đại bi, vô bức não tâm. Tam, ư Phật pháp, bất tích thân mạng, nhạo thủ hộ tâm. Nãi chí thập, ư chư Phật, xả ly chư tướng, khởi tùy niệm tâm. Cụ thử thập tâm, vãng sanh Tịnh Độ.

(Diễn) Khởi đại từ, vô tổn hại tâm giả, vị ư pháp giới chúng sanh, dữ tự tánh chúng sanh, hàm dục dữ Vô Thượng Bồ Đề Giác pháp lạc, Vô Thượng Niết Bàn tịch tĩnh lạc, thị vô tổn hại tâm. Khởi đại bi, vô bức não tâm giả, vị ư hữu tình thế gian, cập Ngũ Ấm thế gian, giai dục bạt cảnh giới bức bách chi khổ, phiền não triền phược chi khổ, thị vô bức não tâm. Bất tích thân mạng nhạo thủ hộ giả, ước Lý, tắc bị Tu Đức nhi viên Tánh Đức. Ước Sự, tắc cầu bán kế nhi xả toàn thân. Tự lợi, tắc như Thiện Tài bất tỵ hỏa khanh; lợi tha, tắc như Bất Khinh cam thọ đả trích. Xả ly chư tướng giả, thị niệm chư Phật Thật Tướng thân, tức sở vị: “Sắc thân phi thị Phật, âm thanh diệc phục nhiên. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai” dã. Khởi tùy niệm tâm giả; tùy, thuận dã, vị thuận lý chi niệm, tức Thiên Thai sở vị: “An trụ Trung Đạo, bất vị nhị biên sở động”, danh chi vị niệm dã.

二、示正行。

(經)舍利弗！若有善男子，善女人，聞說阿彌陀佛，執持名號，若一日，若二日，若三日，若四日，若五日，若六日，若七日，一心不亂。

(疏)承上多善多福，乃生彼國；而善根難植，福德難修，況復云多，累劫劬勞，莫之能辦，如寶積十心，華嚴十願等。今有一法，直捷簡易，即為多善多福，故顯持名功德殊勝。

(鈔)善根難植者，如前身子發大乘心，因婆羅門乞眼退失等。福德難修者，如涅槃三十四經云：五品心修十善，謂下，中，上，上中，上上。各十善而成五十，始修終修，方成百福。則福之不易修，明矣。寶積十心者：一、於眾生起大慈，無損害心。二、於眾生起大悲，無逼惱心。三、於佛法，不惜身命，樂守護心。乃至十，於諸佛，捨離諸相，起隨念心。具此十心，往生淨土。

(演)起大慈，無損害心者，謂於法界眾生，與自性眾生，咸欲與無上菩提覺法樂，無上涅槃寂靜樂，是無損害心。起大悲，無逼惱心者，謂於有情世間，及五陰世間，

皆欲拔境界逼迫之苦，煩惱纏縛之苦，是無逼惱心。不惜身命樂守護者，約理，則備修德而圓性德。約事，則求半偈而捨全身。自利，則如善財不避火坑；利他，則如不輕甘受打擲。捨離諸相者，是念諸佛實相身，即所謂：色身非是佛，音聲亦復然。若見諸相非相，即見如來也。起隨念心者；隨，順也，謂順理之念，即天台所謂：安住中道，不為二邊所動，名之為念也。

(Hai, nêu bày chánh hạnh.

Kinh: *Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, bèn chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn.*

Sớ: *Nói tiếp ý “nhiều thiện, nhiều phước thì mới sanh về cõi ấy” trong phần trước; nhưng thiện căn khó gieo, phước đức khó tu, huống lại còn là nhiều [thiện căn, nhiều phước đức]! Trải bao kiếp nhọc nhằn mà chẳng thể làm được, như mười tám trong kinh Bảo Tích, mười nguyên trong kinh Hoa Nghiêm v.v... Nay có một pháp thẳng chóng, đơn giản, dễ dàng để đạt được nhiều thiện, nhiều phước, tỏ rõ pháp trì danh có công đức thù thắng.*

Sao: *“Thiện căn khó gieo”: Như trước kia, ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) phát tâm Đại Thừa, do bị Bà-la-môn xin mắt mà thoái thất v.v... “Phước đức khó tu”: Như kinh Niết Bàn, quyển ba mươi tư có nói: “Cái tâm tu Thập Thiện chia thành năm phẩm, tức là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Mỗi điều trong Thập Thiện [ứng hợp với năm tâm ấy] bèn thành năm mươi điều. [Năm mươi điều ấy lại ứng với] tu lúc ban đầu và tu lúc rốt cục, nên mới trở thành một trăm phước”. Rõ ràng là phước chẳng dễ tu!*

“Mười tâm theo kinh Bảo Tích”: Một là dấy lòng đại từ đối với chúng sanh, chẳng có tâm tổn hại. Hai là dấy lòng đại bi đối với chúng sanh, chẳng có tâm bức nã. Ba là đối với Phật pháp, chẳng tiếc thân mạng, tâm thích bảo vệ, gìn giữ. Cho đến cái tâm thứ mười là đối với chư Phật, xả lìa các tướng, khởi tâm tùy niệm. Trọn đủ mười tâm ấy, bèn vắng sanh Tịnh Độ.

Diễn: *“Dấy lòng đại từ, chẳng có tâm tổn hại” nghĩa là đối với chúng sanh trong pháp giới và chúng sanh nơi tự tánh đều muốn cho họ được hưởng pháp lạc giác ngộ nơi Vô Thượng Bồ Đề và niềm vui tịch*

tình nơi Vô Thượng Niết Bàn. Đây là chẳng có tâm tổn hại. “Dây lòng đại bi, chẳng có tâm bức nã” nghĩa là đối với hữu tình thế gian và Ngũ Ấm thế gian, đều muốn dẹp trừ nỗi khổ bị cảnh giới bức bách, nỗi khổ bị phiền não trói buộc. Đó là “tâm chẳng bức nã”. “Chẳng tiếc thân mạng, thích bảo vệ, gìn giữ”: Xét theo Lý, sẽ là đầy đủ Tu Đức bền viên mãn Tánh Đức. Xét theo Sự, sẽ là vì cầu nửa bài kệ mà xả toàn thân. Tự lợi thì như Thiện Tài chẳng tránh hố lửa, lợi tha thì như Thường Bất Khinh cam chịu bị đánh đập.

“Bỏ lìa các tướng” là niệm thân Thật Tướng của chư Phật, nghĩa là nói: “Sắc thân chẳng là Phật, âm thanh cũng như vậy”. “Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, chính là thấy Như Lai”. “Khởi tâm tùy niệm”: Tùy là thuận, ý nói: Niệm thuận theo Lý, tức là như tông Thiên Thai đã nói: “Trụ yên nơi Trung Đạo, không bị lay động bởi hai bên” cho nên gọi là Niệm).

(Sao) Hoa Nghiêm thập nguyện giả, nhất giả lễ kính chư Phật, nãi chí thập, phổ giai hồi hướng, diệt dĩ thử thập sanh bỉ quốc độ. Dĩ thượng giai Bồ Tát quảng đại trí hạnh, phi khả dị thực, dị tu. Kim trì danh công đức, tự sử thập tâm vị bị, thập nguyện vị tề, tịnh nghiệp nhất thành, tiện sanh bỉ quốc. Ký đắc vãng sanh, thử tâm, thử nguyện, tự nhiên thành tựu, khởi phi đa thiện căn, phước đức hồ? Bất kinh vu khúc, thị vị trực tiếp; vô chư phiền tỏa, thị vị giản dị. Trực tiếp nhi thâm tạo, giản dị nhi quảng hoạch, chư dư pháp môn chi sở bất cập, thị vị thù thắng.

(Diễn) Lễ kính chư Phật giả, sở hữu tận pháp giới hư không giới, thập phương tam thế nhất thiết chư Phật, ngã tất dĩ thanh tịnh tam nghiệp, thường tu lễ kính, nhất nhất Phật sở giai hiện bất khả thuyết vi trần số thân, nhất nhất thân lễ kính bất khả thuyết vi trần số Phật. Phổ giai hồi hướng giả, tòng sơ lễ bái, nãi chí tùy thuận, sở hữu công đức giai tất hồi hướng tận pháp giới nhất thiết chúng sanh, nguyện linh thường đắc an lạc, vô chư bệnh khổ, dục hành ác pháp, giai tất bất thành, sở tu thiện nghiệp giai tốc thành tựu. Diệt dĩ thử thập sanh bỉ quốc độ giả, lâm mạng chung thời, duy thử nguyện vương, bất tương xả ly, ư nhất thiết thời, dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na trung, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới.

(鈔) 華嚴十願者，一者禮敬諸佛，乃至十，普皆迴向，亦以此十生彼國土。以上皆菩薩廣大智行，非可易植

易修。今持名功德，就使十心未備，十願未齊，淨業一成，便生彼國。既得往生，此心此願，自然成就，豈非多善根福德乎？不經迂曲，是謂直捷；無諸煩瑣，是謂簡易。直捷而深造，簡易而廣獲，諸餘法門之所不及，是謂殊勝。

(演)禮敬諸佛者，所有盡法界虛空界，十方三世一切諸佛，我悉以清淨三業，常修禮敬，一一佛所皆現不可說微塵數身，一一身遍禮不可說微塵數佛。普皆回向者，從初禮拜，乃至隨順，所有功德皆悉回向盡法界一切眾生，願令常得安樂，無諸病苦，欲行惡法，皆悉不成，所修善業皆速成就。亦以此十生彼國土者，臨命終時，唯此願王，不相捨離，於一切時，引導其前，一剎那中，即得往生極樂世界。

(Sao: “Mười nguyện Hoa Nghiêm”: Một là lễ kính chư Phật, cho đến mười là hồi hướng trọn khắp, cũng dùng mười nguyện này để sanh về cõi nước ấy. Những điều trên đây đều là trí hạnh rộng lớn của Bồ Tát, chẳng thể dễ gieo, dễ tu. Nay do công đức của trì danh bèn khiến cho [hành nhân tuy] mười tâm chưa đầy đủ, mười nguyện chưa bằng [với Phổ Hiền Bồ Tát], nhưng hễ tinh nghiệp đã thành, liền sanh về cõi ấy. Đã được vãng sanh thì tâm ấy và nguyện ấy tự nhiên thành tựu, há chẳng phải là nhiều thiện căn, lắm phước đức hay chăng? Chẳng phải quanh co, nên nói là “thẳng chóng”. Không có các nỗi rắc rối, nên nói là “đơn giản, dễ dàng”. Thẳng chóng mà thành tựu sâu xa; đơn giản, dễ dàng mà thu hoạch rộng lớn, các pháp môn khác chẳng sánh bằng, nên nói là “thù thắng”).

Diễn: “Lễ kính chư Phật”: Đối với tất cả tận pháp giới hư không giới mười phương ba đời hết thấy chư Phật, tôi đều dùng ba nghiệp thanh tịnh tam nghiệp thường tu lễ kính. Nơi mỗi đức Phật, đều hiện bất khả thuyết vi trần số thân. Mỗi thân lễ kính bất khả thuyết vi trần số Phật. “Đều cùng hồi hướng trọn khắp”: Từ điều đầu tiên là lễ bái cho đến tùy thuận, tất cả công đức thấy đều hồi hướng hết thấy chúng sanh trong cùng tận pháp giới, nguyện cho họ thường được yên vui, không bị các bệnh khổ, muốn hành ác pháp thấy đều chẳng thành, tu tập thiện nghiệp đều nhanh chóng thành tựu. “Cũng dùng mười hạnh nguyện này

để sanh về cõi ấy”: Khi mạng sắp chấm dứt, chỉ có mười nguyên vương này chẳng hề lìa bỏ, trong hết thảy các thời, nó dẫn dắt trước mặt, trong một sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc).

(Sớ) *Thiện nam tử nữ nhân giả, Thiện hữu nhị nghĩa: Nhất thị túc sanh thiện nhân; nhất thị kim sanh thiện loại. Nam nữ giả, thông chỉ truy, tố, lợi, độn, cập lục đạo nhất thiết hữu duyên chúng sanh dã.*

(Sao) *Túc thể thiện nhân giả, Đại Bản vân: “Thế gian nhân dân, tiền thế vi thiện, nãi đắc văn A Di Đà Phật danh hiệu công đức”. Nhất văn Phật danh, từ tâm hỷ duyệt, chí ý thanh tịnh, mao phát từng nhiên, lệ tức xuất giả, hoặc túc thể tăng hành Phật đạo, hoặc tha phương Phật sở Bồ Tát, cố phi phạm nhân, tắc tín tâm niệm Phật giả, giai túc tu thiện bốn giả dã.*

(Diễn) *“Nhất văn Phật danh, từ tâm hỷ duyệt” ngũ cú, dĩ Phật nãi khoáng kiếp tu Từ vi Thể cố, Phật nãi đoạn tận vô minh tối thanh tịnh cố, Phật nãi huýnh xuất thường lưu, vạn kiếp nan văn cố. Kim văn Phật danh tức sanh Từ tâm, nãi chí lệ tức xuất giả, nhĩ văn Phật danh, tâm khế Phật tâm. Như Tu Đạt trưởng giả, nhân văn Phật tự, thông thân mao thụ, thị dã. Kim nhân văn Phật danh, phẩm nhĩ tâm thường giả, bất tri Phật nghĩa, thiện căn thiểu cố.*

(Sớ) *善男子女人者，善有二義：一是宿生善因；一是今生善類。男女者，通指緇素利鈍，及六道一切有緣眾生也。*

(Sớ) *宿世善因者，大本云：世間人民，前世為善，乃得聞阿彌陀佛名號功德。一聞佛名，慈心喜悅，志意清淨，毛髮聳然，淚即出者，或宿世曾行佛道，或他方佛所菩薩，固非凡人，則信心念佛者，皆宿修善本者也。*

(Sớ) *一聞佛名，慈心喜悅五句，以佛乃曠劫修慈為體故，佛乃斷盡無明最清淨故，佛乃迴出常流，萬劫難聞故。今聞佛名即生慈心，乃至淚即出者，耳聞佛名，心契佛心。如須達長者，因聞佛字，通身毛豎，是也。今人聞佛名，泛爾尋常者，不知佛義，善根淺故。*

(Sớ) *“Thiện nam tử, thiện nữ nhân”: Thiện có hai nghĩa: Một là cái nhân lành trong đời trước, hai là những điều thiện trong đời này.*

“Nam nữ” chỉ chung tăng, tục, lợi căn, độn căn, và hết thảy chúng sanh hữu duyên trong lục đạo.

Sao: “Nhân lành đời trước”: Kinh Đại Bản nói: “Nhân dân trong thế gian, đời trước làm lành, bèn được nghe công đức của danh hiệu A Di Đà Phật”. Vừa nghe danh hiệu Phật, tâm sanh lòng Từ, vui sướng, chí ý thanh tịnh, lông tóc dựng lên, liền ứa lệ, thì hoặc là do trong đời trước đã từng hành Phật đạo, hoặc là Bồ Tát từ nơi các đức Phật ở những phương khác, chẳng phải là phàm nhân. Vì vậy, người tín tâm niệm Phật đều là do gốc lành đã tu trong đời trước.

Diễn: Năm câu [kể từ] “vừa nghe danh hiệu Phật, tâm sanh lòng Từ, vui sướng” trở đi, [ý nói]: Do từ nhiều kiếp lâu xa, đức Phật đã dùng “tu lòng Từ” để làm Thế, Phật đã đoạn hết vô minh, thanh tịnh bậc nhất, Phật đã vượt xa những hạng bậc thông thường, muôn kiếp khó được nghe [danh hiệu Ngài]. Nay nghe danh hiệu Phật, bèn sanh lòng Từ, cho đến “liền ứa lệ”, tai nghe danh hiệu Phật, tâm khế hợp tâm Phật. Như trưởng giả Tu Đạt Đa do nghe chữ Phật mà lông trên toàn thân dựng hết lên, chính là vì lẽ này. Người thời này nghe danh hiệu Phật, nói chung là cảm thấy tâm thương, do chẳng biết đến ý nghĩa của chữ Phật, là vì thiện căn nông cạn vậy).

(Sao) Kim sanh thiện loại giả, như Hoa Nghiêm vân: “Ninh tại chư ác thú, hằng đắc văn Phật danh. Bất dục sanh thiện đạo, tạm thời bất văn Phật”. Phù bất dĩ nhân thiên vi thiện, nhi dĩ đắc văn Phật danh vi thiện, tắc tín tâm niệm Phật giả, giai thiện nhân chi trù loại dã.

(Diễn) Ninh tại chư ác thú tứ cú, ác thú nhiệt nã, thiện thú thanh lương. Kim ninh thọ nhiệt nã, bất dục thanh lương giả, dĩ hữu văn Phật, bất văn Phật chi đắc thất, nhi phân tổn ích cố. Ác đạo văn Phật, như nhân thiệp khanh khảm hiểm đạo, đắc đồ nhật nguyệt quang minh. Thiện thú bất văn Phật, như nhân lý bình thảo, kang trang, bất kiến nhật nguyệt chi quang.

(鈔) 今生善類者，如華嚴云：寧在諸惡趣，恆得聞佛名。不欲生善道，暫時不聞佛。夫不以人天為善，而以得聞佛名為善，則信心念佛者，皆善人之儔類也。

(演) 寧在諸惡趣四句，惡趣熱惱，善趣清涼。今寧受熱惱，不欲清涼者，以有聞佛，不聞佛之得失，而分損益

故。惡道聞佛，如人涉坑坎險道，得睹日月光明。善趣不聞佛，如人履平坦康莊，不見日月之光。

(Sao: “Những điều lành trong đời này”: Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Thà trong các đường ác, luôn được nghe tên Phật. Chẳng muốn sanh đường lành, tạm thời chẳng nghe Phật”. Chẳng coi nhân thiên là lành, mà coi chuyện được nghe danh hiệu Phật là lành. Do vậy, người tín tâm niệm Phật đều thuộc loại người lành.

Diễn: Bốn câu “thà ở trong các đường ác”, [ý nói]: Đường ác nóng bức, khổ não, đường lành mát mẻ. Nay thà hứng chịu nhiệt não, chẳng muốn mát mẻ. Dùng lẽ được, mất do được nghe danh hiệu Phật hay không để phân định tổn hại hay lợi ích. Trong ác đạo, được nghe [danh hiệu] Phật như người đi trên đường hiểm trở đầy hầm hố, được trông thấy quang minh của mặt trời và mặt trăng. Trong đường lành, chẳng nghe [danh hiệu] Phật, như người đi trên đường bằng phẳng, khang trang, mà chẳng thấy ánh sáng của mặt trời hay mặt trăng).

(Sao) Truy tố lợi độn giả, Tịnh Độ pháp môn, nhất thiết thâm nhiếp. Như Đại Bản vân: “Kỳ thượng bôi giả, xả gia ly tục, nhi tác sa-môn”. Diệc hữu bất xả gia ly tục giả, tức xuất gia ngũ chúng, tại gia nhĩ chúng dã. Dẫn niệm Phật giả, câu đặc vãng sanh, thị thông truy tố. Hựu liên phân cửu phẩm: Thượng cai thịnh đức Bồ Tát, hạ cập du du phàm phu, nãi chí ác nhân đẳng, dẫn niệm Phật giả, diệc đặc vãng sanh, thị thông lợi độn. Hựu quý, súc, địa ngục, thư, hùng, tẩn, mẫu, diệc khả quân danh nam nữ, dẫn niệm Phật giả, câu đặc vãng sanh, thị thông nhất thiết chúng sanh dã. Kê cổ nghiệm kim, phả tải nhất, nhĩ, nguyện tường lãm yên.

(Diễn) Thượng cai thịnh đức Bồ Tát, hạ cập du du phàm phu giả, Quán Kinh Sớ vân: “Thượng phẩm chi nhân, thí tụng Tập Chứng, chung chí Giải Hạnh Bồ Tát. Trung phẩm giả, tụng ngoại phàm Thập Tín dĩ hạ. Hạ phẩm tức thị kim thời du du phàm phu”. Thích vân: Thập Trụ danh Tập Chứng Tánh, Thập Hạnh danh Tánh Chứng Tánh, Thập Hồi Hướng danh Đạo Chứng Tánh. Thử tam thập vị tổng danh Giải Hạnh, thị Biệt Giáo nội phàm. Thập Tín tức thị ngoại phàm. Du du phàm phu thị danh tự nhân, thượng vị phục Hoặc, tu hành bất tinh tấn giả.

(鈔) 緇素利鈍者，淨土法門，一切收攝。如大本云：其上輩者，捨家離俗，而作沙門。亦有不捨家離俗者，即

出家五眾，在家二眾也。但念佛者，俱得往生，是通緇素。又蓮分九品：上該盛德菩薩，下及悠悠凡夫，乃至惡人等，但念佛者，亦得往生，是通利鈍。又鬼畜地獄，雌雄牝牡，亦可均名男女，但念佛者，俱得往生，是通一切眾生也。稽古驗今，頗載一二，願詳覽焉。

(演)上該盛德菩薩，下及悠悠凡夫者，觀經疏云：上品之人，始從習種，終至解行菩薩。中品者，從外凡十信以下。下品即是今時悠悠凡夫。釋云：十住名習種性，十行名性種性，十回向名道種性。此三十位總名解行，是別教內凡。十信即是外凡。悠悠凡夫是名字人，尚未伏惑，修行不精進者。

(Sao: “Tăng, tục, lợi căn, độn căn”: Pháp môn Tịnh Độ thâm nhiếp hết thảy. Như kinh Đại Bản nói: “Bậc thượng là những người bỏ nhà lìa tục, làm sa-môn”; mà cũng có người chẳng bỏ nhà lìa tục, tức là [bao gồm] năm chúng xuất gia và hai chúng tại gia. Chỉ căn là người niệm Phật, sẽ đều được vãng sanh, tăng lần tục đều là như vậy. Lại chia thành chín phẩm sen: Trên bao gồm bậc Bồ Tát đức đầy, dưới là đến hàng phàm phu chệnh mảng, cho đến những kẻ ác v.v... Chỉ căn niệm Phật cũng được vãng sanh, lợi căn và độn căn đều là như vậy. Lại nữa, quý, súc sanh, địa ngục, trống, mái, đực, cái, cũng đều có thể gọi là nam nữ. Chỉ căn niệm Phật, sẽ đều được vãng sanh, hết thảy chúng sanh đều là như vậy. Dẫn chuyện xưa để suy nghiệm chuyện nay, [những điều được chép trong truyện ký] chỉ là ghi chép một hai điều, mong hãy xem kỹ).

Diễn: “Trên bao gồm bậc Bồ Tát đức đầy, dưới là đến hàng phàm phu chệnh mảng”. Quán Kinh Sớ giảng: “Thượng phẩm, khởi đầu từ hàng Tập Chúng (Thập Trụ) cho đến cuối cùng là bậc Giải Hạnh Bồ Tát. Trung phẩm là từ hạng ngoại phàm Thập Tín trở xuống. Hạ phẩm chính là hạng phàm phu chệnh mảng trong hiện thời”.

Chú thích: Thập Trụ gọi là Tập Chúng Tánh, Thập Hạnh gọi là Tánh Chúng Tánh, Thập Hồi Hướng gọi là Đạo Chúng Tánh. Ba mươi địa vị này được gọi chung là Giải Hạnh, thuộc về nội phàm trong Biệt Giáo, Thập Tín chính là ngoại phàm. “Phàm phu chệnh mảng” là người thuộc địa vị Danh Tự, còn chưa chế phục phiền não, tu hành chẳng tinh tấn).

(Sớ) Thứ văn hữu tam: Vị Di Đà danh hiệu, thị tiêu niệm cảnh. Chấp trì nhất tâm, thị minh niệm pháp. Nhất nhật, thất nhật, thị khắc niệm kỳ.

(Diễn) Niệm cảnh giả, tức sở quán chi lý; niệm pháp, tức năng quán chi trí.

(Sao) Phi cảnh, tắc pháp vô sở thi. Phi pháp, tắc cảnh vi hư lập. Phi kỳ, tắc tuy cảnh thắng, pháp cường, giải đãi, nhân tuần, công bất tốc kiến. Tam sự cụ cố, năng linh tịnh nghiệp quyết định thành tựu.

(疏)次文有三：謂彌陀名號，是標念境。執持一心，是明念法。一日七日，是剋念期。

(演)念境者，即所觀之理；念法，即能觀之智。

(鈔)非境，則法無所施。非法，則境為虛立。非期，則雖境勝法強，懈怠因循，功不速建。三事具故，能令淨業決定成就。

(Sớ) Đoạn kinh văn kế tiếp gồm có ba phần: Nói đến danh hiệu Di Đà nhằm nêu ra niệm cảnh. Chấp trì và nhất tâm là nêu rõ cách niệm. Một ngày [cho đến] bảy ngày là ấn định kỳ hạn niệm Phật.

Diễn: Niệm cảnh là cái lý được quán, niệm pháp là cái trí để quán [cái lý ấy].

Sao: Chẳng có cảnh, sẽ chẳng có pháp nào để thực hiện. Chẳng có pháp thì cảnh chỉ được kiến lập suông. Chẳng có kỳ hạn thì tuy cảnh thù thắng, pháp mạnh mẽ, nhưng vì biếng nhác, chần chừ, công phu chẳng được kiến lập nhanh chóng. Do ba chuyện ấy đầy đủ, có thể khiến cho tịnh nghiệp quyết định thành tựu).

(Sớ) Tiêu niệm cảnh giả, bỉ Phật vạn đức thành tựu Tịnh Độ nhiếp sanh, cố dĩ A Di Đà Phật tứ tự hồng danh, vì sở niệm chi cảnh. Y chỉ tu hành, hữu sở nghệ cố.

(Diễn) Vạn đức thành tựu Tịnh Độ nhiếp sanh giả, nhân tu vạn hạnh, quả thành vạn đức, gia dĩ tứ thập bát nguyện, trang nghiêm Tịnh Độ, nhiếp hóa chúng sanh, bất đồng dư cố. Y chỉ tu hành giả, chúng sanh vị năng liễu ngộ tự tâm, vị đắc thoát thế vô y, tất tu y cảnh phát tâm, thú hướng hữu địa. Kim y Phật danh, như long đắc thủy, như hổ khát sơn, hữu sở nghệ cố.

(疏)標念境者，彼佛萬德成就淨土攝生，故以阿彌陀

佛四字洪名，為所念之境。依之修行，有所詣故。

(演)萬德成就淨土攝生者，因修萬行，果成萬德，加以四十八願，莊嚴淨土，攝化眾生，不同餘故。依之修行者，眾生未能了悟自心，未得脫體無依，必須依境發心，趣向有地。今依佛名，如龍得水，如虎靠山，有所詣故。

(Sớ: “*Nêu ra cảnh để niệm*”: Đức Phật ấy do vạn đức mà thành tựu cõi Tịnh Độ để nhiếp hóa chúng sanh, cho nên dùng hồng danh bốn chữ A Di Đà Phật làm cảnh để niệm. Nương theo đó tu hành thì sẽ có chỗ để đạt đến.

Diễn: “*Vạn đức tạo thành cõi Tịnh Độ để nhiếp hóa chúng sanh*”: Cái nhân là tu vạn hạnh, cho nên cái quả là thành tựu vạn đức. Lại thêm bốn mươi tám nguyện, trang nghiêm Tịnh Độ, nhiếp hóa chúng sanh, chẳng giống [các vị Phật] khác. Người nương theo pháp ấy để tu hành chính là chúng sanh chưa thể liễu ngộ tự tâm, chưa thể thoát khỏi cái Thể, không nương cậy nữa; [hạng người như vậy] ắt phải nương vào cảnh để phát tâm hồng có mục đích để hướng về. Nay nương vào danh hiệu Phật, sẽ như rồng được nước, như cọp dựa vào núi, cho nên có chỗ để hướng về).

(Sao) **Cực Lạc y chánh, ngôn Phật tiện châu. Phật công đức hải, diệt ngôn danh tiện châu. Cố dĩ tứ tự danh hiệu vi cảnh. Yư thử cảnh, nhi gia chấp trì, nhiên hậu hướng vãng hữu địa. Nghệ, chí dã, vị chí ư bỉ quốc dã. Hoặc vị: “Tâm ngoại vô cảnh, quán tâm tức tức, hà dĩ cảnh vi?” Bất tri tâm cảnh nhất như, diệt phục hồ phát. Tiên đức vị: “Hữu tam-muội trực quán tam đạo, hiển bốn tánh Phật”. Hữu tam-muội kiêm trì chú, hữu tam-muội kiêm tụng kinh, hữu tam-muội kiêm niệm Phật đảnh. Kim tiêu niệm cảnh, tức thị kiêm Niệm Phật tam-muội, giai trợ hiển bốn tánh chi Phật dã, hoặc trực hiển, hoặc trợ hiển, kỳ trí nhất dã. Huống sơ học phàm phu, chương nhiếp nùng hậu, toàn tư thẳng cảnh, phát ngã diệu tâm, thật vi tu hành yếu thuật, bất khả hốt dã.**

(Diễn) Ngôn danh tiện châu giả, dĩ thể gian chi danh, danh vô đắc vật chi công, vật vô đương danh chi thật, danh thật bất năng tương xứng. Kim Phật danh giả, danh ngoại vô thật, thật ngoại vô danh, danh thật bất nhị, cố ngôn danh tiện châu. “Hoặc vị” hạ nạn vân: “*Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, tâm ngoại vô cảnh, nhiên*

tắc hành nhân chỉ ưng quán tâm, hà vi quán cảnh hồ?” Đáp vân: Nhữ dẫn tri tâm ngoại vô cảnh, bất tri cảnh ngoại vô tâm. Tâm giả toàn cảnh chi tâm, cảnh giả toàn tâm chi cảnh. Ký vô tâm ngoại chi cảnh, vi tâm sở chiếu; diệt vô cảnh ngoại chi tâm, năng chiếu ư cảnh, tâm cảnh nhất như dã. Bất độc tâm cảnh nhất như, diệt phục tâm cảnh hồ phát. Tiên tá Tây Phương giả tưởng chi cảnh, phát ngã linh minh diệu tâm, dĩ ngã linh minh diệu tâm, phục phát Tây Phương chân cảnh. Dĩ cảnh phát tâm, dĩ tâm phát cảnh, trùng trùng hồ phát, hồ hiển, dụ như ma kính, dữ ma dữ tịnh, dữ tịnh dữ ma dã. Hựu hồ phát giả, tức Diệu Tông sở vị: “Cứ hồ tâm tánh, quán bỉ y chánh, y chánh khả chương. Thác bỉ y chánh, quán ư tâm tánh, tâm tánh dĩ phát dã”. Trục quán tam đạo, hiển bốn tánh Phật giả, tam đạo tức chúng sanh Hoặc, Nghiệp, Khổ dã. Bốn tánh nãi Tam Đức bí tạng, tức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát. Chúng sanh mê Tam Đức bí tạng, vi Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo. Chư Phật ngộ Hoặc, Nghiệp, Khổ tam đạo, vi Tam Đức bí tạng. Cổ viên đồn hành nhân, bất tất ly thử tam đạo, biệt quán Tam Đức. Quán Khổ đạo tức Pháp Thân, huyễn hóa không thân tức Pháp Thân cố. Quán Hoặc đạo tức Bát Nhã. Tham, sân, si tức chư Phật bất động trí cố. Quán Nghiệp đạo tức Giải Thoát, thân khẩu sở tác tức pháp tánh chi đại dụng cố. Hữu tam-muội kiêm trì chú giả, vị bất năng trục quán bốn tánh giả, cánh dĩ dị phương tiện, trợ hiển Đề Nhất Nghĩa, như Phương Đẳng tam-muội kiêm trì chú. Pháp Hoa tam-muội kiêm tụng kinh, Thập Lục Quán, Bát Châu Tam Muội, cập dữ thử kinh tắc kiêm niệm Phật. Vị chi kiêm giả, dĩ lý quán vi chánh, sự hành vi trợ cố. “Hoặc trục hiển” hạ, hoặc vân vân: “Trục quán, trợ hiển công hạnh bất đồng, chứng quả chi thời, đắc vô thâm thiền?” Cổ vân: Trục quán, trợ hiển, tuy vân bất đồng, trục chí thành công, vô nhị, vô biệt. Phương tiện đa môn, quy nguyên vô nhị cố. Huống sơ học hạ, vị sở vân trợ hiển giai cửu tu thượng sĩ, lý quán tinh thuần, dẫn giả sự vi trợ. Nhược sơ học phàm phu chướng nhiễm nùng hậu, lý quán hoang vu, toàn tư Di Đà thắng cảnh, phát ngã linh minh diệu tâm, tu ư tứ tự hồng danh, toàn thân trước đảo. Cổ tri trì danh thật vi tu hành yếu thuật, bất khả hốt dã.

(鈔)極樂依正，言佛便周。佛功德海，亦言名便周。故以四字名號為境。依於此境，而加執持，然後向往有地。詣，至也，謂至於彼國也。或謂：心外無境，觀心即足，何以境為？不知心境一如，亦復互發。先德謂：有三

昧直觀三道，顯本性佛。有三昧兼持咒，有三昧兼誦經，有三昧兼念佛等。今標念境，即是兼念佛三昧，皆助顯本性之佛也，或直顯，或助顯，其致一也。況初學凡夫，障染濃厚，全資勝境，發我妙心，實為修行要術，不可忽也。

(演)言名便周者，以世間之名，名無得物之功，物無當名之實，名實不能相稱。今佛名者，名外無實，實外無名，名實不二，故言名便周。或謂下難云：三界唯心，萬法唯識，心外無境，然則行人止應觀心，何為觀境乎？答云：汝但知心外無境，不知境外無心。心者全境之心，境者全心之境。既無心外之境，為心所照；亦無境外之心，能照於境，心境一如也。不獨心境一如，亦復心境互發。先借西方假想之境，發我靈明妙心，以我靈明妙心，復發西方真境。以境發心，以心發境，重重互發互顯，喻如磨鏡，愈磨愈淨，愈淨愈磨也。又互發者，即妙宗所謂：據乎心性，觀彼依正，依正可彰。託彼依正，觀於心性，心性易發也。直觀三道，顯本性佛者，三道即眾生惑業苦也。本性乃三德秘藏，即法身，般若，解脫。眾生迷三德秘藏，為惑業苦三道。諸佛悟惑業苦三道，為三德秘藏。故圓頓行人，不必離此三道，別觀三德。觀苦道即法身，幻化空身即法身故。觀惑道即般若。貪瞋痴即諸佛不動智故。觀業道即解脫，身口所作即法性之大用故。有三昧兼持咒者，謂不能直觀本性者，更以異方便，助顯第一義，如方等三昧兼持咒。法華三昧兼誦經，十六觀，般舟三昧，及與此經則兼念佛。謂之兼者，以理觀為正，事行為助故。或直顯下，或問云：直觀，助顯功行不同，證果之時，得無深淺。故云：直觀助顯，雖云不同，直至成功，無二無別。方便多門，歸元無二故。況初學下，謂所云助顯皆久修上士，理觀精純，但假事為助。若初學凡夫障染

濃厚，理觀荒蕪，全資彌陀勝境，發我靈明妙心，須於四字洪名，全身著倒。故知持名實為修行要術，不可忽也。

(Sao: Đối với y báo và chánh báo trong cõi Cực Lạc, hãy nói “Phật” liền trọn đủ. Đối với biển công đức của Phật, cũng nói đến danh hiệu liền trọn đủ. Vì thế, dùng danh hiệu gồm bốn chữ để làm cảnh. Nương theo cảnh ấy, lại còn chấp trì; sau đấy, sẽ có chỗ để hướng về. “Nghệ” là đến, ý nói: Đạt tới cõi ấy. Chắc là có kẻ sẽ nói “ngoài tâm chẳng có cảnh, quán tâm là đủ, sao lại có cảnh để làm gì?” Chẳng biết tâm và cảnh như một, chúng cũng lại phát khởi lẫn nhau.

Bậc tiên đức nói: “Có khi dùng tam-muội để quán thẳng vào tam đạo, hòng hiển thị vị Phật trong bốn tánh. Có tam-muội kiêm trì chú, có tam-muội kiêm tụng kinh, có tam-muội kiêm niệm Phật” v.v... Nay nêu lên niệm cảnh, tức là kiêm thêm Niệm Phật tam-muội, đều nhằm giúp hiển lộ vị Phật nơi bốn tánh. Hoặc là trực hiển (hiển lộ trực tiếp), hoặc là trợ hiển (phụ trợ hiển lộ), nhưng đạt đến mục tiêu thì là một. Huống hồ phàm phu sơ học chướng nhiễm nồng đậm, hoàn toàn cậy vào cảnh thù thắng để phát khởi diệu tâm của chính mình, thật sự là cách thức trọng yếu trong tu hành, chớ nên sơ sễ vậy.

Diễn: “Nói tới danh hiệu liền trọn đủ”, bởi đối với danh từ trong cõi đời thì danh xưng chẳng có công năng của vật, mà vật chẳng phải là thực chất xứng với tên gọi. Danh xưng và sự thật chẳng thể tương xứng. Nay danh hiệu Phật ngoài danh chẳng có thật, ngoài thật chẳng có danh, danh và sự thật chẳng hai, cho nên nói đến danh bèn trọn đủ.

Từ chữ “hoặc nói” trở đi là lời cật vấn: “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, ngoài tâm chẳng có cảnh, vậy thì người tu hành chỉ nên quán tâm, sao lại quán cảnh?” Đáp rằng: - Ông chỉ biết ngoài tâm không có cảnh, chẳng biết ngoài cảnh chẳng có tâm. Tâm là cái tâm nơi toàn thể cảnh, cảnh là cái cảnh trong toàn bộ cái tâm. Đã không có cảnh ở ngoài tâm để được chiếu bởi tâm, thì cũng chẳng có cái tâm ở ngoài cảnh để có thể chiếu cảnh. Tâm và cảnh như một. Không chỉ là tâm và cảnh như nhau, mà còn là tâm và cảnh phát khởi lẫn nhau. Trước hết, mượn cái cảnh giả tưởng của Tây Phương để phát khởi cái tâm mẫu nhiệm linh minh của ta, [sau đó], dùng cái tâm mẫu nhiệm linh minh của ta để lại phát khởi cảnh Tây Phương chân thật. Dùng cảnh để phát khởi tâm, dùng tâm để phát khởi cảnh, phát khởi, hiển lộ lẫn nhau, tầng tầng giao xen, ví như mài gương, càng mài càng sạch, càng sạch bèn càng mài. “Lại phát khởi lẫn nhau” chính là như Quán Kinh Diệu Tông Sao

đã nói: “Dựa trên tâm tánh để quán y báo và chánh báo, thì y báo và chánh báo có thể hiển lộ. Nương vào y báo và chánh báo để quán tâm tánh, tâm tánh sẽ dễ phát khởi”.

“Quán thẳng vào tam đạo nhằm hiển lộ vị Phật trong bốn tánh”: Tam đạo chính là Hoặc, Nghiệp, Khổ của chúng sanh. Bốn tánh chính là Tam Đức bí tạng, tức là Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát. Chúng sanh do mê tam đức bí tạng, nên là tam đạo Hoặc, Nghiệp, Khổ. Chư Phật đã ngộ tam đạo Hoặc, Nghiệp, Khổ, [những thứ ấy] trở thành Tam Đức bí tạng. Vì thế, hành nhân viên đốn chẳng cần phải lìa khỏi tam đạo để quán riêng Tam Đức. Quán Khổ đạo chính là Pháp Thân, vì thân huyền hóa, rỗng rang chính là Pháp Thân. Quán Hoặc đạo chính là Bát Nhã; do tham, sân, si chính là trí bất động của chư Phật. Quán Nghiệp đạo chính là Giải Thoát, vì những điều tạo tác bởi thân và miệng chính là tác dụng to lớn của pháp tánh.

“Có tam-muội kiêm trì chú” nghĩa là đối với người chưa thể quán trực tiếp bản tánh, bèn dùng phương tiện lạ để giúp hiển lộ Đệ Nhất Nghĩa. Như Phương Đăng tam-muội có kèm thêm trì chú, Pháp Hoa tam-muội kiêm tụng kinh. Kinh Thập Lục Quán, Bát Châu Tam Muội, và kinh này thì kiêm niệm Phật. Nói là “kiêm” vì dùng lý quán là chánh yếu, dùng sự hành (thực hành nơi mặt Sự) để giúp thêm.

Từ câu “hoặc là trực hiển” trở đi, [ý nói] có lẽ sẽ có người hỏi: “Trực quán và trợ hiển công hạnh khác nhau, khi chứng quả, há chẳng có sâu hay cạn ư?” Vì thế nói: Trực quán và trợ hiển tuy khác nhau, nhưng đạt đến thành công bèn chẳng hai, chẳng khác, do phương tiện có nhiều môn, nhưng trở về nguồn thì chẳng hai.

Từ câu “huống hồ hàng sơ học” trở đi, ý nói: Bảo là “trợ hiển” thì đều là bậc thượng sĩ tu tập đã lâu, Lý quán tinh thuần, chỉ mượn Sự để phụ trợ. Nếu là kẻ phàm phu sơ học, chướng nhiễm nồng đậm, lý quán mù mịt, thì phải hoàn toàn nương nhờ cảnh thù thắng của Phật Di Đà hồng phát khởi cái tâm mâu nhiệm linh minh của ta. Hãy nên toàn thân dốc sức nơi bốn chữ hồng danh. Vì thế biết trì danh thật sự là một thuật trọng yếu trong tu hành, chớ nên sơ sễ).

(Sớ) Minh niệm pháp giả, vị ký văn thánh hiệu, yếu tại chấp trì. Chấp giả, văn tư thọ chi, dũng mãnh, quả quyết, bất dao đoạt cố. Trì giả, thọ tư, thủ chi, thường vĩnh trình cố, bất di vọng cố.

(Diễn) Văn tư thọ chi giả, vị văn tư thù thắng pháp môn, thông thân lãnh hà, trực hạ thừa đương, dũng vãng trực tiền, bất vị tha kỳ sở

động. Thọ tư thủ chỉ giả, vị lãnh tư thủ thắng pháp môn, chung thân y phó, niệm niệm bất ly, dữ sanh câu sanh, bất chí trung đạo nhi phế dã.

(疏)明念法者，謂既聞聖號，要在執持。執者，聞斯受之，勇猛果決，不搖奪故。持者，受斯守之，常永貞固，不遺妄故。

(演)聞斯受之者，謂聞斯殊勝法門，通身領荷，直下承當，勇往直前，不為他岐所動。受斯守之者，謂領斯殊勝法門，終身依付，念念不離，與生俱生，不至中道而廢也。

(Sớ: “Nói rõ về cách niệm”, tức là đã nghe thánh hiệu, cốt yếu là chấp trì. “Chấp” là nghe điều ấy (bộ kinh này và danh hiệu đức Phật) rồi bền tiếp nhận, dùng mãi, quả quyết, chẳng bị lay chuyển, chẳng bị đoạt mất ý nguyện. “Trì” là đã tiếp nhận pháp ấy bền gìn giữ cho thường hằng, bền chắc, chẳng để sơ sót, quên mất.

Diễn: “Nghe điều ấy rồi tiếp nhận” nghĩa là: Nghe pháp môn thù thắng này, toàn thân tiếp nhận, gánh vác, ngay lập tức đảm đương, mạnh mẽ tiến thẳng lên trước, chẳng bị lay động bởi những đường rẽ khác. “Đã tiếp nhận pháp ấy bền gìn giữ” nghĩa là đã lãnh nhận pháp môn thù thắng này, bền suốt đời nương tựa, trông cậy [pháp môn] này, niệm niệm chẳng lìa, luôn gắn liền với cuộc đời, chẳng đến nỗi phế trừ giữa chừng).

(Sao) Chấp trì phân thích như thượng. Đơn ngôn Trì, tắc nhiếp Chấp; tổng chỉ vi chuyên niệm bất vong ý dã. Hựu Trì phục hữu sở chủng: Nhất giả, minh trì, vị xuất thanh xưng niệm. Nhị giả, mặc trì, vị vô thanh mật niệm. Tam giả, bán minh bán mặc trì, vị vi động thần thiết niệm, chú gia danh “Kim Cang Trì”, thị dã. Hựu hoặc ký số trì, hoặc bất ký số trì, cụ như Mật giáo trung thuyết, tùy tiện giai khả. Nhi các phân Sự, Lý. Ưc niệm vô gián, thị vị Sự Trì. Thễ cứu vô gián, thị vị Lý Trì. Hạ đương tường biện. Dĩ thị vi nhân, hậu nhất tâm bất loạn, diệc hữu Sự Lý. Kỳ bất giải thử ý giả, dĩ niệm Phật thị bị độn căn, tham Thiền nãi năng ngộ đạo. Sơ cơ văn thử, mặc năng tự quyết, bất tri thễ cứu niệm Phật, dữ tiền đại tôn tức giáo nhân cử thời đầu, hạ nghi tình, ý cực tương tự. Cố vị: “Tham Thiền bất tu biệt cử thời đầu, chỉ tiêu hướng nhất cú A Di Đà Phật thượng trước đảo”, diệp tại ngôn hồ!

(Diễn) Chỉ tiêu hướng nhất cú Di Đà trước đảo giả, cổ vân: “Nam-mô A Di Đà Phật, Tông Môn đầu tấc công án đẳng”, thị dã.

(鈔)執持分釋如上。單言持，則攝執；總之為專念不忘意也。又持復有數種：一者，明持，謂出聲稱念。二者，默持，謂無聲密念。三者，半明半默持，謂微動脣舌念，咒家名金剛持，是也。又或記數持，或不記數持，具如密教中說，隨便皆可。而各分事理。憶念無間，是謂事持。體究無間，是謂理持。下當詳辯。以是為因，後一心不亂，亦有事理。其不解此意者，以念佛是被鈍根，參禪乃能悟道。初機聞此，莫能自決，不知體究念佛，與前代尊宿教人舉話頭，下疑情，意極相似。故謂：參禪不須別舉話頭，只消向一句阿彌陀佛上著倒，妙哉言乎！

(演)只消向一句阿彌陀著倒者，古云：南無阿彌陀佛，宗門頭則公案等，是也。

(Sao: Cháp trì được tách ra để giải thích như trên. Chỉ nói là Trì thì đã bao gồm Cháp; nói chung, sẽ là ý nghĩa “chuyên niệm chẳng quên”. Lại nữa, Trì lại có mấy loại: Một là minh trì, tức là xưng niệm ra tiếng. Hai là mặc trì, ý nói không có âm thanh, niệm thầm. Ba là bán minh bán mặc trì, nghĩa là khẽ động môi lưỡi để niệm, người trì chú gọi cách này là Kim Cang Trì. Lại còn hoặc là trì bằng cách nhớ số, hoặc trì không nhớ số, cụ thể là như trong Mật giáo có nói, tùy thuộc phép nào thuận tiện [mà sử dụng] đều được. Nhưng mỗi pháp đều có chia thành Sự và Lý. Nhớ nghĩ chẳng gián đoạn thì là Sự Trì. Thể cứu chẳng gián đoạn thì gọi là Lý Trì. Trong phần sau, sẽ biện định căn kẽ. Lấy đó làm cái nhân, thì sau đó nhất tâm bất loạn cũng có Sự và Lý. Kẻ chẳng hiểu ý này, cho rằng niệm Phật là để thích ứng kẻ độn căn, tham Thiền mới có thể ngộ đạo. Kẻ sơ cơ nghe như vậy, chẳng thể tự quyết, chẳng biết thể cứu niệm Phật có ý nghĩa hết sức tương tự với chuyện các bậc cổ tôn túc dạy người khác đề khởi thoại đầu, dấy lên nghi tình. Vì thế nói “tham Thiền chẳng cần đề khởi câu thoại đầu nào khác, chỉ cần quy hết về một câu A Di Đà Phật để nghiền ngẫm”, lời ấy màu nhiệm thay!

Diễn: “Chỉ cần quy hết về một câu A Di Đà Phật để nghiền ngẫm”: Cổ nhân nói: “Nam-mô A Di Đà Phật chính là công án trong Tông Môn” v.v... là nói về ý này).

(Sớ) Hựu chấp trì, tức quy mạng nghĩa.

(Sao) Quy mạng giả, Phạn ngữ Nam-mô, giải kiến tiền tự. Nhược bất ủy thân quy mạng, yên năng nhất tâm chấp trì, cố nghĩa đồng dã. Quy phục nhị nghĩa, diệc như tiền Tự trung thuyết: Nhất giả, quy đầu nghĩa, chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng vãng, tức Sự nhất tâm. Nhị giả, quy nguyên nghĩa, chấp trì danh hiệu, hoàn quy nhất tâm, tức Lý nhất tâm dã.

(Diễn) Nhược bất ủy thân nhị cú, vị nhược triệt kiến niệm Phật chi diệu, tắc tự nhiên bất tích hình hài, bất cố thân mạng. Thiếu hữu ái luyến chi tâm, tắc bất năng nhất tâm chấp trì dã. Cổ vân: “Giả sử cân đoan, cốt khô, ngã thử công phu quyết bất thoái chuyển”. Hựu vân: “Giả sử nhiệt thiết luân, tại ngã danh thượng toàn, chung bất dĩ thử khổ, thoái thất Bồ Đề tâm”. “Nhất giả, quy đầu nghĩa” hạ, vị tiền quy mạng hữu đầu nghĩa. Kim chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng vãng, như điều đầu lân, như khách đầu chủ, như du tử linh đình, duy hữu tư quy nhất niệm. Thử dẫn sự tướng tinh cần, do vị mình Lý, tức Sự nhất tâm. Nhị giả, quy nguyên nghĩa, vị chấp trì danh hiệu, hoàn quy nhất tâm, tắc bối trần hợp giác, phản bổn hoàn nguyên, niệm niệm hoàn quy tự tâm, tức danh “quy nguyên”. Thử tắc bất duy Sự hành, kiêm tu Lý quán, vị Lý nhất tâm.

(疏)又執持，即歸命義。

(鈔)歸命者，梵語南無，解見前序。若不委身歸命，焉能一心執持，故義同也。歸復二義，亦如前序中說：一者，歸投義，執持名號，一心向往，即事一心。二者，歸元義，執持名號，還歸一心，即理一心也。

(演)若不委身二句，謂若徹見念佛之妙，則自然不惜形骸，不顧身命。少有愛戀之心，則不能一心執持也。古云：假使筋斷骨枯，我此工夫決不退轉。又云：假使熱鐵輪，在我頂上旋，終不以此苦，退失菩提心。一者，歸投義下，謂前皈命有投義。今執持名號，一心向往，如鳥投林，如客投主，如游子伶仃，唯有思歸一念。此但事相精勤，猶未明理，即事一心。二者，歸元義，謂執持名號，還歸一心，則背塵合覺，返本還源，念念還歸自心，即名歸元。此則不唯事行，兼修理觀，為理一心。

(Sớ: “Chấp trì” lại có nghĩa là “quy mạng”).

Sao: “Quy mạng”: Tiếng Phạn là Nam-mô, xem [lời giải thích chữ Nam-mô] trong phần Tự ở trước. Nếu chẳng toàn thân quy mạng, làm sao có thể nhất tâm chấp trì cho được? Vì thế, có ý nghĩa giống nhau. “Quy” lại có hai nghĩa cũng như trong phần [giải thích] lời Tựa ở trước đã nói. Một là ý nghĩa “quay về, gieo vào”: Chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng về, tức là Sự nhất tâm. Hai là ý nghĩa “quy nguyên” (trở về nguồn): Chấp trì danh hiệu, trở về nhất tâm, tức là Lý nhất tâm.

Diễn: Hai câu “nếu chẳng toàn thân”, ý nói: Nếu đã thấy thấu suốt sự mâu nhiệm của niệm Phật, sẽ tự nhiên chẳng tiếc hình骸, chẳng đoái hoài thân mạng. Nếu có chút tâm yêu luyến, sẽ chẳng thể nhất tâm chấp trì. Cổ nhân nói: “Giả sử gân đứt, xương khô, công phu này của ta quyết chẳng thoái chuyển”. Lại nói: “Ví bánh xe sắt nóng, xoay trên đỉnh đầu tôi, trợn chẳng do khổ ấy, thoái thất tâm Bồ Đề”.

Từ câu “một là ý nghĩa quay về, gieo vào” trở đi, ý nói: Trong sự quy mạng trên đây, có ý nghĩa “gieo vào”. Nay chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng đến, như chim quay về rừng, như khách nương tựa chủ, như kẻ lưu lạc lênh đênh, chỉ có một niệm mong quay về. Loại này chỉ chuyên ròng, siêng gắng nơi sự tướng, còn chưa hiểu Lý, chính là Sự nhất tâm.

Hai là ý nghĩa “quy nguyên” (trở về nguồn), nghĩa là chấp trì danh hiệu, trở về nhất tâm, tức là trái nghịch trần lao, xuôi theo tánh giác, quay về nguồn cội, niệm niệm trở về tự tâm, cho nên gọi là “quy nguyên”. Đây chẳng phải chỉ là hành theo Sự, mà còn kiêm tu Lý Quán, là Lý nhất tâm).

(Sớ) Dĩ thượng cảnh pháp nhị trung, phục hữu tam nghĩa: Nhất giả, văn thuyết Phật danh, thị vi Văn Huệ. Nhị giả, chấp thọ tại hoài, thị vi Tư Huệ. Tam giả, trì thủ bất vong, thị vi Tu Huệ.

(Sao) Văn Huệ giả, A Di Đà Phật tuy hữu vô lượng công đức, nhi thử công đức, phi văn bất tri, phi thuyết bất văn. Cổ Hoa Nghiêm vân: “Đắc vô sanh huệ, tiên lại đa văn”. Hựu vân: “Phật pháp vô nhân thuyết, tuy huệ bất năng liễu”. Hoặc văn kinh luận chỉ sở tuyên dương, hoặc văn tri thức chỉ sở khai thị, nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng, thị chi vi Văn. Nhị ngôn Huệ giả, Văn tức thị Huệ. Đối mộc thạch thuyết, ngoan bất văn cố. Đối ngu nhân thuyết, văn bất xan thái, như bất văn cố. Cố viết Văn Huệ.

(Diễn) Phi văn bất tri giả, thử giới chúng sanh ư lục căn trung,

nhĩ căn thiên lợi. Nhĩ căn văn thanh, ý thức liễu biệt, phương thì đắc tri cố. Phi thuyết bất văn giả, thử độ thuyết pháp, duy Thích Ca Như Lai. Như Lai diễn thuyết, phương thì đắc văn cố. Đắc Vô Sanh Huệ nhị cú, dẫn chứng phi văn bất tri. Phật pháp vô nhân thuyết nhị cú, dẫn chứng phi thuyết bất văn.

(疏)以上境法二中，復有三義：一者，聞說佛名，是為聞慧。二者，執受在懷，是為思慧。三者，持守不忘，是為修慧。

(鈔)聞慧者，阿彌陀佛雖有無量功德，而此功德，非聞不知，非說不聞。故華嚴云：得無生慧，先賴多聞。又云：佛法無人說，雖慧不能了。或聞經論之所宣揚，或聞知識之所開示，一歷耳根，永為道種，是之謂聞。而言慧者，聞即是慧。對木石說，頑不聞故。對愚人說，聞不餐采，如不聞故。故曰聞慧。

(演)非聞不知者，此界眾生於六根中，耳根偏利。耳根聞聲，意識了別，方始得知故。非說不聞者，此土說法，唯釋迦如來。如來演說，方始得聞故。得無生慧二句，引證非聞不知。佛法無人說二句，引證非說不聞。

(Sớ: Đối với hai thứ cảnh và pháp trên đây, lại có ba nghĩa: Một là nghe nói danh hiệu Phật, đó là Văn Huệ. Hai là tiếp nhận, gìn giữ trong tâm, đó là Tư Huệ. Ba là gìn giữ chẳng mất, đó là Tu Huệ.

Sao: “Văn Huệ”: Tuy A Di Đà Phật có vô lượng công đức, nhưng công đức ấy nếu chẳng được nghe, sẽ không biết; nếu chẳng nói, sẽ không nghe. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: “Đắc vô sanh huệ thì trước hết phải cấy vào đa văn”. Lại nói: “Phật pháp không có ai nói thì tuy có trí huệ vẫn chẳng thể hiểu”. Hoặc nghe kinh luận tuyên dương, hoặc nghe tri thức khai thị, hễ thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Đó gọi là Văn. Nói là Huệ vì Văn chính là Huệ. Do nói với gỗ, đá, chúng trơ trơ chẳng nghe. Vì nói với kẻ ngu, họ tuy nghe mà chẳng thể tiêu hóa được, [cho nên] cũng như chẳng nghe. Vì thế, nói là Văn Huệ.

Diễn: “Không nghe sẽ không biết”: Chúng sanh trong cõi này, đối với lục căn thì căn tai đặc biệt nhạy bén. Tai nghe tiếng, ý thức phân biệt rành rẽ thì mới biết. “Chẳng nói sẽ không nghe”: Trong cõi này chỉ có Thích Ca Như Lai thuyết pháp. Như Lai diễn nói thì mới được nghe.

Hai câu “đắc Vô Sanh Huệ” nhằm dẫn chứng “chẳng nghe sẽ không biết”. Hai câu “Phật pháp không người nói” dẫn chứng “chẳng nói sẽ không nghe”).

(Sao) Tư Huệ giả, ký nhập hồ nhĩ, tu tồn hồ tâm, để thâm, để quán, thị hà pháp môn? Thị hà nghĩa lý? Thị chi vị Tư. Nhi ngôn Huệ giả, Tư tức thị Huệ. Cầm súc tuy văn, bất giải tư cố. Ngụ nhân tuy văn, nhập nhĩ xuất khẩu, bất ức tướng cố. Cố viết Tư Huệ. Tu Huệ giả, ký thâm tư chi, nghị lực hành chi, thị chi vị Tu. Nhi ngôn Huệ giả, Tư tức thị Huệ. Cuồng nhân tuy tư, tế tình dịch thần, bất thực tiến cố. Văn: Thử chỉ Tam Huệ, hữu hà chứng cứ? Phật Địa Luận văn: “Bồ Tát lý tam diệu huệ, Tịnh Độ vãng hoàn. Dĩ Văn, Tư, Tu, đắc nhập Tịnh Độ”. Cố tri niệm Phật tất hữu tam huệ.

(鈔) 思慧者，既入乎耳，須存乎心，諦審諦觀，是何法門？是何義理？是之謂思。而言慧者，思即是慧。禽畜雖聞，不解思故。愚人雖聞，入耳出口，不憶想故。故曰思慧。修慧者，既深思之，宜力行之，是之謂修。而言慧者，修即是慧。狂人雖思，敝精役神，不實踐故。問：此指三慧，有何證據？佛地論云：菩薩履三妙慧，淨土往還。以聞思修，得入淨土。故知念佛必有三慧。

(Sao: “Tư Huệ”: Đã lọt vào tai, cần giữ mãi trong tâm, suy nghĩ, quan sát kỹ lưỡng “đó là pháp môn nào? Là nghĩa lý như thế nào?” Đây gọi là Tư. Nhưng nói Tư là Huệ, vì Tư chính là Huệ. Do chim, thú tuy nghe, nhưng chẳng suy nghĩ, hiểu biết. Do kẻ ngu tuy nghe, lọt vào tai, bèn tuôn ra miệng, chẳng nhớ nghĩ. Vì thế, nói là Tư Huệ. Tu Huệ là đã suy nghĩ sâu xa, hãy nên tận lực hành, đó gọi là Tu. “Mà nói là Huệ”: Tu chính là Huệ. Do kẻ cuồng tuy suy nghĩ, nhọc nhằn tinh thần, nhưng chẳng thể biến thành thực tiến. Hỏi: “Tam Huệ như vừa được nêu ra đó, có chứng cứ gì hay không?” Phật Địa Luận nói: “Bồ Tát [do] thực hành ba diệu huệ mà qua lại Tịnh Độ”. Giải rằng, “do Văn, Tư, Tu được vào Tịnh Độ”. Vì thế, biết niệm Phật ắt có ba thứ huệ).

(Sớ) Phục hữu tam nghĩa, văn thuyết Phật danh, tâm bất nghi nhị, thị chi vị Tín. Tín dĩ nhi chấp, tâm khởi nhạo dục, thị chi vị Nguyện. Nguyện dĩ nhi trì, tâm cần tinh tấn, thị chi vị Hạnh.

(Sao) Tín Nguyện Hạnh, hạ văn trung đương biện.

(疏)復有三義，聞說佛名，心不疑貳，是之謂信。信已而執，心起樂欲，是之謂願。願已而持，心勤精進，是之謂行。

(鈔)信願行，下文當辯。

(Sớ: Lại có ba nghĩa: Nghe nói danh hiệu Phật, tâm chẳng nghi ngờ, đó gọi là Tín. Tín rồi giữ lấy, dấy lòng ưa thích, đó gọi là Nguyện. Nguyện rồi vâng giữ, tâm siêng năng, tinh tấn, đó gọi là Hạnh.

Sao: Tín, Nguyện, Hạnh sẽ được biện định trong phần kinh văn ở phía sau).

(Sớ) Danh hiệu giả, A Di Đà Phật tứ tự hồng danh, bất kiêm sắc tượng đẳng. Như Văn Thù Bát Nhã, cập Tỳ Bà Sa Luận trung thuyết, dĩ sắc tượng đẳng nhiếp danh trung cổ.

(Sao) Bất kiêm sắc tượng đẳng giả, chánh mình thử kinh chuyên chủ chấp trì danh hiệu dã. Văn Thù Bát Nhã kinh vân: “Phật cáo Văn Thù: - Dục nhập Nhất Hạnh tam-muội giả, ưng xử không nhàn, xả chư loạn ý, bất thủ tướng mạo, hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự. Tùy Phật phương sở, đoan thân chánh hướng, năng ư nhất Phật niệm niệm tương tục, tức thị niệm trung, năng kiến quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật. Niệm nhất Phật công đức, dữ niệm vô lượng Phật công đức vô nhị. A Nan sở văn Phật pháp, do trụ lượng số. Nhược đắc Nhất Hạnh tam-muội, chư kinh pháp môn, nhất nhất phân biệt, giai tất liễu tri, trú dạ tuyên thuyết, trí huệ biện tài, chung bất đoạn tuyệt. A Nan đa văn biện tài, bách thiên đẳng phần, bất cập kỳ nhất”. Long Thọ Tỳ Bà Sa Luận vân: “Phật pháp hữu vô lượng môn, như thế gian đạo, hữu nan, hữu dị. Dị hành tât chí, ưng đương niệm Phật, xưng kỳ danh hiệu, A Di Đà Phật bốn nguyện như thị”.

(Diễn) Nhất Hạnh tam-muội giả, kinh vân: “Pháp giới nhất tướng”. Hệ duyên pháp giới, thị danh Nhất Hạnh tam-muội. Luận vân: “Vị nhất thiết chư Phật Pháp Thân dữ chúng sanh thân bình đẳng vô nhị, tức danh Nhất Hạnh tam-muội”. Dục nhập thị tam-muội giả, ưng hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự dã. Tức thị niệm trung, năng kiến quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật giả, tận tri Hằng sa chư Phật pháp giới vô sai biệt tướng dã. Chư Phật Pháp Thân dữ chúng sanh tâm đồng thể vô nhị. Kim dẫn kiến chúng sanh tâm, bất kiến Phật Pháp Thân giả, dĩ vị năng ly niệm cổ. Tu Nhất Hạnh tam-muội giả, niệm Không chân niệm, hoạch tự bốn tâm, tắc chư Phật

Pháp Thân u trung hiển hiện, như kính trung tượng. Cổ vân: “Chư Phật do như tịnh minh kính. Ngã tâm diệc tự ma-ni châu. Chư Phật thường lai nhập ngã thân. Ngã thân biến nhập chư Phật khu”, thị dã.

(疏)名號者，阿彌陀佛四字洪名，不兼色像等。如文殊般若，及毗婆沙論中說，以色像等攝名中故。

(鈔)不兼色像等者，正明此經專主執持名號也。文殊般若經云：佛告文殊：欲入一行三昧者，應處空閒，捨諸亂意，不取相貌，繫心一佛，專稱名字。隨佛方所，端身正向，能於一佛念念相續，即是念中，能見過去未來現在諸佛。念一佛功德，與念無量佛功德無二。阿難所聞佛法，猶住量數。若得一行三昧，諸經法門，一一分別，皆悉了知，晝夜宣說，智慧辯才，終不斷絕。阿難多聞辯才，百千等分，不及其一。龍樹毗婆沙論云：佛法有無量門，如世間道，有難有易。易行疾至，應當念佛，稱其名號，阿彌陀佛本願如是。

(演)一行三昧者，經云：法界一相。繫緣法界，是名一行三昧。論云：謂一切諸佛法身與眾生身平等無二，即名一行三昧。欲入是三昧者，應繫心一佛，專稱名字也。即是念中，能見過去未來現在諸佛者，盡知恆沙諸佛法界無差別相也。諸佛法身與眾生心同體無二。今但見眾生心，不見佛法身者，以未能離念故。修一行三昧者，念空真念，獲自本心，則諸佛法身於中顯現，如鏡中像。古云：諸佛猶如淨明鏡。我心亦似摩尼珠。諸佛常來入我身。我身遍入諸佛軀，是也。

(Sớ: Danh hiệu là hồng danh bốn chữ A Di Đà Phật, [pháp tu trong kinh này là chuyên chấp trì danh hiệu] chẳng kèm thêm hình sắc v.v... Như trong kinh Văn Thù Bát Nhã và luận Tỳ Bà Sa đã nói, những thứ như hình sắc v.v... đã đều được bao gồm trong danh hiệu.

Sao: “Chẳng kèm thêm hình sắc v.v...” chỉ rõ kinh này chuyên chú trọng chấp trì danh hiệu. Kinh Văn Thù Bát Nhã chép: “Đức Phật bảo ngài Văn Thù: - Kẻ muốn nhập Nhất Hạnh tam-muội, hãy nên ở chốn thanh vắng, bỏ các ý niệm loạn động, chẳng chấp tướng mạo, chú

tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu Ngài. Tùy theo nơi chốn của đức Phật [ở phương nào], mà thân hình đoan chánh hướng thẳng về đó. Có thể đối với một đức Phật niệm niệm tiếp nối, thì chính ngay trong một niệm ấy, có thể thấy chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Công đức niệm một vị Phật và công đức niệm vô lượng chư Phật chẳng hai. Phật pháp do A Nan đã được nghe vẫn còn hạn cuộc trong số lượng. Nếu đắc Nhất Hạnh tam-muội, pháp môn trong các kinh sẽ mỗi mỗi đều phân biệt, thấy đều biết trọn vẹn, ngày đêm tuyên nói, trí huệ, biện tài trọn chẳng ngưng dứt. Sự đa văn và biện tài của A Nan chẳng sánh bằng một phần trăm, một phần ngàn” v.v... Ngài Long Thọ [đã viết] trong Tỳ Bà Sa Luận như sau: “Phật pháp có vô lượng môn, giống như đường nẻo trong thế gian, có dễ, có khó. [Có con đường đi] dễ dàng mà tới nơi nhanh chóng là hãy nên niệm Phật, xưng danh hiệu Ngài, bốn nguyện của A Di Đà Phật là như vậy đó”.

Diễn: “Nhất Hạnh tam-muội”: Kinh nói “pháp giới một tướng”. Duyên chặt chẽ nơi một pháp giới thì gọi là Nhất Hạnh tam-muội. Luận chép: “Ý nói Pháp Thân của hết thấy chư Phật và thân chúng sanh bình đẳng, chẳng hai, cho nên gọi là Nhất Hạnh tam-muội. Kẻ muốn nhập tam-muội ấy, hãy nên chuyên tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu Ngài”. “Ngay trong một niệm ấy, có thể thấy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật”: Biết trọn tướng chẳng sai biệt của chư Phật pháp giới nhiều như cát sông Hằng, Pháp Thân của chư Phật và thân chúng sanh đồng thể, chẳng hai. Nay chỉ thấy thân chúng sanh, chẳng thấy Pháp Thân của Phật, vì chưa thể lìa niệm. Người tu Nhất Hạnh tam-muội, niệm Không chính là chân niệm, đạt được bốn tâm của chính mình; cho nên Pháp Thân của chư Phật hiển hiện trong ấy, như hình bóng trong gương. Cổ nhân nói: “Chư Phật như gương sáng sạch. Tâm ta cũng giống như Ma-ni châu. Chư Phật thường vào trong thân ta. Thân ta nhập khắp thân chư Phật” nhằm nói lên ý nghĩa này).

(Sao) Nhiếp danh trung giả, nhị nghĩa: Nhất giả, danh tất hữu tướng cố. Nhị giả, danh tướng giai bất ly nhất tâm cố. Tắc nhất cử Phật danh, chánh báo, y báo, nhiếp vô bất tận, hà nghi sắc tượng?

(Diễn) Danh tất hữu tướng giả, danh vì năng triêu, tướng vì sở triêu. Ký xưng năng triêu chi danh, tất hữu sở triêu chi Thể cố. Danh tướng bất ly nhất tâm giả, tâm vì năng hiện, danh tướng vì sở hiện. Ký nhất tâm xưng danh, đắc năng hiện thể, sở hiện danh tướng, vô bất nhiếp cố.

(鈔)攝名中者，二義：一者，名必有相故。二者，名相皆不離一心故。則一舉佛名，正報依報，攝無不盡，何疑色像？

(演)名必有相者，名為能召，相為所召。既稱能召之名，必有所召之體故。名相不離一心者，心為能現，名相為所現。既一心稱名，得能現體，所現名相，無不攝故。

(Sớ: Nói “bao gồm trong danh hiệu” thì có hai nghĩa: Một là danh ắt có tướng. Hai là danh và tướng đều chẳng lìa nhất tâm. Vì thế, vừa nêu lên danh hiệu Phật, chánh báo và y báo đều được thu nhiếp, không gì chẳng trọn hết, sao lại nghi ngờ hình sắc [chẳng được nhiếp trong danh hiệu Phật]?)

Diễn: “Danh ắt có tướng”: Danh là cái có thể triệu vời, tướng là cái được triệu vời. Đã xưng niệm cái danh có thể triệu vời, ắt sẽ có cái Thể được triệu vời. “Danh và tướng chẳng lìa nhất tâm”: Tâm là cái có thể hiện, danh tướng là cái được hiện. Đã nhất tâm xưng danh, ắt sẽ có thể hiện Thể, danh tướng được hiện không gì chẳng nhiếp).

(Sớ) Kim nhân văn Phật bất khả chấp trì giả, ước hữu tứ chương. Tứ chương phá trừ, phương năng chấp trì, nãi chí nhất tâm cố.

(Sao) Chương giả, giá dã. Dĩ thử tứ chủng, giá chương niệm tâm, bất khả chấp trì, cố tu phá trừ. Tứ chương giả, nhất vị tức tâm thị Phật, hà tất xả kỷ niệm bỉ? Bất tri tức Phật thị tâm, bất phương niệm Phật cố. Lương diêu tức tâm thị Phật, khởi bất tức Phật thị tâm? Đản chấp niệm tâm, bất hứa niệm Phật, tắc tâm Phật thị nhị, tức nghĩa bất thành. Thị dĩ niệm Phật, niệm tâm, lưỡng bất ngại cố. Nhị vị hà bất biến niệm chư Phật, nhi duy niệm nhất Phật? Bất tri tâm chuyên chí nhất, nãi thành tam-muội cố. Lương diêu chúng sanh trí thiếu, phồn tắc bất thắng. Cố dụng chí bất phân giả thần ngưng; dịch tâm đa kỳ giả, công táng. Như Phổ Quảng đại sĩ vấn Phật: “Thập phương câu hữu Phật độ, hà dĩ độc tán Tây Phương?” Phật ngôn: “Diêm Phù Đề nhân, tâm đa tạp loạn, linh kỳ chuyên tâm nhất cảnh, nãi đắc vãng sanh”. Dĩ chư Phật đồng nhất Pháp Tánh thân, niệm nhất Phật, tức niệm nhất thiết Phật cố. Tam vị Phật Phật khả niệm, hà bất tùy niệm nhất Phật, nhi tất niệm A Di Đà Phật? Bất tri bỉ Phật dữ chư chúng sanh thiên hữu nhân duyên cố. Lương diêu bỉ Phật danh

hiệu, nhân sở nhạo xưng, tự linh ác nhân, hữu thời bất giác thất thanh niệm Phật. Nãi chí nhân phùng thiện sự, bất giác niệm Phật, hoan hỷ tán thán. Nhân phùng ác sự, cập dữ khổ nạn, bất giác niệm Phật, thương bi thống thiết. Cơ cảm nhân duyên, mặc hoặc sử chi nhi tự nhiên cố. Tứ vị hà bất niệm Phật công đức, trí huệ, tướng hảo, quang minh, nhi dẫn niệm danh hiệu? Bất tri trì danh, ư Mật Pháp trung, tối đưu cơ cố, bất tư nghị cố. Đưu cơ giả, Văn Thù Bát Nhã kinh vân: “Chúng sanh ngu độn, quán bất năng giải, dẫn linh niệm thanh tương tục, tự đắc vãng sanh”. Bất tư nghị giả, như tiền sở minh Nhất Hạnh tam-muội, tắc bất dẫn đưu hồ độn cơ, thần dụng bất trắc cố. Như Di Giáo kinh ngôn: “Tâm giả, chế chi nhất xứ, vô sự bất biện”. Kim chế tâm Phật hiệu, nhi chí nhất tâm, hà khả tư nghị?

(疏)今人聞佛不肯執持者，約有四障。四障破除，方能執持，乃至一心故。

(鈔)障者，遮也。以此四種，遮障念心，不肯執持，故須破除。四障者，一謂即心是佛，何必捨己念彼？不知即佛是心，不妨念佛故。良繇即心是佛，豈不即佛是心？但執念心，不許念佛，則心佛是二，即義不成。是以念佛念心，兩不礙故。二謂何不遍念諸佛，而唯念一佛？不知心專志一，乃成三昧故。良繇眾生智淺，繁則不勝。故用志不分者神凝；役心多岐者，功喪。如普廣大士問佛：十方俱有佛土，何以獨讚西方？佛言：閻浮提人，心多雜亂，令其專心一境，乃得往生。以諸佛同一法性身，念一佛，即念一切佛故。三謂佛佛可念，何不隨念一佛，而必念阿彌陀佛？不知彼佛與諸眾生偏有因緣故。良繇彼佛名號，人所樂稱，就令惡人，有時不覺失聲念佛。乃至人逢善事，不覺念佛，歡喜讚歎。人逢惡事，及與苦難，不覺念佛，傷悲痛切。機感因緣，莫或使之而自然故。四謂何不念佛功德，智慧相好光明，而但念名號？不知持名，於末法中，最逗機故，不思議故。逗機者，文殊般若經云：眾生愚鈍，觀不能解，但令念聲相續，自得往生。不思議者，如前所明一行三昧，則不但逗乎鈍機，神用不測故。

如遺教經言：心者，制之一處，無事不辦。今制心佛號，而至一心，何可思議？

(Sớ: “Người thời nay nghe nói tới [danh hiệu] Phật, chẳng chịu chấp trì”: Nói đại lược thì có bốn thứ chương. Phá trừ bốn chương thì mới có thể chấp trì, cho đến [đạt được] nhất tâm.

Sao: “Chương” là ngăn che. Do bốn loại ấy, ngăn che, trở ngại cái tâm niệm Phật, chẳng chịu chấp trì. Vì thế, cần phải phá trừ.

“Bốn chương”: Một là nói “tâm chính là Phật, cần gì phải bỏ vị Phật của chính mình để niệm vị Phật khác?” Chẳng biết Phật chính là tâm, cho nên chẳng trở ngại niệm Phật. Ấy là vì tâm đã chính là Phật, há chẳng phải Phật chính là tâm ư? Chỉ chấp vào niệm tâm, chẳng chấp thuận niệm Phật. [Do sự chấp trước ấy, thấy] tâm và Phật là hai, cho nên cái nghĩa “tức” (tâm tức là Phật, Phật tức là tâm) chẳng thành. Do vậy, niệm Phật và niệm tâm, hai đằng chẳng trở ngại nhau.

Hai là nói “sao không niệm khắp chư Phật, chỉ niệm một vị Phật?” Chẳng biết tâm chí chuyên nhất thì mới thành tựu tam-muội. Ấy là vì chúng sanh trí cạn, nếu rườm rà sẽ chẳng thể đảm đương. Bởi đó, dụng tâm chẳng phân tán, hòng tĩnh lặng tinh thần. [Nếu như] tâm nhọc nhằn theo nhiều ngã rẽ, công sức sẽ mất sạch. Như Phổ Quảng đại sĩ hỏi đức Phật: “Trong mười phương đều có các cõi Phật, có sao lại riêng xưng tán cõi Tây Phương?” Đức Phật dạy: “Người trong cõi Diêm Phù Đề tâm lắm nổi tạp loạn, [dạy như vậy] để khiến cho họ chuyên tâm nơi một cảnh bèn được vắng sanh”. Do chư Phật có cùng một thân Pháp Tánh, niệm một vị Phật chính là niệm hết thấy Phật.

Ba là nói “Phật nào cũng đều có thể niệm được, sao chẳng tùy ý niệm một vị Phật, mà cứ ắt phải niệm A Di Đà Phật?” Chẳng biết đức Phật ấy có nhân duyên đặc biệt với chúng sanh. Ấy là vì danh hiệu của đức Phật ấy, người ta thích xưng niệm, khiến cho kẻ ác có lúc bắt gặp thất thanh niệm Phật. Cho đến người ta gặp chuyện tốt lành, bắt gặp niệm Phật, hoan hỷ khen ngợi. Người gặp chuyện ác và khổ nạn, bắt gặp niệm Phật, bi thương, thống thiết. Do nhân duyên cơ cảm, chẳng ai bảo ban, mà khiến tự nhiên thành như vậy.

Bốn là nói “sao chẳng niệm công đức, trí huệ, tướng hảo, và quang minh của Phật, mà chỉ niệm danh hiệu?” Chẳng biết trong thời Mạt Pháp, trì danh thích hợp căn cơ nhất, chẳng thể nghĩ bàn.

“Khế hợp căn cơ”: Kinh Văn Thù Bát Nhã chép: “Chúng sanh ngu độn, chẳng thể hiểu cách quán, chỉ nên dạy họ niệm sao cho tiếng

niệm liên tục, sẽ tự được vãng sanh”.

“*Chẳng thể nghĩ bàn*”: Như Nhất Hạnh tam-muội đã được nói trong phần trước không chỉ là khế hợp độn cơ, mà còn có tác dụng thần diệu chẳng thể lường. Như kinh Di Giáo có nói: “*Tâm mà có thể chế ngự sao cho chuyên nhất một chỗ thì không chuyện gì chẳng thể thực hiện được*”. Nay do chế tâm nơi Phật hiệu, bèn đạt đến nhất tâm, há có thể nghĩ bàn ư?)

(Sớ) *Khắc niệm kỳ giả, nhất nhật chí thất nhật, thị sở khắc định chi kỳ yếu dã. Thế xuất thế gian, trọng kỳ sự giả, hằng dĩ thất cố. Thất nhật xưng Phật, miễn địa ngục cố. Hựu thất nhật chi kỳ, phục hữu nhị nghĩa, các phân lợi độn. Hựu đa tắc Đại Bản thập nhật, Thanh Vương thập nhật, Đại Tập thất thất nhật, Bát Châu cửu thập nhật đẳng; thiểu tắc Đại Bản nhất nhật, Quán Kinh thập niệm đẳng. Ngôn nhất giả, dĩ kinh thiên đạo hồi minh chi nhất châu cố.*

(Diễn) *Phục hữu nhị nghĩa, các phân lợi độn giả: Nhất giả, từng tán nhập định nghĩa. Nhị giả, từng định nhập tán nghĩa. Từng tán nhập định, tắc lợi giả nhất thiểu, độn giả nhất đa. Từng định nhập tán, tắc lợi giả nhất đa, độn giả nhất thiểu.*

(疏) 剋念期者，一日至七日，是所剋定之期要也。世出世間，重其事者，恆以七故。七日稱佛，免地獄故。又七日之期，復有二義，各分利鈍。又多則大本十日，聲王十日，大集七七日，般舟九十日等；少則大本一日，觀經十念等。言日者，以經天道晦明之一周故。

(演) 復有二義，各分利鈍者：一者，從散入定義。二者，從定入散義。從散入定，則利者日少，鈍者日多。從定入散，則利者日多，鈍者日少。

(Sớ) “*Ấn định kỳ hạn để niệm*”: Từ một ngày cho tới bảy ngày chính là ấn định thời hạn cần thiết. Đối với [các pháp] thế gian và xuất thế gian, hãy coi trọng chuyện gì, luôn dùng con số bảy. Bảy ngày xưng niệm danh hiệu Phật, khỏi đọa địa ngục. Lại nữa, kỳ hạn bảy ngày lại có hai nghĩa, mỗi nghĩa đều chia thành lợi căn và độn căn. Lại nữa, nhiều thì như kinh Đại Bản nói mười ngày, kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni nói mười ngày, kinh Đại Tập nói bốn mươi chín ngày, kinh Bát Châu nói chín mươi ngày v.v... Ít thì như kinh Đại Bản nói một ngày, Quán

Kinh nói mười niệm v.v... Nói “ngày” là nói đã tròn một chu kỳ trời tối rồi sáng vậy.

Diễn: “Lại có hai nghĩa, mỗi nghĩa đều chia thành lợi căn và độn căn”: Một là nghĩa từ tán nhập định; hai là nghĩa từ định nhập tán. Từ tán nhập định thì người lợi căn ít ngày (tốn ít thời gian để đắc định), kẻ độn căn nhiều ngày (phải tốn nhiều thời gian). Từ định mà trở thành tán loạn thì người lợi căn phải mất một thời gian dài, kẻ độn căn chẳng tốn nhiều thời gian).

(Sao) Kỳ yếu giả, nhược cú Như Lai đắc Bồ Đề, thật bất hệ ư nhật, tắc phi nhật, phi kiếp, yên hữu thất nhật? Nhược cú Bồ Tát tu hành, động kinh trần kiếp, tắc vô cùng vô tận, hà chỉ thất nhật? Kim lập kỳ yếu giả, dĩ Mạt Pháp chúng sanh tu chư công đức, tình tấn hăng nan, phế thử hăng dị, ưng tu khắc hạn, nãi phát thắng tâm dã.

(Diễn) Như Lai đắc Bồ Đề, thật bất hệ ư nhật giả, kinh vân: “Chúng sanh các tự vị Phật mỗi nhật thành đạo; Như Lai đắc Bồ Đề, thật bất hệ ư nhật”, dĩ nhật giả thời dã, y sắc tâm phân vị giả lập, vô hữu tự thể cố. Bách pháp trung thời, vi nhị thập tứ bất tương ứng hành nhiếp. Kim Như Lai đắc Bồ Đề, tọa đoạn tam tế, hà hữu ư thời? Thời giả, giai chúng sanh vọng tưởng phân biệt dã! Cố kinh vân: “Nhất niệm phổ quán vô lượng kiếp, vô khứ, vô lai, diệt vô trụ, như thị liễu tri tam thế Phật, siêu chư phương tiện thành Thập Lực”.

(鈔)期要者，若據如來得菩提，實不係於日，則非日非劫，焉有七日？若據菩薩修行，動經塵劫，則無窮無盡，何止七日？今立期要者，以末法眾生修諸功德，精進恆難，廢弛恆易，應須剋限，乃發勝心也。

(演)如來得菩提，實不係於日者，經云：眾生各自謂佛某日成道；如來得菩提，實不係於日。以日者時也，依色心分位假立，無有自體故。百法中時，為二十四不相應行攝。今如來得菩提，坐斷三際，何有於時？時者，皆眾生妄想分別也！故經云：一念普觀無量劫，無去無來亦無住，如是了知三世佛，超諸方便成十力。

(Sao: “Kỳ hạn”: Nếu xét theo phương diện đức Như Lai đắc quả Bồ Đề, thật sự chẳng hạn cuộc nơi ngày giờ, chẳng thể nói đến ngày hay kiếp, há có bảy ngày ư? Nếu xét theo sự tu hành của Bồ Tát, trải qua số

kiếp nhiều như vi trần, nên [thời gian tu tập] vô cùng vô tận, há chỉ là bảy ngày? Nay lập kỳ hạn là do chúng sanh đời Mạt Pháp tu các công đức, luôn khó tinh tấn, luôn dễ dàng buông bỏ, lời là, [cho nên] cần phải ấn định kỳ hạn hồng phát tâm thù thắng.

Diễn: “Nhu Lai đắc quả Bồ Đề, thật sự chẳng hạn cuộc nơi ngày giờ”: Kinh dạy: “Chúng sanh ai nấy tự bảo Phật thành đạo vào ngày nào đó. Như Lai đắc Bồ Đề, quả thật chẳng liên can đến ngày giờ”. Do “ngày” là thời, nương theo sự phân biệt giữa sắc pháp và tâm pháp mà giả lập, chẳng có tự thể. Trong Bách Pháp, Thời thuộc vào hai mươi bốn món Bát Tướng Ứng Hành Pháp. Nay Như Lai đắc Bồ Đề, dứt sạch ba đời, há có thời u? [Sở dĩ có] Thời đều là do chúng sanh vọng tưởng, phân biệt. Do vậy, kinh dạy: “Một niệm quán khắp vô lượng kiếp, chẳng đến, chẳng đi, mà cũng chẳng trụ. Biết rõ tam thế Phật là như thế, vượt xa các phương tiện thành Thập Lực”).

(Sao) Thất vi thể trọng giả, như lễ sám viết thất dạ, trì chú viết thất biến, thử kinh lan võng hàng thụ viết thất trùng, nãi chí quốc gia tự tổ viết thất miếu, giáo dân viết thất niên, kiết thành viết thất nhật trai giới chi loại, thị dã.

(Diễn) Thất miếu giả, Lễ Ký vân: “Thiên tử thất miếu, tam chiêu, tam mục, dữ Thái Tổ chi miếu, cộng vi thất”.

(鈔)七為世重者，如禮懺曰七夜，持咒曰七遍，此經攔網行樹曰七重，乃至國家祀祖曰七廟，教民曰七年，竭誠曰七日齋戒之類，是也。

(演)七廟者，禮記云：天子七廟，三昭三穆，與太祖之廟，共為七。

(Sớ) “Con số bảy được thể gian coi trọng”: Như lễ sám bèn nói là bảy đêm, trì chú bèn nói bảy lần, kinh này đôi với lan can, lưới màn, hàng cây, bèn nói là bảy tầng, cho đến miếu thờ tổ tiên của quốc gia (miếu thờ tổ tiên của hoàng đế) được gọi là “thất miếu”, dạy dân bèn nói là bảy năm, dốc hết lòng thành bèn nói là bảy ngày trai giới v.v... là như thế đó.

Diễn: “Thất miếu”: Sách Lễ Ký chép: “Thiên tử [thờ tổ tiên] gồm bảy miếu: Ba miếu cho Chiêu (miếu thờ bên trái Thái Miếu), ba miếu Mục (thờ bên phải Thái Miếu) và một miếu thờ Thái Tổ (vua khai sáng một triều đại), cộng thành bảy miếu”).

(Sao) Miễn địa ngục giả, Kinh Luật Di Vương vân: “Hữu vương hại phụ, thất nhật đương đọa địa ngục. Nhất tôn giả giáo kỳ xưng nam-mô Phật, vương tiện nhất tâm xưng Phật, thất nhật bất giải. Mạng chung, chí địa ngục môn, xưng nam-mô Phật, biến ngục tội nhân giai đắc giải thoát”. Lợi độn giả, hữu vị lợi căn nhất nhật, độn hoặc chí thất. Kim vị lợi độn nhị căn, các nhất chí thất. Lợi căn giả, tánh mãn tiếp cố, nhất nhật công thành, tức đắc nhất tâm, tiện vô sở loạn. Kỳ sảo độn giả, hoặc nhị, hoặc tam, nãi chí thất nhật, phương đắc thuận nhất. Diệc hữu lợi căn, kinh ư thất nhật, đoạn nhiên nhất tâm, chung bất thiếu loạn. Kỳ sảo độn giả, căn lục, căn ngũ, nãi chí nhất nhật, hoặc tiện tán loạn. Thị cố các hữu lợi độn, bất ưng thiên thuộc.

(Diễn) Lợi độn nhị căn, các nhất chí thất giả, nhược từng tán chí định, tắc lợi căn nhất nhật, độn hoặc chí thất. Nhược từng định quy tán, tắc độn căn nhất nhật, lợi hoặc chí thất. Lợi căn giả, tánh mãn hạ, chánh thị từng tán nhập định, diệc hữu lợi căn kinh ư hạ, chánh thị từng định nhập tán. Thử lưỡng đoạn thân mình lợi độn nhị căn, các nhất chí thất dã.

(鈔)免地獄者，經律異相云：有王害父，七日當墮地獄。一尊者教其稱南無佛，王便一心稱佛，七日不懈。命終，至地獄門，稱南無佛，遍獄罪人皆得解脫。利鈍者，有謂利根一日，鈍或至七。今謂利鈍二根，各一至七。利根者，性敏捷故，一日功成，即得一心，便無所亂。其稍鈍者，或二或三，乃至七日，方得純一。亦有利根，經於七日，端然一心，終不少亂。其稍鈍者，僅六僅五，乃至一日，或便散亂。是故各有利鈍，不應偏屬。

(演)利鈍二根，各一至七者，若從散至定，則利根一日，鈍或至七。若從定歸散，則鈍根一日，利或至七。利根者，性敏下，正是從散入定，亦有利根經於下，正是從定入散。此兩段申明利鈍二根，各一至七也。

(Sao: “Thoát khỏi địa ngục”: Sách Kinh Luật Di Vương chép: “Có một ông vua hại cha, sau bảy ngày sẽ đọa địa ngục. Một vị tôn giả dạy nhà vua xưng niệm Nam-mô Phật, vua bèn nhất tâm xưng niệm danh hiệu Phật suốt bảy ngày chẳng lười nhác. Khi mạng chung, tới cửa địa

ngục, vua xưng ‘nam-mô Phật’, tội nhân khắp ngục đều được giải thoát”.

“Lợi căn, độn căn”: Có người nói là lợi căn thì một ngày, độn căn thì có thể tới bảy ngày. Nay nói đến lợi căn và độn căn thì mỗi căn đều là từ một đến bảy ngày. Lợi căn là căn tánh nhanh nhạy, một ngày bèn thành công, liền đắc nhất tâm, chẳng bị loạn động. Kẻ căn tánh hơi độn thì hoặc hai, hoặc ba, cho đến bảy ngày mới được thuần nhất. Cũng có người lợi căn, trải qua bảy ngày, nghiêm nhiên nhất tâm, trọn chẳng bị tán loạn chút nào. Kẻ căn tánh hơi độn, chỉ [giữ được nhất tâm] sáu ngày hoặc năm ngày, thậm chí một ngày bèn tán loạn. Do vậy, đều có lợi căn và độn căn [khác biệt], chớ nên chấp trước.

Diễn: “Lợi căn và độn căn thì mỗi căn đều là từ một đến bảy ngày”: Nếu từ tán đến định thì lợi căn một ngày, độn căn có thể là đến bảy ngày. Nếu từ định trở lại tán, độn căn sẽ là một ngày, lợi căn có thể đến bảy ngày. Từ câu “người lợi căn, căn tánh nhanh nhạy” trở đi chính là từ tán nhập định. Từ câu “cũng có người lợi căn” trở đi, chính là từ định nhập tán. Trong hai đoạn ấy, chỉ rõ lợi căn và độn căn mỗi loại đều có người từ một ngày cho đến bảy ngày).

(Sao) Thập nhật giả, Đại Bốn vân: “Trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm, thập trú dạ bất tuyệt giả, mạng chung tất sanh ngã sát”. Hựu Cổ Âm Vương kinh vân: “Nhược thọ trì bỉ Phật danh hiệu, kiên cố kỳ tâm, ức niệm bất vong, thập nhật, thập dạ, trừ xả tán loạn, tất đắc kiến bỉ A Di Đà Phật”. Thất thất nhật giả, Đại Tập kinh vân: “Nhược nhân chuyên niệm nhất phương Phật, hoặc hành, hoặc tọa, chí thất thất nhật, hiện thân kiến Phật, tức đắc vãng sanh”. Cửu thập nhật giả, Bát Châu Tam Muội kinh vân: “Nhược nhân tự thọ, cửu thập nhật trung, thường hành, thường lập, nhất tâm hệ niệm, ư tam-muội trung, đắc kiến A Di Đà Phật”. Hựu Văn Thù Bát Nhã vân: “Cửu thập nhật trung, đoan tọa Tây hướng, chuyên niệm ư Phật, tức thành tam-muội”. Nhất nhật giả, Đại Bốn Pháp Tạng nguyện vân: “Nhất tâm hệ niệm ư ngã, tuy chỉ nhất trú dạ bất tuyệt, tất sanh ngã sát”. Thập niệm giả, Quán Kinh hạ hạ phẩm vân: “Kỳ nhân khổ bách, bất hoàng niệm Phật, thập thanh xưng Phật” đẳng. Tắc tri nhất nhật chí thất, tùy nhật đa thiểu, giai vãng sanh kỳ, cố lực hành hà như nhĩ. Hối minh nhất châu giả, tụng Tý chí Ngọ, nãi tự hồi nhi minh; tụng Ngọ chí Tý, nãi tự minh nhi hồi. Thị vi thiên đạo nhất trú dạ. Phù tâm cố sát-na sanh diệt, hướng trú dạ hồ, ư thử nhất tâm, sở vị: “Nhị lục

thời trung, niệm niệm vô gián” giả dã.

(鈔)十日者，大本云：齋戒清淨，一心常念，十晝夜不絕者，命終必生我剎。又鼓音王經云：若受持彼佛名號，堅固其心，憶念不忘，十日十夜，除捨散亂，必得見彼阿彌陀佛。七七日者，大集經云：若人專念一方佛，或行或坐，至七七日，現身見佛，即得往生。九十日者，般舟三昧經云：若人自誓，九十日中，常行常立，一心繫念，於三昧中，得見阿彌陀佛。又文殊般若云：九十日中，端坐西向，專念於佛，即成三昧。一日者，大本法藏願云：一心繫念於我，雖止一晝夜不絕，必生我剎。十念者，觀經下下品云：其人苦迫，不遑念佛，十聲稱佛等。則知一日至七，隨日多少，皆往生期，顧力行何如耳。晦明一周者，從子至午，乃自晦而明；從午至子，乃自明而晦。是為天道一晝夜。夫心固剎那生滅，況晝夜乎，於此一心，所謂：二六時中，念念無間者也。

(Sao: “Mười ngày” là như kinh Đại Bản dạy: “Trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm mười ngày đêm chẳng dứt, mạng chung ắt sanh về cõi ta”. Kinh Cổ Âm Vương lại nói: “Nếu thọ trì danh hiệu của đức Phật ấy, tâm kiên cố, nghĩ nhớ chẳng quên suốt mười ngày mười đêm, trừ bỏ tán loạn, ắt sẽ được thấy A Di Đà Phật”. “Bốn mươi chín ngày” là như kinh Đại Tập nói: “Nếu ai chuyên niệm vị Phật ở một phương, hoặc đi, hoặc ngồi, cho tới bốn mươi chín ngày, thân hiện tại thấy Phật, liền được vãng sanh”. “Chín mươi ngày”: Kinh Bát Châu Tam Muội chép: “Nếu có người tự thề, trong chín mươi ngày, thường đi, hoặc thường đứng, nhất tâm hệ niệm, trong tam-muội sẽ được thấy A Di Đà Phật”. Kinh Văn Thù Bát Nhã lại nói: “Trong chín mươi ngày, ngồi ngay ngắn hướng về Tây, chuyên niệm đức Phật, liền thành tam-muội”. “Một ngày” là như trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Nhất tâm hệ niệm ta, tuy chỉ một ngày đêm chẳng dứt, ắt sanh về cõi ta”. “Mười niệm” là như trong phân Hạ Hạ Phẩm [vãng sanh] của Quán Kinh có nói: “Người ấy bị sự khổ bức bách, chẳng rảnh rỗi để niệm Phật [bằng cách quán tưởng, bèn dạy cho người ấy] xưng danh hiệu Phật mười tiếng” v.v... Do đó, biết từ một ngày cho tới bảy ngày, bất luận số ngày nhiều hay ít, đều là kỳ hạn [án định nhằm tu tập để

được] vãng sanh, xét theo khả năng [của hành nhân] như thế nào đó thôi!

“Một chu kỳ sáng tối”: Từ giờ Tý đến giờ Ngọ là từ tối đến sáng; từ giờ Ngọ đến giờ Tý là từ sáng đến tối. Đó là một ngày đêm trong trời đất. Ôi! Tâm vốn sanh diệt trong từng sát-na, huống là ngày đêm ư? Đối với nhất tâm, bèn nói là “trong mười hai thời, niệm niệm chẳng gián đoạn” vậy).

(Sớ) *Hữu thử thất nhật, bất tất định thị lâm chung thất nhật, dĩ bình thời hữu như thị định lực giả, tất sanh bỉ quốc.*

(Sao) *Bình thời giả, khủng nhân chấp thất nhật chi văn, vị tất nhất nhật chi thất nhi tiện mạng chung, phương danh thất nhật. Cố ngôn: “Hoặc lâm chung, hoặc bình thời, dẫn hữu nhất nhật, hoặc thất nhật chi Định lực giả, giai đắc vãng sanh” dã. Sở vị: “Nhân thời biện, mang thời dụng”, hậu chi mạng chung, nhân quả tương phù, tất sanh bỉ quốc.*

(疏) 又此七日，不必定是臨終七日，以平時有如是定力者，必生彼國。

(鈔) 平時者，恐人執七日之文，謂必一日至七而便命終，方名七日。故言：或臨終，或平時，但有一日，或七日之定力者，皆得往生也。所謂：閒時辦，忙時用，後至命終，因果相符，必生彼國。

(Sớ) *Lại nữa, “bảy ngày” không nhất định là bảy ngày khi lâm chung. Do lúc thông thường mà có định lực như thế, ắt sẽ sanh về cõi kia.*

Sao: “Lúc thông thường”: Sợ người ta chấp vào câu chữ “bảy ngày” rồi cho rằng: Ất phải là từ một ngày cho tới bảy ngày liền mạng chung thì mới gọi là “bảy ngày”. Vì thế, nói: “Hoặc khi lâm chung, hoặc lúc bình thời, chỉ cần có định lực từ một ngày cho đến bảy ngày, sẽ đều được vãng sanh”. Đó gọi là “lo toan lúc rảnh rỗi để dùng khi bận bịu”. Sau này, đến khi mạng chung, nhân và quả phù hợp lẫn nhau, ắt sanh sang cõi kia).

(Sớ) *Nhất tâm bất loạn, ngôn chấp trì chi cực dã, thị vi nhất kinh yếu chỉ.*

(Sao) *Tâm giả, giản khẩu tụng, nhi tâm bất niệm dã. Nhất giả,*

giản tâm tuy niệm, nhi niệm bất nhất dã. Bất loạn giả, giản niệm tuy nhất, nhi hữu thời hồ bất nhất dã. Nhất tâm bất loạn, tịnh nghiệp chi năng sự tất hỹ.

(Diễn) Khẩu tụng, nhi tâm bất niệm giả, khẩu tụng Phật danh, tâm trì vạn cảnh, thị vi độc Phật, phi niệm Phật dã, dĩ niệm tụng tâm cố. Tâm tuy niệm, nhi niệm bất nhất giả, tuy tâm niệm Phật, tịnh uế giao trì, thị tuy niệm Phật, phi nhất tâm dã. Dĩ nhất tâm giả thuần tịnh cố. Niệm tuy nhất, nhi hữu thời bất nhất giả, tuy thiếu thời nhất tâm, hậu phục hoàn loạn. Sở vị: “Triêu tắc cần, nhi mộ tắc dĩ, nhất nhật bộc chi, thập nhật hàn chi”, thị tuy nhất tâm, hoàn phục loạn dã. Dĩ bất loạn tại vô gián cố, giai phi tịnh nghiệp chi năng sự dã.

(疏)一心不亂，言執持之極也，是為一經要旨。

(鈔)心者，揀口誦，而心不念也。一者，揀心雖念，而念不一也。不亂者，揀念雖一，而有時乎不一也。一心不亂，淨業之能事畢矣。

(演)口誦，而心不念者，口誦佛名，心馳萬境，是為讀佛，非念佛也，以念從心故。心雖念，而念不一者，雖心念佛，淨穢交馳，是雖念佛，非一心也。以一心者純淨故。念雖一，而有時不一者，雖少時一心，後復還亂。所謂：朝則勤，而暮則怠，一日暴之，十日寒之，是雖一心，還復亂也。以不亂在無間故，皆非淨業之能事也。

(Sớ: Nhất tâm bất loạn là nói “chấp trì đến mức cùng tột”, đây là tông chỉ chánh yếu của cả bộ kinh.

Sao: [Nói là] “tâm” nhằm loại trừ chuyện miệng tụng, tâm chẳng niệm. [Nói là] “nhất” nhằm loại trừ trường hợp tâm tuy niệm, nhưng niệm chẳng chuyên nhất. [Nói] “bất loạn” là loại trừ trường hợp niệm tuy chuyên nhất, nhưng có lúc chẳng chuyên nhất. Nhất tâm bất loạn thì tịnh nghiệp mới có thể hoàn tất.

Diễn: “Miệng tụng mà tâm chẳng niệm” là miệng tụng danh hiệu Phật, tâm rong ruổi theo muôn cảnh. Đó là đọc danh hiệu Phật, chẳng phải là niệm Phật, vì niệm xuất phát từ tâm. “Tâm tuy niệm, nhưng niệm chẳng chuyên nhất”: Tuy tâm niệm Phật mà tịnh uế xen lẫn, đây là tuy niệm Phật, nhưng chẳng nhất tâm. Bởi lẽ, nhất tâm là thuần tịnh. “Niệm tuy nhất mà có lúc chẳng chuyên nhất”: Tuy chuyên nhất một thời gian ngắn, sau đó bị loạn trở lại. Thường nói là “sáng siêng, tối lười, một

ngày nóng, mười ngày lạnh”. Đó là tuy đã nhất tâm rồi lại loạn. Do bất loạn phải là “chẳng gián đoạn”, cho nên những tâm ấy đều chẳng thể hoàn thành tịnh nghiệp được).

(Sớ) Thích thử tứ tự, tiên tổng minh đại ý, thứ nãi tường trên Sự Lý. Đại ý vị “nhất, loạn” thị chánh phản ngữ, chánh ngữ nhất tâm, phản ngữ bất loạn.

(Sao) Nhất tắc bất loạn, loạn tắc bất nhất, hữu kỳ nhất tâm, vô kỳ loạn tâm, cố vân: “Chánh, phản”. Như ngôn: “Thuần nhất bất tạp, tinh nhất vô nhị” chỉ loại, thị dã. Hoa Nghiêm Thập Hồi Hương đệ tứ văn vân: “Sở vị: Bất loạn hồi hướng, nhất tâm hồi hướng”. Thích vân: “Nhất tâm giả, chuyên chú chánh cảnh dã. Bất loạn giả, bất sanh vọng niệm dã. Chuyên chú bất vọng, tức chánh phản ý”.

(疏)釋此四字，先總明大意，次乃詳陳事理。大意謂一，亂是正反語，正語一心，反語不亂。

(鈔)一則不亂，亂則不一，有其一心，無其亂心，故云：正反。如言：純一不雜，精一無二之類，是也。華嚴十回向第四文云：所謂：不亂回向，一心回向。釋云：一心者，專注正境也。不亂者，不生妄念也。專注不妄，即正反意。

(Sớ) Giải thích bốn chữ này, trước hết, nêu tổng quát đại ý, kế đến là trình bày cặn kẽ Sự và Lý. Đại ý thì “nhất” và “loạn” là những từ ngữ được nói [theo hai phương diện] thuận và nghịch: Nói theo chiều thuận là “nhất tâm”, nói theo phía tương phản là “bất loạn”.

Sao: “Nhất” là bất loạn; hề loạn, sẽ chẳng nhất. Hễ có nhất tâm, sẽ chẳng có loạn tâm. Vì thế, nói là “thuận và nghịch”. Như nói “thuần nhất chẳng tạp, ròng rắt, chẳng hai” v.v... chính là theo ý nghĩa này. Kinh văn trong phần giảng về địa vị thứ tư trong phẩm Thập Hồi Hương của kinh Hoa Nghiêm có nói “bất loạn hồi hướng, nhất tâm hồi hướng”. [Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao] giảng rằng: “Nhất tâm là chuyên chú nơi chánh cảnh. Bất loạn là chẳng sanh vọng niệm. Chuyên chú chẳng vọng, tức là ý nghĩa thuận và nghịch”).

(Sớ) Thứ minh Sự Lý giả, Như Lai nhất ngữ, Sự Lý song bị; cố đồng danh Nhất Tâm, hữu Sự, hữu Lý. Như Đại Bản vân: “Nhất tâm hệ niệm”, chánh sở vị nhất tâm bất loạn dã, nhi Sự Lý các biệt. Sơ, Sự

nhất tâm giả, như tiền ức niệm, niệm niệm tương tục, vô hữu nhị niệm, Tín Lực thành tựu, danh Sự nhất tâm, thuộc Định môn nhiếp, vị hữu Huệ cố.

(Diễn) Sự Lý song bị giả, Như Lai dĩ Quyền Thật nhị trí, chứng Chân Tục nhị đế chi lý. Phàm thuyết pháp thời, bất ly Nhị Đế. Y Tục Đế thuyết pháp, cố hữu Sự; y Chân Đế thuyết pháp, cố hữu Lý. Sở y chi Đế, Chân Tục bất nhị, cố nhất tự, nhất ngữ, Sự Lý song bị dã. Tín Lực thành tựu giả, Sự nhất tâm nhân, bất tu Lý Quán, duy bằng Tín Lực. Như thủy thanh châu, năng thanh trước thủy. Cổ vân: “Thanh châu đầu u trước thủy, trước thủy bất đắc bất thanh. Phật niệm đầu u tán tâm, tán tâm bất đắc bất nhất”. Thuộc Định môn nhiếp giả, Định hữu thể xuất thế, dữ Đại Tiểu Thừa, cập Sự Lý chư Thiên Định bất đồng; nhị yếu chi, Định giả vô tán chi vị. Kim niệm niệm tương tục, vô hữu nhị niệm, tắc tâm bất tán loạn, cố thuộc Định nhiếp. Nhiên bỉ thể cứu vô gián, chỉ như tinh dạ chung thanh, tròng đàm nguyệt ảnh. Nhược vị đắc “lãnh hôi đầu bộc, họa địa nhất thanh”, diệc thuộc Định nhiếp, diệc tức thị Sự nhất tâm. Nhị Sớ Sao chuyên dĩ Sự nhất thuộc ức niệm, diệc nhất loạn ngôn nhĩ. Vị hữu Huệ cố giả, dĩ tức tựu ức niệm vô gián, niệm đáo liên niệm thoát lạc, đốn nhập vô niệm, tức thuộc Huệ môn. Cổ vân: “Chỉ nhất trực niệm khứ, diệc hữu ngộ nhất”, thị dã. Kim công phu thi thành phiền đoạn, thượng vị khế nhập bốn tâm, cố chỉ thuộc Định môn dã.

(疏)次明事理者，如來一語，事理雙備；故同名一心，有事有理。如大本云：一心繫念，正所謂一心不亂也，而事理各別。初，事一心者，如前憶念，念念相續，無有二念，信力成就，名事一心，屬定門攝，未有慧故。

(演)事理雙備者，如來以權實二智，證真俗二諦之理。凡說法時，不離二諦。依俗諦說法，故有事；依真諦說法，故有理。所依之諦，真俗不二，故一字一語，事理雙備也。信力成就者，事一心人，不修理觀，唯憑信力。如水清珠，能清濁水。古云：清珠投於濁水，濁水不得不清。佛念投於散心，散心不得不一。屬定門攝者，定有世出世，與大小乘，及事理諸禪定不同；而要之，定者無散之謂。今念念相續，無有二念，則心不散亂，故屬定攝。

然彼體究無間，至如靜夜鐘聲，澄潭月影。若未得冷灰豆爆，因地一聲，亦屬定攝，亦即是事一心。而疏鈔專以事一屬憶念，亦一亂言耳。未有慧故者，以即就憶念無間，念到連念脫落，頓入無念，即屬慧門。古云：只一直念去，亦有悟日，是也。今工夫始成片段，尚未契入本心，故止屬定門也。

(Sớ: Kế tiếp là giảng về Sự và Lý. Một lời của đức Như Lai có đầy đủ Sự lẫn Lý; vì thế, cùng gọi là Nhất Tâm mà có Sự và Lý. Kinh Đại Bốn nói “nhất tâm hệ niệm” chính là “nhất tâm bất loạn” [được nói trong kinh này], nhưng [nhất tâm] có Sự và Lý khác biệt. Trước hết, [luận về] Sự nhất tâm: Như đối với sự ức niệm đã nói trong phần trước, niệm niệm liên tục, chẳng có hai niệm, Tín Lực thành tựu, thì gọi là Sự nhất tâm, thuộc về Định môn, do chưa có Huệ.

Diễn: “Đầy đủ Sự lẫn Lý”: Như Lai dùng Quyền Trí và Thật Trí để chứng lý Chân Đế và lý Tục Đế. Mỗi khi thuyết pháp, đều chẳng rời khỏi Nhị Đế. Do nương theo Tục Đế để thuyết pháp, bèn có Sự. Nương theo Chân Đế để thuyết pháp, bèn có Lý. Đối với mỗi Đế để nương vào thì Chân Đế và Tục Đế chẳng hai. Vì thế, mỗi chữ, mỗi lời đều trọn đủ Sự lẫn Lý.

“Tín Lực thành tựu” là người đắc Sự nhất tâm, chẳng tu Lý Quán, chỉ cậy vào Tín Lực, như thủy thanh châu có thể lắng trong nước đục. Cổ nhân nói: “Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong. Phật niệm gieo vào tâm tán loạn, tâm tán loạn chẳng thể không chuyên nhất”.

“Thuộc vào Định môn”: Định có thể gian và xuất thế gian, và có các loại Thiền Định Đại Thừa, Tiểu Thừa, Sự, Lý khác nhau. Định có ý nghĩa cốt yếu là “chẳng tán loạn”. Nay niệm niệm tiếp nối, chẳng có hai niệm; do tâm chẳng tán loạn, cho nên thuộc về Định. Nhưng người ấy thấu hiểu, tham cứu chẳng gián đoạn đến mức như tiếng chuông trong đêm vắng, bóng trăng in nơi mặt đầm trong lặng. Nếu chưa đạt đến mức “đậu nổ trong tro lạnh, hộc lên một tiếng” thì cũng thuộc về Định, cũng là Sự nhất tâm. Nhưng Sớ Sao chuyên coi Sự nhất tâm thuộc về ức niệm, cũng là nói theo kiểu [trương phản] giữa nhất tâm và loạn tâm đó thôi!

“Do chẳng có Huệ”, chính là ức niệm chẳng gián đoạn, niệm đến mức ngay cả “niệm” cũng mất, nhanh chóng tiến nhập vô niệm, bèn thuộc vào Huệ môn. Cổ nhân nói: “Chỉ một mực niệm, cũng có ngày

khai ngộ”, nhằm nói lên ý này. Nay công phu vừa mới thành phẩm, còn chưa khế nhập bốn tâm, nên chỉ thuộc về Định môn).

(Sao) Tiền chấp trì trung, dĩ ức niệm thể cứu, lược phân nhị chủng. Ưc niệm giả, văn Phật danh hiệu, thường ức, thường niệm, dĩ tâm duyên lịch, tự tự phân minh. Tiền cú, hậu cú, tương tục bất đoạn, hành, trụ, tọa, ngọa, duy thử nhất niệm, vô đệ nhị niệm, bất vị tham sân phiền não chư niệm chi sở tạp loạn. Như Thành Cụ Quang Minh Định Ý Kinh sở vị: “Không nhân tịch tịch, nhi nhất kỳ tâm. Tại chúng phiền não, nhi nhất kỳ tâm”, nãi chí “bao sát, lợi thất, thiện ác đẳng xứ, giai nhất kỳ tâm giả”, thị dã. Sự thượng tức đắc, Lý thượng vị triệt. Duy đắc Tín Lực, vị kiến đạo cố, danh Sự nhất tâm dã. Ngôn Định giả, dĩ phục vọng cố. Vô huệ giả, dĩ vị năng phá vọng cố.

(Diễn) Dĩ tâm duyên lịch, tự tự phân minh giả, thử thị tâm niệm, bất đồng tiền “khẩu niệm, nhi tâm bất niệm” dã. Tiền cú, hậu cú tương tục bất đoạn, nãi chí vô đệ nhị niệm giả, thử thị nhất tâm niệm, bất đồng tiền tâm tuy niệm, nhi niệm bất nhất dã. Bất vị tham sân phiền não chi sở tạp loạn, thử thị nhất tâm bất loạn, bất đồng tiền niệm tuy nhất, nhi hữu thời bất nhất dã. Hựu dĩ tâm duyên lịch, tự tự phân minh, thị nhất cú bất loạn. Tiền cú, hậu cú tương tục bất đoạn, thị đa cú bất loạn. Bất vị tham, sân đẳng tạp loạn, thị đối cảnh bất loạn dã. Thành Cụ hạ, dẫn chứng bất loạn. Ngôn Định giả tứ cú, Định năng phục vọng, Huệ năng phá vọng. Phục tặc như thạch áp thảo, như thăng phược tặc, tạm thời bất động, căn do tại cố. Phá tặc như sừ trảm thảo, như đao sát tặc, cứu cánh bất động dĩ vô căn cố.

(鈔)前執持中，以憶念體究，略分二種。憶念者，聞佛名號，常憶常念，以心緣歷，字字分明。前句後句，相續不斷，行住坐臥，唯此一念，無第二念，不為貪瞋煩惱諸念之所雜亂。如成具光明定意經所謂：空閒寂寞，而一其心。在眾煩惱，而一其心，乃至褒訕利失，善惡等處，皆一其心者，是也。事上即得，理上未徹。惟得信力，未見道故，名事一心也。言定者，以伏妄故。無慧者，以未能破妄故。

(演)以心緣歷，字字分明者，此是心念，不同前口念，而心不念也。前句後句相續不斷，乃至無第二念者，

此是一心念，不同前心雖念，而念不一也。不為貪瞋煩惱之所雜亂，此是一心不亂，不同前念雖一，而有時不一也。又以心緣歷，字字分明，是一句不亂。前句後句相續不斷，是多句不亂。不為貪瞋等雜亂，是對境不亂也。成具下，引證不亂。言定者四句，定能伏妄，慧能破妄。伏則如石壓草，如繩縛賊，暫時不動，根猶在故。破則如鋤斬草，如刀殺賊，究竟不動以無根故。

(Sao: Trong đoạn nói về Cháp Trì trong phần trước, đã chia đại lược ức niệm và thể cứu thành hai loại. Ưc niệm là nghe danh hiệu Phật, thường nhớ, thường niệm, dùng tâm duyên theo từng chữ rõ ràng. Câu trước, câu sau, tiếp nối chẳng ngừng. Đi, đứng, ngồi, nằm, chỉ có một niệm này, chẳng có niệm thứ hai, chẳng bị tạp loạn bởi các niệm tham, sân phiền não. Như kinh Thành Cụ Quang Minh Định Ý đã nói: “Nơi thanh vắng, yên lặng, chuyên nhất cái tâm; ở trong các phiền não, chuyên nhất cái tâm”. Cho đến “đối với những chỗ khen, chê, được lợi, mất mát, thiện, ác v.v... tâm đều chuyên nhất” là nói về ý này. Đã đạt về Sự, nhưng chưa thấu triệt Lý; chỉ đắc Tín Lực, do chưa kiến đạo, nên gọi là Sự nhất tâm. Nói là Định vì đã chế phục vọng, [bảo là] chẳng có Huệ là do chưa thể phá vọng.

Diễn: “Dùng tâm duyên theo từng chữ rõ ràng”, đây là tâm niệm. Chẳng giống như trong phần trên đã nói “miệng niệm, mà tâm chẳng niệm”. “Câu trước, câu sau tiếp nối không ngừng, cho đến chẳng có niệm thứ hai”: Đây là nhất tâm niệm, chẳng giống như trong phần trên đã nói “tâm tuy niệm, nhưng niệm chẳng chuyên nhất”. Chẳng bị tạp loạn bởi tham sân phiền não. Nhất tâm bất loạn ở đây chẳng giống như trong phần trước đã nói, “niệm tuy nhất, nhưng có lúc chẳng chuyên nhất”. Lại nữa, dùng tâm duyên theo từng chữ rõ ràng chính là “một câu bất loạn”. Câu trước, câu sau tiếp nối chẳng ngừng dứt là nhiều câu bất loạn. Chẳng bị tạp loạn bởi tham, sân v.v... là đối trước cảnh chẳng loạn. Từ câu “kinh Thành Cụ Quang Minh” trở đi là dẫn chứng về sự bất loạn. Bốn câu kể từ “nói là Định”, [ngụ ý]: Định có thể chế phục vọng, Huệ có thể phá vọng. Chế phục thì như đá đè cỏ, như dây thừng trói giặc, tạm thời bất động, nhưng cội rễ còn đó. Phá thì như lưỡi cuốc chặt đứt cỏ, như đao giết giặc, rốt ráo bất động vì chẳng có rễ).

(Sớ) Lý nhất tâm giả, như tiền thể cứu, hoạch tự bốn tâm, cố

danh nhất tâm. Ư trung phục nhị: Nhất giả, liễu tri năng niệm, sở niệm, cánh phi nhị vật, duy nhất tâm cố. Nhị giả, phi hữu, phi vô, phi diệt hữu diệt vô, phi phi hữu phi vô, ly ư tứ cú, duy nhất tâm cố. Thử thuần Lý Quán, bất chuyên sự tướng. Quán lực thành tựu, danh Lý nhất tâm, thuộc Huệ môn nhiếp, kiêm đắc Định cố.

(Diễn) Năng niệm, sở niệm cánh phi nhị vật giả, dĩ sở niệm giả Phật, thị tức Bản Giác chi Lý. Năng niệm giả tâm, thị tức Thỉ Giác chi trí. Nhược năng Thỉ Bản hợp nhất, phương liễu Năng Sở bất nhị. Thiên Thai vân: “Đế quán danh biệt, kỳ Thể bất thù. Tánh tam vi Đế, tu tam vi Quán. Tu tánh ký dung, năng sở mạc đắc”, thị dã. Ly ư tứ cú, duy thị nhất tâm giả, vị ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng, dĩ vô hư vọng tâm niệm cố. Sở vị: “Chân Như tự tánh, phi hữu tướng, phi vô tướng, phi phi hữu phi vô tướng, phi hữu vô câu tướng”. Y nhất thiết chúng sanh dĩ hữu vọng tâm, niệm niệm phân biệt, giai bất tương ứng, cố thuyết vi Không. Nhược ly vọng tâm, thật vô khả không cố. Vô tâm vô niệm Không Huệ tương ứng, cố thuộc Huệ môn. Chư vọng tiêu vong, cố kiêm đắc Định.

(疏)理一心者，如前體究，獲自本心，故名一心。於中復二：一者，了知能念所念，更非二物，唯一心故。二者，非有非無，非亦有亦無，非非有非無，離於四句，唯一心故。此純理觀，不專事相。觀力成就，名理一心，屬慧門攝，兼得定故。

(演)能念所念更非二物者，以所念者佛，是即本覺之理。能念者心，是即始覺之智。若能始本合一，方了能所不二。天台云：諦觀名別，其體不殊。性三為諦，修三為觀。修性既融，能所莫得，是也。離於四句，唯是一心者，謂離一切法差別之相，以無虛妄心念故。所謂：真如自性，非有相，非無相，非非有非無相，非有無俱相。依一切眾生以有妄心，念念分別，皆不相應，故說為空。若離妄心，實無可空故。無心無念空慧相應，故屬慧門。諸妄消亡，故兼得定。

(Sớ: “Lý nhất tâm”: [Do] thể cứu như trong phần trước [đã nói], mà đạt được bốn tâm của chính mình, nên gọi là “nhất tâm”. Trong ấy lại có hai loại: Một là biết rõ năng niệm (chủ thể niệm) và sở niệm (đối

tượng được niệm) trọn chẳng phải là hai vật, vì chúng chỉ là nhất tâm. Hai là là bốn câu “chẳng có, chẳng không, chẳng phải là cũng có, cũng không, chẳng phải là không phải có, không phải không”, vì chỉ là nhất tâm. Điều này thuần là Lý Quán, không chuyên trọng sự tướng. Quán lực thành tựu, gọi là Lý nhất tâm, thuộc về Huệ môn, kiêm đắc Định.

Diễn: “Năng niệm và sở niệm chẳng phải là hai vật”: Do đức Phật được niệm (sở niệm Phật) chính là Lý Bốn Giác. Năng niệm là tâm, chính là trí Thi Giác. Nếu có thể hợp nhất Thi Giác và Bốn Giác thì mới có thể hiểu rõ Năng và Sở chẳng hai. Ngài Thiên Thai nói: “Đế và Quán danh xưng khác nhau, nhưng Thể của chúng chẳng khác. Tánh được chia thành ba loại bèn gọi là Đế (Chân Đế, Tục Đế, và Đế Nhất Nghĩa Đế), tu gồm ba loại, gọi là Quán (Không, Giả, Trung). Tu và Tánh đã dung thông, Năng lẫn Sở đều chẳng đạt được” nhằm nói đến điều này.

“Là bốn câu, chỉ là nhất tâm”, ý nói: Là tướng sai biệt của hết thấy các pháp vì chẳng có tâm niệm hư vọng. Nói đến “Chân Như tự tánh thì nó chẳng phải là có tướng, chẳng phải là không có tướng, chẳng phải là ‘chẳng phải có, chẳng phải không có tướng’, chẳng phải là ‘vừa có tướng, vừa vô tướng’”. Do hết thấy chúng sanh có vọng tâm, niệm niệm phân biệt, đều chẳng tương ứng, nên nói là Không. Nếu là vọng tâm, sẽ thật sự chẳng có gì là không. Vô tâm vô niệm tương ứng với Không Huệ, nên thuộc về Huệ môn. Các vọng tiêu vong, nên kèm thêm đắc Định).

(Sao) Thể cứu giả, văn Phật danh hiệu, bất duy ức niệm, tức niệm phản quán, thể sát cứu thẩm, cú kỳ căn nguyên. Thể cứu chỉ cực, ư tự bốn tâm, hốt nhiên khế hợp. Trung nhị nghĩa giả: Sơ, tức Như Trí bất nhị. Năng niệm tâm ngoại, vô hữu Phật vì ngã sở niệm, thị Trí ngoại vô Như. Sở niệm Phật ngoại, vô hữu tâm năng niệm ư Phật, thị Như ngoại vô Trí. Phi Như, phi Trí, cố duy nhất tâm. Nhị, tức Tịch Chiếu nan tư. Nhược ngôn kỳ hữu, tắc năng niệm chi tâm, bản thể tự không; sở niệm chi Phật, liễu bất khả đắc. Nhược ngôn kỳ vô, tắc năng niệm chi tâm, linh linh bất muội; sở niệm chi Phật, lịch lịch phân minh. Nhược ngôn diệc hữu diệc vô, tắc hữu niệm, vô niệm câu mẫn. Nhược ngôn phi hữu phi vô, tắc hữu niệm vô niệm câu tồn. Phi hữu tắc thường Tịch, phi vô tắc thường Chiếu. Phi song diệc phi song phi, tắc bất Tịch bất Chiếu, nhi Chiếu nhi Tịch. Ngôn tư lộ tuyệt, vô khả danh trạng, cố duy nhất tâm. Tư tắc năng sở tình tiêu, hữu vô kiến tận. Thanh tịnh bốn nhiên chỉ thể, cánh hữu hà pháp nhị vi tạp

loạn. Dĩ kiến Đế cố, danh Lý nhất tâm dã. Ngôn Huệ giả, năng chiếu vọng cố. Kiêm Định giả, chiếu vọng bốn không, vọng tự phục cố. Hựu Chiếu năng phá vọng, bất dẫn phục cố.

(Diễn) Năng niệm tâm ngoại, vô hữu Phật vì ngã sở niệm giả, vị nhất niệm vị sanh tiền, Phật tại hà sở? Nhân tâm khởi niệm, cố Phật cảnh hiện tiền. Tắc sở niệm chi Phật, nhân năng niệm chi tâm nhi hữu. Nhược ly năng niệm chi tâm, diệt vô sở niệm chi Phật, tắc Phật cảnh từng duyên, vô hữu tự tánh. Sở niệm Phật ngoại, vô hữu tâm năng niệm ư Phật giả, vị Phật cảnh vị hiện chi tiền, tâm tại hà sở? Nhân văn sở niệm chi Phật, nãi dẫn sanh năng niệm chi tâm, tắc năng niệm chi tâm, nhân sở niệm chi Phật nhi hữu. Nhược ly sở niệm chi Phật, diệt vô năng niệm chi tâm, tắc tâm diệt từng duyên, vô hữu tự tánh. Trí ngoại vô Như giả, tâm giả thị Trí, Phật giả thị Như. Tâm ngoại vô Phật, thị Trí ngoại vô Như dã. Thử nãi đoạt cảnh, bất đoạt nhân. Cổ vân: “Thượng viên hoa dĩ tạ, xa mã thượng biên điền”, thị dã. Như ngoại vô Trí giả, ký Phật ngoại vô tâm, thị Như ngoại vô Trí dã. Thử nãi đoạt nhân, bất đoạt cảnh. Cổ vân: “Thị xứ hữu phương thảo, mãn thành vô cố nhân”, thị dã. Phi Như phi Trí, cố duy nhất tâm giả, Trí ngoại vô Như, dĩ Trí đoạt Như, cố phi Như. Như ngoại vô Trí, dĩ Như đoạt Trí, cố phi Trí. Hồ đoạt lưỡng vong, tắc phi Như phi Trí, cố duy nhất tâm. Thử nhân cảnh song đoạt. Cổ vân: “Vân tán, thủy lưu khứ, tịch nhiên, thiên địa không”. Hựu vân: “Nhân ngu câu bất kiến, chánh thị nguyệt minh thời”, thị dã. Nhược ngôn kỳ hữu ngũ cú, vị năng niệm chi tâm, nhân sở niệm chi Phật nhi hữu, tắc năng niệm chi tâm bốn thể tự không. Sở niệm chi Phật, nhân năng niệm chi tâm nhi hữu, tắc sở niệm chi Phật liễu bất khả đắc. Dĩ tâm duyên cảnh, từng vô tự tánh, cố hữu phi hữu dã. Thử vì Không Quán. Nhược ngôn kỳ vô ngũ cú, vị nhân sở niệm chi Phật, dẫn sanh năng niệm chi tâm, tắc năng niệm chi tâm tỉnh tỉnh bất muội. Nhân năng niệm chi tâm, dẫn sanh sở niệm chi Phật, tắc sở niệm chi Phật lịch lịch phân minh. Dĩ tánh Không chi xứ, bất ngại duyên sanh. Cố vô phi vô dã. Thử vì Giả Quán. Nhược ngôn diệt Hữu diệt Vô nhị cú, vị nhược song chấp Hữu Vô, tắc chánh đương bản thể tự không, liễu bất khả đắc thời, hựu linh linh bất muội, lịch lịch phân minh, dĩ Hữu đoạt Vô dã. Chánh đương linh linh bất muội, lịch lịch phân minh thời, hựu bản thể tự không, liễu bất khả đắc, dĩ Vô đoạt Hữu dã. Hồ đoạt lưỡng vong, tắc Hữu Vô song mãn. Thử song giá nhị biên chi Trung Đạo Quán dã. Nhược ngôn phi hữu phi vô nhị cú, vị nhược song phá Hữu

Vô, tắc nhân bản thể tự Không, liễu bất khả đắc, cố đắc linh linh bất muội, lịch lịch phân minh, nhân Vô thành Hữu dã. Nhân linh linh bất muội, lịch lịch phân minh, cố đắc bản thể tự Không, liễu bất khả đắc, nhân Hữu thành Vô dã. Hổ thành song lập, tắc Hữu Vô câu tồn, thử song chiếu nhị biên chi Trung Đạo Quán dã. Hữu vô tứ cú thị bệnh. Tam Quán thị được. Nhược tứ cú ký ly, tắc Tam Quán diệc tuyệt. Thử trung, Hữu tức Tục Đế, Vô tức Chân Đế, song diệc song phi tức Trung Đạo Độ Nhất Nghĩa Đế. Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất, giai như cảnh dã. Cổ vân: “Bát Nhã như hỏa tụ, tứ diện bất khả nhập”. Hựu vân: “Bát Nhã như thanh lương trì, tứ diện giai khả nhập dã”. Phi Hữu tắc thường Tịch hạ cửu cú, kết quy Tịch Chiếu nan tư. Tư tắc hạ tổng kết thượng nhị, Năng Sở tình tiêu, tức Như Trí bất nhị. Hữu Vô kiến tận, tức Tịch Chiếu nan tư. Kiến Đế, tức Tam Đế viên dung lý.

(鈔)體究者，聞佛名號，不惟憶念，即念反觀，體察究審，鞫其根源。體究之極，於自本心，忽然契合。中二義者：初、即如智不二。能念心外，無有佛為我所念，是智外無如。所念佛外，無有心能念於佛，是如外無智。非如非智，故惟一心。二、即寂照難思。若言其有，則能念之心，本體自空；所念之佛，了不可得。若言其無，則能念之心，靈靈不昧；所念之佛，歷歷分明。若言亦有亦無，則有念無念俱泯。若言非有非無，則有念無念俱存。非有則常寂，非無則常照。非雙亦非雙非，則不寂不照，而照而寂。言思路絕，無可名狀，故唯一心。斯則能所情消，有無見盡。清淨本然之體，更有何法而為雜亂。以見諦故，名理一心也。言慧者，能照妄故。兼定者，照妄本空，妄自伏故。又照能破妄，不但伏故。

(演)能念心外，無有佛為我所念者，謂一念未生前，佛在何所？因心起念，故佛境現前。則所念之佛，因能念之心而有。若離能念之心，亦無所念之佛，則佛境從緣，無有自性。所念佛外，無有心能念於佛者，謂佛境未現之前，心在何所？因聞所念之佛，乃引生能念之心，則能念

之心，因所念之佛而有。若離所念之佛，亦無能念之心，則心亦從緣，無有自性。智外無如者，心者是智，佛者是如。心外無佛，是智外無如也。此乃奪境，不奪人。古云：上園花已謝，車馬尚駢填，是也。如外無智者，既佛外無心，是如外無智也。此乃奪人，不奪境。古云：是處有芳草，滿城無故人，是也。非如非智，故唯一心者，智外無如，以智奪如，故非如。如外無智，以如奪智，故非智。互奪兩忘，則非如非智，故唯一心。此人境雙奪。古云：雲散，水流去，寂然，天地空。又云：人牛俱不見，正是月明時，是也。若言其有五句，謂能念之心，因所念之佛而有，則能念之心本體自空。所念之佛，因能念之心而有，則所念之佛了不可得。以心緣境，從無自性，故有非有也。此為空觀。若言其無五句，謂因所念之佛，引生能念之心，則能念之心惺惺不昧。因能念之心，引生所念之佛，則所念之佛歷歷分明。以性空之處，不礙緣生。故無非無也。此為假觀。若言亦有亦無二句，謂若雙執有無，則正當本體自空，了不可得時，又靈靈不昧，歷歷分明，以有奪無也。正當靈靈不昧，歷歷分明時，又本體自空，了不可得，以無奪有也。互奪兩亡，則有無雙泯。此雙遮二邊之中道觀也。若言非有非無二句，謂若雙破有無，則因本體自空，了不可得，故得靈靈不昧，歷歷分明，因無成有也。因靈靈不昧，歷歷分明，故得本體自空，了不可得，因有成無也。互成雙立，則有無俱存，此雙照二邊之中道觀也。有無四句是病。三觀是藥。若四句既離，則三觀亦絕。此中，有即俗諦，無即真諦，雙亦雙非即中道第一義諦。舉一即三，言三即一，皆如境也。故云：般若如火聚，四面不可入。又云：般若如清涼池，四面皆可入也。非有則常寂下九句，結歸寂照難思。斯則下總結上二，能所情消，即如智不二。有無見盡，即寂照難

思。見諦，即三諦圓融理。

(Sao: “Thể cứu” là nghe danh hiệu Phật, không chỉ ức niệm, mà còn từ ngay nơi cái niệm mà quán ngược lại, hòng lãnh hội, xem xét, thấu hiểu, truy tìm đến tận nguồn cội của nó. Thể cứu đến mức cùng cực, sẽ bỗng dừng khế hợp bản tâm của chính mình. Trong ấy có hai nghĩa:

- Nghĩa thứ nhất là Như và Trí chẳng hai. Ngoài cái tâm năng niệm, chẳng có đức Phật để ta niệm. Đó là ngoài Trí chẳng có Như. Ngoài đức Phật được niệm, chẳng có cái tâm có thể niệm Phật. Đó là ngoài Như chẳng có Trí. Chẳng phải là Như, chẳng phải là Trí, nên chỉ là nhất tâm.

- [Nghĩa thứ] hai là “Tịch và Chiếu khó nghĩ tưởng”. Nếu nói nó là Có thì bản thể của cái tâm năng niệm là Không, đức Phật được niệm sẽ là trọn chẳng thể được. Nếu bảo là Không, thì cái tâm năng niệm linh thông chẳng mê muội, đức Phật được niệm vằng vặc phân minh. Nếu bảo là “vừa Có, vừa Không”, thì hữu niệm và vô niệm đều mất. Nếu nói “chẳng phải là Có, chẳng phải là Không”, thì hữu niệm và vô niệm cùng tồn tại. Chẳng phải là Có mà thường Tịch, chẳng phải là Không mà thường Chiếu, chẳng phải là “cùng Có, cùng Không”, chẳng phải là “chẳng phải Có, chẳng phải Không” mà chẳng Tịch, chẳng Chiếu, lại vừa Chiếu, vừa Tịch. Nói năng lẫn suy nghĩ đều chẳng được, không thể nào gọi tên hay hình dung. Vì thế, chỉ là nhất tâm.

Cho nên tình thức Năng lẫn Sở đều tiêu, kiến giải Có và Không đều hết. Cái Thể thanh tịnh bốn nhiên, há còn có pháp nào để tạp loạn được nữa? Do đã thấy các Đế, nên gọi là Lý nhất tâm. Nói là Huệ vì nó có thể chiếu thấu vọng. “Kèm thêm Định” vì nó chiếu thấu suốt “vọng vốn là Không”, nên vọng tự bị chế phục. Lại Chiếu có thể phá vọng, không chỉ là chế phục.

Diễn: “Ngoài cái tâm năng niệm, chẳng có vị Phật để ta niệm”, ý nói: Trước khi một niệm sanh khởi, Phật ở chỗ nào? Do tâm khởi niệm, nên Phật cảnh hiện tiền. Vậy thì đức Phật được niệm là do cái tâm năng niệm mà có. Nếu lìa khỏi cái tâm năng niệm, sẽ cũng chẳng có đức Phật để niệm, cho nên Phật cảnh do duyên [mà có], chẳng có tự tánh.

“Ngoài đức Phật được niệm, chẳng có tâm để có thể niệm Phật” nghĩa là: Trước khi Phật cảnh hiện ra, tâm ở chỗ nào? Do nghe đức Phật được niệm mà dẫn khởi, sanh ra cái tâm niệm Phật. Vậy thì cái tâm niệm Phật là do có đức Phật được niệm mà có. Nếu lìa khỏi đức Phật được niệm, cũng sẽ chẳng có cái tâm có thể niệm. Do vậy, tâm cũng từ

duyên [mà hiện hữu], chẳng có tự tánh.

“Ngoài Trí chẳng có Như”: Tâm là Trí, Phật là Như. “Ngoài tâm chẳng có Phật” là ngoài Trí chẳng có Như. Đây chính là đoạt cảnh, chẳng đoạt người. Cổ nhân nói: “Thượng Uyển hoa tàn lụi, xe ngựa vẫn dập dìu” nhằm nói lên ý này.

“Ngoài Như không có Trí”: Đã là “ngoài Phật chẳng có tâm”, tức là “ngoài Như chẳng có Trí”. Đây chính là đoạt người, chẳng đoạt cảnh. Cổ nhân nói: “Nơi đây, cỏ tỏa hương thơm ngát, khắp thành đâu thấy bóng người xưa” là nói lên ý này.

“Chẳng phải là Như, chẳng phải là Trí, nên chỉ là nhất tâm”: Ngoài Trí chẳng có Như, do Trí đoạt Như, nên chẳng phải là Như. Ngoài Như không có Trí, do Như đoạt Trí, nên chẳng phải là Trí. Do [Như và Trí] đoạt lẫn nhau, nên hai bên cùng mất. Vì thế, chẳng phải là Như, chẳng phải là Trí, chỉ là nhất tâm. Đây chính là người và cảnh đều bị đoạt. Cổ nhân nói: “Mây tan, nước chảy mất, khắp trời đất lặng tênh”. Lại nói: “Người, trâu đều chẳng thấy; khi ấy, trăng rạng ngời” là nói về ý này.

Năm câu “nếu nói là Có...” ý nói: Cái tâm năng niệm do đức Phật được niệm mà có, cho nên bản thể của cái tâm năng niệm chính là Không. Đức Phật được niệm do cái tâm năng niệm mà có, cho nên đức Phật được niệm trọn chẳng thể được. Do tâm duyên cảnh, vốn chẳng có tự tánh, cho nên “tuy có mà chẳng có”. Đây chính là Không Quán.

Năm câu “nếu nói là Không...” ý nói: Do đức Phật được niệm dẫn khởi, phát sanh cái tâm năng niệm, cho nên cái tâm năng niệm sáng suốt, chẳng mê muội. Do cái tâm năng niệm, dẫn khởi, phát sanh đức Phật được niệm, cho nên đức Phật được niệm vắng vặc phân minh. Do nơi tánh Không chẳng trở ngại duyên sanh, cho nên Không mà chẳng phải là Không. Đây là Giả Quán.

Hai câu “nếu nói cũng Có, cũng Không”, ý nói: Nếu cùng chấp Có lẫn chấp Không, như vậy thì ngay trong lúc bản thể là Không, trọn chẳng thể được, lại là linh thông, chẳng mê muội, vắng vặc phân minh, tức là dùng Hữu để đoạt Vô vậy. Ngay đang trong lúc linh thông chẳng mê muội, vắng vặc phân minh, bản thể lại trọn chẳng thể được, [chính là] dùng Vô để đoạt Hữu. Hai bên đoạt lẫn nhau cho nên cùng mất, chính là Hữu và Vô cùng mất. Đây chính là Trung Đạo Quán ngăn dứt cả hai bên [Hữu và Vô].

Hai câu “nếu nói chẳng phải Có, chẳng phải Không...” ý nói: Nếu cùng phá Có và Không, thì do bản thể vốn là Không, trọn chẳng thể

được, cho nên linh thông chẳng mê muối, vắng vặc phân minh, [đó chính là] do Không mà thành Có vậy. Do linh thông bất muối, vắng vặc phân minh, nên bản thể là Không, trọn chẳng thể được, [đó chính là] do Có mà thành Không. Do thành tựu lẫn nhau mà đôi bên cùng được kiến lập, cho nên Có và Không đều tồn tại. Đây chính là Trung Đạo Quán chiếu soi cả hai bên.

Bốn câu “Có, Không” là bệnh, Tam Quán là thuốc. Nếu đã lìa bốn câu thì ba phép Quán cũng mất. Trong ấy, Có chính là Tục Đế, Không là Chân Đế, “cũng có cũng không” và “chẳng phải có chẳng phải không” chính là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Nêu ra một thì chính là ba, nói ba mà chính là một, đều là cảnh của Như vậy. Vì thế nói: “Bát Nhã như đồng lửa, bốn phía chẳng thể tiến vào được”. Lại nói: “Bát Nhã như ao thanh lương, bốn phía đều có thể vào”.

Chín câu từ “chẳng phải là Có nên thường Tịch” trở đi nhằm kết quy [ý nghĩa] Tịch Chiếu khó nghĩ tưởng. Từ chữ “cho nên” trở đi là tổng kết hai [ý nghĩa] trong đoạn trên, tình thức Năng lẫn Sở đều tiêu chính là “Như và Trí chẳng hai”; kiến giải Có và Không đều hết chính là “Tịch và Chiếu khó nghĩ tưởng”. “Thấy Đế” tức là lý Tam Đế viên dung).

(Sớ) Hựu giáo phân tứ chủng niệm Phật, tòng thiện chí thâm, thử cư tối thiểu. Tuy hậu hậu thâm ư tiền tiền, thật tiền tiền triệt ư hậu hậu, dĩ Lý nhất tâm, tức Thật Tướng cố.

(Sao) Tứ chủng như tiền Tự trung thuyết: Nhất, Xưng Danh. Nhị, Quán Tượng. Tam Quán Tướng. Tứ, Thật Tướng. Xưng Danh giả, tức kim kinh. Quán Tượng giả, vị thiết lập tôn tượng, chú mục quan chiêm. Như Pháp Hoa vân: “Khởi lập, hiệp chưởng, nhất tâm quán Phật”, tức quán tướng hảo, quang minh hiện tại chi Phật đã. Nhược Ưu Điền vương, dĩ Chiên Đàn tác Thế Tôn tượng, tức quán nê, mộc, kim, đồng chú tạo chi Phật đã, cố vân Quán Tượng. Quán Tướng giả, vị dĩ ngã tâm mục, tướng bĩ Như Lai, tức Quán Phật Tam Muội Kinh, Thập Lục Quán Kinh sở thuyết, thị đã. Thật Tướng giả, tức niệm tự tánh thiên chân chi Phật, vô sanh, diệt, hữu, không, Năng, Sở đẳng tướng. Diệc phục ly ngôn thuyết tướng, ly danh tự tướng, ly tâm duyên tướng, thị danh Thật Tướng. Sở vị “ngã dục kiến Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến”, thị đã. Thử chi tứ giả, tuy đồng danh Niệm Phật, tiền thiện hậu thâm. Trì Danh tuy tại sơ môn, kỳ thật, ý hàm vô tận. Sự nhất tâm tác thiện, Lý nhất tâm tác

thâm. Tức Sự, tức Lý, tức tức thiện, tức thâm, cổ viết: “Triệt tiền, triệt hậu”. Sở dĩ giả hà? Lý nhất tâm giả, nhất tâm tức thị Thật Tướng, tức tối sơ tức thị tối hậu dã.

(Diễn) Như Pháp Hoa hạ, vị Quán Tượng thông nhị chủng: Nhất, chân Phật. Nhị, tượng Phật dã. Dẫn Pháp Hoa chứng, quán hiện tại chân Phật. Dẫn Ưu Điền chứng, quán hiện tại tượng Phật. Chiên Đàn tượng giả, Thế Tôn thành đạo hậu, thường vãng Đạo Lợi thiên cung, vị mẫu thuyết pháp. Ưu Điền vương dục cận Phật nhi bất khả đắc, nãi thỉnh Mục Liên tôn giả, đối tam thập nhị tượng, vãng bỉ thiên cung, các thuyết nhất tướng, hoàn lai nhân gian, dụng Chiên Đàn hương mộc khắc Thế Tôn tượng, quan chiêm lễ bái. Dĩ ngã tâm mục giả, Quán Kinh vân: “Kỳ quang, tướng hảo, cập dữ hóa Phật, bất khả cụ thuyết”. Dẫn đương ức tướng, linh tâm nhãn kiến. Kiến thử sự giả, tức kiến thập phương nhất thiết chư Phật, cố danh Niệm Phật tam-muội”. Tướng bỉ Như Lai giả, chư Phật Chánh Biến Tri hải tòng tâm tướng sanh. Tâm tướng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bất thập tùy hình hảo. Sở vị: “Dĩ pháp giới tâm, quán pháp giới cảnh, sanh ư pháp giới y, chánh, sắc, tâm dã”. Vô sanh diệt hữu không Năng Sở đẳng tướng giả, đối thượng tam chủng niệm Phật, Tri Danh thị sanh diệt tướng. Kinh vân: “Chư hành thị vô thường, niệm tánh nguyên sanh diệt cố”. Quán Tượng thị không hữu tướng, đối tượng tức hữu, ly tượng thị vô cố. Quán Tướng thị Năng Sở tướng, hữu năng quán chi tâm, sở quán chi cảnh cố. Hựu tiền tam, giai bất ly sanh diệt, hữu không, Năng Sở đẳng tướng. Hựu tiền tam, giai bất ly ngôn thuyết tướng, danh tự tướng, tâm duyên tướng. Kim Thật Tướng chi Phật, quá khứ vô thị, vị lai vô chung, vô sanh diệt tướng. Nhất trần bất lập xứ, vạn pháp tề chương, vô không hữu tướng. Chiếu thể độc lập, tuyệt chư đối đãi, vô năng sở tướng. Hựu phục ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt, từ táng, lự vong, ly ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên đẳng tướng, thị vô tướng bất tướng, danh vi Thật Tướng dã. Ngã nhược dục kiến A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến, thị Hoa Nghiêm Giải Thoát trường giả sở thuyết. Dĩ thử chứng Thật Tướng giả, dĩ trường giả dĩ năng liễu tri tự tánh, như ảnh, hưởng, mộng, huyền. Sở kiến chư Phật, giai do tự tâm. Cổ kinh văn vân: “Thiện nam tử! Ngã kiến như thị đẳng thập phương Phật sát vi trần số Như Lai, bỉ chư Như Lai bất lai chí thử, ngã bất vãng bỉ. Ngã nhược dục kiến An Lạc thế giới A Di Đà Phật Như Lai, tùy ý tức kiến. Tri nhất thiết Phật cập dữ ngã tâm, tất giai như mộng. Tri nhất thiết Phật do như ảnh tượng,

tự tâm như thủy. Tri nhất thiết Phật sở hữu sắc tướng, cập dĩ tự tâm, tất giai như huyễn, tất giai như hống. Ngã như thị tri, như thị ức niệm, sở kiến chư Phật giai do tự tâm”. Hựu dĩ thử chứng Thật Tướng giả, dĩ như thật không, phương năng bất không; như thật bất không, phương hiển Chân Không, tự phi viễn ly chư tướng, yên năng tùy ý hiện tướng. Tự phi tùy ý hiện tướng, mặc hiển viễn ly chư tướng dã. Triệt tiền triệt hậu giả, Lý tức Sự cố triệt tiền, Sự tức Lý cố triệt hậu. Lý nhất tâm tức Thật Tướng giả, như thượng sở ngôn Lý nhất tâm giả, tắc Năng Sở tình tiêu, Hữu Vô kiến tận, ly sanh diệt, không hữu đẳng tướng, cố tức Thật Tướng dã.

(疏)又教分四種念佛，從淺至深，此居最始。雖後後深於前前，實前前徹於後後，以理一心，即實相故。

(鈔)四種如前序中說：一、稱名，二、觀像，三、觀想，四、實相。稱名者，即今經。觀像者，謂設立尊像，注目觀瞻。如法華云：起立合掌，一心觀佛，即觀相好，光明現在之佛也。若優填王，以栴檀作世尊像，即觀泥木金銅鑄造之佛也，故云觀像。觀想者，謂以我心目，想彼如來，即觀佛三昧經，十六觀經所說，是也。實相者，即念自性天真之佛，無生滅有空能所等相。亦復離言說相，離名字相，離心緣相，是名實相。所謂我欲見極樂世界阿彌陀佛，隨意即見，是也。此之四者，雖同名念佛，前淺後深。持名雖在初門，其實，意含無盡。事一心則淺，理一心則深。即事即理，則即淺即深，故曰：徹前徹後。所以者何？理一心者，一心即是實相，則最初即是最後故。

(演)如法華下，謂觀像通二種：一、真佛。二、像佛也。引法華證，觀現在真佛。引優填證，觀現在像佛。栴檀像者，世尊成道後，嘗往忉利天宮，為母說法。優填王欲觀佛而不可得，乃請目連尊者，帶三十二匠，往彼天宮，各說一相，還來人間，用栴檀香木刻世尊像，觀瞻禮拜。以我心目者，觀經云：其光相好，及與化佛，不可具說。但當憶想，令心眼見。見此事者，即見十方一切諸

佛，故名念佛三昧。想彼如來者，諸佛正遍知海從心想生。心想佛時，是心即是三十二相，八十隨形好。所謂：以法界心，觀法界境，生於法界依正色心也。無生滅有空能所等相者，對上三種念佛，持名是生滅相。經云：諸行是無常，念性元生滅故。觀像是空有相，對像則有，離像是無故。觀想是能所相，有能觀之心，所觀之境故。又前三，皆不離生滅，有空，能所等相。又前三，皆不離言說相，名字相，心緣相。今實相之佛，過去無始，未來無終，無生滅相。一塵不立處，萬法齊彰，無空有相。照體獨立，絕諸對待，無能所相。又復言語道斷，心行處滅，詞喪慮亡，離言說名字心緣等相，是無相不相，名為實相也。我若欲見阿彌陀佛，隨意即見，是華嚴解脫長者所說。以此證實相者，以長者已能了知自性，如影響夢幻。所見諸佛，皆由自心。故經文云：善男子！我見如是等十方佛剎微塵數如來，彼諸如來不來至此，我不往彼。我若欲見安樂世界阿彌陀佛如來，隨意即見。知一切佛及與我心，悉皆如夢。知一切佛猶如影像，自心如水。知一切佛所有色相，及以自心，悉皆如幻，悉皆如響。我如是知，如是憶念，所見諸佛皆由自心。又以此證實相者，以如實空，方能不空；如實不空，方顯真空，自非遠離諸相，焉能隨意現相。自非隨意現相，莫顯遠離諸相也。徹前徹後者，理即事故徹前，事即理故徹後。理一心即實相者，如上所言理一心者，則能所情消，有無見盡，離生滅空有等相，故即實相也。

(Sớ: Lại nữa, giáo pháp chia thành bốn loại niệm Phật từ cạn đến sâu, pháp [Trì Danh] này xếp đầu tiên. Tuy pháp sau sâu hơn pháp trước, nhưng thật ra, pháp trước thông thấu pháp sau, vì Lý nhất tâm chính là Thật Tướng.

Sao: Bốn loại là như trong lời Tự thuộc phần trước đã nói: Một là Xưng Danh. Hai là Quán Tượng. Ba là Quán Tướng. Bốn là Thật Tướng. Xưng Danh là [pháp hành trì được để xưng trong] kinh này. Quán

Tượng là thiết lập tôn tượng, mắt chăm chú chiêm ngưỡng. Như kinh Pháp Hoa nói “đứng dậy, chấp tay, một lòng quán Phật” chính là quán tượng hảo và quang minh của vị Phật hiện tại. Còn như vua Ưu Điền dùng gỗ Chiên Đàn tạc tượng đức Thế Tôn, tức quán vị Phật bằng đất, gỗ, vàng, đồng đúc tạo. Do đó nói là “quán tượng”.

Quán Tượng là dùng tâm mục của ta để tưởng đức Như Lai kia; chính là những điều được giảng trong các kinh Quán Phật Tam Muội và Thập Lục Quán Kinh. Thật Tướng là niệm vị Phật Thiên Chân trong tự tánh, chẳng có các tướng như sanh, diệt, có, không, Năng, Sở v.v... Lại cũng là tướng ngôn thuyết, là tướng danh tự, là tướng tâm duyên, thì gọi là Thật Tướng. Nói “ta muốn thấy Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tùy ý bèn thấy” chính là nói về điều này.

Bốn phép này tuy đều gọi là Niệm Phật, nhưng phép trước cạn, phép sau sâu. Trì Danh tuy thuộc môn đầu tiên, nhưng thật ra, chứa đựng vô tận ý nghĩa. Sự nhất tâm là cạn, Lý nhất tâm là sâu. Do Sự chính là Lý, nên cạn chính là sâu, vì thế nói “thấu triệt trước sau”. Vì sao vậy? Đối với Lý nhất tâm, nhất tâm chính là Thật Tướng, cho nên pháp thoát đầu chính là pháp tối hậu vậy.

Diễn: [Từ câu] “như Pháp Hoa” trở đi, ý nói: Quán Tượng gồm hai loại: Một là quán đức Phật thật sự. Hai là quán hình tượng của Phật. Dẫn kinh Pháp Hoa để làm chứng cho việc quán vị Phật thật sự trong hiện tại. Dẫn vua Ưu Điền để làm chứng cho việc quán tượng Phật trong hiện tại.

“Tượng bằng Chiên Đàn”. Sau khi thành đạo, đức Thế Tôn đã từng lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp cho mẹ. Vua Ưu Điền muốn thân cận đức Phật mà chẳng thể được, bèn thỉnh tôn giả Mục Liên đem theo ba mươi hai người thợ lên cung trời ấy, mỗi người nói một tướng, trở về nhân gian, dùng gỗ thom Chiên Đàn khắc thành hình tượng đức Thế Tôn để nhìn ngắm, lễ bái.

“Dùng tâm mục của ta”: Quán Kinh nói: “Quang minh, tướng hảo của đức Phật và các hóa Phật [hóa hiện trong quang minh của Ngài] chẳng thể nói trọn. Chỉ nên ức tưởng, khiến cho tâm nhãn trông thấy”. “Thấy sự này” chính là thấy mười phương hết thấy chư Phật, nên gọi là Niệm Phật tam-muội.

“Tưởng đức Như Lai kia”: Biện Chánh Biện Tri của chư Phật sanh từ tâm tưởng. Khi tâm tưởng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Đó gọi là “dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh, sanh trong y báo, chánh báo, sắc, tâm nơi pháp giới”.

“Chẳng có các tướng sanh, diệt, hữu, không, Năng, Sở”... là đối ứng với ba loại niệm Phật trước đó. Trì Danh là tướng sanh diệt. Kinh nói: “Các hành là vô thường, do tánh của niệm vốn là sanh diệt”. Quán Tượng là tướng Không Hữu, vì đối trước tượng bèn Có, là tượng bèn Không. Quán Tướng là tướng Năng Sở, do có cái tâm năng quán và cảnh được quán.

Lại nữa, ba loại trước đều chẳng là các tướng sanh diệt, Có, Không, Năng, Sở v.v... Lại nữa, ba cách [niệm Phật] trước đều chẳng là tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, và tướng tâm duyên. Nay vị Phật Thật Tướng thì quá khứ không có khởi đầu, vị lai chẳng có kết thúc, chẳng có tướng sanh diệt. Chẳng có chỗ nào để lập mảy trần, vạn pháp cùng phô bày, chẳng có tướng Có và Không. Chiếu thể độc lập, dứt bật các đối đãi, chẳng có tướng Năng và Sở. Lại còn chẳng thể diễn tả được, chẳng thể suy lường, dứt bật ngôn từ, tuyệt dứt suy tưởng, rời là các tướng như ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên, chẳng có tướng, mà không phải là chẳng có tướng, cho nên gọi là Thật Tướng.

“Nếu ta muốn thấy A Di Đà Phật bèn tùy ý thấy ngay” chính là lời trưởng giả Giải Thoát đã nói trong kinh Hoa Nghiêm. “Dùng điều này để chứng Thật Tướng”: Vì trưởng giả đã có thể biết rõ tự tánh như hình bóng, tiếng vang, mộng, huyễn, thấy chư Phật đều do tự tâm.

Do vậy, kinh vẫn nói: “Này thiện nam tử! Ta thấy các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong mười phương các cõi Phật như thế đó. Các đức Như Lai ấy chẳng đến đây, ta chẳng đến chỗ các Ngài. Nếu ta muốn thấy A Di Đà Phật Như Lai trong thế giới An Lạc, tùy ý liền thấy. Biết hết thấy chư Phật và tâm ta thấy đều như mộng. Biết hết thấy chư Phật giống như hình bóng, tự tâm như nước. Biết tất cả sắc tướng của hết thấy chư Phật và tự tâm thấy đều như huyễn, thấy đều như tiếng vang. Ta biết như thế, ức niệm như thế, các đức Phật được thấy đều do tự tâm”.

“Lại dùng điều này để chứng Thật Tướng”: Do Như Thật Không thì mới có thể Bất Không. Do Như Thật Bất Không thì mới có thể hiển lộ Chân Không. Chẳng tự xa là các tướng, làm sao có thể tùy ý hiện tướng? Chẳng tự tùy ý hiện tướng, sẽ chẳng hiển lộ xa là các tướng.

“Thấu triệt trước sau”: Do Lý chính là Sự, nên thấu triệt các pháp trước. Do Sự chính là Lý, nên thấu triệt các pháp sau. “Lý nhất tâm chính là Thật Tướng”: Lý nhất tâm như đã nói trên đây chính là tình kiến về Năng và Sở đều tiêu, kiến chấp Hữu và Vô đã hết sạch, là các tướng sanh, diệt, Không, Hữu v.v... cho nên chính là Thật Tướng).

(Sao) **Vấn:** “**Khởi đắc xưng danh tiện thành Thật Tướng?**” **Đáp:** **Thật Tướng** vân giả, **phi tất diệt trừ chư tướng**, cái tức tướng nhi vô tướng dã. **Kinh vân:** “**Trị thế ngữ ngôn, giai dĩ Thật Tướng, bất tương vi bội**”. **Vân hà vạn đức hồng danh, bất cập trị thế nhất ngữ?** **Nhất xưng Nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo, hà hưởng kim danh Lý nhất tâm dã.** **Hựu Quán Kinh đề cử, quán Phật tướng hảo số, trực vị “quán Phật Pháp Thân”, tướng hảo ký tức Pháp Thân, danh hiệu hà phi Thật Tướng?**

(Diễn) **Khởi đắc xưng danh tiện thành Thật Tướng giả, dĩ xưng danh niệm Phật, niệm niệm khởi diệt, thị sanh diệt tướng. Niệm thời tắc hữu, bất niệm tắc vô, thị không hữu tướng. Năng niệm thị tâm, sở niệm thị Phật, thị năng sở tướng. Xưng Phật danh hiệu, dĩ tâm duyên lịch, thị ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên đẳng tướng, hà ngôn tức Thật Tướng da?** **Đáp viết:** **Vị Thật Tướng giả, phi vi diệt trừ chư tướng, nhi đàm Thật Tướng; tức tướng vô tướng, danh Thật Tướng dã.** **Trị thế ngữ ngôn giai dĩ Thật Tướng bất vi bội giả, dĩ chứng ý Thật Tướng, tắc chư sở thuyết pháp vô phi Thật Tướng, cố bất tương vi bội; tuy thuyết tục sự, diệc thuận chánh pháp dã.** **Kinh vân:** “**Dĩ thị thanh tịnh ý căn, nãi chí văn nhất kệ, nhất cú, thông đạt vô lượng vô biên chi nghĩa, năng diễn thuyết nhất cú, nhất kệ, chí u nhất nguyệt, tứ nguyệt, nãi chí nhất tuế. Chư sở thuyết pháp, tùy kỳ nghĩa thú, giai dĩ Thật Tướng bất tương vi bội. Nhược thuyết tục gian kinh thư, trị thế ngữ ngôn, tư sanh nghiệp đẳng, giai thuận chánh pháp**”. **Nhất xưng nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo giả, dĩ loạn tâm xưng Phật thị vi tối dị, nhi giai thành Phật đạo. Tín hồ đạo vô nan dị, diên bất tạo thứ, vô phi diệu pháp, vô phi Đệ Nhất Nghĩa dã.** **Trực vị quán Phật Pháp Thân giả, vị lục thập vạn ức na-do-tha do-tuần chi thân, thị Thật Báo thân, danh vi Tôn Đắc, diệc danh Thắng Ứng; nhi đặc danh Pháp Thân giả, vị thành hành nhân viên diệu cảnh dã.** **Lương dĩ Báo Ứng thuộc Tu, Pháp Thân thị Tánh. Nhược Tiệm Giáo thuyết, biệt khởi Báo Ứng nhị tu, trang nghiêm Pháp Thân nhất tánh. Nhược Đốn Giáo thuyết Báo Ứng nhị tu, toàn thị Tánh cụ Pháp Thân nhất tánh. Cử Thể khởi tu, cố đắc toàn Tánh thành Tu, toàn Tu tại Tánh, tam thân dung diệu, chỉ nhất tức tam dã.** **Thị tri viên nhân tu hành, vô hạnh bất viên. Viên nhân đối pháp, vô pháp bất diệu. Tức nhất cú Di Đà, đương thể tức Không, tức Giả, tức Trung, đương thể tức niệm tự tánh Thiên Chân chi Phật. Nhi niệm thật vô niệm, thị vô sanh diệt tướng. Tịch Diệu nan tư, thị vô không hữu tướng. Như Trí bất nhị, thị vô năng sở tướng.**

Bất khả tư nghị, thị vô ngôn thuyết, tâm duyên đẳng tướng. Danh hiệu hà phi Thật Tướng dã?

(鈔)問：豈得稱名便成實相？答：實相云者，非必滅除諸相，蓋即相而無相也。經云：治世語言，皆與實相，不相違背。云何萬德洪名，不及治世一語？一稱南無佛，皆已成佛道，何況今名理一心也。又觀經第九，觀佛相好疏，直謂觀佛法身，相好既即佛法，名號何非實相？

(演)豈得稱名便成實相者，以稱名念佛，念念起滅，是生滅相。念時則有，不念則無，是空有相。能念是心，所念是佛，是能所相。稱佛名號，以心緣歷，是言說名字心緣等相，何言即實相耶？答曰：謂實相者，非為滅除諸相，而談實相；即相無相，名實相也。治世語言皆與實相不違背者，以證意實相，則諸所說法無非實相，故不相違背；雖說俗事，亦順正法也。經云：以是清淨意根，乃至聞一偈一句，通達無量無邊之義，能演說一句一偈，至於一月四月乃至一歲。諸所說法，隨其義趣，皆與實相不相違背。若說俗間經書，治世語言，資生業等，皆順正法。一稱南無佛，皆已成佛道者，以亂心稱佛是為最易，而皆成佛道。信乎道無難易，顛沛造次，無非妙法，無非第一義也。直謂觀佛法身者，謂六十萬億那由他由旬之身，是實報身，名為尊特，亦名勝應；而特名法身者，為成行人圓妙境也。良以報應屬修，法身是性。若漸教說，別起報應二修，莊嚴法身一性。若頓教詮報應二修，全是性具法身一性。舉體起修，故得全性成修，全修在性，三身融妙，指一即三也。是知圓人修行，無行不圓。圓人對法，無法不妙。即一句彌陀，當體即空即假即中，當體即念自性天真之佛。而念實無念，是無生滅相。寂照難思，是無空有相。如智不二，是無能所相。不可思議，是無言說，心緣等相。名號何非實相也？

(Sao: Hỏi: “Hà có lẽ nào xưng danh chính là Thật Tướng?” Đáp:

Nói “Thật Tướng” chẳng phải là ắt phải diệt trừ các tướng! Bởi lẽ, từ ngay nơi tướng mà [nhận biết] chẳng có tướng. Kinh dạy: “Lời lẽ răn đời đều chẳng trái nghịch Thật Tướng”. Lẽ nào vạn đức hồng danh chẳng bằng một lời trị thế ư? “Vừa xưng Nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo”, huống hồ nay cái được gọi là Lý nhất tâm [lại chẳng bằng xưng danh hiệu một tiếng ư?] Lại nữa, trong phần Sớ giảng về [phép Quán] thứ chín, tức phép quán tướng hảo của Phật trong Quán Kinh, [tổ sư] đã nói thẳng thừng [quán tướng hảo chính là] “quán Pháp Thân của Phật”. Tướng hảo đã là Pháp Thân, lẽ nào danh hiệu chẳng phải là Thật Tướng ư?

Diễn: “Há có lẽ nào xưng danh chính là Thật Tướng?”: Do xưng danh niệm Phật, khởi lên rồi diệt mất trong mỗi niệm. Đó là tướng sanh diệt. Khi niệm thì có, chẳng niệm bèn không. Đó là tướng Không Hữu. Chủ thể để niệm là cái tâm, đối tượng được niệm là Phật. Đó là tướng Năng Sở. Xưng danh hiệu Phật, dùng tâm duyên theo. Đó chính là các tướng ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên v.v... Lẽ nào nói là Thật Tướng cho được? Đáp: Ý nói “Thật Tướng chẳng phải là diệt trừ các tướng”. Nói đến Thật Tướng thì nó chính là tướng mà chẳng có tướng, cho nên gọi là Thật Tướng.

“Lời lẽ răn đời đều chẳng trái nghịch Thật Tướng”: Do chứng đắc Thật Tướng của Ý, cho nên các pháp đã nói ra, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Do vậy, chẳng trái nghịch. Tuy nói chuyện thế tục, cũng thuận theo chánh pháp. Kinh nói: “Do Ý Căn thanh tịnh, dầu chỉ nghe một kệ, một câu, mà thông đạt vô lượng vô biên nghĩa, có thể diễn thuyết một câu, một kệ từ một tháng cho đến bốn tháng, thậm chí cả năm. Những pháp đã nói đều thuận theo nghĩa thú ấy, đều chẳng trái nghịch Thật Tướng. Nếu có nói đến những kinh sách trong cõi đời, những lời lẽ trị thế, các nghề nghiệp kiếm sống v.v... cũng đều thuận theo chánh pháp”.

“Xưng nam-mô Phật một tiếng, đều đã thành Phật đạo”: Dùng loạn tâm để xưng danh hiệu Phật là dễ dàng nhất, mà đều thành tựu Phật đạo. Tin tưởng đạo chẳng có khó hay dễ, dầu vất vả, gian nan, không gì chẳng phải là diệu pháp, không gì chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa.

“Nói thẳng thừng là quán Pháp Thân của Phật”, ý nói: Thân cao sáu mươi vạn ức na-do-tha do-tuần [trong Quán Kinh] là thân Thật Bảo, được gọi là Tôn Đắc (tôn quý, đặc biệt), cũng gọi là Thắng Ứng (ứng hiện thù thắng). Nhưng đặc biệt gọi [thân ấy] là Pháp Thân vì dễ thành

tự cảnh viên mãn và mẫu nhiệm cho hành nhân. Ấy là vì Báo Thân và Ứng Thân thuộc về Tu, mà Pháp Thân là Tánh. Nếu nói theo Tiệm Giáo, sẽ lập riêng hai cách tu Báo Thân và Ứng Thân, nhưng Pháp Thân trang nghiêm là cùng một tánh. Nếu căn cứ theo Đốn Giáo để nói về hai loại tu Báo Thân và Ứng Thân, chúng sẽ hoàn toàn là một tánh, tánh ấy vốn sẵn đủ Pháp Thân. Dùng toàn bộ Thể để khởi tu; vì thế, toàn bộ Tánh trở thành Tu, toàn bộ Tu ở nơi Tánh. Ba thân viên dung mẫu nhiệm, cho nên nêu ra một thân sẽ là nói trọn cả ba thân. Do vậy biết: Người viên đốn tu hành, không hạnh nào chẳng viên mãn. Người căn cơ viên đốn đối pháp, không pháp nào chẳng diệu. Vậy thì bản thể của một câu Di Đà chính là Không, chính là Giả, chính là Trung. Từ ngay nơi bản thể, bèn niệm vị Phật Thiên Chân trong tự tánh. Niệm mà thật sự vô niệm, chính là tướng vô sanh diệt.

“Tịch Chiếu khó nghĩ tưởng” chính là chẳng có tướng Không và Hữu. “Như và Trí chẳng hai” chính là không có tướng Năng và Sở. “Chẳng thể nghĩ bàn”: Chẳng có các tướng ngôn thuyết, tâm duyên v.v... Lẽ nào danh hiệu chẳng phải là Thật Tướng?)

(Sớ) Hựu Lý nhất tâm, chánh Văn Thủ Nhất Hạnh tam-muội, cập Hoa Nghiêm nhất hạnh niệm Phật, nhất thời niệm Phật. Hựu như Khởi Tín minh Chân Như Pháp Thân, cập chư kinh trung thuyết.

(Sao) Văn Thủ Nhất Hạnh giả, dĩ Bát Nhã trí chuyên trì Phật danh, tường kiến tiền văn.

(Diễn) Bát Nhã trí giả, tức tự tại quyết định giải lực. Tín nhãn thanh tịnh, trí quang chiếu diệu, phổ quán cảnh giới, ly nhất thiết chướng, thiện xảo quán sát, phổ nhãn minh triệt dã. Thử Bát Nhã trí thông dĩ chứng, vị chứng. Vị chứng tức thị Nhất Tâm Tam Quán. Dĩ chứng thị Nhất Tâm Tam Trí. Tam Trí thị quả, Tam Quán thị nhân. Quả tại nhất tâm, nhân khởi tiền hậu? Nhân quả bất nhị, phương viết “viên tu”. Cố Bát Nhã trí thông chứng, vị chứng dã. Nhược dĩ Bát Nhã trí chuyên trì Phật danh, tự thuộc vị chứng. Hà dĩ cố? Nhược dĩ chứng Nhất Tâm Tam Trí, tắc dĩ nhập Viên Trụ Biệt Địa. Dĩ chứng Vô Sanh, bất tiểu cánh dụng cầu sanh, khủng diệc bất tất chuyên trì hỷ. Kim dĩ Bát Nhã trí chuyên trì Phật danh giả, nãi thị Biệt Hướng cập Viên Tín dĩ hạ, cánh dĩ dị phương tiện, trợ hiển Đệ Nhất Nghĩa. Cứ hồ diệu tâm, xưng bỉ danh hiệu; thác bỉ danh hiệu, phát ngã diệu tâm dã. Diệu tâm nhất phát, tức tam trí thật tại nhất tâm trung đắc, Nhất Hạnh tam-muội tự thành tựu hỷ!

(疏)又理一心，正文殊一行三昧，及華嚴一行念佛，一時念佛。又如起信明真如法身，及諸經中說。

(鈔)文殊一行者，以般若智專持佛名，詳見前文。

(演)般若智者，即自在決定解力。信眼清淨，智光照耀，普觀境界，離一切障，善巧觀察，普眼明徹也。此般若智通已證，未證。未證即是一心三觀。已證是一心三智。三智是果，三觀是因。果在一心，因豈前後？因果不二，方曰圓修。故般若智通證，未證也。若以般若智專持佛名，似屬未證。何以故？若已證一心三智，則已入圓住別地。已證無生，不消更用求生，恐亦不必專持矣。今以般若智專持佛名者，乃是別向及圓信以下，更以異方便，助顯第一義。據乎妙心，稱彼名號；託彼名號，發我妙心也。妙心一發，即三智實在一心中得，一行三昧斯成就矣！

(Sớ: Lại nữa, Lý nhất tâm chính là Nhất Hạnh tam-muội trong kinh Văn Thù [Sớ Thuyết Bát Nhã Ba La Mật] và “nhất hạnh niệm Phật, nhất thời niệm Phật” trong kinh Hoa Nghiêm. Lại như luận Khởi Tín nói đến Chân Như Pháp Thân và các kinh đã nói.

Sao: “Văn Thù Nhất Hạnh” là dùng trí Bát Nhã để chuyên trì danh hiệu Phật, xem giải thích tường tận trong phần trước.

Diễn: “Trí Bát Nhã” chính là sức quyết định thông hiểu tự tại. Tín nhân thanh tịnh, trí quang chiếu sáng ngời, quán trọn khắp cảnh giới. Là hết thấy các chương, khéo léo quan sát, chính là Phổ Nhân sáng suốt, thấu triệt. Trí Bát Nhã ấy bao gồm đã chứng và chưa chứng.

“Chưa chứng” chính là Nhất Tâm Tam Quán. “Đã chứng” là Nhất Tâm Tam Trí. Tam Trí là quả, Tam Quán là nhân. Quả là nhất tâm, há có cái nhân trước hay sau? Nhân quả chẳng hai thì mới gọi là “viên tu”. Vì thế, trí Bát Nhã bao gồm đã chứng và chưa chứng. Nếu dùng trí Bát Nhã để chuyên trì danh hiệu Phật, sẽ dường như là chưa chứng. Vì có sao? Nếu đã chứng Nhất Tâm Tam Trí, ắt đã nhập địa vị Sơ Trụ của Viên Giáo, hoặc Sơ Địa của Biệt Giáo. Đã chứng Vô Sanh, chẳng cần phải cầu sanh nữa, sợ rằng cũng chẳng ắt cần phải chuyên trì niệm nữa!

“Nay dùng trí Bát Nhã để chuyên trì danh hiệu Phật” chính là Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo và Thập Tín trong Viên Giáo trở

xuống, bèn dùng phương tiện khác lạ để giúp họ hiển lộ Đệ Nhất Nghĩa. Dựa trên diệu tâm để xưng danh đức Phật kia, cấy vào danh hiệu ấy để phát khởi cái diệu tâm của ta. Hễ diệu tâm vừa phát, ba trí thật sự đạt được từ trong nhất tâm. Do vậy, Nhất Hạnh tam-muội bèn thành tựu).

(Sao) Hoa Nghiêm Nhất Hạnh giả, Đức Vân tỳ-kheo thị Niệm Phật pháp môn. Sớ vân: “Nhất Hạnh tam-muội, quán kỳ Pháp Thân, dĩ Như vì cảnh, vô cảnh phi Phật”. Hựu tu Niệm Phật tam-muội, đa ước tiệm tu, vị tiên Hóa Thân, thứ Báo Thân, thứ Pháp Thân. Kim tắc nhất thời nhi tu, bất lịch thứ đệ, nhất hạnh, bất nhị hạnh; nhất thời, bất nhị thời. Cố viết tức Lý nhất tâm dã.

(Diễn) Đức Vân tỳ-kheo thị Niệm Phật pháp môn giả, sơ vân: “Ngã duy đắc thử Úc Niệm Nhất Thiết Chư Phật Cảnh Giới, Trí Huệ, Quang Minh Phổ Kiến pháp môn”. Kế phục thị Trí Quang Phổ Chiếu Niệm Phật môn, nãi chí đệ nhị thập nhất Trụ Hư Không Niệm Phật môn. Đức Vân tỳ-kheo hạ, thị tiên thích Nhất Hạnh Niệm Phật. Hựu tu niệm Phật hạ, thị thứ thích nhất thời niệm Phật. Dĩ Như vì cảnh, vô cảnh phi Phật giả, thích thượng quán kỳ Pháp Thân dã. Pháp Thân tức Như Như chỉ lý. Nhược dĩ Như Như chỉ lý, vì sở quán cảnh, tắc Chân Như biến nhất thiết xứ. Biến nhất thiết xứ giai Phật cảnh dã. Thử tắc dĩ Bát Nhã trí chiếu pháp giới cảnh, cố vân: Nhất Hạnh Niệm Phật. Tiên Hóa, thứ Báo, thứ Pháp giả, vị đạt duy tâm. Ý sự thức quán Phật Hóa Thân. Dĩ đạt duy tâm, y nghiệp thức quán Phật Báo Thân, năng đoạn vô minh. Thứ y Bát Nhã, quán Phật Pháp Thân. Kim tắc nhất thời nhi tu, bất lịch thứ đệ. Hà giả? Hóa Thân thị Dụng, Báo Thân thị Trí, Pháp Thân thị Lý. Trí ngoại vô Như, cố Báo tức Pháp. Như ngoại vô Trí, cố Pháp tức Báo. Thể ngoại vô Dụng, cố Pháp Báo tức Ứng. Dụng ngoại vô Thể, cố Ứng tức Pháp Báo. Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất cố. Hựu nhất thời nhi tu giả, viên nhân bất độc tùy quán nhất thân tức thị tam thân, dẫn thủ cử nhất trần, tam thân cụ túc. Sở vị: “Thử Quán vì diệu, tức nhất nhi tam, tức tam nhi nhất”. Nhất quán, nhất thiết quán; nhất thiết quán, nhất quán; phi nhất, phi nhất thiết. Như thử chỉ quán nhiếp nhất thiết quán dã.

(鈔)華嚴一行者，德雲比丘示念佛法門。疏云：一行三昧，觀其法身，以如為境，無境非佛。又修念佛三昧，多約漸修，謂先化身，次報身，次法身。今則一時而修，不歷次第，一行不二行；一時不二時。故曰即理一心也。

(演)德雲比丘示念佛法門者，初云：我唯得此憶念一切諸佛境界，智慧光明普見法門。繼復示智光普照念佛門，乃至第二十一住虛空念佛門。德雲比丘下，是先釋一行念佛。又修念佛下，是次釋一時念佛。以如為境，無境非佛者，釋上觀其法身也。法身即如如之理。若以如如之理，為所觀境，則真如遍一切處。遍一切處皆佛境也。此則以般若智照法界境，故云：一行念佛。先化次報次法者，未達唯心。依事識觀佛化身。已達唯心，依業識觀佛報身，能斷無明。次依般若觀佛法身。今則一時而修，不歷次第。何者？化身是用，報身是智，法身是理。智外無如，故報即法。如外無智，故法即報。體外無用，故法報即應。用外無體，故應即法報。舉一即三，言三即一故。又一時而修者，圓人不獨隨觀一身即是三身，但趣舉一塵，三身具足。所謂：此觀微妙，即一而三，即三而一。一觀，一切觀；一切觀，一觀；非一，非一切。如此之觀攝一切觀也。

(Sao: “Hoa Nghiêm Nhất Hạnh”: Tỳ-kheo Đức Vân dạy pháp môn Niệm Phật, [Thanh Lương] Sớ ghi: “Nhất Hạnh tam-muội quán Pháp Thân, lầy Như làm cảnh, chẳng có cảnh nào không phải là Phật”. “Lại nữa, tu Niệm Phật tam-muội, phần nhiều thuộc về tiệm tu”, nghĩa là: Trước hết là Hóa Thân, kế đó là Báo Thân, rồi đến Pháp Thân. Nay thì tu trong cùng một lúc, chẳng theo thứ tự, là một hạnh, chẳng phải là hai hạnh, là một thời, chẳng phải là hai thời. Vì thế, nói là Lý nhất tâm.

Diễn: “Tỳ-kheo Đức Vân dạy pháp môn Niệm Phật”: Trước hết, Ngài nói: “Ta chỉ đặc pháp môn ức niệm cảnh giới của hết thầy chư Phật, trí huệ quang minh thấy trọn khắp này”. Sau đó, lại dạy pháp môn Trí Quang Phổ Chiếu Niệm Phật, cho đến môn thứ hai mươi một là Trụ Hư Không Niệm Phật.

Từ “tỳ-kheo Đức Vân” trở đi là phần giải thích Nhất Hạnh Niệm Phật. Lại nữa, từ “tu niệm Phật” trở đi là kế đó, giải thích về Nhất Thời Niệm Phật. “Dùng Như làm cảnh, không cảnh nào chẳng phải là Phật”: [Nêu ra điều này để] giải thích chuyện quán Pháp Thân được nói trong phần trước. Pháp Thân là lý Như Như. Nếu dùng lý Như Như làm cảnh

để quán, do Chân Như trọn khắp hết thấy mọi nơi, cho nên trọn khắp hết thấy mọi nơi đều là cảnh Phật. Đây là dùng trí Bát Nhã để chiếu pháp giới cảnh, vì thế gọi là Nhất Hạnh Niệm Phật.

“Trước là Hóa Thân, kế đến là Báo Thân, rồi đến Pháp Thân” là vì chưa thông đạt duy tâm, nương vào sự thức để quán Hóa Thân của Phật. Đã đạt duy tâm, nương vào nghiệp thức để quán Báo Thân của đức Phật, có thể đoạn trừ vô minh. Kế đó, nương vào Bát Nhã để quán Pháp Thân của Phật. Nay thì tu đồng thời, chẳng theo thứ tự. Có sao? Hóa Thân là Dụng, Báo Thân là Trí, Pháp Thân là Lý. Ngoài Trí chẳng có Như, nên Báo Thân chính là Pháp Thân. Ngoài Như không có Trí, nên Pháp Thân chính là Báo Thân. Ngoài Thể chẳng có Dụng, nên Pháp Thân và Báo Thân chính là Ứng Thân. Ngoài Dụng chẳng có Thể, nên Ứng Thân chính là Pháp Thân và Báo Thân. Nêu lên một chính là ba, tuy nói là ba mà chính là một.

Lại nữa, “tu đồng thời” nghĩa là người thuộc căn tánh Viên Giác chẳng chỉ quán một thân chính là ba thân, mà tùy tiện lấy một vi trần thì trong ấy sẽ có trọn đủ ba thân. Đó gọi là “phép Quán này vi diệu, ba chính là một, một chính là ba”. Quán một là quán hết thấy, quán hết thấy là quán một; chẳng phải một, chẳng phải hết thấy. Quán như vậy sẽ gồm trọn quán hết thấy).

(Sao) Khởi Tín Chân Như giả, luận vân: “Nhược quán bỉ Phật Chân Như Pháp Thân, thường cần tu tập, tất cánh đắc sanh, trụ Chánh Định cố”.

(Diễn) Nhược quán bỉ Phật Chân Như Pháp Thân giả, năng quán tức thị Nhất Tâm Tam Quán, sở quán tức thị Tam Đế Nhất Cảnh. Vị chi “quán bỉ Phật” giả, thị thác bỉ quả Phật viên minh chi Thể, hiển ngã chúng sanh Tánh Đức chi Phật dã. Tất cánh đắc sanh, trụ Chánh Định giả, vãng sanh chi nhân, ước hữu tam vị: Nhất, như liên hoa vị khai thời, tín hạnh vị mãn, vị danh Bất Thoái, dẫn dĩ xử vô thoái duyên, cố xưng Bất Thoái. Nhị, Tín vị mãn tức dĩ khứ, hoa khai kiến Phật, nhập Thập Trụ vị, đắc thiếu phần kiến Pháp Thân, trụ Chánh Định vị dã. Tam, Tam Hiền vị mãn, nhập Sơ Địa dĩ khứ, chứng biến mãn Pháp Thân, sanh vô biên Phật độ. Như Phật ký Long Thọ Bồ Tát đẳng, trụ Sơ Địa sanh Tịnh Độ đẳng dã. Thử trung tất cánh đẳng, thị hậu nhị vị.

(鈔)起信真如者，論云：若觀彼佛真如法身，常勤修

習，畢竟得生，住正定故。

(演)若觀彼佛真如法身者，能觀即是一心三觀，所觀即是三諦一境，謂之觀彼佛者，是託彼果佛圓明之體，顯我眾生性德之佛也。畢竟得生，住正定者，往生之人，約有三位：一、如蓮花未開時，信行未滿，未名不退，但以處無退緣，故稱不退。二、信位滿足以去，花開見佛，入十住位，得少分見法身，住正定位也。三、三賢位滿，入初地以去，證遍滿法身，生無邊佛土。如佛記龍樹菩薩等，住初地生淨土等也。此中畢竟等，是後二位。

(Sao: Trong Khởi Tín Luận, luận ấy giảng Chân Như như sau: “Nếu quán Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy, thường siêng năng tu tập, rốt ráo sẽ được vãng sanh, trụ trong Chánh Định”.

Diễn: “Nếu quán Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy”: Chủ thể để quán là Nhất Tâm Tam Quán, đối tượng được quán là Tam Đế Nhất Cảnh. Nói “quán đức Phật ấy” chính là cậy vào cái Thể viên minh của đức Phật nơi quả địa để hiển lộ đức Phật nơi Tánh Đức của bọn chúng sanh chúng ta.

“Rốt ráo được vãng sanh, trụ trong Chánh Định”: Người vãng sanh nói đại lược thì có ba địa vị:

- Một là như lúc hoa sen chưa nở, tín hạnh chưa viên mãn, chưa gọi là Bất Thoái. Chỉ vì ở trong hoàn cảnh chẳng có duyên thoái chuyển, cho nên gọi là Bất Thoái.

- Hai là đã viên mãn từ địa vị Thập Tín trở lên, hoa nở, thấy Phật, dựa vào địa vị Thập Trụ, đã thấy chút phần Pháp Thân, trụ trong địa vị Chánh Định.

- Ba là đã viên mãn địa vị Tam Hiền, nhập từ Sơ Địa trở lên, chứng Pháp Thân trọn khắp, sanh trong vô biên cõi Phật.

“Giống như Phật thọ ký cho Bồ Tát Long Thọ...”: Trụ vào Sơ Địa, sanh về Tịnh Độ. Câu “rốt ráo...” trong ấy nhằm nói tới hai địa vị sau).

(Sớ) Hựu Ma Ha Bát Nhã kinh vân: “Bồ Tát niệm Phật, bất dĩ sắc niệm, nãi chí bất dĩ tứ trí, thập bát bất cộng pháp niệm. Hà dĩ cố? Thị chư pháp tự tánh không cố”. Tự tánh không, tắc vô sở niệm. Vô sở niệm, thị vi niệm Phật.

(Diễn) Bất dĩ sắc niệm, thị bất niệm tướng hảo chi sắc. Bất dĩ tứ

trí, thập bát pháp niệm, thị bất niệm công đức chỉ tâm. Chư pháp tự tánh Không giả, dĩ Phật vô biệt sắc tâm công đức, duy hữu như như lý cập như như trí độc tồn cố. Vô sở niệm thị vi niệm Phật giả, Hoa Nghiêm vân: “Tánh không tức thị Phật”. Kim Cang vân: “Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”. Phật dĩ vô cảnh vi cảnh, tắc niệm dĩ vô niệm vi niệm dã.

(鈔)又摩訶般若經云：菩薩念佛，不以色念，乃至不以四智，十八不共法念，何以故？是諸法自性空故。自性空，則無所念。無所念，是為念佛。

(演)不以色念，是不念相好之色。不以四智，十八法念，是不念功德之心。諸法自性空者，以佛無別色心功德，唯有如如理及如如智獨存故。無所念是為念佛者，華嚴云：性空即是佛。金剛云：若見諸相非相，即見如來。佛以無境為境，則念以無念為念也。

(Sao: Lại nữa, kinh Ma Ha Bát Nhã nói: “Bồ Tát niệm Phật, chẳng dùng sắc để niệm, cho đến chẳng dùng bốn trí, mười tám bất cộng để niệm. Vì có sao? Do tự tánh của các pháp là Không”. Do tự tánh là Không, cho nên chẳng có cái được niệm. Không có cái để niệm thì chính là niệm Phật.

Diễn: “Chẳng dùng sắc để niệm” là chẳng nghĩ tới sắc tướng nơi tướng hảo. Chẳng dùng bốn trí và mười tám pháp [bất cộng] để niệm, tức là chẳng niệm cái tâm công đức. “Tự tánh của các pháp là Không”: Do Phật chẳng có sắc, tâm, công đức chi khác, chỉ có lý Như Như và trí Như Như riêng tồn tại. “Chẳng có đối tượng được niệm thì chính là niệm Phật”: Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tánh Không chính là Phật”, kinh Kim Cang nói: “Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, chính là đã thấy Như Lai”. Phật coi vô cảnh là cảnh, cho nên đối với niệm, bèn coi vô niệm là niệm).

(Sao) **Hựu Quán Phật Tam Muội Hải Kinh, Phật thị A Nan vân: “Trụ niệm Phật giả, tâm ấn bất hoại”. Thích viết: “Đề liễu tự tâm, danh vi quán Phật. Bất vị cảnh loạn, danh vi tam-muội. Nhất Thể bất di, danh vi tâm ấn” đẳng. Hựu Xá Lợi Phất Đà La Ni kinh vân: “Duy tu nhất tâm niệm Phật”, giai Lý nhất tâm nghĩa dã.**

(Diễn) **Đề liễu tự tâm danh vi quán Phật giả, tự tâm giả tức**

Pháp Thân dã. Để liễu Pháp Thân, phương vị quán Phật. Ngoại cầu hữu tướng Phật, dữ ngã bất tương can. Bất vị cảnh loạn, danh vị tam-muội giả, tam-muội chỉ ngôn Chánh Thọ dã. Hội cảnh quy tâm, vô cảnh khả loạn, phương danh Chánh Định dã. Nhất thể bất di, danh vị tâm ấn giả, duy nhất chân tâm sung biến pháp giới, tràm nhiên thường trụ, phương danh tâm ấn bất hoại dã.

(鈔)又觀佛三昧海經，佛示阿難云：住念佛者，心印不壞。釋曰：諦了自心，名為觀佛。不為境亂，名為三昧。一體不移，名為心印等。又舍利弗陀羅尼經云：唯修一心念佛，皆理一心義也。

(演)諦了自心名為觀佛者，自心者即法身也。諦了法身，方為觀佛。外求有相佛，與我不相干。不為境亂，名為三昧者，三昧之言正受也。會境歸心，無境可亂，方名正定也。一體不移，名為心印者，唯一真心充遍法界，湛然常住，方名心印不壞也。

(Sao: Lại nữa, trong kinh Quán Phật Tam Muội Hải, đức Phật dạy ngài A Nan: “Trụ trong niệm Phật là tâm ấn chẳng hoại”. Giải thích: “Hiểu rõ đúng thật tự tâm thì gọi là quán Phật. Chẳng bị loạn bởi cảnh thì gọi là tam-muội. Một Thể chẳng dời thì gọi là tâm ấn” v.v... Lại nữa, kinh Xá Lợi Phất Đà La Ni nói: “Chỉ tu nhất tâm niệm Phật đều có nghĩa là Lý nhất tâm vậy”.

Diễn: “Hiểu rõ đúng thật tự tâm thì gọi là quán Phật”: Tự tâm tức là Pháp Thân. “Hiểu rõ chắc thật Pháp Thân thì mới là quán Phật”: Vị Phật hữu tướng cầu từ bên ngoài liên quan gì với ta? “Chẳng bị loạn bởi cảnh thì gọi là tam-muội”: Tam-muội là nói đến Chánh Thọ. Gom cảnh vào tâm, không cảnh nào có thể làm loạn [cái tâm] thì mới gọi là Chánh Định. “Một Thể chẳng dời gọi là tâm ấn”: Chỉ có chân tâm sung mãn trọn khắp pháp giới, lặng trong, thường trụ thì mới gọi là “tâm ấn chẳng hư hoại”).

(Sớ) Hựu tuy vân nhất tâm, thật tắc Quán Kinh tam tâm, Khởi Tín tam tâm, Luận tam tâm, nãi chí Hoa Nghiêm thập tâm, Bảo Tích thập tâm, vô bất cụ cố. Hựu Tịnh Danh bát pháp, diệc nhất tâm cố. Đức Vân nhị thập nhất Niệm Phật môn, diệc bất xuất thử Lý nhất tâm cố.

(Diễn) *Tuy vân nhất tâm giả, tiền dĩ nhất tâm, vi nhất hạnh, nhất thời đẳng. Nhược chỉ dĩ nhất đối nhất, tiện đọa số hỷ. Nhiên Pháp Thân vô vi bất đọa chư số; tuy vân nhất tâm, thật tắc nhất thiết chư Phật tâm vô bất nhiếp cố.*

(疏) 又雖云一心，實則觀經三心，起信三心，論三心，乃至華嚴十心，寶積十心，無不具故。又淨名八法，亦一心故。德雲二十念佛門，亦不出此理一心故。

(演) 雖云一心者，前以一心，為一行一時等。若只以一對一，便墮數矣。然法身無為不墮諸數；雖云一心，實則一切諸佛心無不攝故。

(Sớ) *Lại nữa, tuy nói là “nhất tâm”, nhưng thật ra, đó chính là ba tâm trong Quán Kinh, ba tâm trong Khởi Tín Luận, ba tâm trong Vãng Sanh Luận, cho đến mười tâm trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm trong kinh Bảo Tích, không gì chẳng trọn đủ. Lại nữa, tám pháp trong kinh Tịnh Danh cũng là nhất tâm. Hai mươi một môn Niệm Phật của ngài Đức Vân cũng chẳng ra ngoài Lý nhất tâm vậy.*

Diễn: “Tuy nói là nhất tâm”: Trong phần trước, đã coi nhất tâm là nhất hạnh, nhất thời v.v... Nếu chỉ dùng mỗi pháp đối ứng với nhau, sẽ rơi vào [biện định] các pháp số. Thế nhưng Pháp Thân chẳng vướng mắc trong các pháp số, tuy nói là “nhất tâm”, thật ra, tâm của hết thấy chư Phật không gì chẳng được hàm nhiếp).

(Sao) *Quán Kinh tam tâm giả: Nhất giả, chí thành tâm. Nhị giả, thâm tâm. Tam giả, hồi hướng phát nguyện tâm; dĩ Khởi Tín tam tâm, danh thù lý nhất. Lương dĩ chí thành tâm giả, tức Khởi Tín trực tâm chánh niệm Chân Như, nhi thử nhất tâm bất loạn, cánh vô hư vọng, cánh vô thiên lưu, tùy thuận Chân Như cố.*

(Diễn) *Chí thành tâm giả, chí chí ngôn chuyên, thành chí ngôn thật. Thâm tâm giả, Phật quả thâm cao, dĩ tâm vãng cầu, cố viết thâm tâm. Diệc tùng thâm lý sanh, diệc tùng hậu nhạo thiện căn sanh. Tuy hữu tam nghĩa, nhi bất tương xả. Cầu cao thâm quả, tu kiến thâm lý. Dục khế thâm lý, tu hậu nhạo thiện căn. Thử nãi lập hạnh y lý cầu quả dã. Hồi hướng phát nguyện tâm giả, dĩ Chân Như thật niệm, thủ quả thiện tâm; nhị tâm công đức, thiện xảo hồi hướng, nguyện sanh Tịnh Độ, tốc chứng Pháp Nhãn, quảng bạt nhất thiết chúng sanh khổ não. Khởi Tín tam tâm giả: Nhất giả, trực tâm, chánh niệm Chân Như*

pháp cố, vị hướng lý chí tâm, biệt vô kỳ lộ. Thử tức nhị hạnh chi bốn. Nhị giả, thâm tâm, nhạo tập nhất thiết chư thiện hạnh cố, vị tu cụ vạn đức, hồi hướng tâm nguyên, tức tự lợi hạnh bốn. Tam giả, đại bi tâm, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố, vị quảng bạt chúng khổ, linh đắc Bồ Đề, tức lợi tha hạnh bốn. Diệu hạnh tu quảng, tam hạnh giai thâm. Danh thù lý nhất giả, thị dĩ kinh luận phối hợp. Chí thành tâm tức Khởi Tín chánh niệm Chân Như. Bất niệm Chân Như, khởi danh chuyên thật? Kim thử nhất tâm vô hư vọng tức Chân, vô thiên lưu tức Như, tức chánh niệm Chân Như cố.

(鈔)觀經三心者：一者，至誠心，二者，深心，三者，回向發願心；與起信三心，名殊理一。良以至誠心者，即起信直心正念真如，而此一心不亂，更無虛妄，更無遷流，隨順真如故。

(演)至誠心者，至之言專，誠之言實。深心者，佛果深高，以心往求，故曰深心。亦從深理生，亦從厚樂善根生。雖有三義，而不相捨。求高深果，須見深理。欲契深理，須厚樂善根。此乃立行依理求果也。回向發願心者，以真如實念，趣果善心；二心功德，善巧回向，願生淨土，速證法忍，廣拔一切眾生苦惱。起信三心者：一者，直心，正念真如法故，謂向理之心，別無岐路。此即二行之本。二者，深心，樂集一切諸善行故，謂修具萬德，回向心源，即自利行本。三者，大悲心，欲拔一切眾生苦故，謂廣拔眾苦，令得菩提，即利他行本。妙行雖廣，三行皆收。名殊理一者，是以經論配合。至誠心即起信正念真如。不念真如，豈名專實？今此一心無虛妄即真，無遷流即如，即正念真如故。

(Sao: “Ba tâm trong Quán Kinh”: Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm; so với ba tâm trong Khởi Tín Luận thì tên gọi khác nhau, nhưng có cùng một lý. Bởi lẽ, chí thành tâm chính là “trực tâm chánh niệm Chân Như” trong Khởi Tín Luận. Nhất tâm bất loạn chẳng hư vọng, lại chẳng đổi dời, vì nó tùy thuận Chân Như.

Diễn: “Chí thành tâm”: Chí là chuyên; Thành là chân thật.

“Thâm tâm”: Phật quả cao sâu, dùng tâm để cầu, nên nói là “thâm tâm”; cũng [do cái tâm ấy] sanh từ lý sâu xa, cũng sanh từ lòng ưa thích thiện căn sâu dày. Tuy có ba nghĩa, nhưng chúng chẳng tách lìa nhau. Để cầu quả cao sâu, cần phải thấy lý sâu. Muốn khế nhập lý sâu, cần phải ưa thích thiện căn sâu dày. Đây chính là lập hạnh, nương vào lý để cầu quả.

“Hồi hướng phát nguyện tâm”: Dùng Chân Như để thật niệm, thiện tâm hướng đến quả, khéo léo hồi hướng công đức do hai tâm, nguyện sanh về Tịnh Độ, mau chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, cứu vớt rộng rãi hết thấy các chúng sanh đang khổ não.

“Ba tâm trong Khởi Tín Luận”: Một là trực tâm, vì chánh niệm pháp Chân Như. Có nghĩa là tâm ấy hướng theo Lý, chẳng có con đường rẽ nào khác. Tâm này chính là cội gốc của hai hạnh kia (thâm tâm và đại bi tâm). Hai là thâm tâm, do thích tu tập hết thấy các thiện hạnh; nghĩa là tu trọn đủ muôn đức, hồi hướng nguồn tâm. Đây chính là cội gốc của hạnh tự lợi. Ba là đại bi tâm vì muốn dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh; nghĩa là rộng dẹp các nỗi khổ, khiến cho [chúng sanh] đắc Bồ Đề. Đây chính là cái gốc của hạnh lợi tha. Diệu hạnh tuy rộng, nhưng ba hạnh đều thấu nhiếp [trọn vẹn các diệu hạnh].

“Tên gọi khác nhau, nhưng có cùng một lý”: Dùng kinh và luận phối hợp thì chỉ thành tâm [trong Quán Kinh] chính là chánh niệm Chân Như trong Khởi Tín Luận. Chẳng niệm Chân Như, chuyên thật bằng cách nào? Do nhất tâm không hư vọng thì chính là Chân, do chẳng đôi dôi nên chính là Như, tức là chánh niệm Chân Như vậy).

(Sao) Thâm tâm giả, tức Khởi Tín “nhạo tập nhất thiết thiện căn”, nhi thử nhất tâm bất loạn, vạn thiện đồng quy cố.

(Diễn) Thâm tâm, tức Khởi Tín nhạo tập nhất thiết thiện hạnh, dĩ bất tập vạn hạnh, khởi danh “lập hạnh y lý cầu quả.” Kim thử nhất tâm vạn thiện đồng quy, tức nhạo tập nhất thiết thiện hạnh cố.

(鈔)深心者，即起信樂集一切善根，而此一心不亂，萬善同歸故。

(演)深心，即起信樂集一切善行，以不集萬行，豈名立行依理求果？今此一心萬善同歸，即樂集一切善行故。

(Sao: “Thâm tâm” chính là “thích tu tập hết thấy thiện căn” trong luận Khởi Tín, do nhất tâm bất loạn chính là chỗ để muôn điều thiện hướng về.

Diễn: “Thâm tâm” chính là “ưa thích tích tập hết thấy thiện hạnh” trong luận Khởi Tín. Bởi lẽ, chẳng tích tập thiện hạnh, há đáng gọi là “lập hạnh, nương theo Lý để cầu quả” ư? Nay muôn điều thiện đều quy vào nhất tâm, chính là “thích tích tập hết thấy thiện hạnh”).

(Sao) Hồi hướng phát nguyện giả, tức Khởi Tín độ tận nhất thiết chúng sanh, nhi thử nhất tâm bất loạn, đốn dung vật ngã cố.

(Diễn) Hồi hướng phát nguyện tức Khởi Tín đại bi bạt khổ, như bất bạt khổ chúng sanh, khởi danh “hồi hướng phát nguyện?” Kim thử nhất tâm tức đại bi bạt khổ cố.

(鈔)回向發願者，即起信度盡一切眾生，而此一心不亂，頓融物我故。

(演)回向發願即起信大悲拔苦，如不拔苦眾生，豈名回向發願？今此一心即大悲拔苦故。

(Sao: “Hồi hướng phát nguyện” [trong Quán Kinh] chính là “độ trọn hết thấy chúng sanh” trong luận Khởi Tín, vì nhất tâm bất loạn là ngay lập tức viên dung chúng sanh và ta.

Diễn: “Hồi hướng phát nguyện” chính là “đại bi dẹp khổ” trong Khởi Tín Luận. Nếu chẳng dẹp khổ cho chúng sanh, há đáng gọi là “hồi hướng phát nguyện?” Nay nhất tâm chính là đại bi dẹp khổ).

(Sao) Luận minh tam tâm: Nhất, thanh tịnh tâm, nhi thử nhất tâm, cầu vô bất tận cố. Nhị, an thanh tịnh tâm, nhi thử nhất tâm, lý vô bất cụ cố. Tam, lạc thanh tịnh tâm, nhi thử nhất tâm, từ vô bất nhiếp cố. Dữ thượng nhị chủng tam tâm, chánh tương phối hợp dã.

(Diễn) Nhất, thanh tịnh tâm giả, vạn thiện giai không, tiêm trần bất lập cố, trực khế Chân Như tâm dã. Nhị, an thanh tịnh tâm giả, nhược nhất hạnh bất viên, Bồ Tát chi tâm tắc bất an ổn. An giả, mãn túc vạn thiện cố, quảng tu vạn hạnh tâm dã. Tam, lạc thanh tịnh tâm giả, nhược nhất hữu tình vị độ, Bồ Tát chi tâm tắc bất hỷ lạc, lạc giả quảng độ hữu tình cố. Thử phổ độ chúng sanh tâm dã. Cầu vô bất tận giả, từng lai bất dữ nhiễm pháp tương ứng cố. Hựu ký nhập lý nhất, tắc Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh vô bất tận cố. Lý vô bất cụ giả, bốn cụ Hằng sa công đức cố. Hựu ký nhập Lý nhất, tắc thử nhất tâm trung, đốn xả vạn duyên, tức bồ thí nãi chí thử nhất tâm trung linh linh bất muội, tức trí huệ đẳng cố. Từ vô bất nhiếp giả, nhất tâm tức vô duyên từ thể, quảng nhiếp hữu tình cố. Hựu ký nhập Lý nhất, tự nhiên bất

xả pháp giới biến nhập trần lao cố.

(鈔)論明三心：一、清淨心，而此一心，垢無不盡故。二、安清淨心，而此一心，理無不具故。三、樂清淨心，而此一心，慈無不攝故。與上二種三心，正相配合也。

(演)一、清淨心者，萬善皆空，纖塵不立故，直契真如心也。二、安清淨心者，若一行不圓，菩薩之心則不安隱。安者，滿足萬善故，廣修萬行心也。三、樂清淨心者，若一有情未度，菩薩之心則不喜樂，樂者廣度有情故。此普度眾生心也。垢無不盡者，從來不與染法相應故。又既入理一，則見思塵沙，無明無不盡故。理無不具者，本具恒沙功德故。又既入理一，則此一心中，頓捨萬緣，即布施乃至此一心中靈靈不昧，即智慧等故。慈無不攝者，一心即無緣慈體，廣攝有情故。又既入理一，自然不捨法界遍入塵勞故。

(Sao: *Vãng Sanh Luận nói ba tâm: Một là thanh tịnh tâm, nhưng trong cái nhất tâm ấy, không câu uế nào chẳng hết sạch. Hai là an thanh tịnh tâm, nhưng cái nhất tâm ấy không lý nào chẳng tròn. Ba là lạc thanh tịnh tâm, nhưng nhất tâm là lòng Từ không gì chẳng nhiếp thọ. Đúng là phù hợp khít khao với hai loại “tam tâm” đã nói trên đây.*

Diễn: Một là thanh tịnh tâm, muôn điều thiện đều là Không, chẳng lập mây trần, trực tiếp khế nhập tâm Chân Như. Hai là an thanh tịnh tâm. Nếu một hạnh chẳng tròn vẹn, tâm Bồ Tát sẽ chẳng an ổn. An là do tròn vẹn muôn điều thiện, có tâm rộng tu muôn điều thiện. Ba là lạc thanh tịnh tâm: Nếu một hữu tình chưa độ, tâm Bồ Tát sẽ chẳng vui sướng. Vui là vì rộng độ hữu tình. Đây là cái tâm phổ độ chúng sanh.

“Không câu uế nào chẳng hết sạch”: Do từ trước đến nay chẳng hề tương ứng với niêm pháp. Lại do đã nhập vào cùng một lý, cho nên Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh, không gì chẳng hết sạch. “Lý không gì chẳng đầy đủ”, vì nó vốn có Hằng sa công đức. Lại do đã nhập vào cùng một lý, cho nên từ trong cái nhất tâm ấy, nhanh chóng bỏ muôn duyên, tức là từ bỏ thí cho đến sự linh thông chẳng tăm tối của nhất tâm, tức là trí huệ v.v... “Lòng Từ không gì chẳng nhiếp thọ”: Nhất tâm chính là cái Thể của Vô Duyên Từ, vì rộng nhiếp thọ các hữu tình. Lại

do đã nhập vào cùng một lý, tự nhiên chẳng bỏ pháp giới mà vào khắp các trần lao).

(Sao) *Hoa Nghiêm* thập tâm giả, *Bồ Tát Thập Niệm Tạng* cụ minh thập chủng niệm Phật. Nhất, tịch tĩnh niệm. Nhị, thanh tịnh niệm, nãi chí thập vô chướng ngại niệm. Kim nhất tâm tắc bất động, thị tịch tĩnh niệm. Nhất tâm tắc bất nhiễm, thị thanh tịnh niệm. Nhất tâm tắc đồng hồ pháp giới, thị vô chướng ngại niệm.

(Diễn) *Hoa Nghiêm* thập chủng niệm Phật giả. Nhất, tịch tĩnh niệm, chư Phật bốn lai tịch tĩnh, chúng sanh tâm trung huyên tạp, hà danh niệm Phật? Nhược năng tịch tĩnh, tức thị niệm Phật. Nhị, thanh tịnh niệm, chư Phật bốn lai thanh tịnh, chúng sanh tâm ô nhiễm, hà danh niệm Phật? Nhược năng thanh tịnh, tức thị niệm Phật. Tam, bất diệt niệm. Tứ, minh triệt niệm. Ngũ, ly trần niệm. Lục, ly chủng chủng trần niệm. Thất, ly cấu niệm. Bát, quang diệu niệm. Cửu, khả ái nhạo niệm. Thập, vô chướng ngại niệm. Chư Phật bốn lai trần trần thiếp nhập, sát-na viên thông, chúng sanh tâm trung đa chướng, hà danh niệm Phật? Nhược khứ kỳ chướng ngại, tức thị niệm Phật.

(鈔) 華嚴十心者，菩薩十念藏具明十種念佛。一、寂靜念。二、清淨念，乃至十無障礙念。今一心則不動，是寂靜念。一心則不染，是清淨念。一心則同乎法界，是無障礙念。

(演) 華嚴十種念佛者。一、寂靜念，諸佛本來寂靜，眾生心中喧雜，何名念佛？若能寂靜，即是念佛。二、清淨念，諸佛本來清淨，眾生心污染，何名念佛？若能清淨，即是念佛。三、不竭念。四、明徹念。五、離塵念。六、離種種塵念。七、離垢念。八、光耀念。九、可愛樂念。十、無障礙念。諸佛本來塵塵涉入，剎那圓通，眾生心中多障，何名念佛？若去其障礙。即是念佛。

(Sao: “Mười loại tâm trong kinh *Hoa Nghiêm*”: Phẩm *Bồ Tát Thập Niệm Tạng* đã nói đầy đủ mười loại niệm Phật: Một là tịch tĩnh niệm, hai là thanh tịnh niệm, cho đến mười là vô chướng ngại niệm. Nay nhất tâm bèn bất động, tức là tịch tĩnh niệm. Nhất tâm chẳng nhiễm, tức là thanh tịnh niệm. Nhất tâm đồng nhất với pháp giới, chính là vô chướng ngại niệm.

Diễn: “Mười loại tâm trong kinh Hoa Nghiêm”: Một là tịch tĩnh niệm. Chư Phật vốn tịch tĩnh, trong tâm chúng sanh thì huyền ảo, xen tạp, làm sao gọi là niệm Phật cho được? Nếu có thể tịch tĩnh thì chính là niệm Phật. Hai là thanh tịnh niệm. Chư Phật vốn thanh tịnh, tâm chúng sanh ô nhiễm, làm sao gọi là niệm Phật cho được? Nếu có thể thanh tịnh, thì chính là niệm Phật. Ba là niệm chẳng gián đoạn. Bốn là niệm sáng suốt, thấu triệt. Năm là lìa trần cấu để niệm. Sáu, lìa các thứ trần để niệm. Bảy là ly cấu niệm. Tám là niệm với [trí huệ] sáng ngời. Chín là đáng ưa thích niệm. Mười là niệm chẳng chướng ngại. Chư Phật vốn vào trong các trần, viên thông trong từng sát-na, tâm chúng sanh lăm chướng, làm sao gọi là niệm Phật cho được? Nếu có thể trừ khử chướng ngại, thì chính là niệm Phật).

(Sao) Bảo Tích thập tâm giả, giải kiến tiền văn, tiền vị thập tâm nan cụ, kim vị tâm ký nhất hỷ, từ, bi, hỷ, xả, bách thiên chủng tâm, hà sở bất cụ? Tịnh Danh bát pháp giả, Bồ Tát thành tựu bát pháp, hạnh vô sang vu, sanh ư Tịnh Độ, nhi đệ bát kết vân: “Hàng dĩ nhất tâm cầu chư công đức”. Kim ký nhất tâm, bách thiên chủng pháp, hà sở bất cụ?

(Diễn) Tịnh Danh bát pháp giả: Nhất, nhiều ích chúng sanh, nhi bất vọng báo. Nhị, đại nhất thiết chúng sanh thọ chư khổ não, sở tác công đức tận dĩ thí chi. Tam, đẳng tâm chúng sanh, khiêm hạ vô ngại, ư chư Bồ Tát thị chi như Phật. Tứ, sở vị văn kinh, văn chi vô nghi. Ngũ, bất dữ Thanh Văn nhi tương vi bội. Lục, bất tạt bỉ cúng, bất cao kỳ lợi, nhi ư kỳ trung, điều phục kỳ tâm. Thất, thường tinh kỹ quá, bất tụng bỉ đoản. Bát, hàng dĩ nhất tâm, cầu chư công đức. Hạnh vô sang vu, sanh ư Tịnh Độ giả, sang vu, ngọc chi hà, thân chi tỳ dã. Như ký ích chúng sanh Bồ Tát chi thiện hạnh dã, cầu hoặc vọng báo, tắc sang vu hỷ. Chỉ cầu chư công đức Bồ Tát chi thiện hạnh dã, cầu bất nhất tâm tắc sang vu hỷ. Tu thử bát hạnh, khứ thử bát tỳ, thành vi thanh tịnh chi hạnh nhi đắc sanh Tịnh Độ dã.

(鈔)寶積十心者，解見前文，前謂十心難具，今謂心既一矣，慈悲喜捨，百千種心，何所不具？淨名八法者，菩薩成就八法，行無瘡疣，生於淨土，而第八結云：恆以一心求諸功德。今既一心，百千種法，何所不具？

(演)淨名八法者：一、饒益眾生，而不望報。二、代

一切眾生受諸苦惱，所作功德盡以施之。三、等心眾生，謙下無礙，於諸菩薩視之如佛。四、所未聞經，聞之無疑。五、不與聲聞而相違背。六、不嫉彼供，不高己利，而於其中，調伏其心。七、常省己過，不訟彼短。八、恆以一心，求諸功德。行無瘡疣，生於淨土者，瘡疣，玉之瑕，身之疵也。如既益眾生菩薩之善行也，苟或望報，則瘡疣矣。至求諸功德菩薩之善行也，苟不一心則瘡疣矣。修此八行，去此八疵，誠為清淨之行而得生淨土也。

(Sao: “Mười tâm trong kinh Bảo Tích” xem giải thích trong kinh văn thuộc phần trước. Trong phần trước [của Sớ Sao] có nói “mười tâm khó thể trọn đủ”, nay nói: Tâm đã chuyên nhất thì từ, bi, hỷ, xả, trăm ngàn thứ tâm, có thứ nào chẳng trọn đủ? “Tám pháp trong kinh Tịnh Danh”: Hạnh chẳng thiếu khuyết, sanh trong Tịnh Độ, nhưng pháp thứ tám được kết thúc bằng câu: “Luôn dùng nhất tâm để cầu các công đức”. Nay đã nhất tâm thì trăm ngàn loại pháp, có gì chẳng trọn đủ?

Diễn: “Tám pháp trong kinh Tịnh Danh”: Một là nồng nhiệt tạo lợi ích cho chúng sanh, chẳng mong báo đáp. Hai là thay chúng sanh nhận lãnh các khổ não, những công đức đã làm đều thí sạch hết. Ba là tâm bình đẳng đối với chúng sanh, khiêm hư, vô ngại, coi các vị Bồ Tát như Phật. Bốn là đối với kinh chưa được nghe, hể nghe, bèn chẳng nghi. Năm là chẳng chống trái Thanh Văn. Sáu là chẳng ganh ghét sự cúng dường của người khác, chẳng đề cao lợi ích của chính mình, điều phục cái tâm ở trong ấy. Bảy là thường phản tỉnh lỗi mình, chẳng rêu rao lỗi của người khác. Tám là luôn dùng nhất tâm để cầu các công đức.

“Hạnh chẳng thiếu khuyết, sanh trong Tịnh Độ”: “Sang vu” là ngọc có vết, thân có khuyết điểm. Như đã là thiện hạnh của Bồ Tát nhằm tạo lợi ích cho chúng sanh mà lại mong cầu được báo đáp thì là thiếu khuyết. Cho đến thiện hạnh của Bồ Tát nhằm cầu các công đức mà nếu chẳng nhất tâm thì là khuyết điểm. Tu tám hạnh ấy, trừ khử tám khuyết điểm, thì đúng là hạnh thanh tịnh, được sanh về Tịnh Độ).

(Sao) **Đức Vân Niệm Phật môn giả, Hoa Nghiêm Nhập Pháp Giới phẩm, Đức Vân tỳ-kheo cáo Thiện Tài ngôn:** “Ngã đắc ức niệm nhất thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến pháp môn”, nhi phục khai nhị thập nhất môn, khởi ư Trí Quang Phổ Chiếu,

chung u Trụ Hư Không. Kim vị: “Tâm ngoại vô cảnh giới, tâm ngoại vô trí chiếu, tâm ngoại vô hư không”, cố bất xuất nhất tâm, tất giai cụ túc. Na Tiên kinh vân: “Chư thiện chi trung, độc hữu nhất tâm, tối vi đệ nhất”. Nhất kỳ tâm giả, chư thiện tùy chi, chánh thử ý dã.

(Diễn) Ngã đắc ức niệm nhất thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến pháp môn giả, chư Phật cảnh giới chỉ sở quán cảnh. Ngôn nhất thiết giả, hoành biến thụ cùng cố. Trí huệ, quang minh, chỉ năng quán chi trí. Phổ Kiến pháp môn tức thâm tiền nhị. Dĩ kết kỳ danh, vị dĩ trí huệ quán chư Phật cảnh giới, tức danh Phổ Kiến dã. Nhị thập nhất niệm Phật môn giả: Nhất, trí quang phổ chiếu. Nhị, linh nhất thiết chúng sanh. Tam, linh an trụ lực. Tứ, linh an trụ pháp. Ngũ, chiếu diệu chư phương. Lục, nhập bất khả kiến xứ. Thất, trụ u chư kiếp. Bát, trụ nhất thiết thời. Cửu, trụ nhất thiết sát. Thập, trụ nhất thiết thể. Thập nhất, trụ nhất thiết cảnh. Thập nhị, trụ tịch diệt. Thập tam, trụ viễn ly. Thập tứ, trụ quảng đại. Thập ngũ, trụ vi tế. Thập lục, trụ trang nghiêm. Thập thất, trụ năng sự. Thập bát, trụ tự tại tâm. Thập cửu, trụ tự nghiệp. Nhị thập, trụ thần biến. Nhị thập nhất, trụ hư không. Trí quang phổ chiếu giả, thường kiến nhất thiết chư Phật quốc độ, chủng chủng cung điện tất nghiêm tịnh cố. Trụ hư không giả, quán sát Như Lai sở hữu thân vân, trang nghiêm pháp giới, hư không giới cố. Tâm ngoại vô cảnh giới giả, vị nhất tâm bất loạn, tức thị chư Phật cảnh giới, tâm ngoại biệt vô Phật cảnh giới cố. Tâm ngoại vô trí chiếu giả, vị nhất tâm bất loạn, tức thị trí quang phổ chiếu tất giai nghiêm tịnh, tâm ngoại biệt vô trí quang chiếu cố. Tâm ngoại vô hư không giả, vị nhất tâm bất loạn, tức thị trang nghiêm pháp giới, cập hư không giới, tâm ngoại biệt vô trụ hư không giới cố.

(鈔)德雲念佛門者，華嚴入法界品，德雲比丘告善財言：我得憶念一切諸佛境界智慧光明普見法門，而復開二十一門，起於智光普照，終於住虛空。今謂：心外無境界，心外無智照，心外無虛空，故不出一心，悉皆具足。那先經云：諸善之中，獨有一心，最為第一。一其心者，諸善隨之，正此意也。

(演)我得憶念一切諸佛境界智慧光明普見法門者，諸佛境界指所觀境。言一切者，橫遍豎窮故。智慧光明，指能觀之智。普見法門即收前二。以結其名，謂以智慧觀諸

佛境界，即名普見也。二十一念佛門者：一、智光普照。二、令一切眾生。三、令安住力。四、令安住法。五、照耀諸方。六、入不可見處。七、住於諸劫。八、住一切時。九、住一切剎。十、住一切世。十一、住一切境。十二、住寂滅。十三、住遠離。十四、住廣大。十五、住微細。十六、住莊嚴。十七、住能事。十八、住自在心。十九、住自業。二十、住神變。二十一、住虛空。智光普照者，常見一切諸佛國土，種種宮殿悉嚴淨故，住虛空者，觀察如來所有身雲，莊嚴法界，虛空界故。心外無境界者，謂一心不亂，即是諸佛境界，心外別無佛境界故。心外無智照者，謂一心不亂，即是智光普照悉皆嚴淨，心外別無智光照故。心外無虛空者，謂一心不亂，即是莊嚴法界，及虛空界，心外別無住虛空界故。

(Sao: “Pháp môn Niệm Phật của ngài Đức Vân”: Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, tỳ-kheo Đức Vân bảo Thiện Tài: “Ta đặc pháp môn Nghĩ Nhớ Cảnh Giới Của Hết Thấy Chư Phật, Trí Huệ Quang Minh Thấy Trọn Khắp”, rồi lại chỉ ra hai mươi một môn [Niệm Phật], bắt đầu bằng môn Trí Quang Phổ Chiếu, kết thúc bằng môn Trụ Hư Không. Nay nói là “ngoài tâm không có cảnh giới, ngoài tâm chẳng có trí chiếu, ngoài tâm chẳng có hư không”. Vì thế, chẳng ra ngoài nhất tâm mà thấy đều trọn đủ. Kinh Na Tiên chép: “Trong các điều thiện, chỉ có nhất tâm thật là bậc nhất”. Cái tâm đã chuyên nhất thì các điều thiện đều thuận theo, chính là ý này vậy.

Diễn: “Ta đạt được môn Nghĩ Nhớ Cảnh Giới Của Hết Thấy Chư Phật, Trí Huệ Quang Minh Thấy Trọn Khắp”: “Cảnh giới của chư Phật” chỉ cảnh được quán. Nói “hết thấy” có nghĩa là theo chiều ngang trọn khắp, theo chiều dọc bèn tốt cùng. “Trí huệ, quang minh” chỉ cái trí quán sát. Pháp môn Phổ Kiến gồm sáu hai điều trên đây để kết lại danh hiệu ấy, ý nói dùng trí huệ để quán cảnh giới của chư Phật thì bèn gọi là Phổ Kiến (thấy trọn khắp).

Hai mươi một môn niệm Phật: Một là trí quang phổ chiếu (quang minh trí huệ chiếu trọn khắp). Hai là khiến cho hết thấy chúng sanh [niệm Phật]. Ba là khiến cho họ an trụ nơi lực. Bốn là khiến cho họ an trụ nơi pháp. Năm là chiếu rạng ngời các phương. Sáu là vào chỗ chẳng

thể thấy. Bảy là trụ trong các kiếp. Tám là trụ trong hết thấy các thời. Chín là trụ trong hết thấy các cõi. Mười là trụ trong hết thấy các đời. Mười một là trụ trong hết thấy các cảnh. Mười hai là trụ nơi tịch diệt. Mười ba là trụ trong xa lìa. Mười bốn là trụ rộng lớn. Mười lăm là trụ vi tế. Mười sáu là trụ trang nghiêm. Mười bảy là trụ nơi chuyện có thể thực hiện. Mười tám là trụ nơi tâm tự tại. Mười chín là trụ nơi tự nghiệp. Hai mươi là trụ thần biến. Hai mươi một là trụ hư không.

“Trí quang phổ chiếu” là thường thấy cõi nước và các loại cung điện của hết thấy chư Phật thấy đều trang nghiêm, thanh tịnh. “Trụ hư không”: Quan sát tất cả mây thân thể của Như Lai trang nghiêm pháp giới, hư không giới. “Ngoài tâm không có cảnh giới”, tức là nói nhất tâm bất loạn chính là cảnh giới của chư Phật, vì ngoài tâm chẳng có cảnh giới nào khác của chư Phật. “Ngoài tâm không có trí chiếu”, tức là nói nhất tâm bất loạn chính là trí quang chiếu trọn khắp, thấy đều trang nghiêm, thanh tịnh, vì ngoài tâm chẳng có trí quang chiếu soi nào khác. “Ngoài tâm không có hư không”, tức là nói nhất tâm bất loạn chính là trang nghiêm pháp giới và hư không giới, vì ngoài tâm chẳng trụ hư không giới nào khác).

(Sớ) Hựu thử nhất tâm, tức tác thị nhị nghĩa cổ.

(Sao) Quán Kinh vân: “Tâm tướng Phật thời, thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”. Kim vị thử kinh nhất tâm trì danh, điều thử nhất tâm, chung đương tác Phật, tụng nhân chỉ quả, danh chỉ viết Tác. Tức thử nhất tâm, toàn thể thị Phật, phi nhân, phi quả, danh chỉ viết Thị.

(Diễn) Tâm tướng Phật thời, thị tâm tác Phật giả, Quán Kinh vân: “Nhữ đẳng tâm tướng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo, thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”. Kim thích thị tâm tác Phật giả, Tác hữu nhị nghĩa: Nhất, tịnh tâm năng cảm tha phương Ứng Phật, cố danh “thị tâm tác Phật”, tức sớ văn sở vị: “Phật bốn thị vô, tâm tịnh cố hữu” dã. Nhị, tam-muội năng thành kỷ chi Quả Phật, cố danh “thị tâm tác Phật”, tức Sớ văn sở vị: “Diệc nhân tam muội tâm, chung thành tác Phật” dã. Sơ tác tha Phật, thứ tác kỷ Phật. Thử ước “năng cảm, năng thành” thích Tác dã. Thị tâm thị Phật giả, Thị diệc nhị nghĩa: Nhất, tâm tức Ứng Phật, cố danh “thị tâm thị Phật”, tức Sớ văn sở vị: “Hướng văn Phật bốn thị vô, tâm tịnh cố hữu”, tiện vị điều nhiên hữu dị. Cố ngôn tức thị Ứng Phật, tâm ngoại vô Phật dã. Nhị, tâm tức Quả Phật, cố danh “thị tâm thị Phật”, tức Sớ văn sở vị: “Diệc vô Phật chi nhân” dã. Sơ thị Ứng Phật, nhị thị

Quả Phật, thử ước “tức Ứng, tức Quả” thích Thị dã. Nhược luận Tác Thị chỉ nghĩa giả, tức bất tư nghị Tam Quán dã, hà giả? Dĩ minh tâm tác Phật cố, hiển phi Tánh Đức, tự nhiên hữu Phật. Dĩ minh tâm thị Phật cố, hiển phi Tu Đức. Nhân duyên thành Phật, tức Thị nhi Tác, cố toàn tánh thành tu, tắc mãn nhất thiết tự nhiên chỉ tánh, tức Tác nhi Thị. Cố toàn tu tức tánh, tắc mãn nhất thiết nhân duyên chỉ tánh. Nhược kỳ nhiên giả, hà tư bất tuyệt? Hà nghị bất vong? Ký dĩ Tác Thị tuyệt hồ tư nghị, phục dĩ Tác Thị hiển ư Tam Quán, dĩ nhược phá, nhược lập, giai danh vi Tác, Không Giả nhị Quán dã. Bất phá, bất lập, danh chỉ vi Thị, Trung Đạo quán dã. Toàn Thị nhi Tác, tắc Tam Đế câu phá, Tam Đế câu lập, danh “nhất không, nhất thiết không”, danh “nhất giả, nhất thiết giả” dã. Toàn Tác nhi Thị, tắc ư Tam Đế câu phi phá phi lập, danh “nhất trung, nhất thiết trung” dã, tức Trung chỉ Không, Giả danh Tác. Năng phá Tam Hoặc, năng lập tam pháp, cố cảm tha Phật. Tam thân viên ứng, năng thành ngã tâm, tam thân đương quả, tức Không Giả chỉ Trung danh Thị, tắc toàn Hoặc tức Trí, toàn chướng tức Đức. Cố tâm thị Ứng Phật, tâm thị Quả Phật, cố tri Tác Thị nhất tâm tu giả, nãi bất tư nghị Tam Quán dã. Do thử nhất tâm, chung đương tác Phật tứ cụ, nhất tâm tức bất sanh diệt nhân địa tâm dã. Do thử nhân tâm, chung thành quả giác. Cố thử từng tín giải, chung chí hành chứng, Đẳng Giác hoàn nguyên, trực chí Như Lai diệu trang nghiêm hải, cố danh Tác dã. Tức thử nhất tâm, toàn thể thị Phật tứ cụ, nhất tâm tức Chân Như pháp tánh thân dã, bốn vô tu chứng. Bất thiệp trình đồ, toàn thể thị Phật. Nhược ngôn thị nhân, đối quả ngôn nhân; ký vô đương quả, nhân thị thù nhân? Nhược ngôn thị quả, đối nhân ngôn quả; ký vô tiền nhân, quả thị thù quả? Cố danh Thị dã.

(疏)又此一心，即作是二義故。

(鈔)觀經云：心想佛時，是心作佛，是心是佛。今謂此經一心持名，繇此一心，終當作佛，從因至果，名之曰作。即此一心，全體是佛，非因非果，名之曰是。

(演)心想佛時，是心作佛者，觀經云：汝等心想佛時，是心即是三十二相，八十隨形好，是心作佛，是心是佛。今釋是心作佛者，作有二義：一、淨心能感他方應佛，故名是心作佛，即疏文所謂：佛本是無，心淨故有

也。二、三昧能成己之果佛，故名是心作佛，即疏文所謂：亦因三昧心，終成作佛也。初作他佛，次作己佛。此約能感，能成釋作也。是心是佛者，是亦二義：一、心即應佛，故名是心是佛，即疏文所謂：向聞佛本是無，心淨故有，便謂條然有異。故言即是應佛，心外無佛也。二、心即果佛，故名是心是佛，即疏文所謂：亦無佛之因也。初是應佛，二是果佛，此約即應即果釋是也。若論作是之義者，即不思議三觀也，何者？以明心作佛故，顯非性德，自然有佛。以明心是佛故，顯非修德。因緣成佛，即是而作，故全性成修，則泯一切自然之性，即作而是。故全修即性，則泯一切因緣之性。若其然者，何思不絕？何議不忘？既以作是絕乎思議，復以作是顯於三觀，以若破若立，皆名為作，空假二觀也。不破不立，名之為是，中道觀也。全是而作，則三諦俱破，三諦俱立，名一空一切空，名一假一切假也。全作而是，則於三諦俱非破非立，名一中一切中也，即中之空假名作。能破三惑，能立三法，故感他佛。三身圓應，能成我心，三身當果，即空假之中名是，則全惑即智，全障即德。故心是應佛，心是果佛，故知作是一心修者，乃不思議三觀也。由此一心，終當作佛四句，一心即不生滅因地心也。由此因心，終成果覺。故始從信解，終至行證，等覺還源，直至如來妙莊嚴海，故名作也。即此一心，全體是佛四句，一心即真如法性身也，本無修證。不涉程途，全體是佛。若言是因，對果言因；既無當果，因是誰因？若言是果，對因言果；既無前因，果是誰果？故名是也。

(Sớ: Nhất tâm lại chính là hai nghĩa “làm” và “là”).

Sao: Quán Kinh nói: “Khi tâm tưởng Phật, tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Nay kinh này nói “nhất tâm trì danh”, do nhất tâm ấy, cuối cùng sẽ thành Phật. Từ nhân đến quả, nên gọi là Làm. Toàn thể của nhất tâm chính là Phật, chẳng phải là nhân, chẳng phải là quả, nên gọi

là Thị (là).

Diễn: “Khi tâm tưởng Phật, tâm này là Phật”: Quán Kinh nói: “Khi tâm các ông tưởng Phật, tâm này chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Nay giải thích câu “tâm này làm Phật”, Tác có hai nghĩa:

- Một là tịnh tâm có thể cảm ứng Phật ở phương khác, nên gọi là “tâm này làm Phật”, tức là như lời Sớ đã viết: “Phật vốn là không, do tâm tịnh mà có”.

- Hai là tam-muội có thể thành tựu Quả Phật của chính mình. Cho nên gọi là “tâm này làm Phật”, tức là như lời Sớ đã nói: “Cũng do cái tâm tam-muội mà rốt cuộc thành Phật”.

Thoạt đầu là làm vị Phật khác, kế đó là làm vị Phật của chính mình. Đây là dựa theo [ý nghĩa] “có thể cảm, có thể thành” để giải thích chữ Tác.

“Tâm này là Phật”, chữ Là cũng có hai nghĩa:

- Một, tâm chính là Ứng Thân của Phật, cho nên gọi là “tâm này là Phật”, tức là như lời Sớ đã viết: “Từng nghe Phật vốn chẳng có, do tâm tịnh bèn có Phật”, cho nên nói là “rành rành có sai khác”. Do vậy nói “[tâm] chính là Ứng Phật, ngoài tâm chẳng có Phật”.

- Hai, tâm chính là Quả Phật, vì thế gọi là “tâm này là Phật”, tức là như lời Sớ đã viết: “Cũng không có cái nhân của Phật vậy”. Thứ nhất là Ứng Thân Phật, thứ hai là Quả Phật. Đây là dựa theo ý nghĩa [nhất tâm] chính là Ứng Phật và Quả Phật để giải thích chữ Thị.

Nếu luận định về ý nghĩa của Tác và Thị, thì chính là Tam Quán chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Do chỉ rõ cái tâm làm Phật, rõ ràng chẳng phải là Tánh Đức, tự nhiên có Phật. Do chỉ rõ cái tâm làm Phật, rõ ràng chẳng phải là Tu Đức, do nhân duyên mà thành Phật. Thị chính là Tác, cho nên toàn thể tánh trở thành tu, dứt hết thấy tánh tự nhiên. Tác chính là Thị, cho nên toàn bộ tu trở thành tánh, dứt hết thấy tánh nhân duyên. Nếu là như vậy thì có suy nghĩ gì mà chẳng dứt, có bàn bạc nào mà chẳng quên bằng?

Do Tác và Thị đã dứt hết suy nghĩ, bàn bạc, lại dùng Tác và Thị để hiển thị Tam Quán. Do dù phá hay lập, đều gọi là Tác, đây chính là Không Quán và Giả Quán. Chẳng phá, chẳng lập thì gọi là Thị, tức là Trung Đạo Quán.

Toàn bộ Thị là Tác thì Tam Đế cùng bị phá và Tam Đế cùng được lập, gọi là “một thứ không, hết thấy mọi thứ đều không; một thứ giả, hết thấy đều là giả”. Toàn bộ Tác là Thị, đối với Tam Đế, sẽ đều là chẳng

phải phá, chẳng phải lập, được gọi là “một thứ trung, hết thấy đều trung”. Ngay từ trong Không và Giả của Trung bèn gọi là Tác, có thể phá Tam Hoặc, có thể lập tam pháp, cho nên cảm vời tha Phật. Tam thân đã ứng trọn vẹn, có thể thành tựu tam thân trong cái tâm ta để làm cái quả, tức là Trung trong Không và Giả được gọi là Thị, chính là “toàn thể Hoặc tức là Trí, toàn thể chương chính là công đức”. Do vậy, tâm là Ứng Phật, mà tâm cũng là Quả Phật. Do vậy biết: Tác là nhất tâm tu, chính là Tam Quán chẳng thể nghĩ bàn.

Bốn câu kể từ “do nhất tâm rốt cuộc sẽ làm Phật” trở đi, ý nói: Nhất tâm là cái tâm chẳng sanh diệt trong khi tu nhân. Do cái tâm làm nhân ấy, rốt cuộc thành tựu Quả Giác. Vì thế, thoát đầu là do tín giải, rốt cuộc đến khi hành chứng, Đẳng Giác trở về nguồn, thẳng tiến vào biển diệu trang nghiêm của Như Lai, cho nên gọi là Tác.

Bốn câu “toàn thể của chính cái nhất tâm ấy tức là Phật”: Nhất tâm chính là Chân Như pháp tánh thân, vốn không có tu chứng. Chẳng dính dáng đến khoảng cách xa hay gần, toàn thể là Phật. Nếu nói là nhân [thì là] đối với quả mà nói nhân. Đã không là quả thì nhân là cái nhân nào? Nếu nói là quả, là do đối với nhân mà nói quả. Đã không có cái nhân trước thì quả là quả nào? Vì thế, gọi là Thị).

(Sớ) Hựu thử nhất tâm, tức Định trung chi Định cố.

(Sao) Định trung Định giả, dĩ định tán phán chi. Tu dư thiếu thiện phước giả, Tán Thiện dã. Nhất tâm bất loạn giả, Định Thiện dã. Hựu dĩ nhất tâm nhi phân định tán, Sự nhất tâm giả, Định Thiện trung chi Tán Thiện dã. Lý nhất tâm giả, Định Thiện trung chi Định Thiện dã.

(Diễn) Tu dư thiếu thiện danh tán giả, dĩ nhân thiên tiểu quả hữu lậu chi nhân, thị tán tâm tu thiện, cố danh Tán Thiện. Nhất tâm bất loạn danh định giả, tâm duyên nhất cảnh, vô hữu dị niệm, cố ngôn Định Thiện. Nhất tâm phục phân định tán giả, Sự nhất tâm giả, tuy tâm duyên nhất cảnh, do thuộc thức tâm, sở duyên chi cảnh niệm niệm thiên lưu. Năng duyên chi tâm, tâm tâm bất trụ. Đối tiền tán tâm, cố danh viết Định. Đối hậu Lý nhất, do danh vị Tán. Định Thiện trung Tán Thiện dã. Lý nhất tâm giả, kiến chư pháp Thật Tướng, dĩ bất sanh diệt tâm khế chân thường chi Lý, bản tự bất động, bản tự tịch diệt, Định Thiện trung chi Định Thiện dã. Sự nhất tâm giả, do vị ly lục thức, cố vi Định trung Tán. Lý nhất tâm giả, tắc thị thường trụ chân tâm, cố vi Định trung Định.

(疏)又此一心，即定中之定故。

(鈔)定中定者，以定散判之。修餘少善福者，散善也。一心不亂者，定善也。又以一心而分定散，事一心者，定善中之散善也。理一心者，定善中之定善也。

(演)修餘少善名散者，以人天小果有漏之因，是散心修善，故名散善。一心不亂名定者，心緣一境，無有異念，故言定善。一心復分定散者，事一心者，雖心緣一境，猶屬識心，所緣之境念念遷流。能緣之心，新新不住。對前散心，故名曰定。對後理一，猶名為散。定善中散善也。理一心者，見諸法實相，以不生滅心契真常之理，本自不動，本自寂滅，定善中之定善也。事一心者，猶未離六識，故為定中散。理一心者，則是常住真心，故為定中定。

(Sớ: Lại nữa, nhất tâm chính là Định trong các loại Định.

Sao: “Định trong các loại Định”: Dùng Định và Tán để xét đoán thì tu những điều thiện phước ít ỏi khác, sẽ là Tán Thiện. Nhất tâm bất loạn là Định Thiện. Lại dùng nhất tâm để phân biệt Định và Tán: Sự nhất tâm là Tán Thiện trong Định Thiện, còn Lý nhất tâm là Định Thiện trong Định Thiện.

Diễn: “Tu những điều thiện ít ỏi khác, gọi là Tán Thiện”: Do cái nhân là hữu lậu thuộc nhân, thiên, tiểu quả, tức là tán tâm tu thiện, nên gọi là Tán Thiện.

“Nhất tâm bất loạn được gọi là Định Thiện”: Tâm duyên nơi một cảnh, chẳng có niệm nào khác; vì thế gọi là Định Thiện.

“Nhất tâm lại chia thành Định và Tán”: Sự nhất tâm tuy duyên theo một cảnh, vẫn thuộc về thức tâm, cảnh được duyên chuyển dời theo mỗi niệm, luôn đổi mới, chẳng trụ. Do đối lập với cái tâm tán loạn trong phần trước, nên gọi là Định; nhưng so với Lý nhất tâm trong phần sau, thì nó vẫn được gọi là Tán, tức là Tán Thiện trong Định Thiện. “Lý nhất tâm” là thấy Thật Tướng của các pháp, dùng cái tâm chẳng sanh diệt khế hợp lý chân thường, vốn tự bất động, vốn tự tịch diệt, [cho nên là] Định Thiện trong Định Thiện. Sự nhất tâm thì do chưa lìa khỏi sáu thức, cho nên là Tán trong Định. Lý nhất tâm là chân tâm thường trụ, nên là Định trong Định).

(Sớ) Hữu thử nhất tâm, tức Bồ Tát Niệm Phật tam-muội cố.

(Diễn) Tức Bồ Tát niệm Phật giả, dĩ hữu phàm phu Niệm Phật tam-muội, Nhị Thừa Niệm Phật tam-muội. Kim thị Bồ Tát Niệm Phật tam-muội cố.

(疏)又此一心，即菩薩念佛三昧故。

(演)即菩薩念佛者，以有凡夫念佛三昧，二乘念佛三昧。今是菩薩念佛三昧故。

(Sớ) Lại nữa, nhất tâm chính là Niệm Phật tam-muội của hàng Bồ Tát.

Diễn: “Chính là Niệm Phật tam-muội của hàng Bồ Tát”: Do có Niệm Phật tam-muội của phàm phu và Niệm Phật tam-muội của Nhị Thừa. Ở đây chính là Niệm Phật tam-muội của Bồ Tát).

(Sao) Hoặc nghi Phật Thuyết Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội Kinh, kỳ gian tịnh vô “tín nguyện vãng sanh” đẳng ngữ, duy ngôn “chánh niệm chư pháp Thật Tướng, thị danh Niệm Phật”, tự dữ thử kinh, ý nghĩa tương lệ. Kim vị: “Bỉ chuyên chủ Lý, thử kiêm Lý Sự”. Lý nhất tâm giả, niệm nhi vô niệm, tức Thật Tướng dã. Cái bỉ dĩ vô niệm chánh nhập, thử dĩ hữu niệm xảo nhập, tác dụng sảo biệt, cứu cánh bất thù. Thị cố, đồng danh Niệm Phật tam-muội.

(Diễn) Duy ngôn chánh niệm Thật Tướng giả, dĩ bất niệm Hữu, bất niệm Không, bất niệm nhị biên, bất niệm Trung Đạo cố. Kim vị bỉ chuyên hạ, vị bỉ kinh tịnh vô Tín Nguyện vãng sanh đẳng ngữ giả, dĩ chánh niệm Thật Tướng chuyên chủ Lý cố. Thử kinh hữu tín nguyện vãng sanh giả, kiêm Sự Lý cố. Sự nhất tâm tắc bất tương đồng; nhược Lý nhất tâm chánh bỉ chánh niệm Thật Tướng dã. Cái bỉ hạ thích nghi, khứng nghi vân: “Nhị kinh đồng nhất niệm Phật tam-muội, nhi hữu chuyên Lý kiêm Sự chi bất đồng giả, hà dã?” Cái bỉ vi năng ly niệm giả, dĩ vô niệm chánh nhập. Thử vi bất năng ly niệm giả, dĩ hữu niệm xảo nhập, tuy vi nhân bất đồng, đồng quy vô niệm, cứu cánh bất biệt dã.

(鈔)或疑佛說菩薩念佛三昧經，其間並無信願往生等語，惟言正念諸法實相，是名念佛，似與此經，意義相戾。今謂：彼專主理，此兼理事。理一心者，念而無念，即實相也。蓋彼以無念正入，此以有念巧入，作用稍別，

究竟不殊。是故，同名念佛三昧。

(演)惟言正念實相者，以不念有，不念空，不念二邊，不念中道故。今謂彼專下，謂彼經並無信願往生等語者，以正念實相專主理故。此經有信願往生者，兼事理故。事一心則不相同；若理一心正彼正念實相也。蓋彼下釋疑，恐疑云：二經同一念佛三昧：而有專理兼事之不同者，何也？蓋彼為能離念者，以無念正入。此為不能離念者，以有念巧入，雖為因不同，同歸無念，究竟不別也。

(Sao: Hoặc có kẻ ngờ vực: Trong kinh Phật Thuyết Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội trọn chẳng nói các từ ngữ “tín, nguyện, trì danh” v.v... chỉ nói “chánh niệm Thật Tướng của các pháp thì gọi là Niệm Phật”, sợ hồ mâu thuẫn với ý nghĩa của kinh này. Nay nói: “Kinh ấy chuyên chủ về Lý, kinh này kiêm Lý lẫn Sự”. Lý nhất tâm là niệm mà vô niệm, tức là Thật Tướng. Ấy là vì kinh kia dùng vô niệm để trực tiếp tiến nhập, kinh này dùng hữu niệm để khéo léo tiến nhập. Tác dụng hơi sai khác, nhưng mục đích cuối cùng chẳng khác. Vì thế, đều cùng gọi là Niệm Phật tam-muội.

Diễn: “Chỉ nói tới chánh niệm Thật Tướng”: Do chẳng niệm Hữu, chẳng niệm Không, chẳng niệm hai bên, chẳng niệm Trung Đạo. Từ “nay nói kinh kia chuyên chủ Lý” trở đi, ý nói: Kinh kia hoàn toàn chẳng có những lời lẽ như “tín nguyện vãng sanh” v.v... là vì dùng chánh niệm Thật Tướng, chuyên chủ Lý. Kinh này có nói “tín nguyện vãng sanh” là do kiêm cả Sự lẫn Lý. Sự nhất tâm thì chẳng giống như vậy. Nếu là Lý nhất tâm, thì sẽ thật sự chánh niệm Thật Tướng. Từ câu “ấy là vì kinh kia” trở đi, do sợ có kẻ ngờ rằng: “Hai kinh cùng nói về Niệm Phật tam-muội, nhưng lại có chuyên Lý hoặc kiêm Sự khác nhau, là vì lẽ nào?” Đó là do kinh kia vì kẻ có thể lìa niệm [mà nói], dùng vô niệm để chánh nhập. Còn kinh này là vì kẻ chẳng thể lìa niệm, dùng hữu niệm để khéo nhập. Tuy thực hiện cái nhân khác nhau, nhưng cùng quy vào vô niệm, rốt ráo chẳng sai khác).

(Sớ) Hựu thử nhất tâm, tức Đạt Ma trực chỉ chi Thiên cổ.

(Sao) Tầm thường thuyết Thiên giả hựu Tịnh Độ, kim vị Đạt Ma thuyết Thiên, trực chỉ linh tri chi tự tánh dã. Thử Lý nhất tâm, chánh linh tri tự tánh cố. Môn đình thì thiết bất đồng, nhi sở chứng vô lưỡng

tâm dã. *Thiền tại! Trung Phong* chỉ ngôn viết: “*Thiền giả, Tịnh Độ* chỉ *Thiền*; *Tịnh Độ* giả, *Thiền* chỉ *Tịnh Độ* dã”, hữu vị hồ ngôn chỉ dã. *Hoặc* vị: “*Trực* chỉ chỉ *Thiền*, *bất lập* văn tự, kim trì danh hiệu, nhược vì hội đồng?” *Bất tri* truyền pháp dĩ tứ cú chỉ kệ, ẩn tâm dĩ tứ quyển chỉ kinh, giáo chỉ tứ tự danh hiệu, văn cánh phồn hỹ. Cái phi dĩ đoạn diệt văn tự vì “*bất lập*” dã. *Bất tức* văn tự, *bất ly* văn tự, *đạt* giả khế chỉ.

(Diễn) *Trực* chỉ linh tri giả, *Ba La Đề* vân: “*Tại* nhân viết kiến, *tại* nhĩ viết văn, *tại* thủ chấp tróc, *tại* túc vận bồn, *ngộ* chỉ, *tắc* vì *Phật* tánh, *mê* chỉ, *tắc* vì *tinh* hồn”, thị dã. *Hựu Hà Trạch* vân: “*Tri* chỉ nhất tự, chúng diệu chỉ môn”. *Vĩnh Gia* vân: “*Bất tu* tri tri, *dẫn* tri nhi dĩ” đăng. Môn đình thi thiết *bất đồng* giả, *Tịnh Độ* pháp môn, hữu tịnh, hữu uế, hữu *Phật*, hữu *sanh*, thị ước kiến lập môn. *Thiền* Tông pháp môn, *tắc* tịnh uế song phi, *sanh* *Phật* *bất lập*, thị ước tảo đăng môn. Sở chứng vô lượng tâm giả, *bỉ* nhất thiết tảo giả, *đốn* trừ vọng tưởng, *trực* hiển linh tri. *Thử* nhất thiết kiến lập giả, *sử* thành tam-muội, *diệc* *ngộ* linh tri. *Cổ* cổ vân: “*Tham* *Thiền* *bổn* vị *siêu* *sanh* tử, *niệm* *Phật* *diệc* *nhân* *thoát* tử *sanh*, *dẫn* *hướng* *nhất* *biên* *ai* *đắc* *nhập*, *lượng* *điều* *môn* *lộ* *bất* *đa* *tranh*”. *Truyền* pháp tứ cú giả, *Sơ Tổ* vân: “*Ngô* *bổn* *lai* *tư* *thổ*, *truyền* *pháp* *độ* *mê* *tình*, *nhất* *hoa* *khai* *ngũ* *diệp*, *kết* *quả* *tự* *nhiên* *thành*”. Ẩn tâm tứ quyển giả, *Sơ Tổ* phó *Nhị Tổ* viết: “*Ngô* *hữu* *Lăng* *Già* *tứ* *quyển*, *diệc* *phó* *dữ* *nhữ*, *tức* *thị* *Như* *Lai* *tâm* *yếu* *pháp* *môn*, *linh* *chư* *chúng* *sanh* *khai* *thị* *ngộ* *nhập*”.

(疏)又此一心，即達摩直指之禪故。

(鈔)尋常說禪者諱淨土，今謂達摩說禪，直指靈知之自性也。此理一心，正靈知自性故。門庭施設不同，而所證無兩心也。善哉！中峰之言曰：禪者，淨土之禪；淨土者，禪之淨土也，有味乎言之也。或謂：直指之禪，不立文字，今持名號，若為會同？不知傳法以四句之偈，印心以四卷之經，較之四字名號，文更繁矣。蓋非以斷滅文字為不立也。不即文字，不離文字，達者契之。

(演)直指靈知者，波羅提云：在眼曰見，在耳曰聞，在手執捉，在足運奔，悟之，則為佛性，迷之，則為精魂，是也。又荷澤云：知之一字，眾妙之門。永嘉云：不

須知知，但知而已等。門庭施設不同者，淨土法門，有淨有穢，有佛有生，是約建立門。禪宗法門，則淨穢雙非，生佛不立，是約掃蕩門。所證無兩心者，彼一切盡掃者，頓除妄想，直顯靈知。此一切建立者，使成三昧，亦悟靈知。故古云：參禪本為超生死，念佛亦因脫死生，但向一邊挨得入，兩條門路不多爭。傳法四句者，初祖云：吾本來茲土，傳法度迷情，一花開五葉，結果自然成。印心四卷者，初祖付二祖曰：吾有楞伽四卷，亦付與汝，即是如來心要法門，令諸眾生開示悟入。

(Sớ: Nhất tâm lại chính là Thiên trực chỉ của tổ Đạt Ma.

Sao: Nói thông thường, kẻ hành Thiên không kỳ Tịnh Độ, nay tôi bảo: “Tổ Đạt Ma nói pháp Thiên nhằm chỉ thẳng tự tánh linh tri. Lý nhất tâm chính là linh tri tự tánh. Cách lập bày, thực hiện trong mỗi môn đình có khác nhau, nhưng cái tâm đã chứng thì chẳng hai”. Lành thay! Ngài Trung Phong nói: “Thiên là Thiên của Tịnh, Tịnh là Tịnh của Thiên”. Lời ấy thú vị thay!

Hoặc nói: “Thiên Trực Chỉ chẳng lập văn tự, nay làm sao có thể hiểu trì danh hiệu là tương đồng [với Thiên Trực Chỉ] cho được?” Chẳng biết [nhà Thiên] truyền pháp bèn dùng bài kệ bốn câu, ấn tâm dùng bộ kinh bốn quyển, so với danh hiệu [chỉ gồm] bốn chữ, văn tự [của nhà Thiên] càng rườm rà hơn. Ấy là vì chẳng phải coi “đoạn diệt văn tự” là “chẳng lập”; [mà “chẳng lập văn tự” chính là] chẳng phải là văn tự, chẳng lìa văn tự, người thông đạt thì sẽ khế nhập.

Diễn: “Trực chỉ linh tri”: Ngài Ba La Đề nói: “Nơi mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, nơi tay là nắm bắt, nơi chân là đi chuyển, rảo chạy. Ngộ thì là Phật Tánh, mê thì là tình hôn”, là như thế đó. Lại nữa, ngài Hà Trạch nói: “Một chữ Biết chính là cái cửa để tiến nhập các điều nhiệm mầu”. Ngài Vĩnh Gia nói: “Chẳng cần biết tới chủ thể biết và đối tượng được biết, chỉ biết mà thôi” v.v...

“Cách lập bày, thực hiện trong mỗi môn đình khác nhau”: Pháp môn Tịnh Độ có tịnh, có uế, có Phật, có chúng sanh, thuộc về môn kiến lập. Pháp môn Thiên Tông thì tịnh lẫn uế đều chẳng có, chúng sanh và Phật chẳng lập, thuộc về môn quét sạch.

“Cái tâm được chứng đắc chẳng hai”: Pháp môn kia (Thiên) quét sạch hết thấy, trừ ngay vọng tưởng, trực tiếp hiển lộ linh tri. Pháp môn

này (Tịnh Độ) kiến lập hết thảy, khiến cho [hành nhân] thành tựu tam-muội, cũng ngộ linh tri. Vì thế, cổ nhân nói: “Tham Thiền vốn để siêu sanh tử, niệm Phật cũng vì thoát tử sanh. Bám chắc một bên bên ngộ nhập, hai đường tùy ý há đua tranh”.

“Truyền pháp bằng bốn câu”: Sơ Tổ (Tổ Bồ Đề Đạt Ma) nói: “Ta vốn đến xứ này, truyền pháp độ mê tình, một hoa xòe năm cánh, kết quả tự nhiên thành”. “Ấn tâm bằng bốn quyển”: Sơ Tổ phó pháp cho Nhị Tổ (tổ Huệ Khả), bảo: “Ta có kinh Lăng Già gồm bốn quyển cũng giao phó cho ông. Đây chính là pháp môn tâm yếu của Như Lai, khiến cho chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập”).

(Sớ) Hựu thử nhất tâm, đương tri Tâm Vương, Tâm Sở, vô bất nhất cố.

(Sao) Vương Sở giải kiến tiền văn. Thử chi bát giả, cập ngũ thập nhất, phân nhiên bất tề, tạp nhiên cạnh khởi, nhi ngôn vô bất nhất giả. Lương diêu vương sở tuy đa, tổ lưu cùng nguyên, bất xuất nhất tâm. Kim niệm Phật nhân, sơ dĩ Nhĩ Thức văn bỉ Phật danh, thứ dĩ Ý Thức chuyên chú ức niệm. Dĩ chuyên niệm cố, tổng nhiếp lục căn, nhãn, tỷ, thiệt, thân, như thị lục thức, giai tất bất hành. Niệm chi bất dĩ, niệm cực nhi vong. Sở vị: “Hằng thâm tư lượng” giả, kỳ tư tịch yên. Vong chi bất dĩ, vong cực nhi hóa. Sở vị: “Chân vọng hòa hợp” giả, kỳ vọng tiêu yên, tắc thất thức, bát thức diệt tất bất hành. Chủ ký bất tồn, từng giả yên phụ? Kỳ ngũ thập nhất hựu hà luận dã? Đương nhĩ chi thời, cự lãng, vi ba, hàm thành chỉ thủy; nùng vân, bạc vụ, tận tác trừng không. Duy thị nhất tâm, cánh vô dư pháp, cố vân: “Vô bất nhất” dã!

(Diễn) Phân nhiên bất tề giả, ước thiện, ác, vô ký tam tánh thuyết; dĩ tam tánh tự thể huỳnh dị cố. Tạp nhiên cạnh khởi giả, ước bát thức duyên cảnh bất đồng thuyết, dĩ nhãn thức duyên sắc, nhĩ thức duyên thanh, Lại Da duyên căn, thân, khí giới cố. Tổ lưu cùng nguyên, bất xuất nhất tâm giả, thử từng thanh tịnh tâm trung, vô minh vọng động, chuyển thành Lại Da. Thứ từng Lại Da, chuyển xuất tiền thất. Tâm Vương ký khởi, Tâm Sở tùy hành, thứ đệ dẫn sanh ngũ thập nhất chủng, như từng nguyên xuất lưu dã. Kim tổ lưu cập nguyên giả, tắc Tâm Sở bất ly Tâm Vương; Tâm Vương bất khởi, Tâm Sở bất sanh cố. Tâm Vương bất ly diêu tâm, diêu tâm bất động, Tâm Vương bất hiện cố. Hằng thâm tư lượng giả, chỉ thất thức dã. Thử thức hằng thường, thâm thời tư sát lượng độ, đệ bát Kiến Phần vi ngã cố. Hằng chi dữ

thâm, u bát thức trung, tứ cú phân biệt: Nhất, hằng nhị phi thâm, vị đệ bát thức bất chấp Ngã, vô gián đoạn cố. Nhị, thâm nhị phi hằng, vị đệ lục thức dĩ chấp Ngã, gián đoạn cố. Tam, phi hằng phi thâm, vị tiền ngũ thức bất chấp Ngã, đa gián đoạn cố. Tứ, diệt hằng diệt thâm, vị đệ thất thức chấp Ngã, vô đoạn cố. Chân vọng hòa hợp giả, chỉ Lại Da dã. Khởi Tín vân: “Bất sanh, bất diệt, dữ sanh diệt hòa hợp, phi nhất, phi dị, danh vi A Lại Da Thức”. Thích viết: Bất sanh bất diệt giả, thị Như Lai Tạng tự tánh thanh tịnh tâm, động tác sanh diệt bất tương ly cố. Cố vân hòa hợp, phi vị biệt hữu sanh diệt lai dữ Chân Như hợp. Vị sanh diệt chỉ tâm, tâm chỉ sanh diệt vô nhị tướng cố, Chân Như toàn thể động cố. Tâm dữ sanh diệt phi dị, nhị hằng bất biến chân tánh cố. Tâm dữ sanh diệt phi nhất dã, niệm cực nhị vong giả, vong vị nhân pháp song vong, thị lục thức thoát lạc, nhị thất thức tùy lục thức dụng sự. Lục thức ký thoát, tắc thất thức tự nhiên bất hành. Cố hằng thâm tư lượng giả, kỳ tư tịch yên. Vong cực nhị hóa giả, hóa vị không không diệt không, thị Thức Âm tận, vãng tượng hư vô, diên đảo vọng tưởng, giai tịnh tận vô dư cố. Chân vọng hòa hợp giả, kỳ vọng tiêu yên. Cự lăng vi ba, hàm thành chỉ thủy giả, cự lăng chỉ tiền thất thức tâm, tâm sở. Lăng Già vân: “Thí như cự hải lăng, tư do mãnh phong khởi, hồng ba cổ minh hác, vô hữu đoạn tuyệt thời”. Vi ba chỉ đệ bát thức tâm, tâm sở. Lăng Nghiêm vân: “Như cấp lưu thủy, vọng như điềm tĩnh, lưu cấp bất hiện, phi thị vô lưu”. Nùng vân bạc vụ, tận tác trừng không giả, nùng vân dụ tiền thất tâm, tâm sở, dĩ tiền thất thô trọng, chướng chân trọng cố. Bạc vụ dụ đệ bát tâm, tâm sở, dĩ đệ bát vi tế, chướng chân khinh cố.

(疏)又此一心，當知心王心所，無不一故。

(鈔)王所解見前文。此之八者，及五十一，紛然不齊，雜然競起，而言無不一者。良繇王所雖多，溯流窮源，不出一心。今念佛人，初以耳識聞彼佛名，次以意識專注憶念。以專念故，總攝六根，眼鼻舌身，如是六識，皆悉不行。念之不已，念極而忘。所謂：恆審思量者，其思寂焉。忘之不已，忘極而化。所謂：真妄和合者，其妄消焉，則七識八識亦悉不行。主既不存，從者焉附？其五十一又何論也？當爾之時，巨浪微波，咸成止水；濃雲薄霧，盡作澄空。唯是一心，更無餘法，故云：無不一也！

(演)紛然不齊者，約善惡無記三性說；以三性自體迥異故。雜然競起者，約八識緣境不同說，以眼識緣色，耳識緣聲，賴耶緣根，身器界故。溯流窮源，不出一心者，始從清淨心中，無明妄動，轉成賴耶。次從賴耶，轉出前七。心王既起，心所隨行，次第引生五十一種，如從源出流也。今溯流及源者，則心所不離心王；心王不起，心所不生故。心王不離妙心，妙心不動，心王不現故。恒審思量者，指七識也。此識恒常，審推思察量度，第八見分為我故。恒之與審，於八識中，四句分別：一、恒而非審，謂第八識不執我，無間斷故。二、審而非恒，謂第六識以執我，間斷故。三、非恒非審，謂前五識不執我，多間斷故。四、亦恒亦審，謂第七識執我，無斷故。真妄和合者，指賴耶也。起信云：不生不滅，與生滅和合，非一非異，名為阿賴耶識。釋曰：不生不滅者，是如來藏自性清淨心，動作生滅不相離故。故云和合，非謂別有生滅來與真如合。謂生滅之心，心之生滅無二相故，真如全體動故。心與生滅非異，而恒不變真性故。心與生滅非一也，念極而忘者，忘謂人法雙亡，是六識脫落，而七識隨六識用事。六識既脫，則七識自然不行。故恒審思量者，其思寂焉。忘極而化者，化謂空空亦空，是識陰盡，罔象虛無，顛倒妄想，皆淨盡無餘故。真妄和合者，其妄消焉。巨浪微波，咸成止水者，巨浪指前七識心，心所。楞伽云：譬如巨海浪，斯由猛風起，洪波鼓冥壑，無有斷絕時。微波指第八識心，心所。楞嚴云：如急流水，望如恬靜，流急不見，非是無流。濃雲薄霧，盡作澄空者，濃雲喻前七心，心所，以前七麤重，障真重故。薄霧喻第八心，心所，以第八微細，障真輕故。

(Sớ: Lại nữa, đối với nhất tâm, hãy nên biết Tâm Vương và Tâm Sở, không gì chẳng là một.

Sao: Xem lời giải thích Tâm Vương và Tâm Sở trong phần trước,

những điều này bao gồm tám Tâm Vương và năm mươi một Tâm Sở. [Tuy chúng] rời ren chẳng đồng nhất, chen lẫn nhau dấy lên tạp loạn, thế mà nói là “không món nào chẳng là một”. Ấy là vì Tâm Vương và Tâm Sở tuy nhiều, truy ngược tới tận cùng nguồn cội, chúng đều chẳng ra ngoài nhất tâm. Nay người niệm Phật, thoát đầu dùng Nhĩ Thức để nghe danh hiệu của đức Phật ấy; kế đó, dùng Ý Thức để chuyên chú ức niệm. Do chuyên niệm, bèn nhiếp trọn sáu căn, mắt, [tai], mũi, lưỡi, thân, [ý]; sáu thức như thế, thấy đều chẳng hiện hành. Cứ niệm không ngừng, niệm đến tột bậc, [các tình thức] mất đi. Cái gọi là suy tưởng “luôn cân nhắc, suy lường” sẽ vắng lặng. Chẳng ngừng quên mất [sự suy lường ấy], quên đến tột cùng, nó sẽ bị biến đổi. Nói “chân và vọng hòa hợp”, nghĩa là vọng đã tiêu thì thức thứ bảy và thức thứ tám cũng đều chẳng hiện hành. Cái chủ yếu đã chẳng còn, những thứ phụ thuộc nương tựa vào đâu? Há còn luận định năm mươi một thứ [Tâm Sở] chi nữa? Ngay trong lúc ấy, sóng to lẫn sóng nhẹ đều thành nước lặng. Mây dầy, sương mỏng, đều thành bầu trời quang đãng, chỉ là nhất tâm, chẳng còn có các pháp nào khác. Vì thế nói: “Không gì chẳng là một”.

Diễn: “Rời ren chẳng đồng nhất” là nói theo ba tánh thiện, ác, vô ký (chẳng thiện, chẳng ác), bởi tự thể của ba tánh khác biệt vời vợi. “Chen lẫn nhau dấy lên tạp loạn”: Ước theo tám thức duyên theo từng cảnh sai khác mà nói; bởi lẽ, nhãn thức duyên sắc, nhĩ thức duyên theo tiếng, A Lại Da duyên theo căn, thân, khí thể gian thế giới.

“Truy ngược tới tận cùng nguồn cội, chúng đều chẳng ra ngoài nhất tâm”: Khởi đầu từ trong tâm thanh tịnh, vô minh vọng động, chuyển thành A Lại Da. Kế đó, từ A Lại Da chuyển xuất bảy thức trước. Tâm Vương đã dấy lên, Tâm Sở liền xuất hiện theo, lần lượt theo nhau sanh khởi, tạo thành năm mươi một loại, như từ một nguồn mà chia ra các dòng vậy. Nay truy ngược tận nguồn cội, Tâm Sở chẳng lìa Tâm Vương; Tâm Vương chẳng khởi thì Tâm Sở chẳng sanh. Tâm Vương chẳng lìa diệu tâm, do diệu tâm bất động, cho nên Tâm Vương chẳng hiện.

“Luôn cân nhắc, suy lường” là nói đến thức thứ bảy. Thức này thường hằng, suy luận, xét đoán, dò xét, cân nhắc, [nó chấp trước] Kiến Phần của thức thứ tám làm Ngã để luôn suy xét. Đối với tám thức, bèn có bốn câu phân biệt như sau:

- Một, thường hằng nhưng chẳng suy xét, tức là nói thức thứ tám chẳng chấp Ngã, chẳng gián đoạn.

- Hai, suy xét nhưng chẳng thường hằng, tức là thức thứ sáu do

chấp Ngã, bị gián đoạn.

- Ba, chẳng thường hằng, chẳng suy xét, tức là năm thức đầu chẳng chấp Ngã, có nhiều sự gián đoạn.

- Bốn, vừa thường hằng vừa suy xét, tức là thức thứ bảy chấp Ngã, không gián đoạn.

“Chân vọng hòa hợp” là nói đến A Lại Da Thức. Khởi Tín Luận nói: “Bất sanh bất diệt, hòa hợp với sanh diệt, chẳng một, chẳng khác, thì gọi là A Lại Da Thức”. Chú thích rằng: Bất sanh bất diệt là tự tánh thanh tịnh tâm nơi Như Lai Tạng. Do chẳng lìa khỏi cử động, thực hiện, sanh, diệt, nên nói là “hòa hợp”, chẳng phải là có riêng một cái sanh diệt để hòa hợp với Chân Như. Nói đến cái tâm sanh diệt thì sự sanh diệt của cái tâm chẳng có hai tướng. Toàn thể của Chân Như là động, tâm và sanh diệt chẳng khác. Do chân tánh thường hằng bất biến, tâm và sanh diệt chẳng phải là một.

“Niệm đến tốt bậc, [các tình thức] sẽ mất đi”: “Mất” là nhân và pháp đều cùng mất, thức thứ sáu mất tác dụng, thế mà thức thứ bảy tùy thuộc thức thứ sáu để vận hành. Thức thứ sáu đã mất tác dụng, tự nhiên là thức thứ bảy chẳng hiện hành. Vì thế sự suy xét, suy lường thường hằng bởi đó mà vắng lặng.

“Quên đến tốt cùng sẽ biến đổi”: Biến đổi chính là “Không Không cũng là Không”, tức là Thức Ấm dứt bật, chẳng còn, dường như hư vô. Vọng tưởng điên đảo đều trừ sạch, chẳng còn sót. Chân và vọng hòa hợp tức là vọng đã tiêu mất.

“Sóng to, sóng nhẹ đều thành nước lặng”: Sóng to chỉ tâm vương và tâm sở của bảy thức trước. Kinh Lăng Già nói: “Vị như sóng biển to, do gió mạnh dấy lên, sóng cuộn vỗ hang ngầm, chẳng lúc nào ngưng dứt”. Sóng nhẹ chỉ tâm vương và tâm sở của thức thứ tám. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Như nước chảy xiết, thoạt nhìn thì như điềm tĩnh, nhưng đó là do sự chảy xiết chẳng hiện rõ, chẳng phải là không có dòng chảy”.

“Mây dày, sương mỏng đều bị quét sạch lặng trong”: Mây dày ví như tâm vương và tâm sở của bảy thức trước, do bảy thức trước thô nặng, chúng chướng ngại lẽ chân nặng nề. Sóng nhẹ chỉ tâm vương và tâm sở của thức thứ tám. Do thức thứ tám vi tế, nó chướng ngại lẽ chân nhẹ ít).

(Sớ) Cổ tri “chỉ tâm niệm A Di Đà Phật nhất thanh, diệt bát thập ức kiếp sanh tử trọng tội”, lương diêu chánh chỉ Lý nhất tâm cố, như Pháp Hoa tam-muội trung thuyết.

(Sao) Nhân hữu nghi ngôn: “Tội ký đa kiếp, nghiệp trọng, chướng thâm, cửu cần sám-ma, tiệm tích công đức, thứ khả tiêu vong. Nhi niệm Phật nhất thanh, diệt đa kiếp tội. Nhân vi, quả cự, cố sở bất tín”. Kim vị chí tâm giả, tức nhất tâm dã. Nhược Sự nhất tâm, tuy năng diệt tội, vi lực sảo sơ, tội tương phục hiện; đa đa chí niệm, chỉ khả diệt thiểu thiểu chi khiên. Thử chí chí tâm, chánh thuộc Lý nhất. Nhất tâm ký lãng, tích vọng đồn không. Dụ như thiên niên ám thất, khởi dĩ nhất đăng, ám bất tốc diệt? Cố “nhất xưng nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo”, bất độc Diệu Pháp Liên Hoa hữu chi.

(Diễn) Nhược Sự nhất tâm hạ, hoặc vấn vân: “Thử chí chí tâm, hoặc chỉ Sự nhất tâm, diệt vi khả tri, yên tri thị Lý da?” Cố vân: Sự nhất tâm tuy diệt diệt tội, như thạch áp thảo, như băng giáp ngư, băng phán tắc ngư du, thạch khứ tắc thảo trưởng, Định lực dĩ quá, tội tương phục hiện. Lý nhất tâm giả, nhất tâm ký lãng, tội tánh giai không, dĩ Bát Nhã trí liễu tri tội tánh bất tại nội, ngoại, trung gian cố, chỉ Lý nhất tâm dã.

(疏)故知至心念阿彌陀佛一聲，滅八十億劫生死重罪，良繇正指理一心故，如法華三昧中說。

(鈔)人有疑言：罪既多劫，業重障深，久勤懺摩，漸積功德，庶可消亡。而念佛一聲，滅多劫罪。因微果巨，固所不信。今謂至心者，即一心也。若事一心，雖能滅罪，為力稍疏，罪將復現；多多之念，止可減少少之愆。此之至心，正屬理一。一心既朗，積妄頓空。喻如千年闇室，豈以一燈，闇不速滅？故一稱南無佛，皆已成佛道，不獨妙法蓮華有之。

(演)若事一心下，或問云：此之至心，或指事一心，亦未可知，焉知是理耶？故云：事一心雖亦滅罪，如石壓草，如冰夾魚，冰泮則魚游，石去則草長，定力已過，罪將復現。理一心者，一心既朗，罪性皆空，以般若智了知罪性不在內外中間故，指理一心也。

(Sớ: Vì thế biết “chí tâm niệm A Di Đà Phật một tiếng, diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử” chính là nói về Lý nhất tâm, như trong Pháp Hoa tam-muội đã nói.

Sao: Có kẻ nghi rằng: “Tội đã nhiều kiếp, nghiệp nặng, chướng

sâu, siêng năng sám hối lâu ngày, tích lũy công đức dần dần hòng có thể tiêu vong. Nhưng niệm Phật một tiếng bèn diệt tội nhiều kiếp thì nhân bé, quả to, cho nên chẳng tin!” Nay nói “chí tâm” tức là nhất tâm. Nếu là Sự nhất tâm, tuy có thể diệt tội, nhưng do sức hơi yếu, cho nên tội sẽ lại hiện, niệm dẫu nhiều thì chỉ có thể diệt chút ít tội khiên. Chí tâm ở đây thuộc về Lý nhất tâm. Nhất tâm đã rạng ngời, các vọng đã tích lũy liền nhanh chóng tiêu tan. Ví như nhà tối ngàn năm, há chẳng phải là do một ngọn đèn mà tối tăm chẳng mau chóng diệt mất ư? Vì thế, “vừa xưng nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo”, không phải là chỉ riêng kinh Diệu Pháp Liên Hoa mới có.

Diễn: Từ câu “nếu là Sự nhất tâm”, ý nói: Chắc là có kẻ hỏi: “Chí tâm ở đây có thể là nói đến Sự nhất tâm cũng không chừng, sao biết chắc là Lý nhất tâm vậy?” Vì thế nói: Sự nhất tâm tuy cũng diệt tội, [nhưng giống] như đá đè cỏ, như băng ép cá. Băng tan, cá sẽ bơi lội; bỏ đá đi, cỏ lại tăng trưởng. Định lực đã qua, tội sẽ lại xuất hiện. Lý nhất tâm thì hễ nhất tâm đã rạng ngời, tội tánh đều không. “Do trí Bát Nhã mà biết rõ tội tánh chẳng thuộc trong, ngoài, chính giữa” chính là nói đến Lý nhất tâm vậy).

(Sao) Pháp Hoa Tam Muội Quán Kinh vân: “Thập phương chúng sanh, nhất xưng nam-mô Phật giả, giai đương tác Phật, duy nhất Đại Thừa, vô hữu nhị tam. Nhất thiết chư pháp, nhất tướng, nhất môn. Sở vị: ‘Vô sanh vô diệt’, tất cánh không tướng, tập như thị Quán, Ngũ Dục tự đoạn, Ngũ Cái tự trừ, Ngũ Căn tăng trưởng, tức đắc Thiền Định”. Thích viết: “Nhất xưng thành Phật giả, quy mạng nhất tâm, vô bất thành Phật. Dĩ lý tự tâm nhất tướng nhất môn ngoại, cánh vô hữu pháp khả tác quy y. Tất cánh không tịch, như thị quán giả, Ngũ Dục tự đoạn, nãi chí Lục Độ, vạn hạnh, tất giai thành tựu”. Như thượng sở thuyết, phi Lý nhất tâm nhi hà? Hựu Phật Danh kinh vân: “Nhất văn Phật danh, diệt vô lượng kiếp sanh tử chi tội”. “Nhất văn” tắc bất đãi xưng niệm, “vô lượng” tắc bất chỉ bất thập ức kiếp. Nhân di ước, nhi quả di quảng. Phi Lý nhất tâm, an đắc trí thử? Đản hoạn tâm chi bất nhất, hà lực tội chi bất diệt!

(Diễn) Thập phương chúng sanh hạ ngũ cú, mình xưng Phật công thắng. Duy nhất Đại Thừa, nhất thiết chư pháp nhị cú, xuất kỳ sở dĩ. Vị: “Hà cố nhất xưng Phật thời, giai đương tác Phật, duy nhất Đại Thừa da?” Viết: Dĩ nhất thiết chư pháp, duy nhất tướng, bất nhị tướng, nhất hạnh, bất nhị hạnh, cố duy Nhất Thừa. Sở vị nhị cú,

chuyển thích nhất tướng. Tập như thị quán ngũ cú, minh lợi ích. Nhất tướng, tức Tất Cánh Không tướng, ly nhất thiết chư tướng. Cổ danh nhất tướng. Nhất môn, tức Pháp Hoa trung, duy hữu nhất môn, nhi phục hiệp tiểu. Vô sanh vô diệt, tức Hoa Nghiêm sở vị: “Nhất thiết pháp vô sanh, nhất thiết pháp vô diệt. Nhược năng như thị giải, chư Phật thường hiện tiền”. Tất cánh Không tướng, dĩ phá chư pháp tất cánh tịnh tận, danh vi Tất Cánh. Hựu giải tất cánh danh vi chung cánh, quán thị chung cánh chi pháp, diệt bất khả đắc, tắc bất chấp hữu cứu cánh chi pháp, danh vi Tất Cánh Không. Cổ Pháp Hoa vân: “Nãi chí cứu cánh Niết Bàn, thường tịch diệt tướng, chung quy ư Không” dã. Ngũ dục tức ngũ trần, dĩ năng động nhân dục tâm, cố toại danh Dục. Ngũ Cái, tức tham, sân, si, thùy miên, điệu hối. Thử ngũ năng phú cái chân tánh, chúng chư Thiền Định, cố danh viết Cái. Ngũ Căn tức Tín, Niệm, Tấn, Định, Huệ. Thiền Định tức bách bát tam-muội đẳng. Pháp giới sơ môn vân: “Dĩ thị không huệ, chiếu chư Thiền Định, chúng chúng pháp môn, vô nhiễm, vô trước, tắc năng xuất sanh chư Bồ Tát bách bát tam-muội” đẳng. Quy mạng nhất tâm giả, nam-mô tức quy mạng, Phật tức thị tâm dã. Nhất văn Phật danh, văn tự thị tâm văn, tức “nhược văn thủ đề danh tự, sở đắc công đức bất khả hạn lượng” chi văn. Hựu tức tâm văn đồng thập phương, sanh ư đại nhân lực chi văn.

(鈔)法華三昧觀經云：十方眾生，一稱南無佛者，皆當作佛，惟一大乘，無有二三。一切諸法，一相一門。所謂：無生無滅，畢竟空相，習如是觀，五欲自斷，五蓋自除，五根增長，即得禪定。釋曰：一稱成佛者，歸命一心，無不成佛。以離自心一相一門外，更無有法可作皈依。畢竟空寂，如是觀者，五欲自斷，乃至六度萬行，悉皆成就。如上所說，非理一心而何？又佛名經云：一聞佛名，滅無量劫生死之罪。一聞則不待稱念，無量則不止八十億劫。因彌約，而果彌廣。非理一心，安得致此？但患心之不一，何慮罪之不滅！

(演)十方眾生下五句，明稱佛功勝。唯一大乘，一切諸法二句，出其所以。謂：何故一稱佛時，皆當作佛，唯一大乘耶？曰：以一切諸法，唯一相不二相，一行不二

行，故唯一乘。所謂二句，轉釋一相。習如是觀五句，明利益。一相，即畢竟空相，離一切諸相。故名一相。一門，即法華中，唯有一門，而復狹小。無生無滅，即華嚴所謂：一切法無生，一切法無滅。若能如是解，諸佛常現前。畢竟空相，以破諸法畢竟淨盡，名為畢竟。又解畢竟名為終竟，觀是終竟之法，亦不可得，則不執有究竟之法，名為畢竟空。故法華云：乃至究竟涅槃，常寂滅相，終歸於空也。五欲即五塵，以能動人欲心，故遂名欲。五蓋，即貪瞋癡，睡眠，掉悔。此五能覆蓋真性，障諸禪定，故名曰蓋。五根，即信，念，進，定，慧。禪定，即百八三昧等。法界初門云：以是空慧，照諸禪定，種種法門，無染無著，則能出生諸菩薩百八三昧等。歸命一心者，南無即歸命，佛即是心也。一聞佛名，聞字是心聞，即若聞首題名字，所得功德不可限量之聞。又即心聞洞十方，生於大因力之聞。

(Sao: Kinh Pháp Hoa Tam Muội Quán nói: “Mười phương chúng sanh vừa niệm nam-mô Phật một tiếng, sẽ đều làm Phật. Chỉ có một Đại Thừa duy nhất, chẳng có hai, ba thừa. Hết thấy các pháp, một tướng, một môn”. Đó gọi là “vô sanh vô diệt”, là tướng Không rốt ráo. Tu tập pháp Quán như thế, Ngũ Dục tự đoạn, Ngũ Cái tự trừ, Ngũ Căn tăng trưởng, liền đắc Thiền Định. Giải thích rằng: “Vừa xưng bèn thành Phật” chính là quy mạng nhất tâm, chẳng có ai không thành Phật. Bởi là ngoài “nhất tướng, nhất môn” nơi tự tâm ra, chẳng có pháp nào khác để có thể quy y. Rốt ráo không tịch, quán như thế thì Ngũ Dục tự đoạn, cho đến Lục Độ, vạn hạnh thấy đều thành tựu. Những điều vừa nói trên đây nếu chẳng phải là Lý nhất tâm thì sẽ là gì vậy?

Kinh Phật Danh lại nói: “Vừa nghe danh hiệu Phật, bèn diệt tội trong vô lượng kiếp sanh tử”. Chỉ là nghe, chưa đợi tới lúc xưng niệm, [kinh nói] “vô lượng” tức là [do nghe danh hiệu, sẽ diệt tội] không chỉ là tám mươi ức kiếp. Nhân quả đơn giản, mà quả quá rộng lớn! Chẳng phải là Lý nhất tâm thì làm sao đạt đến như vậy được? Chỉ lo chẳng nhất tâm, lo chi tội chẳng diệt!

Diễn: Từ câu “mười phương chúng sanh” trở đi, nói rõ công đức

thù thắng do xưng danh hiệu Phật. Hai câu “chỉ có một Đại Thừa, hết thấy các pháp...” nêu ra nguyên do. Tức là “vì sao khi xưng danh hiệu Phật một tiếng, sẽ đều thành Phật, là Đại Thừa duy nhất?” Đáp: Do hết thấy các pháp là tướng duy nhất, là tướng chẳng hai, là một hạnh, chẳng phải là hai hạnh, cho nên chỉ Nhất Thừa. Hai câu từ “đó gọi là” trở đi, giải thích “nhất tướng”. Năm câu từ “tu tập phép Quán như thế” trở đi nhằm nói rõ lợi ích.

“Một tướng” chính là tướng Tất Cánh Không (tướng Không rốt ráo). Do lià hết thấy các tướng, nên gọi là “một tướng”. “Một môn” là như trong kinh Pháp Hoa chỉ có một cửa [để thoát khỏi nhà cháy, cửa ấy] lại còn hẹp, nhỏ. “Vô sanh, vô diệt” chính là như kinh Hoa Nghiêm có nói: “Hết thấy pháp vô sanh, hết thấy pháp chẳng diệt. Nếu hiểu được như thế, chư Phật thường hiện tiền”. Tướng Tất Cánh Không là do đã phá các pháp rốt ráo đến hết sạch, nên gọi là Tất Cánh. Lại còn hiểu Tất Cánh là Chung Cánh (rốt cuộc). Quán pháp rốt cuộc ấy cũng là chẳng thể được, sẽ chẳng chấp trước những pháp có sự rốt cuộc, thì gọi là Tất Cánh Không. Do vậy, kinh Pháp Hoa nói: “Cho đến Niết Bàn rốt ráo, tướng thường tịch diệt, rốt cuộc quy vào Không”.

Ngũ Dục tức là ngũ trần, do chúng có thể khuấy động cái tâm ham muốn của con người, nên gọi là Dục. Ngũ Cái tức là tham, sân, si, ngu mê, lao chao. Năm điều này có thể che lấp chân tánh, chướng ngại các Thiên Định; cho nên gọi là Cái (che đậy). Ngũ Căn là Tín, Niệm, Tấn, Định, Huệ.

Thiên Định tức một trăm lẻ tám môn tam-muội v.v... Pháp giới sơ môn nói: “Dùng môn Không Huệ này để chiếu các Thiên Định, các thứ pháp môn, chẳng nhiễm, chẳng chấp, sẽ có thể xuất sanh một trăm lẻ tám môn tam-muội của các vị Bồ Tát” v.v... “Quy mạng nhất tâm”: Nam-mô là Quy Mạng, Phật chính là cái tâm này. “Vừa nghe danh hiệu Phật”: Chữ Nghe [ở đây] là tâm nghe, tức là cái Nghe trong “nếu nghe danh xưng của tựa đề kinh, sẽ đạt được công đức chẳng thể hạn lượng”. Lại còn chính là tâm nghe thấu suốt mười phương, là cái nghe sanh từ sức của cái nhân to lớn).

(Sớ) Cổ tri cổ nhân tri kiến bất phổ chi luận, nãi chí định tâm chuyên tâm chi biện, lương điều thả tự Sự chi nhất tâm, phi Lý nhất cố.

(Sao) Tri kiến bất phổ giả, Hoa Nghiêm Luận vân: “Nhất Thừa đại đạo, phi nhạo sanh Tịnh Độ Bồ Tát cảnh giới, dĩ tình tồn tịnh uế,

tri kiến bất phổ”. Kim vị: Thử chỉ cần đắc Sự nhất tâm giả; nhược đắc Lý nhất, tắc diệu ngộ nhất tâm, hữu hà tịnh uế? Nhiên tuy tri bình đẳng pháp giới, vô sanh khả độ, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sanh, chánh sở vị Nhất Thừa đại đạo dã. Tri kiến chi phổ, thực quá u thị? Hựu Phổ Hiền Bồ Tát vị Hoa Nghiêm trưởng tử, phi Nhất Thừa cảnh giới hồ? Nhi dục diện kiến Di Đà, vãng sanh An Lạc, vị chi tình tồn tịnh uế khả hồ?

(Diễn) Nhất Thừa đại đạo hạ tứ cú, vị Hoa Nghiêm Nhất Thừa đại đạo, nãi đốn ngộ tự tâm chi đại Bồ Tát cảnh giới, phi nhạo sanh Tịnh Độ Bồ Tát cảnh giới, dĩ yếm thử uế độ, hân bỉ tịnh bang, bất đạt tịnh uế song phi, tri kiến bất phổ cố. Kim vị hạ, thích bỉ luận ý, dĩ luận trung tri kiến bất phổ, thị chỉ đắc Sự nhất tâm giả, phi chỉ Lý nhất tâm giả. Nhược đắc Lý nhất tâm, diệu ngộ tự tâm, hữu hà uế chi khả yếm, tịnh chi khả hân da? Thử nãi tưng thích. Nhiên tuy hạ thị đoạt thích, bình đẳng pháp giới vô sanh khả độ giả, bình đẳng chân pháp giới, Phật bất độ chúng sanh, Di Lạc như, chúng sanh như, nhất như, vô nhị như cố. Thường tu Tịnh Độ giáo hóa chúng sanh giả, Tịnh Danh kinh vân: “Tuy tri chư Phật quốc, cập dữ chúng sanh không, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa u chúng sanh”, chánh sở vị: “Nhất Thừa đại đạo giả, bình đẳng pháp giới, vô sanh khả độ. Chân Như giới nội, bất thọ nhất trần dã. Thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sanh, Phật sự môn đầu bất xả nhất pháp dã. Sự Lý viên dung, Quyền Thật bất nhị, Nhất Thừa đại đạo dã”. Phổ Hiền Bồ Tát vị Hoa Nghiêm trưởng tử giả, tha kinh giai thủ Văn Thù, dĩ trọng trí cố. Thử kinh độc thủ Phổ Hiền, dĩ tông pháp giới hạnh cố.

(疏)故知古人知見不普之論，乃至定心專心之辨，良繇且就事之一心，非理一故。

(鈔)知見不普者，華嚴論云：一乘大道，非樂生淨土菩薩境界，以情存淨穢，知見不普。今謂：此指僅得事一心者；若得理一，則妙悟一心，有何淨穢？然雖知平等法界，無生可度，而常修淨土，教化眾生，正所謂一乘大道也。知見之普，孰過於是？又普賢菩薩為華嚴長子，非一乘境界乎？而欲面見彌陀，往生安樂，謂之情存淨穢可乎？

(演)一乘大道下四句，謂華嚴一乘大道，乃頓悟自心

之大菩薩境界，非樂生淨土菩薩境界，以厭此穢土，欣彼淨邦，不達淨穢雙非，知見不普故。今謂下，釋彼論意，以論中知見不普，是指得事一心者，非指理一心者。若得理一心，妙悟自心，有何穢之可厭，淨之可忻耶？此乃縱釋。然雖下是奪釋，平等法界無生可度者，平等真法界，佛不度眾生，彌勒如，眾生如，一如，無二如故。常修淨土教化眾生者，淨名經云：雖知諸佛國，及與眾生空，而常修淨土，教化於眾生，正所謂：一乘大道者，平等法界，無生可度。真如界內，不受一塵也。常修淨土，教化眾生，佛事門頭不捨一法也。事理圓融，權實不二，一乘大道也。普賢菩薩為華嚴長子者，他經皆首文殊，以重智故。此經獨首普賢，以宗法界行故。

(Sớ: Vì thế biết: Cổ nhân có lời luận định [những kẻ cầu sanh Tịnh Độ] là do tri kiến chẳng trọn khắp, cho đến biện luận về định tâm và chuyên tâm, chính là dựa theo Sự nhất tâm [để phán định], chẳng phải là dựa theo Lý nhất tâm.

Sao: “Tri kiến chẳng trọn khắp”: Hoa Nghiêm Hợp Luận nói: “Nhất Thừa đại đạo chẳng phải là cảnh giới của hàng Bồ Tát thích sanh về Tịnh Độ, [vì ưa thích cầu sanh về Tịnh Độ] tức là còn có tình kiến tịnh và uế, cho nên tri kiến chẳng trọn khắp”. Nay tôi nói: Đây là nói về người chỉ đắc Sự nhất tâm! Chứ nếu đã đắc Lý nhất tâm, bèn diệu ngộ nhất tâm, há còn có tịnh hay uế chi nữa! Nhưng tuy biết pháp giới bình đẳng, không có chúng sanh để có thể độ, vẫn thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sanh, điều ấy được gọi là Nhất Thừa đại đạo. Tri kiến trọn khắp, có gì vượt xa điều này được nữa? Phổ Hiền Bồ Tát lại là trưởng tử trong hội Hoa Nghiêm, há chẳng phải là cảnh giới Nhất Thừa ư? Vậy thì có thể nói “muốn gặp mặt Phật Di Đà, vãng sanh cõi An Lạc” tức là hãy còn có tình kiến tịnh hay uế hay chăng?

Diễn: Bốn câu kể từ “Nhất Thừa đại đạo” trở đi, ý nói [Hoa Nghiêm Hợp Luận cho rằng] đại đạo Nhất Thừa trong Hoa Nghiêm chính là cảnh giới của bậc đại Bồ Tát đã đón ngộ tự tâm, chẳng phải là cảnh giới của hàng Bồ Tát thích sanh về Tịnh Độ. Vì [người tu Tịnh Độ] chán cõi nhơ uế này, ưa thích cõi thanh tịnh kia, chẳng thông đạt “tịnh lẫn uế đều chẳng có”, tức là tri kiến chẳng trọn khắp vậy.

Từ chữ “nay nói” trở đi nhằm giải thích ý chỉ của bộ luận ấy. Luận ấy nói “tri kiến chẳng trọn khắp” là nói về người đắc Sự nhất tâm, chẳng phải là bàn về người đã đắc Lý nhất tâm. Nếu đã đắc Lý nhất tâm, diêu ngộ tự tâm, còn có uế gì đáng chán, tịnh gì đáng ưa nữa chứ? Đây là giải thích theo kiểu chấp nhận.

Từ chữ “tuy biết” trở đi là giải thích theo kiểu phủ nhận, tức là đã biết pháp giới là bình đẳng, chẳng có chúng sanh để có thể độ, chân pháp giới bình đẳng, Phật chẳng độ chúng sanh, Di Lặc như, chúng sanh như, nhất như, vô nhị như.

“Thường tu Tịnh Độ giáo hóa chúng sanh”: Kinh Tịnh Danh viết: “Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh là Không, nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sanh”, tức là nói: “Đại đạo Nhất Thừa là pháp giới bình đẳng, không có chúng sanh để có thể độ, Trong Chân Như giới, chẳng nhận mây trần. Thường tu Tịnh Độ, giáo hóa chúng sanh, đối với các Phật sự, chẳng bỏ một pháp! Sự Lý viên dung, Quyền Thật chẳng hai, đại đạo Nhất Thừa là như thế đó!”

“Phổ Hiền Bồ Tát làm trưởng tử trong kinh Hoa Nghiêm”: Các kinh khác đều tôn Văn Thù làm đầu vì coi trọng trí huệ; riêng kinh này (kinh Hoa Nghiêm) tôn ngài Phổ Hiền làm đầu, vì đề cao hạnh pháp giới).

(Sao) Định tâm, chuyên tâm giả, Vĩnh Minh vị cửu phẩm thượng hạ, bất xuất nhị tâm: Nhất giả, định tâm, như tu Định tập Quán, thượng phẩm thượng sanh. Nhị giả, chuyên tâm, như dẫn niệm danh hiệu, đắc thành mật phẩm. Kim vị: Ký vân “dẫn niệm”, “dẫn” chỉ nhất tự, chánh duy đắc Sự, vị đắc Lý cố.

(鈔) 定心專心者，永明謂九品上下，不出二心：一者，定心，如修定習觀，上品上生。二者，專心，如但念名號，得成末品。今謂：既云但念，但之一字，正唯得事，未得理故。

(Sao: “Định tâm và chuyên tâm”: Ngài Vĩnh Minh nói chín phẩm cao hay thấp, chẳng ngoài hai tâm: Một là định tâm, như người tu tập Thiền Định hay quán tưởng, bèn thuộc về thượng phẩm thượng sanh; hai là chuyên tâm, như người chỉ niệm danh hiệu, đạt được phẩm vị vắng sanh cuối cùng.

Nay tôi nói: Chữ “chỉ” trong câu “chỉ niệm” có nghĩa là [hành nhân] chỉ đắc Sự nhất tâm, chẳng đắc Lý nhất tâm).

(Sớ) Cổ tri, cổ vân: “Ngu nhân cầu Tịnh nghiệp giả, phi duy bất chỉ Lý chỉ nhất tâm, diệc phục bất chỉ Sự nhất tâm cố”.

(Sao) Cổ đức vị: “Hữu tham Thiền bất linh, cự biến tiền nhân, triều mộ khắp số châu, cầu Tịnh nghiệp”. Hựu vân: “Niệm kỷ thanh Phật, dục miễn Diêm lão tử thủ trung thiết bổng, nãi ngu nhân sở vi”. Chấp thử ngữ giả, toại sanh nghi báng, bất tri thủ vị tham Thiền chí bất quy nhất, triếp tự cải đồ giả thuyết, phi hà Tịnh nghiệp cố. Dẫn ngôn: “Ngu nhân triều mộ khắp số châu cầu Tịnh nghiệp”, bất ngôn: “Ngu nhân triều mộ nhất tâm bất loạn cầu Tịnh nghiệp” dã. Quán Kinh vân: “Đản văn Phật cập nhị Bồ Tát danh, năng diệt vô lượng sanh tử chi tội”, hà huống ức niệm! Ưc niệm giả, thả chỉ Sự nhất tâm dã; tắc tri Sự nhất, dĩ phi ngu nhân, hà huống Lý nhất!

(疏)故知，古云：愚人求淨業者，非唯不指理之一心，亦復不指事一心故。

(鈔)古德謂：有參禪不靈，遽變前因，朝暮掐數珠，求淨業。又云：念幾聲佛，欲免閻老子手中鐵棒，乃愚人所為。執此語者，遂生疑謗，不知此為參禪志不歸一，輒自改途者說，非呵淨業故。但言：愚人朝暮掐數珠求淨業，不言：愚人朝暮一心不亂求淨業也。觀經云：但聞佛及二菩薩名，能滅無量生死之罪，何況憶念！憶念者，且指事一心也；則知事一，已非愚人，何況理一！

(Sớ) Vì vậy biết: Cổ nhân nói “người ngu cầu Tịnh nghiệp”, không chỉ là chẳng nói tới Lý nhất tâm, mà cũng chẳng nói tới Sự nhất tâm.

Sao: Cổ đức nói: “Có người tham Thiền chẳng hiệu nghiệm, liền thay đổi cái nhân [tu tập] trước đó, sáng chiều lần tràng hạt, cầu Tịnh nghiệp”. Lại nói: “Niệm Phật mấy tiếng, muốn thoát khỏi gậy sắt trong tay cụ già Diêm La chính là việc làm của kẻ ngu”. Kẻ chấp vào lời ấy, bèn sanh lòng hoài nghi, phỉ báng, chẳng biết lời ấy dành để nói với kẻ tham Thiền do tâm chí không quy nhất, liền vội vã thay đổi đường lối, chẳng phải là quả trách Tịnh nghiệp vậy. Chỉ nói “kẻ ngu sáng tối lần tràng hạt cầu Tịnh nghiệp”, chẳng nói “kẻ ngu sáng tối nhất tâm bất loạn cầu Tịnh nghiệp”. Quán Kinh nói: “Chỉ nghe danh hiệu của Phật và hai vị Bồ Tát có thể diệt tội trong vô lượng sanh tử”, huống chi ức niệm! Hơn nữa, ức niệm là nói đến Sự nhất tâm. Cho nên biết [người

đắc] Sự nhất tâm đã chẳng phải là kẻ ngu, hướng hồ [người đắc] Lý nhất tâm!)

(Sớ) *Cố tri tu Tịnh nghiệp nhân, phục nghiệp dư hạnh, phi duy bất tri Lý nhất, thượng vị năng tri Sự nhất tâm cố.*

(Sao) *Niệm niệm niệm Phật, cánh vô tạp niệm, thị danh nhất tâm. Nhất tâm niệm Phật, hựu nhất tâm tu dư chủng chủng pháp môn, thị nhị tâm dã. Phù vô tạp niệm giả, chỉ đắc Sự chi nhất tâm, kim thả vị năng, hà hướng Lý nhất. Cố niệm Phật giả, thủ chí bất nhị, vật nhân tam-muội nan thành, nhi triếp cải tu dư hạnh. Tiên nho hữu ngôn: “Bất khả dĩ nhân chi nan thực, nhi cam vì tha đạo chi hữu thành”. Thử chi vị dã.*

(Diễn) *Bất khả dĩ nhân chi nan thực giả, Mạnh Tử vân: “Ngũ cốc giả, chủng chi mỹ giả dã. Cầu vi bất thực, bất như đề bại. Phù nhân diệc tại hồ thực chi nhi dĩ hĩ”.*

(疏) *故知修淨業人，復業餘行，非唯不知理一，尚未能持事一心故。*

(鈔) *念念念佛，更無雜念，是名一心。一心念佛，又一心修餘種種法門，是二心也。夫無雜念者，止得事之一心，今且未能，何況理一。故念佛者，守志不二，勿因三昧難成，而輒改修餘行。先儒有言：不可以仁之難熟，而甘為他道之有成。此之謂也。*

(演) *不可以仁之難熟者，孟子云：五穀者，種之美者也。苟為不熟，不如稊稗。夫仁亦在乎熟之而已矣。*

(Sớ) *Do vậy biết: Kẻ tu Tịnh nghiệp mà còn tu học các hạnh khác, không chỉ là chẳng biết gì về Lý nhất tâm, mà còn là chưa thể hành trì Sự nhất tâm.*

Sao: *Niệm nào cũng đều niệm Phật, trọn chẳng có tạp niệm, thì gọi là “nhất tâm”. Đã nhất tâm niệm Phật, lại còn nhất tâm tu các thứ pháp môn khác, đó là nhị tâm. Phàm là chẳng có tạp niệm thì chỉ đắc Sự nhất tâm, nay còn chưa thể đắc [Sự nhất tâm], hướng hồ Lý nhất tâm. Vì thế, người niệm Phật hãy giữ chí hướng chẳng hai, đừng vì tam-muội khó thành liền đổi ngay sang tu các hạnh khác. Bậc tiên nho có nói: “Chớ nên vì lòng nhân khó thể thành tựu mà đành lòng hành theo đạo khác để có thành tựu” chính là nói về điều này vậy.*

Diễn: “Chớ nên vì lòng nhân khó thể thành tựu”: Mạnh Tử nói: “Ngũ cốc thuộc giống tốt mà nếu chưa chín thì chẳng bằng hạt các loài cỏ, hạt kê. Cũng vậy lòng nhân phải được tu dưỡng thành tựu thì mới nên”).

(Sớ) *Hựu thử tứ tự, nhược ly hợp thích chi, tắc tương tức, cố danh nhất tâm. Tương phi, cố danh bất loạn.*

(Diễn) *Hựu thử tứ tự, nhược ly hợp thích chi giả, tương phi tức thị ly, tương tức tức thị hợp. Tương phi cố danh bất loạn, thị dĩ ly thích chi. Tương tức cố danh nhất tâm, thị dĩ hợp thích chi. Nhất tâm tự nhất tâm, bất loạn tự bất loạn. Cố bất phương ly thích, nhất tâm tức bất loạn, bất loạn tức nhất tâm, cố bất phương hợp thích.*

(疏) 又此四字，若離合釋之，則相即，故名一心。相非，故名不亂。

(演) 又此四字，若離合釋之者，相非即是離，相即即是合。相非故名不亂，是以離釋之。相即故名一心，是以合釋之。一心自一心，不亂自不亂。故不妨離釋，一心即不亂，不亂即一心，故不妨合釋。

(Sớ:) *Lại nữa, đối với bốn chữ này, nếu dùng cách tách ra hoặc gộp lại để giải thích thì do chúng chính là lẫn nhau, bèn nói là “nhất tâm”; do chẳng phải là lẫn nhau, bèn gọi là “bất loạn”.*

Diễn: “Lại nữa, đối với bốn chữ ấy, nếu dùng cách tách ra hoặc gộp lại để giải thích”: “Chẳng phải là lẫn nhau” chính là tách ra, “chính là lẫn nhau” chính là gộp lại. Do chẳng phải là lẫn nhau, nên nói là bất loạn; đó là dùng cách tách ra để giải thích. Do chính là lẫn nhau, nên là nhất tâm, đó là giải thích bằng cách hợp lại. Nhất tâm tự nó là nhất tâm, bất loạn tự nó bất loạn. Vì thế chẳng ngại tách ra để giải thích. Nhất tâm chính là bất loạn, bất loạn chính là nhất tâm, cho nên chẳng ngại gộp lại để giải thích).

(Sao) *Tương tức giả, tức Không, tức Giả, tức Trung, tắc như tiền sở minh. Thử năng niệm, sở niệm, tức hữu nhi vô, tức vô nhi hữu, nhị biên phủ đắc, trung diệc bất tồn. Tam Đức hồn nhiên, bất khả phân biệt, thị danh nhất tâm.*

(Diễn) *Tương Tức hạ thập nhất cú, thích Tương Tức, danh nhất tâm. Tức hữu nhi vô giả, duyên khởi tức Tánh Không cố. Tức vô nhi*

hữu giả, Tánh Không tức duyên khởi cố. Nhị biên phủ đắc nhị cú, hồ đoạt lưỡng vong, duyên khởi, Tánh Không ký câu bất khả đắc, tức phi duyên khởi Tánh Không chi Trung Đạo diệt bất tồn cố. Tam Đức hồn nhiên, bất khả phân biệt giả, Hữu tức vạn pháp tề chương, thuộc Giải Thoát Đức. Vô tức nhất trần bất lập, thuộc Bát Nhã Đức. Trung tức Không Hữu nan tư, thuộc Pháp Thân Đức. Tức hữu nhị vô, Giải Thoát tức Bát Nhã. Tức vô nhị hữu, Bát Nhã tức Giải Thoát. Nhị biên phủ đắc, Bát Nhã, Giải Thoát tức Pháp Thân. Trung diệt bất tồn, Pháp Thân tức Bát Nhã, Giải Thoát. Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất; như thiên vương tam mục, Y tự tam điểm, tam đức hồn nhiên, cố danh nhất tâm.

(鈔)相即者，即空即假即中，則如前所明。此能念所念，即有而無，即無而有，二邊叵得，中亦不存。三德渾然，不可分別，是名一心。

(演)相即下十一句，釋相即，名一心。即有而無者，緣起即性空故。即無而有者，性空即緣起故。二邊叵得二句，互奪兩亡，緣起，性空既俱不可得，則非緣起性空之中道亦不存故。三德渾然，不可分別者，有即萬法齊彰，屬解脫德。無即一塵不立，屬般若德。中即空有難思，屬法身德。即有而無，解脫即般若。即無而有，般若即解脫。二邊叵得，般若解脫即法身。中亦不存，法身即般若解脫。舉一即三，言三即一；如天王三目，伊字三點，三德渾然，故名一心。

(Sao: “Chính là lẫn nhau” là tức Không, tức Giả, tức Trung. Như đã nói trong phần trước, năng niệm (người niệm, hoặc tâm niệm) và sở niệm (đối tượng được niệm) chính là hữu mà vô, tuy vô mà hữu, hai bên đều chẳng đạt được thì cái chính giữa cũng chẳng tồn tại. Tam Đức hòa quện trọn vẹn với nhau, chẳng thể phân biệt, nên gọi là “nhất tâm”.

Diễn: Mười một câu từ chữ Tương Tức trở đi nhằm giải thích: “Chính là lẫn nhau thì được gọi là nhất tâm”. “Chính là hữu mà vô”: Duyên khởi chính là Tánh Không. “Tuy vô mà hữu”: Tánh Không chính là duyên khởi. Hai câu “hai bên đều chẳng thể được” [ý nói]: Do chúng đoạt lẫn nhau, hai bên (Vô và Hữu) cùng mất, duyên khởi lẫn Tánh Không đã đều là chẳng thể được, thì Trung Đạo vốn chẳng phải là

duyên khởi lẫn Tánh Không cũng chẳng tồn tại.

“Tam Đức hòa quyện trọn vẹn với nhau”, chẳng thể phân biệt. “Hữu” chính là muôn pháp cùng hiện bày, thuộc về Giải Thoát Đức. “Vô” chính là chẳng lập mảy trần, thuộc về Bát Nhã Đức. “Trung” chính là Không lẫn Hữu khó nghĩ tưởng, thuộc về Pháp Thân Đức. “Chính là Hữu mà Vô”: Giải Thoát chính là Bát Nhã. “Chính là Vô mà Hữu”: Bát Nhã tức là Giải Thoát. “Hai bên đều chẳng thể được”: Bát Nhã và Giải Thoát chính là Pháp Thân. “Cái chính giữa cũng chẳng tồn tại”: Pháp Thân tức Bát Nhã và Giải Thoát. Nêu ra một bên chính là ba; nói ba chính là một, như ba con mắt của thiên vương, ba chấm của chữ Y, Tam Đức hòa quyện vào nhau, nên gọi là “nhất tâm”).

(Sao) Tương phi giả, Giả phi thị Không, Không phi thị Giả, Trung phi Giả Không, tắc năng niệm, sở niệm song vong, thành Bát Nhã Đức. Năng niệm, sở niệm song lập, thành Giải Thoát Đức. Câu tồn, câu mất, hiển hồ Trung Đạo, thành Pháp Thân Đức. Tam Đức lịch nhiên, bất khả hỗn tạp, thị danh bất loạn.

(Diễn) Tương phi hạ thập tứ cú, thích tương phi, cố danh bất loạn. Giả phi thị Không, duyên khởi phi Tánh Không. Không phi thị Giả, Tánh Không phi duyên khởi. Trung phi Giả, Không, Trung Đạo phi duyên khởi, Tánh Không. Không phi thị Giả, tắc Năng Sở song vong, thành Bát Nhã Đức. Giả phi thị Không, tắc Năng Sở song lập, thành Giải Thoát Đức. Trung phi Giả, Không, tắc song chiếu, song giá, thành Pháp Thân Đức. Bát Nhã phi Pháp Thân, Giải Thoát. Giải Thoát phi Bát Nhã, Pháp Thân. Pháp Thân phi Giải Thoát, Bát Nhã. Tam đức lịch nhiên, cố danh bất loạn. Hựu hốn nhiên tức lịch nhiên, lịch nhiên tức hốn nhiên, nhất tâm tức bất loạn, bất loạn tức nhất tâm đã.

(鈔)相非者，假非是空，空非是假，中非假空，則能念所念雙亡，成般若德。能念所念雙立，成解脫德。俱存俱泯，顯乎中道，成法身德。三德歷然，不可混雜，是名不亂。

(演)相非下十四句，釋相非，故名不亂。假非是空，緣起非性空。空非是假，性空非緣起。中非假空，中道非緣起，性空。空非是假，則能所雙亡，成般若德。假非是空，則能所雙立，成解脫德。中非假空，則雙照雙遮，成

法身德。般若非法身解脫。解脫非般若法身。法身非解脫般若。三德歷然，故名不亂。又渾然即歷然，歷然即渾然，一心即不亂，不亂即一心也。

(Sao: “Chẳng phải là lẫn nhau”: Giả chẳng phải là Không, Không chẳng phải là Giả, Trung chẳng phải là Giả và Không. Tức là năng niệm và sở niệm cùng mất, nên thành Bát Nhã Đức. Năng niệm và sở niệm cùng lập, thành Giải Thoát Đức. Cùng tồn tại, cùng mất đi, hiển lộ Trung Đạo. Tam Đức rành rành, chẳng thể hỗn tạp, cho nên gọi là bất loạn.

Diễn: Mười bốn câu từ “chẳng phải lẫn nhau” nhằm giải thích ý do “chẳng phải lẫn nhau” cho nên bất loạn. Giả chẳng phải là Không, duyên khởi chẳng phải là Tánh Không. Không chẳng phải là Giả, Tánh Không chẳng phải là duyên khởi. Trung chẳng phải là Giả và Không, Trung Đạo chẳng phải là duyên khởi hay Tánh Không. Không chẳng phải là Giả, tức Năng và Sở cùng mất, thành Bát Nhã Đức. Giả chẳng phải là Không, tức Năng và Sở cùng lập, thành Giải Thoát Đức. Trung chẳng phải là Giả và Không, tức là cùng chiếu, cùng ngăn dứt đôi bên, thành Pháp Thân Đức. Bát Nhã chẳng phải là Pháp Thân và Giải Thoát; Giải Thoát chẳng phải là Bát Nhã và Pháp Thân, Pháp Thân chẳng phải là Giải Thoát và Bát Nhã. Tam Đức rành rành, cho nên gọi là “bất loạn”. Lại nữa, hòa quyện tức là rành rành, rành rành tức là hòa quyện, nhất tâm chính là bất loạn, bất loạn chính là nhất tâm).

(Sớ) **Hựu thử nhất tâm bất loạn, diệt phân ngũ giáo, kim bất tự giả, dĩ chánh chỉ đồn viên cố.**

(Sao) **Diệt phân ngũ giáo giả, dĩ liên phân cửu phẩm, tắc tiểu, đại, thiện, thâm, tự hữu sai đẳng. Như Tiểu Giáo dĩ điều tâm tạo nghiệp, nhi cảm tiền cảnh vi nhất tâm. Thử Giáo dĩ A Lại Da Thức sở biến vi nhất tâm. Chung Giáo dĩ thức cảnh như mộng, duy Như Lai Tạng vi nhất tâm. Đốn Giáo dĩ nhiễm tịnh câu mẫn vi nhất tâm. Viên Giáo dĩ tổng cai vạn hữu tức thị nhất tâm. Nhi Phật thuyết thử kinh, bản vị hạ phạm chúng sanh; dẫn niệm Phật danh, kính dâng Bát Thoái, trực chí thành Phật, chánh thuộc viên đốn. Hựu Nhị Thừa chủng bất sanh, cố lược tiền tam, bất phục phân ngũ, Thiên Thai tứ giáo lệ thử.**

(Diễn) Như Tiểu Giáo hạ, chánh minh ngũ giáo nhất tâm. Tiểu Giáo dĩ do tâm tạo nghiệp đẳng giả, Tiểu Giáo bất tri bất thức, do lược

thức tạo thiện ác nghiệp, cảm tam giới lục đạo khổ lạc đẳng cảnh, cố viết: “Nhất tâm”. Thử giả danh nhất tâm, phi chân nhất tâm dã. Dĩ bất đạt duy tâm chi Lý, tâm ngoại thật hữu tiền cảnh cố. Thử Giáo dĩ Lại Da sở biến vi nhất tâm giả, Thử Giáo tri hữu bất thức, dẫn bất tức Chân Như. Dĩ Chân Như ngưng nhiên bất biến, bất tùy duyên cố, nãi sanh diệt bất thức, hàm lậu vô lậu chủng sở biến hiện dã. Như vân: “Vô thử thời lai giới, nhất thiết pháp đẳng y, do dĩ hữu chư thú, cập Niết Bàn chứng đắc” đẳng. Thử dĩ sanh diệt bất thức vi nhất tâm. Chung Giáo dĩ Như Lai Tạng vi nhất tâm giả, Chung Giáo đạt bất thức, tức Chân Như tùy duyên, vi A Lại Da Thức. Thức như mộng, huyễn, duy nhất Chân Như. Thử dĩ Như Lai Tạng vi nhất tâm. Đôn Giáo dĩ nhiệm tịnh câu mãn vi nhất tâm giả, Nhiệm tức lục thức, cập sanh diệt bất thức đẳng. Tịnh tức Như Lai Tạng. Dĩ Chung Giáo quy Như Lai Tạng, tuy vân chí tịnh, dĩ kiến hữu Như Lai Tạng tại, do vị ly niệm cố. Thử tắc ngũ pháp tam tự tánh giai Không, bất thức, nhị vô ngã câu khiển, nhất niệm bất sanh, phương vi nhất tâm. Viên Giáo tông cai vạn hữu vi nhất tâm giả, tiền tứ giáo tắc tiền thiện hậu thâm, hồ bất tương nhiếp. Kim Viên Giáo tắc châu biến hàm dung, trùng trùng vô tận. Tùy cử nhất trần, toàn chương pháp giới, tông cai vạn hữu vi nhất tâm dã. Thiên Thai tứ giáo lệ thử giả, Tiểu tức Tạng Giáo, Thử tức Thông Giáo, Chung tức Biệt Giáo, Viên tức Viên Giáo, Đôn tức Thiên Thai chi ly ngôn tứ giáo.

(疏)又此一心不亂，亦分五教，今不敘者，以正指頓圓故。

(鈔)亦分五教者，以蓮分九品，則小大淺深，自有差等。如小教以繇心造業，而感前境為一心。始教以阿賴耶識所變為一心。終教以識境如夢，唯如來藏為一心。頓教以染淨俱泯為一心。圓教以總該萬有即是一心。而佛說此經，本為下凡眾生；但念佛名，徑登不退，直至成佛，正屬圓頓。又二乘種不生，故略前三，不復分五，天台四教例此。

(演)如小教下，正明五教一心。小教以由心造業等者，小教不知八識，由六識造善惡業，感三界六道苦樂等境，故曰：一心。此假名一心，非真一心也。以不達唯心

之理，心外實有前境故。始教以賴耶所變為一心者，始教知有八識，但不即真如。以真如凝然不變，不隨緣故，乃生滅八識，含漏無漏種所變現也。如云：無始時來界，一切法等依，由以有諸趣，及涅槃證得等。此以生滅八識為一心。終教以如來藏為一心者，終教達八識，即真如隨緣，為阿賴耶識。識如夢幻，唯一真如。此以如來藏為一心。頓教以染淨俱泯為一心者，染即六識，及生滅八識等。淨即如來藏。以終教歸如來藏，雖云至淨，以見有如來藏在，猶未離念故。此則五法三自性皆空，八識二無我俱遣，一念不生，方為一心。圓教總該萬有為一心者，前四教則前淺後深，互不相攝。今圓教則周遍含容，重重無盡。隨舉一塵，全彰法界，總該萬有為一心也。天台四教例此者，小即藏教，始即通教，終即別教，圓即圓教，頓即天台之離言四教。

(Sớ: Lại nữa, nhất tâm bất loạn cũng chia thành năm giáo, nay tôi chẳng trình bày, vì nhất tâm bất loạn được nói trong kinh này chính là pháp đốn viên.

Sao: “Cũng chia thành năm giáo”, vì chia thành chín phẩm sen; cho nên phải có nhỏ, lớn, cạn, sâu sai khác. Như Tiểu Giáo coi “do tâm tạo nghiệp mà cảm tiền cảnh” là nhất tâm. Thử Giáo coi cái được biến bởi A Lại Da Thức là nhất tâm. Chung Giáo coi “thức cảnh như mộng, chỉ có Như Lai Tạng” là nhất tâm. Đốn Giáo coi “nhiễm và tịnh cùng mất là nhất tâm”. Viên Giáo coi “bao trùm vạn hữu” chính là nhất tâm. Nhưng đức Phật nói kinh này, vốn vì chúng sanh phàm phu hạ căn, chỉ niệm danh hiệu Phật bèn nhanh chóng đạt tới địa vị Bất Thoái, tiến thẳng đến địa vị Phật, thật sự thuộc về pháp viên đốn. Lại do chúng tánh Nhị Thừa chẳng sanh về Cực Lạc, cho nên lược bớt ba giáo trước, lại chẳng chia thành năm. Tứ giáo của tông Thiên Thai phỏng theo lệ này.

Diễn: Từ câu “như Tiểu Giáo” trở đi, nói rõ về nhất tâm trong ngũ giáo. “Tiểu Giáo lấy do tâm tạo nghiệp”: Tiểu Giáo chẳng biết tám thức, do sáu thức tạo nghiệp thiện hay ác, cảm vờn những cảnh khổ hay vui trong tam giới lục đạo. Vì thế nói là “nhất tâm”. Đây là giả danh nhất tâm, chẳng phải là nhất tâm thật sự, vì chẳng thấu đạt lý duy tâm, [chấp] ngoài tâm thật sự có tiền cảnh.

“Thỉ Giáo coi A Lại Da Thức biến hiện là nhất tâm”: Thỉ Giáo biết có tám thức, nhưng chẳng [biết thức thứ tám] chính là Chân Như. Do Chân Như ngưng lặng, bất biến, chẳng tùy duyên, cho nên thức thứ tám sanh diệt, chứa đựng các chủng tử hữu lậu và vô lậu biến hiện. Như nói: “Giới có từ vô thỉ, hết thấy pháp nương nhờ, do vậy có các đường, và chứng đắc Niết Bàn” v.v... Đây chính là coi thức thứ tám sanh diệt là nhất tâm.

“Chung Giáo coi Như Lai Tạng là nhất tâm”: Chung Giáo thấu đạt thức thứ tám chính là Chân Như tùy duyên, là A Lại Da Thức. Thức như mộng, huyễn, duy nhất Chân Như. Đây là coi Như Lai Tạng là nhất tâm.

“Đốn Giáo coi nhiễm và tịnh đều mất là nhất tâm”: Nhiễm chính là thức thứ sáu và thức thứ tám sanh diệt v.v... Tịnh chính là Như Lai Tạng. Do Chung Giáo quy vào Như Lai Tạng, tuy nói là “thanh tịnh tột bậc”, nhưng vì thấy có Như Lai Tạng tồn tại, vẫn chưa ly niệm. Đây chính là “năm pháp, ba tự tánh đều là Không. Tám thức, hai vô ngã đều mất sạch. Một niệm chẳng sanh thì mới là nhất tâm”.

“Viên Giáo nhiếp trọn vạn hữu làm nhất tâm”: Bốn giáo trước đều là trước cạn, sau sâu, nhưng chẳng dung nhiếp lẫn nhau. Nay Viên Giáo chứa đựng, dung thông trọn khắp, trùng trùng vô tận. Tùy tiện nêu ra một mây trần, sẽ tỏ lộ toàn vẹn pháp giới, nhiếp trọn vạn hữu làm nhất tâm.

“Tứ giáo của Thiên Thai phỏng theo lệ này”: Tiểu chính là Tạng Giáo, Thỉ tức Thông Giáo, Chung tức Biệt Giáo, Viên tức Viên Giáo, Đốn chính là tứ giáo lia ngôn thuyết của tông Thiên Thai).

(Sớ) Hựu thử Sự Lý nhị trì, Khởi Tín trung cụ hữu thử ý.

(Diễn) Cụ hữu thử ý giả, vị tuy vô Sự Lý chỉ văn, nhi ý tắc cụ túc dã.

(疏)又此事理二持，起信中具有此意。

(演)具有此意者，謂雖無事理之文，而意則具足也。

(Sớ) Lại nữa, đối với hai loại Sự trì và Lý trì được nói trong kinh này, trong Khởi Tín Luận đều có ý nghĩa này.

Diễn: “Đều có ý nghĩa này”: Tuy [Khởi Tín Luận] không nói về Sự và Lý, nhưng xét theo ý nghĩa thì có).

(Sao) Luận vân: “Chuyên niệm A Di Đà Phật, tức đắc vãng

sanh” giả, thử song hàm Sự Lý nhị ngôn dã. Thử vân: “Nhược niệm bỉ Phật Chân Như Pháp Thân”, hựu vân: “Tuy niệm diệt vô năng niệm khả niệm”, giai chỉ Lý nhất tâm dã.

(Diễn) Chuyên niệm A Di Đà Phật tức đắc vãng sanh giả, Luận văn vân: “Nur Tu Đa La thuyết, nhược nhân chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, sở tu thiện căn hồi hướng, nguyện cầu sanh bỉ thế giới, tức đắc vãng sanh, thường kiến Phật cố, chung vô hữu thoái”. Nhược niệm Chân Như Pháp Thân giả, Luận văn vân: “Nhược quán bỉ Phật Chân Như Pháp Thân, thường cần tu tập, tất cánh đắc sanh, trụ Chánh Định cố”. Tuy niệm diệt vô năng niệm khả niệm giả, Luận văn vân: “Nhược tri nhất thiết pháp, tuy thuyết vô hữu năng thuyết khả thuyết, tuy niệm diệt vô năng niệm khả niệm, thị danh tùy thuận. Nhược ly u niệm, danh vi đắc nhập”.

(鈔)論云：專念阿彌陀佛，即得往生者，此雙含事理而言也。次云：若念彼佛真如法身，又云：雖念亦無能念可念，皆指理一心也。

(演)專念阿彌陀佛即得往生者，論文云：如修多羅說，若人專念西方極樂世界阿彌陀佛，所修善根迴向，願求生彼世界，即得往生，常見佛故，終無有退。若念真如法身者，論文云：若觀彼佛真如法身，常勤修習，畢竟得生，住正定故。雖念亦無能念可念者，論文云：若知一切法，雖說無有能說可說，雖念亦無能念可念，是名隨順。若離於念，名為得入。

(Sao: Luận nói: “Chuyên niệm A Di Đà Phật liền được vãng sanh”, đây chính là nói bao hàm cả Sự lẫn Lý. Kế đó nói: “Nếu niệm Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy”, lại nói: “Tuy niệm mà cũng chẳng có năng niệm (chủ thể niệm) để có thể niệm”, [những câu ấy] đều là nói về Lý nhất tâm.

Diễn: “Chuyên niệm A Di Đà Phật liền được vãng sanh”: Luận ghi: “Nur Khế Kinh đã nói, nếu ai chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, hồi hướng các thiện căn đã tu, nguyện cầu sanh về thế giới ấy, liền được vãng sanh. Do thường thấy Phật, trọn chẳng bị thoái chuyển”. “Nếu niệm Chân Như Pháp Thân”: Luận ghi: “Nếu quán Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy, thường siêng tu tập, sẽ rốt ráo được vãng sanh, trụ trong Chánh Định”. “Tuy niệm mà cũng chẳng

có năng niệm để có thể niệm”: Luận viết: “Nếu biết hết thấy các pháp tuy được nói ra, nhưng không có người nói để có thể nói, tuy niệm mà cũng chẳng có người niệm để có thể niệm, thì gọi là tùy thuận. Nếu lý niệm thì gọi là được nhập”).

(Sớ) *Hựu thử Sự Lý nhị trì, tức Hiển Mật nhị ý.*

(Diễn) *Hiển Mật nhị nghĩa giả, ngôn giáo trực thuyên chân tánh, khai ngộ chúng sanh, phổ nguyện nhân nhân giải liễu, vô hữu ẩn phủ, viết Hiển. Chú ngữ như vương mật chiếu, duy Phật năng tri, chư đại Bồ Tát bất năng hiểu liễu, dẫn hứa tinh trì, bất thông giải lộ, viết Mật.*

(Sao) *Tứ tự danh hiệu, toàn giai Phạn ngữ, dẫn niệm bất vong, dữ trì chú đồng, thị danh viết Mật. Thả niệm, thả tham, quán tâm, cứu lý, thị danh viết Hiển. Vi môn thiếu dị, quy nguyên tắc đồng. Hiển Mật viên thông, Sự Lý vô ngại.*

(疏) *又此事理二持，即顯密二意。*

(演) *顯密二義者，言教直詮真性，開悟眾生，普願人人解了，無有隱覆，曰顯。咒語如王密詔，唯佛能知，諸大菩薩不能曉了，但許精持，不通解路，曰密。*

(鈔) *四字名號，全皆梵語，但念不忘，與持咒同，是名曰密。且念且參，觀心究理，是名曰顯。為門少異，歸元則同。顯密圓通，事理無礙。*

(Sớ) *Lại nữa, Sự trì và Lý trì chính là hai ý nghĩa Hiển và Mật.*

(Diễn) *“Hai ý nghĩa Hiển và Mật”: Ngôn giáo trực tiếp giảng giải chân tánh, khai ngộ chúng sanh, nguyện cho khắp mọi người đều hiểu, chẳng có gì ẩn giấu thì gọi là Hiển. Chú ngữ như mật chiếu của vua, chỉ có Phật mới có thể biết, các vị đại Bồ Tát chẳng thể hiểu rõ, chỉ nên trì tụng chuyên ròng, [chú ngữ] chẳng cần phải hiểu. Đó gọi là Mật.*

(Sao) *Bốn chữ danh hiệu toàn là tiếng Phạn, chỉ niệm chẳng quên, sẽ giống như trì chú, nên gọi là Mật. Vừa niệm, vừa tham, quán tâm, tham cứu Lý, thì gọi là Hiển. Về phương diện thực hiện thì sai khác đôi chút, trở về nguồn thì giống nhau. Hiển Mật viên thông, Sự Lý vô ngại).*

(Sớ) *Hựu thử Sự Lý nhị trì, tuy thượng tướng phân thắng liệt, hữu chuyên Sự giả, hữu chuyên Lý giả, cơ diệu hõ thông, bất tất nghi trở.*

(Sao) Thử khứng cần năng Sự niệm giả, tự nghi Lý tánh bất minh, sở vì vô ích, cố ngôn: “Sự đắc thông Lý”, dĩ quyết kỳ nghi. Đại Thế Chí Viên Thông Chương vân: “Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai”. Không Cốc vân: “Bất tham niệm Phật thị thù, trực nhĩ thuận nhất niệm khứ, diệt hữu ngộ nhật”, thị dã.

(Diễn) Tự nghi lý tánh bất minh, sở vì vô ích giả, thử chuyên Sự giả, nghi bất minh Lý, nhi trở kỳ sự dã. Đại Thế Chí hạ, chánh dẫn Sự đắc Lý thông, dĩ quyết nghi dã. Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai giả, phương tiện tức quán tâm cứu Lý đẳng. Kim vị: “Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật”, bất giả quán tâm cứu Lý chỉ phương tiện, thử đắc tâm khai, trực hạ niệm khứ, niệm chỉ niệm cực, tâm không, tự đắc khai ngộ dã.

(疏)又此事理二持，雖上詳分勝劣，有專事者，有專理者，機亦互通，不必疑阻。

(鈔)此恐僅能事念者，自疑理性不明，所為無益，故言：事得通理，以決其疑。大勢至圓通章云：不假方便，自得心開。空谷云：不參念佛是誰，直爾純一念去，亦有悟日，是也。

(演)自疑理性不明，所為無益者，此專事者，疑不明理，而阻其事也。大勢至下，正引事得通理，以決疑也。不假方便，自得心開者，方便即觀心究理等。今謂：若眾生心，憶佛念佛，現前當來，必定見佛，不假觀心究理之方便，始得心開，直下念去，念至念極心空，自得開悟也。

(Sớ: Lại nữa, đối với Sự trì và Lý trì ở đây, tuy trong phần trên đã phân tích tường tận sự hơn kém, có người chuyên Sự trì, có kẻ chuyên Lý trì, nhưng căn cơ dung thông lẫn nhau, chớ nên trở ngại, ngại vực lẫn nhau.

Sao: Đây là sợ kẻ chỉ có thể hành Sự niệm, tự ngờ vực chính mình do chẳng thông hiểu Lý tánh, làm chuyện vô ích, cho nên nói: “Hễ đã đạt được Sự, bèn thông hiểu Lý” để giải quyết nỗi nghi ấy. Đại Thế Chí Viên Thông Chương có nói: “Chẳng cậy vào phương tiện, mà tự được tâm khai”. Ngài Không Cốc nói: “Chẳng tham cứu người niệm Phật là ai! Cứ thẳng thừng thuận nhất niệm miết, cũng sẽ có ngày khai ngộ” là

nói về ý này.

Diễn: “Tự nghi [chính mình] chẳng hiểu rõ Lý tánh, sẽ tu hành vô ích”: Đây là kẻ chuyên tu nơi Sự, nghi do chính mình chẳng hiểu Lý sẽ gây trở ngại cho Sự. Từ “Đại Thế Chí” trở đi là dẫn chứng “do Sự mà Lý được thông” để dứt nghi. “Chẳng nhờ vào phương tiện mà tự được tâm khai”: “Phương tiện” chính là quán tâm thấu suốt Lý. Nay nói nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật, chẳng cạy vào phương tiện quán tâm hòng thấu suốt Lý thì mới được tâm khai, hãy cứ thẳng thừng niệm riết. Niệm đến mức “niệm tột cùng, tâm rỗng rang” sẽ tự được khai ngộ).

(Sao) Hựu khủng duy cần Lý niệm giả, tự nghi xưng Phật danh thiếu, hoặc trí lạc không, cố ngôn: “Lý đặc thông Sự”, dĩ quyết kỳ nghi. Niệm niệm Lý nhất, thị niệm niệm Di Đà dã, kỳ vi xưng danh, bất diệc đại hồ? Thị cố nhiếp tâm, thể tâm, lưỡng chủng niệm Phật, Sự Lý hỗ thông, bốn bất nhị cố.

(Diễn) Tự nghi xưng Phật danh thiếu, hoặc trí lạc không giả, thử chuyên Lý giả, nghi xưng danh thiếu, nhi trở kỳ Lý. Niệm niệm Lý nhất hạ, chánh dĩ Lý thông Sự, nhi quyết nghi dã. Niệm niệm Lý nhất, niệm niệm Di Đà giả, sở vị: “Niệm không chân niệm, xứ xứ Di Đà thuyết pháp, thời thời liên nhụy hóa sanh dã”. Cố viết: Kỳ vi xưng danh, bất diệc đại hồ? Nhiếp tâm, thể tâm tứ cú, nhiếp tâm tức Sự trì, Sự đặc thông Lý, nhiếp tâm tức thể tâm. Thể tâm tức Lý trì, Lý đặc thông Sự, thể tâm tức nhiếp tâm.

(鈔)又恐唯勤理念者，自疑稱佛名少，或致落空，故言：理得通事？以決其疑。念念理一，是念念彌陀也，其為稱名，不亦大乎？是故攝心體心，兩種念佛，事理互通，本不二故。

(演)自疑稱佛名少，或致落空者，此專理者，疑稱名少，而阻其理。念念理一下，正以理通事，而決疑也。念念理一，念念彌陀者，所謂：念空真念，處處彌陀說法，時時蓮蕊化生也。故曰：其為稱名，不亦大乎？攝心，體心四句，攝心即事持，事得通理，攝心即體心。體心即理持，理得通事，體心即攝心。

(Sao) Lại chỉ sợ kẻ chỉ siêng năng Lý niệm, tự nghi do ít xưng

niệm danh hiệu Phật, chắc có lẽ sẽ đến nỗi xôi hỏng bỏng không, nên nói “hề đắc Lý, sẽ thông hiểu Sự” nhằm giải quyết mối nghi ấy. Niệm nào cũng đều là Lý nhất tâm, tức là niệm nào cũng là Di Đà, đấy cũng chẳng phải là xưng danh to tát ư? Vì thế, nhiếp tâm và thấu hiểu cái tâm, hai loại niệm Phật, Sự Lý dung thông, vốn là chẳng hai.

Diễn: “Tự nghi xưng niệm danh hiệu Phật ít ỏi, chắc có lẽ sẽ đến nỗi xôi hỏng bỏng không”: Đấy là kẻ chuyên Lý, nghi chính mình do xưng danh hiệu ít ỏi, sẽ gây trở ngại cho Lý. Từ câu “niệm nào cũng là Lý nhất tâm” trở đi, chính là dùng Lý để thông Sự hòng giải trừ nỗi nghi. “Niệm nào cũng là Lý nhất tâm, niệm nào cũng là Di Đà”: Đó gọi là niệm không thì là chân niệm, chốn chốn Di Đà thuyết pháp, lúc nào cũng là hóa sanh trong búp sen. Cho nên nói: Đấy chẳng phải là xưng danh to lớn ư? Bốn câu “nhiếp tâm và thấu hiểu cái tâm”, ý nói: Nhiếp tâm chính là Sự trì. Hề đạt được Sự, bèn thông suốt Lý, nhiếp tâm chính là thấu hiểu cái tâm. Thấu hiểu cái tâm là Lý trì. Hề đạt được Lý, bèn thông suốt Sự; thấu hiểu cái tâm chính là nhiếp tâm).

(Sớ) Hựu thử Sự Lý nhị trì, hoặc tiệm tấn, hoặc đốn nhập, diệc tùy cơ bất định.

(Diễn) Tùy cơ bất định giả, căn sảo độn nhân, Sự thượng vị năng, hề năng cứu Lý? Thả tiên cần Sự, nhiếp tâm ký Định, nhiên hậu, quán tâm cứu Lý. Bất nhiên, vọng thức phân phi, đồ lao phân biệt, hà ích chi hữu? Nhược căn tánh đại lợi nhân, Bát Nhã duyên thâm, Pháp Thân cơ thực, mặc cần Sự hành, trực cứu duy tâm, trực tiếp căn nguyên, bất lao trích điệp tâm chi cố. Vấn: “Tiền vân chấp Lý nhi mê Sự, tỷ bản sĩ hoạch hào gia chi khoán. Hựu vân ước Lý vô khả niệm, ước Sự tắc vô khả niệm trung, ngô cố niệm chi, dĩ niệm tức vô niệm cố. Kim vân kính tợ Lý trì, bất cần Sự hành, khởi phi đọa tiền sở xích da?” Đáp vân: Tiền chi sở xích, nãi chấp Lý nhi mê Sự, đàm trước ngoan không, bất tín niệm Phật giả. Kim kính tợ Lý trì, thị tức niệm phản quán, bất bất Sự hành giả, cố bất đọa tiền cứu!

(Sao) Tiệm tấn giả, căn sảo độn nhân, tiên cần Sự trì, hậu tiệm cứu Lý. Nhược căn tánh đại lợi, kính tợ Lý trì, cố danh “đốn nhập”, tác dụng tiểu thủ, cập kỳ thành công, nhất dã.

(疏)又此事理二持，或漸進，或頓入，亦隨機不定。

(演)隨機不定者，根稍鈍人，事尚未能，奚能究理？且先勤事，攝心既定，然後，觀心究理。不然，妄識紛

飛，徒勞分別，何益之有？若根性大利人，般若緣深，法身機熟，莫勤事行，直究唯心，直捷根源，不勞摘葉尋枝故。問：前云執理而迷事，比貧士獲豪家之券。又云約理無可念，約事則無可念中，吾固念之，以念即無念故。今云徑就理持，不勤事行，豈非墮前所斥耶？答云：前之所斥，乃執理而迷事，耽著頑空，不信念佛者。今徑就理持，是即念返觀，不撥事行者，故不墮前咎！

(鈔)漸進者，根稍鈍人，先勤事持，後漸究理。若根性大利，徑就理持，故名頓入，作用小殊，及其成功，一也。

(Sớ: Lại nữa, Sự trì và Lý trì, hoặc là tiến từ từ, hoặc tiến nhập ngay lập tức, cũng tùy thuộc căn cơ, chẳng nhất định.

Diễn: “Tùy thuộc căn cơ, chẳng nhất định”: Người căn cơ hơi鈍, đối với Sự còn chưa thể [làm được], hướng là có thể thấu đáo Lý ư? Trước hết, hãy nên siêng năng nơi Sự; nhiếp tâm đã định rồi, sau đó mới quán tâm suy tưởng Lý. Nếu không, vọng thức tới bờ, nhọc công phân biệt, có ích chi đâu?

Nếu là kẻ căn tánh tốt bậc nhạy bén, duyên Bát Nhã sâu xa, cơ duyên Pháp Thân đã chín muồi, chẳng cần siêng năng thực hành nơi Sự, mà hãy thẳng thừng tìm xét duy tâm, thẳng thừng nhanh chóng tìm được cội nguồn, chẳng nhọc công vật lá tìm cành!

Hỏi: Trong phần trước đã nói chấp Lý mê Sự giống như kẻ nghèo có được bằng khoán của người giàu có. Lại nói, xét theo Lý, thì không có gì để có thể niệm; xét theo Sự thì đối với chỗ không có gì để có niệm, ta bèn cố ý niệm, bởi niệm chính là vô niệm. Nay nói hãy nhanh chóng hướng theo Lý trì, chẳng cần phải siêng năng hành nơi mặt Sự, há chẳng phải là lại rơi vào điều đã bài xích trước kia ư? Đáp: Kẻ bị chê trách trước kia chính là kẻ chấp Lý mê Sự, chấp trước cái không trợ trợ, chẳng tin niệm Phật. Nay nhanh chóng hướng theo Lý trì, chính là từ ngay nơi niệm mà quán ngược lại, chẳng bài bác thực hành theo mặt Sự, cho nên chẳng vướng vào lỗi lầm trước đó.

Sao: Tiệm tán (tiến dần dần) là người căn tánh hơi鈍, trước hết bèn siêng năng Sự trì, sau đó dần dần tham cứu Lý. Nếu là căn tánh rất nhạy bén, sẽ nhanh chóng hành theo Lý trì, nên gọi là “đốn nhập”. Tác dụng khác biệt đôi chút, nhưng xét đến sự thành công thì là một).

(Sớ) Hựu nhất tâm bất loạn hạ, hữu bốn gia “chuyên trì danh hiệu” nhị thập nhất tự, kim sở bất dụng, dĩ văn nghĩa bất an cố, nhưng y cổ bản bất gia. Nhi dĩ tức thị thiện phước chi ý, ngôn ngoại bổ nhập, tư vi doãn đáng.

(Diễn) Nhị thập nhất tự giả, “chuyên trì danh hiệu, dĩ xưng danh cố, chúng tội tiêu diệt, tức thị đa thiện căn, phước đức, nhân duyên”.

(Sao) Văn nghĩa bất an giả, thượng văn dĩ hữu chấp trì danh hiệu tứ tự, bất khả cánh trước chuyên trì danh hiệu nhất cú, thượng hạ trùng phục, bất thành văn nghĩa. Cựu truyền thử nhị thập nhất tự, thị Tương Dương thạch khắc, đương tri thị tiền nhân giải kinh chi ngữ. Tương bốn ngoa nhập chánh văn, hôn thư bất biệt nhĩ. Thiện văn nghĩa giả, đương tự kiến đắc.

(疏)又一心不亂下，有本加專持名號二十一字，今所不用，以文義不安故，仍依古本不加。而以即是善福之意，言外補入，斯為允當。

(演)二十一字者，專持名號，以稱名故，眾罪消滅，即是多善根，福德，因緣。

(鈔)文義不安者，上文已有執持名號四字，不可更著專持名號一句，上下重複，不成文義。舊傳此二十一字，是襄陽石刻，當知是前人解經之語。襄本訛入正文，混書不別耳。善文義者，當自見得。

(Sớ: Lại nữa, sau chữ “nhất tâm bất loạn”, có phiên bản thêm vào hai mươi một chữ “chuyên trì danh hiệu...” nay tôi chẳng dùng theo cách ấy, bởi văn và nghĩa chẳng ổn thỏa! Tôi vẫn y theo bản xưa, chẳng thêm vào. Coi [những chữ ấy] chính là những lời [do người đời sau] thêm vào, nhằm bổ sung ý nghĩa cho [câu kinh] “nhiều thiện căn, nhiều phước đức” thì sẽ thích đáng.

Diễn: Hai mươi một chữ là “chuyên trì danh hiệu, dĩ xưng danh cố, chúng tội tiêu diệt, tức thị đa thiện căn, phước đức, nhân duyên” (chuyên trì danh hiệu, do vì xưng danh, các tội tiêu diệt, chính là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên).

Sao: “Văn nghĩa chẳng ổn thỏa”: Trong đoạn kinh văn trước đó, đã có bốn chữ “chấp trì danh hiệu”, không thể lại có câu “chuyên trì danh hiệu”, trên dưới trùng lặp, chẳng thành văn nghĩa! Có lời truyền

tụng từ xưa rằng: “Hai mươi mốt chữ ấy xuất phát từ bản khắc đá tại Tương Dương”. Hãy nên biết: Đó là lời chú giải kinh văn của tiền nhân, bản khắc ở Tương Dương đã đưa nhầm vào chánh văn, viết lẫn lộn chẳng phân biệt. Những người thông thạo văn nghĩa, sẽ tự thấy rõ).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh phi ức, phi vong, thị chấp trì nghĩa. Phi kim, phi tạc, thị thất nhật nghĩa. Phi nhất, phi đa, thị nhất tâm nghĩa. Phi định, phi loạn, thị bất loạn nghĩa.

(Diễn) Tự tánh phi ức phi vong hạ, ức giả đối vong nhi ngôn. Hữu ức, hữu vong, phi chân chấp trì. Trục tu lưỡng đầu triệt khai, trung gian tọa đoạn, nãi chân chấp trì. Kim giả đối tạc nhi ngôn. Hữu tạc, hữu kim, phi chân thất nhật! Trục tu kiếp nhật song tiêu, tảo không tam tế, nãi chân thất nhật. Nhược đối đa danh nhất, nhất tắc di đa, hà danh nhất tâm huýnh siêu số lượng? Trục khế vô vi, thị danh nhất tâm. Nhược đối loạn danh định, định tắc di loạn, hà danh bất loạn? Để liễu tự tâm, đốn siêu động tịch, phương danh bất loạn.

(疏)稱理，則自性非憶非忘，是執持義。非今非昨，是七日義。非一非多，是一心義。非定非亂，是不亂義。

(演)自性非憶非忘下，憶者對忘而言。有憶有忘，非真執持。直須兩頭撇開，中間坐斷，乃真執持。今者對昨而言。有昨有今，非真七日！直須劫日雙消，掃空三際，乃真七日。若對多名一，一則彌多，何名一心迴超數量？直契無為，是名一心。若對亂名定，定則彌亂，何名不亂？諦了自心，頓超動寂，方名不亂。

(Sớ) Xưng Lý thì tự tánh chẳng phải nhớ, chẳng phải quên, chính là ý nghĩa “chấp trì”. “Chẳng phải nay, chẳng phải xưa” chính là ý nghĩa “bảy ngày”. “Chẳng một, chẳng nhiều” là ý nghĩa “nhất tâm”. “Chẳng định, chẳng loạn” chính là ý nghĩa “bất loạn”.

Diễn: Từ câu “tự tánh chẳng phải nhớ, chẳng phải quên” trở đi, [ý nói]: Nhớ là nói đối lập với quên. Có nhớ, có quên thì chẳng phải là chấp trì thật sự; cần phải thẳng thừng cắt đứt hai đầu, diệt sạch trung gian thì mới là chấp trì thật sự. “Nay” là nói đối lập với “xưa”. Có xưa, có nay thì chẳng phải là bảy ngày thật sự. Cần phải là kiếp lần ngày đều mất, quét sạch ba đời, thì mới là bảy ngày thật sự. Nếu đối ứng với nhiều mà gọi là nhất, thì cái nhất ấy sẽ nhiều lắm, sao có thể gọi là “nhất tâm

vượt khỏi số lượng?” Trực tiếp khế nhập vô vi thì gọi là “nhất tâm”. Nếu đối ứng với loạn mà gọi là Định, thì Định sẽ càng rất loạn, sao có thể gọi là “bất loạn” cho được? Hiểu rõ chắc thật tự tâm, nhanh chóng vượt thoát động lẫn tịch, thì mới gọi là bất loạn).

(Sao) **Bổn vô sanh diệt, hà hữu ức vong? Thễ tuyệt khứ lai, thù thành kim tặc? Nhất diệt bất vi nhất, đa thượng hề tồn? Định thả vô định hình, loạn tương an ký? Như tư hội đắc, chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm; chung nhật niệm tâm, chung nhật vô niệm. Tức tâm, tức Phật, phi Phật, phi tâm, thị tắc danh vi chân niệm Phật giả.**

(Diễn) **Vô sanh diệt hạ, sanh tắc hữu ức, diệt tắc hữu vong. Tự tánh bổn vô sanh diệt, hà hữu ức vong? Quá khứ vi tặc, hiện tại vi kim. Tự tánh thễ tuyệt khứ lai, thù thành kim tặc? Tự tánh nhất diệt bất vi nhất, vi đa thượng hề tồn? Tự tánh định thả vô định hình, hữu vật ngưng nhiên cố, tắc loạn tương an ký? Như tư hội đắc, chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm, dĩ tâm ngoại vô Phật, Phật ngoại vô tâm, tức Phật tức tâm, tức tâm tức Phật; tâm Phật vô hữu nhị cố. Chung nhật niệm tâm, chung nhật vô niệm giả, dĩ tức Phật tức tâm, tắc phi Phật; tức tâm tức Phật, tắc phi tâm, hồ đoạt lưỡng vong, năng sở song tiêu cố. Như thị niệm Phật, danh vi “chân niệm Phật”. Niệm Phật chi Lý, khởi triêm triêm Sự hành da?**

(鈔)本無生滅，何有憶忘？體絕去來，誰成今昨？一亦不為一，多尚奚存？定且無定形，亂將安寄？如斯會得，終日念佛，終日念心；終日念心，終日無念。即心即佛，非佛非心，是則名為真念佛者。

(演)無生滅下，生則有憶，滅則有忘。自性本無生滅，何有憶忘？過去為昨，現在為今。自性體絕去來，誰成今昨？自性一亦不為一，為墮諸數故，則多尚奚存？自性定且無定形，有物凝然故，則亂將安寄？如斯會得，終日念佛，終日念心，以心外無佛，佛外無心，即佛即心，即心即佛；心佛無有二故。終日念心，終日無念者，以即佛即心，則非佛；即心即佛，則非心，互奪兩亡，能所雙消故。如是念佛，名為真念佛。念佛之理，豈沾沾事行耶？

(**Sao:** Vốn chẳng sanh diệt, có gì là quên và nhớ? Thế trọn chẳng có đến, đi, lấy đâu ra xưa và nay? Một cũng chẳng phải là một, làm sao có nhiều cho được? Định còn chẳng có hình trạng nhất định, loạn nương vào đâu? Hiểu như vậy thì suốt ngày niệm Phật chính là suốt ngày niệm tâm; suốt ngày niệm tâm, suốt ngày vô niệm. Chính là tâm, chính là Phật, chẳng phải là tâm, chẳng phải là Phật, do vậy gọi là thật sự niệm Phật.

Diễn: Từ câu “vốn chẳng có sanh diệt” trở đi, [ý nói]: Sanh thì có nhớ, diệt bèn có quên. Tự tánh vốn không sanh diệt, làm sao có nhớ và quên cho được? Quá khứ là xưa, hiện tại là nay; bản thể của tự tánh trọn chẳng có đến hay đi, lấy gì thành xưa hay nay? Tự tánh là một, mà cũng chẳng phải là một, chẳng rơi vào trong pháp số, vậy thì nhiều làm sao tồn tại cho được? Tự tánh định mà lại chẳng có hình trạng nhất định, tuy có vật nhưng an tường tịch tĩnh, loạn sẽ nương gởi vào đâu? Hiểu như thế thì suốt ngày niệm Phật, suốt ngày niệm tâm, bởi ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật chẳng có tâm, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật, vì tâm và Phật chẳng hai.

“Suốt ngày niệm tâm mà suốt ngày vô niệm” vì Phật chính là tâm, cho nên chẳng phải là Phật; do Phật chính là tâm cho nên chẳng phải là tâm. Đoạt lẫn nhau, đôi bên đều mất, Năng lẫn Sở đều tiêu mất. Niệm Phật như thế thì gọi là thật sự niệm Phật. Lý niệm Phật há dính dáng chuyện thực hành thuộc mặt Sự ư?)

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản

quyển đệ tứ

阿彌陀經疏鈔演義會本

卷第四

Tam, cảm quả (nhị): Sơ, Phật hiện ngã tiền. Nhị, ngã vãng Phật xứ.

Sơ, Phật hiện ngã tiền.

(**Kinh**) Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật, dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền.

(**Sớ**) Kỳ nhân, chỉ trì danh giả. Thừa thượng dẫn năng nhất tâm bất loạn, mạng chung chỉ thời, Phật tất hiện tiền dã. Dĩ tự lực, Phật lực, cảm ứng đạo giao cố. Như nhị bộ kinh, cập chư kinh trung thuyết.

(Diễn) *Cảm ứng đạo giao giả, niệm Phật công thành, chúng sanh cơ thực, vì Cảm. Vô tâm ban duyên chúng sanh, nhi ư chúng sanh tự nhiên hiện ích, vì Ứng. Đạo giao giả, tức sở vị: “Bồ Tát thanh lương nguyệt, thường du Tát Cánh Không. Chúng sanh tâm cầu tận, Bồ Đề ảnh hiện trung” dã.*

三、感果(二)：初、佛現我前。二、我往佛處。

初、佛現我前。

(經)其人臨命終時，阿彌陀佛，與諸聖眾，現在其前。

(疏)其人，指持名者。承上但能一心不亂，命終之時，佛必現前也。以自力佛力，感應道交故。如二部經，及諸經中說。

(演)感應道交者，念佛功成，眾生機熟，為感。無心扳緣眾生，而於眾生自然現益，為應。道交者，即所謂：菩薩清涼月，常游畢竟空。眾生心垢盡，菩提影現中也。

(Ba, cảm quả (gồm hai phần): Một là Phật hiện trước ta. Hai là ta đến chỗ Phật.

Trước tiên là Phật hiện trước ta.

Kinh: Người ấy khi lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt.

Sớ: “Người ấy” là nói tới người trì danh, nối tiếp ý trong đoạn kinh văn trước đó: Chỉ cần có thể nhất tâm bất loạn, khi mạng chung, Phật ắt hiện tiền. Do tự lực và Phật lực cảm ứng đạo giao, như trong hai bộ kinh và các kinh đã nói.

Diễn: “Cảm ứng đạo giao”: Công phu niệm Phật thành tựu, căn cơ của chúng sanh chín muồi, đó là Cảm. Vô tâm ban duyên chúng sanh, tự nhiên hiển hiện lợi ích cho chúng sanh; đó là Ứng. “Đạo giao” là như nói: “Bồ Tát trắng trong mát, thường dạo rớt rảo không. Chúng sanh sạch tâm cầu, Bồ Đề hiện ở trong”).

(Sao) *Tự lực giả, phạm nhân mạng chung, Tiền Hữu tương tạ, Hậu Hữu vị sanh, bình sanh thiện ác, tự nhiên hiện tiền. Như Thập Ác, Ngũ Nghịch, địa ngục hiện tiền. Xan, tham, tật đố, ngạ quỷ hiện tiền, nãi chí Ngũ Giới, Thập Thiện, nhân thiên hiện tiền. Kim chuyên niệm Phật, nhất tâm bất loạn, tắc tịnh niệm thành tựu, thanh tịnh tâm*

trung, nình bắt Phật hiện tiền hồ? Lăng Nghiêm vân: “Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật”, thị dã.

(Diễn) Tiền Hữu tương tạ tứ cú, phạm nhân mạng vị chung thời, thiện ác chi cảnh vị hiện tiền giả, dĩ túc nghiệp vị hoàn, kim nghiệp vị thực, cố hiện quả vị tận, đương quả vị hiện dã. Lâm mạng chung thời, tắc túc nghiệp dĩ tận, kim nghiệp dĩ thực, đương quả hiện tiền hỹ. Duy Thức vân: “Do chư nghiệp tập khí, nhị thủ tập khí câu, tiền Dị Thục ký tận, phục sanh dư Dị Thục”, thị dã.

(鈔)自力者，凡人命終，前有將謝，後有未生，平生善惡，自然現前。如十惡五逆，地獄現前。慳貪嫉妒，餓鬼現前，乃至五戒十善，人天現前。今專念佛，一心不亂，則淨念成就，清淨心中，寧不佛現前乎？楞嚴云：憶佛念佛，現前當來，必定見佛，是也。

(演)前有將謝四句，凡人命未終時，善惡之境未現前者，以宿業未完，今業未熟，故現果未盡，當果未現也。臨命終時，則夙業已盡，今業已熟，當果現前矣。唯識云：由諸業習氣，二取習氣俱，前異熟既盡，復生餘異熟，是也。

(Sao: “Tự lực” là phạm nhân khi mạng chung, Tiền Hữu sắp tan, Hậu Hữu chưa sanh, những điều thiện ác trong đời này tự nhiên hiện tiền, như [phạm tội] Thập Ác, Ngũ Nghịch, địa ngục hiện tiền. [Phạm thói] keo kiệt, tham lam, ganh tỵ, ngạ quỷ hiện tiền. Cho đến năm giới, mười thiện, nhân thiên hiện tiền. Nay chuyên niệm Phật, nhất tâm bất loạn, tịnh niệm thành tựu, trong tâm thanh tịnh, lẽ nào Phật chẳng hiện tiền ư? Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”, chính là ý này.

Diễn: Bốn câu “Tiền Hữu sắp tan” ý nói: Khi phạm nhân chưa mạng chung, cảnh thiện, ác hiện tiền, do túc nghiệp chưa xong, nghiệp hiện tại chưa chín muồi, cho nên quả trong hiện đời chưa hết, quả vị lai chưa hiện ra. Khi sắp lâm chung, túc nghiệp đã tận, nghiệp hiện tại đã chín muồi, cái quả tương lai sẽ hiện ra. Duy Thức nói: “Do tập khí của các nghiệp (hữu lậu và vô lậu) làm chủng tử, hai nghiệp ấy cùng với tập khí (phiền não chướng và sở tri chướng) hòa hợp, tạo thành cái quả sanh tử. Cái quả Dị Thục của đời trước đã hết, lại sanh ra các quả Dị Thục khác, tức quả Dị Thục của đời sau”).

(Sao) **Phật lực giả, Đại Bản Pháp Tạng** nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, thập phương vô ương số thế giới, chư thiên, nhân dân, hữu phát Bồ Đề tâm, tu chư công đức, nguyện sanh ngã sát, lâm thọ chung thời, ngã dữ đại chúng, hiện kỳ nhân tiền”. **Tam Bối Vãng Sanh** trung hựu vân: “Kỳ nhân mạng dục chung thời, Phật dữ thánh chúng, tất lai nghêh trí”. **Quán Kinh** cứu phẩm, hoặc ngôn: “**A Di Đà Phật** chí hành giả tiền”, hoặc vân: “Chí kỳ nhân sở”, giai hiện tiền ý dã.

(Diễn) **Đại Bản Pháp Tạng** hạ, thị dẫn nhị bộ chứng Phật lực.

(鈔)佛力者，大本法藏願云：我作佛時，十方無央數世界，諸天人民，有發菩提心，修諸功德，願生我剎，臨壽終時，我與大眾，現其人前。三輩往生中又云：其人命欲終時，佛與聖眾，悉來迎致。觀經九品，或言：阿彌陀佛至行者前，或云：至其所，皆現前意也。

(演)大本法藏下，是引二部證佛力。

(Sao: “Phật lực”: Trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta thành Phật, chư thiên, nhân dân trong mười phương vô ương số thế giới, có người phát tâm Bồ Đề, tu các công đức, nguyện sanh về cõi ta, khi lâm chung, ta và đại chúng hiện trước người ấy”. Trong phần Ba Bậc Vãng Sanh [của kinh ấy] lại nói: “Khi người ấy lâm chung, Phật và thánh chúng đều đến đón tiếp”. Phần chín phẩm trong Quán Kinh hoặc nói “A Di Đà Phật tới trước hành giả”, hoặc nói “tới chỗ người ấy”, đều là ý nghĩa “hiện tiền” vậy.

Diễn: Từ “trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng” trở đi, dẫn hai kinh để chứng minh Phật lực).

(Sao) **Ngôn** chư kinh giả, **Xưng Dương Chư Phật Công Đức Kinh** vân: “Nhược hữu đắc văn Vô Lượng Thọ Như Lai danh giả, nhất tâm tín nhạo, kỳ nhân mạng chung, A Di Đà Phật dữ chư tỳ-kheo trụ kỳ nhân tiền, ma bất năng hoại bỉ Chánh Giác tâm”. **Hựu Cổ Âm Vương Kinh** vân: “Nhược hữu tứ chúng, năng chánh thọ trì bỉ Phật danh hiệu, lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật, tức dữ đại chúng, trụ kỳ nhân tiền, linh kỳ đắc kiến”. **Hựu Hoa Nghiêm tứ thập lục kinh** vân: “Như Lai hữu thập chủng Phật sự, nhất giả, nhược hữu chúng sanh chuyên tâm ức niệm, tất hiện kỳ tiền” đẳng. Sở vị: “Niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả”, thị dã.

(Diễn) **Ngôn** chư kinh giả hạ, thị dẫn chư kinh song chứng Nhị

Lực. Nhất tâm tín nhạo thị tự lực, dữ chư tỳ-kheo trụ kỳ nhân tiền thị Phật lực. Năng chánh thọ trì thị tự lực, A Di Đà Phật trụ kỳ nhân tiền thị Phật lực. Chuyên tâm ức niệm thị tự lực, Phật hiện kỳ tiền thị Phật lực. Năng chánh thọ trì giả, phàm nhân niệm Phật, tâm dối dị kế, hoặc tạp dư tưởng, bất danh Chánh Thọ Trì. Chánh thọ trì giả, ly hồ tứ cú, bất tạp dư duyên, thị danh Chánh Thọ Trì dã. Niệm Phật chúng sanh nhiếp thủ bất xả, thị Quán Kinh đệ cửu Phật quán trung văn. Nhiếp thủ bất xả giả, dĩ vô duyên từ, nhiếp chư chúng sanh. Chúng sanh bất niệm Phật tắc dĩ, niệm tắc vi Phật sở hộ, chung đắc ly khổ, vĩnh đắc an lạc. Thích Luận vân: “Thí như ngư tử, mẫu nhược bất niệm, tử tắc lạn hoại. Chúng sanh diệc nhĩ, Phật nhược bất niệm, thiện căn tắc hoại”.

(鈔)言諸經者，稱揚諸佛功德經云：若有得聞無量壽如來名者，一心信樂，其人命終，阿彌陀佛與諸比丘住其人前，魔不能壞彼正覺心。又鼓音王經云：若有四眾，能正受持彼佛名號，臨命終時，阿彌陀佛，即與大眾，住其人前，令其得見。又華嚴四十六經云：如來有十種佛事，一者，若有眾生專心憶念，則現其前等。所謂：念佛眾生，攝取不捨，是也。

(演)言諸經者下，是引諸經雙證二力。一心信樂是自力，與諸比丘住其人前是佛力。能正受持是自力，阿彌陀佛住其人前是佛力。專心憶念是自力，佛現其前是佛力。能正受持者，凡人念佛，心帶異計，或雜餘想，不名正受持。正受持者，離乎四句，不雜餘緣，是名正受持也。念佛眾生攝取不捨，是觀經第九佛觀中文。攝取不捨者，以無緣慈，攝諸眾生。眾生不念佛則已，念則為佛所護，終得離苦，永得安樂。釋論云：譬如魚子，母若不念，子則爛壞。眾生亦爾，佛若不念，善根則壞。

(Sao: Nói “các kinh” là như kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức nói: “Nếu có kẻ nào được nghe danh hiệu của Vô Lượng Thọ Như Lai, nhất tâm tin ưa, người ấy mạng chung, A Di Đà Phật và các tỳ-kheo ở trước mặt người ấy, mà chẳng thể phá hoại tâm Chánh Giác của người ấy”. Kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni lại nói: “Nếu tứ chúng

có thể chân chánh thọ trì danh hiệu của đức Phật ấy, khi lâm chung, A Di Đà Phật liền cùng đại chúng trụ trước người ấy, khiến cho người ấy trông thấy”. Kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ bốn mươi sáu, lại nói: “Như Lai có mười thứ Phật sự. Một là nếu có chúng sanh chuyên tâm ước niệm, ắt hiện trước người ấy” v.v... Nói “nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ” chính là ý này.

Diễn: Từ “nói đến các kinh” trở đi, trích dẫn các kinh để cùng chứng minh Nhị Lực. Nhất tâm tin ưa là tự lực, [A Di Đà Phật] cùng các tỳ-kheo ở trước người ấy là Phật lực. Có thể chánh thọ trì là tự lực, A Di Đà Phật đứng trước người ấy là Phật lực. Chuyên tâm ước niệm là tự lực, Phật hiện trước người ấy là Phật lực. “Có thể chánh thọ trì”: Phàm là người niệm Phật mà tâm kèm theo những suy tính khác, hoặc xen lẫn những tư tưởng tạp loạn khác, chẳng gọi là Chánh Thọ Trì.

Chánh Thọ Trì là là bốn câu, chẳng xen lẫn các duyên khác, thì gọi là Chánh Thọ Trì. “Nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ” chính là một câu kinh văn trong phép Quán thứ chín, tức phép Quán Phật trong Quán Kinh. “Nhiếp thủ chẳng bỏ”: Dùng lòng từ vô duyên, nhiếp các chúng sanh. Chúng sanh chẳng niệm Phật thì thôi, hễ niệm thì sẽ được chư Phật hộ niệm, cuối cùng được lìa khổ, vĩnh viễn được an lạc. Thích Luận nói: “Ví như cá con, nếu cá mẹ chẳng nghĩ tới, cá con ắt sẽ hư nát. Chúng sanh cũng vậy, nếu Phật chẳng nghĩ tới, thiện căn của họ sẽ bị tan hoại”).

(Sao) Nhược y Bát Nhã, tắc tự lực phục nhị: Nhất giả, niệm lực. Nhị giả, bốn hữu Phật tánh lực. Kiêm dĩ Phật nhiếp thủ lực, nãi thành tam lực. Bốn hữu như châu thuyền. Niệm Phật như phàm tiếp, Phật nhiếp thủ như tiện phong. Tam sự châu viên, tất đẳng bỉ ngạn hỷ.

(Diễn) Bốn hữu Phật tánh lực giả, Chân Như nội huân lực dã. Chân Như nội huân, nhân nhân giai nhiên. Kim bất đắc thủ lực giả, như mộc hữu hỏa, bất giả toàn toại, hỏa chung bất hiện. Tuy cụ Chân Như, bất tạ sự hữu giáo hối, Chân Như diệt bất hiện dã.

(鈔)若依般若，則自力復二：一者，念力。二者，本有佛性力。兼以佛攝取力，乃成三力。本有如舟船。念佛如帆楫，佛攝取如便風。三事周圓，必登彼岸矣。

(演)本有佛性力者，真如內熏力也。真如內熏，人人皆然。今不得此力者，如木有火，不假鑽燧，火終不現。

雖具真如，不藉師友教誨，真如亦不現也。

(Sao: Nếu dựa theo Bát Nhã, tự lực lại gồm có hai thứ: Một là niệm lực. Hai là Phật tánh lực vốn sẵn có. Lại kèm thêm sức nhiếp thủ của Phật, bèn thành ba lực. [Sức mạnh] vốn sẵn có [trong bốn tánh] giống như thuyền ghe. Niệm Phật giống như buồm và mái chèo. Sự nhiếp thủ của Phật giống như thuận gió. Ba sự đều trọn vẹn, ắt lên được bờ kia.

Diễn: “Phật tánh lực vốn sẵn có” chính là sức huân tập từ bên trong của Chân Như. Chân Như huân tập bên trong, ai cũng đều như thế. Nay chẳng có được sức ấy thì cũng như gỗ vốn sẵn chứa lửa, nhưng chẳng nhờ vào xoi giùi, lửa trọn chẳng thể hiện ra. Tuy sẵn có Chân Như, chẳng nhờ thầy và bạn răn dạy, Chân Như cũng chẳng hiện).

(Sớ) Phật cập thánh chúng giả, Phật kiêm Báo, Hóa, thánh chúng kiêm Bồ Tát, Thanh Văn đẳng.

(Sao) Kiêm Báo Hóa giả, Quán Kinh minh Phật, tiên ngôn lục thập vạn ức, hậu khai trượng lục, thứ ngôn: “Hạ phẩm Hóa Phật lai nghênh”, tắc tri cứu phẩm sở kiến bất nhất. Nhiếp Luận diệc vân: “Đẳng địa phương kiến Báo Thân, triển chuyển tế diệu”.

(Diễn) Lục thập vạn ức thị Báo Thân, diệc danh Tôn Đặc Thân, diệc danh Thắng Ứng Thân. Trượng lục, diệc danh Liệt Ứng Thân, diệc danh Thường Thân. Hóa Phật, thị Tùy Loại Hóa Thân. Đẳng địa phương kiến Báo Thân giả, Thập Tín, Tam Hiền Bồ Tát bất đoan vô minh, bất chứng Chân Như, dẫn kiến Ứng Thân. Đẳng địa dĩ khứ, phần đoan vô minh, nãi kiến Báo Thân, triển chuyển tế diệu. Nhược vô minh dĩ tận, vị cùng Diệu Giác, tắc vô Phật khả kiến. Dĩ Bồ Tát cơ vong, Như Lai ứng tức. Chư Phật vô hữu bỉ thử diệt tương kiến cố, cố viết: “Như Lai hiện khởi Tha Thọ Dụng, Thập Địa Bồ Tát sở bị cơ dã”. Hựu Khởi Tín Luận vân: “Nhất giả, y phân biệt sự thức, phạm phu Nhị Thừa tâm sở kiến giả, danh vi Ứng Thân. Dĩ bất tri Chuyển Thức hiện cố, kiến từng ngoại lai, thủ sắc phân tề, bất năng tận tri cố. Nhị giả, y u nghiệp thức, vị chư Bồ Tát từng sơ phát ý, nãi chí Bồ Tát cứu cánh địa tâm sở kiến giả, danh vi Báo Thân. Thân hữu vô lượng sắc, sắc hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo, ly phân tề tướng, thường năng trụ trì. Hựu vi phạm phu sở kiến giả, thị kỳ thô sắc, phi thọ lạc tướng. Cố thuyết vi Ứng. Sơ Phát Ý Bồ Tát đẳng năng sở kiến tướng giả, dĩ thâm tín Chân Như pháp cố, thiếu phần nhi kiến. Tri bỉ sắc tướng trang nghiêm đẳng sự, nhiên thử Bồ Tát do tự phân

biệt, dĩ vị nhập Pháp Thân vị cố. Nhược đắc tịnh tâm sở kiến vi diệu, kỳ Dụng chuyển thắng, nãi chí Bồ Tát địa tận, kiến chi cứu cánh. Nhược ly nghiệp thức, tắc vô kiến tướng. Tiền thuyết y Biệt Giáo, Khởi Tín y Viên Giáo. Viên Giáo Thập Trụ tức Biệt Giáo Thập Địa cố. Biệt Thập Địa kiến Báo Thân, triển chuyển tế diệu; Viên Thập Địa kiến Báo Thân, cánh triển chuyển tế diệu dã.

(疏)佛及聖眾者，佛兼報化，聖眾兼菩薩聲聞等。

(鈔)兼報化者，觀經明佛，先言：六十萬億，後開丈六，次言：下品化佛來迎，則知九品所見不一。攝論亦云：登地方見報身，展轉細妙。

(演)六十萬億是報身，亦名尊特身，亦名勝應身。丈六，亦名劣應身，亦名常身。化佛，是隨類化身。登地方見報身者，十信三賢菩薩不斷無明，不證真如，但見應身。登地已去，分斷無明，乃見報身，展轉細妙。若無明已盡，位窮妙覺，則無佛可見。以菩薩機忘，如來應息。諸佛無有彼此迭相見故，故曰：如來現起他受用，十地菩薩所被機也。又起信論云：一者，依分別事識，凡夫二乘心所見者，名為應身。以不知轉識現故，見從外來，取色分齊，不能盡知故。二者，依於業識，謂諸菩薩從初發意，乃至菩薩究竟地心所見者，名為報身。身有無量色，色有無量相，相有無量好，離分齊相，常能住持。又為凡夫所見者，是其麤色，非受樂相。故說為應。初發意菩薩等能所見相者，以深信真如法故，少分而見。知彼色相莊嚴等事，然此菩薩猶自分別，以未入法身位故。若得淨心所見微妙，其用轉勝，乃至菩薩地盡，見之究竟。若離業識，則無見相。前說依別教，起信依圓教。圓教十住即別教十地故。別十地見報身，展轉細妙；圓十地見報身，更展轉細妙也。

(Sớ: “Phật và thánh chúng”: Phật kiêm Báo Thân và Hóa Thân, thánh chúng bao gồm Bồ Tát và Thanh Văn.

Sao: “Kiêm Báo Thân và Hóa Thân”: Quán Kinh nói về [thân

tướng của] Phật, trước hết là nói thân cao sáu mươi vạn ức, sau đó, nói thân trượng sáu; kế đó, trong phần Hạ Phẩm nói “Hóa Phật đến nghênh tiếp”, cho nên biết chín phẩm thấy Phật chẳng giống nhau. Niếp Đại Thừa Luận cũng nói: “Từ Sơ Địa trở lên, mới thấy Báo Thân, lần lượt [càng chứng lên địa vị cao hơn, thì sẽ thấy thân Phật] vi tế, màu nhiệm hơn”.

Diễn: [Thân cao] “sáu mươi vạn ức” là Báo Thân, còn gọi là Tôn Đặc Thân, cũng gọi là Thắng Ứng Thân. “Thân trượng sáu” còn gọi là Liệt Ứng Thân, cũng gọi là Thường Thân. Hóa Phật là tùy theo từng loài mà hóa hiện thân hình.

“Đăng địa mới thấy Báo Thân”: Thập Tín, Tam Hiền Bồ Tát chẳng đoạn vô minh, chẳng chứng Chân Như, chỉ thấy Ứng Thân. Từ Sơ Địa trở lên, đoạn một phần vô minh, sẽ thấy một phần Báo Thân, lần lượt càng vi tế, nhiệm màu hơn. Nếu vô minh đã hết, đạt đến địa vị tột cùng là Diệu Giác, sẽ không có Phật để có thể thấy. Do cơ duyên của Bồ Tát chẳng còn, Như Lai bèn thôi ứng hiện. Chư Phật chẳng có đây kia trông thấy lẫn nhau. Vì thế nói: “Như Lai hiện khởi Tha Thọ Dụng, Thập Địa Bồ Tát là căn cơ được độ [bởi thân ấy]”.

Khởi Tín Luận lại nói: “Một là do nương vào phân biệt sự thức, cho nên [thân Phật] do phàm phu và người có tâm Nhị Thừa trông thấy thì gọi là Ứng Thân. Do chẳng biết là Chuyển Thức biến hiện, thấy [thân ấy] có từ bên ngoài, chấp sắc có rành rành từng loại”, chẳng thể biết hết được!

Hai là nương theo nghiệp thức, tức là thân Phật do Bồ Tát từ Sơ Phát Ý cho đến Bồ Tát tâm đã đạt đến địa vị rốt ráo trông thấy, thì gọi là Báo Thân. Thân có vô lượng sắc, mỗi sắc có vô lượng tướng. Mỗi tướng có vô lượng hảo. Là các tướng rành rành, thường có thể trụ trì. Lại nữa, phàm phu thấy thân sắc đức Phật là thô sắc, chẳng phải là tướng nhận lãnh sự vui sướng. Vì thế, nói là Ứng Thân. Hàng Sơ Phát Ý Bồ Tát do tin sâu pháp Chân Như, sẽ được thấy ít phần sắc tướng [của Báo Thân]. Tuy biết những sự như sắc tướng trang nghiêm, nhưng vì Bồ Tát ấy hãy còn tự phân biệt vì chưa chứng nhập địa vị Pháp Thân. Nếu đạt được tịnh tâm, tướng trông thấy sẽ vi diệu, Dụng sẽ chuyển thành cao trội, cho đến khi đạt đến địa vị Bồ Tát tận cùng, sẽ thấy rốt ráo. Nếu là nghiệp thức, sẽ chẳng thấy tướng.

Thuyết trước dựa theo Biệt Giáo, còn Luận Khởi Tín vâng theo Viên Giáo. Thập Trụ của Viên Giáo chính là Thập Địa của Biệt Giáo. Thập Địa của Biệt Giáo thấy Báo Thân, lần lượt vi tế, nhiệm màu hơn.

Thập Địa của Viên Giáo thấy Báo Thân, lại càng lần lượt vi tế, nhiệm mầu hơn nữa).

(Sao) Kiêm Bồ Tát, Thanh Văn giả, như Quán Kinh thượng phẩm thượng sanh vân: “Phật dữ Quán Âm, Thế Chí, vô số hóa Phật, bách thiên tỷ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, hiện kỳ nhân tiền”, nhi diệc hữu Phật bất lai nghêh, Bồ Tát lai giả, kim tùng đa phần.

(鈔)兼菩薩聲聞者，如觀經上品上生云：佛與觀音勢至，無數化佛，百千比丘，聲聞大眾，無量諸天，現其人前，而亦有佛不來迎，菩薩來者，今從多分。

(Sao: “Kiêm Bồ Tát, Thanh Văn”: Như trong phần thượng phẩm thượng sanh của Quán Kinh có nói: “Phật và Quán Âm, Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn tỷ-kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, hiện trước người ấy”. Cũng có trường hợp, Phật chẳng đến đón, Bồ Tát đến đón. Nay nói theo đa số [là Phật đến đón]).

(Sớ) Vân: “Lâm chung Phật hiện, diệc hữu ma phủ?” Đáp: Cố vị vô ma. Thoát hoặc hữu chi, quý tại biện thức.

(Sao) Vô ma giả, đơn tu Thiền Định, hoặc khởi Ám Ma, như Lăng Nghiêm, Chỉ Quán chư kinh luận trung biện chi thậm tất. Kim vị niệm Phật giả, Phật oai thần lực, Phật bốn nguyện lực, đại quang minh trung, tất vô ma sự. Nhiên diệc hữu túc chứng thâm hậu, hoặc bất thiện dụng tâm, dụng hữu ma khởi. Cố vị khả định, tu dự biện thức. Như kinh luận thuyết, hành nhân kiến Phật, biện chi hữu nhị. Nhất, bất dữ Tu Đa La hợp giả, thị vi ma sự. Nhị, bất dữ bốn sở tu hợp giả, thị vi ma sự. Sở dĩ nhiên giả? Dĩ đơn tu Thiền nhân, bốn sở tu nhân, duy tâm vô cảnh cố. Ngoại hữu Phật hiện, tất trí bất luận, dĩ quả bất hiệp nhân cố. Kim niệm Phật nhân, nhất sanh ức Phật, lâm chung kiến Phật, nhân quả tương phù, hà đắc khái vi ma sự? Nhược hoặc vị năng liễu quyết, dẫn như tiền biện biệt sát thức nhi dĩ!

(Diễn) Lăng Nghiêm, Chỉ Quán biện chi thậm tất giả, Lăng Nghiêm khai ngũ thập chủng Ám Ma, nhi Thọ, Tưởng nhị âm thị quý thân ma, thiên ma. Chỉ Quán khai thập cảnh, tam chứng, tứ ma, nhi ma sự cảnh, thị nghiệp chứng thiên ma. Bất dữ Tu Đa La hợp giả, Tu Đa La trung vị Ứng Thân hữu tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, Báo Thân hữu bát vạn tứ thiên tướng, tướng hữu bát vạn tứ

thiên hảo. Nhược tướng hảo chỉ số, hoặc đa quả bất định, tất vì ma sự. Bất dữ bốn sở tu hợp giả, như bốn sở quán Tây Phương chỉ Phật, kim Phật tùng Đông lai, duy quán tọa tướng, kim kiến ngọa tướng đẳng.

(疏)問：臨終佛現，亦有魔否？答：古謂無魔。脫或有之，貴在辨識。

(鈔)無魔者，單修禪定，或起陰魔，如楞嚴止觀諸經論中辨之甚悉。今謂念佛者，佛威神力，佛本願力，大光明中，必無魔事。然亦有宿障深厚，或不善用心，容有魔起。固未可定，須預辨識。如經論說，行人見佛，辨之有二。一、不與脩多羅合者，是為魔事。二、不與本所修合者，是為魔事。所以然者？以單修禪人，本所修因，唯心無境故。外有佛現，悉置不論，以果不協因故。今念佛人，一生憶佛，臨終見佛，因果相符，何得概為魔事？若或未能了決，但如前辨別察識而已！

(演)楞嚴止觀辨之甚悉者，楞嚴開五十種陰魔，而受想二陰是鬼神魔，天魔。止觀開十境，三障，四魔，而魔事境，是業障天魔。不與修多羅合者，修多羅中謂應身有三十二相，八十種好，報身有八萬四千相，相有八萬四千好。若相好之數，或多寡不定，悉為魔事。不與本所修合者，如本所觀西方之佛，今佛從東來，唯觀坐相，今見臥相等。

(Sớ: Hỏi: “Lâm chung Phật hiện, cũng có trường hợp là ma hóa hiện hay chẳng?” Đáp: Cổ nhân nói ‘chẳng có ma’. Nếu như là có thì điều cốt yếu là phân biệt để nhận biết.

Sao: “Chẳng có ma”: [Hành nhân] chỉ tu Thiền Định, có lẽ bị Âm Ma dậy lên, như trong Lăng Nghiêm, [Ma Ha] Chỉ Quán, và các kinh luận đã biện định rất tường tận. Nay nói: Người niệm Phật do sức oai thần, do sức bốn nguyện của Phật, ở trong đại quang minh [của Phật], ắt chẳng có ma sự! Nhưng cũng có kẻ do nghiệp chướng đời trước sâu dày, hoặc do chẳng khéo dụng tâm; cho nên có thể gặp ma sự dậy lên. Do đó, chẳng thể nói nhất định [là có bị ma dựa hay không], cần phải chuẩn bị nhận biết sẵn. Như trong kinh luận nói: Biện định về chuyện

người tu hành thấy Phật thì có hai điều. Một là nếu chẳng phù hợp Khế Kinh thì là ma sự. Hai là chẳng phù hợp với những gì ta vốn tu tập thì là ma sự.

Vì lẽ nào? Người chỉ tu Thiền, vốn tu cái nhân “chỉ là tâm, chẳng có cảnh”. Bên ngoài có Phật hiện, bên bờ mặc chẳng hỏi tới, do quá chẳng tương ứng nhân vậy. Nay người niệm Phật suốt đời nhớ Phật, lâm chung thấy Phật, nhân quả phù hợp; sao lại nhất loạt bảo là ma sự? Nếu chưa thể quyết đoán rõ ràng, chỉ nên biện định, xem xét để nhận biết như trong phần trên đã nói đó thôi.

Diễn: “Kinh Lăng Nghiêm và luận Ma Ha Chỉ Quán biện định rất tường tận”: Kinh Lăng Nghiêm vạch ra năm mươi loại Ám Ma, nhưng hai thứ Thọ Ám và Tưởng Ám chính là quỷ thần ma và thiên ma. Luận Ma Ha Chỉ Quán đề ra mười cảnh, ba chương, bốn ma, nhưng cảnh, ma và sự chính là nghiệp chương thiên ma.

“Chẳng phù hợp Tu Đa La”: Trong Khế Kinh nói Ứng Thân có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, Báo Thân có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn hảo. Nếu số lượng tướng hảo hoặc nhiều, hoặc ít, không nhất định, thì đều là ma sự.

“Chẳng phù hợp với những gì ta vốn tu tập”: Như ta vốn quán vị Phật ở phương Tây mà nay Phật từ phương Đông đi đến, hoặc chỉ quán tướng ngồi, nay thấy Phật hiện tướng nằm v.v...)

(Sao) **Vân:** “Ký viết phi ma, đương thị chân Phật, nhi cố vị Phật vô khứ lai, vân hà hữu Phật hiện tại kỳ tiền?” **Đáp:** Cảm ứng đạo giao, bất phương bất lai nhi lai, vô kiến nhi kiến. Cố **Vĩnh Minh** vị: “Nhu huyễn, phi thật, tắc tâm Phật lưỡng vong, nhi bất vô huyễn tướng, tắc bất hoại tâm Phật”. **Hựu** vân: “Pháp Thân chân Phật, bản vô sanh diệt”. Tùng Chân khởi Hóa, tiếp dẫn mê căn. Thử nãi **Như Lai** bốn nguyện công đức, linh bỉ hữu duyên chúng sanh, chuyên tâm tưởng niệm, năng tự tâm kiến Phật lai nghênh, bất thị chư Phật thật khiến Hóa Thân nhi lai nghênh tiếp. Tắc Phật thân trạm nhiên thường tịch, chúng sanh kiến hữu khứ lai. Như kính trung hình, phi nội, phi ngoại, như mộng trung sự, bất hữu, bất vô. **Hựu** kinh vân: “Ứng dĩ Phật thân đặc độ giả, tức hiện Phật thân, nhi vị thuyết pháp”, diệt thử ý dã. Thị cố, thủy thanh tắc nguyệt tự lai, tâm tịnh tắc Phật tự hiện, sở vị: “Cảm ứng đạo giao nan tư nghị dã”.

(**Diễn**) “Nhu huyễn, phi thật” hạ, thị **Vĩnh Minh** ngữ. Thử nãi **Như Lai** hạ, thị đại sư xuất tùng chân khởi hóa chỉ ý. Như kính trung

*hình phi nội, phi ngoại giả, nhược ngôn hình tại kính nội, bất phương
đương thể toàn Không. Nhược ngôn hình tại kính ngoại, bất phương
kính trung hiển hiện. Phật hiện diệt nhiên. Nhược ngôn Phật tại tâm
nội, bất phương thật tại Tây Phương. Nhược ngôn Phật tại tâm ngoại,
ly tâm thật vô hữu Phật. Như mộng trung sự bất hữu, bất vô giả.
Nhược vân mộng sự thị hữu, cập chí u tỉnh, liễu vô sở đắc. Nhược vân
mộng sự thị vô, chánh đương mộng thời, nguyên hữu mộng cảnh,
Phật hiện diệt nhiên. Nhược ngôn thị hữu, tự tâm hiển hiện, đương
thể toàn Không. Nhược ngôn thị vô, cảm ứng đạo giao, bất hoại huyền
tướng. Thủy thanh tắc nguyệt tự lai, tâm tịnh tắc Phật tự hiện giả, vị
thủy tuy thanh, thiên thượng vô nguyệt bất năng hiện. Như tâm tuy
tịnh, vô Phật bi nguyện vi duyên, bất năng hiện. Hựu như nguyệt tuy
minh, địa trung vô thủy bất năng hiện. Như Phật tuy hữu bi nguyện
chi duyên, chúng sanh tâm cầu bất năng hiện. Chấp Phật từng tâm
hiện, bất tín Tây Phương hữu Phật; chấp Phật Tây lai, bất tín tự tâm
hiển hiện, giai tà kiến dã.*

(鈔)問：既曰非魔，當是真佛，而古謂佛無去來，云何有佛現在其前？答：感應道交，不妨不來而來，無見而見。故永明謂：如幻非實，則心佛兩忘，而不無幻相，則不壞心佛。又云：法身真佛，本無生滅。從真起化，接引迷根。此乃如來本願功德，令彼有緣眾生，專心想念，能於自心見佛來迎，不是諸佛實遣化身而來迎接。則佛身湛然常寂，眾生見有去來。如鏡中形，非內非外，如夢中事，不有不無。又經云：應以佛身得度者，即現佛身，而為說法，亦此意也。是故，水清則月自來，心淨則佛自現，所謂：感應道交難思議也。

(演)如幻非實下，是永明語。此乃如來下，是大師出從真起化之意。如鏡中形非內非外者，若言形在鏡內，不妨當體全空。若言形在鏡外，不妨鏡中顯現。佛現亦然。若言佛在心內，不妨實在西方。若言佛在心外，離心實無有佛。如夢中事不有不無者，若云夢事是有，及至於醒，了無所得。若云夢事是無，正當夢時，原有夢境，佛現亦然。若言是有，自心顯現，當體全空。若言是無，感應道

交，不壞幻相。水清則月自來，心淨則佛自現者，謂水雖清，天上無月不能現。如心雖淨，無佛悲願為緣，不能現。又如月雖明，地中無水不能現。如佛雖有悲願之緣，眾生心垢不能現。執佛從心現，不信西方有佛；執佛西來，不信自心顯現，皆邪見也。

(Sao: Hỏi: Đã nói chẳng phải là ma, thì phải là Phật thật sự, nhưng cổ nhân nói “Phật chẳng đến, đi”, sao lại có Phật hiện ra trước người ấy? Đáp: Cảm ứng đạo giao, chẳng ngại gì không đến mà đến, chẳng thấy mà thấy. Vì thế, ngài Vĩnh Minh bảo là: “N hư huy ển, chẳng thật, cho nên tâm và Phật cùng mất. Do huy ển tướng chẳng không, cho nên chẳng hoại tâm và Phật”. Lại nói: “Vị Phật chân thật nơi Pháp Thân vốn chẳng có sanh diệt”. Từ Chân Phật sanh khởi Hóa Phật để tiếp dẫn những căn cơ đang mê muội. Đây chính là bốn nguyên công đức của Như Lai, khiến cho chúng sanh hữu duyên chuyên tâm tưởng niệm, có thể từ tự tâm thấy Phật đến đón tiếp, chẳng phải là chư Phật thật sự sai Hóa Thân đến đón tiếp. Phật thân trong lặng, thường tịch, mà chúng sanh thấy có đến, đi. Như hình trong gương, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài; như chuyện trong mộng, chẳng có, chẳng không. Kinh lại nói: “Nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp” cũng là ý này. Do vậy, nước trong nên trắng tự hiện bóng, tâm tịnh ắt Phật tự hiện. Đó gọi là “cảm ứng đạo giao khó thể nghĩ bàn” vậy.

Diễn: Từ “n hư huy ển, chẳng thật” trở đi là lời của ngài Vĩnh Minh. Từ “đây chính là Như Lai” trở đi, đại sư nêu ra ý nghĩa từ Chân Phật lưu xuất Hóa Phật. “N hư hình ảnh trong gương chẳng ở trong, chẳng ở ngoài”: Nếu nói hình ảnh ở trong gương, chẳng trở ngại toàn bộ bản thể của chúng là Không. Nếu nói hình ở ngoài gương, chẳng trở ngại hiển hiện trong gương. Phật hiện thì cũng giống như vậy. Nếu nói Phật ở trong tâm, chẳng trở ngại Phật thật sự ở Tây Phương. Nếu nói Phật ở ngoài tâm, là tâm thì thật sự chẳng có Phật.

“N hư chuyện trong mộng chẳng có, chẳng không”: Nếu nói chuyện trong mộng là có thì đến khi tỉnh giấc, trọn chẳng thể được! Nếu nói chuyện trong mộng là không, ngay trong khi đang nằm mộng, vốn có mộng cảnh! Phật hiện thì cũng giống như thế. Nếu nói là có, đó là do tự tâm hiển hiện, toàn thể là Không. Nếu nói là không, cảm ứng đạo giao chẳng hoại huy ển tướng.

“Nước trong, trăng tự đến; tâm tịnh, Phật tự hiện” tức là nước tuy trong, nhưng trên trời không có vàng trắng, [bóng trắng] sẽ chẳng thể hiện. Như tâm tuy tịnh, chẳng có bi nguyện của Phật làm duyên, sẽ chẳng thể hiện. Lại như trăng tuy sáng, dưới đất chẳng có nước thì trăng chẳng thể hiện. Như Phật tuy có bi nguyện làm duyên, nhưng tâm chúng sanh như bản, cho nên chẳng thể hiện. Cháp Phật từ tâm hiện, chẳng tin Tây Phương có Phật; hoặc chap Phật từ phương Tây đến, chẳng tin tự tâm hiển hiện, đều là tà kiến).

(Sớ) Cổ tri lâm chung thiết tượng trợ niệm, văn tải thánh kinh, pháp truyền Tây Vực, bất ưng nghi trở.

(Sao) Hoa Nghiêm thập ngũ kinh tụng vân: “Kiến hữu lâm chung khuyến niệm Phật. Hựu thị tôn tượng linh chiêm kính. Tỷ u Phật sở thâm quy ngưỡng. Thị cố đắc thành thử quang minh”. Sớ vân: “Tây Vực pháp, hữu dục xả mạng giả, linh diện Tây. Ư tiền, an nhất lập tượng, tượng diệc diện Tây. Dĩ phan đánh quả tượng thử chỉ, linh bệnh nhân thử tróc phan cước. Tác tùy Phật vãng sanh tướng, kiêm dữ thiêu hương, minh khánh, trợ xưng Phật danh. Phi trực vong giả đắc sanh Phật tiền, diệc chung thành kiến Phật quang dã. Nhược thần du đại phương, khứ lưu vô ngại giả, trí chỉ ngôn ngoại. Bất nhĩ, miễn chiên tư hạnh”. Như thượng, tác đặc vị thiết tượng, dĩ trợ vãng sanh. Hà hướng nhất tâm bất loạn, cảm Phật hiện tiền, nãi lự vi ma, tự sanh nghi trở!

(Diễn) Hoa Nghiêm thập ngũ hạ, thị thích “văn tải thánh kinh”. Sớ vân Tây Vực hạ, thị thích “pháp truyền Tây Vực”. Thần du đại phương hạ, thị thích “bất ưng nghi trở”. Hoa Nghiêm Tụng giả, kinh vân: “Hựu phóng quang minh danh Kiến Phật, thử quang giác ngộ tương một giả, linh bỉ tùy niệm kiến Như Lai. Mạng chung đắc sanh kỳ tịnh quốc. Kiến hữu lâm chung” đẳng.

(疏)故知臨終設像助念，文載聖經，法傳西域，不應疑阻。

(鈔)華嚴十五經頌云：見有臨終勸念佛。又示尊像令瞻敬。俾於佛所深歸仰。是故得成此光明。疏云：西域法，有欲捨命者，令面西。於前，安一立像，像亦面西。以旛頂掛像手指，令病人手捉旛腳。作隨佛往生想，兼與燒香鳴磬，助稱佛名。非直亡者得生佛前，亦終成見佛光

也。若神遊大方，去留無礙者，置之言外。不爾，勉旃斯行。如上，則特為設像，以助往生。何況一心不亂，感佛現前，乃慮為魔，自生疑阻！

(演)華嚴十五下，是釋文載聖經。疏云西域下，是釋法傳西域。神游大方下，是釋不應疑阻。華嚴頌者，經云：又放光明名見佛，此光覺悟將歿者，令彼隨念見如來。命終得生其淨國。見有臨終等。

(Sớ: Vì thế, biết là “lâm chung, bày tượng Phật để trợ niệm”, kinh văn đã được ghi chép trong thánh kinh, pháp ấy được lưu truyền tại Tây Vực, chớ nên nghi ngờ, ngăn trở.

Sao: Trong quyển mười lăm của kinh Hoa Nghiêm có bài kệ tụng như sau: “Thấy kẻ lâm chung, khuyên niệm Phật. Lại bày tôn tượng để người ấy chiêm ngưỡng, tôn kính, khiến cho người ấy quy ngưỡng Phật sâu xa, cho nên được thành tựu quang minh này”. Lời Sớ ghi: “Pháp tắc bên Tây Vực là hề có người sắp xả mạng, bèn bảo họ hướng về phương Tây. Trước mặt, đặt một tượng Phật đứng. Tượng cũng hướng về phương Tây. Treo đỉnh lá phan nơi ngón tay của tượng, bảo bệnh nhân nắm lấy đuôi lá phan. [Bảo người sắp mất] tưởng [chính mình] theo Phật vãng sanh. Kèm thêm thắp hương, gõ khánh, xưng danh hiệu Phật trợ niệm. Dầu chẳng thể trực tiếp làm cho người chết được sanh về trước Phật, thì rốt cuộc cũng trở thành trông thấy quang minh của Phật. Nếu là bậc thần thông dạo chơi khắp các cõi, đi, ở vô ngại, thì hãy để [cách này lại] đó, chẳng bàn tới nữa. Nếu chẳng phải [là người có căn cơ nhạy bén như] vậy, hãy gắng sức làm theo hạnh ấy, [tuân theo những điều đã nói] như trên đây, đặc biệt vì [người lâm chung ấy] mà bày tượng, hòng giúp cho người ấy vãng sanh”. Huống hồ là đối với người đã đắc nhất tâm bất loạn, cảm Phật hiện tiền, lại lo là ma hiện, để rồi tự sanh nghi hoặc, chướng ngại ư?

Diễn: Từ “Hoa Nghiêm quyển thứ mười lăm” trở đi nhằm chú giải câu “kinh văn đã được chép trong thánh kinh”. Từ chữ “Sớ rằng: Pháp tắc ở Tây Vực”, giải thích pháp tắc được lưu truyền ở Tây Vực. Từ câu “thần thông dạo chơi khắp các cõi”, giải thích vì sao chẳng nên nghi ngờ để gây chướng ngại. “Bài tụng trong kinh Hoa Nghiêm”: Kinh chép: “Lại phóng quang minh tên Thấy Phật, quang ấy giác ngộ người sắp chết, dạy họ niệm theo, thấy Như Lai. Mạng chung được sanh về cõi tịnh. Thấy người lâm chung khuyên niệm Phật...”)

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh vọng cùng, chân lộ, thị lâm chung Phật hiện nghĩa.

(Sao) Vọng tâm vị tận, u u miên miên, thị vi mạng căn vị đoạn, Hoặc đoạn, chấp Không, tình tiêu, kiến tạ, nhân vong, gia phá, yên diệt, hôi phi, mạng chung chỉ vị dã. Chư vọng tận trừ, bất trực chân hà đãi? Cầu Phật bất hiện tiền, bất khả đắc dã. Nhiên nhi Phật từ vô hạn, khởi tất lâm chung. Thị cố, thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức.

(Diễn) U u miên miên, tức thị đệ ngũ điên đảo vi tế tình Tướng, sở vị như cấp lưu thủy, vọng như điểm tĩnh, lưu cấp bất kiến, phi thị vô lưu dã. Mạng Căn vị đoạn giả, nhược Thức Âm tận, tắc năng siêu việt Mạng Trược, Thức Âm vị tận, tắc thập nhị loại chi mạng nguyên vị đoạn dã. Hựu u u miên miên Mạng Căn vị đoạn giả, diệt nhất thiết kiến văn giác tri, nội thủ u nhân, bách xích can đầu nhân dã. Nhân vong gia phá, yên diệt hôi phi giả, Nhân Không, Pháp Không, Không Không diệt Không, bách xích can đầu trùng tấn bộ dã. Thử ước đoạn Hoặc chứng Chân thuyết. Nhiên nhi hạ, vị Phật thể bốn nhiên, bất nhân đoạn hiển, thời thời hiển hiện, vật vật toàn chương, dẫn nhân tự bất giác nhĩ, thử ước bốn nhiên Tánh Đức thuyết. Thị cố hạ, cổ kệ vân: “Di Lặc chân Di Lặc, hóa thân thiên vạn ức, thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức”, thị dã.

(疏)稱理，則自性妄窮，真露，是臨終佛現義。

(鈔)妄心未盡，幽幽綿綿，是為命根未斷，惑斷執空，情消見謝，人亡家破，煙滅灰飛，命終之謂也。諸妄盡除，不直真何待？求佛不現前，不可得也。然而佛慈無限，豈必臨終。是故，時時示時人，時人自不識。

(演)幽幽綿綿，即是第五顛倒微細精想，所謂如急流水，望如恬靜，流急不見，非是無流也。命根未斷者，若識陰盡，則能超越命濁，識陰未盡，則十二類之命元未斷也。又幽幽綿綿命根未斷者，滅一切見聞覺知，內守幽閑，百尺竿頭人也。人亡家破，煙滅灰飛者，人空法空，空空亦空，百尺竿頭重進步也。此約斷惑證真說。然而下，謂佛體本然，不因斷顯，時時顯現，物物全彰，但人自不覺爾，此約本然性德說。是故下，古偈云：彌勒真彌

勒，化身千百億，時時示時人，時人自不識，是也。

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh vọng hết, chân tánh tỏ lộ, đó là ý nghĩa “lâm chung, Phật hiện”).

Sao: Vọng tâm chưa hết, mờ mờ mịt mịt, đó là “Mạng Căn chưa đoạn”. Hoặc (phiền não) đã đoạn, nhưng chấp trước nơi Không, tình chấp tiêu trừ, kiến chấp rơi rụng, người chết, nhà tan, khói tắt, tro bay, chính là ý nghĩa “mạng chung”. Trừ sạch các vọng, há còn chẳng phải là chân ư? [Khi ấy], cầu Phật chẳng hiện tiền, trọn chẳng thể được; nhưng lòng Từ của Phật là vô hạn, há cứ phải là khi lâm chung [mới thấy Phật]. Vì thế, “luôn luôn hiện trước người đời, người đời nào có biết hay chút gì”.

Diễn: “Mờ mờ mịt mịt” chính là cái Tướng điên đảo vi tế, tinh vi thứ năm, thường được diễn tả là như nước chảy xiết, thoạt nhìn thì dường như là nước êm đềm, chẳng thấy nó đang chảy xiết, chứ không phải là nó không chảy. “Mạng Căn chưa đoạn”: Nếu Thức Ám đã tận, ắt có thể vượt thoát Mạng Trược. Nếu Thức Ám chưa tận, tức là mười hai loại mạng nguyên chưa đoạn. Lại nữa, “Mạng Căn chưa đoạn mờ mờ mịt mịt” là diệt hết thấy thấy, nghe, hay, biết, trong tâm giữ sự tĩnh lặng, thanh nhàn, là người ở đầu sào trăm thước. “Người chết, nhà tan, khói tắt, tro bay”: Nhân Không, Pháp Không, Không Không cũng là Không, đầu sào trăm thước lại bước thêm bước nữa. Đây là nói theo phương diện đoạn Hoặc chứng Chân.

Từ “nhưng lòng Từ” trở đi, ý nói bản thể của Phật vốn sẵn như thế, chẳng do đoạn [phiền não, vô minh] mà hiển lộ, mà là luôn luôn hiển hiện, trong vật nào cũng đều phô bày trọn vẹn, chỉ có mọi người chẳng nhận biết đó thôi! Đây là nói theo phương diện sẵn có của Tánh Đức. Từ chữ “vì thế” trở đi, cổ nhân có bài kệ như sau: “Di Lặc chân Di Lặc, hóa thân ngàn vạn ức, luôn luôn hiện trước người đời, người đời nào có biết hay chút gì” để nói về ý này vậy).

Nhị, ngã vãng Phật xứ.

(Kinh) Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

(Sớ) Thượng ngôn lâm giả, thị tương dục mạng chung. Kim ngôn: “Chung thời”, chánh noãn tận, thức khứ. Tâm bất điên đảo giả, dĩ nhất tâm bất loạn, cố bất điên đảo. Dĩ bất điên đảo, cố bất sanh tha xứ. “Tức đắc” giả, ngôn kỳ tốc dã.

(Diễn) Noãn tận, thức khứ giả, chúng sanh tức, noãn, thức tam

duyên hòa hợp, giả lập Mạng Căn. Thức, tức Lại Da Kiến Phần. Tức noãn, tức Lại Da Tướng Phần. Thử bát thức giả, lai vị tiên phong, khứ vị hậu diện. Noãn tận thức khứ, chánh bát thức ly thể thời dã.

二、我往佛處。

(經)是人終時，心不顛倒，即得往生阿彌陀佛極樂國土。

(疏)上言臨者，是將欲命終。今言：終時，正煖盡識去。心不顛倒者，以一心不亂，故不顛倒。以不顛倒，故不生他處。即得者，言其速也。

(演)暖盡識去者，眾生息暖，識三緣和合，假立命根。識，即賴耶見分。息暖，即賴耶相分。此八識者，來為先鋒，去為後殿。暖盡識去，正八識離體時也。

(Hai, ta đến chỗ Phật.

Kinh: Người ấy lúc mất, tâm chẳng điên đảo, bèn được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật.

Sớ: Chữ “lâm” nói [trong phần chánh kinh] trên đây chính là khi mạng sắp hết. Nay nói là “chung thời” tức là khi hơi ấm đã hết, thần thức đã rời đi. “Tâm chẳng điên đảo”: Do nhất tâm bất loạn, nên chẳng điên đảo. Do chẳng điên đảo, nên chẳng sanh vào nơi khác. “Liên được” ý nói “nhanh chóng”.

Diễn: “Hơi ấm hết, thần thức rời đi”: Chúng sanh là do ba duyên hơi thở, sức nóng, và thức hòa hợp, giả lập Mạng Căn. Thức là Kiến Phần của A Lại Da. Hơi thở và sức nóng thuộc vào Tướng Phần của A Lại Da. Thức thứ tám làm tiên phong mà đến [nhập thai], nó ra đi sau cùng [khi thọ mạng chấm dứt]. “Hơi ấm hết, thần thức rời đi” chính là lúc thức thứ tám rời khỏi thân thể).

(Sao) **Điên đảo giả, diêu kỳ bình nhật tùy thuận vọng tưởng, bất tu chánh niệm, tâm đa tán loạn. Như tiền sở vị tương xả noãn xúc, nhất sanh sở tác, câu thời hiện tiền, tâm thần hoang bố, động chỉ huy hoặc. Ứng nhập địa ngục giả, đao sơn, kiếm thụ, thị tác viên lâm. Ứng đọa súc sanh giả, mã phúc, lư thai, nhận vị đường vũ. Tự linh tác thiện, hợp sanh nhân thiên, vị miễn tăng ái phụ mẫu, nãi chí tiểu thánh sơ tâm, do bất năng chánh tri xuất nhập, giai sở vị điên đảo dã. Thừa thử điên đảo, tam giới thất thú, tùy nghiệp thọ sanh. Kim ký**

nhất tâm bất loạn, tắc nội ngưng chánh niệm, ngoại cảm Phật nghiêm, xả thử báo thân, kính sanh bỉ quốc, như Phật ngôn: “Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh”. Hựu ngôn: “Nhất thiết quốc độ, duy tướng sở trì”. Tịnh tướng thành tựu, tất đắc vãng sanh; cố vô nghi dã.

(Diễn) Tâm thần hoàng bố, động chỉ huy hoặc giả, Quy Sơn vân: “Lâm hành huy hoặc, phạ bố chương hoàng, tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng?” Vị miễn tăng ái phụ mẫu giả, kinh vân: “Kiến minh sắc phát, minh kiến tướng thành, dị kiến thành tăng, đồng tướng thành ái, lưu ái vi chủng, nạp Tướng vi thai. Giao cấu phát sanh, hấp dẫn đồng nghiệp”. Tiểu thánh sơ tâm bất năng chánh tri xuất nhập giả, cổ vân: “Bồ Tát hữu cách âm chi hôn, La Hán hữu xuất thai chi muội”, thị dã. Tùy nghiệp thọ sanh giả, Thất Hiền Nữ kinh vân: “Tước lai nhập bình trung, dĩ học phú kỳ khẩu, xuyên tước phi khứ”. Thức tâm tùy nghiệp tảo, vị nghiệp thức thành hình, y Tứ Đại trụ, Tứ Đại phân trưng, nghiệp thức tùy nghiệp chuyển dã. Nhất thiết quốc độ duy Tướng sở trì giả, Khởi Tín vân: “Nhất thiết chư pháp, duy y vô minh vọng tâm nhi đắc trụ trì. Nhược ly vọng tâm, tắc vô nhất thiết chư pháp tự tướng khả đắc”. Lăng Nghiêm vân: “Tướng trù thành thành quốc độ, tri giác nãi chúng sanh” đẳng.

(鈔)顛倒者，繇其平日隨順妄想，不修正念，心多散亂。如前所謂將捨煖觸，一生所作，俱時現前，心神惶怖，動止揮霍。應入地獄者，刀山劍樹，視作園林。應墮畜生者，馬腹驢胎，認為堂宇。就令作善，合生人天，未免憎愛父母，乃至小聖初心，猶不能正知出入，皆所謂顛倒也。乘此顛倒，三界七趣，隨業受生。今既一心不亂，則內凝正念，外感佛迎，捨此報身，徑生彼國，如佛言：隨其心淨，則佛土淨。又言：一切國土，唯想所持。淨想成就，必得往生；固無疑也。

(演)心神惶怖，動止揮霍者，瀉山云：臨行揮霍，怕怖惶惶，前路茫茫，未知何往？未免憎愛父母者，經云：見明色發，明見想成，異見成憎，同想成愛，流愛為種，納想為胎。交遘發生，吸引同業。小聖初心不能正知出入者，古云：菩薩有隔陰之昏，羅漢有出胎之昧，是也。隨

業受生者，七賢女經云：雀來入瓶中，以穀覆其口，穿雀飛去。識心隨業走，謂業識成形，依四大住，四大分張，業識隨業轉也。一切國土唯想所持者，起信云：一切諸法，唯依無明妄心而得住持。若離妄心，則無一切諸法自相可得。楞嚴云：想澄成國土，知覺乃眾生等。

(Sao: “Điên đảo”: Do thường ngày tùy thuận vọng tưởng, chẳng tu chánh niệm, tâm lẫn nổi tán loạn. Như trong phần trên đã nói: Lúc hơi nóng [trong thân thể] sắp mất đi, những việc đã làm trong suốt một đời đều cùng hiện tiền, tâm thần hoảng sợ, động tác quỳnh quít. Kẻ đáng vào địa ngục, sẽ thấy núi đao, rừng gươm là vườn rừng. Kẻ đáng đọa súc sanh, sẽ ngỡ bụng ngựa, thai lừa là nhà to, điện lớn. Dẫu cho người làm lành, đáng sanh vào cõi trời, người, chưa khỏi yêu ghét cha mẹ. Cho đến hàng tiểu thánh, sơ tâm, còn chưa thể biết xuất thai, nhập thai đúng thật, đều gọi là “điên đảo” vậy. Do sự điên đảo ấy mà theo nghiệp thọ sanh trong bảy đường của ba cõi.

Nay đã là nhất tâm bất loạn, tức là bên trong thì chánh niệm ngưng đọng, bên ngoài cảm Phật đón tiếp. Bỏ báo thân này, nhanh chóng sanh về nước kia, như đức Phật đã nói: “Do cái tâm tịnh mà cõi nước Phật thanh tịnh”. Lại nói: “Hết thấy các cõi nước chỉ do tưởng mà được duy trì”. Tịnh tưởng thành tựu, ắt được vãng sanh, cho nên chẳng nghi ngờ.

Diễn: “Tâm thần hoảng sợ, động tác quỳnh quít”: Ngài Quy Sơn nói: “Lúc sắp ra đi (lìa đời), sợ sệt, hốt hoảng, nẻo trước mặt mờ, chẳng biết sẽ về đâu?” “Chưa khỏi ghét yêu cha mẹ”: Kinh dạy: “[Khi thân thức sắp đầu thai, thấy tất cả đều tối mờ, chỉ có chỗ cha mẹ để người ấy sắp đầu thai] là thấy có sắc sáng phát khởi. Do thấy chỗ sáng ấy, liền mong được thành tựu, [nếu thân thức đó thấy mình cùng giới tính với cha hay mẹ] liền sanh lòng ghét hay yêu. Ý tưởng yêu ghét tiếp tục lưu xuất, tạo thành chủng tử, khiến cho cái tưởng nương gá vào thai, Cha mẹ giao cấu là trợ duyên khiến cho thai tăng trưởng, thu hút những nghiệp cùng loại trong quá khứ của thân thức ấy”.

“Bậc tiểu thánh sơ tâm chẳng thể biết xuất thai, nhập thai đúng lẽ”: Cổ nhân nói: “Bồ Tát bị hôn mê khi cách âm, La Hán mê muội khi lọt lòng mẹ” là nói về điều này. “Theo nghiệp mà thọ sanh”: Kinh Thát Hiền Nữ nói: “Chìm sể chui vào bình, dùng nhiều che miệng bình, chìm sẽ xuyên qua nhiều, bay mất”. Thức tâm theo nghiệp mà đi, nghiệp thức

thành hình, nương vào Tứ Đại để trụ. Tứ Đại tách rời thì nghiệp thức sẽ chuyển theo nghiệp.

“Hết thấy cõi nước chỉ do Tướng duy trì”: Khởi Tín Luận nói: “Hết thấy các pháp chỉ do nương vào vô minh vọng tâm mà được trụ trì. Nếu lìa vọng tâm thì sẽ không có tự tướng của hết thấy các pháp để đạt được”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Tướng lắng đọng thành cõi nước, tri giác [hư vọng] bèn tạo thành chúng sanh” v.v...)

(Sao) Tha xứ giả hữu tam: Nhất giả, Sa Bà thế giới. Nhị giả, dư Phật quốc độ. Tam giả, bỉ quốc Biên Địa. Kim giai giản chi.

(Diễn) Bỉ quốc biên địa, tức thị nghi thành, tại cửu phẩm chi ngoại giả, dĩ kỳ vô chân thật tín tâm cố dã.

(鈔) 他處者有三：一者，娑婆世界。二者，餘佛國土。三者，彼國邊地。今皆揀之。

(演) 彼國邊地，即是疑城，在九品之外者，以其無真實信心故也。

(Sao: “Nơi khác” có ba chỗ: Một là thế giới Sa Bà. Hai là các cõi Phật khác. Ba là Biên Địa của cõi ấy (Biên Địa của Cực Lạc). Nay [do tâm chẳng điên đảo lúc lâm chung nên] đều loại trừ [người đã khuất sẽ sanh vào những nơi đó].

Diễn: Biên địa của cõi ấy chính là nghi thành, ở ngoài chín phẩm, do người ấy không có tín tâm chân thật).

(Sao) Túc giả, bất kinh Trung Ấm, bất cách thời nhật, Quán Kinh sở vị: “Như đàn chỉ khoảnh, sanh Cực Lạc quốc dã”. Hựu Trí Giả vân: “Lâm chung tại Định chỉ tâm, tức thị Tịnh Độ. Động niệm, tắc vãng sanh Tịnh Độ thời”. Sở vân: “Tại Định” giả, kim tâm bất điên đảo thị. Sở vân: “Động niệm” giả, hậu nguyện sanh bỉ quốc thị.

(Diễn) Tại Định chỉ tâm tức thị Tịnh Độ, thử cú Tịch Quang nhi ngôn, nhiên diệc bất phương thật hữu sự tướng.

(鈔) 速者，不經中陰，不隔時日，觀經所謂：如彈指頃，生極樂國也。又智者云：臨終在定之心，即是淨土。動念，則往生淨土時。所云：在定者，今心不顛倒是。所云：動念者，後願生彼國是。

(演) 在定之心即是淨土，此據寂光而言，然亦不妨實

有事相。

(Sao: “Nhanh chóng” là chẳng trải qua Trung Ấm, chẳng cách biệt ngày giờ. Quán Kinh nói là: “Như trong khoảng khảy ngón tay, bèn sanh vào cõi Cực Lạc”. Ngài Trí Giả lại nói: “Lâm chung, tâm ở trong Định thì chính là Tịnh Độ. Hễ động niệm thì là lúc vãng sanh”. Nói: “Ở trong Định” chính là “hiện thời cái tâm chẳng điên đảo”. Nói: “Động niệm” tức là sau đó, nguyện sanh về cõi ấy.

Diễn: “Cái tâm tại Định chính là Tịnh Độ”, đây là dựa theo cõi Tịch Quang để nói, nhưng cũng chẳng trở ngại thật sự có sự tướng).

(Sớ) Đại Bản vân: “Kỳ thân thể phi thể nhân chi thân thể, diệt phi thiên thượng nhân chi thân thể dã. Giai tích chúng thiện chi đức, tự nhiên hư vô chi thể, liên hoa trung hóa sanh, diệt vô nhữ dưỡng chi giả.

(Sao) Tích thiện giả, tức thị thiện căn phước đức thành tựu chi thân, phi dĩ dục ái vi nhân, Tứ Đại vi Thể, cố bất điều thai ngục, thác chất hoa trì dã.

(Diễn) Phi dĩ dục ái vi nhân, Tứ Đại vi Thể giả, kinh vân: “Nhất thiết chúng sanh giai dĩ dâm dục nhi chánh tánh mạng”. Hựu vân: “Ái dục vi nhân, ái mạng vi quả. Chúng sanh ái mạng, hoàn y dục bốn. Tây phương thượng thiện, giai thừa tịnh nhân lực, tùy nguyện vãng sanh. Nhược hữu, nhược vô, thanh hư vi diệu chi thân, khởi thử nhân, thử thể da?”

(疏)大本云：其身體非世人之身體，亦非天上人之身體也。皆積眾善之德，自然虛無之體，蓮華中化生，亦無乳養之者。

(鈔)積善者，即是善根福德成就之身，非以欲愛為因，四大為體，故不繇胎獄，託質華池也。

(演)非以欲愛為因，四大為體者，經云：一切眾生皆以婬欲而正性命。又云：愛欲為因，愛命為果。眾生愛命，還依欲本。西方上善，皆承淨因力，隨願往生。若有若無，清虛微妙之身，豈此因此體耶？

(Sớ) Kinh Đại Bản nói: “Thân thể ấy chẳng phải là thân thể của người trong cõi đời, cũng chẳng phải là thân thể của người trong cõi trời, mà là [cái thân] có phẩm đức đều [được tạo thành bởi] các điều

thiện tích tập, có bản thể tự nhiên hư vô, hóa sanh trong hoa sen, mà cũng chẳng do bú mớm, nuôi nấng”.

Sao: “Tích thiện” là cái thân được thành tựu bởi thiện căn, phước đức, chẳng phải là do dục ái làm nhân và Tứ Đại làm Thể, cho nên chẳng do thai ngục sanh thành, gởi thể chất nơi ao hoa vậy.

Diễn: “Chẳng do ái dục làm nhân, Tứ Đại làm Thể”: Kinh dạy: “Hết thấy chúng sanh đều do dâm dục mà có tánh mạng”. Lại nói: “Ái dục là nhân, yêu quý mạng là quả. Chúng sanh yêu mạng sống, vẫn là do dục làm cội gốc. Bậc thượng thiện bên Tây Phương đều nương theo sức của cái nhân thanh tịnh, thuận theo nguyện mà vắng sanh, [thân thể của họ] là cái thân thanh hư vi diệu dường như có, dường như không, há có phải là cái nhân, cái thể như trong cõi này ư?”)

(Sao) Diệc vô nhữ dưỡng giả, minh tự nhiên tăng trưởng, phi như Bắc Châu, do đãi chỉ đoan xuất nhữ nhi vi dưỡng dã.

(Diễn) Chỉ đoan xuất nhữ giả, Bắc Châu nam nữ, tả hữu phân hành. Kỳ nam nữ tức hữu duyên giả, bàng lộ thụ lâm hạ thụ phú chi, thành phu phụ sự. Sự tất thụ khởi, tức phân tán khứ, vô phục tương nhận. Phụ nữ hữu dụng, sản tử đạo bàng, bất cố nhi khứ. Kỳ vãng lai giả, dĩ chỉ đoan trí nhi khẩu trung, chỉ tức xuất nhữ, tu du trưởng đại.

(鈔)亦無乳養者，明自然增長，非如北洲，猶待指端出乳而為養也。

(演)指端出乳者，北洲男女，左右分行。其男女夙有緣者，路傍樹林下垂覆之，成夫婦事。事畢樹起，即分散去，無復相認。婦乃有孕，產子道傍，不顧而去。其往來者，以指端置兒口中，指即出乳，須臾長大。

(Sao: “Cũng chẳng có bú mớm, nuôi nấng”, nói rõ [trong cõi Cực Lạc] tăng trưởng tự nhiên, chẳng như Bắc Câu Lô Châu còn phải đợi đầu ngón tay tiết ra sữa nuôi dưỡng.

Diễn: “Đầu ngón tay tiết ra sữa”: Nam nữ ở Bắc Câu Lô Châu, chia đường đi thành trái phải riêng rẽ. Nam và nữ nào có duyên từ trước thì rùng cây bên đường sẽ ngã xuống che phủ để hoàn thành chuyện vợ chồng cho họ. Xong việc, cây lại đứng thẳng lên, họ bèn chia tay nhau bỏ đi, không còn nhận biết nhau nữa! Vợ bèn có thai, sanh con bên đường, chẳng nhìn đến nữa mà bỏ đi. Người qua lại đặt ngón tay vào miệng đứa bé, ngón tay bèn tiết ra sữa. Đứa bé ấy trưởng thành trong

khoảnh khắc).

(Sớ) Kỳ vãng sanh giả, điều thượng nhất tâm bất loạn, tác tam cửu nhân. Cánh tế phân chi, diệc ưng vô lượng.

(Sao) Tam cửu giả, Đại Bồ tam bối, Quán Kinh cửu phẩm dã. Dĩ nhất tâm phân Sự Lý, Sự Lý diệc phục các phân thắng, liệt; hậu đắc vãng sanh, như kỳ bốn nhân nhi vi phẩm vị dã. Tam bối giả, như Đại Bồ vị thượng bối giả, phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm A Di Đà Phật, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc. Mạng dục chung thời, Phật dữ thánh chúng, hiện kỳ nhân tiền. Tiệm ư thất bảo trì nội, liên hoa hóa sanh. Trụ bất thoái chuyển, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại. Sở cư thất bảo cung vũ, tại hư không trung, khứ Phật vi cận. Thị danh thượng bối sanh giả. Phối tiền, tắc song đắc Sự Lý nhất tâm giả dã. Trung bối giả, bất năng đại tu công đức, nhi diệc phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm hồi hướng. Mạng chung sanh bỉ; công đức trí huệ, thứ ư thượng bối. Phối tiền, tắc đắc Sự hữu dư, đắc Lý bất túc giả dã. Hạ bối sanh giả, bất năng tác chư công đức, nhi diệc phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, nãi chí thập niệm. Sanh bỉ cung vũ, duy tại ư địa. Hựu thứ trung bối, thị danh hạ bối sanh giả. Phối tiền, tắc cần đắc hồ Sự, vị đắc hồ Lý giả dã. Cửu phẩm giả, Quán Kinh sở vân thượng chi tam phẩm, hữu sanh bỉ, tức đắc bách thiên đà-la-ni môn giả, hữu kinh nhất tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhẫn giả, hữu kinh tam tiểu kiếp, đắc Bách Pháp Minh Môn, trụ Hoan Hỷ Địa giả. Phối tiền, tắc song đắc Sự Lý nhất tâm, nhi hữu thâm thiện, cố thành tam phẩm, lệ thượng bối dã.

(Diễn) Thượng chi tam phẩm hữu sanh bỉ tức đắc Đà La Ni giả, thử nãi tùng Không xuất Giả, Biệt Thập Hồi Hướng, đạo chủng tánh nhân, cập Viên Giáo Thập Tín mãn tâm nhân. Đà La Ni giả, nhất năng trì thiện, nhị năng giá ác, thị tổng trì dã. Kinh nhất tiểu kiếp đắc Vô Sanh Nhẫn giả, thử nãi xâm đoạn Trần Sa, dĩ nhập Biệt Thập Hạnh, dĩ đắc Tánh Chủng Bồ Đề, cập Viên Giáo Bát Cử Tín nhân, đáo bỉ nhất kiếp, thử nhập thánh chủng tánh, chứng Vô Sanh Nhẫn. Vô Sanh Nhẫn, ngôn đăng Biệt Viên Sơ Địa, Sơ Trụ dã. Kinh tam tiểu kiếp đắc Bách Pháp Minh Môn giả, thử nãi sơ phá Kiến Tư, dĩ nhập Biệt Thập Trụ, dĩ đắc Tập Chủng Bồ Đề, cập Viên Giáo đệ thất Tín nhân, đáo bỉ tam tiểu kiếp, thử nhập thánh chủng tánh, đắc Bách Pháp Minh Môn. Ngôn Bách Pháp Minh Môn giả, ư Tướng Tông bách pháp, giai chứng Tam Đế, nãi dĩ bách pháp nhi vi minh đạt Tam Đế

chi môn. Tam Đế nhược minh, tắc liễu nhất thiết, tâm đại hoan hỷ, danh Hoan Hỷ Địa dã.

(疏)其往生者，繇上一心不亂，作三九因。更細分之，亦應無量。

(鈔)三九者，大本三輩，觀經九品也。以一心分事理，事理亦復各分勝劣；後得往生，如其本因而為品位也。三輩者，如大本謂上輩者，發菩提心，專念阿彌陀佛，修諸功德，願生彼國。命欲終時，佛與聖眾，現其人前。便於七寶池內，蓮華化生。住不退轉，智慧勇猛，神通自在。所居七寶宮宇，在虛空中，去佛為近。是名上輩生者，配前，則雙得事理一心者也。中輩者，不能大修功德，而亦發菩提心，專念迴向。命終生彼；功德智慧，次於上輩。配前，則得事有餘，得理不足者也。下輩生者，不能作諸功德，而亦發菩提心，一向專念，乃至十念。生彼宮宇，惟在於地。又次中輩，是名下輩生者。配前，則僅得乎事，未得乎理者也。九品者，觀經所云上之三品，有生彼，即得百千陀羅尼門者，有經一小劫，得無生忍者，有經三小劫，得百法明門，住歡喜地者。配前，則雙得事理一心，而有深淺，故成三品，例上輩也。

(演)上之三品有生彼即得陀羅尼者，此乃從空出假，別十回向，道種性人，及圓教十信滿心人。陀羅尼者，一能持善，二能遮惡，是總持也。經一小劫得無生忍者，此乃侵斷塵沙，已入別十行，已得性種菩提，及圓教八九信人，到彼一劫，始入聖種性，證無生忍。無生忍，言登別圓初地初住也。經三小劫得百法明門者，此乃初破見思，已入別十住，已得習種菩提，及圓教第七信人，到彼三小劫，始入聖種性，得百法明門。言百法明門者，於相宗百法，皆證三諦，乃以百法而為明達三諦之門。三諦若明，則了一切，心大歡喜，名歡喜地也。

(Sớ: Người vãng sanh do nhất tâm bất loạn như đã nói trong phần

trên mà chia thành ba hoặc chín cái nhân. Nếu chia tỉ mỉ, cũng phải là vô lượng.

Sao: “Ba, chín”: Ba bậc trong kinh Đại Bốn, chín phẩm trong Quán Kinh. Do nhất tâm được chia thành Sự và Lý, Sự và Lý [nhất tâm] cũng đều chia thành thù thắng và kém cỏi, cho nên sau khi được vãng sanh, cũng sẽ tùy thuộc cái nhân ấy mà chia thành phẩm vị [khác biệt]. “Ba bậc” là như Đại Bốn có nói: Bậc thượng là phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm A Di Đà Phật, tu các công đức, nguyện sanh về cõi ấy. Khi mạng sắp chấm dứt, Phật và thánh chúng hiện ra trước người ấy, liền hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu. Trụ bất thoái chuyển, trí huệ dũng mãnh, thân thông tự tại. Chỗ ở là cung điện bảy báu, ở trong hư không, rất gần với Phật. Đó gọi là người sanh trong bậc thượng, phối hợp với [những điều đã nói] trong phần trước thì là người đã cùng đắc Sự nhất tâm và Lý nhất tâm.

Trung bói là chẳng thể tu công đức to lớn, nhưng cũng phát Bồ Đề tâm, chuyên niệm hồi hướng. Mạng chung sanh về cõi kia; công đức, trí huệ, kém hơn bậc thượng. Phối hợp với điều trên, thì [người vãng sanh trong bậc này] đạt được Sự nhất tâm có dư, nhưng với Lý nhất tâm thì chưa đạt đủ.

Kẻ sanh trong bậc hạ, chẳng thể làm các công đức, nhưng cũng phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm, cho đến mười niệm. Sanh trong cung điện ấy, chỉ ở trên mặt đất. Lại kém bậc trung, gọi là người sanh trong bậc hạ. So với những điều đã nói trong phần trước, thì [hạng người vãng sanh này] chỉ đắc Sự nhất tâm, chưa đắc Lý nhất tâm.

“Chín phẩm”: Quán Kinh nói ba phẩm thượng, có người sanh về cõi đó bèn đắc trăm ngàn môn đà-la-ni, có người trải qua một tiểu kiếp bèn đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, có người trải qua ba tiểu kiếp bèn đắc Bách Pháp Minh Môn, trụ Hoan Hỷ Địa. Phối ứng với những điều đã nói trong phần trước thì tuy cùng đắc Sự nhất tâm và Lý nhất tâm [như nhau], nhưng do có sâu hay cạn, mà thành ba phẩm, cũng giống như trong phần nói về bậc thượng [vãng sanh trong kinh Vô Lượng Thọ].

Diễn: “Trong ba phẩm thượng cũng có người sanh về đó liền đắc Đà La Ni”, đây chính là từ Không xuất Giả, là Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo, là người đã đắc đạo chủng tánh, hay là người đã viên mãn tâm Thập Tín trong Viên Giáo. Đà La Ni thì một là có thể gìn giữ điều thiện, hai là có thể ngăn che điều ác, đó là Tổng Trì. “Trải qua một tiểu kiếp đắc Vô Sanh Nhãn”: Đây chính là đã đả phá, đoạn trừ Trần Sa, đã dự vào địa vị Thập Hạnh trong Biệt Giáo, đã đắc Tánh Chủng Bồ Đề, và

Bát Tín, Cửu Tín trong Viên Giáo. Đến đó trải qua một kiếp, mới nhập thánh chủng tánh, chứng Vô Sanh Nhân. Vô Sanh Nhân là nói tới Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo.

“Trải qua ba tiểu kiếp đắc Bách Pháp Minh Môn”: Đây là người vừa mới phá Kiến Tư, đã dự vào Thập Trụ trong Biệt Giáo, đã đắc Tập Chủng Bồ Đề, và là bậc Thất Tín trong Viên Giáo, đến đó, sau ba tiểu kiếp mới nhập thánh chủng tánh, đắc Bách Pháp Minh Môn. Nói Bách Pháp Minh Môn tức là đối với một trăm pháp trong Tướng Tông đều chứng Tam Đế, bèn dùng một trăm pháp để hiểu rõ, thấu đạt Tam Đế. Nếu hiểu rõ Tam Đế, thì sẽ hiểu rõ hết thấy, tâm rất hoan hỷ, gọi là Hoan Hỷ Địa).

(Sao) Trung chỉ tam phẩm, hữu sanh bỉ quốc, tức đắc A La Hán giả, hữu sanh bỉ bán kiếp, đắc A La Hán giả, hữu sanh bỉ nhất kiếp, đắc A La Hán giả. Phối tiền, tắc Sự doanh Lý khiếm, diệc dĩ thâm thiển, cố thành tam phẩm, lệ trung bồi dã.

(Diễn) Trung chỉ tam phẩm, hữu sanh bỉ quốc tức đắc A La Hán giả, nãi Tiểu Thừa thoát thất đại tâm chi nội phàm Nhân vị, cập Thế Độ Nhất nhân, ư lâm mạng chung thời, văn tán Phương Đăng, hồi tâm hướng Đại, đắc sanh Tịnh Độ. Nhân vô lậu đạo thực, tiện chứng tiểu quả; nhiên hồi hướng tâm, tu chí Biệt Giáo Thất Tín dĩ thượng, Viên Giáo quán hạnh, tứ, ngũ nhị phẩm, phương thị trung phẩm thượng sanh nhân dã. Sanh bỉ bán kiếp đắc A La Hán giả, thị Tiểu Thừa chi Noãn, Đánh nhị vị nhân, kỳ hồi hướng tâm năng chí Biệt Giáo Lục Tín dĩ hạ, Viên Giáo quán hạnh nhị, tam lưỡng phẩm, phương thị trung phẩm trung sanh nhân dã. Sanh bỉ nhất kiếp đắc A La Hán giả, nãi Tiểu Thừa chi ngoại phàm, kỳ hồi hướng tâm, năng chí Biệt Giáo sơ nhị lưỡng tín, Viên Giáo quán hạnh sơ phẩm, phương thị trung phẩm hạ sanh nhân dã.

(鈔)中之三品，有生彼國，即得阿羅漢者，有生彼半劫，得阿羅漢者，有生彼一劫，得阿羅漢者。配前，則事盈理歉，亦以深淺，故成三品，例中輩也。

(演)中之三品，有生彼國即得阿羅漢者，乃小乘退失大心之內凡忍位，及世第一人，於臨命終時，聞讚方等，回心向大，得生淨土。因無漏道熟，便證小果；然回向心，須至別教七信以上，圓教觀行，四五二品，方是中品

上生人也。生彼半劫得阿羅漢者，是小乘之暖頂二位人，其回向心能至別教六信以下，圓教觀行二三兩品，方是中品中生人也。生彼一劫得阿羅漢者，乃小乘之外凡，其回向心，能至別教初二兩信，圓教觀行初品，方是中品下生人也。

(Sao: Đối với ba phẩm trung, có người sanh về cõi ấy, liền đắc A La Hán. Có người sanh về đó nửa kiếp, đắc A La Hán. Có người sanh về đó một kiếp mới đắc A La Hán. Phối ứng với phần trên, thì [người vãng sanh thuộc ba phẩm trung] Sự nhất tâm trọn đủ, Lý nhất tâm thiếu khuyết, cũng do sâu hay cạn mà thành ba phẩm, cũng giống như trong phần nói về bậc trung [trong kinh Đại Bản].

Diễn: “Trong ba phẩm Trung, có người vừa sanh về cõi ấy, liền đắc quả A La Hán”: Đây chính là thuộc Nhân vị của nội phàm tức Tiểu Thừa thoái thất tâm Đại Thừa và hạng Thế Đệ Nhất; họ vào lúc sắp mạng chung, nghe tán thán kinh Phương Đẳng, bèn hồi tâm hướng về Đại Thừa, được sanh về Tịnh Độ. Do đạo vô lậu đã chín muồi, bèn chứng tiểu quả. Nhưng cái tâm hồi hướng cần phải là đạt từ địa vị Thất Tín trong Biệt Giáo trở lên, hoặc tứ phẩm hay ngũ phẩm quán hạnh trong Viên Giáo thì mới là người thuộc trung phẩm thượng sanh.

“Người sanh về đó nửa kiếp bèn đắc quả A La Hán” là người thuộc hai địa vị Noãn và Đảnh trong Tiểu Thừa, cái tâm hồi hướng của họ có thể là từ Lục Tín của Biệt Giáo trở xuống, hoặc nhị phẩm hay tam phẩm quán hạnh trong Viên Giáo thì mới là người thuộc trung phẩm trung sanh.

“Sanh về đó, một kiếp bèn đắc quả A La hán” chính là ngoại phàm thuộc Tiểu Thừa, cái tâm hồi hướng của họ có thể đạt đến Sơ Tín và Nhị Tín trong Biệt Giáo, hoặc là sơ phẩm quán hạnh trong Viên Giáo thì mới là người thuộc vào trung phẩm hạ sanh).

(Sao) Hạ chi tam phẩm, hữu vãng sanh bỉ quốc, kinh thập tiểu kiếp, đắc nhập Sơ Địa giả. Hữu kinh ư lục kiếp, liên hoa nãi khai, phát vô thượng đạo tâm giả. Hữu thập nhị đại kiếp, phát Bồ Đề tâm giả, phối tiền, tặc hữu Sự vô Lý, diệc dĩ thâm thiền, cố thành tam phẩm, lệ hạ bồi dã.

(Diễn) Hạ tam phẩm nhân, nhược luận giai vị, toàn vị phục Hoặc, dẫn văn pháp xưng Phật, năng diệt nghiệp chướng, nhi đắc

vãng sanh, nãi danh tự nhân dã, tùy công thiện thâm, phân ư tam phẩm. Vấn: “Hà trung tam phẩm sanh, giai thị tiểu thánh, hạ tam phẩm sanh, nãi vân đặc nhập Sơ Địa, phát vô thượng đạo tâm? Phát Bồ Đề tâm giả, khởi trung phẩm nãi giai liệt khí, hạ phẩm phản giai đại căn da?” Đáp: Trung phẩm vãng sanh hành nhân, đức hạnh hữu dư, trí lực bất túc, giai tại thử độ cần tu Giới, Định, bất phát đại tâm, đặc ư lâm chung, phát Đại Thừa tâm, nãi đặc vãng sanh. Cổ thuận kỳ tiên tập, dẫn chứng tiểu quả. Nhược hạ phẩm hành nhân, tắc Ngũ Nghịch, Thập Ác, thừa cấp giới hoãn phạm phu, đặc do lâm chung, thiện hữu khai phát, nhi đặc vãng sanh. Do giới hoãn cố, sanh cư hạ phẩm. Do thừa cấp cố, hậu giai bất kinh tiểu quả, trực nhập Đại Thừa dã. Như long nữ bát tuế thành Phật, Quảng Ngạch đồ nhi, phóng hạ đồ đao, thiên Phật nhất số, thị dã.

(鈔)下之三品，有往生彼國，經十小劫，得入初地者。有經於六劫，蓮華乃開，發無上道心者。有十二大劫，發菩提心者，配前，則有事無理，亦以深淺，故成三品，例下輩也。

(演)下三品人，若論階位，全未伏惑，但聞法稱佛，能滅業障，而得往生，乃名字人也，隨功淺深，分於三品。問：何中三品生，皆是小聖，下三品生，乃云得入初地，發無上道心？發菩提心者，豈中品乃皆劣器，下品反皆大根耶？答：中品往生行人，德行有餘，智力不足，皆在此土勤修戒定，不發大心，特於臨終，發大乘心，乃得往生。故順其先習，但證小果。若下品行人，則五逆十惡，乘急戒緩凡夫，特由臨終，善友開發，而得往生。由戒緩故，生居下品。由乘急故，後皆不經小果，直入大乘也。如龍女八歲成佛，廣額屠兒，放下屠刀，千佛一數，是也。

(Sao: “Ba phẩm hạ”: Có người vãng sanh cõi ấy, trải qua mười tiểu kiếp được nhập Sơ Địa. Có người trải qua sáu kiếp, hoa sen mới nở, phát vô thượng đạo tâm. Có người trải qua mười hai đại kiếp, phát Bồ Đề tâm. Phối hợp với phần trước, [hạ phẩm vãng sanh] có Sự nhưng không có Lý, cũng do sâu hay cạn mà thành ba phẩm, cũng giống như

phần nói về bậc hạ [trong kinh Đại Bốn].

Diễn: Đối với người thuộc ba phẩm Hạ, nếu luận theo địa vị, sẽ là hoàn toàn chưa chế phục Hoặc, chỉ nghe pháp, bèn xưng danh hiệu Phật; có thể diệt trừ nghiệp chướng bèn được vãng sanh, chính là hạng người Danh Tự [Tức Phật]. Tùy thuộc công hạnh cạn hay sâu mà chia thành ba phẩm.

Hỏi: “Cớ sao người vãng sanh trong ba phẩm trung đều là tiểu thánh, [thế mà] đối với ba phẩm hạ vãng sanh bèn nói là được nhập Sơ Địa, phát vô thượng đạo tâm? Phát Bồ Đề tâm thì từ trung phẩm trở đi đều là căn khí kém cỏi, cớ sao hạ phẩm lại ngược ngạo đều là đại căn?”
Đáp: Hành nhân trung phẩm vãng sanh đức hạnh có thừa, nhưng trí lực chẳng đủ, đều siêng năng tu tập Giới, Định trong cõi này, nhưng chẳng phát đại tâm, riêng trong lúc lâm chung phát tâm Đại Thừa, bèn được vãng sanh. Do vậy, thuận theo sự tu tập trước đó của họ, chỉ chứng tiểu quả. Nếu là hành nhân thuộc hạ phẩm, thì là phàm phu Ngũ Nghịch, Thập Ác, là hạng phàm phu hiểu biết về Phật đạo có thừa, nhưng giới luật buông lung, đặc biệt trong lúc lâm chung, được thiện hữu chỉ điểm, phát khởi, bèn được vãng sanh. Do giới hạnh lỏng lẻo, nên sanh trong hạ phẩm. Do hiểu biết Phật đạo, cho nên sau đó đều chẳng trải qua tiểu quả, mà tiến nhập thẳng vào Đại Thừa; Như long nữ tám tuổi thành Phật, gã đồ tể Quảng Ngạch buông dao mổ xuống, trở thành một vị trong một ngàn vị Phật, chính là hạng người này).

(Sao) Tể phân giả, như tiền giai phẩm trung, phân chi hựu phân, tắc bách thiên vạn ức vô tận bối phẩm, giai dĩ Sự Lý sở đắc thâm thiên, nhi vi thứ đệ dã.

(鈔)細分者，如前階品中，分之又分，則百千萬億無盡輩品，皆以事理所得深淺，而為次第也。

(Sao: Phân chia nhỏ ra thì như đối với các tầng cấp, phẩm vị đã nói trên đây, nếu lại chia nhỏ ra, sẽ là trăm ngàn vạn ức vô tận cấp bậc, phẩm vị, đều là dựa trên sự chứng đắc Sự nhất tâm, hay Lý nhất tâm sâu hay cạn để phân định thứ tự).

(Sớ) Như Quán Kinh dĩ thượng phẩm thượng sanh vi đắc Vô Sanh Nhân, Thiên Thai phán thuộc Sơ Địa, nhi Hoa Nghiêm minh Vô Sanh Nhân, tự hữu thiên thâm, tắc thượng thượng phẩm trung, tín hữu đa phẩm, huống phục dư phẩm.

(Sao) *Thiền thâm giả, Bát Địa Tịnh Nhãn phần trung, Sớ vân: “Vô Sanh Nhãn, lược hữu nhị chủng: Nhất, ước Pháp. Nhị, ước Hạnh. Ước Pháp, tắc chư vô khởi tác chi Lý, giai viết Vô Sanh, huệ tâm an thử, cố danh vi Nhãn. Ước Hạnh, tắc Báo Hạnh thuần thực, trí minh ư Lý, vô tướng, vô công, khoáng nhược hư không, trạm như đình hải, tâm thức vọng Hoặc tịch nhiên bất khởi, phương viết Vô Sanh”. Tiền thuyết do thông chư địa; hậu duy Bát Địa sở chuyên. Dư như tiền Tự trung biện, cố tri Vô Sanh Nhãn vi, tự hữu thiền thâm, tắc thượng thượng phẩm trung, tòng Nhất Địa dĩ thượng chí Bát Địa, dĩ dung đa phẩm, dư khả tri hỹ. Cố tế phân chi, diệc ưng vô lượng.*

(Diễn) *Ước pháp hạ, chư vô khởi tác chi Lý, tức bất sanh diệt tánh Bồ Đề Giác Lý dã. Huệ tâm, tức ly cấu xuất triền Thỉ Giác Trí dã. An thử giả, dĩ Thỉ Giác chi Trí khế Bồ Đề Giác chi Lý, Như Trí bất nhị dã. Nhãn giả, như nhãn sự nhân, tâm bất hoài nghi, diệc bất thuyết xuất, tâm trung liễu liễu, thổ lộ bất xuất ý dã. Ước Hạnh hạ, Báo Hạnh đối Tập Hạnh thuyết. Tập Hạnh giả, niệm niệm cần tu, tâm tâm thú nhập, gia công dụng hạnh, nãi hữu công dụng đạo, thuộc tiền thất địa chi hạnh dã. Báo Hạnh giả, bất tất cử tâm vận ý, nhậm vận lưu nhập Tát Bà Nhã hải, vô công dụng đạo, nãi Đệ Bát Địa chi hạnh dã. Trí minh ư Lý, xuất Hạnh Thễ dã. Hạnh vô biệt Thễ, dĩ Trí vi Thễ. Vô tướng tam cú, minh Hạnh Tướng dã. Lý vô tướng, vô công, cố Hạnh diệc vô tướng, vô công, Lý khoáng nhược hư không, trạm như đình hải, cố Hạnh diệc khoáng nhược hư không, trạm như đình hải. Tâm thức hạ nhị cú, minh Dụng. Hạnh Thễ như nhật, vọng Hoặc như ám, Báo Hạnh hiện tiền, vọng Hoặc bất khởi. Cố kinh vân: “Bát Địa Bồ Tát, ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt, thỉ danh chân đắc Vô Sanh Pháp Nhãn”, như tiền sở thuyết.*

(疏)如觀經以上品上生為得無生忍，天台判屬初地，而華嚴明無生忍，自有淺深，則上上品中，信有多品，況復餘品。

(鈔)淺深者，八地淨忍分中，疏云：無生忍，略有二種：一、約法，二、約行。約法，則諸無起作之理，皆曰無生，慧心安此，故名為忍。約行，則報行純熟，智冥於理，無相無功，曠若虛空，湛如淨海，心識妄惑寂然不起，方曰無生。前說猶通諸地；後唯八地所專。餘如前序

中辨，故知無生忍位，自有淺深，則上上品中，從一地以上至八地，已容多品，餘可知矣。故細分之，亦應無量。

(演)約法下，諸無起作之理，即不生滅性本覺理也。慧心，即離垢出纏始覺智也。安此者，以始覺之智契本覺之理，如智不二也。忍者，如忍事人，心不懷疑，亦不說出，心中了了，吐露不出意也。約行下，報行對集行說。集行者，念念勤修，心心趣入，加功用行，乃有功用道，屬前七地之行也。報行者，不必舉心運意，任運流入薩婆若海，無功用道，乃第八地之行也。智冥於理，出行體也。行無別體，以智為體。無相三句，明行相也。理無相無功，故行亦無相無功，理曠若虛空，湛如淳海，故行亦曠若虛空，湛如淳海。心識下二句，明用。行體如日，妄惑如暗，報行現前，妄惑不起。故經云：八地菩薩，離一切心意識分別，始名真得無生法忍，如前所說。

(Sớ: Như Quán Kinh nói thượng phẩm thượng sanh đã đắc Vô Sanh Nhân, ngài Thiên Thai phán định địa vị ấy thuộc về Sơ Địa; nhưng kinh Hoa Nghiêm nói rõ Vô Sanh Nhân có mức độ sâu hay cạn [khác nhau], như vậy thì trong thượng thượng phẩm, chắc chắn là bao gồm nhiều phẩm, huống hồ là các phẩm khác.

Sao: “[Kinh Hoa Nghiêm nói Vô Sanh Nhân có mức độ] cạn, hay sâu”: Trong phần sớ giải về Tịnh Nhân của Bát Địa, đã nói: “Vô Sanh Nhân đại lược lại có hai loại, một là xét theo Pháp, hai là xét theo Hạnh. Xét theo Pháp, thì hẳn chẳng có các Lý để phát khởi, tạo tác, đều gọi là Vô Sanh; huệ tâm an trụ nơi ấy, nên gọi là Nhân. Xét theo Hạnh thì Báo Hạnh thuần thực, trí ngậm hợp Lý, chẳng có hình tướng, chẳng có công năng, thân thang như hư không, êm ả như biển lặng, vọng Hoặc trong tâm thức lặng yên chẳng dậy lên thì mới gọi là Vô Sanh”. Những điều nói trong phần trước còn áp dụng cho các địa; những điều nói trong loại sau chỉ chuyên về Bát Địa. Những điều khác thì như đã biện định trong phần Tựa nơi các đoạn trước. Vì thế, biết là đối với địa vị Vô Sanh Pháp Nhân, sẽ có các [địa vị] sâu hay cạn. Cho nên trong thượng thượng phẩm, từ Sơ Địa cho đến Bát Địa đã bao gồm nhiều phẩm, [do vậy], đối với những phẩm khác, có thể suy ra mà biết. Do đó, nếu phân chia tỉ mỉ, [các phẩm vị thật sự thuộc loại thượng thượng phẩm] cũng phải là vô

lượng.

Diễn: Từ “xét theo pháp” trở đi, [ý nói] các Lý chẳng phát khởi tác dụng chính là Bốn Giác Lý có tánh chất chẳng sanh diệt. Huệ tâm chính là Thi Giác Trí là cầu, thoát khỏi ràng buộc [của phiền não]. “An trụ trong ấy” là dùng Thi Giác Trí để khế nhập Bốn Giác Lý, Như và Trí chẳng hai. “Nhẫn” là như người có thể chịu đựng các sự, tâm chẳng hoại nghi, cũng chẳng nói ra. Trong tâm hiểu rõ ràng ràng, nhưng chẳng thốt lời, tỏ ý. Từ chữ “xét theo Hạnh” trở đi, trình bày sự khác biệt giữa Báo Hạnh và Tập Hạnh. Tập Hạnh là mỗi niệm đều siêng tu, tâm tâm tiến nhập, gia công dụng hạnh, chính là hữu công dụng đạo (dụng công tu tập), thuộc về các hạnh thuộc bảy địa trước.

Báo Hạnh thì chẳng cần phải khởi tâm, vận dụng ý, mà tùy tiện lưu nhập biến Nhất Thiết Trí, thuộc về vô công dụng đạo, chính là hạnh thuộc về Đệ Bát Địa. “Trí ngàm hợp Lý” là nêu ra cái Thể của Hạnh. Hạnh không có cái Thể riêng, dùng Trí làm Thể. Ba câu “vô tướng” nhằm nói rõ Tướng của Hạnh. Lý không có tướng, không có công năng, cho nên Hạnh cũng là không có tướng, không có công năng. Lý mệnh môn dường như hư không, êm ả như biển lặng, cho nên Hạnh cũng mệnh môn dường như hư không, êm ả như biển lặng. Hai câu từ “tâm thức” trở đi nhằm giải thích về Dụng. Thể của Hạnh như mặt trời, các phiền não hư vọng như tối tăm. Báo Hạnh hiện tiền, các phiền não hư vọng chẳng dậy lên. Vì thế, kinh nói: “Bát Địa Bồ Tát là hết thấy tâm, ý, thức phân biệt thì mới gọi là thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn” như đã nói trên đây).

(Sớ) Hựu tam bối, cửu phẩm, nhị kinh tương phối, chư thuyết sảo dị, như Phụ Chánh sở giải dung chi.

(Sao) Quán Kinh Sớ vân: “Thử kinh cửu phẩm, vị linh thức vị cao hạ, tức Đại Bản tam bối dã”. Cô Sơn vị Đại Bản tam bối, chỉ tề Quán Kinh lục phẩm, dĩ tam bối thuần minh thiện hạnh, bất cập ác nhân dã. Linh Chi phán tam bối chỉ đối thượng phẩm. Cổ vân: “Chư thuyết sảo dị”. Thảo Am Phụ Chánh Giải viết: “Thiên Thai dĩ cửu phẩm đồng tam bối giả, nãi ước vị thứ tương đồng, bất ước hạnh nhân nhi ngôn; tắc Cô Sơn, Linh Chi giai bất vị Thiên Thai. Sở dĩ nhiên giả? Dĩ Thiên Thai dẫn ước vị thứ, tắc bối phẩm chánh đồng. Nhị sư duy ước hạnh nhân, tắc chỉ tề trung thượng. Các hữu sở cứ, thủ nghĩa bất đồng, cố bất vi dã”. Khắc thật nhi luận, tắc phiền não bất dị Bồ Đề, thử ác hà phương chung thiện? Ác nhân ký dĩ thành thiện, khởi bất

hiền thánh đồng khoa? Tam bối cửu phẩm, chánh tương phối hợp, hựu hà nghi yên?

(Diễn) Cô Sơn tam bối tề Quán Kinh lục phẩm giả, dĩ Đại Bản tam bối thuần minh thiện hạnh, bất cập ác nhân. Quán Kinh hạ tam phẩm nhân, giai Ngũ Nghịch, Thập Ác nhân cố. Linh Chi tam bối đối thượng tam phẩm giả, dĩ Đại Bản tam bối giai phát Bồ Đề tâm, Quán Kinh hậu lục giai vị cập cố. Khắc thật nhị luận hạ, vị tiền tam thuyết nãi cửu hạnh, cửu vị, thủ nghĩa bất đồng, phi khắc thật nhị luận. Nhược khắc thật nhị luận, tắc phiền não, Bồ Đề giai vô thật pháp, phiền não chi tánh tức Bồ Đề tánh, tiền niệm thị ác, hậu niệm thị thiện, hữu hà ngại dã? Ác nhân ký dĩ thành thiện, khởi bất hiền thánh đồng khoa? Như A Xà Thế thí phụ, hại mẫu, ưng đọa A Tỳ, hậu nhân trọng hối, đắc vô căn tín, tức thượng phẩm nhiếp thị dã, hướng trung hạ da?

(疏)又三輩九品，二經相配，諸說稍異，如輔正所解融之。

(鈔)觀經疏云：此經九品，為令識位高下，即大本三輩也。孤山謂大本三輩，止齊觀經六品，以三輩純明善行，不及惡人也。靈芝判三輩止對上品。故云：諸說稍異。草庵輔正解曰：天台以九品同三輩者，乃約位次相同，不約行因而言；則孤山靈芝皆不違天台。所以然者？以天台但約位次，則輩品正同。二師唯約行因，則止齊中上。各有所據，取義不同，故不違也。剋實而論，則煩惱不異菩提，始惡何妨終善？惡人既已成善，豈不賢聖同科？三輩九品，正相配合，又何疑焉？

(演)孤山三輩齊觀經六品者，以大本三輩純明善行，不及惡人。觀經下三品人，皆五逆十惡人故。靈芝三輩對上三品者，以大本三輩皆發菩提心，觀經後六皆未及故。剋實而論下，謂前三說乃據行據位，取義不同，非剋實之論。若剋實而論，則煩惱菩提皆無實法，煩惱之性即菩提性，前念是惡，後念是善，又何礙也？惡人既已成善，豈不賢聖同科？如阿闍世弑父害母，應墮阿鼻，後因重悔，得無根信，即上品攝是也，況中下耶？

(*Sớ*: Lại nữa, phối hợp giữa ba bậc và chín phẩm của hai kinh thì các thuyết sai khác đôi chút, như trong tác phẩm [Quán Kinh] Phụ Chánh Giải đã giải thích dung thông.

Sao: Quán Kinh Sớ nói: “Chín phẩm trong kinh này là khiến cho [Tịnh nghiệp hành nhân] biết địa vị cao hay thấp, đấy chính là ba bậc trong Đại Bản”. Ngài Cô Sơn cho rằng ba bậc của Đại Bản chỉ bằng với sáu phẩm trong Quán Kinh, vì ba bậc thuần nói về thiện hạnh, chẳng nhắc đến kẻ ác. Ngài Linh Chi phán định ba bậc [trong kinh Vô Lượng Thọ] chỉ ứng với thượng phẩm [trong Quán Kinh]. Vì thế nói là “các thuyết hơi khác nhau”.

Trong sách [Quán Kinh] Phụ Chánh Giải của ngài Thảo Am [Đạo Nhân] có nói: “[Trong Quán Kinh Sớ], ngài Thiên Thai coi ba bậc tương đồng chín phẩm, chính là xét theo địa vị giống nhau, chứ không xét theo nhân hạnh để nói. Cho nên Cô Sơn và Linh Chi đều chẳng mâu thuẫn với ngài Thiên Thai. Vì có sao vậy? Do ngài Thiên Thai chỉ xét theo địa vị, cho nên bậc và phẩm đúng là tương đồng. Hai vị kia (Cô Sơn và Linh Chi) chỉ xét theo nhân hạnh, nên [ba bậc trong Đại Kinh] chỉ tương ứng với trung phẩm và thượng phẩm. Mỗi vị đều có căn cứ để quyết đoán nghĩa lý khác nhau. Do vậy, chẳng mâu thuẫn”. Luận định theo sự thật, phiền não chẳng khác Bồ Đề, thoát đầu là ác, há trở ngại cuối cùng là lành? Kẻ ác đã trở thành thiện, há chẳng phải là cùng một loại với bậc thánh hiền? Ba bậc, chín phẩm, đúng là phù hợp khít khao, còn ngờ chi nữa?

Diễn: “Ngài Cô Sơn cho rằng ba bậc [của Đại Bản] bằng với sáu phẩm trong Quán Kinh” là vì ba bậc trong Đại Bản thuần nói về thiện hạnh, chẳng nhắc tới kẻ ác; người thuộc ba phẩm Hạ trong Quán Kinh đều là phàm phu Ngũ Nghịch, Thập Ác. Ngài Linh Chi cho rằng ba bậc [trong Đại Bản] tương ứng ba phẩm thượng [của Quán Kinh], vì ba bậc trong Đại Bản đều phát Bồ Đề tâm, sáu phẩm sau trong Quán Kinh đều chẳng nhắc tới [Bồ Đề tâm]. Từ chữ “luận định theo sự thật” trở đi, ý nói: Ba thuyết trên đây dựa theo hạnh hay dựa theo địa vị mà có ý nghĩa bất đồng, chẳng phải là luận định theo sự thật. Luận định theo sự thật, phiền não lẫn Bồ Đề đều là pháp chẳng thật. Tánh của phiền não chính là tánh của Bồ Đề, niệm trước là ác, niệm sau là thiện, có trở ngại gì? Kẻ ác đã trở thành thiện, há chẳng phải là cùng loại với bậc hiền thánh? Như vua A Xà Thế giết cha, hại mẹ, đáng đọa vào A Tỳ, do về sau hối hận sâu xa, đạt được vô căn tín, bèn thuộc vào thượng phẩm; hướng hồ trung hạ phẩm ư?)

(Sớ) *Hữu Hoa Nghiêm minh niệm Phật giả, số dữ tâm đẳng, tức thị tam bối cửu phẩm tùy nhân bất đồng nghĩa.*

(Sao) *Số tâm đẳng giả, Hoa Nghiêm nhị thập tam kinh, Ly Cấu Tràng Bồ Tát kệ vân: “Dĩ Phật vì cảnh giới, chuyên niệm nhi bất xả, thử nhân đắc kiến Phật, kỳ số dữ tâm đẳng”. Thích vân: Số dữ tâm đẳng giả, vị tùy niệm tùy hiện. Tùy niệm hữu nhị: Nhất, tùy niệm đa thiểu, Phật diệt như chi. Như niệm Phật nhất thanh, hữu nhất hóa Phật từng khẩu trung xuất đẳng. Nhị, tùy niệm thiện thâm, Phật ưng xứng chi, như lâm chung kiến Phật hữu thắng, hữu liệt đẳng. Đa, thiểu, thiện, thâm, tức bối phẩm phân biệt dã. Thử nhân đắc kiến Phật giả, tức A Di Đà Phật hiện tại kỳ tiền dã. Chuyên niệm giả, tức nhất tâm bất loạn dã.*

(Diễn) *Tùy niệm thiện thâm, Phật ưng xứng chi giả, Sự nhất tâm niệm tắc thiện, Lý nhất tâm niệm tắc thâm. Thiện tắc dĩ Sự thức kiến Phật, dẫn kiến Ứng Thân chi liệt. Thâm tắc dĩ nghiệp thức kiến Phật, nãi kiến Báo Thân chi thắng.*

(疏) 又華嚴明念佛者，數與心等，即是三輩九品隨因不同義。

(鈔) 數心等者，華嚴二十三經，離垢幢菩薩偈云：以佛為境界，專念而不捨，此人得見佛，其數與心等。釋云：數與心等者，謂隨念隨現。隨念有二：一、隨念多少，佛亦如之。如念佛一聲，有一化佛從口中出等。二、隨念淺深，佛應稱之，如臨終見佛有勝，有劣等。多少淺深，即輩品分別也。此人得見佛者，即阿彌陀佛現在其前也。專念者，即一心不亂也。

(演) 隨念淺深，佛應稱之者，事一心念則淺，理一心念則深。淺則以事識見佛，但見應身之劣。深則以業識見佛，乃見報身之勝。

(Sớ) *Lại nữa, kinh Hoa Nghiêm giảng về niệm Phật, [có nói] “số và tâm bằng nhau” chính là ý nghĩa ba bậc, chín phẩm là do cái nhân mà khác nhau vậy.*

Sao: “Số, tâm bằng nhau” là như trong quyển hai mươi ba kinh Hoa Nghiêm, trong phần kệ của Ly Cấu Tràng Bồ Tát có câu: “Dùng Phật làm cảnh giới, chuyên niệm, chẳng buông xả. Người ấy được thấy

Phật, số và tâm tương ứng”. Giải thích: “Số và tâm tương ứng”, nghĩa là thuận theo ý niệm mà hiện. “Tùy niệm” có hai [ý nghĩa]: Một là tùy theo niệm nhiều hay ít, mà Phật [hóa hiện] cũng như thế. Như niệm Phật một tiếng, có một Hóa Phật từ trong miệng bay ra v.v... Hai là tùy theo niệm cạn hay sâu, Phật sẽ ứng hiện tương xứng, như lâm chung thấy [hình tướng của] Phật thù thắng hay kém cỏi v.v... [Do có cảnh tượng] nhiều, ít, cạn, sâu, cho nên có bậc và phẩm phân biệt. “Người ấy được thấy Phật” tức là A Di Đà Phật hiện trước mặt người ấy. “Chuyên niệm” chính là nhất tâm bất loạn.

Diễn: “Tùy theo niệm cạn hay sâu, Phật sẽ ứng hiện tương xứng”: Sự nhất tâm niệm thì cạn, Lý nhất tâm niệm thì sâu. Cạn thì dùng Sự Thức để thấy Phật, chỉ thấy Ứng Thân kém cỏi. Sâu thì dùng Nghiệp Thức để thấy Phật, bèn thấy Báo Thân thù thắng).

(Sớ) Hựu Chí Nhân nhị chủng Tịnh nghiệp, diệc tam bối cửu phẩm nghĩa.

(Sao) Chí Nhân pháp sư vân: “Vãng sanh nhất môn, hữu nhị Tịnh nghiệp: Nhất, viết chánh quán, mặc chiếu bốn tâm dã. Nhị, viết trợ hạnh, bị tu vạn thiện dã. Nhị sự câu đắc, tắc liễu đạt tứ Tịnh Độ hỹ”. Như chỉ đắc Sự thiện giả, cận sanh Đồng Cư, viễn tác tam độ nhân nhĩ. Cố tri Tịnh Độ, chánh cứu lý Bồ Tát sở đăng cảnh giới, nhi kiêm dung du du chúng sanh nhĩ.

(Diễn) Chánh quán mặc chiếu bốn tâm giả, dĩ Nhất Tâm Tam Quán chiếu Tam Đế nhất cảnh, Như Trí tương ứng, tùy lưu thức tánh dã. Cổ vân: “Tâm tùy vạn cảnh chuyển, chuyển xứ thật năng u. Tùy lưu nhận đắc tánh, vô hỷ diệc vô ưu”, thị dã. Trợ hạnh bị tu vạn thiện giả, tuy chiếu bốn tâm, bất tu vạn thiện, tắc tánh diệc bất lăng. Như luận vân: “Như nhân dẫn niệm ma-ni bảo châu, bất gia chủng chủng ma trị chi công, châu diệc bất tịnh. Dẫn niệm Chân Như, bất giả chủng chủng vạn hạnh ma trị, Chân Như diệc bất minh tịnh”. Cố tuy liễu tri tự tánh bốn vô xan tham, bất phương tùy thuận vô tham, tu Đàn Ba La Mật, dĩ tu hành vạn hạnh, tự nhiên tùy thuận Chân Như cố. Nhị Sự câu đắc, liễu đạt tứ Tịnh Độ giả, như thử chánh trợ song tu, Sự Lý song bị, tiên phục Kiến Tư, sanh Đồng Cư Tịnh, thứ đoạn Kiến Tư, sanh Phương Tiện Tịnh, thứ đoạn Trần Sa vô minh, sanh Thật Báo, Tịch Quang Tịnh. Như chỉ đắc Sự thiện giả, vị bất tu Chánh Quán, đồ tu Sự hạnh, năng phục Kiến Tư, viễn tác tam độ nhân nhĩ, Cố tri Tịnh Độ hạ, tầm thường dĩ Tịnh Độ nhất môn duy

nhiep độn căn phàm phu, Thiền Tông viên đốn pháp môn, nãi cứu Lý Bồ Tát cảnh giới; nhược như thượng luận, tắc Tịnh Độ chánh cứu Lý Bồ Tát cảnh giới, du du chúng sanh nãi kiêm dung nhĩ.

(疏)又志眼二種淨業，亦三輩九品義。

(鈔)志眼法師云：往生一門，有二淨業：一、曰正觀，默照本心也。二、曰助行，備修萬善也。二事俱得，則了達四淨土矣。如止得事善者，近生同居，遠作三土因耳。故知淨土，正究理菩薩所登境界，而兼容悠悠眾生耳。

(演)正觀默照本心者，以一心三觀照三諦一境，如智相應，隨流識性也。古云：心隨萬境轉，轉處實能幽。隨流認得性，無喜亦無憂，是也。助行備修萬善者，雖照本心，不修萬善，則性亦不朗。如論云：如人但念摩尼寶珠，不加種種磨治之功，珠亦不淨。但念真如，不假種種萬行磨治，真如亦不明淨。故雖了知自性本無慳貪，不妨隨順無貪，修檀波羅蜜，以修行萬行，自然隨順真如故。二事俱得，了達四淨土者，如此正助雙修，事理雙備，先伏見思，生同居淨，次斷見思，生方便淨，次斷塵沙無明，生實報寂光淨。如止得事善者，謂不修正觀，徒修事行，能伏見思，遠作三土因耳，故知淨土下，尋常以淨土一門唯攝鈍根凡夫，禪宗圓頓法門，乃究理菩薩境界；若如上論，則淨土正究理菩薩境界，悠悠眾生乃兼容耳。

(Sớ: Lại nữa, hai thứ Tịnh nghiệp như ngài Chí Nhân đã nói cũng là ý nghĩa “ba bậc, chín phẩm”.

Sao: Pháp sư Chí Nhân nói: “Một môn vãng sanh có hai thứ Tịnh nghiệp. Một là Chánh Quán thâm chiếu soi bốn tâm. Hai là Trợ Hạnh, tu trọn muôn điều thiện. Cả hai điều đều đạt được, sẽ thông đạt rành rẽ bốn cõi Tịnh Độ. Nếu như chỉ đạt được điều thiện về mặt Sự thì gần là sanh trong cõi Đồng Cư, xa thì sẽ là cái nhân để sanh trong ba cõi kia vậy”. Vì thế biết Tịnh Độ chính là cảnh giới để đạt lên của bậc Bồ Tát thấu hiểu rốt ráo Lý, kèm thêm hàng chúng sanh ngu ngơ vậy.

Diễn: “Chánh Quán thâm chiếu soi bốn tâm”: Dùng Nhất Tâm

Tam Quán để chiếu cảnh Tam Đế, Như và Trí tương ứng, thuận theo thức tánh. Cổ nhân nói: “Tâm chuyển theo muôn cảnh, chỗ chuyển thật u huyền, thuận dòng nhận biết tánh, không mừng cũng chẳng lo” là nói về ý này.

“Trợ Hạnh tu trọn muôn điều thiện”: Tuy chiếu soi bốn tâm, nhưng chẳng tu muôn điều thiện thì tánh cũng chẳng rạng ngời. Như Luận nói: “Như người chỉ nghĩ tới ma-ni bảo châu mà chẳng đồ sức giỏi mài mọi lẽ, châu cũng chẳng thanh tịnh. Chỉ nghĩ tới Chân Như, mà chẳng nhờ vào muôn hạnh để giỏi mài, Chân Như cũng chẳng sáng sạch”. Vì thế, tuy biết rõ tự tánh vốn chẳng có keo kiệt, tham lam, chẳng ngại tùy thuận vô tham, tu Đàn Ba La Mật, dùng tu hành vạn hạnh để tự nhiên tùy thuận Chân Như.

“Cả hai điều đều đạt được, sẽ thông đạt rành rẽ bốn cõi Tịnh Độ”: Chánh trợ song tu như vậy, Sự lẫn Lý đều đủ, trước hết là chế phục Kiến Tư, sanh vào cõi tịnh Đồng Cư. Kế đó, đoạn Kiến Tư, sanh vào cõi tịnh Phương Tiện. Kế đó, đoạn Trần Sa và vô minh, sanh vào cõi tịnh Thật Báo và Tịch Quang. Nếu chỉ đắc Sự thiện, tức là chẳng tu Chánh Quán, chỉ tu hạnh theo mặt Sự, có thể chế phục Kiến Tư, sẽ làm cái nhân xa cho ba cõi Tịnh Độ.

Từ “cho nên biết Tịnh Độ” trở đi, kẻ bình phàm cho rằng pháp môn Tịnh Độ chỉ thấu nhiếp độn căn phàm phu, còn pháp môn Thiền Tông chính là cảnh giới của bậc đã thông đạt Lý. Nếu luận định như trên thì Tịnh Độ chính là cảnh giới của bậc Bồ Tát đã thông đạt Lý, chỉ tiếp độ kèm thêm chúng sanh ngu ngơ đó thôi).

(Sao) Hựu vân: Viên cơ thể đạo, thị tối thượng tịnh nghiệp. Cầu gia nguyện dĩ đạo chi, tức dự ưu phẩm. Ngu phác chi bối, dẫn xưng Phật phát nguyện giả diệt sanh. Quán Tịnh Độ nhất môn, tắc thánh nhân vô khí vật dã. Án sở vân Chánh Quán, thông hồ thượng trung. Sở vân Trợ Hạnh, thông hồ trung hạ. Hữ pháp sư thử luận cực thiện, quán giả vô hốt.

(Diễn) Viên cơ thể đạo tối thượng tịnh nghiệp giả, viên văn diệu lý, khởi viên tín giải, giải nhập Tịch Quang, cầu gia nguyện lực đạo chi, như khinh phàm đắc ngộ thuận phong, thượng phẩm thượng sanh hà nghi yên? Ngu phác chi bối bất minh Lý tánh, dẫn tín tâm xưng danh, phát nguyện vãng sanh, diệt đắc sanh bỉ. Cổ tri Tịnh Độ nhất môn, thượng cấp bất thoái Bồ Tát, hạ cấp du du phàm phu, tam căn phổ bị, thượng hạ kiêm thấu, vô bất độ dã. Chánh Quán thông

thượng trung giả, mặc chiếu bốn tâm, năng đoạn Kiến Tư, Trần Sa, tức thượng phẩm, dẫn phục bất đoạn, tức trung phẩm. Trạo Hạnh thông trung hạ giả, tu vạn hạnh thời, năng phục Kiến Tư, tức trung phẩm, toàn vị năng phục, đối Hoặc vãng sanh, tức hạ phẩm.

(鈔)又云：圓機體道，是最上淨業。苟加願以導之，即預優品。愚朴之輩，但稱佛發願者亦生。觀淨土一門，則聖人無棄物也。按所云正觀，通乎上中。所云助行，通乎中下。有法師此論極善，觀者毋忽。

(演)圓機體道最上淨業者，圓聞妙理，起圓信解，解入寂光，苟加願力導之，如輕帆得遇順風，上品上生何疑焉？愚樸之輩不明理性，但信心稱名，發願往生，亦得生彼。故知淨土一門，上及不退菩薩，下及悠悠凡夫，三根普被，上下兼收，無不度也。正觀通上中者，默照本心，能斷見思塵沙，即上品，但伏不斷，即中品。助行通中下者，修萬行時，能伏見思，即中品，全未能伏，帶惑往生，即下品。

(Sao: Lại nói: “Căn tánh Viên Giáo thấu hiểu đạo chính là tịnh nghiệp tối thượng. Nếu dùng thêm Nguyên để hướng dẫn, sẽ dự vào phẩm vị thù thắng. Kẻ ngu độn, chất phác chỉ xưng danh hiệu Phật, phát nguyện, cũng được vãng sanh. Nhìn vào pháp môn Tịnh Độ, biết là thánh nhân chẳng bỏ một chúng sanh nào. Xét ra, Chánh Quán như đã nói chính là áp dụng cho bậc thượng và bậc trung; Trạo Hạnh như đã nói thích hợp cho bậc trung và bậc hạ. Có luận định tốt lành tội bậc của vị pháp sư ấy, người xem [sách này] chớ nên sơ sót.

Diễn: “Căn tánh Viên Giáo thấu hiểu đạo chính là tịnh nghiệp tối thượng”: Nghe diệu lý viên mãn, dấy lên tín giải viên mãn, giải nhập cõi Tịch Quang; nếu lại thêm nguyện lực hướng dẫn, sẽ như buồm nhẹ gặp gió thuận, thượng phẩm thượng sanh há có ngờ chi? Kẻ ngu độn, chất phác, chẳng hiểu Lý tánh, chỉ tín tâm xưng danh, phát nguyện vãng sanh, cũng được sanh về đó. Vì vậy biết một môn Tịnh Độ trên là đến bậc Bồ Tát bất thoái, dưới là đến hạng phàm phu ngu ngơ, thích hợp trọn khắp ba căn, thượng căn lẫn hạ căn đều thấu nhiếp, không ai chẳng được độ. “Chánh Quán áp dụng cho bậc thượng và trung”: Ngắm chiếu bốn tâm, có thể đoạn Kiến Tư và Trần Sa thì là thượng phẩm. Chỉ chế phục chẳng

đoạn thì là trung phẩm. “Trợ Hạnh áp dụng cho trung căn và hạ căn”: Khi tu vạn hạnh, có thể chế phục Kiến Tư tức là trung phẩm. Hoàn toàn chưa thể chế phục, mang theo Hoặc vọng sanh thì là hạ phẩm).

(Sớ) Hữu ngôn cứu phẩm, bát tòng liên sanh, dĩ đệ nhất phẩm vân kim cang đài cổ. Kim tham hợp kinh luận, nhưng dĩ cứu phẩm giai thuộc liên sanh.

(Sao) Bát tòng liên sanh giả, cứ Quán Kinh thượng phẩm thượng sanh văn vân: “Tự kiến kỳ thân, thừa kim cang đài”, đọc vô “liên hoa” nhị tự, cổ ngôn: “Hạ chi bát phẩm, nãi tòng liên sanh”. Nhiên kinh luận sở minh, lịch lịch giai thuyết sanh Tây Phương giả, câu tòng liên sanh. Đại Bản Pháp Tạng nguyện vân: “Vô ương số thế giới, chư thiên nhân dân, dĩ chí quyền nhuyển, sanh ngã sát giả, giai ư thất bảo trì nội, liên hoa trung hóa sanh”. Ngôn “giai”, tắc khái cử cứu phẩm hỷ. Hựu vân: “Tha phương chư đại Bồ Tát, dục kiến A Di Đà Phật giả, kính ư bỉ quốc thất bảo trì nội, liên hoa hóa sanh”. Ngôn “đại Bồ Tát”, tắc tất phi trung hạ hỷ. Hựu vân: “Kỳ thượng bối giả, mạng dục chung thời, Phật dữ thánh chúng, tất lai nghênh trí, tức ư thất bảo trì nội, liên hoa hóa sanh”. Ngôn “thượng bối”, tức chánh đối thượng phẩm hỷ, tịnh vô tối thượng bất liên chi ý. Hựu Pháp Hoa vân: “Văn thử kinh điển, như thuyết tu hành, mạng chung tức vãng Cực Lạc thế giới. A Di Đà Phật, đại Bồ Tát vì nhiều trụ xứ, sanh liên hoa trung, đắc Bồ Tát thần thông, Vô Sanh Pháp Nhân”. Phù đắc Vô Sanh Nhân, phi thượng thượng phẩm hồ? Hựu Hạnh Nguyện phẩm, Phổ Hiền Bồ Tát dĩ thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc, nhi viết: “Bỉ Phật chúng hội hàm thanh tịnh, ngã thời ư thắng liên hoa sanh”. Phù Phổ Hiền vãng sanh, phi thượng thượng phẩm hồ? Hựu Bảo Tích minh thập tâm hồi hướng, hậu đắc liên hoa hóa sanh. Phù thập tâm Bồ Tát, phi thượng thượng phẩm hồ? Dĩ thị tham khảo, xác hữu minh chứng.

(Diễn) Tự kinh luận sở minh, chí xác hữu minh chứng, tam dẫn Đại Bản, tam dẫn chư kinh, giai chứng thượng phẩm, tòng liên hoa sanh dã.

(疏)有言九品，八從蓮生，以第一品云金剛臺故。今參合經論，仍以九品皆屬蓮生。

(鈔)八從蓮生者，據觀經上品上生文云：自見其身，乘金剛臺，獨無蓮華二字，故言：下之八品，乃從蓮生。

然經論所明，歷歷皆說生西方者，俱從蓮生。大本法藏願云：無央數世界，諸天人民，以至蜎蛸，生我剎者，皆於七寶池內，蓮華中化生。言皆，則概舉九品矣。又云：他方諸大菩薩，欲見阿彌陀佛者，徑於彼國七寶池內，蓮華化生。言大菩薩，則必非中下矣。又云：其上輩者，命欲終時，佛與聖眾，悉來迎致，即於七寶池內，蓮華化生。言上輩，即正對上品矣，並無最上不蓮之意。又法華云：聞此經典，如說修行，命終即往極樂世界。阿彌陀佛大菩薩圍繞住處，生蓮華中，得菩薩神通，無生法忍。夫得無生忍，非上上品乎？又行願品，普賢菩薩以十大願王導歸極樂，而曰：彼佛眾會咸清淨，我時於勝蓮華生。夫普賢往生，非上上品乎？又寶積明十心回向，後得蓮華化生。夫十心菩薩，非上上品乎？以是參考，確有明證。

(演)自經論所明，至確有明證，三引大本，三引諸經，皆證上品，從蓮花生也。

(Sớ: Có kẻ nói trong chín phẩm, có tám phẩm là sanh trong hoa sen, vì [Quán Kinh] nói phẩm thứ nhất là đài kim cang. Nay tham chiếu, phối hợp các kinh luận, vẫn nói là chín phẩm đều sanh trong hoa sen.

Sao: “Tám phẩm sanh từ hoa sen”: Căn cứ theo kinh văn trong phần Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh có nói: “Tự thấy thân mình ngồi đài kim cang”, chỉ riêng phẩm ấy chẳng có hai chữ “hoa sen”; vì thế nói: “Tám phẩm dưới đó mới là sanh từ trong hoa sen”. Nhưng kinh luận đã nói rõ, đều bảo rành rành: “Người sanh về Tây Phương đều sanh từ hoa sen”.

Trong kinh Đại Bốn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Vô ương số thế giới, chư thiên, nhân dân, cho đến loài côn trùng ngọ nguậy, sanh về cõi ta, đều ở trong ao bảy báu, hóa sanh trong hoa sen”. Nói là “đều”, tức là nói chung cả chín phẩm. Lại nói: “Các vị đại Bồ Tát từ phương khác muốn thấy A Di Đà Phật, bèn nhanh chóng hóa sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu của cõi đó”. Nói là “đại Bồ Tát”, ắt chẳng phải là trung hạ căn. Lại nói: “Bậc thượng là khi mạng sắp chấm dứt, Phật và thánh chúng đều đến đón, liền ở trong ao bảy báu, hóa sanh trong hoa sen”. Đã nói là “bậc thượng”, tức là tương ứng khít khao với thượng phẩm

[trong Quán Kinh], trọn chẳng có ý nghĩa “phẩm bậc vắng sanh tối thượng chẳng có hoa sen”.

Lại nữa, kinh Pháp Hoa nói: “Nghe kinh điển này, tu hành đúng như lời dạy, mạng chung liền về thế giới Cực Lạc. A Di Đà Phật và các vị đại Bồ Tát vây quanh chỗ ở, sanh trong hoa sen, đắc thần thông của Bồ Tát và Vô Sanh Pháp Nhãn”. Phàm là người đã đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, há chẳng phải là thượng thượng phẩm u? Lại trong phẩm Hạnh Nguyên, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đã nói: “Chúng hội Phật ấy đều thanh tịnh, lúc ấy, ta sanh trong hoa sen thù thắng”. Ngài Phổ Hiền vắng sanh, há chẳng phải là thượng thượng phẩm u? Lại nữa, kinh Bảo Tích nói mười tám hồi hướng; sau đấy, sẽ được hóa sanh trong hoa sen. Hàng Bồ Tát viên mãn mười tám ấy há chẳng phải là thượng thượng phẩm u? Dùng những điều ấy để tham khảo, đích xác là có chứng cứ rõ rệt.

Diễn: Từ những điều được kinh luận nói rõ, đích xác là có chứng cứ rõ rệt. [Lời Sao] ba lượt dẫn kinh Đại Bản, ba lượt dẫn các kinh khác, đều nhằm chứng minh thượng phẩm hóa sanh từ trong hoa sen).

(Sao) **Vấn:** “Quả nhĩ, tắc thượng thượng văn trung, hà dĩ viết kim cang đài, bất viết liên hoa?” **Đáp:** Văn hồ hữu vô, bất túc nệ cố. Hà dĩ tri chi? Thượng phẩm trung sanh, diệc viết thừa tử kim đài. Hựu tương viết thất tùng liên sanh hồ? Huống trung phẩm chi hạ, diệc dẫn văn: “Thử nhân mạng chung, thí như tráng sĩ khuất thân tứ khoảnh, tức sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới”, văn trung tịnh vô “liên hoa” nhị tự, hựu tương viết lục tùng liên sanh hồ? Phù ký dĩ bất liên vi thắng, tắc trung hạ liệt phẩm, hà dĩ bất liên? Hựu trung phẩm chi thượng, độc viết: “Liên hoa đài”, kỳ kim cang đài, tử kim đài chi loại hồ? Kỳ liên hoa chi loại hồ? Thác tạp bất luân, tấn thoái vô cứ. Chước tri văn hồ khuyết, nhị nghĩa tất châu dã.

(Diễn) Tự quả nhĩ tắc thượng thượng văn trung chí nghĩa tất châu dã, thị phản phúc biện minh, vô liên hoa nhị tự chi ý. Thác tạp bất luân, tấn thoái vô cứ giả, nhược viết liên hoa chi loại, bất ưng hạ hữu đài tự, tắc tấn tùng liên vô cứ; nhược viết kim cang đài, tử kim đài chi loại, bất ưng thượng hữu liên hoa nhị tự, tắc thoái tùng liên hựu vô cứ.

(鈔)問：果爾，則上上文中，何以曰金剛臺，不曰蓮華？答：文互有無，不足泥故。何以知之？上品中生，亦

曰乘紫金臺。又將曰七從蓮生乎？況中品之下，亦但云：此人命終，譬如壯士屈伸臂頃，即生西方極樂世界，文中並無蓮華二字，又將曰六從蓮生乎？夫既以不蓮為勝，則中下劣品，何以不蓮？又中品之上，獨曰：蓮華臺，其金剛臺，紫金臺之類乎？其蓮華之類乎？錯雜不倫，進退無據。灼知文互缺，而義必周也。

(演)自果爾則上上文中至義必周也，是反覆辯明，無蓮華二字之意。錯雜不倫，進退無據者，若曰蓮花之類，不應下有臺字，則進從蓮無據；若曰金剛臺，紫金臺之類，不應上有蓮花二字，則退從蓮又無據。

(Sao: Hỏi: “Nếu đúng là như vậy, có sao kinh văn giảng về thượng phẩm lại nói là đài kim cương, chẳng nói là hoa sen?”
Đáp: Văn lần lượt nói có hoặc không, chẳng đáng để câu nệ. Vì đâu mà biết? Trong [phần kinh văn nói về] thượng phẩm trung sanh cũng nói là “ngôi đài tử kim”. [Cứ câu nệ theo văn tự như vậy] sẽ lại nói [chỉ có] “bảy phẩm sanh từ liên hoa” ư? Huống chi trong phần trung phẩm hạ sanh cũng chỉ nói: “Người ấy mạng chung, ví như trong khoảnh khắc tráng sĩ co duỗi cánh tay, liền sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Do kinh văn trọn chẳng nói đến hai chữ “hoa sen”, bèn bảo là [chỉ có] “sáu phẩm sanh từ hoa sen” ư? Nếu đã coi “chẳng có hoa sen là thù thắng”, có sao trung phẩm hạ sanh là phẩm vị kém cõi lại chẳng có hoa sen?

Lại nữa, đối với trung phẩm thượng sanh, chỉ nói là “liên hoa đài”, vậy là cùng loại với kim cương đài và tử kim đài, hay là thuộc loại liên hoa? [Nếu cứ khẳng khẳng câu nệ văn tự để rồi tranh cãi “chín phẩm đều có sanh trong hoa sen hay không”, lập luận] sẽ trở thành sai lạc, lộn xộn, không có lớp lang, biện định tới, biện định lui đều chẳng có căn cứ. Biết rành rành là lời văn do tính lược lẫn nhau mà có chỗ chẳng nói, nhưng ý nghĩa ắt trọn đủ.

Diễn: Từ “nếu đúng là như vậy, có sao kinh văn giảng về thượng phẩm” cho đến “ý nghĩa ắt trọn đủ” nhằm biện định tới lui ý nghĩa không có hai chữ “hoa sen” [trong kinh văn của Quán Kinh]. “Sai lạc, lộn xộn, không có lớp lang, biện định tới lui đều chẳng có căn cứ”: Nếu nói [kinh văn phải ghi rõ chữ] “hoa sen” thì chẳng nên có chữ “đài” trong phần dưới (tức phần thượng phẩm trung sanh), tức là xét

ngược lên trên, sẽ chẳng có căn cứ để biện định [phẩm vãng sanh nào] không có hoa sen. Nếu [cứ khẳng khẳng phẩm vị cao thì không có hoa sen, phải là] đài kim cang, đài tử kim [thì trong trung phẩm hạ sanh] đáng lẽ phải có hai chữ “hoa sen”, như vậy là nhìn xuống dưới, lại chẳng có căn cứ nào để kết luận phẩm nào có hoa sen hay không?)

(Sao) Ngu ý các hữu liên hoa, hoa các hữu đài, đài các bất đồng, nhi kim cang vi đài chi tối thắng nhĩ. Như Hoài Ngọc ngân đài sơ lai, kim đài kế chí, khả nghiệm dã. Thả đài chi nghĩa nhị: Nhất giả, cơ đài chi đài, tắc đài tại hoa hạ, như thể khắc tượng, hạ tác bảo đài, đài thượng an hoa, hoa thượng an Phật, thị dã. Nhị giả, phòng đài chi đài, tắc đài tại hoa nội. Như Pháp Hoa Huyền Nghĩa, dĩ liên biểu Thập Như. Chí Như Thị Báo văn vân: “Thí như liên thật vi nhiều phòng đài”. Hựu vân: “Thật y ư đài”. Thật tắc liên tử, tử tàng đài trung, tắc thể sở vị liên phòng thị dã. Hựu Hoa Nghiêm Thập Địa liên hoa văn vân: “Lưu ly vi hành, chiêm đàn vi đài, mã não vi tu, Diêm Phù Đàn kim vi diệp”, tịnh xưng hành, đài, tu, diệp. Nhi Niết Bàn diệp vân: “Thí như hành, diệp, tu, đài, hợp vi liên hoa”. Thử sở vị đài, giai phòng đài dã. Tức Pháp Hoa “Chân Thúc Ca bảo dĩ vi kỳ đài” chi ý dã. Quán thị, tắc tri Quán Kinh hoa tòa quán trung, tiên ngôn tác liên hoa tướng, thứ vân Thích Ca Tỳ Lăng Già bảo dĩ vi kỳ đài, tắc hoa nội chi đài dã. Hựu vân: “Nhất nhất kim sắc, xứ xứ biến hóa, hoặc tác kim cang đài, hoặc tác trân châu vông đẳng”, tắc hoa hạ chi đài dã. Cổ thượng phẩm trung sanh, tiên ngôn tử kim đài, thứ vân: “Túc hạ diệp hữu thất bảo liên hoa”, tắc tử kim đài tại hoa hạ, minh hỹ. Hoa tất hữu đài, đài tất hữu hoa. Ngôn: “Kim cang đài, bất ngôn hoa”, dữ ngôn: “hoa bất ngôn đài”, văn tiền hậu hỹ hiển nhĩ.

(Diễn) “Ngu ý” chí “tiền hậu hỹ hiển nhĩ”, tường minh văn khuyết nghĩa châu. Thập Như, tức như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mặt cứu cánh. Nhất thiết chư pháp, bất ly ư thử, diệp các cụ thử thập dã. Như thị giả, chỉ pháp chi từ, vị chư pháp hữu như thị chi tướng, như thị chi tánh, nãi chí như thị nhi cùng tận, vô phi Thật Tướng dã. Báo giả, đáp quả viết Báo.

(鈔)愚意各有蓮華，華各有臺，臺各不同，而金剛為臺之最勝耳。如懷玉銀臺初來，金臺繼至，可驗也。且臺之義二：一者，基臺之臺，則臺在華下，如世刻像，下作

寶臺，臺上安華，華上安佛，是也。二者，房臺之臺，則臺在華內。如法華玄義，以蓮表十如。至如是報文云：譬如蓮實圍繞房臺。又云：實依於臺。實，則蓮子，子藏臺中，則世所謂蓮房是也。又華嚴十地蓮華文云：琉璃為莖，栴檀為臺，瑪瑙為鬚，閻浮檀金為葉，並稱莖臺鬚葉。而涅槃亦云：譬如莖葉鬚臺，合為蓮華。此所謂臺，皆房臺也。即法華甄叔迦寶以為其臺之意也。觀是，則知觀經華座觀中，先言作蓮華想，次云釋迦毗楞伽寶以為其臺，則華內之臺也。又云：一一金色，處處變化，或作金剛臺，或作珍珠網等，則華下之臺也。故上品中生，先言紫金臺，次云：足下亦有七寶蓮華，則紫金臺在華下，明矣。華必有臺，臺必有華。言：金剛臺，不言華，與言：華不言臺，文前後互顯耳。

(演)愚意至前後互顯耳，詳明文缺義周。十如，即如是相，如是性，如是體，如是力，如是作，如是因，如是緣，如是果，如是報，如是本末究竟。一切諸法，不離於此，亦各具此十也。如是者，指法之辭，謂諸法有如是之相，如是之性，乃至如是而窮盡，無非實相也。報者，答果曰報。

(Sao: Theo ngu ý, mỗi phẩm vắng sanh đều có hoa sen, mỗi hoa đều có đài, đài hoa trong mỗi phẩm khác nhau, nhưng kim cang làm đài là tối thắng. Như ngài Hoài Ngọc thoát đầu thấy đài bạc, kế đó, thấy đài vàng hiện đến. [Chuyện này] có thể chứng nghiệm [đài hoa trong mỗi phẩm vị khác nhau]. Đài lại có hai nghĩa:

- Một là cái đài làm bệ nâng đỡ, tức là cái đài ở dưới hoa, như trong cõi đời khắc tượng, phía dưới tạo đài báu, trên đài đặt hoa, trên hoa đặt tượng Phật, là như thế đó.

- Hai là đài ở trong búp hoa, tức là đài ở trong hoa. Như sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa dùng hoa sen để biểu thị mười món Như Thị, đến phần giảng về Như Thị Báo bèn nói: “Vì như hạt sen vây quanh cái gương sen”. Lại nói: “Hạt nung vào đài”. “Hạt” chính là hạt sen, hạt ẩn trong đài, đài chính là cái được cõi đời gọi là “gương sen” vậy.

Lại nữa, phần nói về hoa sen trong phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm có nói: “Lưu ly làm cuống, chiên đàn làm đài, mã não làm tua (nhị sen), vàng Diêm Phù Đàn làm cánh hoa”, cùng nói đến cuống, gương, tua, cánh; mà kinh Niết Bàn cũng nói: “Vì như cuống, cánh, tua, đài hợp thành hoa sen”. “Đài” được nói [trong các đoạn kinh văn ấy] đều là gương sen vậy, chính là ý nghĩa của [chữ Đài] trong câu “dùng báu Chân Thúc Ca để làm đài” trong kinh Pháp Hoa.

Xem đó bèn biết trong phần Hoa Tọa Quán của Quán Kinh, trước hết nói quán tưởng hoa sen, kế đó nói “báu Thích Ca Tỳ Lăng Già để làm đài”, chính là [nói tới] cái đài ở bên trong hoa vậy. Lại nói: “Một sắc vàng, biến hóa khắp nơi, hoặc biến ra đài kim cang, hoặc là lưới trân châu v.v...” chính là [nói tới] cái đài ở dưới hoa vậy. Vì thế, trong phần Thượng Phẩm Trung Sanh [của Quán Kinh], trước hết, nói đến đài tử kim, sau đó nói “dưới chân cũng có hoa sen bảy báu”, rõ ràng là nói tới đài vàng tía ở dưới hoa. Hoa ắt có đài, có đài ắt phải có hoa. Nói “đài kim cang, chẳng nói hoa”, và nói “hoa, chẳng nói đài”, kinh văn trước sau soi tỏ lẫn nhau vậy.

Diễn: Từ “ngu ý” cho đến “trước sau soi tỏ lẫn nhau” nhằm nói rõ “tuy kinh văn thiếu khuyết, nhưng ý nghĩa trọn đủ”. Thập Như là tướng như thế, tánh như thế, thể như thế, lực như thế, tác như thế, nhân như thế, duyên như thế, quả như thế, báo như thế, gốc ngọn rõ ràng như thế. Hết thấy các pháp chẳng lìa những điều ấy, mà cũng có đủ mười điều ấy. “Như thị” là từ ngữ biểu thị pháp, ý nói: Các pháp có tướng như thế, có tánh như thế, cho đến cùng tận như thế, không gì chẳng phải là Thật Tướng. “Báo”: Đền đáp cái quả gọi là Báo).

(Sao) Đản thượng thượng phẩm nhất sanh liên trung, tức thời hoa khai, tức thời kiến Phật, tức thời chứng đạo. Kỳ dư tắc hoa khai tiệp văn, kiến Phật tiệp trì, chứng đạo tiệp viễn. Dĩ thị phân biệt, tri thượng thượng độc thắng, phi vị vô liên dã! Nhược dĩ vô liên vi thắng, hữu liên vi liệt, thị bạc liên dã, hà thủ ư liên bang? Nhi Hoa Tọa Quán, minh Phật tọa liên hoa, tắc Phật diệc liệt hỷ, lý vân hà thông?

(Diễn) Đản thượng thượng phẩm hạ, thị minh thượng phẩm thù thắng chi nghĩa. Hoa khai tiệp văn nhị cú, thượng phẩm trung sanh, kinh tức hoa khai, tức đắc kiến Phật. Thượng phẩm hạ sanh, kinh nhất nhật, nhất dạ, liên hoa nãi khai. Thất nhật chi trung, nãi đắc kiến Phật. Nãi chí hạ phẩm thượng sanh, kinh thất thất nhật, hoa khai kiến Phật. Hạ phẩm trung sanh, kinh ư lục kiếp, hoa khai kiến Phật.

Hạ phẩm hạ sanh, kinh thập nhị đại kiếp, hoa khai kiến Phật. Chứng đạo tiệm viễn giả, thượng trung, kinh nhất tiểu kiếp. Thượng hạ, kinh tam tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhân, trụ Hoan Hỷ Địa. Nãi chí hạ thượng, kinh thập tiểu kiếp, đắc nhập Sơ Địa. Hạ trung, kinh ư lục kiếp, phát Vô Thượng Đạo tâm. Hạ hạ, thập nhị đại kiếp, phát Bồ Đề chí tâm.

(鈔)但上上品一生蓮中，即時華開，即時見佛，即時證道。其餘則華開漸晚，見佛漸遲，證道漸遠。以是分別，知上上獨勝，非為無蓮也！若以無蓮為勝，有蓮為劣，是薄蓮也，何取於蓮邦？而華座觀，明佛坐蓮華，則佛亦劣矣，理云何通？

(演)但上上品下，是明上品殊勝之義。華開漸晚二句，上品中生，經宿花開，即得見佛。上品下生，經一日一夜，蓮華乃開。七日之中，乃得見佛。乃至下品上生，經七七日，花開見佛。下品中生，經於六劫，花開見佛。下品下生，經十二大劫，花開見佛。證道漸遠者，上中，經一小劫。上下，經三小劫，得無生忍，住歡喜地。乃至下上，經十小劫，得入初地。下中，經於六劫，發無上道心。下下，十二大劫，發菩提之心。

(Sao: Chỉ cần sanh vào hoa sen thuộc thượng thượng phẩm, ngay lập tức hoa nở, ngay lập tức thấy Phật, ngay lập tức chứng đạo. Trong những phẩm khác thì hoa nở chậm dần, thấy Phật trễ dần, chứng đạo xa dần. Dùng những điều ấy để phân biệt, bèn biết là Thượng Phẩm Thượng Sanh thù thắng độc đáo, chứ không phải là do chẳng có hoa sen!

Nếu nghĩ “chẳng có hoa sen là thù thắng, có hoa sen là kém cỏi”, tức là khinh thường hoa sen, sao còn cầu sanh Liên Bang? Nhưng trong phần Hoa Tòà Quán, kinh nói Phật ngồi trên hoa sen, vậy thì Phật cũng kém cỏi, lý ấy nói sao cho suông?

Diễn: Từ câu “chỉ là thượng thượng phẩm” trở đi, nói rõ ý nghĩa thù thắng của thượng phẩm. Hai câu từ “hoa nở chậm dần” [trở đi], [ý nói]: Thượng Phẩm Trung Sanh qua một đêm hoa nở, liền được thấy Phật. Thượng Phẩm Hạ Sanh trải qua một ngày một đêm, hoa sen bèn nở; trong bảy ngày, bèn được thấy Phật. Cho đến Hạ Phẩm Thượng

Sanh, trải qua bốn mươi chín ngày, hoa nở thấy Phật. Hạ Phẩm Trung Sanh qua sáu kiếp, hoa nở, thấy Phật. Hạ Phẩm Hạ Sanh trải mười hai đại kiếp, hoa nở, thấy Phật.

“Chứng đạo chậm dần”: Thượng Phẩm Trung Sanh trải qua một tiểu kiếp, Thượng Phẩm Hạ Sanh trải qua ba tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhân, trụ Hoan Hỷ Địa. Cho đến Hạ Phẩm Thượng Sanh trải qua mười tiểu kiếp, được nhập Sơ Địa. Hạ Phẩm Trung Sanh trải qua sáu kiếp, phát Vô Thượng Đạo tâm. Hạ Phẩm Hạ Sanh qua mười hai đại kiếp, phát Bồ Đề tâm).

(Sao) Vấn: “Cực Lạc cứu phẩm, bát tòng liên sanh, Tứ Minh hà vi hữu thị ngôn hồ?” **Đáp:** Tứ Minh chỉ thuyết bát tòng liên sanh, vị thuyết bất liên vi thị hà phẩm. Dĩ trung hạ phẩm diệc vô liên hoa cổ, nhược quả Thượng Thượng bất liên, đương tất hữu thuyết, nhi nãi đồ khai kỳ đoan, bất cánh kỳ thuyết giả, hà dã? Hoặc thử bát tự truyền tả chi ngộ, an tri bất thị Cực Lạc cứu phẩm, tất tòng liên sanh, sĩ cao minh cánh biện chi!

Diễn: Vấn Cực Lạc cứu phẩm hạ, thị thích minh Diệu Tông Sao hoặc hữu sai ngộ.

(鈔)問：極樂九品，八從蓮生，四明何為有是言乎？答：四明只說八從蓮生，未說不蓮為是何品。以中下品亦無蓮華故，若果上上不蓮，當必有說，而乃徒開其端，不竟其說者，何也？或此八字傳寫之誤，安知不是極樂九品，必從蓮生，俟高明更辨之！

(演)問極樂九品下，是釋明妙宗鈔或有差誤。

(Sao: Hỏi: “Cực Lạc có chín phẩm, tám phẩm sanh từ trong hoa sen”, có sao ngài Tứ Minh nói lời ấy? **Đáp:** Ngài Tứ Minh chỉ nói tám phẩm sanh từ hoa sen, chẳng nói phẩm nào không sanh từ hoa sen. Bởi lẽ, Trung Phẩm Hạ Sanh cũng chẳng nhắc tới hoa sen. Nếu Thượng Phẩm Thượng Sanh thật sự chẳng có hoa sen, ắt Ngài phải nói, nhưng Ngài chỉ khơi ra đầu mối ấy, rốt cuộc chẳng nói rõ vì sao? Chữ “bát” ấy có thể là do sao chép sai lầm, không chừng nó chính là “chín phẩm trong cõi Cực Lạc đều sanh từ hoa sen”, xin chờ bậc cao minh biện định.

Diễn: Từ câu “Hỏi: Chín phẩm trong Cực Lạc” trở đi nhằm giải thích rõ bộ Quán Kinh Diệu Tông Sao có thể là sai lầm).

(Sớ) *Vấn: “Hạ phẩm dĩ ngoại, phục hữu thai sanh, vị thật hữu phủ?” Đáp: Biểu Tín Lực bất kiên cố, thật vô thai sanh.*

(Sao) *Phi thai sanh giả, Đại Bồn vân: “Phật cáo Di Lạc: - Nhược hữu chúng sanh, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ sát, bất liễu Phật trí, chí ý do dự, lâm mạng chung thời, phương hồi kỷ quá. Dĩ thị sanh bỉ, tài nhập Biên Địa, kiến thất bảo thành, tức tiện chỉ trụ. Ư liên hoa sanh, diệc hữu tự nhiên khoái lạc, như Đào Lợi Thiên. Duy ư thành trung, kinh ngũ bách tuế, bất đắc kiến Phật, bất văn kinh pháp, dĩ thử vi khổ; cố danh Thai Sanh”. Phi thật thai dục như nhân gian dã.*

(Diễn) *Bất liễu Phật trí, chí ý do dự giả, nhược liễu Phật trí, tắc tri phi tịnh, phi uế, tịnh uế lịch nhiên, vô bỉ, vô thử, nguyện sanh bỉ quốc. Dĩ bất liễu cố, bán tín, bán nghi, y vi bất quyết dã. Hựu do dự giả, lợi căn chấp “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”, bất tín thập vạn ức ngoại, hữu thế giới Cực Lạc; độn căn chấp Sự, bất tín “tự tánh duy tâm” chi chỉ, giai do dự dã. Lâm mạng chung thời, phương hồi kỷ quá giả, trực chỉ Tứ Đại phân ly, không vô sở hoạch, phương hồi bình nhật bất tu Tịnh nghiệp. Cố vân: “Khán Giáo, tham Thiền trực ngoại tâm, vị tăng hồi thủ nhất trầm ngâm, tiền trình hắc ám lộ đầu hiểm, thử giác từng tiền thác dụng tâm”, thị dã. Tài nhập Biên Địa kiến thất bảo thành, tức tiện chỉ trụ giả, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ sát, kiêm liễu Phật trí, tắc kính sanh Cực Lạc. Bất tu công đức, nguyện sanh bỉ sát, hựu bất liễu Phật trí, tắc cảnh trệ Sa Bà. Kim nhân tu chư công đức, hựu lâm chung tự hồi, cố đắc nhập Biên Địa, bất trệ Sa Bà. Dĩ bất liễu Phật trí, chí ý do dự, cố kiến thất bảo thành, tức tiện chỉ trụ. Diệc hữu tự nhiên khoái lạc như Đào Lợi Thiên giả, cố vân: “Hoa trung khoái lạc như Đào Lợi, bất tử nhân gian phụ mẫu thai”, thị dã. Cố danh Thai Sanh giả, thai tại sanh tạng chi hạ, thực tạng chi thượng, bất kiến, bất văn, kim bất đắc kiến Phật văn pháp, cố danh Thai Sanh.*

(疏)問：下品之外，復有胎生，為實有否？答：表信力不堅故，實無胎生。

(鈔)非胎生者，大本云：佛告彌勒：若有眾生，修諸功德，願生彼剎，不了佛智，志意猶豫，臨命終時，方悔已過。以是生彼，纔入邊地，見七寶城，即便止住。於蓮華生，亦有自然快樂，如忉利天。惟於城中，經五百歲，

不得見佛，不聞經法，以此為苦；故名胎生。非實胎育如人間也。

(演)不了佛智，志意猶豫者，若了佛智，則知非淨非穢，淨穢歷然，無彼無此，願生彼國。以不了故，半信半疑，依違不決也。又猶豫者，利根執自性彌陀，唯心淨土，不信十萬億外，有世界極樂；鈍根執事，不信自性唯心之旨，皆猶豫也。臨命終時，方悔已過者，直至四大分離，空無所獲，方悔平日不修淨業。故云：看教，參禪逐外尋，未曾回首一沈吟，前程黑暗路頭險，始覺從前錯用心，是也。纔入邊地見七寶城，即便止住者，修諸功德，願生彼剎，兼了佛智，則徑生極樂。不修功德，願生彼剎，又不了佛智，則竟滯娑婆。今因修諸功德，又臨終自悔，故得入邊地，不滯娑婆。以不了佛智，志意猶豫，故見七寶城，即便止住。亦有自然快樂如忉利天者，古云：花中快樂如忉利，不比人間父母胎，是也。故名胎生者，胎在生藏之下，熟藏之上，不見不聞，今不得見佛聞法，故名胎生。

(Sớ: Hỏi: “Ngoài hạ phẩm lại có thai sanh, có thật như vậy hay chẳng?” Đáp: [Gọi là Thai Sanh nhằm] biểu thị [người đã khuất ấy] Tín Lực chẳng kiên cố, thật sự chẳng có thai sanh.

Sao: “Chẳng phải là thai sanh”: Kinh Đại Bản nói: “Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Nếu có chúng sanh tu các công đức, nguyện sanh về cõi kia, nhưng chẳng hiểu rõ Phật trí, chí ý do dự, khi mạng sắp chấm dứt, mới hối lỗi mình. Do vậy, sanh về cõi kia, mới đến Biên Địa, thấy thành bảy báu, liền ngưng nghỉ ở đó, sanh trong hoa sen, cũng có sự sung sướng tự nhiên như trong cõi trời Đao Lợi. Chỉ là trong năm trăm năm, ở trong thành ấy, chẳng được thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, coi đó là khổ. Cho nên gọi là Thai Sanh”. Chẳng phải là thật sự có sanh nở bằng bào thai như trong nhân gian.

Diễn: “Chẳng hiểu rõ Phật trí, chí ý do dự”: Nếu hiểu rõ Phật trí, ắt sẽ biết chẳng tịnh, chẳng uế, tịnh và uế rành rành, không kia, không đây, nguyện sanh về cõi ấy. Do chẳng hiểu rõ, cứ nửa tin, nửa ngờ, bần khoản, chẳng quyết đoán. Lại nữa, “do dự” là vì kẻ lợi căn bèn chấp “tự

tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”, chẳng tin ngoài mười vạn ức cõi Phật, có thể giới Cực Lạc, phùng độn căn bèn chấp Sự, chẳng tin ý chỉ “tự tánh duy tâm”, [cả hai loại người ấy] đều là do dự.

“Lúc mạng sắp chấm dứt, mới hối lỗi mình”: Mãi cho đến khi Tứ Đại chia lìa, chẳng đạt được gì, mới hối lúc thường nhật chẳng tu Tịnh nghiệp. Vì thế nói: “Xem Giáo, tham Thiền, tìm ngoài tâm, chưa từng ngoảnh lại tự trầm ngâm, nẻo trước tới tấp đầy hiểm lụy, mới biết dụng tâm vốn đã lầm” là nói về ý này.

“Mới đến Biên Địa, thấy thành bảy báu, liền ngừng nghỉ [tại đó]”: Tu các công đức, nguyện sanh về cõi đó, lại còn hiểu rõ Phật trí, liền nhanh chóng sanh về Cực Lạc. Chẳng tu các công đức, nguyện sanh về cõi kia, lại chẳng hiểu rõ Phật trí, ắt cảnh vương mắc nơi Sa Bà. Nay do tu các công đức, lâm chung lại tự hối hận, cho nên được sanh vào Biên Địa, chẳng vương lại Sa Bà. Do chẳng hiểu rõ Phật trí, chí ý do dự, cho nên thấy thành bảy báu, bèn ở lại đó.

“[Nơi đó] cũng có sự vui sướng như trời Đao Lợi”: Cổ nhân nói: “Trong hoa vui sướng như Đao Lợi, sanh trong bụng mẹ há bằng sao?” là nói về ý này. “Vì thế, gọi là Thai Sanh”: Thai ở dưới bao tử, phía trên ruột, chẳng thấy, chẳng nghe, nay do [người sanh trong Biên Địa] chẳng được thấy Phật, nghe pháp, nên gọi là Thai Sanh).

(Sao) Hựu vân: “Nhu Sát Đế Lợi, kỳ tử phạm pháp, u chi nội cung. Xử dĩ hoa quán, tăng lâu, y điện, hảo sức kỳ trân, bảo trướng, kim sàng, phục ngự sở tư, tất giai phong bị, nhi dĩ Diêm Phù kim tỏa hệ kỳ lương túc, bất đắc tự tại”, tức Thai Sanh dụ dã. Hựu vân: “Nhuợc thức kỳ bốn tội, thâm tự hồi trách, cầu ly bốn xứ, tức đắc vãng nghê Vô Lượng Thọ Phật sở”. Hựu Bồ Tát Xử Thai kinh vân: “Tây Phương khứ thử Diêm Phù Đề thập nhị ức na-do-tha, hữu Giải Mạn Giới, quốc độ thất bảo, kỳ lạc vô tỷ. Phát ý dục sanh Di Đà Phật quốc, nhi nhiệm trước ư thử, bất năng tiền tấn, diệc Nghi Thành Biên Địa loại dã”. Như thị giai điều tín bất thiết cố.

(Diễn) Như Sát Đế Lợi hạ, dụ thai sanh dã. Phạm pháp, dụ Tín Lực bất kiên. U chi nội cung đẳng, dụ nghi thành tự nhiên khoái lạc. Diêm Phù kim tỏa, hệ kỳ lương túc, bất đắc tự tại, dụ ngũ bách tuế, bất kiến Phật, văn pháp, như xử thai dã. Thức kỳ bốn tội, vị chí ý do dự chi tội, năng liễu Phật trí, phương danh thâm tự hồi trách.

(鈔)又云：如剎帝利，其子犯法，幽之內宮。處以華

觀，層樓綺殿，好飾奇珍，寶帳金床，服御所資，悉皆豐備。而以閻浮金鎖繫其兩足，不得自在，即胎生喻也。又云：若識其本罪，深自悔責，求離本處，即得往詣無量壽佛所。又菩薩處胎經云：西方去此閻浮提十二億那由他，有憊慢界，國土七寶，其樂無比。發意欲生彌陀佛國，而染著於此，不能前進，亦疑城邊地類也。如是皆繇信不切故。

(演)如剎帝利下，喻胎生也。犯法，喻信力不堅。幽之內宮等，喻疑城自然快樂。閻浮金鎖，繫其兩足，不得自在，喻五百歲，不見佛聞法，如處胎也。識其本罪，謂志意猶豫之罪，能了佛智，方名深自悔責。

(Sao: Lại nói: “Nhu Sát Đế Lợi, đưa con của ông ta phạm pháp, bị giam kín trong nội cung. Ở trong cung điện tráng lệ, lầu nhiều tầng, điện sơn vẽ rực rỡ, trang hoàng đẹp đẽ bằng nhiều chất báu quý lạ, trướng báu, giường vàng, quần áo, xe cộ, đồ vật cần dùng, thấy đều dư dật, đầy đủ, nhưng dùng xích bằng vàng Diêm Phù trói chặt hai chân, chẳng được tự tại”, cho nên dùng Thai Sanh để sánh ví. Lại nói: “Nếu biết tội của mình, tự hối hận, tự trách sâu xa, cầu là khỏi chỗ ấy, liền được đến chỗ Vô Lượng Thọ Phật”. Kinh Bồ Tát Xử Thai lại nói: “Về phương Tây, cách Diêm Phù Đề mười hai ức na-do-tha [thế giới], có cõi Giải Mạn là cõi nước bằng bảy báu, vui sướng khôn sánh. Kẻ phát khởi tâm ý muốn sanh về cõi nước của Phật Di Đà, nhưng nhiễm đắm cõi ấy, chẳng thể tiến lên, đó cũng là chỗ thuộc loại Nghi Thành Biên Địa”. Như thế đều là do lòng tin chẳng thiết tha vậy.

Diễn: Từ “nhu Sát Đế Lợi” trở đi là ví von Thai Sanh. “Phạm pháp” tức là sánh ví Tín Lực chẳng vững. “Giam kín trong nội cung” là sánh ví sự vui sướng tự nhiên nơi Nghi Thành. “Xích bằng vàng Diêm Phù trói chặt hai chân, chẳng được tự tại” là ví như trong năm trăm năm, chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp, như ở trong thai. “Biết tội của mình” là [biết] tội do chí ý do dự. Có thể hiểu rõ Phật trí thì mới gọi là “tự hối trách sâu xa”).

(Sớ) Vấn: “Ký vân thất nhật, bỉ lâm chung thập niệm, đặc nga khoảnh nhĩ, hà đắc vãng sanh?” Đáp: Chánh dĩ nhất tâm cố, như Trí Luận trung thuyết; hựu tự lực, tha lực, như Na Tiên trung thuyết.

(Sao) Trí Luận vân: “Lâm tử thiếu hứa thời tâm, hà năng thắng chung thân hạnh lực? Đáp viết: - Tuy thời khoảnh thiếu, tâm lực mãnh lợi. Thị tối hậu tâm, danh vi đại tâm. Đương tri tức thị nhất tâm bất loạn cố”.

(Diễn) Tối hậu tâm giả, thử tâm chi hậu, cánh vô dư tâm cố. Danh vi đại tâm giả, dĩ thù tử chi nhân, tất tri bất miễn, để tâm quyết đoán, thắng bách niên nguyện lực, thị tâm danh vi đại tâm. Dĩ xả thân sự cấp cố, như nhân nhập trận, bất tích thân mạng, danh vi “kiện nhân” dã. Hựu phục đại tâm, diệt khả tức thị Bồ Đề tâm. Dĩ thử tâm chi hậu, cánh vô dư tâm, tắc thị đốn nhập Vô Tâm tam-muội, tức thị đốn ly niệm tướng, khởi bất vi đại? Khởi bất tức thị Bồ Đề tâm? Cái dĩ cứu phẩm hạnh nhân, hạnh hạnh thông hồ cứu phẩm. Như Ngũ Nghịch tội, lâm chung thập niệm vi năng tiêu công, thuộc hạ hạ phẩm. Nhược năng phục Hoặc, tức trung phẩm. Nhược căn khí đại lợi, đốn năng đoạn Hoặc. Như Xà vương trọng hối, đắc Vô Căn Tín, tức thị thượng tam sở nhiếp, khởi phi Ngũ Nghịch tùy u sám công, tự phân cứu phẩm dã? Thả thập niệm đắc sanh, giai thị túc hữu linh căn giả. Thập Nghi Luận vân: “Lâm chung ngộ thiện tri thức, thập niệm thành tựu giả, tịnh thị túc thiện nghiệp cường, thử ngộ tri thức đẳng”. Diệu Tông Sao vân: “Thử tuy tạo ác, dĩ tăng tu Quán”. Cố sử lâm chung, thiện hữu khuyến xưng thập niệm, định tâm tắc thành. Diệc thị pháp hành, thừa cấp giới hoãn nhân dã. Do thừa cấp cố, đắc tri thiện hữu. Túng hiện thể bất tu tam-muội, diệc thị túc chủng kim thực, cố đắc vãng sanh. Cố kim đại tâm, thuyết tức thị Bồ Đề đại tâm, diệc vô bất khả. Huống bốn Sao văn, đương tri tức thị nhất tâm bất loạn. Nhược Sự nhất tâm, do vị vi đại. Nhược Lý nhất tâm, khởi bất tức thị Bồ Đề tâm? Thị cố danh vi đại tâm.

(疏)問：既云七日，彼臨終十念，特俄頃耳，何得往生？答：正以一心故，如智論中說；又自力他力，如那先中說。

(鈔)智論云：臨死少許時心，何能勝終身行力？答曰：雖時頃少，心力猛利。是最後心，名為大心。當知即是一心不亂故。

(演)最後心者，此心之後，更無餘心故。名為大心者，以垂死之人，必知不免，諦心決斷，勝百年願力，是

心名為大心。以捨身事急故，如人入陣，不惜身命，名為健人也。又復大心，亦可即是菩提心。以此心之後，更無餘心，則是頓入無心三昧，即是頓離念相，豈不為大？豈不即是菩提心？蓋以九品行因，行行通乎九品。如五逆罪，臨終十念為能消功，屬下下品。若能伏惑，即中品。若根器大利，頓能斷惑。如闍王重悔，得無根信，即是上三所攝，豈非五逆隨於懺功，自分九品也？且十念得生，皆是夙有靈根者。十疑論云：臨終遇善知識，十念成就者，並是宿善業強，始遇知識等。妙宗鈔云：此雖造惡，已曾修觀。故使臨終，善友勸稱十念，定心則成。亦是法行，乘急戒緩人也。由乘急故，得值善友。縱現世不修三昧，亦是宿種今熟，故得往生。故今大心，說即是菩提大心，亦無不可。況本鈔文，當知即是一心不亂。若事一心，猶未為大。若理一心，豈不即是菩提心？是故名為大心。

(Sớ: Hỏi: “Đã nói là bảy ngày, kẻ ấy lâm chung mười niệm chỉ là trong khoảnh khắc, vì sao được vãng sanh?” Đáp: Chính là vì nhất tâm như trong Trí Độ Luận đã nói. Lại do tự lực và tha lực như trong kinh Na Tiên đã nói.

Sao: Trí Độ Luận nói: “[Hỏi]: Lúc sắp chết, cái tâm [niệm Phật] trong một thời gian rất ít, làm sao có thể vượt xa hạnh lực suốt đời?” Đáp: Tuy thời gian ít ỏi, nhưng tâm lực mạnh mẽ, nhạy bén. Cái tâm vào lúc cuối cùng ấy được gọi là đại tâm. Hãy nên biết đây chính là nhất tâm bất loạn.

Diễn: “Tâm tối hậu” là sau cái tâm ấy, chẳng còn cái tâm nào khác. Gọi là “đại tâm” là do người sắp chết, ắt biết là chẳng thể tránh khỏi, tâm bèn quyết đoán chắc chắn, vượt xa nguyện lực cả trăm năm. Tâm ấy được gọi là “đại tâm”. Do xả thân là chuyện cấp bách, như người vào trận, chẳng tiếc thân mạng, nên gọi là “kẻ mạnh mẽ”. Đại tâm lại cũng có thể chính là Bồ Đề tâm. Do sau khi đã có cái tâm ấy, chẳng còn tâm nào khác, chính là nhanh chóng nhập Vô Tâm tam-muội, chính là nhanh chóng lìa niệm tướng, há chẳng phải là đại? Há chẳng phải chính là Bồ Đề tâm ư?

Ấy là vì hạnh nhân [của mỗi phẩm] trong chín phẩm, hạnh nào cũng thông khắp chín phẩm. Như đối với kẻ phạm tội Ngũ Nghịch, mười niệm lúc lâm chung có công năng tiêu tội, thuộc về hạ hạ phẩm. Nếu có thể chế ngự phiền não thì là trung phẩm. Nếu căn khí hết sức nhạy bén, sẽ có thể nhanh chóng đoạn Hoặc. Như vua A Xà Thế tha thiết sám hối, đắc Vô Căn Tín, vãng sanh thuộc vào ba phẩm thượng. Đấy chẳng phải là tội Ngũ Nghịch do tùy thuộc công phu sám hối mà tự chia thành chín phẩm đó ư?

Hơn nữa, người do mười niệm mà được vãng sanh đều là do có linh căn từ trước. Thập Nghi Luận nói: “Lâm chung gặp thiện tri thức, mười niệm thành tựu, toàn là do thiện nghiệp quá khứ mạnh mẽ, cho nên mới gặp thiện tri thức” v.v... Sách [Quán Kinh Sớ] Diệu Tông Sao nói: “Người ấy tuy làm ác, nhưng đã từng tu Quán, nên khiến cho khi lâm chung, bạn lành khuyên xưng danh mười niệm, do Định tâm bền thành tựu”, cũng là một hạnh môn, thuộc hạng người thích nghiên cứu giáo pháp, nhưng không nghiêm túc tu tập. Do sốt sắng nghiên cứu giáo pháp, nên được gặp bạn lành. Dẫu cho đời hiện tại chẳng tu tam-muội, thì cũng là do [nhân duyên] đã gieo từ đời trước, nay đã chín muồi, cho nên được vãng sanh. Vì thế, nay nói đại tâm chính là Bồ Đề đại tâm cũng chẳng phải là không được. Huống chi đối với những điều được nói trong lời Sao, hãy nên biết đó chính là nhất tâm bất loạn. Nếu là Sự nhất tâm thì vẫn chưa phải là “Đại”. Nếu là Lý nhất tâm, há chẳng phải chính là Bồ Đề tâm ư? Vì thế, gọi là “đại tâm”).

(Sao) Na Tiên kinh vân: “Vương vấn Na Tiên: ‘Nhân sanh tạo ác, lâm chung niệm Phật, đắc sanh Phật quốc, ngã bất tín thị ngữ’. Na Tiên đáp ngôn: - Như tri đại thạch, trí ư thuyền thượng, nhân đắc bất một. Nhân tuy bổn ác, nhân niệm Phật cố, bất đạo Nê Lê”. Nhi đắc vãng sanh, diệc phục như thị. Tắc kỷ chi tâm lực, Phật chi nguyện lực, giao tương thành dã.

(鈔)那先經云：王問那先：人生造惡，臨終念佛，得生佛國，我不信是語。那先答言：如持大石，置於船上，因得不沒。人雖本惡，因念佛故，不墮泥犁。而得往生，亦復如是。則己之心力，佛之願力，交相成也。

(Sao: Kinh Na Tiên chép: “Vua hỏi ngài Na Tiên: ‘Người suốt đời tạo ác, lâm chung niệm Phật, được sanh về cõi Phật, ta chẳng tin lời ấy’. Ngài Na Tiên đáp: - Như lấy đá to đặt trên thuyền, do vậy đá chẳng

chìm. Người tuy vốn ác, do niệm Phật nên chẳng đọa địa ngục”. Được vãng sanh thì cũng giống như thế; tức là do tâm lực của chính mình và nguyện lực của Phật kết hợp với nhau mà thành).

(Sớ) Ván: “Ký vân vãng sanh, tích nhân hựu vị: ‘Sanh tắc quyết định sanh, khứ tắc thật bất khứ’, thị nãi hữu sanh vô vãng, kim viết: ‘Vãng sanh’, nhị nghĩa tương lệ!” **Đáp:** Dĩ sanh ư tự tâm, cố bất vãng nhi vãng, danh vi “vãng sanh”, như Hoa Nghiêm Giải Thoát trường giả thuyết.

(Diễn) Dĩ sanh ư tự tâm cố, bất vãng nhi vãng giả, ký vân tự tâm tắc vô vãng, ký vân sanh ư tự tâm, tắc vô vãng nhi vãng. Vô vãng nhi vãng, sanh tắc quyết định sanh. Vãng nhi vô vãng, khứ tắc thật bất khứ dã. Kim chi vãng sanh, dữ tích nhân hà ngại da?

(疏)問: 既云往生，昔人又謂：生則決定生，去則實不去，是乃有生無往，今日：往生，二義相戾！**答:** 以生於自心，故不往而往，名為往生，如華嚴解脫長者說。

(演)以生於自心故，不往而往者，既云自心則無往，既云生於自心，則無往而往。無往而往，生則決定生。往而無往，去則實不去也。今之往生，與昔人何礙耶？

(Sớ: Hỏi: “Đã nói là ‘vãng sanh’, người xưa lại nói: ‘Sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi’, tức là có sanh, nhưng chẳng có vãng, nay nói là ‘vãng sanh’, hai nghĩa mâu thuẫn!” **Đáp:** Do sanh trong tự tâm, nên chẳng vãng mà vãng, thì gọi là “vãng sanh”, như trong kinh Hoa Nghiêm, trường giả Giải Thoát đã nói.

Diễn: “Do sanh trong tự tâm, cho nên chẳng vãng mà vãng”: Đã nói là tự tâm thì không có vãng. Đã nói là “sanh trong tự tâm” thì vô vãng mà vãng. Vô vãng mà vãng, sanh thì quyết định sanh. Vãng mà chẳng vãng, đi thì thật sự chẳng đi. Vãng sanh trong hiện tại có gì mâu thuẫn với người xưa đâu?)

(Sao) Hoa Nghiêm trùng trùng pháp giới bất xuất nhất tâm. Lăng Nghiêm, “thập phương hư không giai như tâm nội”. Thị tri Cực Lạc chi sanh, sanh hồ tự tâm. Tâm vô giới hạn, tắc vô Tây, vô Đông, khứ chí hà sở? Trạng kỳ dịch uế nhi tịnh, thoát cự nhi tân, ly nhất đắc nhất, tự hữu sở vãng, danh chi vi vãng, khởi viết tòng thử hướng bỉ, như thế gian kinh thành quá ếp chi vãng da?

(Diễn) *Hoa Nghiêm trùng trùng pháp giới, bất xuất nhất tâm giả, trùng trùng pháp giới bất xuất tứ pháp giới. Tứ pháp giới bất xuất Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới tức đương nhân tự tánh dã. “Tâm vô giới hạn đẳng giả, thử tâm quảng đại, vô hữu phương sở, vô hữu bỉ thử, khứ chí hà sở” thích thượng bất vãng. Trạng kỳ dịch uế đẳng giả, nãi ly uế vãng tịnh, ly cựu vãng tân nhi vãng, phi ly thử vãng bỉ chi vãng dã, thích thượng nhi vãng.*

(鈔) *華嚴重重法界不出一心。楞嚴，十方虛空皆汝心內。是知極樂之生，生乎自心。心無界限，則無西無東，去至何所？狀其易穢而淨，脫舊而新，離一得一，似有所往，名之為往，豈曰從此向彼，如世間經城過邑之往耶？*

(演) *華嚴重重法界，不出一心者，重重法界不出四法界。四法界不出一真法界。一真法界即當人自性也。心無界限等者，此心廣大，無有方所，無有彼此，去至何所釋上不往。狀其易穢等者，乃離穢往淨，離舊往新之往，非離此往彼之往也，釋上而往。*

(Sao: Theo kinh Hoa Nghiêm, trùng trùng pháp giới chẳng ra ngoài nhất tâm. Theo kinh Lăng Nghiêm, “mười phương hư không đều ở trong tâm người”. Do vậy biết: Sanh về Cực Lạc là sanh trong tự tâm. Tâm chẳng có giới hạn, cho nên chẳng có Tây, chẳng có Đông, đi đến nơi đâu? Giống như đổi uế thành tịnh, thoát khỏi cái cũ để trở thành cái mới, là một bèn được một, tự hồ có chỗ để đến, cho nên gọi là Vãng. Há có phải là từ nơi đây hướng đến nơi kia, như trong thế gian, [lần lượt] đi trải qua các thành ấp ư?

Diễn: “*Hoa Nghiêm trùng trùng pháp giới, chẳng ra ngoài nhất tâm*”: Trùng trùng pháp giới chẳng ra ngoài tứ pháp giới. Tứ pháp giới chẳng ra ngoài Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới chính là tự tánh của con người.

“*Tâm chẳng có giới hạn*”: Cái tâm ấy rộng lớn, chẳng có phương hướng, nơi chốn, chẳng có kia, đây, sẽ đi về đâu? [Dùng điều này] để giải thích “*bất vãng*” trong phần trên.

“*Giống như đổi uế thành tịnh, chính là vãng (đi đến) theo kiểu là uế đến tịnh, là cái cũ đến cái mới, chẳng phải là vãng theo kiểu là chỗ này qua chỗ kia*”, [dùng điều này] để giải thích “*vãng*” [được nói] trong đoạn Sớ trên đây).

(Sao) Giải Thoát sở thuyết giả, Nhập Pháp Giới phẩm, Giải Thoát trưởng giả ngôn: “Bỉ chư Như Lai bất lai chí thử, ngã bất vãng bỉ. Nhược dục nguyện kiến An Lạc thế giới A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến”. Ký vân “tùy ý”, tắc bất việc nhất niệm, nhi sanh bỉ quốc. Cố tri trạng kỳ đắc sanh, danh chi vãng sanh, thật vô sở vãng. Bất vãng nhi vãng, bất phương thuyết vãng. Cứu cực nhi ngôn, phi dẫn vô vãng, diệc phục vô sanh; bất sanh nhi sanh, bất phương thuyết sanh.

(Diễn) Giải Thoát sở thuyết giả, Thiện Tài đồng tử, đệ ngũ u Trụ Lâm thành, tham Giải Thoát trưởng giả. Trưởng giả tức nhập Phổ Nhiep Nhất Thiết Phật Sát Tam Muội, thứ từng tam-muội khởi, cáo Thiện Tài ngôn: “Ngã kiến như thị đẳng, thập phương các thập Phật sát vi trần số Như Lai, bỉ chư Như Lai bất lai chí thử, ngã bất vãng bỉ, nãi chí tùy ý tức kiến” đẳng, dĩ Phật lai khứ tùy tâm hiện cố. Kinh vân: “Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo”, thị dã.

(鈔)解脫所說者，入法界品，解脫長者言：彼諸如來不來至此，我不往彼。若欲願見安樂世界阿彌陀佛，隨意即見。既云隨意，則不越一念，而生彼國。故知狀其得生，名之往生，實無所往。不往而往，不妨說往。究極而言，非但無往，亦復無生；不生而生，不妨說生。

(演)解脫所說者，善財童子，第五於住林城，參解脫長者。長者即入普攝一切佛剎三昧，次從三昧起，告善財言：我見如是等，十方各十佛剎微塵數如來，彼諸如來不來至此，我不往彼，乃至隨意即見等，以佛來去隨心現故。經云：若人欲了知，三世一切佛，應觀法界性，一切惟心造，是也。

(Sao: “Như lời [trưởng giả] Giải Thoát đã nói”: Trong phẩm Nhập Pháp Giới [của kinh Hoa Nghiêm], trưởng giả Giải Thoát nói: “Các đức Như Lai ấy chẳng đến nơi đây, ta chẳng qua chỗ các Ngài. Nếu nguyện muốn thấy A Di Đà Phật trong thế giới An Lạc, tùy ý liền thấy”. Đã nói là “tùy ý” thì chưa đầy một niệm đã sanh về cõi ấy. Vì thế, biết là giống như được sanh về, nên gọi là “vãng sanh”. Thật ra, chẳng có qua đó. Chẳng qua đó mà qua đó, chẳng ngại nói là “qua đó”. Xét đến tột cùng để nói, không chỉ là chẳng có qua đó, mà cũng chẳng có sanh. Chẳng sanh mà sanh, chẳng ngại nói là Sanh.

Diễn: “Nhu Giải Thoát đã nói”: Trong lần tham học thứ năm, tại thành Trụ Lâm, Thiện Tài đồng tử tham yết trưởng giả Giải Thoát. Trưởng giả liền nhập Phổ Nhiếp Nhất Thiết Phật Sát Tam Muội (tam-muội nhiếp trọn hết thấy các cõi Phật). Kế đó, từ tam-muội xuất, bảo Thiện Tài rằng: “Ta thấy trong mười phương, mỗi phương có các đức Như Lai nhiều như số vi trần trong mười cõi Phật như thế đó. Các đức Như Lai ấy chẳng đến nơi đây, mà ta cũng chẳng đến chỗ các Ngài...” cho đến “tùy ý liền thấy”. Do Phật đến đi, tùy tâm mà hiện, kinh nói: “Nếu ai muốn biết rõ, hết thấy Phật ba đời, hãy quán tánh pháp giới, hết thấy chỉ do tâm tạo” là nói về ý này).

(Sớ) **Vấn:** “Đâu Suất Nội Viện, tích nhân diệt nguyện vãng sanh, kim hà thiên thị Cực Lạc?” **Đáp:** Nhân nan dị cố, cảnh thắng liệt cố, chủ sư tư cố. **Hựu vấn:** “Thắng Liên Hoa thế giới, thậm siêu Cực Lạc, hà dĩ bất vãng?” **Đáp:** Lạc Bang tại cận, bất ưng cầu viễn cố.

(Diễn) Đâu Suất Nội Viện, tích nhân diệt nguyện vãng sanh giả, Đâu Suất nãi Dục Giới đệ tứ thiên, phân nội ngoại viện. Ngoại viện thị thiên nhân sở cư, nội viện thị Bồ Tát sở cư, Tam Tai diệt vô sở tổn. Tích nhân nguyện sanh giả, như Bạch Hương Sơn vân: “Hải Sơn bất thị ngã quy xứ, quy tắc tu quy Đâu Suất Thiên”, thị dã.

(疏)問：兜率內院，昔人亦願往生，今何偏示極樂？答：因難易故，境勝劣故，主師資故。又問：勝蓮華世界，甚超極樂，何以不往？答：樂邦在近，不應求遠故。

(演)兜率內院，昔人亦願往生者，兜率乃欲界第四天，分內外院。外院是天人所居，內院是菩薩所居，三災亦無所損。昔人願生者，如白香山云：海山不是我歸處，歸則須歸兜率天，是也。

(Sớ) **Hỏi:** “Người xưa cũng nguyện vãng sanh Đâu Suất Nội Viện, nay vì sao cứ khẳng khái dạy [cầu vãng sanh] Cực Lạc?” **Đáp:** Do cái nhân có khó dễ, do cảnh hơn kém, và quan hệ giữa đáng hóa chủ hai nơi (Cực Lạc và Đâu Suất Nội Viện) là thầy và trò. **Lại hỏi:** “Thế giới Thắng Liên Hoa vượt xa Cực Lạc quá nhiều, có sao chẳng sanh về đó?” **Đáp:** Lạc Bang ở gần, chớ nên cầu nơi xa xôi.

Diễn: “Người xưa cũng nguyện vãng sanh Đâu Suất Nội Viện”: Đâu Suất là tầng trời thứ tư trong Dục Giới, chia thành nội viện và

ngoại viện. Ngoại viện là chỗ chư thiên ở, nội viện là chỗ Bồ Tát ở, [dầu có] Tam Tai, [Đâu Suất] cũng chẳng bị tổn hoại. “Người xưa nguyện sanh” là như ngài Bạch Hương Sơn nói: “Hải Sơn chẳng phải chỗ ta về, đáng về là về trời Đâu Suất” là như vậy đấy).

(Sao) Vấn ý cái vị Di Lặc diệt hiện tại thuyết pháp, Nội Viện diệt thanh tịnh, trang nghiêm, nhi bất cầu sanh, đương thị hà cố? Đáp: Hữu tam nghĩa: Nhất, nhân nan dị giả, phàm sanh Nội Viện, tất Trí Đoạn công đức, kham dự thánh lưu. Phi nhược Cực Lạc, dẫn cầu sanh giả, tịnh niệm thành tựu, tức khắc như nguyện, vô luận Hoặc nghiệp. Tích Trang sư vị: “Nội Viện dị sanh, lương dĩ Đâu Suất chi ly nhân thế khả kế do-tuần, Cực Lạc chi khứ Sa Bà lịch đa Phật sát”, bỉ luận địa, bất luận nhân, kim luận nhân, bất luận địa, nghĩa các hữu thủ. Nhiên cực nhi luận chi, Trang sư vị đương thời nhất loại chi cơ, thử kinh nãi vạn thế thường hành chi đạo nhĩ.

(Diễn) Tất Trí Đoạn công đức, kham dự thánh lưu giả, Trí Đoạn, tức chứng trí đoạn Hoặc công đức. Nội Viện giai chứng Trí đoạn Hoặc thánh nhân sở cư. Vô thử công đức, bất kham dự hội cổ. Cực Lạc cầu sanh, vô luận Hoặc nghiệp giả, cầu sanh Tịnh Độ, dẫn đắc Sự nhất tâm công thành, tức đối Hoặc nghiệp vãng sanh, trượng Di Đà bất tư nghị nguyện lực, như tải cự thạch, bất chí trầm uyên, như thượng sở thuyết. Trang sư vị: “Nội viện dị sanh” giả, Trang sư vị Tướng Tông sư đức, nhi Di Lặc vi Tướng Tông chi tổ. Cố Trang sư thường ư Định trung kiến Di Lặc thánh tướng, lâm chung quy ư Đâu Suất, thường khuyến nhân tu Duy Tâm Thức Định. Cố vị: “Nội viện dị sanh” dã.

(鈔)問意蓋謂彌勒亦現在說法，內院亦清淨莊嚴，而不求生，當是何故？答：有三義。一、因難易者，凡生內院，必智斷功德，堪與聖流。非若極樂，但求生者，淨念成就，即克如願，無論惑業。昔奘師謂：內院易生，良以兜率之離人世可計由旬，極樂之去娑婆歷多佛剎，彼論地不論因，今論因不論地，義各有取。然極而論之，奘師為當時一類之機，此經乃萬世常行之道耳。

(演)必智斷功德，堪與聖流者，智斷，即證智斷惑功德。內院皆證智斷惑聖人所居。無此功德，不堪與會故。

極樂求生，無論惑業者，求生淨土，但得事一心功成，即帶惑業往生，仗彌陀不思議願力，如載巨石，不至沈淪，如上所說。奘師謂：內院易生者，奘師為相宗師德，而彌勒為相宗之祖。故奘師常於定中見彌勒聖相，臨終歸於兜率，常勸人修唯心識定。故謂：內院易生也。

(Sao: Ý của lời hỏi là “ngài Di Lặc nay cũng đang thuyết pháp, Nội Viện cũng thanh tịnh, trang nghiêm, nhưng chẳng cầu sanh [về đó] là vì có nào?” Đáp: Có ba ý nghĩa: Một là cái nhân có khó và dễ. Phàm sanh vào Nội Viện, ắt phải có công đức Trí Đoạn thì mới có thể dự vào dòng thánh. Chẳng như Cực Lạc, chỉ cần là người cầu vãng sanh, tịnh niệm thành tựu, tức khắc được thỏa nguyện, chẳng cần biết Hoặc nghiệp [như thế nào]. Xưa kia, ngài Huyền Trang nói: “Nội Viện dễ sanh là vì khoảng cách giữa Đâu Suất và nhân gian có thể tính đếm do-tuần, còn từ Sa Bà đến Cực Lạc phải trải qua nhiều cõi Phật”. Đó là luận theo nơi chốn, chẳng luận theo cái nhân. Nay chúng ta luận định theo cái nhân, chẳng luận theo nơi chốn. Do căn cứ trên những luận điểm khác nhau, mà có ý nghĩa khác nhau. Nhưng luận định đến tột cùng, ngài Huyền Trang vì một loại căn cơ thuở ấy [mà nói như vậy], còn kinh này là đạo thường hành trong muôn đời.

Diễn: “Ắt phải có công đức Trí Đoạn thì mới kham dự vào dòng thánh”: Trí Đoạn chính là công đức chứng trí đoạn Hoặc. Nội viện toàn là bậc thánh nhân đã chứng Trí đoạn Hoặc cư ngụ; không có công đức ấy, sẽ chẳng thể dự vào đó. “Cực Lạc cầu sanh chẳng luận Hoặc nghiệp”: Cầu sanh Tịnh Độ, chỉ thành tựu công đức Sự nhất tâm, liền mang theo Hoặc nghiệp vãng sanh, nương vào nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của Phật Di Đà, như [chiếc thuyền] chở tảng đá to, chẳng đến nổi chìm xuống vực, như đã nói trong phần trước!

Ngài Huyền Trang bảo “Nội Viện dễ sanh”: Ngài Huyền Trang là bậc tông sư đại đức của Tướng Tông, đức Di Lặc là tổ của Tướng Tông. Do vậy, ngài Huyền Trang thường thấy thánh tướng của đức Di Lặc trong Định, lâm chung, [ngài Huyền Trang] về trời Đâu Suất. Ngài thường khuyên người khác tu Duy Tâm Thức Định, cho nên nói “dễ sanh về Nội Viện”).

(Sao) Nhị, cảnh thắng liệt giả, Nội Viện bất việt tam giới chi trung, Cực Lạc xuất quá tam giới chi ngoại. Cực Lạc Nghi Thành

thượng vô nữ nhân, Nội Viện ngoại sanh, tiên hữu ngũ dục, cố viết hạ sanh do thắng thiên cung dã. Tam, chủ sư tư giả, Di Đà viên vạn đức chi quả, dĩ chứng Như Lai. Di Lặc xưng Bồ Xứ chi tôn, do cư Đẳng Giác. Kinh vân: “Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ”, tắc Di Lặc phương dữ Quán Âm, Thế Chí, đồng thị đạo sư chi trác, viết sư tư dã. Cố kiến Di Đà, tức kiến Di Lặc; kiến Di Lặc, vị tất kiến Di Đà. Hựu cổ đức hữu vân: “Tiên sanh Tây Phương, hậu sanh Long Hoa”, diệc đại hữu lý, thiên cầu Cực Lạc, bất diệc nghi hồ!

(Diễn) Di Lặc do cư Đẳng Giác giả, dĩ thượng tại nhân vị, vị vi cực quả. Do Thanh Biện vị: “Kim Di Lặc vị thị Biến Tri. Sĩ Long Hoa đạo hậu, phương phục vấn tân”, tức kỳ sự dã. Hậu sanh Long Hoa giả, Di Lặc Hạ Sanh kinh vân: “Di Lặc Bồ Tát tức ư xuất gia chi nhật, tiên đắc thành Phật, tọa ư Long Hoa thụ hạ, hoa lâm viên trung, tam hội thuyết pháp. Đệ nhất hội, độ cửu thập lục câu-chỉ chúng, nãi Thích Ca Phật pháp trung tạo Phật tượng giả. Đệ nhị hội, độ cửu thập tứ câu-chỉ chúng, nãi Thích Ca Phật thời, ngũ chủng pháp sư tụng đọc Đại Thừa kinh giả. Đệ tam hội, độ cửu thập nhị câu-chỉ chúng, nãi Thích Ca Phật pháp trung cúng dường Tăng giả”.

(鈔)二、境勝劣者，內院不越三界之中，極樂出過三界之外。極樂疑城尚無女人，內院外生，便有五欲，故曰下生猶勝天宮也。三、主師資者，彌陀圓萬德之果，已證如來。彌勒稱補處之尊，猶居等覺。經云：其中多有一生補處，則彌勒方與觀音勢至，同侍導師之側，曰師資也。故見彌陀，即見彌勒；見彌勒，未必見彌陀。又古德有云：先生西方，後生龍華，亦大有理，偏求極樂，不亦宜乎！

(演)彌勒猶居等覺者，以尚在因位，未為極果。猶清辯謂：今彌勒未是遍知，俟龍華道後，方復問津，即其事也。後生龍華者，彌勒下生經云：彌勒菩薩即於出家之日，便得成佛，坐於龍華樹下，花林園中，三會說法。第一會，度九十六俱胝眾，乃釋迦佛法中造佛像者。第二會，度九十四俱胝眾，乃釋迦佛時，五種法師讀誦大乘經者。第三會，度九十二俱胝眾，乃釋迦佛法中供養僧者。

(Sao: Hai là cảnh có hơn, kém. Nội Viện chẳng vượt ngoài tam giới, Cực Lạc đã thoát khỏi tam giới. Nghi Thành của Cực Lạc còn chẳng có nữ nhân. Sanh ngoài Nội Viện bèn có ngũ dục. Vì thế, nói “sinh vào nơi hèn kém [của Cực Lạc] còn vượt xa cung trời”.

Ba, quan hệ giữa đẳng hóa chủ hai nơi (Cực Lạc và Đâu Suất Nội Viện) là thầy và trò. Phật Di Đà đã viên mãn quả vạn đức, đã chứng Như Lai. Di Lặc là vị được gọi là Bồ Xứ, vẫn còn thuộc địa vị Đăng Giác. Kinh dạy: “Trong số ấy, có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ”, vậy thì Di Lặc và Quán Âm, Thế Chí cùng hầu bên cạnh đức Đạo Sư, cho nên nói là “thầy trò” vậy. Vì thế, thấy Phật Di Đà bèn thấy ngài Di Lặc. Thấy ngài Di Lặc, chưa chắc đã thấy Phật Di Đà! Có vị cổ đức lại nói: “Trước hết là sanh về Tây Phương, sau đó sanh vào Long Hoa”, cũng hết sức có lý. Khăng khăng cầu sanh Cực Lạc, có phải là thích đáng hơn không?

Diễn: “Di Lặc vẫn còn thuộc địa vị Đăng Giác”: Do ngài Di Lặc còn thuộc địa vị tu nhân, chưa phải là quả vị tột bậc. Ví như ngài Thanh Biện nói: “Nay Di Lặc thuộc địa vị Biện Tri (Đăng Giác). Đợi tới hội Long Hoa, mới lại thừa hỏi đường nẻo” tức là chuyện này.

“Sau đó sanh vào Long Hoa”: Kinh Di Lặc Hạ Sanh nói: “Di Lặc Bồ Tát ngay trong ngày xuất gia liền được thành Phật, ngồi dưới cội Long Hoa, trong vườn hoa, ba hội thuyết pháp. Hội thứ nhất, độ chín mươi sáu câu-chi người, tức là những người tạo tượng Phật trong pháp của Phật Thích Ca. Hội thứ hai, độ chín mươi bốn câu-chi người, chính là năm loại pháp sư đọc tụng kinh Đại Thừa trong thời Phật Thích Ca. Hội thứ ba, độ chín mươi hai câu-chi người, tức là những người cúng dường Tăng trong pháp của Phật Thích Ca”).

(Sao) **Thắng Liên Hoa** giả, tường kiến tiền thọ mạng văn trung. Kim vị **Hoa Nghiêm** giáo luận quốc độ. Sa Bà chi hậu, tức vân **Cực Lạc**, viên chi hựu viên, chí bách vạn A-tăng-kỳ thế giới, phương viết **Thắng Liên**. Tắc **Cực Lạc** giả lân bang, **Thắng Liên** giả hà vực dã, dụ như **Việt cơ**, **Ngô nhâm**, cử túc túc **Ngô**, xả **Ngô** bất vãng, nhi mộ **Yên**, **Tần**, hoặc diệc thậm hỹ!

(Diễn) **Hoa Nghiêm** giáo luận quốc độ giả, **Tâm Vương Bồ Tát**, ư chúng hội trung, cáo chư **Bồ Tát** ngôn: “**Phật tử!** Thử **Sa Bà** thế giới trung, **Thích Ca Mâu Ni Phật** sát nhất kiếp, ư **Cực Lạc** thế giới **A Di Đà Phật** sát, vì nhất nhật nhất dạ. **Cực Lạc** thế giới nhất kiếp, ư **Ca Sa Tràng** thế giới **Kim Cang Kiên Phật** sát, vì nhất nhật nhất dạ. **Ca**

Sa Tràng thế giới nhất kiếp, u Bất Thoái Âm Thanh Luân thế giới, vi nhất nhật nhất dạ. Phật tử! Như thị thứ đệ, nãi chí quá bách vạn A-tăng-kỳ thế giới, tối hậu thế giới nhất kiếp, u Thắng Liên Hoa thế giới Hiền Thắng Phật sát, vi nhất nhật nhất dạ. Phổ Hiền Bồ Tát cập chư đồng hạnh đại Bồ Tát đẳng, sung mãn kỳ trung”.

(鈔)勝蓮華者，詳見前壽命文中。今謂華嚴較論國土。娑婆之後，即云極樂，遠之又遠，至百萬阿僧祇世界，方曰勝蓮。則極樂者鄰邦，勝蓮者遐域也，喻如越饑吳稔，舉足即吳，捨吳不往，而慕燕秦，惑亦甚矣！

(演)華嚴較論國土者，心王菩薩，於眾會中，告諸菩薩言：佛子！此娑婆世界中，釋迦牟尼佛剎一劫，於極樂世界阿彌陀佛剎，為一日一夜。極樂世界一劫，於袈裟幢世界金剛堅佛剎，為一日一夜。袈裟幢世界一劫，於不退音聲輪世界，為一日一夜。佛子！如是次第，乃至過百萬阿僧祇世界，最後世界一劫，於勝蓮花世界賢勝佛剎，為一日一夜。普賢菩薩及諸同行大菩薩等，充滿其中。

(Sao: Đối với thế giới Thắng Liên Hoa, xin coi lời giải thích tường tận trong phần kinh văn giảng về thọ mạng. Nay nói: Kinh Hoa Nghiêm so sánh các cõi nước. Sau Sa Bà, bên nôi Cực Lạc, đã xa lại càng xa hơn, cho đến trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới, mới nói tới cõi Thắng Liên Hoa. Cực Lạc là nước kề cận, Thắng Liên Hoa là nước xa xôi, ví như nước Việt đói kém, nước Ngô được mùa, cất chân bên sang đất Ngô, [thế mà] bỏ nước Ngô chẳng đến, hâm mộ nước Yên, nước Tần! Mê lầm quá đời!

Diễn: “Kinh Hoa Nghiêm so sánh luận định cõi nước”: Tâm Vương Bồ Tát ở trong chúng hội, bảo các Bồ Tát rằng: “Phật tử! Một kiếp trong thế giới Sa Bà này, tức là cõi của Thích Ca Mâu Ni Phật, thì là một ngày một đêm trong thế giới Cực Lạc là cõi của A Di Đà Phật. Một kiếp trong thế giới Cực Lạc là một ngày một đêm trong thế giới Ca Sa Tràng, tức cõi nước của Kim Cang Kiên Phật. Một kiếp trong thế giới Ca Sa Tràng là một ngày một đêm trong thế giới Bất Thoái Âm Thanh Luân. Nay Phật tử! Lần lượt như thế, cho đến qua khỏi trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới, một kiếp trong thế giới cuối cùng là một ngày một đêm trong thế giới Thắng Liên Hoa, đó là cõi nước của Hiền Thắng Phật. Phổ Hiền Bồ Tát và các vị đại Bồ Tát đồng hạnh đầy ắp trong ấy”).

(Sớ) Vấn: “Kiến hữu nhất sanh niệm Phật, lâm chung vị tất vãng sanh, hà dã?” Đáp: Lương điều nhất sanh niệm Phật, vị thị nhất tâm niệm Phật cố.

(Sao) Du du chi đồ, nhất sanh niệm Phật, sở vị tuy bất giải đãi, diệc bất tinh tấn, vị năng nhất tâm, cố bất đắc sanh. Nhược quả chân thật dụng tâm, nhi vị thuần nhất, tuy kim thể bất sanh, diệc thực sanh nhân, tất ư lai thế, thành tựu tam-muội, nhi đắc sanh bỉ. Như Phạm Võng vân: “Bất đắc giới, nhi đắc tăng ích thọ giới”, Tông Môn vị: “Tài xuất đầu lai, nhất văn thiên ngộ giả”, thị dã. Thận vô tạ khẩu viết: “Mồ mồ niệm Phật, đồ lao vô công”, toại báng thánh giáo, vị bất túc tìn!

(Diễn) Bất đắc giới, nhi đắc tăng ích thọ giới giả, Phạm Võng vân: “Thiên lý nội vô năng thọ giới sư, hứa Phật, Bồ Tát tượng tiền thọ giới. Yếu tu sám hối đắc kiến hảo tướng, tức tiện đắc giới. Kiến hảo tướng giả, Phật lai ma đánh, kiến quang, kiến hoa đảnh. Nhược bất kiến hảo tướng, tuy sám vô ích. Nhiên tuy bất đắc giới, nhi đắc tăng ích thọ giới”. Nhất văn thiên ngộ giả, như hiệp hạ thi quyền, cách giang chiêu thủ, tụng Dược Vương nhi thân kiến Linh Sơn, phùng xuyặng nhi đón truyền tâm ấn, thị dã.

(疏)問：見有一生念佛，臨終未必往生，何也？答：良繇一生念佛，未是一心念佛故。

(鈔)悠悠之徒，一生念佛，所謂雖不懈怠，亦不精進，未能一心，故不得生。若果真實用心，而未純一，雖今世不生，亦植生因，必於來世，成就三昧，而得生彼。如梵網云：不得戒，而得增益受戒，宗門謂：才出頭來，一聞千悟者，是也。慎毋藉口曰：某某念佛，徒勞無功，遂謗聖教，為不足信！

(演)不得戒，而得增益受戒者，梵網云：千里內無能授戒師，許佛菩薩像前受戒。要須懺悔得見好相，即便得戒。見好相者，佛來摩頂，見光見花等。若不見好相，雖懺無益。然雖不得戒，而得增益受戒。一聞千悟者，如脅下施拳，隔江招手，誦藥王而親見靈山，逢吹鐙而頓傳心印，是也。

(Sớ) Hỏi: “Thấy có kẻ suốt đời niệm Phật, lâm chung chưa chắc

vãng sanh, là vì lẽ nào?” Đáp: Ấy là vì suốt đời niệm Phật, nhưng chưa phải là nhất tâm niệm Phật.

Sao: Hạng người hời hợt, niệm Phật suốt đời, tuy nói là chẳng biếng nhác, nhưng cũng chẳng tinh tấn, chưa thể nhất tâm, cho nên chẳng được vãng sanh. Nếu là thật sự dụng tâm, nhưng chưa thuần nhất, tuy chẳng thể vãng sanh trong đời này, cũng đã gieo cái nhân vãng sanh, trong đời sau, ắt sẽ thành tựu tam-muội mà được vãng sanh cõi ấy. Như kinh Phạm Võng có nói: “Chẳng đắc giới, nhưng được lợi lạc tăng ích thọ giới”. Nhà Thiền nói: “Vừa mới xuất đầu lộ diện, đã nghe một, ngộ cả ngàn” chính là ý này. Hãy dè dặt, đừng nói bừa bãi: “Kẻ nào đó niệm Phật, uống công vô ích”, đây chính là báng bỏ thánh giáo “chẳng đáng tin tưởng”.

Diễn: “Chẳng đắc giới, nhưng được lợi ích cho sự thọ giới [trong mai sau]”. Kinh Phạm Võng nói: Trong một ngàn dặm, chẳng có vị thầy nào có thể truyền giới thì cho phép [người muốn thọ giới] đối trước tượng Phật, Bồ Tát để tự thọ giới, nhưng cần phải tu sám hối [cho đến khi] thấy được hảo tướng thì mới đắc giới. “Thấy hảo tướng”: Phật đến xoa đỉnh đầu, thấy quang minh, thấy hoa v.v... Nếu chẳng thấy hảo tướng, tuy sám hối, vô ích. Dầu chẳng đắc giới, nhưng được tăng ích thọ giới. “Nghe một, ngộ cả ngàn”: Như nắm tay đặt dưới hông, cách sông vẩy tay, tụng phẩm Dược Vương mà đích thân thấy [hội Pháp Hoa tại] Linh Sơn, gặp thời nên mà truyền ngay tâm ấn, là như thế đó).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh vô hình, thị bất diên đảo nghĩa. Tự tánh vô cấu, thị sanh Cực Lạc nghĩa.

(Diễn) Tự tánh vô hình, thị bất diên đảo nghĩa giả, hình giả, tướng dã. Nhất thiết chư tướng, giai đảo tâm vọng cảnh; kim Chân Như tự tánh, phi nhất tướng, phi dị tướng, phi phi nhất dị tướng, phi nhất dị câu tướng, ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng, hữu hà đảo vọng? Tự tánh vô cấu, thị sanh Cực Lạc nghĩa giả, cấu giả, nhiễm dã. Nhất thiết nhiễm pháp, giai khổ nhân, khổ quả; kim ly cấu Pháp Thân, xuất phiền não ngại, trí ngại, ly hòa hợp tướng, thuần tịnh minh cố, thành pháp xuất ly kính, ninh phi Cực Lạc?

(疏)稱理，則自性無形，是不顛倒義。自性無垢，是生極樂義。

(演)自性無形，是不顛倒義者，形者，相也。一切諸相，皆倒心妄境；今真如自性，非一相，非異相，非非一

異相，非一異俱相，離一切法差別之相，有何倒妄？自性無垢，是生極樂義者，垢者，染也。一切染法，皆苦因苦果；今離垢法身，出煩惱礙，智礙，離和合相，純淨明故，成法出離鏡，甯非極樂？

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh vô hình là ý nghĩa “chẳng điên đảo”, tự tánh vô cấu là ý nghĩa “sinh vào Cực Lạc”).

Diễn: “Tự tánh vô hình là ý nghĩa bất điên đảo”: Hình là tướng. Hết thấy các tướng đều là cảnh hư vọng trong cái tâm điên đảo. Nay tự tánh Chân Như chẳng phải là một tướng, chẳng phải là khác tướng, chẳng phải là tướng “không một, không khác”, chẳng phải là tướng “vừa là một, vừa là khác”, là tướng sai biệt của hết thấy các pháp, há có điên đảo, hư vọng gì?

“Tự tánh vô cấu là ý nghĩa sinh về Cực Lạc”: “Cấu” là nhiễm. Hết thấy nhiễm pháp đều là khổ nhân, khổ quả; nay Pháp Thân ly cấu, vượt khỏi chướng ngại phiền não, chướng ngại trí huệ, là tướng hòa hợp, thuần thanh tịnh, sáng suốt, trở thành pháp là khỏi gương, há chẳng phải là Cực Lạc ư?)

(Sao) Lục Tổ vân: “Ngô hữu nhất vật, vô đầu, vô vĩ, vô bối, vô diện”. Thị tắc cầu ư chánh tướng, thượng bất khả đắc, tương dĩ hà vật nhi danh điên đảo? Bát Nhã Tâm Kinh vân: “Thị chư pháp Không tướng, bất cấu, bất tịnh”. Thị tắc cầu ư tịnh tướng, thượng bất khả đắc; tương chỉ hà xứ nhi hiệu Sa Bà? Bất điên đảo xứ, toàn thân tọa Cực Lạc liên đài; điên đảo tài sanh, ứng niệm trụ Sa Bà quốc độ. Tức tâm tức độ, tức độ tức tâm, Tây Phương khứ thử bất viển.

(Diễn) Thị tắc cầu ư chánh tướng, thượng bất khả đắc đẳng. Chánh giả, đối đảo nhi ngôn. Nhược hữu chánh tướng, dữ đảo hà dị? Vô chánh, vô đảo, thị danh “chân bất điên đảo”. Thị tắc cầu ư tịnh tướng, thượng bất khả đắc đẳng. Tịnh giả, đối cấu chi ngôn. Nhược hữu tịnh tướng, dữ cấu hà biệt? Vô tịnh, vô cấu, thị danh chân Tịnh Độ.

(鈔)六祖云：吾有一物，無頭無尾，無背無面。是則求於正相，尚不可得，將以何物而名顛倒？般若心經云：是諸法空相，不垢不淨。是則求於淨相，尚不可得；將指何處而號娑婆？不顛倒處，全身坐極樂蓮臺；顛倒才生，

應念住娑婆國土。即心即土，即土即心，西方去此不遠。

(演)是則求於正相，尚不可得等。正者，對倒而言。若有正相，與倒何異？無正無倒，是名真不顛倒。是則求於淨相，尚不可得等。淨者，對垢而言。若有淨相，與垢何別？無淨無垢，是名真淨土。

(Sao: Lục Tổ nói: “Ta có một vật, không đầu, không đuôi, không lưng, không mặt”, như vậy thì cầu chánh tướng (tướng ngay thẳng) còn chưa thể được, lấy vật gì để gọi là điên đảo? Bát Nhã Tâm Kinh nói: “Tướng Không ấy của các pháp chẳng như, chẳng sạch”. Do vậy, cầu nơi tịnh tướng còn chẳng thể được, sẽ chỉ vào nơi đâu để gọi là Sa Bà? Chỗ chẳng điên đảo, toàn thân ngồi nơi đài sen trong Cực Lạc. Điên đảo vừa sanh, ngay lập tức trụ trong cõi nước Sa Bà. Tâm chính là cõi, cõi chính là tâm, Tây Phương cách đây không xa.

Diễn: “Do vậy, cầu chánh tướng còn chưa thể được...”: Chánh là nói đối lập với điên đảo. Nếu có chánh tướng, có khác gì điên đảo? Không chánh, không điên đảo, thì gọi là “thật sự chẳng điên đảo”. “Do vậy, cầu nơi tịnh tướng còn chẳng thể được”: Tịnh là nói đối lập với cấu. Nếu có tịnh tướng thì có khác gì với cấu? Chẳng tịnh, chẳng cấu thì là Tịnh Độ thật sự).

Tứ, kết khuyến.

(Kinh) **Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn. Nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.**

(Sớ) **Thị lợi giả, chỉ thượng kiến Phật vãng sanh. Thử ngôn giả, kiến tư đại lợi, cố thuyết thử nhất tâm trì danh chi ngôn dã. Bất nguyện vãng giả, tắc cô Phật thuyết, thị vi đệ nhị trùng khuyến.**

(Sao) **Vô lợi ích ngữ, Phật sở bất đàm. Trì danh tức đắc vãng sanh, ư chư chúng sanh hữu đại lợi ích, cố Phật thuyết dã. Lương diêu kỷ đắc vãng sanh, thị danh tự lợi. Sanh bỉ quốc dĩ, văn pháp đắc đạo, hoàn năng quảng độ vô lượng chúng sanh, thị danh lợi tha. Cụ tư nhị lợi, cố vân “đại lợi”. Đệ nhị khuyến giả, sơ ngôn chúng sanh văn giả, chỉ thị đắc văn bỉ quốc trang nghiêm thắng diệu, cố khởi nguyện nhạo, vị ỷ như hà đắc sanh, kim xuất kỳ diêu. Ngôn nhất tâm trì danh, Phật lai tiếp dẫn, toại đắc sanh bỉ, tắc nguyện đương ích thiết, cố vân nhị khuyến.**

四、結勸。

(經)舍利弗！我見是利，故說此言。若有眾生聞是說者，應當發願，生彼國土。

(疏)是利者，指上見佛往生。此言者，見斯大利，故說此一心持名之言也。不願往者，則孤佛說，是為第二重勸。

(鈔)無利益語，佛所不談。持名即得往生，於諸眾生有大利益，故佛說也。良繇已得往生，是名自利。生彼國已，聞法得道，還能廣度無量眾生，是名利他。具斯二利，故云大利。第二勸者，初言眾生聞者，止是得聞彼國莊嚴勝妙，故起願樂，未委如何得生，今出其繇。言一心持名，佛來接引，遂得生彼，則願當益切，故云二勸。

(Bốn, là kết lại để khuyên.

Kinh: *Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi này, nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy.*

Sớ: *“Điều lợi này” chỉ [lợi ích] vãng sanh thấy Phật trong phần trên. “Lời này” chính là lời “thấy lợi ích to lớn ấy”, cho nên nói lời “nhất tâm trì danh” này. Kẻ chẳng nguyện vãng sanh là đã cô phụ lời Phật dạy. Đây là khuyên lần thứ hai.*

Sao: *Đức Phật chẳng nói lời không có lợi ích. Trì danh bèn được vãng sanh, có lợi ích to lớn đối với chúng sanh, cho nên đức Phật bèn nói. Ấy là vì chính mình được vãng sanh thì gọi là tự lợi; sanh về cõi ấy, nghe pháp đắc đạo, còn có thể rộng độ vô lượng chúng sanh, đó là lợi tha. Có đủ hai điều lợi ấy, nên gọi là “đại lợi”.*

“Khuyên lần thứ hai”: Thoạt đầu, kinh nói “chúng sanh nghe nói”, [nghĩa là] chỉ được nghe sự trang nghiêm thù thắng nhiệm mầu trong cõi ấy, cho nên dấy lòng phát nguyện, ưa thích, nhưng chưa rõ làm như thế nào thì sẽ được sanh về đó, nay nêu rõ duyên do. Nói “nhất tâm trì danh, Phật đến tiếp dẫn, bèn được sanh về cõi kia”, như vậy thì nguyện sẽ càng thêm thiết tha. Vì thế, nói là “khuyên lần thứ hai”).

(Sớ) *Hựu ngôn lợi giả, phản hiển bất nguyện vãng sanh chi hại, thị hân yếm dã.*

(Sao) *Thử độ tu hành, đa kiếp thăng trầm, bất năng giải thoát.*

Kim dĩ xưng danh vãng sanh, toại đặng Bất Thoái, giáo kỳ lợi hại, mình nhược chỉ chưởng. Lợi tức chur lạc, hại tức chúng khổ, cố đương hân yếm.

(Diễn) Chỉ chưởng giả, Luận Ngũ vân: “Kỳ như thị chur tư hô? Chỉ kỳ chưởng”. Chú vân: “Ngôn dị kiến dã”.

(疏)又言利者，反顯不願往生之害，示欣厭也。

(鈔)此土修行，多劫升沈，不能解脫。今以稱名往生，遂登不退，較其利害，明若指掌。利即諸樂，害即眾苦，故當欣厭。

(演)指掌者，論語云：其如示諸斯乎？指其掌。註云：言易見也。

(Sớ:) Lại nói “lợi”, nhằm hiển thị nỗi tai hại của việc chẳng nguyên vãng sanh, nhằm chỉ dạy sự ưa thích và chán nhàm.

Sao: Tu hành trong cõi này, nhiều kiếp thăng trầm, chẳng thể giải thoát. Nay do xưng danh mà vãng sanh, bèn dự lên ngôi vị Bất Thoái. So sánh điều lợi, lẽ hại, rõ ràng như chỉ dạy trong lòng bàn tay.

Diễn: “Chỉ chưởng”: Sách Luận Ngũ chép: “Điều ấy là như thế nào? Như dùng lòng bàn tay để chỉ bày”. Chú thích: “Ý nói dễ thấy”).

(Sớ) Hựu ngã thuyết giả, chánh mình vô vấn tự thuyết cố.

(Sao) Kiến tư đại lợi, cấp vị chỉ trần, khủng chur chúng sanh trì trì thất lợi, cố bất sĩ thỉnh vấn dã!

(疏)又我說者，正明無問自說故。

(鈔)見斯大利，急為指陳，恐諸眾生遲遲失利，故不俟請問也！

(Sớ:) Lại nữa, “ta nói” nhằm chỉ rõ [bản kinh này] chẳng do ai hỏi mà là [đức Phật] tự nói.

Sao: Do thấy điều lợi to lớn này, bèn vội vàng chỉ bày, vì sợ chúng sanh lẽ mề, đánh mất điều lợi; do vậy, chẳng đợi hỏi han).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh cụ túc, thị lợi nghĩa.

(Sao) Thí quán tự tánh, khiếm thiếu hà sự, linh tri thể thượng, Di Đà thánh chúng chung nhật hiện tiền. Thường Tịch Quang trung, Cực Lạc tịnh bang, vô thời bất vãng. Nại hà Phật kiến thị lợi, chúng sanh nhược mạnh; Phật thuyết thị lợi, chúng sanh nhược lung. Tuy

thị lao tha kim khẩu tuyên dương, tu thị nhất hồi thân kiến thử đắc.

(Diễn) Linh tri thể thượng, Di Đà thánh chúng chung nhật hiện tiền giả, tự tánh tịch, tức Vô Lượng Thọ. Tự tánh chiếu, tức Vô Lượng Quang. Từ, tức Quán Âm. Trí, tức Thế Chí đẳng. Thường Tịch Quang trung, vô thời bất vắng giả, Thường, tức Pháp Thân. Tịch, tức giải thoát. Quang, tức Bát Nhã. Tam đức bí tạng, hành, trụ, tọa, ngọa, bất tương ly cố. Nại hà hạ kết khuyến.

(疏)稱理，則自性具足，是利義。

(鈔)試觀自性，欠少何事，靈知體上，彌陀聖眾終日現前。常寂光中，極樂淨邦，無時不往。奈何佛見是利，眾生若盲；佛說是利，眾生若聾。雖是勞他金口宣揚，須是一回親見始得。

(演)靈知體上，彌陀聖眾終日現前者，自性寂，即無量壽。自性照，即無量光。慈，即觀音。智，即勢至等。常寂光中，無時不往者，常，即法身。寂，即解脫。光，即般若。三德祕藏，行住坐臥，不相離故。奈何下結勸。

(Sớ: Xứng Lý, tự tánh trọn đủ là ý nghĩa “điều lợi này”.

Sao: Thử quán tự tánh, có thiếu khuyết chuyện gì chẳng? Nơi cái thể linh tri, Phật Di Đà và thánh chúng suốt ngày hiện tiền. Trong Thường Tịch Quang, cõi tịnh Cực Lạc không lúc nào chẳng đến. Hiềm rằng Phật thấy điều lợi này, chúng sanh như mù; đức Phật nói điều lợi này, chúng sanh như điếc. Tuy Ngài nhọc nhằn miệng vàng tuyên dương, vẫn phải do [chúng ta] một phen đích thân trông thấy thì mới đạt được.

Diễn: “Nơi cái thể linh tri, Phật Di Đà và thánh chúng suốt ngày hiện tiền”: Tự tánh tịch tức Vô Lượng Thọ, tự tánh chiếu tức Vô Lượng Quang, Từ tức Quán Âm, Trí tức Thế Chí v.v... “Trong Thường Tịch Quang không lúc nào chẳng đến”: Thường tức Pháp Thân, Tịch tức giải thoát, Quang tức Bát Nhã. Do đi, đứng, nằm, ngồi, chẳng lìa Tam Đức bí tạng. Từ chữ “hiềm rằng” trở đi, kết lại lời khuyên).

Tam, giao dẫn Phật ngôn linh đoạn nghi hoặc (nhị): Sơ, minh Phật đồng tán. Nhị, thích kinh ưng tán.

Sơ, minh Phật đồng tán (nhị): Sơ, bốn Phật tán. Nhị, tha Phật tán.

Sơ, bốn Phật tán.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán thán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chí lợi.

(Sớ) Thừa thượng bất độc ngã kiến thị lợi nhi thuyết thử ngôn; diệc thập phương chư Phật đồng kiến thị lợi, nhi thuyết thử ngôn dã. Tán giả, xưng tán. Thán giả, cảm thán. Bất khả tư nghị giả, thượng ngôn: “Ngã kiến thị lợi”, kim cực ngôn kỳ lợi phi tầm thường chí lợi dã. Văn hữu tam chuyển: Đệ nhất, phi vô ích, cố vân lợi. Nhị, phi dẫn sự phước chí lợi, cố vân công đức chí lợi. Tam, phi dẫn công đức chí lợi, cố vân bất khả tư nghị công đức chí lợi dã. Dĩ thị tán thán, phi ngẫu nhiên cố.

(Sao) Xưng tán giả, xưng dương, tán mỹ bỉ Phật quảng đại công đức, linh nhân quy tín dã. Cảm thán giả, cảm kích thán tức, thử pháp nhân thiên hy hữu, lịch kiếp nan phùng, linh nhân bi hỷ. Hỷ giả, hỷ kỳ đắc văn. Bi giả, bi kỳ văn chí văn dã. Bất khả tư nghị, thị thử kinh nguyên danh, nghĩa kiến tiền tự. Kinh danh Bất Khả Tư Nghị giả, chánh dĩ A Di Đà Phật hữu thử bất khả tư nghị đại công đức dã.

(Diễn) Nhân thiên hy hữu lịch kiếp nan phùng giả, Phật vị xuất thế, nhân gian chỉ hữu Luân vương thuyết Thập Thiện pháp, thiên thượng chỉ hữu Đế Thích thuyết xuất dục luận đẳng, giai hữu vi nhân quả, bất xuất luân hồi. Túng Phật xuất thế, diệc tiên thuyết nhân thiên tiểu giáo, trực chỉ Phương Đẳng thời, phương hữu thử siêu sanh tử, xuất luân hồi chi diệu pháp. Cố kinh vân: “Chư Phật xuất u thế, huyền viễn trị ngộ nan, giả sử xuất u thế, thuyết thị pháp diệc nan” đẳng.

三、交引佛言令斷疑惑(二)：初、明佛同讚。二、釋經應讚。

初、明佛同讚(二)：初、本佛讚。二、他佛讚。

初、本佛讚。

(經)舍利弗！如我今者，讚歎阿彌陀佛不可思議功德之利。

(疏)承上不獨我見是利而說此言；亦十方諸佛同見是利，而說此言也。讚者，稱讚。歎者，感歎。不可思議者，上言：我見是利，今極言其利非尋常之利也。文有三轉：第一、非無益，故云利。二、非但事福之利，故云功德之利。三、非但功德之利，故云不可思議功德之利也。

以是讚歎，非偶然故。

(鈔)稱讚者，稱揚讚美彼佛廣大功德，令人歸信也。感歎者，感激歎息，此法人天希有，歷劫難逢，令人悲喜。喜者，喜其得聞。悲者，悲其聞之晚也。不可思議，是此經原名，義見前序。經名不可思議者，正以阿彌陀佛有此不可思議大功德也。

(演)人天希有歷劫難逢者，佛未出世，人間止有輪王說十善法，天上止有帝釋說出欲論等，皆有為因果，不出輪迴。縱佛出世，亦先說人天小教，直至方等時，方有此超生死，出輪迴之妙法。故經云：諸佛出於世，懸遠值遇難，假使出於世，說是法亦難等。

(Ba, dẫn lời Phật Thích Ca và chư Phật để người nghe đoạn nghi hoặc (gồm hai phần): Một, nêu rõ chư Phật cùng tán thán. Hai là giải thích vì sao nên tán thán kinh này.

Một là nêu rõ chư Phật cùng tán thán (gồm hai phần): Một là Phật Thích Ca tự tán thán. Hai là các vị Phật khác tán thán.

Trước hết là Thích Ca tự tán thán.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Như ta nay tán thán lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật.*

Sớ: *Thừa tiếp ý “không chỉ riêng ta thấy điều lợi ấy mà nói lời này” trên đây; mười phương chư Phật cũng do cùng thấy lợi ích ấy nên nói lời này. “Tán” là khen ngợi. “Thán” là cảm thán. “Chẳng thể nghĩ bàn”: Trong phần trên đã nói “ta thấy điều lợi ấy”, nay cực lực nói “điều lợi ấy chẳng phải là lợi ích tầm thường”. Kinh văn có ba lượt chuyển biến: Thứ nhất, chẳng phải là vô ích nên nói là Lợi. Thứ hai, không chỉ là lợi ích thuộc về phước báo nơi Sự, cho nên nói là lợi ích thuộc về công đức. Thứ ba, không chỉ lợi ích thuộc về công đức, cho nên nói là lợi ích chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức. Do vì tán thán như vậy chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên.*

Sao: *“Xưng tán”: Ca ngợi, tôn vinh công đức rộng lớn của đức Phật ấy, khiến cho kẻ khác quay về tin tưởng. “Cảm thán” là cảm kích, than thở, pháp này là pháp hiếm có trong cõi trời người, trải bao kiếp khó gặp gỡ, khiến cho kẻ khác buồn vui [lẫn lộn]. Vui là vui mừng do được nghe; buồn là buồn vì nghe pháp này muộn màng. “Chẳng thể nghĩ bàn” là tên gốc của kinh này; xem ý nghĩa trong phần Tựa ở trước.*

Kinh có tên là Bất Khả Tư Nghị chính là vì A Di Đà Phật có công đức to lớn chẳng thể nghĩ bàn ấy.

Diễn: “Trong cõi trời người, trải bao nhiêu kiếp khó gặp gỡ”: Khi đức Phật chưa xuất thế, nhân gian chỉ có Chuyển Luân Thánh Vương nói pháp Thập Thiện, trên trời chỉ có Đế Thích nói luận “thoát dục” v.v... đều là nhân quả hữu vi, chẳng ra khỏi luân hồi. Dẫu Phật xuất thế, cũng trước hết nói nhân thiên tiểu giáo, mãi cho tới thời Phương Đẳng mới có diệu pháp siêu sanh tử, thoát luân hồi này. Vì thế, kinh nói: “Chư Phật xuất hiện trong cõi đời, lâu xa thăm thẳm khó gặp gỡ. Giả sử Phật xuất thế, nói pháp này cũng khó”).

(Sao) Văn hữu tam chuyển giả, lợi trung đa hàm, triển chuyển thâm quảng. Sơ, sự phước chi lợi giả, tu sự tướng phước, thế gian nhân cố, thị danh tiểu lợi. Nhị, công đức chi lợi giả, xuất thế gian nhân cố, thị danh đại lợi. Tam, bất tư nghị công đức giả, xuất thế gian thượng thượng nhân cố, thị danh đại lợi trung đại lợi. Cái công đức tuy thắng sự phước, u trung phục phân thắng, liệt, hữu khả tư nghị, hữu bất khả tư nghị. Kim thị bất khả tư nghị chi công đức dã; cố đại lợi trung, phục xưng đại lợi.

(Diễn) Xuất thế gian nhân, chỉ Tiểu Thừa Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên pháp. Thử pháp năng siêu tam giới, bất đạo luân hồi, dẫn y Sự thức tu hành, tâm ngoại kiến Phật, bất ngộ duy tâm. Cố do khả tư nghị dã. Hựu Thông Giáo Vô Sanh Tứ Đế, Biệt Giáo Vô Lượng Tứ Đế pháp, thử pháp năng siêu Nhị Thừa, bất đạo Thiên Không, dẫn đạo hậu phương chứng, nhân quả bất dung, Tịnh Độ tắc Lý ngoại tu thành, vạn pháp nãi bất do tâm cụ, tuy trần kiếp tu đạo, quảng du Phật sát, chỉ bĩ Tịnh Độ, dẫn thị Thể ngoại phương tiện, vị vi liễu nghĩa. Cố do khả tư khả nghị dã. Xuất thế gian thượng thượng nhân giả, dĩ hồi thân sát sát, thật sanh hồ tự kỷ tâm trung, dựng chắt cứu liên, phỉ đào hồ sát-na tế nội, thị thập phương tịnh uế, quyền hoài đồng tại sát-na. Nhất niệm sắc tâm, la liệt biến thân pháp giới. Cầu hoặc Sự Lý du cách, tịnh uế tương phương, an linh Ngũ Nghịch phạm phu, thập niệm tiện đẳng u bảo độ, Nhị Thừa hiền bối, hồi tâm tức đạt u kim trì dã tại! Thị tắc Đại Thừa trung Đại Thừa, liễu nghĩa trung liễu nghĩa, Phật pháp chi diệu, quá thử dĩ vãng, bất tri sở tài, thị bất tư nghị công đức, xuất thế gian thượng thượng nhân dã.

(鈔)文有三轉者，利中多含，展轉深廣。初、事福之

利者，修事相福，世間因故，是名小利。二、功德之利者，出世間因故，是名大利。三、不思議功德者，出世間上上因故，是名大利中大利。蓋功德雖勝事福，於中復分勝劣，有可思議，有不可思議。今是不可思議之功德也；故大利中，復稱大利。

(演)出世間因，指小乘四諦，十二因緣法。此法能超三界，不墮輪迴，但依事識修行，心外見法，不悟唯心。故猶可思議也。又通教無生四諦，別教無量四諦法，此法能超二乘，不墮偏空，但道後方證，因果不融，淨土則理外修成，萬法乃不由心具，雖塵劫修道，廣游佛剎，指彼淨土，但是體外方便，未為了義。故猶可思可議也。出世間上上因者，以迴神億剎，實生乎自己心中，孕質九蓮，匪逃乎剎那際內，是十方淨穢，卷懷同在剎那。一念色心，羅列遍收法界。苟或事理攸隔，淨穢相妨，安令五逆凡夫，十念便登於寶土，二乘賢輩，回心即達於金池也哉！是則大乘中大乘，了義中了義，佛法之妙，過此以往，不知所裁，是不思議功德，出世間上上因也。

(Sao: “Kinh văn có ba lượt chuyển biến”: Trong các điều lợi ích có nhiều ý nghĩa, [mỗi ý nghĩa] lần lượt càng sâu rộng hơn. Đầu tiên, “điều lợi về phước theo mặt Sự”: Tu phước nơi sự tướng, sẽ là cái nhân của thế gian, nên gọi là “tiểu lợi”. Hai là “điều lợi thuộc công đức”, chính là cái nhân xuất thế gian, cho nên gọi là “đại lợi”. Ba là “công đức chẳng thể nghĩ bàn”, tức là cái nhân xuất thế gian thượng thượng, được gọi là đại lợi trong các đại lợi. Vì công đức tuy thù thắng hơn phước thuộc sự tướng, nhưng trong ấy, lại chia thành hơn, kém, có công đức có thể nghĩ bàn và công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nay là công đức chẳng thể nghĩ bàn; vì thế, lại gọi là đại lợi trong các điều đại lợi.

Diễn: “Cái nhân xuất thế gian” chỉ pháp Tứ Đế và Thập Nhị Nhân Duyên của Tiểu Thừa. Pháp ấy có thể vượt thoát tam giới, chẳng đọa luân hồi, nhưng chỉ nương theo Sự thức để tu hành, thấy Phật ngoài tâm, chẳng ngộ duy tâm. Vì vậy, vẫn là có thể nghĩ bàn. Lại nữa, pháp Vô Sanh Tứ Đế của Thông Giáo và Vô Lượng Tứ Đế của Biệt Giáo có thể vượt xa Nhị Thừa, chẳng rơi vào Thiên Không, nhưng chỉ sau khi

kiến đạo thì mới chứng, nhân và quả chẳng dung thông. [Trong hai giáo ấy], Tịnh Độ sẽ là tu thành ở ngoài Lý, vạn pháp chẳng do tâm mà trọn đủ, dầu tu đạo trải số kiếp nhiều như vi trần, đạo khắp các cõi Phật, tức là Tịnh Độ của các Ngài vẫn chỉ là phương tiện ở ngoài Thể, chưa phải là liễu nghĩa. Do vậy, vẫn là có thể nghĩ bàn!

“Cái nhân xuất thế gian thượng thượng”: Do xoay tâm thức lại, nghĩ nhớ, suy xét, [nhận biết vãng sanh Tịnh Độ] thật sự là sanh trong cái tâm của chính mình, gởi thân nơi chín phẩm sen, chẳng lánh khỏi trong khoảng một sát-na, tức là mười phương tịnh, uế gồm trọn trong cùng một sát-na. Một niệm sắc tâm la liệt trọn thấu pháp giới. Nếu như Sự và Lý cách biệt, tịnh và uế trở ngại lẫn nhau, làm sao có thể khiến cho Ngũ Nghịch phạm phu do mười niệm liền lên cõi báu; bậc hiền nhân thuộc Nhị Thừa hể hời tâm liền đạt đến ao vàng vậy thay! Đấy chính là Đại Thừa của Đại Thừa, là pháp liễu nghĩa nhất trong các pháp liễu nghĩa. Vượt khỏi pháp mầu nhiệm này, chẳng biết sẽ vun bồi nơi đâu! Sự chẳng thể nghĩ bàn này là cái nhân xuất thế gian thượng thượng vậy).

(Sớ) Bất khả tư nghị, như Thanh Vương trung thuyết: “Bỉ An Lạc thế giới, sở hữu Phật pháp, bất khả tư nghị. Thần thông hiện hóa, bất khả tư nghị. Nhược năng tín như thị sự, đương tri thị nhân bất khả tư nghị, sở đắc nghiệp báo, diệt bất khả tư nghị”. Hựu y chánh nhân quả, tứ câu bất khả tư nghị.

(Sao) Thử phân vi tứ: Nhất, thị thí pháp quảng đại công đức, vị vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo đạo phẩm chủng chủng đẳng.

(Diễn) Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, Tam Bảo, đạo phẩm chủng chủng đẳng, thử chỉ sở thí chi pháp dã. Thử pháp hoặc xuất âm phu diễn, hoặc hiện tướng chỉ trần, dĩ bỉ độ chúng sanh, lục căn thanh tịnh, đắc đại tổng trì, lục trần giai thuyết, lục căn giai văn, pháp pháp đầu đầu, vô phi diệu pháp cố.

(疏)不可思議，如聲王中說：彼安樂世界，所有佛法，不可思議。神通現化，不可思議。若能信如是事，當知是人不可思議，所得業報，亦不可思議。又依正因果，四俱不可思議。

(鈔)此分為四：一、是施法廣大功德，謂無量壽，無量光，三寶道品種種等。

(演)無量壽，無量光，三寶道品種種等，此指所施之

法也。此法或出音數演，或現相指陳，以彼土眾生，六根清淨，得大總持，六塵皆說，六根皆聞，法法頭頭，無非妙法故。

(Sớ: “Chẳng thể nghĩ bàn”: Như kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni nói: “Trong thế giới An Lạc ấy, tất cả Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn; thần thông hiện hóa chẳng thể nghĩ bàn. Nếu [người nào] có thể tin chuyện như thế, hãy nên biết là người ấy chẳng thể nghĩ bàn; đạt được nghiệp báo cũng chẳng thể nghĩ bàn”. Lại nữa, y báo, chánh báo, nhân, quả, cả bốn điều đều chẳng thể nghĩ bàn.

Sao: Phần này chia làm bốn. Thứ nhất là công đức thí pháp rộng lớn, nghĩa là các thứ như vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo, đạo phẩm v.v...

Diễn: “Các thứ như vô lượng thọ, vô lượng quang, Tam Bảo đạo phẩm v.v...” là nói về những pháp được ban bố. Những pháp ấy hoặc là phát ra âm thanh để phổ diễn, hoặc là hiện tướng để chỉ bày. Do chúng sanh trong cõi ấy, sáu căn thanh tịnh, đặc đại tổng trì. Sáu trần đều nói, sáu căn đều nghe, pháp nào, sự nào, không gì chẳng phải là diệu pháp).

(Sao) Nhị, thị thần hóa châu biến công đức, vị thủy, diểu, thụ lâm, hàm tuyên diệu pháp, y thực, phục dụng, thọ dụng tự nhiên, chúng sanh giai cụ tướng hảo, thần biến đẳng.

(Diễn) Thủy, diểu, thụ lâm hạ tứ cú, thử Di Đà thần biến dã. Chúng sanh giai cụ tướng hảo, thần biến đẳng, thử chúng sanh thần biến dã. Dĩ bỉ quốc chủng chủng diệu dụng, tuy Di Đà thần biến sở thành, nhược chúng sanh bất đắc thần biến, bất năng thọ dụng. Kinh vân: “Phương tiện thị Bồ Tát Tịnh Độ. Bồ Tát thành Phật thời, u nhất thiết pháp phương tiện vô ngại chúng sanh lai sanh kỳ quốc”, thị dã.

(鈔)二、是神化周遍功德，謂水鳥樹林，咸宣妙法，衣食服用，受用自然，眾生皆具相好，神變等。

(演)水鳥樹林下四句，此彌陀神變也。眾生皆具相好，神變等，此眾生神變也。以彼國種種妙用，雖彌陀神變所成，若眾生不得神變，不能受用。經云：方便是菩薩淨土。菩薩成佛時，於一切法方便無礙眾生來生其國，是也。

(Sao: Hai là công đức thần thông biến hóa trọn khắp. Nghĩa là:

Nước, chim, rừng cây đều tuyên thuyết diệu pháp; áo, cơm, đồ dùng, thọ dụng tự nhiên; chúng sanh đều có đủ tướng hảo, thần thông biến hóa v.v....

Diễn: “Bốn câu từ “nước, chim, rừng cây” trở xuống là [nói đến] thần thông, biến hóa của Phật Di Đà. Chúng sanh đều có đủ tướng hảo, thần biến v.v... chính là thần thông biến hóa của chúng sanh. Do các thứ diệu dụng trong cõi ấy, tuy do thần thông biến hóa của Phật Di Đà tạo thành, nhưng nếu chúng sanh chẳng có thần biến, sẽ không thể thọ dụng. Kinh nói: “Phương tiện là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh có phương tiện vô ngại đối với hết thảy các pháp sẽ sanh về cõi ấy” chính là nói về ý này).

(Sao) Tam, thị tín thọ túc căn công đức, vị nan tín chi pháp, năng tín thọ giả, túc tu vô lượng thiện căn đẳng.

(Diễn) Nan tín chi pháp tam cú, kinh vân: “Nhược bất vãng tích tu phước huệ, ư thử chánh pháp bất năng văn, dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai, cố hữu nhân duyên văn thử nghĩa”. Bát Nhã vân: “Nhược nhân nhất niệm sanh tịnh tín giả, đương tri thử nhân, bất ư nhất Phật, nhị Phật nhi chủng thiện căn đẳng”.

(鈔)三、是信受宿根功德，謂難信之法，能信受者，宿修無量善根等。

(演)難信之法三句，經云：若不往昔修福慧，於此正法不能聞，已曾欽奉諸如來，故有因緣聞此義。般若云：若人一念生淨信者，當知此人，不於一佛，二佛而種善根等。

(Sao) Ba là công đức do túc căn mà tin nhận, nghĩa là người có thể tin nhận pháp khó tin chính là do đời quá khứ đã tu vô lượng thiện căn v.v....

Diễn: Đối với ba câu “pháp khó tin...”, kinh dạy: “Nếu xưa kia chẳng tu phước huệ, chẳng thể được nghe chánh pháp này, đã từng phụng sự chư Như Lai, nên có nhân duyên nghe nghĩa này”. Kinh Bát Nhã dạy: “Nếu người nào một niệm sanh tịnh tín, hãy nên biết người ấy chẳng phải là đã gieo thiện căn nơi một đức Phật, hoặc hai đức Phật” v.v....)

(Sao) Tứ, thị quả báo nan thắng công đức, vị tức đắc vãng sanh,

tức đắc nhập thượng thiện hội, tức đắc Bất Thoái Chuyển địa, tất cánh thành Phật đẳng, giai siêu việt thường tình. Cổ vân bất khả tư nghị. Như Kim Cang Bát Nhã vân: “Thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệt bất khả tư nghị”, thị dã. Y, chánh, nhân, quả giả, y vị Đồng Cư tức Tịch Quang, chánh vị Ứng Thân tức Pháp Thân. Nhân vị thất nhật công thành, quả vị nhất sanh bất thoái. Diệt phục siêu việt thường tình, cổ câu bất khả tư nghị dã. Tích, Anh pháp sư ư Đông Đô, giảng Hoa Nghiêm kinh tứ thập biến, nhân nhập Xước thiền sư Tịnh nghiệp đạo tràng, thâm nhập tam-muội, thán viết: “Tự hận đa niên không tầm văn sớ, lao thân tâm nhĩ, hà kỳ niệm Phật bất khả tư nghị”.

(Diễn) Đồng Cư tức Tịch Quang giả, tại hạ phẩm vãng sanh, dẫn kiến Đồng Cư; viên tâm Đại Sĩ, tức thị Tịch Quang. Trì, các, liên hoa, vô phi Bát Nhã. Lan, võng, hàng thụ, tận thị Chân Như. Sớ vị: “Đạo nhân duyên lự tận, xúc mục thị tâm quang” dã. Ứng Thân tức Pháp Thân giả, tại trung hạ vãng sanh, dẫn kiến Ứng Thân, viên tâm đại sĩ tức kiến Pháp Thân, nhất nhất quang minh câu thị Tam Đức bí tạng, nhất nhất tướng hảo hà phi viên cực nhất tâm. Sớ vị: “Vi diệu tịnh Pháp Thân, cụ tướng tam thập nhị” dã. Không tầm văn sớ lao thân tâm giả, Tứ Thập Nhị Chương Kinh vân: “Bác văn ái đạo, đạo tất nan hội; thủ chí phụng đạo, kỳ đạo thậm đại”. Vĩnh Gia vân: “Ngô tảo niên lai tích học vấn, diệt tăng thảo sớ tầm kinh luận, phân biệt danh tướng bất tri hữu, nhập hải toán sa, đồ tự khôn”, thị dã.

(鈔)四、是果報難勝功德，謂即得往生，即得入上善會，即得不退轉地，畢竟成佛等，皆超越常情。故云不可思議。如金剛般若云：是經義不可思議，果報亦不可思議，是也。依正因果者，依謂同居即寂光，正謂應身即法身。因謂七日功成，果謂一生不退。亦復超越常情，故俱不可思議也。昔，英法師於東都，講華嚴經四十遍，因入綽禪師淨業道場，深入三昧，歎曰：自恨多年空尋文疏，勞身心耳，何期念佛不可思議。

(演)同居即寂光者，在下品往生，但見同居；圓心大士，即是寂光。池閣蓮花，無非般若。欄網行樹，盡是真如。所謂：道人緣慮盡，觸目是心光也。應身即法身者，

在中下往生，但見應身，圓心大士即見法身，一一光明俱是三德祕藏，一一相好何非圓極一心。所謂：微妙淨法身，具相三十二也。空尋文疏勞身心者，四十二章經云：博聞愛道，道必難會；守志奉道，其道甚大。永嘉云：吾早年來積學問，亦曾討疏尋經論，分別名相不知休，入海算沙徒自困，是也。

(Sao: Bốn là công đức do quả báo khó thể vượt xa; nghĩa là hề được vãng sanh, bèn được dự ngay vào hội của các vị thượng thiện nhân liền đắc địa vị Bất Thoái Chuyển, rốt ráo thành Phật... Do đều vượt xa thường tình, cho nên nói là “chẳng thể nghĩ bàn”. Như kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “Kinh này nghĩa lý chẳng thể nghĩ bàn, quả báo cũng chẳng thể nghĩ bàn”, chính là nói lên ý nghĩa này.

“Y báo, chánh báo, nhân, quả”: Y báo thì cõi Đồng Cư tức là cõi Tịch Quang, chánh báo thì Ứng Thân tức là Pháp Thân. Nhân là bảy ngày thành công, quả là Bất Thoái trong một đời, cũng lại vượt xa thường tình, cho nên đều là chẳng thể nghĩ bàn! Xưa kia, Anh pháp sư giảng kinh Hoa Nghiêm bốn mươi lần tại Đông Đô, do dự vào Tịnh nghiệp đạo tràng của Đạo Xước thiền sư, thâm nhập tam-muội, than rằng: “Tự hận đã nhiều năm uống công truy tìm trong số giải và kinh văn, thân tâm mệt nhọc, nào ngờ niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn”.

Diễn: “Đồng Cư chính là Tịch Quang”: Đối với người vãng sanh trong phẩm hạ, chỉ thấy là Đồng Cư; nhưng đối với bậc viên tâm Đại Sĩ thì là Tịch Quang, ao, gác, hoa sen, không gì chẳng phải là Bát Nhã. Lan can, lưới, hàng cây, toàn là Chân Như. Điều này thường được diễn tả là: “Đạo nhân hết sạch tâm duyên lự, nhìn thấy tâm quang khắp mọi nơi”.

“Ứng Thân chính là Pháp Thân”: Đối với người vãng sanh trong phẩm trung và hạ, chỉ thấy Ứng Thân, còn bậc viên tâm đại sĩ liền thấy Pháp Thân. Mỗi quang minh đều là Tam Đức bí tạng; mỗi tướng hảo có gì chẳng phải là nhất tâm viên mãn tốt bậc. Đó gọi là “vi diệu tịnh pháp thân, đủ cả ba mươi hai tướng”.

“Uống công truy tìm trong số giải và kinh văn, thân tâm mệt nhọc”, kinh Tứ Thập Nhị Chương có nói: “Do học rộng nghe nhiều, tuy yêu thích đạo, mà ắt khó hiểu đạo. Giữ chí, vâng giữ đạo, đạo ấy rất lớn”. Ngài Vĩnh Gia nói: “Tôi thuở đầu chuyên tích lũy học vấn, cũng từng tìm kiếm số giải, tìm tòi kinh luận, phân biệt danh tướng chẳng biết

ngôi nghỉ, vào biển đếm cát, tự nhọc nhằn uống công” chính là nói về ý này).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh ly tâm ngôn tướng, thị bất khả tư nghị công đức nghĩa.

(Diễn) Tự tánh ly tâm ngôn tướng giả, dĩ nhất thiết pháp bất khả thuyết, bất khả niệm, cố danh vi Chân Như đã.

(疏)稱理，則自性離心言相，是不可思議功德義。

(演)自性離心言相者，以一切法不可說，不可念，故名為真如也。

(Sớ) Xưng Lý thì tự tánh lìa tướng tâm ngôn là ý nghĩa “công đức chẳng thể nghĩ bàn”.

Diễn: “Tự tánh lìa tướng tâm ngôn”: Do hết thấy các pháp chẳng thể nói, chẳng thể niệm, nên gọi là Chân Như”).

(Sao) Khởi Tín Luận vân: “Thị tâm tòng bản dĩ lai, ly tâm duyên tướng, ly ngôn thuyết tướng. Thị cố, cử tâm tức thác, động niệm tức quai, trệ cú giả mê, thừa ngôn giả táng”. Nhiên tắc đương như chi hà? Túng nhiều giam khẩu vong cơ, y nhiên đọa lạc vô ký, thị chi vị: “Bất khả tư nghị”.

(Diễn) Vô ký giả, minh minh hôn trụ, u thiện, bất thiện vô sở ký biệt, viết Vô Ký. Kim giam khẩu vong cơ, chánh thị vô sở phân biệt, cố lạc vô ký, thị tư chi bất đắc, nghị chi bất đắc, bất tư, bất nghị, diệc phục bất đắc. Thị chân bất khả tư nghị đã. **Cổ vân:** “Bất khả dĩ hữu tâm cầu, bất khả dĩ vô tâm tạo, bất khả dĩ ngữ mặc thông, kỳ tư chi vị dữ”.

(鈔)起信論云：是心從本以來，離心緣相，離言說相。是故，舉心即錯，動念即乖，滯句者迷，承言者喪。然則當如之何？縱饒緘口忘機，依然墮落無記，是之謂：不可思議。

(演)無記者，冥冥昏住，於善不善無所記別，曰無記。今緘口忘機，正是無所分別，故落無記，是思之不得，議之不得，不思不議，亦復不得。是真不可思議也。古云：不可以有心求，不可以無心造，不可以語默通，其

斯之謂與。

(Sao: Khởi Tín Luận nói: “Tâm này từ trước đến nay là tướng tâm duyên, là tướng ngôn thuyết. Do vậy, động tâm bèn trật, dấy niệm liền sai, vướng vào câu văn bèn mê, nương theo lời nói bèn mất”. Vậy thì phải nên làm như thế nào? Dẫu ngậm miệng, dứt bật suy nghĩ, vẫn nghiêm nhiên堕 vào vô ký. Vì thế mới nói là “chẳng thể nghĩ bàn”

Diễn: “Vô ký” là mơ màng trụ trong tối tăm, chẳng thể phân biệt là thiện hay bất thiện thì gọi là Vô Ký. Nay ngậm miệng, dứt bật suy nghĩ, tức là không có gì để phân biệt, cho nên rơi vào Vô Ký. Đó là nghĩ không được, bàn chẳng được, thế nhưng không nghĩ, không bàn cũng chẳng được. Đây là thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Cổ nhân nói: “Chẳng thể dùng hữu tâm để cầu, chẳng thể dùng vô tâm để tạo, chẳng thể nói năng hay im lặng để cảm thông” chính là nói đến điều này).

Nhị, tha Phật tán (lục): Sơ, Đông phương. Nhị, Nam phương. Tam, Tây phương. Tứ, Bắc phương. Ngũ, hạ phương. Lục, thượng phương.

Sơ, Đông phương (tam): Sơ, liệt danh hiển quảng. Nhị, hiện tướng biểu chân. Tam, phát ngôn khuyến tín.

Sơ, liệt danh hiển quảng.

(Kinh) Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Vương Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(Sớ) Dẫn chư Phật tán giả, kiến thử Tịnh Độ pháp môn, nãi thiên Phật, vạn Phật, vô lượng chư Phật, dị khẩu đồng âm chỉ sở tán thán, đương để tín vật nghi dã. Đường dịch cụ hữu thập phương, kim khuyết tứ ngung giả, văn tỉnh dã. Tiên Đông phương giả, cử phương thường pháp, diệc dĩ Đông biểu trí cố.

(Sao) Thập phương giả, Trang sư dịch hữu tứ ngung, tắc thành thập phương. Kim chỉ lục giả, dĩ chánh nhiếp ngung, cố văn tỉnh dã. Cử phương thường pháp giả, kinh trung phạm cử thập phương, mỗi tiên Đông vi thủ. Đông giả, ư thời vi Xuân, vạn vật sanh trưởng, hữu trí huệ nghĩa. Dĩ trí giả, vạn pháp chi tiên đạo. Cố thủ cử Đông phương, tức Xá Lợi Văn Thủ thủ chúng ý dã.

二、他佛讚(六)：初、東方。二、南方。三、西方。四、北方。五、下方。六、上方。

初、東方(三)：初、列名顯廣。二、現相表真。三、

發言勸信。

初、列名顯廣。

(經)東方亦有阿閼鞞佛，須彌相佛，大須彌佛，須彌光佛，妙音佛，如是等恆河沙數諸佛。

(疏)引諸佛讚者，見此淨土法門，乃千佛萬佛，無量諸佛，異口同音之所讚歎，當諦信勿疑也。唐譯具有十方，今缺四隅者，文省也。先東方者，舉方常法，亦以東表智故。

(鈔)十方者，奘師譯有四隅，則成十方。今止六者，以正攝隅，故文省也。舉方常法者，經中凡舉十方，每先東為首。東者，於時為春，萬物生長，有智慧義。以智者，萬法之先導。故首舉東方，即舍利文殊首眾意也。

(Hai, các vị Phật khác tán thán (gồm sáu phần): Một, phương Đông. Hai, phương Nam. Ba, phương Tây. Bốn, phương Bắc. Năm, phương Hạ. Sáu, phương Thượng.

Một, phương Đông (gồm ba phần): Một là kể tên để hiển thị sự rộng rãi. Hai là hiện tượng để biểu thị lễ chân. Ba là thoát lời khuyên hãy nên tin tưởng.

Đầu tiên là kể tên để hiển thị sự rộng rãi.

Kinh: *Phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, Hằng hà sa số chư Phật như vậy.*

Sớ: *Dẫn chư Phật tán thán để thấy pháp môn Tịnh Độ này được ngàn vị Phật, vạn vị Phật, vô lượng chư Phật khác miệng cùng lời tán thán, hãy nên tin chắc, đừng nghi ngờ. Bản dịch đời Đường chép đủ mười phương. Nay bản này thiếu bốn góc, tức là kinh văn tỉnh lược vậy. Trước hết, nói đến phương Đông là tuân theo cách thức thông thường khi nói về phương hướng, mà cũng là vì phương Đông biểu thị trí tuệ.*

Sao: *“Mười phương”: Ngài Huyền Trang dịch có bốn góc, nên thành mười phương. Nay [trong bản dịch này] chỉ có sáu phương, tức là trong sáu phương chánh đã bao gồm bốn phương bàng. Vì thế, tỉnh lược kinh văn. “Cách thức thông thường khi nói về phương hướng”: Trong kinh, hễ nói đến mười phương, thường nhắc đến phương Đông trước hết. Phương Đông xét theo thời tiết sẽ là mùa Xuân, vạn vật sinh trưởng. Lại*

có ý nghĩa là trí huệ, vì Trí dẫn đường cho vạn pháp. Vì thế, trước hết nói đến phương Đông là cũng có cùng ý nghĩa như xếp các vị Xá Lợi và Văn Thù đứng đầu đại chúng).

(Sớ) Cử lục phương giả, Thích Ca xử trung cố.

(Sao) Ký ngôn thượng hạ tứ phương, trung ương hà độc bất cử? Cái Thích Ca xử Sa Bà thế giới, dĩ bốn sở cư vị trung, tiền chi, hậu chi, tả chi, hữu chi, ngưỡng chi, phủ chi, thành lục phương dã.

(疏)舉六方者，釋迦處中故。

(鈔)既言上下四方，中央何獨不舉？蓋釋迦處娑婆世界，以本所居為中，前之後之，左之右之，仰之俯之，成六方也。

(Sớ) Nêu lên sáu phương, vì Phật Thích Ca ở trung ương.

Sao: Đã nói trên, dưới, và bốn phương, có sao chỉ riêng chẳng nói tới chính giữa? Ấy là vì Phật Thích Ca ngự trong thế giới Sa Bà, chính Ngài đã ở giữa. Trước, sau, phải, trái, ngửa lên, cúi xuống thành sáu phương).

(Sớ) A Súc Bệ giả, thử vân Bất Động. Pháp Thân bất động cố. Nhất vân, bất vị nhị biên chi sở động cố.

(Sao) Pháp Thân giả, bất sanh, bất diệt, vô khứ, vô lai. Diệu Giác địa vô sở tăng. Vô minh địa vô sở giảm. Trạng nhiên, thường trụ, như như bất động cố.

(Diễn) Bất sanh bất diệt giả, bốn vô hữu sanh, yên đắc hữu diệt? Vô khứ vô lai giả, vô sở tùng lai, hà sở chí khứ? Vô tăng vô giảm giả, quả Phật viên minh chi thể, tức chúng sanh Tánh Đức chi Phật cố. Trạng nhiên thường trụ giả, tịch nhi thường chiếu, chiếu nhi thường tịch cố. Như như bất động giả, thượng như thị trí, hạ như thị cảnh, tâm cảnh phù hợp, đắc bất động Không Hữu đẳng pháp cố.

(疏)阿閼鞞者，此云不動。法身不動故。一云，不為二邊之所動故。

(鈔)法身者，不生不滅，無去無來。妙覺地無所增。無明地無所減。湛然常住，如如不動故。

(演)不生不滅者，本無有生，焉得有滅？無去無來者，無所從來，何所至去？無增無減者，果佛圓明之體，

即眾生性德之佛故。湛然常住者，寂而常照，照而常寂故。如如不動者，上如是智，下如是境，心境符合，得不動空有等法故。

(Sớ: A Súc Bệ (Akṣōbhya) cõi này dịch là Bất Động, vì Pháp Thân bất động, có thuyết nói là vì chẳng bị lay động bởi hai bên.

Sao: Pháp Thân chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi. Nơi địa vị Diệu Giác chẳng tăng. Nơi địa vị vô minh chẳng giảm. Vì lặng trong, thường trụ, như như bất động.

Diễn: “Bất sanh, bất diệt”: Vốn chẳng có sanh, làm sao có diệt cho được? “Chẳng đến chẳng đi”: Không từ đâu đến, sẽ đi về đâu? “Chẳng tăng, chẳng giảm”: Bản thể viên minh của quả Phật chính là vị Phật nơi tánh đức của chúng sanh. “Lặng trong, thường trụ”: Tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch. “Như như bất động”: Trên là trí như vậy, dưới là cảnh như vậy. Tâm cảnh phù hợp, đặc các pháp Không, Hữu v.v... bất động).

(Sao) Nhị biên giả, hữu vô dã. Hữu bất năng sử chi trước tướng, vô bất năng sử chi lạc không. Bất đoạn, bất thường, nhị bất động cố.

(Diễn) Hữu, vô, đoạn, thường, giai thị vọng tâm kế độ. Nhược ly vọng tâm, tự vô nhất thiết pháp sai biệt chi tướng dã.

(鈔)二邊者，有無也。有不能使之著相，無不能使之落空。不斷不常，二不動故。

(演)有無斷常，皆是妄心計度。若離妄心，自無一切法差別之相也。

(Sao: “Hai bên” là Có và Không. Đối với Có, nó không thể khiến cho ta chấp tướng. Đối với Không, nó chẳng thể khiến cho ta rơi vào cái Không. Chẳng đoạn, chẳng thường, đối với hai bên đều bất động.

Diễn: Có, không, đoạn, thường, đều là vọng tâm so đo. Nếu lìa vọng tâm, sẽ chẳng có tướng sai biệt của hết thấy các pháp).

(Sao) Ván: “Đông thuộc Xuân sanh, ư quái vi Chấn. Chấn giả, động dã. Vân hà Phật hiệu Bất Động?” Đáp: Dĩ thị tức động, tức tĩnh, ứng vạn biến nhi thường tịch, cố vân: Bất Động. Hoa Nghiêm dĩ Đông phương vi Bất Động Trí, chánh thử ý dã.

(Diễn) Đông thuộc Xuân sanh, ư quái vi Chấn giả, Dịch viết: “Vạn vật xuất hồ Chấn”. Chấn, Đông phương dã. Hựu viết: “Chấn vi

lôi”, kỳ cứu vi kiện. Hựu viết: “Chấn, động dã”. Tức động, tức tĩnh, ứng vạn biến nhi thường tịch giả, Bất Thiên Luận vân: “Bất thích động dĩ cầu tĩnh, tức cầu tĩnh ư chư động. Thị cố, toàn lam phong yển nhạc nhi thường tĩnh, giang hà cạnh chú nhi bất lưu, dã mã, phiêu cổ nhi bất động, nhật nguyệt lịch thiên nhi bất châu dã”.

(鈔)問：東屬春生，於卦為震。震者，動也。云何佛號不動？答：以是即動即靜，應萬變而常寂，故云：不動。華嚴以東方為不動智，正此意也。

(演)東屬春生，於卦為震者，易曰：萬物出乎震。震，東方也。又曰：震為雷，其究為健。又曰：震，動也。即動即靜，應萬變而常寂者，不遷論云：不釋動以求靜，即求靜於諸動。是故，旋嵐風偃岳而常靜，江河競注而不流，野馬飄鼓而不動，日月歷天而不周也。

(Sao: Hỏi: “Phương Đông thuộc về mùa Xuân, là sanh trưởng. Xét theo Bát Quái, [phương Đông] thuộc quẻ Chấn. [Theo kinh Dịch], quẻ Chấn là động. Có sao Phật hiệu là Bất Động?” Đáp: Bởi lẽ, động chính là tĩnh, tĩnh chính là động, tương ứng với muôn vàn biến hóa mà thường tịch, cho nên nói là Bất Động. Kinh Hoa Nghiêm coi phương Đông là Bất Động Trí chính là vì ý này.

Diễn: “Phương Đông thuộc về mùa Xuân, là sanh trưởng. Trong Bát Quái thì là quẻ Chấn”: Kinh Dịch viết: “Vạn vật phát xuất từ Chấn”. Chấn là phương Đông. Lại nói: “Chấn là sấm, xét đến tột cùng, nó có đặc tánh tăng trưởng mạnh mẽ”. Lại nói: “Chấn là động”. “Động chính là tĩnh, tĩnh chính là động, tương ứng với muôn vàn biến hóa mà thường tịch”: Bộ Vật Bất Thiên Luận [của ngài Tăng Triệu] có nói: “Chẳng trừ bỏ động để cầu tĩnh, tìm tĩnh ở ngay nơi các thứ động. Do vậy, gió lốc có thể nhổ núi mà thường tĩnh, sông ngòi luôn cuộn cuộn chảy mà chẳng có chảy xiết, khói mây phơ phất trên đồng mà chưa hề động, mặt trời, mặt trăng xoay trên bầu trời mà chẳng giáp vòng”).

(Sớ) Tu Di Tướng giả, Phật tướng vô tận, như Tu Di cổ.

(Sao) Tu Di, thử vân Diệu Cao. Chúng bảo sở thành viết Diệu, huýnh xuất quần sơn viết Cao. Phật chi tướng hảo, bách phước sở thành, vô bất cụ túc, thị chi vị Diệu. Nhân, thiên, Nhị Thừa, cập chư Bồ Tát, tướng hảo giai mặc năng cập, thị chi vị Cao.

(Diễn) Bách phước sở thành giả, Thế Tôn nhân địa tu hành bách phước, quả vị cảm nhất chủng tướng hảo. Tu vô lượng phước, cảm vô lượng tướng hảo. Bách phước giả, như đại thiên chúng sanh tất cổ bất kiến, tất giai y trị phục minh, nãi xưng nhất phước dã.

(疏)須彌相者，佛相無盡，如須彌故。

(鈔)須彌，此云妙高。眾寶所成曰妙，迥出群山曰高。佛之相好，百福所成，無不具足，是之謂妙。人天二乘，及諸菩薩，相好皆莫能及，是之謂高。

(演)百福所成者，世尊因地修行百福，果位感一種相好。修無量福，感無量相好。百福者，如大千眾生悉瞽不見，悉皆醫治復明，乃稱一福也。

(Sớ: Tu Di Tướng (Mērudhvaja): Phật tướng vô tận, như núi Tu Di.

Sao: Tu Di (Śumēru), cội này dịch là Diệu Cao. Do các báu hợp thành, nên gọi là Diệu. Vượt xa các núi là Cao. Tướng hảo của Phật do trăm phước hợp thành, không gì chẳng trọn đủ, nên gọi là Diệu. Tướng hảo của người, trời, Nhị Thừa và các Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng, nên gọi là Cao.

Diễn: “Trăm phước hợp thành”: Đức Thế Tôn khi tu nhân đã tu hành trăm phước thì nơi quả vị cảm được một loại tướng hảo. Tu vô lượng phước, cảm vô lượng tướng hảo. “Trăm phước”: Như chúng sanh trong một tam thiên đại thiên thế giới đều mù, chẳng trông thấy, thấy đều trị cho họ được sáng mắt trở lại thì gọi là “một phước”).

(Sớ) Đại Tu Di giả, Phật đức cao quảng, như đại Tu Di cổ. Nhất vân Phật danh đại ư Tu Di, như Duy Ma trung thuyết.

(Sao) Tu Di cao quảng, siêu ư thất kim. Dĩ đối thất kim, danh chi vi Đại. Phật đức cao quảng, vô dĩ vi tỷ, như đại Tu Di dã. Phật danh giả, Duy Ma kinh vân: “Danh xưng cao viễn, du ư Tu Di”, tắc vị đại quá ư Tu Di dã.

(Diễn) Thất kim giả: Nhất, Trì Song. Nhị, Trì Trục. Tam, Đam Mộc. Tứ, Thiện Kiến. Ngũ, Mã Nhĩ. Lục, Tượng Ty. Thất, Ngư Chủy, giai hữu kim sắc quang minh, thất trùng hoàn nhiều Tu Di sơn ngoại. Cao quảng hình lượng, thứ đệ giảm bán. Như Tu Di cao bát vạn tứ thiên do-tuần, Trì Song tức tứ vạn nhị thiên do-tuần, thị dã. Danh xưng cao viễn, du ư Tu Di giả, tự hữu cao nhi bất viễn, viễn nhi bất

cao giả. Kim kiêm nhị giả, hoành biến sa giới, ngưỡng chỉ di cao, vọng chỉ di viễn, pháp giới chúng sanh, mạc bất chiêm ngưỡng dã.

(疏)大須彌者，佛德高廣，如大須彌故。一云佛名大於須彌，如維摩中說。

(鈔)須彌高廣，超於七金。以對七金，名之為大。佛德高廣，無以為比，如大須彌也。佛名者，維摩經云：名稱高遠，踰於須彌，則謂大過於須彌也。

(演)七金者：一、持雙。二、持軸。三、擔木。四、善見。五、馬耳。六、象鼻。七、魚嘴，皆有金色光明，七重環遶須彌山外。高廣形量，次第減半。如須彌高八萬四千由旬，持雙即四萬二千由旬，是也。名稱高遠，踰於須彌者，自有高而不遠，遠而不高者。今兼二者，橫遍沙界，仰之彌高，望之彌遠，法界眾生，莫不瞻仰也。

(Sớ: Đại Tu Di (Mahāmēru): Phật đức cao rộng, như núi Tu Di to lớn vậy. Một thuyết nói là danh hiệu Phật to hơn Tu Di, như trong kinh Duy Ma có nói.

Sao: Tu Di rộng lớn, vượt xa bảy tòa kim sơn. Phật đức cao rộng, không gì sánh bằng, như núi Tu Di to lớn vậy. Do tương phản với bảy tòa kim sơn nên nói là Đại. Phật đức cao rộng, không gì sánh bằng, như Đại Tu Di vậy. “Danh hiệu Phật”: Kinh Duy Ma nói: “Danh xưng cao xa, vượt quá Tu Di”, tức là ý nói to lớn vượt xa núi Tu Di.

Diễn: “Bảy tòa kim sơn”: Một là Trì Song. Hai là Trì Trục. Ba là Đam Mộc. Bốn là Thiện Kiến. Năm là Mã Nhĩ. Sáu là Tượng Tỵ. Bảy là Ngư Chủ, đều có quang minh kim sắc, bao gồm bảy lớp bao vòng quanh phía ngoài núi Tu Di [từ trong ra ngoài]. Độ cao rộng, hình thể theo thứ tự giảm một nửa [ở mỗi tầng. Chẳng hạn như] núi Tu Di cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, núi Trì Song là bốn vạn hai ngàn do-tuần. “Danh xưng cao xa, vượt quá Tu Di”: Do có trường hợp cao mà không xa, hoặc xa mà chẳng cao. Nay bao gồm cả hai thứ, theo chiều ngang trọn khắp các cõi số lượng nhiều như cát, ngẩng lên nhìn thì chót vót, nhìn từ xa bên xa thăm thẳm, chúng sanh trong pháp giới không ai chẳng chiêm ngưỡng).

(Sớ) Tu Di Quang giả, Phật quang quảng chiếu, do như Tu Di, ánh tể chúng sanh cổ.

(Diễn) *Phật quang quảng chiếu, kiêm thân trí nhị quang. Trí quang giả, như kinh vân: “Ngã dĩ trí huệ quang, quảng chiếu vô ương giới”. Thân quang giả, như Quang Minh Giác phẩm, phóng quang chiếu nhất thế giới, thập thế giới, nãi chí bất khả thuyết thế giới, bất khả cùng tận đẳng.*

(Sớ) 須彌光者，佛光廣照，猶如須彌，映蔽眾生故。

(Địch) 佛光廣照，兼身智二光。智光者，如經云：我以智慧光，廣照無央界。身光者，如光明覺品，放光照一世界，十世界，乃至不可說世界，不可窮盡等。

(Sớ: Tu Di Quang (Mēruprabhāsa) là Phật quang rộng chiếu, ví như Tu Di che lấp ánh sáng của chúng sanh.

Diễn: Phật quang chiếu rộng, bao gồm thân quang và trí quang. Trí quang là như kinh nói: “Ta dùng quang minh trí huệ chiếu rộng khắp vô ương giới”. Thân quang là như trong phẩm Quang Minh Giác [của kinh Hoa Nghiêm], phóng quang chiếu một thế giới, mười thế giới, cho đến chẳng thể nói thế giới, chẳng thể cùng tận...)

(Sao) *Quang hữu nhị nghĩa: Nhất giả, Tu Di bảo thành, bảo năng phát quang, như Phật tịnh cực quang thông cổ. Nhị giả, Tu Di thể đại, quang minh diệc đại, như Phật quang minh vô lượng cổ.*

(Diễn) *Tịnh cực quang thông giả, vô minh đang tận, Bát Nhã viên chương cổ, thử tức trí quang. Quang minh vô lượng tức thân quang.*

(Sớ) 光有二義：一者，須彌寶成，寶能發光，如佛淨極光通故。二者，須彌體大光明亦大，如佛光明無量故。

(Địch) 淨極光通者，無明蕩盡，般若圓彰故，此即智光。光明無量即身光。

(Sao: Quang có hai nghĩa: Một là núi Tu Di do các chất báu hợp thành. Chất báu có thể tỏa sáng, như Phật tịnh cực quang thông vậy. Hai là Tu Di có thể chất to lớn, quang minh cũng lớn, như quang minh của Phật vô lượng.

Diễn: “Tịnh cực quang thông”: Vô minh hết sạch, Bát Nhã phơi bày trọn vẹn. Đây chính là trí quang. Quang minh vô lượng chính là thân quang).

(Sớ) *Diệu Âm giả, pháp âm viên diệu, thuyết pháp xướng cơ cổ.*

(Sao) Viên diệu giả, như Duy Ma kinh vân: “Phật dĩ nhất âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải”. Hựu vân: “Ư chúng ngôn âm, vi diệu đệ nhất”.

(疏)妙音者，法音圓妙，說法稱機故。

(鈔)圓妙者，如維摩經云：佛以一音演說法，眾生隨類各得解。又云：於眾言音，微妙第一。

(Sớ: Diệu Âm (Mañjughōṣa): Pháp âm viên diệu, thuyết pháp xứng hợp căn cơ.

Sao: “Viên diệu” là như kinh Duy Ma đã nói: “Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy loại đều được hiểu”. Lại nói: “Trong các thứ ngôn ngữ, âm thanh, vi diệu bậc nhất”).

(Sớ) Như thị đẳng giả, đa nan tất cử, thả cử ngũ Phật, dĩ đẳng nhiếp chi. Hằng hà diệc vân Cãng Già hà, sa giả dụ đa dã.

(Sao) Hằng hà tại Tây Vực Vô Nhiệt Trì trắc. Hương Sơn đánh thượng, hữu Vô Nhiệt Nảo trì, lưu xuất tứ hà. Hằng hà tại Nam, quảng tứ thập lý, sa trục thủy lưu, chí vi vi tế. Phật cận bỉ hà thuyết pháp, cố phạm ngôn đa, thường thủ vi dụ. Minh Đông phương đa Phật, như Hằng hà trung sở hữu sa số dã. Nhược cử Pháp Hoa nhất trần nhất kiếp chi dụ, tắc Hằng hà giả do vi chí thiểu. Kim cử Hằng sa, ý thật vô tận cố. Đại Bản vân: “Vô lượng vô số bất khả tư nghị vô hữu đẳng đẳng vô biên thế giới, chư Phật gia lai, giai cộng tán thán A Di Đà Phật sở hữu công đức”, tắc Hằng sa vị túc dĩ tận chi dã!

(疏)如是等者，多難悉舉，且舉五佛，以等攝之。恆河亦云殞伽河，沙者喻多也。

(鈔)恆河在西域無熱池側。香山頂上，有無熱惱池，流出四河。恆河在南，廣四十里，沙逐水流，至為微細。佛近彼河說法，故凡言多，常取為喻。明東方多佛，如恆河中所有沙數也。若據法華一塵一劫之喻，則恆河者猶為至少。今舉恆沙，意實無盡故。大本云：無量無數不可思議無有等等無邊世界，諸佛加來，皆共讚歎阿彌陀佛所有功德，則恆沙未足以盡之也！

(Sớ: “Như thị đẳng” (Như thế đó), ý nói nhiều đến nỗi khó thể nêu trọn, đành nêu ra năm vị Phật, dùng chữ “đẳng” để chỉ tất cả các vị

Phật còn lại. Hằng Hà còn gọi là Căng Già Hà (Ganga). “Cát” là sánh ví đông nhiều.

Diễn: Hằng hà ở bên cạnh ao Vô Nhiệt Nảo (Anavatapta) bên Tây Vực. Trên đỉnh Hương Sơn (Gandhamadana), có ao Vô Nhiệt Nảo, là nơi phát nguồn của bốn con sông. Sông Hằng ở phía Nam, rộng bốn mươi dặm. Cát cuốn theo dòng nước, hết sức mịn nhuyễn. Đức Phật thuyết pháp ở gần sông ấy, cho nên dễ nói đến điều gì nhiều, Ngài thường dùng cát sông Hằng để tỷ dụ. [Đoạn kinh văn này nhằm] nói rõ phương Đông có nhiều vị Phật, [sánh ví số lượng ấy] như tất cả số lượng cát trong sông Hằng.

Nếu xét theo kinh Pháp Hoa đã dùng tỷ dụ “cứ một hạt vi trần là một kiếp” thì [cát] sông Hằng vẫn là rất ít. Nay nói là cát sông Hằng, ý nghĩa thật sự là vô tận. Kinh Đại Bốn nói: “Chư Phật Như Lai từ vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có gì sánh bằng vô biên thế giới đều đến gia trì, đều cùng tán thán tất cả công đức của A Di Đà Phật”, như vậy thì cát sông Hằng chẳng đủ để có thể nêu trọn hết [số lượng ấy]).

(Số) Dĩ thượng Phật danh, Linh Chi vân: “**Tương truyền bất thích, diệc hữu thích giả, hoặc thủ nhân, hoặc thủ quả, hoặc tánh, hoặc tướng, hoặc bi, trí, hạnh nguyện đẳng, diệc vô ngại cố**”.

(Sao) Bất thích giả, dĩ Phật cụ vạn đức, bất khả dĩ nhất đức xưng cố. Diệc hữu thích giả, dĩ Phật đức dung thông vô tận, diệc khả dĩ nhất nhiếp vạn, thiên cử nhất đức, tức bị chúng đức cố. Cố cử nhân tác cai quả hải; cử quả tác triệt nhân nguyên. Vô hữu trí nhi bất bi, bi nhi bất trí. Vô hữu hạnh phi nguyện khởi, nguyện bất hạnh thành. Như Nghiêu nhân, Thuần hiếu, Vũ kiện, Thang khoan, diệc hồ cụ cố.

(Diễn) Cử nhân cai quả nhị cú, nhân bất cai quả, quả bất triệt nhân giả, Quyền Thừa nhân quả dã, phi Nhất Thừa nhân quả dã. Nhất Thừa nhân giả, chư pháp Thật Tướng thị. Nhất Thừa quả giả, diệc chư pháp Thật Tướng thị. Trí nhi bất Bi nhị cú, Trí nhi bất Bi, Tiểu Thừa thiên chi trí. Bi nhi bất Trí, phạm phu ái kiến chi Bi, phi Đại Thừa Nhất Thiết Chủng Trí tức Bi chi Trí, vô duyên chi Bi, tức Trí nhi Bi dã. Hạnh phi Nguyện khởi nhị cú, Hạnh phi Nguyện khởi, nguy hạnh dã. Nguyện bất Hạnh thành, hư nguyện dã, phi Bồ Tát vô tác diệu hạnh, xứng tánh chi Nguyện dã. Nghiêu nhân giả, Thông Giám vân: “Nghiêu nhân như thiên, Thuần hiếu giả, Thuần phụ

ngoan, mẫu ngân, Tượng ngạo, khắc hài dĩ hiếu. Vũ kiệm giả, phỉ ảm thực nhi trí hiếu hồ quý thân, ố y phục nhi trí mỹ hồ ư phát miện, tỵ cung thất nhi tận lực hồ câu hức. Thang khoan giả, Y Doãn tán Thang viết: Đại ngược dĩ khoan”.

(疏)以上佛名，靈芝云：相傳不釋，亦有釋者，或取因或取果，或性或相，或悲智行願等，亦無礙故。

(鈔)不釋者，以佛具萬德，不可以一德稱故。亦有釋者，以佛德融通無盡，亦可以一攝萬，偏舉一德，即備眾德故。故舉因則該果海；舉果則徹因源。無有智而不悲，悲而不智。無有行非願起，願不行成。如堯仁舜孝，禹儉湯寬，亦互具故。

(演)舉因該果二句，因不該果，果不徹因者，權乘因果也，非一乘因果也。一乘因者，諸法實相是。一乘果者，亦諸法實相是。智而不悲二句，智而不悲，小乘偏之智。悲而不智，凡夫愛見之悲，非大乘一切種智即悲之智，無緣之悲，即智之悲也。行非願起二句，行非願起，偽行也。願不行成，虛願也，非菩薩無作妙行，稱性之願也。堯仁者，通鑑云：堯仁如天，舜孝者，舜父頑，母嚚，象傲，克諧以孝。禹儉者，菲飲食而致孝乎鬼神，惡衣服而致美乎於黻冕，卑宮室而盡力乎溝洫。湯寬者，伊尹贊湯曰：代虐以寬。

(Sớ: Đối với những danh hiệu Phật trên đây, ngài Linh Chi nói: “Tương truyền là chẳng giải thích. Cũng có người giải thích thì hoặc là dựa theo nhân, hoặc căn cứ theo quả, hoặc nói theo tánh, hoặc nói theo tướng, hoặc bi, trí, hạnh nguyện v.v... cũng chẳng trở ngại gì”.

Sao: “Chẳng giải thích” là vì đức Phật có vạn đức, chẳng thể dùng một đức để ca ngợi được. “Cũng có khi giải thích”: Do Phật đức dung thông vô tận, cũng có thể dùng một đức để nhiếp vạn đức. Riêng nêu ra một đức, bèn trọn đủ các đức. Vì thế, nói nhân sẽ bao trùm biến quả, nêu quả sẽ thấu triệt nguồn nhân. Chẳng có chuyện “có Trí mà chẳng có Bi” hoặc “có Bi mà chẳng có Trí”. Chẳng có chuyện khờ Hạnh mà chẳng do Nguyên, hoặc Nguyên chẳng có Hạnh để thành tựu. Như vua Nghiêu nổi tiếng là nhân, vua Thuấn có tiếng là hiếu, vua Đại

Vũ được tiếng tiết kiệm, vua Thành Thang có tiếng khoan dung, [tuy vậy, mỗi vua] cũng đều trọn đủ các đức.

Diễn: Hai câu “nêu ra nhân, sẽ bao trùm biển quả”: Nếu chẳng bao trùm quả, quả chẳng thấu triệt nhân thì là nhân quả của Quyền Thừa, chẳng phải là nhân quả Nhất Thừa. Nhân của Nhất Thừa là Thật Tướng của các pháp. Quả của Nhất Thừa cũng là Thật Tướng của các pháp.

Hai câu “Trí mà chẳng Bi”, ý nói: Trí mà chẳng có Bi thì là cái trí thiên lệch của Tiểu Thừa. Bi mà chẳng có Trí thì lòng Bi do kiến chấp mền yêu của phàm phu, chẳng phải là Đại Thừa. Nhất Thiết Chủng Trí là Trí mà chính là Bi. Lòng Bi vô duyên chính là Bi mà là Trí. Hai câu “Hạnh chẳng do Nguyên khởi” ý nói: Hạnh chẳng do Nguyên khởi thì là hạnh hư nguy. Nguyên chẳng được thành tựu bởi Hạnh thì là nguyên suông, chẳng phải là diệu hạnh của Bồ Tát, chẳng phải là nguyên xứng tánh.

“Vua Nghiêu nổi tiếng là nhân”: Sách Thông Giám viết: “Vua Nghiêu có lòng nhân như trời. Vua Thuấn hiếu thì cha ương bướng, mẹ kẻ điều ngoa, [em trai là] Tạng thì xác láo, nhưng Thuấn gắng sức làm đẹp lòng họ để trọn hiếu. Vua Vũ tiết kiệm, ăn uống đạm bạc nhưng tế quỷ thần bằng cỗ bàn hết sức thịnh soạn, quần áo lam lũ nhưng lễ phục để tế lễ hết sức hoa mỹ, cung điện tồi tàn, tận lực lo việc thủy lợi. Vua Thang khoan dung, Y Doãn khen vua Thang rằng: - Thay thế lòng bạo ngược bằng lòng khoan dung”).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh trí huệ bất khả tận, thị Đông phương Hằng sa Phật nghĩa.

(Sao) Đông phương nghĩa kiến tiền giải. Hữu hình chi vật khả tận, trí huệ bất khả tận. Ngoại cầu trí huệ khả tận, tự tánh trí huệ bất khả tận. Viết Hằng sa giả, diệc thiếu phần dụ nhĩ. Sở dĩ đạo: “Tận tư cộng độ lượng, bất năng trắc Phật trí”.

(Diễn) Ngoại cầu trí huệ khả tận nhị cú, cổ vân: “Tùng môn nhập giả, bất thị gia trân. Hướng tự kỷ hung trung lưu xuất, phương thỉ cái thiên cái địa”, thị dã. Hựu Hương Nghiêm vấn nhất đáp thập, vấn thập đáp bách, nhị “tử ư phụ mẫu vị sanh tiền cú hạ”, cập “văn kích trúc”, phương vân: “Nhất kích vong sở tri, cánh bất giả tu trì” đẳng.

(疏)稱理，則自性智慧不可盡，是東方恆沙佛義。

(鈔)東方義見前解。有形之物可盡，智慧不可盡。外求智慧可盡，自性智慧不可盡。曰恆沙者，亦少分喻耳。所以道：盡思共度量，不能測佛智。

(演)外求智慧可盡二句，古云：從門入者，不是家珍。向自己胸中流出，方始蓋天盖地，是也。又香嚴問一答十，問十答百，而死於父母未生前句下，及聞擊竹，方云：一擊忘所知，更不假修持等。

(Sớ) Xứng Lý thì trí huệ trong tự tánh chẳng thể cùng tận, đó là ý nghĩa “phương Đông có Hằng sa chư Phật”.

Sao: Xem lời giải thích trong phần trước về ý nghĩa của phương Đông. Vật hữu hình có thể tận, trí huệ chẳng thể tận. Trí huệ cầu từ bên ngoài có thể tận, trí huệ trong tự tánh chẳng thể tận. Nói là “như cát sông Hằng” thì cũng là sánh ví chút phần. Cho nên nói: “Suy nghĩ trọn hết, cùng nhau tính lường, chẳng thể dò lường Phật trí”.

Diễn: Hai câu “trí huệ có thể cầu từ bên ngoài”, cổ nhân nói: “Từ ngoài cửa vào, chẳng phải là cửa báu trong nhà! Từ trong tâm của chính mình lưu xuất thì mới là che trời, che đất” chính là diễn tả ý này. Hơn nữa, ngài Hương Nghiêm hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, nhưng [khi bị tổ Quy Sơn hỏi] “đối với diện mục sẵn có trước khi được cha mẹ ông sanh ra, hãy nói một câu xem nào” [bèn chẳng trả lời được], đến khi “nghe tiếng đá chạm vào trúc [kêu lạch cạch]” mới nói: “Vừa đụng bèn quên sạch sở tri, chẳng còn nhọc sức phải tu trì” v.v...)

Nhị, hiện tướng biểu chân.

(Kinh) Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới.

(Sớ) Kỳ quốc giả, bốn sở trụ quốc. Các ư kỳ quốc giả, kiến Phật Phật giai nhiên dã. Tả hữu vi quảng, tiền hậu vi trường. Tam thiên đại thiên, tường như Câu Xá trung thuyết. Phú đại thiên giả, cực ngôn thiết tướng chi quảng trường dã. Dĩ đa kiếp khẩu nghiệp thanh tịnh cổ, nhược tường kỳ diêu, như Hoa Nghiêm trung thuyết. Ngôn thử dĩ minh Phật ngữ vi tất khả tín, linh đoạn nghi dã.

(Sao) Câu Xá Luận, tụng vân: “Tứ đại châu, nhật, nguyệt, Tu Di Lô, Dục Thiên, Phạm Thế các nhất thiên, danh vi tiểu thiên giới. Thử tiểu thiên thiên bội, thuyết danh vi trung thiên, thử thiên bội đại thiên, giai đồng nhất thành hoại”. Kim thích vị tứ đại bộ châu, nhị

luân nhật nguyệt, nhất Tu Di sơn, tùng hạ địa ngục, chí Lục Dục Thiên, tùng Dục Thiên chí Phạm Thiên, tề thứ Sắc Thiên, danh nhất thế giới. Nhất nhất sở chí, tích nhị chí thiên, danh viết tiểu thiên. Hựu dĩ tiểu thiên vi nhất, nhất nhất sở chí, tích nhị chí thiên, danh viết trung thiên. Hựu dĩ trung thiên vi nhất, nhất nhất sở chí, tích nhị chí thiên, danh viết đại thiên. Dĩ tam thứ ngôn thiên, viết “tam thiên đại thiên”, kỳ thật nhất đại thiên dã. Nhất đại thiên thế giới, tức kinh trung nhất Phật độ dã. Bĩ A Súc Phật, nãi chí Hằng sa chư Phật, các các chủ thử đại thiên thế giới. Kim vị chư Phật các ư bốn giới, xuất quảng trường thiết, phú kỳ giới nội, vô bất biến dã. Khẩu nghiệp thanh tịnh giả, vị bất vi vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiết, thường vi chân thật ngữ, chánh trực ngữ, nhu nhuyễn ngữ, hòa hợp ngữ. Nhị ngôn đa kiếp giả, kinh vân: “Phàm phu thiết quá tỵ tiêm, biểu tam thế bất vọng ngữ”. Phật nãi vô lượng kiếp lai tăng vô vọng ngữ, cửu tích công đức, cảm tư thắng tướng dã.

(Diễn) Thường vi chân thật đẳng tứ cú, các hữu Sự Lý, Vĩnh Gia vân: “Chánh trực ngữ giả hữu nhị: Nhất, xứng pháp thuyết, linh chư văn giả tín giải minh liễu. Nhị, xứng Lý thuyết, linh chư văn giả trừ nghi khiển Hoặc. Nhu nhuyễn ngữ giả diệc nhị: Nhất giả, an ủy ngữ, linh chư văn giả hoan hỷ, thân cận. Nhị giả, cung thương thanh nhã, linh chư văn giả ái nhạo, thọ tập. Hòa hợp ngữ diệc nhị: Nhất, Sự hòa hợp, kiến đấu tranh nhân, gián khuyến linh xả, bất tự xưng dự, ty tôn kính vật. Nhị, Lý hòa hợp, kiến thoái Bồ Đề tâm nhân, ân cần khuyến tấn, thiện năng phân biệt, Bồ Đề, phiền não, bình đẳng nhất tướng. Như thật ngữ giả, diệc nhị: Nhất, Sự thật giả, hữu tắc ngôn hữu, vô tắc ngôn vô, thị tắc ngôn thị, phi tắc ngôn phi. Nhị, Lý thật giả, nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh, Như Lai Niết Bàn thường trụ bất biến”.

二、現相表真。

(經)各於其國，出廣長舌相，遍覆三千大千世界。

(疏)其國者，本所住國。各於其國者，見佛佛皆然也。左右為廣，前後為長。三千大千，詳如俱舍中說。覆大千者，極言舌相之廣長也。以多劫口業清淨故，若詳其繇，如華嚴中說。言此以明佛語為必可信，令斷疑也。

(鈔)俱舍論，頌云：四大洲日月，須彌盧欲天，梵世

各一千，名為小千界。此小千千倍，說名為中千，此千倍大千，皆同一成壞。今釋謂四大部洲，二輪日月，一須彌山，從下地獄，至六欲天，從欲天至梵天，齊此色天，名一世界。一一數之，積而至千，名曰小千。又以小千為一，一一數之，積而至千，名曰中千。又以中千為一，一一數之，積而至千，名曰大千。以三次言千，曰三千大千，其實一大千也。一大千世界，即經中一佛土也。彼阿閼佛，乃至恆沙諸佛，各各主此大千世界。今謂諸佛各於本界，出廣長舌，覆其界內，無不遍也。口業清淨者，謂不為妄言，綺語，惡口，兩舌，常為真實語，正直語，柔軟語，和合語。而言多劫者，經云：凡夫舌過鼻尖，表三世不妄語。佛乃無量劫來曾無妄語，久積功德，感斯勝相也。

(演)常為真實等四句，各有事理，永嘉云：正直語者有二：一、稱法說，令諸聞者信解明了。二、稱理說，令諸聞者除疑遣惑。柔軟語者亦二：一者，安慰語，令諸聞者歡喜親近。二者，宮商清雅，令諸聞者愛樂受習。和合語亦二：一、事和合，見鬥爭人，諫勸令捨，不自稱譽，卑遜敬物。二、理和合，見退菩提心人，慇懃勸進，善能分別，菩提煩惱，平等一相。如實語者，亦二：一、事實者，有則言有，無則言無，是則言是，非則言非。二、理實者，一切眾生皆有佛性，如來涅槃常住不變。

(Hai, hiện tướng hòng biểu thị sự chân thật.

Kinh: *Mỗi vị đều ở nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới.*

Sớ: “Nước mình”: Cõi nước mà chính vị ấy đang trụ. Trong mỗi cõi nước, thấy mỗi vị Phật đều là như thế. “Trái, phải” là “rộng”, “trước, sau” là dài. Tam thiên đại thiên thế giới là như trong Câu Xá Luận đã nói tường tận. “Che phủ đại thiên”: Diễn tả tướng lưỡi rộng dài tốt bậc do vì nhiều kiếp khẩu nghiệp thanh tịnh. Nếu muốn hiểu tường tận nguyên do thì như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói. Nói điều

này nhằm chỉ rõ lời Phật ắt đáng tin, hòng đoạn nghi.

Sao: Câu Xá Luận có bài kệ tụng như sau: “Bốn đại châu, nhật, nguyệt, núi Tu Di, Dục Thiên, Phạm Thiên gồm một ngàn, là tiểu thiên thế giới. Gấp ngàn lần tiểu thiên, là trung thiên thế giới. Hợp một ngàn trung thiên, thành đại thiên thế giới, cùng nhau thành hoặc hoại”. Nay giải thích: Bốn đại bộ châu, hai vàng mặt trời, mặt trăng, một núi Tu Di, từ dưới địa ngục cho đến Lục Dục Thiên, từ Dục Thiên cho tới Phạm Thiên, ngang với Sắc Giới Thiên, thì gọi là một thế giới. Cứ đếm từng thế giới một, tích tập đến số lượng một ngàn, bèn gọi là một tiểu thiên thế giới. Lại lấy tiểu thiên làm đơn vị, lần lượt đếm từng tiểu thiên cho đến hợp thành một ngàn [tiểu thiên] thì gọi là một trung thiên. Lại lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, lần lượt đếm mỗi trung thiên cho đến hợp thành một ngàn [trung thiên] thì gọi là một đại thiên. Do có ba lượt nói đến con số ngàn, nên gọi là “tam thiên đại thiên”; thật ra là một đại thiên. Một đại thiên thế giới chính là một cõi Phật được nói trong kinh.

A Súc Phật cho đến Hằng sa chư Phật, mỗi vị đều là giáo chủ của những đại thiên thế giới ấy. Nay [kinh Di Đà] nói mỗi vị Phật đều ở trong cõi mình, hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cõi ấy, không gì chẳng trọn khắp. “Khẩu nghiệp thanh tịnh” là chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói thô ác, chẳng nói đôi chiều, thường nói lời chân thật, lời chánh trực, lời mềm mỏng, lời hòa hợp. Nói là “nhiều kiếp” [là vì như] kinh đã dạy: “Phàm phu lưỡi chạm đến chóp mũi, biểu thị ba đời chẳng nói dối”. Trong vô lượng kiếp, đức Phật đều chẳng hề nói dối, do công đức tích tập đã lâu bèn cảm vời tướng thù thắng ấy.

Diễn: Trong bốn câu từ “thường nói lời chân thật”, mỗi câu đều có Sự và Lý. Ngài Vĩnh Gia nói: “Nói lời chánh trực có hai loại: Một là nói tương xứng pháp, khiến cho người nghe tin hiểu, nhận biết rõ ràng. Hai là nói xứng Lý, khiến cho người nghe trừ nghi, dứt Hoặc. Lời nhu nhuyễn cũng có hai loại: Một là lời an ủi, khiến cho người nghe hoan hỷ, thân cận. Hai là trầm bổng, thanh nhã, khiến cho người nghe yêu thích, tiếp nhận, làm theo. Lời hòa hợp cũng có hai loại: Một là Sự hòa hợp, thấy người đấu tranh bèn can gián, khuyên lơn, khiến cho họ thôi bỏ, chẳng tự ca tụng, khen ngợi chính mình, khiêm hòa, nhún nhường, kính trọng chúng sanh. Hai là Lý hòa hợp, thấy kẻ thoái thất tâm Bồ Đề bèn ân cần khuyên bảo, sách tấn, khéo có thể phân biệt Bồ Đề và phiền não là một tướng bình đẳng. Lời như thật cũng có hai loại: Một là Sự thật, có thì nói có, không thì nói không, đúng thì nói là đúng, sai thì nói là sai. Hai là Lý thật, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, Như Lai Niết Bàn

thường trụ bất biến”).

(Sao) *Tường kỳ điều giả, Hoa Nghiêm Ly Thế Gian phẩm vân: Bồ Tát hữu thập chủng thiết, sở vị khai thị diễn thuyết vô tận chúng sanh hạnh thiết, khai thị diễn thuyết vô tận pháp môn thiết, tán thán chư Phật vô tận công đức thiết, nãi chí hàng phục nhất thiết chư ma ngoại đạo, trừ diệt sanh tử phiền não, linh chí Niết Bàn thiết, thị vi thập. Bồ Tát thành tựu thử pháp, đắc Như Lai biến phú quốc độ vô thượng thiết, tắc bất chỉ nhất nhân, cổ ngôn tường dã. Tắt khả tín giả, phàm phu thiết tướng bất quá tam thốn. Cổ vị: “Điều tam thốn thiết, tắc hủy, dự, ức, dương, tuần kỳ tư ý, dung vị khả tín”. Phật cụ như thị quảng trường chi thiết, ninh hữu vọng hồ? Kỳ sở tán thán, cánh nghi bất tín, vô hữu thị xú!*

(鈔)詳其繇者，華嚴離世間品云：菩薩有十種舌，所謂開示演說無盡眾生行舌，開示演說無盡法門舌，讚歎諸佛無盡功德舌，乃至降伏一切諸魔外道，除滅生死煩惱，令至涅槃舌，是為十。菩薩成就此法，得如來遍覆國土無上舌，則不止一因，故言詳也。必可信者，凡夫舌相不過三寸。古謂：掉三寸舌，則毀譽抑揚，循其私意，容未可信。佛具如是廣長之舌，寧有妄乎？其所讚歎，更疑不信，無有是處！

(Sao: [Nói] *tường tận nguyên do: Phẩm Ly Thế Gian của kinh Hoa Nghiêm có nói: Bồ Tát có mười loại lưỡi, nghĩa là lưỡi khai thị diễn thuyết hạnh của vô tận chúng sanh, lưỡi khai thị diễn nói vô tận pháp môn, lưỡi tán thán vô tận công đức của chư Phật, cho tới lưỡi hàng phục hết thầy chư ma, ngoại đạo, trừ diệt sanh tử phiền não, làm cho đạt đến Niết Bàn. Đó là mười [loại lưỡi của Bồ Tát]. Bồ Tát thành tựu pháp này, sẽ đắc lưỡi vô thượng che khắp cõi nước của Như Lai. Như vậy là không chỉ do một cái nhân [mà có tướng lưỡi thù thắng ấy], cho nên nói là “tường tận”.*

“Ắt là đáng tin”: *Tướng lưỡi của phàm phu bất quá ba tấc. Cổ nhân nói: “Múa ba tấc lưỡi để hủy báng, khen ngợi, hạ thấp, đề cao, thuận theo ý muốn của riêng mình, chẳng thể tin cậy”. Đức Phật có lưỡi rộng dài như thế, há có dối trá chăng? Đối với những điều Ngài đã tán thán, mà lại ngờ vực, chẳng tin, chẳng có lẽ ấy!)*

(Sớ) Hựu hạnh vị Bồ Tát, thượng hữu quảng trường thiết tướng, cánh quá ư thử, kim do lược thuyết.

(Sao) Bồ Tát thiết tướng giả, Hoa Nghiêm Thập Hạnh vị Bồ Tát, thành tựu Thập Vô Tận Tạng, kỳ thuyết pháp thời, dĩ quảng trường thiết, xuất diệu âm thanh, sung mãn thập phương nhất thiết thế giới. Ngôn thập phương nhất thiết, tắc bất chỉ nhất đại thiên nhi dĩ. Bồ Tát thả nhiên, hà huống Như Lai. Kim thả các tựu bốn quốc, cổ vân: “Lược thuyết”. Kỳ thật, Phật tán Tịnh Độ, biến thập phương nhất thiết thế giới dã.

(Diễn) Thập Vô Tận Tạng giả, vị Tín Tạng, Giới Tạng, Tàm Tạng, Quý Tạng, Văn Tạng, Thí Tạng, Huệ Tạng, Niệm Tạng, Trì Tạng, Biện Tạng. Kỳ thuyết pháp thời, dĩ quảng trường thiết sung mãn thế giới giả, tức đệ thập Biện Tạng dã. Bồ Tát thả nhiên giả, dĩ Viên Giáo Bồ Tát Sơ Trụ tức đắc Phổ Hiện Sắc Thân tam-muội cố.

(疏)又行位菩薩，尚有廣長舌相，更過於此，今猶略說。

(鈔)菩薩舌相者，華嚴十行位菩薩，成就十無盡藏，其說法時，以廣長舌，出妙音聲，充滿十方一切世界。言十方一切，則不止一大千而已。菩薩且然，何況如來。今且各就本國，故云：略說。其實，佛讚淨土，遍十方一切世界也。

(演)十無盡藏者，謂信藏，戒藏，慚藏，愧藏，聞藏，施藏，慧藏，念藏，持藏，辯藏。其說法時，以廣長舌充滿世界者，即第十辯藏也。菩薩且然者，以圓教菩薩初住即得普現色身三昧故。

(Sớ: Lại nữa, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh còn có tướng lưỡi rộng vượt xa những điều đang được nói ở đây, nay [kinh này nói “lưỡi Phật che khắp tam thiên đại thiên thế giới”] chỉ là nói đại lược.

Sao: “Tướng lưỡi của Bồ Tát”: Theo Hoa Nghiêm, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh thành tựu mười thứ Vô Tận Tạng, lúc thuyết pháp, các Ngài dùng lưỡi rộng dài phát ra các âm thanh màu nhiệm, tràn ngập hết thấy các thế giới trong mười phương. Nói “hết thấy [các thế giới] trong mười phương”, tức là không chỉ là một đại thiên thế giới mà thôi! Bồ Tát còn là như thế, huống hồ Như Lai! Nay [kinh này] lại nói mỗi vị Phật đều ở trong nước mình [mà tán thán A Di Đà Phật], cho nên bảo là

“nói đại lược”. Thật ra, đức Phật tán dương Tịnh Độ trọn khắp hết thấy các thế giới trong mười phương.

Diễn: “Mười Vô Tận Tạng” tức là Tín Tạng, Giới Tạng, Tàm Tạng, Quý Tạng, Văn Tạng, Thí Tạng, Huệ Tạng, Niệm Tạng, Trì Tạng, và Biện Tạng.

“Khi các Ngài thuyết pháp, dùng tướng lưỡi rộng dài phủ đầy áp thế giới” tức là tạng thứ mười, tức Biện Tạng. “Bồ Tát còn là như thế”: Do Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đã đắc Phổ Hiện Sắc Thân tam-muội” tức là tam muội hiện trọn khắp các sắc thân).

(Sớ) Từ Ân vân: “Phật chi thiết tướng, chứng tiểu, tắc phú diện môn, dĩ chí phát tế. Kim phú đại thiên, chứng đại sự dĩ”. Hựu vân: “Bồ Tát đắc phú diện thiết tướng, cố kỳ ngôn vô nhị, tất chân thật cố”. Tắc phú diện chi thiết, dĩ vô vọng ngữ, hướng phú đại thiên hồ!

(Diễn) Chứng tiểu, vị nhân thiên tiểu quả lậu, vô lậu nhân; đại sự, vị khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến.

(疏)慈恩云：佛之舌相，證小，則覆面門，以至髮際。今覆大千，證大事也。又云：菩薩得覆面舌相，故其言無二，悉真實故。則覆面之舌，已無妄語，況覆大千乎！

(演)證小，謂人天小果漏，無漏因；大事，謂開示悟入佛之知見。

(Sớ) Ngài Từ Ân nói: “Tướng lưỡi của đức Phật để chứng minh chuyện nhỏ, bèn che trùm từ mặt cho đến tận mí tóc. Nay che khắp đại thiên, nhằm chứng minh đại sự vậy”. Lại nói: “Bồ Tát được tướng lưỡi che mặt, cho nên chẳng nói hai lời, thấy đều chân thật”. Như vậy thì tướng lưỡi che mặt đã chẳng nói dối, hướng hồ [bậc có tướng lưỡi] che khắp đại thiên ư?

Diễn: “Chứng tiểu”, ý nói tiểu quả trong cõi nhân thiên, có cái nhân là hữu lậu hoặc vô lậu. “Đại sự” là khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật).

(Sao) Thiết tướng tiểu đại giả, dĩ Phật đắc Sắc Thân tam-muội. lục căn tự tại, chứng tiểu, chứng đại, các tùy kỳ ý. Ngôn đại sự giả, Pháp Hoa vân: “Phật vị nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế, vị linh chúng sanh giai nhập Phật thừa cố”. Kim tán Tịnh Độ, hiện thứ

thiệt tướng, tác tri Tịnh Độ pháp môn thị vi đại sự, đồng Pháp Hoa dã. Cầu phi đại sự, tác sở vị: “Cát kê yên dụng ngưu đao dã?” Hựu Bồ Tát phú diện giả, cử liệt hướng thắng, khuyến tín chí chí dã.

(Diễn) Sắc Thân tam-muội, tức Phổ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Đắc thử tam-muội, hiện nhất, hiện đa, hiện tiểu, hiện đại, tùy ý tự tại. Thị vi đại sự đồng Pháp Hoa giả, Pháp Hoa Thần Lực phẩm, Phật xuất quảng trường thiết tướng, thượng chí Phạm Thế, tán thán Pháp Hoa, chứng nhất đại sự nhân duyên dã. Kim lục phương chư Phật, hiện thử thiết tướng, tán thán Tịnh Độ, khởi tiểu nhân duyên dã?

(鈔)舌相小大者，以佛得色身三昧。六根自在，證小證大，各隨其意。言大事者，法華云：佛為一大事因緣故，出現於世，謂令眾生皆入佛乘故。今讚淨土，現此舌相，則知淨土法門是為大事，同法華也。苟非大事，則所謂：割雞焉用牛刀也？又菩薩覆面者，舉劣況勝，勸信之至也。

(演)色身三昧，即普現一切色身三昧。得此三昧，現一現多，現小現大，隨意自在。是為大事同法華者，法華神力品，佛出廣長舌相，上至梵世，贊歎法華，證一大事因緣也。今六方諸佛，現此舌相，贊歎淨土，豈小因緣也？

(Sao: Tướng lưỡi lớn hay nhỏ là do Phật đã đắc Sắc Thân tam-muội, sáu căn tự tại, chứng minh chuyện lớn hay chuyện nhỏ, thấy đều tùy ý. Nói đến “đại sự” thì kinh Pháp Hoa có nói: “Đức Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời, nghĩa là nhằm làm cho chúng sanh đều nhập Phật thừa”. Nay ca ngợi Tịnh Độ, hiện tướng lưỡi này, bèn biết pháp môn Tịnh Độ là đại sự, giống như Pháp Hoa. Nếu chẳng phải là đại sự, sẽ đáng bảo là “cắt cổ gà cần gì phải dùng đến đao mổ trâu?” Lại nữa, [nêu ra chuyện lưỡi của] Bồ Tát che mặt chính là nêu chuyện kém cỏi để sánh ví hồng biết chuyện thù thắng, đây là khuyên hãy tốt bậc tin tưởng.

Diễn: Sắc Thân tam-muội tức là Phổ Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam-muội. Đắc tam-muội này, hiện một, hiện nhiều, hiện nhỏ, hiện lớn, tùy ý tự tại. “Là vì đại sự giống như kinh Pháp Hoa [đã nói]”: Trong phẩm [Như Lai] Thần Lực của kinh Pháp Hoa, đức Phật hiện tướng lưỡi

rộng dài, trên là thấu đến tận trời Phạm Thế, tán thán Pháp Hoa để chứng minh cho một đại sự nhân duyên vậy. Nay sáu phương chư Phật hiện tướng lưỡi này, khen ngợi Tịnh Độ, há có phải là nhân duyên nhỏ nhất ư?)

(Sớ) *Hựu thập phương giả, thả tự hoành thuyết. Nhược thụ thuyết giả, thông hồ tam tế, vô bất tán thán.*

(Sao) *Dĩ phương lệ thế, tắc tiền hồ Ca Diếp, nãi chí quá khứ vô lượng chư Phật, hậu hồ Di Lặc, nãi chí vị lai vô lượng chư Phật, tất kỳ quảng trường thiết tướng diệc biến phủ tam tế dã. Chư Phật tương đồng, tắc tâm đồng, trí đồng, nguyện đồng. Ký lục phương tán thán thử kinh, tri tam thế chư Phật diệc tất tán thán thử kinh như lục phương dã, sở vị vô gián thuyết giả thị dã.*

(Diễn) *Chư Phật tương đồng, tắc tâm đồng đẳng giả. Kinh vân: “Thập phương chư Như Lai, đồng cộng nhất Pháp Thân; nhất thân, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên”. Kim ngoại tướng ký đồng, nội tâm hà bất nhiên da? Hựu tâm, trí, nguyện, tức Pháp, Báo, Ứng tam thân, tức Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát tam đức.*

(疏)又十方者，且就橫說。若豎說者，通乎三際，無不讚歎。

(鈔)以方例世，則前乎迦葉，乃至過去無量諸佛，後乎彌勒，乃至未來無量諸佛，必其廣長舌相亦遍覆三際也。諸佛相同，則心同。智同。願同。既六方讚歎此經，知三世諸佛亦必讚歎此經如六方也，所謂無間說者是也。

(演)諸佛相同，則心同等者。經云：十方諸如來，同共一法身；一身，一智慧，力，無畏亦然。今外相既同，內心何不然耶？又心智願，即法報應三身，即法身，般若，解脫三德。

(Sớ) *Lại nữa, “mười phương” là nói theo chiều ngang. Nếu nói theo chiều dọc, sẽ thông khắp ba đời, chẳng có vị Phật nào không tán thán.*

Sao: *Phỏng theo phương hướng để suy ra ba đời, thì trước là từ Phật Ca Diếp cho đến quá khứ vô lượng chư Phật, sau là từ Phật Di Lặc cho đến vị lai vô lượng chư Phật, ắt cũng hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp ba đời. Chư Phật giống nhau, tức là tâm đồng, trí đồng, nguyện*

đồng. Sáu phương đã tán thán kinh này, [cho nên] biết ba đời chư Phật ắt cũng tán thán kinh này giống như sáu phương, gọi là “nói chẳng gián đoạn” chính là như vậy đó.

Diễn: “Chư Phật giống nhau, tức là tâm đồng v.v...”: Kinh dạy: “Mười phương chư Như Lai, cùng chung một Pháp Thân, một thân, một trí huệ, Lực, Vô Úy cũng thế”. Nay tướng bên ngoài đã đồng, nội tâm lẽ nào chẳng giống như vậy? Lại nữa, tâm, trí, nguyện chính là ba thân Pháp, Báo và Ứng, tức là Tam Đức Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh châu pháp giới, thị quảng trường thiệt nghĩa.

(Sao) Cổ vị: “Khê thanh tức thị quảng trường thiệt”. Nhiên tắc quảng trường thiệt tướng, bất độc chư Phật hữu chi. Chúng sanh hữu chi, tức vạn tượng giai hữu chi. Thị cố, tình dữ vô tình, dung thành nhất thiệt, thiệt tức pháp giới, pháp giới tức thiệt. Thuyết “biến phú” thời, dĩ thành song quyết.

(Diễn) Khê thanh tức thị giả, Đông Pha thi vân: “Khê thanh tức thị quảng trường thiệt, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân”, thị dã. “Tình dữ vô tình dung thành nhất thiệt” giả, thị pháp giới nhất tướng, tất cánh bình đẳng, bình đẳng chi trung, hà phân sanh Phật, cập dữ vạn tượng? “Thiệt tức pháp giới, pháp giới tức thiệt” giả, dĩ thủ cử nhất trần, vô pháp bất cụ cố. Sở vị: “Thiệt vi pháp giới”, nhất thiết pháp thủ thiệt dã. Sở vị: “Hoa Tạng thế giới sở hữu trần, nhất nhất trần trung kiến pháp giới” dã. Sở vị: “Nhất thời đốn hiện phi ỉn hiển, nhất thiết viên thành vô thắng liệt” dã. Thuyết biến phú thời, khởi bất lưỡng quyết?

(疏)稱理，則自性周法界，是廣長舌義。

(鈔)古謂：溪聲即是廣長舌。然則廣長舌相，不獨諸佛有之。眾生有之，即萬象皆有之。是故，情與無情，融成一舌，舌即法界，法界即舌。說遍覆時，已成雙楸。

(演)溪聲即是者，東坡詩云：溪聲即是廣長舌，山色無非清淨身，是也。情與無情融成一舌者，是法界一相，畢竟平等，平等之中，何分生佛，及與萬象？舌即法界，法界即舌者，以趣舉一塵，無法不具故。所謂：舌為法界，一切法趣舌也。所謂：華藏世界所有塵，一一塵中見

法界也。所謂：一時頓現非隱顯，一切圓成無勝劣也。說遍覆時，豈不兩極？

(Sớ: Xưng Lý, tự tánh trọn khắp pháp giới là ý nghĩa “tướng lưới rộng dài”).

Sao: Cổ nhân nói “tiếng suối chảy chính là lưới rộng dài”; vậy thì chẳng phải chỉ riêng chư Phật có tướng lưới rộng dài. Chúng sanh đều có, tức là vạn tượng đều có. Vì thế, hữu tình và vô tình dung hợp thành một lưới. Lưới tức pháp giới, pháp giới tức lưới. Khi nói là “che khắp” đã trở thành hai điều [đối lập].

Diễn: “Tiếng suối chảy chính là [tướng lưới]”: Thơ của Tô Đông Pha có câu: “Tiếng suối: lưới rộng dài. Màu non: tịnh Pháp Thân” nhằm nói về ý ấy. “Hữu tình và vô tình dung hợp thành một lưới” là pháp giới nhất tướng, rốt ráo bình đẳng. Trong bình đẳng, há có phân chia chúng sanh và Phật cùng với vạn tượng ư?

“Lưới tức pháp giới, pháp giới tức lưới”: Do nêu lên một hạt bụi thì không pháp nào chẳng trọn đủ. Nói “lưới tức pháp giới” là hết thấy pháp quy vào lưới, chính là như nói “đối với tất cả bụi trong thế giới Hoa Tạng, trong mỗi hạt bụi đều thấy pháp giới”.

Nói “cùng một lúc nhanh chóng hiện ra, chẳng phải là ẩn hay hiển”, [nghĩa là] hết thấy đều thành tựu viên mãn, chẳng có thù thắng hoặc hơn kém. Khi nói đến “che khắp”, há chẳng phải trở thành hai cái [đối lập] ư?)

Tam, phát ngôn khuyến tín.

(Kinh) **Thuyết thành thật ngôn:** “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Sớ) Thành thật, mình tất khả tín, dĩ thị quảng trường thiết đoan, xuất thành thật ngữ, vị: “Thử Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh, nhữ đương đề tín, mạc hoài nghi dã”. Tín nghĩa tường hậu.

(Sao) Tất khả tín giả, dĩ Thành tắc chân khẩn vô ngại; Thật tắc thâm đế bất hư. Sở vị: “Sư tử hống, vô úy thuyết, thiên thánh phục khởi bất năng dịch. Vạn thể thủ chí, tắc vi khả giả dã”. Xưng tán bất khả tư nghị công đức, liên hạ thập lục tự, thử kinh nguyên danh dã. Đường dịch chỉ ngôn Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, dục văn tỉnh tiện. Dĩ bất khả tư nghị công đức, nhiếp Tịnh Độ trung cổ.

Thử bất khả tư nghị, thượng văn tán Phật, kim nãi tán kinh, kỳ nghĩa nhất dã, cố bất trùng thích. Hộ niệm giả, niệm Phật chỉ nhân, Phật lực bảo hộ, linh kỳ an ổn, vô chư chướng nạn cố. Phật tâm ức niệm, linh kỳ tinh tấn, vô hữu thoái đọa cố. Quán Kinh vân: “Niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả”. Hựu kinh vân: “Niệm Phật chỉ nhân, A Di Đà Phật thường trụ kỳ đẳng”. Hựu Thập Chung Lợi Ích vân: “Niệm Phật chỉ nhân, A Di Đà Phật thường phóng quang minh, nhiếp thọ thử nhân”, thử Bốn Sư hộ niệm; nhị thập phương chư Phật đồng thử hộ niệm. Đương tri niệm Phật, Phật niệm, cảm ứng tự nhiên, bất khả vu dã.

(Diễn) “Linh kỳ an ổn vô chư chướng nạn” giả, Quán Kinh Sớ vân: “Nhược vị Phật từ sở hộ, chung đắc ly khổ, vĩnh đắc an lạc”, thị dã. “Linh kỳ tinh tấn vô hữu thoái đọa giả”, Thích Luận vân: “Thí như ngư tử, mâu nhược bất niệm, tử tắc lạn hoại. Chúng sanh diệt nhĩ, Phật nhược bất niệm, thiện căn tắc hoại”, thị dã. “Niệm Phật, Phật niệm, cảm ứng tự nhiên” giả, Thủ Lăng Nghiêm vân: “Thập phương chư Phật lân niệm chúng sanh, như mâu ức tử. Nhược tử đào thệ, tuy ức hà vi? Tử nhược ức mâu, như mâu ức thời, mâu tử lịch sanh, bất tương vi viễn. Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật” đẳng.

三、發言勸信。

(經)說誠實言：汝等眾生，當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(疏)誠實，明必可信，以是廣長舌端，出誠實語，謂：此稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經，汝當諦信，莫懷疑也。信義詳後。

(鈔)必可信者，以誠則真懇無偽；實則審諦不虛。所謂：師子吼，無畏說，千聖復起不能易。萬世守之，則為楷者也。稱讚不可思議功德，連下十六字，此經原名也。唐譯止言稱讚淨土佛攝受經，欲文省便。以不可思議功德，攝淨土中故。此不可思議，上文讚佛，今乃讚經，其義一也，故不重釋。護念者，念佛之人，佛力保護，令其安穩，無諸障難故。佛心憶念，令其精進，無有退墮故。觀經云：念佛眾生，攝取不捨。又經云：念佛之人，阿彌

陀佛常住其頂。又十種利益云：念佛之人，阿彌陀佛常放光明，攝受此人，此本師護念；而十方諸佛同此護念。當知念佛，佛念，感應自然，不可誣也。

(演)令其安隱無諸障難者，觀經疏云：若為佛慈所護，終得離苦，永得安樂，是也。令其精進無有退墮者，釋論云：譬如魚子，母若不念，子則爛壞。眾生亦爾，佛若不念，善根則壞，是也。念佛，佛念，感應自然者，首楞嚴云：十方諸佛憐念眾生，如母憶子。若子逃逝，雖憶何為？子若憶母，如母憶時，母子歷生，不相違遠。若眾生心，憶佛念佛，現前當來必定見佛等。

(Ba, thốt lời khuyên hãy tin tưởng.

Kinh: *Nói lời thành thật: “Chúng sanh các ông hãy nên tin tưởng kinh Khen Ngợi Công Đức Chăng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”.*

Sớ: *“Thành thật”: Chỉ rõ ắt là đáng tin. Dùng cái lưỡi rộng dài để thốt lời thành thật, bảo “các ông hãy nên tin chắc kinh Khen Ngợi Công Đức Chăng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này, đừng hoài nghi”. Ý nghĩa của Tín sẽ được nói tường tận nơi trong phần sau.*

Sao: *“Ắt là đáng tin”: Do chân thành, nên chân thật, khẩn thiết, chẳng hư ngụy. Do Thật nên suy xét kỹ lưỡng, chẳng hư dối. Đó gọi là “tiếng rống của sư tử, chẳng sợ hãi mà nói, dẫu ngàn vị thánh dậy lên, cũng chẳng thể thay đổi được, là khuôn phép được muôn đời gìn giữ”.*

Mười sáu chữ kể từ Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức trở đi chính là tên gốc của kinh này. Bản dịch đời Đường chỉ ghi là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, là do muốn tỉnh lược văn từ cho thuận tiện. Do “bất khả tư nghị” công đức được bao gồm trong Tịnh Độ, chữ “bất khả tư nghị” này trong phần văn phía trước được dùng để tán thán Phật; ở đây, dùng để ca ngợi kinh, ý nghĩa như nhau, cho nên chẳng giải thích lần nữa.

“Hộ niệm” là người niệm Phật được Phật lực bảo vệ, khiến cho được an ổn, chẳng có các chướng nạn. Phật tâm ức niệm, khiến cho người ấy tinh tấn, chẳng bị thoái đọa. Quán Kinh nói: “Nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ”. Kinh lại nói: “Người niệm Phật, A Di Đà Phật thường ngự trên đỉnh đầu người ấy”. Lại phần Mười Thứ Lợi Ích

có nói: “Người niệm Phật được A Di Đà Phật thường phóng quang minh, nhiếp thọ người ấy”. Đó chính là đức Bốn Sư hộ niệm; mười phương chư Phật đều cùng hộ niệm như vậy. Hãy nên biết niệm Phật, được Phật niệm, cảm ứng tự nhiên, chẳng thể hư dối.

Diễn: “Khiến cho họ an ổn, chẳng có chướng nạn”: Quán Kinh Sớ có nói: “Nếu được lòng Từ của Phật gia hộ, rốt cuộc sẽ được lìa khổ, vĩnh viễn được an vui” là nói về chuyện này. “Khiến cho họ tinh tấn, chẳng lui sụt, đọa lạc”: Thích Luận nói: “Như cá con, nếu mẹ nó chẳng nghĩ tới, con sẽ hư nát. Chúng sanh cũng thế, nếu Phật chẳng nghĩ tới, thiện căn bèn hư hoại” là nói về ý này.

“Niệm Phật, được Phật niệm, cảm ứng tự nhiên”: Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói: “Mười phương chư Phật nghĩ thương chúng sanh, như mẹ nhớ con. Nếu con bỏ trốn, tuy nhớ có ích gì? Nếu con nhớ mẹ, như khi mẹ nhớ con, mẹ và con trải qua nhiều đời chẳng xa cách nhau. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”).

(Sớ) Hựu Bát Địa thử môn Phật hộ, cố tri vãng sanh, địa vị phi thiểu!

(Sao) Bát Địa Phật hộ giả, Hoa Nghiêm vị Bát Địa Bồ Tát, thường vị Như Lai chỉ sở hộ niệm. Kim thử đốn siêu thắng địa, cố viết phi thiểu.

(Diễn) Bát Địa Bồ Tát thường vị Như Lai hộ niệm giả, dĩ thử Bồ Tát dĩ nhập vô công dụng địa, trụ u Báo Hạnh. Nhược Như Lai bất hộ giả, bĩ thời tức nhập cứu cánh Niết Bàn, khí xả nhất thiết lợi chúng sanh nghiệp. Cố chư Phật thân hiện kỳ tiền, thuyết chủng chủng pháp, dĩ thử Bồ Tát vô lượng vô biên khởi trí môn, thường vị Như Lai chỉ sở hộ niệm dã.

(疏)又八地始蒙佛護，故知往生，地位非淺！

(鈔)八地佛護者，華嚴謂八地菩薩，常為如來之所護念。今此頓超勝地，故曰非淺。

(演)八地菩薩常為如來護念者，以此菩薩已入無功用地，住於報行。若如來不護者，彼時即入究竟涅槃，棄捨一切利眾生業。故諸佛親現其前，說種種法，與此菩薩無量無邊起智門，常為如來之所護念也。

(Sớ: Lại nữa, Bát Địa mới được Phật hộ niệm. Vì thế biết là được

vãng sanh thì địa vị chẳng nông cạn.

Sao: “Bát Địa được Phật hộ niệm”: Kinh Hoa Nghiêm nói Bát Địa Bồ Tát thường được Như Lai hộ niệm, nay người [vãng sanh] nhanh chóng vượt lên địa vị thù thắng, cho nên nói là “[địa vị] chẳng nông cạn”.

Diễn: “Bát Địa Bồ Tát thường được Như Lai hộ niệm”: Do các vị Bồ Tát ấy đã nhập địa vị vô công dụng, trụ nơi Báo Hạnh. Nếu Như Lai chẳng hộ trì, họ liền nhập Niết Bàn rốt ráo, vứt bỏ hết thấy các nghiệp lợi lạc chúng sanh. Vì thế, chư Phật đích thân hiện trước mặt họ, nói các thứ pháp, khiến cho các vị Bồ Tát ấy khởi lên trí môn vô lượng vô biên. Đó là “thường được Như Lai hộ niệm” vậy).

(Sớ) Chư Phật cáo ngữ chúng sanh, cổ hữu nhị thuyết: Nhất vị chuyển dẫn, nhất vị đồng thời. Kim kiêm dụng chi.

(Sao) Chuyển dẫn giả, Từ Ân vị lục phương chư Phật, cáo bốn quốc trung chi ngữ, Thích Ca chuyển dẫn, dĩ chứng kỷ ngôn. Linh Chi vị thị Thích Ca thuyết thử kinh thời, lục phương chư Phật đồng thời tán thán. Kim kiêm dụng giả, dĩ thử quảng đại tối yếu pháp môn, chư Phật bình thời tất sở thường tán. Nhị chánh đương Thích Ca thuyết thử kinh thời, thập phương chư Phật tề tán, diệc phục hà ngại? Di hiển thử kinh, nãi Phổ Nhân pháp môn, biến hồ pháp giới, nhất thuyết, nhất thiết thuyết dã.

(Diễn) Phổ Nhân pháp môn biến hồ pháp giới giả, Phổ Nhân hữu nhị: Nhất, đại trí phổ nhân phổ chiếu pháp giới. Nhị, đại bi phổ nhân phổ chiếu chúng sanh. Kim tuy kiêm nhị giả, ý trọng đại bi. Chúng sanh biến pháp giới, tắc đại bi biến pháp giới. Đại bi biến pháp giới, tắc thử pháp môn diệc biến pháp giới. Nhất thuyết, nhất thiết thuyết dã.

(疏)諸佛告語眾生，古有二說：一謂轉引，一謂同時。今兼用之。

(鈔)轉引者，慈恩謂六方諸佛，告本國中之語，釋迦轉引，以證己言。靈芝謂是釋迦說此經時，六方諸佛同時讚歎。今兼用者，以此廣大最要法門，諸佛平時必所常讚。而正當釋迦說此經時，十方諸佛齊讚，亦復何礙？彌顯此經，乃普眼法門，遍乎法界，一說一切說也。

(演)普眼法門遍乎法界者，普眼有二：一、大智普眼普照法界。二、大悲普眼普照眾生。今雖兼二者，意重大悲。眾生遍法界，則大悲遍法界。大悲遍法界，則此法門亦遍法界。一說一切說也。

(Sớ: “Chư Phật nói với chúng sanh”: Cổ nhân có hai cách nói: Một là chuyển dẫn, một thuyết khác là đồng thời. Nay dùng cả hai thuyết ấy.

Sao: “Chuyển dẫn”: Ngài Từ Ân nói sáu phương chư Phật nói lời ấy trong cõi mình, đức Phật Thích Ca kể lại những lời ấy để chứng minh cho lời nói của chính Ngài. [“Đồng thời” là như] ngài Linh Chi bảo: Khi Phật Thích Ca nói kinh này, sáu phương chư Phật đồng thời tán thán. Nay sử dụng cả hai [ý nghĩa ấy] là vì pháp môn rộng lớn, trọng yếu nhất này ắt luôn được chư Phật thường xuyên tán thán. Nhưng ngay trong lúc Phật Thích Ca nói kinh này, mười phương chư Phật đều cùng tán thán, há cũng có trở ngại gì ư? Hiển lộ trọn vẹn kinh này chính là pháp môn Phổ Nhãn trọn khắp pháp giới. Một vị nói chính là hết thấy các vị đều nói vậy.

Diễn: “Pháp môn Phổ Nhãn trọn khắp pháp giới”: Phổ Nhãn có hai thứ: Một là đại trí phổ nhãn chiếu khắp pháp giới, hai là đại bi phổ nhãn chiếu khắp chúng sanh. Nay tuy có cả hai thứ, nhưng thiên trọng ý nghĩa đại bi. Chúng sanh trọn khắp pháp giới, tức là đại bi trọn khắp pháp giới. Đại bi trọn khắp pháp giới chính là pháp môn này cũng trọn khắp pháp giới. Một vị nói là hết thấy các vị đều nói).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh bất biến, thị thành thật nghĩa. Tự tánh bất ly, thị hộ niệm nghĩa.

(Sao) Thuần chân tuyệt vọng, vạn kiếp như nhiên. Ngôn thành thật giả, thực quá ư thị! Tức kim nhất thị, nhất thính, nhất ngôn, nhất động, mặc bất dữ câu. Cắng cổ, cắng kim, thường hộ, thường niệm, hành, trụ, tọa, ngọa, bất ly giá cá, hà đắc thành ngôn bất tín, hộ ngã thiên vi, khả vị tự cuồng, tự khi, tự đào, tự thệ.

(Diễn) Thuần chân tuyệt vọng tứ cú, vị Chân Như bốn vô vọng nhiễm, thử chân thành thật dã. Ngoại giáo dĩ lục thức bất khởi hư nguy, nhất vị chuyên thành, tiện vi thành thật giả, phi dã. Dĩ thử thức nhân trần nhi hữu, ly trần tắc vô, toàn thể thị vọng cố. Nhất thị, nhất thính đẳng giả, cổ vân: “Nhật dụng sự vô biệt, duy ngô tự ngẫu hài. Đầu đầu phi thủ xả, xứ xứ vật tương quai. Châu, tử thùy vi hiệu,

khâu, sơn tuyết điểm ai. Trước y tịnh khiết phạn, vận thủy cập ban sài”, thị dã. Hựu thị thính, ngôn động, mặc bất dữ câu giả, sở vị: “Ngô nhân thực, tức, khởi, cư, vô bất thừa tha ân lực” dã. Cẩng cổ, cẩng kim, thường hộ, thường niệm giả, sở vị: “Chân Như nội huân vô hữu gián đoạn” dã. Hành, trụ, tọa, ngọa bất ly giá cá giả, sở vị: “Dạ dạ bảo Phật miên, triêu triêu hoàn cộng khởi” dã. Thượng ước tự tánh xuất triền thuyết bất ly, thử ước tự tánh tại triền thuyết bất ly dã.

(疏)稱理，則自性不變，是誠實義。自性不離，是護念義。

(鈔)純真絕妄，萬劫如然。言誠實者，孰過於是！即今一視一聽，一言一動，莫不與俱。亙古亙今，常護常念，行住坐臥，不離這個，何得誠言不信，護我偏違，可謂自誑，自欺，自逃，自逝。

(演)純真絕妄四句，謂真如本無妄染，此真誠實也。外教以六識不起虛偽，一味專誠，便為誠實者，非也。以此識因塵而有，離塵則無，全體是妄故。一視一聽等者，古云：日用事無別，唯吾自偶諧。頭頭非取捨，處處勿張乖。朱，紫誰為號，邱，山絕點埃。著衣并喫飯，運水及搬柴，是也。又視聽言動，莫不與俱者，所謂：吾人食息起居，無不承他恩力也。亙古亙今常護常念者，所謂：真如內熏無有間斷也。行住坐臥不離這箇者，所謂：夜夜抱佛眠，朝朝還共起也。上約自性出纏說不離，此約自性在纏說不離也。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh bất biến là ý nghĩa “thành thật”. Tự tánh chẳng lìa, là ý nghĩa “hộ niệm”).

Sao: Thuần chân, dứt vọng, muôn kiếp đều là như vậy. Nói đến thành thật thì không chỉ hơn điều này được! Tức là nay một cái nhìn, một cái nghe, một lời nói, một hành động, không gì chẳng tương ứng. Suốt xưa, trọn nay, thường hộ trì, thường niệm; đi, đứng, ngồi, nằm, chẳng lìa điều này, há nên chẳng tin lời thành thật, khẳng khẳng trái nghịch sự hộ niệm của Phật đối với ta? Đáng gọi là tự lừa, tự dối, tự trốn, tự bỏ đi!

Diễn: Bốn câu “thuần chân tuyệt vọng” là nói Chân Như bốn

tánh chẳng có vọng nhiễm, đây chính là thành thực chân thật. Ngoại giáo cho rằng “sáu thức chẳng khởi hư vọng, một mực chuyên thành, đó chính là thành thật”, chẳng đúng! Bởi lẽ thức ấy do trần mà có, lìa khỏi trần bèn chẳng có, cho nên toàn thể là vọng. “Một cái nhìn, một cái nghe”: Cổ nhân nói: “Chuyện thường ngày chẳng khác, riêng ta tự hòa hài. Mọi chuyện đừng lấy bỏ, chón chón chớ dị kỳ, son, tía ai đặt hiệu, núi, gò chẳng mảy trần. Mặc áo và ăn uống. Gánh nước và chẻ củi” chính là nói về ý này.

Lại nữa, “thấy, nghe, nói năng, cử động, không gì chẳng tương ứng” là như đã nói: Chúng ta ăn uống, nghỉ ngơi, hành động, không gì chẳng nhờ vào ân lực của nó (Chân Như bốn tánh). “Suốt xưa, trọn nay, thường hộ trì, thường niệm” có nghĩa là Chân Như huân tập bên trong chẳng hề gián đoạn. “Đi, đứng, ngồi, nằm, chẳng lìa điều này” là như nói: “Đêm đêm ôm Phật ngủ, sáng sáng cùng nhau thức”. Trong phần trước, dựa theo “tự tánh thoát khỏi triền phược” mà nói “chẳng lìa”. Ở đây, dựa trên “tự tánh ở trong triền phược” mà nói “chẳng lìa” vậy).

Nhị, Nam phương (tam): Sơ, liệt danh hiển quảng. Nhị, hiện tướng biểu chân. Tam, phát ngôn khuyến tín.

Sơ, liệt danh hiển quảng.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới, hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(Sớ) Nhật Nguyệt Đăng giả, đại trí vô tận cố.

(Sao) Đại trí vô tận giả, nhật chiếu trú, nguyệt chiếu dạ, đăng chiếu nhật nguyệt chỉ sở bất cập, phổ biến kế tục, cánh vô cùng tận. Phật chỉ đại trí, hoành căng thập phương, thụ thông tam tế, phương do thị dã. Hữu nhật quang phá ám, hữu Bát Nhã nghĩa, danh Nhất Thiết Trí. Nguyệt dĩ thanh lương chiếu dạ, hữu Giải Thoát nghĩa, danh Đạo Chứng Trí. Đăng kế nhật nguyệt, thông hồ trú dạ, bất trụ nhị biên, thị Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế, hữu Pháp Thân nghĩa, danh Nhất Thiết Chứng Trí.

(Diễn) Đại trí vô tận hữu nhị thích: Sơ nhất nghĩa ước thụ cùng hoành biến thích. Đệ nhị nghĩa ước Tam Đức, Tam Trí thích. Đức trí tương đối giả, dĩ Nhất Thiết Trí, tức quán Không chỉ trí, Bát Nhã tảo đăng chư pháp cố. Đạo Chứng Trí, nãi quán Tục chỉ trí, Giải Thoát nãi kiến lập chư pháp cố. Nhất Thiết Chứng Trí, quán Trung Đạo chỉ trí. Pháp Thân huỳnh xuất nhị biên, tuyệt chư đối đãi cố.

二、南方(三)：初、列名顯廣。二、現相表真。三、發言勸信。

初、列名顯廣。

(經)舍利弗！南方世界，有日月燈佛，名聞光佛，大燄肩佛，須彌燈佛，無量精進佛，如是等恆河沙數諸佛。

(疏)日月燈者，大智無盡故。

(鈔)大智無盡者，日照晝，月照夜，燈照日月之所不及，普遍繼續，更無窮盡。佛之大智，橫互十方，豎通三際，方猶是也。又日光破暗，有般若義，名一切智。月以清涼照夜，有解脫義，名道種智。燈繼日月，通乎晝夜，不住二邊，是中道第一義諦，有法身義，名一切種智。

(演)大智無盡有二釋：初一義約豎窮橫遍釋。第二義約三德三智釋。德智相對者，以一切智，即觀空之智，般若掃蕩諸法故。道種智，乃觀俗之智，解脫乃建立諸法故。一切種智，觀中道之智。法身迥出二邊，絕諸對待故。

(Hai, phương Nam (gồm ba phần): Một, kê ra danh hiệu để hiển thị sự rộng rãi. Hai là hiện tướng để biểu thị sự chân thật. Ba là thốt lời để khuyên tin tưởng.

Phần thứ nhất là kê ra danh hiệu để hiển thị sự rộng rãi.

Kinh: *Xá Lợi Phất! Thế giới phương Nam có Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, các vị Phật nhiều như số cát sông Hằng như vậy.*

Sớ: *Nhật Nguyệt Đăng (Candrasūryapradīpa) là đại trí vô tận.*

Sao: *“Đại trí vô tận”: Mặt trời chiếu ban ngày, mặt trăng soi ban đêm, đèn chiếu những chỗ mặt trời và mặt trăng chẳng soi thấu, nói tiếp trọn khắp, chẳng có cùng tận. Đại trí của Phật theo chiều ngang cùng tốt mười phương, theo chiều dọc thông suốt ba đời, cũng giống như thế đó. Ánh mặt trời lại trừ tâm tối, có ý nghĩa Bát Nhã, gọi là Nhất Thiết Trí. Mặt trăng dùng sự mát mẻ để chiếu ban đêm, có ý nghĩa Giải Thoát, gọi là Đạo Chung Trí. Đèn nối tiếp mặt trời, mặt trăng, thông suốt ngày đêm, chẳng trụ vào hai bên, chính là Trung Đạo Độ Nhất Nghĩa Đế, có ý*

nghĩa Pháp Thân, gọi là Nhất Thiết Chủng Trí.

Diễn: “Đại trí vô tận” có hai cách giải thích: Nghĩa thứ nhất là dựa theo ý nghĩa “tột cùng theo chiều dọc” và “trộn khắp theo chiều ngang” để giải thích. Nghĩa thứ hai là dựa theo Tam Đức và Tam Trí để giải thích. So sánh giữa Đức và Trí thì: Dùng Nhất Thiết Trí, tức là cái trí để quán Không, Bát Nhã quét sạch các pháp. Đạo Chủng Trí chính là trí để quan sát thế tục, Giải Thoát bền kiên lập các pháp. Nhất Thiết Chủng Trí là trí quán Trung Đạo, Pháp Thân vượt ngoài hai bên, dứt bật các đối đãi).

(Sớ) Danh Văn Quang giả, danh xưng phổ văn, như quang viên chiếu.

(Sao) Thật đại thanh hoàng, cố hữu danh xưng. Phổ biến văn ư thập phương vô lượng thế giới, như nhật quang chiếu, vô sở bất bị.

(Diễn) Thật đại thanh hoàng đẳng, danh giả thật chỉ tâm đã. Phật ư Tăng-kỳ kiếp hải, tu vô lượng hạnh, cố danh xưng phổ biến văn ư thập phương.

(疏)名聞光者，名稱普聞，如光遠照。

(鈔)實大聲宏，故有名稱。普遍聞於十方無量世界，如日光照，無所不被。

(演)實大聲宏等，名者實之賓也。佛於僧祇劫海，修無量行，故名稱普遍聞於十方。

(Sớ: Danh Văn Quang (Yāśas-prabhā) là danh tiếng vang khắp, như ánh sáng chiếu xa.

Sao: Có thực chất to lớn, đẹp đẽ, thanh danh sẽ rộng lớn. Vì thế, có tiếng tăm. [Thanh danh] vang vọng trộn khắp mười phương vô lượng thế giới, như ánh mặt trời soi chiếu, không đâu chẳng trộn.

Diễn: “Có thực chất to lớn, đẹp đẽ, thanh danh sẽ rộng lớn”: Danh là khách của thực chất. Trong các A-tăng-kỳ kiếp số nhiều như biển cả, đức Phật đã tu vô lượng hạnh, cho nên tiếng tăm vang dội khắp mười phương).

(Sớ) Đại Diệm Kiên giả, Kiên biểu nhị trí, Diệm dụ chiếu diệu.

(Sao) Nhị trí giả, Quyền Trí chiếu Sự, Thật Trí chiếu Lý. Sự Lý bình nhiên, song chiếu bất muội. như lưỡng kiên phát diệm cố. Hựu thử nhị trí, hà đảm nhất thiết Phật pháp, hữu kiên nghĩa cố.

(Diễn) *Quyền Trí chiếu Sự giả, quảng hành vạn hạnh, quảng độ chúng sanh, tri pháp, tri cơ, quán căn thọ pháp, xí nhiên phân biệt đẳng. Thật Trí chiếu Lý giả, chánh niệm Chân Như, bất sanh phân biệt. Ngôn ngữ đạo đoạn, trực khế vô vi, Như Trí bất nhị đẳng. Sự Lý bình nhiên song chiếu bất muội giả, chánh Quyền Trí chiếu Sự thời, tức Thật Trí chiếu Lý, xí nhiên phân biệt nhất thiết pháp, u Độ Nhất Nghĩa nhi bất động. Chánh Thật Trí chiếu Lý thời, tức Quyền Trí chiếu Sự, tâm ngoại vô pháp, mãn mục thanh sơn. Hà đảm nhất thiết Phật pháp giả, nhất thiết Phật pháp bất xuất Nhị Đế. Nhị Trí năng đảm, viết Đại Diệm Kiên Phật dã.*

(疏)大𩑦肩者，肩表二智，𩑦喻照耀。

(鈔)二智者，權智照事，實智照理。事理炳然，雙照不昧。如兩肩發𩑦故。又此二智，荷擔一切佛法，有肩義故。

(演)權智照事者，廣行萬行，廣度眾生，知法知機，觀根授法，熾然分別等。實智照理者，正念真如，不生分別。言語道斷，直契無為，如智不二等。事理炳然雙照不昧者，正權智照事時，即實智照理，熾然分別一切法，於第一義而不動。正實智照理時，即權智照事，心外無法，滿目青山。荷擔一切佛法者，一切佛法不出二諦。二智能擔，曰大𩑦肩佛也。

(Sớ: “Đại Diệm Kiên” (Mahā-rciskāndha): Kiên (vai) biểu thị hai trí, Diệm (ngọn lửa) sánh ví sự chiếu rọi.

Sao: “Hai trí”: Quyền Trí chiếu Sự, Thật Trí chiếu Lý. Sự và Lý rạng ngời, cùng chiếu, chẳng làm lạc, giống như hai vai tỏa sáng. Lại nữa, hai trí ấy gánh vác hết thảy Phật pháp, cho nên có ý nghĩa như cái vai.

Diễn: “Quyền Trí chiếu Sự”: Rộng hành vạn hạnh, rộng độ chúng sanh, biết pháp, biết căn cơ, quán sát căn cơ để truyền trao pháp [thích hợp], [do vậy có sự] phân biệt bưng bưng.

“Thật Trí chiếu Lý”: Chánh niệm Chân Như, chẳng sanh phân biệt; ngôn ngữ dứt bật, trực tiếp khế nhập vô vi, Như và Trí bình đẳng, chẳng hai.

“Sự và Lý rạng ngời, cùng chiếu, chẳng làm lạc”: Ngay trong khi Quyền Trí chiếu Sự, chính là Thật Trí chiếu Lý, bưng bưng phân biệt hết

thầy các pháp, nhưng đối với Đệ Nhất Nghĩa vẫn bất động. Ngay trong khi Thật Trí chiếu Lý, chính là Quyền Trí chiếu Sự, ngoài tâm chẳng có pháp, mắt thấy núi xanh đầy dẫy. “Gánh vác hết thầy Phật pháp”: Hết thầy Phật pháp chẳng ngoài Nhị Đế. Hai trí có thể gánh vác, bèn gọi là Đại Diệm Kiên Phật).

(Sớ) Tu Di Đăng giả, Tu Di vi đăng, chiếu Tứ Thiên Hạ, Phật quang quảng chiếu, diệp như thị cổ.

(Sao) Tu Di vi đăng giả, như vân: “Tu Di vi bút, Tu Di vi chùy” đăng, cực ngôn đăng lượng chi quảng đại dã. Tu Di tại trung, quang chiếu tứ bộ. Phật dĩ Trung Đạo đại trí, chiếu chư chúng sanh, như Tu Di đăng dã. Nhiên Duy Ma kinh ngôn: “Tu Di Đăng Vương Phật, thân cao bát vạn tứ thiên do-tuần”, nhi cứu kỳ quốc độ, nãi Đông phương quá tam thập lục Hằng hà sa thế giới, kim tại Nam phương, dĩ Phật đồng danh giả chúng cổ.

(疏)須彌燈者，須彌為燈，照四天下，佛光廣照，亦如是故。

(鈔)須彌為燈者，如云：須彌為筆，須彌為椎等，極言燈量之廣大也。須彌在中，光照四部。佛以中道大智，照諸眾生，如須彌燈也。然維摩經言：須彌燈王佛，身高八萬四千由旬，而究其國土，乃東方過三十六恆河沙世界，今在南方，以佛同名者眾故。

(Sớ: “Tu Di Đăng” (Mērupradīpa): Tu Di làm đèn, chiếu Tứ Thiên Hạ. Phật quang chiếu rộng khắp cũng giống như thế.

Sao: “Tu Di làm đèn” là như nói “Tu Di làm bút, Tu Di làm vồ” v.v... nhằm cực lực diễn tả sự rộng lớn của đèn. Núi Tu Di ở chính giữa, chiếu sáng bốn đại bộ châu. Phật dùng đại trí Trung Đạo để chiếu các chúng sanh như đèn Tu Di vậy. Nhưng kinh Duy Ma nói: “Tu Di Đăng Vương Phật thân cao tám vạn bốn ngàn do-tuần”; xét ra, cõi nước của Ngài ở phương Đông cách xa [thế giới Sa Bà] ba mươi sáu Hằng hà sa thế giới, nay [kinh này nêu tên đức Phật này] ở phương Nam là do chư Phật có cùng danh hiệu rất nhiều).

(Sớ) Vô Lượng Tinh Tấn giả, “tinh tấn” giải kiến Tự phần. Đản bĩ ngôn thường, thử ngôn vô lượng.

(Sao) Vô Lượng nhị nghĩa: Nhất giả, thời vô lượng, tức thị

Thường nghĩa. Nhị giả, sự vô lượng, tự lợi, lợi tha, trí hạnh vô biên cố.

(疏)無量精進者，精進解見序分。但彼言常，此言無量。

(演)無量二義：一者，時無量，即是常義。二者，事無量，自利利他，智行無邊故。

(Sớ: “Vô Lượng Tinh Tấn” (Anantavīrya): Xem lời giải thích chữ “tinh tấn” trong phần Tự. Nhưng trong phần ấy [chỉ nói là] Thường; ở đây nói là vô lượng.

Sao: Vô lượng gồm hai nghĩa: Một là thời vô lượng, tức là ý nghĩa “thường”. Hai là sự vô lượng, do tự lợi, lợi tha, trí hạnh vô biên).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh quang minh bất khả tận, thị Nam phương Hằng sa Phật nghĩa.

(Sao) Nam phương vi Ly, Ly vi hỏa. Hỏa nội ám, nhi ngoại minh, thị Tịch nhi thường Chiếu dã. Chân tri bất muội, linh diệm hà cùng? Hoa Nghiêm Quang Minh Giác phẩm ngôn: “Nhu Lai quang minh quá nhất thế giới, thập thế giới, nãi chí bất khả thuyết thế giới, giai thị tự kỷ tâm quang giác chiếu, nhất thiết bất tùng ngoại đắc”. Cổ viết: “Ngã kiến Đăng Minh Phật, bốn quang thuy như thử”.

(Diễn) Nam phương vi Ly giả, Dịch vân: “Ly dã giả, minh dã. Vạn vật giai tương kiến, Nam phương chi quái dã”. Hỏa nội ám nhi ngoại minh giả, Ly, lệ dã. Nhất Âm lệ ư nhị Dương chi trung, kỳ tượng vi hỏa, thể Âm, nhi dụng Dương dã. Bốn quang, thị chúng sanh bốn lai hữu thử quang minh dã.

(疏)稱理，則自性光明不可盡，是南方恆沙佛義。

(鈔)南方為離，離為火。火內暗而外明，是寂而常照也。真知不昧，靈燄何窮？華嚴光明覺品言：如來光明過一世界，十世界，乃至不可說世界，皆是自己心光覺照，一切不從外得。故曰：我見燈明佛，本光瑞如此。

(演)南方為離者，易云：離也者，明也。萬物皆相見，南方之卦也。火內暗而外明者，離，麗也。一陰麗於二陽之中，其象為火，體陰，而用陽也。本光，是眾生本來有此光明也。

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh quang minh chẳng thể trọn hết là ý nghĩa “phương Nam có Phật nhiều như số cát trong sông Hằng”).

Sao: Phương Nam thuộc quẻ Ly, Ly là lửa. Lửa thì trong tối ngoài sáng, tức là Tịch mà thường Chiếu. Hiểu biết chân thật, chẳng sai lầm, linh minh giác tri rạng ngời, há có cùng tận? Phẩm Quang Minh Giác trong kinh Hoa Nghiêm có nói: Quang minh của Như Lai vượt xa một thế giới, mười thế giới, cho đến bất khả thuyết thế giới; đều là tâm quang của chính mình giác chiếu, hết thấy chẳng do từ bên ngoài mà có. Vì thế nói: “Ta thấy quang minh nơi bốn tánh của Đẳng Minh Phật tốt lành như thế”.

Diễn: “Phương Nam thuộc quẻ Ly”: Kinh Dịch nói: “Ly có nghĩa là sáng, mọi vật đều trông thấy nhau, là quẻ thuộc về phương Nam”. “Lửa thì trong tối ngoài sáng”: Ly là sáng rực. [Quẻ Ly gồm một vạch đứt ở chính giữa, biểu thị] một Âm sáng rực giữa hai [vạch liền tượng trưng cho] hai Dương, Tượng của Ly là Hỏa, tức bản thể của [quẻ Ly] là Âm, mà tác dụng của nó là Dương. “Bốn quang” nghĩa là chúng sanh vốn có quang minh ấy).

Nhị, hiện tướng biểu chân.

(Kinh) Các kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới.

二、現相表真。

(經)各於其國，出廣長舌相，遍覆三千大千世界。

(Hai, hiện tướng để biểu thị sự chân thật.

Kinh: Mỗi vị đều ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới).

Tam, phát ngôn khuyến tín.

(Kinh) Thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

三、發言勸信。

(經)說誠實言：汝等眾生，當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Kinh: Nói lời thành thật: “Chúng sanh các ông, hãy nên tin tưởng kinh Khen Ngợi Công Đức Chăng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Tam, Tây phương (tam). Sơ, liệt danh hiển quảng. Nhị, hiện tướng biểu chân. Tam, phát ngôn khuyến tín.

Sơ, liệt danh hiển quảng.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Tây phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(Sớ) Vô Lượng Thọ, nhân dữ bốn Phật đồng danh. Cổ hữu nhị thuyết, diệc câu hữu lý.

(Sao) Nhị thuyết giả, Linh Chi vị: “Chư Phật đồng danh thậm đa, quyết phi Pháp Tạng sở thành chi Phật. Dĩ thị bốn Phật bất ưng tự tán cố”. Từ Ân vị: “Thiết nhược tự tán, lý diệc vô phương, dĩ đạo dẫn chúng sanh, linh sanh thắng ý cố”. Kim song thủ nhị thuyết, vị cứ Đại Bản, quá vô biên Phật sát, đồng danh Thích Ca Mâu Ni giả, bất khả thắng số. Hựu, Quán Âm sư Quán Âm Như Lai đẳng, tất Vô Lượng Thọ chi danh, hà chỉ nhất Phật? Bách thiên vạn ức, bất khả cùng tận. Nhược cứ Phật phân biên sự, yên đắc dĩ phạm thường lệ chi, tương vô tự tán hủy tha, phạm Bồ Tát thập trọng giới da? “Ngã vi Pháp Vương, ư pháp tự tại”. Tung hoành dư đoạt, Quyền Thật song chương. Cầu hữu lợi ư chúng sanh, diệc hà thi nhi bất khả? “Thiên thượng thiên hạ, duy ngô độc tôn”, khả đắc vân tự tán phủ? Tiền chi nhất thuyết, khỗng nhân bất tri chư Phật số như vi trần, câu chấp nhất thiên cổ. Hậu chi nhất thuyết, khỗng nhân nệ ư bất ưng tự tán, muội Phật thần dụng cố. Nhị thuyết kiêm thành, lý cố vô ngại.

(Diễn) Đạo dẫn chúng sanh, linh sanh thắng ý giả, chúng sanh trí thiên bất tri Phật cảnh. Nhược bất tán dương, thắng ý bất sanh. Cổ dục dẫn đạo chúng sanh, linh sanh thắng ý, tất tu tự tán dã. Như Thích Ca Thế Tôn diệc tự tán vân: “Ngã thị Như Lai, Ứng Cúng giả, ngã thị tri đạo giả, khai đạo giả, thuyết đạo giả” đẳng, diệc phổ triệu quần cơ, linh sanh thắng ý dã. Quán Âm sư Quán Âm giả, Lăng Nghiêm vân: “Ngã ư quá khứ, ngô Quán Thế Âm Như Lai, bỉ Phật giáo ngã Như Huyền Văn Huân Văn Tu Kim Cang tam-muội”. Duy ngã độc tôn giả, Tất Đạt thái tử sơ giảng sanh thời, nhất thủ chỉ thiên, nhất thủ chỉ địa, châu hành thất bộ, mục cố tứ phương, viết: “Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn”.

三、西方(三)：初、列名顯廣。二、現相表真。三、發言勸信。

初、列名顯廣。

(經)舍利弗！西方世界有無量壽佛，無量相佛，無量幢佛，大光佛，大明佛，寶相佛，淨光佛，如是等恆河沙數諸佛。

(疏)無量壽，因與本佛同名。古有二說，亦俱有理。

(鈔)二說者，靈芝謂：諸佛同名甚多，決非法藏所成之佛。以是本佛不應自讚故。慈恩謂：設若自讚，理亦無妨，以導引眾生，令生勝意故。今雙取二說，謂據大本，過無邊佛剎，同名釋迦牟尼者，不可勝數。又，觀音師觀音如來等，則無量壽之名，何止一佛？百千萬億，不可窮盡。若據佛分邊事，焉得以凡常例之，將無自讚毀他，犯菩薩十重戒耶？我為法王，於法自在。縱橫予奪，權實雙彰。苟有利於眾生，亦何施而不可？天上天下，唯吾獨尊，可得云自讚否？前之一說，恐人不知諸佛數如微塵，拘執一偏故。後之一說，恐人泥於不應自讚，昧佛神用故。二說兼成，理固無礙。

(演)導引眾生，令生勝意者，眾生智淺不知佛境。若不贊揚，勝意不生。故欲引導眾生，令生勝意，必須自贊也。如釋迦世尊亦自贊云：我是如來應供者，我是知道者，開道者，說道者等，亦普召群機，令生勝意也。觀音師觀音者，楞嚴云：我於過去，遇觀世音如來，彼佛教我如幻聞熏聞修金剛三昧。唯我獨尊者，悉達太子初降生時，一手指天，一手指地，周行七步，目顧四方，曰：天上天下，唯我獨尊。

(Ba, phương Tây. (gồm ba phần): Một là kể tên để hiển thị sự rộng rãi. Hai là hiện tướng để biểu thị lễ chân. Ba là thoát lời khuyên nên tin tưởng.

Đầu tiên là kể tên để hiển thị sự rộng rãi.

Kinh: Xá Lợi Phất! Thế giới ở phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại

Minh Phật, Bảo Vương Phật, Tịnh Quang Phật, các vị Phật như thế nhiều như số cát trong sông Hằng.

Sớ: Vô Lượng Thọ (Amitāyus) vì có cùng tên với A Di Đà Phật, nên từ xưa đã có hai thuyết, cũng đều là hữu lý.

Sao: “Hai thuyết”: Ngài Linh Chi bảo “chư Phật có cùng danh hiệu rất nhiều, [Vô Lượng Thọ Phật được nói trong đoạn kinh này] quyết chẳng phải là vị Phật do ngài Pháp Tạng tu thành; bởi lẽ, Phật chẳng nên tự ca ngợi mình”. Ngài Từ Ân bảo: “Dẫu là tự khen ngợi, xét theo Lý cũng chẳng ngại gì. Vì để hướng dẫn chúng sanh, khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng”.

Nay chọn cả hai thuyết, nghĩa là dựa theo kinh Đại Bản: “Qua khỏi vô biên cõi Phật, các vị có cùng danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thể kể xiết”. Lại như thầy của ngài Quán Âm là Quán Âm Như Lai v.v... Vậy thì danh hiệu Vô Lượng Thọ làm sao chỉ là một vị Phật cho được? [Đương nhiên là phải có] trăm ngàn vạn ức [Phật đồng hiệu Vô Lượng Thọ] chẳng thể cùng tận! Đối với những chuyện thuộc về địa vị Phật, há nên suy luận theo lẽ thông thường! [Nếu cứ suy bì theo lẽ thường], sao tránh khỏi [chê trách Ngài mắc lỗi] “khen mình, hủy báng kẻ khác”, phạm mười trọng giới của Bồ Tát ư?

“Ta là Pháp Vương, tự tại nơi pháp”. Đọc, ngang, ban cho, đoạt lấy, Quyền lẫn Thật cùng phô bày. Nếu có lợi cho chúng sanh thì cũng có gì mà không thể làm được. “Trên trời, dưới đất, chỉ có Ngã là độc tôn”, há có thể nói là tự khen ngợi mình, hủy báng kẻ khác ư? Thuyết trước là vì sợ có kẻ chẳng biết chư Phật số nhiều như vi trần, bèn câu nệ, chấp trước phiền diện. Thuyết sau là do sợ có kẻ câu nệ “chớ nên tự khen ngợi” để rồi mờ mịt chẳng biết đến diệu dụng thần kỳ của Phật. Hai thuyết bổ sung lẫn nhau, cố nhiên, xét theo Lý, chẳng trở ngại gì.

Diễn: “Hướng dẫn chúng sanh khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng”: Chúng sanh trí nông cạn, chẳng biết cảnh Phật. Nếu chẳng tán dương, ý niệm thù thắng sẽ chẳng sanh khởi. Vì thế, muốn hướng dẫn chúng sanh khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng, ắt cần phải tự khen ngợi. Như Thích Ca Thế Tôn cũng tự khen ngợi rằng: “Ta là đấng Như Lai, Ứng Cúng, là bậc biết đạo, là bậc mở đạo, là bậc thuyết đạo” v.v... cũng là nhằm triệu tập trọn khắp các căn cơ, khiến cho họ sanh ý niệm thù thắng.

“Thầy của đức Quán Âm là Quán Âm Như Lai”: Kinh Lăng Nghiêm chép: “Trong quá khứ, ta gặp Quán Thế Âm Như Lai, đức Phật ấy dạy ta môn Như Huyền Văn Huân Văn Tu Kim Cang tam-muội”.

“Chỉ có Ngã là độc tôn”: Thái Tử Tất Đạt lúc mới giáng sanh, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, đi tròn khắp các phương, mỗi phương đều đi bảy bước, mắt nhìn bốn phương, nói: “Trên trời dưới đất, chỉ có Ngã là tôn quý”).

(Sớ) Vô Lượng Tướng giả, tướng hảo vô tận cố.

(Sao) Tướng hảo giả, hoặc tam thập nhị tướng, hoặc bát vạn tứ thiên tướng, hoặc vi trần tướng. Phước đức vô lượng, tướng diệc vô lượng dã. Tích Chí Công hiện thập nhất diện Quán Âm tướng, Tăng Diêu bất năng cử bút, huống Phật tướng hồ!

(Diễn) Chí Công hiện thập nhất diện giả, Lương Vũ Đế thường triệu họa công Trương Tăng Diêu tả Chí Công tượng. Chí Công dĩ chỉ phân phi diện môn, tác thập nhất diện Quán Âm tướng, hoặc từ, hoặc oai, hoặc Định, hoặc Huệ, Tăng Diêu cánh bất năng hạ bút.

(疏)無量相者，相好無盡故。

(鈔)相好者，或三十二相，或八萬四千相，或微塵相。福德無量，相亦無量也。昔誌公現十一面觀音相，僧繇不能舉筆，況佛相乎！

(演)誌公現十一面者，梁武帝嘗召畫工張僧繇寫誌公像。誌公以指分披面門，作十一面觀音相，或慈或威，或定或慧，僧繇竟不能下筆。

(Sớ) Vô Lượng Tướng (Amitālakṣaṇa) là tướng hảo vô tận.

Sao: “Tướng hảo”: Hoặc là ba mươi hai tướng, hoặc là tám vạn bốn ngàn tướng, hoặc tướng hảo nhiều như vi trần. Phước đức vô lượng, tướng cũng vô lượng. Xưa kia, ngài Bảo Chí Công hiện tướng Quán Âm mười một mặt, ông Tăng Diêu chẳng thể vẽ được, huống hồ là tướng Phật ư?

Diễn: “Chí Công hiện mười một mặt”: Lương Vũ Đế từng sai thợ vẽ Trương Tăng Diêu vẽ hình tượng Chí Công. Ngài Chí Công dùng ngón tay xoa mặt, biến thành hình tướng Quán Âm mười một mặt, hoặc từ bi, hoặc oai mãnh, hoặc Định, hoặc Huệ, Tăng Diêu tròn chẳng thể vẽ được).

(Sớ) Vô Lượng Tràng giả, công đức cao hiển, dụ chi như tràng. Cực kỳ cao hiển, danh vô lượng dã. Hựu vô lượng giả, quảng đa nghĩa.

(Sao) Tràng giả, phan thuộc, hựu vân kỳ thuộc. San Định Ký, tràng hữu thất nghĩa, ước chỉ thành ngũ. Nhất, cao hiển nghĩa, dụ Phật vị cực tôn cổ. Nhị, kiến lập nghĩa, dụ Phật bi trí, kiến lập chúng sanh, cập Bồ Đề cổ. Tam, quy hướng nghĩa, dụ Phật vị chúng sanh sở tông ngưỡng cổ. Tứ, tột diệt nghĩa, hàng phục nhất thiết chư ma quân cổ. Ngũ, diệt bố nghĩa. Như Đế Thích cáo chư thiên chúng: “Nhữ dữ Tu La chiến thời, thiết hữu khủng bố, đương niệm ngã thất bảo tràng, kỳ bố tức diệt”. Dụ Phật đắc vô sở úy, chúng sanh niệm Phật, tức ly khủng bố cổ. Kim duy thủ cao hiển nhất nghĩa, nhiếp dư nghĩa dã.

(Diễn) Kiến lập nghĩa giả, thượng dĩ đại trí kiến lập Bồ Đề, hạ dĩ đại bi kiến lập chúng sanh cổ.

(疏)無量幢者，功德高顯，喻之如幢。極其高顯，名無量也。又無量者，廣多義。

(鈔)幢者，幡屬，又云旗屬。刊定記，幢有七義，約之成五。一、高顯義，喻佛位極尊故。二、建立義，喻佛悲智，建立眾生，及菩提故。三、歸向義，喻佛為眾生所宗仰故。四、摧殄義，降伏一切諸魔軍故。五、滅怖義。如帝釋告諸天眾：汝與修羅戰時，設有恐怖，當念我七寶幢，其怖即滅。喻佛得無所畏，眾生念佛，即離恐怖故。今唯取高顯一義，攝餘義也。

(演)建立義者，上以大智建立菩提，下以大悲建立眾生故。

(Sớ: “Vô Lượng Tràng” (Amitādhvaja): Công đức cao vời, rõ rệt, ví như tràng. Cao vời, rõ rệt tột bậc thì gọi là “vô lượng”. “Vô lượng” lại có nghĩa là rộng nhiều.

Sao: Tràng thuộc loại phan, lại là một loại cờ. Theo San Định Ký, tràng có bảy nghĩa, nói giản ước thì thành năm nghĩa: Một là nghĩa cao hiển, ví như địa vị Phật tôn quý tột cùng. Hai là nghĩa kiến lập, ví như bi và trí của Phật kiến lập chúng sanh và Bồ Đề. Ba là ý nghĩa quy hướng, ví như Phật được chúng sanh kính trọng, ngưỡng mộ. Bốn là ý nghĩa đập tan, trừ sạch, hàng phục hết thầy các ma quân. Năm là ý nghĩa diệt trừ sự sợ hãi. Như Đế Thích bảo chư thiên: “Khi các ông cùng A Tu La giao chiến, nếu sợ hãi, hãy nên nghĩ tới tràng bảy báu của ta, nỗi sợ hãi ấy sẽ diệt”. Ví như Phật đắc vô sở úy (không sợ hãi điều gì), chúng sanh niệm

Phật bèn lia sợ hãi. Nay chỉ dùng một nghĩa là “cao hiển” để bao gồm những nghĩa khác.

Diễn: “Nghĩa kiến lập”: Trên là dùng đại trí tạo dựng Bồ Đề, dưới là dùng đại bi để dựng yên chúng sanh).

(Sao) Quảng đa giả, kỳ tràng đa nhi vô lượng. Như kinh ngôn: “Tràng phan, bảo cái, biến mãn hư không, Phật thụ vô lượng diệu nghĩa, chỉ thị chúng sanh, diệc phục như thị”.

(鈔)廣多者，其幢多而無量。如經言：幢旛寶蓋，遍滿虛空，佛豎無量妙義，指示眾生，亦復如是。

(Sao: “Rộng nhiều”: Tràng ấy nhiều vô lượng. Như kinh nói: “Tràng phan, lọng báu đầy khắp hư không, đức Phật kiến lập vô lượng nghĩa màu nhiệm để chỉ dạy chúng sanh cũng giống như thế”).

(Sớ) Đại Quang giả, quang huy quảng bị cố.

(Sao) Quang chỉ hóa tha chi Dụng. Chư thiên nhân diệc hữu thân quang, bất giả nhật nguyệt. Nhị Thừa tiểu quả, nhân địa Bồ Tát, giai hữu quang minh, tỷ Phật vi tiểu. Phật quang ánh tể nhất thiết, cố vân Đại dã.

(Diễn) Phật quang ánh tể nhất thiết giả, thiên nhân chi quang dẫn tể nhật nguyệt. Thanh Văn chi quang kiêm tể thiên nhân. Chi Phật chi quang kiêm tể Thanh Văn. Bồ Tát chi quang kiêm tể Chi Phật. Duy Phật quang minh, ánh tể nhất thiết chi đại quang dã.

(疏)大光者，光輝廣被故。

(鈔)光指化他之用。諸天人亦有身光，不假日月。二乘小果，因地菩薩，皆有光明，比佛為小。佛光映蔽一切，故云大也。

(演)佛光映蔽一切者，天人之光但蔽日月。聲聞之光兼蔽天人。支佛之光兼蔽聲聞。菩薩之光兼蔽支佛。唯佛光明，映蔽一切之大光也。

(Sớ: Đại Quang (Mahāprabhā) là chiếu sáng rực rỡ rộng khắp.

Sao: “Quang” là nói đến tác dụng hóa độ người khác. Thân các vị trời cũng có quang minh, chẳng cần nhờ đến mặt trời, mặt trăng [soi sáng]. Hàng Nhị Thừa tiểu quả, các Bồ Tát còn đang tu nhân đều có quang minh, nhưng nhỏ hơn quang minh của Phật. Quang minh của

Phật chiếu rọi, che lấp hết thảy [các ánh sáng khác], nên nói là “đại”.

Diễn: “Phật quang che lấp hết thảy”: Quang minh của chư thiên chỉ che lấp mặt trời, mặt trăng. Quang minh của Thanh Văn [ngoài che lấp mặt trời, mặt trăng], còn kèm thêm che lấp quang minh của chư thiên. Quang minh của Bích Chi Phật còn kèm thêm che lấp quang minh của Thanh Văn. Quang minh của Bồ Tát còn kèm thêm che lấp quang minh của Bích Chi Phật, chỉ có quang minh của Phật là to lớn che lấp hết thảy).

(Sớ) Đại Minh giả, vị Phật dĩ đại trí, phá chư Hoặc tận cố.

(Sao) Phá chư Hoặc tận giả, Nhất Thiết Trí, phá Kiến Tư Hoặc tận; Đạo Chung Trí, phá Trần Sa Hoặc tận; Nhất Thiết Chung Trí, phá Vô Minh Hoặc tận. Cảo nhật đương không, vô sở bất chiếu, vân Đại Minh dã. Tuy tiền tự giác tha, thử tự tự giác. Các cử nhất đức, nghĩa thật hồ cụ, như thượng tổng thuyết trung biện.

(Diễn) Kiến Tư Hoặc giả, kiến giả, nhược vân kiến Lý thời, năng đoạn thử Hoặc, tức từng giải đắc danh. Nhược vân kiến chỉ thị Giả, Giả giả bất thật vì nghĩa, tức đương thể thọ xưng. Tư Hoặc nhập tu đạo vị, trọng lự duyên chân, thử Hoặc tức trừ, danh Tư Duy Hoặc. Thử từng giải đắc danh. Nhược vân tư giả cập ái hoặc giả, thử đương thể thọ xưng. Nhiên Kiến Hoặc từng Pháp Trần khởi, năng chứng chân lý. Tư Hoặc từng ngũ trần khởi, năng khiến tam giới. Thử giai ước Dục Giới đa phần thuyết, tế luận bất câu. Trần Sa Hoặc giả, vị chúng sanh Kiến Tư số đa như trần sa, nãi tha nhân phận thượng chi Hoặc. Bồ Tát chỉ hạnh, chuyên vị hóa tha. Nhược linh chúng sanh năng đoạn Kiến Tư chi hoặc, ư Bồ Tát tức thị đoạn Trần Sa Hoặc, diệt danh Biệt Hoặc giả, biệt tại Bồ Tát sở đoạn cố dã. Vô Minh Hoặc giả, vị ư nhất thiết pháp vô sở minh liễu, cố viết vô minh. Thử Hoặc nãi nghiệp thức chủng tử, phiền não căn bản. Thanh Văn, Duyên Giác bất tri kỳ danh. Biệt tại Đại Thừa Bồ Tát, Định Huệ song tu, vạn hạnh cụ túc, phương đoạn thử Hoặc. Cố diệt danh Biệt Hoặc dã. Nội pháp, nội danh, ngoại pháp, ngoại danh, năng tri, năng giải, danh Nhất Thiết Trí. Năng tri nhất thiết đạo chung sai biệt, phân biệt vô lậu, danh Đạo Chung Trí. Phật trí trung tất song chiếu, tam trí cụ túc, danh Nhất Thiết Chung Trí. Thử tam trí thị quả, Tam Quán thị nhân. Thử Chung Tâm Yếu vân: “Không Quán giả, phá Kiến Tư Hoặc, chứng Nhất Thiết Trí, thành Bát Nhã đức. Giả Quán giả, phá Trần Sa Hoặc, chứng Đạo Chung Trí, thành Giải Thoát đức. Trung

Quán giả, phá Vô Minh Hoặc, chứng Nhất Thiết Chứng Trí, thành Pháp Thân đức”. Nhiên phi trí bất đoạn, phi đoạn bất trí. Tâm Yếu tiên ngôn phá Hoặc, hậu ngôn chứng trí. Thị phi đoạn bất thành trí dã. Kim Sao tiên ngôn trí chứng, hậu ngôn phá Hoặc giả, thị phi trí bất năng đoạn dã.

(疏)大明者，謂佛以大智，破諸惑盡故。

(鈔)破諸惑盡者。一切智，破見思惑盡；道種智，破塵沙惑盡；一切種智，破無明惑盡。杲日當空，無所不照，云大明也。雖前似覺他，此似自覺。各舉一德，義實互具，如上總說中辯。

(演)見思惑者，見者，若云見理時，能斷此惑，即從解得名。若云見祇是假，假者不實為義，即當體受稱。思惑入修道位，重慮緣真，此惑即除，名思惟惑。此從解得名。若云思假及愛惑者，此當體受稱。然見惑從法塵起，能障真理。思惑從五塵起，能牽三界。此皆約欲界多分說，細論不拘。塵沙惑者，謂眾生見思數多如塵沙，乃他人分上之惑。菩薩之行，專為化他。若令眾生能斷見思之惑，於菩薩即是斷塵沙惑，亦名別惑者，別在菩薩所斷故也。無明惑者，謂於一切法無所明了，故曰無明。此惑乃業識種子，煩惱根本。聲聞緣覺不知其名。別在大乘菩薩，定慧雙修，萬行具足，方斷此惑。故亦名別惑也。內法內名，外法外名，能知能解，名一切智。能知一切道種差別，分別無謬，名道種智。佛智中必雙照，三智具足，名一切種智。此三智是果，三觀是因。始終心要云：空觀者，破見思惑，證一切智，成般若德。假觀者，破塵沙惑，證道種智，成解脫德。中觀者，破無明惑，證一切種智，成法身德。然非智不斷，非斷不智。心要先言破惑，後言證智。是非斷不成智也。今鈔先言智證，後言破惑者。是非智不能斷也。

(Sớ: Đại Minh (Mahānirbhāsa) ý nói Phật dùng trí huệ phá sạch các Hoặc.

Sao: “Phá hết sạch các Hoặc”: Nhất Thiết Trí phá hết Kiến Tư Hoặc, Đạo Chứng Trí phá hết Trần Sa Hoặc. Nhất Thiết Chứng Trí phá hết Vô Minh Hoặc. Vầng mặt trời rạng rỡ giữa không trung, không đâu chẳng chiếu đến, bèn gọi là Đại Minh. Tuy vị Phật trước dường như là giác tha, vị Phật này dường như là tự giác, đối với mỗi vị Phật chỉ nêu một đức, nhưng vị nào cũng thật sự trọn vẹn các nghĩa ấy như đã biện định trong phần Tổng Thuyết thuộc phần trước.

Diễn: “Kiến Tư Hoặc”: Đối với Kiến Hoặc, nếu nói theo lúc thấy Lý, sẽ có thể đoạn loại Hoặc này, tức [danh xưng Kiến Hoặc] là từ Giải mà gọi tên. Nếu nói Kiến chỉ là giả, Giả có nghĩa là chẳng thật, tức là [phiền não này] được gọi tên theo Thê. Đối với Tư Hoặc, thì [khi hành nhân] dựa vào địa vị Tu Đạo, những mối ưu lự nặng nề đều duyên theo lẽ chân, bèn trừ khử phiền não này. Gọi nó là Tư Duy Hoặc chính là gọi tên theo Giải. Nếu nói Tư là giả và là Ái Hoặc thì phiền não này được gọi tên theo Thê. Nhưng Kiến Hoặc do Pháp Trần sanh khởi, có thể chướng ngại chân lý. Tư Hoặc do Ngũ Trần sanh khởi, có thể lôi kéo [chúng sanh] vào tam giới. Những điều này phần lớn là nói theo Dục Giới. Nếu luận định tỉ mỉ, sẽ chẳng hạn định trong một cõi nào [của tam giới].

Trần Sa Hoặc có nghĩa là Kiến Hoặc và Tư Hoặc của chúng sanh số lượng nhiều như cát bụi, thuộc về phiền hoặc của người khác. Hạnh Bồ Tát chuyên vì hóa độ người khác. Nếu có thể khiến cho chúng sanh đoạn trừ Kiến Tư Hoặc, thì đó chính là Bồ Tát đoạn Trần Sa Hoặc. [Phiền não này] còn gọi là Biệt Hoặc, vì nó [là phiền não] dành riêng cho Bồ Tát phải đoạn.

Vô Minh Hoặc có nghĩa là do chẳng hiểu rõ hết thấy các pháp, nên gọi là Vô Minh. Loại phiền não này chính là chủng tử của nghiệp thức, là căn bản phiền não. Thanh Văn và Duyên Giác chẳng biết đến danh xưng của phiền não này. Chỉ riêng Đại Thừa Bồ Tát cùng tu Định và Huệ, vạn hạnh trọn đủ, mới đoạn Hoặc này, cho nên nó cũng được gọi là Biệt Hoặc.

Đối với nội pháp, nội danh, ngoại pháp, ngoại danh, đều có thể biết, có thể hiểu, thì gọi là Nhất Thiết Trí. Có thể biết hết thấy các đạo chủng sai biệt, phân biệt chẳng sai lầm thì gọi là Đạo Chứng Trí. Trong Phật trí, ắt song chiếu, ba trí cùng trọn đủ, bèn gọi là Nhất Thiết Chứng Trí. Ba trí ấy chính là quả, ba phép Quán là nhân. Sách Thỉ Chung Tâm Yếu nói: “Không Quán phá Kiến Tư Hoặc, chứng Nhất Thiết Trí, thành Bát Nhã đức. Giả Quán phá Trần Sa Hoặc, chứng Đạo Chứng Trí, thành

Giải Thoát đức. Trung Quán phá Vô Minh Hoặc, chứng Nhất Thiết Chủng Trí, thành Pháp Thân đức”.

Nhưng chẳng có trí, sẽ chẳng thể đoạn; chẳng có đoạn, bèn chẳng có trí. Sách Tâm Yếu trước là nói đến chuyện phá Hoặc, sau là nói đến chuyện “chứng trí”; đó là [nói theo khía cạnh] “chẳng đoạn, sẽ không thể thành trí”. Nay lời Sao trước hết là nói đến chuyện chứng đắc trí, rồi mới nói đến chuyện phá Hoặc, là nói theo phương diện “chẳng có trí, sẽ không thể đoạn”).

(Sớ) Bảo Tướng giả, tướng hảo thù đặc, như bảo tôn quý cố.

(Sao) Tướng hảo như bảo giả, Phật hữu vô lượng tướng, cô cử nhất nhị. Mục tướng, như kinh ngôn: “Bát vạn tứ thiên thanh tịnh bảo mục”. Hào tướng, như kinh ngôn: “Lưu ly đồng”. Hung tướng, như kinh ngôn: “Tử ma kim”. Nhục kế tướng, như kinh ngôn: “Chân Thúc Ca”, giai sở vị bảo tướng dã.

(Diễn) Bát vạn tứ thiên thanh tịnh bảo mục giả, Lăng Nghiêm vân: “Do ngã hoạch đắc diệu diệu văn tâm, cố ngã năng hiện chúng đa diệu dung, nãi chí nhị mục, tam mục, tứ mục, cửu mục, bát vạn tứ thiên thanh tịnh bảo mục, hoặc từ, hoặc oai, hoặc Định, hoặc Huệ, cứu hộ chúng sanh đắc đại tự tại”. Hào tướng như lưu ly đồng giả, Như Lai hiện tướng, sơ sanh thời khiên trường ngũ xích, khổ hạnh thời trường nhất trượng tứ xích ngũ thốn. Thành đạo thời trường nhất trượng ngũ xích; trung không, ngoại minh, như lưu ly đồng.

(疏)寶相者，相好殊特，如寶尊貴故。

(鈔)相好如寶者，佛有無量相，姑舉一二。目相，如經言：八萬四千清淨寶目。毫相，如經言：琉璃筒。胸相，如經言：紫磨金。肉髻相，如經言：甄叔迦，皆所謂寶相也。

(演) 八萬四千清淨寶目者，楞嚴云：由我獲得妙妙聞心，故我能現眾多妙容，乃至二目三目，四目九目，八萬四千清淨寶目，或慈或威，或定或慧，救護眾生得大自在。毫相如琉璃筒者，如來現相，初生時牽長五尺，苦行時長一丈四尺五寸。成道時長一丈五尺；中空外明，如琉璃筒。

(Sớ: Bảo Tướng (Ratnalakṣaṇā) là tướng hảo thù thắng đặc biệt,

như chất báu tôn quý vậy.

Sao: “*Tướng hảo như chất báu*”: Phật có vô lượng tướng, chỉ nêu một, hai tướng. “*Tướng mắt*” là như kinh nói: “*Tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh*”. “*Tướng bạch hào*” là như kinh nói: “*Ông lưu ly*”. “*Tướng ngực*” là như kinh nói: “*Vàng tía được giới mài*”. “*Tướng nhục kế*” là như kinh nói: “*Chân Thúc Ca*”. Những tướng ấy đều được gọi là “*bảo tướng*”.

Diễn: “*Tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh*”: Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Do ta đạt được cái tâm diệu diệu văn, nên ta có thể hiện các thứ dung mạo nhiệm mầu, cho đến hai mắt, ba mắt, bốn mắt, chín mắt, tám vạn bốn ngàn mắt báu thanh tịnh, hoặc từ bi, hoặc oai mãnh, hoặc Định, hoặc Huệ, cứu giúp, bảo vệ chúng sanh đắc đại tự tại*”. “*Tướng bạch hào như ông lưu ly*”: Như Lai hiện tướng, lúc mới sanh, bạch hào kéo ra dài năm thước. Khi khổ hạnh, dài một trượng bốn thước năm tấc. Khi thành đạo, dài một trượng năm thước. Ở giữa rỗng, bên ngoài sáng ngời, như ông lưu ly vậy).

(Sớ) Tịnh Quang giả. Phật đức thanh tịnh, phát quang minh cố. Hữu kỳ quang thanh tịnh, danh Tịnh Quang cố.

(Sao) Thanh tịnh phát quang giả, hữu nhiễm chi trí, bất phát diệu quang. Phật đức chí tịnh, xuất đại quang minh, thí như kính thể thanh tịnh, năng giám hình cố. Kỳ quang thanh tịnh giả, thí như dã thiêu, diệc hữu quang minh, tỷ chi nhật nguyệt, bất danh tịnh cố.

(Diễn) Hữu nhiễm chi trí, bất phát diệu quang giả. Ngoại đạo tà trí, Nhị Thừa thiên trí, giai vô minh vi Thể, bất phát diệu quang. Phật nãi ngũ trụ cứu tận, tịnh cực quang thông đạt dã.

(疏)淨光者，佛德清淨，發光明故。又其光清淨，名淨光故。

(鈔)清淨發光者，有染之智，不發妙光。佛德至淨，出大光明，譬如鏡體清淨，能鑑形故。其光清淨者，譬如野燒，亦有光明，比之日月，不名淨故。

(演)有染之智，不發妙光者。外道邪智，二乘偏智，皆無明為體，不發妙光。佛乃五住究盡，淨極光通達也。

(Sớ) Tịnh Quang (Śuddharaśmi-prabhā): Phật đức thanh tịnh, nên phát ra quang minh. Quang minh ấy lại thanh tịnh nên gọi là Tịnh Quang.

Sao: “Do thanh tịnh nên phát ra quang minh”: Trí bị nhiễm sẽ chẳng phát ra diệu quang. Phật đức thanh tịnh tột bậc, tỏa đại quang minh, ví như do cái Thể của gương là thanh tịnh, cho nên có thể chiếu soi hình tướng.

“Quang minh ấy thanh tịnh”: Ví như đốt rẫy, [lửa đốt đồng ấy] cũng có quang minh, nhưng so với mặt trời, mặt trăng thì [quang minh ấy] chẳng thể gọi là tịnh được.

Diễn: “Trí bị nhiễm, sẽ chẳng phát ra diệu quang”: Trí tà vạy của ngoại đạo và trí lệch lạc của Nhị Thừa đều dùng vô minh làm Thể, chẳng phát ra diệu quang. Phật đã thấu suốt tột cùng Ngũ Tru, tịnh đến cùng cực, quang minh bền thông đạt).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh thanh tịnh bất khả tận, thị Tây phương Hằng sa Phật nghĩa.

(Diễn) Tự tánh thanh tịnh giả, dĩ tánh ly hoặc nhiễm, tòng bốn dĩ lai, nhất thiết nhiễm pháp bất tương ứng cố.

(疏)稱理，則自性清淨不可盡，是西方恆沙佛義。

(演)自性清淨者，以性離惑染，從本以來，一切染法不相應故。

(Sớ) Xưng Lý thì tự tánh thanh tịnh chẳng thể tận, là ý nghĩa của Hằng sa Phật ở Tây phương.

Diễn: “Tự tánh thanh tịnh”: Do tánh là Hoặc nhiễm, trước nay vốn chẳng tương ứng với hết thảy các nhiễm pháp).

(Sao) Tây Phương nghĩa kiến tiền giải, lương dĩ Chân Như tự thể, trạm nhược hư không, tuyệt điểm thuần thanh, tăng hà nhai tế. Tiêm trần sạ khởi, Phật diệt đa thời. Tâm cấu đồn trừ, cổ Phật tùy hiện.

(Diễn) Trạm nhược hư không giả, như thật không trung, ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng, vô hư vọng tâm niệm cố, tăng hà nhai tế giả. Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới, vô sở bất biến cố.

(鈔)西方義見前解，良以真如自體，湛若虛空，絕點純清，曾何涯際。纖塵乍起，佛滅多時。心垢頓除，古佛隨現。

(演)湛若虛空者，如實空中，離一切法差別之相，無

虛妄心念故，曾何涯際者。離念相者，等虛空界，無所不遍故。

(Sao: Đối với ý nghĩa của Tây Phương, hãy xem lời giải thích trong phần trước, ấy là vì tự thể của Chân Như lặng trong như hư không, thuần thanh tốt bậc, chẳng hề có ngăn mé. Mấy trần vừa dấy lên thì Phật đã diệt từ lâu. Chết dơ trong tâm vừa trừ, cổ Phật liền hiện.

Diễn: “Lặng trong như hư không”: Trong cái Không như thật, là tướng sai biệt của hết thấy các pháp, do chẳng có tâm hư vọng, há từng có ngăn mé ư? Là tướng niệm, bằng với hư không giới, không gì chẳng trọn khắp vậy).

Nhị, hiện tướng biểu chân.

(Kinh) Các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới.

二、現相表真。

(經)各於其國，出廣長舌相，遍覆三千大千世界。

(Hai, hiện tướng để biểu thị sự chân thật.

Kinh: Mỗi vị đều ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới).

Tam, phát ngôn khuyến tín.

(Kinh) Thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

三、發言勸信。

(經)說誠實言：汝等眾生，當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Kinh: Nói lời thành thật: “Chúng sanh các ông hãy nên tin tưởng kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Tứ, Bắc phương (tam): Sơ, liệt danh hiển quảng. Nhị, hiện tướng biểu chân. Tam, phát ngôn khuyến tín.

Sơ, liệt danh hiển quảng.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bắc phương thế giới, hữu Diệm Kiên Phật, Tỏi Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Vông Minh Phật,

như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(Sớ) Diệm Kiên giả, giải kiến tiền văn.

(Sao) Tiền hữu Đại tự, nghĩa vô ưu liệt.

四、北方(三)：初、列名顯廣。二、現相表真。三、發言勸信。

初、列名顯廣。

(經)舍利弗！北方世界，有皀肩佛，最勝音佛，難沮佛，日生佛，網明佛，如是等恆河沙數諸佛。

(疏)皀肩者，解見前文。

(鈔)前有大字，義無優劣。

(Bốn, phương Bắc (gồm ba phần): Một là nêu tên để hiển thị sự rộng lớn. Hai là hiện tướng để biểu thị sự chân thật. Ba là thốt lời khuyên hãy tin tưởng.

Trước hết là nêu tên để hiển thị sự rộng lớn.

Kinh: Xá Lợi Phất! Thế giới phương Bắc có Diệm Kiên Phật, Tới Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Vãng Minh Phật, Hằng hà sa số chư Phật như thế.

Sớ: “Diệm Kiên” (Arciskāndha): Xem lời giải thích trong phần trước.

Sao: [Danh hiệu của vị Phật] trong phần trước có chữ Đại, [trong đoạn này không có], nhưng ý nghĩa chẳng hơn kém).

(Sớ) Tới Thắng Âm giả, Phật âm cực hảo, nhất thiết âm thanh vô năng cập cổ.

(Sao) Phật hữu bát âm: Nhất, cực hảo âm. Nhị, nhu nhuyễn âm, nãi chí bát bất kiệt âm. Kim cử cực hảo, dĩ thích tối thắng, diệt khả bát âm kiêm bị, cổ danh Tới Thắng, tắc nhất thiết thiên, nhân, Thanh Văn, Bồ Tát sở bất năng cập dã.

(Diễn) Bát âm giả: Nhất nhị, như văn. Tam, hòa thích âm. Tứ, tôn huệ âm. Ngũ, bất nữ. Lục, bất ngộ. Thất, thâm viễn. Bát, như văn.

(疏)最勝音者，佛音極好，一切音聲無能及故。

(鈔)佛有八音：一、極好音。二、柔軟音，乃至八不竭音。今據極好，以釋最勝，亦可八音兼備，故名最勝，則一切天人，聲聞菩薩所不能及也。

(演)八音者：一二、如文。三、和適音。四、尊慧音。五、不女。六、不誤。七、深遠。八、如文。

(Sớ: Tới Thắng Âm (Vaiśvānaranirghoṣa): Âm thanh của Phật hay đẹp tốt bậc, hết thảy các âm thanh chẳng thể sánh bằng.

Sao: Phật có tám âm: Một là âm thanh tốt đẹp cùng cực. Hai là âm thanh mềm mại, cho đến điều thứ tám là âm thanh chẳng cạn kiệt. Nay dựa trên [ý nghĩa] Cực Hảo để giải thích chữ Tới Thắng, mà cũng có thể dùng trọn cả tám loại âm thanh để giải thích. Do vậy, gọi là Tới Thắng, vì hết thảy người, trời, Thanh Văn, Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng.

Diễn: “Tám âm”: Điều thứ nhất và thứ nhì giống như trong lời Sao [đã chép, tức là âm thanh tốt đẹp cùng cực và âm thanh mềm mại], ba là âm thanh hòa hoãn, thích hợp, bốn là âm thanh trí huệ cao quý, năm là chẳng có âm hưởng nữ nhân, sáu là chẳng sai lầm, bảy là sâu xa, điều thứ tám giống như trong lời Sao [tức là âm thanh chẳng cạn kiệt]).

(Sớ) Nan Trở giả, Phật đức kiên mật, bất khả hoại cố.

(Sao) Trở giả, thủy danh. Phật chứng Pháp Thân, dĩ đắc Kim Cang bất hoại chi thể, cánh vô dư Hoặc. Phiền não hoành lưu, mặc năng xung dăng. Cố viết: Nan Trở. Tích nhân vị: “Ngô kỳ chiêu hô”, nan trở giả, do ngôn bất khả chiêu dã. Hựu Trở trở thông dụng, chỉ át dã.

(Diễn) “Ngô kỳ chiêu hô” giả, Tử Tư ngôn: “Việt thập niên sanh tụ, thập niên giáo huấn, nhị thập niên hậu, Ngô kỳ chiêu hô”. Chỉ át giả, Phật chứng Pháp Thân, đắc vô tận tạng. Sở hữu thần thông, diệu dụng, bất khả chỉ át dã. Thượng nghĩa ước Thể, thử nghĩa ước Dụng.

(疏)難沮者，佛德堅密，不可壞故。

(鈔)沮者，水名。佛證法身，已得金剛，不壞之體，更無餘惑。煩惱橫流，莫能衝蕩。故曰：難沮。昔人謂：吳其沼乎，難沮者，猶言不可沼也。又沮阻通用，止遏也。

(演)吳其沼乎者，子胥言：越十年生聚，十年教訓，二十年後，吳其沼乎。止遏者，佛證法身，得無盡藏。所

有神通妙用，不可止遏也。上義約體，此義約用。

(Sớ: Nan Trở (Duspradharsa) là Phật đức cứng chắc, kín đáo, chẳng thể phá hoại được.

Sao: Trở là tên một con sông. Phật chứng Pháp Thân, đã đắc cái thể kim cang bất hoại, chẳng còn sót phiền hoặc; dòng lũ phiền não chẳng thể dâng tràn được. Vì thế nói là Nan Trở. Người xưa nói: “Nước Ngô trở thành cái ao của họ ư?” Đó là ngăn trở vậy, ví như [can ngăn] chẳng để cho nước Ngô biến thành cái ao của nước Việt. Chữ Trở (沮) và Trở (阻) lại được dùng lẫn cho nhau, [cùng có nghĩa] là ngăn dứt.

Diễn: “Nước Ngô trở thành cái ao của họ ư?” Ngũ Tử Tư (Ngũ Viên) [can ngăn Ngô Vương Phù Sai] nói: “Nước Việt bồi dưỡng thực lực mười năm, trải qua mười năm giáo huấn, hai mươi năm sau, nước Ngô sẽ trở thành cái ao của họ ư?” “Ngăn dứt”: Phật chứng Pháp Thân, đắc Vô Tận Tạng, tất cả thân thông diệu dụng, chẳng thể ngăn dứt được. Nghĩa trước là nói theo Thể, nghĩa này nói theo Dụng).

(Sớ) Nhật Sanh giả, Phật quang sơ hiện, như nhật sơ thăng đã, kiêm nhị lợi thuyết.

(Sao) Nhị lợi giả: Nhật giả, tự lợi, chúng sanh Bốn Giác, phú tại vô minh. Như đại dạ trung, nhật quang bất hiện. Phá Hoặc, hiển Trí, Thỉ Giác lăng chiếu, như nhật Đông sanh cổ. Nhị giả, lợi tha, Hoa Nghiêm nhị thập tam kinh vân: “Thí như nhật thiên tử, bất dĩ sanh manh bất kiến cổ, ẩn nhi bất hiện. Bất dĩ Càn Thát Bà thành, A Tu La thủ, Diêm Phù Đề thụ, sùng nham, thúy cốc, trần, vụ, yên, vân đẳng vật phú chương cổ, ẩn nhi bất hiện. Bất dĩ thời tiết cải biến cổ, ẩn nhi bất hiện”. Dụ Phật thỉ thành Chánh Giác, thuyết pháp lợi sanh, huệ quang phổ chiếu, như nhật Đông sanh cổ.

(Diễn) “Thí như nhật thiên tử” hạ, nhật luân phổ chiếu dụ đã. Dụ ngộ ác bất tức lợi ích. Kinh trung hợp pháp vân: Bất dĩ chúng sanh kỳ tánh tệ ác, tà kiến sân trước, nan khả điều phục, tiện tức khí xả, bất tu hồi hướng. Bất dĩ chúng sanh bất tri báo ân, thoái Bồ Tát hạnh, bất dĩ phàm ngu cộng đồng nhất xứ, xả ly nhất thiết như thật thiện căn. Bất dĩ chúng sanh sở khởi quá ác, nan khả nhẫn thọ, nhi ư bỉ sở, sanh bì yếm tâm. Thích viết: Tệ ác hợp sanh manh, tà kiến hợp Càn Thát Bà thành, linh nhân vọng vị vi thật cổ. Sân trước hợp Tu La thủ, nhật vi Đế Thích tiên phong. Bĩ sân cổ, phú chương đã. Bất tri ân, hợp Diêm Phù thụ, sùng nham, thúy cốc. Phàm ngu cộng đồng

nhất xứ, hợp trần, vụ, yên, vân. Dĩ vân vụ năng biến hư không, do bị phạm ngu đồng nhất xứ trụ cố. Chúng sanh số khởi quá ác, hợp thời tiết cải biến. Vị tần khởi quá thối, sạ thiện, sạ ác, như bỉ trú dạ âm dương dịch độ đẳng.

(疏)日生者，佛光初現，如日初升也，兼二利說。

(鈔)二利者：一者，自利，眾生本覺，覆在無明。如大夜中，日光不現。破惑顯智，始覺朗照，如日東生故。二者，利他，華嚴二十三經云：譬如日天子，不以生盲不見故，隱而不現。不以乾闥婆城，阿脩羅手，閻浮提樹，崇巖邃谷，塵霧煙雲等物覆障故，隱而不現。不以時節改變故，隱而不現。喻佛始成正覺，說法利生，慧光普照，如日東生故。

(演)譬如日天子下，日輪普照喻也。喻遇惡不息利益。經中合法云：不以眾生其性弊惡，邪見嗔濁，難可調伏，便即棄捨，不修回向。不以眾生不知報恩，退菩薩行，不以凡愚共同一處，捨離一切如實善根。不以眾生數起過惡，難可忍受，而於彼所，生疲厭心。釋曰：弊惡合生盲，邪見合乾闥婆城，令人妄謂為實故。瞋濁合修羅手，日為帝釋先鋒。彼嗔故，覆障也。不知恩，合閻浮樹，崇巖邃谷。凡愚共同一處，合塵霧煙雲。以雲霧能遍虛空，猶彼凡愚同一處住故。眾生數起過惡，合時節改變。謂頻起過忒，乍善乍惡，如彼晝夜陰陽易度等。

(Sớ: Nhật Sanh (Ādityasambhava): Phật quang vừa mới hiện, như mặt trời vừa mọc, nói kèm thêm hai điều lợi.

Sao: “Hai điều lợi”:

- Một là tự lợi. Bốn Giác của chúng sanh bị vô minh che lấp, như trong đêm sâu, ánh sáng mặt trời chẳng hiện. Phá phiền não, hiển lộ trí huệ, Thử Giác chiếu rạng ngời, như mặt trời mọc từ phía Đông.

- Hai là lợi tha. Kinh Hoa Nghiêm quyển thứ hai mươi ba chép: “Như nhật thiên tử (mặt trời) chẳng vì kẻ đui mù từ lúc lọt lòng không trông thấy mà ẩn mất chẳng hiện. Chẳng vì các vật như thành Càn Thát Bà, tay A Tu La, cây Diêm Phù Đề, vách đá cao, hang sâu, bụi bặm,

sương mù, khói, mây v.v... che ngăn, bèn ẩn mất chẳng hiện. Chẳng vì thời tiết biến đổi mà ẩn mất chẳng hiện”. Ví như đức Phật lúc vừa mới thành Chánh Giác, thuyết pháp lợi sanh, huệ quang chiếu trọn khắp, giống như mặt trời mọc từ phương Đông.

Diễn: Từ câu “ví như nhật thiên tử” trở đi, ví như vàng mặt trời chiếu trọn khắp, sánh ví [chư Phật] dẫu gặp kẻ ác vẫn tạo lợi ích chẳng ngót. Phối ứng [những tỷ dụ đã nói trong kinh Hoa Nghiêm] với những pháp được biểu thị bèn nói: Chẳng vì căn tánh của chúng sanh tệ ác, tà kiến, sân hận, dơ bẩn, khó thể điều phục rồi liền vứt bỏ họ, chẳng tu hồi hướng. Chẳng vì chúng sanh không biết báo ân mà lui sụt Bồ Tát hạnh. Chẳng vì ở chung với phàm ngu cùng một chỗ mà bỏ lìa hết thấy thiện căn như thật. Chẳng vì chúng sanh nhiều lượt phạm lỗi, tạo ác, khó thể chịu đựng, mà sanh tâm chán nhàm đối với họ.

Giải rằng: “Tệ ác” ứng với kẻ mù từ lúc lọt lòng. “Tà kiến” ứng với thành Càn Thát Bà, do nó khiến cho người ta lầm tưởng là có thật. Sân hận, dơ bẩn ứng với tay A Tu La. Mặt trời là tiên phong của Đế Thích, A Tu La do sân hận bèn che lấp nó.

“Chẳng biết ân” ứng với cây Diêm Phù, vách đá cao, hang sâu. “Cùng ở chung với phàm ngu một chỗ” ứng với bụi bặm, sương mù, khói, mây, vì mây, sương mù có thể phủ khắp hư không, giống như ở cùng một chỗ với kẻ phàm ngu.

“Chúng sanh nhiều lượt tạo lỗi, làm ác”, ứng với thời tiết biến đổi, nghĩa là liên tiếp phạm lầm lỗi, thoát thiện, thoát ác, như ngày, đêm, âm, dương thay đổi v.v...)

(Sớ) Vãng Minh giả, trí như bảo vãng, biến chiếu chúng sanh cố.

(Sao) Vãng giả, tức Phạm vãng thiên châu. Thiên châu giao ánh, quang minh đồng triệt, như Phật trí biến phủ chúng sanh, vô sở bất chiếu cố. Hựu chủng chủng pháp môn, hồ tương dung triệt, giác quần mê cố.

(Diễn) Phạm vãng thiên châu giả, Đại Phạm thiên cung hữu vãng la tràng, hồng quang hồ xạ, thái sắc giao huy. Thời Phật quán chư la vãng, nhân vị thuyết vô lượng thế giới, do như vãng không, các các bất đồng, biệt dị vô lượng. Phật giáo môn diệc phục như thị đẳng. Hựu chủng chủng pháp môn hồ tương dung triệt giả, nhất môn thiệp nhập vô lượng môn, vô lượng môn thiệp nhập nhất môn dã. Thượng nghĩa ước biến phủ thuyết, thử nghĩa ước giao dung thuyết.

(疏)網明者，智如寶網，遍照眾生故。

(鈔)網者，即梵網千珠。千珠交映，光明洞徹，如佛智遍覆眾生，無所不照故。又種種法門，互相融徹，覺群迷故。

(演)梵網千珠者，大梵天宮有網羅幢，紅光互射，彩色交輝。時佛觀諸羅網，因為說無量世界，猶如網孔，各各不同，別異無量。佛教門亦復如是等。又種種法門互相融徹者，一門涉入無量門，無量門涉入一門也。上義約遍覆說，此義約交融說。

(Sớ: *Võng Minh (Jālinīprabha): Trí như lưới báu, vì chiếu khắp chúng sanh.*

Sao: “Võng” là cái lưới có ngàn hạt châu của Phạm Thiên. Ngàn hạt châu chiếu rọi lẫn nhau, quang minh chiếu thấu suốt, như trí Phật bao trùm khắp chúng sanh, không gì chẳng chiếu tới. Lại nữa, các thứ pháp môn dung thông, thấu triệt lẫn nhau, giác ngộ những kẻ mê muội.

Diễn: “Cái lưới ngàn viên châu của Phạm Thiên”: Trong cung của Đại Phạm Thiên có võng la tràng, tỏa ra ánh sáng màu đỏ xen lẫn, màu sắc rực rỡ chiếu xen. Khi ấy, đức Phật quán màn lưới ấy, bèn vì đó nói vô lượng thế giới ví như những mắt lưới, mỗi mỗi đều khác nhau, khác biệt vô lượng. Giáo môn (các pháp môn) của đức Phật cũng giống như vậy. Lại nữa, các pháp môn dung thông, thấu triệt lẫn nhau. Một môn tấn nhập vô lượng môn, vô lượng môn tấn nhập một môn. Nghĩa trước là nói theo phương diện trùm khắp, nghĩa sau là nói theo phương diện dung thông lẫn nhau).

(Sớ) *Xưng Lý, tắc tự tánh hàm nhiếp bất khả tận, thị Bắc phương Hằng sa Phật nghĩa.*

(Diễn) *Tự tánh hàm nhiếp bất khả tận giả, tịnh pháp mãn túc vô hữu sở thiếu, yểu mạc biên nhai, tuyệt chư phân lượng dã.*

(疏)稱理，則自性含攝不可盡，是北方恆沙佛義。

(演)自性含攝不可盡者，淨法滿足無有所少，杳莫邊涯，絕諸分量也。

(Sớ: *Xưng Lý, tự tánh hàm nhiếp chẳng thể tận chính là ý nghĩa phương Bắc có Hằng sa Phật.*

Diễn: “Tự tánh hàm nhiếp chẳng thể tận”: Tịnh pháp trọn đủ, chẳng hề thiếu khuyết, mệnh mang không bờ bến, dứt tuyệt các ngăn hạn).

(Sao) Bắc phương vi Đông, Đông chủ tàng. Vạn vật chi sở thành chung, nhi sở thành thử dã. Kim tắc bách thiên pháp môn, đồng quy phương thốn. Vô biên đức dụng, tổng tại tâm nguyên. Mịch chi tắc vô tướng, vô hình. Xuất chi tắc vô cùng, vô tận. Bốn lai cụ túc, bất giả tha cầu. Thị cố chúng sanh tâm, tức danh Như Lai Tạng.

(Diễn) Vạn vật chi sở thành chung, thành thử giả, u thời, tắc vi quần âm bác tận, nhất dương phục sanh. U vật, tắc vi thật lý cụ bị, sanh dụng chi nguyên. U nhân, tắc vi trí nhi vi chúng sự chi căn. Bách thiên pháp môn thị Bát Nhã đức, vô biên đức dụng thị Giải Thoát đức, đồng quy phương thốn tổng tại tâm nguyên. Thị tổng nhất Pháp Thân đức dã. Mịch chi tắc vô tướng, vô hình giả. Dĩ tự tánh phi hữu tướng, phi vô tướng, phi phi hữu phi vô tướng, phi diệt hữu diệt vô tướng, phi nhất tướng, phi dị tướng, phi câu phi tướng, phi nhất dị câu tướng, viển ly nhất thiết chư tướng cố. Xuất chi, tắc vô cùng vô tận giả. Thử viên giác tánh, bốn hữu quá trần sa chi diệu dụng, tiềm hưng, mật ửng, vô hữu hựu tức, vô hữu cùng tận cố. Bốn lai cụ túc, bất giả tha cầu giả, vọng tâm ngoại niệm, cầu chi bất tận, tịnh đức tánh mãn, vô giả ngoại cầu dã. Chúng sanh tâm, tức phàm phu bốn cụ Tánh Đức. Như Lai Tạng, thị quả Phật viên minh chi Thể, nhi chúng sanh Tánh Đức chi Phật, phi tự, phi tha, phi nhân, phi quả, tức thị viên thường đại giác chi Thể. Cố tức danh Như Lai Tạng. Hựu chúng sanh tâm giả, tức thị sanh diệt môn trung bất giác nghĩa. Y nhất niệm vô minh, toại thành nghiệp thức, phục tùng nghiệp thức, chuyển khởi sự thức. Dĩ tùy sự ban duyên, phân biệt lục trần, thị chúng sanh tâm tướng dã. Hựu Như Lai Tạng giả, tức thị sanh diệt môn trung giác nghĩa, vị tâm thể ly niệm, pháp giới nhất tướng, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân. Thị tức danh vi Như Lai Tạng dã. Nhi chúng sanh tâm, tức danh Như Lai Tạng giả, dĩ bất giác tâm bất ly Bốn Giác cố. Luận vân: “Nhược ly giác tánh, tắc vô bất giác. Nhược ly bất giác chi tâm, diệt vô chân giác tự tướng khả thuyết”. Hựu vân: “Thí như chúng chủng ngũa khí, giai đồng vi trần tánh tướng. Như thị vô lậu vô minh chủng chủng nghiệp huyễn, giai đồng Chân Như tánh tướng”, thị dã.

(鈔)北方為冬，冬主藏。萬物之所成終，而所成始

也。今則百千法門，同歸方寸。無邊德用，總在心源。覓之則無相無形。出之則無窮無盡。本來具足，不假他求。是故眾生心，即名如來藏。

(演)萬物之所成終成始者，於時，則為群陰剝盡，一陽復生。於物，則為實理具備，生育之原。於人，則為智而為眾事之幹。百千法門是般若德，無邊德用是解脫德，同歸方寸總在心源。是總一法身德也。覓之則無相無形者。以自性非有相，非無相，非非有非無相，非亦有亦無相，非一相，非異相，非俱非相，非一異俱相，遠離一切諸相故。出之，則無窮無盡者。此圓覺性，本有過塵沙之妙用，潛興密應，無有休息，無有窮盡故。本來具足，不假他求者，妄心外念，求之不盡，淨德性滿，無假外求也。眾生心，即凡夫本具性德。如來藏，是果佛圓明之體，而眾生性德之佛，非自非他，非因非果，即是圓常大覺之體。故即名如來藏。又眾生心者，即是生滅門中不覺義。依一念無明，遂成業識，復從業識，轉起事識。以隨事扳緣，分別六塵，是眾生心相也。又如來藏者，即是生滅門中覺義，謂心體離念，法界一相，即是如來平等法身。是即名為如來藏也。而眾生心，即名如來藏者，以不覺心不離本覺故。論云：若離覺性，則無不覺。若離不覺之心，亦無真覺自相可說。又云：譬如種種瓦器，皆同微塵性相，如是無漏無明種種業幻，皆同真如性相，是也。

(Sao: *Phương Bắc là mùa Đông. Mùa Đông chuyên chủ thu tàng. Đối với muôn vật, [mùa Đông] là kết thúc của sự sanh thành, mà cũng là khởi đầu cho sự sanh thành. Nay trăm ngàn pháp môn cùng quy vào một tác vương (chân tâm); vô biên đức dụng đều ở trong nguồn tâm. Tìm thì vô tướng, vô hình; khởi tác dụng bèn vô cùng, vô tận. Vốn sẵn trọn đủ, chẳng phải cầu chi khác. Vì thế, cái tâm của chúng sanh được gọi là Như Lai Tạng.*

Diễn: “Kết thúc của sự sanh thành mà cũng là khởi đầu của sự sanh thành”: Đối với thời gian, khi các Âm đã hết sạch, một Dương lại

sanh. Đối với vật thì Thật Lý trọn đủ chính là nguồn cội của sự sanh trưởng. Đối với người thì trí là then chốt của các sự. Trăm ngàn pháp môn là Bát Nhã đức, vô biên đức dụng là Giải Thoát đức, “cùng quy vào một tác vương” trong một nguồn tâm, tức là gộp tất cả vào Pháp Thân đức.

“Tìm thì vô tướng, vô hình”: Do tự tánh chẳng phải là có tướng, chẳng phải là vô tướng, chẳng phải là tướng ‘chẳng phải có, chẳng phải không’, cũng chẳng phải là “vừa có tướng, vừa không tướng”, chẳng phải là một tướng, chẳng phải là khác tướng, chẳng phải là ‘không phải là một tướng, không phải là khác tướng’, cũng chẳng phải ‘vừa là một tướng, vừa khác tướng’ vì tự tánh xa lìa hết thảy các tướng vậy.

“Khởi tác dụng bèn vô cùng, vô tận”: Tánh viên giác ấy vốn có diệu dụng nhiều hơn cát, bụi, thậm hưng khởi, ngậm ứng hợp, chẳng hề ngưng nghỉ, chẳng có cùng tận. “Vốn sẵn trọn đủ, chẳng cần phải cầu chi khác”: Tâm niệm hư vọng hướng ra ngoài để cầu thì [dầu cầu cách mấy], cũng vẫn chẳng trọn hết được. Tánh trọn đủ tịnh đức, chẳng cần phải cầu từ bên ngoài. “Tâm chúng sanh” chính là Tánh Đức vốn sẵn có của phàm phu. Như Lai Tạng là cái Thể viên minh của Quả Phật, là vị Phật nơi Tánh Đức của chúng sanh, chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, tức là cái Thể của đại giác viên thường. Vì thế, gọi là Như Lai Tạng.

Lại nữa, tâm chúng sanh chính là ý nghĩa Bất Giác trong Sanh Diệt môn. Do nương theo một niệm vô minh, bèn thành nghiệp thức. Lại từ nghiệp thức, chuyển biến, dậy lên sự thức. Do phan duyên theo Sự mà phân biệt sáu trần. Đó là cái tướng của tâm chúng sanh.

Lại nữa, Như Lai Tạng chính là ý nghĩa Giác trong Sanh Diệt môn, ý nói: Tâm thể ly niệm, pháp giới nhất tướng chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai. Đó gọi là Như Lai Tạng. Nhưng tâm chúng sanh được gọi là Như Lai Tạng là vì cái tâm bất giác chẳng lìa Bản Giác. Luận nói: “Nếu lìa giác tánh thì chẳng có bất giác. Nếu lìa cái tâm bất giác, cũng chẳng có tự tướng của chân giác để có thể nói được!” Luận lại nói: “Ví như các món đồ bằng sành đều có cùng tánh và tướng với vi trần, các thứ nghiệp vô lậu vô minh hư huyền như vậy, đều có cùng tánh và tướng với Chân Như” chính là nói về ý này).

Nhị, hiện tướng biểu chân.

(Kinh) Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phú tam thiên đại thiên thể giới.

二、現相表真。

(經)各於其國，出廣長舌相，遍覆三千大千世界。

(Hai, hiện tướng biểu thị sự chân thật.

Kinh: Mỗi vị đều ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới).

Tam, phát ngôn khuyến tín.

(Kinh) **Thuyết thành thật ngôn:** “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

三、發言勸信。

(經)說誠實言：汝等眾生，當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Ba, thốt lời khuyên hãy tin tưởng.

Kinh: Nói lời thành thật: “Chúng sanh các ông hãy nên tin tưởng kinh Khen Ngợi Công Đức Chưởng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Ngũ, hạ phương (tam): Sơ, liệt danh hiển quảng. Nhị, hiện tướng biểu chân. Tam, phát ngôn khuyến tín.

Sơ, liệt danh hiển quảng.

(Kinh) **Xá Lợi Phất!** Hạ phương thế giới, hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(Sớ) Sư Tử giả, như sư tử phục quần thú cổ.

(Sao) Sư tử nhị nghĩa: Nhất giả, sư tử chúng thú trung vương, du hành vô úy, như Phật phạm thánh độc tôn, xuất nhập tam giới tự tại vô ngại cố. Nhị giả, sư tử nhất hống, bách thú úy cụ, như Phật thuyết pháp, thiên ma ngoại đạo giai tín phục cố. Hựu vô ngũ chủng bố, cụ tứ vô úy, giai sư tử nghĩa.

(Diễn) Xuất nhập tam giới tự tại vô ngại giả, phạm phu nhập tam giới, vị sanh tử phục, bất đắc tự tại. Nhị Thừa xuất tam giới, vị Niết Bàn phục, bất đắc tự tại. Phật bi trí song hành, vãng lai tự tại cố. Sư tử nhất hống, bách thú úy cụ giả, Vĩnh Gia vân: “Sư tử hống, vô úy thuyết, bách thú văn chỉ giai nào liệt. Hương tượng bốn ba thất khước oai, thiên long tịch tịnh sanh hân duyệt”. Ngũ chủng bố giả:

Nhất, bất hoạt. Nhị, ác danh. Tam, tử. Tứ, ác đạo. Ngũ, oai đức. Tứ vô úy giả: Nhất, nhất thiết trí vô úy. Nhị, lậu tận vô úy. Tam, quyết nghị vô úy. Tứ, thuyết khổ tận đạo vô úy.

五、下方(三)：初、列名顯廣。二、現相表真。三、發言勸信。

初、列名顯廣。

(經)舍利弗！下方世界，有師子佛，名聞佛，名光佛，達摩佛，法幢佛，持法佛，如是等恆河沙數諸佛。

(疏)師子者，如師子伏群獸故。

(鈔)師子二義：一者，師子眾獸中王，遊行無畏，如佛凡聖獨尊，出入三界自在無礙故。二者，師子一吼，百獸畏懼，如佛說法，天魔外道皆信服故。又無五種怖，具四無畏，皆師子義。

(演)出入三界自在無礙者，凡夫入三界，為生死縛，不得自在。二乘出三界，為涅槃縛，不得自在。佛悲智雙行，往來自在故。師子一吼，百獸畏懼者，永嘉云：師子吼，無畏說，百獸聞之皆腦裂。香象奔波失卻威，天龍寂聽生欣悅。五種怖者：一、不活。二、惡名。三、死。四、惡道。五、威德。四無畏者：一、一切智無畏。二、漏盡無畏。三、決疑無畏。四、說苦盡道無畏。

(Năm, phương dưới (gồm ba phần): Một, nêu danh để hiển lộ sự rộng rãi. Hai, hiện tướng để biểu thị sự chân thật. Ba, thốt lời khuyên hãy tin tưởng.

Trước hết, nêu danh để hiển lộ sự rộng rãi.

Kinh: Xá Lợi Phất! Thế giới phương dưới có Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế.

Sớ: “Sư Tử” (Simha): Như sư tử hàng phục các loài thú.

Sao: Sư tử có hai nghĩa: Một, sư tử là vua trong các loài thú, dạo chơi không sợ hãi. Như Phật là bậc độc tôn trong phàm và thánh, ra vào ba cõi tự tại vô ngại. Hai, hễ sư tử rống lên, trăm loài thú kinh hãi; như đức Phật thuyết pháp, thiên ma ngoại đạo thấy đều tin phục. Lại chẳng có năm nỗi sợ, đủ bốn món vô úy. [Những điều ấy] đều là ý nghĩa của sư

tử.

Diễn: “Ra vào ba cõi tự tại vô ngại”: Phàm phu vào tam giới bị sanh tử trôi buộc, chẳng được tự tại. Nhị Thừa thoát khỏi tam giới, bị Niết Bàn trôi buộc, chẳng tự tại. Phật thì Bi và Trí song hành, qua lại [tam giới] tự tại. “Hễ sư tử rống lên, trăm loài thú đều kinh hãi”: Ngài Vĩnh Gia nói: “Sư tử rống, nói vô úy. Trăm thú nghe tiếng, nức đầu óc. Hương tượng rảo chạy, chân luống cuống. Trời, rồng yên lặng nghe, sanh lòng vui thích”.

“Năm thứ sợ hãi”: Một là chẳng sống được. Hai là mang tiếng xấu. Ba là chết. Bốn là ác đạo. Năm là [kinh hãi trước] oai đức [của người khác].

“Bốn thứ vô úy”: Một, Nhất Thiết Trí vô úy. Hai là lậu tận vô úy. Ba là quyết nghị vô úy (đoạn trừ nghi hoặc chẳng sợ hãi). Bốn là nói đạo hết khổ chẳng sợ hãi).

(Sớ) Danh Văn giả, thích nghĩa đồng tiền.

(Sao) Tiền Danh Văn Quang, kim vô Quang tự. Danh văn giả đức, quang giả dụ. Tuy vô kỳ dụ, bất dị kỳ đức.

(疏)名聞者，釋義同前。

(鈔)前名聞光，今無光字。名聞者德，光者喻。雖無其喻，不異其德。

(Sớ: Danh Văn (Yasas): Giải thích ý nghĩa giống như trong phần trước.

Sao: Phần trước là Danh Văn Quang, danh hiệu của vị Phật trong phần này không có chữ Quang. Danh Văn là nói về Đức, Quang là tỷ dụ. Tuy không có tỷ dụ ấy, phẩm đức của hai vị Phật chẳng khác nhau).

(Sớ) Danh Quang giả, danh như nhật quang, vô sở bất bị, diệc khả tịnh xưng, dĩ danh hiển quang xí cố.

(Sao) Như quang nghĩa đồng thượng. Danh hiển giả, như A Di Đà Phật, danh xưng phổ văn; thập phương tam thế, vô bất chiêm niệm cố. Quang xí giả, như A Di Đà Phật, quang minh phổ chiếu; thập phương tam thế, vô sở chướng ngại cố.

(疏)名光者，名如日光，無所不被，亦可並稱，以名顯光熾故。

(鈔)如光義同上。名顯者，如阿彌陀佛，名稱普聞；

十方三世，無不瞻念故。光熾者，如阿彌陀佛，光明普照；十方三世，無所障礙故。

(Sớ: Danh Quang (Yaśasprabhāsa): Tiếng tăm như ánh mặt trời, không đâu chẳng soi thấu, cũng có thể cùng nói tới [danh lẫn quang] vì danh tiếng rạng rỡ, quang minh chói ngời.

Sao: “Quang” có ý nghĩa giống như trong phần trên. “Danh tiếng rạng rỡ”: Như A Di Đà Phật, mười phương ba đời, không ai chẳng chiêm niệm. “Quang minh chói ngời”: Như A Di Đà Phật, quang minh chiếu khắp. Mười phương ba đời, không gì chướng ngại được).

(Sớ) Đạt Ma giả, thử vân Pháp, diệc kiêm nhị lợi.

(Sao) Pháp giả, quý trì nghĩa. Dĩ pháp quý trì kỷ đức, thành kỷ Pháp Thân. Dĩ pháp quý trì tha thân, linh chư chúng sanh giai chứng Pháp Thân cố.

(Diễn) Quý trì nghĩa giả, nhược Lý, Pháp tắc năng quý sanh vật giải, nhậm trì tự tánh, như học nhân từng duyên nhất niệm, đắc ngộ tự tánh, tức thử ngộ do, nãi từng tánh quý sanh, phi ngoại đắc cố. Nhược giáo hạnh đẳng pháp, tắc năng quý chánh thân tâm, trì linh bất thất dã.

(疏)達摩者，此云法，亦兼二利。

(鈔)法者，軌持義。以法軌持己德，成己法身。以法軌持他身，令諸眾生皆證法身故。

(演)軌持義者，若理法則能軌生物解，任持自性，如學人從緣一念，得悟自性，即此悟由，乃從性軌生，非外得故。若教行等法，則能軌正身心，持令不失也。

(Sớ: Đạt Ma (Dharma), cội này dịch là Pháp, cũng bao gồm hai điều lợi.

Sao: Pháp có nghĩa là “khuôn khổ, gìn giữ”. Dùng pháp làm nguyên tắc để uốn nắn phẩm đức của chính mình, thành tựu Pháp Thân cho chính mình. Dùng pháp làm nguyên tắc để uốn nắn thân người khác, khiến cho các chúng sanh đều chứng Pháp Thân.

Diễn: “Có nghĩa là khuôn khổ, gìn giữ”: Nếu xét theo Lý thì Pháp có thể khiến cho người vâng giữ pháp sanh ra sự liễu giải đối với căn nguyên của vạn vật, mà chẳng làm mất đi tánh chất của bất cứ pháp nào. Như học nhân do duyên theo một niệm mà ngộ tự tánh, tức là cội nguồn của cái Ngộ ấy chính là nương vào tánh mà sanh, chẳng phải là có được

từ bên ngoài. Như các pháp giáo, hạnh v.v... có thể uốn nắn, giữ gìn thân tâm, gìn giữ chẳng để mất đi).

(Sớ) Pháp Tràng giả, Pháp như tràng cổ.

(Sao) Pháp như tràng giả, Phật pháp cao hiển, nhân thiên ngưỡng chỉ vì tông, tà ngoại vọng chỉ nhi phục. Tường như tiền văn Vô Lượng Tràng nghĩa.

(疏)法幢者，法如幢故。

(鈔)法如幢者，佛法高顯，人天仰之為宗，邪外望之而伏。詳如前文無量幢義。

(Sớ: Pháp Tràng (Dharmadhvaṃsa): Pháp giống như tràng.

Sao: “Pháp như tràng”: Phật pháp cao hiển, trời, người ngưỡng mộ tôn sùng, tà ma, ngoại đạo vừa thấy bèn khuất phục. Giải thích tường tận ý nghĩa thì như trong phần nói về Vô Lượng Tràng trong phần trước).

(Sớ) Trì Pháp giả, nhị nghĩa: Nhất giả, chấp trung danh trì. Nhị giả, chấp thủ danh trì.

(Sao) Chấp trung giả, bất đạo Hữu biên, bất đạo Vô biên, thiện trì Trung Đạo diệu pháp cố. Chấp thủ giả, trì thủ diệu pháp, lưu thông tam thế, sử bất đoạn tuyệt cố.

(疏)持法者，二義：一者，執中名持。二者，執守名持。

(鈔)執中者，不墮有邊，不墮無邊，善持中道妙法故。執守者，持此妙法，流通三世，使不斷絕故。

(Sớ: Trì Pháp (Dharmadhara) có hai nghĩa: Một là chấp trung bèn gọi là Trì. Hai là chấp thủ bèn gọi là Trì.

Sao: Chấp Trung là chẳng rơi vào bên Có, chẳng rơi vào bên Không, khéo giữ diệu pháp Trung Đạo. Chấp Thủ là giữ diệu pháp ấy, lưu thông ba đời, khiến cho nó chẳng đoạn tuyệt).

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh trặc chỉ di thâm bất khả tận, thị hạ phương Hằng sa Phật nghĩa.

(Sao) Văn Thủ thủ bát, điều thù hỷ thủ quá hạ phương tứ thập nhị Hằng hà sa thế giới. Kim vị cánh quá hạ phương bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới. Cầu tự tánh thí như trì can thám hải,

dục cùng kỳ để, chung bất khả đắc.

(疏)稱理，則自性測之彌深不可盡，是下方恆沙佛義。

(鈔)文殊取鉢，遙垂右手過下方四十二恆河沙世界。今謂更過下方不可說恆河沙世界。求於自性譬如持竿探海，欲窮其底，終不可得。

(Sớ: Xứng Lý thì nếu thăm dò tự tánh, sẽ thấy sâu xa chẳng thể cùng tận, đó là ý nghĩa của phương dưới có Hằng sa Phật.

Sao: Ngài Văn Thù cầm bát, thông tay phải qua khỏi bốn mươi hai Hằng hà sa thế giới ở phương dưới. Nay lại nói qua khỏi bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới ở phương dưới để cầu tự tánh, ví như cầm sào thăm dò biển, mong thấu tận đáy, trọn chẳng thể được).

Nhị, hiện tướng biểu chân.

(Kinh) Các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới.

二、現相表真。

(經)各於其國，出廣長舌相，遍覆三千大千世界。

(Hai, hiện tướng biểu thị sự chân thật.

Kinh: Mỗi vị đều ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới).

Tam, phát ngôn khuyến tín.

(Kinh) Thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

三、發言勸信。

(經)說誠實言：汝等眾生，當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Ba, thốt lời khuyến hãy tin tưởng.

Kinh: Nói lời thành thật: “Chúng sanh các ông hãy nên tin tưởng kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Lục, thượng phương (tam): Sơ, liệt danh hiển quảng. Nhị, hiện

tướng biểu chân. Tam, phát ngôn khuyến tín.

Sơ, liệt danh hiển quảng.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới, hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Táp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật. Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(Sớ) Phạm Âm giả, Phật âm thanh tịnh, vô tạp nhiễm cố.

(Sao) Vô tạp nhiễm giả, dư thừa thuyết pháp, thị vi tạp nhiễm, nhi bất thanh tịnh. Kim Phật duy dĩ Nhất Thừa pháp, hóa đạo chư quần sanh, sở vị: “Thuần nhất bất tạp, cụ túc thanh bạch phạm hạnh chi tướng”, cố danh Phạm Âm.

(Diễn) Dư thừa thuyết pháp, thị vi tạp nhiễm giả, Luân Vương thuyết giới thiện, Đế Thích thuyết xuất dục, thật hữu thiện đương hành, hữu ác đương chỉ. Nhị Thừa thuyết Tứ Đế, thập nhị nhân duyên pháp, diệt thật hữu sanh tử khả yếm, Niết Bàn khả hân, giai tạp vô minh chi nhiễm, nhi bất thanh tịnh. Nhược Phật thuyết Nhất Thừa chi pháp, tắc nhiễm ô, thanh tịnh, tổng thuộc không hoa; sanh tử, Niết Bàn vô phi mộng huyễn, duy thử nhất sự thật. Dư nhị tắc phi chân. Sở vị: “Thuần nhất bất tạp, cụ túc thanh bạch phạm hạnh chi tướng” dã.

六、上方(三)：初、列名顯廣。二、現相表真。三、發言勸信。

初、列名顯廣。

(經)舍利弗！上方世界，有梵音佛，宿王佛，香上佛，香光佛，大燄肩佛，雜色寶華嚴身佛，娑羅樹王佛，寶華德佛，見一切義佛，如須彌山佛。如是等恆河沙數諸佛。

(疏)梵音者，佛音清淨，無雜染故。

(鈔)無雜染者，餘乘說法，是為雜染，而不清淨。今佛唯以一乘法，化導諸群生，所謂：純一不雜，具足清白梵行之相，故名梵音。

(演)餘乘說法，是為雜染者，輪王說戒善，帝釋說出欲，實有善當行，有惡當止。二乘說四諦，十二因緣法，

亦實有生死可厭，涅槃可欣，皆雜無明之染，而不清淨。若佛說一乘之法，則染污清淨，總屬空花；生死，涅槃無非夢幻，唯此一事實。餘二則非真。所謂：純一不雜，具足清白梵行之相也。

(Sáu, phương trên (gồm ba phân): Một, kể tên để hiển thị sự rộng rãi, hai là hiện tướng để biểu thị chân thật, ba là thoát lời khuyên hãy tin tưởng.

Trước hết là kể tên để hiển thị sự rộng rãi.

Kinh: *Xá Lợi Phất! Thế giới phương trên có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, Hằng hà sa số chư Phật như thế.*

Sớ: *Phạm Âm (Brahmaghoṣa): Âm thanh của Phật thanh tịnh, vì chẳng có tạp nhiễm.*

Sao: *“Chẳng có tạp nhiễm”: Các thừa khác thuyết pháp thì là tạp nhiễm, chẳng thanh tịnh. Nay đức Phật chỉ dùng pháp Nhất Thừa hóa độ, chỉ dạy các chúng sanh, đó gọi là “tướng phạm hạnh thuần nhất, chẳng tạp, trọn đủ thanh bạch”. Vì thế gọi là Phạm Âm.*

Diễn: *“Các thừa khác thuyết pháp thì là tạp nhiễm”: Luân Vương nói giới thiện, Đế Thích nói lìa dục, [tức là] thật sự “có thiện nên hành, có ác nên dứt”. Nhị Thừa nói pháp Tứ Đế, mười hai nhân duyên, cũng là thật sự có “sanh tử đáng chán, Niết Bàn đáng ưa”, đều là tạp nhiễm vô minh, chẳng thanh tịnh! Nếu đức Phật nói pháp Nhất Thừa thì nhiễm ô và thanh tịnh đều là hoa đốm trên hư không, sanh tử và Niết Bàn không gì chẳng phải là mộng huyễn, chỉ có một sự thật ấy. Những thứ khác hề có hai thì là chẳng thật. Đó gọi là “tướng phạm hạnh thuần nhất chẳng tạp, trọn đủ thanh bạch”).*

(Sơ) Tú Vương giả, nhất vân nguyệt vì tú vương; nhất vân tức tú trung vương, như Bắc Thần cổ. Nhị nghĩa giai đắc.

(Sao) Nguyệt vì tú vương, sở vị vạn điểm tinh quang, bất như cô nguyệt, nguyệt phi tinh loại. Dụ Phật vi đại giác, giác phi mê loại, thắng nhất thiết cổ, tức tú trung vương giả. Luận Ngã vân: “Thí như Bắc Thần, cư kỳ sở, nhi chúng tinh cùng chi”. Ngôn Bắc Thần tú loại, nhi xuất hồ kỳ loại, dụ Phật tức chúng sanh, xuất hồ chúng sanh, dĩ sanh sở quy y cổ. Giai đắc giả, nhất dĩ tinh nguyệt đối hiển xưng

Vương, nhất tự tịnh trung độc thắng xưng Vương. Kim ngôn Phật tại dị loại, dị loại trung vương. Phật tại đồng loại, đồng loại trung vương, cố giai đắc dã.

(Diễn) Giác phi mê loại giả, phạm phu Tam Đế câu mê, Nhị Thừa bất mê Chân, nhị mê Tục, Bồ Tát bất mê Chân, Tục, nhị mê Trung. Phật nãi Tam Đế tề giác, siêu cửu giới chúng sanh cố. Phật tức chúng sanh giả, nhược y sanh Phật đối thuyết, tắc cửu giới vi sanh, Phật nãi đại giác. Kim ngôn: “Phật tức chúng sanh” giả, kinh vân: “Chúng sanh vô thượng giả, Phật thị”, tắc Phật nãi vô thượng chúng sanh dã. Phật tại dị loại giả, đối cửu giới vân, Phật vi dị loại. Nhược thập giới giai sanh, tắc Phật vi đồng loại dã.

(疏)宿王者，一云月為宿王；一云即宿中王，如北辰故。二義皆得。

(鈔)月為宿王，所謂萬點星光，不如孤月，月非星類。喻佛為大覺，覺非迷類，勝一切故，即宿中王者。論語云：譬如北辰，居其所，而眾星拱之。言北辰宿類，而出乎其類，喻佛即眾生，出乎眾生，以生所歸依故。皆得者，一以星月對顯稱王，一就星中獨勝稱王。今言佛在異類，異類中王。佛在同類，同類中王，故皆得也。

(演)覺非迷類者，凡夫三諦俱迷，二乘不迷真，而迷俗，菩薩不迷真俗，而迷中。佛乃三諦齊覺，超九界眾生故。佛即眾生者，若依生佛對說，則九界為生，佛乃大覺。今言：佛即眾生者，經云：眾生無上者佛是，則佛乃無上眾生也。佛在異類者，對九界云，佛為異類。若十界皆生，則佛為同類也。

(Sớ: Tú Vương (Nakṣatrarāja): Một nghĩa là mặt trăng là vua trong các ngôi sao. Nghĩa thứ hai là vua trong các tinh tú, như sao Bắc Thần vậy. [Hiểu theo cả] hai nghĩa đều được.

Sao: “Mặt trăng là vua trong các ngôi sao”, ý nói: Ánh sáng của muôn vàn đốm sao chẳng bằng một vầng trăng lẻ loi. Trăng chẳng cùng loại với sao, ví như Phật là bậc đại giác; do giác nên chẳng thuộc loại mê, thù thắng hơn hết thảy.

“Là vua trong các tinh tú”: Sách Luận Ngữ viết: “Ví như sao Bắc Thần ngự ở nơi đâu, các ngôi sao khác đều châu về”. Ý nói Bắc Thần

thuộc loại tinh tú, nhưng vượt xa các tinh tú. Ví như Phật chính là chúng sanh mà vượt xa chúng sanh, là chỗ để chúng sanh quy y. “Đều được”: Một đấng là so sánh mặt trăng rạng rỡ hơn các ngôi sao mà nói là Vua, một đấng là do [mặt trăng] thù thắng độc nhất trong các ngôi sao nên gọi là Vua. Nay nói: Phật ở trong dị loại bèn là vua trong dị loại; Phật ở trong đồng loại bèn là vua của đồng loại. Vì thế [nói theo cả hai kiểu] đều được.

Diễn: “Giác thì chẳng thuộc loại mê”: Phạm phu đối với Tam Đế đều mê, Nhị Thừa chẳng mê Chân, nhưng mê Tục, Bồ Tát chẳng mê Chân và Tục, nhưng mê Trung. Phật là Tam Đế đều giác, siêu việt chúng sanh trong chín pháp giới. “Phật chính là chúng sanh”: Nếu nói so sánh giữa chúng sanh và Phật thì chín pháp giới là chúng sanh, Phật là bậc Đại Giác. Nay nói “Phật chính là chúng sanh”, kinh dạy “bậc vô thượng trong chúng sanh là Phật”, tức Phật là một chúng sanh vô thượng. “Phật ở trong dị loại” là nói theo chín pháp giới, Phật là dị loại. Nếu coi mười pháp giới đều là chúng sanh, Phật là đồng loại).

(Sớ) Hương Thượng giả, Phật thánh trung thánh, như hương trung hương, tối thượng vô tỷ cố.

(Sao) Hương trung hương giả, như Chiên Đàn hương. Vân: “Thử hương lục thù, giá trị tam thiên đại thiên thế giới”. Hựu vân: “Thử hương nhất phần, tứ thập lý ngoại, vô bất văn giả”. Thị hương chi tối thượng giả dã. Phật chứng ngũ phần Pháp Thân chi hương; kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới, nhất thiết nhân, thiên, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa chi hương, vô năng cập giả. Cố viết: Hương Thượng.

(Diễn) Ngũ phần Pháp Thân thông Đại Tiểu Thừa, kim vân “ngũ phần”, nãi Đại Thừa chuyển Ngũ Ấm thân tâm, đắc ngũ phần Pháp Thân. Nhất thiết nhân, thiên, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa chi hương giả. Nhân thiên hữu giới thiện hương. Tu La hữu hạ phẩm Thập Thiện hương. Ngoại đạo diệc hữu tà định, tà huệ chi hương. Nhị Thừa hữu Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến Hương.

(疏)香上者，佛聖中聖，如香中香，最上無比故。

(鈔)香中香者，如栴檀香。云：此香六銖，價值三千大千世界。又云：此香一焚，四十里外，無不聞者。是香之最上者也。佛證五分法身之香；其香普熏無量世界，一

切人天，脩羅外道，二乘之香，無能及者。故曰：香上。

(演)五分法身通大小乘，今云五分，乃大乘轉五陰身心，得五分法身。一切人天，修羅外道，二乘之香者。人天有戒善香。修羅有下品十善香。外道亦有邪定，邪慧之香。二乘有戒，定，慧，解脫，解脫知見香。

(Sớ: Hương Thượng (Gandhottama): Phật là bậc thánh của các thánh, giống như hương bậc nhất trong các loại hương, tối thượng không sánh.

Sao: “Hương bậc nhất trong các loại hương”: Như hương Chiên Đàn, [kinh] nói “sáu thù của hương ấy giá trị bằng tam thiên đại thiên thế giới”. Lại nói: “Hương ấy vừa đốt lên, ngoài bốn mươi dặm, không ai chẳng ngửi thấy mùi”. Đó là loại hương tối thượng vậy. Đức Phật chứng năm phần Pháp Thân hương, hương ấy xông khắp vô lượng thế giới, hết thấy hương của người, trời, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa chẳng thể sánh bằng. Vì vậy gọi là Hương Thượng.

Diễn: Năm phần Pháp Thân chung cho Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Nay nói “năm phần”, chính là Đại Thừa do chuyển thân tâm Ngũ Ấm mà đạt được năm phần Pháp Thân. “Hết thấy các loại hương của người, trời, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa”: Người và trời có hương giới thiện, Tu La có hương hạ phẩm Thập Thiện, ngoại đạo cũng có hương tà định, tà huệ, Nhị Thừa có hương Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến Hương).

(Sớ) Hương Quang giả, kỳ hương phát quang, như Đoạn Trí nhị đức cố.

(Diễn) Đoạn trí nhị đức giả, Như Lai quả thượng hữu trí, đoạn, ân tam đức. Kim lược ân đức dã.

(Sao) Đoạn đức giả, hương năng tị ác, hữu diệt uế nghĩa. Chư ác tịnh tận, danh chỉ vi Hương. Trí đức giả, quang năng phá ám, hữu trí huệ nghĩa. Linh minh quảng chiếu, danh chỉ vi Quang. Hựu thường hương chỉ bị tị căn, hương trung phát quang, kiêm bị nhân căn, dụ Thanh Văn chỉ năng diệt ác, hữu Thễ vô Dụng. Phật diệt chư ác, năng cụ chư thiện, cụ túc Đoạn Trí, như hương quang dã.

(Diễn) Chỉ năng diệt ác, hữu Thễ vô Dụng giả, Thanh Văn tuy đoạn phiền não, chứng Niết Bàn, bất năng tòng Không xuất Giả, quảng độ chúng sanh. Đản hữu ngũ phần Pháp Thân chỉ hương, nhi

vô đại dụng chỉ quang, hữu Thể vô Dụng dã. Phật tắc nội đoạn phiền não, cụ công đức chỉ hương; ngoại độ chúng sanh, xuất đại dụng chỉ quang, Thể Dụng song chương dã.

(疏)香光者，其香發光，如斷智二德故。

(演)斷智二德者，如來果上有智，斷，恩三德。今略恩德也。

(鈔)斷德者，香能避惡，有滅穢義。諸惡淨盡，名之為香。智德者，光能破暗，有智慧義。靈明廣照，名之為光。又常香止被鼻根，香中發光，兼被眼根，喻聲聞止能滅惡，有體無用。佛滅諸惡，能具諸善，具足斷智，如香光也。

(演)止能滅惡，有體無用者，聲聞雖斷煩惱，證涅槃，不能從空出假，廣度眾生。但有五分法身之香，而無大用之光，有體無用也。佛則內斷煩惱，具功德之香；外度眾生，出大用之光，體用雙彰也。

(Sớ: *Hương Quang (Gandhaprabhāsa): Hương ấy tỏa sáng, như hai đức Đoạn và Trí.*

Diễn: “Hai đức Đoạn và Trí”: Nơi quả địa Như Lai có ba đức là Đoạn, Trí và Ân, nay tỉnh lược Ân đức.

Sao: “Đoạn đức”: Nhờ hương có thể tránh được mùi hôi thối, nên hương có ý nghĩa diệt uế. Hết sạch các điều ác thì gọi là Hương. “Trí đức”: Ánh sáng có thể trừ tối tăm, có ý nghĩa trí huệ. Linh thông, sáng suốt, chiếu rộng rãi, nên gọi là Quang. Lại nữa, hương bình thường chỉ có thể tương ứng với Tỳ Căn. Trong hương tỏa sáng, tức là kèm thêm tác dụng tương ứng với Nhãn Căn. Ví như Thanh Văn chỉ có thể diệt ác, có Thể mà không có Dụng. Phật diệt các ác, có thể trọn đủ các điều thiện, trọn đủ Đoạn đức và Trí đức như Hương Quang vậy.

Diễn: “Chỉ có thể diệt ác, có Thể mà không có Dụng”: Thanh Văn tuy đoạn phiền não, chứng Niết Bàn, nhưng chẳng thể từ Không xuất hiện Giả để rộng độ chúng sanh, chỉ có năm phần Pháp Thân hương, chẳng có quang minh phát khởi tác dụng lớn lao, cho nên là “có Thể mà không có Dụng”. Phật thì trong là đoạn phiền não, trọn đủ hương công đức; ngoài là độ chúng sanh, phát ra quang minh đại dụng, Thể và Dụng cùng tỏ lộ).

(Sớ) Đại Diệm Kiên giả, thích nghĩa đồng tiền.

(Sao) Diệm Kiên chỉ danh lữ xuất, chánh diêu Phật đồng danh hiệu, vô lượng vô biên cố.

(疏)大燄肩者，釋義同前。

(鈔)燄肩之名屢出，正繇佛同名號，無量無邊故。

(Sớ) Đại Diệm Kiên (Mahārciskandha): Giải thích ý nghĩa giống như phần trước.

Sao: Danh hiệu Diệm Kiên xuất hiện nhiều lần chính là vì vô lượng vô biên chư Phật có cùng danh hiệu).

(Sớ) Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân giả, vạn hạnh nhân hoa, trang nghiêm Pháp Thân cố.

(Sao) Vạn hạnh trang nghiêm giả, tuy chứng Pháp Thân, nhược vô vạn hạnh, danh tố Pháp Thân. Phật xưng Nhất Thiết Chứng Trí, cổ tu Tứ Đăng, Lục Độ, chủng chủng hạnh môn, vô bất bị tập, tích công lũy đức, trợ hiển Pháp Thân, như vạn chủng bảo hoa trang nghiêm sắc thân dã. Dĩ Pháp Thân bốn cụ Hằng sa Tánh Đức cố.

(Diễn) Dĩ Pháp Thân bốn cụ Tánh Đức giả, tuy vân vạn đức nghiêm thân, nhiên thử vạn đức thuộc Tu. Tu vô biệt tu, giai từng tánh khởi tu. Dĩ hữu Hằng sa Tánh Đức, phương hữu Hằng sa Tu Đức. Bất nhiên, tu bất từng tánh, nãi hữu tác chi tu, vô can tánh thể, vân hà năng nghiêm Pháp Thân da?

(疏)雜色寶華嚴身者，萬行因華，莊嚴法身故。

(鈔)萬行莊嚴者，雖證法身，若無萬行，名素法身。佛稱一切種智，故須四等六度，種種行門，無不備集，積功累德，助顯法身，如萬種寶華莊嚴色身也。以法身本具恆沙性德故。

(演)以法身本具性德者，雖云萬德嚴身，然此萬德屬修。修無別修，皆從性起修。以有恆沙性德，方有恆沙修德。不然，修不從性，乃有作之修，無干性體，云何能嚴法身耶？

(Sớ) Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân (Ratna-kusuma sam puspita gātra): Vạn hạnh nhân hoa trang nghiêm Pháp Thân.

Sao: “Vạn hạnh trang nghiêm”: Tuy chứng Pháp Thân, nếu chẳng có vạn hạnh, sẽ gọi là Pháp Thân suông! Phật được gọi là bậc

Nhất Thiết Chung Trí; vì thế, cần phải có Tứ Đăng, Lục Độ, các thứ hạnh môn, không pháp nào chẳng tu tập trọn đủ. Tích lũy công đức để giúp hiển lộ Pháp Thân. Như muôn thứ hoa báu trang nghiêm sắc thân, do Pháp Thân vốn sẵn trọn đủ Hằng sa Tánh Đức vậy.

Diễn: “Do Pháp Thân vốn sẵn trọn đủ Tánh Đức”: Tuy nói là vạn đức trang nghiêm cái thân, nhưng vạn đức ấy thuộc về Tu. Tu mà chẳng tu chi khác, đều là khởi tu từ tánh. Do có Hằng sa Tánh Đức, cho nên mới có Hằng sa Tu Đức. Nếu chẳng phải vậy, tu chẳng từ tánh bèn là tu hữu tác, chẳng dính dáng gì đến tánh thể, sao có thể nói là trang nghiêm Pháp Thân cho được?)

(Sớ) Sa La Thụ Vương giả, Sa La, thử vân kiên cố, diệc vân tối thắng. Đức bất biến dịch, tam giới độc tôn, như thụ vương cổ.

(Sao) Kiên cố giả, thử thụ tuế hàn bất điều, phủ cân bất tổn, hữu kiên cố nghĩa. Như Phật chứng Pháp Thân, Hoặc bất năng dao, cảnh bất năng động cố. Tối thắng giả, thử thụ cao đại, nhất thiết lâm mộc vô năng cập giả, như Phật siêu tam giới, chúng thánh trung tôn cố. Cụ tư nhị đức, danh Thụ Vương dã.

(疏)娑羅樹王者，娑羅，此云堅固，亦云最勝。德不變易，三界獨尊，如樹王故。

(鈔)堅固者，此樹歲寒不彫，斧斤不損，有堅固義。如佛證法身，惑不能搖，境不能動故。最勝者，此樹高大，一切林木無能及者，如佛超三界，眾聖中尊故。具斯二德，名樹王也。

(Sớ) Sa La Thụ Vương (Śālendrarāja): Sa La côi này dịch là Kiên Cố, còn dịch là Tối Thắng (thù thắng nhất). Do đức chẳng biến đổi, tôn quý độc nhất trong tam giới, như vua của loài cây vậy.

Sao: “Kiên cố”: Loại cây này đến mùa lạnh chẳng rụng lá, búa, rìu chẳng thể gây tổn hại được, cho nên có ý nghĩa kiên cố. Như Phật chứng Pháp Thân, phiền não chẳng thể lay, cảnh chẳng thể động. “Tối thắng”: Cây này cao to, hết thấy cây côi đều chẳng thể sánh bằng. Như Phật vượt xa tam giới, là bậc tôn quý nhất trong các vị thánh. Do có đủ hai đức ấy, nên gọi là Thụ Vương).

(Sớ) Bảo Hoa Đức giả, Phật đức như bảo hoa cố.

(Sao) Tiên vân “ng nghiêm thân”, nghiêm hữu nhân nghĩa; kim

dẫn ngôn “hoa”, dĩ hoa dụ đức. Phật chi vạn đức, quý trọng, hoa mỹ, như bảo hoa báu. Nhất vân Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Phật chi tứ đức: Thường, như bảo hoa vô điều lạc cố. Lạc, như bảo hoa duyệt nhân ý cố. Ngã, như bảo hoa vô dãi ngoại cố. Tịnh, như bảo hoa thể oánh khiết cố. Phú hữu vạn đức, quý trọng hoa mỹ, khả lệ tri hỷ.

(Diễn) Phật chi tứ đức, phiên phá phạm phu vô thường kế thường đẳng tứ đảo, Nhị Thừa thường kế vô thường đẳng tứ đảo. Phật duy Tam Đức bí tạng, bất vị tứ tướng sở thiên, viết Thường. Do như bảo hoa, bất dĩ Xuân sanh, bất dĩ Thu tụy, cụ vô thượng Bồ Đề giác pháp lạc, vô thượng Niết Bàn tịch tĩnh lạc, viết Lạc. Do như bảo hoa, trân kỳ túy mỹ, thích duyệt nhân tâm, cụ bát tự tại ngã, bất dãi ư ngoại, viết Ngã. Do như bảo hoa, bất giả dương hòa, bất tư vũ lộ, bất vị ngũ trụ sở nhiễm, nhị tử sở luy, viết Tịnh. Do như bảo hoa, tinh kim mỹ ngọc, tịnh vô tiêm trần cố.

(疏)寶華德者，佛德如寶華故。

(鈔)前云嚴身，嚴有因義；今但言華，以華喻德。佛之萬德，貴重華美，如寶華也。一云常樂我淨。佛之四德：常，如寶華無彫落故。樂，如寶華悅人意故。我，如寶華無待外故。淨，如寶華體瑩潔故。富有萬德，貴重華美，可例知矣。

(演)佛之四德，翻破凡夫無常計常等四倒，二乘常計無常等四倒。佛維三德祕藏，不為四相所遷，曰常。猶如寶華，不以春生，不以秋瘁，具無上菩提覺法樂，無上涅槃寂靜樂，曰樂。猶如寶華，珍奇粹美，適悅人心，具八自在我，不待於外，曰我。猶如寶華，不假陽和，不資雨露，不為五住所染，二死所累，曰淨。猶如寶花，精金美玉，淨無纖塵故。

(Sớ: Bảo Hoa Đức (Ratnotpalaśrī): Phật đức như hoa báu.

Sao: Phần trước nói là Nghiêm Thân, Nghiêm có ý nghĩa “nhân”; nay chỉ nói Hoa, dùng hoa để tỷ dụ đức. Vạn đức của Phật, quý trọng, đẹp đẽ như hoa báu. Một nghĩa là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, tức bốn đức của Phật. Thường là như hoa báu, chẳng tàn rụng. Lạc là như hoa báu khiến cho người ta vui sướng. Ngã là như hoa báu chẳng vương mắc bên ngoài. Tịnh là như hoa báu thể chất sáng sạch, phong phú vạn đức. Có

thể suy ra mà biết sự quý trọng, đẹp đẽ ấy.

Diễn: “Bốn đức của Phật” lật nhào, phá vỡ bốn quan niệm điên đảo “vô thường mà chấp là thường” v.v... của phàm phu và bốn quan niệm điên đảo “thường mà chấp là vô thường” của Nhị Thừa. Chỉ có Tam Đức bí tạng của Phật là chẳng bị bốn tướng dời đổi, nên nói là Thường. Giống như hoa báu, chẳng vì Xuân mà sanh, chẳng vì Thu mà rơi rụng, có đủ niềm vui nơi giác pháp vô thượng Bồ Đề, niềm vui tịch tĩnh nơi Vô Thượng Niết Bàn, đó là Lạc. Ví như hoa báu, quý báu, lạ lùng, tinh túy, đẹp đẽ, vui sướng lòng người, có đủ tám món tự tại Ngã, chẳng phụ thuộc vào bên ngoài, nên gọi là Ngã. Ví như hoa báu, chẳng cần ánh mặt trời ấp ủ, chẳng nhờ mưa, sương để tưới tắm, chẳng bị nhuốm bẩn bởi Ngũ Trụ, chẳng bị vướng mắc bởi hai thứ Tử (Phân Đoạn và Biến Dịch), đó là Tịnh. Ví như hoa báu, vàng ròng, ngọc đẹp, thanh tịnh, chẳng có mây trần).

(Sớ) Kiến Nhất Thiết Nghĩa giả, chư pháp chi nghĩa, vô bất tri cố.

(Sao) Nhất thiết giả, thể xuất thế gian chư pháp vô lượng, tắc nghĩa vô lượng. Hữu tri cận nghĩa, bất tri viễn nghĩa giả. Hữu tri thiên nghĩa, bất tri viên nghĩa giả. Hữu tri tổng nghĩa, bất tri biệt nghĩa giả. Hữu tri thật nghĩa, bất tri quyền nghĩa giả. Phật vô bất kiến, như Tất Đạt thái tử, danh Nhất Thiết Nghĩa Thành, tức thử ý dã.

(Diễn) Thể xuất thế gian chư pháp vô lượng, tắc nghĩa vô lượng giả, thể gian chi pháp, thị Ấm, Nhập, Xứ, Giới đẳng. Thể gian chi nghĩa, tắc tích tụ, thiệp nhập đẳng. Xuất thế chi pháp, thị Đế, Duyên, Lục Độ đẳng. Xuất thế chi nghĩa, tắc bức bách, chiêu cảm đẳng. Phàm phu tri cận, bất tri viễn, dẫn tri thế gian pháp, bất tri xuất thế gian pháp cố. Nhị Thừa tri thiên, bất tri viên, yếm hữu, trước không, bất tri không hữu vô ngại cố. Sơ tâm Bồ Tát, tri tổng, bất tri biệt, dẫn ngộ Niết Bàn tâm, bất tri sai biệt nghĩa cố. Tri thật, bất tri quyền, dẫn tri Chân Như giới nội, bất tri Phật sự môn đầu cố. Phật nãi ngũ nhãn viên minh, tam trí viên hiển, vô bất kiến dã.

(疏) 見一切義者，諸法之義，無不知故。

(鈔) 一切者，世出世間諸法無量，則義無量。有知近義，不知遠義者。有知偏義，不知圓義者。有知總義，不知別義者。有知實義，不知權義者。佛無不見，如悉達太

子，名一切義成，即此意也。

(演)世出世間諸法無量，則義無量者，世間之法，是陰入處界等。世間之義，則積聚涉入等。出世之法，是諦緣六度等。出世之義，則逼迫招感等。凡夫知近不知遠，但知世間法，不知出世間法故。二乘知偏不知圓，厭有著空，不知空有無礙故。初心菩薩，知總不知別，但悟涅槃心，不知差別義故。知實不知權，但知真如界內，不知佛事門頭故。佛乃五眼圓明，三智圓顯，無不見也。

(Sớ: Kiến Nhất Thiết Nghĩa (Sarvāthadarsa): Nghĩa của chư pháp, không gì chẳng biết.

Sao: Nhất Thiết: Các pháp thế gian và xuất thế gian vô lượng, cho nên nghĩa vô lượng. Có kẻ biết nghĩa gần, chẳng biết nghĩa xa. Có kẻ biết nghĩa thiên lệch, chẳng biết nghĩa viên mãn. Có kẻ biết nghĩa tổng quát, chẳng hiểu nghĩa riêng biệt. Có kẻ biết thật nghĩa, chẳng biết quyền nghĩa. Phật không gì chẳng thấy. Như thái tử Tất Đạt (Siddhārtha) tên là Nhất Thiết Nghĩa Thành, chính là vì ý này.

Diễn: “Các pháp thế gian và xuất thế gian vô lượng, cho nên nghĩa vô lượng”: Pháp thế gian là Ám, Nhập, Xứ, Giới v.v... Nghĩa thế gian là như tích lũy, tu tập, xen nhập v.v... Pháp xuất thế là Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ v.v... Nghĩa xuất thế là như bức bách, chiêu cảm v.v... Phàm phu biết gần, mà chẳng biết xa, chỉ biết pháp thế gian, chẳng biết pháp xuất thế gian. Nhị Thừa biết Thiên (thiên chấp, lệch về một bên), chẳng biết Viên, chán Hữu, chấp Không, chẳng biết Không và Hữu vô ngại. Sơ tâm Bồ Tát biết Tổng, chẳng biết Biệt, chỉ biết Niết Bàn tâm, chẳng biết nghĩa sai biệt, biết Thật, chẳng biết Quyền, chỉ biết trong phạm vi Chân Như, chẳng biết những chuyện thuộc về Phật sự. Phật là ngũ nhãn viên minh, tam trí hiển lộ trọn vẹn, không gì chẳng thấy).

(Sớ) Như Tu Di Sơn giả, Tu Di vì chúng sơn chi vương, Phật đức siêu tuyệt như Tu Di cổ.

(Sao) Tiền ngôn Tu Di Tướng, cổ chỉ tướng hảo. Kim vô Tướng tự, chuyên tự đức ngôn. Hợp vạn đức nhi giao la, như Tu Di dĩ bảo thành xưng Diệu. Trung thiên hạ nhi độc lập, như Tu Di dĩ tối thượng xưng Cao. Tu Di vương ư chúng sơn, Như Lai vương ư tam giới, kỳ

nghĩa nhất dã.

(疏)如須彌山者，須彌為眾山之王，佛德超絕如須彌故。

(鈔)前言須彌相，故指相好。今無相字，專就德言。合萬德而交羅，如須彌以寶成稱妙。中天下而獨立，如須彌以最上稱高。須彌王於眾山，如來王於三界，其義一也。

(Sớ: Như Tu Di Sơn (Sumerukalpa): Tu Di là vua trong các quả núi. Phật đức siêu tuyệt như Tu Di.

Sao: Trong phần trước nói [danh hiệu] Tu Di Tướng là nói về tướng hảo, nay không có chữ Tướng là chuyên nói về đức. Hợp vạn đức kết thành, như núi Tu Di do các chất báu tạo thành, được gọi là Diệu. Đứng sừng sững một mình giữa thiên hạ, như núi Tu Di tối thượng, nên gọi là Cao. Tu Di là vua của các núi, Như Lai là vua của tam giới, có cùng một nghĩa).

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh ngưỡng chi di cao bất khả tận, thị thượng phương Hằng sa Phật nghĩa.

(Sao) Nhan Uyên thân đạo, viết: “Ngưỡng chi di cao”, kim tá dụng chi, ngôn linh tâm trắc việt, thể tuyệt phan duyên. Ngưỡng chi di cần, cao chi ích thậm. Tịch Tịnh Danh quá thượng phương tứ thập nhị Hằng hà sa thế giới, nhị thủ hương phạn; kim vị cánh quá thượng phương bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới, cầu tự tánh, thí như tiếp túc điểm thiên, dục chí kỳ điền, chung bất khả đắc!

(Diễn) Thể tuyệt phan duyên giả, vị Bát Nhã như đại hỏa tụ, chúng sanh chi tâm xú xú năng duyên, độc bất duyên ư Bát Nhã chi thượng dã. Tịnh Danh thượng phương thủ hương phạn giả, kinh vân: - Thời Duy Ma Cát, tức nhập tam-muội, dụng thân thông lực, thị chư đại chúng. Thượng phương giới phạn, quá tứ thập nhị Hằng hà sa quốc độ, hữu quốc danh Chúng Hương, Phật hiệu Hương Tịch. Kim hiện tại, kỳ quốc hương khí, tỷ ư thập phương chư Phật thế giới nhân thiên chi hương, tối vi đệ nhất. Bỉ độ vô hữu Thanh Văn, Bích Chi Phật danh, duy hữu thanh tịnh đại Bồ Tát chúng, Phật vị thuyết pháp. Nãi chí cư sĩ, khiển hóa Bồ Tát đáo bỉ, thỉnh hương phạn viết: “Nguyện đắc Thế Tôn sở thực chi dư, đương ư Sa Bà thế giới, thí tác Phật sự” đẳng.

(疏)稱理，則自性仰之彌高不可盡，是上方恆沙佛義。

(鈔)顏淵歎道，曰：仰之彌高，今借用之，言靈心卓越，體絕攀緣。仰之彌勤，高之益甚。昔淨名過上方四十二恆河沙世界，而取香飯；今謂更過上方不可說恆河沙世界，求於自性，譬如接竹點天，欲至其巔，終不可得！

(演)體絕攀緣者，謂般若如大火聚，眾生之心處處能緣，獨不緣於般若之上也。淨名上方取香飯者，經云：時維摩詰，即入三昧，用神通力，示諸大眾。上方界分，過四十二恆河沙國土，有國名眾香，佛號香積。今現在，其國香氣，比於十方諸佛世界人天之香，最為第一。彼土無有聲聞辟支佛名，唯有清淨大菩薩眾，佛為說法。乃至居士，遣化菩薩到彼，請香飯曰：願得世尊所食之餘，當於娑婆世界，施作佛事等。

(Sớ: Xứng Lý thì càng ngưỡng vọng tự tánh, càng cảm thấy cao chót vót chẳng thể cùng tận, chính là ý nghĩa của phương trên có Hằng sa Phật.

Sao: Nhan Uyên cảm thán về đạo [của Khổng Tử], nói: “Ngửa trông lên thì càng cao”, nay mượn ý ấy để dùng, hòng nói: Tâm linh thông chót vót tuyệt diệu, Thể của nó dứt bất mọi sự nắm níu. Càng siêng gắng ngưỡng vọng, càng thấy cao cả. Xưa kia, ngài Tịnh Danh (Duy Ma Cát) qua khỏi bốn mươi hai ức Hằng hà sa thế giới để lấy com thơm. Nay lại nói qua khỏi bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới trong phương trên để cầu tự tánh, thì ví như nói tre để khêu trời, toan muốn chạm đến tột đỉnh của bầu trời, trọn chẳng thể được.

Diễn: “Thể dứt bất nắm níu”, ý nói Bát Nhã như đống lửa lớn, tâm chúng sanh chỗ nào cũng có thể duyên được, chỉ riêng Bát Nhã là chẳng thể duyên được. “Tịnh Danh lấy com thơm nơi thượng phương”: Kinh nói khi ấy ngài Duy Ma Cát liền nhập tam-muội, dùng sức thần thông, thị hiện cho đại chúng thấy trong các thế giới ở phương trên, qua khỏi bốn mươi hai Hằng hà sa số quốc độ, có một cõi nước tên là Chúng Hương, Phật hiệu Hương Tích, nay vẫn còn đang trụ thế. Hương thơm trong cõi ấy so với mùi hương của trời, người trong mười phương thế giới chư Phật, sẽ là thù thắng tột bậc. Cõi ấy chẳng có danh xưng Thanh

Văn, và Bích Chi Phật, chỉ có hàng đại Bồ Tát thanh tịnh, đức Phật vì họ thuyết pháp. Cư sĩ (ngài Duy Ma Cật) bèn sai hóa Bồ Tát đến cõi đó, xin cơm thơm, nói như sau: “Mong được thức ăn còn thừa của đức Thế Tôn để thực hiện Phật sự trong thế giới Sa Bà” v.v...)

Nhị, hiện tướng biểu chân.

(Kinh) Các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng, biến phủ tam thiên đại thiên thế giới.

二、現相表真。

(經)各於其國，出廣長舌相，遍覆三千大千世界。

(Hai, hiện tướng biểu thị sự chân thật.

Kinh: Mỗi vị đều ở trong nước mình hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp tam thiên đại thiên thế giới).

Tam, phát ngôn khuyến tín.

(Kinh) Thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(Sớ) Dĩ thượng lục phương Phật tán, diệc thị A Di Đà Phật bốn nguyện lực cố.

(Sao) Bốn nguyện giả, Đại Bồ Tát Tạng nguyện vân: “Ngã tác Phật thời, danh văn thập phương vô ương số thế giới, chư Phật các u đại chúng chi trung, xưng ngã công đức, cập dữ quốc độ” đẳng. Cố kim thành Phật, như kỳ sở nguyện.

三、發言勸信。

(經)說誠實言：汝等眾生，當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(疏)以上六方佛讚，亦是阿彌陀佛本願力故。

(鈔)本願者，大本法藏願云：我作佛時，名聞十方無央數世界，諸佛各於大眾之中，稱我功德，及與國土等。故今成佛，如其所願。

(Ba, thốt lời khuyến nên tin tưởng.

Kinh: Nói lời thành thật: “Chúng sanh các ông hãy nên tin tưởng kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Sớ: Sáu phương Phật tán thán như trên đây cũng là do sức bốn nguyện của A Di Đà Phật.

Sao: “Bốn nguyện”: Trong kinh Đại Bản, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Khi ta làm Phật, tiếng tăm vang khắp mười phương vô ương số thế giới, chư Phật mỗi vị đều ở trong đại chúng khen ngợi công đức và cõi nước của ta” v.v... Cho nên nay thành Phật, đúng như sở nguyện).

(Sớ) Hữu chấp Lăng Nghiêm, vị: “Quán Âm Nhĩ Căn, thử phương giáo thể, Thế Chí niệm Phật, bất dự Viên Thông, vân hà kim nhật phổ giáo niệm Phật?” Dĩ thử vi nghi giả, chánh điều bất đạt lục phương Phật tán cổ.

(Diễn) Quán Âm Nhĩ Căn, thử phương giáo thể giả, Văn Thù tuyền Viên Thông ký vân: “Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn. Dục thủ Tam-ma-đề, thật dĩ Văn trung nhập, ly khổ đắc giải thoát. Lương tai Quán Thế Âm!” Thế Chí Niệm Phật bất dự Viên Thông giả, kệ vân: “Chư hành thị vô thường, niệm tánh nguyên sanh diệt, nhân quả kim thù cảm, vân hà hoạch Viên Thông?”

(疏)有執楞嚴，謂：觀音耳根，此方教體，勢至念佛，不與圓通，云何今日普教念佛？以此為疑者，正繇不達六方佛讚故。

(演)觀音耳根，此方教體者，文殊選圓通記云：此方真教體，清淨在音聞。欲取三摩提，實以聞中入，離苦得解脫。良哉觀世音！勢至念佛不與圓通者，偈云：諸行是無常，念性元生滅，因果今殊感，云何獲圓通？

(Sớ: Có kẻ chấp vào kinh Lăng Nghiêm, bảo: “Phép Nhĩ Căn của đức Quán Âm [khế hợp] giáo thể của cõi này, còn phép Niệm Phật của ngài Thế Chí chẳng được chọn là phép Viên Thông. Cớ sao nay lại dạy trọn khắp [hữu tình] niệm Phật?” Viện vào điều ấy rồi nghi ngờ, chính là vì chẳng thấu hiểu [ý nghĩa của việc] sáu phương Phật đều tán thán.

Diễn: “Pháp Nhĩ Căn của Quán Âm [khế hợp] giáo thể phương này”: Kinh ghi lời ngài Văn Thù nói khi chọn lựa phép Viên Thông như sau: “Chân giáo thể phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng. Muốn chứng nhập Chánh Định, thật sự do Nghe nhập, là khổ được giải thoát. Lành thay Quán Thế Âm!” “Pháp Niệm Phật của ngài Thế Chí chẳng được chọn là phép Viên Thông”: Trong bài kệ ấy có đoạn: “Các hành là vô thường, tánh niệm vốn sanh diệt. Nhân cảm quả sai khác, làm sao

đắc Viên Thông?”)

(Sao) Nghi giả vị “Niệm Phật pháp môn, kỳ bất đẩu thử phương chi cơ, hựu bất nhập Viên Thông chi tuyền. Kỳ cư thử phương, hà tất niệm Phật?” Kim quán lục phương chư Phật giai tán thử kinh, tắc tri Nhĩ Căn giả, thiên đẩu thử phương chi cơ; Niệm Phật tắc phổ đẩu thập phương thế giới chi cơ dã. Đại Bồn vân: “Thập phương chúng sanh, xưng ngã danh hiệu, tất sanh ngã quốc”, thị dã. Nhĩ Căn giả, thiên đẩu nhân loại chi cơ, Niệm Phật tắc phổ đẩu lục đạo chúng sanh chi cơ dã. Đại Bồn vân: “Địa ngục, quỷ, súc sanh, diệc sanh ngã sát trung”, thị dã. Nhiên tắc Nhĩ Căn bất nhiếp Niệm Phật, Niệm Phật năng nhiếp Nhĩ Căn. Thị cố Nhĩ Căn giả, thử phương Thích Ca Như Lai sở tán. Niệm Phật giả, thập phương Hằng sa Như Lai sở tán. Kim tòng đa tán cố dã. Thả kim phổ thiên chi hạ, truy, tổ, nam, nữ, tự nhiên niệm Phật, như tiền văn sở minh đẩu cơ chi quảng, hựu hà nghi tai?

(Diễn) Nhĩ Căn bất nhiếp Niệm Phật, Niệm Phật năng nhiếp Nhĩ Căn giả, nhược luận pháp môn, Niệm Phật hữu Sự trì, Lý trì. Lý trì tắc phản Phật tự Phật, tức thị phản văn tự văn, thị Niệm Phật năng nhiếp Nhĩ Căn dã. Nhi Nhĩ Căn tắc vô Sự trì chi pháp, thị Nhĩ Căn bất nhiếp Niệm Phật dã. Nhược luận nhiếp sanh, Niệm Phật tắc phổ nhiếp lợi độn chư căn. Hạ tự địa ngục, quỷ, súc, du du phàm phu, thượng chí cụ Văn Tư Tu nhập Tam-ma-địa giả, giai sanh bỉ quốc, thị Niệm Phật năng nhiếp Nhĩ Căn dã. Nhi Nhĩ Căn Viên Thông, tắc hạ cơ tuyệt phần, thị Nhĩ Căn bất nhiếp Niệm Phật dã.

(鈔)疑者謂念佛法門，既不逗此方之機，又不入圓通之選。既居此方，何必念佛？今觀六方諸佛皆讚此經，則知耳根者，偏逗此方之機；念佛則普逗十方世界之機也。大本云：十方眾生，稱我名號，必生我國，是也。耳根者，偏逗人類之機，念佛則普逗六道眾生之機也。大本云：地獄鬼畜生，亦生我剎中，是也。然則耳根不攝念佛，念佛能攝耳根。是故耳根者，此方釋迦如來所讚。念佛者，十方恆沙如來所讚。今從多讚故也。且今普天之下，縑素男女，自然念佛，如前文所明逗機之廣，又何疑哉？

(演)耳根不攝念佛，念佛能攝耳根者，若論法門，念佛有事持理持。理持則反佛自佛，即是反聞自聞，是念佛能攝耳根也。而耳根則無事持之法，是耳根不攝念佛也。若論攝生，念佛則普攝利鈍諸根。下自地獄鬼畜，悠悠凡夫，上至具聞思修入三摩地者，皆生彼國，是念佛能攝耳根也。而耳根圓通，則下機絕分，是耳根不攝念佛也。

(Sao: Nghi là vì cho rằng “pháp môn Niệm Phật chẳng phù hợp căn cơ của người phương này; lại còn chẳng được chọn là phép Viên Thông. [Vậy thì] đã sống trong cõi này, cần gì phải niệm Phật?” Nay xét thấy sáu phương chư Phật đều khen ngợi kinh này; cho nên biết: Nhĩ Căn phù hợp riêng cho căn cơ của người trong cõi này. Niệm Phật phù hợp trọn khắp căn cơ của mười phương thế giới. Kinh Đại Bản nói: “Mười phương chúng sanh, xưng danh hiệu của ta, ắt sanh về cõi ta” chính là ý này.

Nhĩ Căn riêng phù hợp căn cơ của nhân loại, còn niệm Phật thích hợp trọn khắp căn cơ của chúng sanh trong lục đạo. Kinh Đại Bản nói: “Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng sanh trong nước ta” chính là ý này. Vậy thì Nhĩ Căn chẳng hàm nhiếp Niệm Phật, nhưng Niệm Phật có thể bao hàm Nhĩ Căn. Vì vậy, Nhĩ Căn là pháp được tán thán bởi Thích Ca Như Lai trong cõi này; Niệm Phật là pháp được mười phương Hằng sa Như Lai tán thán. Nay [khuyến khắp mọi người niệm Phật] là thuận theo pháp được đa số tán thán vậy. Hơn nữa, nay trọn khắp thiên hạ, tăng, tục, nam, nữ tự nhiên niệm Phật, như trong phần kinh văn trước đó đã nói [nguyên do là vì pháp môn này] thích hợp căn cơ rộng rãi, há còn ngờ chi?

Diễn: “Nhĩ Căn chẳng nhiếp Niệm Phật, Niệm Phật có thể nhiếp Nhĩ Căn”: Nếu luận định theo pháp môn, Niệm Phật có Sự trì và Lý trì. Lý trì là xoay từ đức Phật [bên ngoài để nhận biết] đức Phật của chính mình, tức là xoay cái Nghe lại để nghe tự tánh, đây chính là Niệm Phật có thể nhiếp Nhĩ Căn. Nhưng môn Nhĩ Căn chẳng có pháp Sự trì, tức là Nhĩ Căn chẳng nhiếp Niệm Phật. Nếu luận định theo phương diện nhiếp độ chúng sanh, Niệm Phật nhiếp độ trọn khắp các căn lợi và độn. Dưới từ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, phàm phu ngu ngơ, trên đến bậc đầy đủ Văn, Tư, Tu, nhập Chánh Định, đều sanh về cõi ấy. Đó là Niệm Phật có thể nhiếp Nhĩ Căn; nhưng Nhĩ Căn Viên Thông thì căn cơ bậc hạ trọn chẳng có phần. Đây chính là Nhĩ Căn chẳng nhiếp Niệm Phật vậy).

(Sao) *Thí thiết nhất dụ, như thử quốc trung, hữu bách thiên ấp. Ư trung, sĩ tử phân tập Ngũ Kinh. Hoặc hữu nhất ấp, sĩ đa tập Thi. Hoặc hữu nhất ấp, sĩ đa tập Lễ. Sở xưng “đa tập”, cứ bốn ấp cố. Như kỳ tham hội chư kinh, thông giáo hợp quốc, tắc tập chi tối đa, mạc thượng ư Dịch. Kim thử Nhĩ Căn, như Thi, Lễ cố. Kim thử Niệm Phật, như Châu Dịch cố.*

(Diễn) *Kim thử Nhĩ Căn như Thi, Lễ giả, Nhĩ Căn độc bị thử phương chi cơ, bất thông dư phương. Như tập Thi, Lễ, cứ nhất ấp ngôn, phi hợp quốc cố. Kim thử Niệm Phật như Châu Dịch giả, Niệm Phật thiên đậu thập phương chi cơ, bất cục nhất phương, như bỉ Châu Dịch thông hợp quốc ngôn, phi nhất ấp cố.*

(鈔) 試設一喻，如此國中，有百千邑。於中，士子分習五經。或有一邑，士多習詩。或有一邑，士多習禮。所稱多習，據本邑故。如其參會諸經，通較合國，則習之最多，莫尚於易。今此耳根，如詩禮故。今此念佛，如周易故。

(演) 今此耳根如詩禮者，耳根獨被此方之機，不通餘方。如習詩禮，據一邑言，非合國故。今此念佛如周易者，念佛偏逗十方之機，不局一方，如彼周易通合國言，非一邑故。

(Sao: Thử lập một thí dụ, như trong nước này, có trăm ngàn ấp. Trong ấy, sĩ tử chia nhau học tập Ngũ Kinh. Hoặc có một ấp, sĩ tử phần nhiều học tập kinh Thi. Hoặc có một ấp, sĩ tử phần nhiều học Lễ Ký.

Nói “phần nhiều học tập” là dựa trên ấp đó. Nếu xét chung các kinh, so sánh chung cả nước, thì kinh được học tập nhiều nhất không kinh nào hơn kinh Dịch. Nay pháp Nhĩ Căn này, như kinh Thi hoặc Lễ Ký [trong thí dụ trên đây]. Nay pháp Niệm Phật này giống như Châu Dịch vậy.

Diễn: “Nay pháp Nhĩ Căn này giống như kinh Thi, Lễ Ký”: Nhĩ Căn chỉ riêng phù hợp căn cơ trong phương này, chẳng phù hợp những phương khác. Như người học tập kinh Thi, hay Lễ Ký là nói theo một ấp, chẳng phải là xét theo cả nước.

“Nay pháp Niệm Phật như Châu Dịch”: Niệm Phật riêng thích hợp căn cơ mười phương, chẳng hạn cuộc trong một phương, giống như [nói học] Châu Dịch [nhiều nhất] là nói theo cả nước, chẳng phải là nói

theo một áp).

(Sớ) Vân: “Ký lục phương chư Phật cộng tán Tây Phương, vân hà Lục Tổ bất tùy Phật tán, phản tự xích vô, kỳ cố an tại?” Đáp: Thử hữu tứ ý: Nhất, vị môn bất đồng cố. Nhị, tự hủy thật tán cố. Tam, bất vị sơ cơ cố. Tứ, ký lục hữu ngoa cố.

(Sao) Lục Tổ Đàn Kinh vân: “Đông phương nhân tạo ác, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Tây Phương nhân tạo ác, niệm Phật cầu sanh hà quốc?” Hựu vân: “Ngu nhân nguyện Đông, nguyện Tây”. Hậu nhân chấp thử, toại nghi Lục Tổ thuyết vô Tây Phương, cố vị thử biện. Sơ, vị môn bất đồng giả, phục hữu nhị nghĩa: Nhất giả, thử cứ Lý Sự nhị môn, Lục Tổ sở thuyết, thị dĩ Lý đoạt Sự môn. Nhược dĩ Sự đoạt Lý môn, tắc Phật sự môn trung, bất xả nhất pháp, an đắc bát vô Tịnh Độ? Nhị giả, Tấn, Tống nhị hạ, cạnh dĩ Thiền Quán tương cao, trực chỉ đơn truyền chỉ ý, ký ư hồi tác. Ư thời, Đạt Ma thử xướng, chư Tổ kế hưng, duy dục đại minh thử đạo, nhi thử đạo vô Phật, vô chúng sanh. Kim Tây Phương giả, chánh khai thị chúng sanh thú hướng Phật cố. Thử đạo cử tâm tức thác, động niệm tức quai. Kim Tây Phương giả, chánh giáo nhân khởi tâm niệm Phật cố. Thử đạo tâm cảnh câu tịch. Kim Tây Phương giả, chánh dĩ Phật quốc vi cảnh, phát tâm cầu sanh cố. Thị tuy Lý vô nhị trí, nhi môn đình thi thiết bất đồng. Tùy thời trực cơ, pháp tự ưng nhĩ. Giả sử tài hoằng trực chỉ, phục tán Tây Phương, tắc trực chỉ chỉ ý, chung vô điều minh hỹ. Cố Lục Tổ dữ Tịnh Độ chư sư, dịch địa tắc giai nhiên dã.

(Diễn) Dĩ Lý đoạt Sự môn giả, Chân Như giới nội, bất lập nhất trần, hữu hà tịnh uế, hà tất nguyện cầu? Dục hiển Chân Như chỉ lý, cố đoạt tịnh uế, nguyện cầu chỉ sự, phi chân vô tịnh uế, vãng sanh chỉ sự dã. Trực chỉ đơn truyền giả, Thiền Tông trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật, đơn truyền tâm ấn, bất lập văn tự. Thử đạo vô Phật, vô chúng sanh giả, thử đạo Phật lai dã sát, ma lai dã sát, thượng vô Phật đạo khả thành, hạ vô chúng sanh khả độ cố. Thử đạo tất tâm tức thác, động niệm tức quai giả, cổ vân: “Mạc động trước, động trước tức đầu giác sanh”. Hựu vân: “Tài nghĩ nhượng thời bạch vân vạn lý” đẳng. Thử đạo tâm cảnh câu tịch giả, cổ vân: “Ngoại tức chư duyên, nội tâm vô suyễn. Tâm như tường bích, khả dĩ nhập đạo”. Hựu vân: “Xuất tức bất thiệp chúng duyên, nhập tức bất cư Ám, Giới đẳng”. Dịch địa tắc giai nhiên giả, Lục Tổ xử Tịnh Độ chư sư chi thời, Lục Tổ diệt tán Tây Phương. Tịnh Độ chư sư xử Lục Tổ thời,

Tịnh Độ chư sư diệc đôn hồng trực chỉ hỹ.

(疏)問：既六方諸佛共讚西方，云何六祖不隨佛讚，反似斥無，其故安在？答：此有四意。一、為門不同故。二、似毀實讚故。三、不為初機故。四、記錄有訛故。

(鈔)六祖壇經云：東方人造惡，念佛求生西方。西方人造惡，念佛求生何國？又云：愚人願東願西。後人執此，遂疑六祖說無西方，故為此辯。初、為門不同者，復有二義：一者，且據理事二門，六祖所說，是以理奪事門。若以事奪理門，則佛事門中，不捨一法，安得撥無淨土？二者，晉宋而下，競以禪觀相高，直指單傳之意，幾於晦塞，於時，達摩始唱，諸祖繼興，惟欲大明此道，而此道無佛無眾生。今西方者，正開示眾生趣向佛故。此道舉心即錯，動念即乖。今西方者，正教人起心念佛故。此道心境俱寂。今西方者，正以佛國為境，發心求生故。是雖理無二致，而門庭施設不同。隨時逐機，法自應爾。假使纔弘直指，復讚西方，則直指之意，終無繇明矣。故六祖與淨土諸師，易地則皆然也。

(演)以理奪事門者，真如界內，不立一塵，有何淨穢，何必願求？欲顯真如之理，故奪淨穢，願求之事，非真無淨穢，往生之事也。直指單傳者，禪宗直指人心，見性成佛，單傳心印，不立文字。此道無佛無眾生者，此道佛來也殺，魔來也殺，上無佛道可成，下無眾生可度故。此道畢心即錯，動念即乖者，古云：莫動著，動著即頭角生。又云：纔擬讓時白雲萬里等。此道心境俱寂者，古云：外息諸緣，內心無喘。心如牆壁，可以入道。又云：出息不涉眾緣，入息不居陰界等。易地則皆然者，六祖處淨土諸師之時，六祖亦贊西方。淨土諸師處六祖時，淨土諸師亦單弘直指矣。

(Sớ: Hỏi: “Đã là sáu phương chư Phật cùng tán thán Tây Phương, có sao Lục Tổ chẳng thuận theo chư Phật tán dương, mà dường như

ngược ngạo bài xích ‘chẳng có Tịnh Độ’, nguyên có là vì đâu?” Đáp: Chuyện này có bốn ý: Một là vì pháp môn bất đồng. Hai là dường như hủy báng, nhưng thật ra là tán thán. Ba là [nói như vậy] chẳng vì kẻ sơ cơ. Bốn là ghi chép có sai lầm.

Sao: Lục Tổ Đàn Kinh nói: “Người phương Đông tạo ác, niệm Phật cầu sanh Tây Phương; người Tây Phương tạo ác, niệm Phật cầu sanh cõi nào?” Lại nói: “Kẻ ngu nguyện Đông, nguyện Tây”. Người đời sau chấp điều này, bèn nghi Lục Tổ nói “không có Tây Phương”. Vì thế, phải biện định chuyện này.

Thứ nhất, “vì pháp môn khác nhau”, lại có hai nghĩa: Một là xét theo hai môn Lý và Sự, lời Lục Tổ nói chỉ xét theo Lý, chẳng xét theo Sự. Nếu xét theo Sự, chẳng nói đến Lý, thì trong các Phật sự, chẳng bỏ một pháp, lẽ nào bác bỏ chẳng có Tịnh Độ cho được? Hai là kể từ thời Tấn, Tống trở đi, [người đời] đua nhau đề cao Thiền Quán, nhưng đối với ý chỉ “trực chỉ đơn truyền” [người học Thiền Quán] gần như mờ mịt, chẳng thông đạt. Khi ấy, tổ Đạt Ma khởi đầu đề xướng, chư Tổ kế tục chấn hưng [Thiền Tông], chỉ mong sao đạo ấy được rạng ngời, nhưng trong đạo ấy “chẳng có Phật, chẳng có chúng sanh”. Nay [pháp môn] Tây Phương chính là vì khai thị chúng sanh hướng đến Phật. Đạo ấy (đạo Thiền) hễ khởi tâm bèn lỗi, động niệm bèn sai. Nay [pháp môn] Tây Phương chính là nhằm dạy người ta khởi tâm niệm Phật. Trong đạo ấy, tâm lẫn cảnh đều vắng lặng. Nay [pháp môn] Tây Phương chính là lấy Phật quốc làm cảnh, phát tâm cầu được sanh về. Tức là xét theo Lý thì chẳng hai, nhưng môn đình được kiến lập khác nhau. Tùy thuộc thời tiết và căn cơ, pháp đáng nên là như vậy. Giả sử vừa mới hoằng truyền pháp Trực Chỉ, lại ca ngợi Tây Phương thì ý chỉ Trực Chỉ trọn chẳng thể do đâu mà tỏ rạng được. Vì thế, Lục Tổ và các sư Tịnh Độ, nếu đổi chỗ cho nhau thì cũng đều như vậy.

Diễn: “Xét theo phương diện dùng Lý để đoạt Sự”: Trong Chân Như chẳng lập mảy trần, há có tịnh hay uế, cần gì phải nguyện cầu? Do muốn hiển thị lý Chân Như, cho nên chẳng nói đến chuyện tịnh hay uế, nguyện cầu, chứ chẳng phải là thật sự không có chuyện tịnh, uế, vắng sanh!

“Trực chỉ đơn truyền”: Thiền Tông chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật, chỉ truyền tâm ấn, chẳng lập văn tự. “Trong đạo ấy, chẳng có Phật, chẳng có chúng sanh”: Trong đạo ấy, Phật đến cũng giết, ma đến cũng giết, trên là chẳng có Phật đạo để có thể thành, dưới là chẳng có chúng sanh để có thể độ. Đạo ấy “khởi tâm bèn trật, động

niệm liền sai”: Cổ nhân nói: “Đừng dấy động chấp trước, hễ chấp trước thì đầu mọc sừng”. Lại nói: “Vừa mới tính nhường nhịn, mây trắng ngàn dặm”. “Đạo ấy tâm và cảnh đều vắng lặng”: Cổ nhân nói: “Ngoài thì dứt các duyên, trong thì tâm chẳng máy động. Tâm như tường vách, có thể nhập đạo”. Lại nói: “Thở ra chẳng dính dáng các duyên, hít vào chẳng ở trong Âm, Giới” v.v...

“Nếu đổi chỗ cho nhau thì cũng đều như vậy”: Lục Tổ sống vào thời của các sư Tịnh Độ, Lục Tổ cũng khen ngợi Tây Phương. Các sư Tịnh Độ ở vào thời Lục Tổ thì các sư Tịnh Độ cũng chỉ hoằng truyền Trục Chỉ vậy).

(Sao) Nhị, tự hủy thật tán giả, Lục Tổ Đông Tây chỉ thuyết, chỉ thị khuyến nhân yếu tu thật tâm vi thiện, không nguyện vô ích, hà tăng thuyết vô Tây Phương! Dụ như Khổng Tử sanh ư Đông Lỗ; kim hữu nhân ngôn: “Tề nhân tạo ác, mộ Khổng Tử cầu cư Lỗ bang. Lỗ nhân tạo ác, mộ Khổng Tử cầu cư hà quốc?” Cái vị vi thiện thị chân học Trọng Ni, hà tăng thuyết vô Đông Lỗ? Lục Tổ thử ngôn, chánh kinh trung tất “dĩ đa thiện căn đắc sanh bỉ quốc” chi vị dĩ, ô đắc vân hủy? Tam, bất vị sơ cơ giả, Lục Tổ tự vân: “Ngô Giới, Định, Huệ tiếp tối thượng thừa nhân”. Kim sơ tâm hạ phạm, dĩ thu hào thế trí, miếu thị Tây Phương, vọng đàm Bát Nhã, phi đồ vô ích, nhi hựu hại chi! Cổ Đàn Kinh giả, thận vật thị chi sơ cơ. Cầu đầu phi khí, tiện lạc cuồng ma, thành khả thần tích. Tứ, ký lục hữu ngoa giả, Đàn Kinh hựu ngôn: “Tây Phương khứ thử thập vạn bát thiên lý”. Thị thác dĩ Ngũ Thiên Trúc đẳng vi Cực Lạc dã. Ngũ Thiên, Chấn Đán, đồng vi Sa Bà uế độ, hà tu phân biệt, nguyện Đông, nguyện Tây? Nhị Cực Lạc tự khứ thử Sa Bà thập vạn ức độ, cái Đàn Kinh giai học nhân ký lục, ninh bảo vô ngoa? Bất nhiên, tắc tá thử chi Tây Vực, dĩ dụ bỉ chi Tây Phương nhĩ. Cổ vị: “Tận tín thư, bất như vô thư giả”, thử dã. Huống Tây Phương thiên Phật sở tán, kim nãi nghi thiên Phật chi ngôn, tín nhất tổ chi ngữ, Phật thượng bất tức tín, huống ư tổ hồ? Minh trí giả, đương vị thế nhân quyết nghị, khởi tín, tại tại xú xú, hoằng tán lưu thông, tức thị đại chur Phật xuất quảng trường thiệt, tức thị báo Phật thâm ân. Như kỳ vi bội thánh ngôn, cố vi ma thuyết, kỳ vi tội dã, hà khả ngôn tận! Kim dĩ dụ minh: Ư thử hữu nhân, nhật xuất vạn ngôn, dĩ báo vạn Phật, tích mãn thiên tuế. Thị nhân tội nghiệp, vô lượng vô biên. Nhị phục hữu nhân xuất nhất ác ngôn, trở nhân niệm Phật. Thị nhân tội nghiệp, quá ư tiền nhân bách thiên vạn bội, nãi chí vô toán.

Hà dĩ cố? Vì trần chur Phật, tán thán Tây Phương, duy dục nhân nhân thành Phật. Nhữ độc sanh báng, tức thị biến báng vì trần Như Lai, hãm hại chúng sanh, thường trầm khổ hải, bất đắc thành Phật, cố tội như thị, kỳ thận từ tai!

(鈔)二、似毀實讚者，六祖東西之說，祇是勸人要須實心為善，空願無益，何曾說無西方！喻如孔子生於東魯；今有人言：齊人造惡，慕孔子求居魯邦。魯人造惡，慕孔子求居何國？蓋謂為善是真學仲尼，何曾說無東魯？六祖此言，正經中必以多善根得生彼國之謂也，惡得云毀？三、不為初機者，六祖自云：吾戒定慧接最上乘人。今初心下凡，以秋毫世智，藐視西方，妄談般若，非徒無益，而又害之！故壇經者，慎勿示之初機。苟投非器，便落狂魔，誠可歎惜。四、記錄有訛者，壇經又言：西方去此十萬八千里。是錯以五天竺等為極樂也。五天震旦，同為娑婆穢土，何須分別，願東願西？而極樂自去此娑婆十萬億土，蓋壇經皆學人記錄，寧保無訛？不然，則借此之西域，以喻彼之西方耳。古謂：盡信書，不如無書者，此也。況西方千佛所讚，今乃疑千佛之言，信一祖之語，佛尚不足信，況於祖乎？明智者，當為世人決疑起信，在在處處，弘讚流通，即是代諸佛出廣長舌，即是報佛深恩。如其違背聖言，故為魔說，其為罪也，何可言盡！今以喻明：於此有人，日出萬言，以謗萬佛，積滿千歲。是人罪業，無量無邊。而復有人出一惡言，阻人念佛。是人罪業，過於前人百千萬倍，乃至無算。何以故？微塵諸佛，讚歎西方，惟欲人人成佛。汝獨生謗，即是遍謗微塵如來，陷害眾生，常沉苦海，不得成佛，故罪如是，其慎辭哉！

(Sao: Hai là dường như hủy báng, nhưng thật ra là tán thán. Lục Tổ nói Đông, nhắc Tây, Ngài chỉ nhằm khuyên người khác cần phải thật tâm làm lành, [đừng] nguyện suông, vô ích, chứ Ngài có bao giờ nói “không có Tây Phương”? Ví như Không Tử sanh tại Đông Lỗ. Nay có kẻ

nói: “Người nước Tề tạo ác, kẻ hâm mộ Không Tử bèn cầu sống tại nước Lỗ. Người nước Lỗ tạo ác, kẻ hâm mộ Không Tử bèn cầu sống ở nước nào?” Đây là nói “làm lành” chính là thật sự học theo ngài Trọng Ni (Không Tử), chứ có bao giờ nói là “không có nước Đông Lỗ?” Lời ấy của Lục Tổ chính là như kinh đã nói: “Ắt là do nhiều thiện căn bèn được sanh về cõi ấy”. Há nên bảo là hủy báng?

Ba là chẳng vì hàng sơ cơ. Lục Tổ tự nói: “Giới, Định, Huệ của ta nhằm tiếp độ người thuộc căn cơ tối thượng thừa”. Nay kẻ sơ tâm, phạm phu căn tánh bậc hạ, cậy vào cái trí thế gian bé tí như mấy lông mùa Thu mà rẻ rúng Tây Phương, bàn xằng Bát Nhã, chẳng phải là chỉ uống công vô ích, mà lại còn có hại! Vì thế, hãy cẩn thận, đừng dạy Đàn Kinh cho kẻ sơ cơ. Nếu cầu thả dạy [kinh ấy cho] những kẻ căn cơ chẳng thích hợp, họ sẽ bị đọa lạc, trở thành cuồng ma, thật đáng than tiếc!

Bốn là biên chép có sai lầm. Đàn Kinh lại nói: “Tây Phương cách đây mười vạn tám ngàn dặm”, tức là đã lầm lẫn coi Ngũ Thiên Trúc như là Cực Lạc. Ngũ Thiên Trúc và Chấn Đán cùng thuộc Sa Bà uế độ; cần gì phải phân biệt nguyên Đông, nguyên Tây? Nhưng Cực Lạc cách Sa Bà mười vạn ức cõi Phật! Do Đàn Kinh toàn là do học trò ghi chép, làm sao bảo đảm không sai lầm cho được? Nếu chẳng phải vậy, thì chính là mượn xứ Tây Vực trong cõi này để tỷ dụ Tây Phương trong cõi kia vậy. Cổ nhân nói “hoàn toàn tin vào sách, chẳng bằng không có sách” chính là ý này. Huống chi Tây Phương được ngàn vị Phật khen ngợi; nay bèn nghi lời của ngàn vị Phật, tin lời của một vị Tổ! Phật mà còn chẳng đáng tin, huống là Tổ ư?

Kẻ trí sáng hãy nên dứt nghi, khởi phát tín tâm cho người đời; nơi nơi chốn chốn, hoằng dương, tán thán, lưu thông, đây chính là thay chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài, chính là báo ân sâu của Phật. Nếu trái nghịch thánh ngôn, sẽ là ma thuyết, sẽ gây tội chẳng sao nói hết cho được. Nay dùng tỷ dụ để nêu rõ: Ở nơi đây, có kẻ mỗi ngày thốt ra một vạn lời để hủy báng một vạn vị Phật trọn một ngàn năm. Tội nghiệp của kẻ ấy vô lượng vô biên.

Lại có kẻ thốt một lời nói ác, ngăn trở người khác niệm Phật. Tội nghiệp của kẻ đó vượt xa người trước trăm ngàn vạn lần, cho đến chẳng thể tính toán được. Vì lẽ nào? Vì trần chư Phật tán thán Tây Phương chỉ vì mong cho ai nấy đều thành Phật. Chỉ riêng người sanh lòng báng bả, tức là đã hủy báng trọn khắp vì trần Như Lai, hãm hại chúng sanh thường bị chìm trong biển khổ, chẳng được thành Phật, cho nên mắc tội như vậy. Ân nói hãy thận trọng nhé!)

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh biến chiếu, thị lục phương Phật tán nghĩa.

(Sao) Linh quang độc diệu, huýnh tuyệt trung biên, chân chiếu vô tư, hà phân bỉ thử? Cố đắc nhất đa vô ngại, chủ bạn giao thành. Vô ngại, tắc thiên sai tuy cách nhi phi thù. Giao thành, tắc vạn pháp bất kỳ nhi tự hội. Nhiên tắc lục phương bất ly u chỉ xích, chư Phật tất hiện u hào đoan, kim giả thử kinh, đương tại hà xứ?

(Diễn) Linh quang độc diệu nhị cú, linh quang đối vọng thức ngôn. Vọng thức tức bát thức chi quang. Bát thức các duyên tự cảnh, cố bất ly trung biên dã. Linh quang tức chân tánh chi quang. Chân tánh tuyệt hồ đối đãi, cố huýnh tuyệt trung biên. Chân chiếu vô tư nhị cú, chân chiếu đối vọng chiếu ngôn. Vọng chiếu tức lục thức chi chiếu. Lục thức đối cảnh chi chiếu, cố bất ly bỉ thử. Chân chiếu tức tự thể chi chiếu, tự thể bốn vô năng sở, cố viết: Bất phân bỉ thử. Huýnh tuyệt trung biên, cố nhất Phật tức đa Phật, đa Phật tức nhất Phật, nhất đa vô hữu chướng ngại. Dĩ nhất đa tận vọng thức phân biệt, linh quang phi vọng thức cố, hà phân bỉ thử? Cố Di Đà chủ tức chư Phật bạn, chư Phật bạn tức Di Đà chủ. Chủ bạn giao tương thành tự, dĩ chủ bạn giai vọng chiếu an lập, chân chiếu vô chủ bạn cố. Vô ngại, tắc thiên sai tuy cách nhi phi thù. Như đế võng thiên châu trùng trùng thiệp nhập cố. Giao thành, tắc vạn pháp bất kỳ nhi tự hội. Như vạn tượng sâm la bất ly thái hư không cố. Kim giả thử kinh đương tại hà xứ giả, lục phương vi năng tán, thử kinh vi sở tán. Năng tán chi Phật, bất ly chỉ xích hào đoan. Sở tán chi kinh, đương tại hà xứ? Di! Bất ly đương xứ thường trạm nhiên, mệnh tức tri quân bất khả kiến dã!

(疏)稱理，則自性遍照，是六方佛讚義。

(鈔)靈光獨耀，迥絕中邊，真照無私，何分彼此？故得一多無礙，主伴交成。無礙，則千差雖隔而非殊。交成，則萬法不期而自會。然則六方不離於咫尺，諸佛悉現於毫端，今者此經，當在何處？

(演)靈光獨耀二句，靈光對妄識言。妄識即八識之光。八識各緣自境，故不離中邊也。靈光即真性之光。真性絕乎對待，故迥絕中邊。真照無私二句，真照對妄照言。妄照即六識之照。六識對境之照，故不離彼此。真照即自體之照，自體本無能所，故曰：不分彼此。迥絕中

邊，故一佛即多佛，多佛即一佛，一多無有障礙。以一多盡妄識分別，靈光非妄識故，何分彼此？故彌陀主即諸佛伴，諸佛伴即彌陀主。主伴交相成就，以主伴皆妄照安立，真照無主伴故。無礙，則千差雖隔而非殊。如帝網千珠重重涉入故。交成，則萬法不期而自會。如萬象森羅不離太虛空故。今者此經當在何處者，六方為能贊，此經為所贊。能贊之佛，不離咫尺毫端。所贊之經，當在何處？咦！不離當處常湛然，覓即知君不可見也！

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh chiếu trọn khắp chính là ý nghĩa sáu phương Phật tán tán.

Sao: Linh quang riêng chiếu, dứt sạch chính giữa và hai bên, chân thật chiếu khắp, chẳng riêng tư, há phân chia đây đó? Vì thế, đạt được “một và nhiều vô ngại, chủ và bạn thành tựu lẫn nhau”. Do vô ngại, cho nên [vạn pháp] sai khác ngàn phần, dầu cách biệt nhưng chẳng khác nhau. Do thành tựu lẫn nhau, cho nên muôn pháp chẳng mong mà tự tự hội. Vì thế, sáu phương chẳng lìa gang tấc, chư Phật ắt hiện trong đầu mây lông, vậy thì nay kinh này sẽ ở nơi đâu?

Diễn: Đối với hai câu “linh quang độc chiếu”, linh quang là do so với vọng thức mà nói. Vọng thức chính là quang minh của tám thức. Mỗi thức trong tám thức duyên theo cảnh của riêng nó, cho nên chúng chẳng thể lìa khỏi chính giữa và hai bên. Linh quang là quang minh của chân tánh. Chân tánh dứt bất đối đãi, cho nên dứt sạch chính giữa và hai bên.

Đối với hai câu “chân chiếu vô tư” (chân thật chiếu khắp, chẳng riêng tư), chân chiếu là nói tương phản với vọng chiếu. Vọng chiếu chính là tác dụng Chiếu của sáu thức. Sáu thức do đối ứng với cảnh mà phát khởi tác dụng Chiếu. Vì thế, nó chẳng thể lìa khỏi đây và kia. Chân chiếu là tác dụng Chiếu của tự thể. Tự thể vốn chẳng có Năng và Sở, cho nên chẳng phân chia đây và kia. Do tuyệt dứt chính giữa và hai bên, nên một Phật chính là nhiều Phật, nhiều Phật chính là một Phật. Một và nhiều chẳng có chướng ngại; bởi lẽ, một và nhiều hoàn toàn là do vọng thức phân biệt. Linh quang chẳng phải là vọng thức, há có phân chia đây và kia?

Do vậy, Di Đà là chủ, tức chư Phật là bạn; chư Phật là bạn, tức Di Đà là chủ. Chủ và bạn thành tựu lẫn nhau, vì chủ và bạn đều do vọng chiếu an lập. Chân chiếu chẳng có chủ và bạn! Vô ngại thì ngàn muôn

điều sai khác, tuy cách biệt nhưng chẳng sai khác, giống như ngàn viên châu trong cái lưới của Đế Thích trùng trùng xen chấp lẫn nhau. Do thành tựu lẫn nhau, nên muôn pháp chẳng hện mà tự tự hội, như sấm la vạn tượng chẳng lìa khỏi vũ trụ.

“Nay kinh này sẽ ở nơi đâu?”: Sáu phương [chư Phật] là Năng Tán (người tán thán), kinh này là Sớ Tán (đối tượng được tán thán). Chư Phật là người tán thán chẳng lìa gang tấc, mảy lông. Kinh được tán thán sẽ ở chỗ nào? Ôi! Chẳng lìa chỗ này mà thường trong lặng, hề tìm thì sẽ biết là ông chẳng thể thấy được).

Nhị, thích kinh ưng tán (nhị): Sớ, trung danh. Nhị, thích nghĩa. Sớ, trung danh.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Hà cố danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sớ Hộ Niệm Kinh?

(Sớ) Danh tất hữu nghĩa, chương xiển kỳ nghĩa, phương khắc phụng hành, vô sở nghi cố.

(Sao) Đề thập lục tự, dẫn trung hạ chi bát tự giả, dĩ bất khả tư nghị, Thích Ca sở tán, kỳ nghĩa dĩ minh. Tha phương Phật tán, tăng thử bát tự, cố trung kỳ nghĩa. Vân hà Phật hộ? Vân hà Phật niệm? Dĩ tiền, giáo đương tín thị kinh. Kim vị nghĩa minh, nhiên hậu tín cố dã.

二、釋經應讚(二)：初、徵名。二、釋義。

初、徵名。

(經)舍利弗！於汝意云何？何故名為一切諸佛所護念經？

(疏)名必有義，彰闡其義，方克奉行，無所疑故。

(鈔)題十六字，但徵下之八字者，以不可思議，釋迦所讚，其義已明。他方佛讚，增此八字，故徵其義。云何佛護？云何佛念？以前，教當信是經。今謂義明，然後信固也。

(Hai, giải thích vì sao nên tán thán kinh này (gồm hai phần): Một là gạn hỏi tên kinh. Hai là giải thích ý nghĩa.

Trước hết, gạn hỏi tên kinh.

Kinh: Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Do vì lẽ nào mà có tên là Kinh Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm?

Sớ: Danh ắt có nghĩa, nêu bày rõ ràng nghĩa ấy thì mới có thể

quyết ý phụng hành, chẳng nghi ngờ.

Sao: Tựa đề kinh gồm mười sáu chữ, nhưng chỉ gạn hỏi tám chữ sau. Do “chẳng thể nghĩ bàn” là do Phật Thích Ca khen ngợi, nghĩa ấy đã rõ ràng. Chư Phật ở phương khác tán thán, tăng thêm tám chữ ấy, cho nên gạn hỏi nghĩa đó. Phật hộ trì là như thế nào? Phật niệm là như thế nào? Trong các phần trước, dạy hãy nên tin kinh này. Nay nói: Ý nghĩa đã rõ ràng, sau đây sẽ tin tưởng vững chắc).

Nhị, thích nghĩa (tam): Sơ, văn trì. Nhị, lợi ích, Tam. miễn tín. Sơ, văn trì.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả.

(Sớ) Văn thị kinh giả, điệp thượng y chánh tín nguyện, trì danh vãng sanh đẳng. Văn thọ trì, tức tiền Tam Huệ, Tam Tư Lương cố.

(Sao) Văn tức Văn Huệ, Thọ tức Tư Huệ, Trì tức Tu Huệ. Văn tức Tín nghĩa, Thọ tức Nguyện nghĩa, Trì tức Hạnh nghĩa, tường kiến tiền thích.

二、釋義(三)：初、聞持。二、利益。三、勉信。

初、聞持。

(經)舍利弗！若有善男子，善女人，聞是經受持者，及聞諸佛名者。

(疏)聞是經者，牒上依正信願，持名往生等。聞受持，即前三慧，三資糧故。

(鈔)聞即聞慧，受即思慧，持即修慧。聞即信義，受即願義，持即行義，詳見前釋。

(Hai là giải thích ý nghĩa (gồm ba phần): Một là nghe rồi trì, hai là lợi ích, ba là khuyến khích hãy tin tưởng.

Trước hết là phần “nghe rồi trì”.

Kinh: Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này, thọ trì, và nghe danh hiệu chư Phật.

Sớ: “Nghe kinh này”: Nhắc lại y báo, chánh báo, tín, nguyện, trì danh vãng sanh v.v... trong các phần trên. Nghe rồi thọ trì, tức là Tam Huệ, Tam Tư Lương trong phần trước.

Sao: Văn là Văn Huệ, Thọ là Tư Huệ, Trì là Tu Huệ. Văn có nghĩa là Tín, Thọ có nghĩa là Nguyện, Trì nghĩa là Hạnh, xem chi tiết trong lời giải thích ở phần trước).

(Sớ) Văn chư Phật danh, điệp thượng lục phương chư Phật danh dã. Văn kinh thọ trì, văn Phật danh giả, điệp ưng thọ trì cố.

(Sao) Văn: “Thử kinh văn A Di Đà Phật danh hiệu vì vãng sanh nhân, hà kiêm chư Phật?” Đáp: Di Đà công đức, vị Hằng sa chư Phật chỉ sở cộng tán, tắc văn chư Phật danh, trì chư Phật tán, tín thọ thử kinh, bội phục thân thiết, cố song cử dã. Hoa Nghiêm đệ lục Hồi Hướng vân: “Phục ư Phật sở, đắc văn Phật danh, chuyển cánh trì ngô vô số chư Phật”, tức văn thử kinh, hựu văn chư Phật danh chỉ ý dã.

(Diễn) “Đáp: Di Đà công đức” hạ hữu nhị nghĩa: Tiền nghĩa, nãi quyền đa quy nhất. Hậu nghĩa, nãi triển nhất vì đa. Tuy hữu nhị nghĩa, thật nhất đa tương tức, triển quyền vô ngại, dĩ chư Phật đồng nhất Pháp Thân cố.

(疏)聞諸佛名，牒上六方諸佛名也。聞經受持，聞佛名者，亦應受持故。

(鈔)問：此經聞阿彌陀佛名號為往生因，何兼諸佛？答：彌陀功德，為恆沙諸佛之所共讚，則聞諸佛名，知諸佛讚，信受此經，倍復親切，故雙舉也。華嚴第六回向云：復於佛所，得聞佛名，轉更值遇無數諸佛，即聞此經，又聞諸佛名之意也。

(演)答彌陀功德下有二義：前義，乃卷多歸一。後義，乃展一為多。雖有二義，實一多相即，展卷無礙，以諸佛同一法身故。

(Sớ: “Nghe danh hiệu chư Phật”: Nhắc lại danh hiệu của sáu phương Phật trong phần trên. Nghe kinh thọ trì, mà nghe danh hiệu Phật cũng nên thọ trì.

Sao: Hỏi: “Kinh này lấy nghe danh hiệu A Di Đà Phật làm cái nhân vãng sanh, sao lại kèm thêm chư Phật”? Đáp: Công đức của Phật Di Đà được Hằng sa chư Phật cùng xưng tán, cho nên nghe danh hiệu chư Phật, biết chư Phật tán thán, sẽ tin nhận kinh này càng thêm thân thiết gấp bội, cho nên nêu ra song song. Chương Đệ Lục Hồi Hướng trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “Lại ở chỗ Phật được nghe danh hiệu Phật, lần lượt gặp gỡ vô số chư Phật”. Đây chính là ý nghĩa “nghe kinh này, lại nghe danh hiệu chư Phật” trong kinh này vậy.

Diễn: Từ “Đáp: Công đức của Phật Di Đà” trở đi, có hai nghĩa: Nghĩa trước là thu nhiều về một, nghĩa sau là mở rộng một thành

nhieu. Tuy có hai nghĩa, thật ra một chính là nhiều, nhiều chính là một. Mở rộng hay rút gọn vô ngại, vì chư Phật có cùng một Pháp Thân).

(Sớ) Đại Bản vân: “Đa hữu Bồ Tát, dục văn thử kinh, nhi bất đắc văn”. Hựu kinh vân: “Ninh ư địa ngục, đắc văn Phật danh”. Tắc tri văn thử kinh, văn chư Phật danh, đại phi dị sự.

(Diễn) Bồ Tát dục văn nhi bất đắc văn giả, hoặc vân vân: “Kim bác địa phàm phu, văn giả thậm đa, tương siêu Bồ Tát da?” Đáp: - Văn kinh đại hữu sai đẳng. Phàm phu nhĩ tuy văn danh, tâm bất san thái, hoặc tâm tuy tư duy, bất dũng được đốc hành. Thử đẳng nhĩ thính ngôn thuyên, tâm bất đắc chỉ, như bất văn dã. Kim sở vị văn giả, nhân thuyên đắc chỉ, bi hỷ giao tập, đốc tín lực hành, nãi tâm văn dã, khởi bất siêu phàm tiểu da?

(疏)大本云：多有菩薩，欲聞此經，而不得聞。又經云：寧於地獄，得聞佛名。則知聞此經，聞諸佛名，大非易事。

(演)菩薩欲聞而不得聞者，或問云：今博地凡夫，聞者甚多，將超菩薩耶？答：聞經大有差等。凡夫耳雖聞名，心不飡采，或心雖思惟，不踴躍篤行。此但耳聽言詮，心不得旨，如不聞也。今所謂聞者，因詮得旨，悲喜交集，篤信力行，乃心聞也，豈不超凡小耶？

(Sớ) Kinh Đại Bản nói: “Có nhiều vị Bồ Tát muốn nghe kinh này mà chẳng được nghe”. Kinh lại nói: “Thà ở trong địa ngục mà được nghe danh hiệu Phật”. Cho nên biết là nghe kinh này, nghe danh hiệu chư Phật, quả thật chẳng phải là chuyện dễ dàng.

Diễn: “Bồ Tát muốn nghe mà chẳng được nghe”: Có lẽ sẽ có kẻ hỏi: “Nay hạng phàm phu sát đất được nghe rất nhiều, họ sẽ vượt xa hàng Bồ Tát ư?” Đáp: Nghe kinh có sự sai biệt to lớn. Phàm phu tuy nghe tên (tên kinh, hoặc nghe danh hiệu Phật), nhưng tâm chẳng thấu hiểu. Hoặc là tuy tâm suy nghĩ, nhưng chẳng hớn hở, chẳng dốc sức hành trì. Đây chỉ là tai nghe lời giảng giải, tâm chẳng lãnh hội ý chỉ, cũng giống như chẳng nghe vậy.

Nay nói đến Nghe, [phải hiểu là] do [lắng nghe] lời giảng giải mà đạt được ý chỉ, buồn vui xen lẫn, dốc lòng tin tưởng, tận lực hành trì, đây chính là “nghe bằng cái tâm” vậy. Há chẳng phải là vượt xa phàm phu, tiểu căn ư?)

(Sao) Bồ Tát dục văn nhi bất đắc, tắc Nhị Thừa, phàm phu khả tri hỷ. Đại Bản kệ vân: “Nhược bất vãng tích tu phước huệ, ư thử chánh pháp bất năng văn, dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai, cố hữu nhân duyên văn thử nghĩa”. Địa ngục văn Phật giả, Hoa Nghiêm kệ vân: “Ninh thọ địa ngục khổ, đắc văn chư Phật danh, bất nguyện sanh thiên trung, nhi bất văn Phật danh”. Cổ tri thử kinh, cập dữ Phật danh, bất dị văn dã. Kim đắc văn chi, khả phát tín thọ?

(鈔)菩薩欲聞而不得，則二乘凡夫可知矣。大本偈云：若不往昔修福慧，於此正法不能聞，已曾欽奉諸如來，故有因緣聞此義。地獄聞佛者，華嚴偈云：寧受地獄苦，得聞諸佛名，不願生天中，而不聞佛名。故知此經，及與佛名，不易聞也。今得聞之，可弗信受？

(Sao: Bồ Tát muốn nghe mà chẳng được nghe, vậy thì Nhị Thừa và phàm phu có thể suy ra mà biết vậy. Kinh Đại Bản có bài kệ: “Nếu xưa kia chẳng tu phước huệ, chẳng thể nghe đến chánh pháp này, đã từng khâm phụng chư Như Lai, nên có nhân duyên nghe nghĩa này”. “Ở trong địa ngục được nghe nói tới Phật”: Kinh Hoa Nghiêm có bài kệ rằng: “Thà chịu địa ngục khổ, được nghe tên chư Phật, chẳng mong sanh cõi trời, mà chẳng nghe tên Phật”. Do vậy biết kinh này và danh hiệu Phật chẳng dễ nghe. Nay đã được nghe, há nên chẳng tin nhận ư?)

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh tự quý, thị văn thử kinh nghĩa. Tự tánh tự giác, thị văn chư Phật danh nghĩa.

(Diễn) Tự tánh tự quý đẳng giả, kinh hữu quý tri nghĩa, tự tánh bốn tự quý tri, tức thị chân kinh, cánh ư hà xứ tâm kinh? Phật hữu giác chiếu nghĩa, tự tánh bốn tự oánh chiếu, tức thị chân Phật, cánh ư hà xứ mệnh Phật? Nhược ly tự tánh biệt cầu Phật pháp, đại tự kỳ ngu mệnh ngu, phao gia lãng tẩu dã.

(疏)稱理，則自性自軌，是聞此經義。自性自覺，是聞諸佛名義。

(演)自性自軌等者，經有軌持義，自性本自軌持，即是真經，更於何處尋經？佛有覺照義，自性本自瑩照，即是真佛，更於何處覓佛？若離自性別求佛法，大似騎牛覓牛，拋家浪走也。

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh có quy củ là ý nghĩa “nghe kinh này”. Tự

tánh tự giác là ý nghĩa “nghe danh hiệu chư Phật”.

Diễn: “Tự tánh có quy củ”: Kinh có ý nghĩa “vâng theo khuôn khổ, phép tắc”. Tự tánh vốn tự gìn giữ khuôn khổ, quy tắc, đó chính là chân kinh, còn phải tìm kinh ở nơi đâu nữa? Phật có nghĩa là giác chiếu. Tự tánh vốn tự chiếu rạng ngời, đó chính là chân Phật, còn tìm Phật ở nơi đâu nữa? Nếu lìa tự tánh để cầu Phật pháp nào khác, sẽ rất giống như đang cười trâu mà tìm trâu, bỏ nhà đi lang thang vậy).

(Sao) Tự quý tự trì, tắc “tôn giả bất thuyết, ngã nãi vô văn, thị chân Bát Nhã”. Tự giác tự chiếu, tắc vô danh, vô tự, vô thể, vô tướng, thị danh Như Lai. Tự tắc thể gian nan tín chi diệu pháp, bất văn nhi lịch lịch phân minh; Hằng sa chư Phật chi hồng danh, tuyệt thính nhi oanh oanh tại nhĩ. Khả vị sở vị văn kinh, tín chi bất nghi, thừa sự chư Phật, vô không quá giả.

(Diễn) Thị chân Bát Nhã giả, chung nhật chuyển kinh, bất tri kinh chuyển, dĩ phi chân kinh dã. Kim “vô thuyết, vô văn, phương thị chân Bát Nhã”, sở vị: “Thường chuyển như thị kinh, bách thiên vạn ức quyển” dã. Thị danh Như Lai giả, ngoại cầu hữu tướng Phật, dữ ngã bất tương can, dĩ phi chân Phật dã. Kim vô danh, vô tướng, phương thị chân Như Lai, sở vị: “Chân Phật ốc lý tọa, thời nhân tự bất thức” dã. Ký tri chân Bát Nhã, tắc xứ xứ Di Đà thuyết pháp; cố lịch lịch phân minh. Ký thức chân Như Lai, tắc thời thời chư Phật hiện tiền; cố oanh oanh tại nhĩ. Lịch lịch phân minh, tắc A Nan sở vị văn kinh, vô bất văn chi, thuyết Tín dĩ thành lưỡng quyết, hà hưởng hữu nghi! Oanh oanh tại nhĩ, tắc dạ thần sở sự chư Phật, nhất nhất thừa sự. Thuyết bất không, tảo dĩ tương quai, hưởng hữu không quá.

(鈔) 自軌自持，則尊者不說，我乃無聞，是真般若。自覺自照，則無名無字，無體無相，是名如來。斯則世間難信之妙法，不聞而歷歷分明；恆沙諸佛之洪名，絕聽而轟轟在耳。可謂所未聞經，信之不疑，承事諸佛，無空過者。

(演)是真般若者，終日轉經，不知經轉，以非真經也。今無說無聞，方是真般若，所謂：常轉如是經，百千萬億卷也。是名如來者，外求有相佛，與我不相干，以非真佛也。今無名無相，方是真如來，所謂：真佛屋裡坐，

時人自不識也。既知真般若，則處處彌陀說法；故歷歷分明。既識真如來，則時時諸佛現前；故轟轟在耳。歷歷分明，則阿難所未聞經，無不聞之，說信已成兩橛，何況有疑！轟轟在耳，則夜神所事諸佛，一一承事。說不空，早已相乖，況有空過。

(Sao: “Tự quĩ, tự trì” (Tự vâng theo khuôn phép, tự gìn giữ), chính là “tôn giả chẳng nói, ta bèn chẳng nghe, đó là chân Bát Nhã”. Tự giác tự chiếu, cho nên chẳng có danh, chẳng có tự, vô thể, vô tướng, bèn gọi là Như Lai. Đây chính là diệu pháp thế gian khó tin, chẳng nghe mà hiểu phân minh, rành rẽ; hồng danh của Hằng sa chư Phật trọn chẳng nghe mà vang rền bên tai. Có thể nói: Đối với kinh chưa được nghe bèn tin tưởng chẳng nghi; phụng sự chư Phật, chẳng bỏ sót vị nào vậy.

Diễn: “Là chân Bát Nhã”: Suốt ngày chuyển kinh, chẳng biết là bị kinh chuyển, do chẳng phải là chân kinh. Nay “chẳng nói, chẳng nghe mới là chân Bát Nhã”; đó gọi là “thường chuyển kinh như thế, trăm ngàn vạn ức quyển”. “Gọi là Như Lai”: Cầu vị Phật có hình tướng ở bên ngoài, chẳng liên quan gì đến ta; bởi lẽ, đó chẳng phải là chân Phật. Nay vô danh, vô tướng, mới là chân Như Lai, đó gọi là “vị Phật thật ngồi trong nhà, người đương thời chẳng biết”.

Đã biết chân Bát Nhã thì chón chón Di Đà thuyết pháp. Vì thế, vắng vặc phân minh. Đã biết chân Như Lai, lúc nào chư Phật cũng hiện tiền. Bởi thế, vang rền bên tai. “Vắng vặc phân minh” chính là ngài A Nan đối với những kinh chưa được nghe [đều thông suốt, chẳng khác gì] không kinh nào chẳng nghe. Nói đến Tín, đã thành hai thứ, hướng hồ còn Nghi? “Vang rền bên tai” chính là Dạ Thần [trong kinh Hoa Nghiêm] phụng sự chư Phật, mỗi mỗi đều thừa sự; nói “chẳng không” thì đã sớm trở thành trái nghịch, hướng hồ là “bỏ sót” ư?)

Nhị, lợi ích.

(Kinh) Thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, giai vì nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(Sớ) Chư Phật hộ niệm, cố đắc bất thoái Bồ Đề. Bất thoái nghĩa kiến tiền thích.

(Sao) Thượng trưng vân hà hộ niệm, kim xuất kỳ diêu, vị trì

kinh cập Phật danh giả, chư Phật hộ chi, niệm chi, linh bất thoái dã. Hựu Đường dịch, tất vị thập phương thập Càng Già sa chư Phật chi sở nhiếp thọ. Tắc phi duy bất chỉ lục phương, diệc bất chỉ nhất Hằng sa nhi dĩ.

二、利益。

(經)是諸善男子善女人，皆為一切諸佛之所護念，皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

(疏)諸佛護念，故得不退菩提。不退義見前釋。

(鈔)上徵云何護念，今出其繇，謂持經及佛名者，諸佛護之念之，令不退也。又唐譯，必為十方十殑伽沙諸佛之所攝受。則非惟不止六方，亦不止一恆沙而已。

(Hai, lợi ích.

Kinh: Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thấy chư Phật hộ niệm, đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Sớ: Do chư Phật hộ niệm nên được bất thoái Bồ Đề, đối với ý nghĩa của “bất thoái”, xem giải thích trong phần trước.

Sao: Trong phần trên đã gạn hỏi hộ niệm là gì, nay nêu nguyên do. Ý nói trì kinh và trì danh hiệu Phật, thì chư Phật hộ niệm khiến cho [hành nhân] chẳng bị thoái chuyển. Lại nữa, bản dịch đời Đường [chép rằng]: “Ắt được mười phương mười Càng Già sa chư Phật nhiếp thọ”. Tức là chẳng phải chỉ là sáu phương, mà cũng chẳng phải chỉ là một Hằng hà sa mà thôi).

(Sớ) A giả, thử vân Vô. Nậu Đa La, thử vân Thượng. Tam Miệu, thử vân Chánh Đẳng. Tam Bồ Đề, thử vân Chánh Giác. Ngôn: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

(Sao) Cứu cánh cực quả, đối hạ nhị ngôn, danh chi Vô Thượng. Chánh quán Chân Đế, đối tà nhị ngôn, danh chi viết Chánh. Đẳng quán Tục Đế, đối thiên nhị ngôn, danh chi viết Đẳng, diệc danh viết Biến. Giác giả, linh minh tự tâm. Chánh Giác giả, kiêm thượng Chánh Đẳng nhị nghĩa. Ngôn thử giác giả, thị Vô Thượng Chánh Đẳng chi Chánh Giác dã.

(Diễn) Cứu cánh cực quả giả, đạo cùng Diệu Giác, vị cực ư Trà; chứng Nhất Thiết Chủng Trí, viên quán Đệ Nhất Nghĩa Đế, đối Đẳng Giác nhị ngôn danh chi Vô Thượng. Dĩ Đẳng Giác Bồ Tát do

hữu vi tế vô minh vị đoạn, danh Hữu Thượng Sĩ cổ. Chánh quán Chân Đế giả, Nhị Thừa tu Nhất Thiết Trí. Chánh quán Chân Đế, đối ngoại đạo tà kiến nhi ngôn, danh chi viết Chánh. Dĩ cứu thập lục chủng ngoại đạo, các chấp dị kế, giai tà kiến cổ. Đẳng quán Tục Đế giả, Bồ Tát tu Đạo Chung Trí, đẳng quán Tục Đế. Đối Nhị Thừa thiên quán nhi ngôn, danh chi viết Đẳng. Dĩ Nhị Thừa khí Hữu quán Không, đoạn thiên kiến cổ. Chánh Giác kiêm Chánh Đẳng nhị nghĩa giả, dĩ Nhị Thừa đối ngoại đạo danh Chánh. Nhược đối Bồ Tát, khí Hữu, quán Không, diệc danh Tà cổ.

(疏)阿者，此云無。耨多羅，此云上。三藐，此云正等。三菩提，此云正覺。言：無上正等正覺。

(鈔)究竟極果，對下而言，名之無上。正觀真諦，對邪而言，名之曰正。等觀俗諦，對偏而言，名之曰等，亦名曰遍。覺者，靈明自心。正覺者，兼上正等二義。言此覺者，是無上正等之正覺也。

(演)究竟極果者，道窮妙覺，位極於茶；證一切種智，圓觀第一義諦，對等覺而言名之無上。以等覺菩薩猶有微細無明未斷，名有上士故。正觀真諦者，二乘修一切智。正觀真諦，對外道邪見而言，名之曰正。以九十六種外道，各執異計，皆邪見故。等觀俗諦者，菩薩修道種智，等觀俗諦。對二乘偏觀而言，名之曰等。以二乘棄有觀空，墮偏見故。正覺兼正等二義者，以二乘對外道名正。若對菩薩，棄有觀空，亦名邪故。

(Sớ: A cõi này dịch là Vô, Nậu Đa La cõi này dịch là Thượng, Tam Miệu cõi này dịch là Chánh Đẳng, Tam Bồ Đề cõi này dịch là Chánh Giác. Nói [gộp lại] sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Sao: Quả tốt cùng rất ráo, đối với hạ mà nói, bèn gọi là Vô Thượng. Chánh quán Chân Đế, đối với tà mà nói, bèn gọi là Chánh. Bình đẳng quán Tục Đế, đối với Thiên (lệch lạc) mà nói, bèn gọi là Đẳng (bình đẳng), cũng gọi là Biến (trộn khắp). Giác là linh minh tự tâm. Chánh Giác gồm cả hai nghĩa Chánh và Đẳng trên đây. Nói tới cái Giác ấy thì chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vậy.

Diễn: “Quả rất ráo tốt cùng”: Đạo đạt đến Diệu Giác tốt cùng, địa vị không còn gì cao hơn được nữa. Chứng Nhất Thiết Chung Trí,

quán trọn vẹn Đệ Nhất Nghĩa Đế, do so với Đẳng Giác mà nói là Vô Thượng. Vì Đẳng Giác Bồ Tát còn có vi tế vô minh chưa đoạn, cho nên gọi là Hữu Thượng Sĩ (bậc còn có người cao hơn).

“Chánh quán Chân Đế”: Nhị Thừa tu Nhất Thiết Trí, chánh quán Chân Đế. Đối với ngoại đạo tà kiến mà nói, thì gọi là Chánh. Do chín mươi sáu thứ ngoại đạo, mỗi loại đều có sự chấp trước khác biệt, nhưng đều là tà kiến.

“Bình đẳng quán Tục Đế”: Bồ Tát tu Đạo Chứng Trí, nên bình đẳng quán Tục Đế. Do đối với Nhị Thừa mà nói, nên gọi là Đẳng. Bởi lẽ, Nhị Thừa bỏ Hữu quán Không, cho nên đọa vào tri kiến lệch lạc. “Chánh Giác kiêm cả hai nghĩa Chánh và Đẳng”: Do đối với ngoại đạo thì Nhị Thừa được gọi là Chánh, nhưng so với Bồ Tát, [do Nhị Thừa] bỏ Hữu để quán Không, nên cũng gọi là Tà).

(Sao) Lương dĩ xuẩn động hàm linh giai hữu Phật Tánh, tắc Bồ Đề giả. Phật dữ chúng sanh bốn lai vô nhị, vô minh sở phú, toại thành mê vọng, thị tắc tà giác, bất danh vi Chánh.

(Diễn) Lương dĩ hạ xuất thượng sở dĩ. Phật dữ chúng sanh bốn lai vô nhị giả, vị Bốn Giác chi Thể, nhân tâm, quả chứng, vô nhị, vô biệt dã. Vô minh sở phú toại thành mê vọng giả, vị bất tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm, toại thành tam tế, lục thô dã. Thị tắc tà giác, bất danh vi Chánh giả. Vị phạm phu tuy cụ hữu linh giác, nhi toàn giai thị vọng, phi vi chánh cố.

(鈔) 良以蠢動含靈皆有佛性，則菩提者。佛與眾生本來無二，無明所覆，遂成迷妄，是則邪覺，不名為正。

(演) 良以下出上所以。佛與眾生本來無二者，謂本覺之體，因心果證，無二無別也。無明所覆遂成迷妄者，謂不知真如法一故，不覺心起而有其念，遂成三細六粗也。是則邪覺，不名為正者。謂凡夫雖具有靈覺，而全皆是妄，非為正故。

(Sao: Ấy là vì các loài hàm linh ngộ nguậy đều có Phật Tánh, cho nên đối với Bồ Đề, Phật và chúng sanh vốn chẳng hai. Do bị vô minh che lấp, nên trở thành mê vọng. Đó là tà giác, chẳng gọi là Chánh.

Diễn: Từ chữ “ấy là vì” trở đi, nêu ra nguyên do của những điều vừa được nói trên đây. “Phật và chúng sanh vốn chẳng hai” nghĩa là xét theo cái Thể của Bốn Giác thì cái tâm tu nhân và cái quả đã chứng đắc

chẳng hai, chẳng khác. “Do bị vô minh che lấp, nên trở thành mê vọng” nghĩa là: Do chẳng biết pháp Chân Như là một, cho nên cái tâm bất giác dấy niệm, bèn biến thành ba tế tướng và sáu thô tướng. “Đó là tà giác, chẳng phải là chánh”, có nghĩa là phàm phu tuy có linh giác, nhưng đều toàn là vọng, chẳng phải là chánh).

(Sao) Thanh Văn, Bích Chi chỉ phá Kiến Tư, tuy đắc Bồ Đề, kỳ đạo vị Trung, thị tắc Thiên Giác, bất danh vi Đẳng.

(Diễn) Thanh Văn, Bích Chi chỉ phá Kiến Tư giả, Thanh Văn quán Tứ Đế, Bích Chi quán Thập Nhị Nhân Duyên, tuy hành môn bất đồng, nhi sở đoạn giả, đồng thị tam giới Kiến Tư. Duyên Giác dần xâm tập khí, cư Thanh Văn thượng nhĩ. Tuy đắc Bồ Đề, kỳ đạo vị Trung, bất danh vi Đẳng giả, Bồ Đề vị Nhất Thiết Trí, dần năng từng Giả nhập Không, bất năng từng Không nhập Giả; cố kỳ đạo vị Trung. Đản ngộ Thiên Chân lý; cố thị Thiên Giác. Vị tu bình đẳng quán, cố bất danh vi Đẳng.

(鈔)聲聞辟支止破見思，雖得菩提，其道未中，是則偏覺，不名為等。

(演)聲聞辟支止破見思者，聲聞觀四諦，辟支觀十二因緣，雖行門不同，而所斷者，同是三界見思。緣覺但侵習氣，居聲聞上耳。雖得菩提，其道未中，不名為等者，菩提謂一切智，但能從假入空，不能從空入假；故其道未中。但悟偏真理；故是偏覺。未修平等觀，故不名為等。

(Sao: Thanh Văn, Bích Chi Phật chỉ phá Kiến Tư phiên nào. Tuy đắc Bồ Đề, đạo của họ chưa phải là Trung, cho nên là Thiên Giác, chẳng gọi là Đẳng.

Diễn: “Thanh Văn và Bích Chi chỉ phá Kiến Tư”: Thanh Văn quán Tứ Đế, Bích Chi Phật quán Thập Nhị Nhân Duyên, tuy hành môn khác nhau, nhưng cái họ đoạn đều là Kiến Tư phiên nào trong tam giới. Do Duyên Giác chỉ phải đối trị tập khí, [chẳng còn có Kiến Tư phiên nào để đối trị], cho nên địa vị cao hơn Thanh Văn. “Tuy đắc Bồ Đề, đạo của họ chưa phải là Trung, chẳng gọi là Đẳng”: Bồ Đề là Nhất Thiết Trí. Họ chỉ có thể từ Giả nhập Không, chẳng thể từ Không nhập Giả. Do vậy, đạo của họ chưa phải là Trung. Chỉ ngộ lý Thiên Chân, nên là Thiên Giác (sự giác ngộ lệch lạc). Do chưa tu bình đẳng quán, nên chẳng gọi là Đẳng).

(Sao) Nhất thiết Bồ Tát, dĩ tận Trần Sa, vị tận vô minh, tuy đắc Chánh Đẳng Bồ Đề, Phật địa do viễn, bất danh Vô Thượng.

(Diễn) Nhất thiết Bồ Tát dĩ tận Trần Sa, vị tận vô minh giả, Biệt Giáo tự Thập Hồi Hướng, Thập Địa, chí Đẳng Giác nhị giác. Viên Giáo tự Đệ Thập Tín chí Đẳng Giác, thị nhất thiết Bồ Tát. Biệt Thập Hướng dĩ tận Trần Sa, vị đoạn vô minh. Sơ Địa thí đoạn nhất phẩm vô minh, nãi chí Diệu Giác đoạn thập nhị phẩm vô minh, cố vị tận. Viên Thập Tín dĩ tận Trần Sa, vị đoạn vô minh. Sơ Trụ thí đoạn nhất phẩm vô minh, nãi chí Đẳng Giác đoạn tứ thập nhất phẩm vô minh, cố diệt vị tận. Tuy đắc Chánh Đẳng Bồ Đề, Phật địa do viễn, bất danh Vô Thượng giả, Bồ Đề, vị Đạo Chứng Trí, phần chứng Nhất Thiết Chứng Trí. Dĩ năng song giá, song chiếu, tâm tâm thú nhập Tát Bà Nhã hải. Cố đắc Chánh Đẳng Bồ Đề. Hoa Nghiêm thuyết Thập Địa Bồ Tát, sung mãn vi trần quốc độ, ư na-do-tha kiếp tu Bồ Tát hạnh, sở sanh trí huệ tỷ nhất Như Lai trí huệ, bách phần bất cập nhất, nãi chí ưu-ba-ni-sa-dà phần, diệt bất cập nhất. Cố vân: “Phật địa do viễn”. Vô luận chư vị Bồ Tát, tức chí Đẳng Giác, thượng cánh hữu quá giả, danh Hữu Thượng Sĩ, cố bất danh Vô Thượng.

(鈔) 一切菩薩，已盡塵沙，未盡無明，雖得正等菩提，佛地猶遠，不名無上。

(演) 一切菩薩已盡塵沙，未盡無明者，別教自十回向，十地至等妙二覺。圓教自第十信至等覺，是一切菩薩。別十向已盡塵沙，未斷無明。初地始斷一品無明，乃至妙覺斷十二品無明，故未盡。圓十信已盡塵沙，未斷無明。初住始斷一品無明，乃至等覺斷四十一品無明，故亦未盡。雖得正等菩提，佛地猶遠，不名無上者，菩提，謂道種智，分證一切種智。以能雙遮雙照，心心趣入薩婆若海。故得正等菩提。華嚴說十地菩薩，充滿微塵國土，於那由他劫修菩薩行，所生智慧比一如來智慧，百分不及一，乃至優波尼沙陀分，亦不及一。故云：佛地猶遠。無論諸位菩薩，即至等覺，尚更有過者，名有上士，故不名無上。

(Sao: Hết thấy các vị Bồ Tát đã đoạn hết Trần Sa, chưa đoạn hết Vô Minh, tuy đắc Chánh Đẳng Bồ Đề, vẫn cách xa địa vị Phật, chẳng

gọi là Vô Thượng.

Diễn: “Hết thấy các vị Bồ Tát đã đoạn hết Trần Sa, chưa đoạn hết Vô Minh”: Biệt Giáo thì từ Thập Hồi Hương, Thập Địa, cho đến Đẳng Giác và Diệu Giác, Viên Giáo thì từ Đệ Thập Tín cho đến Đẳng Giác, đó là “hết thấy Bồ Tát”. Thập Hồi Hương của Biệt Giáo đã đoạn hết Trần Sa, chưa đoạn Vô Minh. Sơ Địa [của Biệt Giáo] mới đoạn một phẩm vô minh, cho đến Diệu Giác [của Biệt Giáo] đoạn hết mười hai phẩm vô minh, cho nên đều là “chưa đoạn hết”. Địa vị Đệ Thập Tín của Viên Giáo đã đoạn hết Trần Sa, nhưng chưa đoạn Vô Minh. Sơ Trụ mới đoạn một phẩm vô minh, cho đến Đẳng Giác đoạn bốn mươi một phẩm vô minh, nên cũng là “chưa đoạn hết”.

“Tuy đắc Chánh Đẳng Bồ Đề, còn cách xa địa vị Phật, chẳng gọi là Vô Thượng”: Bồ Đề là nói tới Đạo Chứng Trí, phần chứng Nhất Thiết Chứng Trí. Do có thể cùng ngăn lấp hai bên, cùng chiếu hai bên, tâm tâm tiến nhập biển Nhất Thiết Trí, cho nên đắc Chánh Đẳng Bồ Đề. Kinh Hoa Nghiêm nói Thập Địa Bồ Tát đầy ắp các cõi nước nhiều như vi trần, trong na-do-tha kiếp tu Bồ Tát hạnh. Trí huệ do họ sanh khởi so với trí huệ của một đức Như Lai thì trăm phần chẳng bằng được một, cho đến một phần Ưu-ba-ni-sa-dà cũng chẳng bằng. Vì thế nói là “còn cách xa địa vị Phật”. Bất luận Bồ Tát thuộc địa vị nào cho đến Đẳng Giác, đều hãy còn có người vượt xa, cho nên [các địa vị Bồ Tát đều] được gọi là Hữu Thượng Sĩ (người có kẻ vượt xa), chẳng gọi là Vô Thượng).

(Sao) Duy Phật nhất nhân, vọng tận, giác mãn, như vọng dạ nguyệt, cánh vô hữu giác quá ư thử giả, danh Vô Thượng Chánh Đẳng Giác đã. Kim dẫn trì danh, môn Phật hộ niệm, ư như thị giác, tức bất thoái chuyển. Ngôn trực chỉ đạo tràng, chung bất tái đọa tam hữu, trung chỉ hóa thành, quyết định thành Phật đã. Đại Bồ Pháp Tạng nguyện vân: “Văn ngã danh dĩ, ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hữu thoái chuyển giả, bất thủ Chánh Giác”. Hựu vân: “Điều ư thử pháp, bất thính văn cổ, hữu nhất ức Bồ Tát thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

(Diễn) Duy Phật nhất nhân vọng tận giác mãn giả, như Bồ Tát địa tận, mãn túc phương tiện, nhất niệm tương ứng giác tâm, sơ khởi tâm vô sơ tướng, viễn ly vi tế niệm cố, danh vi “vọng tận”. Cứu tận chư pháp Thật Tướng, biên tế trí mãn, Chứng Giác đốn viên, danh vi “giác mãn”. Như vọng dạ nguyệt, cánh vô hữu giác quá ư thử giả,

Quán Kinh Sớ vân: “*Vô Thượng Sĩ giả, danh vô sở đoạn. Vô Thượng Sĩ giả, cánh vô quá giả, như thập ngũ nhật nguyệt viên mãn cụ túc, chúng tinh trung vương, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc tôn*”, thị đã.

(鈔)惟佛一人，妄盡覺滿，如望夜月，更無有覺過於此者，名無上正等覺也。今但持名，蒙佛護念，於如是覺，即不退轉。言直至道場，終不再墮三有，中止化城，決定成佛也。大本法藏願云：聞我名已，於阿耨多羅三藐三菩提，有退轉者，不取正覺。又云：繇於此法，不聽聞故，有一億菩薩退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

(演)惟佛一人妄盡覺滿者，如菩薩地盡，滿足方便，一念相應覺心，初起心無初相，遠離微細念故，名為妄盡。究盡諸法實相，邊際智滿，種覺頓圓，名為覺滿。如望夜月，更無有覺過於此者，觀經疏云：無上士者，名無所斷。無上士者，更無過者，如十五日月圓滿具足，眾星中王，最上最勝，威德特尊，是也。

(Sao: Chỉ có mình đức Phật hết vọng, giác ngộ viên mãn, như trăng đêm Rằm, trọn chẳng có gì giác ngộ hơn địa vị này, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Nay chỉ trì danh, bèn được Phật hộ niệm. Đối với sự giác ngộ như thế, bèn chẳng thoái chuyển. Nói “đến thẳng đạo tràng” là trọn chẳng còn đoạn trong ba cõi, hoặc dừng nơi hóa thành giữa đường, mà là quyết định thành Phật.

Trong kinh Đại Bốn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Đã nghe tên ta mà còn có kẻ thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ta chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Lại nói: “Do chẳng được nghe pháp này, có một ức Bồ Tát thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

Diễn: “Chỉ có mình đức Phật hết vọng, giác ngộ viên mãn”: Như trọn hết địa vị Bồ Tát, phương tiện trọn đủ, một niệm tương ứng giác tâm, cái tâm sơ khởi chẳng có tướng khởi đầu, vì đã xa lìa hết thấy các niệm vi tế, cho nên gọi là “hết vọng”. Thấu suốt cùng tột Thật Tướng của các pháp, trí huệ đã viên mãn tận bờ mé, mau chóng viên mãn Chứng Giác (Nhất Thiết Chứng Tri), cho nên gọi là “giác ngộ viên mãn”. “Như trăng ngày Rằm, chẳng còn có gì giác ngộ hơn địa vị này”:

Quán Kinh Sớ nói: “*Vô Thượng Sĩ* là không có gì để đoạn. *Vô Thượng Sĩ* là không còn ai hơn được. Như trăng Rằm viên mãn, tròn đủ, là vua trong các ngôi sao, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc biệt tôn quý”, chính là nói về ý này vậy).

(Sớ) *Tiền văn A Bệ Bạt Trí, chánh thử bất thoái Bồ Đề nghĩa đã, nhi sanh tiền, sanh hậu, ý sảo sai biệt.*

(Sao) *A Bệ Bạt Trí, văn Bất Thoái giả, chánh ngôn: “U Vô Thượng Bồ Đề bất thoái chuyển” nhĩ. Nhiên tiền văn: “Sanh bỉ quốc giả, giai đắc Bất Thoái”. Thử ngôn: “Văn kinh, văn Phật, giai đắc Bất Thoái”, tắc bất đãi vãng sanh bỉ quốc, nhi vị sanh dĩ tiền, tức dĩ thành tựu Bồ Đề thiện căn, bất khả phá hoại, hưởng phục sanh bỉ, nhi hữu thoái chuyển. Phục hữu nhị nghĩa: Nhất giả, kiến sanh Bất Thoái, như thượng sở minh. Nhị giả, tưng kỳ thiếu thọ đa chướng, bất khắc vãng sanh, nhi thừa thử tự chấp trì lực, Phật hộ niệm lực, tất ư lai sanh Bồ Đề thiện căn diệt bất táng thất, tất cánh đắc sanh bỉ Phật quốc độ. Như tích nhân vị: “Kim sanh ký hạ thử đẳng Bát Nhã chủng tử, tưng vị minh liễu, tài xuất đầu lai, quản thủ ư Bát Nhã trung, hiện thành thọ dụng”, chánh thử vị dã.*

(疏)前云阿鞞跋致，正此不退菩提義也，而生前生後，意稍差別。

(鈔)阿鞞跋致，云不退者，正言：於無上菩提不退轉耳。然前云：生彼國者，皆得不退。此言：聞經聞佛，皆得不退，則不待往生彼國，而未生以前，即已成就菩提善根，不可破壞，況復生彼，而有退轉。復有二義：一者，見生不退，如上所明。二者，縱其少壽多障，不克往生。而乘此自執持力，佛護念力，必於來生菩提善根亦不喪失，畢竟得生彼佛國土。如昔人謂：今生既下此等般若種子，縱未明了，纔出頭來，管取於般若中，現成受用，正此謂也。

(Sớ: A Bệ Bạt Trí được nói trong phần trước chính là ý nghĩa “bất thoái Bồ Đề” được nói ở đây, nhưng đối với chuyện trước và sau khi được vãng sanh, ý nghĩa sai biệt đôi chút.

Sao: *A Bệ Bạt Trí* có nghĩa là *Bất Thoái*, chính là nói “chẳng thoái chuyển nơi *Vô Thượng Bồ Đề*”; nhưng trong phần trước đã nói:

“Người sanh về cõi ấy đều đắc Bất Thoái”. Ở đây nói là “nghe kinh, nghe [danh hiệu] Phật, đều được Bất Thoái”, cho nên chẳng đợi đến khi vãng sanh cõi ấy, mà là trước khi vãng sanh, đã thành tựu thiện căn Bồ Đề chẳng thể phá hoại, há còn có chuyện đã sanh về cõi kia mà bị thoái chuyển ư?

Lại có hai nghĩa: Một là Bất Thoái ngay trong đời hiện tại như vừa nói trên đây. Hai là dầu là kẻ tuổi thọ ít ỏi, chướng nhiều, chẳng thể vãng sanh, nương theo sức chấp trì của chính mình và sức hộ niệm của Phật, ắt thiện căn Bồ Đề trong đời sau cũng chẳng bị chôn vùi, rốt cuộc được sanh về cõi nước Phật ấy. Cổ nhân nói: “Đời này đã gieo các chủng tử Bát Nhã như vậy, dầu chưa hiểu rõ, [đời sau] vừa mới ló đầu ra, Bát Nhã sẽ hiện thành, tùy ý thọ dụng”, chính là nói về ý này).

(Sớ) Xưng Lý, tác tự tánh thường giác, thị bất thoái Bồ Đề nghĩa.

(Sao) Linh linh độc chiếu, liễu liễu thường tri, bất giảm, bất tăng, vô đắc, vô thất. Bồ Đề tức ngã, ngã tức Bồ Đề. Thượng vô hữu tán, vân hà hữu thoái?

(Diễn) Linh linh độc chiếu hạ, vọng chiếu hữu chiếu, cố hữu sở bất chiếu. Chân chiếu vô chiếu, cố vô sở bất chiếu. Vọng tri hữu tri, cố hữu sở bất tri. Chân tri vô tri, cố vô sở bất tri. Thử tri, thử chiếu, vô minh địa vô sở giảm, Bát Nhã địa vô sở tăng; ngộ thời vô đắc, mê thời vô thất. Bồ Đề tức ngã hạ, Bồ Đề giả chân giác dã. Ngã giả, vọng tể dã. Nhược mê thời, hữu giảm, hữu thất; ngộ thời, hữu tăng, hữu đắc, tắc chân giác phi vọng tể, vọng tể phi chân giác. Kim ký mê thời vô giảm, vô thất, tắc vọng tể toàn thị chân giác. Ngộ thời, vô tăng, vô đắc, tắc chân giác toàn thị vọng tể. Nhược chân giác, vọng tể thị nhị; tắc dĩ ngã chỉ vọng tể, thoái bỉ chỉ chân giác. Kim ký nhất hỷ, cầu kỳ tán tướng, liễu bất khả đắc, vân hà hữu thoái da?

(疏)稱理，則自性常覺，是不退菩提義。

(鈔)靈靈獨照，了了常知，不減不增，無得無失。菩提即我，我即菩提。尚無有進，云何有退？

(演)靈靈獨照下，妄照有照，故有所不照。真照無照，故無所不照。妄知有知，故有所不知。真知無知，故無所不知。此知此照，無明地無所減，般若地無所增；悟時無得，迷時無失。菩提即我下，菩提者真覺也。我者，

妄宰也。若迷時有減有失，悟時有增有得，則真覺非妄宰，妄宰非真覺。今既迷時無減無失，則妄宰全是真覺。悟時無增無得，則真覺全是妄宰。若真覺妄宰是二；則以我之妄宰，退彼之真覺。今既一矣，求其進相，了不可得，云何有退耶？

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh thường giác là ý nghĩa “bất thoái Bồ Đề”.

Sao: Linh thông riêng chiếu, thường biết rành rành, chẳng giảm, chẳng tăng, chẳng được, chẳng mất. Bồ Đề chính là ta, ta chính là Bồ Đề. Tiến còn chẳng có, làm sao có lùi cho được?

Diễn: Từ “linh thông riêng chiếu” trở đi, ý nói: Do vọng chiếu có chiếu, cho nên có cái chẳng chiếu thấu. Chân chiếu không có chiếu, nên không gì chẳng chiếu. Do vọng tri (hiểu biết hư vọng) có sự nhận biết, cho nên có cái chẳng biết. Chân tri vô tri, nên không gì chẳng biết. Tri và chiếu ấy ở địa vị vô minh chẳng giảm, nơi địa vị Bát Nhã chẳng tăng. Khi ngộ thì chẳng đắc, lúc mê thì chẳng mất. Từ “Bồ Đề chính là ta” trở đi, Bồ Đề là chân giác; ngã là vọng tế (chủ thể hư vọng). Nếu lúc mê mà có giảm, có mất, lúc ngộ có tăng, có đắc, thì chân giác chẳng phải là vọng tế, vọng tế chẳng phải là chân giác. Nay đã là khi mê thì chẳng giảm, chẳng mất, vậy thì toàn thể vọng tế là chân giác. Khi ngộ, chẳng tăng, chẳng đắc, thì toàn thể chân giác là vọng tế. Nếu chân giác và vọng tế là hai thì vọng tế của ngã sẽ đẩy lui chân giác. Nay chúng đã là một, cầu tướng tán còn trọn chẳng thể được, làm sao có thoái ư?)

Tam, miễn tín (tam): Sơ, nhân văn tín thọ. Nhị, tùy nguyện đắc sanh. Tam, tổng kết tín nguyện.

Sơ, nhân văn tín thọ.

(Kinh) Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngũ ngũ, cập chư Phật sở thuyết.

(Sớ) Giai đương tín thọ, thị vi đệ tam trùng khuyến. Hữu phán thử xứ tức thuộc Lưu Thông, kim nhưng thuộc Chánh Tông, dĩ thừa thượng văn, chánh miễn tín thọ, linh vãng sanh cố. Tiền văn nhị giai khuyến nguyện, kim phục khuyến tín.

(Sao) Đệ tam khuyến giả, thượng ngôn “văn thị thuyết giả”, chỉ thị trì danh đắc sanh, vị ủy thoái dữ bất thoái. Kim ngôn: “Bất dẫn đắc sanh, tất ư Vô Thượng Bồ Đề, vĩnh bất thoái chuyển”. Như thị tắc

nguyện đương ích thiết, cố vân tam khuyến. Vị thuộc Lưu Thông giả, dĩ tín nguyện vãng sanh, thị nhất kinh yếu lãnh, hạ văn trùng trùng khuyến tín, khuyến nguyện, phán thuộc Chánh Tông, ư nghĩa vi đáng. Nhữ đẳng giả, chánh chỉ Thân Tử, dĩ cập hiện tiền đại chúng, kiêm vị lai nhất thiết chư chúng sanh đẳng. Lương dĩ nhất Phật thân tuyên, tức đương để tín; chư Phật đồng tán, cánh phục hà nghi? Tín, Hạnh, Nguyện tam, bất khả nhất khuyết. Cố tiền văn khuyến nguyện, kim phục khuyến tín. Phục khuyến giả, tiền lục phương trung, dĩ khuyến đương tín thị kinh. Kim phục minh ngôn: “Đương tín ngã ngữ”. Lương dĩ bất nguyện, điều ư bất tín. Bất tín, tắc khởi hạnh vô điều. Cố Phật ư thử kinh, trùng trùng khuyến tín. Như Đại Bồn ngôn: “Bất tín Phật ngữ giả, nãi ác đạo trung lai, dư ương vị tận, ngu si bất tín, vị đương giải thoát”. Hựu Pháp Tạng nguyện vân: “Chỉ tâm tín nhạo, dục sanh ngã sát, thập niệm tất sanh, duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”. Báng chánh pháp giả, bất tín chi vị dã. Hựu Văn Thù Bát Nhã kinh, như tiền sở dẫn, mạt diệt vân: “Duy trừ bất tín”. Hựu Hoa Nghiêm vị: “Tín vi đạo nguyên, công đức mầu”. Nhi phục lũy ngôn bất trí, khởi đồ nhiên tai? Thanh Lương đại sư vân: “Cao Tề Đại Hạnh hòa thượng, tông sùng niệm Phật, dĩ tứ tự giáo chiếu, vị: Tín ức nhị tự, bất ly ư tâm, xưng kính nhị tự, bất ly ư khẩu”. Vãng sanh Tịnh Độ, yếu tu hữu tín, thiên tín tức thiên sanh, vạn tín tức vạn sanh. Tín Phật danh tự, chư Phật tức cứu, chư Phật tức hộ. Tâm thường ức Phật, khẩu thường xưng Phật, thân thường kính Phật, thi danh “thâm tín”. Nhậm ý tạo văn, chung vô tái trụ Diêm Phù chi pháp. Thử sách phát tín tâm, tối vi thiết yếu dã.

(Diễn) Lũy ngôn bất trí giả, như: “Tín vô cầu trước, tâm thanh tịnh, Tín năng tất thí tâm vô lận. Tín năng hoan hỷ nhập Phật pháp. Tín năng tăng trưởng trí công đức. Tín năng tất đáo Như Lai địa” đáng.

三、勉信(三): 初、因聞信受。二、隨願得生。三、總結信願。

初、因聞信受。

(經)是故舍利弗！汝等皆當信受我語，及諸佛所說。

(疏)皆當信受，是為第三重勸。有判此處即屬流通，今仍屬正宗，以承上文，正勉信受，令往生故。前文二皆勸願，今復勸信。

(鈔)第三勸者，上言聞是說者，止是持名得生，未委退與不退。今言：不但得生，必於無上菩提，永不退轉。如是則願當益切，故云三勸。未屬流通者，以信願往生，是一經要領，下文重重勸信勸願，判屬正宗，於義為當。汝等者，正指身子，以及現前大眾，兼未來一切諸眾生等。良以一佛親宣，即當諦信；諸佛同讚，更復何疑？信行願三，不可一缺。故前文勸願，今復勸信。復勸者，前六方中，已勸當信是經。今復明言：當信我語。良以不願，繇於不信。不信，則起行無繇。故佛於此經，重重勸信。如大本言：不信佛語者，乃惡道中來，餘殃未盡，愚痴不信，未當解脫。又法藏願云：至心信樂，欲生我剎，十念必生，惟除五逆誹謗正法。謗正法者，不信之謂也。又文殊般若經，如前所引，末亦云：惟除不信。又華嚴謂：信為道元，功德母。而復累言不置，豈徒然哉？清涼大師云：高齊大行和尚，宗崇念佛，以四字教詔，謂：信憶二字，不離於心；稱敬二字，不離於口。往生淨土，要須有信，千信即千生，萬信即萬生。信佛名字，諸佛即救，諸佛即護。心常憶佛，口常稱佛，身常敬佛，始名深信。任意早晚，終無再住閻浮之法。此策發信心，最為切要也。

(演)累言不置者，如：信無垢濁，心清淨，信能悉施心無吝。信能歡喜入佛法。信能增長智功德。信能必到如來地等。

(Kinh: Do vậy, này Xá Lợi Phất! Các ông hãy đều nên tin nhận lời ta và lời chư Phật đã nói.

Sớ: “Đều nên tin nhận” là khuyên lần thứ ba. Có người phán định chỗ này thuộc về phần Lưu Thông, nay tôi phán định [phần kinh văn này] vẫn thuộc về phần Chánh Tông, do nó tiếp nối phần kinh văn trước đó, chính là để khuyên lòng [người nghe] hãy tin nhận, hòng được vãng sanh. Hai lần khuyên trong những phần kinh văn trước nhằm khuyên nguyện, nay [trong phần kinh văn này] lại khuyên tín.

Sao: “Khuyên lần thứ ba”: Trong phần trên có nói “nghe nói như vậy”, chỉ là nói người trì danh bèn được vãng sanh, nhưng chưa rõ thoát chuyển và bất thoát [là như thế nào]. Nay nói “không chỉ được vãng sanh, mà ắt còn được vĩnh viễn chẳng thoát chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề”. Như thế thì nguyện sẽ càng thêm thiết tha. Do vậy, nói lời khuyên lần thứ ba. “Chưa thuộc phần Lưu Thông”: Vì tín nguyện vãng sanh chính là cương lĩnh trọng yếu của kinh này, do phần kinh văn tiếp theo lại [nêu rõ] nhiều phen khuyến tín, khuyến nguyện, cho nên phán định phần này thuộc về Chánh Tông. Xét theo nghĩa lý sẽ thỏa đáng.

“Nhữ đẳng” (các ông) chính là nói tới ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) và hiện tiền đại chúng, kèm thêm hết thảy các loại chúng sanh trong đời mai sau. Ấy là vì do một đức Phật đích thân nói “hãy nên tin sâu”; chư Phật cùng khen ngợi, còn nghi ngờ chi nữa? Ba điều Tín, Hạnh, Nguyện, chẳng thể thiếu một điều nào! Vì thế, trong phần trước đã khuyên nguyện, nay lại khuyên tín. [Nói] “lại khuyên” vì trong phần sáu phương trước đó, đã khuyên “hãy nên tin tưởng kinh này”; nay [đức Phật] lại nói rõ “hãy nên tin lời ta”. Vì chẳng nguyện là do chẳng tin. Chẳng tin thì sẽ không do đâu mà khởi hạnh được! Vì thế, trong kinh này, đức Phật đã nhiều lượt khuyên tín. Như kinh Đại Bốn nói: “Kể chẳng tin lời Phật chính là từ ác đạo sanh tới, những ương họa còn sót lại chưa hết sạch, [vì thế] ngu si, chẳng tin, chưa được giải thoát”.

Lại nữa, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: “Chỉ tâm tin ưa, muốn sanh về cõi ta, mười niệm ắt được sanh, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”. “Báng chánh pháp” là nói tới kẻ chẳng tin. Kinh Văn Thù Bát Nhã, như đã dẫn trong phần trước, cuối cùng cũng nói: “Chỉ trừ chẳng tin”. Kinh Hoa Nghiêm lại nói: “Tín là nguồn đạo, mẹ công đức”. Lại còn nói nhiều lần chẳng thôi, há có phải là chuyện phí công ư?

Thanh Lương đại sư nói: “Đời Cao Tề, hòa thượng Đại Hạnh ngưỡng mộ, sùng bái niệm Phật, dùng bốn chữ để dạy răn. Ngài nói: - Hai chữ Tín, Nhớ chẳng lìa khỏi tâm, hai chữ Xưng, Kính chẳng lìa nơi miệng. Vãng sanh Tịnh Độ cần phải có tín. Ngàn người tin, ngàn người vãng sanh; vạn người tin, vạn người vãng sanh. Tin vào danh hiệu Phật, chư Phật liền cứu, chư Phật liền hộ trì. Tâm thường nhớ Phật, miệng thường niệm Phật, thân thường kính Phật thì mới gọi là ‘tin sâu’. Tùy ý [vãng sanh] sớm hay trễ, trọn chẳng còn vướng mắc trong các pháp của cõi Diêm Phù Đề”. Lời dạy này (lời dạy của hòa thượng Đại Hạnh) nhằm sách tấn [hành nhân Tịnh Tông nhận biết] phát khởi tín tâm là điều thiết yếu nhất.

Diễn: “Nói nhiều lần chẳng thôi”: Như Tín chẳng có cầu trước, tâm sẽ thanh tịnh. Do tín tâm, nên có thể phát tâm bồ thí chẳng keo kiệt. Do tín tâm, nên có thể hoan hỷ khế nhập Phật pháp. Do tín tâm, nên có thể tăng trưởng công đức nơi trí huệ. Do tín tâm, nên ắt có thể đạt đến địa vị Như Lai v.v...)

(Sớ) Tín giả, bất nghi chi vị. Thọ giả, tín dĩ nhi lãnh nạp bất vong chi vị. Tín nhi bất thọ, do phát tín dã.

(Sao) Tín nhi bất thọ, thí như hữu nhân, quỹ dĩ dị bảo; tuy tri thị bảo, thâm tín vô nghi. Nhiên cự chi bất nạp, tín diệc hà ích? Cổ viết: “Do phát tín” dã.

(疏)信者，不疑之謂。受者，信已而領納不忘之謂。信而不受，猶弗信也。

(鈔)信而不受，譬如有人，饋以異寶；雖知是寶，深信無疑。然拒之不納，信亦何益？故曰：猶弗信也。

(Sớ: Tín có nghĩa là chẳng nghi. “Thọ” là đã tin rồi bèn nhận lãnh chẳng quên. Tín mà chẳng nhận lấy thì cũng như chẳng tin!

Sao: “Tín mà chẳng nhận lấy”: Ví như có người được tặng báu vật lạ lùng; tuy biết là của báu, tin sâu chẳng nghi, nhưng cự tuyệt chẳng nhận, dầu tin cũng có ích gì đâu? Nên nói là “cũng như chẳng tin”).

(Sớ) Hựu tín tức tâm tịnh, như Duy Thức thuyết.

(Sao) Thành Duy Thức Luận vân: “Tín giả, vị ư thật, đức, năng, thâm nhãn lạc dục, tâm tịnh vi tánh. Hà ngôn tâm tịnh? Dĩ tâm thắng cố, như thủy thanh châu, năng thanh trước thủy. Hựu chư nhiễm pháp, các tự hữu tướng. Duy hữu bất tín, tự tướng hồn trước, phục năng hồn trước dư tâm, tâm sở, như cực uế vật, tự uế, uế tha. Tín chánh phiên bỉ, cố tịnh vi tướng”. Kim tu Tịnh Độ, chủ hồ tâm tịnh, Tín vi cấp vụ, minh diệc thậm hỹ!

(Diễn) Ư thật đức năng, thâm nhãn lạc dục giả, vị: Ư Thật tắc thâm nhãn, ư Đức tắc thâm lạc, ư Năng tắc thâm dục dã. Bát Thức Quy Củ vân: “Thâm nhãn giả, ư chư pháp thật sự, thật lý, thâm tín minh khế, nhãn khả ư tâm, bất vị hư vọng Sự Lý chi sở chuyển cố. Thâm lạc giả, ư Tam Bảo thanh tịnh Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, chân tịnh đức trung, thâm tín, hảo nhạo, bất vị vọng nhiễm tà đức chi sở hoặc cố. Thâm dục giả, ư nhất thiết thể xuất thể thiện, thâm tín

hữu lực, năng đắc thiện báo, năng thành đạo quả, khởi hy vọng tâm, cầu tất đắc cố. Ư trung, nhân khả thị tín nhân, lạc dục thị tín quả, tri chi tất háo chi dã”. Tâm tịnh vì tánh giả, dĩ tâm thắng cố. Duy ngôn ư tâm kiêm tâm sở dã, vị thử nhân quả, Tín bất độc tự thể thanh tịnh, phục năng thanh tịnh nhất thiết tâm cập tâm sở. Như cực hương vật, bất độc tự hương, phục năng huân hương nhất thiết dư vật. Như thủy thanh châu, bất độc tự thanh, phục năng trùng thanh nhất thiết trước thủy. Kỳ lực tối thắng, cố vân: “Tín vì đạo nguyên, công đức mẫu”. Lưu từng thử xuất, nhi thiện từng thử sanh dã. Tín năng tất đáo Như Lai địa, dư hoặc nạn tất nhi tín khả quyết dã. Hà ngôn tâm tịnh hạ tứ cú, thị chánh thích “tâm tịnh vì tánh”. Hữu chư nhiễm pháp hạ tứ cú, thị phản minh tâm tịnh vì tánh dã. Chư nhiễm pháp tức tham đẳng lục phiền não, vô tà đẳng nhị thập tùy dã. Các tự hữu tướng giả, như tham tâm sở tức ư hữu. Hữu cụ nhiễm trước vì tánh, năng chướng vô tham, sanh khổ vì nghiệp, vô tà tức bất cố tự pháp, khinh cự hiện thiện vì tánh, năng chướng ư Tà, sanh trưởng ác hạnh vì nghiệp đẳng giả. Duy hữu bất tín giả, bất tín tức bất tín tâm sở, vị ư Thật, Đức, Năng, bất nhân lạc dục, tâm uế vì thể, năng chướng tịnh tín, nọa y vì dụng, tự tướng hôn trước, phục năng hôn trước dư tâm, tâm sở đẳng giả. Dĩ bất tín bất dẫn tự thể nhiễm uế, phục năng uế trước nhất thiết tâm, tâm sở pháp. Như cực xú vật, phục năng huân chư nhất thiết, thị dã. Thị cố, bất tín chi lực, thắng chư nhiễm tâm. Tín chánh phiên bỉ giả, kim tín tâm sở, chánh phiên bỉ bất tín tâm sở. Bất tín ký tự uế, uế tha, tắc tín tự tịnh, tịnh tha, cố tịnh vì tướng dã. Chủ hồ tâm tịnh giả, Duy Ma vân: “Nhược Bồ Tát dục đắc Tịnh Độ, đương tịnh kỳ tâm. Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh”.

(疏)又信即心淨，如唯識說。

(鈔)成唯識論云：信者，謂於實德能，深忍樂欲，心淨為性。何言心淨？以心勝故，如水清珠，能清濁水。又諸染法，各自有相。唯有不信，自相渾濁，復能渾濁餘心，心所，如極穢物，自穢穢他。信正翻彼，故淨為相。今修淨土，主乎心淨，信為急務，明亦甚矣！

(演)於實德能，深忍樂欲者，謂：於實則深忍，於德則深樂，於能則深欲也。八識規矩云：深忍者，於諸法實事實理，深信冥契，忍可於心，不為虛妄事理之所轉故。

深樂者，於三寶清淨法身般若解脫，真淨德中，深信好樂，不為妄染邪德之所惑故。深欲者，於一切世出世善，深信有力，能得善報，能成道果，起希望心，求必得故。於中，忍可是信因，樂欲是信果，知之必好之也。心淨為性者，以心勝故。唯言於心兼心所也，謂此因果，信不獨自體清淨，復能清淨一切心及心所。如極香物，不獨自香，復能熏香一切餘物。如水清珠，不獨自清，復能澄清一切濁水。其力最勝，故云：信為道源，功德母。流從此出，而善從此生也。信能必到如來地，餘或難必而信可決也。何言心淨下四句，是正釋心淨為性。又諸染法下四句，是反明心淨為性也。諸染法即貪等六煩惱，無慚等二十隨也。各自有相者，如貪心所即於有。有具染著為性，能障無貪，生苦為業，無慚即不顧自法，輕拒賢善為性，能障於慚，生長惡行為業等也。唯有不信者，不信即不信心所，謂於實德能，不忍樂欲，心穢為體，能障淨信，情依為用，自相渾濁，復能渾濁餘心，心所等者。以不信不但自體染穢，復能穢濁一切心，心所法。如極臭物，復能熏諸一切，是也。是故，不信之力，勝諸染心。信正翻彼者，今信心所，正翻彼不信心所。不信既自穢穢他，則信自淨淨他，故淨為相也。主乎心淨者，維摩云：若菩薩欲得淨土，當淨其心。隨其心淨，則佛土淨。

(Sớ: Tín lại chính là “tâm tịnh” như Duy Thức đã nói.

Sao: Thành Duy Thức Luận viết: “Tín là nói đối với Đức, Năng, Thật, bền thâm nhẫn, thâm lạc, thâm dục. Tâm tịnh là tánh”. Vì sao nói là “tâm tịnh?” Do tâm thù thắng vậy. Giống như thủy thanh châu có thể lắng trong nước đục. Lại nữa, các pháp ô nhiễm, mỗi pháp đều có tướng riêng. Chỉ có Bất Tín là tướng của chính nó vẫn đục, lại còn có thể làm vẫn đục các tâm và tâm sở khác, giống như một vật tội cùng ô uế, chính nó đã ô uế, lại còn làm các vật khác bị ô uế lây. Do Tín có thể thay đổi tướng ấy (tướng dơ bẩn vì bất tín), cho nên lấy tịnh làm tướng”. Nay tu Tịnh Độ thì lấy tâm tịnh làm điều chủ yếu. Tín là việc cấp bách cũng đã rõ ràng rành.

Diễn: “Đối với Thật, Đức, Năng, bèn thâm nhân, thâm lạc, thâm dục”: Ý nói: Đối với Thật, bèn nhân sâu xa. Đối với Đức, bèn vui thích sâu xa. Đối với Năng, bèn ưa muốn sâu xa. Bát Thức Quy Củ nói: “Thâm nhân là đối với thật sự và thật lý của các pháp, bèn tin sâu, ngẫm khế hợp, tâm thừa nhận, khẳng định, chẳng bị xoay chuyển bởi sự lý hư vọng. Thâm lạc là đối với Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát thanh tịnh trong Tam Bảo, đối với tịnh đức chân thật bèn tin sâu, ưa thích, chẳng bị mê hoặc bởi tà đức hư vọng, ô nhiễm. Thâm dục là đối với hết thấy các điều thiện thế gian và xuất thế gian, bèn tin sâu xa là chúng có sức mạnh [khiến cho người làm lành] có thể đạt được thiện báo, có thể thành tựu đạo quả, đầy lòng hy vọng ắt sẽ đạt được [những điều mong mỏi ấy]. Trong ấy, nhân khả những điều ấy chính là cái nhân của Tín. Lạc và dục là quả của Tín. Đã biết, ắt sẽ ham thích”.

“Tâm tịnh là tánh”: Do tâm thù thắng. Chỉ nói đến tâm, kèm thêm tâm sở, tức là đối với cái nhân ấy và cái quả ấy, không chỉ riêng tự thể của Tín là thanh tịnh, nó lại còn có thể thanh tịnh hết thấy các tâm và tâm sở. Như một vật hết sức thơm, không chỉ riêng nó tự thơm, lại còn có thể ướp thơm hết thấy các vật khác. Như thủy thanh châu chẳng riêng tự mình trong trẻo, mà còn có thể lắng trong hết thấy nước đục. Do lực của nó thù thắng nhất, nên nói: “Tín là nguồn đạo, mẹ công đức”. Lưu xuất từ đây, thiện được sanh từ đây. Do Tín ắt có thể đạt đến [địa vị] Như Lai. Những điều khác nhằm giải đáp vấn nạn “ắt cần phải có Tín”.

Bốn câu từ “vì sao nói tâm tịnh” trở đi nhằm giải thích câu “tâm tịnh là tánh”. Bốn câu từ “lại nữa, các nhiễm pháp” trở đi là nói tương phản, hòng làm sáng tỏ [ý nghĩa] “tâm tịnh là tánh”. Các nhiễm pháp chính là sáu phiền não như tham, sân, si v.v... và hai mươi món Tùy phiền não như vô tầm v.v... Mỗi pháp tự có tướng [riêng của nó] như tham tâm sở [có tướng] là Hữu. Hữu có tánh chất đắm nhiễm, có tác dụng là “có thể chướng ngại vô tham, sanh ra khổ”. Vô Tầm là chẳng đoái hoài tự pháp, có tánh chất coi thường, cự tuyệt hiền thiện, có tác dụng “có thể chướng ngại Tầm, sanh trưởng ác hạnh” v.v...

Chỉ có Bất Tín, tức Bất Tín tâm sở là chẳng kham nhân, vui thích đối với Thật, Đức, Năng. Thể của nó là cái tâm ô uế, có tác dụng là “có thể chướng ngại lòng tin thanh tịnh, lừa nhác, dựa dẫm”. Tướng của nó vẫn đục, như bản, lại còn có thể vẫn đục, như bản các tâm và tâm sở khác. Do không chỉ riêng tự thể của Bất Tín là nhiễm uế, nó lại còn có thể nhuộm bản hết thấy các pháp tâm và tâm sở. Như vật tốt bậc hội thối, lại có thể xông thối hết thấy vậy. Vì thế, sức của Bất Tín vượt xa hết thấy

các tâm ô nhiễm khác. “Tin đúng là có thể thay đổi nó (Bất Tín)”: Nay Tín tâm sở có thể thay đổi Bất Tín tâm sở. Bất Tín đã là tự uế, lại còn khiến cho những thứ khác ô uế theo, cho nên Tín là tự tịnh, lại còn tịnh hóa những pháp khác. Vì thế, Tịnh là tướng [của Tín].

“Điều chủ yếu là tâm tịnh”: Kinh Duy Ma chép: “Nếu Bồ Tát muốn đạt được Tịnh Độ, hãy nên tịnh cái tâm. Tùy thuận cái tâm tịnh mà cõi nước sẽ tịnh”).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh bốn lai thị Phật, thị tín thọ nghĩa.

(Sao) Hoa Nghiêm Thập Tín, toàn dĩ Quả Phật vì tự tín tâm. Lương diêu Phật tức thị tâm, cố chúng sanh tâm trung, niệm niệm thường hữu Phật thành Chánh Giác. Tác như thị tín, Kỳ Viên diệu chỉ, thiên Phật huyền đàm, nhất thời thọ tất.

(Diễn) Toàn dĩ Quả Giác vì tự tín tâm giả, dĩ bỉ Quả Phật vì ngã nhân tâm. Nhược ly giác thể, biệt ngôn tín giả, thị danh tà tín, phi Đại Thừa viên đốn chỉ chánh tín dã. Chúng sanh tâm trung, niệm niệm thường hữu Phật thành Chánh Giác giả, kinh vân: “Ứng tri tự tâm niệm niệm thường hữu Phật thành Chánh Giác”. Hà dĩ cố? Bất ly thứ tâm, thành Chánh Giác cố.

(疏)稱理，則自性本來是佛，是信受義。

(鈔)華嚴十信，全以果佛為自信心。良繇佛即是心，故眾生心中，念念常有佛成正覺。作如是信，祇圓妙旨，千佛玄談，一時受畢。

(演)全以果覺為自信心者，以彼果佛為我因心。若離覺體，別言信者，是名邪信，非大乘圓頓之正信也。眾生心中，念念常有佛成正覺者，經云：應知自心念念常有佛成正覺。何以故？不離此心，成正覺故。

(Sớ) Xưng Lý thì “tự tánh vốn là Phật” chính là ý nghĩa “tín nhận”.

Sao: Bậc Thập Tín trong Hoa Nghiêm hoàn toàn dùng Quả Phật để làm tín tâm của chính mình. Ấy là vì Phật chính là tâm, cho nên trong tâm chúng sanh, trong mỗi niệm thường có Phật thành Chánh Giác. Tin như thế, ý chỉ mẫu nhiệm nơi Kỳ Viên, lời bàn luận u huyền của ngàn vị Phật sẽ được nhận lãnh trọn hết ngay trong một lúc.

Diễn: “Hoàn toàn dùng Quả Giác để làm tín tâm của chính mình”: Dùng Quả Phật của Ngài để làm cái tâm tu nhân của ta. Nếu là

khỏi giác thể mà nói tới một cái Tín nào khác, thì đó là tà tín, chẳng phải là chánh tín viên đốn của Đại Thừa. “Trong tâm chúng sanh, mỗi niệm đều thường có Phật thành Chánh Giác”: Kinh dạy: “Hãy nên biết trong tự tâm, niệm nào cũng đều có Phật thành Chánh Giác”. Vì có nào? Chẳng lìa cái tâm này mà thành Chánh Giác vậy).

Nhị, tùy nguyện đắc sanh.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả. Thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh.

(Sớ) Thượng ngôn “tín thọ”, kim ngôn “tín dĩ sanh nguyện” dã. Dĩ nguyện, kim nguyện, đương nguyện, quá, hiện, vị tam thời dã. Cử tam thời giả, minh hữu nguyện giả, vô nhất bất sanh dã.

(Sao) Dĩ nguyện, dĩ sanh, tắc kim Phật thuyết kinh chi tiền, dĩ hữu nhân cầu sanh bỉ quốc, nhi đắc sanh cố. Kim nguyện, kim sanh, tắc Phật chánh trụ thế thời dã. Đương nguyện, đương sanh, tắc văn kinh dĩ hậu, chí ư kim nhật, hậu chi hậu dã. Tiên ngôn bất thoái Bồ Đề, hậu vân vãng sanh giả. Hậu vân vãng sanh giả, minh phát nguyện giả, kiến thể chi trung, dĩ thuận giác lộ; hướng ký đắc vãng sanh hồ? Vô nhất bất sanh giả, kiến vãng sanh giả thậm đa vô lượng dã. Văn: “Sanh giả ký đa vô lượng, kim hà ngẫu nhất kiến chi?” Đáp: Thập phương thế giới, chúng như vi trần, kỳ vãng sanh giả hà hạn? Tử kiên Sa Bà, bất kiến trần sát cố. Hựu văn: “Sanh giả ký đa vô lượng, bỉ độ hà dĩ dung chi?” Đáp: Thương minh nạp bách xuyên nhi bất dật. Minh kính hàm vạn tượng nhi hữu dư; hướng Tịnh Độ hồ! Tức tâm thị độ, tức độ thị tâm, dĩ tâm quy tâm, hà phát dung dã?

二、隨願得生。

(經)舍利弗！若有人已發願，今發願，當發願，欲生阿彌陀佛國者。是諸人等，皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土，若已生，若今生，若當生。

(疏)上言信受，今言信已生願也。已願，今願，當願，過現未三時也。舉三時者，明有願者，無一不生也。

(鈔)已願已生，則今佛說經之前，已有人求生彼國，而得生故。今願今生，則佛正住世時也。當願當生，則聞

經已後，至於今日，後之後也。先言不退菩提，後云往生者。後云往生者，明發願者，見世之中，已順覺路；況既得往生乎？無一不生者，見往生者甚多無量也。問：生者既多無量，今何偶一見之？答：十方世界，眾如微塵，其往生者何限？子見娑婆，不見塵刹故。又問：生者既多無量，彼土何以容之？答：滄溟納百川而不溢。明鏡含萬象而有餘；況淨土乎！即心是土，即土是心，以心歸心，何弗容也？

(Hai, tùy nguyên được vãng sanh.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh vào cõi của A Di Đà Phật, thì những người ấy đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đối với cõi nước ấy, hoặc là đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh.*

Sớ: *Trong phần trước đã nói đến sự tin nhận, nay nói “do đã tin, bèn sanh khởi nguyện”. Đã nguyện, nay nguyện, sẽ nguyện, tức là ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai. Nêu ra ba thời, hòng chỉ rõ: “Hễ có nguyện, không một ai chẳng được vãng sanh”.*

Sao: *“Đã nguyện, đã sanh” là trước khi đức Phật nói kinh trong hiện tại, đã có người cầu sanh cõi ấy, bèn được vãng sanh. “Nay nguyện, nay sanh” là đúng nhằm lúc đức Phật trụ thế. “Sẽ nguyện, sẽ sanh”, tức là sau khi đã nghe kinh, cho đến hiện thời và mai sau. Trước là nói bất thoái Bồ Đề, sau là nói tới vãng sanh. Sau đó, nói đến chuyện vãng sanh, nhằm chỉ rõ: Người phát nguyện thì ngay trong hiện đời đã đi theo đúng con đường giác ngộ; huống hồ người đã được vãng sanh ư?*

“Không một ai chẳng vãng sanh”: Thấy người vãng sanh rất nhiều, số đến vô lượng. Hỏi: “Người vãng sanh đã nhiều vô lượng, sao nay chỉ đôi khi trông thấy [dăm ba người vãng sanh]?” Đáp: Mười phương thế giới nhiều như vi trần, người vãng sanh từ những cõi ấy há có hạn lượng? Ông chỉ thấy cõi Sa Bà, chẳng thấy các cõi nước số nhiều như vi trần. Lại hỏi: “Người vãng sanh đã là nhiều vô lượng, cõi ấy làm sao dung nạp được?” Đáp: Biển thẳm dung nạp trăm sông mà chẳng đầy tràn. Gương sáng thừa sức chứa đựng muôn hình tượng. Huống hồ Tịnh Độ! Tâm chính là cõi, cõi chính là tâm, dùng tâm để quy vào tâm, lẽ đâu chẳng dung nạp được?)

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh phi khứ, lai, kim, thị dĩ sanh, kim sanh, đương sanh nghĩa.

(Diễn) Tự tánh phi khứ, lai, kim, thị dĩ sanh, kim sanh, đương sanh nghĩa giả, nhược ngôn quá khứ dĩ sanh, hiện tại kim sanh, vị lai đương sanh, thử tắc tam tế thiên lưu, tứ tướng lưu chuyển, phi sanh Tịnh Độ, nãi sanh Sa Bà dã. Duy tự tánh bất lạc tam tế, nãi dĩ sanh, kim sanh, đương sanh nghĩa dã.

(疏)稱理，則自性非去來今，是已生今生當生義。

(演)自性非去來今，是已生今生當生義者，若言過去已生，現在今生，未來當生，此則三際遷流，四相流轉，非生淨土，乃生娑婆也。唯自性不落三際，乃已生今生當生義也。

(Sớ) Xưng Lý thì tự tánh chẳng phải là quá khứ, vị lai, hiện tại chính là ý nghĩa “đã sanh, nay sanh, sẽ sanh”.

Diễn: “Tự tánh chẳng phải là quá khứ, vị lai, hiện tại, chính là ý nghĩa đã sanh, nay sanh, sẽ sanh”: Nếu nói quá khứ là đã sanh, hiện tại là nay sanh, vị lai là sẽ sanh, thì chính là chuyển dời theo ba đời, bị lưu chuyển theo bốn tướng (thành, trụ, hoại, không), chẳng phải là sanh Tịnh Độ, mà là sanh trong Sa Bà! Chỉ có tự tánh chẳng rơi vào ba đời thì mới là ý nghĩa “đã sanh, nay sanh, sẽ sanh”).

(Sao) Vạn niên nhất niệm, hà cổ phi kim? Nhất niệm vạn niên, hà kim bất cổ? Tắc niệm niệm du hành lạc quốc, thời thời lễ cận từ tôn. Thùy phi vãng sanh giả. Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc. Ký vô kỳ tâm, thùy thị vãng sanh giả? Vô sanh nhi sanh, thị danh dĩ sanh, kim sanh, đương sanh.

(Diễn) Vạn niên nhất niệm giả, thập thế cổ kim, thử chung bất ly đương niệm cổ. Vạn niên vi cổ, nhất niệm vi kim. Vạn niên nhất niệm, hà cổ nhi phi kim? Nhất niệm vạn niên giả, nhất niệm phổ quán vô lượng kiếp dã. Nhất niệm vi kim, vạn niên vi cổ. Nhất niệm vạn niên, hà kim nhi phi cổ, hà cổ phi kim? Dĩ kim đoạt cổ dã. Hà kim phi cổ? Dĩ cổ đoạt kim dã. Hổ đoạt lưỡng vong, tắc cổ kim không hỷ. Tọa đoạn tam tế, đương xứ Tây Phương. Thùy phi vãng sanh giả, thử xuất tam tế thời dã. Quá khứ hạ, tam tế cầu tâm, tâm bất hữu. Tâm bất hữu xứ, vọng nguyên vô. Vọng nguyên vô xứ tức Bồ Đề. Sanh tử Niết Bàn bốn bình đẳng; tắc thùy thị vãng sanh giả, thử không tam tế tâm dã. Hựu

thùỵ thị vãng sanh giả, sanh nhi vô sanh dã. Thùỵ phi vãng sanh giả, vô sanh nhi sanh dã. Sanh nhi vô sanh, vô sanh nhi sanh. Thị danh dĩ sanh, kim sanh, đương sanh.

(鈔)萬年一念，何古非今？一念萬年，何今不古？則念念遊行樂國，時時禮觀慈尊。誰非往生者。過去心不可得，現在心不可得，未來心不可得。既無其心，誰是往生者？無生而生，是名已生今生當生。

(演)萬年一念者，十世古今，始終不離當念故。萬年為古，一念為今。萬年一念，何古而非今？一念萬年者，一念普觀無量劫也。一念為今，萬年為古。一念萬年，何今而非古，何古非今？以今奪古也。何今非古？以古奪今也。互奪兩亡，則古今空矣。坐斷三際，當處西方。誰非往生者，此出三際時也。過去下，三際求心，心不有。心不有處，妄元無。妄元無處即菩提。生死涅槃本平等；則誰是往生者，此空三際心也。又誰是往生者，生而無生也。誰非往生者，無生而生也。生而無生，無生而生。是名已生今生當生。

(Sao: Vạn năm là một niệm, có gì là xưa mà chẳng phải là nay? Một niệm là vạn năm, có gì là nay mà chẳng phải là xưa? Tức là niệm nào cũng dạo chơi cõi an vui; lúc nào cũng lễ bái, thân cận đức Từ Tôn. Có ai chẳng phải là người vãng sanh? Tâm quá khứ chẳng thể được, tâm hiện tại chẳng thể được, tâm vị lai chẳng thể được. Đã không có những tâm ấy, ai là người vãng sanh? Vô sanh mà sanh thì gọi là đã sanh, nay sanh và sẽ sanh.

Diễn: “Vạn năm là một niệm”: Do mười đời, xưa nay, từ đầu đến cuối chẳng lìa một niệm ngay trong hiện tại. Vạn năm là cổ, một niệm là kim (hiện tại). Vạn năm là một niệm, có cổ nào chẳng phải là kim? Một niệm là vạn năm, một niệm quán khắp vô lượng kiếp. Một niệm là kim, vạn năm là cổ. Một niệm là vạn năm, có kim nào chẳng phải là cổ? Có cổ nào chẳng phải là kim? Đó là dùng kim để đoạt cổ. Có kim nào chẳng phải là cổ? Đó là dùng cổ để đoạt kim. Hai bên đoạt lẫn nhau, cho nên cùng mất sạch. Vì vậy, cổ lẫn kim đều rỗng không; dứt bất ba đời, ngay nơi đây chính là Tây Phương.

“Có ai chẳng phải là người vãng sanh”: Đây chính là vượt thoát

thời gian bị hạn cuộc trong ba đời vậy. Từ chữ “quá khứ” trở đi, cầu tâm nơi ba đời, tâm chẳng có. Tâm đã chẳng có ở bất cứ nơi đâu, thì vọng vốn là không. Vọng vốn là không có nơi chốn thì chính là Bồ Đề. Sanh tử và Niết Bàn vốn bình đẳng, cho nên ai là người vãng sanh? Đây chính là chẳng có cái tâm ba đời. Lại nữa, ai là người vãng sanh? Do sanh mà vô sanh vậy! Có ai chẳng phải là người vãng sanh? Chính là vì vô sanh mà sanh vậy. Sanh mà vô sanh, vô sanh mà sanh, đó gọi là đã sanh, đang sanh, và sẽ sanh).

Tam, tổng kết tín nguyện.

(Kinh) Thị cố, Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

(Sớ) Thượng ngôn hữu nguyện tất sanh, tặc nhân quả lịch nhiên. Kỳ khủng bất tín, dữ tín nhi bất nguyện nhĩ; cố tổng kết tín nguyện, ngôn: “Bất tín tặc dĩ! Nhược hữu tín giả, ưng đương nguyện vãng”. Thị vì đệ tứ trùng khuyến.

(Sao) Đệ tứ khuyến giả, tòng sơ nhị tái, giai minh phát nguyện cầu sanh. Chỉ ư tam trung, phục minh nguyện tòng tín khởi. Như thượng tam trùng, chỉ thị khuyến thuyết “ưng đương phát nguyện”, vị hiển phát nguyện công đức. Kim ngôn quá, vị, hiện tại, đản hữu nguyện giả, vô nhất bất sanh, phương tri nguyện lực như thị quảng đại, yên khả bất tín, yên khả bất nguyện? Cố vân tứ khuyến, cố vân tổng kết. Trí Giả vân: “Hỏa xa tướng hiện, thượng đắc vãng sanh, Giới Định huân tu, công bất khả lường quyền hỷ”. Tín chi chí dã. Vĩnh Minh vân: “Kiếp thạch khả ma, ngã nguyện vô dịch hỷ”. Nguyện chi chí dã.

(Diễn) Hỏa xa tướng hiện giả, Quán Kinh hạ phẩm văn vân: “Hoặc hữu chúng sanh, thân Tăng-kỳ vật, bất tịnh thuyết pháp, vô hữu tàm quý, dĩ chư ác nghiệp, nhi tự trang nghiêm. Như thử ác nhân, mạng dục chung thời, địa ngục chúng hỏa, nhất thời câu chí. Ngộ thiện tri thức, giáo linh niệm Phật, tâm đắc vãng sanh đẳng”. Kiếp thạch khả ma giả, hữu thạch phương viên đại nhất do-tuần, dĩ chư thiên lục thù y, quá ngũ bách niên, nãi phát nhất thứ, ma thử thạch tận, danh vi nhất kiếp.

三、總結信願。

(經)是故舍利弗！諸善男子善女人，若有信者，應當發願，生彼國土。

(疏)上言有願必生，則因果歷然。祇恐不信，與信而不願耳；故總結信願，言：不信則已！若有信者，應當願往。是為第四重勸。

(鈔)第四勸者，從初而再，皆明發願求生。至於三中，復明願從信起。如上三重，止是勸說應當發願，未顯發願功德。今言過未現在，但有願者，無一不生，方知願力如是廣大，焉可不信，焉可不願？故云四勸，故云總結。智者云：火車相現，尚得往生，戒定薰修，功不可唐捐矣。信之至也。永明云：劫石可磨，我願無易矣。願之至也。

(演)火車相現者，觀經下品文云：或有眾生，偷僧祇物，不淨說法，無有慚愧，以諸惡業，而自莊嚴。如此惡人，命欲終時，地獄眾火，一時俱至。遇善知識，教令念佛，尋得往生等。劫石可磨者，有石方圓大一由旬，以諸天六銖衣，過五百年，乃拂一次，磨此石盡，名為一劫。

(Ba, tổng kết tín nguyện.

Kinh: Do vậy, Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu là người có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy.

Sớ: Trong phần trước có nói: “Có nguyện ắt sanh”, tức là nhân quả rành rành. Chỉ sợ kẻ không tin, và kẻ tin mà chẳng nguyện. Vì thế, tổng kết tín nguyện, nói: “Kẻ chẳng tin thì thôi! Nếu là người đã tin, hãy nên nguyện vãng sanh”. Đó là khuyên lần thứ tư.

Sao: “Khuyên lần thứ tư”: Từ lần đầu cho đến lần thứ hai đều nói rõ: [Người nghe kinh này], hãy nên phát nguyện cầu sanh. Cho đến lần thứ ba, lại nói rõ nguyện do tín mà khởi. Ba lần khuyên trên đây, chỉ là khuyên hãy nên phát nguyện, chưa nói rõ công đức do phát nguyện. Nay nói: Quá khứ, vị lai, hiện tại, chỉ cần là người có nguyện, không một ai chẳng vãng sanh, mới biết nguyện lực rộng lớn như thế, há nên chẳng tin, há nên chẳng nguyện? Vì vậy, nói là “khuyên lần thứ tư”, nói là “tổng kết”. Ngài Trí Giả nói: “Tuồng xe bốc lửa hiện, còn được vãng sanh. Giới Định huân tu, công chẳng luống uổng”. Đây là Tín đã đạt đến tột bậc vậy. Ngài Vĩnh Minh nói: “Kiếp thạch có thể mòn, nguyện của ta chẳng đổi”. Đó là Nguyện đến tột bậc vậy.

Diễn: “*Tướng xe bốc lửa hiện*”: *Phân Hạ Phẩm* trong *Quán Kinh* có nói: “*Nếu có chúng sanh trộm đồ vật Tăng-kỳ (vật dụng của tăng chúng), bất tịnh thuyết pháp, chẳng hề hổ thẹn, dùng các ác nghiệp để tự trang nghiêm. Kẻ ác như vậy, khi mạng sắp hết, các thứ lửa trong địa ngục cùng lúc ủa tới. Gặp thiện tri thức, dạy kẻ ấy niệm Phật, liền được vắng sanh*”.

“*Kiếp thạch có thể mòn*”: Có một hòn đá vuông vắn một do-tuần, dùng cái áo nặng sáu thù của chư thiên, cứ qua năm trăm năm bèn phát qua tảng đá ấy một lần, cho đến khi mài mòn sạch tảng đá ấy thì gọi là một kiếp).

(Sớ) *Xưng Lý, tắc tự tánh như trí mình khế, thị tín nguyện song thành nghĩa.*

(Sao) *Thuần nhiên chân thật nhi bất hư giả, tự tánh Như đã, thị chi vị Tín. Xí nhiên xuất sanh nhi vô tận giả, tự tánh trí đã, thị chi vị Nguyện. Như mình hồ Trí, Trí khế hồ Như. Trí ngoại vô Như, Như ngoại vô Trí. Văn Thủ tín thủ, cụ túc nhất tâm. Phổ Hiền nguyện vương, bất ly đương niệm.*

(Diễn) *Chân thật bất hư chi Như vi Tín giả, Tín hữu chân thật nghĩa. Dĩ nhược vô hữu tín, vạn sự giai hư cuống cổ. Xuất sanh vô tận chi trí vi Nguyện giả, Nguyện hữu xuất sanh nghĩa. Dĩ vạn đức, vạn hạnh, giai từng lạc dục cố.*

(疏)稱理，則自性如智冥契，是信願雙成義。

(鈔)純然真實而不虛者，自性如也，是之謂信。熾然出生而無盡者，自性智也，是之謂願。如冥乎智，智契乎如。智外無如，如外無智。文殊信首，具足一心。普賢願王，不離當念。

(演)真實不虛之如為信者，信有真實義。以若無有信，萬事皆虛誑故。出生無盡之智為願者，願有出生義。以萬德萬行，皆從樂欲故。

(Sớ: *Xưng Lý, Như và Trí trong tự tánh ngàm khế hợp chính là ý nghĩa “tín và nguyện cùng thành tựu”.*

Sao: *Chân thật, thuần nhất, chẳng hư dối, chính là tự tánh Như. Đó gọi là Tín. “Hưng hực xuất sanh vô tận” chính là Tự Tánh Trí, đó gọi là Nguyện. Như ngàm hợp Trí, Trí khế hợp Như. Ngoài Trí chẳng có Như, ngoài Như chẳng có Trí. Ngài Văn Thủ đứng đầu về Tín, trọn đủ*

nhất tâm. Nguyên vương của Phổ Hiền, chẳng lìa ý niệm trong hiện tại.

Diễn: “Cái Như chân thật, chẳng hư dối chính là Tín”: Tín có ý nghĩa chân thật. Bởi lẽ, nếu chẳng có Tín, muôn sự đều trở thành hư dối. “Trí xuất sanh vô tận là Nguyên”: Nguyên có ý nghĩa xuất sanh. Do vạn đức, vạn hạnh đều xuất phát từ lòng ưa muốn).

Tứ, hồ chương nan sự, linh thiết cảm phát (tam): Sơ, kỷ tán chư Phật. Nhị, chư Phật tán kỷ. Tam, tổng kết nan sự.

Sơ, kỷ tán chư Phật.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức.

(Sớ) Đường dịch dẫn vân: “Như ngã kim giả, xưng dương tán thán Vô Lượng Thọ Phật”. Thử ngôn: “Xưng tán chư Phật”, Cổ Nhai vân: “Dĩ Di Đà chư Phật, đồng nhất Pháp Thân cố”.

(Sao) Đồng nhất Pháp Thân giả, như Hoa Nghiêm tụng vân: “Thập phương chư Như Lai, đồng cộng nhất Pháp Thân, nhất thân, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên”. Tắc Di Đà tức chư Phật, chư Phật tức Di Đà. Cổ bất viết Di Đà, nhi viết chư Phật. Cái cai Di Đà tại chư Phật trung; hạ ngôn chư Phật, diệc Di Đà dữ chư Phật đồng tán Thích Ca đã.

(Diễn) Nhất thân tức Pháp Thân, nhất trí huệ tức Bát Nhã, lực vô úy tức Giải Thoát.

四、互彰難事，令切感發(三)：初、己讚諸佛。二、諸佛讚己。三、總結難事。

初、己讚諸佛。

(經)舍利弗！如我今者，稱讚諸佛不可思議功德。

(疏)唐譯但云：如我今者，稱揚讚歎無量壽佛。此言：稱讚諸佛，古崖云：以彌陀諸佛，同一法身故。

(鈔)同一法身者，如華嚴頌云：十方諸如來，同共一法身，一身一智慧，力無畏亦然。則彌陀即諸佛，諸佛即彌陀。故不曰彌陀，而曰諸佛。蓋該彌陀在諸佛中；下言諸佛，亦彌陀與諸佛同讚釋迦也。

(演)一身即法身，一智慧即般若，力無畏即解脫。

(Bốn, [đức Phật Thích Ca và chư Phật tán thán lẫn nhau] hòng lần lượt phơi bày sự khó khăn để phát khởi sự cảm kích thiết tha [cho

người nghe] (gồm ba phần): Một, chính mình tán thán chư Phật. Hai, chư Phật tán thán chính mình. Ba, tổng kết về chuyện khó.

Trước hết là phần chính mình tán thán chư Phật.

Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Như ta nay xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật.

Sớ: Bản dịch đời Đường chỉ nói: “Như ta nay ca ngợi, tuyên dương, tán thán Vô Lượng Thọ Phật”. Ở đây thì nói là “khen ngợi chư Phật”: Ngài Cổ Nhai nói: “Do Phật Di Đà và chư Phật có cùng một Pháp Thân”.

Sao: “Cùng một Pháp Thân”: Như trong kinh Hoa Nghiêm có bài kệ rằng: “Mười phương chư Như Lai, cùng chung một Pháp Thân, một thân, một trí huệ, lực vô úy cũng vậy”. Cho nên Di Đà chính là chư Phật, chư Phật chính là Di Đà. Vì thế, chẳng nói Di Đà mà nói là “chư Phật”. Ấy là vì đã gộp Di Đà trong số chư Phật. “Chư Phật” được nói trong phần sau cũng là Phật Di Đà và chư Phật cùng khen ngợi Phật Thích Ca.

Diễn: “Một thân” chính là Pháp Thân, “một trí huệ” chính là Bát Nhã, “lực, vô úy” chính là Giải Thoát).

(Sớ) Đường dịch dĩ Di Đà cai chư Phật, kim kinh dĩ chư Phật cai Di Đà. Nhược nhị thuyết kiêm cụ, ư văn cánh thuận, nhi nghĩa diệc túc.

(Sao) Cụ nhị thuyết giả, ưng vân: “Như ngã kim giả xưng tán A Di Đà Phật, cập dĩ chư Phật bất khả tư nghị công đức”, tắc kinh văn ký thuận, nhi đồng nhất Pháp Thân chi nghĩa, diệc tại kỳ trung. Văn nghĩa song mỹ, đương tri Thập Sư bốn hữu thử ý, văn tỉnh tiện cổ. Trang Sư hậu dịch, đặc vị đơn cử giả, dục nhân ư nhị kinh, thiện hội kỳ ý, nhi bất nệ kỳ văn dã. Hựu chư Phật Di Đà tương tức, thị diệc bất khả tư nghị.

(疏)唐譯以彌陀該諸佛，今經以諸佛該彌陀。若二說兼具，於文更順，而義亦足。

(鈔)具二說者，應云：如我今者稱讚阿彌陀佛。及與諸佛不可思議功德，則經文既順，而同一法身之義，亦在其中。文義雙美，當知什師本有此意，文省便故。奘師後譯，特為單舉者，欲人於二經，善會其意，而不泥其文也。又諸佛彌陀相即，是亦不可思議。

(Sớ: Bản Đường dịch dùng Di Đà để bao gồm chư Phật, bản kinh này dùng chư Phật để bao gồm Di Đà. Nếu dùng cả hai thuyết thì kinh vẫn càng thuận, mà ý nghĩa cũng đầy đủ.

Sao: “Dùng cả hai thuyết”: Hãy nên nói: “Nay ta khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật và chư Phật” thì kinh vẫn đã thuận, mà ý nghĩa “có cùng một Pháp Thân” cũng ở trong ấy. Kinh văn và ý nghĩa đều trọn vẹn. Hãy nên biết: Ngài La Thập vốn có ý ấy, [nhưng] kinh văn [chẳng ghi] là vì tính lược vậy. Ngài Huyền Trang là người dịch sau, đặc biệt nêu riêng [A Di Đà Phật], vì muốn cho người ta khéo hiểu ý của hai kinh, chẳng câu nệ nơi văn tự. Lại nữa, chư Phật chính là Di Đà, Di Đà chính là chư Phật, điều này cũng là chẳng thể nghĩ bàn).

Nhị, chư Phật tán kỹ (nhị): Sơ, đắc đạo nan. Nhị, thuyết pháp nan.

Sơ, đắc đạo nan.

(Kinh) Bỏ chư Phật đẳng, diệt xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức, nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Phật, năng vì thậm nan hy hữu chi sự, năng ư Sa Bà quốc độ, Ngũ Trược ác thế, Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Nã Trược, Chúng Sanh Trược, Mạng Trược trung, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”.

(Sớ) Phật Phật hồ tán, biểu thử Tịnh Độ pháp môn, quyết ưng tín thọ cố.

(Sao) Phật Phật hồ tán giả, dĩ thử niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tưng nhất Phật độc tán. Nhi kim bất dẫn Thích Ca tán ư Kỳ Viên, chư Phật tán ư lục phương. Hựu thử Phật, bỉ Phật, đệ hồ tán tán, khởi phi siêu sanh thoát tử tối yếu pháp môn. Thị dĩ tái tứ đình ninh, đa phương hồi dụ, ân du từ mẫu, nhân quá môn thiên, phần cốt toái thân, nan túc vi báo.

(Diễn) Ân du từ mẫu nhị cú, từ mẫu chi ân, từ cập nhất sanh, tha sanh vị tất năng từ. Môn thiên chi nhân, nhân chỉ nhất giới, tha giới vị tất năng nhân. Phật chi từ nhân, vô xứ, vô thời, nhi bất từ nhân. Cố vân “du” dã. Cố vân: “Giả sử đánh đời kinh trần kiếp, thân vi sàng tòa biến tam thiên, nhược bất truyền pháp độ chúng sanh, tất cánh vô năng báo ân giả”.

二、諸佛讚己(二)：初、得道難。二、說法難。

初、得道難。

(經)彼諸佛等，亦稱讚我不可思議功德，而作是言：釋迦牟尼佛，能為甚難希有之事，能於娑婆國土，五濁惡世，劫濁，見濁，煩惱濁，眾生濁，命濁中，得阿耨多羅三藐三菩提。

(疏)佛佛互讚，表此淨土法門，決應信受故。

(鈔)佛佛互讚者，以此念佛求生淨土，縱一佛獨讚，而今不但釋迦讚於祇園，諸佛讚於六方。又此佛彼佛，遞互讚歎，豈非超生脫死最要法門。是以再四叮嚀，多方誨誘，恩踰慈母，仁過旻天，粉骨碎身，難足為報。

(演)恩踰慈母二句，慈母之恩，慈及一生，他生未必能慈。旻天之仁，仁止一界，他界未必能仁。佛之慈仁，無處無時，而不慈仁。故云踰也。古云：假使頂戴經塵劫，身為床座遍三千，若不傳法度眾生，畢竟無能報恩者。

(Hai, chư Phật tán thán ta (gồm hai phần): Một, đặc đạo khó khăn. Hai, thuyết pháp khó khăn.

Trước hết là phần đặc đạo khó khăn.

Kinh: Các đức Phật ấy cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta, bèn nói như thế này: “Thích Ca Mâu Ni Phật có thể làm chuyện hiếm có, rất khó, có thể ở trong cõi nước Sa Bà, nhằm đời ác năm trước: Kiếp Trước, Kiến Trước, Phiền Nã Trước, Chúng Sanh Trước, Mạng Trước, mà đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”.

Sớ: Chư Phật tán dương lẫn nhau, biểu thị nhất quyết phải nên tin nhận pháp môn Tịnh Độ này.

Sao: “Chư Phật khen ngợi lẫn nhau”: Dùng pháp Niệm Phật này để cầu sanh Tịnh Độ, dầu chỉ một vị Phật khen ngợi [thì cũng phải nên tin tưởng]. Nhưng nay chẳng phải là chỉ một mình Phật Thích Ca tán thán nơi Kỳ Viên, mà là chư Phật tán thán trong sáu phương. Lại nữa, vị Phật trong cõi này và các vị Phật trong cõi kia, lần lượt tán thán lẫn nhau, há đây chẳng phải là pháp môn trọng yếu nhất để siêu sanh thoát tử ư? Do vậy, nhiều lượt căn dặn, nhiều cách khuyên răn, dẫn dụ. Ân đức hơn mẹ hiền, lòng nhân vượt trời thăm, tan xương nát thân, khó đủ để báo đền.

Diễn: Hai câu “ân đức hơn từ mẫu” ý nói: Ân của mẹ hiền, chỉ có

thể yêu thương một đời; sang đời khác, chưa chắc đã có thể yêu thương. Lòng nhân vượt trời thăm, chỉ có nhân trong một cõi, chưa chắc đã có thể nhân đối với các cõi khác. Lòng từ, lòng nhân của Phật không nơi nào, không lúc nào chẳng nhân từ. Vì thế, nói là “vượt xa”. Cổ nhân nói: “Giả sử đeo, đội trái trần kiếp, thân làm giường, tòa khắp tam thiên. Nếu chẳng truyền pháp độ chúng sanh, rốt cuộc chẳng thể báo ân được”).

(Sớ) Bỏ chữ Phật đẳng, tức Di Đà dữ lục phương chữ Phật đã. Thích Ca thử vân Năng Nhân. Mâu Ni thử vân Tịch Mặc.

(Sao) Năng Nhân Tịch Mặc, tự hữu nhị nghĩa: Nhất giả, đối đãi thuyết, tắc Năng giả thiện quyền phương tiện, khúc tợ cơ nghi. Nhân giả, chỉ đức hồng ân, phổ triêm vạn loại, thị đại bi lợi vật đã. Tịch tắc trừng nhiên bất động, đồn tức vạn duyên. Mặc tắc mạc nhĩ vong ngôn, vĩnh ly hý luận, thị đại trí minh Lý đã.

(Diễn) Thiện quyền phương tiện, khúc tợ cơ nghi, độ sanh chỉ tài đã. Chỉ đức hồng ân, phổ triêm vạn loại, độ sanh chỉ đức đã. Hữu tài vô đức, thất độ sanh chỉ bản, bất năng độ sanh. Hữu đức vô tài, thất độ sanh chỉ dụng, diệc bất năng độ sanh. Tài đức kiêm bị, Thế Dụng đồng thi, nãi năng độ sanh đã. Trừng nhiên bất động, đồn tức vạn duyên, tâm hành xứ diệt đã. Mạc nhĩ vong ngôn, vĩnh ly hý luận, ngôn ngữ đạo đoạn đã. Hữu nhất vị vong, tắc cuồng tâm vị yết, Mạng Căn vị đoạn, bất năng chứng Lý. Tư nghị song vong, nãi năng chứng Lý đã.

(疏)彼諸佛等，即彌陀與六方諸佛也。釋迦此云能仁。牟尼此云寂默。

(鈔)能仁寂默，自有二義：一者，對待說，則能者善權方便，曲就機宜。仁者，至德洪恩，普霑萬類，是大悲利物也。寂則澄然不動，頓息萬緣。默則漠爾忘言，永離戲論，是大智冥理也。

(演)善權方便，曲就機宜，度生之才也。至德洪恩，普霑萬類，度生之德也。有才無德，失度生之本，不能度生。有德無才，失度生之用，亦不能度生。才德兼備，體用同施，乃能度生也。澄然不動，頓息萬緣，心行處滅也。漠爾忘言，永離戲論，言語道斷也。有一未忘，則狂

心未歇，命根未斷，不能證理。思議雙亡，乃能證理也。

(Sớ: “Các đức Phật ấy” chính là Phật Di Đà và sáu phương chư Phật. Cõi này dịch Thích Ca là Năng Nhân. Mâu Ni được cõi này dịch là Tịch Mặc.

Sao: Năng Nhân Tịch Mặc có hai ý nghĩa: Một là nói tương đối, Năng là phương tiện quyền xảo, khéo tùy thuận cơ nghi. Nhân là ân mệnh mông, đức cùng tốt, nhuần thấm muôn loài, chính là lòng đại bi lợi lạc chúng sanh vậy. “Tịch” là lắng trong, bất động, dứt ngay muôn duyên. “Mặc” là vắng lặng, quên lời, vĩnh viễn xa lìa hý luận. Đây là đại trí ngậm khế hợp Lý vậy.

Diễn: “Phương tiện quyền biến, thiện xảo, tùy thuận cơ nghi” chính là tài độ sanh. “Ân mệnh mông, đức cùng tốt, thấm nhuần khắp muôn loài” là đức độ sanh. Có tài thiếu đức, tức là đã mất cái gốc của sự độ sanh, chẳng thể độ sanh. Có đức mà chẳng có tài, đánh mất tác dụng độ sanh, cũng chẳng thể độ sanh. Tài và đức đều đủ, Thể và Dụng cùng vận dụng, sẽ có thể độ sanh. “Lắng trong, bất động, dứt ngay muôn duyên”: Tâm hành xứ diệt. “Vắng lặng, quên lời, vĩnh viễn lìa khỏi hý luận”: Ngôn ngữ dứt bật. Hễ có một điều gì chưa quên, tức là cuồng tâm chưa dứt, mạng căn chưa đoạn, chẳng thể chứng Lý. Suy nghĩ và bàn luận đều mất thì mới có thể chứng Lý).

(Sao) Nhị giả, viên dung thuyết, dĩ Bi tức Trí cố, chung nhật độ sanh, vô sanh khả độ, động nhất tĩnh dã. Dĩ Trí tức Bi cố, bất khởi nhất niệm, thường độ chúng sanh, tĩnh nhất động dã. Cố tri thiên cử nhị tự, nãi chí nhất ngôn, Phật chỉ toàn đức, nhiếp vô bất tận.

(Diễn) Dĩ Bi tức Trí hạ, dĩ đại bi cố, vãng lai tam giới, xuất một tứ sanh, chung nhật độ sanh. Dĩ đại trí cố, nhất thiết chúng sanh tức tịch diệt tướng, vô sanh khả độ. Dĩ Trí tức Bi hạ, dĩ đại trí cố, liễu pháp giai không, bất khởi nhất niệm, bất cư sanh tử. Dĩ đại bi cố, bất trụ không tịch, thường độ chúng sanh, bất chứng Niết Bàn. Thiên cử nhị tự giả, dĩ Bi tức Trí, Năng Nhân tức kiêm Tịch Mặc. Dĩ Trí tức Bi, Tịch Mặc tức kiêm Năng Nhân, nãi chí nhất ngôn giả, Năng tức kiêm Nhân, Dụng tức Thể cố. Nhân tức kiêm Năng, Thể tức Dụng cố. Tịch tức kiêm Mặc, tâm hành xứ diệt, tự nhiên ngữ ngôn đạo đoạn. Mặc tức kiêm Tịch, ngôn ngữ đạo đoạn, nãi viết tâm hành xứ diệt cố.

(鈔)二者，圓融說，以悲即智故，終日度生，無生可度，動一靜也。以智即悲故，不起一念，常度眾生，靜一

動也。故知偏舉二字，乃至一言，佛之全德，攝無不盡。

(演)以悲即智下，以大悲故，往來三界，出沒四生，終日度生。以大智故，一切眾生即寂滅相，無生可度。以智即悲下，以大智故，了法皆空，不起一念，不居生死。以大悲故，不住空寂，常度眾生，不證涅槃。偏舉二字者，以悲即智，能仁即兼寂默。以智即悲，寂默即兼能仁，乃至一言者，能即兼仁，用即體故。仁即兼能，體即用故。寂即兼默，心行處滅，自然語言道斷。默即兼寂，言語道斷，乃曰心行處滅故。

(Sao: Hai là nói viên dung, do Bi chính là Trí, cho nên suốt ngày độ sanh mà không có chúng sanh để có thể độ, động là một với tĩnh. Do Trí chính là Bi, chẳng dấy một niệm, thường độ chúng sanh, tĩnh là một với động. Vì thế biết: Chỉ riêng nêu lên hai chữ, thậm chí chỉ bằng một lời, toàn bộ phẩm đức của Phật đã được hàm nhiếp chẳng sót chút nào.

Diễn: Từ câu “do Bi chính là Trí” trở đi: Do đại bi nên qua lại ba cõi, ra vào tứ sanh, suốt ngày độ sanh. Do đại trí, nên hết thấy chúng sanh chính là tướng tịch diệt, chẳng có chúng sanh nào để có thể độ.

Từ câu “do Trí chính là Bi” trở đi: Do đại trí, nên hiểu các pháp đều là Không, chẳng dấy một niệm, chẳng ở trong sanh tử. Do đại bi, nên chẳng trụ vào không tịch, thường độ chúng sanh, chẳng chứng Niết Bàn.

“Chỉ riêng nêu lên hai chữ”: Do Bi chính là Trí, nên Năng Nhân bèn kiêm Tịch Mặc. Do Trí chính là Bi, nên Tịch Mặc bèn kiêm Năng Nhân. “Thậm chí chỉ bằng một lời”: Năng bèn kiêm Nhân, do Dụng chính là Thể. Nhân bèn kiêm Năng, do Thể chính là Dụng. Do Tịch kiêm Mặc, nên tâm hành xứ diệt, tự nhiên ngôn ngữ dứt bật. Do Mặc kiêm Tịch, ngôn ngữ dứt bật, bèn nói là “tâm hành xứ diệt”).

(Sớ) **Thậm nan hy hữu, tổng hạ nhị nan. Cụ thử nhị nan, cố ngôn công đức bất tư nghị dã.**

(Sao) **Ngôn nhị nan giả, ư Ngũ Trược đắc Bồ Đề, thị vi nhất nan. Hựu ư Ngũ Trược, thuyết thử Tịnh Độ pháp môn, thị vi nhị nan. Tịnh thử nhị chủng, thị vi tối thượng nan hành chi sự, duy Phật hành chi, hy hữu hãn kiến chi sự, duy Phật hữu chi. Hựu nan hành năng hành, do vị hy hữu. Thậm nan hành giả, nhi năng hành chi, thử**

thành giá cổ dật kim, siêu hiên việt thánh, thiên thượng, thiên hạ, trác nhiên độc thiện, nhi vô dữ đẳng liệt giả dã, cố vân: “Hy hữu”.

(疏)甚難希有，總下二難。具此二難，故言功德不思議也。

(鈔)言二難者，於五濁得菩提，是為一難。又於五濁，說此淨土法門，是為二難。并此二種，是為最上難行之事，唯佛行之，希有罕見之事，唯佛有之。又難行能行，猶未希有。甚難行者，而能行之，此誠駕古軼今，超賢越聖，天上天下，卓然獨擅，而無與等埒者也，故云：希有。

(Sớ: Nói “rất khó, hiếm có” hòng chỉ chung hai điều khó khăn [sẽ được nói đến] trong phần sau. Do có đủ cả hai điều khó khăn ấy, nên bảo là công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Sao: Nói đến hai thứ khó khăn thì trong đời Ngũ Trược mà đặc Bồ Đề, đó là điều khó khăn thứ nhất. Lại ở trong Ngũ Trược, nói pháp môn Tịnh Độ này, đó là chuyện khó thứ hai. Và hai loại này, chính là chuyện khó làm bậc nhất, chỉ có Phật làm được, và là chuyện hy hữu hiếm thấy, chỉ riêng Phật là có. Lại nữa, khó làm mà có thể làm, vẫn chưa phải là hy hữu. Đối với chuyện rất khó làm mà có thể làm, đúng là trội xưa vượt nay, vượt hiên, trội thánh, trên trời, dưới đất, riêng tốt lành lồi lạc, chẳng có gì có thể sánh cùng. Vì thế nói là “hy hữu”).

(Sớ) Sa Bà thử vân Kham Nhân, nhất vân Nhân giới, tức Thích Ca Thế Tôn sở chủ đại thiên thế giới dã. Ngũ Trược giả, dĩ ngũ sự giao nhiễu, hôn trược chân tánh, cố danh ác thế. Vô Ngũ Trược giả, danh thiện thế dã.

(Sao) Kham Nhân giả, dĩ thử trung chúng sanh, kham năng nhẫn thọ Tam Độc phiền não, luân hồi sanh tử, bất yếm ly cố. Nhân Giới giả, Như Lai ở trung, độc chứng Tự Thệ tam-muội cố. Hựu kiếp sơ, Phạm Vương danh Nhân cố.

(Diễn) Độc chứng Tự Thệ tam-muội giả, chứng giả, nhẫn dã. Tự Thệ tam-muội, tức Như Lai nhân địa Tứ Hoàng Thệ Nguyên, nguyện thành Phật đạo, nguyện độ chúng sanh, nguyện đoạn phiền não, nguyện tu pháp môn. Kim dĩ thành Phật, đoạn vô minh thành Phật đạo, chuyển pháp luân độ chúng sanh; cố vì độc chứng. Thử

tùng Như Lai đặc danh, y xuất thế chỉ chủ đặc danh dã. Kiếp sơ, Phạm Vương danh Nhân giả, không kiếp dĩ tiền, thử giới vị hữu nhân dân, tự Phạm Vương giáng sanh, thử hữu nhân loại. Kiếp sơ, Phạm Vương danh Nhân, toại danh Nhân Giới. Thử tùng Phạm Vương đặc danh, y thế gian chỉ chủ đặc danh dã.

(疏)娑婆此云堪忍，一云忍界，即釋迦世尊所主大千世界也。五濁者，以五事交擾，渾濁真性，故名惡世。無五濁者，名善世也。

(鈔)堪忍者，以此中眾生，堪能忍受三毒煩惱，輪迴生死，不厭離故。忍界者，如來於中，獨證自誓三昧故。又劫初，梵王名忍故。

(演)獨證自誓三昧者，證者，忍也。自誓三昧，即如來因地四弘誓願，願成佛道，願度眾生，願斷煩惱，願修法門。今已成佛，斷無明成佛道，轉法輪度眾生；故為獨證。此從如來得名，依出世之主得名也。劫初，梵王名忍者，空劫以前，此界未有人民，自梵王降生，始有人類。劫初，梵王名忍，遂名忍界。此從梵王得名，依世間之主得名也。

(Sớ: “Sa Bà” cõi này dịch là Kham Nhân, một cách dịch khác là “Nhân Giới”; chính là đại thiên thế giới nơi đức Thích Ca Thế Tôn làm chủ. “Ngũ Trược” là do có năm chuyện xen tạp quá nhiều, khiến cho chân tánh bị nhơ đục, cho nên gọi là “đời ác”. Chẳng có Ngũ Trược thì gọi là “cõi đời tốt lành”).

Sao: Kham Nhân là chúng sanh trong cõi ấy có thể chịu đựng Tam Độc phiền não, luân hồi, sanh tử, chẳng chán lìa vậy. Nhân Giới: Chỉ có mình Như Lai ở trong ấy chứng Tự Thệ tam-muội. Lại thuở kiếp sơ, Phạm Vương có tên là Nhân.

Diễn: “Một mình riêng chứng Tự Thệ tam-muội”: Chứng là Nhân. Tự Thệ tam-muội chính là Tứ Hoằng Thệ Nguyên của Như Lai trong khi tu nhân, Ngài nguyện thành Phật đạo, nguyện độ chúng sanh, nguyện đoạn phiền não, nguyện tu pháp môn. Nay đã thành Phật, đoạn vô minh, thành Phật đạo, chuyển pháp luân độ chúng sanh. Vì thế là “riêng chứng một mình”. Đây là do Như Lai mà [thế giới này] có tên gọi như vậy, tức là nương theo bậc chủ của xuất thế gian để đặt tên.

“Thuở kiếp sơ, Phạm Vương có tên là Nhân”: Từ bao kiếp lâu xa về trước, cõi này chưa có nhân dân; kể từ khi Phạm Vương giáng sanh, mới có nhân loại. Phạm Vương thuở kiếp sơ tên là Nhân, bèn gọi [cõi này] là Nhân Giới. Đây là do từ Phạm Vương mà đặt tên, tức là dựa theo bậc chủ của thế gian để đặt tên).

(Sao) Ngũ Trược giao nhiễu giả, tánh bốn nguyên trược, điều kiếp đẳng ngũ, khởi chư trần chi. Như Lăng Nghiêm vân: “Thí chi thanh thủy, dầu dĩ sa thổ, thổ thất lưu ngại, thủy vong thanh khiết, mịch nhiên hồn trược cố”. Thế giả, thiên lưu bất dĩ chi vị; tắc thử thế chi tiền, thử thế chi hậu, đương hữu vô Ngũ Trược chi thiện thế. Kim vân ác thế, cứ Thích Ca hiện thế ngôn dã.

(Diễn) Lăng Nghiêm thí chi thanh thủy đẳng giả. Kinh vân: “A Nan, thí như thanh thủy, thanh khiết bốn nhiên, tức bị trần, thổ, hôi, sa chi luân, bốn chất lưu ngại. Nhị thế pháp nhĩ, tánh bất tương tuần. Hữu thế gian nhân, thủ bị thổ, trần, dầu ư tịnh thủy, thổ thất lưu ngại, thủy vong thanh khiết. Dung mạo mịch nhiên, danh chi vi Trược. Nhữ trược ngũ trùng, diệc phục như thị”. Đương hữu vô Ngũ Trược chi thiện thế giả, dĩ nhân thọ nhị vạn tuế tiền, tà kiến bất khởi, phiền não khinh vi, tứ thú không hư, thọ mạng cửu viễn, Thời Phần thanh tịnh chi thiện thế dã.

(鈔)五濁交擾者，性本淵澄，繇劫等五，起諸塵滓。如楞嚴云：譬之清水，投以沙土，土失留礙，水亡清潔，汨然渾濁故。世者，遷流不已之謂；則此世之前，此世之後，當有無五濁之善世。今云惡世，據釋迦現世言也。

(演)楞嚴譬之清水等者，經云：阿難，譬如清水，清潔本然，即彼塵土灰沙之倫，本質留礙。二體法爾，性不相循。有世間人，取彼土塵，投於淨水，土失留礙，水亡清潔。容貌汨然，名之為濁。汝濁五重，亦復如是。當有無五濁之善世者，以人壽二萬歲前，邪見不起，煩惱輕微，四趣空虛，壽命久遠，時分清淨之善世也。

(Sao: “Ngũ Trược xen tạp quá nhiều”: Tánh vốn sâu lắng, do năm thứ như Kiếp Trược v.v... mà dấy lên các thứ cặn trần. Như kinh Lăng Nghiêm nói: “Ví như nước trong, ném cát, đất vào đó, đất mất tánh chất ngăn ngại, nước mất tánh chất thanh khiết, lộn cợn, đục ngầu”.

“Thế” có nghĩa là dòi dỏi chẳng ngừng, tức là trước và sau đời này, ắt có đời tốt lành chẳng có Ngũ Trược. Nay nói là “đời ác”, tức là căn cứ theo đời hiện tại của Phật Thích Ca để nói vậy.

Diễn: “Thí dụ về nước trong chảo trong kinh Lăng Nghiêm”: Kinh chép: “Này A Nan! Ví như nước trong, vốn sẵn thanh khiết, còn những thứ như bụi, đất, tro, cát, bản chất vốn ngăn ngại. Bản thể của hai thứ ấy vốn chẳng hòa hợp với nhau. Có người trong thế gian đem đất, bụi ném vào nước sạch, đất mất tánh ngăn ngại, nước mất tánh thanh khiết, hình trạng tạp loạn, nên gọi là Trược. Năm tầng ô trược của ông cũng giống như thế đó”.

“Trong thời cõi đời tốt lành chẳng có Ngũ Trược”: Do trước lúc con người tuổi thọ chỉ còn hai vạn năm, tà kiến chẳng dứt lên, phiền não nhẹ ít, bốn đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A Tu La) trống rỗng, thọ mạng dài lâu, [đó chính là] đời tốt lành thanh tịnh xét theo Kiếp vậy).

(Sớ) Kiếp giả, Phạn ngữ, cụ vân Kiếp Ba, thử vân Thời Phần. Kiếp Trược giả, vô biệt thể, dĩ hữu tứ trược đắc danh. Chúng trược giao thấu, tức kỳ tướng dã.

(Sao) Kiếp Trược giả, nhất đại kiếp trung, Thành, Trụ, Hoại, Không, nhị thập tiểu kiếp, lộc lô tăng giảm. Nhân thọ tăng chí bát vạn tuế thời, tăng chi cực dã, nãi bách niên giảm nhất, giảm chí nhị vạn, tức nhập Kiếp Trược. Vô biệt thể giả, diêu hạ tứ trược, đương thử kiếp trung, nhân dĩ đắc danh. Thử chi kiếp phần, chúng trược giao thấu, hôn loạn, bác tạp, cố vân Trược dã. Phản hiển Cực Lạc quốc trung, A Di Đà Phật hiện tại thuyết pháp, thanh tịnh chi thời, phi Kiếp Trược cố. Kim nhật ngã đẳng, hà vi an xử Kiếp Trược chi thế, nhi bất cầu sanh bỉ quốc hồ? Cố Trí Giả vân: “Tha phương Tịnh Độ vô Tam Độc đẳng, tắc danh ngũ thanh”, chánh thử ý dã.

(疏)劫者，梵語，具云劫波，此云時分。劫濁者，無別體，以有四濁得名。眾濁交湊，即其相也。

(鈔)劫濁者，一大劫中，成住壞空，二十小劫，輾轉增減。人壽增至八萬歲時，增之極也，乃百年減一，減至二萬，即入劫濁。無別體者，繇下四濁，當此劫中，因以得名。此之劫分，眾濁交湊，昏亂駁雜，故云濁也。反顯極樂國中，阿彌陀佛現在說法，清淨之時，非劫濁故。今

日我等，何為安處劫濁之世，而不求生彼國乎？故智者云：他方淨土無三毒等，則名五清，正此意也。

(Sớ: Kiếp là tiếng Phạn, nói đủ là Kiếp Ba, cõi này dịch là Thời Phàn. Kiếp Trước (Kalpakaṣāya) không có thể tách riêng biệt, do có bốn thứ trước kia mà gọi là Kiếp Trước. Các thứ trước xen tạp chính là tướng trạng của nó vậy.

Sao: Kiếp Trước: Trong một đại kiếp có [bốn giai đoạn là] Thành, Trụ, Hoại, Không, [mỗi giai đoạn] là hai mươi tiểu kiếp, xoay vần tăng giảm. Khi tuổi thọ con người tăng tới tám vạn năm là đã tăng tới mức cực hạn, bèn cứ mỗi trăm năm, giảm một tuổi, giảm đến khi tuổi thọ chỉ còn hai vạn năm bèn bước vào thời Kiếp Trước.

“Không có thể tách riêng biệt” là do trong kiếp số ấy có bốn thứ trước sau đó, vì thế mà đặt tên như vậy. Trong thời kiếp ấy, các thứ trước xen lẫn, tới tấp, rối loạn, hỗn tạp, nên bảo là Trước. [Ở đây, đức Phật] nêu rõ rệt sự tương phản: Trong cõi Cực Lạc, A Di Đà Phật nay đang còn tại thế thuyết pháp, [thời đại trong cõi ấy] là thời đại thanh tịnh, chẳng phải là Kiếp Trước. Vì lẽ gì ngày nay chúng ta ở yên trong đời Kiếp Trước, chẳng cầu sanh về cõi ấy? Vì thế, ngài Trí Giả nói: “Các cõi Tịnh Độ ở phương khác, hễ chẳng có Tam Độc v.v... bèn gọi là cõi Ngũ Thanh” chính là do ý này).

(Sớ) Kiến Trước giả, ngũ Lợi Sử vi Thể. Khai chi, tắc lục thập nhị đẳng. Chư kiến xí thịnh, tức kỳ tướng dã.

(Sao) Ngũ Lợi Sử giả: Nhất, Thân Kiến, vị chấp ngã, ngã sở, nhi khởi ngã thân chi kiến.

(Diễn) Chấp ngã, ngã sở giả, nội chấp vi ngã, ngoại chấp ngã sở, hoặc Ngũ Ấm trung, chấp nhất Ấm vi ngã, dư Ấm vi ngã sở.

(疏)見濁者，五利使為體。開之，則六十二等。諸見熾盛，即其相也。

(鈔)五利使者：一、身見，謂執我我所，而起我身之見。

(演)執我我所者，內執為我，外執我所，或五陰中，執一陰為我，餘陰為我所。

(Sớ: Kiến Trước (Drṣṭikaṣāya): Năm Lợi Sử làm Thể, khai triển ra, sẽ thành sáu mươi hai thứ. Các Kiến lừng lẫy chính là tướng trạng

của loại Trước này.

Sao: Ngũ Lợi Sử: Một là Thân Kiến (Satkāya-dṛṣṭi), nghĩa là chấp ta và cái của ta, dấy lên kiến chấp về cái thân của ta.

Diễn: “Chấp ta và cái của ta”: Chấp cái bên trong là ta, chấp cái bên ngoài là của ta. Hoặc là trong Ngũ Ấm, chấp một Ấm là Ngã, những Ấm còn lại là Ngã Sở).

(Sao) Nhị, Biên Kiến, vị chấp đoạn, chấp thường, thất hồ Trung Đạo, nhi khởi biên bàng chi kiến.

(Diễn) Chấp đoạn, chấp thường giả, hoặc chấp chư pháp thị vô, nhi khởi đoạn diệt chi kiến. Hoặc chấp chư pháp thị hữu, nhi khởi thường trụ chi kiến. Trung Đạo tức đệ bát thức, dĩ nhị thức hằng chuyển như bạo lưu cố. Hằng tắc bất đoạn, chuyển tắc bất thường. Kim chấp đoạn thường, thị thất Trung Đạo.

(鈔)二、邊見，謂執斷執常，失乎中道，而起邊傍之見。

(演)執斷執常者，或執諸法是无，而起斷滅之見。或執諸法是有，而起常住之見。中道即第八識，以二識恒轉如瀑流故。恒則不斷，轉則不常。今執斷常，是失中道。

(Sao: Hai là Biên Kiến (Anta-grāha-dṛṣṭi), nghĩa là chấp đoạn, hoặc chấp thường, đánh mất Trung Đạo, dấy lên kiến giải lệch lạc.

Diễn: “Chấp đoạn, chấp thường”: Hoặc chấp “các pháp là không”, bèn khởi kiến giải đoạn diệt. Hoặc chấp “các pháp là có”, bèn khởi kiến giải thường trụ. Trung Đạo là thức thứ tám, do hai thức hằng chuyển như dòng nước lũ. Hằng thì chẳng đoạn, Chuyển thì chẳng thường. Nay do chấp đoạn và chấp thường, bèn đánh mất Trung Đạo).

(Sao) Tam, Giới Thủ, vị phi nhân kế nhân, tu chư khổ hạnh, nhi khởi thủ trước ngã năng trì giới chi kiến.

(Diễn) Phi nhân kế nhân giả, phi Niết Bàn nhân, kế dĩ vi nhân. Hoặc bạt phát, huân tỵ, ngọa cực, đầu hôi. Hoặc trì ngư, cầu đẳng giới, chủng chủng vô ích khổ hạnh.

(鈔)三、戒取，謂非因計因，修諸苦行，而起取著我能持戒之見。

(演)非因計因者，非涅槃因，計以為因。或拔髮熏鼻

臥棘投灰。或持牛狗等戒，種種無益苦行。

(Sao: Ba là Giới Thủ (Śīla-vrata-parāmarśa), nghĩa là chẳng phải nhân mà coi là nhân, tu các khổ hạnh, dấy lên kiến giải chấp trước “ta có thể trì giới”).

Diễn: “Chẳng phải nhân mà coi là nhân”: Chẳng phải là cái nhân của Niết Bàn mà coi là nhân, [ví như ngoại đạo Ấn Độ] nhổ tóc, xông khói vào mũi, nằm trên gai, vùi mình vào tro, hoặc giữ giới của trâu, chó v.v... các thứ khổ hạnh vô ích).

(Sao) Tứ, Kiến Thủ, chấp thô vi thắng, đắm ma khí kim, nhi khởi tự phụ sở kiến chi kiến.

(Diễn) Chấp thô vi thắng giả, duy chấp kỷ kiến vi thị, dư giai thị phi. Túng ngộ Phật lai, diệc bất tín thọ, như đắm ma vi bảo, khí kim bất cố dăng. Đắm ma khí kim giả, tích hữu nhị nhân nhập sơn, các đắm nhất đắm ma, ngẫu ư trung lộ, kiến vô số bố bạch. Nhất trí giả vân: “Ngô khí ma, đắm bố”. Nhất ngu giả vân: “Ngô đắm lai lộ đa”, tức thị đắm ma. Vãng tiền bất viễn, hựu kiến vô số bạch ngân. Trí giả khí bố, đắm ngân; ngu giả y cựu đắm ma. Tiền vãng hựu kiến vô số hoàng kim. Trí giả khí ngân, đắm kim; ngu giả y cựu chỉ thị đắm ma. Tự phụ sở kiến, bất khăng tòng nhân giả, đại suất như thị.

(鈔)四、見取，執粗為勝，擔麻棄金，而起自負所見之見。

(演)執粗為勝者，唯執己見為是，餘皆是非。縱遇佛來，亦不信受，如擔麻為寶，棄金不顧等。擔麻棄金者，昔有二人入山，各擔一擔麻，偶於中路，見無數布帛。一智者云：吾棄麻，擔布。一愚者云：吾擔來路多，即是擔麻。往前不遠，又見無數白銀。智者棄布，擔銀；愚者依舊擔麻。前往又見無數黃金。智者棄銀，擔金；愚者依舊只是擔麻。自負所見，不肯從人者，大率如是。

(Sao: Bốn là Kiến Thủ (Dṛṣṭi-parāmarśa), chấp cái thô thiện là thù thắng, gánh gai bỏ vàng, dấy lên cách nhìn tự phụ về kiến giải của chính mình.

Diễn: “Chấp cái thô thiện là thù thắng”: Chỉ chấp ý kiến của chính mình là đúng, những người khác đều sai. Dầu có Phật hiện tới,

cũng chẳng tin nhận; giống như gánh gai coi là của báu, vứt bỏ vàng, chẳng đoái hoài v.v...

“Gánh gai bỏ vàng”: Xưa có hai người vào núi, mỗi người gánh một gánh gai. Bỗng ở trên đường thấy vô số vải, lụa, một người có trí bèn nói: “Tôi vứt gai, gánh vải”. Kẻ ngu nói: “Tôi gánh gai trên đường đã lâu rồi, do vậy cứ gánh gai”. Đi tiếp chẳng xa, lại thấy vô số bạc trắng, người trí vứt vải, gánh bạc, kẻ ngu vẫn gánh gai y như cũ. Đi tiếp lại thấy vô số vàng ròng, người trí vứt bạc, gánh vàng, kẻ ngu vẫn chỉ gánh gai y như cũ. Tự phụ kiến giải của chính mình, chẳng chịu nghe theo ý kiến của người khác, đại khái là như thế đó).

(Sao) Ngũ, Tà Kiến, vị bát vô nhân quả, đọa hoát đạt không, nhi khởi tà ngoại bất chánh chi kiến.

(Diễn) Bát vô nhân quả, đọa hoát đạt không giả, bất tín tạo thiện vi lạc, tạo ác vi khổ, nhi ngôn thiện, ác, khổ, lạc, nhất thiết giai không, bất tri vô ngã, vô tác, vô thọ giả, thiện ác chi nghiệp diệc bất vong, đọa hoát đạt không, khởi đoạn diệt kiến cố.

(鈔)五、邪見，謂撥無因果，墮豁達空，而起邪外不正之見。

(演)撥無因果，墮豁達空者，不信造善為樂，造惡為苦，而言善惡苦樂一切皆空，不知無我無作無受者，善惡之業亦不亡，墮豁達空，起斷滅見故。

(Sao: Năm là Tà Kiến, nghĩa là bài bác “chẳng có nhân quả”, đọa vào trong cái Không rộng tuếch, dấy lên kiến giải tà vạy, ngoại đạo, bất chánh.

Diễn: “Bài bác chẳng có nhân quả, đọa lạc trong cái Không rộng tuếch”: Chẳng tin làm lành là vui, tạo ác là khổ, nói thiện, ác, khổ, lạc, hết thấy đều rộng tuếch, chẳng biết [dầu là] vô ngã, vô tác, chẳng có người nhận, nghiệp thiện ác cũng chẳng mất. Đọa vào cái Không rộng tuếch tức là khởi kiến giải đoạn diệt).

(Sao) Thử ngũ giả, năng linh chúng sanh xu nhập sanh tử, cố danh vi Sứ; nhi cơ vi, tấn tât, vi hại phi tế, đối Ngũ Độn ngôn, cố danh Lợi Sứ. Khai chỉ tắc lục thập nhị giả, dĩ Đoạn Thường nhị kiến vi bản, nhi Sắc đẳng Ngũ Ấm, các cụ tứ cú, tam thể diệt chi, tắc thành lục thập, gia bốn Đoạn Thường, thành lục thập nhị. Thử chi chư kiến, do

như la vông, do như trù lâm. Triển phược khuất khúc, bất khả xuất ly, hôn loạn chân tánh, cố vân Trước dã. Phản hiển Cực Lạc quốc trung, nhân cụ chánh kiến, phi Kiến Trước cố.

(Diễn) Sắc đẳng Ngũ Ấm các cụ tứ cú, tam thể diệt chi, tắc thành lục thập giả, như Sắc Ấm giả, vị: “Sắc đại Ngã tiểu, Ngã tại Sắc trung”, “Ngã đại Sắc tiểu, Sắc tại Ngã trung”, hoặc “tức Sắc thị Ngã”, “ly Sắc thị Ngã”. Sắc ký như thị, Tứ Ấm diệt nhiên, ngũ tứ cộng thành nhị thập cú, tam thể diệt chi, thành lục thập cú.

(鈔)此五者，能令眾生趨入生死，故名為使；而幾微迅疾，為害非細，對五鈍言，故名利使。開之則六十二者，以斷常二見為本，而色等五陰，各具四句，三世迭之，則成六十，加本斷常，成六十二。此之諸見，猶如羅網，猶如稠林。纏縛屈曲，不可出離，渾亂真性，故云濁也。反顯極樂國中，人具正見，非見濁故。

(演)色等五陰各具四句，三世迭之，則成六十者，如色陰者，謂：色大我小，我在色中，我大色小，色在我中，或即色是我，離色是我。色既如是，四陰亦然，五四共成二十句，三世迭之，成六十句。

(Sao: Năm điều này có thể khiến cho chúng sanh tiến nhập sanh tử, nên gọi là Sở. Nhưng chúng rất vi tế, nhanh chóng, gây hại chẳng nhỏ. Do nói đối ứng với năm thứ Độn Sở mà gọi là Lợi Sở.

“Khai triển ra, sẽ thành sáu mươi hai thứ”: Lấy hai thứ Thường Kiến và Đoạn Kiến làm gốc, mà Ngũ Ấm như Sắc v.v... mỗi thứ đều có đủ bốn câu, lại nhân với ba đời (tức là 5x4x3) sẽ thành sáu mươi, cộng với hai thứ kiến chấp gốc là Đoạn và Thường, bèn thành sáu mươi hai. Các món kiến chấp này giống như lưới rập, ví như rừng rậm. Trội buộc, cong vạy, chẳng thể thoát ra, vẫn đục, rối loạn chân tánh. Vì thế, bảo là Trước. Nhằm nêu tương phản rõ rệt: Trong cõi Cực Lạc, người ta có đủ chánh kiến, chẳng phải là Kiến Trước.

Diễn: “Ngũ Ấm như Sắc v.v... mỗi thứ đều có đủ bốn câu, lại nhân với ba đời bèn thành sáu mươi”, ý nói: Như đối với Sắc Ấm, bảo là “Sắc lớn Ngã nhỏ, Ngã ở trong Sắc”; “Ngã lớn Sắc nhỏ, Sắc ở trong Ngã”, hoặc “Sắc chính là Ngã”, “liạ Sắc là Ngã”. Đối với Sắc đã [có bốn câu] như thế, đối với bốn Ấm kia cũng vậy. Năm Ấm nhân với bốn câu [kiến chấp điên đảo trên đây] thành hai mươi câu, nhân với ba đời,

thành sáu mươi câu).

(Sớ) Phiền Não Trước giả, ngũ Độn Sử vi Thễ. Quảng chi nãi chí vi thập, vi bách bát, vi bát vạn tứ thiên, cập Hằng hà sa đẳng. Tam tai cảm triệu, tức kỳ tướng dã.

(Sao) Ngũ Độn Sử giả: Nhất, tham, vị ngộ thuận tình cảnh, khởi ư ái trước, bất năng xả ly cố. Nhị, sân, vị ngộ vi tình cảnh, khởi ư khuể hận, bất năng dung nhẫn cố. Tam, si, vị ư phi vi, phi thuận cảnh, khởi ư ngu ám, bất năng giác sát cố. Tứ, mạn, vị ư nhất thiết chúng sanh, khởi kiêu ngạo tâm, thượng lãng, hạ hốt, bất năng cung tôn cố. Ngũ, nghi, vị ư chư thiện pháp, khởi sai nhị tâm, dục tấn, dục thoái, bất năng quyết định cố. Thử ngũ giả, diệt năng sử nhân xu nhập sanh tử, cố danh viết Sử. Giáo tiền, sảo vi trọng trệ, cố danh Độn Sử. Quảng chi giả, vị hợp ngũ lợi, vi thập phiền não. Hựu phân chi vi cửu thập bát, gia Thập Triền, thành bách bát phiền não. Hựu tế thôi chi, tắc bát vạn tứ thiên, nãi chí Hằng sa, đa đa vô lượng. Lao phiền ngã tâm, bất đắc an ổn, nhiệt não ngã tâm, bất đắc thanh lương. Hựu huyên phiền chi pháp, bức loạn tâm thần, sử chân minh bất lãng, cố danh phiền não.

(Diễn) Giáo tiền, sảo vi trọng trệ giả, dĩ thử Ngũ Sử, dĩ cảnh tương đối, phương đắc sanh khởi, bất đồng Ngũ Lợi tài xúc tức sanh, cơ vi tấn tột cố. Phân chi vi cửu thập bát giả, Kiến Hoặc hữu bát thập bát, dĩ tiền Thập Sử, lịch tam giới, Tứ Đế hạ tăng giảm bất đồng, thành bát thập bát. Vị Dục Giới Khổ thập sử cụ túc, Tập, Diệt các thất sử, trừ Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ. Đạo Đế bát sử, trừ Thân Kiến, Biên Kiến. Tứ Đế hạ, hợp vi tam thập nhị, thượng nhị giới Tứ Đế hạ, dư giai như Dục Giới, chỉ ư mỗi Đế hạ trừ sân sử cố, nhất giới các hữu nhị thập bát. Nhị giới hợp vi ngũ thập lục, tịnh tiền tam thập nhị, hợp vi bát thập bát. Cảnh gia Tư Hoặc thập sử, vị Dục Giới tham, sân, si, mạn, thượng nhị giới tham, si, mạn, cộng vi cửu thập bát dã. Tế thôi tắc bát vạn tứ thiên giả, dĩ thập sử hỹ cụ thành nhất bách, lịch thập pháp giới thành nhất thiên, thân khẩu thất chi vi thất thiên, tam thể cộng thành nhị vạn nhất, tứ tâm các cụ nhị vạn nhất, cộng thành bát vạn tứ thiên số, dĩ bát vạn tứ thiên luật nghi đối trị chi, tắc thành bát vạn tứ thiên pháp môn.

(疏)煩惱濁者，五鈍使為體。廣之乃至為十，為百八，為八萬四千，及恆河沙等。三災感召，即其相也。

(鈔)五鈍使者：一、貪，謂遇順情境，起於愛著，不能捨離故。二、瞋，謂遇違情境，起於恚恨，不能容忍故。三、痴，謂於非違非順境，起於愚暗，不能覺察故。四、慢，謂於一切眾生，起驕傲心，上陵下忽，不能恭遜故。五、疑，謂於諸善法，起猜貳心，欲進欲退，不能決定故。此五者，亦能使人趨入生死，故名曰使。較前稍為重滯，故名鈍使。廣之者，謂合五利，為十煩惱。又分之為九十八，加十纏，成百八煩惱。又細推之，則八萬四千，乃至恆沙，多多無量。勞煩我心，不得安穩，熱惱我心，不得清涼。又喧煩之法，逼亂心神，使真明不朗，故名煩惱。

(演)較前稍為重滯者，以此五使，與境相對，方得生起，不同五利纔觸即生，幾微迅疾故。分之為九十八者，見惑有八十八，以前十使，歷三界，四諦下增減不同，成八十八。謂欲界苦十使具足，集滅各七使，除身見邊見戒取。道諦八使，除身見邊見。四諦下，合為三十二，上二界四諦下，餘皆如欲界，只於每諦下除瞋使故，一界各有二十八。二界合為五十六，并前三十二，合為八十八。更加思惑十使，謂欲界貪瞋痴慢，上二界貪痴慢，共為九十八也。細推則八萬四千者，以十使互具成一百，歷十法界成一千，身口七支為七千，三世共成二萬一，四心各具二萬一，共成八萬四千數，以八萬四千律儀對治之，則成八萬四千法門。

(Sớ: *Phiền Nã Trược (Kleśakaṣāya)*: Năm Độn Sử làm Thế. Nói rộng ra, sẽ là cho đến mười, một trăm lẻ tám, tám vạn bốn ngàn, cho đến như Hằng hà sa. Cảm vơi tam tai, chính là tướng trạng của nó.

Sao: “Năm Độn Sử”: Một là tham, nghĩa là gặp tình cảnh đẹp ý, sẽ dấy lòng yêu đắm, chẳng thể lìa bỏ. Hai là sân, nghĩa là gặp tình cảnh trái ý, dấy lòng sân hận, chẳng thể khoan dung, chịu đựng. Ba là si, nghĩa là đối với cảnh chẳng trái nghịch, chẳng tùy thuận, bèn dấy lên ngu si, tầm tối, chẳng thể quan sát, nhận biết. Bốn là mạn, nghĩa là đối

với hết thấy chúng sanh, dấy lòng kiêu ngạo, lấn lướt người trên, khinh thường kẻ dưới, chẳng thể cung kính, khiêm tốn. Năm là nghi, nghĩa là đối với các thiện pháp, dấy lòng nghi ngờ, do dự, toan tiến, toan lùi, chẳng thể quyết định. Năm điều này cũng có thể khiến cho người ta tiến nhập sanh tử, vì thế gọi là *Sử*. So với [năm món *Sử*] trước thì hơi nặng nề, chậm chạp hơn, nên gọi là *Độn Sử*.

Nói rộng ra thì [năm *Độn Sử*] gộp chung với năm *Lợi Sử*, thành mười phiền não. Lại chia ra thì là chín mươi tám thứ, thêm Thập Triền vào, bèn thành một trăm lẻ tám phiền não. Lại mở rộng chi tiết hơn, sẽ là tám vạn bốn ngàn, cho đến Hằng sa, nhiều đến vô lượng. Nhọc phiền tâm ta, chẳng được an ổn, khiến cho tâm ta nóng nảy, bứt rứt, chẳng được thanh lương. Lại là pháp phiền bức, huyên não, khiến cho tâm trí bị bức bách, rối loạn, khiến cho chân minh chẳng sáng suốt, nên gọi là phiền não.

Diễn: “So với [năm món *Sử*] trước thì hơi nặng nề, chậm chạp hơn”: Do năm món *Sử* này phải đối ứng với cảnh thì mới có thể sanh khởi, chẳng giống như năm món *Lợi Sử* trước đó, vừa tiếp xúc bèn sanh khởi, cho nên [ngũ lợi sử] vi tế, nhạy bén hơn. “Chia thành chín mươi tám thứ”: Kiến Hoặc có tám mươi tám món, do mười món *Sử* trên đây, xét theo ba cõi và Tứ Đế, sẽ có sự tăng giảm khác biệt, cho nên thành tám mươi tám món. Nghĩa là Khổ Đế trong Dục Giới có đủ mười món *Sử*, Tập Đế và Diệt Đế, mỗi Đế đều có bảy *Sử*, tức là trừ Thân Kiến, Biên Kiến, và Giới Thủ Kiến ra. Đạo Đế có tám *Sử*, tức là trừ Thân Kiến và Biên Kiến. Như vậy là xét theo Tứ Đế [trong Dục Giới], có ba mươi hai món *Sử* (10 món *Sử* của Khổ Đế + 7 món *Sử* của Tập Đế + 7 món *Sử* của Diệt Đế + 8 món *Sử* của Đạo Đế = 32 món *Sử* trong Dục Giới). Đối với hai cõi trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới), các món *Sử* thuộc Tứ Đế đều như trong Dục Giới, chỉ là trong mỗi Đế trừ đi Sân *Sử* (ba mươi hai món *Sử* trừ đi bốn món Sân *Sử* của Tứ Đế), cho nên mỗi cõi có hai mươi tám món *Sử*. [Do vậy], hai cõi (Sắc Giới và Vô Sắc Giới) hợp thành năm mươi sáu món *Sử* (2 cõi x 28 món *Sử* = 56 món *Sử*), cộng với ba mươi hai món *Sử* trong phần trên (tức ba mươi hai món *Sử* của Dục Giới), hợp thành tám mươi tám món *Sử* (56+32=88), lại cộng thêm mười món *Sử* thuộc Tư Hoặc, tức là [cộng thêm] tham, sân, si, mạn trong Dục Giới và tham, si, mạn từ hai cõi trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới), cho nên cộng thành chín mươi tám món *Sử*.

“Mở rộng chi tiết hơn, sẽ là tám vạn bốn ngàn”: Do Thập *Sử* phối hợp lẫn nhau thành một trăm (nghĩa là mỗi món *Sử* có đủ mười món *Sử*

kia, nên $10 \times 10 = 100$), trải qua mười pháp giới thành một ngàn (100 món Sứ x 10 pháp giới = 1.000), phối ứng với bảy chi của thân và khẩu (giết, trộm, dâm, nói dối, nói dối chiều, nói thêu dệt, ác khẩu) thành bảy ngàn ($1.000 \times 7 = 7.000$), ứng với ba đời thành hai vạn một ngàn món ($7.000 \times 3 = 21.000$). Do bốn tâm, mỗi tâm đều có đủ hai vạn một ngàn món, cộng thành con số tám vạn bốn ngàn ($4 \times 21.000 = 84.000$). Dùng tám vạn bốn ngàn luật nghi để đối trị, cho nên thành tám vạn bốn ngàn pháp môn).

(Sao) Tam Tai cảm triệu giả, tham cảm cơ căn, sân cảm đao binh, si cảm tật dịch, nãi chí thủy hỏa phong chi đại nạn, giai dĩ loại tòng, cố danh Trục dã. Phản hiển Cực Lạc quốc trung, nhân tất trí huệ, phi Phiền Nã Trục cố.

(Diễn) Tam Tai cảm triệu giả. Nhất, Tiểu Tam Tai: Sơ, cơ căn, nhân thọ giảm chí tam thập tuế thời, thiên bất giáng vũ, do đại hạn cố, thảo thái bất sanh, tư dục kiến thủy, thượng bất khả đắc, hà hưởng ẩm thực! Dĩ thị nhân duyên, thế gian nhân dân, cơ căn tử giả, kỳ số vô lượng. Nhị, tật dịch, nhân thọ giảm chí nhị thập tuế thời, hữu đại tật dịch, chủng chủng chư bệnh, nhất thiết giai khởi. Dĩ thị nhân duyên, thế gian nhân dân, tật dịch tử giả, kỳ số vô lượng. Tam, đao binh, nhân thọ giảm chí thập tuế thời, chư nhân các khởi đấu tranh, thủ chấp thảo mộc, tức thành đao thương, hồ tương tàn hại. Dĩ thị nhân duyên, thế gian nhân dân, đao binh tử giả, kỳ số vô lượng. Nhị, Đại Tam Tai giả: Nhất, Hỏa Tai, vị ư kiếp hoại thời, hữu thất nhật xuất hiện, đại địa, Tu Di, tiệp tiệp băng hoại. Tứ đại hải thủy, tiệp tiệp tiêu tận. Đại thiên thế giới cập Sơ Thiên Thiên, giai tất đồng nhiên, vô hữu di dư. Thị danh Hỏa Tai. Nhị, Thủy Tai, vị Sơ Thiên dĩ hạ, thất phiên Hỏa Tai, hoại ư thế giới chi hậu, thế giới phục thành. Hựu ư hoại kiếp chi thời, tiệp giáng đại vũ, trích như xa trục, cánh kiềm địa hạ thủy luân, dũng phi thượng đăng, đại thiên thế giới, nãi chí Nhị Thiên Thiên, thủy giai di mãn. Nhất thiết hoại diệt, như thủy tiêu diêm. Thị danh Thủy Tai. Tam, Phong Tai, vị Nhị Thiên dĩ hạ, thất phiên Thủy Tai dĩ hậu, thế giới phục thành. Hựu ư hoại kiếp chi thời, tòng hạ phong luân, hữu mãnh phong khởi, kiềm dĩ chúng sanh nghiệp lực tận cố, xú xú sanh phong. Đại thiên thế giới, nãi chí Tam Thiên Thiên, tất giai phiêu kích, đăng tận vô dư. Thị danh Phong Tai. Hựu phục đương tri, hỏa thiêu Sơ Thiên, hữu ngũ thập lục phiên; thủy yểm Nhị Thiên, hữu thất phiên; phong quát Tam Thiên, hữu nhất phiên. Hợp chi cộng lục thập tứ phiên dã. Giai dĩ loại tòng giả, sân cảm Hỏa

Tai, tham cảm Thủy Tai, si cảm Phong Tai.

(鈔)三災感召者，貪感饑饉，瞋感刀兵，痴感疾疫，乃至水火風之大難，皆以類從，故名濁也。反顯極樂國中，人悉智慧，非煩惱濁故。

(演)三災感召者，一、小三災：初、飢饉，人壽減至三十歲時，天不降雨，由大旱故，草菜不生，思欲見水，尚不可得，何況飲食！以是因緣，世間人民，飢饉死者，其數無量。二、疾疫，人壽減至二十歲時，有大疾疫，種種諸病，一切皆起。以是因緣，世間人民，疾疫死者，其數無量。三、刀兵，人壽減至十歲時，諸人各起鬥爭，手執草木，即成刀鎗，互相殘害。以是因緣，世間人民，刀兵死者，其數無量。二、大三災者：一、火災，謂於劫壞時，有七日出現，大地須彌，漸漸崩壞。四大海水，漸漸消盡。大千世界及初禪天，皆悉洞然，無有遺餘。是名火災。二、水災，謂初禪以下，七番火災，壞於世界之後，世界復成。又於壞劫之時，漸降大雨，滴如車軸，更兼地下水輪，涌沸上騰，大千世界，乃至二禪天，水皆彌滿。一切壞滅，如水消鹽。是名水災。三、風災，謂二禪以下，七番水災以後，世界復成。又於壞劫之時，從下風輪，有猛風起，兼以眾生業力盡故，處處生風。大千世界，乃至三禪天，悉皆飄擊，蕩盡無餘。是名風災。又復當知，火燒初禪，有五十六番；水淹二禪，有七番；風刮三禪，有一番。合之共六十四番也。皆以類從者，瞋感火災，貪感水災，痴感風災。

(Sao: “Tam Tai cảm vòì”: Tham cảm vòì sự đói kém, sân cảm vòì binh đao, si cảm vòì bệnh dịch. Cho đến các tai nạn lớn như nước, lửa, gió, đều do những phiền não tương ứng mà sanh ra. Vì thế, gọi là Trược. Nêu rõ sự tương phản: Trong cõi Cực Lạc, ai nấy đều có trí huệ, chẳng phải là Phiền Não Trược.

Diễn: “Tam Tai cảm vòì”: Một là Tiểu Tam Tai. Thứ nhất là đói kém, khi con người chỉ còn thọ ba mươi tuổi, trời chẳng đổ mưa. Do vậy,

bị hạn hán to, cây cỏ chẳng mọc; nghĩ mong thấy nước còn chưa thể được, huống là ăn uống! Do nhân duyên ấy, nhân dân trong thế gian chết vì đói khát, số đến vô lượng. Hai là bệnh dịch, khi tuổi thọ con người giảm xuống còn hai mươi tuổi, có bệnh dịch lớn. Hết thấy các thứ bệnh tật đều cùng dấy lên. Do nhân duyên ấy, nhân dân trong thế gian chết vì bệnh dịch, số đến vô lượng. Ba là đao binh, khi tuổi thọ con người giảm đến mười tuổi, mọi người ai nấy dấy lòng tranh đấu. Cây cỏ cầm trong tay liền biến thành đao, thương, tàn hại lẫn nhau. Do nhân duyên ấy, nhân dân trong thế gian chết vì đao binh, số đến vô lượng.

Thứ hai là Đại Tam Tai. Một là Hỏa Tai, nghĩa là lúc kiếp hoại, có bảy mặt trời xuất hiện. Đại địa, núi Tu Di dần dần băng hoại, nước trong bốn biển cả dần dần cạn khô. Đại thiên thế giới cho đến trời Sơ Thiên đều rỗng tuếch, chẳng còn sót gì. Đó gọi là Hỏa Tai. Hai là Thủy Tai, nghĩa là từ trời Sơ Thiên trở xuống, bảy phen gặp Hỏa Tai. Thế giới sau khi đã hư hoại, lại khôi phục. Lại vào lúc Hoại Kiếp, dần dần đổ mưa to, giọt mưa to như trục bánh xe. Lại còn Thủy Luân ở dưới mặt đất, dâng vọt, sôi trào lên trên. Đại thiên thế giới cho đến trời Nhị Thiên, đều tràn ngập nước. Hết thấy hoại diệt, như nước hòa tan muối. Đó gọi là Thủy Tai. Ba là Phong Tai, nghĩa là từ trời Nhị Thiên trở xuống, sau bảy phen Thủy Tai, thế giới lại khôi phục. Lại vào thời Hoại Kiếp, từ Phong Luân ở phía dưới [đại địa], có gió mạnh dấy lên. Lại do nghiệp lực của chúng sanh, gió nổi khắp nơi. Đại thiên thế giới, cho đến trời Tam Thiên, thấy đều bị gió vùi dập, tan nát hết sạch, chẳng còn sót gì. Đó là Phong Tai.

Lại còn nên biết: Lửa cháy tới trời Sơ Thiên có năm mươi sáu lần, nước ngập tới trời Nhị Thiên bảy lần, gió tràm tới trời Tam Thiên một lần. Tính gộp chung là sáu mươi bốn lần [tai họa]. “Đều do một loại phiền não mà sanh ra”: Sân cảm Hỏa Tai, tham cảm Thủy Tai, si cảm Phong Tai).

(Sớ) Chúng Sanh Trước giả, nhất vân A Hàm tam nghĩa vi Thể, hựu vân lâm Ngũ Ấm, kiến, mạn, quả báo vi Thể. Ác danh uế xưng, tức kỳ tướng dã.

(Sao) Tam nghĩa giả, A Hàm kinh vân: “Nhất giả, kiếp sơ Quang Âm hạ sanh. Nhị giả, lâm chúng Ấm nhi sanh. Tam giả, xú xú thọ sanh. Cổ vân chúng sanh”. Ngũ Ấm, tức Sắc, Thọ đẳng. Kiến giả, hoành kế chủ tử vi Kiến Ngã. Mạn giả, câu sanh chủ tử vi Mạn Ngã. Quả báo giả, tiền sở tác nhân, kim thọ quả báo, diệc thượng thọ sanh

nghĩa dã. Ác danh uế xưng giả, sanh Phật tương đối, chúng sanh chi danh, hạ liệt bỉ lậu, luân hồi lục đạo, bị thọ chư khổ, cố vân Trước dã. Phản hiển Cực Lạc quốc trung, chư thượng thiện nhân đồng hội nhất xứ, phi Chúng Sanh Trước cố.

(Diễn) Hoành kẻ chủ tế vi kiến Ngã giả, “hoành kẻ” vị hoành sanh kế độ. Chủ tế tức Ngã Chấp dã. Thử tức Phân Biệt Ngã Chấp. Duy Thức vân: “Phân Biệt Ngã Chấp thị do hiện tại ngoại duyên lực cố, phi dữ thân câu. Yếu đãi tà giáo, cập tà phân biệt, nhiên hậu phương khởi. Cố danh Phân Biệt, duy tại đệ lục ý thức trung hữu”, thị dã. Kiến Ngã, như kế: “Tức Sắc thị Ngã, ly Sắc thị Ngã, Ngã đại Sắc tiểu, Sắc tại Ngã trung, Sắc đại Ngã tiểu, Ngã tại Sắc trung đẳng”. Thử tòng tà sư huấn hời, nhi thành Phân Biệt Ngã dã. Câu sanh chủ tế vi Mạn Ngã giả, câu sanh đối phân biệt nhi ngôn. Dữ sanh câu sanh, phi cưỡng tư kế độ khởi cố. Chủ tế giả, Ngã Chấp dã. Thử tức Câu Sanh Ngã Chấp. Duy Thức vân: “Câu Sanh Ngã Chấp, vô thí thời lai, hư vọng huân tập nội nhân lực cố, hằng dữ thân câu, bất đãi tà giáo, cập tà phân biệt, nhậm vận nhi chuyển. Cố danh Câu Sanh. Thử phục nhị chủng: Nhất, thường tương tục, tại đệ thất thức. Nhị, hữu gián đoạn, tại đệ lục thức”, thị dã. Mạn Ngã hữu thất: Nhất, ngã mạn. Nhị, mạn. Tam, quá mạn. Tứ, mạn quá mạn. Ngũ, tăng thượng mạn. Lục, ty liệt mạn. Thất, tà mạn. Thử thất chủng giai y Ngã tướng nhi sanh, giai vi Mạn Ngã. Thử tắc bất dụng giáo hời, sanh lai tức hữu, câu sanh ngã dã.

(疏)眾生濁者，一云阿含三義為體，又云攬五陰見慢，果報為體。惡名穢稱，即其相也。

(鈔)三義者，阿含經云：一者，劫初光音下生。二者，攬眾陰而生。三者，處處受生。故云眾生。五陰，即色受等。見者，橫計主宰為見我。慢者，俱生主宰為慢我。果報者，前所作因，今受果報，亦上受生義也。惡名穢稱者，生佛相對，眾生之名，下劣鄙陋，輪迴六道，備受諸苦，故云濁也。反顯極樂國中，諸上善人同會一處，非眾生濁故。

(演)橫計主宰為見我者，橫計謂橫生計度。主宰即我執也。此即分別我執。唯識云：分別我執是由現在外緣力

故，非與身俱。要待邪教，及邪分別，然後方起。故名分別，唯在第六意識中有，是也。見我，如計：即色是我，離色是我，我大色小，色在我中，色大我小，我在色中等。此從邪師訓誨，而成分別我也。俱生主宰為慢我者，俱生對分別而言。與生俱生，非強思計度起故。主宰者，我執也。此即俱生我執。唯識云：俱生我執，無始時來，虛妄熏習內因力故，恒與身俱，不待邪教，及邪分別，任運而轉。故名俱生。此復二種：一、常相續，在第七識。二、有間斷，在第六識，是也。慢我有七：一、我慢。二、慢。三、過慢。四、慢過慢。五、增上慢。六、卑劣慢。七、邪慢。此七種皆依我相而生，皆為慢我。此則不用教誨，生來即有，俱生我也。

(Sớ: Chúng Sanh Trược (Sattvakaṣāya): Một thuyết nói là dùng ba nghĩa trong kinh A Hàm để làm Thể [của Chúng Sanh Trược]. Lại nói: Hòa hợp Ngũ Âm, kiến, mạn, và quả báo để làm Thể. Danh xưng xấu bản chính là tướng của nó vậy.

Sao: “Ba nghĩa” là như kinh A Hàm nói: Một là thuở kiếp sơ, [chúng sanh từ] cõi trời Quang Âm hạ sanh. Hai là do Ngũ Âm hòa hợp sanh ra. Ba là thọ sanh trong các chỗ [thuộc sáu đường], nên gọi là “chúng sanh”. Ngũ Âm chính là Sắc, Thọ v.v... “Kiến”: Ngang ngạnh nầy sanh Ngã Chấp, đó là Kiến Ngã (cái Ngã hư vọng nầy sanh do kiến giải sai lầm). Mạn (Māna): Cái ngã chấp bầm sinh là Mạn Ngã. Quả báo: Do cái nhân đã tạo từ trước, nay nhận lãnh quả báo, cũng là ý nghĩa “thọ sanh” trong phần trước. “Danh xưng xấu nhơ”: So sánh chúng sanh và Phật thì danh xưng của chúng sanh kém hèn, thô lậu, luân hồi trong lục đạo, chịu đủ mọi nỗi khổ. Vì thế nói là Trược. Nêu rõ sự tương phản với cõi Cực Lạc: [Trong cõi Cực Lạc], các vị thượng thiện nhân nhóm họp một chỗ, chẳng phải là Chúng Sanh Trược.

Diễn: “Hoành kế chủ tế vi Kiến Ngã”: “Hoành kế” là ngang ngược nầy sanh sự so đo. “Chủ tế” là Ngã Chấp. Đây chính là Phân Biệt Ngã Chấp. Duy Thức nói: “Phân Biệt Ngã Chấp là do sức của ngoại duyên trong hiện tại, chẳng phải là bầm sanh, phải chờ đến sau khi được dạy dỗ tà vạy và do phân biệt tà vạy thì nó mới sanh khởi. Vì thế, gọi là Phân Biệt. Chấp trước này chỉ tồn tại trong ý thức, tức thức

thứ sáu”.

“Kiến Ngã” là so đo “Sắc chính là Ngã, lìa Sắc là Ngã, Ngã lớn Sắc nhỏ, Sắc ở trong Ngã, Sắc lớn Ngã nhỏ, Ngã ở trong Sắc” v.v... Những điều này đều do tà sư dạy dỗ mà thành phân biệt Ngã. “Câu sanh chủ tế vi Ngã Mạn” (ngã chấp bầm sanh là Ngã Mạn): Câu Sanh là nói đối lập với Phân Biệt [Ngã Chấp], có nghĩa là hễ sanh ra là đã có, chẳng phải tốn công sức suy nghĩ, so đo để dấy lên. “Chủ tế” là Ngã Chấp. Đây chính là Câu Sanh Ngã Chấp. Duy Thức nói: “Câu Sanh Ngã Chấp là do sức huân tập hư vọng của cái nhân bên trong từ thời vô thủy. Nó luôn sanh cùng cái thân, chẳng cần đợi được dạy dỗ tà vạy và tà phân biệt, tùy ý xoay chuyển. Vì thế, gọi là Câu Sanh (bầm sanh). Thứ này lại có hai loại: Một là thường liên tục trong thức thứ bảy. Hai là có lúc gián đoạn, ở trong thức thứ sáu”.

Mạn có bảy loại: Một là Ngã Mạn. Hai là Mạn. Ba là Quá Mạn. Bốn là Mạn Quá Mạn. Năm là Tăng Thượng Mạn. Sáu là Ty Liệt Mạn. Bảy là Tà Mạn. Bảy loại này đều nương vào Ngã tướng để sanh, đều là Mạn Ngã. Những thứ này chẳng cần phải dạy dỗ, sanh ra đã có, là cái Ngã bầm sanh vậy).

(Sớ) Mạng Trược giả, dĩ sắc tâm liên trì vi Thể, thời niên giảm thọ, tức kỳ tướng dã.

(Sao) Liên trì giả, y nghiệp sở dẫn đệ bát thức chủng. Ngoại Sắc, nội tâm, hỗ tương liên thuộc, tức tức, noãn, thức, tam tương trì bất tán, thị vi Mạng Căn. Nhất bất liên trì, Mạng Căn tức đoạn, cố dĩ vi Thể. Thời niên giảm thọ giả, đương thứ giảm kiếp, bất mãn bách niên; nhi phục bào mạt, phong đăng, sát-na bất trụ, vuơ vi đoản xúc. Cố vân Trược dã. Phản hiển Cực Lạc quốc trung, nhân dân thọ mạng, đồng Phật vô lượng, phi Mạng Trược cố.

(Diễn) Đệ bát thức, tức Lê Da bốn thức. Chủng thị chủng tử, vị bốn thức trung thân sanh tự quả, công năng sai biệt giả. Thích vân: Thân sanh tự quả giả, từng tự chủng tử thân sanh, hiện hành quả cố. Công năng sai biệt giả, hiển thử chủng tử phi nhất chủng cố. Nhiên thử chủng tử, dĩ đệ bát thức, cập sở sanh quả, bất nhất, bất dị. Thể thị bốn thức, quả thị hiện hành. Thức thể vọng chủng vi dụng. Hiện quả vọng chủng vi nhân. Cố thử tam pháp, lý ưng bất nhất, bất dị dã. Tông Kính vân: “Bốn thức thị Thể, chủng tử thị Dụng, chủng tử thị nhân, sở sanh thị quả. Thử tam lý ưng bất nhất, bất dị”. Y nghiệp sở dẫn giả, vị tùy túc nhân lực sanh thiện ác đẳng, công năng quyết định, phương

thành chủng tử dã. Ngoại sắc tức tức, noãn, thuộc đệ bát Thân Tướng Phần, nội tâm tức đệ bát hiện hành thức, thuộc đệ bát Kiến Phần. Do chủng tử nghiệp lực, thử tam tương trì bất tán, danh Mạng Căn bất đoạn. Nhất bất tương trì, hoặc noãn khí ly thân, hoặc xuất nhập tức đoạn, hoặc Kiến Phần ly thể, danh Mạng Căn đoạn dã.

(疏)命濁者，以色心連持為體，催年減壽，即其相也。

(鈔)連持者，依業所引第八識種。外色內心，互相連屬，即息煖識，三相持不散，是為命根。一不連持，命根即斷，故以為體。摧年減壽者，當此減劫，不滿百年；而復泡沫風燈，剎那不住，尤為短促。故云濁也。反顯極樂國中，人民壽命，同佛無量，非命濁故。

(演)第八識，即黎耶本識。種是種子，謂本識中親生自果，功能差別者。釋云：親生自果者，從自種子親生，現行果故。功能差別者，顯此種子非一種故。然此種子，與第八識，及所生果，不一不異。體是本識，果是現行。識體望種為用。現果望種為因。故此三法，理應不一不異也。宗鏡云：本識是體，種子是用，種子是因，所生是果。此三理應不一不異。依業所引者，謂隨宿因力生善惡等，功能決定，方成種子也。外色即息煖，屬第八親相分，內心即第八現行識，屬第八見分。由種子業力，此三相持不散，名命根不斷。一不相持，或煖氣離身，或出入息斷，或見分離體，名命根斷也。

(Sớ: Mạng Trược (Āyuskaṣāya) là dùng Sắc và Tâm duy trì lẫn nhau liên tục để làm Thể, năm tháng giục già tuổi thọ suy giảm chính là tướng trạng của nó vậy.

Sao: “Duy trì lẫn nhau liên tục”: Nương theo nghiệp mà dẫn khởi các chủng tử trong thức thứ tám. Sắc bên ngoài, tâm bên trong liên quan, lệ thuộc lẫn nhau; tức là ba thứ gồm hơi thở, độ ấm, và thức duy trì lẫn nhau, chẳng bị tan hoại thì là Mạng Căn. Nếu một thứ [trong ba thứ, tức hơi thở, sức ấm và thức] chẳng duy trì liên tục, Mạng Căn liền đoạn, nên coi chúng là Thể. “Năm tháng giục già tuổi thọ suy giảm”: Đang

trong thời giảm kiếp, [tuổi thọ] chẳng đủ trăm năm. Lại còn như bọt nước, đèn trước gió, trong khoảng sát-na bèn chẳng tồn tại, càng là ngắn ngủi. Cho nên nói là Trược. Nêu bật sự tương phản, trong cõi Cực Lạc, nhân dân thọ mạng vô lượng giống như Phật, chẳng phải là Mạng Trược.

Diễn: Thức thứ tám chính là A Lại Da Thức. “Chủng” là chủng tử, ý nói từ trong bốn thức đích thân sanh ra cái tự quả, có công năng sai khác. Giải rằng: “Đích thân sanh ra cái tự quả” [nghĩa là] từ chủng tử, đích thân sanh ra cái quả hiện hành. “Công năng sai khác”: Chỉ rõ những chủng tử ấy không chỉ là một loại, nhưng những chủng tử ấy, thức thứ tám, và cái quả được sanh ra chẳng một, chẳng khác. Thể là bốn thức, quả là hiện hành. Đối với cái Thể của thức thì chủng tử là Dụng, đối với cái quả hiện hành thì chủng tử là Nhân. Do vậy, ba pháp xét theo Lý thì phải là chẳng một, chẳng khác. Sách Tông Kinh Lục viết: “Bốn thức là Thể, chủng tử là Dụng, chủng tử là nhân, cái được sanh là quả. Ba thứ ấy theo Lý phải là chẳng một, chẳng khác”.

“Nương theo nghiệp mà dẫn khởi”, nghĩa là do sức của túc nhân mà sanh ra công năng thiện, ác v.v... quyết định thì mới thành chủng tử. Ngoại sắc chính là hơi thở và sức ấm, thuộc về Tướng Phần của đích thân thức thứ tám. Nội tâm chính là thức thứ tám hiện hành, thuộc về Kiến Phần của thức thứ tám. Do nghiệp lực của chủng tử mà ba thứ ấy (hơi thở, sức ấm và thức) duy trì lẫn nhau, chẳng tan hoại, bèn gọi là Mạng Căn chẳng đoạn. [Nếu như] một thứ chẳng duy trì, [chẳng hạn như] hoặc là hơi ấm lìa thân thể, hoặc ngừng hô hấp, hoặc Kiến Phần lìa thân, thì gọi là Mạng Căn chấm dứt).

(Sớ) Thử chi Ngũ Trược, thả cứ quả ngôn, nhược Lăng Nghiêm sở vân, hoặc phối tam tế, lục thô, hoặc phối Ngũ Ấm, nghĩa diệc bất dị.

(Diễn) Thử chi Ngũ Trược, thả cứ quả ngôn giả, vị thượng văn sở giải Ngũ Trược, thả nhất vãng tự quả biên thuyết, phi nhược Lăng Nghiêm sở thuyết, thông hồ nhân quả dã. Hoặc phối tam tế giả, thị chư sư dĩ tam tế, lục thô thích Ngũ Trược dã, hoặc phối Ngũ Ấm, thị Cô Sơn ước Ngũ Ấm vọng tương vi Ngũ Trược dã. Nghĩa diệc bất dị giả, vị pháp tướng tuy bất đồng, nhi nghĩa lý tắc vô biệt dã.

(疏)此之五濁，且據果言，若楞嚴所云，或配三細六粗，或配五陰，義亦不異。

(演)此之五濁，且據果言者，謂上文所解五濁，且一往就果邊說，非若楞嚴所說，通乎因果也。或配三細者，是諸師以三細六粗釋五濁也，或配五陰，是孤山約五陰妄想為五濁也。義亦不異者，謂法相雖不同，而義理則無別也。

(Sớ: Năm món Trược ấy là nói theo quả. Nếu theo như kinh Lăng Nghiêm đã nói, thì hoặc là phối ứng với ba tế tướng, sáu thô tướng, hoặc phối ứng với Ngũ Ấm, nhưng ý nghĩa cũng chẳng khác.

Diễn: “Năm món trược ấy là nói theo quả”, nghĩa là Ngũ Trược như đã giải thích trong đoạn văn trên đây chính là một mục dựa theo phía quả để nói, chẳng dung thông cả nhân lẫn quả như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói. “Hoặc phối ứng với ba tế tướng” là các Sư (các vị đại đức viết sớ giải) dùng ba tế tướng và sáu thô tướng để giải thích Ngũ Trược. “Hoặc phối ứng với Ngũ Ấm” là như ngài Cô Sơn coi vọng tưởng thuộc Ngũ Ấm là Ngũ Trược. “Nghĩa cũng chẳng khác” ý nói: Pháp tướng tuy khác nhau, nhưng nghĩa lý chẳng sai khác).

(Sao) Phối tam tế đẳng giả, dĩ Kiếp Trược phối Nghiệp Tướng, vị vô minh sơ khởi, tánh toại hôn trược cố.

(Diễn) Tam tế đẳng giả, Khởi Tín Luận vân: “Bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm. Y bất giác cố, sanh tam chủng tướng: Nhất giả, Vô Minh Nghiệp Tướng, dĩ y bất giác cố, tâm động, thuyết danh vi Nghiệp. Giác tắc bất động, động tắc hữu khổ, quả bất ly nhân cố. Nhị giả, Năng Kiến Tướng, dĩ y động, cố năng kiến, bất động tắc vô kiến. Tam giả, Cảnh Giới Tướng, dĩ y năng kiến cố, cảnh giới vọng hiện. Ly kiến, tắc vô cảnh giới”. Dĩ hữu cảnh giới duyên cố, phục sanh lục chủng tướng: Nhất giả, Trí Tướng, y ư cảnh giới, tâm khởi phân biệt, ái dữ bất ái cố. Nhị giả, Tương Tục Tướng, y ư Trí cố, sanh kỳ khổ lạc giác, tâm khởi niệm tương ứng bất đoạn cố. Tam giả, Chấp Thủ Tướng, y ư tương tục duyên niệm cảnh giới, trụ trì khổ lạc, tâm khởi trược cố. Tứ giả, Kế Danh Tự Tướng, y ư vọng chấp, phân biệt giả danh ngôn tướng cố. Ngũ giả, Khởi Nghiệp Tướng, y ư danh tự, tầm danh thủ trước, tạo chủng chủng nghiệp cố. Lục giả, Nghiệp Hệ Khổ Tướng, dĩ y nghiệp thọ báo, bất tự tại cố. Dĩ Kiếp Trược phối Nghiệp Tướng giả, Kiếp giả, thời dã. Tâm tánh bốn tịnh, do vô minh sơ động thời tức hôn trược. Cố

viết Kiếp Trước. Kim Nghiệp Tướng diệt nhiên, vô minh sơ khởi, thành Nghiệp Tướng cố.

(鈔)配三細等者，以劫濁配業相，謂無明初起，性遂渾濁故。

(演)三細等者，起信論云：不如實知真如法一故，不覺心起而有其念。依不覺故，生三種相：一者，無明業相，以依不覺故，心動，說名為業。覺則不動，動則有苦，果不離因故。二者，能見相，以依動，故能見，不動則無見。三者，境界相，以依能見故，境界妄現。離見，則無境界。以有境界緣故，復生六種相：一者，智相，依於境界，心起分別，愛與不愛故。二者，相續相，依於智故，生其苦樂覺，心起念相應不斷故。三者，執取相，依於相續緣念境界，住持苦樂，心起著故。四者，計名字相，依於妄執，分別假名言相故。五者，起業相，依於名字，尋名取著，造種種業故。六者，業繫苦相，以依業受報，不自在故。以劫濁配業相者。劫者，時也。心性本淨，由無明初動時即渾濁。故曰劫濁。今業相亦然，無明初起，成業相故。

(Sao: “Phối ứng với ba tế tướng”: Dem Kiếp Trước phối ứng với Nghiệp Tướng, có nghĩa là vô minh vừa mới khởi lên, tánh bèn bị vẩn đục.

Diễn: “Ba tế tướng v.v...”: Khởi Tín Luận nói: “Chẳng đúng như thật biết pháp Chân Như là một, do cái tâm bất giác dậy lên bèn có niệm. Nương vào sự bất giác ấy, sanh ra ba thứ tướng. Một là Vô Minh Nghiệp Tướng, do nương vào bất giác nên tâm động. [Vì thế], gọi tên là Nghiệp. Hễ giác, sẽ chẳng động. Hễ động, sẽ có khổ, quả chẳng là nhân vậy. Hai là Năng Kiến Tướng, do nương vào động nên có thấy. Chẳng động, sẽ không thấy. Ba là Cảnh Giới Tướng, do nương vào cái có thể thấy (Năng Kiến) mà hư vọng hiện ra cảnh giới. Là cái thấy, sẽ chẳng có cảnh giới.

Do có cảnh giới để duyên vào, lại sanh ra sáu thứ tướng. Một là Trí Tướng, [nghĩa là] nương vào cảnh giới mà tâm dậy lên sự phân biệt yêu thích và chẳng yêu thích. Hai là Tương Tục Tướng, do nương vào

trí, bèn sanh cái tâm nhận biết khổ, lạc, dấy lên ý niệm tương ứng chẳng ngừng. Ba là Chấp Thủ Tướng, nương vào sự duyên niệm cảnh giới liên tục mà duy trì khổ hay vui, tâm dấy lên sự đắm trước. Bốn là Kế Danh Tự Tướng, nương vào chấp trước hư vọng, mà phân biệt tướng ngôn ngữ giả danh. Năm là Khởi Nghiệp Tướng, nương vào danh tự, theo đuổi cái danh mà nắm giữ, chấp trước, tạo đủ mọi nghiệp. Sáu là Nghiệp Hệ Khổ Tướng, do nương theo nghiệp mà thọ báo, chẳng tự tại”.

“Đem Kiếp Trước phối hợp với Nghiệp Tướng”: Kiếp là Thời. Tâm tánh vốn tịnh, do vô minh dấy động lúc ban sơ, [tâm tánh] bèn vẫn đục, nên gọi là Kiếp Trước. Nay Nghiệp Tướng cũng thế, lúc vô minh vừa mới dấy động, bèn trở thành Nghiệp Tướng.).

(Sao) Thứ dĩ Kiến Trước phối Chuyển Tướng, Hiện Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ Kiến Trước phối Chuyển Hiện giả, Kiến giả năng kiến, sở kiến dã. Tiền Nghiệp Tướng Năng Sở vị phân, thứ thành Chuyển Hiện. Tuy vô phân biệt, Năng Sở uyển nhiên, tâm cảnh cụ túc. Cố dĩ Kiến Trước phối Chuyển Hiện.

(鈔)次以見濁配轉相，現相。

(演)次以見濁配轉現者，見者能見，所見也。前業相能所未分，次成轉現。雖無分別，能所宛然，心境具足。故以見濁配轉現。

(Sao: Kế đó, phối ứng Kiến Trước với Chuyển Tướng và Hiện Tướng.

Diễn: Kế đó, phối ứng Kiến Trước với Chuyển Tướng và Hiện Tướng”: Kiến là năng kiến (chủ thể trông thấy) và sở kiến (đối tượng được thấy). Đối với Nghiệp Tướng trong phần trước, Năng và Sở chưa phân; kế đó, trở thành Chuyển Tướng và Hiện Tướng. Tuy chẳng có phân biệt, nhưng Năng và Sở rành rành, tâm và cảnh trọn đủ. Vì thế phối hợp Kiến Trước với Chuyển Tướng và Hiện Tướng).

(Sao) Thứ dĩ Phiền Não Trước phối Trí, Tương Tục, Chấp Thủ, Kế Danh Tự Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ phiền não phối Trí Tướng, Tương Tục Tướng, Chấp Thủ, Kế Danh giả, phiền não bất xuất Ngã Pháp nhị chấp. Ngã Pháp phục phân Câu Sanh, Phân Biệt. Kim Trí vi câu sanh pháp, Tương Tục vi phân biệt pháp, Chấp Thủ vi câu sanh ngã, Danh Tự vi phân biệt ngã. Tứ tướng giai thuộc phiền não đạo cố.

(鈔)次以煩惱濁配智，相續，執取，計名字相。

(演)次以煩惱配智相，相續相，執取，計名者，煩惱不出我法二執。我法復分俱生，分別。今智為俱生法，相續為分別法，執取為俱生我，名字為分別我。四相皆屬煩惱道故。

(Sao: Kế đến là phối ứng Phiền Não Trước với Trí Tướng, Tương Tục Tướng, Chấp Thủ Tướng, và Kế Danh Tự Tướng.

Diễn: “Kế đến, đem phiền não phối ứng với Trí Tướng, Tương Tục Tướng, Chấp Thủ Tướng, và Kế Danh Tự Tướng”: Phiền não chẳng ngoài hai thứ chấp là Ngã Chấp và Pháp Chấp. Ngã Chấp và Pháp Chấp lại chia thành Câu Sanh và Phân Biệt. Nay Trí Tướng là Câu Sanh Pháp Chấp, Tương Tục Tướng là Phân Biệt Pháp Chấp, Chấp Thủ Tướng là Câu Sanh Ngã Chấp, Danh Tự là Phân Biệt Ngã Chấp. Bốn tướng đều thuộc về phiền não đạo).

(Sao) Thứ dĩ Chúng Sanh Trước phối Khởi Nghiệp Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ chúng sanh phối Khởi Nghiệp Tướng giả, chúng sanh giả, chúng pháp tương sanh, diệc xứ xứ thọ sanh, cố viết chúng sanh. Dĩ do tạo thiện ác bất động đẳng nghiệp, phương cảm chúng pháp, xứ xứ thọ sanh cố.

(鈔)次以眾生濁配起業相。

(演)次以眾生配起業相者，眾生者，眾法相生，亦處處受生，故曰眾生。以由造善惡不動等業，方感眾法，處處受生故。

(Sao: Kế đó, đem Chúng Sanh Trước phối ứng với Khởi Nghiệp Tướng.

Diễn: “Kế đó, đem chúng sanh phối ứng với Khởi Nghiệp Tướng”: Chúng sanh là do các pháp hòa hợp mà sanh, lại cũng thọ sanh các nơi, nên gọi là “chúng sanh”. Do tạo các nghiệp thiện, ác, bất động v.v... nên mới cảm vởi các pháp, thọ sanh các nơi).

(Sao) Thứ dĩ Mạng Trước phối Nghiệp Hệ Khổ Tướng.

(Diễn) Thứ dĩ Mạng Trước phối Nghiệp Hệ Khổ giả, Mạng Trước tức bất thức mạng căn, vì nhất kỳ chúng sanh chỉ tổng báo chủ, vì nghiệp sở hệ trụ thời quyết định bất đắc giải thoát cố.

(鈔)次以命濁配業繫苦相。

(演)次以命濁配業繫苦者，命濁即八識命根，為一期眾生之總報主，為業所繫住時決定不得解脫故。

(Sao: Ké đó, phối ứng Mạng Trước với Nghiệp Hệ Khổ Tướng.

Diễn: “Ké đó, phối ứng Mạng Trước với Nghiệp Hệ Khổ Tướng”: Mạng Trước là Mạng Căn của tám thức, tức là cái chủ yếu trong tổng quả báo của chúng sanh trong một giai đoạn [thọ sanh], khi bị nghiệp ràng buộc thì chắc chắn là chẳng được giải thoát).

(Sao) Phối Ngũ Ấm giả, dĩ Kiếp Trước phối Sắc Ấm; vị không kiến bất phân, vọng kiến không nhi lưỡng vô kỳ thật, tánh vị hôn trước cố.

(Diễn) Dĩ Kiếp Trước phối Sắc Ấm giả, Lăng Nghiêm vân: “Nhữ kiến hư không, biến thập phương giới, Không Kiến bất phân, hữu Không vô thể. Hữu Kiến vô giác, tương chức vọng thành. Thị đệ nhất trùng danh vi Kiếp Trước”. Thử tức thị dĩ Kiếp Trước phối Sắc Ấm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị Không dữ Kiến tương chức, nhi vọng thành Sắc Ấm. Thử tức danh vi Kiếp Trước, khởi bất thị dĩ Kiếp Trước phối Sắc Ấm? Cái Tứ Đại căn trần đồng danh Sắc Ấm, nhi Không Kiến bất phân chi thời, căn trần hỗn loạn, phi Kiếp Trước nhi hà? Phân Không, phân Kiến, bốn vô biên bạn. Cố vân Không Kiến bất phân. Dĩ vô thể chi Không, chức vô giác chi Kiến. Dĩ vô giác chi Kiến, chức vô thể chi Không, nãi vọng kiến không nhi lưỡng vô kỳ thật. Thử trạm viên minh tâm, vi ngoan không sở hôn, nhi thành Kiếp Trước, thị tánh vị hôn trước.

(鈔)配五陰者，以劫濁配色陰；謂空見不分，妄見空而兩無其實，性為渾濁故。

(演)以劫濁配色陰者，楞嚴云：汝見虛空，遍十方界，空見不分，有空無體。有見無覺，相織妄成。是第一重名為劫濁。此即是以劫濁配色陰也。以相織妄成，是空與見相織，而妄成色陰。此即名為劫濁，豈不是以劫濁配色陰？蓋四大根塵同名色陰，而空見不分之時，根塵渾亂，非劫濁而何？分空分見，本無邊畔。故云空見不分。以無體之空，織無覺之見。以無覺之見，織無體之空，乃

妄見空而兩無其實。此湛圓明心，為頑空所渾，而成劫濁，是性為渾濁。

(Sao: “Phối ứng với Ngũ Âm”: Dem Kiếp Trước ghép với Sắc Âm; nghĩa là Không và Kiến chẳng phân, hư vọng thấy có Không, cho nên cả hai đều chẳng thật, tánh bị vẩn đục vậy.

Diễn: “Dem Kiếp Trước ghép với Sắc Âm”: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Ông thấy hư không trọn khắp các cõi trong mười phương. Do Kiến và Không chẳng tách lìa, [nếu] chỉ có Không [mà chẳng có Kiến] thì chẳng có Thể, có Kiến [mà chẳng có Không] thì chẳng có Giác. Do Không và Kiến đan xen lẫn nhau, mà hư vọng tạo thành. Đây là tầng thứ nhất, gọi là Kiếp Trước”. Đây chính là đem Kiếp Trước phối ứng với Sắc Âm.

“Do chúng đan xen vào nhau mà hư vọng tạo thành” tức là Không và Kiến đan xen vào nhau mà hư vọng tạo thành Sắc Âm. Điều này được gọi là Kiếp Trước. Há chẳng phải là đem Kiếp Trước phối ứng với Sắc Âm ư? Bởi lẽ, Tứ Đại, Căn, và Trần cùng gọi là Sắc Âm, cho nên khi Không và Kiến chẳng phân, Căn và Trần lẫn lộn, chẳng phải là Kiếp Trước thì là gì?

Chia ra Không và Kiến, vốn chẳng có ngăn mé, nên nói là “Không và Kiến chẳng phân”. Do cái Không chẳng có Thể đan xen với cái Kiến chẳng có Giác, hoặc dùng cái Kiến không có Giác để xen kết với cái Không chẳng có Thể, cho nên cả hai thứ Kiến và Không đều là hư vọng, chẳng thật. Cái tâm lắng trong, viên minh ấy bị vẩn đục bởi cái ngoan không (cái Không trơ trơ), nên tạo thành Kiếp Trước. Đó là tánh bị vẩn đục).

(Sao) Thứ dĩ Kiến Trước phối Thọ Âm.

(Diễn) Thứ dĩ Kiến Trước phối Thọ Âm giả, Lăng Nghiêm vân: “Nhữ thân hiện đoàn Tứ Đại vi Thể, kiến, văn, giác, tri, ung linh lưu ngại, thủy, hỏa, phong, thổ, toàn linh giác tri, tương chức vọng thành. Thị đệ nhị trùng, danh vi Kiến Trước”. Thử tức thị dĩ Kiến Trước phối Thọ Âm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị lục căn dữ Tứ Đại tương chức, nhi vọng thành Thọ Âm. Dĩ kỳ kiến cảnh lãnh nạp, hôn trước chân tánh, tức danh Kiến Trước, khởi bất thị dĩ Kiến Trước phối Thọ Âm?

(鈔)次以見濁配受陰。

(演)次以見濁配受陰者，楞嚴云：汝身現搏四大為

體，見聞覺知，壅令留礙，水火風土，旋令覺知，相織妄成。是第二重，名為見濁。此即是以見濁配受陰也。以相織妄成，是六根與四大相織，而妄成受陰。以其見境領納，渾濁真性，即名見濁，豈不是以見濁配受陰？

(Sao: Ké đó, đem Kiến Trược ghép tương ứng với Thọ Ấm.

Diễn: “Ké đó, ghép Kiến Trược tương ứng với Thọ Ấm”: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Thân ông nay do gom góp Tứ Đại làm Thế. Thấy, nghe, hay, biết do bị ngăn lấp mà trở thành chướng ngại, nước, lửa, gió, đất bị chuyển thành có hay biết, đan xen hư vọng mà thành. Đó là tầng thứ hai, gọi là Kiến Trược”. Đây chính là đem Kiến Trược phối ứng với Thọ Ấm. “Đan xen hư vọng mà thành” tức là sáu căn và Tứ Đại đan quện vào nhau, hư vọng tạo thành Thọ Ấm. Do nó thấy cảnh bèn lãnh nạp, khiến cho chân tánh bị vẩn đục, nên gọi là Kiến Trược. Há chẳng phải là đem Kiến Trược phối ứng với Thọ Ấm ư?)

(Sao) Thứ dĩ Phiền Não Trược phối Tướng Ấm.

(Diễn) Thứ dĩ Phiền Não Trược phối Tướng Ấm giả, kinh vân: “Hựu nhữ tâm trung ức thức, tụng tập, tánh phát tri kiến, dung hiện lục trần. Ly trần vô tướng, ly giác vô tánh, tương chức vọng thành. Thị đệ tam trùng, danh Phiền Não Trược”. Thứ tức thị dĩ Phiền Não Trược phối Tướng Ấm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị tri kiến dữ lục trần tương chức, nhi vọng thành Tướng Ấm. Ký thủ trước sở lãnh, tắc nhiều loạn thậm tiền. Ký hôn chân tánh, tức danh Phiền Não Trược, khởi bất thị dĩ phiền não phối Tướng Ấm?

(鈔)次以煩惱濁配想陰。

(演)次以煩惱濁配想陰者，經云：又汝心中憶識誦習，性發知見，容現六塵。離塵無相，離覺無性，相織妄成。是第三重，名煩惱濁。此即是以煩惱濁配想陰也。以相織妄成，是知見與六塵相織，而妄成想陰。既取著所領，則擾亂甚前。既渾真性，即名煩惱濁，豈不是以煩惱配想陰？

(Sao: Ké đó, đem Phiền Não Trược ghép với Tướng Ấm.

Diễn: “Ké đó, đem Phiền Não Trược ghép với Tướng Ấm”: Kinh nói: “Lại do trong tâm ông nhớ tưởng, nhận biết, ôn luyện, tánh bèn dấy lên tri kiến hòa nhập sáu trần. Là trần thì không có tướng, là giác thì

không có tánh, chúng đan xen hư vọng mà thành. Đó là tầng thứ ba gọi là *Phiền Nã Trược*". Đây chính là đem *Phiền Nã Trược* phối ứng với *Tướng Ấm*. "Do đan xen hư vọng mà thành", tức là tri kiến và lục trần đan quện vào nhau, hư vọng tạo thành *Tướng Ấm*. Do chấp trước những gì đã tiếp nhận, cho nên nó quấy nhiễu chân tánh mạnh hơn [những thứ *Trược*] trước đó. Do nó vẫn đục chân tánh, nên gọi là *Phiền Nã Trược*. Há chẳng phải là đã ghép phối ứng *Phiền Nã Trược* với *Tướng Ấm* ư?)

(Sao) Thứ dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Ấm.

(Diễn) Thứ dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Ấm giả, kinh vân: "Hựu nhữ triêu tịch sanh diệt bất đình, tri kiến mỗi dục lưu ư thế gian, nghiệp vận mỗi thường thiên ư quốc độ, tương chức vọng thành. Thị đệ tứ trùng, danh Chúng Sanh Trược". Thứ tức thị dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Ấm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị tri kiến dĩ nghiệp vận tương chức, nhi vọng thành Hành Ấm, nhi khứ lưu giả hợp, hôn trược chân tánh, tức danh Chúng Sanh Trược, khởi bất thị dĩ Chúng Sanh Trược phối Hành Ấm?

(鈔)次以眾生濁配行陰。

(演)次以眾生濁配行陰者，經云：又汝朝夕生滅不停，知見每欲留於世間，業運每常遷於國土，相織妄成。是第四重，名眾生濁。此即是以眾生濁配行陰也。以相織妄成，是知見與業運相織，而妄成行陰，而去留假合，渾濁真性，即名眾生濁，豈不是以眾生濁配行陰？

(Sao: Ké đó, đem Chúng Sanh Trược ghép với Hành Ấm.

Diễn: "Ké đó, đem Chúng Sanh Trược ghép với Hành Ấm": Kinh nói: "Ông lại sáng tối sanh diệt chẳng ngừng, tri kiến thường mong ở trong thế gian, nghiệp vận thường đổi dời trong cõi nước, đan xen hư vọng mà thành. Đó là tầng thứ tư, gọi là *Chúng Sanh Trược*". Đây chính là đem *Chúng Sanh Trược* phối ứng với *Hành Ấm*. "Do đan xen hư vọng mà thành" tức là tri kiến và nghiệp vận đan xen, hư vọng tạo thành *Hành Ấm*, nhưng bỏ, giữ, giả hợp, vẫn đục chân tánh, bèn gọi là *Chúng Sanh Trược*. Há chẳng phải là dùng *Chúng Sanh Trược* phối ứng với *Hành Ấm* ư?)

(Sao) Thứ dĩ Mạng Trược phối Thức Ấm.

(Diễn) *Thứ dĩ Mạng Trước phối Thức Âm giả, kinh vân: “Nhữ đẳng kiến văn, nguyên vô dị tánh, chúng trần cách việt, vô trạng dị sanh. Tánh trung tương tri, dụng trung tương bối, đồng dị thất chuẩn, tương chức vọng thành. Thị đệ ngũ trùng, danh vi Mạng Trước”. Thứ tức thị dĩ Mạng Trước phối Thức Âm dã. Dĩ tương chức vọng thành, thị nhất đồng, nhất dị, như kinh vĩ mật chức, nhi thành Thức Âm. Nhi thức trụ mạng tồn, thức khứ mạng tạ, hồn trước chân tánh, tức danh Mạng Trước, khởi bất thị dĩ Mạng Trước phối Thức Âm?*

(鈔)次以命濁配識陰。

(演)次以命濁配識陰者，經云：汝等見聞，元無異性，眾塵隔越，無狀異生。性中相知，用中相背，同異失準，相織妄成。是第五重，名為命濁。此即是以命濁配識陰也。以相織妄成，是一同一異，如經緯密織，而成識陰。而識住命存，識去命謝，渾濁真性，即名命濁，豈不是以命濁配識陰？

(Sao: Kế đó, đem Mạng Trước ghép với Thức Âm.

Diễn: “Kế đó, đem Mạng Trước ghép với Thức Âm”: Kinh nói: “Cái Thấy và cái Nghe của các ông vốn chẳng khác tánh, do các trần cách biệt mà không gì chẳng dường như là sanh khởi khác biệt. Luận theo tánh thì biết là [tánh của sáu căn] thông tỏ lẫn nhau [nên là tương đồng], xét theo Dụng thì chúng trái nghịch nhau, đồng và dị mất chuẩn định, đan xen hư vọng mà thành. Đây là tầng thứ năm gọi là Mạng Trước”. Đây chính là đem Mạng Trước phối hợp với Thức Âm.

“Do đan xen hư vọng tạo thành”: Một đồng, một dị, như sợi dọc và sợi ngang đan [trong một khung dệt] bện chặt chẽ, tạo thành Thức Âm. Thức trụ, mạng còn; thức rời đi, mạng mất. Vẫn đục chân tánh, nên gọi là Mạng Trước. Há chẳng phải là đem Mạng Trước phối ứng với Thức Âm ư?)

(Sao) *Ngôn bất dị giả, tiền nhất thuyết, tâm vô sơ tướng, tắc siêu Kiếp Trước, nãi chí vô Nghiệp Hệ Khổ, tắc siêu Mạng Trước, thị đoạn vô minh đẳng, danh Ngũ Trước đắc Bồ Đề dã. Hậu nhất thuyết, Sắc Ấm phá, tắc siêu Kiếp Trước, nãi chí Thức Ấm phá, tắc siêu Mạng Trước, thị phá Ngũ Ấm đẳng, danh Ngũ Trước đắc Bồ Đề dã. Vị thuyết thiểu thù, nhi nghĩa tắc đại đồng dã.*

(Diễn) *Vị thuyết sảo thù, nhi nghĩa tắc đại đồng giả, ly cửu*

tướng vô Ngũ Âm, ly Ngũ Âm vô cử tướng, danh thù nhi thể nhất đã.

(鈔)言不異者，前一說，心無初相，則超劫濁，乃至無業繫苦，則超命濁，是斷無明等，名五濁得菩提也。後一說，色陰破，則超劫濁，乃至識陰破，則超命濁，是破五陰等，名五濁得菩提也。為說少殊，而義則大同也。

(演)為說稍殊，而義則大同者，離九相無五陰，離五陰無九相，名殊而體一也。

(Sao: “Nói là chẳng khác”: Thuyết trước (tức thuyết phối hợp ba tế tướng và sáu thô tướng với Ngũ Trược), do tâm không có tướng ban đầu bèn vượt thoát Kiếp Trược, cho đến chẳng có Nghiệp Hệ Khổ Tướng bèn vượt thoát Mạng Trược; đây là đoạn những thứ như vô minh v.v... gọi là “từ trong Ngũ Trược đắc Bồ Đề”. Đối với thuyết sau, phá Sắc Âm bèn vượt thoát Kiếp Trược, cho đến phá Thức Âm bèn vượt thoát Mạng Trược, đó là do phá Ngũ Âm bèn nói là “từ trong Ngũ Trược đắc Bồ Đề”. [Hai cách] nói sai khác đôi chút, nhưng ý nghĩa hầu như tương đồng.

Diễn: “Nói sai khác đôi chút, nhưng ý nghĩa hầu như tương đồng”: Là chín tướng (ba tế tướng và sáu thô tướng) chẳng có Ngũ Âm; là Ngũ Âm chẳng có chín tướng. Danh tướng tuy sai khác, nhưng Thể là một).

(Sớ) Quán Kinh vân: “Trược ác bất thiện, ngũ khổ sở bức”. Kim bất ngôn ngũ khổ giả, văn tĩnh đã.

(Diễn) Trược ác bất thiện giả, Trược giả Ngũ Trược, bất thiện tức thập bất thiện. Ngũ khổ vị ngũ đạo phi lạc cố.

(疏)觀經云：濁惡不善，五苦所逼。今不言五苦者，文省也。

(演)濁惡不善者，濁者五濁，不善即十不善。五苦謂五道非樂故。

(Sớ) Quán Kinh nói: “Trược ác, bất thiện, bị năm nỗi khổ bức bách”. Nay chẳng nói đến năm nỗi khổ, tức là kinh văn tĩnh lược vậy.

Diễn: “Trược ác bất thiện”: Trược là Ngũ Trược, bất thiện chính là mười điều chẳng lành. “Năm nỗi khổ” có nghĩa là năm đường đều chẳng vui sướng).

(Sao) Ngũ Khổ giả, Sớ vân: “Ngũ đạo chi khổ, hoặc Ngũ Thống, Ngũ Thiêu, Ngũ Ác đẳng, tường cụ Đại Bản”. *Tư bất phồn lục, dĩ trực tất hữu khổ. Cử trực cai khổ, cố viết văn tỉnh.*

(Diễn) Ngũ đạo chi khổ giả, địa ngục thiêu chữ khổ, ngạ quỷ cơ hư khổ, súc sanh đồ cát khổ, nhân gian bát chủng khổ, thiên thượng ngũ suy khổ. Thử sơ dĩ ngũ đạo phi lạc, thích ngũ khổ dã. Hoặc Ngũ Thống, Ngũ Thiêu, Ngũ Ác đẳng giả. Ngũ Ác vị sát sanh, tà dâm, tà dâm, vọng ngữ, ả tửu. Ngũ Thống tức Ngũ Ác chi hiện tại hoa báo. Ngũ Thiêu tức Ngũ Ác chi tam đồ quả báo. Thử thứ dĩ ngũ tội chiêu báo, thích ngũ khổ dã.

(鈔)五苦者，疏云：五道之苦，或五痛，五燒，五惡等，詳具大本。茲不繁錄，以濁必有苦。舉濁該苦，故曰文省。

(演)五道之苦者，地獄燒煮苦，餓鬼飢虛苦，畜生屠割苦，人間八種苦，天上五衰苦。此初以五道非樂，釋五苦也。或五痛，五燒，五惡等者。五惡謂殺生，偷盜，邪淫，妄語，飲酒。五痛即五惡之現在花報。五燒即五惡之三塗果報。此次以五罪招報，釋五苦也。

(Sao: “Năm nôi khổ”, giải rằng: Nôi khổ trong năm đường, hoặc là năm điều đau đớn, năm điều thiêu đốt, năm điều ác v.v... được nói tường tận trong kinh Đại Bản”. Ở đây, do [kinh văn về những điều ấy] rườm rà, tôi chẳng sao lục. Bởi lẽ, do Trước ắt có Khổ. Nêu lên Trước để bao hàm Khổ; vì thế, nói là “văn tỉnh lược”.

Diễn: “Nôi khổ trong năm đường”: Địa ngục khổ vì bị đốt nấu, ngạ quỷ khổ vì đói khát, súc sanh khổ vì bị mổ chặt, nhân gian có tám nôi khổ, cõi trời khổ vì năm tướng suy. Đây là trước hết, dùng [sự thật] năm đường đều chẳng vui để giải thích năm nôi khổ. Còn như năm điều đau đớn, năm điều thiêu đốt, năm điều ác v.v... thì năm điều ác chính là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, và uống rượu. Năm điều đau đớn chính là hoa báo của năm điều ác trong hiện tại. Năm điều thiêu đốt là quả báo của năm điều ác trong tam đồ. Đây là kể đó dùng chuyện “do năm tội mà chiêu cảm báo” để giải thích năm nôi khổ).

(Sớ) Thử Ngũ Trước xứ, năng tự lập giả, diệt dĩ tiền hỷ, đắc thành Chánh Giác, ninh bất nan hồ? Thử vi đệ nhất trùng nan sự, minh tự lợi công đức bất khả tư nghị.

(Sao) *Tự lập giả, ngũ trước ác thế, nhân sanh kỳ trung, ngoại tắc thời thế chi sở bức não, nội tắc hoặc chương chi sở oanh triền. Huống hồ thân thuộc Tứ Sanh, mạng tồn hô hấp. Thị dĩ dục khiết thiên ô, cầu thăng phản truy. Năng ư thử trung, phân biệt thiện ác, trì giới, tu phước, tự lập ư nhân thiên chi vị giả, tiền hỹ! Năng ư thử trung, thâm cụ vô thường, tu Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, tự lập ư Thanh Văn, Duyên Giác chi vị giả, ức hựu tiền hỹ. Nãi ư thử trung, vĩnh đoạn vô minh, cao siêu tam giới, nhi đắc ư Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, thị tắc đồng cư hỏa trạch, độc ngự bảo xa, cộng nịch ái hà, trác đẳng bỉ ngạn. Khởi phi nhân sở bất năng nhân, hành nhân sở bất năng hành? Thử chi vị nan, thử chi vị tự lợi công đức bất khả tư nghị dã!*

(Diễn) *Thân thuộc Tứ Sanh giả, noãn nhân tướng sanh, thai nhân tình hữu, thấp dĩ hợp cảm, hóa dĩ ly ứng. Tình tướng hợp ly, cánh tương biến dịch. Sở hữu thọ nghiệp trực kỳ phi trầm.*

(疏) 此五濁處，能自立者，亦已鮮矣，得成正覺，寧不難乎？是為第一重難事，明自利功德不可思議。

(鈔) 自立者，五濁惡世，人生其中，外則時勢之所逼惱，內則惑障之所縈纏。況乎身屬四生，命存呼吸。是以欲潔偏汙，求升反墜。能於此中，分別善惡，持戒修福，自立於人天之位者，鮮矣！能於此中，深懼無常，修四諦十二因緣，自立於聲聞緣覺之位者，抑又鮮矣。乃於此中，永斷無明，高超三界，而得於無上正等菩提，是則同居火宅，獨馭寶車，共溺愛河，卓登彼岸。豈非忍人所不能忍，行人所不能行？此之謂難，此之謂自利功德不可思議也！

(演) 身屬四生者，卵因想生，胎因情有，濕以合感，化以離應。情想合離，更相變易。所有受業逐其飛沈。

(Sớ) *Người ở trong Ngũ Trước mà có thể tự lập cũng đã là hiếm hoi lắm. Được thành Chánh Giác, há chẳng khó khăn ư? Đây là sự khó thuộc tầng thứ nhất, nói rõ: Công đức tự lợi chẳng thể nghĩ bàn.*

Sao: “Tự lập”: Người sanh trong đời ác Ngũ Trước, ngoài thì bị thời thế bức bách khổ não, trong thì bị Hoặc chương quán tri. Huống hồ thân thuộc vào Tứ Sanh, sanh mạng tồn tại trong hơi thở. Do vậy,

muốn thanh khiết mà lại thành ô uế, cầu thăng lên đâm ra bị đọa xuống. Có thể ở trong ấy, phân biệt thiện ác, trì giới, tu phước, tự lập nơi địa vị trong cõi trời người, hiếm lắm thay! Có thể ở trong ấy, sợ hãi vô thường sâu xa, tu Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, tự lập nơi địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, lại càng hiếm hoi hơn nữa. Cho đến ở trong ấy, vĩnh viễn đoạn vô minh, cao vượt tam giới, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề, tức là cùng sống trong nhà lửa, mà riêng ngự xe báu, cùng chìm đắm trong sông Ái, riêng mình lên bờ kia. Há chẳng phải là nhân được những điều người khác chẳng thể nhân, hành được những điều người khác chẳng thể hành ư? Chuyện ấy gọi là Khó, điều này được gọi là công đức tự lợi chẳng thể nghĩ bàn.

Diễn: “Thân thuộc Tứ Sanh”: Nhân của Noãn Sanh là do Tướng sanh ra, nhân của Thai Sanh là do có Tình, Thấp Sanh là do hợp mà cảm vờ, Hóa Sanh là do ly mà ứng. Do Tình, Tướng, Hợp, Ly mà biến đổi, tất cả đều do thọ nghiệp mà thăng trầm).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh Thỉ Giác minh hồ Bốn Giác, thị ngã tán chư Phật nghĩa. Bốn Giác minh hồ Thỉ Giác, thị chư Phật tán ngã nghĩa. Tự tánh Tịch nhi thường Chiếu, Chiếu nhi thường Tịch, thị Thích Ca Mâu Ni nghĩa. Tự tánh nhiễm nhi bất nhiễm, bất nhiễm nhi nhiễm, thị Ngũ Trược Bồ Đề nghĩa.

(Diễn) Thỉ Giác minh hồ Bốn Giác đẳng giả, chư Phật cửu thành thị Bốn Giác nghĩa. Thích Ca kim thành thị Thỉ Giác nghĩa. Thỉ Giác tại triền viết Bốn. Bốn Giác xuất triền viết Thỉ. Thỉ Bốn bất nhị, thị Phật Phật hồ tán nghĩa. Thích Ca nãi đại bi lợi sanh thị Chiếu nghĩa, Mâu Ni nãi đại trí minh Lý thị Tịch nghĩa. Tịch Chiếu đồng thời, thị Năng Nhân Tịch Mặc nghĩa. Ngũ Trược thị nhiễm nghĩa, Bồ Đề thị bất nhiễm nghĩa. Tùy duyên bất nhiễm, bất nhiễm tùy duyên, thị Ngũ Trược Bồ Đề nghĩa.

(疏)稱理，則自性始覺冥乎本覺，是我讚諸佛義。本覺冥乎始覺，是諸佛讚我義。自性寂而常照，照而常寂，是釋迦牟尼義。自性染而不染，不染而染，是五濁菩提義。

(演)始覺冥乎本覺等者，諸佛久成是本覺義。釋迦今成是始覺義。始覺在纏曰本。本覺出纏曰始。始本不二，是佛佛互讚義。釋迦乃大悲利生是照義，牟尼乃大智冥理

是寂義。寂照同時，是能仁寂默義。五濁是染義，菩提是不染義。隨緣不染，不染隨緣，是五濁菩提義。

(Sớ: Xưng Lý thì Thi Giác trong tự tánh ngàm hợp Bốn Giác chính là ý nghĩa “ta tán thán chư Phật”, Bốn Giác ngàm hợp Thi Giác là ý nghĩa “chư Phật tán thán ta”. Tự tánh Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tịch, là ý nghĩa của Thích Ca Mâu Ni. Tự tánh nhiễm mà bất nhiễm, bất nhiễm mà nhiễm, chính là ý nghĩa của Ngũ Trược và Bồ Đề.

Diễn: “Thi Giác ngàm hợp Bốn Giác”: Chư Phật thành Phật đã lâu chính là ý nghĩa Bốn Giác. Phật Thích Ca nay mới thành Phật chính là ý nghĩa Thi Giác. Thi Giác ẩn trong triền phược, nên gọi là Bốn. Bốn Giác thoát khỏi triền phược, nên gọi là Thi. Thi và Bốn chẳng hai, đây chính là ý nghĩa chư Phật tán thán lẫn nhau.

Thích Ca chính là ý nghĩa Chiếu, tức là đại bi lợi lạc chúng sanh. Mâu Ni chính là ý nghĩa Tịch, tức là đại trí ngàm hợp Lý. Tịch và Chiếu đồng thời, chính là ý nghĩa của Năng Nhân Tịch Mặc. Ngũ Trược có ý nghĩa là nhiễm, Bồ Đề có ý nghĩa chẳng nhiễm. Tùy duyên mà chẳng nhiễm, tuy chẳng nhiễm mà vẫn tùy duyên, đó là ý nghĩa của Ngũ Trược và Bồ Đề).

(Sao) Nhân cai quả hải, quả triệt nhân nguyên, tắc Thi Bốn bất nhị. Dụng bất ly Thể, Thể bất ly Dụng, tắc tịch chiếu đồng thời. Bất nhiễm nhi nhiễm, nan khả liễu tri, thị Bồ Đề trảm mai Ngũ Trược. Nhiễm nhi bất nhiễm, nan khả liễu tri, thị Ngũ Trược độc lộ Bồ Đề. Cố tri thử Phật, bỉ Phật, đồng quy Tịch Chiếu chi tự tâm. Phiền não, Bồ Đề, bất xuất ngộ mê chi nhất niệm. Bốn Sư tức ngã, ngã tức Bồ Đề, cập đắc Bồ Đề, thật vô sở đắc.

(Diễn) Nhân cai quả hải đẳng giả, nhân cai quả hải, Thi tức Bốn dã. Quả triệt nhân nguyên, Bốn tức Thi dã. Dụng bất ly Thể, Năng Nhân tức Tịch Mặc. Thể bất ly Dụng, Tịch Mặc tức Năng Nhân. Cố tri hạ, ký vân Thi Bốn nhị giác, vi thử Phật, bỉ Phật; tịch chiếu tự tâm, vi Thích Ca Mâu Ni. Bất độc thử Phật thị tịch chiếu tự tâm; thử Phật, bỉ Phật đồng quy tịch chiếu tự tâm. Thi Giác, Bốn Giác, tức Tịch Chiếu chi Thể cố. Ký vân bất nhiễm nhi nhiễm, thị Bồ Đề Ngũ Trược nghĩa. Nhiễm nhi bất nhiễm, thị Ngũ Trược Bồ Đề nghĩa, tắc phiền não, Bồ Đề bất xuất ngộ mê nhất niệm. Ký thử Phật, bỉ Phật đồng quy tự tâm, phiền não Bồ Đề bất ly nhất niệm, tắc Bốn Sư tức ngã, ngã tức

Bồ Đề. Ký ngã tức Bồ Đề, tức đắc Bồ Đề, thực vi năng đắc, thực vi sở đắc da?

(鈔)因該果海，果徹因源，則始本不二。用不離體，體不離用，則寂照同時。不染而染，難可了知，是菩提沉埋五濁。染而不染，難可了知，是五濁獨露菩提。故知此佛彼佛，同歸寂照之自心。煩惱菩提，不出悟迷之一念。本師即我，我即菩提，及得菩提，實無所得。

(演)因該果海等者，因該果海，始即本也。果徹因源，本即始也。用不離體，能仁即寂默。體不離用，寂默即能仁。故知下，既云始本二覺，為此佛彼佛；寂照自心，為釋迦牟尼。不獨此佛是寂照自心；此佛彼佛同歸寂照自心。始覺本覺，即寂照之體故。既云不染而染，是菩提五濁義。染而不染，是五濁菩提義，則煩惱菩提不出悟迷一念。既此佛彼佛同歸自心，煩惱菩提不離一念，則本師即我，我即菩提。既我即菩提，則得菩提，孰為能得，孰為所得耶？

(Sao: “Nhân trùm biển quả, quả tột nguồn nhân” chính là Thỉ Giác và Bốn Giác chẳng hai. Dụng chẳng là Thể, Thể chẳng là Dụng. Do vậy, Tịch và Chiếu đồng thời. Chẳng nhiễm mà nhiễm, khó thể biết rõ, đó chính là Bồ Đề chôn vùi trong Ngũ Trược. Nhiễm mà chẳng nhiễm, khó thể biết rõ, chính là Ngũ Trược riêng hiển lộ Bồ Đề. Vì thế biết vị Phật này và vị Phật kia (mười phương Phật), đều quy vào tự tâm Tịch Chiếu. Phiền não lẫn Bồ Đề chẳng ra ngoài một niệm ngộ hay mê. Bốn Sư chính là ta, ta chính là Bồ Đề, và đắc Bồ Đề chính là thật sự không có gì để đắc.

Diễn: “Nhân trùm biển quả”: Nhân trùm biển quả thì Thỉ Giác chính là Bốn Giác. “Quả tột nguồn nhân”: Bốn Giác chính là Thỉ Giác. Dụng chẳng là Thể, Năng Nhân tức là Tịch Mặc. Thể chẳng là Dụng, Tịch Mặc chính là Năng Nhân. Từ chữ “vì thế biết” trở đi, đã nói đến hai thứ giác là Bốn Giác và Thỉ Giác, đây chính là vị Phật này, vị Phật kia. Tịch chiếu tự tâm là Thích Ca Mâu Ni Phật. Chẳng riêng vị Phật này là tịch chiếu tự tâm, mà vị Phật này và các vị Phật kia đều cùng quy vào tự tâm Tịch Chiếu, do Thỉ Giác và Bốn Giác chính là cái Thể của Tịch Chiếu vậy.

Đã nói là “bất nhiễm mà nhiễm”, đây là ý nghĩa của Ngũ Trược trong Bồ Đề, “nhiễm mà chẳng nhiễm” là ý nghĩa Bồ Đề ở trong Ngũ Trược. Vì vậy, phiền não và Bồ Đề chẳng ra ngoài một niệm ngộ hay mê. Đã là vị Phật này và các vị Phật kia đều quy vào tự tâm, [cho nên] phiền não và Bồ Đề chẳng là một niệm. Vì thế, Bốn Sư chính là ta, ta chính là Bồ Đề. Ta đã là Bồ Đề, bèn đắc Bồ Đề. Cái nào là năng đắc (chủ thể chứng đắc), cái nào là sở đắc (đối tượng được chứng đắc) vậy thay?)

Nhị, thuyết pháp nan.

(Kinh) Vị chư chúng sanh, thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp.

(Sớ) Tiền thị nhân trung nan sự, kim thị nan sự trung chi nan sự dã. Lương diêu Tịnh Độ pháp môn, nhất thiết thế gian chi sở nan tín. Phật ư ác thế đắc đạo, phục ư ác thế thuyết thử pháp, dĩ độ chúng sanh, hựu nan trung nan dã. Thị vi đệ nhị trùng nan sự, minh lợi tha công đức bất khả tư nghị.

(Sao) Ngôn nan tín giả, lược cử hữu thập. Kim cử uế độ, tập cửu tâm an, sạ văn bỉ quốc thanh tịnh trang nghiêm, nghị vô thử sự, nan tín nhất dã. Túng tín bỉ quốc, hựu nghị thập phương Phật sát giai khả vãng sanh, hà tất định sanh Cực Lạc? Nan tín nhị dã. Túng tín đương sanh, hựu nghị Sa Bà chi khứ Cực Lạc thập vạn ức sát, vân hà cực viễn nhi đắc vãng bỉ? Nan tín tam dã. Túng tín bất viễn, hựu nghị bắc địa phạm phu tội chướng thâm trọng, vân hà cực đắc vãng sanh bỉ quốc, nan tín tứ dã. Túng tín đắc sanh, hựu nghị sanh thử Tịnh Độ, tất hữu kỳ diệu pháp môn, đa chủng công hạnh. Vân hà dẫn trì danh hiệu, toại đắc vãng sanh? Nan tín ngũ dã. Túng tín trì danh, hựu nghị trì thử danh hiệu, tất tu đa lịch niên kiếp, nãi khắc thành tựu, vân hà nhất nhật, thất nhật, tiện đắc sanh bỉ? Nan tín lục dã. Túng tín thất nhật đắc sanh, hựu nghị thất thú thọ sanh, bất ly thai, noãn, thấp, hóa, vân hà bỉ quốc tất thị liên hoa hóa sanh? Nan tín thất dã. Túng tín liên sanh, hựu nghị sơ tâm nhập đạo, đa thiệp thoái duyên, vân hà nhất sanh bỉ quốc, tiện đắc Bất Thoái? Nan tín bát dã. Túng tín bất thoái, hựu nghị thử thị tiếp dẫn độn cơ chúng sanh, thượng trí lợi căn, bất tất sanh bỉ, nan tín cửu dã. Túng tín lợi căn diệt sanh, hựu nghị tha kinh, hoặc thuyết hữu Phật, hoặc thuyết vô Phật, hoặc hữu Tịnh Độ, hoặc vô Tịnh Độ, hồ nghị bất quyết, nan tín thập dã.

(Diễn) Thập chủng nan tín, đại ước bất xuất cuồng ngu nhị bệnh. Tiền bát hệ ngu giả cao thôi thánh cảnh, cố bất tín. Đệ cửu hệ

cuồng giả miệt thị Tây Phương, cố bất tín. Đệ thập song kiêm nhị giả, dĩ ngu giả văn lý chi vô, cố nghi bất tín; cuồng giả văn sự chi hữu, cố nghi bất tín.

二、說法難。

(經)為諸眾生，說是一切世間難信之法。

(疏)前是人中難事，今是難事中之難事也。良繇淨土法門，一切世間之所難信。佛於惡世得道，復於惡世說此法，以度眾生，又難中難也。是為第二重難事，明利他功德不可思議。

(鈔)言難信者，略舉有十。今居穢土，習久心安，乍聞彼國清淨莊嚴，疑無此事，難信一也。縱信彼國，又疑十方佛剎皆可往生，何必定生極樂？難信二也。縱信當生，又疑娑婆之去極樂十萬億剎，云何極遠而得往彼？難信三也。縱信不遠，又疑博地凡夫罪障深重，云何遽得往生彼國，難信四也。縱信得生，又疑生此淨土，必有奇妙法門，多種功行。云何但持名號，遂得往生？難信五也。縱信持名，又疑持此名號，必須多歷年劫，乃克成就，云何一日七日，便得生彼？難信六也。縱信七日得生，又疑七趣受生，不離胎卵濕化，云何彼國悉是蓮華化生？難信七也。縱信蓮生，又疑初心入道，多涉退緣，云何一生彼國，便得不退？難信八也。縱信不退，又疑此是接引鈍機眾生，上智利根，不必生彼，難信九也。縱信利根亦生，又疑他經，或說有佛，或說無佛，或有淨土，或無淨土，狐疑不決，難信十也。

(演)十種難信，大約不出狂愚二病。前八係愚者高推聖境，故不信。第九係狂者蔑視西方，故不信。第十雙兼二者，以愚者聞理之無，故疑不信；狂者聞事之有，故疑不信。

(Hai, thuyết pháp khó khăn.

Kinh: Vì các chúng sanh nói pháp mà hết thấy thế gian khó tin

tưởng này.

Sớ: Trong phần trước là nói đến chuyện khó trong loài người, còn đây là nói đến chuyện khó khăn nhất trong các chuyện khó. Ấy là vì pháp môn Tịnh Độ là pháp khó tin trong hết thảy các thế gian. Đức Phật đắc đạo trong đời ác; lại còn trong đời ác nói pháp này để độ chúng sanh. Đó là điều khó nhất trong các điều khó. Đây là tầng khó khăn thứ hai, nói rõ công đức lợi tha chẳng thể nghĩ bàn.

Sao: Nói đến “khó tin”, nêu ra đại lược gồm mười điều. Nay sống trong cõi uế, do lâu ngày đã quen thói, tâm bèn cam chịu, chột nghe nói cõi ấy thanh tịnh, trang nghiêm, bèn ngò vức “chẳng có chuyện ấy”. Đó là điều khó tin thứ nhất. Dẫu tin tưởng cõi ấy, lại nghi mười phương cõi Phật đều có thể vãng sanh, có gì cứ phải nhất định sanh về Cực Lạc? Đó là điều khó tin thứ hai vậy. Dẫu tin là sẽ sanh về [Cực Lạc], nhưng lại nghi Sa Bà cách Cực Lạc mười ức cõi nước, lẽ nào lại có thể sanh về nơi hết sức xa xôi ngàn ấy cho được? Đó là điều khó tin thứ ba. Dẫu tin là chẳng xa, lại nghi [chính mình là] hạng phàm phu sát đất, tội chướng sâu nặng, làm sao có thể liền được vãng sanh cõi ấy. Đó là điều khó tin thứ tư. Dẫu tin là được vãng sanh, lại nghi: Để sanh về cõi Tịnh Độ ấy, ắt phải có pháp môn kỳ diệu, nhiều thứ công hạnh; lẽ đâu chỉ trì danh hiệu, bèn được vãng sanh? Đó là điều khó tin thứ năm vậy. Dẫu tin tưởng trì danh, lại nghi trì danh hiệu ấy, ắt phải trải qua nhiều năm tháng, kiếp số thì mới có thể thành tựu, lẽ đâu do một ngày, hoặc bảy ngày [trì danh], bèn được sanh về cõi ấy? Đó là điều khó tin thứ sáu vậy. Dẫu tin bảy ngày bèn được vãng sanh, lại nghi chuyện thọ sanh trong bảy đường, chẳng ngoài [các phương cách] thai, noãn, thấp, hóa, có sao cõi ấy đều là hóa sanh trong hoa sen? Đó là điều khó tin thứ bảy. Dẫu tin hóa sanh trong hoa sen, lại nghi kẻ sơ tâm nhập đạo, sẽ vướng mắc nhiều duyên thoái chuyển, làm sao vừa sanh về cõi ấy liền đắc Bất Thoái cho được? Đó là điều khó tin thứ tám. Dẫu tin tưởng bất thoái, lại nghi pháp này là để tiếp dẫn chúng sanh căn cơ ngu độn, chứ bậc thượng trí lợi căn chẳng cần phải sanh về đó. Đó là điều khó tin thứ chín. Dẫu tin lợi căn cũng vãng sanh, lại ngờ kinh khác nói có Phật, hoặc nói chẳng có Phật, hoặc là nói có Tịnh Độ, hoặc là chẳng có Tịnh Độ, [cho nên] hồ nghi, chẳng quyết đoán. Đó là điều khó tin thứ mười.

Diễn: Mười thứ khó tin, nói đại lược chẳng ra ngoài hai căn bệnh cuồng và ngu. Tám loại trước là do kẻ ngu đề cao thánh cảnh cho nên chẳng tin. Loại thứ chín là hạng người nông cuồng, miệt thị Tây Phương, cho nên chẳng tin tưởng. Loại thứ mười là kiêm cả hai, bởi kẻ

ngu do nghe “xét theo Lý thì là không” bèn nghi ngờ chẳng tin, kẻ cuồng do nghe “theo Sự thì là có” bèn nghi ngờ chẳng tin).

(Sao) **Cổ nan tín nhi viết:** “**Nhất thiết thế gian**”, thị bất dẫn ác đạo nan tín, nhi nhân thiên do hoặc nghi chi. **Bất dẫn** ngu mê nan tín, nhi hiền trí do hoặc nghi chi. **Bất đặc** sơ cơ nan tín, nhi cửu tu do hoặc nghi chi. **Bất đặc** phàm phu nan tín, nhi Nhị Thừa do hoặc nghi chi. **Cổ viết:** “**Nhất thiết thế gian nan tín chi pháp**”. Kim ư thử thế, diễn thuyết thử pháp, thị do nhập lõa hình chi quốc, tuyên thị oai nghi, đối sanh manh chi nhân, chỉ trần hắc bạch, thử chi vị nan. Thử chi vị lợi tha công đức bất khả tư nghị dã.

(鈔)故難信而曰：一切世間，是不但惡道難信，而人天猶或疑之。不但愚迷難信，而賢智猶或疑之。不特初機難信，而久修猶或疑之。不特凡夫難信，而二乘猶或疑之。故曰：一切世間難信之法。今於此世，演說此法，是猶入裸形之國，宣示威儀，對生盲之人，指陳黑白，此之謂難。此之謂利他功德不可思議也。

(Sao: Vì thế, khó tin mà nói là “**hết thấy thế gian**” là vì không chỉ [chúng sanh trong] ác đạo khó tin, mà trời người vẫn còn nghi ngờ. Không chỉ là kẻ ngu mê khó tin, mà bậc hiền trí hãy còn ngờ vực. Không chỉ là kẻ sơ cơ khó tin, mà kẻ tu lâu hãy còn ngờ vực. Không chỉ riêng phàm phu khó tin, mà hàng Nhị Thừa hãy còn chẳng tin. Vì thế, nói là “**pháp mà hết thấy thế gian khó tin**”. Nay ở trong đời này, diễn thuyết pháp này, ví như vào cõi nước của kẻ lõa lồ mà tuyên dạy oai nghi, đối với kẻ mù từ thuở lọt lòng mà chỉ bày đen trắng. Điều này được gọi là khó khăn. Đây là nói công đức lợi tha chẳng thể nghĩ bàn vậy).

(Sớ) **Hựu Pháp Hoa, Kim Cang, giai vân nan tín, dữ thử đồng ý.**

(Sao) **Pháp Hoa vân:** “**Dục linh chúng sanh, giai đắc văn tri nhất thiết thế gian nan tín chi pháp**”. **Hựu vân:** “**Thử kinh nan văn, tín thọ diệt nan**”. **Kim Cang Bát Nhã vân:** “**Văn thuyết thử kinh, tâm tức cuồng loạn, hồ nghi, bất tín**”, nhi dĩ bất kinh, bất bố, bất úy, vi hy hữu. **Bất kinh** đẳng tức năng tín dã. **Kim kinh nan tín, đồng ư nhị kinh, hề khả khinh dã.**

(Diễn) **Dục linh chúng sanh, giai đắc văn tri nhất thiết thế gian nan tín chi pháp giả, thị Văn Thù cáo Di Lặc chi từ, vị:** “**Tứ thập niên**

tiền sở thuyết, thừa thị tam thừa, tánh hữu ngũ tánh, nhân giai dị tín. Nhược thuyết tam thừa thị nhất thừa, ngũ tánh thị nhất tánh, nhân sở nan tín. Tầm thường dẫn thuyết “duy Phật nhất nhân độc đắc Chánh Giác”, kim viết: “Tiểu Thừa La Hán giai đương tác Phật”, nhân sở nan tín. Tầm thường dẫn thuyết: “Tu hành tam kỳ, phương thi thành Phật”, kim viết: “Tức tâm thị Phật”, nhân sở nan tín. Kim dục thuyết thử nan tín chi pháp, dục linh chúng sanh đắc tri “tức tâm tức Phật, vô nhị, vô tam” chi chỉ, cố hiện tư thụy nhĩ. “Thử kinh nan văn, tín thọ diệc nan” thị Pháp Sư phẩm, Phật cáo Dược Vương chi từ. Cái dĩ hành Bồ Tát đạo giả, đắc kiến, văn, độc, tụng thị kinh, nãi năng thiện hành Bồ Tát chi đạo, cầu Phật đạo giả, nhược kiến, nhược văn thị Pháp Hoa kinh, văn dĩ tín, giải, thọ trì giả, đắc cận A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố. Văn thuyết thử kinh, tâm tức cuồng loạn, hồ nghi, bất tín giả, thử kinh phi Đại Thừa căn khí, bất năng trì tụng, sở cảm công đức, phi thường nhân khả văn. Văn tất hồ nghi bất tín, cái thử kinh chi nghĩa thú, dữ kỳ quả báo bất khả tư nghị cố dã. Dĩ bất kinh, bất bố, bất úy, vi hy hữu giả. Đại Thừa chi pháp, bốn tự nan tín, nan giải, phi Đại Thừa căn khí, tốt văn thị pháp, vị miễn kinh ngạc, nghi, phạ, úy cụ. Năng văn thị pháp, nhi bất úy cụ giả, thật vi hy hữu.

(疏)又法華金剛，皆云難信，與此同意。

(鈔)法華云：欲令眾生，皆得聞知一切世間難信之法。又云：此經難聞，信受亦難。金剛般若云：聞說此經，心即狂亂，狐疑不信，而以不驚不怖不畏，為希有。不驚等即能信也。今經難信，同於二經，奚可輕也。

(演)欲令眾生，皆得聞知一切世間難信之法者，是文殊告彌勒之辭，謂：四十年前所說，乘是三乘，性有五性，人皆易信。若說三乘是一乘，五性是一性，人所難信。尋常但說唯佛一人獨得正覺，今日：小乘羅漢皆當作佛，人所難信。尋常但說：修行三祇，方始成佛，今日：即心是佛，人所難信。今欲說此難信之法，欲令眾生得知即心即佛，無二無三之旨，故現斯瑞耳。此經難聞，信受亦難是法師品，佛告藥王之辭。蓋以行菩薩道者，得見聞讀誦是經，乃能善行菩薩之道，求佛道者，若見若聞是法

華經，聞已信解受持者，得近阿耨多羅三藐三菩提故。聞說此經，心即狂亂，狐疑不信者，此經非大乘根器，不能持誦，所感功德，非常人可聞。聞必狐疑不信，蓋此經之義趣，與其果報不可思議故也。以不驚，不怖，不畏，為希有者。大乘之法，本自難信難解，非大乘根器，卒聞是法，未免驚愕，疑怕畏懼。能聞是法，而不畏懼者，實為希有。

(Sớ: Lại nữa, kinh Pháp Hoa và Kim Cang đều nói là “khó tin”, có cùng ý nghĩa với điều này.

Sao: Kinh Pháp Hoa nói: “Muốn khiến cho chúng sanh đều được nghe biết pháp mà hết thấy thế gian đều khó tin”. Lại nói: “Kinh này khó nghe, tin nhận cũng khó”. Kim Cang Bát Nhã nói: “Nghe nói kinh này, tâm liền cuồng loạn, hồ nghi, chẳng tin”, tức là coi kể chẳng kinh ngạc, chẳng sợ sệt, chẳng hoảng hốt là hy hữu. “Chẳng kinh ngạc v.v...” là có thể tin tưởng vậy. Kinh này khó tin giống như hai kinh ấy, há nên khinh rẻ ư?

Diễn: “Muốn khiến cho chúng sanh đều được nghe biết pháp mà hết thấy thế gian đều khó tin”: Tức là như lời ngài Văn Thù đã bảo ngài Di Lặc: “Đối với những pháp đã nói trong bốn mươi năm trước, ‘thừa’ là ba thừa, tánh thì có năm tánh, ai nấy đều dễ tin tưởng. Nếu nói ‘ba thừa là một thừa, năm tánh là một tánh’, người ta sẽ khó tin”. Thông thường, chỉ nói ‘một mình đức Phật đắc Chánh Giác’, nay nói ‘Tiểu Thừa La Hán đều sẽ thành Phật’, người ta khó tin. Thông thường, chỉ nói ‘tu hành ba A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật’, nay nói ‘tâm này chính là Phật’, người ta khó tin. Nay muốn nói pháp khó tin này, muốn khiến cho chúng sanh được biết đến tông chỉ ‘cái tâm này chính là Phật, chẳng có hai thừa, hoặc ba thừa’, vì thế, hiện tượng lành này”.

“Kinh này khó nghe, tin nhận cũng khó” chính là lời đức Phật bảo Dược Vương Bồ Tát trong phẩm Pháp Sư [của kinh Pháp Hoa]. Ấy là vì người hành Bồ Tát đạo mà được thấy, nghe, đọc tụng kinh này (kinh Pháp Hoa), thì chính là người khéo hành đạo Bồ Tát, là người cầu Phật đạo. Nếu ai thấy, nghe kinh Pháp Hoa này, nghe xong bèn tin, hiểu, thọ trì, sẽ được gần Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

“Kể nghe nói kinh này, tâm bèn cuồng loạn, hồ nghi chẳng tin”: Kinh ấy (kinh Kim Cang) nếu chẳng phải là căn khí Đại Thừa, sẽ chẳng thể trì tụng. Công đức cảm vời [do hành trì kinh ấy] chẳng phải là kẻ

tâm thường mà có thể nghe được. Họ nghe xong, ắt sẽ hồ nghi, chẳng tin. Ấy là vì nghĩa thú cũng như quả báo của kinh ấy đều chẳng thể nghĩ bàn.

“Coi kẻ chẳng kinh ngạc, chẳng sợ sệt, chẳng hoảng hốt là hy hữu”: Pháp Đại Thừa vốn khó tin, khó hiểu. Chẳng phải là căn khí Đại Thừa, bỗng nghe pháp này, chưa tránh khỏi kinh ngạc, ngờ vực, sợ hãi, hoảng hốt. Có thể nghe pháp này mà chẳng kinh sợ, đúng là hiếm có).

(Sớ) Vấn: “Ký vân nan tín, tắc thuyết vi cường quát, hà dĩ thuyết vi?” **Đáp:** Chung dĩ Phật thuyết, hữu tín giả cố.

(Sao) Nhân thuyết hữu tín giả, thử chi diệu pháp, nhược Như Lai tăng bất văn tuyên, tắc vạn cổ vĩnh đồng trường dạ, chung vô hữu nhân niệm Phật cầu sanh. Cố thán kỳ nan tín giả. Kiến bất tín giả chi tự khí, năng tín giả chi hữu duyên, linh nhất thiết chúng sanh bị thương tuyệt phần, nhi hân hạnh đắc văn cố. Kim chi tín Tịnh Độ giả, giai nhân Phật thuyết nhi phát khởi dã. Tuy kim bất tín, nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng cố.

(疏)問: 既云難信, 則說為強聒, 何以說為? **答:** 終以佛說, 有信者故。

(鈔)因說有信者, 此之妙法, 若如來曾不聞宣, 則萬古永同長夜, 終無有人念佛求生。故歎其難信者。見不信者之自棄, 能信者之有緣, 令一切眾生悲傷絕分, 而欣幸得聞故。今之信淨土者, 皆因佛說而發起也。雖今不信, 一歷耳根, 永為道種故。

(Sớ) Hỏi: “Đã nói là khó tin, vậy thì nói ra sẽ là gương ép lại nhãi, có gì phải nói?” **Đáp:** Trọn là vì đức Phật nói ra, sẽ có kẻ tin.

Sao: “Do [đức Phật] nói ra sẽ có kẻ tin”: Diệu pháp này, nếu đức Như Lai chưa từng nói ra, ắt muôn đời vĩnh viễn giống như đêm dài, trọn chẳng có người nào niệm Phật cầu vãng sanh. Vì thế, than là “khó tin” vậy. Kẻ thấy pháp môn này mà chẳng tin, tức là tự mình ruồng rẫy chính mình; kẻ có thể tin, tức là người hữu duyên. [Nói ra pháp khó tin] nhằm khiến cho hết thấy chúng sanh buồn tủi, [tiếc mình] chẳng có phần, [còn kẻ nghe rồi có thể tin tưởng thì sẽ] vui mừng [chính mình do] may mắn mà được nghe nói. Kẻ tin Tịnh Độ trong hiện thời, đều là do đức Phật đã nói khiến cho [tín tâm của kẻ ấy] được phát khởi. Tuy nay chẳng tin, một phen lọt qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh bất khả thấu bạc, thị nan tín pháp nghĩa.

(Sao) Đương tri tự tánh, bất khả dĩ hữu tâm cầu, bất khả dĩ vô tâm đắc, bất khả dĩ ngữ ngôn tạo, bất khả dĩ tịch mặc thông. Ly tứ cú, tuyệt bách phi. Không lý tài hoa, ba tâm đập nguyệt, vô như thổ thủ túc xư. Thị cố Linh Sơn thượng đức, chung thành bại Bắc chi khiên. Hán địa Kim Cang, thử hữu diệt Nam chi tướng. Năng tín thị pháp, khởi bất nan tai?

(Diễn) Bất khả dĩ hữu tâm cầu đẳng giả, tự tánh phi hữu, hữu tâm tắc đoạ tăng ích chấp. Tự tánh phi vô, vô tâm tắc đoạ tổn giảm chấp. Tự tánh ly ngôn thuyết tướng, ngữ ngôn tắc đoạ vọng tưởng. Tự tánh ly tâm duyên tướng, tịch mặc tắc đoạ vô ký. Linh Sơn thượng đức, chung thành bại Bắc giả, Linh Sơn hội thượng, ngũ thiên thoát tịch; cập Hoa Nghiêm hội thượng bất kiến Xá Na chi bối. Bại Bắc giả, quân chiến bại viết Bắc. Hán địa Kim Cang, thử dục diệt Nam giả, Đức Sơn hiệu Châu Kim Cang, bất tín Nam Tông đơn truyền trực chỉ thuyết, tác Thanh Long Sao, kính vãng Nam phương, dục diệt Nam Tông. Lộ phùng bà tử mại điểm tâm, bà tử vấn vân: “Sở đảm giả hà vật?” Đáp viết: “Kim Cang Kinh Thanh Long Sao”. Viết: “Kim Cang kinh vân: Tam tâm bất khả đắc, tôn giả dục điểm hà tâm?” Sơn vô đối, chí Long Đàm vãng phục khẩu kích, hoảng nhiên đại ngộ, nãi viết: “Cùng chư huyền biện, nhược nhất hào trí ư thái hư, kiệt thế xu cơ, tự nhất trích đầu ư cự hác”, nãi phản Thanh Long Sao vân.

(疏)稱理，則自性不可湊泊，是難信法義。

(鈔)當知自性，不可以有心求，不可以無心得，不可以語言造，不可以寂默通。離四句，絕百非。空裡栽華，波心踏月，無汝措手足處。是故靈山上德，終成敗北之愆。漢地金剛，始有滅南之想。能信是法，豈不難哉？

(演)不可以有心求等者，自性非有，有心則墮增益執。自性非無，無心則墮損減執。自性離言說相，語言則墮妄想。自性離心緣相，寂默則墮無記。靈山上德，終成敗北者，靈山會上，五千退席；及華嚴會上不見舍那之輩。敗北者，軍戰敗曰北。漢地金剛，始欲滅南者，德山號周金剛，不信南宗單傳直指之說，作青龍鈔，徑往南

方，欲滅南宗。路逢婆子賣點心，婆子問云：所擔者何物？答曰：金剛經青龍鈔。曰：金剛經云：三心不可得，尊者欲點何心？山無對，至龍潭往復叩擊，恍然大悟，乃曰：窮諸玄辯，若一毫置於太虛，竭世樞機，似一滴投於巨壑，乃焚青龍鈔云。

(Sớ: Xứng Lý thì tự tánh chẳng thể dò lường là ý nghĩa “pháp khó tin”).

Sao: *Hãy nên biết: Tự tánh chẳng thể dùng hữu tâm để cầu, chẳng thể dùng vô tâm để đắc, chẳng thể dùng ngôn ngữ để tạo, chẳng thể dùng lặng lẽ để thông. Là bốn câu, tuyệt bách phi. Trông hoa trên hư không, đập trắng giữa sóng, chẳng có chỗ để cho ông đặt tay, cắt chân! Vì thế, bậc thượng đức trong hội Linh Sơn, rốt cuộc mắc lỗi thảm bại, bậc Kim Cang đất Hán, thoát đầu mong diệt trừ [Thiên phái] phương Nam. Có thể tin pháp này, há chẳng khó ư?*

Diễn: *“Chẳng thể dùng hữu tâm để cầu” v.v...: Tự tánh chẳng phải là có, hữu tâm bèn堕 vào chấp trước Tăng Ích. Vô tâm bèn堕 vào chấp trước Tổ Giám. Tự tánh là tướng ngôn thuyết, nói năng bèn堕 vào vọng tưởng. Tự tánh là tướng tâm duyên, lặng thinh bèn堕 vào vô ký.*

“Bậc thượng đức trong hội Linh Sơn rốt cuộc thảm bại”: Trong hội Linh Sơn, năm ngàn người rời khỏi pháp hội, cùng những kẻ trong hội Hoa Nghiêm chẳng thấy Phật Lô Xá Na. “Bại Bắc”: Đánh nhau thua trận thì gọi là Bắc.

“Kim Cang đất Hán, thoát đầu mong diệt [Thiên phái ở] phương Nam”: Ngài Đức Sơn [Tuyên Giám] hiệu là Châu Kim Cang, chẳng tin thuyết “đơn truyền trực chỉ” của Nam Tông, soạn bộ Thanh Long Sao, đi về phương Nam, toan diệt trừ Nam Tông. Trên đường, gặp bà lão bán điểm tâm, bà lão hỏi: “Ngài gánh vật gì vậy?” Sư đáp: “Kim Cang Kinh Thanh Long Sao”. Bà cụ nói: “Kinh Kim Cang nói: Ba tâm chẳng thể được, tôn giả muốn điểm cái tâm nào?” Đức Sơn chẳng đáp được. Đến chỗ ngài Long Đàm [Sùng Tín], thưa hỏi qua lại, bỗng dừng đại ngộ, bèn nói: “Tột cùng các lẽ biện luận huyền diệu, ví như đặt một sợi lông trong vũ trụ. Cạn hết lẽ trọng yếu trong cõi đời, dường như gieo một giọt nước vào trong con suối lớn”. Sư bèn đốt bộ Thanh Long Sao).

Tam, tổng kết nan sự.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Đương tri ngã ư Ngũ Trược ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị nhất thiết thế gian thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan.

(Sớ) Thuật chư Phật ngữ, trùng vì thân mình, kiến thử nhị nan, cổ Phật bất hư vị tán từ, kim Phật phi lạm ưng mỹ dự. Thật ngữ, thật hạnh, lưỡng tương phù hợp, vạn đại chúng sanh, đương để tín nhi vật nghi, cảm ân nhi vô dĩ giả dã, khả vị phản phúc đình ninh, bà tâm đại thiết hỷ.

(Sao) Đắc đạo chi nan, kỳ nan hữu nhị: Nhất, vị thiện thế đắc đạo, vị tức vi nan, kim ư ác thế. Nhị, vị ác thế đắc đạo, nhi đắc tiểu quả, do vị vi nan, kim đắc Vô Thượng Bồ Đề, thị dĩ nan dã. Thuyết pháp chi nan, kỳ nan diệc nhị: Nhất, vị thiện thế thuyết pháp, vị tức vi nan, kim ư ác thế. Nhị, vị ác thế thuyết pháp, nhi thuyết kỳ dị tín giả, do vị vi nan, kim thuyết nan tín chi pháp, thị dĩ nan dã. Lược vì tứ dụ: **Đệ nhất dụ giả, thí như hữu nhân, thân nhập đại hải, phục thừa phá châu, phục ngộ nghịch phong, phục xung cự lãng, phục trị la sát, ngư vương, độc long, nguy tại khoảnh khắc. Nhị năng ư trung, an ổn đắc độ, thị chi vị nan. Bất dẫn tự độ, tình độ chư nhân, trí chi bỉ ngạn, thị nan trung nan. Đại hải, phá châu, nghịch phong, cự lãng, cập la-sát đẳng, thử dụ Ngũ Trược. Tự độ, dụ đắc đạo. Độ nhân, dụ thuyết pháp dã. Đệ nhị dụ giả, thí như hữu nhân, thân ly trọng bệnh, phục xử phong lộ, phục pháp ẩm thực, phục tạo diệt phác, phục trị dung y, ngộ tấn dược nhĩ, nguy tại khoảnh khắc. Nhị năng ư trung, điều lý thuyên an, thị chi vị nan. Bất dẫn tự liệu, tình dư bệnh giả, giai sử bình phục, thị nan trung nan. Đệ tam dụ giả, thí như hữu nhân, thân tại linh ngữ, phục ưng sở thất, phục hệ già nữ, phục nhiễm tật dịch, phục bị giam áp, tương lâm tru lục, nguy tại khoảnh khắc. Nhị năng ư trung, hốt nhiên giải thoát, thị chi vị nan. Bất dẫn tự thoát, tình chư tội nhân, tất đắc miễn ly, thị nan trung nan. Đệ tứ dụ giả, thí như hữu nhân, thân đọa tỉnh trung, phục ngộ độc xà, phục khốn kinh cực, phục yêm hàn thủy, phục trị ác nhân phao trịch thổ thạch, nguy tại khoảnh khắc. Nhị năng ư trung, đằng được nhi xuất, thị chi vị nan. Bất dẫn tự xuất, tình dư đồng đọa, câu thời thượng thăng, thị nan trung nan. Ngũ Trược đẳng dụ, nghĩa thuyết đồng thượng. Thử chi tứ dụ, lược dụ Thích Ca nhị chủng nan sự, minh thiện dị hiểu, sử tri Như Lai bất đoạn cù lao, bị lịch gian khổ, vị ngã đẳng cố, hành nan trung nan, nhất chí ư thử. Văn tư nan giả, giai ưng hỷ bi giao tập, cảm cực hô hào, thanh chấn tam thiên đại thiên thế giới, dũng mãnh**

tinh tấn, tư báo Phật ân. Dục báo Phật ân, bất việc nhị sự: Nhất giả, tự lợi. Nhị giả, lợi nhân. Tự lợi giả, u thử ác thế, lực hành thử đạo, nhân đắc vãng sanh, diệc vân vi nan. Lợi nhân giả, u thử ác thế, phục khuyến chư nhân, cộng hành thử đạo, đồng đắc vãng sanh. Thị tắc diệc vân nan trung nan dã.

三、總結難事。

(經)舍利弗！當知我於五濁惡世，行此難事，得阿耨多羅三藐三菩提，為一切世間說此難信之法，是為甚難。

(疏)述諸佛語，重為申明，見此二難，古佛不虛為讚辭，今佛非濫膺美譽。實語實行，兩相符合，萬代眾生，當諦信而勿疑，感恩而無已者也，可謂反覆叮嚀，婆心大切矣。

(鈔)得道之難，其難有二：一、謂善世得道，未足為難，今於惡世。二、謂惡世得道，而得小果，猶未為難，今得無上菩提，是以難也。說法之難，其難亦二：一、謂善世說法，未足為難，今於惡世。二、謂惡世說法，而說其易信者，猶未為難，今說難信之法，是以難也。略為四喻：第一喻者，譬如有人，身入大海，復乘破舟，復遇逆風，復衝巨浪，復值羅剎，魚王毒龍，危在頃刻。而能於中，安穩得渡，是之謂難。不但自渡，併渡諸人，置之彼岸，是難中難。大海，破舟，逆風，巨浪，及羅剎等，此喻五濁。自渡，喻得道。渡人，喻說法也。第二喻者，譬如有人，身罹重病，復處風露，復乏飲食，復遭跌撲，復值庸醫，誤進藥餌，危在頃刻。而能於中，調理痊安，是之謂難。不但自療，併餘病者，皆使平復，是難中難。第三喻者，譬如有人，身在囹圄，復膺楚撻，復繫枷杻，復染疾疫，復被監押，將臨誅戮，危在頃刻。而能於中，忽然解脫，是之謂難。不但自脫，併諸罪人，悉得免離，是難中難。第四喻者，譬如有人，身墮井中，復遇毒蛇，復困荊棘，復淹寒水，復值惡人拋擲土石，危在頃刻。而能

於中，騰躍而出，是之謂難。不但自出，併餘同墮，俱時上升，是難中難。五濁等喻，義說同上。此之四喻，略喻釋迦二種難事，明淺易曉，使知如來不憚劬勞，備歷艱苦，為我等故，行難中難，一至於此。聞斯難者，皆應喜悲交集，感極呼號，聲震三千大千世界，勇猛精進，思報佛恩。欲報佛恩，不越二事：一者，自利。二者，利人。自利者，於此惡世，力行此道，因得往生，亦云為難。利人者，於此惡世，復勸諸人，共行此道，同得往生。是則亦云難中難也。

(Ba, tổng kết sự khó.

Kinh: *Này Xá Lợi Phất! Hãy nên biết ta ở trong đời ác Ngũ Trược, làm chuyện khó này, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì hết thủy thế gian nói pháp khó tin này. Đó là rất khó.*

Sớ: *Thuật lời chư Phật, nói rõ ràng lần nữa, hòng thấy hai sự khó khăn ấy. Cổ Phật chẳng thốt lời tán thán hư dối, vì Phật hiện thời chẳng lạm nhận tiếng khen. Lời thật, hạnh thật, hai đằng đều phù hợp, chúng sanh muôn đời hãy nên tin chắc, đừng nghi, cảm ân đức khôn cùng, đáng bảo là “dẫn đi, dẫn lại, lòng từ bi đau đáu thiết tha tốt bậc!”*

Sao: *Đối với sự khó khăn trong việc đắc đạo, có hai nỗi khó khăn: Một là đắc đạo trong cõi đời thiện lương, chưa đáng gọi là khó, nay trong đời ác [mà đắc đạo thì mới là khó]. Hai là đắc đạo trong đời ác, mà đắc tiểu quả thì vẫn chưa phải là khó. Nay đắc Vô Thượng Bồ Đề, chính là khó khăn vậy.*

Thuyết pháp khó khăn, sự khó khăn ấy cũng gồm có hai điều: Một là thuyết pháp trong đời tốt lành, chưa đủ coi là khó khăn, nay trong đời ác [mà thuyết pháp, đây mới là khó khăn]. Hai là thuyết pháp trong đời ác, mà thuyết những pháp dễ tin thì vẫn chưa phải là khó. Nay nói pháp khó tin thì mới là khó khăn vậy.

Nêu đại lược bốn tỷ dụ: Tỷ dụ thứ nhất, ví như có người vào trong biển cả, lại ngồi thuyền rách, lại gặp gió ngược, lại trúng sóng to, lại gặp la-sát, ngư vương, rồng độc, nguy ngập trong khoảnh khắc, mà có thể ở trong ấy, yên ổn đến tận bờ, đó gọi là khó. Không chỉ là tự mình vượt thoát, mà còn giúp người khác vượt thoát, đặt yên nơi bờ kia, chính là sự khó nhất trong các sự khó. Biển cả, thuyền rách, gió ngược, sóng lớn, và la-sát v.v... ví như Ngũ Trược. Tự độ ví như đắc đạo. Độ người

khác, ví như thuyết pháp.

Tỷ dụ thứ hai, ví như có người thân mắc bệnh nặng, lại ở chỗ gió sương, lại ăn uống thiếu thốn, lại bị vấp ngã, lại gặp thầy thuốc dở, uống lầm thuốc men, nguy ngập trong khoảnh khắc, mà có thể ở trong [tình cảnh] ấy, chữa trị thuyên giảm, lành bệnh, đó gọi là khó khăn. Không chỉ tự chữa lành, mà còn khiến cho những bệnh nhân khác đều được bình phục, đó gọi là “chuyện khó nhất trong những chuyện khó”.

Tỷ dụ thứ ba, ví như có người thân trong tù ngục, lại bị đánh đập, lại bị gông cùm trói buộc, lại mắc bệnh dịch, lại bị giam cầm, sắp bị chém giết, nguy ngập trong khoảnh khắc, mà có thể ở trong ấy, bỗng dưng giải thoát, đó gọi là khó khăn. Không chỉ là tự mình thoát khỏi, lại còn cùng các tội nhân đều được thoát lìa, đó là chuyện khó nhất trong các sự khó.

Tỷ dụ thứ tư, ví như có người, thân rơi xuống giếng, lại gặp rắn độc, lại bị vướng mắc trong gai góc, lại bị ngập trong nước lạnh, lại gặp kẻ ác quăng ném đất, đá, nguy ngập trong khoảnh khắc, mà có thể ở trong ấy, nhảy vọt lên thoát ra, đó gọi là khó khăn. Không chỉ là tự thoát ra, mà còn khiến cho những kẻ cùng té trong giếng cùng lúc được vọt lên trên, đó là chuyện khó nhất trong những sự khó.

Các tỷ dụ về Ngũ Trược, nói lên ý nghĩa giống như trong phần trước. Bốn tỷ dụ này nhằm sánh ví sơ lược rõ ràng, gần gũi, dễ hiểu hai chuyện khó khăn của Phật Thích Ca, khiến cho [người nghe] biết Như Lai chẳng sợ nhọc nhằn, trải đủ mọi nỗi gian khó, vì bọn chúng ta hành chuyện khó nhất trong các chuyện khó đến mức như thế. Kẻ nghe những nỗi khó khăn ấy, hãy đều nên vui buồn xen lẫn, cảm kích cùng cực, bèn hô hào, tiếng vang rền tam thiên đại thiên thế giới, dùng mãnh, tinh tấn, nghĩ báo ân Phật.

Muốn báo ân Phật, chẳng ngoài hai sự: Một là tự lợi. Hai là lợi lạc người khác. Tự lợi là trong đời ác này, hãy tận lực hành đạo này; do vậy, được vãng sanh, [chuyện này] cũng gọi là khó khăn. “Lợi người”: Trong đời ác này, lại khuyên mọi người cùng hành đạo này để cùng được vãng sanh, đây cũng gọi là “khó nhất trong các sự khó”).

(Sớ) Hựu Pháp Hoa cực tán thuyết kinh chi nan, diệt đồng thứ ý.

(Sao) Pháp Hoa cực tán giả, vị tận thuyết dư kinh, thủ trích Tu Di, túc động đại thiên, giai vị vi nan, năng ư ác thế, thuyết Pháp Hoa kinh, thị tắc vi nan. Kim kinh nan thuyết, diệt phục như thị.

(Diễn) *Vị tận thuyết dư kinh, thủ trịch Tu Di, túc động đại thiên đẳng giả, thị Đa Bảo phẩm, Như Lai phổ cáo đại chúng chỉ từ. Tận thuyết dư kinh như Hằng hà sa, cố thị nan sự, nhiên giai xứng cơ chi đàm, nhân diệc dị tín, bất túc vì nan. Nhược dĩ thủ chưởng tiếp Tu Di, nhi trịch phương ngoại, hựu dĩ túc chỉ động đại thiên, nhi trịch tha quốc, tuy giai nan sự, nhiên hữu thần thông đạo lực giả, tức năng vì chi, do vị vì nan. Duy ư ác thế tuyên thuyết thủ kinh, tối vì nan sự. Nhân bất tín cố, sanh oán tật cố, chiêu mạ lý cố, gia trọng mộc cố, nhược vô đại nguyện, sanh thoái khuất cố. Kim kinh nan thuyết diệc phục như thị giả, chúng sanh ngã mạn tâm cao, vô minh kiên hậu, bất khẳng tín thọ, đa sanh oán tật, diệc do thị dã.*

(疏)又法華極讚說經之難，亦同此意。

(鈔)法華極讚者，謂盡說餘經，手擲須彌，足動大千，皆未為難，能於惡世，說法華經，是則為難。今經難說，亦復如是。

(演)謂盡說餘經，手擲須彌，足動大千等者，是多寶品，如來普告大眾之辭。盡說餘經如恆河沙，固是難事，然皆稱機之談，人亦易信，不足為難。若以手掌接須彌，而擲方外，又以足指動大千，而擲他國，雖皆難事，然有神通力者，即能為之，猶未為難。唯於惡世宣說此經，最為難事。人不信故，生怨嫉故，招罵詈故，加杖木故，若無大願，生退屈故。今經難說亦復如是者，眾生我慢心高，無明堅厚，不肯信受，多生怨嫉，亦猶是也。

(Sớ:) *Lại nữa, kinh Pháp Hoa tán thán tội bậc sự khó khăn do nói kinh thì cũng có cùng ý nghĩa này.*

Sao: “Kinh Pháp Hoa tán thán tội bậc” nghĩa là: Nói trọn hết các kinh khác, tay quăng núi Tu Di, chân đạp rừng động đại thiên thế giới, đều chưa phải là khó. Có thể ở trong đời ác nói kinh Pháp Hoa mới là khó. Nay kinh này khó nói, cũng giống như thế.

Diễn: “Nghĩa là nói trọn hết các kinh khác, tay quăng Tu Di, chân động đại thiên v.v...” chính là lời đức Như Lai bảo khắp đại chúng trong phẩm Đa Bảo. Nói trọn hết các kinh khác số nhiều như cát sông Hằng, cố nhiên là chuyện khó khăn, nhưng đều là bàn luận xứng hợp căn cơ, người ta cũng dễ tin, chẳng đáng coi là khó! Nếu dùng bàn tay

đờ lấy núi Tu Di, quăng ra ngoài phương khác; lại dùng ngón chân lay động đại thiên, đá văng nó sang cõi nước khác, tuy đều là chuyện khó khăn, nhưng kẻ có thần thông đạo lực bèn có thể làm được, vẫn chưa phải là khó. Chỉ có trong đời ác, tuyên nói kinh này, sẽ là chuyện khó nhất. Do người ta chẳng tin, bèn sanh lòng oán ghét, ganh tỵ, [người nói kinh] chuốc lấy tiếng chửi bới, bị đánh đập. Nếu chẳng có đại nguyện, sẽ sanh lòng thoái khuất. Kinh này khó nói cũng giống như vậy, chúng sanh tâm ngã mạn cao ngất, vô minh dày chắc, chẳng chịu tin nhận, sanh lắm nỗi oán hận, ganh tỵ, cũng giống như vậy đấy).

(Sớ) Phục hữu nhị nghĩa. Tiền nan phản hiển Cực Lạc đắc đạo vi dị. Hậu nan phản hiển Cực Lạc thuyết pháp vi dị.

(Sao) Đắc đạo dị giả, Bà Sa Luận vị: “Niệm Phật vãng sanh, thừa Phật nguyện lực, vi dị hành đạo. Ngũ Trược ác thế, gian ư tu tấn, vi nan hành đạo cố”. Thuyết pháp dị giả, bỉ quốc chư thượng thiện nhân, huệ thâm, chứng thiện, chí ý điều nhu; phong thụ, điều âm, tất tư giải ngộ. Phi tỷ thử độ, cang cường, nan phục. Cố cử nan, hiển dị, chánh thị Cực Lạc quyết nghi cầu dã.

(Diễn) Cang cường nan phục giả, Pháp Hoa vân: “Thị Sa Bà quốc trung, nhân đa tệ ác, hoài tăng thượng mạn, công đức thiểu bạc, sân trược, siểm khúc, tâm bất thật cố”. Tịnh Danh vân: “Thử độ chúng sanh, cang cường nan hóa. Cố Phật vị thuyết cang cường chi ngữ, nhi điều phục chi. Ngôn thị địa ngục, thị ngạ quỷ, thị súc sanh, nãi chí vân: ‘Thí như tượng mã, lung lệ bất điều, gia chư sở độ, nhiên hậu điều phục’. Như thị cang cường nan hóa chúng sanh, cố dĩ nhất thiết khổ thiết chi ngôn, nãi khả nhập luật”.

(疏)復有二義。前難反顯極樂得道為易。後難反顯極樂說法為易。

(鈔)得道易者，婆沙論謂：念佛往生，乘佛願力，為易行道。五濁惡世，艱於修進，為難行道故。說法易者，彼國諸上善人，慧深障淺，志意調柔；風樹鳥音，悉資解悟。非比此土，剛強難伏。故舉難顯易，正示極樂決宜求也。

(演)剛強難伏者，法華云：是娑婆國中，人多弊惡，懷增上慢，功德淺薄，嗔濁諂曲，心不實故。淨名云：此

土眾生，剛強難化。故佛為說剛強之語，而調伏之。言是地獄，是餓鬼，是畜生，乃至云：譬如象馬，儻悞不調，加諸楚毒，然後調伏。如是剛強難化眾生，故以一切苦切之言，乃可入律。

(Sớ: Lại có hai ý nghĩa: Chuyện khó thứ nhất nhằm nêu bật sự tương phản: “Trong Cực Lạc, đắc đạo dễ dàng”. Điều khó sau đó nhằm nêu bật sự tương phản: “Trong Cực Lạc, thuyết pháp dễ dàng”).

Sao: “Đắc đạo dễ dàng”: Tỳ Bà Sa Luận bảo niệm Phật vãng sanh, nương cậy nguyện lực của Phật là “đạo dễ hành”. Đòi ác Ngũ Trược khó thể tấn tu, là “đạo khó hành”. “Thuyết pháp dễ dàng”: Các vị thượng thiện nhân trong cõi ấy, huệ sâu, chướng cạn, điều phục, chí ý nhu hòa; gió rung cây, tiếng chim hót, đều cậy vào đó mà giải ngộ. Chẳng như cõi này, [chúng sanh] ương ngạnh, khó hàng phục. Do vậy, nêu ra điều khó để tỏ lộ chuyện dễ, chỉ dạy thẳng thừng: “Quyết định phải nên cầu sanh Cực Lạc”.

Diễn: “Ương ngạnh, khó hàng phục”: Kinh Pháp Hoa nói: “Người trong cõi Sa Bà này, đa số là tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức nông cạn, mỏng manh, sân hận, uế trược, a dua, tà vạy, tâm chẳng chân thật”. Kinh Tịnh Danh (kinh Duy Ma Cát) nói: “Chúng sanh trong cõi này ương ngạnh, khó giáo hóa. Vì thế, đức Phật nói lời cứng cỏi để điều phục họ”. Nói tới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cho đến nói: “Vị như voi, ngựa, hung hăng chẳng thuần, bèn dùng roi vọt; sau đấy, chúng nó sẽ thuần phục. Chúng sanh ương ngạnh khó giáo hóa như thế; do vậy, bèn dùng những lời lẽ nặng nề, gắt gao [để điều phục] thì họ mới có thể tuân thủ luật nghi được”.

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh tâm cảnh song dung, thị hành thử nhị nan nghĩa.

(Diễn) Tâm cảnh song dung, thị hành thử nhị nan nghĩa giả, đắc đạo nãi triệt ngộ nội tâm. Thuyết pháp nãi hóa tha ngoại cảnh cố. Tâm giả, đắc đạo nghĩa. Cảnh giả, thuyết pháp nghĩa. Kim tánh trung, tâm cảnh song dung, thị nhị nan tịnh vận nghĩa.

(疏)稱理，則自性心境雙融，是行此二難義。

(演)心境雙融，是行此二難義者，得道乃徹悟內心。說法乃化他外境故。心者，得道義。境者，說法義。今性中，心境雙融，是二難並運義。

(Sớ: Xưng Lý thì tâm và cảnh trong tự tánh dung hội lẫn nhau. Đó chính là ý nghĩa “hành hai sự khó”).

Diễn: “Tâm cảnh dung hội lẫn nhau là ý nghĩa của hành hai sự khó”: Đắc đạo bèn ngộ thấu triệt nội tâm. Thuyết pháp chính là hóa độ người khác, thuộc về ngoại cảnh.

Tâm nghĩa là đắc đạo; cảnh nghĩa là thuyết pháp. Nay tâm và cảnh trong tánh cùng dung hội, chính là ý nghĩa “hai thứ khó khăn cùng được vận dụng”).

(Sao) Tâm trực cảnh sanh, tâm thể bản tịch, tắc vô sở đắc giả, danh đắc Bồ Đề. Cảnh tùy tâm hiện, cảnh thể tự không, tắc vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp. Tâm ngoại vô cảnh, cảnh ngoại vô tâm. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

(Diễn) Tâm trực đẳng giả, tâm trực cảnh sanh, tắc tâm vô tự tánh, tâm thể bản tịch dã. Đắc đạo nãi triệt ngộ nội tâm. Kim tâm thể bản tịch, tắc vô sở đắc giả, danh đắc Bồ Đề. Cảnh tùy tâm hiện, tắc cảnh vô tự tánh, cảnh thể tự không dã. Thuyết pháp nãi hóa tha ngoại cảnh. Kim cảnh thể tự không, tắc vô pháp khả thuyết giả, thị danh thuyết pháp. Nội tâm ngoại cảnh, hễ đoạt lưỡng vong, tự giác, giác tha, nhị giác câu mãn hĩ.

(鈔)心逐境生，心體本寂，則無所得者，名得菩提。境隨心現，境體自空，則無法可說，是名說法。心外無境，境外無心。自覺覺他，覺行圓滿。

(演)心逐等者，心逐境生，則心無自性，心體本寂也。得道乃徹悟內心。今心體本寂，則無所得者，名得菩提。境隨心現，則境無自性，境體自空也。說法乃化他外境。今境體自空，則無法可說者，是名說法。內心外境，互奪兩亡，自覺覺他，二覺俱泯矣。

(Sao: Tâm thuận theo cảnh mà sanh, bản thể của tâm vốn vắng lặng, cho nên chẳng có gì để đắc thì gọi là “đắc Bồ Đề”. Cảnh thuận theo tâm mà hiện, bản thể của cảnh vốn là Không, cho nên chẳng có pháp gì để có thể nói, bèn gọi là “thuyết pháp”. Ngoài tâm chẳng có cảnh, ngoài cảnh chẳng có tâm. Tự giác, giác ngộ người khác, giác hạnh viên mãn.

Diễn: “Tâm thuận theo cảnh v.v...”: Tâm thuận theo cảnh mà sanh, tức là tâm chẳng có tự tánh. Bản thể của tâm vốn là Tịch. Đắc đạo

bền triệt ngộ nội tâm. Nay bản thể của cái tâm vốn là Tịch, cho nên không có gì để đắc, bền gọi là “đắc Bồ Đề”. Cảnh thuận theo tâm mà hiện, nên cảnh chẳng có tự tánh. Bản thể của cảnh vốn là Không. Thuyết pháp chính là hóa độ người khác, thuộc về ngoại cảnh. Nay bản thể của cảnh là Không, cho nên chẳng có pháp nào để có thể nói, bền gọi là thuyết pháp. Nội tâm và ngoại cảnh đoạt lẫn nhau, nên cả hai cùng mất. Tự giác, giác tha, hai giác đều cùng mất).

Tam, lưu thông phần (nhị): Sơ, trùng cử thỉnh chúng. Nhị, minh tất phụng hành.

Sơ, trùng cử thỉnh chúng.

(Kinh) Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phất, cập chư tỳ-kheo, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đẳng.

(Sớ) Pháp tất lưu thông, dĩ Phật thuyết pháp, vị phổ độ chúng sanh cố. Phục liệt chúng giả, kinh sơ minh chúng thỉnh pháp, kinh chung minh chúng thọ pháp dã. Độc cử Thân Tử giả, dĩ đương cơ cố. Bất ngôn Bồ Tát giả, nhiếp tỳ-kheo trung cố. A Tu La giả, thử vân Phi Thiên. Đẳng giả, đẳng bát bộ lục đạo dã.

(Sao) Lưu Thông giả, Quang Minh Sớ vân: “Lưu giả, hạ chú; Thông giả, bất ứng”. Hựu Khuê Phong vân: “Đô vô nhân truyền tắc bất lưu. Lưu giả bất trụ. Truyền chi ngộ chương tắc bất thông. Thông giả bất tắc. Phổ độ giả, lưu thông thập phương, dĩ cập tam thế, phi cần vị nhất xứ, nhất thời chi chúng sanh dã”. Đương cơ giả, dĩ nan tín chi pháp, duy Trí năng tín, cố thử chung thủ cử Xá Lợi Phất dã. Nhiếp tỳ-kheo trung giả, Bồ Tát tuy bất thường tùy Như Lai, nhiên dữ chư tỳ-kheo đồng vi hiện thánh đẳng lữ cố. Hựu Bồ Tát Chân Tục song dung, tùy loại ứng cơ, diệc khả thế gian trung nhiếp cố.

(Diễn) Bồ Tát Chân Tục song dung, tùy loại ứng cơ giả, phàm phu trước Tục bất thông Chân, Nhị Thừa đàm Chân bất thiệp Tục, như từ lục đảm bản, các chấp nhất biên. Bồ Tát tắc Chân Tục song dung, bất trệ sanh tử, bất trụ Niết Bàn cố, hoặc hiện Nhị Thừa đồng Chân, hoặc hiện lục phàm đồng Tục, tùy loại ứng cơ, bất độc tỳ-kheo trung nhiếp dã.

三、流通分(二)：初、重舉聽眾。二、明悉奉行。

初、重舉聽眾。

(經)佛說此經已，舍利弗，及諸比丘，一切世間天人阿修羅等。

(疏)法必流通，以佛說法，為普度眾生故。復列眾者，經初明眾聽法，經終明眾受法也。獨舉身子者，以當機故。不言菩薩者，攝比丘中故。阿修羅者，此云非天。等者，等八部六道也。

(鈔)流通者，光明疏云：流者下澍，通者不壅。又圭峰云：都無人傳則不流。流者不住。傳之遇障則不通。通者不塞。普度者，流通十方，以及三世，非僅為一處，一時之眾生也。當機者，以難信之法，唯智能信，故始終首舉舍利弗也。攝比丘中者，菩薩雖不常隨如來，然與諸比丘同為賢聖等侶故。又菩薩真俗雙融，隨類應機，亦可世間中攝故。

(演)菩薩真俗雙融，隨類應機者，凡夫著俗不通真，二乘耽真不涉俗，如徐六擔板，各執一邊。菩薩則真俗雙融，不滯生死，不住涅槃故，或現二乘同真，或現六凡同俗，隨類應機，不獨比丘中攝也。

(Ba là phần Lưu Thông (gồm hai phần): Một, nhắc lại thánh chúng. Hai, nói rõ đại chúng đều phụng hành.

Đầu tiên là nhắc lại thánh chúng.

Kinh: Đức Phật nói kinh này xong, ngài Xá Lợi Phất và các vị tỳ-kheo, hết thấy thế gian, trời, người, A Tu La v.v...

Sớ: Pháp ắt phải được lưu thông, do đức Phật thuyết pháp nhằm phổ độ chúng sanh. Lại liệt kê đại chúng là vì đầu kinh nói đến đại chúng nghe pháp, cuối kinh là nói rõ đại chúng tiếp nhận pháp. Chỉ nêu tên mình ngài Xá Lợi Phất, vì Ngài là bậc đương cơ. Chẳng nói tới Bồ Tát vì Bồ Tát được gộp trong tỳ-kheo. A Tu La, cõi này dịch là Phi Thiên, “đẳng” là nói tám bộ, lục đạo.

Sao: “Lưu Thông”: Quang Minh Sớ nói: “Lưu là rót xuống, Thông là chẳng bế tắc”. Ngài Khuê Phong lại nói: “Trọn chẳng có người truyền thừa, sẽ chẳng lưu thông. Lưu là chẳng trụ [một chỗ]. Truyền mà gặp phải chướng ngại, ắt chẳng thông suốt. Thông là chẳng tắc nghẽn. Phổ độ là lưu thông mười phương cho đến ba đời, chẳng phải chỉ là vì chúng sanh trong một chỗ, một thời”.

“Đương cơ”: Do pháp khó tin, chỉ có trí thì mới có thể tin tưởng.

Vì thế, từ đầu đến cuối, nêu tên ngài Xá Lợi Phất trước hết. “Gộp trong hàng tỳ-kheo”: Tuy Bồ Tát chẳng thường theo Như Lai, nhưng các Ngài cùng với các tỳ-kheo đều là bạn hiền thánh. Lại nữa, Bồ Tát Chân và Tục cùng dung hội, tùy theo từng loài mà ứng với căn cơ của họ, cho nên cũng có thể nhiếp trong thế gian.

Diễn: “Bồ Tát Chân và Tục cùng dung hội, tùy theo từng loài mà ứng với căn cơ của họ”: Phạm phu chấp Tục, chẳng thông hiểu Chân; Nhị Thừa đắm chấp nơi Chân, chẳng dính liú Tục, [cả hai loại người ấy đều] như kẻ vác tấm ván gỗ chỉ thấy một bề, mỗi loại đều chấp vào một bên.

Bồ Tát thì Chân và Tục đều dung hội, chẳng vương mắc sanh tử, chẳng trụ trong Niết Bàn, hoặc hiện cùng trụ vào Chân như Nhị Thừa, hoặc hiện cùng ở trong cõi Tục như phạm phu trong lục đạo, tùy thuận từng loài, ứng theo căn cơ của họ, chẳng phải chỉ là bao gồm trong hàng tỳ-kheo).

(Sao) Nhất thiết thế gian, sở cai giả chúng, nhi độc cử thiên, nhân, A Tu La giả, dĩ minh tu thử pháp môn, thiện đạo chúng sanh, tỷ chi dư đạo, vì cư đa cố. Phi Thiên giả, Tu La phú lạc đồng thiên, vô thiên hạnh cố. Tường hữu tứ chủng, tư bất phồn cử. Tiền liệt chúng trung, vô kỳ danh giả, nhiếp ư thiên nhân, cập đại chúng cố. Vấn: “Tu La chí vi hung ngoan, hà năng chấp trì thánh hiệu?” Đáp: Quỷ súc thượng giải quy y, Tu La khởi bất tín thọ? Bất văn Thế Chủ Diệu Nghiêm phẩm, chư Tu La đẳng, các đắc giải thoát môn hồ? Kim xử nhân luân, mao nhiên vô tín giả, lương khả quái dã.

(Diễn) Tu La tường hữu tứ chủng giả: Nhất, tòng noãn sanh, quỷ thú sở nhiếp. Nhị, tòng thai sanh, nhân thú sở nhiếp. Tam, nhân biến hóa hữu, thiên thú sở nhiếp. Tứ, nhân thấp khí hữu, súc sanh thú nhiếp.

(鈔)一切世間，所該者眾，而獨舉天人阿修羅者，以明修此法門，善道眾生，比之餘道，為居多故。非天者，修羅富樂同天，無天行故。詳有四種，茲不繁舉。前列眾中，無其名者，攝於天人，及大眾故。問：修羅至為凶頑，何能執持聖號？答：鬼畜尚解歸依，修羅豈不信受？不聞世主妙嚴品，諸修羅等，各得解脫門乎？今處人倫，邈然無信者，良可怪也。

(演)修羅詳有四種者：一、從卵生，鬼趣所攝。二、從胎生，人趣所攝。三、因變化有，天趣所攝。四、因濕氣有，畜生趣攝。

(Sao: “Hết thấy thế gian” bao gồm các loại chúng sanh rất đông, nhưng chỉ kể thiên, nhân, A Tu La, nhằm nói rõ chúng sanh tu pháp môn này thuộc về thiện đạo chiếm đa số so với những đường khác. “Phi Thiên (chẳng phải trời)”: Do A Tu La giàu có, sung sướng giống hết như chư thiên, nhưng chẳng có hạnh của chư thiên, [nên gọi là Phi Thiên]. Nói tường tận thì có bốn loại, ở đây, do ngại rườm rà, nên chẳng nêu ra. Trong phần liệt kê thánh chúng ở đầu kinh, chẳng kể A Tu La, vì đã gộp họ vào thiên, nhân và đại chúng.

Hỏi: “Tu La hết sức hung bạo, ương ngạnh, làm sao có thể chấp trì thánh hiệu cho được?” Đáp: Quý và súc sanh còn biết quy y, lẽ nào Tu La chẳng tin nhận? Chẳng nghe trong phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm [của kinh Hoa Nghiêm], các loài như Tu La v.v... ai nấy đều đắc các môn giải thoát ư? Nay được làm thân người, lại coi rẻ, chẳng tin, thật là đáng trách!

Diễn: Nói tường tận, Tu La có bốn loại: Một là sanh từ trứng, thuộc về quỷ đạo; hai là sanh từ thai, thuộc vào nhân đạo; ba là do biến hóa mà có, thuộc về thiên đạo; bốn là do khí ướt mà sanh thì thuộc về súc sanh đạo).

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh cứu cánh viên mãn, thị Phật thuyết kinh dĩ nghĩa. Tự tánh châu biến hàm dung, thị nhất thiết thế gian nghĩa.

(Diễn) Cứu cánh viên mãn, thị thuyết kinh dĩ giả, nhược ngôn Như Lai tương bãi pháp tọa, vi thuyết kinh dĩ, thử văn tự giáo kinh, phi tự tánh chân kinh dã. Tự tánh chân kinh, tắc thủ vĩ viên chiếu, vô khiếm, vô dư, vị triệu đương cơ, thuyết pháp dĩ cánh. Châu biến hàm dung nhất thiết thế gian nghĩa giả, nhược vân thiên long bát bộ vi nhất thiết thế gian, thử hữu tình thế gian, phi chánh giác thế gian dã. Chánh giác thế gian, phàm thánh cai la, thiên túc, vạn túc, vị kích kiền chùy, nhân thiên tất tập.

(疏)稱理，則自性究竟圓滿，是佛說經已義。自性周遍含容，是一切世間義。

(演)究竟圓滿，是說經已者，若言如來將罷法座，為

說經已，此文字教經，非自性真經也。自性真經，則首尾圓照，無欠無餘，未召當機，說法已竟。周遍含容一切世間義者，若云天龍八部為一切世間，此有情世間，非正覺世間也。正覺世間，凡聖該羅千足萬足，未擊犍槌，人天畢集。

(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh rốt ráo viên mãn chính là ý nghĩa “Phật đã nói kinh xong”. Tự tánh bao hàm trọn khắp, chính là ý nghĩa của “hết thấy thế gian”).

Diễn: “Rốt ráo viên mãn chính là nói kinh đã xong”: Nếu nói đức Như Lai sắp giải tán pháp hội là “nói kinh đã xong”, đây là dạy kinh theo phương diện văn tự, chẳng phải là chân kinh trong tự tánh. Chân kinh trong tự tánh thì đầu đuôi chiếu soi trọn vẹn lẫn nhau, chẳng thiếu, chẳng thừa, chưa vời kẻ đương cơ đến mà đã thuyết pháp xong xuôi. “Bao hàm trọn khắp là ý nghĩa hết thấy thế gian”: Nếu bảo trời, rồng, tám bộ là hết thấy thế gian, đây chính là hữu tình thế gian, chẳng phải là chánh giác thế gian. Chánh giác thế gian thì phàm thánh bao trùm, ngàn phần, vạn phần trọn vẹn, chưa đánh kiên chùy mà trời, người đã nhóm họp đông đủ).

(Sao) Cứu cánh, tắc thủ vĩ viên chiếu, vô khiếm, vô dư. Châu biến, tắc phàm thánh cai la, thiên túc, vạn túc. Như thị kinh giả, vị hō Thân Tử, dĩ tất toàn văn. Hựu hà dĩ Diệu Thủ bạch chùy, Song Lâm phủ xích. Nhiên hậu danh vi thuyết pháp cánh dã. Thị cố thăng đường, nhập thất, đại chúng vô tăng, cổ tịch, chung trầm, nhân thiên bất giảm.

(Diễn) Diệu Thủ bạch chùy giả, Thế Tôn nhất nhật thăng tòa, Văn Thủ bạch chùy vân: “Đế quán Pháp Vương pháp, Pháp Vương pháp như thị”. Thế Tôn tiện hạ tòa. Thiên Đồng tụng vân: “Nhất đoạn chân phong kiến dã ma, miên miên hóa mẫu lý cơ thoa, chức thành cổ cầm hàm xuân tượng, vô ngại đông quân lậu tiết hà”. Song Lâm phủ xích giả, Lương Vũ Đế thỉnh Phó đại sĩ giảng Kim Cang kinh, đại sĩ thượng tòa, phủ xích nhất hạ, tiện tức hạ tòa. Đế ngạc nhiên, Chí Công vân vân: “Bệ hạ hoàn hội phủ?” Đế viết: “Bất hội!” Chí Công vân: “Đại sĩ giảng kinh cánh”.

(鈔)究竟，則首尾圓照，無欠無餘。周遍，則凡聖該羅，千足萬足。如是經者，未呼身子，已畢全文。又何待

妙首白槌，雙林撫尺。然後名為說法竟也。是故升堂，入室，大眾無增，鼓寂鐘沉，人天不減。

(演)妙首白槌者，世尊一日升座，文殊白槌云：諦觀法王法，法王法如是。世尊便下座。天童頌云：一段真風見也麼，綿綿化母理機梭，織成古錦含春象，無奈東君漏洩何。雙林撫尺者，梁武帝請傅大士講金剛經，大士上座，撫尺一下，便即下座。帝愕然，誌公問云：陛下還會否？帝曰：不會！誌公云：大士講經竟。

(Sao: “Rót ráo” là đầu đuôi chiếu soi trọn vẹn lẫn nhau, chẳng thiếu, chẳng thừa. “Trọn khắp” là bao trùm phạm thánh, muôn ngàn trọn vẹn. “Kinh như thế”: Chưa gọi ngài Xá Lợi Phất, toàn bộ kinh văn đã nói xong. Há lại còn đợi ngài Diệu Thủ thỉnh chuông, xướng bạch, ngài Song Lâm vỗ xích thì sau đấy mới gọi là “thuyết pháp đã xong”? Do vậy, thẳng đường, nhập thất, đại chúng chẳng tăng, trống lặng, chuông im, trời người chẳng giảm.

Diễn: “Diệu Thủ bạch chùy”: Một ngày nọ, đức Thế Tôn thẳng tòa. Ngài Văn Thù thỉnh chuông, xướng: “Hãy quán kỹ pháp của đấng Pháp Vương, pháp của đấng Pháp Vương như thế đó”. Đức Thế Tôn liền bước xuống khỏi tòa. Ngài Thiên Đồng làm bài kệ tụng rằng: “Một đoạn chân phong có thấy chăng? Đưa thôi khung cửu cửu khăng khăng, chúa xuân tiết lộ, không ai ngộ, xuân sắc in trên bức gấm căng”¹. “Song Lâm vỗ xích”: Lương Vũ Đế thỉnh Phó đại sĩ giảng kinh Kim Cang. Đại sĩ lên tòa, vỗ xích một cái, liền bước xuống. Vua ngạc nhiên, Chí Công hỏi: “Bệ hạ vẫn chưa hiểu ư?” Vua nói: “Không hiểu”. Chí Công bảo: “Đại sĩ đã giảng kinh xong”).

¹ Trong tác phẩm Quỳnh Tuyết Lão Nhân Thiên Kỳ Trục Chú Thiên Đồng Giác Hòa Thượng Tụng Cổ, ngài Thiên Kỳ Bồn Thụy đã chú giải bài kệ này như sau: “Ai nấy đều sẵn có một đoạn chân phong (tức chân tâm bản tánh), đức Thế Tôn đã đích thân chỉ bày, ngài Thiên Đồng bèn hỏi quý vị còn thấy chân phong hay chăng? Đức Thế Tôn đã tỏa ra luồng khí êm dịu như gió Xuân, ngài Văn Thù bèn trở lá đơm hoa. Hai vị lại [cùng nhau phô diễn giáo pháp] như sợi ngang sợi dọc xen lẫn, dệt thành một bức gấm. Đây là nói một vị khởi đầu, một vị kết thúc thì mới được hoàn chỉnh. Ngài Văn Thù bạch chùy, đức Thế Tôn bước xuống pháp tòa. [Chúng sanh] chỉ biết dấu tích của Phật thị hiện, chứ chẳng nhận biết pháp được tiết lộ qua những hình tích ấy, nên nói là tiếc rằng”.

Nhị, mình tắt phụng hành.

(Kinh) Văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.

(Sớ) Hoan hỷ giả, khánh sở văn cố. Tín thọ giả, lãnh sở văn cố. Tác lễ giả, trọng sở văn cố. Khứ giả, văn dĩ tắc thoái, nhi tu trì dã, diệt tiền tam tư lương cập Tam Huệ dã.

(Sao) Khánh sở văn giả, đa kiếp phiêu linh, chánh dĩ vị văn thử pháp, kim tri trì danh vãng sanh, khả vị trầm kha chấm tịch, hốt ngộ thần phương, cứu khách tha hương, sạ văn gia tín, hân hạnh bất thắng, cố vân khánh dã. Lãnh sở văn giả, tín chi bất nghi, thọ chi phát thất, như phụng vương sắc, như tuân phụ mạng, cố vân lãnh dã. Trọng sở văn giả, trung tâm cảm kích, ngũ thể kiêu cần, như mông chí cực chi ân, bái tạ vô dĩ, cố vân trọng dã. Tu trì giả, cổ nhân tấn nhi văn đạo u sư, thoái nhi tu đạo u kỷ, phi như kim nhân nhập nhĩ xuất khẩu dã. Tam tư lương giả, như thượng văn nhi tín tức Tín Tư; tín nhi thọ tức Nguyện Tư; thọ nhi khứ tức Hành Tư dã. Tam Huệ giả, văn tức Văn Huệ; hoan hỷ tín thọ giả tức Tư Huệ; khứ nhi tu trì giả tức Tu Huệ giả.

二、明悉奉行。

(經)聞佛所說，歡喜信受，作禮而去。

(疏)歡喜者，慶所聞故。信受者，領所聞故。作禮者，重所聞故。去者，聞已則退，而修持也，亦前三資糧及三慧也。

(鈔)慶所聞者，多劫飄零，正以未聞此法，今知持名往生，可謂沈疴枕席，忽遇神方，久客他鄉，乍聞家信，欣幸不勝，故云慶也。領所聞者，信之不疑，受之弗失，如奉王敕，如遵父命，故云領也。重所聞者，中心感激，五體翹勤，如蒙至極之恩，拜謝無已，故云重也。修持者，古人進而聞道於師，退而修道於己，非如今人入耳出口也。三資糧者，如上聞而信即信資；信而受即願資；受而去即行資也。三慧者，聞即聞慧；歡喜信受者即思慧；去而修持者即修慧也。

(Kinh: Nghe lời Phật dạy, hoan hỷ, tin nhận, làm lễ rồi đi.

Sớ: “Hoan hỷ” là vui mừng với những điều được nghe. “Tin nhận” là nhận lãnh những điều đã nghe. “Làm lễ”: Tôn trọng những

điều đã nghe. “Rời đi”: Nghe xong bèn lui về tu trì, cũng là ba tư lương và Tam Huệ đã nói trong phần trước.

Sao: “Mừng vui vì những điều đã được nghe”: Nhiều kiếp lênh đênh, chính vì chưa được nghe pháp này, nay biết trì danh vãng sanh, có thể nói là đang mắc bệnh trầm trọng, nằm bẹp trên giường, chột gập toa thuốc thần diệu, lưu lạc đất khách lâu ngày, chột được nghe tin nhà, mừng rỡ khôn cùng. Vì thế nói là “vui mừng”. “Nhận lãnh điều đã nghe”: Tin tưởng chẳng nghi, nhận lấy chẳng để mất, như tuân phụng sắc chỉ của vua, như tuân phụng mạng lệnh của cha, nên nói là “lãnh”.

“Tôn trọng điều được nghe”: Trong tâm cảm kích, năm vóc ân cần thiết tha ngưỡng vọng, như được đội ân tột bậc, lay tạ không ngơi, nên nói là “trọng”. “Tu trì”: Cổ nhân tiến [vào giảng tòa] để nghe đạo nơi thầy, [nghe xong] lui về bèn tự mình tu đạo, chẳng như người hiện thời, nghe lọt vào tai bèn thoát ra đằng miệng. “Ba tư lương”: Như trong phần trên [đã nói], nghe xong tin tưởng là tư lương Tín; tin rồi tiếp nhận chính là tư lương Nguyện; tiếp nhận rồi hành trì tức là tư lương Hạnh vậy. Tam Huệ: Nghe là Văn Huệ; hoan hỷ tin nhận là Tư Huệ; rời đi tu trì là Tu Huệ).

(Sớ) Hựu thử hoan hỷ, diệc cụ thanh tịnh tam nghĩa, như Quán Sớ trung thuyết.

(Sao) Tam nghĩa giả, Quán Kinh Sớ vị: “Nhất, năng thuyết nhân thanh tịnh. Nhị, sở thuyết pháp thanh tịnh. Tam, y pháp đắc quả thanh tịnh. Cụ thử tam nghĩa, cố hoan hỷ”. Kim trì danh vãng sanh, nãi Phật sở thuyết, Phật thị Nhất Thiết Trí nhân, phi tứ nhân đẳng dã, tắc nhân thanh tịnh. Ngộ như thị nhân, ninh bất hoan hỷ? Trì danh vãng sanh, tức chứng tam-muội, thị Viên Đốn giáo, phi quyền pháp dã, tắc pháp thanh tịnh. Văn như thị pháp, ninh bất hoan hỷ? Trì danh vãng sanh, tức bất thoái chuyển, trực chí thành Phật, phi tiểu quả dã, tắc quả thanh tịnh. Chứng như thị quả, ninh bất hoan hỷ?

(疏)又此歡喜，亦具清淨三義，如觀疏中說。

(鈔)三義者，觀經疏謂：一、能說人清淨，二、所說法清淨，三、依法得果清淨。具此三義，故歡喜。今持名往生，乃佛所說，佛是一切智人，非四人等也，則人清淨。遇如是人，寧不歡喜？持名往生，即證三昧，是圓頓教，非權法也，則法清淨。聞如是法，寧不歡喜？持名往

生，即不退轉，直至成佛，非小果也，則果清淨。證如是果，寧不歡喜？

(Sớ: Sự hoan hỷ ấy lại có ba ý nghĩa thanh tịnh, như trong Quán Kinh Sớ đã nói.

Sao: “Ba nghĩa”: Quán Kinh Sớ viết: “Một là người thuyết pháp thanh tịnh. Hai là pháp được thuyết thanh tịnh. Ba là nương vào đó [tu tập] sẽ đắc quả thanh tịnh”. Do có ba nghĩa ấy, nên hoan hỷ. Nay pháp trì danh vãng sanh do đức Phật nói. Đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí, chẳng phải là bốn hạng người [có khả năng thuyết pháp], cho nên Ngài là bậc thanh tịnh. Gặp được người như vậy, há chẳng hoan hỷ ư? “Trì danh vãng sanh bèn chứng tam-muội” chính là giáo pháp Viên Đốn, chẳng phải là quyền pháp, cho nên là pháp thanh tịnh. Nghe pháp như thế, há chẳng hoan hỷ ư? Trì danh vãng sanh tức là bất thoái chuyển, mãi cho đến khi thành Phật, chẳng phải là tiểu quả, tức là quả thanh tịnh. Chứng quả như vậy, há chẳng hoan hỷ ư?)

(Sớ) Hựu thử hoan hỷ, diệc thông thâm thiền, các tùy sở đắc.

(Sao) Thâm thiền giả, như Hoa Nghiêm Sơ Địa, danh Hoan Hỷ Địa. Văn trung cụ nhị thập hoan hỷ. Nhất, đương đắc thập cú, như sở vị niệm chư Phật cố sanh hoan hỷ, niệm chư pháp cố sanh hoan hỷ đẳng. Kim văn thử kinh giả, tự khánh ngã diệc đương lai đắc như A Di Đà Phật, ngã diệc đương lai đắc A Di Đà Phật như thị diệu pháp dã. Nhị, hiện đắc thập cú, sở vị chuyển ly nhất thiết thế gian cảnh giới cố sanh hoan hỷ, thân cận nhất thiết Phật cố sanh hoan hỷ đẳng. Kim văn thử kinh giả, hiện đắc chuyển ly Sa Bà ngũ trước cảnh giới, hiện đắc vãng sanh Tịnh Độ, thân cận Di Đà cập chư Phật dã. Thử hoan hỷ thuộc địa vị trung. Nhị Sơ Hạnh diệc danh Hoan Hỷ, Sơ Trụ văn trung diệc vân hoạch vô biên hoan hỷ đẳng, cố vân thâm thiền. Nhược thiền chi hựu thiền chi, tắc tùy kỳ phân lượng, diệc đắc pháp hỷ chi lạc nhi dĩ.

(Diễn) Niệm chư Phật, niệm chư pháp giả, chư Phật vị cứu cánh lý, tức sở vị: “Bình đẳng Pháp Thân biến nhất thiết xứ” dã. Chư pháp vị cứu cánh trí, tức sở vị: “Viên mãn bí mật tạng, vô lượng diệu pháp môn” dã. Sơ Địa chứng biến mãn Pháp Thân, dữ diệu giác pháp lưu thủy tiếp. Cố năng niệm chư Phật pháp, sanh đại hoan hỷ dã. Chuyển ly nhất thiết cảnh giới, cố sanh hoan hỷ giả, Sơ Địa Bồ Tát chứng tam vô tánh, vĩnh ly nhân chấp, bất trước ngoại cảnh, pháp

chấp phân biệt diệt bất hiện hành. Cổ vân: “Chuyển ly nhất thiết thế gian cảnh giới”. Thân cận nhất thiết Phật cố sanh hoan hỷ giả, Sơ Địa đắc vô phân biệt tâm, dữ chư Phật trí dụng tương ứng, duy y pháp lực tự nhiên tu hành, huân tập Chân Như diệt vô minh cố. Cổ vân: “Cận nhất thiết Phật”. Hựu thử địa Bồ Tát, u nhất niệm khoảnh, năng chỉ thập phương vô dư thế giới, cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân, cổ vân: “Thân cận nhất thiết Phật”. Sơ Hạnh diệt danh Hoan Hỷ giả, thử vị Bồ Tát đa hành Thí Độ, nội ngoại nhất thiết tất giai huê thí. Kiến cầu khát giả, tâm đại hoan hỷ: “Ngã đắc thiện lợi”. Bĩ thọ thí giả, diệt phục hoan hỷ cố. Sơ Trụ diệt vân hoạch vô biên hoan hỷ giả, dĩ Sơ Trụ Bồ Tát, tín tri nhất thiết pháp, từng bốn dĩ lai tự Niết Bàn cố. Hựu thử vị năng bát tướng thành đạo, tự giác, giác tha, cố hoạch vô biên hoan hỷ. Tùy kỳ phân lượng, đắc pháp hỷ giả. Sơ tâm hạ phàm, bất năng nhập Lý trí Hoặc, cập dữ sanh thiện. Văn thế giới tất-đàn, diệt đắc hoan hỷ ích dã.

(疏)又此歡喜，亦通深淺，各隨所得。

(鈔)深淺者，如華嚴初地，名歡喜地。文中具二十歡喜。一、當得十句，如所謂念諸佛故生歡喜，念諸法故生歡喜等。今聞此經者，自慶我亦當來得如阿彌陀佛，我亦當來得阿彌陀佛如是妙法也。二、現得十句，所謂轉離一切世間境界故生歡喜，親近一切佛故生歡喜等。今聞此經者，現得轉離娑婆五濁境界，現得往生淨土，親近彌陀及諸佛也。此歡喜屬地位中。而初行亦名歡喜，初住文中亦云獲無邊歡喜等，故云深淺。若淺之又淺之，則隨其分量，亦得法喜之樂而已。

(演)念諸佛，念諸法者，諸佛謂究竟理，即所謂：平等法身遍一切處也。諸法謂究竟智，即所謂：圓滿祕密藏，無量妙法門也。初地證遍滿法身，與妙覺法流水接。故能念諸佛法，生大歡喜也。轉離一切境界故生歡喜者，初地菩薩證三無性，永離人執，不著外境，法執分別亦不現行。故云：轉離一切世間境界。親近一切佛故生歡喜者，初地得無分別心，與諸佛智用相應，唯依法力自然修

行，熏習真如滅無明故。故云：近一切佛。又此地菩薩，於一念頃，能至十方無餘世界，供養諸佛，請轉法輪，故云：親近一切佛。初行亦名歡喜者，此位菩薩多行施度，內外一切悉皆惠施。見求乞者，心大歡喜：我得善利。彼受施者，亦復歡喜故。初住亦云獲無邊歡喜者，以初住菩薩，信知一切法，從本以來自涅槃故。又此位能八相成道，自覺覺他，故獲無邊歡喜。隨其分量，得法喜者。初心下凡，不能入理治惑，及與生善。聞世界悉檀，亦得歡喜益也。

(Sớ: Lại nữa, hoan hỷ cũng bao gồm mức độ cạn và sâu, tùy theo [căn cơ của] mỗi người mà đạt được.

Sao: “Cạn hay sâu”: Như trong kinh Hoa Nghiêm, Sơ Địa được gọi là Hoan Hỷ Địa; trong phần kinh văn ấy, có nói hai mươi điều hoan hỷ. Một là mười câu “sẽ được”, như là: “Vì niệm chư Phật nên sanh hoan hỷ, vì niệm chư pháp nên sanh hoan hỷ”. Nay người nghe kinh này, cũng tự mừng rỡ “trong tương lai ta cũng sẽ được như A Di Đà Phật, trong tương lai ta cũng đắc diệu pháp như A Di Đà Phật”. Hai là mười câu “đắc trong hiện tại”, nghĩa là: Do chuyển biến, lìa khỏi hết thấy cảnh giới thế gian, nên sanh hoan hỷ, do thân cận hết thấy chư Phật nên sanh hoan hỷ v.v... Nay người nghe kinh này, nay đã chuyển biến, lìa khỏi cảnh giới Ngũ Trược chốn Sa Bà, ngay trong hiện tại, được vãng sanh Tịnh Độ, thân cận Di Đà và chư Phật. Đây là sự hoan hỷ thuộc trong địa vị này (Sơ Địa).

“Nhưng Sơ Hạnh cũng gọi là Hoan Hỷ”: Trong phần kinh văn giảng về địa vị Sơ Trụ, cũng nói “đạt được vô biên hoan hỷ” v.v... Vì thế nói là “cạn hay sâu”. Nếu xét theo mức độ đã nông cạn lại càng nông cạn hơn nữa, thì tùy theo trình độ mà cũng đắc niềm vui pháp hỷ đó thôi!

Diễn: “Niệm chư Phật, niệm chư pháp”: “Chư Phật” là nói tới Lý rốt ráo, tức là như thường nói “Pháp Thân bình đẳng trọn khắp hết thấy mọi nơi”. “Chư pháp” là nói tới Trí rốt ráo, tức là như thường nói “viên mãn bí mật tạng”, tức vô lượng pháp môn màu nhiệm. Sơ Địa chứng Pháp Thân trọn khắp, tiếp xúc dòng nước pháp diệu giác. Vì thế, có thể niệm pháp của chư Phật, bèn sanh ra niềm hoan hỷ to lớn.

“Chuyển biến, lìa khỏi hết thấy cảnh giới, nên sanh hoan hỷ”: Sơ

Địa Bồ Tát chứng ba vô tánh, vĩnh viễn lìa khỏi nhân chấp (ngã chấp), chẳng chấp trước ngoại cảnh. Pháp Chấp phân biệt cũng chẳng hiện hành. Vì thế nói là “chuyển biến, lìa khỏi hết thấy cảnh giới thế gian”.

“Thân cận hết thấy chư Phật nên sanh hoan hỷ”: Sơ Địa đặc tâm vô phân biệt, tương ứng với Trí và Dụng của chư Phật, chỉ nương theo pháp lực mà tự nhiên tu hành, huân tập Chân Như, diệt vô minh. Vì thế nói là “thân cận hết thấy Phật”. Lại nữa, Bồ Tát thuộc địa vị này, trong khoảng một niệm, có thể đến các thế giới trong mười phương chẳng sót cõi nào để cúng dường chư Phật, thỉnh chuyển pháp luân. Vì thế nói là “thân cận hết thấy chư Phật”.

Sơ Hạnh cũng gọi là Hoan Hỷ, Bồ Tát thuộc địa vị này phần nhiều hành Bồ Thi Ba La Mật, hết thấy trong ngoài đều có thể bố thí. Thấy người đến cầu xin, tâm hết sức hoan hỷ: “Ta được điều lợi tốt lành”. Người được bố thí cũng hoan hỷ.

“Sơ Trụ cũng nói là đạt được vô biên hoan hỷ”: Do Sơ Trụ Bồ Tát tin biết hết thấy các pháp vốn sẵn là Niết Bàn của chính mình. Địa vị này lại có thể thị hiện tám tướng thành đạo, tự giác, giác tha, cho nên đạt được vô biên hoan hỷ.

“Tùy theo trình độ mà đặc pháp hỷ”: Sơ tâm, phàm phu hạ căn, chẳng thể nhập Lý để đối trị phiền não, thì cũng được lợi ích sanh thiện, do nghe [pháp môn này] bèn đối với Thế Giới tất-đàn cũng đạt được lợi ích hoan hỷ).

(Sớ) Hựu kết quy tín thọ giả, tùng thỉ chí chung, Tín vi căn bản cố.

(Sao) Thỉ chung giả, thủ tiêu “như thị”, nãi tín thuận chí từ, kim phục mạt ngôn “tín thọ”, tắc tri nhân Tín sanh Nguyên, nhân Nguyên khởi Hạnh. Tùng sơ phát tâm, thứ đặc vãng sanh, cứu cánh thành Phật, giai tư tín lực, cố vân “thỉ chung Tín vi căn bản”.

(疏)又結歸信受者，從始至終，信為根本故。

(鈔)始終者，首標如是，乃信順之辭，今復末言信受，則知因信生願，因願起行。從初發心，次得往生，究竟成佛，皆資信力，故云始終信為根本。

(Sớ:) Lại nữa, quy kết vào Tín Thọ vì từ đầu đến cuối, Tín là căn bản.

Sao: “Từ đầu tới cuối”: Khởi đầu đã nêu ra “như thị” (như thế), chính là lời lẽ tín thuận, nay đến phần cuối lại nói đến “tín thọ”, bèn

biết là do Tín mà sanh Nguyên, do Nguyên mà khởi Hạnh. Từ sơ phát tâm, kể đến là được vãng sanh, rốt ráo thành Phật, đều cày vào tín lực. Vì thế nói “từ đầu đến cuối, Tín là căn bản”).

(Sớ) Đại Bản kết kinh, bị trần chúng sanh hoạch ích, long thiên giáng tường, kim bất ngôn giả, văn tỉnh dã.

(Sao) Đại Bản vân: “Phật thuyết thử kinh dĩ, vô lượng chúng sanh, phát Vô Thượng Chánh Giác tâm. Vạn nhị thiên na-do-tha nhân, đắc Pháp Nhân Tịnh. Nhị thập nhị ức chư thiên, nhân dân, đắc A Na Hàm quả. Bát thập vạn tỷ-kheo, lậu tận ý giải. Tứ thập ức Bồ Tát, đắc Bất Thoái Chuyển. Tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động. Đại quang phổ chiếu thập phương quốc độ, bách thiên âm nhạc tự nhiên nhi tác. Vô lượng diệu hoa, phân phân nhi giáng”. Nãi chí “A Ca Nị Trá Thiên, giai tác chủng chủng vi diệu cúng dường”.

(Diễn) Phát Vô Thượng Chánh Giác tâm, thị Viên Sơ Tín dã. Đắc Pháp Nhân tịnh, thị Viên Sơ Trụ, ngoại viên kiến trần, nội ly cấu nhiễm, tắc Pháp Nhân viên minh, tuyệt chư hà ế hỷ. A Na Hàm thị Tạng đệ tam quả, ước Viên thị Đệ Lục Tín, lậu tận ý giải thị Tạng đệ tứ quả, ước Viên thị Đệ Thất Tín. Đắc Bất Thoái Chuyển giả, Bất Thoái hữu tam: Phá Kiến Tư danh Vị Bất Thoái, phá Trần Sa danh Hạnh Bất Thoái, phá vô minh danh Niệm Bất Thoái. Kim tứ thập ức Bồ Tát sở đắc, diệc các tùy kỳ phân lượng dã. Lục chủng chấn động giả, động, khởi, dừng, chân, hồng, kích dã. Tam chủng thị hình, tam chủng thị thanh. Ư hình, thanh, trung, các cử kỳ nhất, cổ ngôn chấn động dã. Dao bá bất an chi vị Động. Tự hạ thăng cao chi vị Khởi. Hốt nhiên đằng cử chi vị Dừng. Ẩn ẩn xuất thanh chi vị Chấn. Hùng thanh mãnh liệt chi vị Hồng. Phan khởi phát hưởng chi vị Kích. Cộng hữu thập bát tướng, nhất phương động vị chi Động. Tứ phương tề động danh Biến Động. Bát phương tề động viết Phổ Biến Động, dư ngũ diệc nhiên. Hựu trực động vi Động, tứ thiên hạ động vi Biến Động, đại thiên giới động vi Đẳng Biến Động, hạ ngũ diệc nhiên.

(疏)大本結經，備陳眾生獲益，龍天降祥，今不言者，文省也。

(鈔)大本云：佛說此經已，無量眾生，發無上正覺心。萬二千那由他人，得法眼淨。二十二億諸天人民，得阿那含果。八十萬比丘，漏盡意解。四十億菩薩，得不退

轉。三千大千世界六種震動。大光普照十方國土，百千音樂自然而作。無量妙華，芬芬而降。乃至阿迦膩吒天，皆作種種微妙供養。

(演)發無上正覺心，是圓初信也。得法眼淨，是圓初住，外遠見塵，內離垢染，則法眼圓明，絕諸瑕翳矣。阿那含是藏第三果，約圓是第六信，漏盡意解是藏第四果，約圓是第七信。得不退轉者，不退有三：破見思名位不退，破塵沙名行不退，破無明名念不退。今四十億菩薩所得，亦各隨其分量也。六種震動者，動，起，涌，震，吼，擊也。三種是形，三種是聲。於形聲中各舉其一，故言震動也。搖搖不安之謂動。自下升高之謂起。忽然騰舉之謂涌。隱隱出聲之謂震。雄聲猛烈之謂吼。砰磕發響之謂擊。共有十八相，一方動謂之動。四方齊動名遍動。八方齊動曰普遍動，餘五亦然。又直動為動，四天下動為遍動，大千界動為等遍動，下五亦然。

(Sớ: Kinh Đại Bản khi kết thúc, nói tỉ mỉ chúng sanh đạt được lợi ích [như thế nào], trời, rồng giáng hiện điềm lành, nay [kinh Di Đà] chẳng nói là do kinh văn tinh lược vậy.

Sao: Kinh Đại Bản nói: “Đức Phật nói kinh này xong, vô lượng chúng sanh phát tâm Vô Thượng Chánh Giác. Một vạn hai ngàn na-do-tha người đắc Pháp Nhân Tịnh. Hai mươi hai ức chư thiên, nhân dân, đắc quả A Na Hàm. Tám mươi vạn tỳ-kheo lậu tận ý giải. Bốn mươi ức Bồ Tát đắc Bất Thoái Chuyển. Tam thiên đại thiên thế giới sáu thứ chấn động. Quang minh to lớn chiếu khắp mười phương cõi nước, trăm ngàn loại âm nhạc tự nhiên tấu lên. Vô lượng hoa mầu nhiệm, phát phối rơi xuống”. Cho đến “tận trời Sắc Cứu Cánh đều biến ra các thứ cúng dường vi diệu”.

Diễn: Phát Vô Thượng Chánh Giác tâm là Sơ Tín trong Viên Giáo. Đắc Pháp Nhân Tịnh là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Ngoài là thấy trần ở nơi xa, trong là lìa cấu nhiễm, tức là pháp nhân viên minh, dứt sạch các tỳ vết, màng mọng. A Na Hàm là quả thứ ba của Tạng Giáo, xét theo Viên Giáo, sẽ là Độ Lục Tín. Lậu tận ý là quả thứ tư trong Tạng Giáo, xét theo Viên Giáo, sẽ là Độ Thất Tín.

“**Đắc Bất Thoái Chuyển**”: Bất Thoái có ba loại: Phá Kiến Tư thì gọi là **Vị Bất Thoái**, phá Trần Sa thì gọi là **Hạnh Bất Thoái**, phá vô minh gọi là **Niệm Bất Thoái**. Nay bốn mươi ức Bồ Tát đắc Bất Thoái thì cũng là tùy theo trình độ của mỗi vị vậy.

“**Sáu thứ chân động**” là động, khởi, dừng, chấn, hống, kích. Ba loại [đầu] nói về hình tướng, ba loại [sau] nói về âm thanh. Do trong hình tướng và âm thanh, mỗi thứ nêu ra một loại, nên nói là “chân động”. Rung lắc chẳng yên là Động. Từ dưới dâng lên cao là Khởi. Đột nhiên vọt lên cao là Dừng. Vang ra âm thanh ngậm dưới đất là Chấn. Âm thanh vang dội, mãnh liệt là Hống. Phát ra tiếng vang nứt vỡ, răng rắc là Kích.

Có tất cả mười tám tướng: Một phương động gọi là Động. Bốn phương cùng động gọi là **Biến Động**. Tám phương cùng động gọi là **Phổ Biến Động**. Năm thứ kia cũng như vậy. Lại động ở ngay một chỗ thì là Động, tứ thiên hạ đều động là **Biến Động**, đại thiên thế giới cùng động thì gọi là **Đẳng Biến Động**, năm loại sau cũng vậy).

(Sao) **Hựu vân**: “**Nhị thập ngũ ức chúng sanh, đắc Bất Thoái Nhân. Tứ vạn ức na-do-tha chúng sanh, ư Vô Thượng Bồ Đề, vị tăng phát ý, kim thử sơ phát, chủng chư thiện căn, nguyện sanh Cực Lạc thế giới, giai đương vãng sanh, các ư dị phương, thứ đệ thành Phật, đồng danh Diệu Âm. Bát vạn ức na-do-tha chúng sanh, đắc thọ ký Pháp Nhân**”.

(Diễn) **Bất Thoái Nhân**, tức **Nhu Thuận Nhân** dã, vị tại **Viên Thập Tín**. Thử ước **Tịnh Độ tam pháp nhân thuyết**. Nhược ước giáo đạo thuyết, **Thông Giáo tam pháp nhân**, thử **Bất Thoái Nhân**, diệc tức thị **Nhu Thuận Nhân**. Dĩ thử nhân thuộc tánh địa, tánh địa phương đắc **Bất Thoái cố**. **Biệt Giáo ngũ nhân**, tắc thử **Bất Thoái Nhân**, tức thị **Tín Nhân**. Dĩ **Tín Nhân** thuộc **Thập Trụ**, **Thập Trụ** dĩ đắc **Bất Thoái cố**. **Viên Giáo tứ nhân**, thử **Bất Thoái Nhân** diệc tức thị **Thuận Nhân**, nhi **Viên Thất Tín chánh** thuộc **Bất Thoái cố**. **Vị tăng phát ý, kim thử sơ phát, diệc tức thị Viên Sơ Tín, hoặc thị Viên Sơ Trụ**. Dĩ hạ văn hữu thứ đệ thành Phật, đồng danh **Diệu Âm cố**. **Đắc thọ ký Pháp Nhân**, thị **Viên Sơ Trụ**, đắc **Vô Sanh Pháp Nhân quang minh cố, hoặc thị Bát Địa, thị danh chân Vô Sanh Pháp Nhân cố**.

(鈔)又云：二十五億眾生，得不退忍。四萬億那由他眾生，於無上菩提，未曾發意，今始初發，種諸善根，願

生極樂世界，皆當往生，各於異方，次第成佛，同名妙音。八萬億那由他眾生，得授記法忍。

(演)不退忍，即柔順忍也，位在圓十信。此約淨土三法忍說。若約教道說，通教三法忍，此不退忍，亦即是柔順忍。以此忍屬性地，性地方得不退故。別教五忍，則此不退忍，即是信忍。以信忍屬十住，十住已得不退故。圓教四忍，此不退忍亦即是順忍，而圓七信正屬不退故。未曾發意，今始初發，亦即是圓初信，或是圓初住。以下文有次第成佛，同名妙音故。得授記法忍，是圓初住，得無生法忍光明故，或是八地，是名真無生法忍故。

(Sao: Lại nói: “Hai mươi lăm ức chúng sanh đắc Bất Thoái Nhẫn. Bốn vạn ức na-do-tha chúng sanh chưa từng phát ý nơi Vô Thượng Bồ Đề, nay mới bắt đầu phát, gieo các thiện căn, nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ đều vãng sanh. Mỗi người sẽ ở các phương khác, lần lượt thành Phật, cùng có tên là Diệu Âm. Tám vạn ức na-do-tha chúng sanh, đắc thọ ký Pháp Nhẫn”).

Diễn: Bất Thoái Nhẫn tức là Nhu Thuận Nhẫn, thuộc địa vị Thập Tín trong Viên Giáo. Đây là nói theo ba pháp nhẫn trong Tịnh Độ. Nếu nói theo Giáo Hạ, xét theo ba pháp nhẫn của Thông Giáo, Bất Thoái Nhẫn ở đây cũng chính là Nhu Thuận Nhẫn, vì loại Nhẫn này thuộc về Tánh địa. Đạt đến Tánh địa thì mới đắc Bất Thoái. Xét theo năm pháp nhẫn của Biệt Giáo thì pháp Bất Thoái Nhẫn này chính là Tín Nhẫn, do Tín Nhẫn thuộc về Thập Trụ, vì Thập Trụ đã đắc Bất Thoái. Xét theo bốn pháp Nhẫn của Viên Giáo, pháp Bất Thoái Nhẫn này cũng chính là Thuận Nhẫn. Thất Tín của Viên Giáo đã thuộc về địa vị Bất Thoái.

“Chưa từng phát ý, nay mới bắt đầu phát” cũng chính là Sơ Tín của Viên Giáo, hoặc là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Bởi lẽ, phần kinh văn sau đó có nói họ sẽ lần lượt thành Phật, cùng có danh hiệu là Diệu Âm. “Đắc thọ ký Pháp Nhẫn” là Sơ Trụ trong Viên Giáo, đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn quang minh, hoặc là Bát Địa bèn gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn thật sự).

(Sớ) **Hựu Đại Bản Chúc Lụy** trì kinh công đức, kim trì thử kinh, diệc đương như thị.

(Diễn) **Chúc lụy** giả, vị tương thử pháp môn, chúc ư nhữ, lụy

nhữ tuyên truyền dã. Cổ đức vân: “Nhĩ nhược bất thị thử đẳng nhân, tự nhiên bất lai ương cập nhĩ chí ý”. Hựu chúc giả, thị Như Lai kim khẩu phó chúc, linh bỉ lưu thông. Lụy giả, kim Bồ Tát huyền hệ ư tâm, vĩnh vô vong thất dã.

(疏)又大本囑累持經功德，今持此經，亦當如是。

(演)囑累者，謂將此法門，囑於汝，累汝宣傳也。古德云：你若不是此等人，自然不來及你之意。又囑者，是如來金口付囑，令彼流通。累者，今菩薩懸係於心，永無忘失也。

(Sớ: Lại nữa, trong phần Chúc Lụy của kinh Đại Bốn có nói công đức trì kinh, nay trì kinh này cũng sẽ có [công đức giống hệt] như thế.

Diễn: Chúc Lụy nghĩa là đem pháp môn này dẫn dò các ông, làm phiền các ông hãy tuyên truyền. Cổ đức nói: “Nếu ông chẳng phải là hạng người như vậy, tự nhiên chẳng có ý nghĩ làm phiền đến ông”. Lại nữa, Chúc là miệng vàng của đức Như Lai căn dặn, khiến cho pháp ấy được lưu thông. “Lụy” là nay Bồ Tát canh cánh bên lòng, vĩnh viễn chẳng để quên mất).

(Sao) Đại Bốn Phật cáo Di Lặc: “Kim thử pháp môn, phó chúc ư nhữ, ư đại chúng trung, vị tha khai thị, đương linh thư, tả, chấp trì, ư thử kinh trung, sanh đạo sư tướng”. Hựu vân: “Vô lượng ức chư Bồ Tát, giai tất cầu thử vi diệu pháp môn. Vật vi Phật giáo, nhi khí xả chi. Đương linh nhữ đẳng, luân một trường dạ, bị chúng nguy khổ. Thị cố, ngã kim vị đại chúc lụy”. Kim kinh bất ngôn, giai văn tỉnh cố.

(Diễn) Vị tha khai thị, đương linh thư, tả, chấp trì giả, Pháp Hoa khai ngũ chủng pháp sư: Nhất, thọ trì; tín lực viết Thọ, niệm lực viết Trì, tức kim chấp trì thị dã. Nhị, đọc. Tam, tụng; đối văn viết Đọc, bất vong viết Tụng. Thử nhị diệc nhiếp tại kim chấp trì trung. Tứ, giải thuyết; tuyên truyền viết Giải Thuyết, tức kim vị tha khai thị, thị dã. Ngũ, thư tả; tức kim thư tả thị dã.

(鈔)大本佛告彌勒：今此法門，付囑於汝，於大眾中，為他開示，當令書寫執持，於此經中，生導師想。又云：無量億諸菩薩，皆悉求此微妙法門。勿違佛教，而棄捨之。當令汝等，淪沒長夜，備眾危苦。是故，我今為大囑累。今經不言，皆文省故。

(演)為他開示，當令書寫執持者，法華開五種法師。一、受持；信力曰受，念力曰持，即今執持是也。二、讀。三、誦；對文曰讀，不忘曰誦。此二亦攝在今執持中。四、解說；宣傳曰解說，即今為他開示，是也。五、書寫；即今書寫是也。

(Sao: Trong kinh Đại Bản, đức Phật bảo Di Lặc: “Nay pháp môn này giao phó cho ông. Ông hãy ở trong đại chúng khai thị cho họ, khiến cho họ viết, chép, chấp trì, đối với kinh này coi như là đạo sư”. Lại nói: “Vô lượng ức chư Bồ Tát thấy đều cầu pháp môn vi diệu này. Chớ trái lời Phật dạy mà vứt bỏ, sẽ khiến cho các ông chìm đắm trong đêm dài, chịu đủ mọi nỗi nguy hiểm, khổ sở. Do vậy, nay ta phó chúc tha thiết”. Kinh này chẳng nói [những điều ấy] đều là do kinh văn tinh lược.

Diễn: “Vì họ khai thị, khiến cho họ viết, chép, chấp trì”, kinh Pháp Hoa đề ra năm loại pháp sư: Một là Thọ Trì, Tín Lực là Thọ, Niệm Lực là Trì, chính là “chấp trì” trong đoạn kinh văn này. Hai là Độc. Ba là tụng. Đối trước kinh văn [đọc ra tiếng] là Độc, [không cần kinh văn, mà có thể đọc lâu lâu] chẳng quên là tụng. Hai loại này cũng thuộc về “chấp trì” nói trong phần kinh văn này. Bốn là Giải Thuyết, tuyên truyền là Giải Thuyết, tức là “khai thị” trong phần kinh văn trên đây. Năm là “biên chép”, tức là “biên chép” trong phần kinh văn này).

(Sớ) **Hựu Đại Bản cập Pháp Diệt kinh, giai ngôn pháp diệt chi nhật, độc lưu thử kinh. Cố tri thử kinh, tổng trì Mật Pháp, như Hoa Nghiêm Luận trung thuyết.**

(Sao) **Đại Bản vân:** “Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngũ dĩ từ bi, đặc lưu thử kinh bách tuế, chúng sanh đắc ngộ, vô bất đắc độ. Nhược hữu chúng sanh, u thử kinh điển, thư tả, cúng dường, thọ trì, độc tụng, vị nhân diễn thuyết, lâm mạng chung thời, Phật dữ thánh chúng, hiện kỳ nhân tiền, kinh tu du gian, tức sanh bỉ sát”. **Pháp Diệt Kinh vân:** “Nhĩ thời, Thủ Lăng Nghiêm kinh tiên diệt, dĩ thứ chư kinh, tất giai diệt tận, độc lưu Vô Lượng Thọ kinh, độ chư chúng sanh”. **Hoa Nghiêm Luận vân:** “Chánh pháp diệt thời, dĩ tổng trì trì dư tôn pháp, vi giáo lý lưu chuyển chi nhân”. Kim vị chư kinh tất diệt, thử kinh độc tồn, niệm Phật nhất môn, quảng độ quần phẩm, tắc chư kinh dĩ diệt nhi bất diệt, tức thị dĩ nhất tồn dư, lưu chuyển vô tận, chánh Tổng Trì chi vị dã. Nhất thiết chúng sanh, ưng đương tôn

trọng, cung kính, tín thọ, phụng hành, kinh sở tại xứ, như Phật kiến tại. Văn: “Độc lưu thử kinh, thử kinh cái chỉ Đại Bản?” Đáp: Tiền bất văn hồ? Văn hữu phồn giản, nghĩa vô thắng liệt, tường ngôn chỉ tắc Đại Bản, lược ngôn chỉ tắc kim kinh nhĩ, phi hữu nhị dã.

(Diễn) Dĩ tổng trì trì dư tôn pháp, vì giáo lý lưu chuyển chỉ nhân giả, thử đồng Dịch quái chỉ Càn nguyên nghĩa dã. Cái thể gian xuất thể gian, sơ vô nhị lý. Thể gian pháp, tắc thử tự Càn nguyên tư thử, Trình đức thâm tàng, vì tương lai phát dục chỉ cơ. Xuất thể gian pháp, tắc thử tự Hoa Nghiêm sơ đàm, chung chỉ Di Đà hậu diệt, vì hậu kiếp lưu truyền chỉ bốn. Phi Càn trình, tắc thể gian chỉ sanh cơ tận diệt. Phi Di Đà, tắc xuất thể chỉ huệ mạng giai tàn. Tắc thử kinh, thử lý, vì chư Phật tương truyền huệ mạng, vì chúng sanh xuất thể chỉ bốn nguyên, kỳ quan hệ khởi tiểu nhân duyên da?

(疏)又大本及法滅經，皆言法滅之日，獨留此經。故知此經，總持末法，如華嚴論中說。

(鈔)大本云：當來之世，經道滅盡，我以慈悲，特留此經百歲，眾生得遇，無不得度。若有眾生，於此經典，書寫供養，受持讀誦，為人演說，臨命終時，佛與聖眾，現其人前，經須臾間，即生彼剎。法滅經云：爾時，首楞嚴經先滅，以次諸經，悉皆滅盡，獨留無量壽經，度諸眾生。華嚴論云：正法滅時，以總持持餘尊法，為教理流轉之因。今謂諸經悉滅，此經獨存，念佛一門，廣度群品，則諸經已滅而不滅，即是以一存餘，流轉無盡，正總持之謂也。一切眾生，應當尊重，恭敬，信受，奉行，經所在處，如佛見在。問：獨留此經，此經蓋指大本？答：前不云乎？文有繁簡，義無勝劣，詳言之則大本，略言之則今經耳，非有二也。

(演)以總持持餘尊法，為教理流轉之因者，此同易卦之乾元義也。蓋世間出世間，初無二理。世間法，則始自乾元資始，貞德收藏，為將來發育之機。出世間法，則始自華嚴初談，終至彌陀後滅，為後劫流傳之本。非乾貞，則世間之生機盡滅。非彌陀，則出世之慧命皆殘。則此經

此理，為諸佛相傳慧命，為眾生出世之本源，其關係豈小因緣耶？

(Sớ: Lại nữa, Đại Bản và kinh Pháp Diệt Tận đều nói “khi pháp diệt, riêng lưu lại kinh này”. Vì thế biết kinh này tổng trì Mạt Pháp như trong Hoa Nghiêm Luận đã nói.

Sao: Kinh Đại Bản nói: “Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta do từ bi, đặc biệt lưu lại kinh này một trăm năm, chúng sanh được gặp gỡ, không ai chẳng đắc độ. Nếu có chúng sanh, đối với kinh điển này, biên chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói, khi lâm chung, Phật và thánh chúng hiện trước người ấy, trong khoảnh khắc, liền sanh sang cõi kia”. Kinh Pháp Diệt Tận nói: “Khi ấy, kinh Thủ Lăng Nghiêm diệt trước hết, sau đó đến các kinh khác thấy đều diệt hết, riêng lưu lại kinh Vô Lượng Thọ để độ các chúng sanh”. Hoa Nghiêm Luận nói: “Khi chánh pháp diệt, do nhờ sức tổng trì [của kinh này] mà duy trì các pháp tôn quý khác, tạo thành cái nhân khiến cho giáo lý lưu chuyển”.

Nay nói “các kinh đều diệt, riêng kinh này hãy còn”; pháp môn Niệm Phật rộng độ các phẩm, cho nên các kinh đã diệt mà chẳng diệt, tức là do còn sót lại một kinh lưu chuyển vô tận, nên gọi đó là Tổng Trì vậy. Hết thấy chúng sanh, hãy nên tôn trọng, cung kính, tin nhận, phụng hành. Kinh ở chỗ nào, [chỗ đó] như có Phật hiện diện. Hỏi: “Riêng lưu lại kinh này, ‘kinh này’ là nói tới Đại Bản ư?” Đáp: Chẳng phải là trong những phần trước đã nói rồi đó sao? Kinh vẫn có rườm rà hay đơn giản, nhưng ý nghĩa chẳng hơn kém. Nói tường tận thì là Đại Bản, nói đại lược thì là kinh này, [ý nghĩa trong hai kinh] chẳng hề sai khác.

Diễn: “Do nhờ sức tổng trì [của kinh này] mà duy trì các pháp tôn quý khác, tạo thành cái nhân khiến cho giáo lý lưu chuyển”: Điều này giống như ý nghĩa Nguyên của quả Càn trong kinh Dịch. Ấy là vì pháp thế gian và xuất thế gian, thoát đầu chẳng phải là hai lý. Pháp thế gian thì khởi đầu từ [đức tánh] Nguyên của Càn giúp sức phát khởi, đức Trinh [có tánh chất] thâm tàng, tạo thành động lực sanh trưởng trong tương lai. Pháp xuất thế gian thì bắt nguồn từ kinh Hoa Nghiêm được nói đầu tiên, đến cuối là kinh Di Đà diệt sau cùng, đó là cái gốc để lưu truyền cho đời sau. Chẳng do đức Trinh của quả Càn thì động lực sanh thành trong thế gian bị tận diệt. Chẳng do Phật Di Đà thì huệ mạng xuất thế đều mất. Vì thế, kinh này, lý này chính là huệ mạng được chư Phật truyền thừa, là cội nguồn để chúng sanh xuất thế. Mối quan hệ ấy há có

phải là nhân duyên nhỏ nhất ư?)

(Sớ) *Xưng Lý, tác tự tánh vô não, thị hoan hỷ tín thọ nghĩa. Tự tánh vô trụ, thị tác lễ nhi khứ nghĩa.*

(Diễn) *Tự tánh vô não, thị hoan hỷ tín thọ giả, nhược vân: “Văn pháp nhi hỷ, lãnh pháp nhi thọ”, thị vi ngoại tùy cảnh giới sở thiên, phi chân hoan hỷ tín thọ dã. Tự tánh cụ hữu quá Hằng sa đẳng phiên não chi nghĩa, thị chân hoan hỷ tín thọ dã. Tự tánh vô trụ, thị tác lễ nhi khứ nghĩa giả, nhược vân: “Kiềm cần nhi lễ, thoải tịch nhi khứ”, thị vi vọng duyên phong lực nhi chuyển, phi chân tác lễ nhi khứ dã. Tự tánh vô trụ, liễu vô căn bản, thị chân tác lễ nhi khứ dã.*

(疏)稱理，則自性無惱，是歡喜信受義。自性無住，是作禮而去義。

(演)自性無惱，是歡喜信受者，若云：聞法而喜，領法而受，是為外隨境界所遷，非真歡喜信受也。自性具有過恒沙等煩惱之義，是真歡喜信受也。自性無住，是作禮而去義者，若云：翹勤而禮，退席而去，是為妄緣風力而轉，非真作禮而去也。自性無住，了無根本，是真作禮而去也。

(Sớ) *Xưng Lý thì tự tánh chẳng có phiên não là ý nghĩa “hoan hỷ tin nhận”. Tự tánh chẳng trụ là ý nghĩa “làm lễ rồi đi”.*

Diễn: “Tự tánh chẳng có phiên não là ý nghĩa hoan hỷ, tin nhận”: Nếu bảo “nghe pháp vui mừng [là Hỷ], lãnh nhận là Thọ”, tức là bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, chẳng phải là hoan hỷ tín thọ thật sự. Tự tánh có ý nghĩa trọn đủ các phiên não nhiều hơn số cát trong sông Hằng, đó là hồi hướng tin nhận thật sự. “Tự tánh chẳng trụ là ý nghĩa làm lễ, rồi đi”: Nếu bảo “kính cần, trân trọng là Lễ, rời khỏi chỗ ngồi là Khứ”, đó là bị xoay chuyển bởi sức gió vọng duyên, chẳng phải là “làm lễ, rồi đi” thật sự. Tự tánh vô trụ, trọn chẳng có căn bản chính là “làm lễ, rồi đi” thật sự).

(Sao) *Phiền não bốn tịch, hoan hỷ diệt không, tác khổ độ thù phi lạc độ? Lai thật vô lai, khứ diệt hà khứ, tác vãng sanh tất cánh vô sanh. Dĩ thử vô sanh, sanh bỉ quốc độ, phi sanh bỉ độ, thật sanh hồ tự tâm dã. Nhiên hậu, vô vấn tự thuyết, Thế Tôn miễn phó không đàm,*

độc nhiệm đương cơ, Thân Tử bất cô trọng thác, thị chân hoan hỷ, thị chân tín thọ, thị danh chân pháp tác lễ Như Lai. Nhược kỳ ngoại Cực Lạc cửu liên chi độ, biệt thuyết duy tâm, xả Di Đà vạn đức chi danh, lánh cầu tự tánh, khả vị đương độ nhi vấn tâm, đối đẳng nhi mệnh hỏa giả hỷ.

(Diễn) Phiền não bốn tịch giả, thượng vân “vô não thị hỷ nghĩa”, thượng hữu hỷ tại. Hỷ phi lạc độ dã. Kim tắc phiền não bốn tịch, hoan hỷ diệc không, tắc khổ độ thù phi lạc độ? Thượng vân vô trụ thị khứ nghĩa, thượng hữu khứ tại, khứ phi vãng sanh dã. Kim tắc lai thật vô lai, khứ diệc hà khứ, tắc vãng sanh tất cánh vô sanh. Dĩ hữu sanh, sanh bỉ độ giả, thị sanh bỉ độ, phi sanh tự tâm dã. Dĩ vô sanh, sanh bỉ độ giả, phi sanh bỉ độ, thật sanh tự tâm dã. Nhiên hậu, vô vấn tự thuyết, Thế Tôn miễn phó không đàm. Thử thượng bất phụ hoàng pháp chi chủ. Độc nhiệm đương cơ, Thân Tử bất cô trọng thác. Thử hạ bất phụ thọ chúc chi nhân. Tuy nhiên, Lý phi Sự ngoại, Tánh tức Tướng biên. Nhược kỳ ngoại Cực Lạc cửu liên chi độ, biệt thuyết duy tâm, xả Di Đà vạn đức chi danh, biệt cầu tự tánh, thị đương độ vấn tâm, đối đẳng mệnh hỏa hỷ. Cổ viết: “Bất thức bỉ quan tâm, cách giang do vấn thiệp, tảo tri đẳng thị hỏa, phạn thực dĩ đa thời”.

(鈔) 煩惱本寂，歡喜亦空，則苦土誰非樂土？來實無來，去亦何去，則往生畢竟無生。以此無生，生彼國土，非生彼土，實生乎自心也。然後，無問自說，世尊免付空談，獨任當機，身子不孤重託，是真歡喜，是眞信受，是名眞法作禮如來。若其外極樂九蓮之土，別說唯心，捨彌陀萬德之名，另求自性，可謂當渡而問津，對燈而覓火者矣。

(演) 煩惱本寂者，上云無惱是喜義，尚有喜在。喜非樂土也。今則煩惱本寂，歡喜亦空，則苦土誰非樂土？上云無住是去義，尚有去在，去非往生也。今則來實無來，去亦何去，則往生畢竟無生。以有生，生彼土者，是生彼土，非生自心也。以無生，生彼土者，非生彼土，實生自心也。然後，無問自說，世尊免付空談。此上不負弘法之主。獨任當機，身子不孤重託。此下不負受矚之人。雖

然，理非事外，性即相邊。若其外極樂九蓮之土，別說唯心，捨彌陀萬德之名，別求自性，是當渡問津，對燈覓火矣。故曰：不識彼關津，隔江猶問涉，早知燈是火，飯熟已多時。

(Sao: Phiên nào vốn vắng lặng, hoan hỷ cũng rộng không, có cõi khổ nào chẳng phải là cõi lạc? Đi thì thật sự chẳng đi, đến thì cũng chẳng đến nơi đâu, nên vắng sanh mà rốt cuộc vô sanh. “Dùng vô sanh này để sanh vào cõi nước kia”: Chẳng sanh vào cõi kia, mà thật ra là sanh trong tự tâm. Sau đấy, chẳng hỏi mà tự nói, đức Thế Tôn chẳng đến nổi [gặp cảnh] giao phó, bàn luận suông. Một mình gánh lấy trách nhiệm làm bậc đương cơ, ngài Xá Lợi Phất chẳng cô phụ trọng trách được giao phó. Đó là chân hoan hỷ, chân tín thọ, chân pháp lễ kính Như Lai. Nếu ở ngoài cõi Cực Lạc chín phẩm sen mà riêng nói duy tâm, bỏ danh hiệu Di Đà vạn đức để cầu tự tánh nào khác, có thể nói là “đã vượt lên bờ mà còn hỏi bến, đối trước đèn mà tìm lửa” vậy.

Diễn: “Phiên nào vốn vắng lặng”: Trong phần trên có nói “vô não” là ý nghĩa của Hỷ, [tức là] vẫn còn có Hỷ, Hỷ thì chẳng phải là cõi vui sướng! Nay phiên nào vốn vắng lặng, hoan hỷ cũng là không, có cõi khổ nào chẳng phải là cõi lạc? Trong phần trước có nói “vô trụ là Khứ”, [tức là] vẫn có Khứ tồn tại, Khứ thì chẳng phải là vắng sanh. Nay thì thật sự chẳng đến, đi cũng chẳng về đâu, cho nên vắng sanh rốt ráo là vô sanh. Dùng “có sanh” để sanh vào cõi ấy, tức là sanh trong cõi ấy, chẳng sanh trong tự tâm! Dùng vô sanh để sanh vào cõi ấy thì chẳng phải là sanh trong cõi ấy, mà thật sự là sanh trong tự tâm. Sau đấy, chẳng hỏi mà tự nói, đức Thế Tôn chẳng đến nổi gặp cảnh giao phó, bàn luận suông. Đó là trên thì chẳng cô phụ đáng hoằng pháp. Một mình gánh lấy trách nhiệm đương cơ, Thân Tử chẳng cô phụ trọng trách được giao phó. Đây là dưới thì chẳng cô phụ bậc nhận lãnh lời phó chúc.

Tuy nhiên, Lý chẳng ở ngoài Sự, Tánh ở ngay bên Tướng. Nếu ở ngoài cõi Cực Lạc chín phẩm sen mà nói tới một cái duy tâm nào khác, bỏ danh hiệu Di Đà vạn đức để cầu tự tánh khác, chính là “đã vượt sông mà còn hỏi bến đò, đối trước đèn mà đi tìm lửa!” Vì thế nói: “Do chẳng biết cửa ải, bến sông, cho nên đã qua khỏi sông mà vẫn hỏi chuyện lặn lội, đã sớm biết đèn chính là lửa, cơm đã chín mấy dạo!”)

Tam, kết thích chú ý.

(Chú) Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni.

(Sớ) Thích chú ý giả, dĩ chú phụ kinh, kinh đắc chú nhi di hiển, dĩ kinh tiên chú, chú đắc kinh nhi dữ linh. Giao tương vi dụng, ưng kết thích dã. Thử chú tường kiến Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện. Trì thử chú giả, diệt tội vãng sanh, cố dĩ Bạt Nghiệp Chướng Sanh Tịnh Độ vi danh. Đà-la-ni giả, thử vân Tổng Trì dã.

(Sao) Nghiệp chướng giả, phạm chướng hữu tam: Nhất, Phiền Não Chướng. Nhị, Nghiệp Chướng. Tam, Báo Chướng. Kim ngôn Nghiệp Chướng, tắc trung nhiếp tiền hậu. Phiền não giả nghiệp chi nhân, báo giả nghiệp chi quả dã. Nghiệp tất hữu nhân, nghiệp tất chiêu quả, cố nhiếp nhị chướng. Trừ chướng quý trừ kỳ bản, như căn tuyệt bất sanh nha. Nha bất sanh, tắc chi, diệp, hoa, quả tất bất sanh cố. Kim thử chú trì chi, tắc phiền não bất khởi, thị bạt nghiệp chướng căn bản dã. Như truyện ngôn: “Nhật dạ các trì tam thất biến, diệt Ngũ Nghịch báng pháp đẳng tội”, thị dã. Đắc sanh Tịnh Độ giả, luân hồi Sa Bà, giai diêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng ký không, uế độ chủng diệt, tùy nguyện vãng sanh. Cố đắc sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ. Tổng Trì giả, tổng thống nhiếp trì, cánh vô di thất, tức chú chi biệt danh dã. Truyện danh Bất Tư Nghị Thần Lực giả, tức kinh danh Bất Tư Nghị Công Đức dã. Trì chú, trì danh, tức đắc vãng sanh, cố đồng danh Bất Tư Nghị.

三、結釋咒意。

(咒)拔一切業障根本得生淨土陀羅尼。

(疏)釋咒意者，以咒附經，經得咒而彌顯，以經先咒，咒得經而愈靈。交相為用，應結釋也。此咒詳見不思議神力傳。持此咒者，滅罪往生，故以拔業障生淨土為名。陀羅尼者，此云總持也。

(鈔)業障者，凡障有三：一、煩惱障。二、業障。三、報障。今言業障，則中攝前後。煩惱者業之因，報者業之果也。業必有因，業必招果，故攝二障。除障貴除其本，如根絕不生芽。芽不生，則枝葉華果悉不生故。今此咒持之，則煩惱不起，是拔業障根本也。如傳言：日夜各持三七遍，滅五逆謗法等罪，是也。得生淨土者，輪迴娑

婆，皆繇業障。業障既空，穢土種滅，隨願往生。故得生阿彌陀佛極樂國土。總持者，總統攝持，更無遺失，即咒之別名也。傳名不思議神力者，即經名不思議功德也。持咒持名，即得往生，故同名不思議。

(Ba, là kết luận bằng giải thích ý nghĩa của bài chú.

Chú: *Đà La Ni để dẹp trừ căn bản của hết thảy các nghiệp chướng, được sanh về Tịnh Độ.*

Sớ: *“Giải thích ý nghĩa của bài chú”: Dùng chú ghép vào kinh, kinh nhờ chú mà càng thêm rõ rệt. Do đặt kinh trước chú, chú nhờ kinh mà càng linh. Do sử dụng xen lẫn với nhau, cho nên phải giải thích thân chú để kết thúc [bản chú giải này]. Xem chi tiết về chú này trong Bát Tư Nghị Thần Lực Truyện. Người trì chú này sẽ được diệt tội, vãng sanh. Vì thế, lấy Bát Nghiệp Chướng Sanh Tịnh Độ làm tên. Đà La Ni cõi này dịch là Tổng Trì.*

Sao: *“Nghiệp chướng”: Phàm là chướng thì có ba: Một là Phiền Não Chướng, hai là Nghiệp Chướng, ba là Báo Chướng. Nay nói đến Nghiệp Chướng, vì cái chướng chính giữa (tức Nghiệp Chướng) bao gồm chướng trước và sau nó. Phiền não là nhân của nghiệp, báo là quả của nghiệp. Nghiệp ắt có nhân, nghiệp ắt chuốc lấy quả. Vì thế, Nghiệp Chướng bao gồm hai thứ chướng kia. Trừ chướng, quý ở chỗ trừ tận gốc, như rễ đã đứt sẽ chẳng thể nảy mầm. Mầm chẳng nảy thì cành, lá, hoa, quả ắt chẳng sanh nữa. Nay trì chú này, phiền não chẳng khởi, đó chính là dẹp trừ căn bản của nghiệp chướng vậy. Như trong truyện (Bát Tư Nghị Thần Lực Truyện) có nói: “Ngày đêm đều trì hai mươi một lần, diệt các tội như Ngũ Nghịch, báng pháp” v.v... là như vậy đó.*

“Được sanh về Tịnh Độ”: Luân hồi Sa Bà, đều do nghiệp chướng. Nghiệp chướng đã rộng không, hạt giống của uế độ bèn diệt, tùy nguyện vãng sanh. Vì thế, được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật. “Tổng trì”: Bao gồm, duy trì hết thảy, trọn chẳng để sót mất. Đây chính là tên gọi khác của Chú. Truyện có tên là Bát Tư Nghị Thần Lực, tức là nói đến trong danh hiệu của kinh có chữ “công đức chẳng thể nghĩ bàn”. Trì chú hay trì danh bèn được vãng sanh, nên cùng gọi là Bát Tư Nghị).

(Kinh) Tổng Nguyên Gia Thiên Trúc Tam Tạng Cầu Na Bạt Đà La dịch.

(Sớ) Tổng giả, Nam Bắc triều quốc danh. Nguyên Gia giả, niên

hiệu. Thiên Trúc giả, Tây Vực quốc danh. Cầu Na Bạt Đà La, thử vân Công Đức Hiền.

(Sao) Tổng ngôn Nam Bắc giả, thời phương Nam Bắc phân vương, Tổng vương Giang Nam, vị Lưu Tống dã. Nguyên Gia giả, Văn Đế Nguyên Gia mạt niên dã. Thiên Trúc, nhất vân Thân Độc. Hữu Ngũ Thiên Trúc, giai Tây Vực dã. Bạt Đà bác thông Tam Tạng, vu chuyên Đại Thừa, hiệu Ma Ha Diễn. Thần dị phi nhất, bị tải truyện ký, khảng phồn bất tự. Nhất bốn Đà hạ vô La tự, hoặc nghi thị Cầu Na Bạt Ma, dĩ nhị sư đồng thời cố, vị thẩm hà sở dịch dã!

(經)宋元嘉天竺三藏求那跋陀羅譯。

(疏)宋者，南北朝國名。元嘉者，年號。天竺者，西域國名。求那跋陀羅，此云功德賢。

(鈔)宋言南北者，時方南北分王，宋王江南，謂劉宋也。元嘉者，文帝元嘉末年也。天竺，一云身毒。有五天竺，皆西域也。跋陀博通三藏，尤專大乘，號摩訶衍。神異非一，備載傳記，恐繁不敘。一本陀下無羅字，或疑是求那跋摩，以二師同時故，未審何所譯也！

(Kinh: Đòi Tống, trong niên hiệu Nguyên Gia, Tam Tạng Cầu Na Bạt Đà La người xứ Thiên Trúc dịch.

Sớ: Tống là tên nước thời Nam Bắc Triều. Nguyên Gia là niên hiệu. Thiên Trúc (Sindhu) là tên một nước ở Tây Vực. Cầu Na Bạt Đà La (Guṇabhadra) cội này dịch là Công Đức Hiền.

Sao: Đối với nhà Tống mà nói là Nam Bắc, vì thời điểm và nơi chốn khi ấy nhằm đúng thời kỳ đất nước [Trung Hoa] chia thành các vương triều Nam và Bắc khác nhau. Nhà Tống [do Lưu Dụ sáng lập] làm vua ở Giang Nam, gọi là Lưu Tống. Nguyên Gia: Nói tới những năm cuối trong niên hiệu Nguyên Gia thời Tống Văn Đế (Lưu Nghĩa Long). Thiên Trúc còn gọi là Thân Độc. Có năm xứ Thiên Trúc đều thuộc về Tây Vực.

Ngài Cầu Na Bạt Đà La thông hiểu rộng rãi Tam Tạng, nhất là chuyên tinh Đại Thừa, có hiệu là Ma Ha Diễn (Mahāyāna). Sự thần dị của Ngài chẳng phải chỉ có một, có chép đầy đủ trong truyện ký, do sợ rườm rà nên chẳng thuật. Có bản [chép tên người dịch chú Vãng Sanh] sau chữ Đà chẳng có chữ La. Có người nghi là ngài Cầu Na Bạt Ma (Guṇavarman), do hai vị sống đồng thời, chưa thể thẩm định là do vị

nào dịch).

(Kinh) Chú viết: “Nam-mô A di đà bà dạ, đá tha già đa dạ, đá địa dạ tha. A di rị đô bà tỳ. A di rị đá, tất đam bà tỳ. A di rị đá, tỳ ca lan đế. A di rị đá, tỳ ca lan đa. Già di nị. Già già na. Chỉ đa ca lệ. Sa bà ha”. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, năng tụng thử chú giả, A Di Đà Phật thường trụ kỳ danh, nhật dạ ủng hộ, vô linh oán gia nhi đắc kỳ tiện. Hiện thể thường đắc an ổn. Lâm mạng chung thời, nhậm vận vãng sanh.

(Sớ) Chư bốn cú độc sảo dị, kim y cổ bốn, thần chú bất phiên, bất tất cưỡng thích.

(Sao) Chư bốn bất đồng giả, như “Nam-mô a di đà bà dạ”, nhất bốn tác “Nam-mô a di đà bà dạ đa”, dĩ thứ cú Đa tự liên thuộc thượng cú, cố vân “sảo dị”. Kim bất tất khổ cứu thị phi, dân y nhất bốn. Chí tâm tụng trì, tự thành lợi ích. Hựu hữu vị: “Nam-mô a di đà đa bà dạ”, thử vân “quy mạng Vô Lượng Thọ”. Đa tha già đa dạ, tức “đa tha a già độ”, thử vân Như Lai. “Đá địa dạ tha”, tân dịch vân “tha đích dã thát”, cựu vân “đát diệt tha”. Diệt, âm diệt, tức địa dạ nhị hợp dã. Thử vân “tức thuyết chú viết”, tự hậu phương thị mật ngữ. Nhiên thần chú từng cổ bất phiên, lược hữu ngũ ý. Nhất, như vương mật chỉ, vật vọng tuyên truyền, dẫn nghi khâm phụng cố. Nhị, hoặc nhất ngữ quảng hàm đa nghĩa, như Tiên Đà Bà cổ. Tam, hoặc thử phương sở vô, như Diêm Phù Đề cổ. Tứ, hoặc thuận cổ văn, như A Nậu Bồ Đề cổ. Ngũ, hoặc tôn trọng, phi Đường ngôn khả đối, như Bát Nhã cổ. Nhất vân: Diệc khả cưỡng phiên. Ký vị chi cưỡng, hạt nhược dĩ chi.

(Diễn) Tiên Đà Bà giả, thị Phạn ngữ, hữu diêm, thủy, mã, khí, tứ danh. Duy hữu trí thần nãi năng biện thức, như vương thực thời, hô Tiên Đà Bà, tắc tri yếu diêm. Như vương tẩy quán, hô Tiên Đà Bà, tắc tri yếu thủy. Như vương tác chúng vụ thời, hô Tiên Đà Bà, tắc tri yếu khí. Như vương xuất du, sách Tiên Đà Bà, tắc tri yếu mã.

(經) 咒曰：南無阿彌多婆夜，哆他伽多夜，哆地夜他。阿彌唎都婆毗。阿彌唎哆，悉耽婆毗。阿彌唎哆，毗迦蘭帝。阿彌唎哆，毗迦蘭多。迦彌膩。伽伽那。枳多迦隸。娑婆訶。若有善男子，善女人，能誦此咒者，阿彌陀佛常住其頂，日夜擁護，無令怨家而得其便。現世常得安穩。臨命終時，任運往生。

(疏)諸本句讀稍異，今依古本，神咒不翻，不必強釋。

(鈔)諸本不同者，如南無阿彌多婆夜，一本作南無阿彌多婆夜多，以次句多字連屬上句，故云稍異。今不必苦究是非，但依一本。至心誦持，自成利益。又有謂：南無阿彌陀多婆夜，此云皈命無量壽。多他伽多夜，即多他阿伽度，此云如來。哆地夜他，新譯云他的也撻，舊云怛經他。經，音迭，即地夜二合也。此云即說咒曰，自後方是密語。然神咒從古不翻，略有五意。一、如王密旨，勿妄宣傳，但宜欽奉故。二、或一語廣含多義，如僊陀婆故。三、或此方所無，如閻浮提故。四、或順古文，如阿耨菩提故。五、或尊重，非唐言可對，如般若故。一云：亦可強翻。既謂之強，曷若已之。

(演)仙陀婆者，是梵語，有鹽水馬器，四名。惟有智臣乃能辨識，如王食時，呼仙陀婆，則知要鹽。如王洗盥，呼仙陀婆，則知要水。如王作眾務時，呼仙陀婆，則知要器。如王出游，索仙陀婆，則知要馬。

(Kinh: Chú rằng: “Namo. Amitābhāya. Tathāgatāya. Tadyathā. Amṛtod-bhave. Amṛta. Siddhambhave. Amṛta. Vikrānte. Amṛta. Vikrānta. Gāmine. Gagana. Kīrta-kare. Svāhā”. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân có thể tụng chú này, A Di Đà Phật thường ở trên đỉnh đầu người ấy, ngày đêm ủng hộ, chẳng để cho oán gia có dịp quấy nhiễu. Trong đời hiện tại, thường được an ổn. Khi lâm chung, tùy ý vãng sanh.

Sớ: Cách chấm câu trong các phiên bản hơi khác nhau. Nay tôi chiếu theo văn bản cổ [để chấm câu]. Thần chú chẳng phiên dịch, chẳng cần phải gượng ép giải thích.

Sao: “Các bản bất đồng”: Như đối với câu “Nam-mô a di đà bà dạ”, một bản khác ghi là “Nam-mô a di đà bà dạ đa”, tức là đã ghép chữ Đa thuộc câu sau vào câu trước. Vì thế nói là “hơi khác”. Nay chẳng cần vất vả tìm tòi đúng sai, chỉ y theo một bản. Chỉ tâm tụng trì, tự thành tựu lợi ích.

Lại có bản chép là “nam-mô a di đà đa bà dạ”, cội này dịch là “quy mạng Vô Lượng Thọ”. “Đa tha già đa dạ” (Tathāgatāya) tức “đa

tha a già độ”, cội này dịch là Như Lai. “Đá địa dạ tha” (Tadyathā): Phiên âm theo lối tân dịch là “tha đích dã thát”, cựu dịch là “đát diệt tha”. Chữ Diệt (經) đọc là Diệt (迭), tức là Địa và Dạ đọc dính lại, cội này dịch là “liền nói chú rằng”, từ đây trở đi là mật ngữ.

Nhưng thần chú từ xưa chẳng dịch, nói đại lược thì có năm ý. Một là như mật chỉ của vua, chớ tuyên truyền bừa bãi, chỉ nên kính cẩn phụng hành. Hai là một chữ bao hàm rộng rãi nhiều nghĩa, như Tiên Đà Bà (Saindhava). Ba, hoặc là do phương này không có, như Diêm Phù Đề (Jambudvīpa) vậy. Bốn là thuận theo cổ văn như A Nậu Bồ Đề. Năm là hoặc do tôn trọng, chẳng có tiếng Hán tương ứng để diễn tả trọn vẹn ý nghĩa, như chữ Bát Nhã (Prajñā). Có người nói: “Cũng có thể miễn cưỡng phiên dịch”. Đã nói là miễn cưỡng, cần gì phải làm vậy?

Diễn: Tiên Đà Bà là tiếng Phạn, tương ứng với tên gọi của bốn thứ là muối, nước, ngựa và vật dụng, chỉ có kẻ bầy tôi có trí mới có thể phân biệt. Như khi vua ăn, gọi Tiên Đà Bà, biết là cần muối. Như vua tắm gội, kêu Tiên Đà Bà, liền biết là cần nước. Như vua làm các việc, gọi Tiên Đà Bà, liền biết là vua cần vật dụng. Như vua xuất du, đòi Tiên Đà Bà, biết là muốn có ngựa).

(Sớ) Kinh chú tương liên, chánh Hiển Mật viên thông nghĩa.

(Sao) Tường trần bỉ quốc, y chánh trang nghiêm, tín, hạnh, nguyện môn, như kinh sở minh, thị chỉ vị Hiển. Tuân Phật bí sắc, dẫn trì thủ chú, tức đắc vãng sanh, thị chỉ vị Mật. Hiển giả, hiển thủ mật dã. Mật giả, mật thủ hiển dã. Kiêm trì tác song mỹ tất cụ, đơn cử diệt giao nhiếp bất di, cố viết Viên Thông.

(疏)經咒相聯，正顯密圓通義。

(鈔)詳陳彼國，依正莊嚴，信行願門，如經所明，是之謂顯。遵佛祕教，但持此咒，即得往生，是之謂密。顯者，顯此密也。密者，密此顯也。兼持則雙美畢具，單舉亦交攝不遺，故曰圓通。

(Sớ: Kinh và chú liên quan với nhau, chính là ý nghĩa Hiển Mật viên thông.

Sao: Nói căn kẽ y báo và chánh báo trang nghiêm trong ấy, các môn Tín, Hạnh, Nguyện được giảng rõ trong kinh, đó gọi là Hiển. Tuân theo sắc lệnh bí mật của đức Phật, chỉ trì chú này, liền được vãng sanh, đó gọi là Mật.

Hiển là hiển lộ bí mật này, Mật là ẩn mật hiển pháp này. Trì cả hai ắt đẹp đẽ, trọn vẹn cả đôi đường, chỉ nêu riêng một pháp thì pháp này dung nhiếp pháp kia chẳng sót. Vì thế nói là Viên Thông).

(Sớ) Tuy vân giao nhiếp, nhi chuyên trì danh hiệu, do thắng trì chú, diệt thắng dư chú, diệt thắng nhất thiết chư dư công đức.

(Sao) Thiên tán trì danh đã. Nhất, thắng bốn chú giả, dĩ chú vân: “Tụng tam thập vạn biến, tắc kiến A Di Đà Phật”. Nhi trì danh, tắc nhất nhật nhất tâm, tức Phật hiện tiền cổ. Hựu chú vân: “Trú dạ lục thời, các tụng tam thất biến, năng diệt Ngũ Nghịch đẳng tội”. Nhi trì danh, tắc chỉ tâm niệm Phật nhất thanh, tức diệt bát thập ức kiếp sanh tử trọng tội cổ. Nhị, thắng dư chú giả, chuyên trì danh hiệu, tức đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú. Dĩ thập niệm tiện đắc vãng sanh, nhất sanh tiện đắc bất thoái, oai linh bất trắc, tư danh đại thần. Dư khả lệ tri cổ. Vấn: “Chuẩn Đề công đức chí quảng, chí đại, như hà dẫn trì Phật danh nhi năng thắng bỉ?” Đáp: Chuẩn Đề nhân địa Bồ Tát, Di Đà quả vị Như Lai, trì Chuẩn Đề ký hữu thần công, niệm Di Đà ninh vô diệu ứng? Thị cổ kinh vân: “Trì lục thập nhị ức Hằng hà sa Bồ Tát danh hiệu, bất như nhất xưng Quán Thế Âm Bồ Tát, kỳ phước chánh đẳng”. Hựu vân: “Trì vô lượng vô số Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, bất như nhất xưng Địa Tạng Bồ Tát, kỳ phước chánh đẳng”, huống Như Lai hồ?

(Diễn) Dư khả lệ tri giả, nhất tâm bất loạn, đoạn vô minh, kiến tự tánh, đại minh chú đã. Vãng sanh bỉ quốc, cứu cánh thành Phật, vô thượng chú đã. Chứng Vô Sanh Nhân, hồi nhập Sa Bà, phổ độ chúng sanh, vô đẳng đẳng chú đã.

(疏)雖云交攝，而專持名號，猶勝持咒，亦勝餘咒，亦勝一切諸餘功德。

(鈔)偏讚持名也。一、勝本咒者，以咒云：誦三十萬遍，則見阿彌陀佛。而持名，則一日一心，即佛現前故。又咒云：晝夜六時，各誦三七遍，能滅五逆等罪。而持名，則至心念佛一聲，即滅八十億劫生死重罪故。二、勝餘咒者，專持名號，即大神咒，大明咒，無上咒，無等等咒。以十念便得往生，一生便得不退，威靈不測，斯名大神。餘可例知故。問：準提功德至廣至大，如何但持佛名

而能勝彼？答：準提因地菩薩，彌陀果位如來，持準提既有神功，念彌陀寧無妙應？是故經云：持六十二億恆河沙菩薩名號，不如一稱觀世音菩薩，其福正等。又云：持無量無數觀世音菩薩名號，不如一稱地藏菩薩，其福正等，況如來乎？

(演)餘可例知者，一心不亂，斷無明，見自性，大明咒也。往生彼國，究竟成佛，無上咒也。證無生忍，回入娑婆，普度眾生，無等等咒也。

(Sớ: Tuy nói là “nhiếp lẫn nhau”, nhưng chuyên trì danh hiệu vẫn thù thắng hơn trì chú [Vãng Sanh], mà cũng thù thắng hơn các chú khác, cũng thù thắng hơn hết thấy các công đức.

Sao: Đặc biệt ca ngợi trì danh. Một là do trong kinh văn giảng về chú Vãng Sanh đã nói: “Tụng ba mươi vạn lần, sẽ thấy A Di Đà Phật”. Nhưng trì danh thì một ngày nhất tâm, Phật bèn hiện tiền. Chú lại nói: “Ngày đêm sáu thời, mỗi thời tụng hai mươi một lần, có thể diệt các tội như Ngũ Nghịch” v.v... Nhưng trì danh thì chỉ tâm niệm Phật một tiếng liền diệt trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử.

Hai là thù thắng hơn các chú khác: Chuyên trì danh hiệu, chính là đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, chú không có gì sánh bằng. Do mười niệm bèn được vãng sanh, trong một đời bèn đắc Bất Thoái, oai linh chẳng lường được, nên gọi là “đại thần”. Đối với những điều khác, cứ phỏng theo đó suy ra sẽ biết.

Hỏi: “Chú Chuẩn Đề có công đức tốt bậc rộng lớn, có sao chỉ trì danh hiệu Phật mà có thể hơn hẳn chú ấy?” Đáp: Chuẩn Đề là Bồ Tát còn đang tu nhân, Di Đà là quả vị Như Lai. Trì chú Chuẩn Đề đã có công đức thần diệu, há lẽ nào Di Đà chẳng có cảm ứng màu nhiệm? Vì thế, kinh nói: “Trì danh hiệu của sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ Tát, chẳng bằng xưng danh hiệu Quán Thế Âm một tiếng, hai phước ấy như nhau”. Lại nói: “Trì vô lượng vô số danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, chẳng bằng niệm một tiếng Địa Tạng Bồ Tát, hai phước ấy bằng nhau”, huống hồ [xưng danh] Như Lai ư?

Diễn: “Những điều khác cứ phỏng theo đó, suy ra mà biết”: Nhất tâm bất loạn, đoạn vô minh, thấy tự tánh, tức là đại minh chú. Vãng sanh cõi ấy, rốt ráo thành Phật là vô thượng chú. Chứng Vô Sanh Nhân, quay trở lại Sa Bà, phổ độ chúng sanh, chính là chú không có gì sánh

bằng).

(Sao) Tam, diệc thắng chư dư công đức giả, lục độ, vạn hạnh, pháp môn vô lượng, nhi chuyên trì danh hiệu, tắc chủng chủng công đức, nhiếp vô bất tận, dĩ bất xuất nhất tâm cố, như tiền văn trung quảng thuyết. Nguyên tịnh nghiệp đệ tử, chuyên kỳ tín, bất nhị kỳ tâm. Như kinh vân: “Thiết hữu nhất pháp, quá ư Niết Bàn, diệc sở bất cố”. Thiền Tông tri thức, hữu giáo nhân dẫn trì thoại đầu, nhất thiết bất tác. Cố tri nguyên nghiệp dư môn giả, thượng đương cải tu Niệm Phật, hà huống nguyên niệm Phật nhân, nãi biến kỳ sở thủ, nhi phục tha thượng, tâm hoài nhị lộ, chí bất quy nhất, vân hà tam-muội, nhi đắc thành tựu? Trục chí vô thường, không vô sở hoạch. Vãng tư kỷ quá, phản khởi báng ngôn. Ô hô mậu tai!

(鈔)三、亦勝諸餘功德者，六度萬行，法門無量，而專持名號，則種種功德，攝無不盡，以不出一心故，如前文中廣說。願淨業弟子，專其信，不二其心。如經云：設有一法，過於涅槃，亦所不顧。禪宗知識，有教人但持話頭，一切不作。故知原業餘門者，尚當改修念佛，何況原念佛人，乃變其所守，而復他尚，心懷二路，志不歸一，云何三昧，而得成就？直至無常，空無所獲。罔思已過，反起謗言。嗚呼謬哉！

(Sao: Ba, cũng thù thắng hơn các công đức khác. Lục Độ, vạn hạnh, pháp môn vô lượng, nhưng chuyên trì danh hiệu thì các thứ công đức đều được nhiếp trọn chẳng hết, do chẳng ra ngoài nhất tâm, như trong phần kinh văn trước đã nói rộng rãi. Nguyên hàng đệ tử tu tập Tịnh Nghiệp, hãy chuyên nhất tín tâm, chớ có hai lòng. Như kinh nói: “Giả sử có một pháp, vượt xa Niết Bàn, cũng chẳng đoái hoài”.

Bậc tri thức trong Thiền Tông có vị dạy người khác chỉ giữ câu thoại đầu, chẳng làm hết thấy những chuyện khác. Vì thế biết kẻ vốn chuyên tu tập các môn khác, hãy còn nên đổi sang tu Niệm Phật; huống hồ kẻ vốn niệm Phật lại thay đổi điều vâng giữ, lại noi theo pháp khác, lòng ôm ấp hai nẻo, chí chẳng quy nhất, làm sao thành tựu tam-muội cho nổi? Thắng cho đến khi vô thường, trắng tay, chẳng đạt được gì. Chẳng nghĩ đến lỗi mình, ngược ngạo thốt lời phỉ báng. Ôi chao, lầm lạc thay!)

(Sớ) Xưng Lý, tức tự tánh không, thị bát nghiệp chướng nghĩa. Tự tánh hữu, thị đà-la-ni nghĩa. Tự tánh bất hữu bất không, thị sanh Tịnh Độ nghĩa.

(Diễn) Tự tánh Không, tức Không Như Lai Tạng. Sở vị: “nhất không, nhất thiết không”. Vô Giả, vô Trung, vô bất không dã. Tự tánh Hữu, tức bất không Như Lai Tạng. Sở vị “nhất giả, nhất thiết giả”. Vô Không, vô Trung, vô bất Giả dã. Tự tánh bất hữu, bất không, tức không bất không Như Lai Tạng. Sở vị: “nhất trung, nhất thiết trung”. Vô Không, vô Giả, vô bất Trung dã.

(疏)稱理，則自性空，是拔業障義。自性有，是陀羅尼義。自性不有不空，是生淨土義。

(演)自性空，即空如來藏。所謂：一空一切空。無假，無中，無不空也。自性有，即不空如來藏。所謂：一假一切假。無空，無中，無不假也。自性不有不空，即空不空如來藏。所謂一中一切中。無空，無假，無不中也。

(Sớ) Xưng Lý, tự tánh Không là ý nghĩa dẹp trừ nghiệp chướng, tự tánh Hữu là ý nghĩa đà-la-ni. Tự tánh chẳng Có, chẳng Không là ý nghĩa sanh Tịnh Độ.

Diễn: Tự Tánh Không, tức Như Lai Tạng cũng là Không. Đó gọi là “một thứ là Không, hết thấy đều là Không”. Chẳng có Giả và chẳng có Trung, thì cũng chẳng có cái “chẳng phải là Không”. Tự Tánh Hữu tức là Như Lai Tạng chẳng phải là Không. Đó gọi là “một thứ là Giả, hết thấy đều là Giả”. Chẳng có Không và chẳng có Trung thì cũng chẳng có “chẳng phải là Giả”. Tự Tánh chẳng Có, chẳng Không, chính là Như Lai Tạng không mà chẳng không, đó gọi là “một thứ là Trung, hết thấy đều là Trung”. Chẳng có Không, chẳng có Giả, thì chẳng có “không phải là Trung”).

(Sao) Mịch tâm liễu bất khả đắc, nhất thiết nghiệp chướng, thù vi căn bản? Tức tâm vô sở bất cụ, nhất thiết công đức, hà phát tổng trì? Đương tổng trì nhi bất lập tiêm trần. Hữu thị tức Không chi Hữu. Vô căn bản nhi xuất sanh vạn pháp. Không thị tức Hữu chi Không. Tức Hữu tức Bất Không, tức Không tức Bất Hữu, Bất Không Bất Hữu, duy thị nhất tâm. Bất việt nhất tâm, thị danh Tịnh Độ.

(Diễn) Mịch tâm liễu bất khả đắc giả, Nhị Tổ tham Sơ Tổ, thời đương long Đông, tích tuyết chí tất, kiên lập bất động. Sơ Tổ vấn:

“Dục cầu hà sự?” Nhị Tổ viết: “Khất sư vị ngã an tâm”. Sơ Tổ viết: “Tương tâm lai, vị nhữ an”. Nhị Tổ vân: “Mịch tâm liễu bất khả đắc”. Cái dĩ đắc tâm không, dĩ đáo giác tâm sơ khởi, tâm vô sơ tướng địa vị dã. Tức tâm vô sở bất cụ giả, sở vị tự thể hữu đại trí huệ quang minh nghĩa cố, biến chiếu pháp giới nghĩa cố, chân thật thức tri nghĩa cố. Tự tánh thanh tịnh nghĩa cố, thường lạc ngã tịnh nghĩa cố, thanh lương bất biến tự tại nghĩa cố, cụ túc như thị quá u Hằng sa bất tư nghị Phật pháp, nãi chí mãn túc vô hữu sở thiếu nghĩa cố, danh vi Pháp Thân Như Lai chi Tạng dã. Đương tổng trì nhi bất lập tiêm trần giả, Diệu Hữu tức thị Chân Không dã. Cố Hữu thị tức Không chi hữu. Vô căn bản nhi xuất sanh vạn pháp giả, Chân Không tức thị Diệu Hữu dã. Cố Không thị tức Hữu chi không. Tức Hữu tắc Bất Không, thị như thật Bất Không dã. Tức Không tắc Bất Hữu, thị như thật Không dã. Nhi như thật Bất Không, dữ như thật Không, bất ly nhất Chân Như tâm, nhi nhất Chân Như tâm, chánh thị Tịch Quang Tịnh Độ. Cố viết: “Duy thị nhất tâm, thị danh Tịnh Độ”.

(鈔)覓心了不可得，一切業障，誰為根本？即心無所不具，一切功德，何弗總持？當總持而不立纖塵。有是即空之有。無根本而出生萬法。空是即有之空。即有則不空，即空則不有，不空不有，惟是一心。不越一心，是名淨土。

(演)覓心了不可得者，二祖參初祖，時當隆冬，積雪至膝，堅立不動。初祖問：欲求何事？二祖曰：乞師為我安心。初祖曰：將心來，為汝安。二祖云：覓心了不可得。蓋已得心空，已到覺心初起，心無初相地位也。即心無所不具者，所謂自體有大智慧光明義故，遍照法界義故，真實識知義故。自性清淨義故，常樂我淨義故，清涼不變自在義故，具足如是過於恒沙不思議佛法，乃至滿足無有所少義故，名為法身如來之藏也。當總持而不立纖塵者，妙有即是真空也。故有是即空之有。無根本而出生萬法者，真空即是妙有也。故空是即有之空。即有則不空，是如實不空也。即空則不有，是如實空也。而如實不空，與如實空，不離一真如心，而一真如心，正是寂光淨土。

故曰：唯是一心，是名淨土。

(Sao: Tìm tâm trọn chẳng thể được, căn bản của hết thấy nghiệp chướng là gì? Tức là tâm không gì chẳng trọn đủ, hết thấy công đức có gì chẳng được tổng trì? Trong tổng trì chẳng lập một mảy trần. Hữu là cái Có mà chính là Không, chẳng có căn bản mà sanh ra vạn pháp. Không là cái Không mà chính là Có, tức là Có thì chẳng phải là Không, chính là Không thì chẳng phải Có. Chẳng phải Có, chẳng phải Không, chỉ là nhất tâm, chẳng ra ngoài nhất tâm, bèn gọi là Tịnh Độ.

***Diễn:** “Tìm tâm trọn chẳng thể được”: Nhị Tổ tham yết Sơ Tổ, nhằm lúc trời đang giữa Đông, tuyết ngập đến gối, [Nhị Tổ] đứng thẳng, bất động. Sơ Tổ hỏi: “Muốn cầu chuyện gì?” Nhị Tổ thưa: “Xin thầy an cái tâm cho con”. Sơ Tổ bảo: “Ông lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an cho ông”. Nhị Tổ thưa: “Tìm tâm trọn chẳng thể được”. Do vậy đã được tâm không, đã đạt đến địa vị giác tâm vừa mới dấy lên, tâm chẳng có tướng ban đầu.*

“Tức là tâm không gì chẳng trọn đủ” nghĩa là nói tới ý nghĩa “tự thể có quang minh đại trí huệ”, ý nghĩa “chiếu khắp pháp giới”, ý nghĩa “chân thật hay biết”, ý nghĩa “tự tánh thanh tịnh”, ý nghĩa “thường, lạc, ngã, tịnh”, ý nghĩa “trong mát, chẳng biến đổi, tự tại”, trọn đủ chẳng thể nghĩ bàn Phật pháp vượt xa số cát trong sông Hằng như thế, cho đến “trọn đủ, chẳng có nghĩa nào thiếu sót”. Đó gọi là Pháp Thân Như Lai Tạng.

“Trong tổng trì, chẳng lập mảy trần”: Diệu Hữu chính là Chân Không. Vì thế, Hữu chính là “cái Hữu tức là Không”. “Vô căn bản mà xuất sanh vạn pháp”: Chân Không chính là Diệu Hữu. Vì thế, Không chính là “cái Không tức là Có”. “Hữu chính là chẳng Không” là như thật Bất Không. “Không chính là chẳng Có” là như thật Không. Nhưng Như Thật Bất Không và Như Thật Không đều chẳng lìa khỏi một tâm Chân Như, cái tâm Chân Như chính là Tịch Quang Tịnh Độ. Vì thế nói “chỉ là nhất tâm, gọi là Tịnh Độ”).

**A Di Đà Kinh
Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản
阿彌陀經疏鈔演義會本終
Trọn Bộ**

**Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm
Tận thử nhất báo thân
Đồng sanh Cực Lạc quốc**

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng